

# LỜI XUẤT HIỆN TRONG XÁC THỊT

QUYỂN 2

---

VỀ VIỆC BIẾT ĐỨC CHÚA TRỜI

HỘI THÁNH  
ĐỨC CHÚA TRỜI TOÀN NĂNG

Bản quyền © 2024 The Church of Almighty God

# LỜI XUẤT HIỆN TRONG XÁC THỊT

QUYỂN 2

## VỀ VIỆC BIẾT ĐỨC CHÚA TRỜI

Lời xuất hiện trong xác thịt (được viết tắt là Lời), được bày tỏ bởi Đấng Christ của thời kỳ sau rốt, Đức Chúa Trời Toàn Năng, hiện bao gồm sáu quyển: Quyển một: Sự xuất hiện và công tác của Đức Chúa Trời; Quyển hai: Về việc biết Đức Chúa Trời; Quyển ba: Những cuộc trò chuyện bởi Đấng Christ của thời kỳ sau rốt; Quyển bốn: Vạch trần kẻ địch lại Đấng Christ; Quyển năm: Trách nhiệm của lãnh đạo và người làm công; Quyển sáu: Về việc theo đuổi lẽ thật.

Bảo lưu mọi quyền. Không một phần nào của ấn phẩm này được phép sao chép hoặc truyền tải dưới bất kỳ hình thức nào, bằng bất kỳ phương tiện nào, dù là điện tử hay cơ học, bao gồm sao chụp, ghi chép, hoặc sử dụng bất kỳ hệ thống lưu trữ hay truy xuất thông tin nào mà không có sự cho phép rõ ràng bằng văn bản của chủ sở hữu bản quyền.

Các yêu cầu về thông tin, xin gửi đến:  
[contact.vi@kingdomsalvation.org](mailto:contact.vi@kingdomsalvation.org)

Nội dung của sách này được dịch và hiệu đính hoàn toàn bởi những nhà ngôn ngữ học chuyên nghiệp. Tuy nhiên có thể vẫn còn một số điểm chưa chính xác. Nếu quý vị thấy có điểm nào như vậy, vui lòng tham khảo bản gốc Tiếng Trung. Đừng ngại liên hệ với chúng tôi để giúp quyển sách này được cập nhật khi tái bản.

Hội Thánh Đức Chúa Trời Toàn Năng xuất bản  
<https://vi.godfootsteps.org>

## LỜI TỰA

Mỗi người các người nên xem xét lại cuộc đời tin vào Đức Chúa Trời của mình để xem khi theo Đức Chúa Trời, liệu người có thật sự hiểu, thật sự hiểu thấu, và thật sự biết được Đức Chúa Trời hay không, liệu người có thật sự biết Đức Chúa Trời có thái độ gì với những dạng người khác nhau, và liệu người có thật sự hiểu công tác mà Đức Chúa Trời đang làm trên người và Đức Chúa Trời định nghĩa từng hành động của người như thế nào. Đức Chúa Trời này, Đấng bên cạnh người, chỉ lối cho sự tiến triển của người, định đoạt số mệnh của người, và cung cấp cho những nhu cầu của người – xét cho cùng, người hiểu được bao nhiêu về Đức Chúa Trời này? Người thật sự biết được bao nhiêu về Đức Chúa Trời này? Người có biết Ngài làm gì trên người mỗi một ngày không? Người có biết những nguyên tắc và mục đích mà Ngài làm căn cứ cho mọi hành động của Ngài không? Người có biết Ngài hướng dẫn người thế nào không? Người có biết những phương tiện mà Ngài dùng để cung cấp cho người không? Người có biết những phương pháp mà Ngài dùng để dẫn dắt người không? Người có biết Ngài mong muốn đạt được gì từ người và mong muốn đạt được gì ở người không? Người có biết thái độ của Ngài đối với những cách hành xử khác nhau của người không? Người có biết liệu mình có phải là một người được Ngài yêu mến không? Người có biết nguồn gốc của sự hoan hỉ, giận dữ, đau buồn, và vui mừng của Ngài, những suy nghĩ và ý tưởng đằng sau đó, và bản tính của Ngài không? Người có biết cuối cùng thì Đức Chúa Trời mà người tin này là dạng Đức Chúa Trời nào không? Có phải những câu hỏi này và những câu hỏi khác tương tự là điều người chưa bao giờ hiểu hay nghĩ về không? Khi theo đuổi niềm tin của mình vào Đức Chúa Trời, người đã loại bỏ được những hiểu lầm của mình về Ngài bằng sự cảm kích và trải nghiệm thật sự lời Đức Chúa Trời chưa? Sau khi nhận lãnh sự sửa dạy và sửa phạt của Đức Chúa Trời, người đã có được sự vâng lời và quan tâm thật sự chưa? Giữa hình phạt và phán xét của Đức Chúa Trời, người đã nhận biết được sự phản nghịch và bản tính Sa-tan của con người và có được chút hiểu biết về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời chưa? Dưới sự hướng dẫn và khai sáng của lời Đức Chúa Trời, người đã bắt đầu có cách nhìn mới về sự sống chưa? Giữa những thử luyện mà Đức Chúa Trời gửi tới, người đã cảm nhận được sự không dung thứ của Ngài đối với những xúc phạm của con người cũng như những gì Ngài yêu cầu ở người và cách Ngài đang cứu rỗi người chưa? Nếu người không biết hiểu lầm Đức Chúa Trời là gì, hay cách loại bỏ sự hiểu lầm này, khi ấy có thể nói rằng người chưa bao giờ bước vào sự tương giao thật sự với Đức Chúa Trời và chưa bao giờ hiểu Đức Chúa Trời, hoặc ít nhất có thể nói người chưa bao giờ mong muốn được hiểu Ngài. Nếu người không biết sự sửa dạy và sửa phạt của Đức Chúa Trời là gì, vậy thì người chắc chắn không biết sự vâng lời và quan tâm là gì, hay chí ít người chưa bao giờ vâng lời hay quan tâm Đức Chúa Trời thật sự. Nếu người chưa bao giờ trải nghiệm hình phạt và phán xét của Đức Chúa Trời, vậy thì người chắc chắn không biết sự thánh khiết của Ngài là gì, và người thậm chí sẽ càng không rõ sự phản nghịch của con người là gì.

Nếu người chưa bao giờ thật sự có cái nhìn đúng về sự sống, hay một mục đích đúng trong cuộc sống, mà vẫn trong trạng thái bối rối và do dự về con đường tương lai của mình trong cuộc sống, thậm chí tới mức lưỡng lự tiến tới, vậy thì chắc chắn người chưa bao giờ nhận lãnh sự khai sáng và hướng dẫn của Đức Chúa Trời; cũng có thể nói rằng người chưa bao giờ thật sự được cung cấp hay bổ sung bởi lời Đức Chúa Trời. Nếu người chưa trải qua những thử luyện của Đức Chúa Trời, vậy thì hiển nhiên người chắc hẳn không biết sự không dung thứ của Đức Chúa Trời đối với những xúc phạm của con người là gì, người cũng sẽ không hiểu cuối cùng Đức Chúa Trời yêu cầu điều gì ở người, và càng không hiểu cuối cùng công tác quản lý và cứu rỗi con người của Ngài là gì. Bất kể con người đã tin Đức Chúa Trời bao nhiêu năm, nếu họ chưa bao giờ trải nghiệm hay nhận thức bất cứ điều gì trong lời Đức Chúa Trời, vậy thì chắc chắn họ không đang đi trên con đường hướng tới sự cứu rỗi, đức tin của họ vào Đức Chúa Trời chắc chắn không có nội dung thật, kiến thức của họ về Đức Chúa Trời chắc chắn cũng là con số không, và hiển nhiên họ hoàn toàn không biết tôn kính Đức Chúa Trời là gì.

Những vật sở hữu và hữu thể của Đức Chúa Trời, thực chất của Đức Chúa Trời, tâm tính Đức Chúa Trời – hết thảy đều được cho biết trong những lời của Ngài với nhân loại. Khi con người trải nghiệm lời Đức Chúa Trời thì trong quá trình đưa chúng vào thực hành, họ sẽ bắt đầu hiểu mục đích đằng sau những lời Đức Chúa Trời phán, hiểu nguồn gốc và bối cảnh của lời Đức Chúa Trời, hiểu và cảm kích tác dụng đã định của lời Đức Chúa Trời. Đối với nhân loại, đây là tất cả những điều mà con người phải trải nghiệm, nắm bắt, và đạt được để có được lẽ thật và sự sống, nắm bắt những ý định của Đức Chúa Trời, trở nên được chuyển hóa trong tâm tính của mình, và trở nên có thể vâng theo quyền tối thượng và những sự sắp đặt của Đức Chúa Trời. Đồng thời với việc trải nghiệm, nắm bắt và đạt được những điều này, con người sẽ dần có được một sự hiểu biết về Đức Chúa Trời, và vào lúc này họ cũng sẽ có được những mức độ kiến thức khác nhau về Ngài. Sự hiểu biết và kiến thức này không đến từ điều gì đó mà con người đã tưởng tượng hay sáng tác ra, mà thay vào đó là từ những gì họ cảm kích, trải nghiệm, cảm nhận, và chứng thực bên trong mình. Chỉ sau khi cảm kích, trải nghiệm, cảm nhận và chứng thực những điều này, kiến thức của con người về Đức Chúa Trời mới có được nội dung, chỉ kiến thức mà họ có được lúc này mới là có thật, đích thực, chính xác, và quá trình này – quá trình có được sự hiểu biết và kiến thức đích thực về Đức Chúa Trời thông qua sự cảm kích, trải nghiệm, cảm nhận, và chứng thực lời Ngài – không gì khác chính là sự tương giao thật sự giữa con người và Đức Chúa Trời. Trong dạng tương giao này, con người trở nên thật sự hiểu và lĩnh hội những ý định của Đức Chúa Trời, bắt đầu thật sự hiểu và biết những vật sở hữu và hữu thể của Đức Chúa Trời, bắt đầu thật sự hiểu và biết thực chất của Đức Chúa Trời, bắt đầu dần hiểu và biết tâm tính Đức Chúa Trời, đạt đến sự chắc chắn thật sự, và định nghĩa đúng về thực tế của việc Đức Chúa Trời thống trị mọi sự tạo dựng, và có được sự thấu hiểu và kiến thức thực chất về thân phận và vị trí của Đức Chúa Trời. Trong dạng tương giao này, con người từng bước một thay đổi những ý tưởng của mình về Đức Chúa Trời, không còn tưởng tượng



Ngài từ hư không, hay bị những hoài nghi của chính mình về Ngài chế ngự, hay hiểu lầm Ngài, hay lên án Ngài, hay phán xét Ngài, hay ngờ vực Ngài. Do đó, con người sẽ có ít cuộc tranh luận với Đức Chúa Trời hơn, họ sẽ có ít mâu thuẫn với Đức Chúa Trời hơn, và họ sẽ có ít lần phản nghịch Đức Chúa Trời hơn. Ngược lại, sự quan tâm và vâng lời của con người với Đức Chúa Trời sẽ ngày càng nhiều hơn, và sự tôn kính Đức Chúa Trời của họ sẽ trở nên thật hơn, cũng như sâu sắc hơn. Trong khi tương giao như thế này, con người sẽ không chỉ có được sự cung cấp lễ thật và phép báp-tem cho sự sống, mà đồng thời họ cũng sẽ có được kiến thức thật về Đức Chúa Trời. Trong khi tương giao như thế này, con người sẽ không chỉ được chuyển hóa về tâm tính của mình và lãnh nhận sự cứu rỗi, mà đồng thời họ cũng sẽ có được sự tôn kính và thờ phượng thật sự của một hữu thể thọ tạo đối với Đức Chúa Trời. Có được dạng tương giao này, đức tin của con người vào Đức Chúa Trời sẽ không còn là tờ giấy trắng, hay một lời hứa đầu môi chót lưỡi, hay một dạng theo đuổi và sùng bái mù quáng; chỉ với dạng tương giao này, sự sống của con người mới phát triển hướng đến sự chín chắn từng ngày, và chỉ lúc này tâm tính của họ mới dần trở nên được chuyển hóa, và đức tin của họ vào Đức Chúa Trời sẽ từng bước đi từ niềm tin mơ hồ và bất định sang sự vâng lời và quan tâm đích thực, sang sự tôn kính thật sự, và khi theo Đức Chúa Trời, con người cũng sẽ dần tiến triển từ thể thụ động sang chủ động, từ tiêu cực sang tích cực; chỉ với dạng tương giao này, con người mới đạt đến sự hiểu biết và hiểu thấu thật sự về Đức Chúa Trời, kiến thức thật về Đức Chúa Trời. Bởi phần lớn mọi người chưa bao giờ bước vào sự tương giao thật với Đức Chúa Trời, kiến thức của họ về Đức Chúa Trời dừng lại ở mức độ lý thuyết, ở mức độ câu chữ và học thuyết. Điều đó có nghĩa là, phần lớn mọi người, dù đã tin Đức Chúa Trời bao nhiêu năm, thì trong việc biết Đức Chúa Trời, họ vẫn ở vị trí cũ giống như khi bắt đầu, mắc kẹt ở nền tảng của những hình thức thần phục truyền thống, với những mê tín phong kiến và màu sắc huyền thoại đặc thù. Kiến thức của con người về Đức Chúa Trời có thể bị sa lầy ở điểm khởi đầu có nghĩa là nó hầu như không tồn tại. Ngoài sự quả quyết của con người về vị trí và thân phận của Đức Chúa Trời, đức tin của con người vào Đức Chúa Trời vẫn ở trạng thái bất định mơ hồ. Như vậy, con người có thể có được bao nhiêu sự tôn kính thật đối với Đức Chúa Trời?

Dù người tin vào sự tồn tại của Đức Chúa Trời vững vàng như thế nào, điều này cũng không thể thay cho kiến thức của người về Đức Chúa Trời, cũng không thể thay cho sự tôn kính của người đối với Đức Chúa Trời. Dù người đã hưởng những phúc lành và ân điển của Ngài nhiều như thế nào, điều này cũng không thể thay cho kiến thức của người về Đức Chúa Trời. Dù người sẵn lòng tận hiến và dâng trọn bản thân vì Ngài, điều này cũng không thể thay cho kiến thức của người về Đức Chúa Trời. Có lẽ người đã trở nên quá quen với những lời Ngài phán, hay thậm chí thuộc lòng chúng và có thể đọc một mạch, nhưng điều này không thể thay cho kiến thức của người về Đức Chúa Trời. Dù con người có dốc lòng theo Đức Chúa Trời như thế nào, nếu họ chưa bao giờ có sự tương giao đích thực với Đức Chúa Trời, hay có trải nghiệm đích thực về lời Đức Chúa Trời, vậy thì kiến thức của họ về Đức Chúa Trời sẽ chỉ là một mảng trắng hay một

ảo tưởng bất tận; với tất cả những gì mà người có thể đã chạm vai với Đức Chúa Trời khi lướt qua, hoặc gặp Ngài mặt đối mặt, kiến thức của người về Đức Chúa Trời vẫn là con số không, và sự tôn kính của người dành cho Đức Chúa Trời không khá hơn một khẩu hiệu rỗng tuếch hay một khái niệm được lý tưởng hóa.

Nhiều người giữ lời Đức Chúa Trời để đọc ngày qua ngày, thậm chí tới mức cẩn thận ghi nhớ tất cả các đoạn kinh điển trong đó như thể đó là tài sản quý giá nhất của họ, và ngoài ra còn rao giảng lời Đức Chúa Trời khắp nơi, cung cấp và trợ giúp những người khác bằng phương tiện là lời Ngài. Họ nghĩ rằng làm như vậy là làm chứng cho Đức Chúa Trời, làm chứng cho lời Ngài, rằng làm như vậy là theo đường lối của Đức Chúa Trời; họ nghĩ rằng làm như vậy là sống theo lời Đức Chúa Trời, rằng làm như vậy là đưa lời Ngài vào đời sống thực tế của họ, rằng làm như vậy sẽ cho phép họ nhận được sự khen ngợi của Đức Chúa Trời, được cứu rỗi và hoàn thiện. Nhưng, ngay cả khi họ rao giảng lời Đức Chúa Trời, họ không bao giờ tuân theo lời Đức Chúa Trời trong thực hành, hay cố gắng so bản thân với những gì được mặc khải trong lời Đức Chúa Trời. Thay vào đó, họ dùng lời Đức Chúa Trời để có được sự mến mộ và tin tưởng của những người khác bằng thủ đoạn gian trá, để tự mình bước vào sự quản lý, để biến thủ và cướp đi vinh quang của Đức Chúa Trời. Một cách hão huyền, họ hy vọng sử dụng cơ hội có được bằng cách loan truyền lời Đức Chúa Trời để được thưởng công tác của Đức Chúa Trời và sự khen ngợi của Ngài. Bao nhiêu năm đã trôi qua, nhưng những người này không chỉ không thể nhận được sự khen ngợi của Đức Chúa Trời trong quá trình rao giảng lời Đức Chúa Trời, và họ không chỉ không thể khám phá con đường mà họ nên theo trong quá trình làm chứng cho lời Đức Chúa Trời, và họ không chỉ không trợ giúp hay cung cấp cho bản thân trong quá trình trợ giúp và cung cấp cho những người khác bằng phương tiện là lời Đức Chúa Trời, và họ không chỉ không thể biết Đức Chúa Trời, hay đánh thức sự tôn kính đích thực trong bản thân họ đối với Đức Chúa Trời, trong quá trình thực hiện hết thảy những điều này; mà trái lại, những sự hiểu lầm của họ về Đức Chúa Trời ngày càng sâu hơn bao giờ hết, sự ngờ vực của họ với Ngài càng trầm trọng hơn bao giờ hết, và những sự tưởng tượng của họ về Ngài càng cường điệu hơn bao giờ hết. Được cung cấp và hướng dẫn bởi những lý thuyết của họ về lời Đức Chúa Trời, họ trông như thể hoàn toàn làm chủ tình hình, như thể ra sức vận dụng các kỹ năng của họ một cách dễ dàng, như thể họ đã tìm thấy mục đích trong cuộc sống, sứ mệnh của họ, và như thể họ đã giành được sự sống mới và được cứu rỗi, như thể, với những lời của Đức Chúa Trời vanh vách tuôn ra từ miệng lưỡi khi trích giảng, họ đã có được lẽ thật, nắm bắt được những ý định của Đức Chúa Trời, và khám phá ra con đường biết Đức Chúa Trời, như thể, trong quá trình rao giảng lời Đức Chúa Trời, họ thường đối diện với Đức Chúa Trời. Ngoài ra, họ cũng thường “xúc động” đến phát khóc, và thường được dẫn dắt bởi “Đức Chúa Trời” trong lời Đức Chúa Trời, họ trông như liên tục nắm bắt được sự quan tâm ân cần và ý tốt của Ngài, và đồng thời nắm bắt được sự cứu rỗi con người của Đức Chúa Trời và việc quản lý của Ngài, biết được thực chất của Ngài, và hiểu tâm tính công chính của Ngài. Trên cơ sở này, họ dường như

càng vững tin hơn vào sự tồn tại của Đức Chúa Trời, biết rõ hơn về trạng thái cao quý của Ngài, và cảm nhận sâu hơn sự quyền uy và siêu nghiệm của Ngài. Chìm trong kiến thức hời hợt về lời Đức Chúa Trời, trông có vẻ như đức tin của họ đã phát triển, quyết tâm chịu khổ của họ đã được củng cố, và kiến thức của họ về Đức Chúa Trời đã sâu xa hơn. Họ ít nhận biết rằng, cho đến khi họ thật sự trải nghiệm lời Đức Chúa Trời, toàn bộ kiến thức của họ về Đức Chúa Trời và những ý tưởng của họ về Ngài đều phát xuất từ trí tưởng tượng và sự phỏng đoán theo mong muốn của họ. Đức tin của họ sẽ không qua được bất kỳ dạng thử thách nào từ Đức Chúa Trời, cái gọi là tinh thần và vóc giặc của họ sẽ đơn giản là không qua được sự thử luyện hoặc kiểm nghiệm của Đức Chúa Trời, quyết tâm của họ chỉ như một lâu đài xây trên cát, và cái gọi là kiến thức của họ về Đức Chúa Trời thì không hơn một sự tưởng tượng. Trên thực tế, những người này, những người đã bỏ rất nhiều nỗ lực vào lời Đức Chúa Trời, chưa từng nhận ra đức tin thật sự là gì, sự vâng lời thật sự là gì, sự quan tâm thật sự là gì, hay kiến thức thật sự về Đức Chúa Trời là gì. Họ lấy lý thuyết, trí tưởng tượng, kiến thức, năng khiếu, truyền thống, sự mê tín, và thậm chí cả những giá trị đạo đức của loài người, biến chúng thành “vốn” và “vũ khí” cho việc tin vào Đức Chúa Trời và đi theo Ngài, thậm chí biến chúng thành những nền tảng cho niềm tin vào Đức Chúa Trời và việc đi theo Ngài của họ. Đồng thời, họ cũng lấy vốn và vũ khí này và biến chúng thành bùa phép để biết Đức Chúa Trời, để đối mặt và đối phó với những sự kiểm nghiệm, thử luyện, hình phạt, và phán xét của Đức Chúa Trời. Cuối cùng, điều họ thu được vẫn không gì khác hơn là những kết luận về Đức Chúa Trời nhuộm màu ý nghĩa tôn giáo, sự mê tín phong kiến, và tất cả những gì lằng mạn, lổ bịch, và khó hiểu. Cách nhận biết và định nghĩa Đức Chúa Trời của họ được đóng trong cùng một khuôn mẫu như của những người chỉ tin vào Trời Cao, hay Ông Trời, trong khi tính thực tế của Đức Chúa Trời, thực chất của Ngài, tâm tính của Ngài, những vật sở hữu và hữu thể của Ngài, v.v. – hết thảy những gì liên quan tới chính Đức Chúa Trời thật – là những điều mà kiến thức của họ đã không nắm bắt được, hoàn toàn không liên quan và thậm chí đối lập. Theo cách này, mặc dù họ sống dưới sự cung cấp và nuôi dưỡng của lời Đức Chúa Trời, thế nhưng họ vẫn không thể thật sự bước trên con đường kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Nguyên nhân thật sự cho điều này là họ chưa bao giờ trở nên quen với Đức Chúa Trời, họ cũng chưa bao giờ có sự liên hệ hay tương giao đích thực với Ngài, và do đó họ không thể đạt được sự hiểu biết qua lại với Đức Chúa Trời, hay đánh thức trong họ niềm tin, sự đi theo, hay thờ phượng đích thực đối với Đức Chúa Trời. Việc họ nên xem lời Đức Chúa Trời như vậy, việc họ nên xem Đức Chúa Trời như vậy – góc độ và thái độ này đã khiến họ trở về tay trắng từ những nỗ lực của mình, đã khiến họ đời đời không bao giờ có thể đi trên con đường kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Mục tiêu mà họ đang nhắm tới, và đường hướng mà họ đang đi, biểu thị họ là kẻ thù của Đức Chúa Trời suốt muôn đời, và họ suốt muôn đời sẽ không bao giờ có thể nhận lãnh sự cứu rỗi.

Nếu, trong trường hợp một người đã theo Đức Chúa Trời nhiều năm và đã hưởng sự cung cấp của lời Ngài trong nhiều năm, định nghĩa của họ về Đức Chúa Trời về thực

chất giống như định nghĩa của người nằm phủ phục sùng kính trước các tượng thần, thì điều này sẽ cho thấy rằng người này chưa đạt được thực tế của lời Đức Chúa Trời. Đây là vì người này đơn giản là chưa bước vào thực tế của lời Đức Chúa Trời, và vì lý do này, thực tế, lẽ thật, những ý định, và những yêu cầu đối với nhân loại, toàn bộ những điều vốn có trong lời Đức Chúa Trời, không hề có chút liên hệ gì với người này. Điều đó có nghĩa là, dù một người như vậy có làm việc cật lực thế nào trên ý nghĩa bề mặt của lời Đức Chúa Trời thì tất cả đều vô ích: Bởi vì điều mà họ theo đuổi là lời nói đơn thuần, điều họ nhận được cũng sẽ tất yếu là lời nói đơn thuần. Dù những lời Đức Chúa Trời phán nhìn bề ngoài là đơn giản hay sâu sắc, tất cả đều là lẽ thật không thể thiếu đối với con người khi họ bước vào sự sống; chúng là nguồn nước hằng sống cho phép họ sống sót trong cả linh hồn lẫn xác thịt. Chúng cung cấp những gì con người cần để tiếp tục sống; những nguyên tắc và tín điều để sống cuộc sống hàng ngày; con đường mà con người phải đi để được cứu rỗi cũng như mục tiêu và phương hướng; mọi lẽ thật mà con người phải sở hữu như một hữu thể thọ tạo trước Đức Chúa Trời; và mọi lẽ thật về cách con người vâng lời và thờ phượng Đức Chúa Trời. Chúng là sự đảm bảo cho sự sống còn của con người, chúng là bánh hàng ngày của con người, và chúng cũng là chỗ dựa vững chắc cho phép con người mạnh mẽ và đứng vững. Chúng phong phú trong thực tế của lẽ thật mà loài người thọ tạo dùng để sống thể hiện ra nhân tính bình thường, phong phú trong lẽ thật mà nhân loại dùng để thoát khỏi sự bại hoại và tránh được những mưu chước của Sa-tan, phong phú trong sự dạy dỗ, thúc giục, khích lệ, và an ủi không mệt mỏi mà Đấng Tạo Hóa ban cho loài người thọ tạo. Chúng là ngọn hải đăng hướng dẫn và khai sáng cho con người hiểu mọi điều tích cực, là sự bảo đảm rằng con người sẽ sống thể hiện ra và sở hữu được tất cả mọi điều công chính và thiện lành, là tiêu chuẩn mà qua đó mọi con người, sự vật và sự việc đều được đo lường, và cũng là kim chỉ nam để đưa con người đến sự cứu rỗi và con đường của sự sáng. Chỉ trong trải nghiệm thực về lời Đức Chúa Trời, con người mới có thể được cung cấp lẽ thật và sự sống; chỉ ở đây con người mới có thể bắt đầu hiểu nhân tính bình thường là gì, sự sống đầy ý nghĩa là gì, hữu thể thọ tạo đích thực là gì, sự vâng lời Đức Chúa Trời thực sự là gì; chỉ ở đây con người mới có thể bắt đầu hiểu mình nên quan tâm đến Đức Chúa Trời như thế nào, hoàn thành bổn phận của một hữu thể thọ tạo như thế nào, và sở hữu hình tượng giống một con người thật như thế nào; chỉ ở đây con người mới có thể hiểu được ý nghĩa của đức tin đích thực và thờ phượng đích thực; chỉ ở đây con người mới có thể hiểu ra ai là Đấng Thống Trị của trời đất và muôn vật; chỉ ở đây con người mới có thể bắt đầu hiểu phương tiện mà Đấng là Chủ của toàn bộ sự tạo dựng dùng để cai trị, dẫn dắt, và cung cấp cho sự tạo dựng; và chỉ ở đây con người mới có thể bắt đầu hiểu và nắm bắt được phương tiện mà nhờ đó, Đấng là Chủ của mọi sự tạo dựng tồn tại, trở nên hiển hiện, và hoạt động. Khi xa rời trải nghiệm thực về lời Đức Chúa Trời, con người không có kiến thức hay sự hiểu thấu thật sự lời Đức Chúa Trời và lẽ thật. Một người như thế là một cái xác sống đích thực, một cái vỏ trơn láng, và mọi kiến thức liên quan đến Đấng Tạo Hóa đều không có chút liên quan gì đến họ. Trong mắt Đức Chúa Trời,

một người như thế chưa bao giờ tin vào Ngài, cũng chưa bao giờ theo Ngài, và do vậy Đức Chúa Trời không công nhận họ là người tin Ngài hay người theo Ngài, càng không phải là một hữu thể thọ tạo đích thực.

Một hữu thể thọ tạo đích thực phải biết Đấng Tạo Hóa là ai, việc tạo dựng con người để làm gì, thực hiện những trách nhiệm của một hữu thể thọ tạo như thế nào, và thờ phượng Chúa của mọi sự tạo dựng như thế nào, phải hiểu, nắm bắt, nhận biết và quan tâm đến những ý định, mong muốn, và yêu cầu của Đấng Tạo Hóa, và phải hành động phù hợp với đường lối của Đấng Tạo Hóa – kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác.

Kính sợ Đức Chúa Trời là gì? Và người ta có thể lánh khỏi điều ác như thế nào?

“Kính sợ Đức Chúa Trời” không có nghĩa là khiếp đảm và ghê sợ khôn tả, cũng không phải là lẩn tránh, cũng không phải là giữ khoảng cách, cũng không phải là sùng bái hay mê tín. Thay vào đó, đó là sự ngưỡng mộ, kính mến, tin cậy, hiểu biết, quan tâm, vâng lời, hiến dâng, yêu thương, cũng như thờ phượng, đền đáp và quy phục không điều kiện và không ca thán. Không có kiến thức đích thực về Đức Chúa Trời, con người sẽ không có sự ngưỡng mộ đích thực, sự tin cậy đích thực, sự hiểu biết đích thực, sự quan tâm hay vâng lời đích thực, mà chỉ khiếp sợ và bất an, chỉ hoài nghi, hiểu lầm, thoái thác, và lẩn tránh; không có kiến thức đích thực về Đức Chúa Trời, con người sẽ không có sự hiến dâng và đền đáp đích thực; không có kiến thức đích thực về Đức Chúa Trời, con người sẽ không có sự thờ phượng và quy phục đích thực, chỉ sùng bái và mê tín mù quáng; không có kiến thức đích thực về Đức Chúa Trời, con người không thể hành động phù hợp với đường lối của Đức Chúa Trời, hay kính sợ Đức Chúa Trời, hay lánh khỏi điều ác. Trái lại, mọi hoạt động và hành vi mà con người thực hiện sẽ đầy sự phản nghịch và bất chấp, đầy những quy tội vu khống và những phán xét ác ý về Ngài, và đầy những việc hành ác trái với lẽ thật và ý nghĩa thật của lời Đức Chúa Trời.

Một khi con người có sự tin cậy đích thực ở Đức Chúa Trời, họ sẽ thật sự theo Ngài và nương tựa vào Ngài; chỉ với sự tin cậy và nương tựa thật sự vào Đức Chúa Trời mà con người mới có thể có sự hiểu biết và lĩnh hội đích thực; đi cùng với sự hiểu thấu thật sự về Đức Chúa Trời là sự quan tâm thật sự dành cho Ngài; chỉ với sự quan tâm thật sự dành cho Đức Chúa Trời mà con người mới có được sự vâng lời đích thực; chỉ với sự vâng lời đích thực với Đức Chúa Trời mà con người mới có được sự hiến dâng đích thực; chỉ có sự hiến dâng đích thực với Đức Chúa Trời mà con người mới có được sự đền đáp vô điều kiện và không ca thán; chỉ với sự tin cậy và nương tựa đích thực, sự hiểu biết và quan tâm đích thực, sự vâng lời đích thực, sự hiến dâng và đền đáp đích thực mà con người mới thật sự hiểu được tâm tính và thực chất Đức Chúa Trời, và biết thân phận của Đấng Tạo Hóa; chỉ khi thật sự biết được về Đấng Tạo Hóa, con người mới có thể đánh thức sự thờ phượng và quy phục đích thực bên trong mình; chỉ khi họ có sự thờ phượng và quy phục thật sự với Đấng Tạo Hóa, con người mới có thể thật sự dẹp bỏ những cách thức tà ác của mình, nghĩa là lánh khỏi điều ác.

Điều này cấu thành toàn bộ quá trình “kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác”, và cũng là nội dung trong toàn bộ sự kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều

ác. Đây là con đường phải đi qua để đạt được sự kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác.

Việc “kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác” và việc biết Đức Chúa Trời được gắn kết khăng khít với nhau bởi vô vàn mối dây, và mối liên kết giữa chúng là hiển nhiên. Nếu người ta muốn đạt tới sự lánh khỏi điều ác, trước tiên người ta phải có sự kính sợ thật với Đức Chúa Trời; nếu người ta muốn đạt tới sự kính sợ thật với Đức Chúa Trời, trước tiên người ta phải có được kiến thức thật về Đức Chúa Trời; nếu người ta muốn đạt tới kiến thức về Đức Chúa Trời, trước tiên người ta phải trải nghiệm lời Đức Chúa Trời, bước vào thực tế của lời Đức Chúa Trời, trải nghiệm sự sửa phạt và sửa dạy của Đức Chúa Trời, hình phạt và phán xét của Ngài; nếu người ta muốn trải nghiệm lời Đức Chúa Trời, trước tiên người ta phải đến đối diện với lời Đức Chúa Trời, đến đối diện với Đức Chúa Trời, và xin Đức Chúa Trời ban cho cơ hội để trải nghiệm lời Đức Chúa Trời dưới mọi hình thức môi trường liên quan đến những con người, sự vật và sự việc; nếu người ta ao ước đến đối diện với Đức Chúa Trời và với lời Đức Chúa Trời, trước hết người ta phải sở hữu một tấm lòng giản dị và thành thật, sự sẵn sàng chấp nhận lẽ thật, ý chí chịu đau khổ, sự quyết tâm và dũng cảm để lánh khỏi điều ác, và khát vọng trở thành một hữu thể thọ tạo đích thực... Theo cách này, đi tới từng bước, người sẽ đến gần Đức Chúa Trời hơn bao giờ hết, lòng người sẽ trở nên thanh khiết hơn bao giờ hết, và với việc người biết đến Đức Chúa Trời, sự sống của người và giá trị của việc sống sẽ trở nên ý nghĩa hơn bao giờ hết và rạn rở hơn bao giờ hết. Cho đến một ngày, người sẽ cảm nhận rằng Đấng Tạo Hóa không còn là bí ẩn, rằng Đấng Tạo Hóa chưa bao giờ ẩn mình với người, rằng Đấng Tạo Hóa chưa bao giờ giấu mặt Ngài khỏi người, rằng Đấng Tạo Hóa hoàn toàn không xa người, rằng Đấng Tạo Hóa không còn là Đấng người hằng mong mỏi trong những ý nghĩ của mình mà không thể với tới bằng những cảm nhận của mình, rằng Ngài thật sự và đích thực đang đứng bảo vệ bên trái và bên phải người, cung cấp cho sự sống của người, và kiểm soát vận mệnh người. Ngài không ở chân trời xa xăm, Ngài cũng không ẩn mình xa trên những đám mây. Ngài ở ngay bên cạnh người, điều khiển hết thảy người, Ngài là tất cả những gì người có, và Ngài là điều duy nhất người có. Một Đức Chúa Trời như thế cho phép người yêu Ngài từ tấm lòng, gắn bó với Ngài, gần gũi Ngài, ngưỡng mộ Ngài, sợ mất Ngài, và không sẵn lòng từ bỏ Ngài nữa, không sẵn lòng bất tuân với Ngài nữa, hay lảng tránh Ngài hoặc giữ khoảng cách với Ngài nữa. Tất cả những gì người muốn là quan tâm đến Ngài, vâng lời Ngài, đền đáp tất cả những gì Ngài ban cho người, và quy phục sự thống trị của Ngài. Người không còn từ chối được hướng dẫn, cung cấp, theo dõi, và chăm sóc bởi Ngài, không còn từ chối những gì Ngài sai khiến và ra lệnh cho người. Tất cả những gì người muốn là theo Ngài, ở bên đồng hành cùng Ngài, tất cả những gì người muốn là chấp nhận Ngài như sự sống có một và duy nhất của mình, chấp nhận Ngài như Chúa có một và duy nhất của mình, Đức Chúa Trời có một và duy nhất của mình.

Ngày 18 tháng 8 năm 2014



# MỤC LỤC

<b>Cách nhận biết tâm tính của Đức Chúa Trời và các kết quả mà công tác của Ngài sẽ đạt được .....</b>	<b>1</b>
Kết cục của con người đè nặng lòng họ như thế nào .....	2
Niềm tin của con người không thể thay thế lẽ thật .....	5
Có nhiều ý kiến liên quan đến tiêu chuẩn mà Đức Chúa Trời dùng để định đoạt kết cục của con người.....	6
Đi trong đường lối của Đức Chúa Trời: Kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác.....	9
Đức Chúa Trời dùng những thử luyện khác nhau để thử xem con người có kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác hay không.....	10
Không kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác là chống đối Đức Chúa Trời.....	14
Đức Chúa Trời định đoạt kết cục của con người như thế nào và theo những tiêu chuẩn nào .....	18
Một câu hỏi thực tế mang đến những bối rối khác nhau trong con người....	23
Hiểu về thái độ của Đức Chúa Trời và để gạt bỏ tất cả những quan niệm sai lầm về Đức Chúa Trời.....	27
Ai định đoạt kết cục của con người? .....	30
Con người có khuynh hướng định nghĩa Đức Chúa Trời dựa trên kinh nghiệm .....	31
Thái độ của Đức Chúa Trời đối với những ai chạy trốn trong công tác của Ngài.....	34
Những ai bỏ chạy trong công tác của Đức Chúa Trời là những người từ bỏ con đường thật.....	35
Số phận con người được quyết định bởi thái độ của họ đối với Đức Chúa Trời.....	37
Điểm khởi đầu cho việc kính sợ Đức Chúa Trời là đối xử với Ngài như Đức Chúa Trời.....	41
Những người không được Đức Chúa Trời thừa nhận .....	43
Những lời răn .....	44
<b>Công tác của Đức Chúa Trời, tâm tính của Đức Chúa Trời, và chính Đức Chúa Trời I.....</b>	<b>46</b>
A. A-đam và Ê-va.....	56
1. Sự phán dạy của Đức Chúa Trời với A-đam .....	56
2. Đức Chúa Trời tạo ra Ê-va.....	57
3. Đức Chúa Trời làm áo bằng da thú cho A-đam và Ê-va .....	59
B. Nô-ê .....	63

1. Đức Chúa Trời dự định hủy diệt thế gian bằng một trận lụt và hướng dẫn Nô-ê đóng tàu .....	63
2. Phúc lành của Đức Chúa Trời với Nô-ê sau trận lụt .....	69
3. Đức Chúa Trời dùng cầu vồng làm biểu tượng cho giao ước của Ngài với con người .....	71

## **Công tác của Đức Chúa Trời, tâm tính của Đức Chúa Trời, và chính Đức Chúa Trời II..... 83**

A. Áp-ra-ham .....	86
1. Đức Chúa Trời hứa ban cho Áp-ra-ham một con trai.....	86
Không ai có thể cản trở công tác mà Đức Chúa Trời quyết tâm thực hiện .....	86
2. Áp-ra-ham dâng Y-sác .....	88
Công tác quản lý và cứu rỗi nhân loại của Đức Chúa Trời bắt đầu với sự hy sinh Y-sác của Áp-ra-ham .....	88
Đức Chúa Trời không quan tâm liệu con người có ngu ngốc hay không – Ngài chỉ yêu cầu con người chân thật .....	88
3. Lời hứa của Đức Chúa Trời với Áp-ra-ham .....	90
Con người đạt được những phúc lành của Đức Chúa Trời bởi sự chân thành và vâng phục của mình .....	91
Thu phục những người biết Đức Chúa Trời và có thể chứng thực cho Ngài là mong muốn không đổi của Đức Chúa Trời.....	92
B. Đức Chúa Trời phải hủy diệt Sô-đôm.....	94
Đức Chúa Trời chỉ quan tâm đến những ai có thể vâng lời Ngài và theo sự phán dạy của Ngài .....	95
Đức Chúa Trời giàu lòng thương xót với những ai Ngài quan tâm, và thịnh nộ vô cùng với những kẻ Ngài khinh ghét và loại bỏ.....	97
Con người của những ngày sau rốt chỉ thấy cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời trong những lời Ngài, và không thật sự trải nghiệm cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời.....	100
Tâm tính của Đức Chúa Trời chưa bao giờ bị giấu đi khỏi con người – lòng con người đã chệch khỏi Đức Chúa Trời .....	101
C. Gióp.....	104
1. Những đánh giá về Gióp của Đức Chúa Trời và trong Kinh Thánh.....	104
Những biểu hiện cụ thể của việc Gióp kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác trong đời sống hàng ngày của ông .....	105
2. Sa-tan cám dỗ Gióp lần đầu (gia súc của ông bị trộm và tai họa xảy đến với các con ông) .....	106
a. Những lời Đức Chúa Trời phán .....	106
b. Lời đáp của Sa-tan .....	106

Đức Chúa Trời cho phép Sa-tan cám dỗ Gióp để đức tin của Gióp sẽ được làm cho hoàn thiện .....	106
c. Phản ứng của Gióp .....	109
Việc Gióp chấp nhận trả lại tất cả những gì ông sở hữu phát xuất từ sự kính sợ Đức Chúa Trời của ông .....	109
Sự chính trực không lay chuyển của Gióp khiến Sa-tan hổ thẹn và khiến hắn tháo chạy trong hoảng loạn .....	112
3. Sa-tan một lần nữa cám dỗ Gióp (những ung độc xuất hiện khắp người Gióp) .....	113
a. Những lời Đức Chúa Trời phán .....	113
b. Những lời Sa-tan nói .....	113
c. Gióp đối phó thế nào với sự thử luyện .....	113
Tình yêu của Gióp đối với đường lối của Đức Chúa Trời vượt hơn mọi sự .....	113
Giữa sự đau khổ tột cùng, Gióp thật sự nhận ra sự chăm lo của Đức Chúa Trời đối với nhân loại .....	115
Một biểu hiện khác cho sự kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác của Gióp chính là việc ông tán dương danh Đức Chúa Trời trong mọi sự .....	117
Nhiều hiểu lầm của con người về Gióp .....	118
Gióp rửa sả ngày ông sinh ra bởi vì ông không muốn Đức Chúa Trời đau vì ông .....	121
Gióp đánh bại Sa-tan và trở thành một con người đích thực trong mắt Đức Chúa Trời .....	123
Về Gióp .....	124
Trong đời sống hàng ngày của Gióp, chúng ta thấy sự trọn vẹn, ngay thẳng, kính sợ Đức Chúa Trời, và lánh khỏi điều ác của ông .....	124
Những biểu hiện của nhân tính của Gióp trong những thử luyện của ông (hiểu sự trọn vẹn, ngay thẳng, kính sợ Đức Chúa Trời, và lánh khỏi điều ác của Gióp trong những thử luyện của ông) .....	127
Sự hợp lẽ phải của Gióp .....	129
Diện mạo thật của Gióp: chân thật, tinh sạch và không giả dối .....	130
Sự rạch ròi giữa yêu và ghét của Gióp .....	130
Lòng tốt và sự chân thành của Gióp .....	131
Mối quan hệ giữa việc Đức Chúa Trời giao phó Gióp cho Sa-tan và những mục tiêu trong công tác của Đức Chúa Trời .....	132
Chấp nhận những thử luyện của Đức Chúa Trời, vượt qua những cám dỗ của Sa-tan, và cho phép Đức Chúa Trời thu phục cả con người mình .....	134
Lời cảnh báo và sự khai sáng cho các thế hệ sau bởi chứng ngôn của Gióp .....	135

Chứng ngôn của Gióp mang sự yên ủi đến cho Đức Chúa Trời .....	135
4. Gióp nghe Đức Chúa Trời bằng tai .....	136
Mặc dù Đức Chúa Trời đã không tỏ lộ chính Ngài với Gióp nhưng	
Gióp tin vào quyền tối thượng của Đức Chúa Trời.....	137
Đức tin của Gióp nơi Đức Chúa Trời không bị lung lay bởi việc Đức	
Chúa Trời ẩn giấu với ông.....	137
Gióp ngợi khen danh Đức Chúa Trời và không nghĩ về những phúc	
lành hay tai họa.....	138
Mặc dù Đức Chúa Trời ẩn giấu với con người, những việc làm của	
Ngài giữa muôn vật là đủ để con người biết Ngài .....	140
Nếu lòng người thù địch với Đức Chúa Trời, làm sao con người có	
thể kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác? .....	142
Không e sợ những thử luyện của Đức Chúa Trời .....	144
5. Gióp sau những thử luyện của ông .....	146
Những ai kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác thì được	
Đức Chúa Trời nhìn bằng sự nâng niu, trong khi những kẻ ngu	
ngốc thì bị Đức Chúa Trời coi là hèn mọn .....	146
Đức Chúa Trời ban thẩm quyền cho Gióp.....	148
Gióp một lần nữa được Đức Chúa Trời ban phúc, và không bao giờ	
bị Sa-tan cáo buộc lần nữa.....	148
Gióp trải qua nửa sau cuộc đời mình giữa những phúc lành của	
Đức Chúa Trời .....	149
Cái giá mà Gióp đã sống trọn trong đời ông .....	150
D. Những quy định của Thời đại Luật pháp.....	151
Các quy định của Thời đại Luật pháp là bằng chứng thật cho sự	
hướng dẫn của Đức Chúa Trời với toàn thể nhân loại.....	152
Nhân loại mãi không thể tách khỏi những giáo huấn và sự chu cấp	
của Đức Chúa Trời .....	153
<b>Công tác của Đức Chúa Trời, tâm tính của Đức Chúa Trời, và</b>	
<b>chính Đức Chúa Trời III .....</b>	<b>156</b>
Điểm lại những suy nghĩ, ý tưởng và hành động của Đức Chúa Trời	
kể từ khi Ngài sáng thế .....	158
Đức Chúa Trời đích thân tạo ra người sống đầu tiên.....	158
Đức Chúa Trời thực hiện loạt công tác chưa từng có trong khoảng	
thời gian của Thời đại Luật pháp .....	159
Lần đầu Đức Chúa Trời trở nên xác thịt để làm công tác .....	163
1. Jêsus bứt bông lúa mì mà ăn trong ngày Sa-bát.....	165
2. Con người là Chúa của ngày Sa-bát.....	165
3. Dụ ngôn Con chiên lạc .....	174

4. Tha thứ Bảy mươi lần bảy .....	176
5. Tình yêu của Chúa .....	176
6. Bài giảng trên núi.....	181
7. Các truyện ngụ ngôn của Đức Chúa Jêsus .....	182
8. Các điều răn.....	182
9. Jêsus làm phép lạ.....	189
a. Jêsus cho năm ngàn người ăn .....	189
b. Sự sống lại của La-xa-rơ làm vinh hiển Đức Chúa Trời .....	189
10. Cách nhìn của những người Pha-ri-si về Jêsus .....	197
11. Lời quở trách của Jêsus với những người Pha-ri-si.....	197
12. Những lời của Jêsus với các môn đồ của Ngài sau khi Ngài phục sinh .....	201
13. Jêsus ăn bánh và giải thích Kinh Thánh sau sự phục sinh của Ngài ....	208
14. Các môn đồ dâng cá nướng để Jêsus ăn .....	208

## **Chính Đức Chúa Trời, Đấng độc nhất I**

### **Thẩm quyền của Đức Chúa Trời (I) .....**

1. Đức Chúa Trời dùng lời để tạo nên muôn vật .....	218
Vào ngày thứ nhất, ngày và đêm của loài người được sinh ra và trụ vững nhờ vào thẩm quyền của Đức Chúa Trời .....	218
Vào ngày thứ hai, thẩm quyền của Đức Chúa Trời sắp đặt nước, tạo ra khoảng không, và một không gian cho sự sinh tồn cơ bản nhất của con người xuất hiện .....	220
Vào ngày thứ ba, lời Đức Chúa Trời sinh ra đất và biển, và thẩm quyền của Đức Chúa Trời khiến thế giới tràn ngập sự sống.....	221
Vào ngày thứ tư, các mùa, ngày, và năm của nhân loại ra đời khi Đức Chúa Trời thực thi thẩm quyền của Ngài một lần nữa .....	223
Ngày thứ năm, lần lượt từng sinh mệnh với những hình hài khác nhau bằng các phương thức khác nhau thể hiện quyền năng của Đấng Tạo Hóa.....	226
Vào ngày thứ sáu, Đấng Tạo Hóa phán, và từng loại sinh vật trong tâm trí của Ngài lần lượt xuất hiện.....	228
Dưới thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa, muôn vật đều hoàn thiện .....	231
Không một loài thọ tạo hoặc không thọ tạo nào có thể thay thế thân phận của Đấng Tạo Hóa .....	232
2. Đức Chúa Trời dùng lời Ngài để thiết lập một giao ước với con người.....	234
Sau khi Ngài tạo ra muôn vật, thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa được khẳng định và thể hiện một lần nữa trong Giao ước Cầu vòng .....	234
3. Các phước lành của Đức Chúa Trời .....	237

Cách thức và đặc điểm phán truyền độc nhất của Đấng Tạo Hóa là một sự tượng trưng cho thân phận và thẩm quyền độc nhất của Đấng Tạo Hóa.....	237
Thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa không bị giới hạn bởi thời gian, không gian, hoặc địa lý, và thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa không thể đo lường được.....	242
Sự thật về quyền kiểm soát và thống trị muôn vật và muôn loài của Đấng Tạo Hóa nói lên sự tồn tại thực sự về thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa .....	246
Thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa là bất biến và không thể xúc phạm .....	250
4. Mệnh lệnh của Đức Chúa Trời đối với Sa-tan .....	251
Sa-tan chưa bao giờ dám vi phạm thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa, và bởi điều này mà muôn vật sống trong trật tự .....	251
Chỉ có Đức Chúa Trời, Đấng có thân phận của Đấng Tạo Hóa, mới sở hữu thẩm quyền độc nhất.....	253
Thân phận của Đấng Tạo Hóa là độc nhất, và người không nên giữ ý niệm về thuyết đa thần.....	258
Dù nhân loại đã bị làm cho bại hoại, nhưng họ vẫn sống dưới quyền tối thượng trong thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa .....	259

## **Chính Đức Chúa Trời, Đấng độc nhất II**

<b>Tâm tính công chính của Đức Chúa Trời .....</b>	<b>262</b>
Vì ngang ngược chống lại Đức Chúa Trời, con người bị hủy diệt bởi cơn thịnh nộ của Ngài.....	262
Sự bại hoại của thành Sô-đôm: Loài người phẫn nộ, Đức Chúa Trời nổi giận .....	263
Thành Sô-đôm bị hủy diệt hoàn toàn vì đã xúc phạm cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời .....	265
Sau khi thành Sô-đôm liên tiếp chống đối và tỏ thái độ thù nghịch với Đức Chúa Trời, Ngài đã triệt hạ nó hoàn toàn.....	266
Mặc dù không bộc lộ và không được loài người biết tới, cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời không dung thứ cho bất kỳ sự xúc phạm nào .....	268
Cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời là sự che chở cho mọi thể lực chính nghĩa và mọi điều tốt đẹp.....	270
Mặc dù Sa-tan tỏ ra nhân đạo, công bằng và đạo đức, nhưng thực chất của nó là độc ác và tàn bạo .....	274
Con người không được dựa trên kinh nghiệm và trí tưởng tượng của mình để hiểu về tâm tính công chính của Đức Chúa Trời .....	275
Nhân loại được Đức Chúa Trời ban cho lòng nhân từ và sự bao dung vì đã chân thành hối cải.....	276
Tóm tắt câu chuyện thành Ni-ni-ve .....	277



Lời cảnh báo của Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã đến được với dân thành Ni-ni-ve.....	278
Sự khác biệt rõ rệt về phản ứng của thành Ni-ni-ve và thành Sô-đôm trước lời cảnh báo của Giê-hô-va Đức Chúa Trời.....	278
Sự ăn năn của vua Ni-ni-ve đã được Giê-hô-va Đức Chúa Trời khen ngợi.....	279
Đức Chúa Trời nhìn thấy sự hối cải chân thành trong sâu thẳm trái tim người dân thành Ni-ni-ve .....	280
Nếu niềm tin của người vào Đức Chúa Trời là thật, người sẽ thường xuyên được Ngài che chở .....	282
Sự ăn năn thật sự trong lòng của dân thành Ni-ni-ve đã giúp họ được Đức Chúa Trời ban sự nhân từ và giúp họ thay đổi kết cục của chính mình .....	283
Sự nhân từ và khoan dung của Đức Chúa Trời không hiếm hoi – Sự sám hối đích thực của con người mới hạn hữu .....	284
Tâm tính công chính của Đấng Tạo Hóa là chân thực và sinh động .....	284
Những tình cảm chân thành của Đấng Tạo Hóa Đối Với Con Người.....	287
Đấng Tạo Hóa bày tỏ tình cảm chân thật của Ngài dành cho nhân loại .....	289
Năm kiểu người .....	291
Kiểu người thứ nhất: Giai đoạn hài nhi quán tã.....	291
Kiểu người thứ hai: Giai đoạn nhũ nhi.....	292
Kiểu người thứ ba: Giai đoạn trẻ cai sữa, hay giai đoạn trẻ nhỏ .....	293
Kiểu người thứ tư: Giai đoạn trẻ lớn khôn hay chính là thời ấu thơ ....	295
Kiểu người thứ năm: Giai đoạn trưởng thành trong cuộc sống, hoặc giai đoạn của con người trưởng thành .....	298

### **Chính Đức Chúa Trời, Đấng độc nhất III**

<b>Thẩm quyền của Đức Chúa Trời (II)</b> .....	300
Hiểu về thẩm quyền của Đức Chúa Trời từ tầm nhìn vĩ mô và vi mô .....	300
Số phận của loài người và số phận của vũ trụ không thể tách rời khỏi quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa .....	303
Sáu bước ngoặt trong cuộc đời con người .....	305
Bước ngoặt thứ nhất: Sự ra đời .....	306
1) Một sự sống mới được sinh ra từ kế hoạch của Đấng Tạo Hóa .....	306
2) Tại sao những con người khác nhau được sinh ra trong những hoàn cảnh khác nhau.....	307
Bước ngoặt thứ nhì: Trưởng thành .....	308
1) Đấng Tạo Hóa đã sắp đặt bối cảnh cố định cho sự trưởng thành của mỗi người.....	308

2) Những hoàn cảnh khác nhau mà con người lớn lên dẫn đến những vai trò khác nhau.....	309
Bước ngoặt thứ ba: Sự độc lập .....	310
1) Sau khi trở nên độc lập, một người bắt đầu trải nghiệm quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa.....	310
2) Rời cha mẹ và bắt đầu nghiêm túc diễn vai của mình trên sân khấu cuộc đời .....	311
Bước ngoặt thứ tư: Hôn nhân.....	312
1) Sự lựa chọn cá nhân không bước vào hôn nhân.....	312
2) Hôn nhân sinh ra từ số phận của cả hai bên.....	313
Bước ngoặt thứ năm: Con cái .....	314
1) Con người không có quyền kiểm soát những gì xảy đến với con cháu mình.....	314
2) Sau khi nuôi dưỡng thế hệ tiếp theo, con người có được một sự hiểu biết mới về số phận .....	316
3) Việc tin vào số phận không thay thế cho hiểu biết về quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa.....	316
4) Chỉ những ai đầu phục quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa mới có thể đạt được tự do thực sự.....	318
Bước ngoặt thứ sáu: Cái chết.....	320
1) Chỉ có Đấng Tạo Hóa mới nắm giữ quyền sinh tử đối với con người.....	320
2) Một người không biết đến quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa sẽ bị ám ảnh bởi nỗi sợ chết .....	321
3) Một cuộc đời tìm kiếm danh vọng và của cải bỏ mặc con người lúng túng đối mặt với cái chết.....	322
4) Tuân phục sự thống trị của Đấng Tạo Hóa và bình tĩnh đối diện cái chết.....	324
5) Sự theo đuổi và gạt hái được trong đời sống của Gióp cho phép ông bình tĩnh đối diện với cái chết .....	325
6) Chỉ bằng cách chấp nhận quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa thì con người mới có thể trở về bên cạnh Ngài .....	327
Đừng bỏ lỡ cơ hội để biết đến quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa .....	328
Không ai có thể thay đổi sự thật rằng Đức Chúa Trời nắm giữ quyền tối thượng trên số phận con người.....	330
Thái độ và sự thực hành đúng đắn cho người mong muốn đầu phục thần quyền của Đức Chúa Trời.....	331
Chấp nhận Đức Chúa Trời là Đấng Chủ Tể độc nhất của người là bước đầu tiên trong việc đạt được sự cứu rỗi .....	332

## **Chính Đức Chúa Trời, Đáng độc nhất IV**

<b>Sự thánh khiết của Đức Chúa Trời (I)</b> .....	335
1. Mệnh lệnh của Giê-hô-va Đức Chúa Trời cho con người.....	337
2. Sự cám dỗ của Rắn với người nữ.....	337
3. Hội thoại giữa Sa-tan và Đức Chúa Trời Giê-hô-va .....	340

## **Chính Đức Chúa Trời, Đáng độc nhất V**

<b>Sự thánh khiết của Đức Chúa Trời (II)</b> .....	354
Sự cám dỗ của Sa-tan.....	359
Năm cách Sa-tan làm bại hoại con người.....	367
a. Cách thức Sa-tan sử dụng kiến thức để làm cho con người bại hoại ...	368
b. Cách thức Sa-tan sử dụng khoa học để làm cho con người bại hoại ...	370
c. Cách thức Sa-tan sử dụng văn hóa truyền thống để làm cho con người bại hoại.....	372
d. Cách thức Sa-tan sử dụng sự mê tín để làm cho con người bại hoại....	374
e. Cách thức Sa-tan sử dụng xu hướng xã hội để làm cho con người bại hoại .....	377

## **Chính Đức Chúa Trời, Đáng độc nhất VI**

<b>Sự thánh khiết của Đức Chúa Trời (III)</b> .....	386
Năm cách Sa-tan làm bại hoại con người.....	386
a. Sa-tan dùng kiến thức để làm bại hoại con người, và dùng danh lợi để kiểm soát họ.....	386
b. Sa-tan dùng khoa học để làm bại hoại con người .....	391
c. Sa-tan dùng văn hóa truyền thống để làm bại hoại con người .....	393
d. Sa-tan dùng xu hướng xã hội để làm bại hoại con người.....	394
Hiểu về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời qua những gì Ngài làm cho con người .....	398
Những mảnh khoe mà Sa-tan dùng để làm bại hoại con người .....	406
Có sáu thủ đoạn chính mà Sa-tan dùng để làm bại hoại con người.....	407

## **Chính Đức Chúa Trời, Đáng độc nhất VII**

<b>Đức Chúa Trời là cội nguồn sự sống cho vạn vật (I)</b> .....	414
Tổng quan về thẩm quyền của Đức Chúa Trời, tâm tính công chính của Đức Chúa Trời, và sự thánh khiết của Đức Chúa Trời .....	414
Câu chuyện 1: Một hạt giống, đất, một cái cây, ánh sáng mặt trời, những chú chim, và con người .....	420
Câu chuyện 2: Ngọn Núi Lớn, Dòng Suối Nhỏ, Cơn Gió Mạnh và Con Sóng Khổng Lồ .....	425

## **Chính Đức Chúa Trời, Đáng độc nhất VIII**

<b>Đức Chúa Trời là nguồn sống cho muôn vật (II)</b> .....	437
Môi trường sống cơ bản mà Đức Chúa Trời tạo ra cho nhân loại.....	439

a. Không khí.....	440
b. Nhiệt độ.....	441
c. Âm thanh.....	444
d. Ánh sáng.....	446
e. Luồng không khí .....	447
Đồ ăn thức uống hàng ngày mà Đức Chúa Trời chuẩn bị cho nhân loại.....	450

## **Chính Đức Chúa Trời, Đáng độc nhất IX**

### **Đức Chúa Trời là nguồn sống cho muôn vật (III).....**

Đức Chúa Trời lập ranh giới cho muôn vật để nuôi dưỡng toàn thể loài người .....	464
Phần một: Đức Chúa Trời đặt ranh giới cho từng loại địa hình.....	464
Phần hai: Đức Chúa Trời đặt ranh giới cho từng loại sinh vật .....	467
Phần ba: Đức Chúa Trời duy trì môi trường và hệ sinh thái để nuôi dưỡng nhân loại .....	468
Phần bốn: Đức Chúa Trời vạch ra ranh giới giữa các chủng tộc khác nhau.....	471
Đức Chúa Trời cai trị tất cả và chu cấp cho tất cả, Ngài là Đức Chúa Trời của vạn vật.....	474
Đức Chúa Trời cân bằng các mối quan hệ giữa muôn vật để ban cho nhân loại một môi trường sinh tồn ổn định.....	479

## **Chính Đức Chúa Trời, Đáng độc nhất X**

### **Đức Chúa Trời là nguồn sống cho muôn vật (IV) .....**

Đức Chúa Trời cai trị và quản trị thế giới thuộc linh như thế nào .....	490
a. Chu kỳ sinh tử của những người ngoại đạo .....	493
b. Chu kỳ sinh tử của những người có đức tin khác nhau.....	501
c. Chu kỳ sinh tử của những người theo Đức Chúa Trời .....	505
Những yêu cầu của Đức Chúa Trời với nhân loại .....	513
a. Thân phận và địa vị của chính Đức Chúa Trời .....	513
b. Những thái độ khác nhau của nhân loại đối với Đức Chúa Trời.....	514
c. Thái độ mà Đức Chúa Trời yêu cầu nhân loại có đối với Ngài .....	518

# **CÁCH NHẬN BIẾT TÂM TÍNH CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI VÀ CÁC KẾT QUẢ MÀ CÔNG TÁC CỦA NGÀI SẼ ĐẠT ĐƯỢC**

Trước hết, chúng ta hãy hát một bài hát: Lễ ca của Vương quốc (I) Vương quốc giáng trần.

Nhạc đệm: Muôn người đang hoan hô Ta, muôn người đang ca ngợi Ta, muôn người đang xưng tụng Ta là Đức Chúa Trời thực sự và duy nhất. Vương quốc của Ta giáng xuống chốn nhân gian.

1 Muôn người đang hoan hô Ta, muôn người đang ca ngợi Ta, muôn người đang xưng tụng Ta là Đức Chúa Trời thực sự và duy nhất. Muôn ánh mắt đang hướng về Ta, dõi theo hành động của Ta. Vương quốc của Ta giáng xuống chốn nhân gian, thân vị của Ta sung mãn và đủ đầy, có ai mà không hân hoan, có ai mà không mừng vui nhảy múa? Hỡi Si-ôn! Hãy giương cao ngọn cờ chiến thắng tới chúc mừng Ta! Hãy hát vang lên khúc khải hoàn chiến thắng để truyền tụng tên thánh của Ta!

2 Hỡi vạn vật ở nơi tận cùng của mặt đất! Hãy mau mau tắm gội mình sạch sẽ đến tể lễ Ta! Hỡi muôn vì sao của các tầng trời! Hãy mau mau trở về vị trí để chứng tỏ sức mạnh vĩ đại của Ta trên bầu trời! Ta lắng tai nghe âm thanh từ dân chúng trên mặt đất, họ thổ lộ lòng kính yêu vô hạn đến Ta trong lời ca tiếng hát! Trong ngày mà vạn vật hồi sinh, Ta đích thân đến nhân gian. Khi đó, muôn hoa nở rộ, muôn chim hát ca, muôn loài tung bừng nhảy múa! Trong tiếng đại bác bắn mừng đại lễ của Vương quốc Ta, đất nước của Sa-tan sụp đổ. Trong tiếng lễ ca vang dội của Vương quốc Ta, đất nước của Sa-tan bị hủy diệt, vĩnh viễn không bao giờ được phục hưng!

3 Trong loài người trên mặt đất, liệu có kẻ nào dám chống đối Ta? Bởi khi Ta xuống dưới mặt đất, Ta mang theo sự thiêu đốt, mang theo cơn thịnh nộ, mang theo muôn vàn thảm họa. Các quốc gia trên thế giới đã trở thành Vương quốc của Ta! Trên bầu trời, mây trắng xô nhau vùn vụt. Dưới mặt đất, biển cả, sông nước ào ào cuộn sóng, sóng vui tấu lên khúc nhạc rung động lòng người. Loài vật đang nghỉ trong hang động đều chui ra. Người người được thức tỉnh khỏi cơn mộng mị bởi tiếng gọi của Ta. Ngày mà muôn dân chờ đợi rốt cục đã đến! Tất cả họ cùng kính dâng lên Ta lời ca đẹp đẽ nhất!

– Theo Chiên Con và hát những bài ca mới

Mỗi lần các người hát bài hát này, các người nghĩ về điều gì? (Chúng con cảm thấy rất phấn chấn và hồi hộp, và chúng con nghĩ về vẻ đẹp của vương quốc rực rỡ đường nào, loài người và Đức Chúa Trời sẽ ở bên nhau đời đời ra sao.) Có ai đã nghĩ về dạng thức mà con người phải mang để được ở cùng Đức Chúa Trời chưa? Trong trí tưởng tượng của các người, con người phải như thế nào để được gia nhập với Đức Chúa Trời và tận hưởng đời sống vinh hiển sẽ đến trong vương quốc? (Tâm tính của họ nên thay đổi.) Tâm tính của họ nên thay đổi, nhưng đến mức độ nào? Họ sẽ như thế nào sau khi

tâm tính của họ đã thay đổi? (Họ sẽ trở nên thánh khiết.) Tiêu chí cho sự thánh khiết là gì? (Tất cả những suy nghĩ và suy xét phải tương hợp với Đấng Christ.) Sự tương hợp như thế được thể hiện như thế nào? (Không chống đối hay phản bội Đức Chúa Trời, có thể tuyệt đối đầu phục Ngài, và có lòng kính sợ Ngài.) Một vài câu trả lời của các người đang đi đúng hướng. Tất cả các người hãy mở lòng mình ra, và nói lên những gì các người muốn nói. (Những người sống cùng Đức Chúa Trời trong vương quốc sẽ có thể thực hiện bổn phận của mình – với lòng trung thành – bằng cách mưu cầu lẽ thật và không bị kìm hãm bởi bất kỳ con người, sự vật hay sự việc nào. Khi đó họ sẽ có thể thoát khỏi sự ảnh hưởng của bóng tối, làm cho lòng họ hòa hợp với Đức Chúa Trời, kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác.) (Quan điểm của chúng con về mọi việc có thể dần trở nên hòa hợp với Đức Chúa Trời, và chúng con có thể thoát khỏi sự ảnh hưởng của bóng tối. Ít nhất chúng con cũng có thể đến được nơi mà chúng con không còn bị Sa-tan lợi dụng, và nơi mà chúng con loại bỏ bất kỳ những tâm tính bại hoại nào, và đầu phục Đức Chúa Trời. Chúng con tin điều thiết yếu là con người thoát khỏi sự ảnh hưởng của bóng tối. Những ai không thể thoát khỏi sự ảnh hưởng của bóng tối và thoát khỏi xiềng xích của Sa-tan đều chưa có được sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời.) (Để đáp ứng tiêu chuẩn được Đức Chúa Trời làm cho hoàn thiện, con người phải đồng tâm đồng lòng với Ngài và không còn chống đối Ngài nữa. Họ phải có khả năng biết chính mình, đưa lẽ thật vào thực hành, có được sự hiểu biết về Đức Chúa Trời, yêu mến Đức Chúa Trời, và trở nên hòa hợp với Đức Chúa Trời. Đó là tất cả những gì cần làm.)

## **Kết cục của con người đè nặng lòng họ như thế nào**

Các người dường như có một vài suy nghĩ về cách thức mà mình nên tuân thủ, và các người đã mở mang một số hiểu biết về điều đó hoặc quý trọng điều đó. Tuy nhiên, liệu tất cả những lời mà các người đã thốt ra là trống rỗng hay thực tế, đều phụ thuộc vào trọng tâm của các người trong việc thực hành hàng ngày của mình. Trong những năm qua, hết thảy các người đều đã gặt những thành quả nhất định từ từng khía cạnh của lẽ thật, cả về mặt giáo lý lẫn nội dung thật sự của lẽ thật. Điều này chứng tỏ rằng con người ngày nay rất chú trọng đến việc phấn đấu để có được lẽ thật, và vì thế, từng khía cạnh và hạng mục của lẽ thật chắc chắn đã bám rễ sâu trong lòng một số người. Tuy nhiên, điều mà Ta sợ nhất là gì? Đó là mặc dù thực tế rằng những chủ đề về lẽ thật này và những lý thuyết này đã bén rễ trong lòng các người, nhưng ở đó có rất ít thực chất trong nội dung thực tế của chúng. Khi các người gặp vấn đề và đối diện với những thử luyện và lựa chọn, thì tính hiện thực của những lẽ thật này sẽ mang lại cho các người bao nhiêu ứng dụng thực tế? Nó có thể giúp các người vượt qua khó khăn và bật lên từ sự thử luyện, thỏa mãn ý muốn của Đức Chúa Trời không? Các người sẽ đứng vững giữa những thử luyện của mình và mang lời chứng vang rền cho Đức Chúa Trời chứ? Đã bao giờ các người quan tâm đến những vấn đề này chưa? Ta hỏi các người: Trong lòng các người, trong mọi suy nghĩ và suy ngẫm hàng ngày của các người, thì điều gì là quan trọng nhất đối với các người? Các người đã bao giờ đúc kết về điều này



chưa? Các người tin điều gì là quan trọng nhất đối với mình? Một số người nói: “Tất nhiên, đó là việc đưa lẽ thật vào thực hành”, trong khi những người khác nói: “Tất nhiên đó là việc đọc lời Đức Chúa Trời mỗi ngày”. Một số người nói: “Tất nhiên, đó là việc đến trước Đức Chúa Trời và cầu nguyện với Ngài mỗi ngày”, và rồi có những người nói: “Tất nhiên, đó là việc thực hiện bổn phận của con một cách đúng đắn mỗi ngày”. Thậm chí còn có một số người nói họ chỉ luôn nghĩ về việc làm thế nào để làm thỏa lòng Đức Chúa Trời, làm thế nào để vâng lời Ngài trong mọi việc, và làm thế nào để hành động hài hòa với ý muốn của Ngài. Có đúng thế không? Có phải đây là tất cả không? Ví dụ, một số người nói: “Con chỉ muốn đầu phục Đức Chúa Trời, nhưng mỗi khi con gặp vấn đề, thì con lại không thể”. Những người khác nói: “Con chỉ muốn làm thỏa lòng Đức Chúa Trời, và dù con chỉ có thể làm Ngài thỏa lòng một lần thôi cũng được – vậy mà con chưa bao giờ có thể làm Ngài thỏa lòng”. Một số người nói: “Con chỉ muốn đầu phục Đức Chúa Trời. Trong những thời gian thử luyện, con chỉ muốn đầu phục sự bố trí của Ngài, quyền tối thượng và sự sắp đặt của Ngài mà không có bất kỳ phản nản hay yêu cầu nào. Ấy vậy mà hầu như lần nào cũng vậy, con đều không thể đầu phục”. Thậm chí những người khác còn nói: “Khi con phải quyết định, con không bao giờ có thể chọn việc đưa lẽ thật vào thực hành. Con luôn luôn muốn thỏa mãn xác thịt và muốn thực hiện những mong muốn cá nhân ích kỷ của riêng mình”. Lý do cho điều này là gì? Trước khi sự thử thách của Đức Chúa Trời đến, các người cũng đã thách thức bản thân mình rất nhiều lần, thử làm và thử thách bản thân mình hết lần này đến lần khác phải không? Để xem liệu các người có thể thực sự đầu phục Đức Chúa Trời và thực sự làm Ngài thỏa lòng, và liệu các người có thể bảo đảm rằng mình sẽ không phản bội Ngài; để xem liệu các người có thể kiềm chế việc thỏa mãn bản thân mình và thực hiện những mong muốn ích kỷ của mình, và thay vào đó chỉ làm thỏa lòng Đức Chúa Trời mà không có bất kỳ sự lựa chọn cá nhân nào. Có ai làm điều này không? Thực ra, chỉ có một sự thật duy nhất đã được đặt trước chính mắt các người, và đó là điều mà mỗi một người các người đều quan tâm nhất và điều mà các người muốn biết nhất – vấn đề kết cục và đích đến của mọi người. Các người có thể không nhận ra điều đó, nhưng đây là điều mà không ai có thể phủ nhận. Khi nói đến lẽ thật về kết cục của con người, lời Đức Chúa Trời hứa với nhân loại, và loại đích đến Đức Chúa Trời dự định đưa con người vào là gì, thì Ta biết có một số người đã nghiên cứu lời Đức Chúa Trời về những chủ đề này nhiều lần. Rồi có những người đã nhiều lần tìm kiếm đáp án và nghiền ngẫm nó trong tâm trí, ấy vậy mà họ vẫn không tìm thấy gì, hoặc có lẽ rút cục đi đến một vài kết luận mơ hồ. Cuối cùng, họ vẫn không chắc chắn loại kết cục nào đang chờ đợi họ. Khi thực hiện bổn phận của mình, phần lớn mọi người có xu hướng muốn biết những đáp án rõ ràng cho những câu hỏi sau: “Kết cục của tôi sẽ ra sao? Tôi có thể đi con đường này đến tận cùng không? Đức Chúa Trời có thái độ nào đối với nhân loại?”. Thậm chí một số người còn lo lắng như vậy: “Trong quá khứ tôi đã làm một số việc và tôi đã nói một số điều; tôi đã bất tuân với Đức Chúa Trời, tôi đã có những hành động phản bội Đức Chúa Trời, và trong một số trường hợp nào đó, tôi đã không làm Đức Chúa Trời thỏa

lòng, tôi làm tổn thương cảm xúc của Ngài, tôi đã làm Ngài thất vọng và khiến Ngài căm ghét tôi, ghê tởm tôi. Do đó, không biết kết cục của tôi ra sao”. Công bằng mà nói rằng hầu hết mọi người đều cảm thấy bất an về kết cục của bản thân mình. Không ai dám nói rằng: “Tôi cảm thấy chắc chắn 100% rằng tôi sẽ là một người sống sót; tôi chắc chắn 100% rằng tôi có thể thỏa mãn ý muốn của Đức Chúa Trời. Tôi là người hợp lòng Đức Chúa Trời; tôi là người mà Đức Chúa Trời khen ngợi”. Một số người nghĩ rằng đi theo đường lối Đức Chúa Trời thì đặc biệt khó, và rằng việc đưa lẽ thật vào thực hành là việc khó nhất trong tất cả mọi việc. Hậu quả là, những người như thế tin chắc rằng họ vô phương cứu chữa, và không dám nuôi hy vọng về việc có được một kết cục tốt đẹp; hoặc có lẽ họ tin rằng họ không thể thỏa mãn ý muốn của Đức Chúa Trời và do đó không thể trở thành những người sống sót. Vì điều này, họ tuyên bố rằng họ không có hậu và không thể có một đích đến tốt đẹp. Bất kể con người nghĩ có chính xác đến đâu, thì hết thảy họ đều tự hỏi về kết cục của họ nhiều lần. Họ đang không ngừng tính toán và lên kế hoạch cho những vấn đề về tương lai của họ và về điều họ sẽ có được một khi Đức Chúa Trời hoàn thành công tác của Ngài. Một số người trả một cái giá gấp đôi; một số từ bỏ gia đình và công việc của mình, một số từ bỏ cuộc hôn nhân của mình; một số từ chức để dâng mình cho Đức Chúa Trời; một số rời bỏ nhà cửa để thực hiện bổn phận; một số chọn sự gian khổ và bắt đầu đảm nhận những nhiệm vụ chưa cay và nhọc nhằn nhất; một số chọn dâng hiến của cải và tận hiến hết thảy; và thậm chí số khác chọn việc mưu cầu lẽ thật và nỗ lực để biết Đức Chúa Trời. Cho dù các người chọn cách thực hành nào, cách thức các người thực hành có quan trọng hay không? (Không, nó không quan trọng.) Vậy thì chúng ta giải thích điều “không quan trọng” này như thế nào? Nếu phương pháp thực hành không quan trọng, thì điều gì mới quan trọng? (Hành vi tốt bên ngoài không đại diện cho việc đưa lẽ thật vào thực hành.) (Suy nghĩ của từng cá nhân không quan trọng; mấu chốt ở đây là liệu chúng con đã đưa lẽ thật vào thực hành hay chưa, và liệu chúng con có yêu mến Đức Chúa Trời hay không.) (Sự sụp đổ của những kẻ địch lại Đấng Christ và các nhà lãnh đạo giả giúp chúng con hiểu được rằng hành vi bên ngoài không phải là điều hệ trọng nhất. Nhìn bề ngoài, họ dường như đã từ bỏ nhiều thứ và dường như sẵn sàng trả giá, nhưng khi xem xét kỹ hơn, chúng con có thể thấy rằng họ hoàn toàn không tôn kính Đức Chúa Trời, mà thay vào đó họ lại chống đối Ngài trong mọi mặt. Vào những thời khắc quan trọng, họ luôn luôn đứng về phía Sa-tan và gây trở ngại cho công tác của Đức Chúa Trời. Vì thế, những cân nhắc chính ở đây là chúng con đứng về phía nào khi thời điểm đến, và quan điểm của chúng con về mọi thứ là gì.) Hết thảy các người đều nói hay lắm, và các người dường như đã có một sự hiểu biết cơ bản và một tiêu chuẩn để sống theo khi nói đến việc đưa lẽ thật vào thực hành, những ý định của Đức Chúa Trời và những yêu cầu của Đức Chúa Trời đối với nhân loại. Việc các người có thể nói như thế này rất là cảm động. Mặc dù một vài điều trong số những điều các người nói không chính xác lắm, nhưng các người đã đến gần với việc có một sự giải thích đúng đắn về lẽ thật – và điều này chứng tỏ rằng các người đã mở mang hiểu biết thực sự của bản thân về những con người, sự vật và sự việc xung

quanh mình, về tất cả những thứ xung quanh mình như đã được sắp đặt bởi Đức Chúa Trời, và về mọi thứ mà các người có thể nhìn thấy. Đây là sự hiểu biết sát với lẽ thật. Mặc dù những gì các người nói không hoàn toàn đầy đủ và một vài lời của các người không phù hợp lắm, nhưng sự nhận thức của các người hiện giờ đang gần với tính hiện thực của lẽ thật rồi. Nghe các người nói thế này làm cho Ta cảm thấy rất vui.

## **Niềm tin của con người không thể thay thế lẽ thật**

Một số người có thể chịu đựng khó khăn, có thể trả giá, bề ngoài cư xử rất tốt, khá được tôn trọng và thích được người khác ngưỡng mộ. Liệu các người có nói rằng kiểu hành vi bên ngoài này có thể được coi là đưa lẽ thật vào thực hành không? Người ta có thể khẳng định rằng những người như thế đang thỏa mãn ý muốn của Đức Chúa Trời không? Tại sao hết lần này đến lần khác mọi người thấy những cá nhân như thế và nghĩ rằng họ đang làm Đức Chúa Trời thỏa lòng, đi con đường đưa lẽ thật vào thực hành và giữ đường lối của Đức Chúa Trời? Tại sao một số người nghĩ theo cách này? Chỉ có một lời giải thích duy nhất cho điều đó. Lời giải thích đó là gì? Đó là đối với rất nhiều người thì một vài câu hỏi – như là đưa lẽ thật vào thực hành có nghĩa là gì, làm Đức Chúa Trời thỏa lòng có nghĩa là gì, và thực sự sở hữu thực tế của lẽ thật có nghĩa là gì – không rõ ràng lắm. Vì vậy, có một số người thường bị những kẻ bề ngoài có vẻ tâm linh, cao thượng, cao quý và vĩ đại lừa gạt. Đối với những kẻ có thể nói hùng hồn về những câu chữ và giáo lý, và những kẻ có lời nói và hành động có vẻ đáng ngưỡng mộ, thì những ai bị họ lừa gạt chưa bao giờ nhìn vào thực chất trong những hành động của họ, những nguyên tắc đằng sau việc làm của họ hoặc mục đích của họ là gì. Hơn nữa, họ chưa bao giờ nhìn xem liệu những người này có thực sự đầu phục Đức Chúa Trời hay không, và họ cũng chưa từng xác định liệu những người này có thực sự kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác hay không. Họ chưa bao giờ thông hiểu thực chất nhân tính của những người này. Đúng hơn, bắt đầu với bước đầu tiên là làm quen với họ, từng chút một, họ đã bắt đầu ngưỡng mộ và sùng kính những người này, và cuối cùng, những người này trở thành thần tượng của họ. Hơn nữa, trong tâm trí của một số người, những thần tượng mà họ tôn sùng – và những người họ tin có thể từ bỏ gia đình và công việc, và những người ngoài mặt ra vẻ có thể trả giá – là những người thực sự đang làm Đức Chúa Trời thỏa lòng và có thể thực sự có được kết cục và đích đến tốt đẹp. Trong tâm trí họ, những thần tượng này là những người mà Đức Chúa Trời khen ngợi. Điều gì khiến họ tin một điều như thế? Thực chất của vấn đề này là gì? Nó có thể dẫn tới hậu quả gì? Trước tiên chúng ta hãy thảo luận về thực chất của vấn đề.

Về thực chất, những vấn đề này liên quan đến quan điểm của con người, những phương pháp thực hành của họ, các nguyên tắc thực hành nào họ chọn để áp dụng, và những gì từng người họ có xu hướng chú trọng vào mà không liên quan gì đến những yêu cầu của Đức Chúa Trời đối với nhân loại. Dù con người chú trọng vào những vấn đề nông cạn hay sâu sắc, hoặc vào câu chữ và giáo lý hay tính hiện thực, thì họ cũng không tuân thủ những điều họ nên tuân thủ nhất, và họ cũng không biết điều nào họ nên

biết nhất. Lý do của việc này là vì con người không thích lẽ thật chút nào; như thế, họ không sẵn sàng bỏ thời giờ và công sức vào việc tìm kiếm và đưa vào thực hành những nguyên tắc thực hành được tìm thấy trong những lời phán của Đức Chúa Trời. Thay vào đó, họ thích sử dụng các lối tắt hơn, đúc kết những gì họ hiểu và nhận biết là cách thực hành tốt và hành vi tốt; sau đó đúc kết này trở thành mục tiêu theo đuổi của bản thân họ, điều mà họ xem như lẽ thật cần được thực hành. Hậu quả trực tiếp của việc này là mọi người dùng hành vi tốt của con người thay thế cho việc đưa lẽ thật vào thực hành, điều đó cũng thỏa mãn mong muốn nịnh nọt Đức Chúa Trời của họ. Điều này cho họ vốn liếng để đấu tranh với lẽ thật, điều mà họ cũng sử dụng để lý luận và cạnh tranh với Đức Chúa Trời. Đồng thời, con người cũng gạt Đức Chúa Trời sang một bên một cách vô liêm sỉ, thay thế Ngài bằng những thần tượng mà họ ngưỡng mộ. Chỉ có duy nhất một căn nguyên khiến cho con người có những hành động và quan điểm ngu dốt như thế, hay những ý kiến và thực hành phiến diện – và hôm nay Ta sẽ cho các người biết về nó: Lý do là, dù con người có thể đi theo Đức Chúa Trời, cầu nguyện với Ngài mỗi ngày và đọc lời Ngài mỗi ngày, nhưng họ không thực sự hiểu được ý muốn của Ngài. Gốc rễ của vấn đề nằm ở đây. Nếu ai đó hiểu được lòng Đức Chúa Trời và biết Ngài thích gì, Ngài ghét gì, Ngài muốn gì, Ngài loại bỏ gì, Ngài yêu loại người nào, Ngài không thích loại người nào, Ngài sử dụng loại tiêu chuẩn nào khi đặt ra những yêu cầu đối với con người và Ngài dùng cách tiếp cận nào để hoàn thiện họ, thì liệu người đó vẫn còn những ý kiến cá nhân của riêng mình không? Liệu những người như thế này chỉ đơn giản đi và thờ phượng người khác không? Liệu một người bình thường có thể trở thành thần tượng của họ được không? Những người hiểu được ý muốn của Đức Chúa Trời có quan điểm hợp lý hơn thế một chút. Họ sẽ không tùy tiện thần tượng hóa một con người bại hoại, và cũng sẽ không tin rằng, trong khi đi con đường đưa lẽ thật vào thực hành, việc mù quáng tuân thủ một vài quy tắc hoặc nguyên tắc đơn giản là tương đương với việc đưa lẽ thật vào thực hành.

## **Có nhiều ý kiến liên quan đến tiêu chuẩn mà Đức Chúa Trời dùng để định đoạt kết cục của con người**

Chúng ta hãy quay lại chủ đề này và tiếp tục thảo luận về vấn đề kết cục.

Trong khi điều mà mọi người đều quan tâm là kết cục của bản thân mình, nhưng các người có biết Đức Chúa Trời định đoạt kết cục đó như thế nào không? Đức Chúa Trời định đoạt kết cục của một người theo cách thức nào? Hơn nữa, Ngài sử dụng kiểu tiêu chuẩn nào để định đoạt nó? Khi kết cục của một người vẫn chưa được định đoạt, thì Đức Chúa Trời làm gì để tỏ lộ nó? Có ai biết không? Như Ta vừa mới phán, có một số người đã dành rất nhiều thời gian nghiên cứu lời Đức Chúa Trời trong nỗ lực tìm ra những manh mối về kết cục của con người, về những loại mà các kết cục này được phân chia, và về những kết cục khác nhau đang chờ đợi những loại người khác nhau. Họ cũng hy vọng tìm ra việc lời Đức Chúa Trời tuyên bố kết cục của con người như thế nào, Ngài sử dụng loại tiêu chuẩn nào, và chính xác Ngài định đoạt kết cục của một

người như thế nào. Tuy nhiên cuối cùng, những người này không bao giờ tìm được bất kỳ đáp án nào. Trong thực tế, vấn đề này được nói đến rất ít trong những lời phán của Đức Chúa Trời. Tại sao vậy? Chừng nào mà kết cục của con người chưa đến lúc tỏ lộ, thì Đức Chúa Trời không muốn cho ai biết cuối cùng chuyện gì sẽ xảy ra, mà Ngài cũng không muốn cho bất kỳ ai biết trước về đích đến của họ – bởi vì làm như thế sẽ không có bất kỳ lợi ích nào cho nhân loại. Ngay lúc này đây, Ta chỉ muốn cho các người biết về cách thức Đức Chúa Trời định đoạt kết cục của con người, về những nguyên tắc Ngài sử dụng trong công tác của Ngài để định đoạt và hiển lộ những kết cục này, và về tiêu chuẩn Ngài sử dụng để định đoạt liệu một ai đó có thể sống sót hay không. Chẳng phải đây là những câu hỏi mà các người quan tâm nhất sao? Vậy thì, mọi người cho rằng Đức Chúa Trời định đoạt kết cục của con người như thế nào? Các người vừa mới nói đến một phần của điều đó: Một số người trong các người đã nói rằng nó có liên quan đến việc thực hiện bổn phận của mình một cách trung tín và dâng mình cho Đức Chúa Trời; một số nói rằng đó là về việc đầu phục Đức Chúa Trời và làm Ngài thỏa lòng; một số nói đến nhân tố đầu phục sự an bài của Đức Chúa Trời; và một số nói mẩu chốt là ẩn mình kín đáo... Khi các người đưa những lẽ thật này vào thực hành, và khi các người thực hành theo những nguyên tắc mà các người cho là đúng, thì các người có biết Đức Chúa Trời nghĩ gì không? Các người có bao giờ suy xét xem liệu cứ tiếp tục như thế này thì có đang thỏa mãn ý muốn của Ngài hay không? Điều đó có đáp ứng tiêu chuẩn của Ngài không? Điều đó có đáp ứng các yêu cầu của Ngài không? Ta tin rằng hầu hết mọi người đều không thực sự suy nghĩ nhiều về những câu hỏi này. Họ chỉ áp dụng một cách máy móc một phần trong lời Đức Chúa Trời, hoặc một phần bài giảng, hoặc những tiêu chuẩn của những nhân vật tâm linh nào đó mà họ thần tượng hóa, tự ép mình làm điều này điều nọ. Họ tin rằng đây là cách làm đúng, vì vậy họ tiếp tục bám theo và thực hiện nó, bất kể cuối cùng điều gì sẽ xảy ra. Một số người nghĩ rằng: “Tôi đã có đức tin trong rất nhiều năm; tôi đã luôn luôn thực hành cách này. Tôi cảm thấy như tôi đã thực sự làm Đức Chúa Trời thỏa lòng, và tôi cũng cảm thấy như tôi đã nhận được rất nhiều từ điều đó. Đó là vì tôi đã bắt đầu hiểu nhiều lẽ thật trong thời gian này, cũng như nhiều điều mà trước đây tôi không hiểu được. Cụ thể là, nhiều tư tưởng và quan điểm của tôi đã thay đổi, giá trị cuộc sống của tôi đã thay đổi rất nhiều, và giờ đây tôi đã hiểu khá rõ về thế giới này”. Những người như thế tin rằng đây là một vụ thu hoạch, và đó là kết quả sau cùng trong công tác của Đức Chúa Trời đối với nhân loại. Theo quan điểm của các người, với những tiêu chuẩn này gộp chung với tất cả những sự thực hành của các người, thì các người có đang thỏa mãn ý muốn của Đức Chúa Trời không? Một số người trong các người sẽ nói chắc như đinh đóng cột rằng: “Tất nhiên! Chúng con đang thực hành theo lời Đức Chúa Trời; chúng con đang thực hành theo những điều được giảng và truyền đạt ở trên. Chúng con luôn luôn thực hiện bổn phận của mình và không ngừng đi theo Đức Chúa Trời, và chúng con chưa bao giờ rời bỏ Ngài. Do đó, chúng con có thể hoàn toàn tự tin nói rằng chúng con đang làm Đức Chúa Trời thỏa lòng. Bất kể chúng con hiểu được ý định của Ngài được bao nhiêu, và bất kể chúng con lĩnh hội lời Ngài

được bao nhiêu, thì chúng con cũng luôn luôn đi trên con đường cố gắng để tương hợp với Đức Chúa Trời. Miễn là chúng con hành động đúng và thực hành đúng, thì chúng con nhất định đạt được kết quả đúng”. Người nghĩ gì về quan điểm này? Nó có đúng không? Có thể cũng có một số người nói: “Trước đây, con chưa bao giờ nghĩ về những điều này. Con chỉ nghĩ rằng miễn là con còn tiếp tục thực hiện bổn phận của mình và hành động đúng với những yêu cầu trong lời Đức Chúa Trời, thì con có thể tồn tại. Con chưa bao giờ xem xét đến câu hỏi liệu con có thể làm thỏa lòng Đức Chúa Trời không, và con cũng chưa bao giờ xem xét liệu con có đang đáp ứng tiêu chuẩn mà Ngài đã đặt ra không. Vì Đức Chúa Trời chưa bao giờ cho con biết hay cung cấp cho con bất kỳ sự chỉ dẫn rõ ràng nào, nên con tin rằng miễn là con cứ tiếp tục làm việc và không dừng lại, thì Đức Chúa Trời sẽ thỏa lòng và không nên không đưa ra yêu cầu nào thêm đối với con”. Những niềm tin này có đúng không? Theo Ta nghĩ, cách thực hành này, lối suy nghĩ này, và những quan điểm này hết thảy đều kéo theo những ảo tưởng, cũng như là một chút mù quáng. Có lẽ Ta phán điều này khiến một vài người các người cảm thấy hơi nản lòng, suy nghĩ: “Sự mù quáng? Nếu đây là sự mù quáng, thì hy vọng của chúng con về sự cứu rỗi và sống sót rất ít và không chắc chắn, phải vậy không? Nói như thế, chẳng phải là Ngài đang dội gáo nước lạnh vào chúng con sao?”. Bất kể các người tin gì, những gì Ta phán và làm không phải là để làm cho các người cảm thấy như bị dội gáo nước lạnh. Đúng hơn, chúng nhằm cải thiện hiểu biết của các người về những ý định của Đức Chúa Trời và gia tăng sự thông hiểu của các người về những gì Ngài đang nghĩ, những gì Ngài muốn thực hiện, Ngài thích những loại người nào, Ngài ghét gì, Ngài khinh miệt điều gì, loại người nào Ngài mong muốn thu phục và loại người nào Ngài cự tuyệt. Chúng là để cho các người thông suốt trí óc và cho các người hiểu rõ về những hành động và suy nghĩ của từng người một các người đã đi lệch khỏi những tiêu chuẩn mà Đức Chúa Trời yêu cầu đến đâu. Có nhất thiết phải thảo luận về những chủ đề này không? Bởi vì Ta biết các người đã có đức tin từ rất lâu, và đã nghe rất nhiều lời giảng, nhưng đây chính là những điều mà các người thiếu nhất. Mặc dù các người đã ghi chép lại mọi lẽ thật vào sổ, đã thuộc lòng và khắc ghi trong lòng một số điều mà bản thân các người cho là quan trọng, và dù các người lên kế hoạch dùng những điều này để làm thỏa lòng Đức Chúa Trời trong khi thực hành, dùng chúng khi các người thấy cần, dùng chúng để vượt qua những thời điểm khó khăn phía trước, hoặc đơn giản là để những điều này đồng hành cùng các người trong khi các người sống đời mình, theo như Ta nghĩ, bất kể các người làm điều đó như thế nào, nếu các người chỉ làm thôi, thì điều này không quá quan trọng. Vậy điều gì mới thực sự quan trọng? Đó là trong khi người thực hành, người phải biết trong thâm tâm, với sự chắc chắn tuyệt đối, liệu mọi thứ người đang làm – từng việc làm đơn lẻ – có phù hợp với những gì Đức Chúa Trời muốn hay không, và liệu tất cả các hành động và suy nghĩ của người, các kết quả và mục tiêu mà người mong muốn đạt được có thực sự thỏa mãn ý muốn Đức Chúa Trời và đáp ứng những yêu cầu của Ngài, cũng như liệu Ngài có chấp thuận chúng hay không. Đây là những điều rất quan trọng.

## **Đi trong đường lối của Đức Chúa Trời: Kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác**

Có một câu nói mà các người nên ghi lại. Ta tin rằng câu nói này rất quan trọng, bởi vì đối với Ta, nó xuất hiện trong tâm trí vô số lần mỗi một ngày. Tại sao vậy? Chính vì mỗi lần Ta đối mặt với ai đó, mỗi lần Ta nghe câu chuyện của ai đó, và mỗi lần Ta nghe về sự trải nghiệm hay chứng ngôn về việc tin Đức Chúa Trời của một người, thì Ta luôn luôn sử dụng câu nói này để xác định trong lòng rằng liệu cá nhân này có phải là loại người mà Đức Chúa Trời muốn và loại người mà Đức Chúa Trời thích không. Vậy thì câu nói này là gì? Giờ thì Ta khiến tất cả các người đều thấp thỏm. Khi ta tiết lộ câu nói, có lẽ các người sẽ cảm thấy thất vọng, bởi vì nó là câu nói đầu môi chót lưỡi của một số người trong nhiều năm. Tuy nhiên, Ta chưa một lần nào coi nó là câu nói đầu môi chót lưỡi cả. Câu nói này ngự trong lòng Ta. Vậy thì câu nói này là gì? Đó là: “Đi trong đường lối của Đức Chúa Trời: Kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác”. Đây chẳng phải là một cụm từ cực kỳ đơn giản sao? Tuy nhiên, mặc dù nó đơn giản, những người đích thực có một sự hiểu biết sâu sắc về những lời này sẽ cảm thấy rằng chúng có tầm quan trọng rất lớn, rằng câu nói này rất có giá trị cho sự thực hành của con người, rằng đó là một câu từ ngôn ngữ cuộc sống chứa đựng thực tế của lẽ thật, rằng đó là một mục tiêu suốt đời đối với những ai cố gắng làm thỏa lòng Đức Chúa Trời, và rằng đó là một con đường đời mà bất kỳ ai quan tâm về những ý định của Đức Chúa Trời nên đi theo. Vậy thì, các người nghĩ gì: Câu nói này chẳng phải là lẽ thật sao? Nó có hay không tầm quan trọng như thế? Ngoài ra, có lẽ một số người trong các người đang suy nghĩ về câu nói này, và cố gắng luận ra nó, và có lẽ có một số người trong các người thậm chí còn cảm thấy nghi ngờ về nó: Câu nói này rất quan trọng sao? Nó rất quan trọng sao? Có cần thiết phải nhấn mạnh nó nhiều đến thế không? Cũng có thể có vài người trong các người không thích câu nói này lắm, bởi vì các người nghĩ rằng việc lấy đường lối của Đức Chúa Trời và chất lọc nó thành một câu nói này là một sự đơn giản hóa quá mức. Lấy tất cả những gì Đức Chúa Trời phán và cô đặc lại thành một câu nói – chẳng phải điều đó sẽ làm cho Đức Chúa Trời hóa ra hơi quá tầm thường sao? Điều đó có phải như vậy không? Có thể là hầu hết các người không hiểu đầy đủ về ý nghĩa sâu sắc của những từ này. Dù tất cả các người đều đã ghi chép nó, nhưng các người không có ý định cất giữ câu nói này trong lòng; các người chỉ đơn giản viết nó vào sổ ghi chép để xem lại và suy ngẫm trong thời gian rảnh rỗi. Một số người các người sẽ thậm chí còn không bận tâm ghi nhớ câu này, chứ đừng nói đến việc cố gắng tận dụng nó. Dù vậy, tại sao Ta muốn đề cập đến câu nói này? Bất kể quan điểm của các người là gì và bất kể các người nghĩ gì, Ta phải đề cập đến câu nói này, vì nó cực kỳ liên quan đến việc Đức Chúa Trời định đoạt kết cục của con người như thế nào. Bất kể hiện tại các người hiểu gì về câu nói này hoặc các người xem nó như thế nào, thì Ta vẫn sẽ cho các người biết điều này: Nếu con người có thể đưa những lời trong câu nói này vào thực hành và trải nghiệm, cũng như đáp ứng tiêu chuẩn kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác,

thì đảm bảo họ sẽ là những người sống sót và chắc chắn có những kết cục tốt đẹp. Tuy nhiên, nếu người không thể đáp ứng tiêu chuẩn câu nói này đề ra, thì có thể nói rằng kết cục của người là một ẩn số. Do đó, Ta phán với các người về câu nói này để cho các người chuẩn bị tinh thần và để các người sẽ biết loại tiêu chuẩn nào Đức Chúa Trời sử dụng để đo lường các người. Như Ta vừa phán với các người, câu nói này cực kỳ liên quan đến sự cứu rỗi loài người của Đức Chúa Trời, cũng như là cách Ngài định đoạt kết cục của con người. Nó liên quan theo cách nào? Nếu các người thực sự muốn biết, vậy thì hôm nay chúng ta sẽ thảo luận về điều đó.

## **Đức Chúa Trời dùng những thử luyện khác nhau để thử xem con người có kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác hay không**

Trong mỗi thời đại công tác của Đức Chúa Trời, Ngài ban cho con người một số lời và cho họ biết một vài lẽ thật. Những lẽ thật này đóng vai trò là đường lối mà con người nên tuân thủ, đường lối mà con người nên bước vào, đường lối làm cho họ kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác, đường lối mà con người nên đưa vào thực hành và tuân theo trong cuộc sống và trong suốt hành trình cuộc đời của mình. Chính vì những lý do này mà Đức Chúa Trời bày tỏ những lời này với loài người. Những lời đến từ Đức Chúa Trời này nên được con người tuân theo, và tuân theo chúng là nhận được sự sống. Nếu một người không tuân theo chúng, không đưa chúng vào thực hành, và không sống bày tỏ ra lời Đức Chúa Trời trong đời mình, thì người này đang không đưa lẽ thật vào thực hành. Hơn nữa, nếu con người đang không đưa lẽ thật vào thực hành, thì họ đang không kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác, mà cũng không thể làm Đức Chúa Trời thỏa lòng. Những ai không có khả năng làm Đức Chúa Trời thỏa lòng thì không thể nhận được sự khen ngợi của Ngài, và những người như thế không có hậu. Thế thì, trong quá trình công tác của Ngài, Đức Chúa Trời định đoạt kết cục của một người như thế nào? Ngài sử dụng phương pháp nào để định đoạt kết cục của một người? Có lẽ vào lúc này các người vẫn còn chút mơ hồ về điều này, nhưng khi Ta nói cho các người biết về quá trình này, thì nó sẽ trở nên khá rõ ràng, bởi vì nhiều người trong các người đã tự mình trải nghiệm nó rồi.

Trong suốt quá trình công tác của Ngài, ngay từ thuở ban đầu, Đức Chúa Trời đã đặt ra những thử luyện cho mọi người – hay người có thể nói là mọi người đi theo Ngài – và những thử luyện này đến trong những phạm vi khác nhau. Có những người đã trải qua thử luyện bị gia đình từ bỏ, những người trải qua thử luyện trong những môi trường bất lợi, những người trải qua thử luyện bị bắt giữ và tra tấn, những người trải qua thử luyện phải đối diện với những sự lựa chọn, và những người đối diện những thử luyện về tiền tài địa vị. Nói chung, từng người trong các người đều đã đối diện với đủ kiểu thử luyện. Tại sao Đức Chúa Trời lại làm như thế này? Tại sao Ngài lại đối xử với mọi người theo cách này? Ngài tìm kiếm loại kết quả gì? Đây là điểm mà Ta mong muốn truyền đạt lại cho các người: Đức Chúa Trời muốn nhìn thấy con người này có phải là loại người kính sợ Ngài và lánh khỏi điều ác hay không. Điều này có nghĩa là khi Đức Chúa



Trời đưa ra một thử luyện cho người, và để người đối diện với tình cảnh nào đó, thì ý định của Ngài là thử xem người có phải là người kính sợ Ngài và lánh khỏi điều ác hay không. Nếu người nào đó đối diện với bốn phận cất giữ của lễ, và bốn phận này dẫn đến việc tiếp xúc với các cửa lễ dâng Đức Chúa Trời, liệu người có nói rằng đây là điều mà Đức Chúa Trời đã sắp đặt không? Chắc chắn là thế! Mọi thứ mà người gặp phải đều là điều Đức Chúa Trời đã sắp đặt. Khi người đối mặt với vấn đề này, Đức Chúa Trời sẽ bí mật quan sát người, theo dõi xem người chọn gì, người thực hành như thế nào, và người có những suy nghĩ gì. Điều Đức Chúa Trời quan tâm nhất là kết quả cuối cùng, vì chính kết quả này giúp Ngài đánh giá liệu người có sống theo tiêu chuẩn của Ngài trong thử luyện cụ thể này không. Tuy nhiên, bất cứ khi nào con người gặp vấn đề, thì họ thường không suy nghĩ về việc tại sao họ lại đang đối diện với nó, tiêu chuẩn mà Đức Chúa Trời mong đợi họ đáp ứng là gì, Ngài muốn nhìn thấy điều gì ở họ hoặc Ngài mong muốn đạt được gì từ họ. Khi đối mặt với vấn đề này, những người như thế chỉ đơn thuần suy nghĩ: “Đây là điều mà tôi phải đối mặt; tôi phải cẩn thận, không được bất cẩn! Dù gì đi nữa, đây là của lễ dâng Đức Chúa Trời và tôi không được phép chạm vào”. Được trang bị với những suy nghĩ đơn giản như thế, con người tin rằng họ đã hoàn thành trách nhiệm của mình. Liệu kết quả của sự thử luyện này có làm Đức Chúa Trời thỏa lòng hay không? Nào, hãy nói về điều đó đi. (Nếu con người kính sợ Đức Chúa Trời trong lòng, thì khi đối mặt với một bốn phận cho phép họ tiếp xúc với những cửa lễ dâng Đức Chúa Trời, họ sẽ cân nhắc xem sẽ dễ xúc phạm đến tâm tính của Đức Chúa Trời như thế nào, và điều đó khiến họ chắc chắn phải tiến hành cẩn thận.) Đáp án của người thì đúng hướng, nhưng mà nó chưa hoàn toàn trúng. Đi trong đường lối của Đức Chúa Trời không phải là việc tuân theo các quy tắc bề ngoài; đúng hơn, nó có nghĩa là khi người gặp phải một vấn đề, trước hết người xem nó là một tình huống đã được Đức Chúa Trời sắp đặt, một trách nhiệm mà Ngài đã giao cho người, hoặc một nhiệm vụ mà Ngài đã giao phó cho người. Khi đối diện vấn đề này, người thậm chí nên xem nó như là một sự thử luyện mà Đức Chúa Trời đã đặt ra cho người. Khi người gặp vấn đề này, người phải có một tiêu chuẩn trong lòng, và người phải nghĩ rằng vấn đề này đã đến từ Đức Chúa Trời. Người phải nghĩ cách xử lý nó theo cách mà người có thể hoàn thành trách nhiệm của mình trong khi vẫn trung tín với Đức Chúa Trời, cũng như là làm điều đó như thế nào mà không khiến Ngài giận dữ hoặc xúc phạm tâm tính của Ngài. Một vài phút trước chúng ta đã nói về việc cất giữ các cửa lễ. Vấn đề này liên quan đến các cửa lễ, và nó cũng đã động đến bốn phận và trách nhiệm của người. Người có bốn phận đối với trách nhiệm này. Tuy nhiên, khi đối mặt với vấn đề này, có bất kỳ sự căm dỗ nào không? Có. Sự căm dỗ này đến từ đâu? Sự căm dỗ này đến từ Sa-tan, và nó cũng đến từ tâm tính xấu xa, bại hoại của con người. Cho rằng có sự căm dỗ, vấn đề này liên quan đến việc đứng ra làm chứng mà con người phải thực hiện, đó cũng là trách nhiệm và bốn phận của người. Một số người nói: “Đây là một vấn đề nhỏ mà; có thực sự cần phải làm to chuyện thế không?”. Đây là điều không thể cần thiết hơn! Đó là vì để giữ đường lối của Đức Chúa Trời, chúng ta không thể bỏ qua bất kỳ điều gì xảy ra đối với

chúng ta hoặc xung quanh chúng ta, ngay cả những điều nhỏ nhất; dù chúng ta có suy nghĩ mình nên chú ý đến nó hay không, miễn là bất kỳ vấn đề nào mà chúng ta đang đối mặt thì chúng ta không được bỏ qua nó. Tất cả mọi thứ xảy ra nên được xem như là những thử luyện mà Đức Chúa Trời đã đặt ra cho chúng ta. Người nghĩ thế nào về cách nhìn nhận sự việc này? Nếu người có kiểu thái độ này, thì điều đó xác nhận một sự thật: Trong thâm tâm, người kính sợ Đức Chúa Trời và sẵn sàng lánh khỏi điều ác. Nếu người có mong muốn làm Đức Chúa Trời thỏa lòng như thế này, thì những gì người đưa vào thực hành sẽ không còn xa để đáp ứng tiêu chuẩn kính sợ Đức Chúa Trời và tránh khỏi điều ác.

Thường có những người tin rằng những vấn đề mà con người không chú ý nhiều và không đề cập đến thường xuyên chỉ là những chuyện nhỏ nhất không liên quan gì đến việc đưa lẽ thật vào thực hành. Khi đối diện với một vấn đề như thế, những người này không suy nghĩ nhiều về nó, và sau đó họ để nó trôi qua. Tuy nhiên trong thực tế, vấn đề này là một bài học mà người nên học – một bài học về việc làm thế nào để kính sợ Đức Chúa Trời và làm thế nào để lánh khỏi điều ác. Hơn nữa, điều mà người càng nên quan tâm nhiều hơn nữa là việc biết Đức Chúa Trời đang làm gì khi vấn đề này nảy sinh đối với người. Đức Chúa Trời ở ngay bên cạnh người, quan sát từng lời nói và hành động của người, dõi theo mọi việc người làm và những thay đổi xảy ra trong suy nghĩ của người – đây là công tác của Đức Chúa Trời. Một số người hỏi: “Nếu điều đó đúng, thì tại sao con đã không cảm nhận được nó?”. Người đã không cảm nhận được nó bởi vì người không tuân theo đường lối kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác như là con đường chính yếu của mình; do đó người không thể cảm nhận được công việc tinh tế mà Đức Chúa Trời làm trong con người, điều biểu lộ theo những ý tưởng và hành động khác nhau của con người. Người thật là một người đáng trí! Vấn đề lớn là gì? Vấn đề nhỏ là gì? Những vấn đề liên quan đến việc đi trong đường lối của Đức Chúa Trời không được phân chia thành vấn đề lớn hay nhỏ, tất cả đều là việc quan trọng – các người có thể chấp nhận điều đó không? (Chúng con có thể chấp nhận điều đó.) Về những vấn đề diễn ra hàng ngày, có một vài vấn đề mà con người xem là rất lớn và quan trọng, và những chuyện khác được xem là những vấn đề vặt vãnh. Con người thường xem những vấn đề lớn này là rất quan trọng, và họ coi như chúng được Đức Chúa Trời đưa đến. Tuy nhiên, khi những vấn đề lớn này diễn ra, do vóc giạc non nớt của con người và vì tố chất kém của họ, con người thường không đủ khả năng thực hiện ý muốn của Đức Chúa Trời, không thể nhận được bất kỳ sự mặc khải nào, và không thể có được bất kỳ kiến thức thực tế nào có giá trị. Đối với các vấn đề nhỏ, những điều này chỉ đơn giản là bị con người làm ngơ và để dần dần trôi qua. Như thế, con người đã mất nhiều cơ hội để được soi xét trước Đức Chúa Trời và được Ngài thử luyện. Nếu người luôn luôn bỏ qua những con người, sự vật, sự việc, và những tình huống mà Đức Chúa Trời đã sắp đặt cho người thì điều đó có nghĩa là gì? Nó có nghĩa là mỗi ngày, và thậm chí mỗi phút giây, người đang liên tục chối bỏ việc Đức Chúa Trời hoàn thiện người, cũng như sự dẫn dắt của Ngài. Bất cứ khi nào Đức Chúa Trời sắp

đặt một tình huống cho người, Ngài cũng đang bí mật theo dõi, nhìn vào lòng người, quan sát những suy nghĩ và cân nhắc của người, theo dõi cách người suy nghĩ, và chờ xem người sẽ hành động thế nào. Nếu người là một người bất cẩn – một người chưa bao giờ nghiêm túc về đường lối của Đức Chúa Trời, lời Ngài hoặc lẽ thật – thì người sẽ không quan tâm hay chú ý đến những gì Đức Chúa Trời mong muốn hoàn thành hoặc những yêu cầu Ngài mong người đạt được khi Ngài sắp đặt một môi trường nhất định cho người. Người cũng sẽ không biết những con người, sự vật và sự việc mà người gặp có liên quan thế nào đến lẽ thật hoặc ý muốn của Đức Chúa Trời. Sau khi người đối mặt với những tình cảnh lặp đi lặp lại và những thử luyện lặp đi lặp lại như thế này, mà Đức Chúa Trời không nhìn thấy bất kỳ kết quả nào trong người, thì Ngài sẽ tiếp tục như thế nào? Sau khi đã liên tục đối mặt với những thử luyện, người chưa tôn vinh Đức Chúa Trời trong lòng, người cũng chưa thấy được những tình cảnh Đức Chúa Trời đã sắp đặt cho người thực chất là những sự thử luyện và kiểm tra từ Đức Chúa Trời. Thay vào đó, người đã lần lượt từ chối những cơ hội mà Đức Chúa Trời đã ban cho người, để chúng trôi qua hết lần này đến lần khác. Đây chẳng phải là sự bất tuân tội bực mà con người biểu lộ ra sao? (Đúng vậy.) Đức Chúa Trời sẽ cảm thấy tổn thương vì điều này không? (Ngài sẽ cảm thấy vậy.) Sai rồi, Đức Chúa Trời sẽ không cảm thấy bị tổn thương! Nghe Ta phán điều như thế một lần nữa làm các người bị sốc. Có lẽ người đang suy nghĩ: “Chẳng phải trước đây đã nói rằng Đức Chúa Trời luôn luôn cảm thấy bị tổn thương sao? Như thế chẳng lẽ Đức Chúa Trời không cảm thấy bị tổn thương? Vậy thì khi nào Ngài cảm thấy bị tổn thương?”. Tóm lại, Đức Chúa Trời sẽ không cảm thấy bị tổn thương trong tình huống này. Vậy thì, Đức Chúa Trời có thái độ thế nào đối với kiểu hành xử được đề cập ở trên? Khi con người từ chối những thử luyện và kiểm tra mà Đức Chúa Trời đã đưa đến, và khi họ chạy trốn chúng, thì Đức Chúa Trời chỉ có một thái độ duy nhất đối với những người như vậy. Thái độ này là gì? Đức Chúa Trời cự tuyệt loại người này từ tận đáy lòng Ngài. Có hai tầng nghĩa cho từ “cự tuyệt”. Ta nên giải thích nó thế nào theo quan điểm của Ta? Về cơ bản, từ “cự tuyệt” mang nghĩa rộng là ghê tởm và căm ghét. Tầng nghĩa còn lại thì sao? Đó là phần ám chỉ việc từ bỏ điều gì đó. Hết thảy các người đều biết “từ bỏ” có nghĩa là gì đúng không? Tóm lại, “cự tuyệt” là một từ thể hiện phản ứng và thái độ sau cùng của Đức Chúa Trời đối với những ai đang hành xử theo cách như thế; đó là sự căm ghét tội cùng đối với họ, và sự kinh tởm, do đó, dẫn đến quyết định loại bỏ họ. Đây là quyết định sau cùng của Đức Chúa Trời đối với một người chưa bao giờ đi trong đường lối của Đức Chúa Trời và chưa bao giờ kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Giờ đây hết thảy các người đều có thể thấy được tầm quan trọng của câu nói mà Ta đã đề cập đến lúc đầu rồi phải không?

Giờ đây các người đã hiểu được phương pháp Đức Chúa Trời sử dụng để định đoạt kết cục của con người phải không? (Ngài sắp đặt các tình cảnh khác nhau mỗi ngày.) Ngài sắp đặt các tình cảnh khác nhau – đây là điều mà con người có thể cảm nhận và tiếp xúc. Vậy thì, lý do để Đức Chúa Trời làm việc này là gì? Ý định của Ngài là đưa ra cho từng người một những cách thức thử luyện khác nhau vào những thời gian khác

nhau và tại những địa điểm khác nhau. Những phương diện nào của con người được đưa vào kiểm tra trong một cuộc thử luyện? Một cuộc thử luyện xác định xem người có phải là kiểu người kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác trong từng vấn đề người đối mặt, nghe thấy, nhìn thấy và đích thân trải nghiệm hay không. Mọi người đều sẽ đối mặt với loại thử luyện này, bởi vì Đức Chúa Trời công bằng đối với hết thảy mọi người. Một vài người trong số các người nói: “Con đã tin vào Đức Chúa Trời trong nhiều năm, vậy tại sao con chưa bao giờ đối mặt với bất kỳ thử luyện nào?”. Người cảm thấy rằng người chưa đối mặt với bất kỳ thử luyện nào bởi vì bất cứ khi nào Đức Chúa Trời sắp đặt những tình cảnh cho người, người đã không xem trọng nó và không muốn bước đi trong đường lối của Đức Chúa Trời. Do đó, người hoàn toàn không cảm nhận được những thử luyện của Đức Chúa Trời. Một số người nói: “Con đã đối mặt với một vài thử luyện, nhưng con không biết cách thực hành đúng đắn. Ngay cả khi con đã thực hành, con vẫn không biết liệu mình đã đứng vững trong những thử luyện của Đức Chúa Trời hay chưa”. Những người ở trong tình trạng kiểu này chắc chắn không phải là thiểu số. Vậy thì, tiêu chuẩn Đức Chúa Trời dùng để đo lường con người là gì? Đó chính là điều Ta vừa phán lúc nãy: Chính là việc người có kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác trong mọi việc người làm, suy nghĩ và thể hiện hay không. Đây là cách xác định xem người có phải là người kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác hay không. Khái niệm này có đơn giản hay không? Điều đó nói thì đơn giản, nhưng có dễ dàng đưa vào thực hành không? (Điều đó không dễ như vậy.) Tại sao lại không dễ như vậy? (Bởi vì con người không biết Đức Chúa Trời, và họ không biết Đức Chúa Trời hoàn thiện con người như thế nào, vì thế khi họ đối diện với vấn đề, họ không biết cách tìm ra lẽ thật để giải quyết những vấn đề của mình. Họ phải trải qua nhiều sự thử luyện, tinh luyện, hành phạt và phán xét khác nhau trước khi họ có thể sở hữu hiện thực kính sợ Đức Chúa Trời.) Các người có thể giải thích theo cách đó, nhưng theo các người, thì ngay bây giờ việc kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác dường như rất dễ dàng thực hiện. Tại sao Ta phán điều này? Chính vì các người đã nghe nhiều bài giảng và nhận không ít sự chăm tưới từ thực tế của lẽ thật; điều này đã cho phép các người hiểu cách để kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác về mặt lý thuyết và trí thức. Đối với việc làm thế nào để thực sự đưa việc kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác đó vào thực hành, thì tất cả kiến thức này rất hữu ích và làm cho người cảm thấy dường như một điều như thế có thể đạt được một cách dễ dàng. Vậy thì, tại sao con người không bao giờ có thể thực sự đạt được điều đó? Đó là vì bản tính và thực chất con người không kính sợ Đức Chúa Trời, và nó thích cái ác. Đây là lý do thực sự.

## **Không kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác là chống đối Đức Chúa Trời**

Để Ta bắt đầu bằng cách hỏi các người câu nói “kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác” đến từ đâu. (Sách Gióp.) Vì chúng ta vừa đề cập đến Gióp, nên hãy bàn về ông ta. Trong thời đại của Gióp, Đức Chúa Trời có đang làm việc vì sự cứu rỗi và

chinh phục nhân loại không? Không. Chẳng phải vậy sao? Ngoài ra, đối với Gióp, khi đó ông có được bao nhiêu kiến thức về Đức Chúa Trời? (Không nhiều.) Sự hiểu biết của Gióp về Đức Chúa Trời là nhiều hay ít hơn của các người ngay lúc này? Tại sao các người lại không dám trả lời? Đây là một câu hỏi rất dễ trả lời. Ít hơn! Chắc chắn là thế! Ngày nay các người đối diện với Đức Chúa Trời và mặt đối mặt với lời Đức Chúa Trời; sự hiểu biết của các người về Đức Chúa Trời nhiều hơn của Gióp. Tại sao Ta đề cập đến điều này? Mục đích của Ta khi phán những điều này là gì? Ta muốn giải thích một sự thật với các người, nhưng trước khi Ta giải thích, Ta muốn hỏi các người một câu hỏi: Gióp biết rất ít về Đức Chúa Trời, nhưng mà vẫn có thể kính sợ Ngài và lánh khỏi điều ác; tại sao con người ngày nay không làm được như thế? (Họ bị bại hoại một cách sâu sắc.) Việc họ bị bại hoại một cách sâu sắc là một hiện tượng bề nổi tạo ra vấn đề, nhưng Ta sẽ không bao giờ xem nó theo cách như vậy. Các người thường lấy những giáo lý và cụm từ được sử dụng thường xuyên, như là “sự bại hoại sâu sắc”, “đầy nghịch với Đức Chúa Trời”, “bất trung với Đức Chúa Trời”, “sự bất tuân”, “không thích lẽ thật”, v.v., và dùng những cụm từ thông dụng này để giải thích về thực chất của từng vấn đề một. Đây là một cách thực hành sai trật. Sử dụng cùng một đáp án để giải thích những vấn đề có bản chất khác nhau thì không tránh khỏi việc nảy sinh những sự nghi ngờ báng bổ về lẽ thật và Đức Chúa Trời; Ta không thích nghe kiểu đáp án này. Hãy suy nghĩ thật kỹ càng về điều đó! Không ai trong các người có bất kỳ suy nghĩ nào về vấn đề này, nhưng Ta có thể nhìn thấy nó từng ngày, và từng ngày một Ta có thể cảm nhận nó. Do đó, trong khi các người hành động, Ta đang theo dõi. Khi các người đang làm một việc gì, các người không thể cảm nhận được thực chất của nó, nhưng khi Ta theo dõi, Ta có thể thấy được thực chất của nó và Ta cũng có thể cảm nhận được thực chất của nó nữa. Vậy thì thực chất này là gì? Tại sao con người ngày nay không thể kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác? Những đáp án của các người không thể giải thích được thực chất của vấn đề, và chúng cũng không thể giải quyết nó. Đó là vì nó có một nguồn gốc mà các người không biết. Nguồn gốc này là gì? Ta biết hết thấy các người đều muốn nghe về nó, vì thế Ta sẽ cho các người biết về nguồn gốc của vấn đề này.

Từ khi Đức Chúa Trời bắt đầu thực hiện công tác, Ngài đã nghĩ về con người như thế nào? Đức Chúa Trời đã giải thoát họ; Ngài đã xem con người như là những thành viên trong gia đình Ngài, là những đối tượng công tác của Ngài, là những người Ngài muốn chinh phục và cứu rỗi, và là những người Ngài muốn hoàn thiện. Đây là thái độ của Đức Chúa Trời đối với nhân loại vào lúc Ngài bắt đầu công tác. Dù vậy, thái độ của nhân loại đối với Ngài khi đó là gì? Đức Chúa Trời không quen thuộc với con người và họ đã xem Đức Chúa Trời như một người xa lạ. Có thể nói rằng thái độ của họ đối với Đức Chúa Trời đã không gặt hái được kết quả tốt đẹp, và rằng họ đã không hiểu rõ mình nên đối xử với Đức Chúa Trời như thế nào. Vậy nên, họ đã đối xử với Ngài theo bất kỳ cách nào họ muốn, và làm bất kỳ điều gì họ thích. Họ đã có bất kỳ quan điểm nào về Đức Chúa Trời không? Lúc đầu, họ không có; những cái gọi là quan điểm của họ chỉ đơn thuần bao gồm những quan niệm và giả định nào đó về Ngài. Họ chấp nhận những

gì phù hợp với các quan niệm của họ, và khi có điều gì không phù hợp với các quan niệm của họ thì bề ngoài họ tuân theo, nhưng trong thâm tâm họ cảm thấy hết sức mâu thuẫn và đã chống lại nó. Đây là mối quan hệ giữa Đức Chúa Trời và con người vào thuở ban đầu: Đức Chúa Trời xem họ như là những thành viên trong gia đình, còn họ đã đối xử với Ngài như một người xa lạ. Tuy nhiên, sau một giai đoạn công tác của Đức Chúa Trời, con người bắt đầu hiểu được điều Ngài đang cố gắng đạt được, và họ đã biết rằng Ngài là Đức Chúa Trời thật; họ cũng bắt đầu biết được những gì họ có thể có được từ Đức Chúa Trời. Vào thời điểm này con người đã nghĩ về Đức Chúa Trời như thế nào? Họ đã xem Ngài như phao cứu sinh, và hy vọng được Ngài ban cho ân điển, các phước lành và lời hứa. Vào thời điểm này, Đức Chúa Trời đã nghĩ về con người như thế nào? Ngài đã xem họ là những mục tiêu chinh phục của Ngài. Đức Chúa Trời muốn sử dụng lời để phán xét họ, để thử họ và để giúp họ vượt qua thử luyện. Tuy nhiên, đối với con người khi đó, Đức Chúa Trời chỉ là một đối tượng mà họ có thể sử dụng để đạt được những mục đích của bản thân mình. Con người thấy rằng lẽ thật Đức Chúa Trời đưa ra có thể chinh phục và cứu rỗi họ, rằng họ đã có một cơ hội để có được những gì họ muốn từ Ngài, cũng như để đạt được những đích đến mà họ muốn. Vì điều này, một chút ít chân thành đã hình thành trong lòng họ, và họ trở nên sẵn sàng đi theo vị Đức Chúa Trời này. Thời gian trôi qua, và do họ đã có được một số kiến thức hời hợt và giáo lý về Đức Chúa Trời, thậm chí có thể nói rằng con người đang bắt đầu trở nên “quen thuộc” với Đức Chúa Trời và những lời Ngài phán, việc giảng dạy của Ngài, lẽ thật Ngài đưa ra và công tác của Ngài. Do đó họ đã hiểu sai rằng Đức Chúa Trời đã không còn xa lạ, và rằng họ đã đặt chân lên con đường để trở nên tương hợp với Đức Chúa Trời. Cho đến nay, con người đã nghe rất nhiều bài giảng về lẽ thật và kinh qua rất nhiều công tác của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, bởi vì sự can thiệp và cản trở gây ra bởi nhiều yếu tố và tình cảnh khác nhau, hầu hết mọi người không thể thành công trong việc đưa lẽ thật vào thực hành, và họ cũng không thể làm Đức Chúa Trời thỏa lòng. Con người ngày càng trở nên ù lì và ngày càng thiếu tự tin. Họ ngày càng ý thức được rằng họ không biết được kết cục của chính mình. Họ không dám đưa ra bất kỳ ý tưởng ngông cuồng nào, và họ không cố gắng để đạt tiến bộ; họ chỉ miễn cưỡng theo sau, tiến về phía trước, từng bước một. Đối với tình trạng hiện nay của con người, Đức Chúa Trời có thái độ nào đối với họ? Ngài chỉ mong ban những lẽ thật này cho họ và làm cho họ thấm nhuần đường lối của Ngài, sau đó sắp đặt những tình cảnh khác nhau để thử luyện họ bằng nhiều cách khác nhau. Mục tiêu của Ngài là dùng những lời này, những lẽ thật này và công tác của Ngài và mang lại một kết cục mà nhờ đó con người có khả năng kính sợ Ngài và lánh khỏi điều ác. Hầu hết những người mà Ta thấy chỉ đơn thuần lấy lời Đức Chúa Trời và xem chúng như là những giáo lý, chỉ là những câu chữ viết trên giấy, những quy định cần phải tuân thủ. Trong lời nói và hành động của họ, hoặc trong khi đối mặt với sự thử luyện, họ không xem đường lối của Đức Chúa Trời là một đường lối họ phải tuân theo. Điều này đặc biệt đúng khi con người đối mặt với những thử luyện lớn; Ta không thấy bất kỳ người nào thực hành theo hướng kính sợ Đức Chúa Trời và

lánh khỏi điều ác. Do đó, thái độ của Đức Chúa Trời đối với con người đầy những sự ghê tởm và căm ghét cực độ! Mặc dù Ngài đã nhiều lần đưa ra những thử luyện cho họ, thậm chí hàng trăm lần, nhưng họ vẫn không có bất kỳ thái độ rõ ràng nào để thể hiện quyết tâm của mình: “Con muốn kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác!”. Vì con người không có quyết tâm này và không thực hiện kiểu bày tỏ này, nên thái độ hiện tại của Đức Chúa Trời đối với họ không giống như trong quá khứ, khi Ngài dành cho họ lòng thương xót, khoan dung, nhin nhục và nhẫn nại. Thay vào đó, Ngài cực kỳ thất vọng về loài người. Ai đã gây ra sự thất vọng này? Thái độ của Đức Chúa Trời đối với con người phụ thuộc vào ai? Nó phụ thuộc vào mỗi một người đi theo Ngài. Trong suốt quá trình công tác nhiều năm của Ngài, Đức Chúa Trời đã đưa ra nhiều yêu cầu đối với con người và sắp đặt nhiều tình cảnh cho họ. Tuy vậy, bất kể họ đã thể hiện như thế nào, và bất luận thái độ của họ đối với Đức Chúa Trời ra sao, thì con người đã không thể thực hành rõ ràng theo mục tiêu kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Vì vậy, Ta sẽ đưa ra một cụm từ tóm tắt, và dùng cụm từ này để giải thích mọi điều chúng ta vừa nói về việc tại sao con người không thể đi trong đường lối của Đức Chúa Trời về việc kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Cụm từ này là gì? Chính là: Đức Chúa Trời xem con người là đối tượng cứu rỗi của Ngài và đối tượng công tác của Ngài; con người xem Đức Chúa Trời là kẻ thù của họ và sự đối lập của họ. Giờ đây người đã hiểu rõ về vấn đề này phải không? Con người có thái độ nào, Đức Chúa Trời có thái độ nào và mối quan hệ giữa Đức Chúa Trời và con người là gì đều rất rõ ràng. Cho dù các người có nghe bao nhiêu bài giảng, thì những điều mà từ đó người đã rút ra những kết luận cho riêng mình, như là trung thành với Đức Chúa Trời, đầu phục Đức Chúa Trời, tìm kiếm con đường trở nên tương hợp với Đức Chúa Trời, muốn dành trọn đời cho Đức Chúa Trời và muốn sống vì Đức Chúa Trời – đối với Ta, những điều này không phải là những ví dụ của việc đi trong đường lối của Đức Chúa Trời một cách có ý thức, tức là kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác, mà thay vào đó, chúng chỉ là những kênh mà qua đó các người có thể đạt được những mục tiêu nhất định. Để đạt được chúng, các người miễn cưỡng tuân thủ một vài quy định, và chính những quy định này khiến con người còn xa rời hơn khỏi đường lối kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác, và điều đó lại đặt Đức Chúa Trời vào sự đối nghịch với loài người một lần nữa.

Đề tài của ngày hôm nay khá nặng, nhưng dù thế nào, Ta vẫn hy vọng rằng khi các người trải qua những trải nghiệm sắp xảy đến, và những thời đại sắp tới, thì các người sẽ có thể làm những gì mà Ta vừa phán với các người. Đừng xem Đức Chúa Trời chỉ là một khối không khí – như thể Ngài tồn tại khi Ngài có ích đối với người, nhưng lại không tồn tại khi người không cần Ngài. Một khi người có tư tưởng như thế trong tiềm thức, thì người đã làm Đức Chúa Trời tức giận. Có thể có những người nói rằng: “Con không xem Đức Chúa Trời chỉ là không khí. Con luôn luôn cầu nguyện với Ngài và luôn luôn cố gắng làm Ngài thỏa lòng, và mọi thứ con làm đều nằm trong phạm vi, tiêu chuẩn và những nguyên tắc mà Đức Chúa Trời yêu cầu. Con chắc chắn không đang thực hành theo những ý tưởng của riêng mình”. Vâng, cách thức mà trong đó người đang thực

hành thì đúng. Tuy nhiên, người nghĩ gì khi người đối diện với một vấn đề? Người thực hành thế nào khi người phải đối diện với một vấn đề? Một vài người cảm thấy rằng Đức Chúa Trời tồn tại khi họ cầu nguyện với Ngài và cầu xin Ngài, nhưng rồi bất cứ khi nào họ gặp phải một vấn đề, họ đều nảy ra những ý tưởng của riêng mình và muốn tuân theo chúng. Điều này có nghĩa là họ xem Đức Chúa Trời chỉ là một khối không khí, và một tình huống như thế làm cho Đức Chúa Trời không hiện hữu trong tâm trí họ. Con người cho rằng Đức Chúa Trời nên hiện hữu khi họ cần Ngài, nhưng đừng nên hiện hữu khi họ không cần Ngài. Con người nghĩ rằng việc thực hành dựa trên những ý tưởng của riêng họ là đủ rồi. Họ cho rằng họ có thể làm bất cứ điều gì họ muốn; họ hoàn toàn không cho rằng họ cần tìm kiếm đường lối Đức Chúa Trời. Đối với những người hiện nay đang ở trong kiểu tình huống này và mất kẹt trong tình trạng này, chẳng phải họ đang chuốc lấy nguy hiểm sao? Một vài người nói: “Dù con có đang chuốc lấy nguy hiểm hay không, con đã có đức tin trong rất nhiều năm, và con tin rằng Đức Chúa Trời sẽ không từ bỏ con, bởi vì Ngài đã không thể chịu được”. Những người khác nói: “Con đã tin vào Chúa từ khi con còn trong bụng mẹ. Đã được bốn mươi hay năm mươi năm rồi, vì thế xét về thời gian, con xứng đáng nhất để được Đức Chúa Trời cứu rỗi và con xứng đáng nhất để sống sót. Trong bốn hoặc năm thập kỷ này, con đã từ bỏ gia đình và công việc của mình và con đã từ bỏ mọi thứ con có – những thứ như tiền tài, địa vị, sự hưởng thụ và thời gian với gia đình. Con đã không ăn nhiều món ăn ngon, con đã không thưởng thức nhiều trò giải trí, con đã không đi tham quan nhiều nơi thú vị và thậm chí con đã trải qua những đau khổ mà người bình thường không thể chịu được. Nếu Đức Chúa Trời không thể cứu rỗi con vì tất cả những điều này, thì con đang bị đối xử không công bằng, và con không thể tin vào vị Đức Chúa Trời kiểu này”. Có nhiều người có kiểu quan điểm này không? (Có.) Vậy thì hôm nay Ta sẽ giúp các người hiểu một sự thật: Những người có quan điểm như thế đều đang vô tình làm hại mình. Đó là vì họ đang che mắt mình bằng những tưởng tượng của bản thân. Chính những tưởng tượng này, cũng như những kết luận của riêng họ, chiếm chỗ của tiêu chuẩn mà Đức Chúa Trời yêu cầu con người phải đáp ứng và cản trở họ chấp nhận những ý định thực sự của Đức Chúa Trời. Nó làm cho họ không thể cảm nhận được sự tồn tại thực sự của Ngài, và nó cũng khiến họ mất đi cơ hội được Đức Chúa Trời hoàn thiện, từ bỏ bất kỳ phần nào hoặc chia sẻ nào trong lời hứa của Đức Chúa Trời.

## **Đức Chúa Trời định đoạt kết cục của con người như thế nào và theo những tiêu chuẩn nào**

Trước khi đưa ra bất kỳ quan điểm hay kết luận nào, thì trước tiên người nên hiểu được Đức Chúa Trời có thái độ nào đối với người và Ngài đang nghĩ gì, sau đó người có thể quyết định xem suy nghĩ của bản thân mình có đúng hay không. Đức Chúa Trời chưa bao giờ dùng thời gian như là một đơn vị đo lường để định đoạt kết cục của một người, và Ngài cũng chưa bao giờ định đoạt như thế dựa trên việc một người đã chịu bao nhiêu đau khổ. Vậy thì, Đức Chúa Trời sử dụng điều gì như một tiêu chuẩn để định



đoạt kết cục của một người? Định đoạt nó dựa trên thời gian sẽ là điều phù hợp với những quan niệm của con người nhất. Hơn nữa, có những người mà các người thường thấy họ tại một thời điểm đã cống hiến rất nhiều, nỗ lực rất nhiều, trả một giá rất đắt, và chịu đựng rất nhiều. Đây là những người, theo cách nhìn của các người, có thể được Đức Chúa Trời cứu rỗi. Tất cả những gì những người này thể hiện và sống bày tỏ ra đều hoàn toàn phù hợp với những quan niệm của con người về những tiêu chuẩn để định đoạt kết cục của con người do Đức Chúa Trời đề ra. Bất kể các người tin điều gì, Ta sẽ không liệt kê từng ví dụ này. Tóm lại, bất kỳ điều gì không phải là một tiêu chuẩn trong chính suy nghĩ của Đức Chúa Trời, mà thay vào đó đến từ sự tưởng tượng của con người, và tất cả những điều như thế đều là các quan niệm của con người. Nếu người cứ mù quáng khăng khăng bám vào những quan niệm và sự tưởng tượng của riêng mình, thì kết quả sẽ ra sao? Hoàn toàn rõ ràng rằng hậu quả của việc này chỉ có thể là bị Đức Chúa Trời cự tuyệt. Đó là vì người luôn luôn phô trương năng lực của mình trước Đức Chúa Trời, cạnh tranh với Ngài, tranh luận với Ngài, và người không cố gắng để thực sự hiểu thấu suy nghĩ của Ngài, người cũng không cố gắng để hiểu thấu ý muốn của Ngài hay thái độ của Ngài đối với nhân loại. Việc tiến hành theo cách thức này tôn vinh chính bản thân người trên hết thảy; điều đó không tôn vinh Đức Chúa Trời. Người tin vào chính mình; người không tin vào Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời không muốn những con người như thế, và Ngài cũng sẽ không mang sự cứu rỗi đến cho họ. Nếu người có thể buông bỏ kiểu quan điểm này, và hơn nữa, điều chỉnh những quan điểm sai trật mà người có trong quá khứ, nếu người có thể tiến hành theo những yêu cầu của Đức Chúa Trời, nếu người có thể thực hành đường lối kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác từ giờ trở đi, nếu người có thể cố gắng để tôn vinh Đức Chúa Trời là Đấng vĩ đại trong muôn vật và cố không sử dụng những sự tưởng tượng, quan điểm hay niềm tin của chính bản thân mình để định nghĩa chính mình và Đức Chúa Trời, mà thay vào đó nếu người có thể tìm ra những ý định của Đức Chúa Trời trong mọi phương diện, bắt đầu nhận ra và hiểu được thái độ của Ngài đối với nhân loại, và làm Đức Chúa Trời thỏa lòng bằng cách đáp ứng các tiêu chuẩn của Ngài, điều đó sẽ thật tuyệt vời! Điều đó sẽ báo hiệu rằng người sắp dần thân vào con đường kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác.

Nếu Đức Chúa Trời không sử dụng những suy nghĩ, ý tưởng và quan điểm khác nhau của con người như là những tiêu chuẩn dùng để định đoạt kết cục của họ, thì Ngài sử dụng loại tiêu chuẩn nào để định đoạt kết cục của con người? Ngài sử dụng những sự thử luyện để định đoạt kết cục của họ. Có hai tiêu chuẩn cho việc Đức Chúa Trời sử dụng những sự thử luyện để định đoạt kết cục của con người: Thứ nhất là số lượng những thử luyện mà con người trải qua và thứ hai là kết quả mà những thử luyện này mang lại cho con người. Chính hai chỉ số này hình thành nên kết cục của một con người. Bây giờ, hãy thảo luận chi tiết về hai tiêu chuẩn này.

Để bắt đầu, khi một người đối diện với một sự thử luyện từ Đức Chúa Trời (sự thử luyện này có thể là một sự thử luyện nhỏ đối với người, không đáng nhắc đến), Ngài sẽ

làm cho người nhận ra một cách rõ ràng rằng đây là bàn tay Ngài đặt trên người, và rằng chính Ngài đã sắp đặt tình cảnh này cho người. Trong khi người còn non nớt về vóc giạc, Đức Chúa Trời sẽ sắp đặt những sự thử luyện để kiểm tra người, và những thử luyện này sẽ tương xứng với vóc giạc của người, những gì người có thể lĩnh hội, và những gì người có thể chịu được. Phần nào của người sẽ được thử luyện? Thái độ của người đối với Đức Chúa Trời. Thái độ này rất quan trọng phải không? Tất nhiên nó quan trọng! Nó đặc biệt quan trọng! Thái độ này trong con người là kết quả mà Đức Chúa Trời mong muốn, vì vậy theo Ngài, nó là điều quan trọng nhất trong tất cả mọi điều. Nếu không, Đức Chúa Trời sẽ không dành nỗ lực của Ngài cho con người bằng cách tiến hành công tác như thế. Qua các thử luyện này, Đức Chúa Trời muốn nhìn thấy thái độ của người đối với Ngài; Ngài muốn thấy liệu người có đi đúng hướng hay không. Ngài cũng muốn thấy liệu người có kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác hay không. Do đó, dù người có hiểu nhiều hay ít về lẽ thật vào bất kỳ thời điểm cụ thể nào, thì người vẫn sẽ đối diện với những sự thử luyện của Đức Chúa Trời, và dựa theo bất kỳ sự gia tăng nào về lượng lẽ thật mà người hiểu được, Ngài sẽ tiếp tục sắp đặt những sự thử luyện thích hợp cho người. Khi người một lần nữa lại đối diện với một sự thử luyện, Đức Chúa Trời sẽ muốn nhìn thấy liệu quan điểm, các tư tưởng và thái độ của người đối với Ngài có trải qua được bất kỳ tiến bộ nào trong giai đoạn này không. Một số người tự hỏi: “Tại sao Đức Chúa Trời luôn luôn muốn thấy thái độ của con người? Chẳng phải Ngài đã nhìn thấy họ đưa lẽ thật vào thực hành như thế nào rồi sao? Tại sao Ngài vẫn muốn thấy thái độ của họ?”. Đây là một lời nói ngớ ngẩn! Trong khi Đức Chúa Trời làm việc theo cách thức này, thì ý muốn của Ngài phải nằm ở đó. Đức Chúa Trời liên tục ở bên cạnh quan sát con người, theo dõi từng lời nói và hành động của họ, từng việc làm và chuyển động của họ; thậm chí Ngài còn quan sát từng suy nghĩ và ý tưởng của họ. Đức Chúa Trời ghi nhận lại mọi thứ xảy ra với con người – những việc lành, thiếu sót, vi phạm của họ, ngay cả những sự dấy loạn và phản bội của họ – như là những chứng cứ dùng để định đoạt kết cục của họ. Từng bước một, khi công tác của Đức Chúa Trời gia tăng, người sẽ nghe nhiều lẽ thật hơn và bắt đầu chấp nhận những điều và thông tin tích cực hơn, và người sẽ đạt được nhiều hơn tính hiện thực của lẽ thật. Trong suốt quá trình này, những yêu cầu của Đức Chúa Trời đối với người cũng sẽ tăng lên, và khi chúng tăng lên, Ngài sẽ sắp đặt những thử luyện khắc nghiệt hơn cho người. Mục tiêu của Ngài là kiểm tra xem liệu thái độ của người đối với Ngài trong lúc đó có tiến bộ không. Tất nhiên, khi điều này xảy ra, quan điểm mà Đức Chúa Trời yêu cầu ở người sẽ tương ứng với sự hiểu biết của người về thực tế của lẽ thật.

Khi vóc giạc của người dần dần lớn lên, thì tiêu chuẩn mà Đức Chúa Trời yêu cầu ở người cũng sẽ như vậy. Trong khi người còn non nớt, Ngài sẽ đặt một tiêu chuẩn rất thấp để người đáp ứng; khi vóc giạc của người lớn hơn một chút, Ngài sẽ nâng tiêu chuẩn cho người cao hơn một chút. Nhưng Đức Chúa Trời sẽ làm gì sau khi người đã hiểu tất cả lẽ thật? Ngài sẽ để người đối mặt với những thử luyện còn lớn lao hơn. Giữa những thử luyện này, điều mà Đức Chúa Trời mong muốn đạt được từ người, điều Ngài

muốn thấy từ người, là một sự hiểu biết sâu sắc hơn về Ngài, một sự tôn kính thực sự đối với Ngài. Vào thời điểm này, những yêu cầu của Ngài đối với người sẽ cao hơn và “khe khát hơn” những yêu cầu khi vóc giặc của người còn non nớt hơn (con người có thể xem chúng là khe khát, nhưng Đức Chúa Trời thực sự xem chúng là hợp lý). Khi Đức Chúa Trời đang thử luyện con người, Ngài muốn tạo ra kiểu hiện thực nào? Ngài không ngừng yêu cầu con người dâng lòng mình cho Ngài. Một số người sẽ nói: “Làm sao con có thể dâng lòng mình cho Ngài? Con đã thực hiện bốn phận của mình; con đã từ bỏ gia đình và kế sinh nhai của mình, và con đã dành trọn bản thân mình. Chẳng phải đây là tất cả những điển hình của việc con dâng trọn lòng mình cho Đức Chúa Trời sao? Con có thể dâng lòng mình cho Đức Chúa Trời theo cách nào khác nữa? Lẽ nào những điều này không phải là những cách thực sự dâng lòng mình cho Đức Chúa Trời sao? Những yêu cầu cụ thể của Đức Chúa Trời là gì?”. Yêu cầu rất đơn giản. Thực ra, có một số người đã dâng lòng mình cho Đức Chúa Trời ở những mức độ khác nhau trong những giai đoạn thử luyện khác nhau của họ, nhưng đại đa số mọi người không bao giờ dâng trọn lòng mình cho Đức Chúa Trời. Khi Đức Chúa Trời thử luyện người, Ngài thấy được lòng người ở với Ngài, với xác thịt hay với Sa-tan. Khi Đức Chúa Trời thử luyện người, Ngài thấy được liệu người đang đứng ở vị trí đối nghịch với Ngài hay ở một vị trí tương hợp với Ngài, và Ngài cũng nhìn thấy lòng của người có đứng về phía Ngài hay không. Khi người còn non nớt và đối diện với những sự thử luyện, người ít tự tin, và người không thể biết chính xác người cần phải làm gì để thực hiện những ý định của Đức Chúa Trời, bởi sự hiểu biết của người về lẽ thật còn hạn chế. Tuy nhiên, nếu người vẫn có thể cầu nguyện với Đức Chúa Trời một cách thành thật và chân thành, và nếu người có thể sẵn sàng dâng trọn lòng mình cho Đức Chúa Trời, tôn Ngài là Đấng Tối Cao của người, và sẵn lòng dâng lên Ngài tất cả những gì mà người cho là quý giá nhất, thì người cũng đã dâng lòng mình cho Ngài. Khi người nghe nhiều bài giảng hơn và hiểu thêm về lẽ thật, thì vóc giặc của người sẽ dần dần phát triển. Vào thời điểm này, tiêu chuẩn mà Đức Chúa Trời yêu cầu sẽ không giống như lúc người chưa trưởng thành; Ngài sẽ yêu cầu người một tiêu chuẩn cao hơn. Khi con người dần dần dâng lòng mình cho Đức Chúa Trời, lòng họ từ từ đến gần với Ngài hơn; khi con người có thể thực sự đến gần với Đức Chúa Trời hơn, thì lòng họ sẽ càng tôn kính Ngài hơn bao giờ hết. Điều Đức Chúa Trời muốn chỉ là một tấm lòng như thế.

Khi Đức Chúa Trời muốn thu nhận lòng của một người nào đó, Ngài sẽ để người đó vượt qua nhiều thử luyện. Trong những cuộc thử luyện này, nếu Đức Chúa Trời không thu nhận được lòng của người đó hay không thấy rằng người này có bất kỳ thái độ nào – nghĩa là, nếu Đức Chúa Trời không thấy người này thực hành hay hành xử theo cách thể hiện sự tôn kính với Ngài, và nếu Ngài không nhìn thấy ở người này một thái độ và quyết tâm lánh khỏi điều ác – thì sau nhiều cuộc thử luyện, Đức Chúa Trời sẽ không còn nhẫn nại với họ, và Ngài sẽ không dung thứ họ nữa. Ngài sẽ không còn thử luyện người này, và Ngài sẽ không còn làm việc trên họ nữa. Vậy thì, điều này có ý nghĩa gì đối với kết cục của người này? Nó có nghĩa là họ không có hậu. Có thể người này đã

không làm điều gì xấu xa; có thể họ đã không phá hoại hay gây nhiều loạn gì. Có thể họ đã không chống đối Đức Chúa Trời một cách công khai. Tuy nhiên, lòng của người này vẫn còn ẩn giấu với Đức Chúa Trời; họ chưa bao giờ có một thái độ và quan điểm rõ ràng đối với Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời không thể thấy rõ rằng họ đã dâng lòng mình cho Ngài hoặc họ đang cố gắng để kính sợ Ngài và lánh khỏi điều ác. Đức Chúa Trời mất kiên nhẫn với những người như thế, và sẽ không còn trả bất kỳ giá nào cho họ, dành bất kỳ sự thương xót nào cho họ hoặc làm việc trên họ. Đời sống đức tin nơi Đức Chúa Trời của một người như thế đã kết thúc. Đó là vì, trong tất cả nhiều thử luyện mà Đức Chúa Trời đưa ra cho họ, Đức Chúa Trời đã không thu nhận được kết quả Ngài muốn. Do đó, có một số người mà Ta chưa bao giờ nhìn thấy sự khai sáng và soi sáng của Đức Thánh Linh trong họ. Điều này có thể được hiểu như thế nào? Những người này có thể đã tin vào Đức Chúa Trời trong nhiều năm, và bề ngoài, họ hành xử một cách sốt sắng; họ đã đọc nhiều sách, xử lý nhiều công việc, ghi chép gần cả chục quyển sổ, và nắm vững rất nhiều lời và giáo lý. Tuy nhiên, không bao giờ có thể nhìn thấy bất kỳ sự tăng trưởng nào trong họ, quan điểm của họ về Đức Chúa Trời vẫn vô hình, và thái độ của họ vẫn không rõ ràng. Nói cách khác, không thể nhìn thấy lòng của họ; chúng luôn luôn được bọc lại và niêm phong – chúng bị cô lập khỏi Đức Chúa Trời. Vì thế, Ngài không nhìn thấy tấm lòng thật sự của họ, Ngài không nhìn thấy trong những người này bất kỳ sự tôn kính thật sự nào đối với Ngài, và hơn nữa, Ngài đã không nhìn thấy những người này đi trong đường lối Ngài như thế nào. Nếu đến giờ Đức Chúa Trời vẫn chưa thu phục được những người như thế, thì trong tương lai liệu Ngài có thể thu phục được họ không? Ngài không thể! Ngài sẽ tiếp tục thúc đẩy những điều mà không thể đạt được không? Ngài sẽ không tiếp tục! Vậy thì, thái độ hiện tại của Đức Chúa Trời đối với những người như thế là gì? (Ngài cự tuyệt họ và bỏ mặc họ.) Ngài bỏ mặc họ! Đức Chúa Trời không quan tâm những người như thế; Ngài cự tuyệt họ. Các người đã thuộc những từ này rất nhanh và rất chính xác. Dường như các người đã hiểu những gì các người vừa nghe được!

Có một số người, khi họ bắt đầu đi theo Đức Chúa Trời, là người chưa trưởng thành và thiếu hiểu biết; họ không hiểu được ý muốn của Ngài, và họ cũng không biết tin vào Ngài nghĩa là gì. Họ chấp nhận một con đường tin và theo Đức Chúa Trời do con người thai dục và sai lầm. Khi những con người như thế phải đối diện với sự thử luyện, họ không nhận thức được điều đó; họ vẫn còn tê liệt đối với sự dẫn dắt và khai sáng của Đức Chúa Trời. Họ không biết dâng trọn lòng mình cho Đức Chúa Trời có nghĩa là gì hoặc đứng vững trong sự thử luyện có nghĩa là gì. Đức Chúa Trời sẽ cho những người như thế một khoảng thời gian có giới hạn, và trong thời gian này, Ngài sẽ để họ hiểu những sự thử luyện của Ngài là gì và ý định của Ngài là gì. Sau đó, những người này phải thể hiện quan điểm của mình. Đối với những người ở giai đoạn này, Đức Chúa Trời vẫn đang chờ đợi. Còn đối với những ai đã có một vài quan điểm nhưng vẫn còn dao động, những người muốn dâng trọn lòng mình cho Đức Chúa Trời nhưng không đành cam chịu làm như thế, và những người, mặc dù đã đưa một vài lẽ thật căn bản vào thực hành, cố gắng ẩn giấu và đầu hàng khi đối mặt với những thử luyện lớn – Đức Chúa

Trời có thái độ nào đối với họ? Ngài vẫn còn mong đợi một chút ít từ họ, và kết quả phụ thuộc vào thái độ và sự thể hiện của họ. Nếu con người không tích cực tiến bộ, Đức Chúa Trời sẽ làm gì? Ngài từ bỏ họ. Đó là vì, trước khi Ngài từ bỏ người, thì người đã từ bỏ chính mình. Do đó, người không thể đổ lỗi cho Đức Chúa Trời vì đã làm như vậy. Thật sai trật khi người tỏ sự bất bình về Đức Chúa Trời.

## **Một câu hỏi thực tế mang đến những bối rối khác nhau trong con người**

Có một loại người khác có kết cục bi thảm nhất trong tất cả mọi người; đây là loại người mà Ta ít muốn đề cập nhất. Họ bi thảm không phải vì họ đã bị Đức Chúa Trời trừng phạt, không phải vì những yêu cầu của Ngài đối với họ khe khắt và do đó họ có một kết cục bi thảm; đúng hơn là, họ bi thảm bởi vì họ tự chuốc lấy. Tục ngữ có câu: tự đào mồ chôn mình. Loại người nào làm điều này? Những người này không đi đúng đường, và kết cục của họ được tiết lộ trước. Trong mắt Đức Chúa Trời, những người như thế là những đối tượng Ngài ghê tởm nhất. Theo cách nói của con người, những người như thế là những người đáng thương nhất. Khi những người như thế bắt đầu đi theo Đức Chúa Trời, họ rất sốt sắng; họ trả một giá đắt, có đánh giá cao về những triển vọng trong công tác của Đức Chúa Trời, và có một trí tưởng tượng phong phú khi nói về tương lai của chính mình. Họ cũng đặc biệt tin tưởng vào Đức Chúa Trời, tin rằng Ngài có thể làm cho con người trọn vẹn và đưa họ đến một đích đến vinh hiển. Tuy nhiên, vì đủ mọi lý do, những người này sau đó chạy trốn trong quá trình công tác của Đức Chúa Trời. “Chạy trốn” ở đây có nghĩa là gì? Nó có nghĩa là họ biến mất mà không một lời tạm biệt, vô cùng lặng lẽ; họ bỏ đi không nói một lời. Mặc dù những người như thế tuyên bố tin vào Đức Chúa Trời, nhưng họ không bao giờ thực sự vững vàng trên con đường đức tin của mình. Do đó, bất kể họ đã tin Ngài được bao lâu, thì họ vẫn có khả năng quay lưng lại với Đức Chúa Trời. Một số người bỏ đi để làm kinh doanh, một số bỏ đi để sống đời sống của mình, một số bỏ đi để làm giàu, và một số bỏ đi để lập gia đình và có con cái... Trong số những người bỏ đi, có một số người sau đó bị lương tâm cắn rứt và muốn quay lại, còn những người khác có một thời gian xoay sở rất khó khăn và cuối cùng trôi dạt trong thế gian năm này qua năm nọ. Những kẻ trôi dạt này trải qua rất nhiều đau khổ, và họ tin rằng sống trong thế gian quá đau đớn và rằng họ không thể tách rời khỏi Đức Chúa Trời. Họ muốn trở về nhà Đức Chúa Trời để nhận được sự an ủi, bình an và niềm vui, và họ muốn tiếp tục tin vào Đức Chúa Trời để thoát khỏi thảm họa, hoặc có được sự cứu rỗi và một đích đến tốt đẹp. Đó là vì những người này tin rằng tình yêu thương của Đức Chúa Trời là vô biên, và ân điển của Ngài là vô tận. Họ nghĩ rằng bất kể ai đó đã làm gì, thì Đức Chúa Trời sẽ tha thứ cho họ và dung thứ cho quá khứ của họ. Những người này lặp đi lặp lại rằng họ muốn quay lại và thực hiện bổn phận của mình. Thậm chí có những người cho hội thánh một số đồ đạc của mình, hy vọng rằng điều này sẽ mở đường trở lại nhà Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời có thái độ nào đối với những người như thế? Ngài sẽ định đoạt kết cục của họ như thế nào? Cứ thoải mái phát biểu. (Con đã nghĩ rằng Đức Chúa Trời sẽ chấp nhận loại người

này, nhưng sau khi nghe những lời vừa rồi, con cảm thấy Ngài có thể không chấp nhận.) Hãy trình bày sự lập luận của người. (Những người như thế chỉ đến trước Đức Chúa Trời để cho kết cục của họ không phải là cái chết. Họ không đến để tin vào Đức Chúa Trời vì sự chân thành thực sự; họ đến bởi vì họ biết rằng công tác của Đức Chúa Trời sẽ sớm hoàn thành, vì vậy họ bị ảo tưởng rằng họ có thể đến và nhận được các phước lành.) Người đang nói rằng những người này không thành tâm tin vào Đức Chúa Trời, vì vậy Ngài không thể chấp nhận họ, đúng không? (Đúng.) (Theo sự hiểu biết của con thì những người như thế chỉ là những kẻ cơ hội, và không thực sự tin vào Đức Chúa Trời.) Họ đã không đến để tin vào Đức Chúa Trời; họ là những kẻ cơ hội. Nói hay lắm! Những kẻ cơ hội này là loại người mà mọi người đều ghét. Gió chiều nào họ xoay chiều ấy, và không bận tâm làm bất cứ điều gì trừ khi việc đó có lợi cho họ, vì vậy tất nhiên họ rất đáng khinh! Có bất kỳ anh chị em nào khác có ý kiến muốn chia sẻ không? (Đức Chúa Trời sẽ không chấp nhận họ nữa, bởi vì công tác của Ngài sắp hoàn thành, và bây giờ là thời điểm kết cục của con người đang được quyết định. Chính vào lúc này mà những người này muốn quay trở lại – không phải vì họ thực sự muốn mưu cầu lẽ thật, mà vì họ nhìn thấy thảm họa đang giáng xuống, hoặc vì họ đang bị ảnh hưởng bởi những yếu tố bên ngoài. Nếu họ thực sự có ý định mưu cầu lẽ thật, thì họ sẽ không bao giờ chạy trốn trong quá trình công tác của Đức Chúa Trời.) Có bất kỳ ý kiến nào khác nữa không? (Họ sẽ không được chấp nhận. Đức Chúa Trời thực sự đã cho họ cơ hội, nhưng họ vẫn tiếp tục giữ thái độ lơ là đối với Ngài. Bất kể ý định của những người này là gì, và ngay cả khi họ thực sự ăn năn, thì Đức Chúa Trời vẫn sẽ không để họ quay trở lại. Đó là vì Ngài đã cho họ rất nhiều cơ hội, nhưng họ đã thể hiện thái độ của mình: Họ muốn rời bỏ Đức Chúa Trời. Vì lý do này, nếu bây giờ họ cố gắng quay trở lại, thì Đức Chúa Trời sẽ không chấp nhận họ.) (Con đồng ý rằng Đức Chúa Trời sẽ không chấp nhận loại người này, bởi vì nếu một người đã thấy được con đường đúng, đã trải nghiệm công tác của Đức Chúa Trời trong một khoảng thời gian dài như thế, mà vẫn có thể trở lại thế gian và vòng tay của Sa-tan, thì đây là một sự phản bội ghê gớm đối với Đức Chúa Trời. Mặc dù thực tế rằng thực chất của Đức Chúa Trời là lòng thương xót và yêu thương, nhưng còn tùy thuộc vào loại người nào mà thực chất đó đang được nhắm vào. Nếu người này đến trước Đức Chúa Trời để tìm kiếm sự an ủi hay mưu cầu điều gì đó để trông cậy vào, thì họ hoàn toàn không phải là loại người thành tâm tin vào Đức Chúa Trời, và sự thương xót của Đức Chúa Trời đối với những người như thế chỉ tới mức đó thôi.) Nếu thực chất của Đức Chúa Trời là lòng thương xót, thì tại sao Ngài không ban cho loại người này thêm một chút nữa? Có thêm chút lòng thương xót, thì chẳng phải người này sẽ có một cơ hội sao? Trong quá khứ, con người thường nói rằng Đức Chúa Trời muốn mọi người đều được cứu rỗi và không muốn bất kỳ ai phải chịu sự hư mất; nếu một trong một trăm con chiên đi lạc, thì Đức Chúa Trời sẽ rời khỏi chín mươi chín con để đi tìm kiếm con bị thất lạc. Giờ đây, khi nói đến những người này, Đức Chúa Trời có nên chấp nhận họ và cho họ cơ hội thứ hai vì có đức tin chân thành của họ không? Đây thực sự không phải là một câu hỏi khó; nó rất đơn giản! Nếu các người thực sự nhận thức thấu đáo về

Đức Chúa Trời và có một sự hiểu biết thực sự về Ngài, thì không cần phải giải thích nhiều – và cũng không cần phải suy đoán nhiều, đúng không? Những đáp án của các người thì đi đúng hướng, nhưng mà vẫn còn thiếu nhiều về thái độ của Đức Chúa Trời.

Vừa rồi, một vài người trong các người đã bày tỏ chắc chắn rằng Đức Chúa Trời không thể chấp nhận loại người này. Những người khác thì không rõ lắm, cho rằng Đức Chúa Trời có thể chấp nhận hoặc không chấp nhận – thái độ này là thái độ ôn hòa hơn. Cũng có những người trong số các người có quan điểm rằng các người hy vọng Đức Chúa Trời sẽ chấp nhận loại người này – thái độ này là thái độ mơ hồ hơn. Những người trong số các người chắc chắn trong điều mình nghĩ thì tin rằng Đức Chúa Trời đã làm việc quá lâu rồi, và rằng công tác của Ngài đã hoàn tất, vì vậy Ngài không cần phải khoan dung với những người này; vì thế, các người nghĩ rằng Ngài sẽ không chấp nhận họ lần nữa. Những người ôn hòa hơn trong số các người tin rằng những vấn đề này nên được xử lý theo những trường hợp riêng biệt; nếu tấm lòng của những người này không thể tách rời khỏi Đức Chúa Trời, và nếu họ thực sự tin vào Đức Chúa Trời và mưu cầu lẽ thật, thì Đức Chúa Trời nên quên hết những điểm yếu và sai lầm của họ trước đây – Ngài nên tha thứ những người này, cho họ một cơ hội thứ hai, và cho phép họ trở về nhà Ngài và nhận sự cứu rỗi của Ngài. Tuy nhiên, nếu những người này sau đó lại chạy trốn một lần nữa, thì Đức Chúa Trời sẽ không cần họ nữa, và việc từ bỏ những người này không thể xem là một sự bất công. Có một nhóm khác hy vọng Đức Chúa Trời có thể chấp nhận một người như thế. Nhóm này thì không hoàn toàn chắc chắn liệu Đức Chúa Trời sẽ thực sự làm như vậy hay không. Nếu họ cho rằng Ngài sẽ chấp nhận loại người này, nhưng mà Ngài lại không chấp nhận, thì dường như quan điểm này hơi không phù hợp với quan điểm của Đức Chúa Trời. Nếu họ cho rằng Đức Chúa Trời không nên chấp nhận một người như thế, và Đức Chúa Trời lại nói rằng tình yêu của Ngài đối với nhân loại là vô biên và rằng Ngài sẵn sàng cho loại người này một cơ hội nữa, thì chẳng phải đây là một ví dụ về sự thiếu hiểu biết của con người đang bị lộ trần sao? Trong bất kỳ tình huống nào, hết thảy các người đều có những quan điểm của riêng mình. Những quan điểm này đại diện cho một kiểu kiến thức trong những suy nghĩ của bản thân các người; chúng cũng là một sự phản ánh về chiều sâu hiểu biết của các người về lẽ thật và ý muốn của Đức Chúa Trời. Nói thế đúng rồi, phải vậy không? Thật tuyệt vời khi các người có ý kiến về vấn đề này. Tuy nhiên, vẫn còn câu hỏi là liệu những ý kiến của các người có đúng hay không. Các người đều có chút lo lắng, đúng không? “Vậy thì điều nào đúng? Con không thể thấy rõ, và con không biết chính xác Đức Chúa Trời đang nghĩ gì, và Ngài đã không cho con biết bất cứ điều gì. Làm sao con có thể biết Ngài đang suy nghĩ gì? Thái độ của Đức Chúa Trời đối với nhân loại là tình yêu thương. Xét theo thái độ của Ngài trong quá khứ, thì Ngài sẽ chấp nhận một người như thế, nhưng mà con không rõ lắm về thái độ hiện nay của Đức Chúa Trời; con chỉ có thể nói rằng có thể Ngài sẽ chấp nhận người này, và có thể Ngài sẽ không chấp nhận”. Điều này thật buồn cười phải không? Câu hỏi này đã thực sự làm khó các người. Nếu các người không có một quan điểm đúng đắn về vấn đề này, thì các người

sẽ làm gì khi hội thánh của các người thực sự đối diện với một người như thế? Nếu người không xử lý tình huống một cách đúng đắn, thì người có thể xúc phạm Đức Chúa Trời. Đây chẳng phải là một việc nguy hiểm sao?

Tại sao Ta muốn hỏi quan điểm của các người về vấn đề Ta vừa nêu lên? Ta muốn kiểm tra quan điểm của các người, kiểm tra xem các người hiểu được bao nhiêu về Đức Chúa Trời, và các người hiểu được bao nhiêu về những ý định và thái độ của Ngài. Đáp án là gì? Đáp án chính là những quan điểm của các người. Một số trong các người rất bảo thủ, và một số trong các người đang dùng trí tưởng tượng của mình để phỏng đoán. “Phỏng đoán” là gì? Nó có nghĩa là không thể thông hiểu Đức Chúa Trời nghĩ như thế nào, và do đó đưa ra những sự phỏng đoán vô căn cứ rằng Đức Chúa Trời sẽ suy nghĩ theo cách nào đó; người không thực sự biết chính mình liệu mình đúng hay sai, vì vậy người nói lên một quan điểm mơ hồ. Đối mặt với thực tế này, các người đã thấy được gì? Khi đi theo Đức Chúa Trời, con người ít khi chú ý đến ý muốn của Ngài, họ ít khi chú ý đến những suy nghĩ và thái độ của Ngài đối với con người. Con người không hiểu được suy nghĩ của Đức Chúa Trời, vì thế, khi được hỏi về ý định và tâm tính của Ngài, các người thấy bối rối; các người rơi vào tình trạng hoang mang vô cùng, và sau đó các người hoặc là phỏng đoán hoặc là đánh cược. Đây là kiểu tư duy gì vậy? Điều đó chứng minh một thực tế là: hầu hết những người tin vào Đức Chúa Trời xem Ngài như một chòm không khí và như một thứ gì đó dường như chỉ tồn tại thoáng qua mà thôi. Tại sao Ta lại phán vậy? Bởi vì bất cứ khi nào các người gặp vấn đề, các người đều không biết ý muốn của Đức Chúa Trời. Tại sao người không biết ý muốn của Ngài? Không chỉ vào lúc này, mà từ đầu đến cuối, người không biết thái độ của Đức Chúa Trời đối với vấn đề này. Người không thể dò lường nó và không biết được Đức Chúa Trời có thái độ nào, nhưng người đã nghĩ nhiều về nó chưa? Người đã cố gắng để biết nó chưa? Người đã thông công về nó chưa? Chưa! Điều này xác nhận một thực tế: Đức Chúa Trời mà người tin không có mối liên hệ nào với Đức Chúa Trời của hiện thực. Trong niềm tin của người vào Đức Chúa Trời, người chỉ suy ngẫm về những ý định của bản thân mình và của những người lãnh đạo của mình; người chỉ đơn thuần nghĩ đến ý nghĩa hời hợt và giáo lý trong lời Đức Chúa Trời, mà không thực sự cố gắng để biết hoặc tìm kiếm ý Đức Chúa Trời chút nào. Không phải vậy sao? Thực chất của vấn đề này vô cùng khủng khiếp! Sau rất nhiều năm, Ta đã thấy nhiều người tin vào Đức Chúa Trời. Niềm tin của họ đã biến đổi Đức Chúa Trời thành gì trong tâm trí của họ? Một số người tin vào Đức Chúa Trời như thể Ngài chỉ là một khối không khí. Những người này không có đáp án cho những câu hỏi về sự hiện hữu của Đức Chúa Trời, bởi vì họ không thể cảm thấy mà cũng không ý thức được sự hiện diện của Ngài hay sự vắng mặt của Ngài, chứ đừng nói đến nhìn thấy rõ ràng hay hiểu được nó. Trong tiềm thức, những người này nghĩ rằng Đức Chúa Trời không tồn tại. Những người khác tin Đức Chúa Trời như thể Ngài là một con người. Những người này tin rằng Ngài không thể làm được tất cả những điều mà họ cũng không thể làm, và rằng Ngài nên nghĩ theo cách họ nghĩ. Định nghĩa của họ về Đức Chúa Trời là “một người không thể nhìn thấy và không thể



chạm vào”. Cũng có một nhóm người tin vào Đức Chúa Trời như thể Ngài là một con rối; những người này tin rằng Đức Chúa Trời không có cảm xúc. Họ nghĩ Đức Chúa Trời là một bức tượng đất sét, và khi đối diện với một vấn đề, Đức Chúa Trời không có thái độ, quan điểm hay ý kiến gì; họ cho rằng Ngài bị nhân loại thao túng. Con người chỉ tin theo cách họ muốn tin. Nếu họ làm cho Ngài vĩ đại, thì Ngài vĩ đại; nếu họ làm cho Ngài nhỏ bé, thì Ngài nhỏ bé. Khi con người phạm tội và cần sự thương xót, khoan dung và tình yêu thương của Đức Chúa Trời, thì họ cho rằng Đức Chúa Trời nên mở rộng lòng thương xót của Ngài. Những người này phát minh ra một “vị Đức Chúa Trời” trong tâm trí của riêng mình, sau đó làm cho “vị Đức Chúa Trời” này đáp ứng những đòi hỏi của mình và thỏa mãn tất cả những mong muốn của mình. Bất kể khi nào hoặc nơi nào, và bất kể những người đó làm gì, họ cũng sẽ áp dụng sự tưởng tượng này trong việc đối xử với Đức Chúa Trời và trong đức tin của mình. Thậm chí còn có những người, sau khi chọc giận tâm tính của Đức Chúa Trời, vẫn tin rằng Ngài có thể cứu rỗi họ, bởi vì họ cho rằng tình yêu thương của Ngài thì vô biên và tâm tính của Ngài thì công chính, và rằng bất kể con người xúc phạm Đức Chúa Trời bao nhiêu, thì Ngài sẽ không nhớ chút gì về điều đó. Họ nghĩ rằng vì những lầm lỗi, vi phạm và sự bất tuân của con người là những biểu hiện nhất thời về tâm tính của một người, nên Đức Chúa Trời sẽ cho con người những cơ hội, và khoan dung, nhẫn nại với họ; họ tin rằng Đức Chúa Trời sẽ vẫn yêu thương họ như trước đây. Do đó, họ vẫn giữ những kỳ vọng về việc có được sự cứu rỗi. Thật ra, bất kể con người tin vào Đức Chúa Trời thế nào, chỉ cần là họ không mưu cầu lẽ thật, thì Ngài sẽ giữ một thái độ tiêu cực đối với họ. Đó là vì trong suốt quá trình người tin vào Đức Chúa Trời, dù người đã cầm quyển sách về lời Đức Chúa Trời và xem nó như một báu vật, nghiền cứu và đọc nó hàng ngày, nhưng người lại đặt Đức Chúa Trời thực tế sang một bên. Người xem Ngài chỉ là không khí, hoặc chỉ là một con người – và một số người các người xem Ngài không hơn gì một con rối. Tại sao Ta lại giải thích theo cách này? Ta làm thế bởi vì cách mà Ta nhìn nhận nó, dù các người có phải đối mặt với một vấn đề hay gặp phải một tình cảnh nào đó, thì những thứ tồn tại trong tiềm thức của các người, những thứ mà các người tạo ra ở bên trong, đều chưa bao giờ có bất kỳ liên quan nào với lời Đức Chúa Trời hay với việc mưu cầu lẽ thật. Người chỉ biết bản thân mình đang nghĩ gì, quan điểm của bản thân mình là gì, sau đó người áp đặt những tư tưởng và quan điểm của bản thân mình lên Đức Chúa Trời. Trong tâm trí người, chúng trở thành các quan điểm của Đức Chúa Trời, và người biến những quan điểm này thành các tiêu chuẩn mà người giữ vững một cách kiên định. Theo thời gian, việc tiến hành như thế này khiến người càng ngày càng xa Đức Chúa Trời hơn.

## **Hiểu về thái độ của Đức Chúa Trời và để gạt bỏ tất cả những quan niệm sai lầm về Đức Chúa Trời**

Vị Đức Chúa Trời mà hiện nay các người tin chính là Đức Chúa Trời nào? Các người có bao giờ nghĩ về điều đó chưa? Khi Ngài nhìn thấy một kẻ ác thực hiện những hành động xấu xa, Ngài có xem thường điều đó không? (Có.) Đức Chúa Trời có thái độ gì khi

Ngài thấy những người thiếu hiểu biết phạm sai lầm? (Buồn bã.) Khi Ngài thấy con người ăn cắp những của lễ dâng cho Ngài, thái độ của Ngài thế nào? (Ngài xem thường họ.) Điều này hết thấy đều rất rõ ràng. Khi Đức Chúa Trời thấy ai đó mơ hồ trong niềm tin của họ vào Ngài, người mà tuyệt nhiên không hề mưu cầu lẽ thật, thì thái độ của Đức Chúa Trời thế nào? Các người không chắc chắn lắm phải không? “Mơ hồ”, là một thái độ, không phải là một tội lỗi, nó cũng không xúc phạm Đức Chúa Trời, và con người cảm thấy rằng nó không phải là một loại sai lầm lớn. Vậy thì, hãy cho Ta biết – Đức Chúa Trời có thái độ nào trong trường hợp này? (Ngài không sẵn lòng thừa nhận họ.) “Không sẵn lòng thừa nhận” – đây là loại thái độ gì? Điều đó có nghĩa là Đức Chúa Trời coi thường những người này và khinh miệt họ! Cách mà Ngài đối xử với những người như thế là tỏ ra lạnh nhạt với họ. Cách tiếp cận của Đức Chúa Trời là gạt họ sang một bên, không thực hiện bất kỳ công tác nào đối với họ, và điều này bao gồm công tác khai sáng, soi sáng, sửa phạt và sửa dạy. Những người như thế hoàn toàn không được tính vào công tác của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời có thái độ nào đối với những người chọc giận tâm tính của Ngài và vi phạm những sắc lệnh quản trị của Ngài? Ghê tởm tột bậc! Đức Chúa Trời vô cùng phẫn nộ bởi những người không ăn năn về việc chọc giận tâm tính của Ngài! “Phẫn nộ” thì không gì hơn một cảm giác, một tâm trạng; nó không tương đương với một thái độ rõ ràng. Tuy nhiên, cảm giác này – tâm trạng này – sẽ mang lại một kết cục cho những người như thế: Nó sẽ khiến Đức Chúa Trời đầy sự ghê tởm tột bậc! Hậu quả của sự ghê tởm tột bậc này là gì? Đó là Đức Chúa Trời sẽ gạt những người này sang một bên và không đáp lại họ trong thời gian này. Sau đó Ngài sẽ đợi để phân loại họ “sau thời kỳ suy tàn”. Việc này ám chỉ điều gì? Những người này vẫn sẽ có kết cục chứ? Đức Chúa Trời không bao giờ có ý định ban cho những người như thế bất kỳ kết cục nào! Do đó, chẳng phải việc Đức Chúa Trời hiện nay không đáp lại những người như thế là điều hoàn toàn bình thường sao? (Đúng, điều đó bình thường.) Những người như thế nên chuẩn bị làm gì? Họ nên chuẩn bị để gánh chịu những hậu quả tiêu cực từ hành vi của họ và từ những hành động xấu xa mà họ đã gây ra. Đây là sự đáp lại của Đức Chúa Trời đối với một người như thế. Vì thế, giờ đây Ta phán cho rõ với những người như thế: Đừng bám víu vào những ảo tưởng của người nữa, và đừng mơ tưởng thêm nữa. Đức Chúa Trời sẽ không khoan dung với con người một cách vô hạn định; Ngài sẽ không chịu đựng sự vi phạm và bất tuân của họ đến đời đời. Một số người sẽ nói: “Con cũng đã thấy một vài người như thế, và khi họ cầu nguyện, họ đã cảm thấy đặc biệt cảm động bởi Đức Chúa Trời, sau đó họ khóc một cách cay đắng. Bình thường họ cũng rất vui vẻ; họ dường như có sự hiện diện của Đức Chúa Trời và sự dẫn dắt của Đức Chúa Trời bên mình”. Đừng thốt ra lời vô lý như thế! Những giọt lệ cay đắng không nhất thiết có nghĩa là một người đang được Đức Chúa Trời cảm động hoặc tận hưởng sự hiện diện của Đức Chúa Trời, chứ đừng nói đến sự dẫn dắt của Đức Chúa Trời. Nếu con người chọc giận Đức Chúa Trời, liệu Ngài có còn dẫn dắt họ không? Tóm lại, khi Đức Chúa Trời đã quyết định loại bỏ và từ bỏ ai đó, thì kết cục của người đó đã xong. Bất kể họ có cảm giác tốt thế nào khi cầu nguyện, hoặc

họ có bao nhiêu đức tin nơi Đức Chúa Trời trong lòng, điều này không còn quan trọng nữa. Điều quan trọng là Đức Chúa Trời không cần loại đức tin này; Ngài đã cự tuyệt những người này. Xử lý họ như thế nào trong tương lai cũng không quan trọng. Điều quan trọng là ngay chính khoảnh khắc mà những người này chọc giận Đức Chúa Trời, thì kết cục của họ đã được định đoạt. Nếu Đức Chúa Trời đã quyết định không cứu rỗi những người như thế, thì họ sẽ bị bỏ lại phía sau để bị trừng phạt. Đây là thái độ của Đức Chúa Trời.

Mặc dù thực chất của Đức Chúa Trời có một yếu tố về tình yêu thương, và Ngài có lòng thương xót đối với từng người một, nhưng con người đã bỏ qua và quên đi thực tế là tôn nghiêm cũng là một thực chất của Ngài. Việc Ngài có tình yêu thương không có nghĩa là con người có thể tự do xúc phạm Ngài, mà không gọi trong Ngài cảm xúc hay phản ứng gì, và thực tế là Ngài có lòng thương xót cũng không có nghĩa là Ngài không có nguyên tắc trong cách đối xử với con người. Đức Chúa Trời là hằng sống; Ngài thực sự hiện hữu. Ngài không phải là một con rối được tưởng tượng ra hay bất kỳ vật thể nào khác. Trong khi Ngài hiện hữu, chúng ta nên cẩn thận lắng nghe tiếng lòng của Ngài mọi lúc, chú ý kỹ đến thái độ của Ngài và bắt đầu hiểu cảm nhận của Ngài. Chúng ta không nên dùng trí tưởng tượng của con người để định nghĩa Đức Chúa Trời, và cũng không nên áp đặt những suy nghĩ và ước muốn của con người lên Ngài, làm cho Đức Chúa Trời đối xử với con người theo cách thức của con người dựa trên những sự tưởng tượng của con người. Nếu người làm điều này, thì người đang chọc giận Đức Chúa Trời, đang kích động cơn thịnh nộ của Ngài, và thách thức phẩm cách của Ngài! Do đó, một khi các người đã bắt đầu hiểu được mức độ nghiêm trọng của vấn đề này, Ta khuyên mỗi một người các người hãy cẩn thận và thận trọng trong hành động của mình. Cũng hãy cẩn thận và thận trọng trong lời nói – về cách đối xử với Đức Chúa Trời, các người càng cẩn thận và thận trọng thì càng tốt! Khi người không hiểu được thái độ của Đức Chúa Trời, hãy kiềm chế nói năng bất cẩn, đừng sơ suất trong hành động của mình, và đừng chụp mũ một cách tùy ý. Thậm chí quan trọng hơn, đừng đi đến bất kỳ kết luận nào một cách tùy tiện. Thay vào đó, người nên chờ đợi và tìm kiếm; những hành động này cũng là một biểu hiện của việc kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Trên hết, nếu người có thể đạt được điều này, và trên hết, nếu người có thái độ này, thì Đức Chúa Trời sẽ không trách cứ người vì sự ngớ ngẩn, ngu dốt và thiếu hiểu biết về những lý do đằng sau các sự việc. Thay vào đó, nhờ thái độ e sợ xúc phạm đến Đức Chúa Trời, tôn trọng ý định của Ngài và sẵn lòng vâng lời Ngài của người, mà Đức Chúa Trời sẽ nhớ đến người, dẫn dắt và khai sáng người, hoặc khoan dung cho sự non nớt và thiếu hiểu biết của người. Ngược lại, nếu người có thái độ bất kính đối với Ngài – phán xét Ngài tùy thích hoặc tùy tiện phán đoán và định nghĩa các tư tưởng của Ngài – thì Đức Chúa Trời sẽ lên án người, sửa dạy người, và thậm chí trừng phạt người; hoặc là, Ngài có thể đưa ra sự nhận xét về người. Có thể sự nhận xét này sẽ bao gồm kết cục của người. Do đó, Ta muốn nhấn mạnh một lần nữa: Từng người các người nên cẩn thận và cẩn trọng về mọi thứ đến từ Đức Chúa Trời. Đừng nói năng một cách bất cẩn,

và đừng sơ suất trong các hành động của mình. Trước khi người nói bất cứ điều gì, người nên dừng lại và suy nghĩ: Liệu hành động này của tôi có chọc giận Đức Chúa Trời không? Khi làm điều đó, tôi có tôn kính Đức Chúa Trời không? Thậm chí trong những vấn đề đơn giản, người cũng nên cố gắng tìm hiểu những câu hỏi này, và dành nhiều thời gian hơn để xem xét chúng. Nếu người có thể thực sự thực hành theo những nguyên tắc này trong mọi phương diện, trong mọi sự việc, trong mọi lúc, và áp dụng một thái độ như thế đặc biệt là khi người không hiểu điều gì đó, thì Đức Chúa Trời sẽ luôn luôn dẫn dắt người và cung cấp cho người một con đường để đi theo. Bất kể con người có trình diễn với hình thức nào đi nữa, thì Đức Chúa Trời cũng nhìn thấy chúng hoàn toàn rõ ràng và hiển nhiên, và Ngài sẽ đưa ra một sự đánh giá chính xác và thích đáng về những màn biểu diễn này của người. Sau khi người đã trải qua sự thử luyện cuối cùng, Đức Chúa Trời sẽ gom tất cả các hành vi của người và tổng kết lại toàn bộ để định đoạt kết cục của người. Kết quả này sẽ thuyết phục từng người một không có chút nghi ngờ. Điều mà Ta muốn phán với người ở đây là: Mọi việc làm của người, mỗi hành động của người và mỗi suy nghĩ của người đều quyết định số phận của các người.

### **Ai định đoạt kết cục của con người?**

Có một vấn đề cực kỳ quan trọng khác để thảo luận và đó là thái độ của các người đối với Đức Chúa Trời. Thái độ này vô cùng quan trọng! Nó quyết định liệu cuối cùng người sẽ đi đến sự hủy diệt hay là bước vào đích đến tốt đẹp mà Đức Chúa Trời đã chuẩn bị cho các người. Trong Thời đại Vương quốc, Đức Chúa Trời đã thực hiện công tác trong hơn hai mươi năm, và có lẽ, trong suốt quá trình hai thập kỷ này, trong thâm tâm các người đã có chút không chắc chắn về việc mình đã thể hiện như thế nào. Tuy nhiên, trong lòng Đức Chúa Trời, Ngài đã có một sự ghi lại thực tế và trung thực về từng người các người. Từ khi từng người bắt đầu đi theo Ngài và lắng nghe những bài giảng của Ngài, dần dần càng ngày càng hiểu nhiều hơn về lẽ thật, và cho đến khi từng người bắt đầu hoàn thành bốn phận của mình, Đức Chúa Trời đã ghi lại đủ loại hành vi từng người đã làm. Trong khi thực hiện bốn phận của mình và phải đối mặt với mọi kiểu môi trường và thử luyện, con người có thái độ nào? Họ thể hiện ra sao? Họ cảm nhận thế nào về Đức Chúa Trời trong lòng? ... Đức Chúa Trời có một kỹ thuật về tất cả những điều này; Ngài có một bản ghi chép về tất cả. Có lẽ, theo quan điểm của các người, những vấn đề này khó hiểu. Tuy nhiên, trên lập trường của Đức Chúa Trời, hết thảy chúng đều rõ ràng phân minh, và thậm chí không có một chút cầu tất nào. Đây là một vấn đề liên quan đến kết cục của từng người, và nó cũng liên quan đến số phận và viễn cảnh tương lai của từng người, và hơn nữa, đây là nơi mà Đức Chúa Trời dốc hết mọi nỗ lực công phu; do đó, Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ xao nhãng nó một chút nào, và Ngài cũng không dung thứ bất kỳ sự bất cẩn nào. Đức Chúa Trời đang ghi chép lại kỹ thuật này của nhân loại, ghi chép về toàn bộ quá trình con người đi theo Đức Chúa Trời, từ thuở ban đầu đến tận khi kết thúc. Thái độ của người đối với Ngài trong giai đoạn này đã quyết định số phận của người. Chẳng phải vậy sao? Giờ đây, người có tin

rằng Đức Chúa Trời công chính không? Những hành động của Ngài có thích đáng không? Các người vẫn còn có bất kỳ sự tưởng tượng nào khác về Đức Chúa Trời trong đầu không? (Không.) Khi ấy các người sẽ nói rằng kết cục của con người được quyết định bởi Đức Chúa Trời hay được quyết định bởi chính con người? (Chúng được quyết định bởi Đức Chúa Trời.) Chính ai là người quyết định chúng? (Đức Chúa Trời.) Người không chắc, phải vậy không? Các anh chị em đến từ Hồng Kông, hãy lên tiếng đi – ai quyết định chúng? (Chính con người quyết định chúng.) Chính con người quyết định chúng phải không? Vậy thì chẳng phải điều đó sẽ có nghĩa rằng kết cục của con người không liên quan gì đến Đức Chúa Trời sao? Các anh chị em đến từ Hàn Quốc, hãy lên tiếng đi. (Đức Chúa Trời quyết định kết cục của con người dựa trên mọi hành động và việc làm của họ, và theo con đường nào mà họ đang đi.) Đây là một câu trả lời rất khách quan. Có một thực tế ở đây Ta phải báo cho hết thảy các người: Trong quá trình công tác cứu rỗi của Đức Chúa Trời, Ngài đã lập ra một tiêu chuẩn cho con người. Tiêu chuẩn này là họ phải lắng nghe lời Đức Chúa Trời và đi trong đường lối của Đức Chúa Trời. Chính tiêu chuẩn này được dùng để cân đo kết cục của con người. Nếu người thực hành theo tiêu chuẩn này của Đức Chúa Trời, thì người có thể có được một kết cục tốt đẹp; nếu người không thực hành, thì người không thể có được một kết cục tốt đẹp. Vậy thì, người nói ai sẽ quyết định kết cục này? Không phải là một mình Đức Chúa Trời quyết định nó, mà đúng hơn là Đức Chúa Trời cùng với con người. Có đúng vậy không? (Đúng.) Tại sao vậy? Đó là vì chính Đức Chúa Trời là Đấng chủ động thực hiện công tác cứu rỗi nhân loại và chuẩn bị một đích đến tốt đẹp cho nhân loại; con người là đối tượng công tác của Đức Chúa Trời, và kết cục này, đích đến này, là thứ mà Đức Chúa Trời chuẩn bị cho họ. Nếu không có đối tượng để Ngài làm việc, thì Ngài không cần thực hiện công tác này; nếu Ngài không đang thực hiện công tác này, thì con người sẽ không có một cơ hội để có được sự cứu rỗi. Con người là những người được cứu rỗi, và mặc dù được cứu rỗi là một vai trò thụ động trong quá trình này, nhưng chính thái độ của những người giữ vai trò này quyết định liệu Đức Chúa Trời sẽ thành công trong công tác cứu rỗi nhân loại của Ngài hay không. Nếu không nhờ sự dẫn dắt Đức Chúa Trời ban cho người, thì người sẽ không biết được tiêu chuẩn của Ngài, và người cũng sẽ không có một mục tiêu. Nếu người có tiêu chuẩn này, mục tiêu này, nhưng mà người vẫn không hợp tác, đưa nó vào thực hành hoặc trả giá, thì người sẽ không có được kết cục này. Vì lý do này, Ta phán rằng kết cục của con người không thể tách rời khỏi Đức Chúa Trời, và nó cũng không thể tách rời khỏi con người. Vậy thì, giờ đây các người đã biết ai quyết định kết cục của con người.

## **Con người có khuynh hướng định nghĩa Đức Chúa Trời dựa trên kinh nghiệm**

Khi đang trao đổi về đề tài biết về Đức Chúa Trời, các người có để ý điều gì không? Các người có để ý rằng thái độ của Ngài những ngày này đã trải qua một sự biến đổi không? Thái độ của Ngài đối với con người là không thể thay đổi phải không? Ngài sẽ

luôn luôn chịu đựng như thế này, dành tất cả tình yêu thương và lòng thương xót của Ngài cho con người đến đời đời sao? Vấn đề này cũng liên quan đến thực chất của Đức Chúa Trời. Chúng ta hãy quay trở lại câu hỏi về người con trai được gọi là hoang đàng đã được đề cập trước đây. Sau khi câu hỏi đó được đặt ra, những đáp án của các người chưa rõ ràng lắm; nói cách khác, các người vẫn chưa có một sự hiểu biết vững chắc về các ý định của Đức Chúa Trời. Khi biết rằng Đức Chúa Trời yêu nhân loại, họ định nghĩa Ngài là biểu tượng của tình yêu: Họ tin rằng bất kể con người làm gì, bất kể họ hành xử ra sao, bất kể họ đối xử với Đức Chúa Trời thế nào và bất kể họ có thể bất tuân như thế nào, không điều gì trong số này thực sự quan trọng, bởi Đức Chúa Trời có tình yêu thương và tình yêu thương của Ngài là vô hạn và vô lượng. Đức Chúa Trời có tình yêu thương, vì vậy Ngài có thể khoan dung cho con người; và Đức Chúa Trời có tình yêu thương, vì vậy Ngài có thể thương xót con người, thương xót sự non nớt của họ, thương xót sự thiếu hiểu biết của họ và thương xót sự bất tuân của họ. Điều này thực sự là vậy phải không? Đối với một số người, khi họ đã trải qua sự nhấn nạy của Đức Chúa Trời một lần hay thậm chí một vài lần, họ sẽ xem những kinh nghiệm này là vốn liếng trong sự hiểu biết của riêng họ về Đức Chúa Trời, tin rằng Ngài sẽ mãi mãi nhấn nạy và thương xót đối với họ, sau đó, trong suốt cuộc đời, họ lấy sự nhấn nạy này của Đức Chúa Trời và xem đó là tiêu chuẩn mà Ngài dùng để đối xử với họ. Cũng có những người, sau một lần trải nghiệm sự khoan dung của Đức Chúa Trời, thì họ sẽ mãi mãi định nghĩa Đức Chúa Trời là người khoan dung – và trong tâm trí họ, sự khoan dung này là vô hạn, vô điều kiện, và thậm chí hoàn toàn vô nguyên tắc. Những niềm tin như thế có đúng không? Mỗi lần những vấn đề về thực chất của Đức Chúa Trời hay tâm tính của Đức Chúa Trời được thảo luận, thì các người dường như đều hoang mang. Nhìn thấy các người như thế này làm cho Ta rất lo lắng. Các người đã nghe rất nhiều lẽ thật liên quan đến thực chất của Đức Chúa Trời; các người cũng nghe rất nhiều thảo luận liên quan đến tâm tính của Ngài. Tuy nhiên, trong tâm trí các người, những vấn đề này và lẽ thật về những khía cạnh này chỉ là những ký ức dựa trên lý thuyết và những chữ viết; trong cuộc sống hàng ngày của mình, không ai trong số các người từng có thể trải nghiệm hay thấy được tâm tính của Đức Chúa Trời thực sự là gì. Do đó, các người hết thấy đều ngu muội trong niềm tin của mình; hết thấy các người đều tin một cách mù quáng, đến độ mà các người có một thái độ bất kính đối với Đức Chúa Trời và thậm chí phớt lờ Ngài. Việc các người có thái độ này đối với Đức Chúa Trời dẫn đến điều gì? Nó dẫn đến việc các người luôn luôn đưa ra những kết luận về Đức Chúa Trời. Một khi người đã có được một chút ít kiến thức, thì người cảm thấy rất thỏa mãn, như thể người đã có được trọn vẹn Đức Chúa Trời. Sau đó, người kết luận rằng Đức Chúa Trời là như thế, và người không để Ngài tự do hành động. Hơn nữa, bất kỳ khi nào Đức Chúa Trời làm điều gì mới, người chỉ đơn giản từ chối thừa nhận rằng Ngài là Đức Chúa Trời. Một ngày nọ, khi Đức Chúa Trời phán: “Ta không còn yêu thương loài người nữa; Ta sẽ không còn dành sự thương xót cho con người nữa; Ta không còn bất kỳ sự dung thứ hay nhấn nạy nào đối với họ nữa; trong Ta đầy dẫy sự ghê tởm và ác cảm tột bậc đối với họ”, những lời tuyên bố

như thế sẽ tạo nên sự xung đột trong thâm tâm của con người. Thậm chí một số người trong số họ còn nói: “Ngài không phải là Đức Chúa Trời của con nữa; Ngài không còn là Đức Chúa Trời mà con muốn đi theo. Nếu đây là những gì Ngài phán, thì Ngài không còn đủ tiêu chuẩn làm Đức Chúa Trời của con, và con không cần phải tiếp tục đi theo Ngài. Nếu Ngài không ban cho con lòng thương xót, tình yêu thương và sự khoan dung nữa, thì con sẽ ngừng đi theo Ngài. Nếu Ngài khoan dung với con vô thời hạn, luôn luôn nhẫn nại với con, và cho con thấy rằng Ngài là tình yêu thương, Ngài là sự nhẫn nại, và Ngài là sự khoan dung, thì chỉ khi đó con mới có thể đi theo Ngài, và chỉ khi đó con mới có tự tin để đi theo Ngài đến cùng. Vì con có sự nhẫn nại và thương xót của Ngài, nên sự bất tuân và những vi phạm của con có thể được tha thứ và tha tội vô thời hạn, và con có thể phạm tội mọi lúc mọi nơi, xưng tội và được tha tội mọi lúc mọi nơi, và chọc giận Ngài mọi lúc mọi nơi. Ngài sẽ không có bất kỳ ý kiến hay bất kỳ kết luận nào về con”. Mặc dù không một ai trong các người có thể nghĩ về loại vấn đề này một cách chủ quan và có chủ ý như thế, nhưng bất cứ khi nào các người xem Đức Chúa Trời như là một công cụ được dùng để tha thứ cho những tội lỗi của các người hoặc là một đối tượng được dùng để có được một đích đến tốt đẹp, thì các người đã ngầm ngầm đặt Đức Chúa Trời hàng sống đối lập với các người, như là kẻ thù của các người. Đây là những gì Ta nhìn thấy. Người có thể tiếp tục nói những điều như: “Con tin vào Đức Chúa Trời”, “Con mưu cầu lẽ thật”, “Con muốn thay đổi tâm tính của mình”, “Con muốn thoát khỏi ảnh hưởng của bóng tối”, “Con muốn làm Đức Chúa Trời thỏa lòng”, “Con muốn đầu phục Đức Chúa Trời”, “Con muốn trung tín với Đức Chúa Trời, và làm tốt bổn phận của mình”, v.v. Tuy nhiên, cho dù những lời nói của người nghe có vẻ ngọt ngào đến mấy, cho dù người có thể biết được bao nhiêu lý thuyết, và cho dù lý thuyết đó có hoành tráng hoặc cao cả đến đâu chăng nữa, thì thực tế của vấn đề là giờ đây có nhiều người các người đã học cách sử dụng những quy định, giáo lý, lý thuyết mà các người đã nắm vững để đưa ra những kết luận về Đức Chúa Trời, do đó tự nhiên đặt Ngài đối lập với chính các người. Mặc dù người có thể đã nắm vững những câu chữ và giáo lý, nhưng người chưa thực sự bước vào hiện thực của lẽ thật, vì vậy rất khó cho người để đến gần với Đức Chúa Trời, để biết về Ngài và để hiểu được Ngài. Điều này thật đáng thương!

Ta đã xem cảnh sau đây trong một video: Một vài chị em có cuốn “Lời xuất hiện trong xác thịt” và họ đang giơ nó lên rất cao; họ đang giơ cuốn sách cao quá đầu giữa bọn họ. Dù đây chỉ là một hình ảnh, nhưng điều gợi lên trong Ta không phải là một hình ảnh; mà đúng hơn, nó đã khiến Ta nghĩ rằng điều mà mỗi người giơ cao trong lòng không phải là lời Đức Chúa Trời, mà là cuốn sách về lời Đức Chúa Trời. Đây là một vấn đề vô cùng đáng buồn. Một hành động như thế hoàn toàn không giống như việc tôn cao Đức Chúa Trời, bởi vì sự thiếu hiểu biết của các người về Đức Chúa Trời đã đến mức ngay cả một câu hỏi rất hiển nhiên, một vấn đề cực kỳ nhỏ, cũng khiến các người nảy sinh những quan niệm của riêng mình. Khi Ta hỏi những điều về các người, và đang nghiêm túc với các người, các người đáp lại với sự phỏng đoán và trí tưởng tượng của chính mình; một số người các người thậm chí còn có giọng điệu nghi ngờ và trả lời câu

hỏi của Ta bằng một câu hỏi. Điều này cho Ta biết thậm chí còn rõ ràng hơn rằng vị Đức Chúa Trời mà các người tin không phải là Đức Chúa Trời thật. Sau khi đọc lời Đức Chúa Trời trong nhiều năm, các người sử dụng chúng, công tác của Đức Chúa Trời và nhiều giáo lý hơn để một lần nữa lại đưa ra những kết luận về Ngài. Hơn nữa, người thậm chí không bao giờ cố gắng hiểu Đức Chúa Trời; người không bao giờ cố gắng tìm ra ý định của Ngài, hiểu được thái độ của Ngài đối với con người, hoặc thông tỏ được Đức Chúa Trời nghĩ gì, tại sao Ngài buồn, tại sao Ngài tức giận, tại sao Ngài cự tuyệt con người, và những câu hỏi tương tự khác. Hơn nữa, thậm chí nhiều người còn tin rằng Đức Chúa Trời đã luôn luôn im lặng bởi vì Ngài chỉ đơn giản đang theo dõi những hành động khác nhau của nhân loại, mà không có thái độ hay ý kiến gì về họ. Tuy nhiên một nhóm người khác lại tin rằng Đức Chúa Trời không thốt ra một lời nào bởi vì Ngài đã đồng ý ngầm, giữ yên lặng bởi vì Ngài đang chờ đợi hay bởi vì Ngài không có thái độ nào; họ nghĩ rằng bởi vì thái độ của Đức Chúa Trời đã được đề cập đầy đủ trong cuốn sách, và được thể hiện trọn vẹn cho nhân loại, do đó không cần phải nói cho con người biết hết lần này đến lần khác. Dù Đức Chúa Trời im lặng, nhưng Ngài vẫn có một thái độ và một quan điểm, cũng như là một tiêu chuẩn mà Ngài yêu cầu con người phải sống theo. Mặc dù con người không cố gắng hiểu hay tìm kiếm Ngài, nhưng thái độ của Đức Chúa Trời rất rõ ràng. Hãy xem xét một người đã từng sốt sắng đi theo Ngài, nhưng rồi, đến một lúc nào đó, từ bỏ Ngài và bỏ đi. Thật đáng ngạc nhiên, nếu bây giờ người này muốn quay lại, thì các người không biết quan điểm của Đức Chúa Trời là gì hoặc Ngài sẽ có thái độ nào. Chẳng phải điều này vô cùng đáng buồn sao? Thực tế là, đây là một vấn đề khá nông cạn. Nếu các người đã thực sự hiểu được tấm lòng Đức Chúa Trời, thì các người sẽ biết thái độ của Ngài đối với loại người này, và các người sẽ không đưa ra một đáp án mơ hồ. Vì các người không biết, hãy để Ta cung cấp cho các người.

## **Thái độ của Đức Chúa Trời đối với những ai chạy trốn trong công tác của Ngài**

Có những người như thế này ở khắp nơi: Sau khi họ đã chắc chắn về đường lối Đức Chúa Trời, vì nhiều lý do khác nhau, họ lặng lẽ bỏ đi, không một lời từ biệt, để từ bỏ và làm bất cứ điều gì mình muốn. Vào thời điểm này, chúng ta sẽ không đi vào lý do tại sao những người này bỏ đi; trước tiên chúng ta sẽ nhìn xem Đức Chúa Trời có thái độ nào đối với loại người này. Điều đó quá rõ ràng. Ngay khi những người này vừa đi khỏi, trong mắt của Đức Chúa Trời, đời sống đức tin của họ đã kết thúc. Không phải là cá nhân con người chấm dứt nó, mà là Đức Chúa Trời. Việc người này rời bỏ Đức Chúa Trời có nghĩa rằng họ đã chối bỏ Đức Chúa Trời, rằng họ không còn cần Ngài nữa, và rằng họ không còn chấp nhận sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời. Vì những người như thế này không cần Đức Chúa Trời nữa, liệu Ngài còn cần họ không? Hơn nữa, khi những người như thế có loại thái độ này, quan điểm này, và đã nuôi quyết tâm rời bỏ Đức Chúa Trời, thì họ đã chọc giận tâm tính của Ngài. Mặc dù họ có thể đã không nổi cơn thịnh nộ và nguyên rủa Đức Chúa Trời, mặc dù họ có thể đã không thực hiện bất kỳ hành vi xấu



xa hay thái quá nào, mặc dù thực tế những người này đang nghĩ rằng: “Nếu đến một ngày mà tôi đã vui chơi thỏa thích ở bên ngoài, hoặc tôi vẫn cần đến Đức Chúa Trời cho một điều gì đó, thì tôi sẽ quay lại. Hoặc là nếu Đức Chúa Trời gọi tôi, thì tôi sẽ quay lại”, hoặc họ nói: “Khi tôi bị tổn thương ở bên ngoài, hoặc khi tôi thấy rằng thế giới bên ngoài quá tồi tệ và quá xấu xa và tôi không còn muốn đi cùng dòng chảy, thì tôi sẽ quay lại với Đức Chúa Trời”. Mặc dù những người này đã tính toán trong đầu chính xác khi nào họ sẽ quay trở lại, và mặc dù họ vẫn cố gắng chừa cửa để trở về, nhưng họ không nhận ra rằng bất kể họ tin gì hoặc họ lên kế hoạch như thế nào, thì tất cả những điều này chỉ là sự mơ tưởng mà thôi. Sai lầm lớn nhất của họ là không rõ về việc mong muốn bỏ đi của họ làm cho Đức Chúa Trời cảm thấy thế nào. Ngay từ lúc họ quyết định rời bỏ Đức Chúa Trời, Ngài đã hoàn toàn từ bỏ họ; khi đó, Ngài đã quyết định kết cục cho một người như thế trong lòng. Kết cục đó là gì? Đó chính là người này sẽ là một trong những con chuột, và do đó sẽ bị diệt vong cùng với chúng. Vì vậy, con người thường nhìn thấy loại tình huống này: Một người nào đó từ bỏ Đức Chúa Trời, nhưng sau đó không nhận lãnh sự trừng phạt nào. Đức Chúa Trời vận hành theo các nguyên tắc riêng của Ngài; một vài điều có thể được nhìn thấy, trong khi những điều khác chỉ được kết luận trong lòng Đức Chúa Trời, vì vậy con người không thể nhìn thấy những kết quả. Phần mà con người có thể nhìn thấy thì không nhất thiết là mặt thật của sự việc, mà mặt bên kia – mặt mà người không thấy được – thực sự chứa đựng những suy nghĩ và kết luận chân thành của Đức Chúa Trời.

### **Những ai bỏ chạy trong công tác của Đức Chúa Trời là những người từ bỏ con đường thật**

Tại sao Đức Chúa Trời có thể ban cho những người bỏ chạy trong quá trình công tác của Ngài một hình phạt nghiêm khắc như thế? Tại sao Ngài lại tức giận họ như vậy? Trước hết, chúng ta biết rằng tâm tính của Đức Chúa Trời là sự oai nghi và thanh tịnh; Ngài không phải là con chiên bị giết bởi bất kỳ ai, càng không phải là một con rối bị con người điều khiển theo cách họ muốn. Ngài cũng không phải là một khối không khí bị người ta thao túng. Nếu người thực sự tin rằng Đức Chúa Trời hiện hữu, thì người nên có một lòng kính sợ Đức Chúa Trời, và người nên biết rằng thực chất của Ngài không phải là dễ bị chọc giận. Sự giận dữ này có thể gây ra bởi một lời nói, hoặc có thể bởi một suy nghĩ, hoặc có thể bởi kiểu hành vi xấu xa nào đó, hoặc thậm chí có thể bởi một dạng hành vi ôn hòa, hay hành vi mà trong mắt và đạo đức của con người có thể cho qua; hoặc, có lẽ nó bị khiêu khích bởi một giáo lý hoặc một lý thuyết. Tuy nhiên, một khi người đã chọc giận Đức Chúa Trời, thì cơ hội của người không còn và những ngày cuối cùng của người đã đến. Đây là một điều khủng khiếp! Nếu người không hiểu rằng không được xúc phạm Đức Chúa Trời, thì có lẽ người không sợ Ngài, và có thể người đang thường xuyên xúc phạm Ngài. Nếu người không biết cách kính sợ Đức Chúa Trời, thì người không thể kính sợ Đức Chúa Trời, và người sẽ không biết cách để đặt mình vào con đường đi theo đường lối của Đức Chúa Trời – kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi

điều ác. Một khi người bắt đầu nhận thức và ý thức rằng không được xúc phạm Đức Chúa Trời, thì người sẽ biết kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác chính là gì.

Đi trong đường lối kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác không nhất thiết là người biết được bao nhiêu lẽ thật, người đã kinh qua bao nhiêu sự thử luyện, hoặc người đã được sửa dạy bao nhiêu. Đúng hơn, điều đó tùy thuộc vào loại thái độ mà người có đối với Đức Chúa Trời trong lòng người, và thực chất nào người bộc lộ. Thực chất của con người và thái độ chủ quan của họ – những điều này rất quan trọng, rất chính yếu. Đối với những ai đã từ bỏ và rời bỏ Đức Chúa Trời, thì thái độ khinh miệt của họ đối với Ngài và lòng xem thường lẽ thật của họ đã chọc giận tâm tính của Ngài, vì thế về phần Ngài, họ sẽ không bao giờ được tha thứ. Họ đã biết về sự hiện hữu của Đức Chúa Trời, được báo tin rằng Ngài đã đến, và thậm chí đã trải nghiệm công tác mới của Đức Chúa Trời. Sự ra đi của họ không phải là một trường hợp bị đánh lừa hay đầu óc ngu muội, càng không phải là họ bị ép buộc phải bỏ đi. Đúng hơn, họ đã chọn lựa rời bỏ Đức Chúa Trời một cách có chủ ý, và với một tâm trí minh mẫn. Sự ra đi của họ không phải là một vấn đề lạc đường, và cũng không phải họ bị đào thải. Do đó, trong mắt Đức Chúa Trời, họ không phải là những con chiên lạc đàn, chứ đừng nói là những đứa con hoang đàn đã bị lạc lối. Họ ra đi mà không bị trừng phạt – và một điều kiện như thế, một tình huống như thế, chọc giận tâm tính của Đức Chúa Trời, và chính vì sự chọc giận này mà Ngài dành cho họ những kết cục vô vọng. Chẳng phải loại kết cục này đáng sợ sao? Do đó, nếu con người không biết về Đức Chúa Trời, họ có thể xúc phạm đến Ngài. Đây không phải là vấn đề nhỏ! Nếu con người không xem trọng thái độ của Đức Chúa Trời, và vẫn tin rằng Ngài đang mong chờ sự trở về của họ bởi vì họ là một số con chiên lạc của Ngài và Ngài vẫn đang chờ đợi họ thay lòng, thì ngày trừng phạt của họ không còn xa nữa. Đức Chúa Trời sẽ không chỉ đơn thuần không chấp nhận họ – giả sử đây là lần thứ hai họ chọc giận tâm tính của Ngài, thì vấn đề còn khủng khiếp hơn thế nữa! Thái độ bất kính của những người này đã vi phạm những sắc lệnh quản trị của Đức Chúa Trời. Liệu Ngài sẽ vẫn chấp nhận họ không? Trong lòng Ngài, những nguyên tắc của Đức Chúa Trời về vấn đề này là khi một ai đó đã chắc chắn đâu là con đường thật, nhưng vẫn có thể chối bỏ Đức Chúa Trời và rời xa Đức Chúa Trời một cách có chủ ý và với một tâm trí minh mẫn, thì Ngài sẽ chặn đường đến sự cứu rỗi của một người như thế, và đối với cá nhân này, cánh cổng vào vương quốc sẽ bị đóng lại kể từ đó. Khi người này đến gõ cửa một lần nữa, Đức Chúa Trời sẽ không mở cửa; người này sẽ bị đóng cửa đời đời. Có lẽ một vài người các người đã đọc câu chuyện về Môi-se trong Kinh Thánh. Sau khi Môi-se được Đức Chúa Trời xúc dầu, 250 nhà lãnh đạo đã bày tỏ sự bất tuân đối với Môi-se bởi vì hành động của ông và vì những lý do khác nhau khác. Họ đã từ chối đầu phục ai? Đó không phải là Môi-se. Họ từ chối đầu phục sự sắp đặt của Đức Chúa Trời; họ từ chối đầu phục công tác của Đức Chúa Trời về vấn đề này. Họ đã nói như sau: “Thôi đủ rồi! Vì cả hội chúng đều là thánh, và Đức Giê-hô-va ngự ở trong”. Theo quan điểm của con người, những lời và dòng chữ này có quá nghiêm trọng không? Chúng không nghiêm trọng. Ít nhất thì nghĩa đen của những từ này không

ng nghiêm trọng. Về mặt pháp lý, chúng không vi phạm bất cứ luật lệ nào, bởi vì nhìn bề ngoài, đây không phải là một ngôn ngữ hay từ vựng mang tính chống đối, nó càng không có bất kỳ ý nghĩa phạm thượng nào. Đây chỉ là những câu thông thường, không có gì hơn. Vậy thì, tại sao những từ này có thể gây ra một cơn thịnh nộ như thể từ Đức Chúa Trời? Đó là vì chúng không nói với con người, mà với Đức Chúa Trời. Thái độ và tâm tính mà họ thể hiện chính xác là những điều chọc giận tâm tính của Đức Chúa Trời, và xúc phạm phần tâm tính không được xúc phạm của Đức Chúa Trời. Hết thấy chúng ta đều biết cuối cùng thì kết cục của những nhà lãnh đạo này là gì. Về phần những người đã từ bỏ Đức Chúa Trời, quan điểm của họ là gì? Họ có thái độ nào? Và tại sao quan điểm và thái độ của họ lại khiến Đức Chúa Trời xử lý với họ theo cách thức như thế? Lý do là mặc dù họ biết rõ Ngài là Đức Chúa Trời, nhưng họ vẫn chọn cách phản bội Ngài, và đây là lý do tại sao họ đã hoàn toàn bị tước mất cơ hội được cứu rỗi. Như Kinh Thánh có chép: “Vì nếu chúng ta đã nhận biết lẽ thật rồi, mà lại cố ý phạm tội, thì không còn có tế lễ chuộc tội nữa” (Hê-bơ-rơ 10:26). Giờ đây các người đã hiểu rõ về vấn đề này phải không?

## **Số phận con người được quyết định bởi thái độ của họ đối với Đức Chúa Trời**

Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời hằng sống, và giống như con người hành xử khác nhau trong những tình huống khác nhau, thái độ của Ngài đối với những hành vi này cũng khác nhau bởi vì Ngài không phải là một con rối mà Ngài cũng không phải là một khối không khí. Nhận biết được thái độ của Đức Chúa Trời là một mưu cầu đáng giá đối với nhân loại. Thông qua việc biết được thái độ của Đức Chúa Trời, con người nên học cách để có thể có được sự hiểu biết về tâm tính của Đức Chúa Trời từng chút một và bắt đầu hiểu được lòng Ngài. Khi người dần dần bắt đầu hiểu được lòng Đức Chúa Trời, người sẽ không cảm thấy việc kính sợ Ngài và lánh khỏi điều ác là một việc khó thực hiện đến thế. Hơn nữa, khi người hiểu được Đức Chúa Trời, người sẽ không thể đưa ra kết luận về Ngài như vậy. Một khi người đã ngừng đưa ra những kết luận về Đức Chúa Trời, người sẽ ít có khả năng xúc phạm đến Ngài, và khi người không hề nhận ra điều đó, Đức Chúa Trời sẽ dẫn dắt người để có được sự hiểu biết về Ngài; điều này sẽ làm lòng người tràn đầy sự tôn kính dành cho Ngài. Sau đó người sẽ ngừng định nghĩa Đức Chúa Trời thông qua các giáo lý, câu chữ, và những lý thuyết mà người đã nắm vững. Thay vào đó, bằng việc thường xuyên tìm kiếm những ý định của Đức Chúa Trời trong mọi sự, người sẽ vô thức trở thành người hợp lòng Đức Chúa Trời.

Công tác của Đức Chúa Trời thì con người không nhìn thấy được và không thể chạm tới được, nhưng về phần Ngài, những hành động của mỗi một người – cùng với thái độ của họ đối với Ngài – không những Đức Chúa Trời có thể cảm nhận được, mà Ngài còn có thể thấy được. Đây là điều mà mọi người nên nhận ra và hiểu thật rõ. Người có thể luôn luôn tự hỏi: “Đức Chúa Trời có biết tôi đang làm gì ở đây không? Ngài có biết ngay lúc này tôi đang nghĩ gì không? Có thể Ngài biết, và có thể Ngài không biết”.

Nếu người chấp nhận loại quan điểm này, đi theo và tin vào Đức Chúa Trời nhưng vẫn nghi ngờ về công tác của Ngài và sự hiện hữu của Ngài, thì sớm muộn gì cũng sẽ đến một ngày người sẽ làm Ngài tức giận, vì người đang ở trên bờ vực thẳm rồi. Ta đã thấy những người đã tin Đức Chúa Trời trong nhiều năm nhưng mà vẫn chưa có được thực tế của lẽ thật, càng không hiểu được ý muốn của Đức Chúa Trời. Những người này không có tiến bộ gì trong đời sống và vóc giạc của mình mà chỉ tuân thủ những giáo lý nông cạn nhất. Đó là vì những người như thế chưa bao giờ xem lời Đức Chúa Trời chính là sự sống, và chưa bao giờ đối mặt và chấp nhận sự hiện hữu của Ngài. Người có nghĩ rằng khi nhìn thấy những người như thế Đức Chúa Trời sẽ tràn đầy niềm vui không? Họ có an ủi Ngài không? Do đó, chính cách mà con người tin vào Đức Chúa Trời quyết định số phận của họ. Liên quan đến cách con người tìm kiếm và cách họ tiếp cận Đức Chúa Trời, thì thái độ của con người có tầm quan trọng hàng đầu. Đừng thờ ơ với Đức Chúa Trời như thể Ngài chỉ là một khối không khí bay lơ lửng phía sau gáy người; hãy luôn luôn nghĩ rằng Đức Chúa Trời mà người tin là một Đức Chúa Trời hằng sống, một Đức Chúa Trời có thật. Ngài không ngồi quanh quẩn trên tầng trời thứ ba mà không có gì để làm. Đúng hơn, Ngài đang thường xuyên nhìn vào tấm lòng của mọi người, quan sát xem người đang làm gì, theo dõi từng lời nói và từng hành động nhỏ của người, theo dõi cách người cư xử và xem người có thái độ nào đối với Ngài. Dù người có sẵn lòng dâng mình cho Đức Chúa Trời hay không, tất cả những thái độ của người và suy nghĩ và tư tưởng thầm kín nhất của người đều được phơi bày trước Ngài và được Ngài xem xét. Do hành vi của người, do việc làm của người, và do thái độ của người đối với Ngài mà nhận định của Đức Chúa Trời về người và thái độ của Ngài đối với người liên tục thay đổi. Ta muốn đưa ra vài lời khuyên cho một số người: Đừng đặt mình như là đứa trẻ sơ sinh vào tay Đức Chúa Trời, như thể Ngài sẽ cưng chiều người, như thể Ngài không bao giờ có thể bỏ rơi người, và như thể thái độ của Ngài đối với người đã được cố định và không bao giờ có thể thay đổi, và Ta khuyên người thôi đừng mơ nữa! Đức Chúa Trời là công chính trong cách đối xử của Ngài đối với từng người một, và Ngài sốt sắng trong cách tiếp cận của Ngài đối với công tác chinh phục và cứu rỗi con người. Đây là sự quản lý của Ngài. Ngài đối xử nghiêm túc với từng người một, và không giống như chơi đùa với một con thú cưng. Tình yêu thương của Đức Chúa Trời đối với con người không phải là kiểu nuông chiều hay làm hư, và lòng thương xót và khoan dung của Ngài đối với nhân loại cũng không phải là chiều theo hoặc thờ ơ. Trái lại, tình yêu thương của Đức Chúa Trời liên quan đến sự yêu mến, thương xót và tôn trọng đời sống; lòng thương xót và khoan dung của Ngài truyền tải những kỳ vọng của Ngài về họ, và là những gì mà nhân loại cần để tồn tại. Đức Chúa Trời hằng sống, và Đức Chúa Trời thực sự hiện hữu; thái độ của Ngài đối với nhân loại là có nguyên tắc, hoàn toàn không phải là một loạt các quy tắc giáo điều, và nó có thể thay đổi. Các ý định của Ngài đối với nhân loại đang dần dần thay đổi và biến đổi theo thời gian, tùy thuộc và những bối cảnh khi chúng nảy sinh, và theo thái độ của từng người một. Do đó, người nên biết trong lòng một cách hoàn toàn rõ ràng rằng thực chất của Đức Chúa Trời thì

không thay đổi, và rằng tâm tính của Ngài sẽ tỏ lộ vào những thời điểm khác nhau và trong những bối cảnh khác nhau. Người có thể không nghĩ rằng đây là một vấn đề nghiêm trọng, và người có thể sử dụng những quan niệm riêng của bản thân người để tưởng tượng Đức Chúa Trời nên làm mọi việc như thế nào. Tuy nhiên, có những thời điểm thái cực đối lập với quan điểm của người lại đúng, và bằng việc sử dụng những quan niệm riêng của bản thân để cố gắng đánh giá Đức Chúa Trời, người đã chọc giận Ngài. Đó là vì Đức Chúa Trời không vận hành theo cách người nghĩ, và Ngài cũng không giải quyết vấn đề này giống như người nói Ngài sẽ làm. Do đó, Ta nhắc người hãy cẩn thận và khôn ngoan trong cách tiếp cận của mình đối với mọi thứ xung quanh người, và học cách làm theo nguyên tắc đi trong đường lối của Đức Chúa Trời trong mọi sự, đó là kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Người phải phát triển một sự hiểu biết chắc chắn liên quan đến những vấn đề về ý muốn của Đức Chúa Trời và thái độ của Đức Chúa Trời, người phải tìm ra những người đã được khai sáng để truyền đạt những vấn đề này cho người, và người phải tìm kiếm một cách sống sót. Đừng xem Đức Chúa Trời trong niềm tin của người là một con rối – tùy tiện phán xét Ngài, tùy tiện đi đến kết luận về Ngài, và không đối xử với Ngài bằng sự kính trọng mà Ngài xứng đáng. Trong khi Đức Chúa Trời đang mang đến cho người sự cứu rỗi và định đoạt kết cục của người, Ngài có thể ban cho người sự thương xót, hoặc khoan dung, hoặc phán xét và hành phạt, nhưng trong bất kỳ trường hợp nào, thái độ của Ngài đối với người không cố định. Điều đó phụ thuộc vào thái độ của bản thân người đối với Ngài, cũng như sự hiểu biết của người về Ngài. Đừng để một khía cạnh thoáng qua trong kiến thức của người hay sự hiểu biết của người về Đức Chúa Trời định nghĩa về Ngài đến đời đời. Đừng tin vào một vị Đức Chúa Trời đã chết; hãy tin vào Đấng hằng sống. Hãy nhớ lấy điều này! Mặc dù Ta đã bàn về một vài sự thật ở đây – những sự thật các người cần phải nghe – xét theo tình trạng hiện nay và vóc giặc hiện nay của các người, Ta sẽ không đặt ra những yêu cầu lớn lao hơn đối với các người bây giờ, để không làm giảm sự nhiệt thành của các người. Làm như thế có thể làm lòng các người đầy sự ảm đạm và khiến các người cảm thấy quá thất vọng đối với Đức Chúa Trời. Thay vào đó, Ta hy vọng các người có thể sử dụng tình yêu dành cho Đức Chúa Trời có trong lòng các người và dùng một thái độ kính trọng đối với Đức Chúa Trời khi đi trên con đường phía trước. Đừng có loay hoay với vấn đề làm cách nào để tin vào Đức Chúa Trời; hãy xem nó là một trong những vấn đề lớn nhất. Hãy đặt nó vào lòng người, đưa nó vào thực hành, và liên hệ nó với đời thực; đừng chỉ nói lời chót lưỡi đầu môi – vì đây là một vấn đề sinh tử, và là điều sẽ quyết định số phận của người. Đừng xem nó như một trò đùa hay trò chơi của trẻ con! Sau khi chia sẻ những lời này với các người hôm nay, Ta tự hỏi tâm trí của các người đã thu hoạch được bao nhiêu sự hiểu biết. Các người có bất kỳ câu hỏi nào muốn hỏi về những gì Ta đã phán ở đây hôm nay không?

Mặc dù những đề tài này hơi mới, và hơi khác biệt với những quan điểm của các người, với những sự theo đuổi thông thường của các người, và những gì các người hay chú ý đến, nhưng Ta nghĩ rằng một khi chúng đã được các người thông công một thời

gian, thì các người sẽ phát triển một sự hiểu biết chung về mọi điều Ta đã phán ở đây. Những đề tài này hết thấy đều rất mới, và là những đề tài mà trước đây các người chưa bao giờ xem xét đến, vì vậy Ta hy vọng rằng chúng sẽ không làm tăng thêm gánh nặng cho các người dù thế nào. Hôm nay Ta đang phán những lời này không phải để làm các người sợ, và Ta cũng không dùng chúng như là một cách để đối phó với các người; đúng hơn, mục đích của Ta là để giúp các người hiểu được những chân tướng của sự thật Bởi vì sự khác biệt tồn tại giữa nhân loại và Đức Chúa Trời, nên dù con người tin vào Đức Chúa Trời, nhưng họ chưa bao giờ hiểu được Ngài hay biết được thái độ của Ngài. Con người cũng chưa bao giờ quan tâm quá nhiệt thành đối với thái độ của Đức Chúa Trời. Thay vào đó, họ đã tin và tiến hành một cách mù quáng, và bất cẩn trong kiến thức và sự hiểu biết của mình về Đức Chúa Trời. Do đó Ta cảm thấy buộc phải làm rõ những vấn đề này cho các người, và giúp các người hiểu đúng Đức Chúa Trời mà các người tin vào là Đức Chúa Trời nào, cũng như Ngài đang nghĩ gì, Ngài có thái độ nào trong khi đối xử với những loại người khác nhau, các người đã thực hiện các yêu cầu của Ngài đến đâu, và sự chênh lệch lớn như thế nào giữa hành động của các người và tiêu chuẩn mà Ngài yêu cầu. Mục tiêu cho các người biết về những điều này là để cho các người một thước đo dùng để đo chính mình, và hầu cho các người sẽ biết được con đường mà mình đang đi đã dẫn đến những loại thu hoạch gì, những gì mà các người chưa đạt được trên con đường này, và trong lãnh vực nào mà các người đã hoàn toàn chưa tham gia. Trong khi các người trao đổi với nhau, các người hay nói về một vài đề tài thường được thảo luận mà chúng rất hạn hẹp về phạm vi và nông cạn về nội dung. Có một sự cách biệt, một khoảng cách giữa những gì các người thảo luận và các ý định của Đức Chúa Trời, cũng như giữa những gì các người thảo luận và phạm vi và tiêu chuẩn trong những yêu cầu của Đức Chúa Trời. Tiến hành như thế này theo thời gian sẽ dẫn đến việc các người càng chệch xa khỏi đường lối của Đức Chúa Trời hơn. Các người chỉ đang lấy những lời phán hiện tại của Đức Chúa Trời rồi biến chúng thành đối tượng thờ phượng, và xem chúng như là những nghi thức và quy định. Đó là tất cả những gì các người đang làm! Trong thực tế, Đức Chúa Trời hoàn toàn không có chỗ trong lòng các người, và Ngài chưa bao giờ thu phục được lòng các người. Một số người nghĩ rằng để biết được Đức Chúa Trời thì rất là khó, và đây là sự thật. Thực sự khó. Nếu con người được tạo ra để thực hiện bốn phận và hoàn thành mọi việc bề ngoài, và làm việc chăm chỉ, thì họ sẽ nghĩ rằng tin vào Đức Chúa Trời rất dễ dàng, bởi vì tất cả những điều đó nằm trong phạm vi khả năng của con người. Tuy nhiên, khi chuyển sang đề tài những ý định của Đức Chúa Trời và thái độ của Ngài đối với nhân loại, thì theo quan điểm của mọi người, mọi thứ thực sự trở nên khó khăn hơn một chút. Đó là vì điều này liên quan đến sự hiểu biết của con người về lẽ thật và lối vào hiện thực của họ, vì thế tất nhiên sẽ có một mức độ khó khăn! Tuy nhiên, một khi các người đã qua được cánh cửa thứ nhất và bắt đầu có được lối vào, mọi thứ dần dần trở nên dễ dàng hơn.

## **Điểm khởi đầu cho việc kính sợ Đức Chúa Trời là đối xử với Ngài như Đức Chúa Trời**

Vừa mới đây, có người đã đưa ra một câu hỏi: Làm thế nào mà mặc dù chúng ta biết về Đức Chúa Trời nhiều hơn Gióp biết, nhưng chúng ta vẫn không thể tôn kính Ngài? Chúng ta đã đề cập một chút về vấn đề này trước đây. Thực sự chúng ta cũng đã thảo luận về thực chất của câu hỏi này trước đây, đó là sự thật rằng mặc dù khi đó Gióp không biết Đức Chúa Trời, nhưng ông vẫn đối xử với Ngài như Đức Chúa Trời và xem Ngài như Đấng Chủ Tể của trời đất và muôn vật. Gióp đã không xem Đức Chúa Trời như là một kẻ thù; thay vào đó, ông thờ phượng Ngài như Đấng Tạo Hóa của muôn vật. Tại sao con người ngày nay chống đối Đức Chúa Trời nhiều đến thế? Tại sao họ không thể tôn kính Ngài? Một lý do là vì họ đã bị Sa-tan làm cho bại hoại sâu sắc, và với bản tính Sa-tan ăn sâu như thế, họ đã trở thành kẻ thù của Đức Chúa Trời. Do đó, cho dù họ tin vào Đức Chúa Trời và thừa nhận Đức Chúa Trời, nhưng họ vẫn có thể chống đối Ngài và đặt mình vào thế đối nghịch với Ngài. Điều này do thực chất con người quyết định. Lý do khác nữa là mặc dù họ tin vào Đức Chúa Trời, con người hoàn toàn không xem Ngài là Đức Chúa Trời. Thay vào đó, họ xem Ngài đối nghịch với loài người, xem Ngài như kẻ thù của mình, và cảm thấy rằng họ không thể hòa hợp được với Đức Chúa Trời. Đơn giản là thế. Chẳng phải vấn đề này đã được đề cập trong phần trước của chúng ta rồi sao? Hãy suy nghĩ về điều đó: Chẳng lẽ đó là lý do sao? Người có thể có chút hiểu biết về Đức Chúa Trời, nhưng sự hiểu biết này dẫn đến điều gì? Chẳng phải đây là điều mọi người đang bàn đến sao? Chẳng phải đó là những gì Đức Chúa Trời đã phán với người sao? Người chỉ quen thuộc với những khía cạnh về lý thuyết và giáo lý của nó – nhưng có bao giờ người nhận thức được mặt thật của Đức Chúa Trời chưa? Người có kiến thức chủ quan không? Người có kiến thức và kinh nghiệm thực tế không? Nếu Đức Chúa Trời không cho người biết, liệu người có thể biết được không? Kiến thức lý thuyết của người không đại diện cho kiến thức thực tế. Tóm lại, bất kể người biết bao nhiêu hay người bắt đầu biết điều đó như thế nào, Ngài sẽ là kẻ thù của người cho đến khi người có được một sự hiểu biết thực sự về Đức Chúa Trời, và Ngài sẽ chống lại người cho đến khi người thực sự bắt đầu xem Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời, vì người là hiện thân của Sa-tan.

Khi người ở cùng với Đấng Christ, có lẽ người có thể phục vụ Ngài một ngày ba bữa ăn, hoặc có lẽ phục vụ Ngài thức uống và đáp ứng những nhu cầu đời sống của Ngài; người dường như đã đối xử với Đấng Christ như Đức Chúa Trời. Bất cứ khi nào có chuyện gì xảy ra, quan điểm của con người luôn đi ngược lại với Đức Chúa Trời; con người luôn luôn không hiểu và chấp nhận quan điểm của Đức Chúa Trời. Mặc dù bề ngoài con người có thể hòa hợp với Đức Chúa Trời, nhưng điều này không có nghĩa là họ tương hợp với Ngài. Ngay sau khi có chuyện gì xảy ra, sự thật về sự bất tuân của nhân loại xuất hiện, qua đó xác nhận sự thù địch tồn tại giữa con người và Đức Chúa Trời. Sự thù địch này không phải là câu chuyện Đức Chúa Trời đối nghịch với con người

hoặc Đức Chúa Trời muốn thù địch với họ, và cũng không phải là Ngài đặt họ vào vị trí đối nghịch với chính Ngài và sau đó đối xử với họ như thế. Thay vào đó, đó là vấn đề của thực chất trái ngược với Đức Chúa Trời, thứ ẩn nấp trong ý chí chủ quan của con người và trong tiềm thức của họ. Vì con người xem tất cả những gì đến từ Đức Chúa Trời là những đối tượng nghiên cứu của họ, nên phản ứng của họ đối với những gì đến từ Đức Chúa Trời và đối với mọi thứ liên quan đến Đức Chúa Trời trên hết là phỏng đoán, nghi ngờ, và sau đó nhanh chóng có một thái độ mâu thuẫn và chống đối Đức Chúa Trời. Ngay sau đó, họ mang một tâm trạng tiêu cực vào các cuộc tranh luận hoặc tranh cãi với Đức Chúa Trời, đi xa đến mức thậm chí còn nghi ngờ liệu một vị Đức Chúa Trời như thế có xứng đáng để đi theo hay không. Mặc dù thực tế là lý trí của họ nói với họ rằng họ không nên tiến hành theo cách này, nhưng họ vẫn chọn làm như vậy dù bản thân không muốn, đến mức họ sẽ tiếp tục cho đến tận cùng mà không do dự. Ví dụ như, phản ứng đầu tiên của một số người khi họ nghe những tin đồn hoặc câu chuyện vu khống về Đức Chúa Trời là gì? Phản ứng đầu tiên của họ là tự hỏi liệu những tin đồn này có đúng hay không và liệu những lời đồn đại này có tồn tại hay không, và sau đó chọn một thái độ chờ đợi xem sao. Sau đó họ bắt đầu suy nghĩ: “Không có cách nào để xác minh điều này. Điều đó có thực sự xảy ra không? Tin đồn này có đúng hay không?”. Mặc dù bề ngoài những người như thế này không thể hiện điều đó, nhưng trong lòng họ đã bắt đầu nghi ngờ, và đã bắt đầu phủ nhận Đức Chúa Trời. Thực chất của loại thái độ này và của quan điểm như thế là gì? Chẳng phải đó là sự phản bội sao? Cho đến khi họ đối mặt với vấn đề này, người không thể thấy được quan điểm của những kẻ này là gì; có vẻ như họ không có mâu thuẫn với Đức Chúa Trời, và như thế họ không xem Ngài là kẻ thù. Tuy nhiên, ngay sau khi họ đối mặt với một vấn đề, họ lập tức đứng về phía Sa-tan và chống lại Đức Chúa Trời. Điều này ám chỉ điều gì? Nó ám chỉ rằng con người và Đức Chúa Trời đối nghịch nhau! Không phải là Đức Chúa Trời xem nhân loại là kẻ thù, mà chính thực chất của loài người thù địch với Đức Chúa Trời. Bất kể một người đã đi theo Ngài được bao lâu hoặc họ đã trả một giá đắt thế nào, và bất kể họ ngợi khen Đức Chúa Trời như thế nào, họ có thể cố không chống đối Ngài ra sao, và thậm chí họ có ra sức cố gắng yêu mến Đức Chúa Trời đến mức nào, thì họ cũng không bao giờ có thể đối xử được với Đức Chúa Trời như Đức Chúa Trời. Chẳng phải điều này được quyết định bởi thực chất con người sao? Nếu người đối xử với Ngài như Đức Chúa Trời và thực sự tin rằng Ngài là Đức Chúa Trời, thì người có thể nào vẫn còn bất kỳ nghi ngờ nào đối với Ngài không? Lòng người có thể nào vẫn còn chứa chấp bất kỳ dấu chấm hỏi nào về Ngài không? Không thể nào, đúng không? Những xu hướng của thế giới này rất xấu xa, và loài người này cũng vậy; thế sao mà người không có bất kỳ quan niệm nào về chúng được? Bản thân người rất xấu xa, vậy sao người không có một quan niệm nào về điều đó? Vậy mà, chỉ một vài tin đồn và vài lời vu khống có thể tạo ra những quan niệm to tát như vậy về Đức Chúa Trời, và dẫn đến việc người tưởng tượng ra quá nhiều thứ, điều đó chỉ cho thấy vốc giặc của người non nớt cỡ nào! Chỉ cần tiếng “vo ve” của vài con muỗi và vài con ruồi gớm ghiếc – bấy nhiêu đó đủ lừa



người sao? Đây là loại người gì vậy? Người biết Đức Chúa Trời nghĩ gì về loại người như thế không? Thái độ của Đức Chúa Trời thực sự rất rõ ràng về việc Ngài đối xử với họ như thế nào. Sự đối xử của Đức Chúa Trời đối với những người này chỉ là lạnh nhạt với họ – thái độ của Ngài là không chú ý gì đến họ, và không coi trọng những kẻ ngu dốt này. Tại sao vậy? Chính vì trong lòng Đức Chúa Trời, Ngài chưa bao giờ có kế hoạch thu phục những người này, những kẻ đã nguyền咒 đối với Ngài đến tận cùng và những kẻ chưa bao giờ lên kế hoạch tìm kiếm một cách để có thể tương hợp với Ngài. Có lẽ những lời Ta vừa phán này có thể làm tổn thương một vài người. Các người có luôn sẵn lòng để Ta làm tổn thương các người như thế này không? Dù có hay không, mọi điều Ta phán đều là sự thật! Nếu Ta luôn luôn làm tổn thương các người và để lộ những vết sẹo của các người ra thế này, thì liệu điều đó sẽ ảnh hưởng đến hình tượng cao quý của Đức Chúa Trời mà các người ấp ủ trong lòng không? (Không.) Ta đồng ý rằng không, vì đơn giản là trong lòng các người không có Đức Chúa Trời. Vị Đức Chúa Trời cao quý ngự trong lòng các người – người mà các người ra sức che chở và bảo vệ – hoàn toàn không phải là Đức Chúa Trời. Thay vào đó, vị ấy là một sự tưởng tượng của con người; người đó hoàn toàn không tồn tại. Do đó, tốt hơn hết là Ta tiết lộ đáp án cho câu hỏi này; chẳng phải điều này phơi bày toàn bộ sự thật sao? Đức Chúa Trời thật không phải là những gì mà con người tưởng tượng ra về Ngài. Ta hy vọng rằng hết thảy các người có thể đối mặt với thực tế này, và điều đó sẽ giúp các người hiểu về Đức Chúa Trời.

## **Những người không được Đức Chúa Trời thừa nhận**

Có một số người mà đức tin của họ chưa bao giờ được thừa nhận trong lòng Đức Chúa Trời. Nói cách khác, Đức Chúa Trời không thừa nhận rằng họ là những người đi theo Ngài, bởi vì Ngài không khen ngợi niềm tin của họ. Đối với những người này, cho dù họ đã theo Đức Chúa Trời được bao nhiêu năm, thì tư tưởng và quan điểm của họ cũng chưa bao giờ thay đổi; họ giống như những người ngoại đạo, tuân theo các nguyên tắc và cách làm việc của những người ngoại đạo và theo quy luật sống và đức tin của người ngoại đạo. Họ chưa bao giờ chấp nhận lời Đức Chúa Trời như là sự sống của họ, chưa bao giờ tin rằng lời Đức Chúa Trời là lẽ thật, chưa bao giờ có ý định chấp nhận sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời, và chưa bao giờ công nhận Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời của họ. Họ xem việc tin vào Đức Chúa Trời như một loại sở thích nghiệp dư nào đó, xem Ngài chỉ là nguồn nuôi dưỡng thuộc linh đơn thuần; vì thế, họ không nghĩ rằng thật đáng giá để cố gắng và hiểu được tâm tính hay thực chất của Đức Chúa Trời. Có thể nói rằng, tất cả những gì tương hợp với Đức Chúa Trời thật thì không liên quan đến những người này; họ không quan tâm, và họ cũng không bận tâm chú ý. Đó là vì trong thâm tâm, có một giọng nói mạnh mẽ luôn luôn nói với họ rằng: “Đức Chúa Trời không thể nhìn thấy và không thể chạm tới được, và không tồn tại”. Họ tin rằng việc cố gắng để hiểu vị Đức Chúa Trời này thì không bổ công, và rằng khi làm như thế là họ đang lừa dối chính mình. Họ tin rằng chỉ bằng cách thừa nhận Đức Chúa Trời bằng lời mà không

có bất kỳ lập trường thực tế nào hay hiến thân mình cho bất kỳ hành động thực tế nào, thì họ đang khá thông minh. Đức Chúa Trời nhìn vào những người này như thế nào? Ngài xem họ là những người ngoại đạo. Một số người hỏi: “Những người ngoại đạo có thể đọc lời Đức Chúa Trời không? Họ có thể hoàn thành bổn phận mình không? Họ có thể nói những lời như: ‘Con sẽ sống vì Đức Chúa Trời’ không?”. Những gì mà con người thường nhìn thấy là những thể hiện mà người khác phô bày bên ngoài; họ không thấy được thực chất của con người. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời không nhìn vào những sự thể hiện bề ngoài này; Ngài chỉ nhìn vào thực chất bên trong của họ. Do đó, đây là loại thái độ và định nghĩa của Đức Chúa Trời đối với những người này. Những người này nói: “Tại sao Đức Chúa Trời làm điều này? Tại sao Đức Chúa Trời làm điều nọ? Con không thể hiểu được điều này; Con không thể hiểu điều nọ; điều này không phù hợp với những quan niệm của con người; Ngài phải giải thích điều đó cho con...”. Đáp lại điều này, Ta hỏi: Có thực sự cần thiết phải giải thích những vấn đề này cho người không? Những vấn đề này thực ra có liên quan gì đến người không? Người nghĩ người là ai? Người từ đâu đến? Người có đủ tư cách cho Đức Chúa Trời lời khuyên không? Người có tin vào Ngài không? Ngài có thừa nhận đức tin của người không? Vì đức tin của người không liên quan gì đến Đức Chúa Trời, thì những gì Ngài làm có phải việc của người không? Người không biết vị trí của mình trong lòng Đức Chúa Trời, vậy thì làm sao người có thể có đủ tư cách để trò chuyện với Ngài?

## **Những lời răn**

Sau khi nghe những lời nhận xét này chẳng lẽ các người không khó chịu sao? Mặc dù các người có thể không muốn lắng nghe chúng hoặc là không muốn chấp nhận chúng, nhưng hết thảy chúng đều là sự thật. Bởi vì giai đoạn công tác này là để Đức Chúa Trời thực hiện, nên nếu người không quan tâm đến những ý định của Ngài, không chú ý đến thái độ của Ngài, và không hiểu được thực chất và tâm tính của Ngài, thì cuối cùng, người sẽ là người sẽ chịu thua thiệt. Đừng đổ lỗi cho những lời của Ta khó nghe, và đừng đổ lỗi cho chúng vì đã làm giảm lòng nhiệt thành của các người. Ta phán sự thật; Ta không có ý định làm các người nản lòng. Bất kể Ta yêu cầu các người điều gì, bất kể người cần phải làm điều đó như thế nào, Ta hy vọng rằng các người đi con đường đúng và đi theo đường lối Đức Chúa Trời, và rằng các người không bao giờ đi chệch khỏi con đường đúng. Nếu người không tiến hành theo lời Đức Chúa Trời và đi theo đường lối của Ngài, thì chắc chắn rằng các người đang phản nghịch lại Đức Chúa Trời và đi lệch khỏi con đường đúng. Do đó, Ta cảm thấy có một số vấn đề mà Ta phải làm rõ với các người, và rằng Ta phải khiến các người tin một cách dứt khoát, rõ ràng và không chút ngờ vực, và giúp các người hiểu rõ về thái độ của Đức Chúa Trời, các ý định của Ngài, cách Ngài làm cho con người hoàn thiện, và cách thức mà Ngài định đoạt kết cục của con người. Nếu đến một ngày người không thể dẫn bước trên con đường này, thì Ta không chịu trách nhiệm, bởi những lời này đã được phán cho người rất rõ ràng. Về việc người đối phó với kết cục của bản thân người như thế nào, thì đây là vấn đề

hoàn toàn tùy thuộc vào người. Về kết cục của những loại người khác nhau, Đức Chúa Trời có những thái độ khác nhau. Ngài có những cách riêng của Ngài để cân nhắc họ, cũng như tiêu chuẩn riêng của Ngài đối với những yêu cầu dành cho họ. Tiêu chuẩn của Ngài trong việc cân nhắc kết cục của con người là một tiêu chuẩn công bằng đối với mọi người – không nghi ngờ gì về điều đó! Do đó, một vài người sợ hãi là không cần thiết. Giờ đây các người có cảm thấy nhẹ nhõm chưa? Ngày hôm nay đến đây là hết. Chào tạm biệt!

Ngày 17 tháng 10 năm 2013

# **CÔNG TÁC CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI, TÂM TÍNH CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI, VÀ CHÍNH ĐỨC CHÚA TRỜI I**

Hôm nay chúng ta thông công về một đề tài quan trọng. Đây là một đề tài đã được thảo luận kể từ lúc bắt đầu công tác của Đức Chúa Trời và có ý nghĩa rất lớn đối với mỗi một người. Nói cách khác, đây là một vấn đề mà mọi người sẽ gặp phải trong quá trình tin Đức Chúa Trời; đó là một vấn đề phải được đối mặt. Nó là một vấn đề cốt yếu, không thể tránh được mà nhân loại không thể ngoảnh mặt làm ngơ. Nói về tầm quan trọng, điều quan trọng nhất đối với mọi tín đồ của Đức Chúa Trời là gì? Một số người nghĩ rằng điều quan trọng nhất là hiểu được ý muốn của Đức Chúa Trời; một số người tin rằng điều quan trọng nhất là ăn uống lời Đức Chúa Trời nhiều hơn; một số thì cảm thấy điều quan trọng nhất là biết được bản thân họ; những người khác thì có quan niệm rằng điều quan trọng nhất là biết cách tìm được sự cứu rỗi thông qua Đức Chúa Trời, cách theo Đức Chúa Trời, và cách đáp ứng ý muốn của Đức Chúa Trời. Chúng ta sẽ đặt tất cả những vấn đề này sang một bên hôm nay. Vậy thì chúng ta đang bàn luận điều gì? Đề tài là Đức Chúa Trời. Có phải đây là đề tài quan trọng nhất đối với mỗi người không? Đề tài này bao hàm những gì? Dĩ nhiên, nó chắc chắn không thể tách khỏi tâm tính Đức Chúa Trời, thực chất Đức Chúa Trời, và công tác của Đức Chúa Trời. Như vậy hôm nay, chúng ta hãy thảo luận “công tác của Đức Chúa Trời, tâm tính của Đức Chúa Trời, và chính Đức Chúa Trời”.

Từ lúc con người bắt đầu tin vào Đức Chúa Trời, họ đã đối diện với những đề tài như công tác của Đức Chúa Trời, tâm tính của Đức Chúa Trời, và chính Đức Chúa Trời. Khi nói đến công tác của Đức Chúa Trời, một số người sẽ nói: “Công tác của Đức Chúa Trời được thực hiện trên chúng tôi; chúng tôi trải nghiệm nó mỗi ngày, do đó chúng tôi không xa lạ với nó”. Khi nói về tâm tính của Đức Chúa Trời, một số người sẽ nói: “Tâm tính của Đức Chúa Trời là một chủ đề mà chúng tôi nghiên cứu, khám phá, và tập trung vào suốt cả đời mình, do đó chúng tôi phải quen thuộc với nó”. Đối với chính Đức Chúa Trời, một số người sẽ nói: “Chính Đức Chúa Trời là Đấng chúng tôi theo, là Đấng chúng tôi giao phó đức tin, và là Đấng mà chúng tôi theo đuổi; chúng tôi cũng không phải là không được thông tin về Ngài”. Đức Chúa Trời chưa bao giờ dừng công tác của Ngài kể từ khi sáng thế; xuyên suốt công tác của Ngài, Ngài đã liên tục bày tỏ tâm tính Ngài và dùng những phương tiện khác nhau để bày tỏ lời Ngài. Đồng thời, Ngài chưa bao giờ ngưng bày tỏ chính Ngài và thực chất của Ngài với nhân loại, bày tỏ ý muốn của Ngài đối với con người và những gì Ngài yêu cầu từ con người. Bởi thế, theo nghĩa đen, không ai xa lạ với những đề tài này. Tuy nhiên, đối với những người theo Đức Chúa Trời hôm nay, công tác của Đức Chúa Trời, tâm tính của Đức Chúa Trời, và chính Đức Chúa Trời thật sự đều rất lạ lẫm. Tại sao lại như vậy? Khi con người trải nghiệm công tác của Đức Chúa Trời, họ cũng bắt đầu tiếp xúc với Đức Chúa Trời, khiến họ cảm thấy như thể họ hiểu tâm tính của Đức Chúa Trời, hoặc có kiến thức nào đó về việc nó sẽ

như thế nào. Theo đó, con người không nghĩ mình xa lạ với công tác của Đức Chúa Trời hay tâm tính của Đức Chúa Trời. Thay vào đó, con người nghĩ họ rất quen thuộc với Đức Chúa Trời và hiểu nhiều về Đức Chúa Trời. Thế nhưng với tình hình hiện tại, sự hiểu biết này về Đức Chúa Trời, cùng nhiều điều khác, bị giới hạn trong những gì họ đọc từ sách, trong trải nghiệm cá nhân, bị kiềm chế bởi trí tưởng tượng, và hơn hết, bị bó buộc bởi những thực tế mà họ có thể thấy bằng chính mắt họ – tất cả những điều mà khác xa với chính Đức Chúa Trời thật. Và “khác xa” như vậy là bao xa? Có lẽ chính bản thân con người cũng không rõ, hay có lẽ con người có chút ý thức, một sự hiểu biết qua loa – nhưng khi nói đến chính Đức Chúa Trời, sự hiểu biết của con người về Ngài quá khác với thực chất của chính Đức Chúa Trời thật. Đây là lý do tại sao, đối với một đề tài như “công tác của Đức Chúa Trời, tâm tính của Đức Chúa Trời, và chính Đức Chúa Trời”, chúng ta bắt buộc phải tham gia thông công theo cách có hệ thống và cụ thể.

Trên thực tế, tâm tính của Đức Chúa Trời cởi mở với mọi người và không ẩn giấu, bởi vì Đức Chúa Trời chưa bao giờ chủ ý tránh né bất kỳ người nào và chưa bao giờ chủ ý tìm cách che giấu chính Ngài để ngăn con người biết Ngài hay hiểu Ngài. Tâm tính của Đức Chúa Trời luôn cởi mở và đối mặt với mỗi người một cách thẳng thắn. Trong sự quản lý của Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời làm công tác của Ngài, đối diện với mọi người, và công tác của Ngài được thực hiện trên mỗi một con người. Khi Ngài làm công tác này, Ngài liên tục tỏ lộ tâm tính Ngài và liên tục dùng thực chất của Ngài, Ngài có gì và là gì, để hướng dẫn và chu cấp cho mỗi một người. Trong mỗi thời đại và mỗi giai đoạn, bất kể hoàn cảnh là tốt hay xấu, tâm tính của Đức Chúa Trời cũng luôn cởi mở với mỗi cá nhân, và những vật sở hữu và hữu thể của Ngài luôn cởi mở với mỗi cá nhân, cũng như sự sống của Ngài liên tục và không ngừng chu cấp, hỗ trợ cho nhân loại. Bất kể tất cả những điều này, tâm tính của Đức Chúa Trời vẫn còn là sự ẩn giấu đối với một số người. Tại sao? Bởi vì ngay cả khi những người này sống trong công tác của Đức Chúa Trời và theo Đức Chúa Trời, họ cũng không bao giờ cố gắng hiểu Đức Chúa Trời, cũng không muốn biết được Đức Chúa Trời, hướng chi đến gần Đức Chúa Trời hơn. Đối với những người này, việc hiểu tâm tính Đức Chúa Trời là điềm báo rằng sự kết thúc của họ đã gần kề; điều này nghĩa là họ sắp bị phán xét và kết án bởi tâm tính của Đức Chúa Trời. Vì lẽ ấy, họ chưa bao giờ khao khát hiểu Đức Chúa Trời hay tâm tính của Ngài, cũng không bao giờ thêm muốn một sự hiểu biết hay kiến thức sâu hơn về ý muốn của Đức Chúa Trời. Họ không cố gắng để hiểu thấu ý muốn của Đức Chúa Trời thông qua sự phối hợp có chủ ý – họ cứ mãi vui hưởng và không bao giờ mệt mỏi làm những điều họ muốn làm; tin vào vị Đức Chúa Trời mà họ muốn tin; tin vào vị Đức Chúa Trời chỉ tồn tại trong trí tưởng tượng của họ, vị Đức Chúa Trời chỉ tồn tại trong những quan niệm của họ, và tin vào một vị Đức Chúa Trời không thể tách khỏi họ trong đời sống hàng ngày. Khi nói đến chính Đức Chúa Trời thật, họ hoàn toàn lãnh đạm và chẳng khao khát hiểu Ngài hay chú ý đến Ngài, và càng ít muốn đến gần Ngài hơn. Họ chỉ dùng những lời Đức Chúa Trời bày tỏ để tô điểm cho bản thân họ, để bao bọc chính họ. Đối với họ, điều này đã làm cho họ thành những tín đồ thành công và

những người có đức tin nơi Đức Chúa Trời trong lòng. Trong lòng họ, họ được hướng dẫn bởi những sự tưởng tượng của họ, những quan niệm của họ, và thậm chí những định nghĩa của cá nhân họ về Đức Chúa Trời. Mặt khác, chính Đức Chúa Trời thật, lại tuyệt đối không có gì liên quan đến họ. Bởi vì, nếu họ hiểu chính Đức Chúa Trời thật, hiểu tâm tính thật của Đức Chúa Trời, và hiểu Đức Chúa Trời có gì và là gì, điều đó sẽ có nghĩa là những hành động của họ, đức tin của họ, và những sự mưu cầu của họ sẽ bị kết án. Đó là lý do tại sao họ ghét hiểu thực chất của Đức Chúa Trời, ghét và không sẵn lòng chủ động tìm kiếm hay cầu nguyện để hiểu Đức Chúa Trời rõ hơn, biết ý muốn của Đức Chúa Trời rõ hơn, và hiểu tâm tính của Đức Chúa Trời rõ hơn. Họ thà rằng Đức Chúa Trời là điều gì đó được dựng nên, điều gì đó trống rỗng và mơ hồ. Họ thà rằng Đức Chúa Trời là ai đó y như họ đã tưởng tượng về Ngài, ai đó có thể chịu sự sai khiến của họ, chu cấp vô tận và luôn sẵn có. Khi họ muốn được hưởng ân điển của Đức Chúa Trời, họ đòi hỏi Đức Chúa Trời phải là ân điển đó. Khi họ cần phúc lành của Đức Chúa Trời, họ đòi hỏi Đức Chúa Trời phải là phúc lành đó. Khi đối mặt với nghịch cảnh, họ xin Đức Chúa Trời làm cho họ bạo dạn, làm lá chắn phía sau của họ. Kiến thức của những người này về Đức Chúa Trời bị mắc kẹt trong ranh giới của ân điển và phúc lành. Sự hiểu biết của họ về công tác của Đức Chúa Trời, tâm tính của Đức Chúa Trời, và chính Đức Chúa Trời cũng chỉ giới hạn trong những sự tưởng tượng của họ, những con chữ và học thuyết. Nhưng có một số người thiết tha được hiểu tâm tính của Đức Chúa Trời, muốn thật sự được nhìn thấy chính Đức Chúa Trời, và thật sự hiểu tâm tính của Đức Chúa Trời, hiểu Ngài có gì và là gì. Những người này đang theo đuổi hiện thực của lẽ thật và của sự cứu rỗi bởi Đức Chúa Trời, và tìm kiếm để nhận lãnh sự chinh phục, cứu rỗi, và hoàn thiện bởi Đức Chúa Trời. Họ dùng con tim họ để đọc lời Đức Chúa Trời, dùng con tim họ để cảm kích mọi tình huống và mọi người, sự kiện, và sự việc mà Đức Chúa Trời đã sắp xếp cho họ, và họ cầu nguyện, tìm kiếm bằng sự chân thành. Điều họ muốn biết nhất là ý muốn của Đức Chúa Trời, muốn hiểu nhất là tâm tính và thực chất thật của Đức Chúa Trời, rằng họ không còn xúc phạm Đức Chúa Trời, và thông qua những trải nghiệm của họ, có thể thấy được sự đáng mến của Đức Chúa Trời và phương diện thật của Ngài nhiều hơn. Điều đó cũng là để một Đức Chúa Trời thật đích thực sẽ hiện hữu trong lòng họ, và để Đức Chúa Trời sẽ có một chỗ trong lòng họ, như thế họ sẽ không còn sống giữa những sự tưởng tượng, quan niệm, hay sự mơ hồ nữa. Đối với những người này, lý do họ có sự khao khát luôn thôi thúc được hiểu tâm tính của Đức Chúa Trời và thực chất của Ngài là vì tâm tính và thực chất của Đức Chúa Trời là những gì nhân loại cần vào mọi khoảnh khắc trong quá trình trải nghiệm của họ; chính tâm tính và thực chất của Ngài chu cấp sự sống xuyên suốt cuộc đời của một người. Một khi họ hiểu tâm tính của Đức Chúa Trời, họ sẽ có thể tôn kính Đức Chúa Trời tốt hơn, phối hợp với công tác của Đức Chúa Trời tốt hơn, ân cần hơn với ý muốn của Đức Chúa Trời và thực hiện bổn phận của họ trong khả năng tốt nhất. Đó là những thái độ của hai kiểu người đối với tâm tính Đức Chúa Trời. Kiểu thứ nhất không muốn hiểu tâm tính Đức Chúa Trời. Ngay cả khi họ nói rằng họ muốn hiểu tâm tính Đức Chúa

Trời, biết chính Đức Chúa Trời, thấy Đức Chúa Trời có gì và là gì, và thật sự cảm kích ý muốn của Đức Chúa Trời, thì tận sâu thẳm, họ muốn rằng Đức Chúa Trời không tồn tại. Đó là vì kiểu người này liên tục bất tuân và chống đối Đức Chúa Trời; họ chiến đấu với Đức Chúa Trời vì địa vị trong lòng của họ và thường hoài nghi hay thậm chí phủ nhận sự hiện hữu của Đức Chúa Trời. Họ không muốn để tâm tính của Đức Chúa Trời hay chính Đức Chúa Trời thật chiếm ngự lòng họ. Họ chỉ muốn đáp ứng những khao khát, sự tưởng tượng, và tham vọng của riêng họ. Như vậy, những người này có thể tin Đức Chúa Trời, theo Đức Chúa Trời, và cũng có thể từ bỏ gia đình, công việc vì Ngài, nhưng họ không bỏ được những con đường tà ác của họ. Một số người thậm chí ăn cắp hoặc hoang phí các của lễ, hay nguyên rửa Đức Chúa Trời trong âm thầm, trong khi những người khác thì có thể dùng vị trí của họ để hết lần này đến lần khác tự chứng thực, tự phóng đại bản thân họ, tranh giành con người và địa vị với Đức Chúa Trời. Họ dùng những biện pháp và phương pháp khác nhau để làm cho mọi người thờ phượng họ, liên tục cố gắng giành lấy mọi người và kiểm soát họ. Một số người thậm chí còn cố ý lường gạt để mọi người nghĩ rằng họ là Đức Chúa Trời, để họ có thể được đối đãi như Đức Chúa Trời. Họ sẽ không bao giờ nói với ai rằng họ đã bị bại hoại – rằng họ cũng sa ngã và kiêu ngạo, đừng thờ phượng họ, và rằng bất kể họ làm tốt như thế nào, thì tất cả đều là bởi sự đề cao của Đức Chúa Trời và rằng dù sao thì họ cũng đang làm điều họ phải làm. Tại sao họ không nói những điều này? Bởi vì họ vô cùng lo sợ đánh mất vị trí của họ trong lòng mọi người. Đây là lý do tại sao những người như thế không bao giờ tán tụng Đức Chúa Trời và không bao giờ làm chứng cho Đức Chúa Trời, bởi họ chưa bao giờ cố gắng hiểu Đức Chúa Trời. Họ có thể biết Đức Chúa Trời mà không hiểu Ngài không? Không thể! Như vậy, mặc dù những lời trong đề tài “công tác của Đức Chúa Trời, tâm tính của Đức Chúa Trời, và chính Đức Chúa Trời” có thể đơn giản, nhưng chúng lại có những ý nghĩa khác nhau đối với mỗi người. Đối với người thường xuyên bất tuân Đức Chúa Trời, chống đối Đức Chúa Trời, và thù địch Đức Chúa Trời, những lời ấy là điềm báo sự kết án; trong khi người theo đuổi thực tế của lẽ thật và thường đến trước Đức Chúa Trời để tìm kiếm ý muốn của Đức Chúa Trời thì sẽ như cá gặp nước khi nghe những lời ấy. Như vậy trong số các người có những người mà, khi họ nghe nói về tâm tính Đức Chúa Trời và công tác của Đức Chúa Trời, họ bắt đầu cảm thấy nhức đầu, lòng họ đầy sự kháng cự, và họ trở nên cực kỳ không thoải mái. Nhưng có những người khác trong các người thì cảm thấy rằng đề tài này chính là thứ họ cần, bởi vì nó rất bổ ích cho họ. Nó là điều không thể thiếu trong trải nghiệm sống của họ; nó là mấu chốt của mấu chốt, nền tảng của đức tin nơi Đức Chúa Trời, và là điều nhân loại không thể từ bỏ. Đối với hết thảy các người, đề tài này có thể dường như vừa gần lại vừa xa, chưa biết tới nhưng lại quen thuộc. Nhưng dù thế nào, đây cũng là đề tài mà mọi người phải lắng nghe, phải biết, và phải hiểu. Cho dù người đối phó với nó như thế nào, cho dù người nhìn nhận nó như thế nào, hay người hiểu nó ra sao, thì cũng không thể lơ là tầm quan trọng của đề tài này.

Đức Chúa Trời đã và đang làm công tác của Ngài kể từ khi Ngài tạo ra nhân loại. Vào lúc khởi đầu, đó là một công tác rất đơn giản, nhưng dù đơn giản, nó chứa đựng

những sự bày tỏ về thực chất và tâm tính của Đức Chúa Trời. Mặc dù công tác của Đức Chúa Trời giờ đây đã được nâng tầm, và công tác này trên mỗi người theo Ngài đã trở nên lớn lao và cụ thể, với sự bày tỏ tuyệt vời của lời Ngài, thân vị của Đức Chúa Trời xuyên khắp đã ẩn đi khỏi nhân loại. Mặc dù Ngài đã được nhập thể hai lần, từ thời của những bản ghi chép Kinh Thánh cho đến những ngày hiện đại, ai đã từng thấy thân vị thật của Đức Chúa Trời? Dựa trên sự hiểu biết của các người, có bất kỳ ai từng thấy thân vị thật của Đức Chúa Trời chưa? Chưa. Chưa ai từng thấy thân vị thật của Đức Chúa Trời cả, nghĩa là chưa ai từng thấy bản ngã thật của Đức Chúa Trời. Đây là điều mọi người đều đồng ý. Nói thế nghĩa là, thân vị thật của Đức Chúa Trời, hay Thần của Đức Chúa Trời, được che giấu khỏi toàn nhân loại, kể cả A-đam và Ê-va, những người mà Ngài đã tạo nên, và kể cả Gióp công chính, người mà Ngài đã chấp nhận. Không ai trong số họ đã nhìn thấy thân vị thật của Đức Chúa Trời. Nhưng tại sao Đức Chúa Trời lại chủ tâm che giấu thân vị thật của Ngài? Một số người nói: “Đức Chúa Trời e là sẽ làm con người sợ hãi”. Những người khác thì nói: “Đức Chúa Trời giấu đi thân vị thật của Ngài bởi vì con người quá nhỏ bé và Đức Chúa Trời thì quá vĩ đại; con người không thể nhìn thấy Ngài, nếu không họ sẽ chết”. Cũng có những người nói rằng: “Đức Chúa Trời bận quản lý công tác của Ngài mỗi ngày, và Ngài có thể không có thời gian để xuất hiện hầu cho mọi người có thể thấy Ngài”. Cho dù các người tin như thế nào thì Ta cũng có một kết luận ở đây. Kết luận ấy là gì? Đó là Đức Chúa Trời đơn giản là không muốn mọi người thấy thân vị thật của Ngài. Ẩn đi khỏi nhân loại là điều Đức Chúa Trời làm một cách có chủ ý. Nói cách khác, ý định của Đức Chúa Trời là để cho con người không nhìn thấy thân vị thật của Ngài. Điều này nên rõ ràng với mọi người vào lúc này. Nếu Đức Chúa Trời chưa bao giờ tỏ lộ thân vị của Ngài với bất kỳ ai, vậy thì các người nghĩ thân vị của Đức Chúa Trời có hiện hữu không? (Ngài có hiện hữu.) Dĩ nhiên Ngài có. Sự hiện hữu của thân vị Đức Chúa Trời là không chút nghi ngờ. Nhưng đối với việc thân vị của Đức Chúa Trời vĩ đại như thế nào hay Ngài trông ra sao, đây có phải là những câu hỏi mà nhân loại nên điều tra không? Không. Câu trả lời là không. Nếu thân vị của Đức Chúa Trời không phải là một đề tài mà chúng ta nên khám phá, vậy thì cái gì mới phải? (Tâm tính của Đức Chúa Trời.) (Công tác của Đức Chúa Trời.) Tuy nhiên, trước khi bắt đầu thông công về đề tài chính, chúng ta hãy quay lại điều vừa mới thảo luận: Tại sao Đức Chúa Trời không bao giờ tỏ lộ thân vị Ngài với nhân loại? Tại sao Đức Chúa Trời lại cố ý ẩn giấu thân vị của Ngài khỏi nhân loại? Chỉ có một lý do, và đó là: Mặc dù con người mà Đức Chúa Trời tạo dựng đã trải nghiệm hàng ngàn năm công tác của Ngài, vẫn không một người nào biết công tác của Đức Chúa Trời, tâm tính của Đức Chúa Trời, và thực chất của Đức Chúa Trời. Trong mắt Đức Chúa Trời, những người như thế là đối lập với Ngài, và Đức Chúa Trời sẽ không cho những người thù nghịch với Ngài thấy Ngài. Đây là lý do duy nhất khiến Đức Chúa Trời chưa bao giờ tỏ lộ thân vị của Ngài với nhân loại và tại sao Ngài lại chủ ý che giấu thân vị của Ngài trước con người. Bây giờ tầm quan trọng của việc biết tâm tính Đức Chúa Trời đã rõ ràng với các người chưa?



Từ lúc tồn tại việc quản lý của Đức Chúa Trời, Ngài đã luôn toàn tâm thực hiện công tác của Ngài. Cho dù che giấu thân vị của Ngài khỏi con người, Ngài luôn bên cạnh con người, làm công tác trên con người, bày tỏ tâm tính Ngài, hướng dẫn toàn nhân loại với thực chất của Ngài, và làm công tác của Ngài ở mỗi một con người thông qua sự toàn năng, sự khôn ngoan, và thẩm quyền của Ngài, nhờ đó làm nên Thời đại Luật pháp, Thời đại Ân điển, và Thời đại Vương quốc của ngày nay. Mặc dù Đức Chúa Trời che giấu thân vị Ngài khỏi con người, nhưng tâm tính của Ngài, hữu thể của Ngài, những vật sở hữu của Ngài, và ý muốn của Ngài đối với nhân loại được tỏ lộ một cách cởi mở cho con người để con người nhìn thấy và trải nghiệm. Nói cách khác, mặc dù nhân loại không thể thấy hay chạm Đức Chúa Trời, tâm tính và thực chất của Đức Chúa Trời mà nhân loại gặp phải tuyệt đối là những sự bày tỏ của chính Đức Chúa Trời. Chẳng phải đó là sự thật sao? Bất kể cách thức hay góc độ tiếp cận mà Đức Chúa Trời chọn cho công tác của Ngài, Ngài luôn đối đãi với con người thông qua thân phận thật của Ngài, làm công tác trong phận sự của Ngài, và phán những lời Ngài buộc phải phán. Cho dù Đức Chúa Trời phán từ vị trí nào – Ngài có thể đứng ở tầng trời thứ ba, hay đứng trong xác thịt, hay thậm chí như một người bình thường – Ngài luôn phán với con người bằng cả tấm lòng Ngài và cả tâm trí Ngài, không chút dối trá hay che đậy. Khi Đức Chúa Trời thực hiện công tác của mình, Ngài bày tỏ lời Ngài và tâm tính Ngài, và bày tỏ Ngài có gì và là gì, không chút e dè nào cả. Ngài hướng dẫn nhân loại bằng sự sống của Ngài, bằng hữu thể và những vật sở hữu của Ngài. Đây là cách con người sống suốt Thời đại Luật pháp – thuở nằm nôi của nhân loại – dưới sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời “không thể thấy được và không thể chạm được”.

Đức Chúa Trời đã trở nên xác thịt lần đầu tiên sau Thời đại Luật pháp – một sự nhập thể kéo dài ba mươi ba năm rưỡi. Đối với một con người, ba mươi ba năm rưỡi có là khoảng thời gian dài không? (Không dài.) Bởi tuổi thọ của con người thường dài hơn nhiều so với ba mươi mấy năm, đây không phải là một khoảng thời gian quá dài với con người. Nhưng đối với Đức Chúa Trời nhập thể, ba mươi ba năm rưỡi này quả thật là dài. Ngài đã trở thành một con người – một con người bình thường đảm nhận công tác và sự ủy nhiệm của Đức Chúa Trời. Điều này nghĩa là Ngài đã phải đảm đương công tác mà một người bình thường không thể xử lý, đồng thời cũng chịu sự đau khổ mà những người bình thường không thể chịu được. Mức đau khổ mà Đức Chúa Jêsu đã chịu trong Thời đại Ân điển, từ lúc bắt đầu công tác của Ngài đến khi Ngài bị đóng đinh lên cây thập tự, có thể không phải là điều con người ngày nay có thể đích thân chứng kiến, nhưng chí ít, chẳng lẽ các người không thể có được ý tưởng nào về điều đó thông qua những câu chuyện trong Kinh Thánh sao? Bất kể có bao nhiêu chi tiết trong những sự kiện được ghi chép này thì nhìn chung, công tác của Đức Chúa Trời trong khoảng thời gian này đầy gian truân và đau khổ. Đối với một con người bại hoại, ba mươi ba năm rưỡi không phải là thời gian dài; chút đau khổ chỉ là chuyện nhỏ. Nhưng đối với Đức Chúa Trời thánh khiết, không chút vết nhơ, Đấng đã phải chịu đựng toàn bộ tội lỗi của nhân loại, và ăn, uống, sống với những kẻ tội lỗi, nỗi đau này to lớn đến không

tường. Ngài là Đấng Tạo Hóa, Đấng Tối Cao của muôn vật và Đấng Thống Trị mọi sự, ấy thế mà khi Ngài đến thế gian, Ngài đã phải chịu sự áp bức và tàn ác của những con người bại hoại. Để hoàn thành công tác của Ngài và giải cứu nhân loại khỏi bể khổ, Ngài đã phải bị con người kết án và gánh tội cho toàn nhân loại. Mức độ đau khổ mà Ngài đã trải qua là không thể hiểu thấu, cũng không thể nhận thức rõ đối với những người bình thường. Sự đau khổ này đại diện cho điều gì? Nó đại diện cho sự tận tụy của Đức Chúa Trời với nhân loại. Nó đại diện cho sự nhục mạ mà Ngài đã chịu và cái giá mà Ngài đã trả vì sự cứu rỗi con người, để chuộc tội cho họ, và để hoàn thành giai đoạn này của công tác của Ngài. Nó cũng có nghĩa là con người sẽ được Đức Chúa Trời cứu chuộc khỏi cây thập tự. Đây là cái giá được trả bằng máu, bằng sự sống, và là một cái giá mà không tạo vật nào có khả năng trả được. Chính bởi vì Ngài có thực chất của Đức Chúa Trời và sở hữu những gì Đức Chúa Trời có và là mà Ngài có thể chịu đựng dạng đau khổ này và làm dạng công tác này. Đây là điều không hữu thể nào do Ngài tạo dựng có thể làm được thay cho Ngài. Đây là công tác của Đức Chúa Trời trong Thời đại Ân điển và là sự mặc khải về tâm tính Ngài. Điều này có tỏ lộ bất cứ điều gì về việc Đức Chúa Trời có gì và là gì không? Điều này có đáng để nhân loại biết không? Vào thời đại đó, mặc dù con người không nhìn thấy thân vị của Đức Chúa Trời nhưng họ đã nhận lãnh của lễ chuộc tội của Đức Chúa Trời và được Đức Chúa Trời cứu chuộc khỏi cây thập tự. Nhân loại có thể không xa lạ với công tác mà Đức Chúa Trời đã làm trong Thời đại Ân điển, nhưng có ai quen thuộc với tâm tính và ý muốn mà Đức Chúa Trời đã bày tỏ trong khoảng thời gian đó không? Con người chỉ biết về những chi tiết trong công tác của Đức Chúa Trời qua những thời đại khác nhau và thông qua những kênh khác nhau, hoặc biết những câu chuyện liên quan đến Đức Chúa Trời đã diễn ra vào cùng lúc Đức Chúa Trời thực hiện công tác của Ngài. Những chi tiết và câu chuyện này cùng lắm chỉ là thông tin hay truyền thuyết nào đó về Đức Chúa Trời và không liên quan gì đến tâm tính và thực chất Đức Chúa Trời. Như vậy cho dù con người biết được bao nhiêu chuyện về Đức Chúa Trời, điều đó không có nghĩa rằng họ có sự hiểu biết và kiến thức sâu sắc về tâm tính của Đức Chúa Trời hay thực chất của Ngài. Cũng như trong Thời đại Luật pháp, mặc dù con người trong Thời đại Ân điển đã trải nghiệm sự gặp gỡ trực tiếp và mật thiết với Đức Chúa Trời trong xác thịt, kiến thức của họ về tâm tính Đức Chúa Trời và thực chất của Đức Chúa Trời hầu như không tồn tại.

Trong Thời đại Vương quốc, Đức Chúa Trời đã trở nên xác thịt một lần nữa, theo cùng một cách mà Ngài đã làm vào lần đầu. Trong khoảng thời gian công tác này, Đức Chúa Trời vẫn cởi mở bày tỏ lời Ngài, làm công tác mà Ngài buộc phải làm, và bày tỏ Ngài có gì và là gì. Đồng thời, Ngài tiếp tục chịu đựng và dung thứ cho sự bất tuân và ngu xuẩn của con người. Chẳng phải Đức Chúa Trời cũng liên tục tỏ lộ tâm tính của Ngài và bày tỏ ý muốn của Ngài trong khoảng thời gian công tác này sao? Vì lẽ ấy, từ khi tạo dựng con người cho đến bây giờ, tâm tính của Đức Chúa Trời, hữu thể và những sự sở hữu của Ngài, và ý muốn của Ngài luôn cởi mở với mọi người. Đức Chúa Trời chưa bao giờ chủ ý giấu đi thực chất của Ngài, tâm tính của Ngài, hay ý muốn của Ngài.

Chỉ là nhân loại không quan tâm về việc Đức Chúa Trời đang làm gì, ý muốn của Ngài là gì – đó là lý do tại sao con người có sự hiểu biết kém cỏi như thế về Đức Chúa Trời. Nói cách khác, mặc dù Đức Chúa Trời che giấu thân vị của Ngài, Ngài cũng đứng bên con người trong mọi khoảnh khắc, phản chiếu rõ ý muốn, tâm tính và bản thể của Ngài vào mọi lúc một cách cỏi mở. Theo một ý nghĩa nào đó, thân vị của Đức Chúa Trời cũng cỏi mở với con người, nhưng do sự mù quáng và bất tuân của con người, họ không bao giờ có thể thấy được sự xuất hiện của Đức Chúa Trời. Như thế nếu đúng là vậy thì có phải việc hiểu về tâm tính Đức Chúa Trời và chính Đức Chúa Trời là không dễ đối với mọi người sao? Đó là một câu hỏi rất khó trả lời, phải không? Người có thể nói rằng điều này dễ dàng, nhưng mặc dù một số người cố gắng để biết Đức Chúa Trời, họ không thể thật sự biết được Ngài hay có được sự hiểu biết rõ ràng về Ngài – điều này luôn mù mịt và mơ hồ. Nhưng nếu người nói rằng không dễ thì cũng không đúng. Đã là đối tượng cho công tác của Đức Chúa Trời lâu như vậy, thì thông qua trải nghiệm của mình, mọi người hẳn đã có được những sự giao thiệp đích thực với Đức Chúa Trời. Họ chỉ ít đã cảm nhận Đức Chúa Trời ở một mức độ nào đó trong lòng mình, hay đã có một sự va chạm thuộc linh với Đức Chúa Trời, và họ chỉ ít đã có sự nhận biết sâu sắc nào đó về tâm tính Đức Chúa Trời hay đạt được sự hiểu biết nào đó về Ngài. Từ lúc con người bắt đầu theo Đức Chúa Trời cho đến nay, nhân loại đã nhận lãnh quá nhiều, nhưng bởi đủ mọi nguyên do – tổ chất kém cỏi, sự ngu dốt, phản nghịch, và những ý định khác nhau của con người – mà nhân loại cũng đã tổn thất rất nhiều. Chẳng lẽ Đức Chúa Trời chưa ban cho nhân loại đủ sao? Mặc dù Đức Chúa Trời giấu đi thân vị của Ngài khỏi nhân loại, Ngài chu cấp cho nhân loại với việc Ngài có gì và là gì, và sự sống của Ngài; kiến thức của nhân loại về Đức Chúa Trời không nên chỉ như những gì trong hiện tại. Đó là lý do tại sao Ta nghĩ rằng cần phải thông công thêm với các người về chủ đề công tác của Đức Chúa Trời, tâm tính của Đức Chúa Trời, và chính Đức Chúa Trời. Mục đích là để hàng ngàn năm chăm sóc và quan tâm mà Đức Chúa Trời đã ban cho con người không kết thúc cách vô ích, và để nhân loại có thể thật sự hiểu và cảm kích ý muốn của Đức Chúa Trời đối với họ. Điều này là để con người có thể tiến tới một giai đoạn mới trong kiến thức của mình về Đức Chúa Trời. Nó cũng sẽ đưa Đức Chúa Trời về lại vị trí thật của Ngài trong lòng con người; nghĩa là, công bằng với Ngài.

Để hiểu được tâm tính Đức Chúa Trời và chính Đức Chúa Trời, các người phải bắt đầu từ việc nhỏ. Nhưng bắt đầu từ việc nhỏ ở đâu? Để mở đầu, Ta đã chọn một số chương từ Kinh Thánh. Thông tin bên dưới chứa các câu Kinh Thánh, toàn bộ đều liên quan đến chủ đề công tác của Đức Chúa Trời, tâm tính của Đức Chúa Trời, và chính Đức Chúa Trời. Ta tìm chính xác những đoạn trích này làm tài liệu tham khảo để giúp các người biết công tác của Đức Chúa Trời, tâm tính của Đức Chúa Trời, và chính Đức Chúa Trời. Bằng cách chia sẻ chúng, chúng ta sẽ có thể thấy Đức Chúa Trời đã tỏ lộ dạng tâm tính nào thông qua công tác trước đây của Ngài và những khía cạnh nào của thực chất Ngài mà con người không biết. Những chương này có thể đã cũ, nhưng đề tài mà chúng ta đang thông công là điều mới mẻ mà con người không có và chưa bao

giờ nghe qua. Một số người trong các người có thể thấy không thể hiểu được – chẳng phải việc đưa ra A-đam, Ê-va và quay lại với Nô-ê sẽ là truy lại những bước y như cũ sao? Cho dù các người nghĩ gì, những chương này rất bổ ích cho việc thông công về đề tài này và có thể đóng thân phận như tài liệu giáo lý hay tài liệu cơ bản cho buổi thông công hôm nay. Vào lúc Ta hoàn tất buổi thông công này, các người sẽ hiểu những ý định của Ta đằng sau việc chọn các chương này. Những ai đã đọc Kinh Thánh trước đây có thể đã đọc vài câu này, nhưng có thể đã không thật sự hiểu chúng. Trước tiên, chúng ta hãy ôn nhanh lại, sau đó xem xét chi tiết từng câu một trong buổi thông công của chúng ta.

A-đam và Ê-va là tổ phụ của nhân loại. Nếu chúng ta muốn đề cập đến các nhân vật từ Kinh Thánh thì chúng ta phải bắt đầu với hai người họ. Tiếp theo là Nô-ê, tổ phụ thứ hai của nhân loại. Ai là tổ phụ thứ ba? (Áp-ra-ham.) Tất cả các người đều biết câu chuyện về Áp-ra-ham chứ? Một số người trong các người có thể biết, nhưng đối với những người khác thì có thể không rõ ràng cho lắm. Ai là nhân vật thứ tư? Ai được đề cập trong câu chuyện về sự hủy diệt Sô-đôm? (Lót.) Nhưng Lót không được đề cập ở đây. Nó ám chỉ ai? (Áp-ra-ham.) Điều chính yếu được đề cập trong câu chuyện của Áp-ra-ham là điều Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã phán. Các người có thấy điều đó không? Ai là nhân vật thứ năm? (Gióp.) Chẳng phải Đức Chúa Trời đề cập nhiều đến câu chuyện của Gióp trong giai đoạn hiện tại này của công tác của Ngài sao? Vậy các người có quan tâm rất nhiều về câu chuyện này không? Nếu các người có quan tâm rất nhiều, các người đã đọc kỹ câu chuyện về Gióp trong Kinh Thánh chưa? Các người có biết Gióp đã nói những gì không, và ông đã làm những gì không? Đối với những người đã đọc nhiều nhất trong các người, các người đã đọc nó bao nhiêu lần? Các người có đọc nó thường xuyên không? Các chị đến từ Hồng Kông, xin cho chúng tôi biết. (Trước đây tôi đọc hai lần khi chúng ta ở trong Thời đại Ân điển.) Người không đọc lại kể từ đó ư? Thật đáng tiếc. Ta bảo các người: Trong giai đoạn này của công tác của Đức Chúa Trời, Ngài đã đề cập đến Gióp nhiều lần, đây là một sự phản ánh những ý định của Ngài. Việc Ngài đã đề cập Gióp nhiều lần nhưng lại chẳng gọi lên được sự chú ý của các người là bằng chứng cho một thực tế: các người không quan tâm đến việc làm người tốt, và người kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Điều này là vì các người thỏa mãn với việc chỉ có ý tưởng sơ bộ về câu chuyện của Gióp mà Đức Chúa Trời đã dẫn ra. Các người hài lòng với sự hiểu biết đơn thuần về bản thân câu chuyện, nhưng các người không quan tâm và không cố gắng hiểu những chi tiết của việc Gióp là ai và mục đích đằng sau lý do Đức Chúa Trời đề cập Gióp ở nhiều dịp như vậy. Nếu một người được Đức Chúa Trời khen ngợi như thế lại không khiến các người quan tâm, vậy thì chính xác là các người đang chú ý đến điều gì? Nếu các người không quan tâm hay cố gắng hiểu một người quan trọng như thế mà Đức Chúa Trời đã đề cập, thì điều đó có thể nói lên điều gì về thái độ của các người đối với lời Đức Chúa Trời? Chẳng phải sẽ là thật đáng trách sao? Chẳng phải nó sẽ chứng minh rằng đa số các người không làm những điều thực tế hay theo đuổi lẽ thật sao? Nếu người có theo đuổi lẽ thật, người sẽ

có sự chú ý tất yếu tới những người mà Đức Chúa Trời chấp thuận và những câu chuyện về các nhân vật mà Đức Chúa Trời đã nói đến. Bất kể người có thể sống theo họ hay thấy những câu chuyện của họ rõ ràng hay không, người sẽ sớm đi và đọc về họ, cố gắng hiểu thấu họ, tìm cách noi gương họ, và làm những gì người có thể bằng khả năng tốt nhất của mình. Đây là cách ai đó khao khát lẽ thật phải hành động. Nhưng thực tế là, hầu hết các người đang ngồi đây đều chưa bao giờ đọc chuyện về Gióp – và điều đó khá là rõ ràng.

Chúng ta hãy quay lại đề tài mà Ta vừa thảo luận. Trong phần này của Kinh Thánh, liên quan đến Thời đại Luật pháp của Cựu Ước, Ta đã quyết định tập trung vào những câu chuyện nhất định về các nhân vật mang tính đại diện cao mà hầu hết mọi người đã đọc Kinh Thánh đều quen thuộc. Bất kỳ ai đọc những câu chuyện về các nhân vật này đều sẽ có thể cảm thấy rằng công tác mà Đức Chúa Trời đã làm trên họ và những lời Đức Chúa Trời đã phán với họ cũng hữu hình và dễ tiếp cận ngang bằng đối với con người ngày nay. Khi người đọc những câu chuyện này, những ghi chép từ Kinh Thánh, người sẽ có thể hiểu rõ hơn về cách Đức Chúa Trời đã thực hiện công tác của Ngài và đã đối đãi với con người ở những thời đó trong lịch sử như thế nào. Nhưng nguyên nhân khiến Ta quyết định thảo luận về những chương này hôm nay không phải là để người cố tập trung vào chính những câu chuyện hay các nhân vật trong đó. Đúng hơn, đó là để người có thể – thông qua các câu chuyện của những nhân vật này – thấy được những việc làm của Đức Chúa Trời và tâm tính Ngài. Điều này sẽ cho phép các người biết và hiểu Đức Chúa Trời dễ dàng hơn, thấy được phương diện thật của Ngài; nó sẽ xua tan những sự suy đoán và quan niệm của người về Ngài, và giúp hướng người ra khỏi đức tin bị lừa dối bởi sự mơ hồ. Trừ khi người có một nền tảng vững chắc, việc cố gắng hiểu ý nghĩa của tâm tính Đức Chúa Trời và biết được chính Đức Chúa Trời thường có thể dẫn tới một cảm giác vô vọng, bất lực, và bất định về cả việc bắt đầu từ đâu. Đây là điều đã thôi thúc Ta phát triển một phương pháp và đường hướng có thể giúp người hiểu Đức Chúa Trời rõ hơn, cảm kích ý muốn của Đức Chúa Trời một cách chân thật hơn, biết đến tâm tính của Đức Chúa Trời và chính Đức Chúa Trời, và để người thật sự cảm nhận sự hiện hữu của Đức Chúa Trời và cảm kích ý muốn của Ngài đối với nhân loại. Chẳng phải điều này là vì tất cả lợi ích của các người sao? Bây giờ khi các người xem lại những câu chuyện và những phần này của Kinh Thánh, các người cảm thấy gì trong lòng mình? Các người có nghĩ những phần Kinh Thánh mà Ta đã chọn là thừa thãi không? Ta phải nhấn mạnh lại điều Ta vừa nói với các người: Mục tiêu của việc bảo các người đọc những câu chuyện về các nhân vật này là để giúp các người thấy Đức Chúa Trời làm công tác của Ngài trên con người như thế nào và hiểu rõ hơn về thái độ của Ngài đối với nhân loại. Điều gì sẽ giúp các người đạt đến sự hiểu biết này? Hiểu công tác mà Đức Chúa Trời đã làm trong quá khứ, và liên hệ nó với công tác mà Đức Chúa Trời đang làm ngay lúc này – điều này sẽ giúp các người hiểu vô số các phương diện của Ngài. Vô số các phương diện này là có thật và phải được biết đến, được hiểu bởi tất cả những ai ao ước được biết Đức Chúa Trời.

Chúng ta hãy bắt đầu với câu chuyện về A-đam và Ê-va, mở đầu với một đoạn trích từ Kinh Thánh.

## **A. A-đam và Ê-va**

### **1. Sự phán dạy của Đức Chúa Trời với A-đam**

Sách sáng thế 2:15-17 Giê-hô-va Đức Chúa Trời đem người ở vào cảnh vườn Ê-đen để trồng và giữ vườn. Rồi, Giê-hô-va Đức Chúa Trời phán dạy rằng: Người được tự do ăn hoa quả các thứ cây trong vườn; nhưng về cây biết điều thiện và điều ác thì chớ hề ăn đến; vì một mai người ăn chắc sẽ chết.

Các người góp nhặt được gì từ những câu này? Phần này của Kinh Thánh khiến các người cảm thấy thế nào? Tại sao Ta lại quyết định nói về sự phán dạy của Đức Chúa Trời với A-đam? Mỗi người trong các người giờ đây có hình tượng về Đức Chúa Trời và A-đam trong trí mình không? Các người có thể thử tưởng tượng: Nếu các người là người trong cảnh tượng đó, thì tận sâu thẳm, các người nghĩ Đức Chúa Trời sẽ như thế nào? Việc suy nghĩ về điều này khiến các người cảm thấy ra sao? Đây là một bức tranh cảm động và ấm lòng. Mặc dù chỉ có Đức Chúa Trời và con người trong đó, sự mật thiết giữa họ khiến người đầy cảm giác ngưỡng mộ: Tình yêu tràn đầy của Đức Chúa Trời được ban một cách tự do trên con người và vây lấy con người; con người ngây thơ và tinh sạch, không vương bận và vô tư, sống sung sướng dưới mắt Đức Chúa Trời; Đức Chúa Trời thể hiện sự quan tâm đối với con người, trong khi con người thì sống dưới sự bảo vệ và phúc lành của Đức Chúa Trời; mỗi một điều con người làm và nói đều liên kết chặt chẽ và không thể tách khỏi Đức Chúa Trời.

Đây có thể được gọi là sự phán dạy đầu tiên của Đức Chúa Trời với con người sau khi tạo ra họ. Sự phán dạy này truyền đạt điều gì? Nó truyền đạt ý muốn của Đức Chúa Trời, nhưng cũng có cả những sự lo lắng của Ngài đối với nhân loại. Đây là sự phán dạy đầu tiên của Đức Chúa Trời, và cũng là lần đầu Đức Chúa Trời bày tỏ sự lo lắng đối với con người. Nói thế nghĩa là, Đức Chúa Trời đã cảm thấy một trách nhiệm đối với con người kể từ thời khắc Ngài tạo ra họ. Trách nhiệm của Ngài là gì? Ngài phải bảo vệ, trông nom con người. Ngài hy vọng con người có thể tin cậy và vâng lời Ngài. Đây cũng là sự kỳ vọng đầu tiên của Đức Chúa Trời về con người. Chính với sự kỳ vọng này mà Đức Chúa Trời phán như sau: “Người được tự do ăn hoa quả các thứ cây trong vườn; nhưng về cây biết điều thiện và điều ác thì chớ hề ăn đến; vì một mai người ăn chắc sẽ chết”. Những lời đơn giản này đại diện cho ý muốn của Đức Chúa Trời. Chúng cũng tỏ lộ rằng, trong lòng Ngài, Đức Chúa Trời đã bắt đầu thể hiện sự quan tâm lo lắng đối với con người. Trong muôn vật, chỉ A-đam được làm nên theo hình tượng của Đức Chúa Trời; A-đam là sinh vật sống duy nhất với hơi thở sự sống của Đức Chúa Trời; ông có thể đi dạo cùng Đức Chúa Trời, trò chuyện cùng Đức Chúa Trời. Đó là lý do tại sao Đức Chúa Trời ban cho ông sự phán dạy này. Đức Chúa Trời đã nói rất rõ con người có thể và không thể làm gì trong sự phán dạy của Ngài.

Trong vài lời đơn giản này, chúng ta thấy được lòng Đức Chúa Trời. Nhưng nỗi lòng nào được tỏ bày? Có tình yêu trong lòng Đức Chúa Trời không? Có sự quan tâm lo lắng không? Trong những câu này, tình yêu và sự quan tâm của Đức Chúa Trời không chỉ có thể được nhận thức rõ, mà còn có thể được cảm nhận một cách mật thiết. Các người không đồng ý sao? Sau khi nghe Ta nói điều này, các người vẫn nghĩ rằng đây chỉ là vài lời đơn giản ư? Suy cho cùng thì chúng không đơn giản, phải không? Các người có nhận biết về điều này trước kia không? Nếu Đức Chúa Trời đích thân nói với người vài lời này, trong người sẽ cảm thấy thế nào? Nếu người không phải là một con người nhân đức, nếu lòng người lạnh như băng, thì người sẽ không cảm thấy gì, người sẽ không cảm kích tình yêu của Đức Chúa Trời, và người sẽ không cố gắng hiểu lòng Đức Chúa Trời. Nhưng khi là một người có lương tâm và ý thức về nhân tính, người sẽ cảm nhận khác. Người sẽ cảm nhận sự ấm áp, người sẽ cảm nhận được chăm sóc và yêu thương, và người sẽ cảm thấy hạnh phúc. Điều đó không đúng sao? Khi người cảm nhận những điều này, người sẽ hành động thế nào với Đức Chúa Trời? Người sẽ cảm thấy gần bó với Đức Chúa Trời chứ? Người sẽ yêu thương và kính trọng Đức Chúa Trời từ đáy lòng mình chứ? Lòng người sẽ trở nên gần gũi hơn với Đức Chúa Trời chứ? Từ điều này người có thể thấy tình yêu của Đức Chúa Trời quan trọng với con người như thế nào. Nhưng điều thậm chí còn quan trọng hơn chính là sự cảm kích và thấu hiểu của con người đối với tình yêu của Đức Chúa Trời. Thực ra, chẳng phải Đức Chúa Trời nói rất nhiều điều tương tự trong giai đoạn công tác này của Ngài sao? Ngày nay có những người cảm kích lòng Đức Chúa Trời không? Các người có thể cảm kích ý muốn của Đức Chúa Trời mà Ta vừa nói đến không? Các người không thể thật sự cảm kích ý muốn của Đức Chúa Trời khi nó cụ thể, hữu hình và thật như thế này. Đó là lý do tại sao Ta nói các người không có kiến thức và sự hiểu biết thật về Đức Chúa Trời. Điều này không thật sao? Nhưng lúc này thì chúng ta hãy tạm để đó.

## **2. Đức Chúa Trời tạo ra Ê-va**

Sách sáng thế 2:18-20 Giê-hô-va Đức Chúa Trời phán rằng: Loài người ở một mình thì không tốt; ta sẽ làm nên một kẻ giúp đỡ giống như nó. Giê-hô-va Đức Chúa Trời lấy đất nắn nên các loài thú đồng, các loài chim trời, rồi dẫn đến trước mặt A-đam để xem người đặt tên chúng nó làm sao, hầu cho tên nào A-đam đặt cho mỗi vật sống, đều thành tên riêng cho nó. A-đam đặt tên các loài súc vật, các loài chim trời cùng các loài thú đồng; nhưng về phần A-đam, thì chẳng tìm được một ai giúp đỡ giống như mình hết.

Sách sáng thế 2:22-23 Giê-hô-va Đức Chúa Trời dùng xương sườn đã lấy nơi A-đam làm nên một người nữ, đưa đến cùng A-đam. A-đam nói rằng: Người này là xương bởi xương tôi, thịt bởi thịt tôi mà ra. Người này sẽ được gọi là người nữ, vì nó do nơi người nam mà có.

Có một dòng chính trong phần này của Kinh Thánh: “tên nào A-đam đặt cho mỗi vật sống, đều thành tên riêng cho nó”. Như vậy, ai đã đặt tên cho hết thảy các sinh vật sống? Đó là A-đam, không phải Đức Chúa Trời. Dòng này nói với nhân loại một thực tế:

Đức Chúa Trời đã ban cho con người trí thông minh khi Ngài tạo nên họ. Nói thể nghĩa là, trí thông minh của con người đến từ Đức Chúa Trời. Điều này là chắc chắn. Nhưng tại sao? Sau khi Đức Chúa Trời tạo ra A-đam, A-đam có đi học không? Ông có biết đọc không? Sau khi Đức Chúa Trời tạo ra nhiều sinh vật sống khác nhau, A-đam có nhận ra hết tất cả những sinh vật này không? Đức Chúa Trời có nói với ông tên của chúng là gì không? Dĩ nhiên, Đức Chúa Trời cũng không dạy ông cách nghĩ ra tên gọi cho các sinh vật này. Đó là sự thật! Vậy thì, làm thế nào A-đam biết cách đặt tên cho những sinh vật này và đặt cho chúng những loại tên nào? Điều này liên quan đến câu hỏi về việc Đức Chúa Trời đã thêm điều gì vào A-đam khi Ngài tạo ra ông. Những thực tế chứng tỏ rằng khi Đức Chúa Trời tạo ra con người, Ngài đã thêm trí thông minh của Ngài vào họ. Đây là một điểm then chốt, do đó hãy lắng nghe kỹ. Cũng có một điểm then chốt nữa mà các người nên hiểu: Sau khi A-đam đặt tên cho những sinh vật sống này, những cái tên này trở nên được thiết lập trong từ vựng của Đức Chúa Trời. Tại sao Ta đề cập điều này? Bởi vì điều này cũng liên quan đến tâm tính của Đức Chúa Trời, và đây là một điểm mà Ta phải trình bày chi tiết thêm nữa.

Đức Chúa Trời đã tạo ra con người, thổi sự sống vào họ, và cũng cho họ chút trí thông minh của Ngài, những khả năng của Ngài, những gì liên quan đến việc Ngài có gì và là gì. Sau khi Đức Chúa Trời đã ban cho con người tất cả những điều này, con người có thể làm một số việc một cách độc lập và tự mình suy nghĩ. Nếu những gì con người đưa ra và thực hiện là tốt trong mắt Đức Chúa Trời, thì Đức Chúa Trời chấp nhận và không can thiệp. Nếu điều con người làm là đúng, Đức Chúa Trời sẽ để nó như thế. Vậy thì, cụm từ “tên nào A-đam đặt cho mỗi vật sống, đều thành tên riêng cho nó” biểu thị điều gì? Nó biểu thị rằng Đức Chúa Trời đã không thấy cần phải thay đổi bất kỳ tên nào được đặt cho những sinh vật sống khác nhau. Bất cứ tên gì A-đam gọi một sinh vật, Đức Chúa Trời cũng sẽ nói “Vậy thì là tên đó”, khẳng định tên của sinh vật. Đức Chúa Trời có bày tỏ bất kỳ ý kiến nào về chuyện này không? Không, Ngài hiển nhiên là không. Vậy thì, các người góp nhặt được những gì từ đây? Đức Chúa Trời đã ban cho con người trí thông minh và con người đã dùng trí thông minh Đức Chúa Trời ban để làm mọi việc. Nếu điều con người làm là tích cực trong mắt Đức Chúa Trời, thì nó được khẳng định, công nhận, và chấp nhận bởi Đức Chúa Trời mà không có bất kỳ sự phán xét hay phê bình nào. Đây là điều không con người hay quỷ dữ nào, hay Sa-tan, có thể làm được. Các người có thấy một sự mặc khải về tâm tính Đức Chúa Trời ở đây không? Liệu một con người, một người bại hoại, hay Sa-tan, có cho phép bất kỳ ai khác làm gì đó trên danh nghĩa họ, ngay trước mắt họ không? Dĩ nhiên là không! Liệu họ sẽ chiến đấu giành vị trí này với người hay thế lực khác với họ không? Dĩ nhiên họ sẽ như vậy! Nếu là một người bại hoại hay Sa-tan ở cùng A-đam vào lúc đó, họ hẳn sẽ bác bỏ điều A-đam đang làm. Để chứng tỏ rằng họ có khả năng suy nghĩ độc lập và có những sự hiểu biết sâu sắc độc nhất riêng của mình, họ tuyệt đối sẽ phủ nhận mọi điều A-đam đã làm: “Ông muốn gọi nó thế này à? Ừm, tôi sẽ không gọi như vậy đâu, tôi sẽ gọi nó thế kia; ông gọi nó là Tom nhưng tôi sẽ gọi nó là Harry. Tôi phải chứng tỏ mình thông minh



như thế nào”. Đây là dạng bản chất gì? Chẳng phải là kiêu ngạo một cách ngông cuồng sao? Và Đức Chúa Trời thì sao? Ngài có một tâm tính như thế không? Đức Chúa Trời đã có bất kỳ sự phản đối bất thường nào với những gì A-đam làm không? Câu trả lời dứt khoát là không! Trong tâm tính mà Đức Chúa Trời tỏ lộ, không có chút dấu vết nào của tính thích tranh luận, kiêu ngạo, hay tự nên công chính cả. Bấy nhiêu đó là rất rõ ràng ở đây. Điều này có lẽ dường như là một điểm nhỏ nhặt, nhưng nếu người không hiểu thực chất của Đức Chúa Trời, nếu lòng người không cố gắng tìm hiểu cách Đức Chúa Trời hành động và thái độ của Đức Chúa Trời là gì, thì người sẽ không biết tâm tính Đức Chúa Trời hay thấy được sự bày tỏ và mặc khải về tâm tính của Đức Chúa Trời. Chẳng phải như vậy sao? Các người có đồng ý với những gì Ta vừa giải thích với các người không? Đáp lại những hành động của A-đam, Đức Chúa Trời đã không tuyên bố long trọng rằng: “Người đã làm tốt lắm, người đã làm đúng, và Ta đồng ý!”. Tuy nhiên, trong lòng Ngài, Đức Chúa Trời đã chấp thuận, cảm kích, và khen ngợi những gì A-đam đã làm. Đây là điều đầu tiên kể từ khi tạo dựng mà con người đã thực hiện cho Đức Chúa Trời theo sự hướng dẫn của Ngài. Đó là điều con người đã làm thay cho Đức Chúa Trời và đại diện cho Ngài. Trong mắt Đức Chúa Trời, điều này nảy sinh từ trí thông minh mà Ngài đã ban trên con người. Đức Chúa Trời đã xem nó như một điều tốt, một điều tích cực. Những gì A-đam đã làm vào lúc đó là biểu hiện đầu tiên của trí thông minh của Đức Chúa Trời nơi con người. Đó là một biểu hiện tốt từ quan điểm của Đức Chúa Trời. Điều Ta muốn nói với các người ở đây là mục tiêu của Đức Chúa Trời trong việc truyền đạt cho con người điều gì đó về việc Ngài có gì và là gì và về trí thông minh của Ngài là hầu cho nhân loại có thể là sinh vật sống biểu hiện cho Ngài. Để cho một sinh vật sống như thế hành động thay cho Ngài chính là điều Đức Chúa Trời đã và đang mong mỏi được nhìn thấy.

### **3. Đức Chúa Trời làm áo bằng da thú cho A-đam và Ê-va**

Sách sáng thế 3:20-21 A-đam gọi vợ là Ê-va, vì là mẹ của cả loài người. Giê-hô-va Đức Chúa Trời lấy da thú kết thành áo dài cho vợ chồng A-đam, và mặc lấy cho.

Chúng ta hãy xem qua đoạn thứ ba này, đoạn tuyên bố rằng quả thật có một ý nghĩa đằng sau tên gọi mà A-đam đặt cho Ê-va. Điều này cho thấy rằng sau khi được tạo ra, A-đam đã có những ý nghĩ của riêng ông và đã hiểu nhiều điều. Nhưng lúc này, chúng ta sẽ không nghiên cứu hay khám phá ông đã hiểu gì hay ông đã hiểu nhiều bao nhiêu, bởi vì đó không phải là mục đích chính của Ta trong việc thảo luận đoạn thứ ba này. Như vậy, điểm chính mà Ta muốn nêu bật là gì? Chúng ta hãy xem dòng “Giê-hô-va Đức Chúa Trời lấy da thú kết thành áo dài cho vợ chồng A-đam, và mặc lấy cho”. Nếu chúng ta không thảo luận dòng này của Kinh Thánh trong buổi thông công hôm nay, các người có thể không bao giờ nhận ra những ẩn ý sâu xa hơn của những lời này. Trước hết, để Ta cho các người một số gợi ý. Nếu các người không phiền lòng, hãy tưởng tượng đến vườn Ê-đen với A-đam và Ê-va sống trong đó. Đức Chúa Trời đến thăm họ,

nhưng họ trốn đi bởi họ trần truồng. Đức Chúa Trời không thể thấy họ, và sau khi Ngài gọi họ, họ nói: “Chúng con không dám gặp Ngài bởi thân thể chúng con trần truồng”. Họ không dám gặp Đức Chúa Trời bởi họ trần truồng. Như vậy, Giê-hô-va Đức Chúa Trời làm gì cho họ? Văn bản gốc nói rằng: “Giê-hô-va Đức Chúa Trời lấy da thú kết thành áo dài cho vợ chồng A-đam, và mặc lấy cho”. Từ đây, các người có hiểu Đức Chúa Trời đã dùng gì để làm áo cho họ không? Đức Chúa Trời đã dùng da thú để làm áo cho họ. Nói thể nghĩa là, Đức Chúa Trời đã làm áo khoác lông thú cho con người mặc. Đây là những chiếc áo đầu tiên mà Đức Chúa Trời đã làm cho con người. Chiếc áo lông thú là một món đồ xa hoa theo tiêu chuẩn ngày nay và không phải là thứ ai cũng có điều kiện mặc. Nếu ai đó hỏi người: “Chiếc áo đầu tiên tổ tiên chúng ta mặc là gì?”. Người có thể trả lời: “Đó là chiếc áo khoác lông thú”. “Ai đã làm chiếc áo lông thú này?”. Khi ấy người có thể đáp: “Đức Chúa Trời đã làm ra nó!”. Đó là điểm chính ở đây: chiếc áo này được làm ra bởi Đức Chúa Trời. Chẳng phải đó là điều đáng thảo luận sao? Sau khi nghe miêu tả của Ta, trong trí các người có hiện ra hình ảnh nào không? Chí ít là các người nên có một sự phác họa sơ bộ. Mục đích nói với các người hôm nay không phải là để các người biết chiếc áo đầu tiên của con người là gì. Vậy thì điểm chính là gì? Điểm chính không phải là chiếc áo khoác lông thú, mà là cách con người bắt đầu biết – như được tỏ lộ bởi Đức Chúa Trời trong những gì Ngài đã làm ở đây – tâm tính Ngài, Ngài có gì, và Ngài là gì.

“Giê-hô-va Đức Chúa Trời lấy da thú kết thành áo dài cho vợ chồng A-đam, và mặc lấy cho”. Trong khung cảnh này, chúng ta thấy Đức Chúa Trời đóng dạng thân phận gì khi Ngài ở với A-đam và Ê-va? Đức Chúa Trời tỏ hiện chính Ngài theo cách nào, trong thế giới chỉ với hai con người này? Ngài có tỏ hiện chính Ngài trong thân phận của Đức Chúa Trời không? Các anh chị em từ Hong Kong, xin mời trả lời. (Trong thân phận của một bậc phụ huynh.) Các anh chị em từ Hàn Quốc, các anh chị em nghĩ Đức Chúa Trời trông như có dạng thân phận nào? (Gia trưởng.) Các anh chị em từ Đài Loan nghĩ gì? (Thân phận của một người trong gia đình A-đam và Ê-va, thân phận của một thành viên gia đình.) Một số người trong các người nghĩ Đức Chúa Trời có vẻ như một thành viên gia đình của A-đam và Ê-va, trong khi một số khác thì nói Đức Chúa Trời trông có vẻ là gia trưởng của gia đình và những người khác thì nói như một bậc phụ huynh. Tất cả đều rất thích hợp. Nhưng các người có thấy Ta đang hướng đến điều gì không? Đức Chúa Trời đã tạo ra hai người này và đối đãi với họ như bạn đồng hành của Ngài. Là gia đình duy nhất của họ, Đức Chúa Trời đã trông nom cuộc sống của họ và chăm sóc những nhu cầu ăn, mặc và ở cho họ. Ở đây, Đức Chúa Trời tỏ ra như một bậc phụ huynh của A-đam và Ê-va. Khi Đức Chúa Trời làm điều này, con người không thấy Đức Chúa Trời cao trọng như thế nào; họ không thấy được quyền tối cao của Đức Chúa Trời, lẽ mầu nhiệm của Ngài, và đặc biệt không thấy sự thanh nộ hay oai nghi của Ngài. Tất cả những gì họ thấy là sự khiêm nhường của Đức Chúa Trời, tình cảm của Ngài, sự quan tâm của Ngài đối với con người cũng như trách nhiệm và sự chăm sóc của Ngài đối với họ. Thái độ và cách thức Đức Chúa Trời đối đãi với A-đam và Ê-va giống

với cách những bậc cha mẹ thể hiện sự quan tâm với con cái mình. Nó cũng giống như cách cha mẹ yêu thương, trông nom, và chăm sóc các con trai và con gái của họ – chân thật, rõ ràng, và hữu hình. Thay vì nâng chính Ngài lên một vị trí cao và toàn năng, Đức Chúa Trời lại đích thân dùng da thú để làm áo cho con người. Chẳng quan trọng việc liệu chiếc áo khoác lông thú này được dùng để che đi sự e lệ của họ hay che chắn cho họ khỏi cái lạnh, mà điều quan trọng là chiếc áo dùng để che thân cho con người được đích thân Đức Chúa Trời tự tay làm. Thay vì đơn thuần hô biến ra chiếc áo hay dùng cách thần diệu nào đó, như con người có thể tưởng tượng Đức Chúa Trời sẽ làm, Đức Chúa Trời lại chính thức làm điều mà con người nghĩ Đức Chúa Trời sẽ không và không nên làm. Điều này có lẽ dường như là một thứ không đáng kể – một số người có lẽ thậm chí không nghĩ rằng nó đáng đề cập đến – nhưng nó cho phép bất kỳ ai theo Đức Chúa Trời mà lại bị ngăn trở bởi những khái niệm mơ hồ về Ngài có được hiểu biết sâu sắc về sự chân thật và đáng mến của Ngài, thấy được sự tận tụy và khiêm nhường của Ngài. Nó làm cho những kẻ kiêu ngạo một cách không thể chịu được, nghĩ mình cao trọng và phi thường, phải cúi cái đầu đầy tự phụ của mình trong hổ thẹn khi đối diện với sự chân thật và khiêm nhường của Đức Chúa Trời. Ở đây, sự chân thật và khiêm nhường của Đức Chúa Trời càng cho phép con người thấy Ngài đáng mến như thế nào. Trái lại, Đức Chúa Trời “bao la”, Đức Chúa Trời “đáng mến”, và Đức Chúa Trời “có quyền tuyệt đối” mà con người giữ trong lòng đã trở nên tầm thường và xấu xí, và mong manh dễ sụp đổ. Khi người thấy câu này và nghe câu chuyện này, người có xem thường Đức Chúa Trời bởi Ngài đã làm một điều như thế không? Một số người có thể như vậy, nhưng những người khác thì sẽ có phản ứng ngược lại. Họ sẽ nghĩ Đức Chúa Trời chân thật và đáng mến, và chính sự chân thật và đáng mến của Đức Chúa Trời đã khiến họ cảm động. Càng thấy phương diện thật của Đức Chúa Trời, họ càng cảm kích sự hiện hữu thật của tình yêu của Đức Chúa Trời, tầm quan trọng của Đức Chúa Trời trong lòng họ, và cách Ngài đứng bên cạnh họ trong mọi khoảnh khắc.

Bây giờ, chúng ta hãy liên hệ những thảo luận của chúng ta với hiện tại. Nếu Đức Chúa Trời có thể làm đủ loại những điều nhỏ nhất này cho con người mà Ngài đã tạo ngay từ đầu, thậm chí những điều mà con người không bao giờ dám nghĩ tới hay kỳ vọng, vậy thì Đức Chúa Trời có thể làm những điều như thế với con người ngày nay không? Một số người nói “Có!”. Tại sao lại như vậy? Bởi vì thực chất của Đức Chúa Trời không ngụy tạo, và sự đáng mến của Ngài không ngụy tạo. Thực chất của Đức Chúa Trời thật sự tồn tại và không phải là điều được những người khác thêm vào, và hiển nhiên không phải là điều có thể thay đổi theo thời gian, nơi chốn và kỷ nguyên khác nhau. Sự chân thật và đáng mến của Đức Chúa Trời có thể thật sự được tỏ rõ bằng cách duy nhất là làm điều gì đó mà con người nghĩ là không đáng kể và không quan trọng – điều gì đó thật tầm thường đến nỗi con người thậm chí không nghĩ Ngài có bao giờ làm tới. Đức Chúa Trời không tỏ ra đạo mạo. Không có sự phóng đại, trá hình, tự cao, hay kiêu ngạo trong tâm tính và thực chất của Ngài. Ngài không bao giờ huênh hoang, mà thay vào đó là yêu thương, thể hiện sự quan tâm, trông nom, và dẫn dắt, với

sự tận tụy và chân thành, với nhân loại mà Ngài đã tạo nên. Cho dù con người có thể cảm kích, cảm nhận hay nhìn thấy những việc Đức Chúa Trời làm ít ỏi như thế nào, Ngài chắc chắn cũng đang làm. Liệu việc biết rằng Đức Chúa Trời có một thực chất như thế có ảnh hưởng đến tình yêu của con người đối với Ngài không? Liệu nó có ảnh hưởng đến sự kính sợ của họ với Đức Chúa Trời không? Ta hy vọng khi người hiểu phương diện thật của Đức Chúa Trời, người sẽ càng trở nên gần gũi với Ngài hơn và có thể thật sự cảm kích tình yêu và sự chăm sóc của Ngài với nhân loại hơn, cũng như có thể dâng lòng mình cho Đức Chúa Trời và được giải cứu khỏi những sự ngờ vực và hoài nghi về Ngài. Đức Chúa Trời đang âm thầm làm mọi thứ cho con người, làm mọi thứ trong thầm lặng thông qua sự chân thành, tận tụy và tình yêu của Ngài. Nhưng Ngài chưa bao giờ có bất kỳ sự e sợ hay hối tiếc nào đối với bất kỳ điều gì Ngài làm, Ngài cũng không bao giờ cần bất kỳ ai đáp trả cho Ngài theo bất kỳ cách nào hay có ý định đạt lấy bất kỳ điều gì từ nhân loại. Mục đích duy nhất của mọi việc Ngài từng làm là để Ngài có thể nhận được đức tin và tình yêu thương đích thực của nhân loại. Và với điều đó, Ta sẽ khép lại đề tài đầu tiên hôm nay.

Những sự thảo luận này đã hữu ích cho các người chưa? Chúng đã hữu ích như thế nào? (Chúng tôi đã có nhiều sự hiểu biết và kiến thức về tình yêu của Đức Chúa Trời hơn.) (Phương pháp thông công này có thể giúp chúng tôi trong tương lai để cảm kích lời Đức Chúa Trời tốt hơn, thấu hiểu những xúc cảm mà Ngài đã có và những ý nghĩa đằng sau những điều Ngài đã phán khi Ngài phán dạy về chúng, và cảm nhận được những gì Ngài đã cảm thấy vào lúc đó.) Có ai trong các người nhận biết rõ ràng hơn về sự hiện hữu thực sự của Đức Chúa Trời sau khi đọc những lời này không? Các người có cảm thấy sự hiện hữu của Đức Chúa Trời không còn trống rỗng hay mơ hồ không? Một khi các người có được cảm giác này, các người có thể cảm nhận rằng Đức Chúa Trời ở ngay bên cạnh các người không? Có lẽ cảm giác không rõ ràng ngay lúc này hoặc có lẽ các người chưa thể cảm nhận được. Nhưng đến một ngày, khi thật sự có được sự cảm kích sâu sắc và kiến thức thật về tâm tính và thực chất của Đức Chúa Trời trong lòng các người, người sẽ cảm nhận rằng Đức Chúa Trời ở ngay bên cạnh người – người chỉ là chưa bao giờ thật sự đón nhận Đức Chúa Trời vào lòng mình. Và đây là sự thật!

Các người nghĩ gì về phương pháp thông công này? Các người có thể theo kịp không? Các người có nghĩ kiểu thông công này về đề tài công tác của Đức Chúa Trời và tâm tính của Đức Chúa Trời là rất nặng nề không? Các người cảm thấy thế nào? (Rất hay, rất hào hứng.) Điều gì làm các người cảm thấy hay? Tại sao các người hào hứng? (Giống như trở về Vườn Ê-đen, trở lại bên cạnh Đức Chúa Trời.) “Tâm tính Đức Chúa Trời” thật ra là một đề tài khá xa lạ với mọi người, bởi vì những gì các người thường tưởng tượng, và những gì các người đọc trong sách hay nghe trong những buổi thông công, có xu hướng làm người cảm thấy chút gì đó như thầy bói xem voi – người chỉ cảm nhận xung quanh bằng tay, chứ người không thể thật sự hình dung bất cứ điều gì. Việc dò dẫm mò mẫm xung quanh không thể cho người dù chỉ một sự hiểu biết sơ bộ về Đức Chúa Trời, hướng chỉ một khái niệm rõ ràng về Ngài; nó chỉ càng kích thích

trí tưởng tượng của người, ngăn trở người định nghĩa chính xác tâm tính và thực chất của Đức Chúa Trời là gì, và những sự bất định nảy sinh từ trí tưởng tượng của người sẽ luôn khiến lòng người đầy hoài nghi. Khi người không thể chắc chắn về điều gì đó nhưng vẫn cố gắng để hiểu nó, sẽ luôn có những sự mâu thuẫn và xung đột trong lòng người, và thậm chí một cảm giác nhiễu loạn, khiến người mất phương hướng và bối rối. Khi muốn tìm kiếm Đức Chúa Trời, muốn biết Đức Chúa Trời, và muốn thấy rõ Ngài, nhưng dường như lại không bao giờ có thể tìm được câu trả lời thì chẳng phải là điều khổ sở sao? Dĩ nhiên, những lời này chỉ nhắm đến những ai khao khát tìm kiếm để tôn kính và đáp ứng Đức Chúa Trời một cách đầy kính sợ. Đối với những người không chú ý đến những việc đó thì điều này thật sự không quan trọng, bởi vì điều họ hy vọng nhất chính là tính thực tế và sự hiện hữu của Đức Chúa Trời chỉ đơn thuần là một truyền thuyết hay sự tưởng tượng, để họ có thể làm bất cứ điều gì họ muốn, để họ có thể được to lớn nhất và quan trọng nhất, để họ có thể làm những việc ác mà không màng đến hậu quả, để họ sẽ không phải đối mặt với sự trừng phạt hay chịu bất kỳ trách nhiệm nào, và để ngay cả những điều Đức Chúa Trời phán về những kẻ làm điều ác cũng sẽ không áp dụng cho họ. Những người này không sẵn lòng thấu hiểu tâm tính của Đức Chúa Trời. Họ mệt mỏi và chán ngán việc cố gắng biết đến Đức Chúa Trời và mọi điều về Ngài. Họ thà rằng Đức Chúa Trời không tồn tại. Những người này chống đối Đức Chúa Trời, và họ nằm trong số những kẻ sẽ bị bỏ ra.

Tiếp theo, chúng ta sẽ thảo luận câu chuyện về Nô-ê và cách câu chuyện liên hệ với chủ đề công tác của Đức Chúa Trời, tâm tính của Đức Chúa Trời, và chính Đức Chúa Trời.

Các người thấy Đức Chúa Trời làm gì với Nô-ê trong phần này của Kinh Thánh? Có lẽ mọi người ngồi đây đều biết chút ít về điều này từ việc đọc Kinh Thánh: Đức Chúa Trời sai Nô-ê đóng tàu, sau đó Đức Chúa Trời hủy diệt thế gian bằng một trận lụt. Đức Chúa Trời đã sai Nô-ê đóng tàu để cứu gia đình tám người của ông, cho phép họ được sống và trở thành tổ tiên thế hệ tiếp theo của nhân loại. Bây giờ chúng ta hãy hướng sang Kinh Thánh.

## **B. Nô-ê**

### **1. Đức Chúa Trời dự định hủy diệt thế gian bằng một trận lụt và hướng dẫn Nô-ê đóng tàu**

Sách sáng thế 6:9-14 Đây là dòng dõi của Nô-ê. Nô-ê trong đời mình là một người công bình và toàn vẹn, đồng đi cùng Đức Chúa Trời. Nô-ê sanh ba con trai là Sem, Cham và Gia-phết. Thế gian bấy giờ đều bại hoại trước mặt Đức Chúa Trời và đầy dẫy sự hung ác. Này, Đức Chúa Trời nhìn xem thế gian, thấy điều bại hoại, vì hết thảy xác thịt làm cho đường mình trên đất phải bại hoại. Đức Chúa Trời bèn phán cùng Nô-ê rằng: Kỳ cuối cùng của mọi xác thịt đã đưa đến trước mặt ta; vì có loài người mà đất phải đầy dẫy điều hung hăng; vậy, ta sẽ diệt-trừ họ cùng đất. Người hãy đóng một chiếc tàu bằng cây gô-phe, đóng có từng phòng, rồi trét chai bê trong cùng bề ngoài.

Sách sáng thế 6:18-22 Nhưng ta sẽ lập giao ước cùng ngươi, rồi ngươi và vợ, các con và các dâu của ngươi, đều hãy vào tàu. Về các loài sanh vật, ngươi hãy dẫn xuống tàu mỗi loài một cặp, có đực có cái, có trống có mái, hầu cho ở cùng ngươi để giữ tròn sự sống; chim tùy theo loại, súc vật tùy theo loại, côn trùng tùy theo loại, mỗi thứ hai con, sẽ đến cùng ngươi, để ngươi giữ tròn sự sống cho. Lại, ngươi hãy lấy các thứ đồ ăn đem theo, để dành làm lương thực cho ngươi và các loài đó. Nô-ê làm các điều này y như lời Đức Chúa Trời đã phán dặn.

Bây giờ các ngươi đã có sự hiểu biết tổng quát về việc Nô-ê là ai sau khi đọc hai đoạn này chưa? Nô-ê là dạng người gì? Văn bản gốc ghi là: “Nô-ê trong đời mình là một người công bình và toàn vẹn”. Theo sự hiểu biết của những người hiện đại, dạng người nào là “người công bình” vào thời đó? Một người công bình phải là một người toàn vẹn. Các ngươi có biết liệu con người toàn vẹn này là toàn vẹn trong mắt con người, hay toàn vẹn trong mắt Đức Chúa Trời không? Chắc chắn rằng, con người toàn vẹn này là một người toàn vẹn trong mắt Đức Chúa Trời chứ không phải trong mắt con người. Điều này là chắc chắn! Đây là bởi con người mù quáng và không thể nhìn thấy, và chỉ Đức Chúa Trời mới nhìn khắp thế gian và mỗi một con người, và chỉ Đức Chúa Trời mới biết rằng Nô-ê là một người toàn vẹn. Vì lẽ ấy, kế hoạch hủy diệt thế gian bằng một trận lụt của Đức Chúa Trời bắt đầu từ khoảnh khắc Ngài triệu gọi Nô-ê.

Trong thời đại đó, Đức Chúa Trời đã có ý định triệu gọi Nô-ê làm điều gì đó rất quan trọng. Tại sao nhiệm vụ này lại phải được thực hiện? Bởi vì Đức Chúa Trời đã có một kế hoạch trong lòng Ngài vào khoảnh khắc đó. Kế hoạch của Ngài là hủy diệt thế gian bằng một trận lụt. Tại sao Ngài lại hủy diệt thế gian? Như ở đây có nói: “Thế gian bấy giờ đều bại hoại trước mặt Đức Chúa Trời và đầy dẫy sự hung ác”. Các ngươi góp nhặt được gì từ cụm từ “thế gian đầy dẫy sự hung ác”? Đó là một hiện tượng trên đất mà thế gian và con người sống trong đó đã trở nên bại hoại đến tột độ; do đó mà “thế gian đầy dẫy sự hung ác”. Theo cách nói ngày nay, “đầy dẫy sự hung ác” có nghĩa là mọi thứ đều hỗn loạn. Đối với con người, nó có nghĩa là mọi thứ trở nên hỗn loạn và không thể quản lý được. Trong mắt Đức Chúa Trời, điều này nghĩa là con người của thế gian đã trở nên quá bại hoại. Nhưng bại hoại đến độ nào? Bại hoại đến độ Đức Chúa Trời không còn có thể chịu đựng được nữa khi theo dõi hay kiên nhẫn với họ nữa. Bại hoại đến độ Đức Chúa Trời định hủy diệt họ. Khi Đức Chúa Trời quyết hủy diệt thế gian, Ngài đã lên kế hoạch tìm ai đó đóng tàu. Đức Chúa Trời đã chọn Nô-ê để thực hiện nhiệm vụ này; nghĩa là, Ngài sai Nô-ê đóng một chiếc tàu. Tại sao Ngài chọn Nô-ê? Trong mắt Đức Chúa Trời, Nô-ê là một người công chính; dù Đức Chúa Trời hướng dẫn ông làm gì thì Nô-ê cũng làm theo đó. Nói thế nghĩa là, Nô-ê sẵn lòng làm bất cứ điều gì Đức Chúa Trời bảo ông làm. Đức Chúa Trời muốn tìm ai đó như thế này để làm việc với Ngài, để hoàn thành những gì Ngài đã giao phó – để hoàn thành công tác của Ngài trên đất. Khi ấy, có người nào khác ngoài Nô-ê có thể hoàn thành một nhiệm vụ như thế không? Chắc chắn là không! Nô-ê là ứng viên duy nhất, người duy nhất có thể hoàn thành điều Đức Chúa

Trời giao phó, và do đó Đức Chúa Trời đã chọn ông. Nhưng những giới hạn và tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời đối với việc cứu rỗi con người ngày nay có giống y như khi ấy không? Câu trả lời là, chắc chắn có một sự khác biệt! Và tại sao Ta lại hỏi câu này? Nô-ê là người công chính duy nhất trong mắt Đức Chúa Trời trong thời gian đó, điều này ngụ ý rằng cả vợ ông lẫn các con trai hay con dâu của ông cũng đều không phải là người công chính, nhưng Đức Chúa Trời vẫn tha cho họ vì Nô-ê. Đức Chúa Trời đã không đặt ra yêu cầu với họ theo cách Ngài làm bây giờ, và thay vào đó đã giữ cả tám thành viên gia đình Nô-ê được sống sót. Họ đã nhận được phúc lành của Đức Chúa Trời bởi sự công chính của Nô-ê. Không có Nô-ê, không ai trong số họ có thể hoàn thành điều Đức Chúa Trời đã giao phó. Vì lẽ ấy, Nô-ê đúng ra là người duy nhất sống sót qua sự hủy diệt thế gian ấy, và những người khác chỉ là được hưởng theo. Điều này cho thấy rằng, vào kỷ nguyên trước khi Đức Chúa Trời chính thức bắt đầu công tác quản lý của Ngài, những nguyên tắc và tiêu chuẩn mà Ngài dùng để đối đãi với con người và yêu cầu ở họ là tương đối dễ chịu. Đối với con người ngày nay, cách Đức Chúa Trời đối đãi với gia đình tám người của Nô-ê có vẻ thiếu “công bằng”. Nhưng so với lượng công tác khổng lồ mà Ngài hiện đang làm trên con người và số lượng to lớn những lời phán dạy mà Ngài hiện đang truyền đạt, sự đối đãi của Đức Chúa Trời với gia đình tám người của Nô-ê đơn thuần là một nguyên tắc làm việc bởi bối cảnh công tác của Ngài vào lúc đó. Nếu so sánh thì bên nào nhận được nhiều hơn từ Đức Chúa Trời, gia đình tám người của Nô-ê, hay con người ngày nay?

Việc Nô-ê được triệu gọi là một thực tế đơn giản, nhưng điểm chính của điều chúng ta đang nói đến – tâm tính Đức Chúa Trời, ý muốn của Ngài, và thực chất của Ngài qua việc này – thì không đơn giản cho lắm. Để hiểu một số phương diện này của Đức Chúa Trời, chúng ta trước hết phải hiểu dạng người mà Đức Chúa Trời mong muốn triệu gọi, và thông qua điều này, hiểu tâm tính, ý muốn, và thực chất của Ngài. Điều này là rất cần thiết. Như vậy trong mắt Đức Chúa Trời, con người mà Ngài triệu gọi này thuộc dạng người nào? Đây phải là một người có thể lắng nghe lời Ngài và có thể theo những hướng dẫn của Ngài. Đồng thời, đây cũng phải là một người có ý thức trách nhiệm, người sẽ thực hiện lời Đức Chúa Trời bằng cách coi đó như trách nhiệm và bổn phận mà họ buộc phải làm tròn. Vậy thì người này có cần phải là ai đó biết Đức Chúa Trời không? Không. Vào thời đó, Nô-ê đã chưa nghe được nhiều về những lời giáo huấn của Đức Chúa Trời hay đã trải nghiệm bất kỳ công tác nào của Đức Chúa Trời. Vì lẽ ấy, Nô-ê đã có rất ít kiến thức về Đức Chúa Trời. Mặc dù ở đây ghi chép rằng Nô-ê đã đi cùng Đức Chúa Trời, ông có bao giờ thấy bản thể của Đức Chúa Trời không? Câu trả lời chắc chắn là không! Bởi vì vào thời ấy, chỉ các sứ giả của Đức Chúa Trời đến giữa con người. Mặc dù họ có thể đại diện cho Đức Chúa Trời để phán và làm việc, họ chỉ đơn thuần truyền đạt ý muốn của Đức Chúa Trời và những ý định của Ngài. Bản thể của Đức Chúa Trời không được tỏ lộ mặt đối mặt với con người. Trong phần này của Kinh Thánh, về cơ bản thì tất cả những gì chúng ta thấy là điều Nô-ê đã phải làm và điều Đức Chúa Trời đã hướng dẫn ông. Như vậy thực chất được Đức Chúa Trời bày tỏ ở đây là gì? Mọi

điều Đức Chúa Trời làm đều được lên kế hoạch chính xác. Khi Ngài thấy một việc hay một tình huống xuất hiện, trong mắt Ngài, có một tiêu chuẩn để đo lường nó, và tiêu chuẩn này quyết định liệu Ngài sẽ đưa ra một kế hoạch để xử lý nó hay sẽ dùng phương pháp nào để xử lý việc này hay tình huống này. Ngài không lãnh đạm hay vô cảm đối với mọi thứ. Thật ra là đối lập hoàn toàn. Có một câu ở đây tuyên bố điều Đức Chúa Trời đã phán với Nô-ê: “Kỳ cuối cùng của mọi xác thịt đã đưa đến trước mặt ta; vì có loài người mà đất phải đầy dẫy điều hung hăng; vậy, ta sẽ diệt-trừ họ cùng đất”. Khi Đức Chúa Trời phán điều này, Ngài có ý rằng Ngài sắp hủy diệt chỉ mỗi loài người không? Không! Đức Chúa Trời nói Ngài sẽ hủy diệt mọi sinh vật sống thuộc xác thịt. Tại sao Đức Chúa Trời lại muốn hủy diệt? Có một sự tỏ lộ khác về tâm tính Đức Chúa Trời ở đây; trong mắt Đức Chúa Trời, có một giới hạn trong sự kiên nhẫn của Ngài đối với sự bại hoại của con người, đối với sự nhờn bần, hung ác, và bất tuân của mọi xác thịt. Giới hạn của Ngài là gì? Như Đức Chúa Trời đã phán: “Này, Đức Chúa Trời nhìn xem thế gian, thấy điều bại hoại, vì hết thảy xác thịt làm cho đường mình trên đất phải bại hoại”. Cụm từ “vì hết thảy xác thịt làm cho đường mình trên đất phải bại hoại” nghĩa là gì? Nó có nghĩa là bất kỳ sinh vật sống nào, bao gồm những người theo Đức Chúa Trời, những người kêu cầu danh Đức Chúa Trời, những người từng làm của lễ thiêu cho Đức Chúa Trời, những người chính miệng công nhận Đức Chúa Trời và thậm chí tán dương Đức Chúa Trời – một khi hành vi của họ đầy bại hoại và đến mắt Đức Chúa Trời, Ngài sẽ phải hủy diệt họ. Đó là giới hạn của Đức Chúa Trời. Như vậy thì Đức Chúa Trời đã giữ kiên nhẫn với con người và sự bại hoại của mọi xác thịt đến mức độ nào? Đến mức độ mà hết thảy mọi người, dù là những người theo Đức Chúa Trời hay những người ngoại đạo, đều không đi trên con đường đúng đắn. Đến mức độ mà con người không chỉ bại hoại về đạo đức và đầy tà ác, mà cũng chẳng có ai tin vào sự hiện hữu của Đức Chúa Trời, hướng chỉ có ai tin rằng thế giới được Đức Chúa Trời cai trị và rằng Đức Chúa Trời có thể mang sự sáng và con đường đúng cho con người. Đến mức độ mà con người ghét sự hiện hữu của Đức Chúa Trời và đã không cho phép Đức Chúa Trời được hiện hữu. Một khi sự bại hoại của con người đạt đến điểm này, Đức Chúa Trời không thể chịu đựng được nữa. Điều gì sẽ thay thế nó? Con thịnh nộ và hình phạt của Đức Chúa Trời sẽ đến. Chẳng phải đó là sự tỏ lộ phần nào tâm tính Đức Chúa Trời sao? Trong thời đại hiện tại này, không có người nào là công chính trong mắt Đức Chúa Trời sao? Không có người nào là hoàn thiện trong mắt Đức Chúa Trời sao? Thời đại này có phải là thời đại mà hành vi của mọi xác thịt trên đất đều bại hoại trong mắt Đức Chúa Trời không? Vào ngày nay và thời đại này, chẳng phải mọi con người xác thịt – ngoại trừ những người Đức Chúa Trời muốn làm cho trọn vẹn, và những người có thể theo Đức Chúa Trời và chấp nhận sự cứu rỗi của Ngài – đều đang thách thức giới hạn kiên nhẫn của Đức Chúa Trời sao? Chẳng phải mọi thứ diễn ra bên cạnh các người – những gì các người mắt thấy tai nghe, và đích thân trải nghiệm mỗi ngày trong thế giới này – không đầy sự hung ác sao? Trong mắt Đức Chúa Trời, chẳng lẽ một thế gian như thế, thời đại như thế, không nên bị kết thúc sao? Mặc dù bối cảnh của thời đại hiện tại hoàn



toàn khác với bối cảnh thời Nô-ê, những cảm xúc và cơn thịnh nộ mà Đức Chúa Trời có đối với sự bại hoại của con người vẫn y nguyên. Đức Chúa Trời có thể kiên nhẫn bởi công tác của Ngài, nhưng xét đến những tình huống và điều kiện, thì trong mắt Đức Chúa Trời, thế gian này đã phải bị hủy diệt từ lâu. Những tình huống vượt xa những gì trước kia, khi thế gian bị hủy diệt bởi trận lụt. Nhưng sự khác biệt là gì? Đây cũng là điều làm buồn lòng Đức Chúa Trời nhất, và có lẽ là điều không ai trong các người có thể nhận thức rõ.

Khi Đức Chúa Trời hủy diệt thế gian bằng trận lụt, Ngài đã có thể triệu gọi Nô-ê để đóng tàu và làm một số công tác chuẩn bị. Đức Chúa Trời đã có thể triệu gọi một người – Nô-ê – làm hàng loạt những việc này cho Ngài. Nhưng trong thời đại hiện tại, Đức Chúa Trời không có bất kỳ ai để có thể triệu gọi. Tại sao lại như thế? Mỗi một người ngồi ở đây đều có thể hiểu và biết lý do rất rõ. Các người có cần Ta nói rõ ra không? Việc nói to ra có thể làm các người mất mặt và khiến mọi người khó chịu. Một số người có thể nói: “Mặc dù chúng tôi không phải là những người công chính và chúng tôi không là những người hoàn thiện trong mắt Đức Chúa Trời, nhưng nếu Đức Chúa Trời có hướng dẫn chúng tôi làm điều gì đó, chúng tôi vẫn có khả năng làm được. Trước kia, khi Ngài phán rằng một thảm họa sẽ ập đến, chúng tôi bắt đầu chuẩn bị thức ăn và các vật dụng cần thiết cho một thảm họa. Chẳng phải toàn bộ việc này được thực hiện theo những yêu cầu của Đức Chúa Trời sao? Chẳng phải chúng tôi thật sự đang phối hợp với công tác của Đức Chúa Trời sao? Những điều chúng tôi đã làm không thể so sánh với những gì Nô-ê đã làm sao? Chẳng phải làm những điều chúng tôi đã làm là vâng phục thật sự sao? Chẳng phải chúng tôi đang theo những hướng dẫn của Đức Chúa Trời sao? Chẳng phải chúng tôi đã làm điều Đức Chúa Trời phán dạy bởi vì chúng tôi có đức tin vào lời Đức Chúa Trời sao? Vậy thì tại sao Đức Chúa Trời vẫn buồn? Tại sao Đức Chúa Trời phán rằng Ngài không có ai để triệu gọi?”. Có sự khác biệt nào giữa những hành động của các người và của Nô-ê không? Sự khác biệt là gì? (Việc chuẩn bị thức ăn hôm nay cho thảm họa là ý định của riêng chúng tôi.) (Những hành động của chúng tôi không thể được coi là “công chính”, trong khi Nô-ê thì là một người công chính trong mắt Đức Chúa Trời.) Điều các người nói không phải là quá sai. Điều Nô-ê đã làm thực chất là khác với những gì mọi người đang làm bây giờ. Khi Nô-ê làm như Đức Chúa Trời hướng dẫn, ông đã không biết những ý định của Đức Chúa Trời là gì. Ông đã không biết Đức Chúa Trời muốn đạt được gì. Đức Chúa Trời chỉ ban cho ông một sự phán dạy và đã hướng dẫn ông làm điều gì đó, và không giải thích nhiều, Nô-ê đã cứ thế mà làm. Ông đã không cố gắng âm thầm tìm hiểu những ý định của Đức Chúa Trời, ông cũng không chống đối Đức Chúa Trời hay thể hiện tính giả dối. Ông cứ thế mà làm theo với một tấm lòng tinh sạch và mộc mạc. Bất kể Đức Chúa Trời sai ông làm gì, ông cũng đã làm, và sự vâng phục, lắng nghe lời Đức Chúa Trời đã là nền tảng cho niềm tin của ông ở việc ông làm. Đó là cách ông đã xử lý một cách ngay thẳng và đơn giản với điều Đức Chúa Trời giao phó. Bản chất của ông – bản chất của hành động của ông là vâng phục, không đoán mò, không chống đối, và hơn nữa, không suy nghĩ về những ý thích cá nhân hay

những điều thiết hơn của riêng ông. Hơn nữa, khi Đức Chúa Trời phán Ngài sẽ hủy diệt thế gian bằng một trận lụt, Nô-ê đã không hỏi khi nào hay hỏi các sự việc sẽ trở nên như thế nào, và ông hẳn đã không hỏi Đức Chúa Trời rằng Ngài sẽ hủy diệt thế gian như thế nào. Ông chỉ đơn thuần làm như Đức Chúa Trời hướng dẫn. Đức Chúa Trời muốn làm nó như thế nào và làm bằng cái gì đi nữa, ông cũng đã làm chính xác như Đức Chúa Trời phán dạy và cũng đã triển khai hành động ngay lập tức. Ông đã hành động theo những hướng dẫn của Đức Chúa Trời với một thái độ muốn làm vừa lòng Đức Chúa Trời. Có phải ông làm như thế để giúp bản thân tránh thảm họa không? Không. Ông có hỏi Đức Chúa Trời còn bao lâu nữa thì thế gian sẽ bị hủy diệt không? Ông đã không hỏi. Ông có hỏi Đức Chúa Trời hay ông có biết sẽ mất bao lâu để đóng tàu không? Ông cũng đã không biết điều đó. Ông đơn thuần vâng lời, lắng nghe, và hành động theo đó. Con người ngày nay không giống như vậy: Ngay khi một mẩu thông tin bị rò rỉ thông qua lời Đức Chúa Trời, ngay khi con người cảm nhận dù chỉ là tiếng lá xào xạc trong gió, họ ngay lập tức nhảy xổ vào hành động, cho dù và bất kể giá nào, để chuẩn bị những gì họ sẽ ăn, uống, và sử dụng sau đó, thậm chí lên kế hoạch những lối thoát cho họ khi thảm họa tấn công. Càng thú vị hơn nữa là, vào khoảnh khắc chính yếu này, bộ não con người rất giỏi “sắp xếp đầu vào đấy”. Trong những tình huống mà Đức Chúa Trời không ban bất kỳ sự hướng dẫn nào, con người có thể lên kế hoạch mọi thứ một cách rất thích hợp. Các người có thể dùng từ “hoàn hảo” để miêu tả những kế hoạch đó. Đối với những gì Đức Chúa Trời phán dạy, những ý định của Đức Chúa Trời, hay những gì Đức Chúa Trời muốn, thì không ai quan tâm và không ai cố gắng để hiểu rõ cả. Chẳng phải đó là điểm khác biệt lớn nhất giữa con người ngày nay và Nô-ê sao?

Trong bản ghi này về câu chuyện của Nô-ê, các người có thấy một phần tâm tính Đức Chúa Trời không? Có một giới hạn cho sự kiên nhẫn của Đức Chúa Trời đối với sự bại hoại, như bản, và hung ác của con người. Khi Ngài đạt đến giới hạn đó, Ngài sẽ không còn kiên nhẫn và thay vào đó sẽ bắt đầu sự quản lý mới và kế hoạch mới của Ngài, bắt đầu làm điều Ngài phải làm, tổ lộ những việc làm của Ngài và mặt kia của tâm tính Ngài. Hành động này của Ngài không phải để chứng minh rằng con người không bao giờ được xúc phạm Ngài hay rằng Ngài đầy thẩm quyền và sự thịnh nộ, và không phải để cho thấy rằng Ngài có thể hủy diệt nhân loại. Mà chính là tâm tính Ngài và thực chất thánh khiết của Ngài không còn cho phép hay còn kiên nhẫn để dạng nhân loại này sống trước Ngài, sống dưới sự thống trị của Ngài nữa. Nói thế nghĩa là, khi toàn thể nhân loại chống lại Ngài, khi trên khắp thế gian không còn ai để Ngài có thể cứu rỗi, Ngài sẽ không còn kiên nhẫn với một nhân loại như thế nữa, và chắc chắn sẽ thực hiện kế hoạch của Ngài – hủy diệt dạng nhân loại này. Một hành động như thế của Đức Chúa Trời được quyết định bởi tâm tính Ngài. Đây là một hậu quả cần thiết, và là một hậu quả mà mọi tạo vật dưới sự thống trị của Đức Chúa Trời phải chịu. Chẳng phải điều này cho thấy rằng trong thời đại hiện tại này, Đức Chúa Trời rất nóng lòng để hoàn thành kế hoạch của Ngài và cứu rỗi những người Ngài muốn cứu rỗi sao? Trong những hoàn cảnh này, Đức Chúa Trời quan tâm đến điều gì nhất? Không phải là việc những người

hoàn toàn không theo Ngài hay những người chống đối Ngài theo cách nào đó đối đãi với Ngài hay cự tuyệt Ngài như thế nào, hay nhân loại đang phỉ báng Ngài ra sao. Ngài chỉ quan tâm đến việc liệu những người theo Ngài, những đối tượng của sự cứu rỗi trong kế hoạch quản lý của Ngài, đã được Ngài làm cho trọn vẹn hay chưa, liệu họ có trở nên xứng đáng với sự thỏa nguyện của Ngài hay không. Đối với những người khác ngoài những ai theo Ngài, Ngài chỉ thỉnh thoảng đưa ra chút hình phạt để thể hiện cơn thịnh nộ của Ngài. Ví dụ: sóng thần, động đất, và núi lửa phun trào. Đồng thời, Ngài cũng mạnh mẽ bảo vệ và trông nom những ai theo Ngài và sắp sửa được Ngài cứu rỗi. Tâm tính Đức Chúa Trời là thế này: Một mặt, Ngài có thể có sự kiên nhẫn và chịu đựng cực độ với những người mà Ngài dự định làm cho trọn vẹn, và Ngài có thể chờ họ chừng nào Ngài có thể; mặt khác, Đức Chúa Trời cực kỳ căm ghét và ghê tởm những người kiểu Sa-tan, không theo Ngài và chống đối Ngài. Mặc dù Ngài không quan tâm liệu những loại Sa-tan này có theo Ngài hay thờ phượng Ngài hay không, Ngài vẫn khinh ghét họ dù trong lòng có sự kiên nhẫn với họ, và khi Ngài quyết định kết cục của những loại Sa-tan này, Ngài cũng chờ đợi đến những bước trong kế hoạch quản lý của Ngài.

Chúng ta hãy xem đoạn tiếp theo.

## **2. Phúc lành của Đức Chúa Trời với Nô-ê sau trận lụt**

Sách sáng thế 9:1-6 Đức Chúa Trời ban phước cho Nô-ê cùng các con trai người, mà phán rằng: Hãy sanh sản, thêm nhiều, làm cho đầy dẫy trên mặt đất. Các loài vật ở trên đất, các loài chim trời, và các vật hành động trên đất, cùng các cá biển, đều sẽ kinh khủng người và bị phú vào tay người. Phàm vật chi hành động và có sự sống thì dùng làm đồ ăn cho các người. Ta cho mọi vật đó như ta đã cho thú cỏ xanh. Song các người không nên ăn thịt còn hồn sống, nghĩa là có máu. Quả thật, ta sẽ đòi máu của sự sống người lại, hoặc nơi các loài thú vật, hoặc nơi tay người, hoặc nơi tay của anh em người. Hễ kẻ nào làm đổ máu người, thì sẽ bị người khác làm đổ máu lại; vì Đức Chúa Trời làm nên người như hình của Ngài.

Các người thấy gì từ đoạn này? Tại sao Ta lại chọn những câu này? Tại sao Ta lại không chọn một đoạn trích về Nô-ê và cuộc sống của gia đình ông trên tàu? Bởi vì thông tin đó không liên quan nhiều với đề tài mà chúng ta đang trao đổi hôm nay. Điều chúng ta đang tập trung vào chính là tâm tính Đức Chúa Trời. Nếu các người muốn biết về những chi tiết ấy, vậy thì các người có thể cầm Kinh Thánh lên mà tự mình đọc. Chúng ta sẽ không nói về điều đó ở đây. Điều chính yếu mà chúng ta đang nói đến hôm nay là về cách biết được những hành động của Đức Chúa Trời.

Sau khi Nô-ê đón nhận sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời và đóng tàu sống qua những ngày Đức Chúa Trời dùng một trận lụt để hủy diệt thế gian, cả gia đình tám người của ông đã sống sót. Ngoài gia đình tám người của Nô-ê ra, toàn thể nhân loại đều bị hủy diệt, và mọi sinh vật sống trên đất đều bị hủy diệt. Đối với Nô-ê, Đức Chúa Trời đã ban phúc lành, phán một số điều với ông và các con trai ông. Những điều này là những gì Đức Chúa Trời ban cho ông và cũng là phúc lành của Đức Chúa Trời với ông. Đây là

phúc lành và lời hứa mà Đức Chúa Trời ban cho người có thể lắng nghe Ngài và đón nhận sự hướng dẫn của Ngài, và cũng là cách Đức Chúa Trời ban thưởng cho con người. Nói thể nghĩa là, bất kể Nô-ê có là một người hoàn thiện hay một người công chính trong mắt Đức Chúa Trời hay không, và bất kể ông biết nhiều bao nhiêu về Đức Chúa Trời, thì nói ngắn gọn, Nô-ê và ba con trai của ông đều nghe lời Đức Chúa Trời, phối hợp với công tác của Đức Chúa Trời, và đã làm điều họ phải làm theo sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời. Kết quả là, họ đã bảo tồn được con người và nhiều loại sinh vật sống khác nhau cho Đức Chúa Trời sau sự hủy diệt thế gian bằng một trận lụt, đóng góp rất lớn cho bước tiếp theo trong kế hoạch quản lý của Đức Chúa Trời. Bởi mọi điều ông đã làm, Đức Chúa Trời ban phúc lành cho ông. Có lẽ đối với con người ngày nay, điều Nô-ê đã làm thậm chí không đáng đề cập. Một số người thậm chí nghĩ: “Nô-ê đã chẳng làm gì cả; Đức Chúa Trời đã quyết tha cho ông, do đó ông chắc chắn sẽ được tha. Sự sống sót của ông không phải do những thành quả của riêng ông. Đây là điều Đức Chúa Trời muốn xảy ra, bởi vì con người bị động”. Nhưng đó không phải là điều Đức Chúa Trời nghĩ. Đối với Đức Chúa Trời, bất kể một người là vĩ đại hay tầm thường, miễn sao họ có thể nghe lời Ngài, vâng theo sự hướng dẫn của Ngài và những gì Ngài giao phó, và có thể phối hợp với công tác của Ngài, ý muốn của Ngài, và kế hoạch của Ngài, hầu cho ý muốn và kế hoạch của Ngài có thể được hoàn thành suôn sẻ, vậy thì hạnh kiểm đó xứng đáng để Ngài nhớ đến và nhận được phúc lành của Ngài. Đức Chúa Trời trân quý những người như thế, và Ngài yêu mến những hành động của họ, tình yêu của họ và tình cảm của họ đối với Ngài. Đây là thái độ của Đức Chúa Trời. Như vậy tại sao Đức Chúa Trời lại ban phúc lành cho Nô-ê? Bởi vì đây là cách Đức Chúa Trời đối đãi với những hành động và sự vâng phục như thế của con người.

Liên quan đến phúc lành của Đức Chúa Trời với Nô-ê, một số người sẽ nói: “Nếu con người lắng nghe Đức Chúa Trời và đáp ứng Ngài, thì Đức Chúa Trời sẽ ban phúc lành cho con người. Chẳng phải điều đó là không cần bàn cãi sao?”. Chúng ta có thể nói như thế không? Một số người nói: “Không”. Tại sao chúng ta không thể nói như thế? Một số người nói: “Con người không đáng được hưởng phúc lành của Đức Chúa Trời”. Điều đó không hoàn toàn đúng. Bởi vì khi một người đón nhận những gì Đức Chúa Trời giao phó cho họ, Đức Chúa Trời có một tiêu chuẩn để phán xét liệu những hành động của họ là tốt hay xấu và liệu người đó có vâng phục, liệu người đó có đáp ứng ý muốn của Đức Chúa Trời và liệu họ có đáp ứng tiêu chuẩn ấy hay không. Điều Đức Chúa Trời quan tâm chính là tấm lòng của người đó, chứ không phải những hành động bề ngoài của họ. Không phải là Đức Chúa Trời sẽ ban phúc lành cho ai đó miễn sao họ làm điều gì đó, bất kể họ làm như thế nào. Đây là một sự hiểu lầm mà con người có về Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời không chỉ nhìn vào kết quả sau cùng của các sự việc, mà còn chú trọng hơn vào việc lòng người và thái độ của con người như thế nào trong quá trình phát triển của các sự vật, và Ngài xem xét liệu có sự vâng phục, cân nhắc, và khao khát đáp ứng Đức Chúa Trời trong lòng họ hay không. Nô-ê đã biết được bao nhiêu về Đức Chúa Trời vào lúc đó? Có nhiều như những học thuyết mà các người biết lúc này không?

Xét về những phương diện của lẽ thật chẳng hạn như những khái niệm và kiến thức về Đức Chúa Trời, ông có nhận được nhiều sự chăm tưới và chăn dắt như các người không? Không, ông đã không được như vậy! Thế nhưng có một thực tế không thể phủ nhận: Trong ý thức, tâm trí, và thậm chí tận sâu thẳm lòng người ngày nay, những khái niệm và thái độ của họ đối với Đức Chúa Trời là mơ hồ và nhập nhằng. Các người thậm chí có thể nói rằng một bộ phận dân chúng còn có thái độ tiêu cực đối với sự hiện hữu của Đức Chúa Trời. Thế nhưng trong lòng Nô-ê và ý thức của ông, sự hiện hữu của Đức Chúa Trời là tuyệt đối và chẳng chút nghi ngại, và do đó sự vâng phục của ông đối với Đức Chúa Trời là thuần khiết và có thể chịu được thử thách. Lòng ông tinh sạch và cởi mở đối với Đức Chúa Trời. Ông đã không cần quá nhiều kiến thức học thuyết để thuyết phục bản thân mình làm theo mọi lời của Đức Chúa Trời, ông cũng đã không cần nhiều sự kiện để chứng minh sự hiện hữu của Đức Chúa Trời nhằm có thể chấp nhận điều Đức Chúa Trời đã giao phó cho ông và có khả năng làm bất cứ điều gì Đức Chúa Trời sai ông làm. Đây là sự khác biệt cơ bản giữa Nô-ê và con người ngày nay. Đó cũng là định nghĩa thật về việc một người hoàn thiện chính xác là như thế nào trong mắt Đức Chúa Trời. Điều Đức Chúa Trời muốn là những người như Nô-ê. Ông là kiểu người mà Đức Chúa Trời khen ngợi và cũng chính là kiểu người mà Đức Chúa Trời ban phúc lành. Các người đã nhận được sự khai sáng nào từ điều này chưa? Con người nhìn vào con người từ bề ngoài, trong khi Đức Chúa Trời thì nhìn vào lòng người và bản chất của họ. Đức Chúa Trời không cho phép bất kỳ ai có bất kỳ sự nể sợ hay hoài nghi nào đối với Ngài, Ngài cũng không cho phép con người nghi ngờ hay kiểm tra Ngài theo bất kỳ cách nào. Do vậy, ngay cả khi con người ngày nay đối mặt với lời Đức Chúa Trời – các người thậm chí có thể nói đối mặt với Đức Chúa Trời – thì bởi điều gì đó sâu trong lòng họ, sự hiện hữu của bản chất bại hoại của họ, và thái độ thù nghịch của họ với Đức Chúa Trời, mà con người bị cản trở không có được niềm tin thật nơi Đức Chúa Trời và bị ngăn chặn khỏi việc vâng lời Ngài. Bởi điều này, rất khó để họ đạt được phúc lành y như Đức Chúa Trời đã ban cho Nô-ê.

Tiếp theo, chúng ta hãy xem phần này của Kinh Thánh về cách Đức Chúa Trời đã dùng cầu vòng như một biểu tượng cho giao ước của Ngài với con người.

### **3. Đức Chúa Trời dùng cầu vòng làm biểu tượng cho giao ước của Ngài với con người**

Sách sáng thế 9:11-13 Vậy, ta lập giao ước cùng các người, và các loài xác thịt chẳng bao giờ lại bị nước lụt hủy diệt, và cũng chẳng có nước lụt để hủy hoại đất nữa. Đức Chúa Trời lại phán rằng: Đây là dấu chỉ về sự giao ước mà ta lập cùng các người, cùng hết thảy vật sống ở với các người, trải qua các đời mãi mãi. Ta đặt móng của ta trên từng mây, dùng làm dấu chỉ sự giao ước của ta với đất.

Hầu hết mọi người đều biết cầu vòng là gì và đã nghe một số câu chuyện liên quan đến cầu vòng. Đối với câu chuyện về cầu vòng trong Kinh Thánh, một số người tin và

một số thì coi đó như truyền thuyết, trong khi những người khác thì không hề tin chút nào. Cho dù thế nào, tất cả những sự kiện đã xảy ra liên quan đến cầu vồng đều là công tác của Đức Chúa Trời và đã diễn ra trong quá trình quản lý con người của Đức Chúa Trời. Những sự kiện này đã được ghi chép chính xác trong Kinh Thánh. Những ghi chép này không cho chúng ta biết tâm trạng của Đức Chúa Trời vào lúc đó hay ý định đằng sau những lời Đức Chúa Trời đã phán. Hơn nữa, không ai có thể nhận thức rõ Đức Chúa Trời đang cảm thấy thế nào khi Ngài phán chúng. Tuy nhiên, trạng thái tinh thần của Đức Chúa Trời liên quan đến toàn bộ sự kiện này được tỏ lộ ẩn ý giữa các câu chữ. Như thế những ý nghĩ của Đức Chúa Trời vào lúc đó đã bật ra qua mỗi từ và cụm từ trong lời Ngài.

Những ý nghĩ của Đức Chúa Trời là điều con người nên quan tâm và là điều họ nên cố gắng biết được nhiều nhất. Đây là vì những ý nghĩ của Đức Chúa Trời có liên quan mật thiết với sự hiểu biết của con người về Đức Chúa Trời, và sự hiểu biết của con người về Đức Chúa Trời là một mối liên kết không thể thiếu cho lối vào sự sống của con người. Vậy thì, Đức Chúa Trời đã nghĩ gì vào lúc các sự kiện này diễn ra?

Ban đầu, Đức Chúa Trời đã tạo ra một nhân loại mà trong mắt Ngài là rất tốt và gần gũi với Ngài, nhưng họ đã bị hủy diệt bởi trận lụt sau khi phản nghịch Ngài. Đức Chúa Trời có đau lòng không khi một nhân loại như vậy lại ngay lập tức biến mất như thế? Dĩ nhiên là đau lòng! Vậy thì sự bày tỏ nỗi đau này của Ngài là gì? Nó được ghi chép như thế nào trong Kinh Thánh? Nó được ghi chép trong Kinh Thánh ở những lời sau: “Vậy, ta lập giao ước cùng các ngươi, và các loài xác thịt chẳng bao giờ lại bị nước lụt hủy diệt, và cũng chẳng có nước lụt để hủy hoại đất nữa”. Câu đơn giản này tỏ lộ những ý nghĩ của Đức Chúa Trời. Sự hủy diệt thế gian này đã khiến Ngài rất đau đớn. Theo cách nói của con người, Ngài đã rất buồn. Chúng ta có thể tưởng tượng: Thế gian từng đầy sự sống đã trông như thế nào sau khi bị hủy diệt bằng trận lụt? Thế gian từng đầy con người đã trông như thế nào vào lúc đó? Không có người ở, không sinh vật sống, nước ở khắp nơi và sự tàn phá hoàn toàn trên mặt nước. Một cảnh tượng như thế có phải là ý định ban đầu của Đức Chúa Trời khi Ngài tạo dựng thế gian không? Dĩ nhiên là không! Ý định ban đầu của Đức Chúa Trời là nhìn thấy sự sống trên khắp đất, thấy con người mà Ngài đã tạo dựng thờ phượng Ngài, chứ không phải để Nô-ê là người duy nhất thờ phượng Ngài hay người duy nhất có thể đáp lại lời kêu gọi của Ngài để làm trọn vẹn điều được giao phó cho ông. Khi nhân loại biến mất, Đức Chúa Trời đã không thấy điều Ngài dự định ban đầu, mà là điều trái ngược hoàn toàn. Làm sao lòng Ngài có thể không đau cho được? Như vậy khi Đức Chúa Trời tỏ lộ tâm tính Ngài và bày tỏ những cảm xúc của Ngài, Đức Chúa Trời đã đưa ra quyết định. Ngài đã đưa ra dạng quyết định nào? Đặt móng trên từng mây (nghĩa là cầu vồng mà chúng ta thấy) như một giao ước với con người, một lời hứa rằng Đức Chúa Trời sẽ không hủy diệt nhân loại bằng trận lụt lần nữa. Đồng thời, nó cũng là để nói với con người rằng Đức Chúa Trời đã hủy diệt thế giới bằng một trận lụt, hầu cho nhân loại sẽ nhớ mãi tại sao Đức Chúa Trời lại làm một điều như thế.

Sự hủy diệt thể gian vào thời đó có phải là điều Đức Chúa Trời muốn không? Đó chắc chắn không phải là điều Đức Chúa Trời muốn. Chúng ta hẳn có thể tưởng tượng một phần nhỏ cảnh tượng thương tâm của đất sau sự hủy diệt thể gian, nhưng chúng ta còn lâu mới tưởng tượng ra cảnh tượng lúc đó trong mắt Đức Chúa Trời như thế nào. Chúng ta có thể nói rằng, dù là con người của bây giờ hay lúc ấy, không ai có thể tưởng tượng hay nhận thức rõ Đức Chúa Trời đã cảm thấy thế nào khi Ngài nhìn thấy cảnh tượng ấy, hình ảnh thế giới sau sự hủy diệt bởi trận lụt. Đức Chúa Trời đã buộc phải làm điều này bởi sự bất tuân của con người, nhưng nỗi đau mà lòng Ngài phải chịu từ sự hủy diệt thể gian bởi trận lụt này là một hiện thực mà không ai có thể hiểu thấu hay nhận thức rõ. Đó là lý do tại sao Đức Chúa Trời đã lập một giao ước với nhân loại, thông qua đó Ngài nhắm đến việc bảo con người nhớ rằng Đức Chúa Trời đã từng làm điều như thế này, và để hứa với họ rằng Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ hủy diệt thể gian theo cách như vậy lần nữa. Trong giao ước này chúng ta thấy được lòng Đức Chúa Trời – chúng ta thấy rằng lòng Đức Chúa Trời đau đớn khi Ngài hủy diệt nhân loại này. Theo ngôn ngữ của con người, khi Đức Chúa Trời hủy diệt nhân loại và thấy nhân loại biến mất, lòng Ngài đổ lệ và máu. Chẳng phải đó là cách miêu tả hay nhất sao? Những từ này được con người dùng để minh họa xúc cảm của con người, nhưng bởi vì ngôn ngữ của con người quá nghèo nàn, việc sử dụng chúng để miêu tả những tình cảm và cảm xúc của Đức Chúa Trời có vẻ không quá tệ đối với Ta, và cũng không thái quá. Chỉ ít nó cho các người một sự hiểu biết rất sống động, rất nhanh nhạy về việc tâm trạng của Đức Chúa Trời đã như thế nào vào lúc đó. Bây giờ các người sẽ nghĩ gì khi thấy cầu vồng lần nữa? Chỉ ít các người sẽ nhớ Đức Chúa Trời đã từng đau đớn như thế nào khi hủy diệt thể gian bằng trận lụt. Các người sẽ nhớ cách mà lòng Đức Chúa Trời, cho dù Ngài ghét thể gian này và khinh miệt nhân loại này, đã đau đớn, chật vật khi phải buông bỏ, cảm thấy lưỡng lự, và thấy khó mà chịu đựng được khi Ngài hủy diệt nhân loại mà Ngài đã tự tay tạo ra. Sự an ủi duy nhất của Ngài là gia đình tám người của Nô-ê. Chính sự phối hợp của Nô-ê đã làm cho những nỗ lực cần cù để tạo nên muôn vật của Ngài không trở nên luống công vô ích. Vào lúc Đức Chúa Trời đau khổ, đây là điều duy nhất có thể bù đắp cho nỗi đau của Ngài. Từ điểm đó, Đức Chúa Trời đã đặt mọi kỳ vọng của Ngài với nhân loại lên gia đình Nô-ê, hy vọng họ có thể sống dưới những phúc lành của Ngài chứ không phải sự rửa sạch của Ngài, hy vọng rằng họ sẽ không bao giờ thấy Đức Chúa Trời hủy diệt thể gian bằng một trận lụt lần nữa, và cũng hy vọng rằng họ sẽ không bị hủy diệt.

Chúng ta nên tìm hiểu phần nào của tâm tính Đức Chúa Trời từ điều này? Đức Chúa Trời đã khinh ghét con người bởi vì con người thù nghịch Ngài, nhưng trong lòng Ngài, sự chăm sóc, quan tâm, và lòng thương xót của Ngài đối với nhân loại vẫn không đổi. Ngay cả khi Ngài hủy diệt nhân loại, lòng Ngài vẫn không đổi. Khi nhân loại đầy bại hoại và bất tuân với Đức Chúa Trời đến mức trầm trọng, Đức Chúa Trời đã phải hủy diệt nhân loại này, bởi tâm tính của Ngài và thực chất của Ngài, và theo những nguyên tắc của Ngài. Thế nhưng bởi thực chất của Đức Chúa Trời, Ngài vẫn cảm thương nhân loại,

và thậm chí muốn dùng nhiều cách khác nhau để cứu chuộc nhân loại hầu cho họ có thể tiếp tục sống. Tuy nhiên, con người lại chống đối Đức Chúa Trời, tiếp tục bất tuân Đức Chúa Trời, và không chịu chấp nhận sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời; nghĩa là, không chịu chấp nhận những ý định tốt của Ngài. Cho dù Đức Chúa Trời kêu gọi họ, nhắc nhở họ, chu cấp cho họ, giúp đỡ họ, hay khoan thứ họ như thế nào, con người cũng đã không hiểu hay cảm kích điều đó, họ cũng chẳng chú ý tới. Trong nỗi đau của Ngài, Đức Chúa Trời vẫn không quên ban cho con người lòng khoan dung tốt độ của Ngài, chờ đợi con người hoán cải. Sau khi Ngài đạt đến giới hạn của Ngài, Ngài đã làm điều Ngài phải làm mà không chút lưỡng lự. Nói cách khác, có một khoảng thời gian và quá trình cụ thể từ khoảnh khắc Đức Chúa Trời lên kế hoạch hủy diệt nhân loại đến lúc khởi động công tác hủy diệt nhân loại của Ngài. Quá trình này hiện hữu với mục đích cho phép con người hoán cải, và đây là cơ hội cuối cùng Đức Chúa Trời ban cho con người. Vậy Đức Chúa Trời đã làm gì trong khoảng thời gian này trước khi hủy diệt nhân loại? Đức Chúa Trời đã làm một lượng đáng kể công tác nhắc nhở và khích lệ. Cho dù lòng Đức Chúa Trời đau đớn và buồn rầu thế nào, Ngài cũng tiếp tục ban sự chăm sóc, quan tâm, và lòng thương xót vô vàn với nhân loại. Chúng ta thấy gì từ điều này? Không nghi ngờ gì, chúng ta thấy được rằng tình yêu của Đức Chúa Trời đối với nhân loại là thật và không phải là điều Ngài chỉ nói suông. Nó thực tế, hữu hình và có thể nhận thức rõ, không bịa đặt, giả dối, lừa gạt hay vờ vịt. Đức Chúa Trời không bao giờ dùng bất kỳ sự lừa dối hay tạo ra những hình tượng giả nào để làm cho con người thấy rằng Ngài đáng mến. Ngài không bao giờ dùng chứng ngôn giả để con người thấy sự đáng mến của Ngài, hoặc khoe khoang về sự đáng mến và thánh khiết của Ngài. Chẳng lẽ những khía cạnh này của tâm tính Đức Chúa Trời không xứng đáng có được tình yêu của con người sao? Chẳng lẽ chúng không đáng thờ phượng sao? Chẳng lẽ chúng không đáng trân quý sao? Đến đây, Ta muốn hỏi các người: Sau khi nghe những lời này, các người có nghĩ rằng sự vĩ đại của Đức Chúa Trời đơn thuần là những lời sáo rỗng trên giấy không? Sự đáng mến của Đức Chúa Trời có phải chỉ là những lời sáo rỗng không? Không! Chắc chắn là không! Quyền tối cao, sự vĩ đại, thánh khiết, khoan dung, yêu thương, v.v. của Đức Chúa Trời – mỗi chi tiết của mỗi một trong số các phương diện khác nhau trong tâm tính và thực chất của Đức Chúa Trời đều bày tỏ thực tế mỗi khi Ngài làm công tác của Ngài, được thể hiện trong ý muốn của Ngài đối với con người, và cũng được làm tròn và phản ánh ở mỗi người. Cho dù trước kia người có cảm thấy hay không, Đức Chúa Trời cũng đang chăm sóc cho mỗi người theo mọi cách có thể, sử dụng tám lòng chân thành, sự khôn ngoan, và những phương pháp khác nhau của Ngài để sưởi ấm lòng mỗi người, và đánh thức linh hồn mỗi người. Đây là một thực tế không thể bàn cãi. Bất kể bao nhiêu người đang ngồi đây, mỗi người đều có những trải nghiệm và cảm giác khác nhau đối với lòng khoan dung, kiên nhẫn và đáng mến của Đức Chúa Trời. Những trải nghiệm này về Đức Chúa Trời và những cảm giác hay sự nhận thức về Ngài – nói ngắn gọn, tất cả những điều tích cực này đều từ Đức Chúa Trời. Vậy thì bằng cách tích hợp những trải nghiệm và kiến thức của mọi người về Đức Chúa Trời và kết



hợp chúng với những bài đọc của chúng ta về các đoạn Kinh Thánh hôm nay, các người giờ đây đã có sự hiểu biết thực hơn và đúng đắn hơn về Đức Chúa Trời chưa?

Sau khi đọc câu chuyện này và hiểu đôi chút về tâm tính Đức Chúa Trời được tỏ lộ thông qua sự kiện này, các người có dạng kiến thức mới nào về Đức Chúa Trời? Nó có cho các người sự hiểu biết sâu hơn về Đức Chúa Trời và lòng Ngài không? Các người bây giờ có cảm thấy khác khi xem lại câu chuyện về Nô-ê không? Theo quan điểm của các người, có phải việc thông công về những câu Kinh Thánh này là không cần thiết không? Giờ đây khi chúng ta đã thông công về chúng, các người có nghĩ là không cần thiết không? Chắc chắn là cần thiết! Mặc dù những gì chúng ta đọc là một câu chuyện, nhưng nó là một ghi chép thật về công tác Đức Chúa Trời đã làm. Mục tiêu của Ta không phải là để cho các người hiểu rõ các chi tiết của những câu chuyện này hay nhân vật này, cũng không phải để các người có thể đi nghiên cứu về nhân vật này, và chắc chắn không phải để các người quay lại và nghiên cứu Kinh Thánh lần nữa. Các người có hiểu không? Vậy những câu chuyện này đã trợ giúp gì cho kiến thức của các người về Đức Chúa Trời? Câu chuyện này đã bổ sung những gì vào sự hiểu biết của các người về Đức Chúa Trời? Hãy cho chúng tôi biết, mời các anh chị em từ Hong Kong. (Chúng tôi thấy rằng tình yêu của Đức Chúa Trời là điều mà không con người bại hoại nào như chúng tôi sở hữu được.) Hãy cho chúng tôi biết nào, các anh chị em từ Hàn Quốc. (Tình yêu của Đức Chúa Trời đối với con người là thật. Tình yêu của Đức Chúa Trời đối với con người mang tâm tính của Ngài và mang sự vĩ đại, thánh khiết, quyền tối cao, và lòng khoan dung của Ngài. Đáng để chúng ta cố gắng đạt được một sự hiểu biết sâu hơn về điều này.) (Thông qua sự thông công vừa xong, một mặt, tôi có thể thấy tâm tính công chính và thánh khiết của Đức Chúa Trời, và tôi cũng có thể thấy sự quan tâm lo lắng mà Đức Chúa Trời có đối với nhân loại, lòng thương xót của Đức Chúa Trời đối với nhân loại, và rằng mọi điều Đức Chúa Trời làm và mọi ý nghĩ, ý tưởng Ngài có đã tỏ lộ tình yêu và sự quan tâm của Ngài đối với nhân loại.) (Sự hiểu biết của tôi trước đây là Đức Chúa Trời đã dùng một trận lụt để hủy diệt thế gian bởi vì nhân loại đã trở nên tà ác đến mức trầm trọng, và như thế Đức Chúa Trời đã hủy diệt nhân loại này bởi Ngài ghê tởm họ. Chỉ sau khi Đức Chúa Trời nói về câu chuyện của Nô-ê hôm nay và nói rằng lòng Đức Chúa Trời rỉ máu, tôi mới nhận ra rằng Đức Chúa Trời thật sự do dự khi buông bỏ nhân loại này. Chính bởi nhân loại quá bất tuân mà Đức Chúa Trời đã không có chọn lựa nào khác ngoài hủy diệt họ. Thực ra, lòng Đức Chúa Trời vào lúc ấy rất buồn. Từ điểm này, tôi có thể thấy trong tâm tính của Đức Chúa Trời có sự chăm sóc và quan tâm của Ngài đối với nhân loại. Đây là điều tôi đã không biết trước đây.) Hay lắm! Các người có thể tiếp tục. (Tôi rất xúc động sau khi nghe. Trước đây tôi đã đọc Kinh Thánh, nhưng tôi chưa bao giờ có trải nghiệm như hôm nay khi Đức Chúa Trời trực tiếp mở xẻ những điều này để chúng tôi có thể bắt đầu biết Ngài. Việc Đức Chúa Trời dúi dất chúng tôi xem Kinh Thánh như thế này đã cho phép tôi biết rằng thực chất của Đức Chúa Trời trước sự bại hoại của con người là yêu thương và quan tâm đến nhân loại. Từ lúc con người trở nên bại hoại cho đến những ngày sau rốt này, mặc dù

Đức Chúa Trời có một tâm tính công chính, tình yêu và sự quan tâm của Ngài vẫn không thay đổi. Điều này cho thấy rằng bản chất tình yêu của Đức Chúa Trời, từ lúc sáng thế cho đến nay, bất kể con người có bại hoại hay không, cũng không bao giờ thay đổi.) (Hôm nay tôi đã thấy rằng thực chất của Đức Chúa Trời sẽ không thay đổi theo sự thay đổi về thời gian hay địa điểm của công tác của Ngài. Tôi cũng đã thấy rằng, cho dù Đức Chúa Trời đang tạo ra thế gian hay hủy diệt nó sau khi con người trở nên bị bại hoại, thì mọi điều Ngài làm đều có ý nghĩa và chứa đựng tâm tính Ngài. Vì lẽ ấy tôi thấy rằng tình yêu của Đức Chúa Trời là vô tận và mệnh mông, và tôi cũng thấy được, như các anh chị em khác đã đề cập, sự quan tâm và lòng thương xót của Đức Chúa Trời đối với nhân loại khi Ngài hủy diệt thế gian.) (Đây là những điều tôi quả thật đã không biết trước kia. Sau khi lắng nghe hôm nay, tôi cảm thấy rằng Đức Chúa Trời thật sự đáng tin, thật sự đáng trông cậy, đáng tin tưởng, và rằng Ngài quả thật hiện hữu. Tôi có thể thật sự nhận thức rõ trong lòng rằng tâm tính và tình yêu của Đức Chúa Trời thật sự rõ ràng chắc chắn như vậy. Đây là một cảm xúc mà tôi có sau khi nghe hôm nay.) Xuất sắc! Có vẻ tất cả các người đều đã tiếp nhận vào trong lòng những gì đã nghe.

Các người có để ý thấy điều gì đó từ tất cả các câu Kinh Thánh, bao gồm tất cả những câu chuyện mà chúng ta đã thông công hôm nay không? Đức Chúa Trời có bao giờ dùng ngôn ngữ của riêng Ngài để bày tỏ những ý nghĩ của riêng Ngài và giải thích tình yêu, sự chăm sóc của Ngài đối với nhân loại không? Có ghi chép nào về việc Ngài dùng ngôn ngữ đơn giản để nói rõ Ngài quan tâm hay yêu thương nhân loại nhiều như thế nào không? Không. Điều đó không đúng sao? Có rất nhiều người trong các người đã đọc Kinh Thánh hay những cuốn sách khác ngoài Kinh Thánh. Có bất kỳ ai trong các người thấy những lời như thế không? Câu trả lời chắc chắn là không! Nghĩa là, trong những ghi chép Kinh Thánh, bao gồm lời Đức Chúa Trời hay tài liệu về công tác của Ngài, trong bất kỳ kỷ nguyên hay khoảng thời gian nào, Đức Chúa Trời chưa bao giờ dùng những phương pháp riêng của Ngài để miêu tả các cảm xúc của Ngài hay bày tỏ tình yêu và sự chăm sóc của Ngài đối với nhân loại, Đức Chúa Trời cũng chưa bao giờ dùng lời nói hay bất kỳ hành động nào để truyền đạt những tình cảm hay cảm xúc của Ngài – đó chẳng phải là thực tế sao? Tại sao Ta lại nói điều đó? Tại sao Ta lại đề cập điều này? Đó là vì điều này cũng là hiện thân cho sự đáng mến của Đức Chúa Trời và tâm tính của Ngài.

Đức Chúa Trời đã tạo ra nhân loại; bất kể họ đã bại hoại hay họ có theo Ngài hay không, Đức Chúa Trời cũng đối đãi với họ như những người yêu quý nhất của Ngài – hoặc như cách nói của con người là những người thân thương nhất của Ngài – và không phải là những món đồ chơi của Ngài. Mặc dù Đức Chúa Trời nói Ngài là Đấng Tạo Hóa và rằng con người là tạo vật của Ngài, điều nghe có vẻ hơi khác biệt về tầng lớp, nhưng hiện thực là mọi điều Đức Chúa Trời đã làm cho nhân loại đều vượt xa bản chất của mối quan hệ này. Đức Chúa Trời yêu nhân loại, chăm sóc cho nhân loại, và thể hiện sự quan tâm đối với nhân loại, cũng như liên tục và không ngừng chu cấp cho nhân loại. Ngài không bao giờ cảm thấy trong lòng rằng đây là một công việc phụ hay điều gì đó

đáng được thật nhiều công trạng. Ngài cũng không cảm thấy rằng cứu rỗi nhân loại, chu cấp cho họ, và ban cho họ mọi thứ, là làm nên sự đóng góp khổng lồ cho nhân loại. Ngài đơn thuần chu cấp cho nhân loại một cách âm thầm và lặng lẽ, theo cách của riêng Ngài và thông qua thực chất của riêng Ngài, thông qua việc Ngài có gì và là gì. Cho dù nhân loại nhận được bao nhiêu sự chu cấp và giúp đỡ từ Ngài, Đức Chúa Trời cũng không bao giờ nghĩ đến hay cố gắng ghi vào công trạng. Điều này được quyết định bởi thực chất của Đức Chúa Trời, và cũng chính là sự bày tỏ thật về tâm tính Đức Chúa Trời. Đây là lý do tại sao, dù trong Kinh Thánh hay bất kỳ sách nào khác, chúng ta cũng không bao giờ thấy Đức Chúa Trời bày tỏ những ý nghĩ của Ngài, và chúng ta không bao giờ thấy Đức Chúa Trời miêu tả hay tuyên bố với con người, với mục đích làm cho nhân loại biết ơn Ngài hay tán dương Ngài, về việc tại sao Ngài lại làm những điều này, hay tại sao Ngài lại chăm sóc nhân loại nhiều như vậy. Ngay cả khi Ngài đau khổ, khi lòng Ngài cực kỳ đau đớn, Ngài cũng không bao giờ quên trách nhiệm của mình đối với nhân loại hay sự quan tâm của Ngài đối với nhân loại; tất cả đều trong lúc Ngài chịu sự đau khổ và đau đớn này một mình trong âm thầm. Mà trái lại, Đức Chúa Trời tiếp tục chu cấp cho nhân loại như Ngài đã luôn làm. Mặc dù nhân loại thường ca ngợi Đức Chúa Trời hay làm chứng cho Ngài, Đức Chúa Trời không đòi hỏi điều gì trong cách hành xử này cả. Điều này là vì Đức Chúa Trời không bao giờ có ý định rằng bất kỳ việc tốt nào Ngài làm cho nhân loại là hồng ân lấy lòng biết ơn hay đáp trả. Trái lại, những người có thể kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác, những người có thể thật sự theo Đức Chúa Trời, lắng nghe Ngài và trung thành với Ngài, và những người có thể vâng lời Ngài – đây là những người sẽ thường xuyên nhận được phúc lành của Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời sẽ ban những phúc lành như thế mà không tiếc tay. Hơn nữa, những phúc lành mà con người được nhận từ Đức Chúa Trời thường vượt ngoài trí tưởng tượng của họ, và cũng vượt tầm bất kỳ điều gì con người có thể biện minh thông qua những gì họ đã làm hay cái giá mà họ đã trả. Khi nhân loại vui hưởng những phúc lành của Đức Chúa Trời, có bất kỳ ai quan tâm đến việc Đức Chúa Trời đang làm gì không? Có bất kỳ ai thể hiện sự quan tâm nào với việc Đức Chúa Trời đang cảm thấy thế nào không? Có bất kỳ ai cố gắng nhận thức rõ nỗi đau của Đức Chúa Trời không? Câu trả lời dứt khoát là không! Có bất kỳ người nào, kể cả Nô-ê, nhận thức rõ nỗi đau mà Đức Chúa Trời đang cảm nhận vào khoảnh khắc đó không? Có bất kỳ ai hiểu rõ tại sao Đức Chúa Trời lại lập một giao ước như thế không? Họ không thể! Nhân loại không nhận thức rõ nỗi đau của Đức Chúa Trời không phải là vì họ không thể hiểu nỗi đau của Đức Chúa Trời, và không phải bởi khoảng cách giữa Đức Chúa Trời và con người hay sự khác biệt ở địa vị của họ; mà đúng hơn, chính là vì nhân loại không hề quan tâm đến bất kỳ cảm xúc nào của Đức Chúa Trời. Nhân loại nghĩ rằng Đức Chúa Trời độc lập – rằng Đức Chúa Trời không cần con người chăm sóc cho Ngài, hiểu Ngài hay thể hiện sự quan tâm với Ngài. Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời, do đó Ngài không có nỗi đau, không có xúc cảm; Ngài sẽ không buồn, Ngài không cảm thấy đau khổ, Ngài thậm chí không khóc. Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời, do đó Ngài không cần bất kỳ sự thể hiện

tình cảm nào và Ngài không cần bất kỳ sự an ủi tình cảm nào. Nếu trong những hoàn cảnh nhất định, Ngài không cần những điều này, thì Ngài có thể đương đầu một mình và sẽ không cần bất kỳ sự hỗ trợ nào từ nhân loại. Trái lại, chính những con người yếu đuối, non nớt mới cần đến sự yên ủi, chu cấp, khích lệ của Đức Chúa Trời, và thậm chí cần Ngài an ủi xúc cảm của họ mọi nơi mọi lúc. Những điều như thế ẩn sâu trong lòng nhân loại: Con người là kẻ yếu đuối; họ cần Đức Chúa Trời trông nom họ theo mọi cách, họ xứng đáng với tất cả những sự chăm sóc mà họ nhận được từ Đức Chúa Trời, và họ phải đòi hỏi ở Đức Chúa Trời bất cứ điều gì họ cảm thấy nên là của họ. Đức Chúa Trời là Đấng mạnh mẽ; Ngài có mọi thứ, và Ngài phải là Đấng bảo hộ và Đấng ban phúc lành cho nhân loại. Bởi vì Ngài đã là Đức Chúa Trời, Ngài có quyền tuyệt đối và không bao giờ cần bất cứ điều gì từ nhân loại.

Bởi con người không để ý đến bất kỳ sự mặc khải nào của Đức Chúa Trời, họ chưa bao giờ cảm nhận sự buồn phiền, đau đớn, hay niềm vui của Đức Chúa Trời. Nhưng trái lại, Đức Chúa Trời biết tất cả mọi biểu hiện của con người như biết rõ lòng bàn tay Ngài. Đức Chúa Trời chu cấp cho các nhu cầu của mọi người vào mọi lúc và ở mọi nơi, quan sát những ý nghĩ đổi thay của mỗi người và bởi đó an ủi, khích lệ họ, hướng dẫn và soi sáng họ. Đối với tất cả những điều mà Đức Chúa Trời đã làm cho nhân loại và mọi cái giá mà Ngài đã trả bởi vì họ, con người có thể tìm được đoạn nào trong Kinh Thánh hay từ bất cứ điều gì mà Đức Chúa Trời đã phán cho đến nay tuyên bố rõ rằng Đức Chúa Trời sẽ đòi hỏi điều gì đó từ con người không? Không! Trái lại, cho dù con người phớt lờ suy nghĩ của Đức Chúa Trời như thế nào, Ngài vẫn liên tục dìu dắt nhân loại, liên tục chu cấp cho nhân loại và giúp đỡ họ, tạo điều kiện cho họ theo con đường của Đức Chúa Trời hầu cho họ có thể đạt được đích đến tốt đẹp mà Ngài đã chuẩn bị cho họ. Khi nói đến Đức Chúa Trời, thì việc Ngài có gì và là gì, ân điển của Ngài, lòng thương xót của Ngài, và mọi sự ban thưởng của Ngài, sẽ được ban không tiếc tay cho những ai yêu thương và theo Ngài. Thế nhưng Ngài không bao giờ tỏ lộ với bất kỳ ai nỗi đau mà Ngài đã chịu hay trạng thái tinh thần của Ngài, và Ngài không bao giờ than phiền về bất kỳ ai việc họ không lưu tâm tới Ngài hay không biết ý muốn của Ngài. Ngài đơn thuần âm thầm chịu đựng tất cả những điều này, đợi đến ngày nhân loại sẽ có thể hiểu được.

Tại sao Ta nói những điều này ở đây? Các người thấy gì từ những điều Ta đã nói? Có điều gì đó trong thực chất và tâm tính Đức Chúa Trời mà quá dễ bị bỏ qua, điều gì đó chỉ được sở hữu bởi Đức Chúa Trời chứ không bởi bất kỳ người nào, kể cả những người mà người khác nghĩ là các vĩ nhân, người tốt, hay là Đức Chúa Trời trong trí tưởng tượng của họ. Điều đó là gì? Đó là lòng vị tha của Đức Chúa Trời. Khi nói về lòng vị tha, có thể người nghĩ mình cũng rất vị tha, bởi vì khi nói đến con cái người, người không bao giờ điều đình hay mặc cả với chúng, hoặc người nghĩ mình cũng rất vị tha khi nói đến cha mẹ mình. Cho dù người nghĩ gì, chỉ ít người có một khái niệm về từ “vị tha” và nghĩ về nó như một từ tích cực, và rằng việc là một người vị tha là rất cao quý. Khi người vị tha, người cho là bản thân mình cao cả. Nhưng không ai có thể thấy sự vị

tha của Đức Chúa Trời trong mọi sự, giữa những con người, sự kiện, và sự vật, và trong công tác của Ngài. Tại sao lại như vậy? Bởi vì con người quá ích kỷ! Tại sao Ta nói như thế? Nhân loại sống trong một thế giới vật chất. Có thể người theo Đức Chúa Trời, nhưng người không bao giờ thấy hay cảm kích cách Đức Chúa Trời chu cấp cho người, yêu thương người, và thể hiện sự quan tâm đối với người. Vậy thì người thấy gì? Người thấy những người họ hàng ruột thịt của mình, những người yêu thương mình hay cưng chiều mình. Người thấy những điều có lợi cho xác thịt của người, người quan tâm đến những người và vật mà người yêu thương. Đây là điều được gọi là lòng vị tha của con người. Tuy nhiên, những người “vị tha” như thế không bao giờ quan tâm đến Đức Chúa Trời là Đấng ban sự sống cho họ. Trái ngược với lòng vị tha của Đức Chúa Trời, lòng vị tha của con người trở nên ích kỷ và đáng khinh. Lòng vị tha mà con người tin vào thì rỗng tuếch và không thực tế, giả tạo, không tương hợp với Đức Chúa Trời, và không liên quan tới Đức Chúa Trời. Lòng vị tha của con người là vì chính họ, trong khi lòng vị tha của Đức Chúa Trời là một sự mặc khải thật về thực chất Ngài. Chính bởi lòng vị tha của Đức Chúa Trời mà con người liên tục được Ngài chu cấp cho. Có thể các người không quá cảm động bởi đề tài mà Ta đang nói đến hôm nay và chỉ đơn thuần gật gù chấp nhận, nhưng khi người cố gắng cảm kích tấm lòng Đức Chúa Trời trong lòng mình, người sẽ vô tình khám phá điều này: Trong số mọi người, sự việc, và sự vật mà người có thể cảm nhận trong thế gian này, chỉ lòng vị tha của Đức Chúa Trời là thật và rõ ràng, bởi vì chỉ tình yêu của Đức Chúa Trời dành cho người là vô điều kiện và không chút vết nhơ. Ngoài Đức Chúa Trời ra, cái gọi là lòng vị tha của bất kỳ ai khác cũng đều là vờ vịt, hời hợt, không thực; nó có mục đích, có những ý đồ nhất định, mang sự dối chác, và không thể chịu được thử thách. Các người thậm chí có thể nói rằng nó nhơ bẩn và đáng khinh. Các người có đồng ý với những lời này không?

Ta biết các người rất xa lạ với những đề tài này và cần chút thời gian để hấp thụ chúng trước khi các người có thể thật sự hiểu được. Các người càng xa lạ với những vấn đề và đề tài này thì càng chứng tỏ rằng những chủ đề này đang thiếu vắng trong lòng các người. Nếu Ta không bao giờ đề cập những đề tài này, liệu có ai trong các người biết bất cứ điều gì về chúng không? Ta tin rằng các người sẽ không bao giờ hiểu được chúng. Điều đó là chắc chắn. Cho dù các người có thể cảm được hay hiểu được nhiều như thế nào, thì nói ngắn gọn, những đề tài mà Ta nói đến này là điều mà con người thiếu kém nhất và là điều họ nên biết nhiều nhất. Những đề tài này rất quan trọng đối với mọi người – chúng quý báu và chúng là sự sống, và chúng là những điều các người phải sở hữu cho con đường phía trước. Không có những lời này để hướng dẫn, không có sự hiểu biết của các người về tâm tính và thực chất của Đức Chúa Trời, người sẽ luôn mang một dấu chấm hỏi khi nói đến Đức Chúa Trời. Làm sao người có thể tin Đức Chúa Trời một cách đúng đắn nếu người thậm chí không hiểu về Ngài? Người không biết gì về những cảm xúc của Đức Chúa Trời, ý muốn của Ngài, trạng thái tinh thần của Ngài, những gì Ngài đang nghĩ, những gì làm Ngài buồn, và những gì làm Ngài vui, vậy thì làm sao người có thể lưu tâm đến tấm lòng của Đức Chúa Trời được?

Bất cứ khi nào Đức Chúa Trời phiên lụy, Ngài đối mặt với một nhân loại chẳng hề chú ý gì đến Ngài, một nhân loại theo Ngài và tuyên bố yêu Ngài nhưng hoàn toàn bỏ mặc những cảm xúc của Ngài. Làm sao lòng Ngài lại không đau cho được? Trong công tác quản lý của Đức Chúa Trời, Ngài tận tâm thực hiện công tác của Ngài và phán với mỗi người, và Ngài đối mặt với họ mà không hạn chế hay che giấu; nhưng trái lại, mỗi người theo Ngài đều xa cách với Ngài, và không ai sẵn lòng chủ động đến gần Ngài hơn, hiểu lòng Ngài, hay chú ý đến những cảm xúc của Ngài. Thậm chí những người muốn trở nên thân cận với Đức Chúa Trời cũng không muốn đến gần Ngài, lưu tâm đến lòng Ngài, hay cố gắng hiểu Ngài. Khi Đức Chúa Trời đầy hứng khởi và vui vẻ, không ai chia sẻ niềm hạnh phúc của Ngài. Khi Đức Chúa Trời bị con người hiểu lầm, không ai an ủi trái tim tổn thương của Ngài. Khi lòng Ngài đau khổ, không một người nào sẵn lòng để cho Ngài giải bày nơi họ. Qua hàng ngàn năm này của công tác quản lý của Đức Chúa Trời, không ai hiểu những cảm xúc của Đức Chúa Trời, cũng không ai thấu hiểu hay cảm kích chúng, huống chi bất kỳ ai có thể đứng bên cạnh Đức Chúa Trời để chia sẻ những niềm vui và nỗi buồn của Ngài. Đức Chúa Trời thật cô đơn. Ngài thật cô đơn! Đức Chúa Trời cô đơn không chỉ bởi nhân loại bại hoại chống đối Ngài, mà phần nhiều là vì những người tìm kiếm thuộc linh, những người tìm kiếm để được biết Đức Chúa Trời và hiểu Ngài, và thậm chí những người sẵn lòng dành cả cuộc đời mình cho Ngài, cũng không biết những ý nghĩ của Ngài hay hiểu tâm tính Ngài và những cảm xúc của Ngài.

Ở phần kết câu chuyện về Nô-ê, chúng ta thấy rằng Đức Chúa Trời đã dùng một phương pháp khác thường để bày tỏ những cảm xúc của Ngài vào lúc đó. Đó là một phương pháp rất đặc biệt: lập giao ước với con người, tuyên bố chấm dứt sự hủy diệt thế gian của Đức Chúa Trời bằng trận lụt. Ở bề ngoài, việc lập giao ước có vẻ là một điều rất bình thường. Nó không khác gì hơn là dùng từ ngữ để ràng buộc hai bên và ngăn họ vi phạm thỏa thuận của mình, nhằm bảo vệ lợi ích của cả hai. Về hình thức, đó là một điều rất bình thường, nhưng từ những động cơ đằng sau và ý định của Đức Chúa Trời khi làm điều này, đó là một sự tỏ lộ thật sự về tâm tính và trạng thái tinh thần của Đức Chúa Trời. Nếu người chỉ gạt những lời này sang một bên và lờ chúng đi, nếu Ta không bao giờ nói với các người sự thật về các sự việc, thì nhân loại sẽ thật sự không bao giờ biết được suy nghĩ của Đức Chúa Trời. Có lẽ trong trí tưởng tượng của người, Đức Chúa Trời mỉm cười khi Ngài lập giao ước này, hay có lẽ sự bày tỏ của Ngài thật nghiêm túc, nhưng bất kể những sự bày tỏ thông thường nhất nào con người tưởng tượng ra cho Đức Chúa Trời, không ai có thể thấy được lòng Đức Chúa Trời hay nỗi đau của Ngài, huống chi sự cô đơn của Ngài. Không ai có thể làm cho Đức Chúa Trời tin tưởng họ hay xứng đáng với sự tin tưởng của Đức Chúa Trời, hay là người Ngài có thể bày tỏ những ý nghĩ của Ngài hay giải bày nỗi đau của Ngài. Đó là lý do tại sao Đức Chúa Trời không có sự chọn lựa nào khác hơn là làm một việc như thế. Ngoài mặt, Đức Chúa Trời đã làm một điều dễ dàng là từ biệt nhân loại như vốn dĩ, giải quyết vấn đề của quá khứ và đưa ra một kết cuộc hoàn hảo bằng trận lụt hủy diệt thế gian của Ngài.

Tuy nhiên, Đức Chúa Trời đã chôn giấu nỗi đau bởi khoảnh khắc này tận sâu trong lòng Ngài. Vào lúc Đức Chúa Trời không có bất kỳ ai để giải bày, Ngài đã lập một giao ước với nhân loại, nói với họ rằng Ngài sẽ không hủy diệt thế gian bằng một trận lụt lần nữa. Khi cầu vồng xuất hiện, đó là để nhắc con người rằng một điều như thế đã xảy ra và để cảnh báo họ kiềm chế việc ác. Ngay cả trong trạng thái đau đớn như thế, Đức Chúa Trời đã không quên nhân loại và vẫn thể hiện sự quan tâm rất nhiều đối với họ. Chẳng phải đó là tình yêu và lòng vị tha của Đức Chúa Trời sao? Thế nhưng con người nghĩ gì khi họ đau khổ? Chẳng phải đây là lúc họ cần Đức Chúa Trời nhất sao? Vào những lúc như thế này, con người luôn lờ Đức Chúa Trời vào để Ngài có thể an ủi họ. Bất kể khi nào, Đức Chúa Trời cũng sẽ không bao giờ làm con người thất vọng, và Ngài sẽ luôn cho phép con người thoát ra khỏi những nguy khốn của họ và sống trong sự sáng. Mặc dù Đức Chúa Trời chu cấp cho nhân loại như vậy, trong lòng con người, Đức Chúa Trời không gì hơn là một viên thuốc an thần, một viên thuốc bổ. Khi Đức Chúa Trời đau khổ, khi lòng Ngài tổn thương, thì việc có một tạo vật hay bất kỳ người nào đồng hành cùng Ngài hay an ủi Ngài hẳn nhiên sẽ chỉ là một ước muốn xa vời đối với Đức Chúa Trời. Con người chẳng bao giờ chú ý đến những cảm xúc của Đức Chúa Trời, do đó Đức Chúa Trời không bao giờ đòi hỏi cũng không kỳ vọng sẽ có ai đó có thể an ủi Ngài. Ngài chỉ dùng những phương pháp của riêng Ngài để bày tỏ tâm trạng của Ngài. Con người không nghĩ rằng việc Đức Chúa Trời trải qua nỗi đau khổ nào đó không phải là một gian khổ to lớn, mà chỉ khi người thật sự cố gắng hiểu Đức Chúa Trời, khi người có thể thật sự cảm kích những ý định thiết tha của Đức Chúa Trời trong mọi việc Ngài làm, thì người mới có thể cảm nhận sự vĩ đại của Đức Chúa Trời và lòng vị tha của Ngài. Mặc dù Đức Chúa Trời đã dùng cầu vồng để lập một giao ước với nhân loại, Ngài chưa bao giờ nói với bất kỳ ai tại sao Ngài làm như vậy – tại sao Ngài lập giao ước này – nghĩa là Ngài chưa bao giờ nói với bất kỳ ai những ý nghĩ thật của Ngài. Điều này là bởi không ai có thể hiểu thấu chiều sâu của tình yêu mà Đức Chúa Trời có đối với nhân loại mà Ngài đã tự tay tạo nên, và cũng không ai có thể nhận thức rõ lòng Ngài đã chịu bao đau đớn khi Ngài hủy diệt nhân loại. Vì lẽ ấy, ngay cả khi Ngài có nói với con người Ngài cảm thấy thế nào, họ cũng sẽ không thể đảm nhận sự tin tưởng này. Bất chấp đau đớn, Ngài vẫn tiếp tục với bước tiếp theo trong công tác của Ngài. Đức Chúa Trời luôn ban phần tốt nhất của Ngài và những điều tốt nhất của Ngài cho nhân loại, đồng thời tự mình âm thầm chịu đựng mọi đau khổ. Đức Chúa Trời không bao giờ công khai tiết lộ những sự đau khổ này. Thay vào đó, Ngài chịu đựng chúng và chờ đợi trong thinh lặng. Sự chịu đựng của Đức Chúa Trời không lạnh lùng, tê dại, hay bất lực, nó cũng không phải là dấu hiệu của sự yếu đuối. Đúng hơn, tình yêu và thực chất của Đức Chúa Trời luôn vị tha. Đây là sự tỏ lộ tự nhiên của thực chất và tâm tính Ngài, và là hiện thân đích thực cho thân phận của Đức Chúa Trời – Đáng Tạo Hóa thật.

Nói như thế, một số người có thể diễn dịch sai ý Ta và nghĩ: “Có phải việc miêu tả những cảm xúc của Đức Chúa Trời chi tiết như vậy, với quá nhiều sự gây xúc động, là nhằm làm cho con người cảm thấy tội nghiệp Đức Chúa Trời không?”. Đó có phải là ý

định ở đây không? (Không.) Mục đích duy nhất của Ta khi nói những điều này là để làm cho các người biết Đức Chúa Trời rõ hơn, hiểu vô số phương diện của Ngài, hiểu những xúc cảm của Ngài, nhận thức rõ thực chất và tâm tính của Ngài, một cách cụ thể và từng chút một, được bày tỏ qua công tác của Ngài, là đối lập với điều được miêu tả thông qua những lời rỗng tuếch của con người, những câu chữ và học thuyết của họ, hay trí tưởng tượng của họ. Nói thế nghĩa là, Đức Chúa Trời và thực chất của Đức Chúa Trời thật sự hiện hữu – đó không phải là những bức vẽ, cũng không phải là sự tưởng tượng, không được xây dựng bởi con người, và hiển nhiên không do con người chế tạo nên. Bây giờ các người có nhận ra điều này không? Nếu các người có nhận ra, vậy thì những lời của Ta hôm nay đã đạt được mục tiêu.

Chúng ta đã thảo luận ba đề tài hôm nay. Ta tin rằng mọi người đã thu nhận được rất nhiều từ buổi thông công của chúng ta về ba đề tài này. Ta có thể nói chắc chắn rằng, thông qua ba chủ đề này, những ý nghĩ của Đức Chúa Trời mà Ta đã miêu tả hay tâm tính và thực chất của Đức Chúa Trời mà Ta đề cập đã cải hóa những tưởng tượng và sự hiểu biết của con người về Đức Chúa Trời, thậm chí cải hóa niềm tin của mọi người nơi Đức Chúa Trời, và hơn nữa, đã cải hóa hình tượng của Đức Chúa Trời mà mọi người ngưỡng mộ trong lòng. Cho dù thế nào, Ta hy vọng những gì các người đã biết được về tâm tính Đức Chúa Trời trong hai phần này của Kinh Thánh sẽ có lợi cho các người, và Ta hy vọng sau khi các người trở lại, các người sẽ suy ngẫm thêm về nó. Buổi gặp gỡ hôm nay kết thúc ở đây. Tạm biệt!

Ngày 4 tháng 11 năm 2013



## **CÔNG TÁC CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI, TÂM TÍNH CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI, VÀ CHÍNH ĐỨC CHÚA TRỜI II**

Trong buổi gặp trước, chúng ta đã thông công về một đề tài rất quan trọng. Các người có nhớ đó là gì không? Để Ta lặp lại. Đề tài buổi thông công trước của chúng ta là: Công tác của Đức Chúa Trời, tâm tính của Đức Chúa Trời, và chính Đức Chúa Trời. Đây có phải là một đề tài quan trọng đối với các người không? Phần nào của nó là quan trọng nhất đối với các người? Công tác của Đức Chúa Trời, tâm tính của Đức Chúa Trời, hay chính Đức Chúa Trời? Phần nào các người quan tâm nhất? Phần nào các người muốn nghe nhất? Ta biết thật khó để các người có thể trả lời câu hỏi đó, bởi vì tâm tính Đức Chúa Trời có thể được nhìn thấy ở mọi phương diện công tác của Ngài, và tâm tính Ngài luôn được tỏ lộ trong công tác của Ngài và ở mọi nơi, và trên thực tế, đại diện cho chính Đức Chúa Trời; trong kế hoạch quản lý tổng thể của Đức Chúa Trời, công tác của Đức Chúa Trời, tâm tính của Đức Chúa Trời, và chính Đức Chúa Trời đều không thể tách khỏi nhau.

Nội dung buổi thông công trước của chúng ta về công tác của Đức Chúa Trời bao gồm những chuyện kể từ Kinh Thánh về những sự kiện đã xảy ra từ lâu. Tất cả chúng đều là những câu chuyện về con người và Đức Chúa Trời, và về những việc đã xảy ra với con người, đồng thời cũng liên quan đến sự tham gia và bày tỏ của Đức Chúa Trời, do đó những câu chuyện này có giá trị và ý nghĩa đặc biệt đối với việc biết Đức Chúa Trời. Ngay sau khi Đức Chúa Trời tạo dựng nhân loại, Ngài bắt đầu gắn kết với con người và trò chuyện với con người, và tâm tính Ngài bắt đầu được bày tỏ với con người. Nói cách khác, từ khi Đức Chúa Trời mới gắn kết với nhân loại, Ngài đã bắt đầu công khai với con người về thực chất và về việc Ngài có gì và là gì mà không hề gián đoạn. Bất kể con người thời trước hay con người ngày nay có thể thấy hoặc hiểu hay không, Đức Chúa Trời cũng phán với con người và hoạt động giữa con người, tỏ lộ tâm tính Ngài và bày tỏ thực chất của Ngài – đây là một thực tế, và không ai có thể phủ nhận được. Điều này cũng có nghĩa là tâm tính Đức Chúa Trời, thực chất Đức Chúa Trời, việc Ngài có gì và là gì, liên tục được đưa ra và tỏ lộ khi Ngài hoạt động và gắn kết với con người. Ngài không bao giờ che đậy hay ẩn giấu bất cứ điều gì khỏi con người, mà thay vào đó công khai và giải phóng tâm tính của riêng Ngài mà không chút tiết chế. Như thế, Đức Chúa Trời hy vọng rằng con người có thể biết Ngài và hiểu tâm tính, thực chất của Ngài. Ngài không muốn con người đối đãi với tâm tính và thực chất của Ngài như những mâu nhiệm đời đời, Ngài cũng không muốn nhân loại xem Ngài như một câu đố không lời giải. Chỉ khi nhân loại biết Đức Chúa Trời, con người mới biết được cách tiến tới và chấp nhận sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời, và chỉ một nhân loại như thế này mới thật sự có thể sống dưới sự thống trị của Đức Chúa Trời, và sống trong sự sáng, giữa những phúc lành của Đức Chúa Trời.

Những lời và tâm tính được đưa ra và tỏ lộ bởi Đức Chúa Trời đại diện cho ý muốn của Ngài, và chúng cũng đại diện cho thực chất của Ngài. Khi Đức Chúa Trời gắn kết

với con người, cho dù Ngài phán hay làm gì, hay Ngài tỏ lộ tâm tính gì, và cho dù con người thấy gì ở thực chất của Đức Chúa Trời, thấy Ngài có gì và là gì, thì tất cả đều đại diện cho ý muốn của Đức Chúa Trời với con người. Bất kể con người có thể nhận ra, lĩnh hội hay thấu hiểu nhiều như thế nào, thì tất cả đều đại diện cho ý muốn của Đức Chúa Trời – ý muốn của Đức Chúa Trời đối với con người. Điều này là không chút nghi ngại! Ý muốn của Đức Chúa Trời đối với nhân loại là cách Ngài yêu cầu con người thể hiện, những gì Ngài yêu cầu họ làm, cách Ngài yêu cầu họ sống, và khả năng mà Ngài yêu cầu ở họ để hoàn tất việc làm tròn ý muốn của Đức Chúa Trời. Có phải những điều này không thể tách khỏi thực chất của Đức Chúa Trời không? Nói cách khác, Đức Chúa Trời toát ra tâm tính Ngài và toàn bộ những gì liên quan đến việc Ngài có gì và là gì cùng lúc với khi Ngài đưa ra những yêu cầu với con người. Không có sự giả dối, không giả tạo, không che đậy, và không thêm thắt. Nhưng tại sao con người không có khả năng biết, và tại sao con người chưa bao giờ có thể nhận thức rõ tâm tính của Đức Chúa Trời? Tại sao con người chưa bao giờ nhận ra ý muốn của Đức Chúa Trời? Điều được tỏ lộ và toát ra bởi Đức Chúa Trời là việc chính Đức Chúa Trời có gì và là gì; nó là từng li từng tí tâm tính thật của Ngài – vậy thì tại sao con người không thể thấy? Tại sao con người không có khả năng hiểu thấu suốt? Có một lý do quan trọng cho điều này. Như vậy, lý do là gì? Kể từ lúc sáng thế, con người đã không bao giờ đối đãi với Đức Chúa Trời như Đức Chúa Trời. Vào buổi ban sơ, bất kể Đức Chúa Trời đã làm gì liên quan tới con người – con người mà vừa mới được tạo ra – thì con người cũng đối đãi với Đức Chúa Trời không gì khác hơn là một người bạn đồng hành, một người để cậy dựa, và con người đã không có kiến thức hay sự hiểu biết về Đức Chúa Trời. Nói vậy nghĩa là, con người đã không biết thứ toát ra bởi Hữu thể này – Hữu thể mà họ cậy dựa và xem như bạn đồng hành của mình – chính là thực chất của Đức Chúa Trời, họ cũng không biết rằng Hữu thể này là Đấng thống trị muôn vật. Nói đơn giản, con người thời đó không hề nhận ra Đức Chúa Trời. Họ đã không biết rằng trời đất và muôn vật là bởi Ngài làm ra, và họ chẳng biết Ngài đến từ đâu, và hơn nữa, Ngài là gì. Dĩ nhiên, khi ấy Đức Chúa Trời đã không yêu cầu con người biết hay hiểu thấu Ngài, hoặc hiểu tất cả những gì Ngài đã làm, hoặc thông thạo ý muốn của Ngài, bởi đây là những buổi ban sơ sau sự tạo dựng con người. Khi Đức Chúa Trời bắt đầu chuẩn bị cho công tác của Thời đại Luật pháp, Đức Chúa Trời đã làm một số điều cho con người và cũng bắt đầu đưa ra một số yêu cầu với con người, bảo con người cách dâng của lễ và thờ phượng Đức Chúa Trời. Chỉ khi đó con người mới có được vài ý tưởng đơn giản về Đức Chúa Trời, và chỉ khi đó họ mới biết điểm khác biệt giữa con người và Đức Chúa Trời, và rằng Đức Chúa Trời là Đấng đã tạo ra nhân loại. Khi con người biết rằng Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời và con người là con người, một khoảng cách nhất định xuất hiện giữa họ và Đức Chúa Trời, nhưng Đức Chúa Trời vẫn không yêu cầu rằng con người có một kiến thức tuyệt vời hay sự hiểu biết sâu sắc về Ngài. Do đó, Đức Chúa Trời đưa ra những yêu cầu khác nhau đối với con người dựa trên những giai đoạn và hoàn cảnh công tác của Ngài. Các người thấy gì ở điều này? Các người lĩnh hội phương diện nào

của tâm tính Đức Chúa Trời? Đức Chúa Trời có thật không? Những yêu cầu của Đức Chúa Trời với con người có phù hợp không? Trong những lúc ban sơ sau sự tạo dựng nhân loại của Đức Chúa Trời, khi Đức Chúa Trời chưa thực hiện công tác chinh phục và hoàn thiện con người, và chưa phán quá nhiều lời với con người, Ngài đã không yêu cầu gì nhiều ở con người. Bất kể con người đã làm gì và họ hành xử như thế nào – ngay cả khi họ đã làm những điều xúc phạm Đức Chúa Trời – Đức Chúa Trời cũng tha thứ và bỏ qua tất cả. Điều này là vì Đức Chúa Trời biết Ngài đã ban những gì cho con người và những gì có bên trong con người, và do đó Ngài biết tiêu chuẩn của các yêu cầu mà Ngài nên đưa ra cho con người. Mặc dù tiêu chuẩn của các yêu cầu của Ngài rất thấp vào thời đó, điều này không có nghĩa là tâm tính của Ngài không vĩ đại, hay rằng sự khôn ngoan và toàn năng của Ngài chỉ là những lời sáo rỗng. Đối với con người, chỉ có một cách để biết tâm tính Đức Chúa Trời và chính Đức Chúa Trời: bằng cách theo những bước công tác quản lý và cứu rỗi nhân loại của Đức Chúa Trời, và chấp nhận những lời Đức Chúa Trời phán với nhân loại. Một khi con người biết được Đức Chúa Trời có gì và là gì, và biết tâm tính của Đức Chúa Trời, họ sẽ vẫn yêu cầu Đức Chúa Trời thể hiện thân vị thật của Ngài chứ? Không, con người sẽ không yêu cầu, và thậm chí sẽ không dám yêu cầu, bởi khi đã thấu hiểu tâm tính Đức Chúa Trời, hiểu Ngài có gì và là gì, con người đã thấy được chính Đức Chúa Trời thật, và thân vị thật của Ngài. Đây là kết quả chắc chắn.

Khi công tác và kế hoạch của Đức Chúa Trời không ngừng tiến triển, và sau khi Đức Chúa Trời đã lập giao ước cầu vồng với con người, như một dấu chỉ rằng Ngài sẽ không bao giờ hủy diệt thế gian lần nữa bằng những trận lụt, Đức Chúa Trời đã ngày càng khắc khoải khao khát thu phục những ai đồng tâm hợp ý với Ngài. Do vậy Ngài cũng có một ao ước khẩn thiết hơn bao giờ hết về việc thu phục những người có thể làm theo ý muốn của Ngài trên đất, và hơn nữa, thu phục một nhóm người có thể vượt qua các thế lực của bóng tối và không bị ràng buộc bởi Sa-tan, một nhóm người có thể làm chứng cho Ngài trên đất. Thu phục một nhóm người như thế là ước muốn từ lâu của Đức Chúa Trời, đó là điều Ngài đã chờ đợi kể từ lúc sáng thế. Do vậy, bất kể việc Đức Chúa Trời dùng những trận lụt để hủy diệt thế gian, hay giao ước của Ngài với con người, thì ý muốn, tâm trạng, kế hoạch, và những hy vọng của Đức Chúa Trời đều vẫn không đổi. Điều Ngài muốn thực hiện, điều Ngài đã khao khát từ lâu trước khi sáng thế, là thu phục những người Ngài muốn thu phục trong nhân loại – thu phục một nhóm người có thể thấu hiểu, biết tâm tính Ngài và hiểu ý muốn của Ngài, một nhóm người có thể thờ phượng Ngài. Một nhóm người như thế thật sự sẽ có thể làm chứng cho Ngài, và có thể nói rằng họ có thể là bạn tâm tình của Ngài.

Hôm nay, chúng ta hãy tiếp tục lần lại dấu chân của Đức Chúa Trời và theo những bước công tác của Ngài, để chúng ta có thể khám phá những ý nghĩ và ý tưởng về Đức Chúa Trời, và tất cả những chi tiết khác nhau liên quan đến Đức Chúa Trời, tất cả những điều đã bị “niêm phong” trong một thời gian dài. Thông qua những điều này, chúng ta sẽ bắt đầu biết được tâm tính của Đức Chúa Trời, hiểu thực chất của Đức Chúa Trời,

chúng ta sẽ để Đức Chúa Trời vào lòng mình, và mỗi người trong chúng ta sẽ dần đến gần Đức Chúa Trời, rút ngắn khoảng cách của chúng ta với Đức Chúa Trời.

Một phần trong những điều chúng ta đã nói tới lần trước liên quan đến việc tại sao Đức Chúa Trời lại lập giao ước với con người. Lần này, chúng ta sẽ thông công về những đoạn Kinh Thánh bên dưới. Chúng ta hãy bắt đầu đọc từ Kinh Thánh.

## **A. Áp-ra-ham**

### **1. Đức Chúa Trời hứa ban cho Áp-ra-ham một con trai**

Sách sáng thế 17:15-17 Đức Chúa Trời phán cùng Áp-ra-ham rằng: còn Sa-rai, vợ ngươi, chớ gọi là Sa-rai nữa; nhưng Sa-ra là tên người đó. Ta sẽ ban phước cho nàng, lại do nơi nàng ta sẽ cho ngươi một con trai, Ta sẽ ban phước cho nàng, nàng sẽ làm mẹ các dân tộc; những vua của các dân tộc sẽ do nơi nàng mà ra. Áp-ra-ham bèn sấp mình xuống đất, cười và nói thẳm rằng: Hồ dễ người đã trăm tuổi rồi, mà sanh con được chăng? Còn Sa-ra, tuổi đã chín mươi, sẽ sanh sản được sao?

Sách sáng thế 17:21-22 Nhưng ta sẽ lập giao ước ta cùng Y-sác, độ khoảng này năm tới Sa-ra phải sanh cho ngươi. Khi Đức Chúa Trời đã phán xong, thì Ngài từ Áp-ra-ham ngự lên.

### **Không ai có thể cản trở công tác mà Đức Chúa Trời quyết tâm thực hiện**

Như vậy, tất cả các người vừa nghe câu chuyện về Áp-ra-ham, phải không? Ông được Đức Chúa Trời chọn sau trận lụt hủy diệt thế gian, tên ông là Áp-ra-ham, và khi ông được một trăm tuổi và vợ ông Sa-ra chín mươi tuổi, lời hứa của Đức Chúa Trời đến với ông. Đức Chúa Trời đã có lời hứa gì với ông? Đức Chúa Trời đã hứa điều được nói đến trong Kinh Thánh: “Ta sẽ ban phước cho nàng, lại do nơi nàng ta sẽ cho ngươi một con trai”. Bối cảnh lời hứa của Đức Chúa Trời về việc ban cho ông một con trai là gì? Kinh Thánh cung cấp bản ghi sau: “Áp-ra-ham bèn sấp mình xuống đất, cười và nói thẳm rằng: Hồ dễ người đã trăm tuổi rồi, mà sanh con được chăng? Còn Sa-ra, tuổi đã chín mươi, sẽ sanh sản được sao?”. Nói cách khác, cặp đôi có tuổi này đã quá già để có con. Và Áp-ra-ham đã làm gì sau khi Đức Chúa Trời hứa với ông? Ông đã sấp mình xuống đất mà cười, và tự nhủ rằng: “Hồ dễ người đã trăm tuổi rồi, mà sanh con được chăng?”. Áp-ra-ham đã tin rằng điều đó là không thể – nghĩa là ông đã tin rằng lời hứa của Đức Chúa Trời chẳng khác gì một lời nói đùa. Từ góc độ của con người, đây là điều mà con người không thể đạt được, và tương tự cũng không thể đạt được và cũng là bất khả thi đối với Đức Chúa Trời. Có lẽ, đối với Áp-ra-ham, điều đó buồn cười: “Đức Chúa Trời đã tạo ra con người, ấy thế mà Ngài có vẻ phần nào không nhận biết rằng một người quá già thì không có khả năng có con; Đức Chúa Trời nghĩ Ngài có thể cho phép tôi có con, Ngài nói rằng Ngài sẽ ban cho tôi một con trai – chắc chắn rằng điều đó là không thể!”. Do vậy, Áp-ra-ham sấp mình xuống đất mà cười, thẳm nhủ rằng: “Không thể được – Đức Chúa Trời đang đùa với tôi đây, điều này không thể thật được!”. Ông đã không coi những lời của Đức Chúa Trời là nghiêm túc. Như vậy, trong mắt Đức Chúa Trời, Áp-ra-ham là loại người gì? (Công chính.) Chỗ nào tuyên bố rằng ông là người

công chính? Các người nghĩ rằng tất cả những người mà Đức Chúa Trời triệu gọi đều công chính và hoàn thiện, rằng họ đều là những người bước đi cùng Đức Chúa Trời. Các người tuân giữ học thuyết! Các người phải thấy rõ rằng khi Đức Chúa Trời xác định ai đó, Ngài không làm như thế một cách tùy tiện. Ở đây, Đức Chúa Trời đã không nói rằng Áp-ra-ham là công chính. Trong lòng Ngài, Đức Chúa Trời có những tiêu chuẩn để đánh giá mỗi người. Mặc dù Đức Chúa Trời đã không nói rằng Áp-ra-ham là loại người gì, thì về cách cư xử của ông, Áp-ra-ham đã có dạng đức tin nào nơi Đức Chúa Trời? Liệu có phải nó hơi trừu tượng không? Hay là ông có đức tin vĩ đại? Không, ông không có! Việc ông cười và những ý nghĩ của ông cho thấy ông là ai, do đó việc các người tin rằng ông là công chính cũng chỉ là điều bịa đặt của trí tưởng tượng của các người, đó là sự áp dụng học thuyết một cách mù quáng, và là một sự đánh giá không có trách nhiệm. Đức Chúa Trời có thấy Áp-ra-ham cười và những biểu hiện của ông không? Ngài có biết chúng không? Đức Chúa Trời có biết. Nhưng liệu Đức Chúa Trời có thay đổi những gì Ngài đã quyết làm không? Không! Khi Đức Chúa Trời lên kế hoạch và quyết rằng Ngài sẽ chọn người này thì chuyện đã hoàn thành. Cả những ý nghĩ lẫn cách cư xử của con người đều không chút ảnh hưởng hay gây trở ngại cho Đức Chúa Trời; Đức Chúa Trời sẽ không tùy tiện thay đổi kế hoạch của Ngài, cũng không thay đổi một cách bốc đồng hay làm xáo trộn kế hoạch của Ngài bởi hành xử của con người, kể cả cách hành xử ngu dốt. Vậy thì, điều gì được viết trong Sách sáng thế 17:21-22? “Nhưng ta sẽ lập giao ước ta cùng Y-sác, độ khoảng này năm tới Sa-ra phải sanh cho người. Khi Đức Chúa Trời đã phán xong, thì Ngài từ Áp-ra-ham ngự lên”. Đức Chúa Trời đã không hề chú ý đến những gì Áp-ra-ham nghĩ hay nói. Lý do cho sự coi nhẹ này của Ngài là gì? Đó là vì, vào lúc ấy, Đức Chúa Trời không yêu cầu rằng con người có đức tin to lớn, hoặc rằng họ có kiến thức rộng lớn về Đức Chúa Trời, hoặc, hơn thế nữa, rằng họ có thể hiểu được điều Đức Chúa Trời thực hiện và phán dạy. Do vậy, Đức Chúa Trời đã không yêu cầu con người hiểu hết những gì Ngài quyết tâm làm, hay những người Ngài quyết tâm chọn, hay những nguyên tắc cho các hành động của Ngài, bởi vóc giạc của con người đơn thuần là không đủ. Vào lúc đó, Đức Chúa Trời xem bất cứ điều gì Áp-ra-ham làm và bất cứ sự cư xử nào của ông đều là bình thường. Ngài đã không lên án hay quở trách, mà chỉ phán: “độ khoảng này năm tới Sa-ra phải sanh Y-sác cho người”. Đối với Đức Chúa Trời, sau khi Ngài tuyên bố những lời này, thì vấn đề này đã từng bước một trở thành sự thật; trong mắt Đức Chúa Trời, điều phải được hoàn thành bởi kế hoạch của Ngài đã đạt được. Sau khi sắp xếp việc này xong, Đức Chúa Trời đã rời đi. Con người làm gì hay nghĩ gì, con người hiểu gì, các kế hoạch của con người – không điều nào trong số này có bất kỳ mối liên hệ gì với Đức Chúa Trời. Mọi điều diễn tiến theo kế hoạch của Đức Chúa Trời, theo những thời điểm và giai đoạn mà Đức Chúa Trời đã đặt ra. Đó là nguyên tắc công tác của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời không can thiệp vào bất cứ điều gì con người nghĩ hay biết, Ngài cũng không bỏ kế hoạch của Ngài hay loại bỏ công tác của Ngài chỉ vì con người không tin hay không hiểu. Những sự việc bởi thế được hoàn thành theo kế hoạch và ý nghĩ của Đức Chúa Trời. Đây chính là điều

chúng ta thấy trong Kinh Thánh: Đức Chúa Trời khiến cho Y-sác được sinh ra vào thời điểm Ngài định. Liệu những thực tế có chứng tỏ rằng hành vi hay cách cư xử của con người làm cản trở công tác của Đức Chúa Trời không? Chúng đã không cản trở công tác của Đức Chúa Trời! Liệu đức tin nhỏ nhoi của con người nơi Đức Chúa Trời, và những quan niệm, sự tưởng tượng của họ về Đức Chúa Trời có ảnh hưởng đến công tác của Đức Chúa Trời không? Không, chúng không ảnh hưởng! Không một chút nào! Kế hoạch quản lý của Đức Chúa Trời không bị ảnh hưởng bởi bất kỳ con người, sự việc, hay môi trường nào. Tất cả những gì Ngài đã quyết làm thì sẽ được làm trọn vẹn và hoàn thành đúng lúc và theo kế hoạch của Ngài, và công tác của Ngài không thể bị can thiệp bởi bất kỳ người nào. Đức Chúa Trời bỏ qua những phương diện nhất định của sự ngu dốt và thiếu hiểu biết của con người, và thậm chí những phương diện nhất định của sự chống đối và những quan niệm của con người đối với Ngài, và Ngài làm công tác mà Ngài phải làm bất kể thế nào. Đây là tâm tính của Đức Chúa Trời, và nó là một sự phản ánh quyền tuyệt đối của Ngài.

## **2. Áp-ra-ham dâng Y-sác**

Sách sáng thế 22:2-3 Đức Chúa Trời phán rằng: Hãy bắt đưa con một người yêu dấu, là Y-sác, và đi đến xứ Mô-ri-a, nơi đó dâng đưa con làm của lễ thiêu ở trên một hòn núi kia mà ta sẽ chỉ cho. Áp-ra-ham dậy sớm, thắng lừa, đem hai đầy tớ và con mình, là Y-sác, cùng đi; người cũng chặt củi để dùng về của lễ thiêu, rồi đi đến nơi mà Đức Chúa Trời đã truyền dạy.

Sách sáng thế 22:9-10 Họ đến chốn Đức Chúa Trời đã phán dạy; tại đó, Áp-ra-ham lập bàn thờ, chất củi lên, trói Y-sác con mình lại, để lên đồng củi trên bàn thờ. Áp-ra-ham bèn giơ tay ra cầm lấy dao định giết con mình.

### **Công tác quản lý và cứu rỗi nhân loại của Đức Chúa Trời bắt đầu với sự hy sinh Y-sác của Áp-ra-ham**

Khi đã ban cho Áp-ra-ham một con trai, những lời Đức Chúa Trời phán ra với Áp-ra-ham đã được thành toàn. Điều này không có nghĩa là kế hoạch của Đức Chúa Trời dừng lại ở đây; trái lại, kế hoạch trọng đại của việc quản lý và cứu rỗi nhân loại của Đức Chúa Trời chỉ mới bắt đầu, và phúc lành của Ngài trong việc ban một con trai cho Áp-ra-ham chỉ là sự mở đầu cho kế hoạch quản lý tổng thể của Ngài. Vào thời khắc đó, có ai biết được trận chiến của Đức Chúa Trời với Sa-tan đã âm thầm bắt đầu vào thời khắc Áp-ra-ham dâng Y-sác không?

### **Đức Chúa Trời không quan tâm liệu con người có ngu ngốc hay không – Ngài chỉ yêu cầu con người chân thật**

Tiếp theo, chúng ta hãy xem Đức Chúa Trời đã làm gì cho Áp-ra-ham. Trong Sáng Thế 22:2, Đức Chúa Trời đã ban sự phán dạy sau cho Áp-ra-ham: “Hãy bắt đưa con một người yêu dấu, là Y-sác, và đi đến xứ Mô-ri-a, nơi đó dâng đưa con làm của lễ thiêu ở trên một hòn núi kia mà ta sẽ chỉ cho”. Ý của Đức Chúa Trời rất rõ ràng: Ngài đang bảo Áp-ra-ham dâng con trai duy nhất của ông là Y-sác, đưa con mà ông yêu thương,

làm của lễ thiêu. Nhìn vào việc đó ngày nay, chẳng phải sự phán bảo của Đức Chúa Trời vẫn mâu thuẫn với những quan niệm của con người sao? Phải! Tất cả những gì Đức Chúa Trời đã làm vào lúc đó hoàn toàn trái với những quan niệm của con người; nó là điều không thể hiểu thấu được đối với con người. Trong những quan niệm của con người, họ tin vào điều sau: Khi một người không tin, và nghĩ rằng đó là điều bất khả thi, Đức Chúa Trời đã ban cho ông một con trai, và sau khi ông đã có được đứa con trai, Đức Chúa Trời bảo ông hy sinh con mình. Chẳng phải điều này hoàn toàn không thể tin được sao! Đức Chúa Trời thật ra có ý định làm gì? Ý định thật sự của Đức Chúa Trời là gì? Ngài đã ban cho Áp-ra-ham một con trai một cách vô điều kiện, ấy thế mà Ngài cũng bảo Áp-ra-ham dâng một của lễ vô điều kiện. Liệu điều này có thái quá không? Từ góc độ của bên thứ ba, điều này không chỉ thái quá mà còn có phần “gây sự vô có”. Nhưng bản thân Áp-ra-ham đã không nghĩ rằng Đức Chúa Trời yêu cầu thái quá. Mặc dù ông đã có một vài ý kiến nhỏ của riêng ông về việc đó và mặc dù ông hơi hoài nghi về Đức Chúa Trời, ông vẫn chuẩn bị dâng của lễ. Vào lúc này, người thấy điều gì chứng tỏ rằng Áp-ra-ham sẵn lòng dâng con trai ông? Điều gì được nói đến trong những câu này? Văn bản gốc kể lại câu chuyện sau: “Áp-ra-ham dậy sớm, thắng lừa, đem hai đầy tớ và con mình, là Y-sác, cùng đi; người cũng chặt củi để dùng về của lễ thiêu, rồi đi đến nơi mà Đức Chúa Trời đã truyền dạy” (Sách sáng thế 22:3). “Họ đến chốn Đức Chúa Trời đã phán dạy; tại đó, Áp-ra-ham lập bàn thờ, chặt củi lên, trói Y-sác con mình lại, để lên đồng củi trên bàn thờ. Áp-ra-ham bèn giơ tay ra cầm lấy dao để giết con mình” (Sách sáng thế 22:9-10). Khi Áp-ra-ham giơ tay cầm lấy dao để giết con mình, những hành động của ông có được Đức Chúa Trời thấy không? Có. Toàn bộ quá trình – từ lúc bắt đầu, khi Đức Chúa Trời bảo Áp-ra-ham hy sinh Y-sác, cho đến khi Áp-ra-ham thật sự giơ dao lên để giết con mình – cho Đức Chúa Trời thấy tấm lòng của Áp-ra-ham, và bất kể sự ngu ngốc, thiếu hiểu biết, và hiểu lầm trước kia của ông với Đức Chúa Trời, thì vào lúc đó lòng của Áp-ra-ham với Đức Chúa Trời là thật, trung thực, và ông thật sự sẽ trả Y-sác, đứa con trai mà Đức Chúa Trời đã ban cho ông, về lại với Đức Chúa Trời. Nơi ông, Đức Chúa Trời thấy được sự vâng phục, chính xác sự vâng phục mà Ngài mong muốn.

Đối với con người, Đức Chúa Trời làm nhiều điều không thể hiểu được và thậm chí không thể tin được. Khi Đức Chúa Trời muốn bố trí ai đó, sự bố trí này thường mâu thuẫn với những quan niệm của con người và không thể hiểu được đối với họ, nhưng chính sự trái nghịch và không thể hiểu thấu này là sự thử luyện và kiểm tra của Đức Chúa Trời đối với con người. Trong khi đó, Áp-ra-ham có thể minh chứng sự vâng phục Đức Chúa Trời bên trong bản thân ông, là điều kiện cơ bản nhất cho việc ông có thể đáp ứng yêu cầu của Đức Chúa Trời. Chỉ khi đó, khi mà Áp-ra-ham có thể vâng phục yêu cầu của Đức Chúa Trời, khi ông dâng Y-sác, Đức Chúa Trời mới thật sự cảm thấy yên lòng và chấp thuận đối với nhân loại – đối với Áp-ra-ham, người mà Ngài đã chọn. Chỉ khi đó Đức Chúa Trời mới chắc chắn rằng người mà Ngài đã chọn này là một người lãnh đạo không thể thiếu có thể thực hiện lời hứa và kế hoạch quản lý tiếp theo của

Ngài. Mặc dù đó chỉ là một sự thử luyện và kiểm tra, Đức Chúa Trời cũng cảm thấy toại nguyện, Ngài cảm nhận tình yêu của con người đối với Ngài, và Ngài cảm thấy được con người ai ủi chưa từng có. Vào khoảnh khắc Áp-ra-ham giơ dao lên để giết Y-sác, Đức Chúa Trời có ngăn ông lại không? Đức Chúa Trời đã không để Áp-ra-ham hy sinh Y-sác, bởi Đức Chúa Trời đơn thuần không có ý định lấy mạng Y-sác. Do vậy, Đức Chúa Trời đã ngăn Áp-ra-ham kịp thời. Đối với Đức Chúa Trời, sự vâng phục của Áp-ra-ham đã vượt qua bài kiểm tra, điều ông làm là đã đủ, và Đức Chúa Trời đã thấy được kết quả mà Ngài đã định làm. Kết quả này có làm Đức Chúa Trời thỏa mãn không? Có thể nói rằng kết quả này làm Đức Chúa Trời thỏa mãn, rằng đó là điều Đức Chúa Trời muốn, và là điều Đức Chúa Trời đã mong mỏi được thấy. Điều này có thật không? Mặc dù, trong những bối cảnh khác nhau, Đức Chúa Trời dùng những cách khác nhau để kiểm tra mỗi người, nhưng ở Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời đã thấy điều Ngài muốn, Ngài đã thấy rằng tấm lòng của Áp-ra-ham là thật, và rằng sự vâng phục của ông là vô điều kiện. Chính sự “vô điều kiện” này là điều Đức Chúa Trời mong muốn. Người ta thường nói: “Tôi đã dâng cái này, tôi đã kiêng cái nọ – tại sao Đức Chúa Trời vẫn không thỏa mãn với tôi? Tại sao Ngài cứ bắt tôi chịu thử luyện? Tại sao Ngài cứ kiểm tra tôi?”. Điều này minh chứng một thực tế: Đức Chúa Trời chưa thấy tấm lòng của người, và chưa thu phục được lòng người. Nói vậy nghĩa là, Ngài chưa thấy được sự chân thành như khi Áp-ra-ham có thể giơ dao lên để giết con trai bằng chính tay mình và dâng con cho Đức Chúa Trời. Ngài chưa thấy sự vâng phục vô điều kiện của người, và chưa được an ủi bởi người. Vậy thì, cũng là tự nhiên khi Đức Chúa Trời cứ thử luyện người. Điều này không đúng sao? Trong chừng mực của đề tài này, chúng ta sẽ gác nó ở đây. Tiếp theo, chúng ta sẽ đọc “Lời hứa của Đức Chúa Trời với Áp-ra-ham”.

### **3. Lời hứa của Đức Chúa Trời với Áp-ra-ham**

Sách sáng thế 22:16-18 Đức Giê-hô-va phán rằng: Vì người đã làm điều đó, không tiếc con người, tức con một người, thì ta lấy chính mình ta mà thề rằng: sẽ ban phước cho người, thêm dòng dõi người nhiều như sao trên trời, đông như cát bờ biển, và dòng dõi đó sẽ chiếm được cửa thành quân nghịch. Bởi vì người đã vâng theo lời dặn ta, nên các dân thế gian đều sẽ nhờ dòng dõi người mà được phước.

Đây là một câu chuyện đầy đủ về phúc lành của Đức Chúa Trời với Áp-ra-ham. Mặc dù ngắn gọn nhưng nội dung của nó lại phong phú: Nó bao gồm lý do, và nền tảng cho ân tứ của Đức Chúa Trời với Áp-ra-ham, và điều Ngài đã ban cho Áp-ra-ham. Nó cũng đầy sự hân hoan và phấn khởi khi Đức Chúa Trời phán những lời này, cũng như sự mong muốn khẩn thiết của Ngài để thu phục những người có thể lắng nghe lời Ngài. Ở đây, chúng ta thấy được sự yêu thương của Đức Chúa Trời, và sự ân cần với những ai vâng phục lời Ngài và theo những sự phán dạy của Ngài. Như vậy, chúng ta cũng thấy cái giá mà Ngài trả để thu phục con người, và sự chăm sóc, suy nghĩ mà Ngài đặt vào việc thu phục họ. Hơn nữa, đoạn này, đoạn có chứa những từ “ta lấy chính mình ta mà



thề rằng”, cho chúng ta một cảm nhận mạnh mẽ về sự cay đắng và đau đớn mà Đức Chúa Trời phải chịu và Đức Chúa Trời đơn độc đằng sau công tác của kế hoạch quản lý của Ngài. Đây là một đoạn gọi nhiều suy nghĩ, và là đoạn mang ý nghĩa đặc biệt đối với những ai đến sau, và có tác động sâu sắc đối với họ.

### **Con người đạt được những phúc lành của Đức Chúa Trời bởi sự chân thành và vâng phục của mình**

Phúc lành mà Đức Chúa Trời đã ban cho Áp-ra-ham mà chúng ta đọc ở đây có to lớn không? Nó to lớn như thế nào? Có một câu quan trọng ở đây: “Các dân thế gian đều sẽ nhờ dòng dõi ngươi mà được phước”. Câu này cho thấy rằng Áp-ra-ham đã nhận những phúc lành không được ban cho bất kỳ ai đến trước hay đến sau. Khi Áp-ra-ham, theo sự truyền dạy của Đức Chúa Trời, trả lại đứa con trai duy nhất của ông – đứa con trai yêu dấu duy nhất của ông – cho Đức Chúa Trời (ở đây chúng ta không thể dùng từ “dâng”; chúng ta nên nói ông trả lại con trai ông cho Đức Chúa Trời), Đức Chúa Trời không những đã không để cho Áp-ra-ham dâng Y-sác, mà Ngài còn ban phúc lành cho ông. Ngài đã ban cho Áp-ra-ham lời hứa gì? Ngài ban cho ông lời hứa nhân thêm dòng dõi cho ông. Và sẽ được nhân thêm bao nhiêu lần? Kinh Thánh cung cấp ghi chép như sau: “như sao trên trời, đông như cát bờ biển, và dòng dõi đó sẽ chiếm được cửa thành quân nghịch. ...các dân thế gian đều sẽ nhờ dòng dõi ngươi mà được phước”. Bối cảnh để Đức Chúa Trời phán những lời này là gì? Nói như vậy nghĩa là, Áp-ra-ham đã nhận những phúc lành của Đức Chúa Trời như thế nào? Ông đã nhận chúng đúng như Đức Chúa Trời phán trong Kinh Thánh: “Bởi vì ngươi đã vâng theo lời dạy ta”. Nghĩa là, bởi vì Áp-ra-ham đã làm theo sự phán dạy của Đức Chúa Trời, bởi ông đã làm mọi điều Đức Chúa Trời phán bảo, yêu cầu, và phán dạy mà không chút than oán, do đó Đức Chúa Trời đã lập lời hứa như thế với ông. Có một câu quan trọng trong lời hứa này đề cập đến những ý nghĩ của Đức Chúa Trời vào lúc đó. Các ngươi có thấy không? Các ngươi có lẽ đã không chú ý nhiều đến những lời Đức Chúa Trời phán rằng “ta lấy chính mình ta mà thề rằng”. Chúng có nghĩa là, khi Đức Chúa Trời phán ra những lời này, Ngài đang lấy chính mình ra mà thề. Con người đã lấy gì ra thề khi họ tuyên thệ? Họ thề với Trời, nghĩa là, họ tuyên thệ với Đức Chúa Trời và thề với Đức Chúa Trời. Con người có thể không hiểu nhiều về hiện tượng Đức Chúa Trời lấy chính Ngài ra mà thề, nhưng các ngươi sẽ có thể hiểu khi Ta cung cấp cho các ngươi lời giải thích chính xác. Đối diện với một người chỉ có thể nghe lời Ngài nhưng không hiểu lòng Ngài, Đức Chúa Trời một lần nữa cảm thấy cô đơn và bối rối. Trong sự tuyệt vọng – và có thể nói là trong tiềm thức – Đức Chúa Trời đã làm điều rất tự nhiên: Đức Chúa Trời đặt tay Ngài lên tim và gọi chính Ngài khi ban lời hứa này cho Áp-ra-ham, và từ đây con người nghe Đức Chúa Trời phán “ta lấy chính mình ta mà thề rằng”. Thông qua những hành động của Đức Chúa Trời, người có thể nghĩ về bản thân mình. Khi người đặt tay lên tim và tự nói với chính mình, người có ý tưởng rõ ràng về điều mình đang nói không? Thái độ của người có chân thành không? Người có nói một cách thẳng thắn, bằng tấm lòng mình

không? Do vậy, chúng ta thấy ở đây rằng khi Đức Chúa Trời phán với Áp-ra-ham, Ngài tha thiết và chân thành. Đồng thời khi phán và ban phúc lành cho Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời cũng nói với chính Ngài. Ngài đã nói với chính Ngài rằng: Ta sẽ ban phúc lành cho Áp-ra-ham, và làm cho dòng dõi ông ta nhiều như sao trên trời và đông như cát bờ biển, bởi vì ông đã vâng lời Ta và ông là người Ta chọn. Khi Đức Chúa Trời phán “ta lấy chính mình ta mà thề rằng”, Đức Chúa Trời đã quyết rằng nơi Áp-ra-ham, Ngài sẽ sản sinh dân sự được chọn của Y-sơ-ra-ên, sau đó Ngài sẽ dẫn những người này tiến nhanh với công tác của Ngài. Nghĩa là, Đức Chúa Trời sẽ ấn định con cháu Áp-ra-ham mang công tác quản lý của Đức Chúa Trời, và công tác của Đức Chúa Trời cùng những điều được bày tỏ bởi Đức Chúa Trời sẽ bắt đầu với Áp-ra-ham và sẽ tiếp tục nơi các con cháu Áp-ra-ham, bởi đó thực hiện được mong muốn cứu rỗi nhân loại của Đức Chúa Trời. Các người nói sao, đây không phải là phúc lành ư? Đối với con người, không có phúc lành nào vĩ đại hơn thế; có thể nói đây là phúc lành vĩ đại nhất. Phúc lành mà Áp-ra-ham đã có được không phải là sự nhân thêm dòng dõi của ông, mà là việc Đức Chúa Trời đạt được sự quản lý của Ngài, sự ủy nhiệm của Ngài, và công tác của Ngài nơi các con cháu của Áp-ra-ham. Điều này nghĩa là những phúc lành mà Áp-ra-ham có được không phải là tạm thời, mà là liên tục khi kế hoạch quản lý của Đức Chúa Trời diễn tiến. Khi Đức Chúa Trời phán dạy, khi Đức Chúa Trời lấy chính Ngài ra mà thề, thì Ngài đã quyết. Quá trình của sự quyết tâm này có chân thật không? Nó có thực tế không? Đức Chúa Trời đã quyết rằng, từ lúc đó trở đi, những nỗ lực của Ngài, cái giá mà Ngài trả, việc Ngài có gì và là gì, mọi thứ của Ngài, và thậm chí sự sống của Ngài, sẽ được ban cho Áp-ra-ham và các con cháu của Áp-ra-ham. Đức Chúa Trời cũng đã quyết rằng, bắt đầu từ nhóm người này, Ngài sẽ tỏ hiện những việc làm của Ngài, và cho phép con người thấy được sự khôn ngoan, thẩm quyền và quyền năng của Ngài.

### **Thu phục những người biết Đức Chúa Trời và có thể chứng thực cho Ngài là mong muốn không đổi của Đức Chúa Trời**

Cùng lúc nói với chính Ngài, Đức Chúa Trời cũng phán với Áp-ra-ham, nhưng Áp-ra-ham ngoài việc nghe những phúc lành mà Đức Chúa Trời ban cho mình, liệu ông có thể hiểu những mong muốn thật của Đức Chúa Trời trong tất cả những lời của Ngài vào khoảnh khắc đó không? Ông không hiểu! Như vậy, vào khoảnh khắc đó, khi Đức Chúa Trời lấy chính Ngài ra mà thề, lòng Ngài vẫn cô đơn và âu sầu. Vẫn không một người nào có thể hiểu hay thấu hiểu Ngài dự định và lên kế hoạch những gì. Vào khoảnh khắc đó, không ai – kể cả Áp-ra-ham – có thể nói chuyện riêng tư với Ngài, càng không có bất kỳ ai có thể phối hợp với Ngài để làm công tác mà Ngài phải làm. Ở bề ngoài, Đức Chúa Trời đã thu phục Áp-ra-ham, người có thể vâng lời Ngài. Nhưng trên thực tế, kiến thức của người này về Đức Chúa Trời hầu như là không có gì cả. Ngay cả khi Đức Chúa Trời đã ban phúc lành cho Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời vẫn không thỏa lòng. Ngài không thỏa mãn có nghĩa là gì? Nghĩa là sự quản lý của Ngài chỉ mới bắt đầu, nghĩa là những người mà Ngài muốn thu phục, những người mà Ngài khao khát nhìn thấy, những người

Ngài yêu thương, vẫn còn xa cách Ngài; Ngài cần thời gian, Ngài cần chờ đợi, Ngài cần kiên nhẫn. Bởi vào lúc ấy, ngoài chính Đức Chúa Trời, không ai biết Ngài cần gì, hay Ngài mong muốn thu phục gì, hay Ngài mong mỗi điều gì. Như vậy, vào lúc Đức Chúa Trời cảm thấy rất phấn khởi, Đức Chúa Trời cũng cảm thấy nặng lòng. Tuy nhiên Ngài đã không dừng bước, và Ngài tiếp tục lên kế hoạch cho bước tiếp theo mà Ngài phải làm.

Các người thấy gì ở lời hứa của Đức Chúa Trời với Áp-ra-ham? Đức Chúa Trời đã ban những phúc lành vĩ đại trên Áp-ra-ham đơn giản là vì ông đã vâng lời Đức Chúa Trời. Mặc dù ở bề ngoài, điều này có vẻ bình thường và là lẽ đương nhiên, nhưng trong đó chúng ta thấy được lòng Đức Chúa Trời: Đức Chúa Trời đặc biệt trân quý sự vâng phục của con người với Ngài, và nâng niu sự hiểu biết về Ngài và sự chân thành của con người đối với Ngài. Đức Chúa Trời nâng niu sự chân thành này nhiều như thế nào? Các người có thể không hiểu Ngài nâng niu nó nhiều như thế nào, và có thể không ai nhận ra nó. Đức Chúa Trời đã ban cho Áp-ra-ham một con trai, và khi đứa con trai đó lớn lên, Đức Chúa Trời bảo Áp-ra-ham dâng con trai ông cho Đức Chúa Trời. Áp-ra-ham đã theo đúng từng lời phán dạy của Đức Chúa Trời, ông đã vâng lời Đức Chúa Trời, và sự chân thành của ông đã khiến Đức Chúa Trời cảm động và được Đức Chúa Trời trân quý. Đức Chúa Trời trân quý điều đó nhiều như thế nào? Và tại sao Ngài lại trân quý nó? Vào lúc không ai thấu hiểu lời Đức Chúa Trời hay hiểu lòng Ngài, Áp-ra-ham đã làm điều khiến các tầng trời rung chuyển và đất chấn động, và nó làm Đức Chúa Trời cảm nhận cảm giác thỏa mãn chưa từng có, và đã mang đến cho Đức Chúa Trời niềm vui khi thu phục được người có thể vâng lời Ngài. Sự thỏa mãn và niềm vui này đến từ một tạo vật mà chính tay Đức Chúa Trời tạo nên, và là “của lễ” đầu tiên mà con người đã dâng lên Đức Chúa Trời và được Đức Chúa Trời trân quý nhất, kể từ khi con người được tạo dựng. Đức Chúa Trời đã vất vả chờ đợi của lễ này, và Ngài xem nó như món quà đầu tiên và quan trọng nhất từ con người, loài mà Ngài đã tạo nên. Nó cho Đức Chúa Trời thấy thành quả đầu tiên từ những nỗ lực của Ngài và cái giá mà Ngài đã trả, và nó cho Ngài thấy niềm hy vọng nơi nhân loại. Sau đó, Đức Chúa Trời đã có niềm khao khát thậm chí to lớn hơn nữa về một nhóm người như thế đồng hành cùng Ngài, đối đãi với Ngài bằng sự chân thành, và quan tâm đến Ngài bằng sự chân thành. Đức Chúa Trời thậm chí hy vọng rằng Áp-ra-ham sẽ tiếp tục sống, bởi Ngài muốn có một tấm lòng như của Áp-ra-ham để đồng hành cùng Ngài và ở cùng Ngài khi Ngài tiếp tục sự quản lý của mình. Cho dù Đức Chúa Trời muốn gì thì đó cũng chỉ là một ước muốn, chỉ là một ý tưởng – bởi Áp-ra-ham đơn thuần là một người có thể vâng phục Ngài, và không có chút hiểu biết hay kiến thức nào về Đức Chúa Trời. Áp-ra-ham là người kém xa các tiêu chuẩn trong yêu cầu của Đức Chúa Trời đối với con người, đó là: biết đến Đức Chúa Trời, có thể chứng thực cho Đức Chúa Trời, và có thể đồng tâm hợp ý với Đức Chúa Trời. Như vậy, Áp-ra-ham không thể bước đi cùng Đức Chúa Trời. Trong việc Áp-ra-ham dâng Y-sác, Đức Chúa Trời đã thấy sự chân thành và vâng phục của Áp-ra-ham, và thấy rằng ông đã chịu được sự kiểm tra của Đức Chúa Trời nơi ông. Mặc dù Đức Chúa Trời đã chấp nhận sự chân thành và vâng phục của ông, ông vẫn không đáng

được trở thành bạn tâm tình của Đức Chúa Trời, trở thành ai đó biết và hiểu Đức Chúa Trời, và ai đó biết nhiều về tâm tính của Đức Chúa Trời; ông còn lâu mới đồng tâm hợp ý được với Đức Chúa Trời và thực hiện được ý muốn của Đức Chúa Trời. Như vậy, trong lòng Ngài, Đức Chúa Trời vẫn cô đơn và lo lắng. Đức Chúa Trời càng trở nên cô đơn và lo lắng, Ngài càng cần phải tiếp tục công tác quản lý của Ngài sớm nhất có thể, và có thể chọn lựa, thu phục một nhóm người để hoàn thành kế hoạch quản lý của Ngài và đạt được ý muốn của Ngài sớm nhất có thể. Đây là mong muốn tha thiết của Đức Chúa Trời, và nó vẫn không đổi kể từ buổi đầu cho đến hôm nay. Kể từ khi Đức Chúa Trời tạo ra con người vào lúc ban đầu, Ngài đã mong mỗi một nhóm những người đắc thắng, một nhóm người sẽ bước đi cùng Ngài và có thể hiểu, biết và nhận thức được tâm tính của Ngài. Mong muốn này của Đức Chúa Trời chưa bao giờ thay đổi. Bất kể Ngài còn phải đợi bao lâu nữa, bất kể con đường phía trước có thể khó khăn như thế nào, và bất kể những mục tiêu mà Ngài mong muốn có thể xa xôi ra sao, Đức Chúa Trời cũng không bao giờ thay đổi hay từ bỏ những kỳ vọng của Ngài đối với con người. Giờ đây khi Ta đã nói điều này, các người có nhận ra điều gì đó về ý muốn của Đức Chúa Trời không? Có lẽ điều mà các người đã nhận ra không quá sâu sắc – nhưng nó sẽ đến dần dần!

Trong cùng khoảng thời gian sống của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời cũng đã hủy diệt một thành phố. Thành này được gọi là Sô-đôm. Chắc chắn, nhiều người đã quen với câu chuyện về Sô-đôm, nhưng không ai quen với những ý nghĩ của Đức Chúa Trời mà đã làm nên nền tảng cho sự hủy diệt thành phố này của Ngài.

Như vậy, hôm nay, thông qua cuộc trao đổi của Đức Chúa Trời với Áp-ra-ham bên dưới, chúng ta sẽ tìm hiểu những ý nghĩ của Ngài vào lúc đó, đồng thời cũng tìm hiểu tâm tính của Ngài. Tiếp theo, chúng ta hãy đọc những đoạn sau đây của Kinh Thánh.

## **B. Đức Chúa Trời phải hủy diệt Sô-đôm**

Sách sáng thế 18:26 Đức Giê-hô-va phán rằng: “Nếu ta tìm được trong Sô-đôm năm mươi người công bình, vì tình thương bấy nhiêu người đó ta sẽ tha hết cả thành”.

Sách sáng thế 18:29 Áp-ra-ham cứ thưa rằng: “Ngộ trong thành chỉ có bốn mươi người công bình”. Ngài phán rằng: “Ta sẽ chẳng diệt đâu”.

Sách sáng thế 18:30 Áp-ra-ham cứ tiếp: “Ngộ trong đó chỉ có ba mươi người”. Ngài phán: “Ta sẽ chẳng diệt đâu”.

Sách sáng thế 18:31 Áp-ra-ham thưa rằng: “Nếu chỉ có hai mươi người”. Ngài rằng: “Ta sẽ chẳng diệt thành đâu”.

Sách sáng thế 18:32 Áp-ra-ham lại thưa: “Ngộ chỉ có mười người”. Ngài phán rằng: “Ta cũng sẽ chẳng diệt thành đâu”.

Đây là vài đoạn trích mà Ta đã chọn từ Kinh Thánh. Chúng không phải là bản gốc trọn vẹn. Nếu các người muốn xem những đoạn này, các người có thể tự tìm trong Kinh Thánh; để tiết kiệm thời gian, Ta đã bỏ đi một phần nội dung gốc. Ở đây Ta chỉ chọn

một số đoạn và câu chính yếu, bỏ ra vài câu không liên quan đến buổi thông công của chúng ta hôm nay. Ở tất cả những đoạn này và nội dung mà chúng ta thông công, trọng tâm của chúng ta bỏ qua những chi tiết của câu chuyện và cách cư xử của con người trong các câu chuyện; thay vào đó, chúng ta chỉ nói về những ý nghĩ và ý tưởng của Đức Chúa Trời vào lúc đó. Trong những ý nghĩ và ý tưởng của Đức Chúa Trời, chúng ta sẽ thấy được tâm tính của Đức Chúa Trời, và từ mọi việc Đức Chúa Trời đã làm, chúng ta sẽ thấy được chính Đức Chúa Trời thật – ở đây, chúng ta sẽ đạt được mục tiêu của mình.

### **Đức Chúa Trời chỉ quan tâm đến những ai có thể vâng lời Ngài và theo sự phán dạy của Ngài**

Những đoạn trên chứa vài từ quan trọng: các con số. Lúc đầu, Đức Giê-hô-va phán rằng nếu Ngài tìm được năm mươi người công bình trong thành thì Ngài sẽ tha hết cả thành, nghĩa là, Ngài sẽ không hủy diệt thành. Như vậy thực tế là có năm mươi người công bình trong Sô-đôm không? Không có. Không lâu sau đó, Áp-ra-ham đã nói gì với Đức Chúa Trời? Ông nói, Ngộ trong thành chỉ có bốn mươi người công bình, thì sẽ ra sao? Ngài phán rằng: Ta sẽ chẳng diệt đâu. Tiếp theo, Áp-ra-ham hỏi xem nếu trong đó chỉ có ba mươi người, thì sẽ ra sao. Ngài phán: Ta chẳng diệt đâu. Và ngộ nhớ hai mươi? Ta sẽ chẳng diệt đâu? Mười? Ta sẽ chẳng diệt đâu. Thực tế là có mười người công bình trong thành không? Không có mười – nhưng có một. Và một người đó là ai? Đó là Lót. Vào lúc ấy, chỉ có một người công bình trong thành Sô-đôm, nhưng có phải Đức Chúa Trời rất chặt chẽ hay chính xác khi nói đến con số này không? Không, Ngài không như vậy! Và do đó khi con người cứ hỏi “Bốn mươi thì sao?” “Ba mươi thì sao?” cho đến khi họ còn “Mười thì sao?”. Đức Chúa Trời phán: “Ngay cả khi chỉ có mười, Ta sẽ chẳng diệt thành đâu; Ta sẽ tha cho, và tha thứ cho những người khác bên cạnh mười người này”. Nếu chỉ có mười người, thì con số đó đã khá là nhỏ mọn, nhưng hóa ra, trên thực tế, thậm chí số người công bình đó cũng không có ở Sô-đôm. Như vậy, các người thấy rằng trong mắt Đức Chúa Trời, tội lỗi và sự tà ác của người dân trong thành khiến Đức Chúa Trời không có chọn lựa nào ngoài hủy diệt họ. Ý của Đức Chúa Trời là gì khi Ngài nói rằng Ngài sẽ chẳng hủy diệt thành nếu có năm mươi người công bình? Những con số này không quan trọng với Đức Chúa Trời. Điều quan trọng là thành có người công bình mà Ngài muốn hay không. Nếu thành chỉ có một người công bình, Đức Chúa Trời sẽ không để họ bị hại do sự hủy diệt thành của Ngài. Ý nghĩa của điều này là, bất kể Đức Chúa Trời có hủy diệt thành hay không, và bất kể có bao nhiêu người công bình trong đó, thì đối với Đức Chúa Trời, thành phố tội lỗi này đã bị rửa sạch và đáng ghét, và phải bị hủy diệt, nên biến khỏi mắt Đức Chúa Trời, trong khi người công bình thì nên ở lại. Bất kể kỷ nguyên nào, bất kể giai đoạn phát triển nào của nhân loại, thái độ của Đức Chúa Trời cũng không thay đổi: Ngài ghét cái ác, và quan tâm đến những người công bình trong mắt Ngài. Thái độ rõ ràng này của Đức Chúa Trời cũng là sự tỏ lộ thật về thực chất của Đức Chúa Trời. Bởi vì chỉ có một người công bình trong thành,

Đức Chúa Trời đã không lưỡng lự nữa. Kết quả sau cùng là Sô-đôm không thể tránh bị hủy diệt. Các người thấy gì ở việc này? Trong thời đại đó, Đức Chúa Trời sẽ không hủy diệt thành nếu có năm mươi người công bình trong đó, cũng không hủy diệt nếu có mười người, nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ quyết định tha và khoan dung đối với nhân loại, hay sẽ làm công tác hướng dẫn, nhờ bởi một số ít người có thể tôn kính và thờ phượng Ngài. Đức Chúa Trời có niềm tin rất lớn vào những việc làm công chính của con người, Ngài có niềm tin rất lớn vào những ai có thể thờ phượng Ngài, và Ngài có niềm tin rất lớn vào những ai có thể làm những việc lành trước Ngài.

Từ buổi ban sơ cho đến ngày nay, các người có bao giờ đọc trong Kinh Thánh về việc Đức Chúa Trời truyền đạt lẽ thật, hay phán về đường lối của Đức Chúa Trời, với bất kỳ người nào không? Không, không bao giờ. Những lời của Đức Chúa Trời với con người mà chúng ta đọc chỉ dạy bảo con người phải làm gì. Một số người đã đi và làm theo, một số người thì không; một số người tin, và một số không tin. Tất cả chỉ là vậy. Như thế, người công chính của thời đại đó – những người công chính trong mắt Đức Chúa Trời – đơn thuần là những người có thể nghe lời Đức Chúa Trời và làm theo những sự phán dạy của Ngài. Họ là những kẻ tội tở thực hiện lời Đức Chúa Trời giữa con người. Liệu những người như thế có thể được gọi là những người biết Đức Chúa Trời không? Liệu họ có thể được gọi là những người được Đức Chúa Trời làm cho hoàn thiện không? Không, họ không thể. Như vậy, bất kể số người là bao nhiêu, thì trong mắt Đức Chúa Trời, những người công chính này có đáng được gọi là bạn tâm tình của Đức Chúa Trời không? Họ có thể được gọi là các chứng nhân của Đức Chúa Trời không? Chắc chắn là không! Họ chắc chắn không xứng đáng được gọi là bạn tâm tình và chứng nhân của Đức Chúa Trời. Như vậy, Đức Chúa Trời đã gọi những người đó là gì? Trong Kinh Thánh Cựu Ước, có nhiều trường hợp Đức Chúa Trời gọi họ là “tội tở của Ta”. Nói thế nghĩa là, vào lúc đó, trong mắt Đức Chúa Trời, những người công chính này là những kẻ tội tở của Đức Chúa Trời, họ là những người phụng sự Ngài trên đất. Và Đức Chúa Trời đã nghĩ về cách gọi này như thế nào? Tại sao Ngài đã gọi họ như thế? Liệu Đức Chúa Trời có các tiêu chuẩn trong lòng Ngài về những cách gọi mà Ngài gọi con người không? Ngài chắc chắn là có. Đức Chúa Trời có các tiêu chuẩn, dù là để Ngài gọi con người là công chính, hoàn thiện, ngay thẳng, hay tội tở. Khi Ngài gọi ai đó là tội tở của Ngài, Ngài có niềm tin vững vàng rằng người này có thể đón nhận các sứ giả của Ngài, có thể theo những sự phán dạy của Ngài, và có thể thực hiện những gì được truyền dạy bởi các sứ giả. Người này thực hiện những gì? Họ thực hiện điều mà Đức Chúa Trời phán dạy con người phải làm và thực hiện trên đất. Vào lúc đó, liệu những điều Đức Chúa Trời bảo con người làm và thực hiện trên đất có thể được gọi là đường lối của Đức Chúa Trời không? Không, không thể. Bởi vào lúc đó, Đức Chúa Trời chỉ bảo con người làm vài điều đơn giản; Ngài đã phán vài lời phán dạy đơn giản, bảo con người chỉ làm việc này hay việc kia, và không gì hơn thế nữa. Đức Chúa Trời đã hoạt động theo kế hoạch của Ngài. Bởi vì, vào lúc đó, nhiều điều kiện chưa có, thời điểm chưa chín muồi, và nhân loại khó mà hướng theo đường lối của Đức Chúa Trời, do đó đường

lối của Đức Chúa Trời vẫn chưa bắt đầu được ban ra từ lòng Ngài. Đức Chúa Trời đã xem những người công chính mà Ngài nói tới, những người mà chúng ta thấy ở đây – dù là ba mươi hay hai mươi người – là tôi tớ của Ngài. Khi các sứ giả của Đức Chúa Trời đến trên các tôi tớ này, họ sẽ có thể đón nhận các vị ấy, và làm theo sự truyền dạy của các vị ấy, và hành động theo lời các vị ấy. Đây chính là việc nên làm, và nên đạt được, bởi những ai đã là tôi tớ trong mắt Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời sáng suốt trong những cách gọi của Ngài đối với con người. Ngài đã gọi họ là tôi tớ không phải bởi vì họ giống như các người bây giờ – không phải bởi họ đã nghe được nhiều lời giáo huấn, đã biết Đức Chúa Trời muốn làm gì, đã hiểu nhiều về ý muốn của Đức Chúa Trời, và thấu hiểu kế hoạch quản lý của Ngài – mà bởi vì họ trung thực trong nhân tính của họ và họ có thể tuân theo lời Đức Chúa Trời; khi Đức Chúa Trời phán dạy họ, họ đã có thể gạt bỏ điều mình đang làm và thực hiện điều Đức Chúa Trời phán dạy. Như vậy đối với Đức Chúa Trời, một lớp ý nghĩa khác trong danh hiệu kẻ tôi tớ chính là họ hợp tác với công tác của Ngài trên đất, và mặc dù họ không phải là các sứ giả của Đức Chúa Trời, họ là những người thi hành và thực hiện lời Đức Chúa Trời trên đất. Như vậy, các người thấy rằng những kẻ tôi tớ hay những người công chính này có vị trí rất quan trọng trong lòng Đức Chúa Trời. Công tác mà Đức Chúa Trời bắt tay vào trên đất không thể không có con người hợp tác với Ngài, và vai trò mà những tôi tớ của Đức Chúa Trời đảm nhận là không thể được thay thế bởi các sứ giả của Đức Chúa Trời. Mỗi nhiệm vụ mà Đức Chúa Trời phán dạy cho những tôi tớ này có tầm quan trọng rất lớn với Ngài, và do đó Ngài không thể đánh mất họ. Không có sự hợp tác của những tôi tớ này với Đức Chúa Trời, thì công tác của Ngài giữa nhân loại sẽ giậm chân tại chỗ, như thế kế hoạch quản lý của Đức Chúa Trời và những hy vọng của Ngài sẽ trở nên vô ích.

### **Đức Chúa Trời giàu lòng thương xót với những ai Ngài quan tâm, và thịnh nộ vô cùng với những kẻ Ngài khinh ghét và loại bỏ**

Trong những câu chuyện từ Kinh Thánh, có mười kẻ tôi tớ của Đức Chúa Trời ở Sô-đôm không? Không, không có! Thành phố có đáng được Đức Chúa Trời tha cho không? Chỉ một người trong thành – là Lót – được đón nhận các sứ giả của Đức Chúa Trời. Ngụ ý của điều này là chỉ có một kẻ tôi tớ của Đức Chúa Trời trong thành, và do đó Đức Chúa Trời không có chọn lựa nào khác ngoài cứu Lót và hủy diệt thành Sô-đôm. Những trao đổi giữa Áp-ra-ham và Đức Chúa Trời đã trích dẫn bên trên có vẻ đơn giản, nhưng chúng minh họa một điều rất sâu xa: Có những nguyên tắc trong hành động của Đức Chúa Trời, và trước khi đưa ra quyết định, Ngài sẽ dành một thời gian dài quan sát và cân nhắc; Ngài chắc chắn sẽ không đưa ra bất kỳ quyết định nào hay vội vàng đưa ra kết luận trước khi thời điểm thật phù hợp. Cuộc trao đổi giữa Áp-ra-ham và Đức Chúa Trời cho chúng ta thấy rằng quyết định của Đức Chúa Trời về việc hủy diệt thành Sô-đôm là không hề sai, bởi Đức Chúa Trời đã biết rằng trong thành không có bốn mươi người công chính, cũng không có ba mươi người công chính, cũng không có hai mươi. Thậm chí không có lấy mười. Người công chính duy nhất trong thành là Lót. Tất cả

những gì đã xảy ra ở Sô-đôm và những hoàn cảnh của nó đều được Đức Chúa Trời quan sát, và quen thuộc với Đức Chúa Trời như lòng bàn tay Ngài. Do đó, quyết định của Ngài không thể sai. Trái lại, so với sự toàn năng của Đức Chúa Trời, con người quá tệ đại, quá ngu ngốc và thiếu hiểu biết, quá thiện cận. Đây là điều chúng ta thấy được trong cuộc trao đổi giữa Áp-ra-ham và Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đã toát ra tâm tính Ngài từ buổi ban đầu cho đến ngày nay. Ở đây, tương tự, cũng có tâm tính của Đức Chúa Trời mà chúng ta nên thấy. Những con số thì đơn giản – chúng chẳng minh họa gì cả – nhưng ở đây có một sự bày tỏ rất quan trọng về tâm tính của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời sẽ không hủy diệt thành nhờ bởi năm mươi người công chính. Điều này có phải bởi lòng thương xót của Đức Chúa Trời không? Có phải bởi tình yêu và lòng khoan dung của Ngài không? Các người đã thấy được phương diện này của tâm tính Đức Chúa Trời chưa? Thậm chí nếu chỉ có mười người công chính, Đức Chúa Trời hẳn đã không hủy diệt thành, vì mười người công chính này. Có phải đây là lòng khoan dung và tình yêu của Đức Chúa Trời hay không? Bởi lòng thương xót, khoan dung, và quan tâm của Đức Chúa Trời đối với những người công chính ấy, Ngài hẳn đã không hủy diệt thành. Đây là lòng khoan dung của Đức Chúa Trời. Và cuối cùng, chúng ta thấy kết quả gì? Khi Áp-ra-ham nói “Ngộ chỉ có mười người”, Đức Chúa Trời phán rằng: “Ta cũng sẽ chẳng diệt thành đâu”. Sau đó, Áp-ra-ham không nói gì nữa – bởi trong Sô-đôm không có mười người công chính mà ông đã đề cập, và ông không còn gì để nói nữa, và vào lúc đó ông đã hiểu tại sao Đức Chúa Trời quyết hủy diệt Sô-đôm. Ở đây, các người thấy tâm tính gì của Đức Chúa Trời? Loại quyết tâm nào Đức Chúa Trời đã đưa ra? Đức Chúa Trời đã quyết rằng, nếu thành này không có mười người công chính, Ngài sẽ không cho phép nó tồn tại, và hủy diệt nó là điều không thể tránh khỏi. Chẳng phải đây là cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời sao? Cơn thịnh nộ này có đại diện cho tâm tính Đức Chúa Trời không? Tâm tính này có phải là sự tỏ lộ thực chất thánh khiết của Đức Chúa Trời không? Nó có là sự tỏ lộ thực chất công chính của Đức Chúa Trời mà con người không được xúc phạm không? Khi đã xác nhận rằng không có mười người công chính ở Sô-đôm, Đức Chúa Trời chắc chắn hủy diệt thành, và sẽ trừng phạt nặng những người trong thành đó, bởi họ đã chống đối Đức Chúa Trời, bởi họ quá nhơ bẩn và bại hoại.

Tại sao chúng ta phân tích những đoạn này theo cách này? Đó là vì vài câu đơn giản này là sự bày tỏ đầy đủ tâm tính của Đức Chúa Trời đầy thương xót và vô cùng thịnh nộ. Cùng lúc với việc trân quý người công chính, có lòng thương xót, khoan dung và chăm lo cho họ, trong lòng Đức Chúa Trời có sự ghê tởm sâu cay đối với những kẻ đã bị bại hoại ở Sô-đôm. Đây có phải là giàu lòng thương xót và vô cùng thịnh nộ hay không? Đức Chúa Trời đã hủy diệt thành phố bằng phương tiện gì? Bằng lửa. Và tại sao Ngài lại hủy diệt bằng cách dùng lửa? Khi người thấy thứ gì đó bị lửa thiêu cháy, hoặc khi người sắp đốt thứ gì đó, người cảm thấy thế nào về nó? Tại sao người lại muốn đốt nó? Người có cảm thấy mình không còn cần nó, rằng người không còn muốn nhìn thấy nó không? Người có muốn từ bỏ nó không? Việc Đức Chúa Trời dùng lửa có nghĩa là loại bỏ, căm ghét, và rằng Ngài không còn muốn nhìn thấy Sô-đôm nữa. Đây là cảm



xúc khiến Đức Chúa Trời phá hủy Sô-đôm bằng lửa. Việc sử dụng lửa đại diện cho việc Đức Chúa Trời đã giận dữ như thế nào. Lòng thương xót và khoan dung của Đức Chúa Trời quả thật có hiện hữu, nhưng sự thánh khiết và công chính của Đức Chúa Trời khi Ngài xử cơn thịnh nộ của Ngài cũng cho con người thấy phương diện không cho phép sự xúc phạm nào của Đức Chúa Trời. Khi con người hoàn toàn có khả năng vâng phục những sự phán dạy của Đức Chúa Trời và hành động theo những yêu cầu của Đức Chúa Trời, thì Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót đối với con người; khi con người đã đầy bại hoại, căm hờn và thù địch đối với Ngài, thì Đức Chúa Trời vô cùng giận dữ. Ngài vô cùng giận dữ đến mức độ nào? Cơn thịnh nộ của Ngài sẽ kéo dài cho đến khi Đức Chúa Trời không còn thấy sự chống đối và những việc ác của con người nữa, cho đến khi chúng không còn ở trước mắt Ngài nữa. Chỉ khi đó cơn giận của Đức Chúa Trời mới biến mất. Nói cách khác, cho dù người đó là ai, nếu lòng họ trở nên xa cách với Đức Chúa Trời và quay lưng với Đức Chúa Trời, không bao giờ trở lại, vậy thì bất kể như thế nào, đối với mọi biểu hiện hay những ham muốn chủ quan của họ, dù họ muốn thờ phượng, theo chân và vâng phục Đức Chúa Trời trong thân thể họ hay trong suy nghĩ của họ, thì cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời cũng sẽ được tuân xả không ngừng. Sẽ như thế này, khi Đức Chúa Trời giải phóng hoàn toàn cơn giận của Ngài, sau khi đã cho con người vô số cơ hội, thì khi được xả ra, sẽ không có cách nào rút lại, và Ngài sẽ không bao giờ thương xót và khoan dung với một nhân loại như thế lần nữa. Đây là một phương diện của tâm tính Đức Chúa Trời, phương diện không khoan thứ cho sự xúc phạm nào. Ở đây, việc Đức Chúa Trời sẽ hủy diệt một thành phố có vẻ bình thường đối với con người, bởi trong mắt Đức Chúa Trời, một thành phố đầy tội lỗi không thể tồn tại và tiếp tục duy trì, và là hợp lý khi nó bị Đức Chúa Trời hủy diệt. Thế nhưng ở những điều xảy ra trước và sau sự hủy diệt Sô-đôm của Ngài, chúng ta thấy trọn vẹn tâm tính Đức Chúa Trời. Ngài khoan dung và thương xót những điều tử tế, xinh đẹp và tốt lành; còn đối với những thứ ác, tội lỗi, và những thứ tà ác, thì Ngài vô cùng thịnh nộ, đến mức Ngài không nguôi cơn thịnh nộ của Ngài. Đây là hai phương diện chính và nổi bật nhất của tâm tính Đức Chúa Trời, và hơn nữa, chúng được tỏ lộ bởi Đức Chúa Trời từ đầu đến cuối: đầy thương xót và vô cùng thịnh nộ. Hầu hết các người đều đã trải nghiệm điều gì đó trong lòng thương xót của Đức Chúa Trời, nhưng rất ít người trong các người nhận thức rõ cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời. Lòng thương xót và yêu thương nhân từ của Đức Chúa Trời có thể được nhìn thấy ở mọi người; nghĩa là, Đức Chúa Trời đã giàu lòng thương xót đối với mỗi người. Tuy nhiên rất hiếm khi – hoặc có thể nói là không bao giờ – Đức Chúa Trời vô cùng thịnh nộ với bất kỳ cá nhân nào hay nhóm người nào giữa các người. Thư giãn đi! Không sớm thì muộn, cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời cũng sẽ được nhìn thấy và trải nghiệm bởi mọi người, nhưng bây giờ thì chưa đến lúc. Tại sao lại như vậy? Đó là vì khi Đức Chúa Trời liên tục giận dữ với ai đó, nghĩa là, khi Ngài xử cơn thịnh nộ vô cùng của Ngài trên họ, điều này có nghĩa là Ngài đã khinh ghét và loại bỏ người này từ lâu, rằng Ngài khinh miệt sự tồn tại của họ, và rằng Ngài không thể chịu đựng sự tồn tại của họ; ngay khi cơn giận của Ngài đến trên họ, họ sẽ biến mất.

Ngày nay, công tác của Đức Chúa Trời chưa đạt đến điểm đó. Không ai trong các người sẽ có thể chịu được khi Đức Chúa Trời trở nên vô cùng giận dữ. Vậy thì, các người thấy rằng vào lúc này, Đức Chúa Trời chỉ giàu lòng thương xót đối với hết thảy các người, và các người chưa thấy cơn giận sâu cay của Ngài. Nếu có những người vẫn không bị thuyết phục, các người có thể hỏi xin cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời đến trên các người, hầu cho các người có thể trải nghiệm xem cơn giận của Đức Chúa Trời và tâm tính không chịu đựng sự xúc phạm nào từ con người của Ngài có thật sự tồn tại hay không. Các người có dám không?

### **Con người của những ngày sau rốt chỉ thấy cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời trong những lời Ngài, và không thật sự trải nghiệm cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời**

Hai phương diện của tâm tính Đức Chúa Trời được nhìn thấy trong những đoạn Kinh thánh này có đáng để thông công không? Sau khi đã nghe câu chuyện này, các người có sự hiểu biết mới nào lập lại về Đức Chúa Trời không? Các người có dạng hiểu biết nào? Có thể nói rằng từ lúc sáng thế cho đến hôm nay, không nhóm người nào được vui hưởng nhiều ân điển hay lòng thương xót và nhân từ của Đức Chúa Trời nhiều như nhóm cuối cùng này. Mặc dù, trong giai đoạn sau cùng, Đức Chúa Trời đã làm công tác phán xét và hành phạt, và đã làm công tác của Ngài với sự oai nghi và thịnh nộ, phần lớn thời gian Đức Chúa Trời chỉ dùng lời để hoàn thành công tác của Ngài; Ngài dùng lời để dạy bảo và tưới tắm, để chu cấp và nuôi dưỡng. Trong khi đó, cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời thì luôn được che giấu, và ngoài việc trải nghiệm tâm tính thịnh nộ của Đức Chúa Trời trong những lời Ngài, rất ít người đích thân trải nghiệm cơn giận của Ngài. Nói vậy nghĩa là, trong công tác phán xét và hành phạt của Đức Chúa Trời, mặc dù cơn thịnh nộ được tỏ lộ trong lời Đức Chúa Trời cho phép con người trải nghiệm sự oai nghi của Đức Chúa Trời và việc Ngài không khoan thứ cho sự xúc phạm, cơn thịnh nộ này không vượt quá những lời của Ngài. Nói cách khác, Đức Chúa Trời dùng lời để quở trách con người, phơi bày con người, phán xét con người, hành phạt con người, và thậm chí lên án con người – nhưng Đức Chúa Trời vẫn chưa giận dữ sâu cay với con người, và thậm chí hầu như không xả cơn thịnh nộ của Ngài trên con người ngoại trừ bằng những lời của Ngài. Như thế, lòng thương xót và yêu thương nhân từ của Đức Chúa Trời mà con người đã trải nghiệm trong thời đại này là sự tỏ lộ tâm tính thật của Đức Chúa Trời, trong khi cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời mà con người đã trải nghiệm thì chỉ là hiệu ứng của giọng điệu và cảm nhận từ những lời phán của Ngài. Nhiều người hiểu lầm hiệu ứng này là sự trải nghiệm thật và kiến thức thật về cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời. Do đó, hầu hết mọi người tin rằng họ đã thấy lòng thương xót và nhân từ của Đức Chúa Trời trong những lời Ngài, rằng họ cũng đã thấy Đức Chúa Trời không khoan thứ cho sự xúc phạm của con người, và hầu hết họ thậm chí đã bắt đầu nhận thức rõ lòng thương xót và khoan dung của Đức Chúa Trời đối với con người. Nhưng cho dù hành vi của con người có xấu xa như thế nào, hay tâm tính của họ bại hoại như

thể nào, Đức Chúa Trời cũng luôn chịu đựng. Trong sự chịu đựng, mục đích của Ngài là đợi cho những lời Ngài đã phán, những nỗ lực Ngài đã bỏ ra và cái giá mà Ngài đã trả sẽ đạt được một hiệu quả trong những người Ngài mong muốn thu phục. Việc chờ đợi một kết quả như thế cần thời gian, và đòi hỏi sự tạo ra những môi trường khác nhau cho con người, cũng giống như việc con người không trở thành người lớn ngay khi họ ra đời; cần mười tám đến mười chín năm, và một số người thậm chí cần hai mươi hay ba mươi năm trước khi họ trưởng thành thành một người lớn thật sự. Đức Chúa Trời chờ đợi quá trình này hoàn tất, Ngài chờ đợi một thời điểm như thế đến, và Ngài chờ đợi kết quả này đến. Suốt thời gian Ngài chờ đợi, Đức Chúa Trời rất giàu lòng thương xót. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian công tác của Đức Chúa Trời, một số lượng cực kỳ ít người bị đánh gục, và một số bị trừng phạt bởi sự chống đối nghiêm trọng của họ với Đức Chúa Trời. Những ví dụ như thế thậm chí càng là bằng chứng to lớn hơn rằng tâm tính của Đức Chúa Trời không chịu đựng sự xúc phạm của con người, và hoàn toàn xác nhận sự hiện hữu thật sự của lòng khoan dung và chịu đựng của Đức Chúa Trời đối với những người được chọn. Dĩ nhiên, trong những ví dụ điển hình này, sự tỏ lộ một phần tâm tính của Đức Chúa Trời nơi những người này không ảnh hưởng đến kế hoạch quản lý tổng thể của Đức Chúa Trời. Trên thực tế, trong giai đoạn cuối này của công tác của Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời đã chịu đựng xuyên suốt khoảng thời gian Ngài chờ đợi, và Ngài đã đánh đổi sự chịu đựng và sự sống của Ngài để cứu rỗi những ai theo Ngài. Các người có thấy điều này không? Đức Chúa Trời không làm xáo trộn kế hoạch của Ngài mà không có lý do. Ngài có thể xả cơn thịnh nộ của Ngài, và Ngài cũng có thể thương xót; đây là sự tỏ lộ hai phần chính của tâm tính Đức Chúa Trời. Điều này có rõ ràng hay không? Nói cách khác, khi nói đến tâm tính Đức Chúa Trời, đúng và sai, công bằng và bất công, tích cực và tiêu cực – tất cả những điều này đều được thể hiện rõ với con người. Ngài sẽ làm gì, Ngài thích gì, Ngài ghét gì – tất cả những điều này đều có thể được phản ánh trực tiếp trong tâm tính của Ngài. Những điều như thế cũng có thể rất rõ ràng và được thấy rõ trong công tác của Đức Chúa Trời, và chúng không mơ hồ hay chung chung; thay vào đó, chúng cho phép tất cả mọi người được thấy tâm tính của Đức Chúa Trời, thấy Ngài có gì và là gì theo một cách đặc biệt cụ thể, chân thật và thiết thực. Đây là chính Đức Chúa Trời thật.

### **Tâm tính của Đức Chúa Trời chưa bao giờ bị giấu đi khỏi con người – lòng con người đã chệch khỏi Đức Chúa Trời**

Nếu Ta không thông công về những điều này, không ai trong các người có thể thấy tâm tính thật của Đức Chúa Trời trong những câu chuyện từ Kinh Thánh. Đây là thực tế. Đó là vì, mặc dù những câu chuyện Kinh Thánh này ghi lại một số việc mà Đức Chúa Trời đã làm, Đức Chúa Trời chỉ phán vài lời, và đã không trực tiếp giới thiệu tâm tính Ngài hay công khai ban ra ý muốn của Ngài với con người. Các thế hệ sau đã xem những bản ghi chép này chẳng gì hơn là những câu chuyện, và do đó có vẻ như đối với con người thì Đức Chúa Trời ẩn giấu chính Ngài khỏi con người, rằng không phải là

thân vị của Đức Chúa Trời ẩn đi khỏi con người, mà là tâm tính và ý muốn của Ngài. Sau buổi thông công của Ta hôm nay, các người có còn cảm thấy rằng Đức Chúa Trời hoàn toàn ẩn đi khỏi con người không? Các người có còn tin rằng tâm tính Đức Chúa Trời bị ẩn đi khỏi con người không?

Kể từ lúc sáng thế, tâm tính Đức Chúa Trời đã đồng điệu với công tác của Ngài. Nó chưa bao giờ bị ẩn giấu khỏi con người, mà được công khai hoàn toàn và minh bạch với con người. Ấy thế mà, theo thời gian, lòng người đã ngày càng xa cách Đức Chúa Trời hơn bao giờ hết, và bởi sự bại hoại của con người đã trở nên sâu xa hơn, con người và Đức Chúa Trời đã trở nên ngày càng xa cách hơn nữa. Một cách chậm chạp nhưng chắc chắn, con người đã biến mất khỏi mắt Đức Chúa Trời. Con người đã trở nên không thể “thấy” Đức Chúa Trời, khiến họ không có bất kỳ “tin tức” nào về Đức Chúa Trời; do đó, họ không biết Đức Chúa Trời có tồn tại hay không, và thậm chí đi xa tới mức hoàn toàn phủ nhận sự hiện hữu của Đức Chúa Trời. Do đó, việc con người không hiểu về tâm tính Đức Chúa Trời, về việc Ngài có gì và là gì, không phải vì Đức Chúa Trời ẩn đi khỏi con người, mà là vì lòng họ đã quay lưng với Đức Chúa Trời. Mặc dù con người tin Đức Chúa Trời, lòng con người lại không có Đức Chúa Trời, và họ không biết yêu Đức Chúa Trời như thế nào, họ cũng không muốn yêu Đức Chúa Trời, bởi lòng họ không bao giờ đến gần Đức Chúa Trời và họ luôn tránh Đức Chúa Trời. Kết quả là, lòng người xa cách khỏi Đức Chúa Trời. Như vậy, lòng họ ở đâu? Thực ra, lòng người chưa đi đâu cả: Thay vì dâng nó cho Đức Chúa Trời hay tỏ lộ nó cho Đức Chúa Trời thấy, họ lại giữ nó cho chính mình. Điều này bất chấp thực tế rằng một số người thường cầu nguyện với Đức Chúa Trời và nói, “Lạy Đức Chúa Trời, hãy xem lòng con – Ngài biết tất cả những gì con nghĩ”, và một số người thậm chí còn thề để Đức Chúa Trời xem xét họ, rằng họ có thể bị trừng phạt nếu họ phá lời tuyên thệ. Mặc dù con người để cho Đức Chúa Trời nhìn vào trong lòng mình, điều này không có nghĩa là con người có khả năng vâng phục những sự dàn xếp và sắp đặt của Đức Chúa Trời, họ cũng không để số phận, tiền đồ và mọi thứ về mình dưới sự kiểm soát của Đức Chúa Trời. Do đó, bất kể những lời tuyên thệ mà người đã lập với Đức Chúa Trời hay những gì người đã tuyên bố với Ngài, trong mắt Đức Chúa Trời, lòng người vẫn đóng lại với Ngài, bởi người chỉ cho phép Đức Chúa Trời xem xét lòng mình mà không cho phép Ngài kiểm soát nó. Nói cách khác, người chưa hề dâng lòng mình cho Đức Chúa Trời, và chỉ nói những lời xuôi tai để Đức Chúa Trời nghe; trong khi đó, người che giấu những ý định lừa dối khác nhau của mình khỏi Đức Chúa Trời, cùng với những mưu đồ, gian kế, kế hoạch của người, và nắm chặt lấy tiền đồ và số phận của người trong tay, vô cùng sợ hãi rằng chúng sẽ bị Đức Chúa Trời lấy đi. Do đó, Đức Chúa Trời không bao giờ thấy sự chân thành của con người đối với Ngài. Mặc dù Đức Chúa Trời có quan sát bề sâu của lòng người, và có thể thấy con người đang suy nghĩ và mong ước gì trong lòng, và có thể thấy những điều họ đang giữ trong lòng, nhưng lòng người không thuộc về Đức Chúa Trời, và họ chưa dâng nó cho Đức Chúa Trời kiểm soát. Nói vậy nghĩa là, Đức Chúa Trời có quyền quan sát, nhưng Ngài không có quyền kiểm soát. Trong ý thức chủ quan

của con người, con người không muốn hay có ý định dâng mình cho những sự sắp đặt của Đức Chúa Trời. Con người không chỉ khép mình lại với Đức Chúa Trời, mà thậm chí còn có những người nghĩ về những cách gói gém lòng họ lại, dùng lời nói ngon ngọt và xu nịnh để tạo ra ấn tượng sai lầm và đạt được sự tin tưởng của Đức Chúa Trời, và che đậy bộ mặt thật của họ khỏi tầm nhìn của Đức Chúa Trời. Mục tiêu của họ khi không để Đức Chúa Trời nhìn thấy chính là không để cho Đức Chúa Trời cảm nhận họ thực sự như thế nào. Họ không muốn dâng lòng họ cho Đức Chúa Trời, mà giữ chúng cho chính mình. Ấn ý của điều này là tất cả những gì con người làm và muốn đều được lên kế hoạch, tính toán, và quyết định bởi chính con người; họ không yêu cầu sự tham dự hay can thiệp của Đức Chúa Trời, càng không cần đến sự dàn xếp hay sắp đặt của Đức Chúa Trời. Do đó, cho dù liên quan đến những sự phán dạy của Đức Chúa Trời, sự ủy nhiệm của Ngài, hay những yêu cầu mà Đức Chúa Trời đã đưa ra cho con người, thì những quyết định của con người đều dựa trên những ý định và sở thích của họ, trên tình trạng và hoàn cảnh của riêng họ vào thời điểm đó. Con người luôn dùng kiến thức và sự hiểu biết mà họ quen thuộc, và trí năng của riêng họ, để xét đoán và chọn con đường mà họ nên đi, và không cho phép sự can thiệp hay kiểm soát của Đức Chúa Trời. Đây là lòng người mà Đức Chúa Trời nhìn thấy.

Từ buổi đầu cho đến nay, chỉ con người là có khả năng trò chuyện với Đức Chúa Trời. Nghĩa là, trong hết thảy mọi sinh vật sống và trong hết thảy tạo vật của Đức Chúa Trời, chỉ có con người mới có thể trò chuyện với Đức Chúa Trời. Con người có đôi tai cho phép họ nghe, và mắt để họ thấy; họ có ngôn ngữ, những ý tưởng riêng của họ, và ý chí tự do. Họ sở hữu tất cả những gì cần thiết để nghe Đức Chúa Trời phán, và hiểu ý muốn của Đức Chúa Trời, và chấp nhận sự ủy nhiệm của Đức Chúa Trời, chính vì thế mà Đức Chúa Trời đặt tâm nguyện của Ngài trên con người, muốn giữ con người làm bạn đồng hành, đồng tâm hợp ý với Ngài và có thể bước đi cùng Ngài. Kể từ khi Đức Chúa Trời bắt đầu quản lý, Ngài đã chờ đợi con người dâng lòng họ cho Ngài, để Đức Chúa Trời làm tinh sạch và trang bị cho nó, để làm cho họ vừa ý Đức Chúa Trời và được Đức Chúa Trời yêu thương, để làm cho họ tôn kính Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Đức Chúa Trời mãi mong ngóng và chờ đợi kết quả này. Liệu có những người như thế trong các bản ghi chép của Kinh Thánh không? Nghĩa là, liệu có bất kỳ ai trong Kinh Thánh có khả năng dâng lòng họ cho Đức Chúa Trời không? Có bất kỳ tiền lệ nào trước thời đại này không? Hôm nay, chúng ta hãy tiếp tục đọc những câu chuyện của Kinh Thánh và xem qua liệu những điều được thực hiện bởi nhân vật này – Gióp – có bất kỳ sự liên hệ nào với đề tài “dâng lòng cho Đức Chúa Trời” mà chúng ta đang nói đến hôm nay hay không. Chúng ta hãy xem liệu Gióp có vừa ý Đức Chúa Trời và được Đức Chúa Trời yêu thương hay không.

Ấn tượng của các người về Gióp là gì? Trích dẫn Kinh Thánh gốc, một số người nói rằng Gióp kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. “Kính sợ Đức Chúa Trời, và lánh khỏi điều ác”: đó là đánh giá về Gióp của Đức Chúa Trời. Nếu các người dùng từ ngữ của riêng mình, các người sẽ tóm tắt về Gióp như thế nào? Một số người nói rằng Gióp là một người tốt và biết lý lẽ; một số người nói rằng ông đã có đức tin thật nơi Đức Chúa

Trời; một số người nói rằng Gióp là một con người công chính và nhân đức. Các người đã thấy đức tin của Gióp, nghĩa là, trong lòng các người, các người đã gán tầm quan trọng to lớn và thêm muốn đức tin của Gióp. Vậy thì hôm nay, chúng ta hãy xem Gióp đã sở hữu những gì mà Đức Chúa Trời hài lòng với ông như vậy. Tiếp theo, chúng ta hãy đọc Kinh Thánh bên dưới.

## **C. Gióp**

### **1. Những đánh giá về Gióp của Đức Chúa Trời và trong Kinh Thánh**

Gióp 1:1 Tại trong xứ Út-xơ có một người tên là Gióp; người ấy vốn trọn vẹn và ngay thẳng; kính sợ Đức Chúa Trời, và lánh khỏi điều ác.

Gióp 1:5 Xảy khi các ngày yến tiệc xong rồi, Gióp sai người đi dọn các con cái mình cho thanh sạch, thức dậy sớm, dâng của lễ thiêu tùy số nó; vì người nói rằng: Dễ thường các con ta có phạm tội, và trong lòng từ chối Đức Chúa Trời chẳng. Gióp hằng làm như vậy.

Gióp 1:8 Đức Giê-hô-va lại hỏi Sa-tan rằng: Người có nhìn thấy Gióp, tôi tớ của ta chẳng; nơi thế gian chẳng có người nào giống như nó, vốn trọn vẹn và ngay thẳng, kính sợ Đức Chúa Trời, và lánh khỏi điều ác?

Điểm chính mà các người thấy trong những đoạn này là gì? Ba đoạn ngắn này của Kinh Thánh đều liên quan đến Gióp. Dù ngắn nhưng chúng nêu rõ ông là dạng người gì. Thông qua sự miêu tả về cách cư xử hàng ngày và hạnh kiểm của Gióp, chúng nói với mọi người rằng, sự đánh giá của Đức Chúa Trời về Gióp là xác đáng chứ không phải vô căn cứ. Chúng nói với chúng ta rằng, dù là lời khen ngợi của con người với Gióp (Gióp 1:1), hay lời khen ngợi của Đức Chúa Trời với ông (Gióp 1:8), thì cả hai đều là kết quả cho những việc làm của Gióp trước Đức Chúa Trời và con người (Gióp 1:5).

Trước tiên, chúng ta hãy đọc đoạn đầu: “Tại trong xứ Út-xơ có một người tên là Gióp; người ấy vốn trọn vẹn và ngay thẳng; kính sợ Đức Chúa Trời, và lánh khỏi điều ác”. Đây là đánh giá đầu tiên về Gióp trong Kinh Thánh, và câu này là lời khen của tác giả với Gióp. Một cách tự nhiên, điều này cũng đại diện cho sự đánh giá của con người về Gióp, đó là “người ấy vốn trọn vẹn và ngay thẳng; kính sợ Đức Chúa Trời, và lánh khỏi điều ác”. Tiếp theo, chúng ta hãy đọc đánh giá của Đức Chúa Trời về Gióp: “Thế gian chẳng có người nào giống như nó, vốn trọn vẹn và ngay thẳng, kính sợ Đức Chúa Trời, và lánh khỏi điều ác”. Trong hai đánh giá này, một đến từ con người, và một phát xuất từ Đức Chúa Trời; chúng là hai đánh giá với cùng một nội dung. Như vậy, có thể thấy rằng cách cư xử và hạnh kiểm của Gióp được con người biết đến, và cũng được Đức Chúa Trời khen ngợi. Nói cách khác, hạnh kiểm của Gióp trước con người và hạnh kiểm của ông trước Đức Chúa Trời là như nhau; ông trải bày cách hành xử và động lực của mình trước Đức Chúa Trời mọi lúc, để chúng có thể được Đức Chúa Trời quan sát, và ông là người kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Như thế, trong mắt Đức Chúa Trời, trong số những người trên đất, chỉ Gióp là trọn vẹn và ngay thẳng, người kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác.

## **Những biểu hiện cụ thể của việc Gióp kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác trong đời sống hàng ngày của ông**

Tiếp theo, chúng ta hãy nhìn vào những biểu hiện cụ thể cho sự kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác của Gióp. Chúng ta cũng hãy đọc Gióp 1:5, cùng các đoạn trước và sau nó, đó là một trong những biểu hiện cụ thể cho sự kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác của Gióp. Nó liên quan tới cách ông kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác trong đời sống hàng ngày của mình; nổi bật nhất, ông không chỉ làm vì là phải làm bởi sự kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác của riêng mình, mà cũng thường xuyên dâng các của lễ thiêu trước Đức Chúa Trời thay cho các con trai ông. Ông sợ rằng chúng thường “có phạm tội, và trong lòng từ chối Đức Chúa Trời” trong lúc yến tiệc. Sự kính sợ này biểu hiện như thế nào ở Gióp? Văn bản gốc kể câu chuyện sau: “Xảy khi các ngày yến tiệc xong rồi, Gióp sai người đi dọn các con cái mình cho thanh sạch, thức dậy sớm, dâng của lễ thiêu tùy số nó”. Hạnh kiểm của Gióp cho chúng ta thấy rằng, thay vì được biểu hiện ở hành vi bên ngoài, thì sự kính sợ Đức Chúa Trời của ông đến từ trong lòng ông, và rằng sự kính sợ Đức Chúa Trời của ông có thể được tìm thấy trong mọi khía cạnh của đời sống hàng ngày của ông, vào mọi lúc, bởi ông không chỉ lánh khỏi điều ác tự thân ông, mà còn thường dâng của lễ thiêu thay cho các con trai mình. Nói cách khác, Gióp không chỉ vô cùng lo sợ phạm tội chống lại Đức Chúa Trời và từ bỏ Đức Chúa Trời trong lòng ông, mà cũng lo rằng các con trai ông có thể phạm tội chống lại Đức Chúa Trời và từ bỏ Đức Chúa Trời trong lòng chúng. Từ đây có thể thấy rằng sự thật của việc kính sợ Đức Chúa Trời của Gióp vượt qua được sự thẩm xét, và vượt khỏi sự hoài nghi của bất kỳ con người nào. Ông đã làm như thế thi thoảng, hay thường xuyên? Câu cuối của phần này là “Gióp hằng làm như vậy”. Ý nghĩa của những từ này là Gióp đã không đi và nhìn ngó các con trai ông thi thoảng, hay khi ông vui lòng, ông cũng không xưng tội với Đức Chúa Trời thông qua lời cầu nguyện. Thay vào đó, ông thường đi dọn các con mình cho thanh sạch, và dâng của lễ thiêu vì chúng. Từ “hằng” ở đây không có nghĩa là ông làm như thế một hoặc hai ngày, hay chỉ một lúc. Nó nói rằng biểu hiện cho sự kính sợ Đức Chúa Trời của Gióp không phải là nhất thời, và không dừng lại ở kiến thức hay lời nói; thay vào đó, cách kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác đã hướng dẫn lòng ông, nó quyết định hành vi của ông; và trong lòng ông, nó là cội rễ cho sự tồn tại của ông. Việc ông hằng làm như vậy cho thấy rằng, trong lòng ông, ông thường sợ rằng chính ông sẽ phạm tội chống lại Đức Chúa Trời và cũng sợ rằng các con trai và con gái ông sẽ phạm tội chống lại Đức Chúa Trời. Điều này đại diện cho việc lòng ông đặt nặng sự kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác như thế nào. Ông hằng làm như vậy bởi vì, trong lòng ông, ông khiếp đảm và e sợ – e sợ rằng ông đã phạm điều ác và mắc tội chống lại Đức Chúa Trời, và rằng ông đã chệch khỏi đường lối của Đức Chúa Trời và do đó không thể làm vừa lòng Đức Chúa Trời. Đồng thời, ông cũng lo về các con trai và con gái mình, sợ rằng chúng đã xúc phạm Đức Chúa Trời. Như vậy đó là ứng xử thông thường của Gióp trong đời sống hàng ngày của ông.

Chính ứng xử bình thường này là điều chứng minh rằng sự kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác của Gióp không phải là những lời sáo rỗng, rằng Gióp thật sự sống trọn vẹn một hiện thực như vậy. “Gióp hằng làm như vậy”: Những lời này nói với chúng ta về những việc làm hàng ngày của Gióp trước Đức Chúa Trời. Khi ông hằng làm như vậy, liệu hành xử của ông và lòng ông có đến được trước Đức Chúa Trời không? Nói cách khác, Đức Chúa Trời có thường hài lòng với tấm lòng và hành xử của ông không? Như vậy thì trong tình trạng nào, và trong bối cảnh nào mà Gióp hằng làm như vậy? Một số người nói rằng: “Đó là vì Đức Chúa Trời thường hiện ra với Gióp nên ông đã hành động như vậy”. Một số người nói rằng: “Ông hằng làm như vậy bởi vì ông có ý muốn lánh khỏi điều ác”. Và một số người nói rằng: “Có lẽ ông nghĩ vận may của mình không đến dễ dàng, và ông đã biết rằng nó được Đức Chúa Trời ban cho ông, và do đó ông vô cùng sợ đánh mất của cải của mình do bởi việc phạm tội chống lại hay xúc phạm Đức Chúa Trời”. Có bất kỳ lời tuyên bố nào trong số này là thật không? Rõ ràng là không. Bởi vì, trong mắt Đức Chúa Trời, điều Đức Chúa Trời đã chấp nhận và yêu mến nhất ở Gióp không phải chỉ vì ông hằng làm như vậy, mà hơn thế, đó là ứng xử của ông trước Đức Chúa Trời, trước con người, và trước Sa-tan khi ông bị trao cho Sa-tan và bị cám dỗ. Những phần bên dưới cung cấp bằng chứng thuyết phục nhất, bằng chứng cho chúng ta thấy sự thật trong sự đánh giá của Đức Chúa Trời về Gióp. Tiếp theo, chúng ta hãy đọc các đoạn sau của Kinh Thánh.

## **2. Sa-tan cám dỗ Gióp lần đầu (gia súc của ông bị trộm và tai họa xảy đến với các con ông)**

### **a. Những lời Đức Chúa Trời phán**

Gióp 1:8 Đức Giê-hô-va lại hỏi Sa-tan rằng: Người có nhìn thấy Gióp, tôi tớ của ta chẳng; nơi thế gian chẳng có người nào giống như nó, vốn trọn vẹn và ngay thẳng, kính sợ Đức Chúa Trời, và lánh khỏi điều ác?

Gióp 1:12 Đức Giê-hô-va phán với Sa-tan rằng: Này, các vật người có đều phó trong tay người; nhưng chớ tra tay vào mình nó. Sa-tan bèn lui ra khỏi mặt Đức Giê-hô-va.

### **b. Lời đáp của Sa-tan**

Gióp 1:9-11 Sa-tan thưa với Đức Giê-hô-va rằng: Gióp há kính sợ Đức Chúa Trời luống công sao? Chúa há chẳng dựng hàng rào binh vực ở bốn phía người, nhà người, và mọi vật thuộc về người sao? Chúa đã ban phước cho công việc của tay người và làm cho của cải người thêm nhiều trên đất. Nhưng bây giờ hãy giơ tay Chúa ra, đụng đến hại các vật người có, ắt là người sẽ phỉ báng Chúa trước mặt.

## **Đức Chúa Trời cho phép Sa-tan cám dỗ Gióp để đức tin của Gióp sẽ được làm cho hoàn thiện**

Gióp 1:8 là bản ghi đầu tiên mà chúng ta thấy trong Kinh Thánh về một cuộc trao đổi giữa Giê-hô-va Đức Chúa Trời và Sa-tan. Như vậy, Đức Chúa Trời đã nói gì? Văn bản



gốc kể câu chuyện sau: “Đức Giê-hô-va lại hỏi Sa-tan rằng: Người có nhìn thấy Gióp, tôi tớ của ta chẳng; nơi thế gian chẳng có người nào giống như nó, vốn trọn vẹn và ngay thẳng, kính sợ Đức Chúa Trời, và lánh khỏi điều ác?”. Đây là đánh giá của Đức Chúa Trời về Gióp trước Sa-tan; Đức Chúa Trời nói rằng ông là một người trọn vẹn và ngay thẳng, kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Trước những lời này giữa Đức Chúa Trời và Sa-tan, Đức Chúa Trời đã quyết rằng Ngài sẽ dùng Sa-tan để cám dỗ Gióp – rằng Ngài sẽ trao Gióp cho Sa-tan. Ở một phương diện, điều này sẽ chứng minh rằng sự quan sát và đánh giá về Gióp là chính xác và không sai, và sẽ khiến Sa-tan hổ thẹn thông qua chứng ngôn của Gióp; ở một phương diện khác, nó sẽ làm cho hoàn thiện đức tin nơi Đức Chúa Trời và sự kính sợ Đức Chúa Trời của Gióp. Do đó, khi Sa-tan đến trước Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời đã chẳng lập lời. Ngài đi thẳng vào vấn đề và hỏi Sa-tan: “Người có nhìn thấy Gióp, tôi tớ của ta chẳng; nơi thế gian chẳng có người nào giống như nó, vốn trọn vẹn và ngay thẳng, kính sợ Đức Chúa Trời, và lánh khỏi điều ác?”. Trong câu hỏi của Đức Chúa Trời có ý nghĩa sau: Đức Chúa Trời biết rằng Sa-tan đã lang thang khắp nơi và thường rình rập Gióp, tôi tớ của Đức Chúa Trời. Hắn thường cám dỗ và tấn công Gióp, cố tìm cách làm hư hoại ông nhằm chứng minh rằng đức tin nơi Đức Chúa Trời và sự kính sợ Đức Chúa Trời của ông không thể kiên vững. Sa-tan cũng sẵn sàng tìm cơ hội để quấy phá Gióp, để Gióp có thể từ bỏ Đức Chúa Trời, và để hắn có thể chiếm đoạt ông từ tay Đức Chúa Trời. Tuy nhiên Đức Chúa Trời đã nhìn vào lòng Gióp và thấy rằng ông trọn vẹn và ngay thẳng, và rằng ông kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Đức Chúa Trời đã dùng một câu hỏi để nói với Sa-tan rằng Gióp là một người trọn vẹn và ngay thẳng, kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác, rằng Gióp sẽ không bao giờ từ bỏ Đức Chúa Trời và theo Sa-tan. Khi đã nghe lời khen ngợi của Đức Chúa Trời với Gióp, trong Sa-tan nổi lên một cơn giận bởi sự nhục nhã, và Sa-tan đã trở nên giận dữ hơn và càng nôn nóng giành lấy Gióp, bởi Sa-tan không bao giờ tin rằng ai đó có thể trọn vẹn và ngay thẳng, hoặc họ có thể kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Đồng thời, Sa-tan cũng ghét sự trọn vẹn và ngay thẳng ở con người, và ghét những người có thể kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Do đó Gióp 1:9-11 viết rằng: “Sa-tan thưa với Đức Giê-hô-va rằng: Gióp há kính sợ Đức Chúa Trời luống công sao? Chúa há chẳng dựng hàng rào binh vực ở bốn phía người, nhà người, và mọi vật thuộc về người sao? Chúa đã ban phước cho công việc của tay người và làm cho của cải người thêm nhiều trên đất. Nhưng bây giờ hãy giơ tay Chúa ra, đụng đến hại các vật người có, ắt là người sẽ phỉ báng Chúa trước mặt”. Đức Chúa Trời đã quá quen với bản tính hiểm độc của Sa-tan, và đã biết quá rõ rằng Sa-tan từ lâu đã lên kế hoạch làm hư hoại Gióp, và như vậy ở đây Đức Chúa Trời mong muốn rằng, thông qua việc nói với Sa-tan một lần nữa rằng Gióp trọn vẹn và ngay thẳng, rằng ông kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác, để khiến Sa-tan phải hợp tác, để khiến Sa-tan phải phơi bày bộ mặt thật của hắn và tấn công, cám dỗ Gióp. Nói cách khác, Đức Chúa Trời chủ ý nhấn mạnh rằng Gióp trọn vẹn và ngay thẳng, rằng ông kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác, và bằng phương tiện này, Ngài khiến Sa-tan tấn

công Gióp bởi lòng căm ghét và giận dữ của Sa-tan đối với việc Gióp là người trọn vẹn và ngay thẳng như thế nào, một người kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Kết quả là, Đức Chúa Trời sẽ khiến Sa-tan hổ thẹn thông qua thực tế rằng Gióp là người trọn vẹn và ngay thẳng, một người kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác, và Sa-tan sẽ hổ thẹn và bị đánh bại hoàn toàn. Sau đó, Sa-tan sẽ không còn hồ nghi hay cáo buộc sự trọn vẹn, ngay thẳng, kính sợ Đức Chúa Trời, hay lánh khỏi điều ác của Gióp. Theo cách này, sự thử luyện của Đức Chúa Trời và cám dỗ của Sa-tan là hầu như không thể tránh khỏi. Người duy nhất có thể chịu được thử thách của Đức Chúa Trời và cám dỗ của Sa-tan là Gióp. Sau cuộc trao đổi này, Sa-tan được cho phép cám dỗ Gióp. Như thế Sa-tan bắt đầu vòng tấn công đầu tiên của hắn. Mục tiêu của những cuộc tấn công này là của cải của Gióp, bởi Sa-tan đã cáo buộc Gióp như thế này: “Gióp há kính sợ Đức Chúa Trời luống công sao? ... Chúa đã ban phước cho công việc của tay người và làm cho của cải người thêm nhiều trên đất”. Kết quả là, Đức Chúa Trời cho phép Sa-tan lấy tất cả những gì Gióp có – đây là mục đích duy nhất cho lý do tại sao Đức Chúa Trời nói chuyện với Sa-tan. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời đưa ra một yêu cầu với Sa-tan: “Này, các vật người có đều phó trong tay người; nhưng chớ tra tay vào mình nó” (Gióp 1:12). Đây là điều kiện mà Đức Chúa Trời đã đưa ra sau khi Ngài cho phép Sa-tan cám dỗ Gióp và để Gióp vào tay Sa-tan, và đây là giới hạn mà Ngài đặt ra với Sa-tan: Ngài lệnh rằng Sa-tan không được làm hại Gióp. Bởi vì Đức Chúa Trời nhận thấy rằng Gióp là người trọn vẹn và ngay thẳng, và bởi Ngài có niềm tin rằng sự trọn vẹn và ngay thẳng của Gióp trước Ngài là không chút nghi ngại và có thể được kiểm chứng, do đó Đức Chúa Trời đã cho phép Sa-tan cám dỗ Gióp, nhưng áp đặt một giới hạn lên Sa-tan: Sa-tan được phép lấy hết của cải của Gióp, nhưng hắn không thể đặt dù một ngón tay lên ông. Điều này nghĩa là gì? Nghĩa là Đức Chúa Trời đã không hoàn toàn giao Gióp cho Sa-tan vào khoảnh khắc đó. Sa-tan có thể cám dỗ Gióp bằng bất cứ phương tiện nào hắn muốn, nhưng hắn không thể làm hại chính Gióp – dù chỉ một sợi tóc trên đầu ông – bởi vì mọi thứ của con người được kiểm soát bởi Đức Chúa Trời, và bởi con người sống hay chết là do Đức Chúa Trời định đoạt. Sa-tan không được phép làm điều này. Sau khi Đức Chúa Trời đã nói những lời này với Sa-tan, Sa-tan không thể chờ đợi để bắt tay vào việc. Hắn dùng mọi phương tiện để cám dỗ Gióp, và không lâu sau đó Gióp đã mất hết vô số chiên và bò cùng toàn bộ của cải mà Đức Chúa Trời đã ban cho ông... Như vậy thử luyện của Đức Chúa Trời đã đến với ông.

Mặc dù Kinh Thánh nói với chúng ta về nguồn gốc sự cám dỗ của Gióp, nhưng bản thân Gióp, người đã chịu những sự cám dỗ này, có nhận biết điều gì đang xảy ra không? Gióp chỉ là một người phàm; dĩ nhiên ông không biết gì về câu chuyện đang bày ra quanh ông. Tuy nhiên, sự kính sợ Đức Chúa Trời và sự trọn vẹn, ngay thẳng của ông khiến ông nhận ra rằng những thử luyện của Đức Chúa Trời đã đến trên ông. Ông không biết điều gì đã xảy ra trong cõi thuộc linh, cũng không biết những ý định của Đức Chúa Trời đằng sau những thử luyện này. Nhưng ông có biết rằng bất kể điều gì xảy ra với ông, ông cũng nên giữ vững sự trọn vẹn và ngay thẳng của mình, và nên tuân giữ cách

kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Thái độ và phản ứng của Gióp với những vấn đề này được Đức Chúa Trời thấy rõ. Đức Chúa Trời đã thấy gì? Ngài đã thấy lòng kính sợ Đức Chúa Trời của Gióp, bởi từ đầu cho đến tận khi Gióp bị thử luyện, lòng Gióp vẫn cởi mở với Đức Chúa Trời, nó được bày ra trước Đức Chúa Trời, và Gióp đã không từ bỏ sự trọn vẹn và ngay thẳng của mình, ông cũng không vứt bỏ hay quay lưng với cách kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác – không gì làm Đức Chúa Trời hài lòng cho bằng điều này. Tiếp theo, chúng ta sẽ xem Gióp đã trải qua những sự cám dỗ nào, và ông đã đối phó với những thử luyện này như thế nào. Chúng ta hãy đọc từ Kinh Thánh.

### **c. Phản ứng của Gióp**

Gióp 1:20-21 Gióp bèn chỗi dậy, xé áo mình, và cạo đầu, đoạn xấp mình xuống đất mà thờ lạy, và nói rằng: Tôi trần truồng lọt khỏi lòng mẹ, và tôi cũng sẽ trần truồng mà về; Đức Giê-hô-va đã ban cho, Đức Giê-hô-va lại cất đi; đáng ngợi khen danh Đức Giê-hô-va!

### **Việc Gióp chấp nhận trả lại tất cả những gì ông sở hữu phát xuất từ sự kính sợ Đức Chúa Trời của ông**

Sau khi Đức Chúa Trời nói với Sa-tan: “Này, các vật người có đều phó trong tay người; nhưng chớ tra tay vào mình nó”, Sa-tan đã rời đi và không lâu sau đó Gióp phải chịu những vụ tấn công bất chợt và ác liệt: Đầu tiên, bò và lừa của ông bị cướp đoạt và một số tôi tớ của ông bị giết; tiếp theo, chiên của ông và thêm một số tôi tớ nữa bị lửa thiêu; sau đó, lạc đà của ông bị lấy đi và thậm chí càng thêm nhiều tôi tớ bị sát hại; cuối cùng, mạng các con trai và con gái ông cũng bị lấy mất. Chuỗi tấn công này là sự hành hạ mà Gióp phải chịu trong lần cám dỗ đầu. Như Đức Chúa Trời đã lệnh, trong những cuộc tấn công này, Sa-tan chỉ nhắm đến của cải và các con của Gióp, và không làm hại đến bản thân Gióp. Dẫu vậy, Gióp trong thoáng chốc từ một người giàu có sở hữu rất nhiều của cải đã bị biến thành một người chẳng có gì cả. Không ai có thể chịu được cú đánh bất ngờ kinh hoàng này hay phản ứng đúng cách với nó, ấy thế mà Gióp đã chứng tỏ phương diện phi thường của ông. Kinh Thánh kể câu chuyện sau: “Gióp bèn chỗi dậy, xé áo mình, và cạo đầu, đoạn xấp mình xuống đất mà thờ lạy”. Đây là phản ứng đầu tiên của Gióp sau khi nghe rằng ông đã mất các con và tất cả của cải. Hơn hết, ông đã không tỏ ra bất ngờ, hay hoảng lên, càng không thể hiện sự giận dữ hay căm ghét. Như vậy, các người thấy rằng trong lòng ông, ông đã nhận ra những thảm họa này không phải là một tai nạn, hay phát xuất từ tay con người, chúng càng không đến từ sự báo ứng hay trừng phạt. Thay vào đó, những thử luyện của Đức Giê-hô-va đã đến trên ông; chính Đức Giê-hô-va là Đấng muốn lấy đi của cải và các con ông. Gióp đã rất điềm tĩnh và minh mẫn khi ấy. Nhân tính trọn vẹn và ngay thẳng của ông đã cho phép ông đưa ra những sự phán đoán và quyết định chính xác một cách hợp lý và tự nhiên về những thảm họa đã xảy đến trên ông, và kết quả là, ông đã hành xử với sự điềm tĩnh lạ thường: “Gióp bèn chỗi dậy, xé áo mình, và cạo đầu, đoạn xấp mình xuống đất mà thờ

lay”. “Xé áo mình” có nghĩa là ông không mặc gì, và không sở hữu gì; “cạo đầu” nghĩa là ông đã quay lại trước Đức Chúa Trời như một đứa trẻ sơ sinh; “xấp mình xuống đất mà thờ lạy” nghĩa là ông đã đến thế gian này trần truồng, và vẫn không có bất cứ thứ gì hôm nay, ông trở về với Đức Chúa Trời như một đứa bé sơ sinh. Thái độ của Gióp đối với tất cả những gì xảy đến với ông là điều không tạo vật nào của Đức Chúa Trời có thể đạt được. Đức tin của ông nơi Đức Giê-hô-va đã vượt khỏi lĩnh vực của niềm tin; đây là sự kính sợ Đức Chúa Trời, sự vâng phục Đức Chúa Trời của ông; ông không chỉ có thể tạ ơn Đức Chúa Trời vì đã ban cho ông, mà còn vì đã lấy đi từ ông. Hơn nữa, ông có thể chủ động chấp nhận trả lại cho Đức Chúa Trời tất cả những gì ông sở hữu, bao gồm cả sự sống của ông.

Sự kính sợ và vâng phục Đức Chúa Trời của Gióp là một tấm gương cho nhân loại, và sự trọn vẹn, ngay thẳng của ông là đỉnh cao của nhân tính mà con người phải sở hữu. Mặc dù không nhìn thấy Đức Chúa Trời, ông đã nhận ra rằng Đức Chúa Trời thật sự hiện hữu, và bởi sự nhận biết này mà ông kính sợ Đức Chúa Trời, và bởi sự kính sợ Đức Chúa Trời, ông có thể vâng phục Đức Chúa Trời. Ông đã cho Đức Chúa Trời toàn quyền lấy bất cứ thứ gì ông có, ấy thế mà ông vẫn không than oán, và sấp mình trước Đức Chúa Trời mà nói với Ngài rằng, vào chính khoảnh khắc này, ngay cả khi Đức Chúa Trời lấy đi xác thịt ông, ông cũng sẽ vui vẻ để cho Ngài làm như thế mà không than oán. Toàn bộ ứng xử này là bởi nhân tính trọn vẹn và ngay thẳng của ông. Nói thế nghĩa là, như một kết quả của sự vô tội, trung thực và tử tế của ông, Gióp không lung lay trong sự nhận biết và trải nghiệm của ông về sự hiện hữu của Đức Chúa Trời. Trên nền tảng này, ông đã đặt ra những yêu cầu cho chính mình và tiêu chuẩn hóa suy nghĩ, hành vi, ứng xử và những nguyên tắc hành động của mình trước Đức Chúa Trời theo sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời với ông và những việc làm của Đức Chúa Trời mà ông đã thấy giữa muôn vật. Theo thời gian, những trải nghiệm của ông đã tạo nên bên trong ông một sự kính sợ thật và thực tế với Đức Chúa Trời và khiến ông lánh khỏi điều ác. Đây là nguồn gốc sự chính trực mà Gióp giữ vững. Gióp sở hữu một nhân tính thật thà, vô tội, và tử tế, và ông đã có trải nghiệm thật về việc kính sợ Đức Chúa Trời, vâng phục Đức Chúa Trời, và lánh khỏi điều ác, cũng như sự hiểu biết rằng “Đức Giê-hô-va đã ban cho, Đức Giê-hô-va lại cất đi”. Chỉ bởi những điều này mà ông có thể kiên vững với chứng ngôn của mình giữa những sự tấn công gian ác như thế từ Sa-tan, và chỉ bởi chúng mà ông có thể không làm Đức Chúa Trời thất vọng và đưa ra câu trả lời thỏa đáng với Đức Chúa Trời khi những thử luyện của Đức Chúa Trời đến trên ông. Mặc dù ứng xử của Gióp trong lần cám dỗ đầu tiên này là rất thẳng thắn, các thế hệ sau không chắc đạt được sự thẳng thắn đó thậm chí sau cả đời nỗ lực, họ cũng không hẳn sở hữu được ứng xử của Gióp như được miêu tả bên trên. Ngày nay, đối diện với ứng xử ngay thẳng của Gióp, và so sánh nó với những lời kêu gào và sự quyết tâm “tuyệt đối vâng phục và trung thành cho đến chết” được phô ra cho Đức Chúa Trời bởi những người tuyên bố tin Đức Chúa Trời và theo Đức Chúa Trời, các người có cảm thấy vô cùng hổ thẹn hay không?

Khi người đọc trong Kinh Thánh về tất cả những gì Gióp và gia đình ông đã phải chịu, phản ứng của người là gì? Người có chìm trong suy nghĩ không? Người có kinh ngạc không? Liệu những thử luyện đã xảy đến với Gióp có thể được miêu tả là “khủng khiếp” không? Nói cách khác, đọc những thử luyện của Gióp được miêu tả trong Kinh Thánh cũng đã đủ khiếp đảm, hướng chi chúng hấn đã như thế nào trong đời thực. Như vậy, các người thấy rằng những gì đã xảy đến với Gióp không phải là một “sự diễn tập”, mà là một “trận chiến” thật sự, với “súng” và “đạn” thật. Nhưng bởi tay ai mà ông đã chịu những thử luyện này? Dĩ nhiên, chúng là hoạt động của Sa-tan, và Sa-tan đã làm những điều này bởi chính tay hấn. Dù vậy, những điều này được Đức Chúa Trời cho phép. Đức Chúa Trời có nói với Sa-tan dùng phương tiện gì để cám dỗ Gióp không? Ngài không nói. Đức Chúa Trời chỉ đưa ra một điều kiện mà Sa-tan phải tuân theo, và sau đó sự cám dỗ đến trên Gióp. Khi sự cám dỗ đến trên Gióp, nó cho con người một cảm nhận về sự tà ác và xấu xa của Sa-tan, về sự hiểm độc và căm ghét của hấn đối với con người, và sự thù địch của hấn với Đức Chúa Trời. Ở đây chúng ta thấy rằng không thể dùng lời để diễn tả sự cám dỗ này độc ác như thế nào. Có thể nói rằng bản tính hiểm độc mà Sa-tan dùng để hành hạ con người, và bộ mặt xấu xa của hấn, đã hoàn toàn bị phơi bày vào khoảnh khắc này. Sa-tan đã dùng cơ hội này, cơ hội bởi sự cho phép của Đức Chúa Trời, để bắt Gióp chịu hành hạ dữ dội và tàn nhẫn, phương pháp và mức độ tàn độc vừa không thể tưởng tượng được, vừa hoàn toàn không thể chịu được đối với con người ngày nay. Thay vì nói rằng Gióp bị Sa-tan cám dỗ, và rằng ông đã kiên vững với chứng ngôn của mình trong sự cám dỗ này, tốt hơn nên nói rằng trong những thử luyện mà Đức Chúa Trời đặt ra cho Gióp, ông đã dẫn mình vào một trận đấu với Sa-tan để bảo vệ sự trọn vẹn và ngay thẳng của mình, và để bảo vệ con đường kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Trong trận đấu này, Gióp đã mất đi vô số chiên và gia súc, ông đã mất hết của cải, và ông đã mất các con trai con gái của mình. Tuy nhiên, ông đã không từ bỏ sự trọn vẹn, ngay thẳng, hay sự kính sợ Đức Chúa Trời của mình. Nói cách khác, trong trận đấu này với Sa-tan, Gióp thà bị tước mất của cải và con cái của ông hơn là mất đi sự trọn vẹn, ngay thẳng và kính sợ Đức Chúa Trời của mình. Ông thà giữ lấy gốc rễ ý nghĩa của việc làm người. Kinh Thánh kể lại một câu chuyện súc tích về toàn bộ quá trình Gióp mất đi của cải của ông, và cũng ghi chép về ứng xử và thái độ của Gióp. Câu chuyện ngắn gọn, súc tích này mang đến cảm giác rằng Gióp gần như thoải mái khi đối mặt với sự cám dỗ này, nhưng nếu những gì thật sự đã xảy ra được tái hiện – cũng xét đến thực tế bản tính hiểm độc của Sa-tan – thì sự việc sẽ không đơn giản hay dễ dàng như được miêu tả trong những câu này. Hiện thực đã tàn nhẫn hơn rất nhiều. Đó là mức độ tàn phá và căm ghét mà Sa-tan đối xử với nhân loại và tất cả những ai được Đức Chúa Trời chấp thuận. Nếu Đức Chúa Trời không bảo Sa-tan không làm hại Gióp, Sa-tan hấn đã giết ông mà không chút thương tiếc. Sa-tan không muốn bất kỳ ai thờ phượng Đức Chúa Trời, hấn cũng không muốn những người công chính trong mắt Đức Chúa Trời và những người trọn vẹn, ngay thẳng có thể tiếp tục kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Đối với con người, kính sợ Đức Chúa Trời

và lánh khỏi điều ác nghĩa là họ lánh khỏi và từ bỏ Sa-tan, và như thế Sa-tan đã lợi dụng sự cho phép của Đức Chúa Trời để tuân xả sự tức giận và căm ghét của hắn với Gióp không chút thương xót. Như vậy, các người thấy sự hành hạ mà Gióp đã phải chịu to lớn như thế nào, từ tinh thần cho đến xác thịt, từ ngoài vào trong. Ngày nay, chúng ta không thấy những điều đó vào thời ấy như thế nào, và từ những câu chuyện trong Kinh Thánh, chúng ta chỉ có thể có được cái nhìn thoáng qua về những cảm xúc của Gióp khi ông chịu sự hành hạ vào lúc ấy.

### **Sự chính trực không lay chuyển của Gióp khiến Sa-tan hổ thẹn và khiến hắn tháo chạy trong hoảng loạn**

Như vậy, Đức Chúa Trời đã làm gì khi Gióp chịu sự hành hạ này? Đức Chúa Trời đã quan sát, theo dõi, và chờ đợi kết quả. Khi Đức Chúa Trời quan sát và theo dõi, Ngài đã cảm thấy thế nào? Dĩ nhiên, Ngài cảm thấy âu sầu. Nhưng có thể nào Đức Chúa Trời hối tiếc vì đã cho phép Sa-tan cám dỗ Gióp chỉ vì sự âu sầu mà Ngài cảm nhận không? Câu trả lời là không, Ngài không thể cảm thấy sự hối tiếc như thế. Bởi Ngài vững tin rằng Gióp trọn vẹn và ngay thẳng, rằng ông kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Đức Chúa Trời đã đơn thuần cho Sa-tan cơ hội xác minh sự công chính của Gióp trước Đức Chúa Trời, và phơi bày sự gian ác, tính bần tiện của chính hắn. Hơn nữa, đó là cơ hội để Gióp chứng thực cho sự công chính của ông, cho sự kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác của ông trước mọi người trên thế gian, trước Sa-tan, và thậm chí trước hết thảy những ai theo Đức Chúa Trời. Kết quả sau cùng có chứng tỏ rằng sự đánh giá của Đức Chúa Trời về Gióp là đúng và không sai lầm hay không? Gióp có thật sự vượt qua được Sa-tan không? Ở đây chúng ta đọc được những lời trọn vẹn mà Gióp đã nói, những lời là bằng chứng rằng ông đã chiến thắng Sa-tan. Ông đã nói: “Tôi trần truồng lọt khỏi lòng mẹ, và tôi cũng sẽ trần truồng mà về”. Đây là thái độ vâng phục của Gióp đối với Đức Chúa Trời. Tiếp theo, ông nói: “Đức Giê-hô-va đã ban cho, Đức Giê-hô-va lại cất đi; đáng ngợi khen danh Đức Giê-hô-va!”. Những lời nói ra bởi Gióp chứng tỏ rằng Đức Chúa Trời quan sát bề sâu của lòng người, rằng Ngài có thể nhìn thấu tâm trí con người, và chúng chứng tỏ rằng sự chấp thuận của Ngài với Gióp là không sai, rằng người đã được Đức Chúa Trời chấp thuận này là công chính. “Đức Giê-hô-va đã ban cho, Đức Giê-hô-va lại cất đi; đáng ngợi khen danh Đức Giê-hô-va!”. Những lời này là chứng ngôn của Gióp với Đức Chúa Trời. Chính những lời bình thường này của Gióp đã khiến Sa-tan sợ hãi, mang đến cho hắn sự hổ thẹn và khiến hắn tháo chạy trong hoảng loạn, và hơn nữa, đã cùm chặt Sa-tan và khiến hắn không cách xoay sở. Vì vậy, những lời này cũng đã khiến Sa-tan cảm thấy sự phi thường và sức mạnh từ những việc làm của Giê-hô-va Đức Chúa Trời, và cho phép hắn nhận thấy được uy tín phi thường của người có tấm lòng được thống trị bởi đường lối của Đức Chúa Trời. Hơn nữa, chúng minh chứng với Sa-tan sức sống mãnh liệt được thể hiện bởi một con người nhỏ bé và tầm thường trong việc bám sát đường lối kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Sa-tan vì lẽ ấy đã bị đánh bại ở trận đấu đầu tiên. Bất

chấp đã “học được bài học từ đây”, Sa-tan cũng không có ý định buông tha Gióp, cũng không có sự thay đổi nào trong bản tính hiểm độc của hắn. Sa-tan đã cố tiếp tục tấn công Gióp, và do đó một lần nữa đến trước Đức Chúa Trời...

Tiếp theo, chúng ta đọc từ Kinh thánh về lần thứ hai Gióp bị cám dỗ.

### **3. Sa-tan một lần nữa cám dỗ Gióp (những ung độc xuất hiện khắp người Gióp)**

#### **a. Những lời Đức Chúa Trời phán**

Gióp 2:3 Đức Giê-hô-va lại phán hỏi Sa-tan rằng: Ngươi có nhìn thấy Gióp, tôi tớ ta chăng? Trên đất chẳng có ai giống như ngươi, vốn trọn vẹn và ngay thẳng, kính sợ Đức Chúa Trời, và lánh khỏi điều ác; lại người bền đỗ trong sự hoàn toàn mình, mặc dầu ngươi có giục ta phá hủy người vô cớ.

Gióp 2:6 Đức Giê-hô-va phán với Sa-tan rằng: Kìa, người ở trong tay ngươi; nhưng chỉ hãy giữ mạng sống người.

#### **b. Những lời Sa-tan nói**

Gióp 2:4-5 Sa-tan thưa lại với Đức Giê-hô-va rằng: Lấy da đền da, phạm vật chi một người có, tất sẽ trao thế cho mạng sống mình. Nhưng bây giờ xin Chúa hãy giơ tay ra, đụng đến hại xương thịt người, ắt là người sẽ phỉ báng Chúa trước mặt.

#### **c. Gióp đối phó thế nào với sự thử luyện**

Gióp 2:9-10 Vợ Gióp nói với người rằng: Ủa? Ông hãy còn bền đỗ trong sự hoàn toàn mình sao? Hãy phỉ báng Đức Chúa Trời, và chết đi! Người đáp lại rằng: Ngươi nói như một người đồn bà ngu muội. Ủa sao! Sự phước mà tay Đức Chúa Trời ban cho chúng ta, chúng ta lãnh lấy, còn sự tai họa mà tay Ngài giáng trên chúng ta, lại chẳng lãnh lấy sao? Trong mọi việc đó, Gióp không phạm tội bởi môi miệng mình.

Gióp 3:3-4 Ngày ta đã sanh ra, khá hư mất đi; Còn đêm đã nói rằng: Có được thai dựng một con trai, hãy tiêu diệt đi! Nguyên ngày ấy bị ra tắm tối! Nguyên Đức Chúa Trời từ trên cao chớ thêm kẻ đến, và ánh sáng đừng chiếu trên nó!

### **Tình yêu của Gióp đối với đường lối của Đức Chúa Trời vượt hơn mọi sự**

Kinh Thánh ghi chép những lời được nói giữa Đức Chúa Trời và Sa-tan như sau: “Đức Giê-hô-va lại phán hỏi Sa-tan rằng: Ngươi có nhìn thấy Gióp, tôi tớ ta chăng? Trên đất chẳng có ai giống như ngươi, vốn trọn vẹn và ngay thẳng, kính sợ Đức Chúa Trời, và lánh khỏi điều ác; lại người bền đỗ trong sự hoàn toàn mình, mặc dầu ngươi có giục ta phá hủy người vô cớ” (Gióp 2:3). Trong cuộc trao đổi này, Đức Chúa Trời lặp lại cùng một câu hỏi với Sa-tan. Đó là một câu hỏi cho chúng ta thấy sự đánh giá xác quyết của Đức Chúa Trời về những gì Gióp đã minh chứng và sống bày tỏ ra trong sự thử luyện đầu tiên, và nó không khác với sự đánh giá của Đức Chúa Trời về Gióp trước khi ông trải qua sự cám dỗ của Sa-tan. Nói vậy nghĩa là, trước khi sự cám dỗ đến trên ông, trong mắt Đức Chúa Trời, Gióp là trọn vẹn, và vì lẽ ấy Đức Chúa Trời bảo vệ ông và gia

đình ông, và ban phúc lành cho ông; ông đáng được ban phúc lành trong mắt Đức Chúa Trời. Sau sự cám dỗ, Gióp đã không phạm tội bởi môi miệng mình vì bị mất của cải và các con, mà tiếp tục ngợi khen danh Đức Giê-hô-va. Hạnh kiểm thật của ông đã khiến Đức Chúa Trời khen ngợi ông, và bởi thế, Đức Chúa Trời đã chấm điểm tuyệt đối cho ông. Bởi trong mắt Gióp, con cái hay tài sản của ông không đủ để khiến ông từ bỏ Đức Chúa Trời. Nói cách khác, vị trí của Đức Chúa Trời trong lòng ông không thể bị thay thế bởi các con ông hay bất kỳ món tài sản nào. Trong sự cám dỗ đầu tiên của Gióp, ông đã cho Đức Chúa Trời thấy rằng tình yêu của ông dành cho Ngài và tình yêu của ông đối với con đường kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác vượt hơn mọi thứ khác. Đơn thuần là thử luyện này đã cho Gióp trải nghiệm về việc nhận một phần thưởng từ Giê-hô-va Đức Chúa Trời và để Ngài lấy đi của cải, con cái của ông.

Đối với Gióp, đây là một trải nghiệm thật đã rửa sạch tâm hồn ông; đó là phép báp-têm của sự sống đã làm thành toàn sự tồn tại của ông, và hơn nữa, đó là một bữa yến tiệc xa hoa để kiểm chứng sự vâng phục và kính sợ của ông với Đức Chúa Trời. Sự cám dỗ này đã biến đổi vị trí của Gióp từ một người giàu sang thành một kẻ chẳng có gì, và nó cũng cho phép ông trải nghiệm sự ngược đãi của Sa-tan đối với nhân loại. Cảnh cơ cực của ông đã không khiến ông ghê tởm Sa-tan; mà đúng hơn, trong những hành động đê hèn của Sa-tan, ông đã thấy sự xấu xa và bần tiện của Sa-tan, cũng như sự thù địch và phản nghịch của Sa-tan đối với Đức Chúa Trời, và điều này càng thúc đẩy ông mãi kiên vững với con đường kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Ông đã thề rằng sẽ không bao giờ từ bỏ Đức Chúa Trời và quay lưng với con đường của Đức Chúa Trời bởi những yếu tố bên ngoài như của cải, con cái hay người thân, ông cũng không bao giờ làm nô lệ cho Sa-tan, cho của cải, hay cho bất kỳ người nào; ngoại trừ Giê-hô-va Đức Chúa Trời, không ai có thể là Chúa hay Đức Chúa Trời của ông. Đó là những nguyện vọng của Gióp. Mặt khác, Gióp cũng đã đạt được một điều từ sự cám dỗ này: Ông đã có được những của cải tuyệt vời giữa những thử luyện mà Đức Chúa Trời ban cho ông.

Trong vài thập kỷ đã qua của cuộc đời Gióp, ông đã thấy những việc làm của Đức Giê-hô-va và đã được Giê-hô-va Đức Chúa Trời ban phúc lành cho ông. Chúng là những phúc lành khiến ông cảm thấy cực kỳ bứt rứt và mắc nợ, bởi ông tin rằng mình chưa làm bất cứ điều gì cho Đức Chúa Trời, ấy thế mà lại được hưởng những phúc lành to lớn như vậy và đã được rất nhiều ân điển. Vì lý do này, ông thường cầu nguyện trong lòng mình, hy vọng rằng ông sẽ có thể đền đáp Đức Chúa Trời, hy vọng rằng ông sẽ có cơ hội làm chứng cho những việc làm và sự vĩ đại của Đức Chúa Trời, và hy vọng rằng Đức Chúa Trời sẽ kiểm chứng sự vâng phục của ông, và hơn nữa, rằng đức tin của ông có thể được làm cho tinh sạch, cho đến khi sự vâng phục và đức tin của ông đạt được sự chấp thuận của Đức Chúa Trời. Sau đó, khi sự thử luyện đến trên Gióp, ông tin rằng Đức Chúa Trời đã nghe những lời cầu xin của ông. Gióp trân quý cơ hội này hơn bất cứ thứ gì khác, và do đó ông đã chẳng dám coi nhẹ nó, bởi ước muốn vĩ đại cả đời của ông đã có thể được thực hiện. Cơ hội này đến có nghĩa là sự vâng phục và kính sợ Đức



Chúa Trời của ông có thể được kiểm chứng, và cũng có thể được làm cho tinh sạch. Hơn nữa, nó có nghĩa là Gióp đã có cơ hội đạt được sự chấp thuận của Đức Chúa Trời, bởi đó đưa ông đến gần Đức Chúa Trời hơn. Trong sự thử luyện, đức tin và sự theo đuổi ấy cho phép ông trở nên hoàn thiện hơn, và đạt được sự hiểu biết to lớn hơn về ý muốn của Đức Chúa Trời. Gióp cũng trở nên biết ơn hơn vì những phúc lành và ân điển của Đức Chúa Trời, trong lòng ông càng hết lời ngợi khen những việc làm của Đức Chúa Trời, và ông kính sợ, tôn kính Đức Chúa Trời hơn, và khao khát sự đáng mến, vĩ đại và thánh khiết của Đức Chúa Trời hơn nữa. Vào lúc này, mặc dù Gióp vẫn là người kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác trong mắt Đức Chúa Trời, nhưng cùng với những trải nghiệm của Gióp, thì đức tin và kiến thức của ông đã tiến bộ rất nhanh: đức tin của ông đã tăng, sự vâng phục của ông đã đạt được vị trí chắc chắn, và sự kính sợ của ông với Đức Chúa Trời đã trở nên sâu sắc hơn. Mặc dù thử luyện này đã làm biến đổi linh hồn và sự sống của Gióp, nhưng một sự biến đổi như thế không làm Gióp mất nguyện, cũng không làm chậm quá trình tiến tới của ông. Đồng thời với việc tính toán những gì ông đã đạt được từ sự thử luyện này, và cân nhắc những thiếu sót của chính mình, ông cũng âm thầm cầu nguyện, chờ đợi sự thử luyện tiếp theo đến trên ông, bởi ông khao khát đức tin, sự vâng phục, và kính sợ Đức Chúa Trời của mình được nâng tầm trong sự thử luyện tiếp theo của Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời quan sát những ý nghĩ sâu xa nhất của con người và tất cả những gì con người nói và làm. Những ý nghĩ của Gióp đến tai Giê-hô-va Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời đã lắng nghe những lời cầu nguyện của ông, và theo cách này, sự thử luyện tiếp theo của Đức Chúa Trời đã đến như dự kiến.

### **Giữa sự đau khổ tột cùng, Gióp thật sự nhận ra sự chăm lo của Đức Chúa Trời đối với nhân loại**

Sau những câu hỏi của Giê-hô-va Đức Chúa Trời với Sa-tan, Sa-tan ngấm ngấm vui sướng. Điều này là bởi Sa-tan biết rằng hắn sẽ một lần nữa được phép tấn công con người trọn vẹn trong mắt Đức Chúa Trời – đối với Sa-tan, đây là một cơ hội hiếm hoi. Sa-tan đã muốn dùng cơ hội này để phá hoại hoàn toàn niềm tin của Gióp, để khiến ông mất đi đức tin nơi Đức Chúa Trời và do đó không còn kính sợ Đức Chúa Trời hay ngợi khen danh Giê-hô-va nữa. Điều này sẽ cho Sa-tan một cơ hội: Bất kể thời gian hay địa điểm nào, hắn cũng sẽ có thể biến Gióp thành món đồ chơi phải chịu lệnh của hắn. Sa-tan đã che giấu những ý định gian ác của hắn không chút dấu vết, nhưng hắn không thể kiểm soát được bản tính tà ác của hắn. Sự thật này bị lộ ra ở câu trả lời của hắn với những lời của Giê-hô-va Đức Chúa Trời, như được ghi chép trong Kinh Thánh: “Sa-tan thưa lại với Đức Giê-hô-va rằng: Lấy da đền da, phàm vật chi một người có, tất sẽ trao thế cho mạng sống mình. Nhưng bây giờ xin Chúa hãy giơ tay ra, đụng đến hại xương thịt người, ắt là người sẽ phỉ báng Chúa trước mặt” (Gióp 2:4-5). Không thể không có được kiến thức và cảm nhận thực chất về sự hiểm ác của Sa-tan từ cuộc trao đổi này giữa Đức Chúa Trời và Sa-tan. Khi đã nghe những lời nguy hiểm này của Sa-tan, tất cả

những ai yêu lẽ thật và khinh ghét cái ác chắc chắn sẽ căm ghét hơn nữa đối với sự đề tiện và trơ trẽn của Sa-tan, sẽ căm thấy kinh hãi và ghê tởm những lời ngụy biện này của Sa-tan, và đồng thời, sẽ dâng những lời cầu nguyện và mong ước tha thiết cho Gióp, cầu nguyện rằng con người ngay thẳng này có thể đạt được sự hoàn thiện, mong ước rằng con người kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác này sẽ mãi vượt qua được những cám dỗ của Sa-tan, và sống trong sự sáng, giữa sự hướng dẫn và những phúc lành của Đức Chúa Trời; như vậy, con người cũng sẽ ao ước rằng những việc làm công chính của Gióp có thể mãi thúc đẩy và khuyến khích tất cả những ai theo đuổi con đường kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Mặc dù ý định hiểm độc của Sa-tan có thể được nhìn thấy trong tuyên bố này, Đức Chúa Trời đã nhẹ nhàng chấp nhận “yêu cầu” của Sa-tan – nhưng Ngài cũng đưa ra một điều kiện: “Kìa, người ở trong tay người; nhưng chỉ hãy giữ mạng sống người” (Gióp 2:6). Bởi vì lần này Sa-tan muốn ra tay làm hại xương thịt của Gióp, Đức Chúa Trời phán “nhưng chỉ hãy giữ mạng sống người”. Ý nghĩa của những lời này là Ngài trao xác thịt của Gióp cho Sa-tan, nhưng mạng sống của Gióp là do Đức Chúa Trời nắm giữ. Sa-tan không thể lấy mạng Gióp, nhưng ngoài điều này ra thì Sa-tan có thể dùng bất kỳ phương tiện hay phương pháp gì để chống lại Gióp.

Sau khi được sự cho phép của Đức Chúa Trời, Sa-tan lao đến Gióp và ra tay làm hại da thịt của ông, gây ung độc khắp người ông, và Gióp cảm thấy da thịt mình đau đớn. Gióp đã ngời ca sự phi thường và thánh khiết của Giê-hô-va Đức Chúa Trời, điều khiến Sa-tan càng thẳng tay trắng trợn hơn. Bởi hấn cảm thấy khoái trá khi làm con người đau đớn, Sa-tan đã ra tay mà cào vào thịt Gióp, khiến những ung độc của ông mừng mủ. Gióp lập tức cảm thấy cơn đau và sự hành hạ trên xác thịt mình không gì sánh được, và ông không thể không lấy hai tay mà xoa bóp mình từ đầu đến chân, như thể điều này sẽ làm dịu sự tấn công vào linh hồn ông bằng cơn đau xác thịt này. Ông nhận ra rằng Đức Chúa Trời đã ở bên cạnh quan sát ông, và ông đã cố hết mình để tôi luyện bản thân. Ông một lần nữa sắp mình xuống đất và nói: “Ngài nhìn thấu lòng người, Ngài quan sát sự đau khổ của người; sao sự yếu đuối của người lại làm Ngài bận tâm? Ngợi khen danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời”. Sa-tan thấy cơn đau không thể chịu được của Gióp, nhưng hấn không thấy Gióp từ bỏ danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời. Do đó hấn vội ra tay làm đau xương tủy của Gióp, tàn độc xé toạc từng chi một của ông. Tức thì, Gióp cảm thấy sự hành hạ chưa từng có; cứ như thể xác thịt ông đã bị xé ra khỏi xương, và như thể xương ông đã bị đập nát thành từng mảnh. Sự hành hạ đau đớn này khiến ông nghĩ thà chết còn hơn... Khả năng chịu đau của ông đã lên đến giới hạn... Ông muốn thét lên, ông muốn xé da trên người mình ra để cố làm giảm cơn đau – ấy thế mà ông đã kìm lại không gào thét, và đã không xé da trên người mình, bởi ông không muốn để Sa-tan thấy sự yếu đuối của ông. Do vậy Gióp sắp mình lần nữa, nhưng lần này ông không cảm thấy sự hiện diện của Giê-hô-va Đức Chúa Trời. Ông biết rằng Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã thường ở trước ông, phía sau ông, và ở hai bên ông. Ấy thế mà trong cơn đau của ông, Đức Chúa Trời chưa một lần theo dõi; Ngài che mặt và ẩn đi, bởi ý nghĩa của việc Ngài tạo dựng con người không phải là để mang đau khổ đến cho con

người. Vào lúc này, Gióp khóc than và làm hết sức để chịu đựng sự đau đớn thể chất này, nhưng ông không còn có thể ngăn bản thân mình tạ ơn Đức Chúa Trời: “Con người quy ngã ở cú đánh đầu tiên, người yếu đuối và bất lực, người trẻ dại và vô tội – tại sao Ngài lại muốn quan tâm và chăm sóc người đến vậy? Ngài tấn công con, nhưng làm như vậy khiến Ngài đau. Điều gì ở con người xứng đáng với sự chăm sóc và quan tâm của Ngài?”. Những lời cầu nguyện của Gióp đã đến tai Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời thinh lặng, chỉ theo dõi mà không phát ra âm thanh nào... Sau khi đã thử mọi thủ đoạn có thể, Sa-tan âm thầm rời đi, nhưng điều này đã không khép lại những thử luyện của Đức Chúa Trời với Gióp. Bởi quyền năng của Đức Chúa Trời được tỏ lộ nơi Gióp đã không được công bố ra, câu chuyện về Gióp đã không kết thúc bằng sự rút lui của Sa-tan. Khi các nhân vật khác bước vào thì phía trước vẫn còn những cảnh tượng ngoạn mục hơn nữa.

### **Một biểu hiện khác cho sự kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác của Gióp chính là việc ông tán dương danh Đức Chúa Trời trong mọi sự**

Gióp đã phải chịu những sự tàn phá của Sa-tan, nhưng ông vẫn không từ bỏ danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời. Vợ ông là người đầu tiên bỏ cuộc, đóng vai trò của Sa-tan dưới hình thức mà mắt người có thể thấy được, và tấn công Gióp. Văn bản gốc miêu tả thế này: “Vợ Gióp nói với người rằng: Ủa? Ông hãy còn bền đỗ trong sự hoàn toàn mình sao? Hãy phỉ báng Đức Chúa Trời, và chết đi” (Gióp 2:9). Đây là những lời do Sa-tan giả dạng con người mà nói. Chúng là một sự tấn công, và cáo buộc, cũng như lôi kéo, cám dỗ, và vu cáo. Khi đã thất bại trong việc tấn công vào xác thịt của Gióp, Sa-tan sau đó trực tiếp tấn công sự chính trực của Gióp, muốn dùng điều này để khiến Gióp từ bỏ sự chính trực của mình, chối bỏ Đức Chúa Trời, và không còn tiếp tục sống nữa. Vì vậy, Sa-tan cũng muốn dùng những lời như thế để cám dỗ Gióp: Nếu Gióp từ bỏ danh Giê-hô-va, thì ông không cần chịu sự hành hạ ấy nữa; ông có thể giải thoát chính mình khỏi sự hành hạ của xác thịt. Đối mặt với lời khuyên của vợ, Gióp đã quở trách bà bằng cách nói: “Người nói như một người đồn bà ngu muội. Ủa sao! Sự phước mà tay Đức Chúa Trời ban cho chúng ta, chúng ta lãnh lấy, còn sự tai họa mà tay Ngài giáng trên chúng ta, lại chẳng lãnh lấy sao?” (Gióp 2:10). Gióp từ lâu đã biết những lời này, nhưng vào lúc này sự thật về sự hiểu biết của Gióp đối với chúng mới được chứng minh.

Khi vợ ông khuyên ông rũ bỏ Đức Chúa Trời rồi chết, ý bà là: “Đức Chúa Trời của ông đối xử với ông như thế, sao không rũ bỏ Ngài? Ông vẫn còn sống để làm gì? Đức Chúa Trời của ông quá bất công với ông, ấy thế mà ông vẫn nói ‘đáng ngợi khen danh Đức Giê-hô-va’”. Làm sao Ngài ấy có thể giáng thảm họa trên ông khi ông ngợi khen danh Ngài ấy chứ? Hãy nhanh từ bỏ danh Đức Chúa Trời, và đừng theo Ngài ấy nữa. Khi đó, những rắc rối của ông sẽ chấm dứt”. Vào khoảnh khắc này, chứng ngôn mà Đức Chúa Trời mong muốn thấy nơi Gióp được phát ra. Không người bình thường nào có thể mang chứng ngôn như vậy, chúng ta cũng không đọc thấy điều này trong bất kỳ câu chuyện nào của Kinh Thánh – nhưng Đức Chúa Trời đã thấy điều đó từ lâu trước khi

Gióp nói ra những lời này. Đức Chúa Trời đơn thuần muốn dùng cơ hội này để cho Gióp chứng minh với tất cả rằng Đức Chúa Trời là đúng. Đối mặt với lời khuyên của vợ, Gióp không chỉ không từ bỏ sự chính trực của mình hay chối bỏ Đức Chúa Trời, mà ông cũng nói với vợ: “Sự phước mà tay Đức Chúa Trời ban cho chúng ta, chúng ta lãnh lấy, còn sự tai họa mà tay Ngài giáng trên chúng ta, lại chẳng lãnh lấy sao?”. Những lời này rất có trọng lượng phải không? Ở đây, chỉ có một thực tế có khả năng chứng minh trọng lượng của những lời này. Trọng lượng của những lời này là ở chỗ chúng được chấp thuận bởi Đức Chúa Trời trong lòng Ngài, chúng là những gì Đức Chúa Trời mong muốn, chúng là những gì Đức Chúa Trời muốn nghe, và chúng là kết quả mà Đức Chúa Trời khao khát nhìn thấy; những lời này cũng là cốt lõi chứng ngôn của Gióp. Ở đây, sự trọn vẹn, ngay thẳng, kính sợ Đức Chúa Trời, và lánh khỏi điều ác của Gióp được chứng minh. Sự đáng quý của Gióp nằm ở cách mà, khi ông bị cám dỗ, và thậm chí khi cả người ông đầy ung độc, khi ông chịu sự hành hạ tột cùng, khi vợ ông và người thân khuyên bảo ông, ông vẫn thốt ra những lời đó. Nói cách khác, trong lòng ông, ông tin rằng, bất kể là cám dỗ gì, hay những sự thống khổ, hành hạ có đau đớn thế nào, kể cả khi cái chết có đến với ông, ông cũng sẽ không chối bỏ Đức Chúa Trời hay bác bỏ con đường kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Như vậy, các người thấy rằng Đức Chúa Trời giữ vị trí quan trọng nhất trong lòng ông, và rằng chỉ có Đức Chúa Trời ở trong lòng ông. Chính vì điều này mà chúng ta đọc được những lời miêu tả về ông trong Kinh Thánh: Trong mọi việc đó, Gióp không phạm tội bởi môi miệng mình. Ông không chỉ không phạm tội bởi môi miệng mình, mà trong lòng ông, ông cũng không than oán về Đức Chúa Trời. Ông đã không nói những lời đau lòng về Đức Chúa Trời, cũng không phạm tội chống lại Đức Chúa Trời. Không chỉ môi miệng ông ngợi khen danh Đức Chúa Trời, mà trong lòng ông cũng ngợi khen danh Đức Chúa Trời; tâm khẩu như một. Đây là Gióp thật mà Đức Chúa Trời nhìn thấy, và đây là lý do khiến Đức Chúa Trời trân quý Gióp.

### **Nhiều hiểu lầm của con người về Gióp**

Nỗi thống khổ mà Gióp phải chịu không phải là công tác của các sứ thần mà Đức Chúa Trời sai đến, cũng không phải do chính tay Đức Chúa Trời gây nên. Thay vào đó, nó là do địch thân Sa-tan, kẻ thù của Đức Chúa Trời, gây ra. Do đó, mức độ thống khổ mà Gióp phải chịu là rất sâu sắc. Ấy thế mà vào lúc này, Gióp đã minh chứng không chút e dè hiểu biết hàng ngày trong lòng ông về Đức Chúa Trời, những nguyên tắc hành động hàng ngày của ông, và thái độ của ông đối với Đức Chúa Trời – đây là sự thật. Nếu Gióp không bị cám dỗ, nếu Đức Chúa Trời không đưa ra những thử luyện cho Gióp, khi Gióp nói, “Đức Giê-hô-va đã ban cho, Đức Giê-hô-va lại cất đi; đáng ngợi khen danh Đức Giê-hô-va”, người sẽ nói rằng Gióp là kẻ đạo đức giả; Đức Chúa Trời đã ban cho ông quá nhiều của cải, do đó dĩ nhiên ông ta ngợi khen danh Đức Giê-hô-va. Nếu, trước khi bị thử luyện, Gióp nói, “Sự phước mà tay Đức Chúa Trời ban cho chúng ta, chúng ta lãnh lấy, còn sự tai họa mà tay Ngài giáng trên chúng ta, lại chẳng lãnh lấy sao?” thì người sẽ nói rằng Gióp cường điệu, và rằng ông sẽ không từ bỏ danh Đức Chúa Trời

bởi vì ông thường được ban phúc lành bởi tay Đức Chúa Trời. Người sẽ nói rằng nếu Đức Chúa Trời giáng thảm họa xuống ông, thì ông chắc chắn đã từ bỏ danh Đức Chúa Trời rồi. Ấy thế nhưng khi Gióp thấy mình trong những hoàn cảnh mà không ai muốn có hay muốn thấy, những hoàn cảnh mà không ai muốn xảy đến với mình, những điều mà họ sợ sẽ xảy đến với mình, những hoàn cảnh mà ngay cả Đức Chúa Trời cũng không nhìn nổi, Gióp vẫn có thể giữ vững sự chính trực của ông: “Đức Giê-hô-va đã ban cho, Đức Giê-hô-va lại cất đi; đáng ngợi khen danh Đức Giê-hô-va”, và “Sự phước mà tay Đức Chúa Trời ban cho chúng ta, chúng ta lãnh lấy, còn sự tai họa mà tay Ngài giáng trên chúng ta, lại chẳng lãnh lấy sao?”. Đối diện với cách cư xử của Gióp vào lúc này, những ai thích nói lời huênh hoang, những ai thích nói theo câu chữ và học thuyết, tất cả đều cứng họng. Những ai chỉ tán dương danh Đức Chúa Trời ngoài miệng, nhưng chưa bao giờ chấp nhận những thử luyện của Đức Chúa Trời, đều bị lên án bởi sự chính trực mà Gióp đã giữ vững, và những ai không bao giờ tin rằng con người có thể giữ vững đường lối của Đức Chúa Trời đều bị phán xét bởi chứng ngôn của Gióp. Đối diện với cách cư xử của Gióp trong những thử luyện này và những lời ông đã nói, một số người sẽ cảm thấy bối rối, một số sẽ cảm thấy đổ kỵ, một số sẽ cảm thấy hoài nghi, và một số thậm chí có vẻ không hứng thú, xem thường chứng ngôn của Gióp vì họ không chỉ thấy sự hành hạ đã xảy đến với Gióp trong những thử luyện, và đọc những lời Gióp nói, mà còn thấy “điểm yếu” của con người mà Gióp đã để lộ khi những thử luyện đến với ông. “Điểm yếu” này họ tin là khiếm khuyết trong sự hoàn thiện của Gióp, tì vết nơi một con người hoàn thiện trong mắt Đức Chúa Trời. Nói vậy nghĩa là người ta tin rằng những người hoàn thiện là không có khuyết điểm, không có tì vết hay sự nhor bần, rằng họ không có điểm yếu, không biết đau đớn, rằng họ không bao giờ cảm thấy không vui hay buồn nản, và không thù ghét hay có bất kỳ hành vi thái quá bên ngoài nào; kết quả là, phần lớn mọi người không tin rằng Gióp thật sự hoàn thiện. Người ta không chấp nhận nhiều hành vi của ông trong những thử luyện đối với ông. Ví dụ, khi Gióp mất của cải và con cái, ông đã không bật khóc như mọi người tưởng tượng. Sự “không đúng mực” này khiến mọi người nghĩ ông lạnh lùng, bởi ông không khóc hay có tình cảm với gia đình ông. Đây là ấn tượng xấu ban đầu mà mọi người có về Gióp. Họ thấy hành vi của ông sau đó càng khó hiểu hơn: “xé áo mình” được con người diễn dịch là ông không tôn trọng Đức Chúa Trời, và “cạo đầu” được nhằm lẫn tin rằng có nghĩa là sự báng bổ và chống đối của Gióp với Đức Chúa Trời. Ngoài những lời Gióp nói rằng “Đức Giê-hô-va đã ban cho, Đức Giê-hô-va lại cất đi; đáng ngợi khen danh Đức Giê-hô-va”, người ta không nhận thức được sự công chính trong Gióp mà Đức Chúa Trời khen ngợi, và do đó đánh giá về Gióp mà phần lớn họ đưa ra không gì khác hơn là sự không hiểu, hiểu lầm, hoài nghi, lên án, và chấp thuận trên lý thuyết mà thôi. Không ai trong số họ có thể thật sự hiểu và cảm kích những lời của Giê-hô-va Đức Chúa Trời rằng Gióp là một người trọn vẹn và ngay thẳng, kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác.

Dựa trên ấn tượng của họ về Gióp nêu trên, người ta có thêm những nỗi hoài nghi về sự công chính của ông, bởi những hành động của Gióp và cách cư xử của ông được

ghi chép trong Kinh Thánh không kinh thiên động địa như người ta tưởng tượng. Ông không chỉ không lập nên bất kỳ chiến công hiển hách nào, mà ông còn lấy miếng sành gài mình khi ngồi trong đồng tro. Hành động này cũng làm mọi người kinh ngạc và khiến họ hoài nghi – thậm chí phủ nhận – sự công chính của Gióp, vì khi gài mình, ông đã không cầu nguyện hay hứa gì với Đức Chúa Trời; hơn nữa, cũng không thấy ông rơi lệ vì đau đớn. Vào lúc này, người ta chỉ thấy điểm yếu của Gióp chứ không có gì khác, và do đó ngay cả khi họ nghe Gióp nói “Sự phước mà tay Đức Chúa Trời ban cho chúng ta, chúng ta lãnh lấy, còn sự tai họa mà tay Ngài giáng trên chúng ta, lại chẳng lãnh lấy sao?” thì họ hoàn toàn không cảm động, hoặc nếu không thì do dự, và vẫn không thể phân biệt được sự công chính của Gióp từ những lời của ông. Ấn tượng cơ bản mà Gióp tạo cho mọi người trong khi ông bị hành hạ bởi những thử luyện là ông không khúm núm cũng không kiêu căng. Người ta không thấy câu chuyện đằng sau hành vi của ông, điều đã diễn ra trong sâu thẳm lòng ông, họ cũng không thấy sự kính sợ Đức Chúa Trời trong lòng ông hay việc ông tuân thủ nguyên tắc của con đường lánh khỏi điều ác. Sự bình thản của ông làm cho mọi người nghĩ rằng sự trọn vẹn và ngay thẳng của ông chỉ là những lời sáo rỗng, rằng sự kính sợ Đức Chúa Trời của ông chỉ là tin đồn; trong khi đó, “điểm yếu” mà ông tỏ lộ ra bên ngoài lại để lại ấn tượng sâu sắc với họ, cho họ một “góc nhìn mới”, và thậm chí một “sự hiểu biết mới” đối với người mà Đức Chúa Trời định nghĩa là trọn vẹn và ngay thẳng. “Góc nhìn mới” và “sự hiểu biết mới” ấy được chứng minh khi Gióp mở miệng rửa sạch ngày mình sinh ra.

Mặc dù mức độ hành hạ mà ông đã phải chịu là không thể tưởng tượng và không thể hiểu thấu được đối với bất kỳ người nào, nhưng ông đã không nói những lời dị giáo, mà chỉ làm dịu cơn đau của cơ thể bằng phương tiện của riêng mình. Như Kinh Thánh ghi chép, ông nói: “Ngày ta đã sanh ra, khá hư mất đi; Còn đêm đã nói rằng: Có được thai dựng một con trai, hãy tiêu diệt đi!” (Gióp 3:3). Có thể không ai từng xem những lời này là quan trọng, và có thể có những người đã chú ý đến chúng. Theo quan điểm của các người, có phải chúng có nghĩa là Gióp đã chống đối Đức Chúa Trời không? Chúng có phải là lời than oán về Đức Chúa Trời không? Ta biết rằng nhiều người trong các người đã có những quan niệm nhất định về những lời Gióp nói và tin rằng nếu Gióp trọn vẹn và ngay thẳng, ông đã không thể hiện bất kỳ sự yếu đuối hay đau buồn nào, và thay vào đó đã phải đối mặt với bất kỳ cuộc tấn công nào từ Sa-tan một cách tích cực, và thậm chí còn phải mỉm cười khi đối mặt với những cám dỗ của Sa-tan. Ông không nên có phản ứng dù là nhỏ nhất với bất kỳ sự hành hạ nào mà Sa-tan đã giáng xuống xác thịt ông, cũng như ông không nên thể hiện bất kỳ cảm xúc nào trong lòng mình. Ông thậm chí nên yêu cầu Đức Chúa Trời làm cho những thử luyện này còn khắc nghiệt hơn nữa. Đây là điều nên được minh chứng và sở hữu bởi một người không nao núng, một người thật sự kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Giữa sự hành hạ tột độ này, Gióp đã chỉ nguyện rửa ngày sinh của mình. Ông đã không than oán về Đức Chúa Trời, ông càng không có bất kỳ ý định nào chống đối Đức Chúa Trời. Điều này nói dễ hơn làm rất nhiều, bởi từ thời xưa đến nay, chưa ai từng trải nghiệm những cám dỗ như thế

hay chịu đựng những điều như đã xảy đến với Gióp. Thế tại sao chưa ai từng chịu loại cám dỗ giống như Gióp? Đó là vì, như Đức Chúa Trời thấy, không ai có thể mang trách nhiệm hay sự ủy thác như thế, không ai có thể làm như Gióp đã làm, và hơn nữa, không ai có thể, ngoài việc rửa sả ngày mình sinh ra, vẫn không từ bỏ danh Đức Chúa Trời và tiếp tục ngợi khen danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời, như Gióp đã làm khi sự hành hạ đó xảy đến với ông. Có bất kỳ ai có thể làm điều này không? Khi chúng ta nói điều này về Gióp, có phải chúng ta đang khen ngợi hành vi của ông không? Ông là một người công chính, có thể làm chứng như thế cho Đức Chúa Trời, và có khả năng khiến Sa-tan ôm đầu tháo chạy, để hắn không bao giờ đến trước Đức Chúa Trời mà buộc tội ông lần nữa – vậy thì khen ngợi ông có gì sai? Lẽ nào các người có tiêu chuẩn cao hơn Đức Chúa Trời? Lẽ nào các người sẽ hành động còn hay hơn Gióp khi những thử luyện đến với các người? Gióp đã được Đức Chúa Trời khen ngợi – các người còn chống đối được gì nữa?

### **Gióp rửa sả ngày ông sinh ra bởi vì ông không muốn Đức Chúa Trời đau vì ông**

Ta thường nói rằng Đức Chúa Trời nhìn vào bên trong lòng người, trong khi con người thì nhìn vào bề ngoài của mọi người. Bởi vì Đức Chúa Trời nhìn vào bên trong lòng người, Ngài hiểu thực chất của họ, trong khi con người thì định nghĩa thực chất của những người khác dựa trên bề ngoài của họ. Khi Gióp mở miệng và rửa sả ngày ông sinh ra, hành động này làm mọi nhân vật tôn giáo kinh ngạc, bao gồm ba người bạn của Gióp. Con người đến từ Đức Chúa Trời, và nên tạ ơn vì sự sống và xác thịt, cũng như ngày mình sinh ra, được Đức Chúa Trời ban cho mình, và họ không nên rửa sả chúng. Đây là điều người bình thường có thể hiểu và hình dung được. Đối với bất kỳ ai theo Đức Chúa Trời, sự hiểu biết này là thiêng liêng và bất khả xâm phạm, và nó là lẽ thật không bao giờ có thể thay đổi. Trái lại, Gióp đã phá vỡ các quy tắc: Ông rửa sả ngày ông sinh ra. Đây là một hành động mà những người bình thường xem là cấu thành việc vượt rào vào cấm địa. Gióp không những không có quyền được mọi người hiểu và thông cảm mà ông còn không có quyền được Đức Chúa Trời tha thứ. Đồng thời, thậm chí càng nhiều người trở nên hoài nghi sự công chính của Gióp, bởi có vẻ như sự ưu ái của Đức Chúa Trời với Gióp khiến ông bê tha; nó khiến ông quá bạo dạn và khinh suất đến nỗi ông không chỉ không tạ ơn Đức Chúa Trời ban phúc lành cho ông và chăm sóc ông trong cuộc đời mình, mà ông còn nguyện rửa hủy diệt ngày ông ra đời. Nếu đây không phải chống đối Đức Chúa Trời thì là gì? Những sự thiện cận như thế cung cấp cho con người bằng chứng lên án hành động này của Gióp, nhưng ai có thể biết Gióp đang thật sự nghĩ gì vào lúc đó? Ai có thể biết lý do tại sao Gióp đã hành động theo cách đó không? Chỉ Đức Chúa Trời và chính Gióp biết câu chuyện bên trong và những nguyên nhân ở đây.

Khi Sa-tan ra tay làm đau xương của Gióp, Gióp đã rơi vào nanh vuốt của hắn, không có phương tiện để thoát ra hay sức mạnh để kháng cự. Cả hồn và xác ông chịu

đau đớn khủng khiếp, và cơn đau này làm ông nhận thức sâu xa về sự nhỏ nhoi, mong manh và bất lực của con người sống trong xác thịt. Đồng thời, ông cũng đạt được sự cảm kích và hiểu biết sâu sắc về lý do tại sao Đức Chúa Trời lại có lòng quan tâm và chăm sóc nhân loại. Trong nanh vuốt của Sa-tan, Gióp nhận ra rằng con người bằng máu thịt thật ra rất bất lực và yếu đuối. Khi ông quỳ xuống cầu nguyện với Đức Chúa Trời, ông cảm thấy như thể Đức Chúa Trời đang che mặt Ngài và ẩn đi, bởi Đức Chúa Trời đã hoàn toàn trao ông vào tay Sa-tan. Đồng thời, Đức Chúa Trời cũng khóc vì ông, và hơn nữa, đau khổ vì ông; Đức Chúa Trời đau đớn bởi sự đau đớn của ông, và đau khổ bởi sự đau khổ của ông... Gióp cảm thấy sự đau đớn của Đức Chúa Trời, cũng như điều này không thể chịu được với Đức Chúa Trời như thế nào... Gióp đã không muốn mang thêm bất kỳ sự đau khổ nào đến với Đức Chúa Trời nữa, ông cũng không muốn Đức Chúa Trời khóc vì ông, càng không muốn thấy Đức Chúa Trời đau đớn vì ông. Vào khoảnh khắc này, Gióp chỉ muốn thoát khỏi xác thịt của mình, để không còn phải chịu cơn đau đến với mình bởi xác thịt này nữa, bởi điều này sẽ khiến Đức Chúa Trời thôi không bị dẫn vật vì cơn đau của ông – nhưng ông đã không thể, và ông đã phải chịu đựng không chỉ sự đau đớn xác thịt, mà còn sự dẫn vật bởi việc không muốn làm cho Đức Chúa Trời lo lắng. Hai nỗi đau này – một từ xác thịt và một từ tinh thần – mang đến nỗi đau xé tim, quặn ruột cho Gióp, và khiến ông cảm thấy những giới hạn của con người bằng máu thịt có thể khiến họ cảm thấy khó chịu và bất lực như thế nào. Trong những hoàn cảnh này, sự mong mỏi của ông đối với Đức Chúa Trời ngày càng mãnh liệt hơn, và sự ghê tởm của ông đối với Sa-tan trở nên kịch liệt hơn. Vào lúc này, Gióp thà rằng chưa bao giờ được sinh ra trong thế giới của con người, thà rằng ông không tồn tại, hơn là thấy Đức Chúa Trời khóc hay cảm thấy đau đớn vì ông. Ông bắt đầu hết sức ghê tởm xác thịt của mình, phát ốm và mệt mỏi với chính mình, về ngày mình sinh ra, và thậm chí về tất cả những gì liên quan đến mình. Ông đã không muốn có thêm bất kỳ sự đề cập nào về ngày ông sinh ra hay bất cứ điều gì liên quan đến nó nữa, và do đó ông mở miệng rủa sả ngày mình sinh ra: “Ngày ta đã sanh ra, khá hư mất đi; Còn đêm đã nói rằng: Có được thai dựng một con trai, hãy tiêu diệt đi! Nguyện ngày ấy bị ra tằm tối! Nguyện Đức Chúa Trời từ trên cao chớ thêm kể đến, và ánh sáng đừng chiếu trên nó!” (Gióp 3:3-4). Lời của Gióp mang sự ghê tởm của ông với chính mình, “Ngày ta đã sanh ra, khá hư mất đi; Còn đêm đã nói rằng: Có được thai dựng một con trai, hãy tiêu diệt đi”, cũng như sự trách cứ mà ông cảm nhận đối với bản thân mình và cảm giác mắc nợ của ông vì đã gây ra đau khổ cho Đức Chúa Trời, “Nguyện ngày ấy bị ra tằm tối! Nguyện Đức Chúa Trời từ trên cao chớ thêm kể đến, và ánh sáng đừng chiếu trên nó!”. Hai đoạn này là biểu hiện cao nhất về cách Gióp cảm nhận khi ấy, và minh chứng đầy đủ sự trọn vẹn và ngay thẳng của ông đối với tất cả. Đồng thời, như Gióp mong ước, đức tin và sự vâng phục của ông với Đức Chúa Trời, cũng như sự kính sợ Đức Chúa Trời của ông, thật sự đã được nâng lên. Dĩ nhiên, sự nâng lên này chính là hiệu quả mà Đức Chúa Trời đã kỳ vọng.



## **Gióp đánh bại Sa-tan và trở thành một con người đích thực trong mắt Đức Chúa Trời**

Khi Gióp lần đầu trải qua những thử luyện của mình, ông bị tước hết của cải và tất cả các con, nhưng ông đã không vì đó mà gục ngã hay nói điều gì mang tội chống lại Đức Chúa Trời. Ông đã vượt qua những cám dỗ của Sa-tan, và ông đã vượt qua những của cải vật chất của mình, con cái mình và thử luyện mất hết những của cải phàm trần của mình, nghĩa là ông có thể vâng phục Đức Chúa Trời khi Ngài lấy đi mọi thứ từ ông và ông có thể dâng lời cảm tạ, ngợi khen Đức Chúa Trời bởi những gì Đức Chúa Trời đã làm. Đó là cách cư xử của Gióp trong sự cám dỗ đầu tiên của Sa-tan, và đó cũng là chứng ngôn của Gióp trong sự thử luyện đầu tiên của Đức Chúa Trời. Ở sự thử luyện thứ hai, Sa-tan đã ra tay làm đau Gióp, và mặc dù Gióp đã trải nghiệm sự đau đớn dữ dội hơn những gì ông từng cảm nhận trước đó, nhưng chứng ngôn của ông vẫn đủ để khiến mọi người kinh ngạc. Ông đã dùng sự ngoan cường, tin chắc, và vâng phục của mình với Đức Chúa Trời, cũng như sự kính sợ của ông với Đức Chúa Trời, để một lần nữa đánh bại Sa-tan, và cách cư xử, chứng ngôn của ông một lần nữa được Đức Chúa Trời ưng thuận và ủng hộ. Trong sự cám dỗ này, Gióp đã dùng cách cư xử thực tế của ông để tuyên bố với Sa-tan rằng sự đau đớn xác thịt không thể thay đổi đức tin và sự vâng phục của ông với Đức Chúa Trời hay lấy đi sự tận tâm của ông với Đức Chúa Trời và sự kính sợ Đức Chúa Trời; ông sẽ không chối bỏ Đức Chúa Trời hay từ bỏ sự trọn vẹn, ngay thẳng của chính mình vì đối mặt với cái chết. Sự quyết tâm của Gióp biến Sa-tan thành kẻ hèn nhát, đức tin của ông khiến Sa-tan sợ sệt và run rẩy, sự dữ dội mà ông chiến đấu chống lại Sa-tan trong trận chiến sinh tử của họ làm dấy lên sự căm ghét và phẫn nộ sâu sắc trong Sa-tan; sự trọn vẹn và ngay thẳng của ông khiến Sa-tan không còn có thể làm gì ông, đến mức Sa-tan từ bỏ những cuộc tấn công của hắn vào ông và ngừng những lời cáo buộc chống lại Gióp mà hắn đã đưa ra trước Giê-hô-va Đức Chúa Trời. Điều này nghĩa là Gióp đã vượt qua thế gian, ông đã vượt qua xác thịt, ông đã vượt qua Sa-tan, và ông đã vượt qua sự chết; ông đã là một người thuộc về Đức Chúa Trời một cách hoàn toàn và trọn vẹn. Trong hai thử luyện này, Gióp đã đứng vững trong chứng ngôn của mình, thật sự sống bày tỏ ra sự trọn vẹn và ngay thẳng của mình, và đã mở rộng phạm vi những nguyên tắc sống của mình về việc kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Khi đã trải qua hai thử luyện này, trong Gióp sinh ra một kinh nghiệm phong phú hơn, và kinh nghiệm này làm cho ông chín chắn, dày dặn hơn, nó làm ông mạnh mẽ hơn, có niềm tin vững chắc hơn, và nó làm cho ông tự tin hơn vào sự đúng đắn và đáng giá của tính chính trực mà ông đã giữ vững. Những thử luyện của Giê-hô-va Đức Chúa Trời đối với Gióp đã cho ông sự hiểu biết sâu sắc và ý thức về sự quan tâm của Đức Chúa Trời dành cho con người, và cho phép ông cảm nhận sự quý giá của tình yêu nơi Đức Chúa Trời, từ điểm đó, sự quan tâm và tình yêu đối với Đức Chúa Trời được thêm vào sự kính sợ Đức Chúa Trời của ông. Những thử luyện của Giê-hô-va Đức Chúa Trời không những không khiến Gióp xa lánh Ngài mà còn đưa lòng ông đến gần Đức Chúa Trời hơn. Khi cơn đau xác thịt mà Gióp phải chịu lên đến đỉnh điểm, sự quan tâm mà ông cảm nhận từ

Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã khiến ông không có chọn lựa nào khác ngoài rửa sạch ngày ông sinh ra. Cách cư xử ấy không được lên kế hoạch từ lâu, mà là một sự tỏ lộ tự nhiên của sự quan tâm và tình yêu dành cho Đức Chúa Trời từ trong lòng ông, nó là một sự tỏ lộ tự nhiên đến từ sự quan tâm và tình yêu của ông đối với Đức Chúa Trời. Nói vậy nghĩa là, bởi ông ghét chính mình, và ông không đành lòng, và không thể chịu được việc dẫn vật Đức Chúa Trời, do đó sự quan tâm và tình yêu của ông đạt đến mức quên mình. Vào lúc này, Gióp đã nâng sự ngưỡng mộ và mong mỏi từ lâu của mình đối với Đức Chúa Trời và sự tận tâm đối với Đức Chúa Trời lên mức quan tâm và yêu thương. Đồng thời, ông cũng đã nâng đức tin và sự vâng phục của mình đối với Đức Chúa Trời và sự kính sợ Đức Chúa Trời lên mức quan tâm và yêu thương. Ông đã không cho phép mình làm bất cứ điều gì gây hại cho Đức Chúa Trời, ông đã không cho phép mình có bất kỳ cách cư xử nào làm đau lòng Đức Chúa Trời, và đã không cho phép mình mang bất kỳ sự buồn phiền, đau khổ, hay thậm chí sự không vui nào đến cho Đức Chúa Trời vì những lý do của riêng ông. Trong mắt Đức Chúa Trời, mặc dù Gióp vẫn là Gióp như trước kia, nhưng đức tin, sự vâng phục, và sự kính sợ Đức Chúa Trời của Gióp đã mang đến cho Đức Chúa Trời sự mãn nguyện và hân hoan trọn vẹn. Vào lúc này, Gióp đã đạt được sự trọn vẹn mà Đức Chúa Trời kỳ vọng ông đạt được; ông đã trở thành người thật sự xứng đáng được gọi là “trọn vẹn và ngay thẳng” trong mắt Đức Chúa Trời. Những việc làm công chính của ông đã cho phép ông vượt qua Sa-tan và đứng vững trong chứng ngôn của mình với Đức Chúa Trời. Như vậy, những hành động công chính của ông làm cho ông trọn vẹn, và cho phép giá trị của cuộc đời ông được thăng hoa và siêu việt hơn bao giờ hết, và chúng cũng khiến ông là người đầu tiên không còn bị tấn công và cám dỗ bởi Sa-tan. Bởi vì Gióp công chính, ông đã bị Sa-tan cáo buộc và cám dỗ; bởi vì Gióp công chính, ông đã bị trao cho Sa-tan; và bởi vì Gióp công chính, ông đã vượt qua và đánh bại Sa-tan, cũng như đứng vững trong lời chứng của mình. Từ đó Gióp đã trở thành người đầu tiên không bao giờ bị giao cho Sa-tan nữa, ông đã thật sự đến trước ngai Đức Chúa Trời và đã sống trong sự sáng, dưới những phúc lành của Đức Chúa Trời mà không có sự do thám và phá hoại của Sa-tan... Ông đã trở thành một con người đích thực trong mắt Đức Chúa Trời; ông đã được tự do...

## **Về Gióp**

Khi đã tìm hiểu về việc Gióp trải qua những thử luyện như thế nào, hầu hết các người sẽ có khả năng muốn biết nhiều chi tiết hơn về bản thân Gióp, đặc biệt là liên quan đến bí mật mà bởi đó ông đã được Đức Chúa Trời khen ngợi. Như vậy hôm nay, chúng ta hãy nói về Gióp!

**Trong đời sống hàng ngày của Gióp, chúng ta thấy sự trọn vẹn, ngay thẳng, kính sợ Đức Chúa Trời, và lánh khỏi điều ác của ông**

Nếu muốn thảo luận về Gióp, chúng ta phải bắt đầu với đánh giá về ông từ chính miệng Đức Chúa Trời: “Trên đất chẳng có ai giống như người, vốn trọn vẹn và ngay thẳng, kính sợ Đức Chúa Trời, và lánh khỏi điều ác”.

Trước hết chúng ta hãy tìm hiểu về sự trọn vẹn và ngay thẳng của Gióp.

Các người hiểu gì về những từ “trọn vẹn” và “ngay thẳng”? Các người có tin rằng Gióp không có gì để chê trách, rằng ông đáng kính không? Dĩ nhiên, đây sẽ là một sự diễn dịch và hiểu suông về những từ “trọn vẹn” và “ngay thẳng”. Thế nhưng bối cảnh của đời thực là không thể thiếu để thật sự hiểu về Gióp – chỉ có lời nói, sách vở, và lý thuyết thôi thì sẽ không cung cấp bất kỳ câu trả lời nào. Chúng ta sẽ bắt đầu bằng cách xem xét đời sống gia đình của Gióp, về cách cư xử thông thường của ông trong cuộc sống như thế nào. Điều này sẽ cho chúng ta biết về những nguyên tắc và mục tiêu của ông trong cuộc sống, cũng như về nhân cách và sự theo đuổi của ông. Bây giờ, chúng ta hãy đọc những lời cuối cùng trong Gióp 1:3: “Người ấy lớn hơn hết trong cả dân Đông phương”. Điều mà những lời này đang nói đến chính là địa vị và thân phận của Gióp rất cao, và mặc dù chúng ta không nghe nói lý do ông lớn hơn hết trong cả dân Đông phương là bởi của cải dư dật của ông, hay bởi ông trọn vẹn và ngay thẳng, kính sợ Đức Chúa Trời đồng thời lánh khỏi điều ác, nhưng nói chung, chúng ta biết rằng địa vị và thân phận của Gióp được đánh giá rất cao. Như được ghi chép trong Kinh Thánh, những ấn tượng đầu tiên của mọi người về Gióp là Gióp trọn vẹn, rằng ông kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác, rằng ông sở hữu sự giàu có và địa vị đáng kính trọng. Để một người bình thường sống trong một môi trường như thế và dưới những điều kiện như thế, chế độ ăn uống, chất lượng sống, và nhiều khía cạnh khác nhau trong đời sống cá nhân của Gióp sẽ là tâm điểm chú ý của hầu hết mọi người; do đó chúng ta phải tiếp tục đọc Kinh Thánh: “Các con trai người hay đi dự tiệc, đãi thay phiên nhau trong nhà của mỗi người; và sai mời ba chị em gái mình ăn uống chung với mình. Xảy khi các ngày yến tiệc xong rồi, Gióp sai người đi dọn các con cái mình cho thanh sạch, thức dậy sớm, dâng của lễ thiêu tùy số nó; vì người nói rằng: Dễ thường các con ta có phạm tội, và trong lòng từ chối Đức Chúa Trời chẳng. Gióp hằng làm như vậy” (Gióp 1:4-5). Đoạn này nói với chúng ta hai điều: Thứ nhất là các con trai và con gái của Gióp thường hay tiệc tùng, ăn uống linh đình; thứ hai là Gióp thường xuyên dâng của lễ thiêu bởi vì ông thường lo cho các con trai và con gái mình, sợ chúng phạm tội, sợ trong lòng chúng từ chối Đức Chúa Trời. Ở đây miêu tả cuộc sống của hai loại người khác nhau. Loại thứ nhất, các con trai và con gái của Gióp, thường tiệc tùng bởi sự sung túc của họ, sống phung phí, chè chén thỏa thích, và hưởng thụ cuộc sống chất lượng cao do sự giàu có vật chất mang lại. Sống một cuộc sống như thế, họ không tránh khỏi việc thường xuyên phạm tội và xúc phạm Đức Chúa Trời – nhưng họ đã không thánh hóa bản thân hay dâng của lễ thiêu. Như vậy, các người thấy rằng Đức Chúa Trời đã không có chỗ trong lòng họ, rằng họ không suy nghĩ gì về những ân điển của Đức Chúa Trời, cũng không sợ xúc phạm Đức Chúa Trời, họ càng không ngại chối bỏ Đức Chúa Trời trong lòng họ. Dĩ nhiên, tâm điểm của chúng ta không phải là các con của Gióp, mà là những gì Gióp đã làm khi đối mặt với những điều như thế; đây là vấn đề còn lại được miêu tả trong đoạn này, điều liên quan đến đời sống hàng ngày của Gióp và thực chất nhân tính của ông. Khi Kinh Thánh miêu tả việc tiệc tùng của các con trai và con gái Gióp thì không đề

cập đến Gióp, mà chỉ nói rằng các con trai và con gái ông thường ăn uống cùng nhau. Nói cách khác, ông đã không tổ chức yến tiệc, ông cũng không tham gia cùng các con trai và con gái mình ăn uống phung phí. Mặc dù giàu có và sở hữu nhiều của cải, tội tở, cuộc sống của Gióp không phải là một cuộc sống xa hoa. Ông không bị cuốn vào môi trường sống thượng đẳng của mình, và ông đã không vì sự giàu có của mình mà say sưa với những thú vui xác thịt hay quên dưng của lễ thiêu, và nó càng không khiến ông dần xa lánh Đức Chúa Trời trong lòng mình. Như vậy, rõ ràng là Gióp có kỷ luật trong lối sống của mình, không tham lam hay đam mê khoái lạc do kết quả của những phúc lành Đức Chúa Trời ban cho ông, và ông đã không chỉ chăm chăm vào chất lượng sống. Thay vào đó, ông khiêm nhường và nhũn nhặn, ông không có thói quen phô trương, ông cẩn trọng và cẩn thận trước Đức Chúa Trời. Ông thường nghĩ về những ân điển và phúc lành của Đức Chúa Trời, và không ngừng kính sợ Đức Chúa Trời. Trong đời sống hàng ngày, Gióp thường dậy sớm để dâng của lễ thiêu cho các con trai và con gái mình. Nói cách khác, không chỉ bản thân Gióp kính sợ Đức Chúa Trời, mà ông cũng hy vọng rằng tương tự, các con ông cũng sẽ kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Sự giàu có vật chất của Gióp không có chỗ trong lòng ông, nó cũng không thay thế vị trí của Đức Chúa Trời; dù là vì lợi ích của riêng ông hay của các con ông, những hành động hàng ngày của Gióp đều liên quan đến việc kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Sự kính sợ của ông đối với Giê-hô-va Đức Chúa Trời không chỉ dừng lại ở môi miệng ông, mà còn là điều ông đưa vào hành động và được phản ánh ở mỗi một phần trong đời sống hàng ngày của ông. Cách cư xử thực tế này của Gióp cho chúng ta thấy thực chất ông trung thực, sở hữu một bản chất yêu công lý và những điều tích cực. Việc Gióp thường xuyên đi dọn các con cái mình cho thanh sạch nghĩa là ông đã không cho phép hay chấp thuận hành vi của các con mình; thay vào đó, trong thâm tâm, ông khó chịu với hành vi của chúng, và lên án chúng. Ông đã kết luận rằng hành vi của các con trai và con gái ông không làm vui lòng Giê-hô-va Đức Chúa Trời, và do đó ông thường gọi chúng đến trước Giê-hô-va Đức Chúa Trời và xưng tội. Những hành động của Gióp cho chúng ta thấy một mặt khác trong nhân tính của ông, đó là ông không bao giờ đi cùng những kẻ thường phạm tội và xúc phạm Đức Chúa Trời, mà thay vào đó lánh khỏi và tránh họ đi. Mặc dù những người này là các con trai và con gái ông, ông cũng không từ bỏ những nguyên tắc đạo đức của riêng mình bởi vì chúng là ruột thịt của ông, ông cũng không chiều theo tội lỗi của chúng bởi tình cảm của riêng ông. Thay vào đó, ông thúc giục chúng xưng tội và được sự khoan thứ của Giê-hô-va Đức Chúa Trời, và ông đã cảnh báo chúng không được từ bỏ Đức Chúa Trời vì việc hưởng thụ tham lam của bản thân chúng. Những nguyên tắc về cách Gióp đối đãi với những người khác không thể tách khỏi những nguyên tắc về việc kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác của ông. Ông yêu những gì Đức Chúa Trời chấp nhận, và ghét những gì Đức Chúa Trời ghê tởm; ông yêu những người kính sợ Đức Chúa Trời trong lòng họ, và ghét những ai phạm điều ác hay phạm tội chống lại Đức Chúa Trời. Sự yêu và ghét ấy được minh chứng trong đời sống hàng ngày của ông, và là chính sự ngay thẳng của Gióp mà mất Đức

Chúa Trời đã thấy. Đương nhiên, đây cũng là biểu hiện và sự sống bày tỏ ra nhân tính thật của Gióp trong mối quan hệ với những người khác trong cuộc sống hàng ngày của ông, điều mà chúng ta phải học hỏi.

**Những biểu hiện của nhân tính của Gióp trong những thử luyện của ông (hiểu sự trọn vẹn, ngay thẳng, kính sợ Đức Chúa Trời, và lánh khỏi điều ác của Gióp trong những thử luyện của ông)**

Điều chúng ta đã chia sẻ bên trên là những phương diện khác nhau trong nhân tính của Gióp được biểu lộ trong đời sống hàng ngày của ông trước những thử luyện. Không nghi ngờ gì nữa, những biểu hiện khác nhau này cung cấp sự nhận thức và hiểu biết ban đầu về sự ngay thẳng, kính sợ Đức Chúa Trời, và lánh khỏi điều ác của Gióp, và tất nhiên cung cấp một sự khẳng định ban đầu. Lý do Ta nói “ban đầu” là vì hầu hết mọi người vẫn không có một sự hiểu biết thật sự về nhân cách của Gióp và mức độ mà ông theo đuổi con đường vâng phục và kính sợ Đức Chúa Trời. Nói vậy nghĩa là, sự hiểu biết của hầu hết mọi người về Gióp chẳng hề sâu xa hơn ấn tượng có phần thiện cảm về ông được cung cấp bởi hai đoạn trong Kinh Thánh chứa đựng những lời ông: “Đức Giê-hô-va đã ban cho, Đức Giê-hô-va lại cất đi; đáng ngợi khen danh Đức Giê-hô-va!”. và “Sự phước mà tay Đức Chúa Trời ban cho chúng ta, chúng ta lãnh lấy, còn sự tai họa mà tay Ngài giáng trên chúng ta, lại chẳng lãnh lấy sao?”. Như thế, chúng ta rất cần hiểu cách Gióp đã sống bày tỏ ra nhân tính của mình khi ông nhận những thử luyện của Đức Chúa Trời, theo cách này, toàn bộ nhân tính thật của Gióp sẽ được biểu lộ cho tất cả.

Khi Gióp nghe rằng của cải của ông đã bị cướp, rằng các con trai và con gái ông đã mất mạng, và rằng các tôi tớ của ông đã bị giết, ông phản ứng như sau: “Gióp bèn trối dậy, xé áo mình, và cạo đầu, đoạn xấp mình xuống đất mà thờ lạy” (Gióp 1:20). Những lời này nói với chúng ta một sự thật: Sau khi nghe tin này, Gióp không hoảng hốt, ông đã không khóc hay trách móc các tôi tớ đã báo tin cho ông, ông càng không kiểm tra hiện trường vụ án để điều tra, xác minh chi tiết, và tìm hiểu điều gì đã thật sự xảy ra. Ông đã không biểu lộ bất kỳ sự đau đớn hay hối tiếc nào vì mất của cải, ông cũng không bật khóc do mất các con và những người thân yêu của mình. Trái lại, ông xé áo, và cạo đầu, sấp mình xuống đất mà thờ lạy. Những hành động của Gióp không giống như của bất kỳ con người bình thường nào. Chúng khiến nhiều người khó hiểu, và khiến họ quả trách Gióp trong lòng vì “sự máu lạnh” của ông. Khi đột nhiên mất đi của cải, những người bình thường sẽ trông đau khổ và tuyệt vọng – hoặc, trong trường hợp của một số người, họ thậm chí rơi vào trầm cảm nặng. Đó là vì, trong lòng họ, của cải của con người là kết quả của một đời nỗ lực – đó là thứ mà sự sống còn của họ dựa vào, đó là hy vọng giúp họ duy trì cuộc sống; mất đi của cải nghĩa là những nỗ lực của họ đã chẳng được gì, rằng họ không có hy vọng, và thậm chí họ không có tương lai. Đây là thái độ của bất kỳ người bình thường nào đối với của cải của họ và mối quan hệ khăng khít mà họ có với nó, và đây cũng là tầm quan trọng của của cải trong mắt con người. Như vậy, đại đa số mọi người đều cảm thấy khó hiểu trước thái độ dửng dưng của Gióp đối với

việc mất đi của cải của ông. Hôm nay, chúng ta sẽ giải tỏa sự khó hiểu mà tất cả những người này cảm thấy bằng cách giải thích điều gì đang diễn ra trong lòng Gióp.

Tâm lý chung cho rằng, khi đã được Đức Chúa Trời ban cho của cải dư dật như vậy, Gióp nên cảm thấy xấu hổ trước Đức Chúa Trời vì mất đi những của cải này, bởi ông đã không trông chừng hay chăm nom chúng; ông đã không giữ chặt những của cải mà Đức Chúa Trời ban cho ông. Do đó, khi ông nghe rằng của cải đã bị lấy mất, phản ứng đầu tiên của ông phải là chạy đến hiện trường vụ án và kiểm kê tất cả những gì đã mất, và sau đó thú nhận với Đức Chúa Trời để ông có thể một lần nữa nhận lãnh những phúc lành của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, Gióp đã không làm điều này, và tất nhiên ông có những lý do riêng để không làm như vậy. Trong lòng ông, Gióp tin tưởng sâu sắc rằng tất cả những gì ông sở hữu đều được ban cho ông bởi Đức Chúa Trời, và không phải là sản phẩm của sức lao động bởi chính ông. Do đó, ông đã không xem những phúc lành này là điều gì đó có thể lợi dụng, mà thay vào đó đã nung nấu vào những nguyên tắc sống còn của ông trong việc hết sức giữ vững con đường nên được giữ vững. Ông nâng niu những phúc lành của Đức Chúa Trời và tạ ơn vì chúng, nhưng ông không ham thích những phúc lành, ông cũng không tìm kiếm chúng thêm nữa. Đó là thái độ của ông đối với của cải. Ông đã không làm bất kỳ điều gì để đạt được phúc lành, cũng không lo lắng hay phiền muộn bởi sự thiếu thốn hay mất đi những phúc lành của Đức Chúa Trời; ông cũng không trở nên vui sướng cuồng say, ngây ngất bởi những phúc lành của Đức Chúa Trời, cũng không làm lơ con đường của Đức Chúa Trời hay quên đi ân điển của Đức Chúa Trời bởi vì những phúc lành mà ông thường xuyên vui hưởng. Thái độ của Gióp đối với của cải tỏ lộ với con người nhân tính thật của ông: Thứ nhất, Gióp không phải là một người tham lam, và không đòi hỏi trong đời sống vật chất của mình. Thứ hai, Gióp không bao giờ lo hay sợ rằng Đức Chúa Trời sẽ lấy đi tất cả những gì ông có, đó là thái độ vâng phục của ông đối với Đức Chúa Trời trong lòng mình; nghĩa là, ông không có yêu cầu hay lời than oán nào về việc khi nào và liệu Đức Chúa Trời có lấy đi từ ông hay không, và không hỏi lý do tại sao, mà chỉ tìm cách vâng phục những sự sắp xếp của Đức Chúa Trời. Thứ ba, ông không bao giờ tin rằng những của cải của ông đến từ sức lao động của chính mình, mà là chúng được Đức Chúa Trời ban cho ông. Đây là đức tin của Gióp nơi Đức Chúa Trời, và là dấu hiệu cho sự tin chắc của ông. Nhân tính của Gióp và sự theo đuổi thực sự hàng ngày của ông có được làm rõ trong tóm tắt ba điểm này về ông không? Nhân tính và sự theo đuổi của Gióp chứa đựng trong cách cư xử lạnh lùng của ông khi đối mặt với việc mất tài sản. Chính vì sự theo đuổi hàng ngày của mình mà Gióp có vóc giạc và sự tin chắc để nói: “Đức Giê-hô-va đã ban cho, Đức Giê-hô-va lại cất đi; đáng ngợi khen danh Đức Giê-hô-va”, trong những thử luyện của Đức Chúa Trời. Những lời này không phải có được một sớm một chiều, chúng cũng không phải vừa mới xuất hiện trong đầu Gióp. Chúng là những gì ông đã thấy và đã đạt được trong suốt nhiều năm trải nghiệm cuộc sống. So với tất cả những ai chỉ tìm kiếm những phúc lành của Đức Chúa Trời và những ai sợ rằng Đức Chúa Trời sẽ lấy của họ, những ai thù ghét và than oán về nó, thì chẳng phải sự vâng phục của Gióp là

rất thật sao? So với tất cả những ai tin rằng có một Đức Chúa Trời, nhưng lại là những người chưa bao giờ tin rằng Đức Chúa Trời cai trị muôn vật, chẳng phải Gióp sở hữu sự trung thực và ngay thẳng tuyệt vời sao?

### **Sự hợp lẽ phải của Gióp**

Những trải nghiệm thực tế của Gióp và nhân tính ngay thẳng, trung thực của ông có nghĩa là ông đã đưa ra sự suy xét và những chọn lựa hợp lẽ phải khi ông bị mất của cải và con cái mình. Những chọn lựa hợp lẽ phải như thế không thể tách khỏi những sự theo đuổi hàng ngày của ông và những việc làm của Đức Chúa Trời mà ông đã dần biết được trong đời sống hàng ngày của mình. Sự trung thực của Gióp khiến ông có thể tin rằng bàn tay Đức Giê-hô-va cai trị muôn vật; niềm tin của ông cho phép ông biết được sự thật về quyền tối thượng của Giê-hô-va Đức Chúa Trời đối với muôn vật; kiến thức của ông khiến ông sẵn lòng và có thể vâng phục quyền tối thượng và những sự sắp đặt của Giê-hô-va Đức Chúa Trời; sự vâng phục của ông đã cho phép ông ngày càng thực sự kính sợ Giê-hô-va Đức Chúa Trời của mình; sự kính sợ của ông làm ông ngày càng thật sự lánh khỏi điều ác; sau hết, Gióp đã trở nên hoàn thiện bởi ông kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác; sự hoàn thiện của ông làm ông khôn ngoan, và cho ông sự hợp lẽ phải tốt bụng.

Chúng ta nên hiểu từ “hợp lẽ phải” này như thế nào? Diễn dịch theo nghĩa đen thì nó có nghĩa là có ý thức tốt, lôgic và biết phải trái trong suy nghĩ của mình, có lời nói, hành động và sự suy xét đúng đắn, và sở hữu những tiêu chuẩn đạo đức đúng đắn thông thường. Tuy nhiên sự hợp lẽ phải của Gióp không dễ giải thích như thế. Ở đây khi nói rằng Gióp sở hữu sự hợp lẽ phải tốt bụng, điều này được nói liên quan đến nhân tính và cách cư xử của ông trước Đức Chúa Trời. Bởi Gióp trung thực, ông có thể tin và vâng phục quyền tối thượng của Đức Chúa Trời, điều cho ông kiến thức mà những người khác không thể đạt được, và kiến thức này giúp ông có thể phân biệt, xét đoán và định nghĩa chính xác hơn những gì xảy đến với ông, điều cho phép ông chọn lựa những gì nên làm và những gì nên giữ vững một cách chính xác và sáng suốt hơn. Nói vậy nghĩa là lời nói, hành vi của ông, nguyên tắc đằng sau những hành động của ông, và đạo lý mà ông hành động theo, là đúng mực, rõ ràng, cụ thể, và không mù quáng, bốc đồng, hay cảm tính. Ông biết cách xử lý bất cứ điều gì xảy đến với ông, ông biết cách cân bằng và xử lý những mối quan hệ giữa các sự kiện phức tạp, ông biết cách giữ vững con đường nên được giữ vững, và hơn nữa, ông biết cách cư xử đối với việc ban cho và lấy đi của Giê-hô-va Đức Chúa Trời. Đây là sự rất hợp lẽ phải của Gióp. Chính vì Gióp được trang bị với sự hợp lẽ phải ấy mà ông đã nói, “Đức Giê-hô-va đã ban cho, Đức Giê-hô-va lại cất đi; đáng ngợi khen danh Đức Giê-hô-va”, khi ông mất của cải và con trai con gái của mình.

Khi Gióp đối mặt với cơn đau dữ dội của thể xác, và với những sự can gián của người thân, bạn bè, và khi ông đối mặt với cái chết, cách cư xử thực tế của ông một lần nữa thể hiện diện mạo thật của ông với tất cả mọi người.

## **Diện mạo thật của Gióp: chân thật, tinh sạch và không giả dối**

Chúng ta hãy đọc Gióp 2:7-8: “Sa-tan bèn lui ra trước mặt Đức Giê-hô-va, hành hại Gióp một bệnh ung độc, từ bàn chơn cho đến chót đầu. Gióp lấy một miếng sành đặt gài mình, và ngồi trong đồng tro”. Đây là sự miêu tả về cách cư xử của Gióp khi các ung độc nổi trên người ông. Lúc này, Gióp ngồi trong đồng tro khi ông chịu đựng cơn đau. Không ai trị bệnh cho ông, và không ai giúp ông làm dịu cơn đau của cơ thể mình; thay vào đó, ông đã dùng miếng sành để gài trên bề mặt những ung độc. Nhìn bề ngoài, đây chỉ đơn thuần là một giai đoạn trong nỗi thống khổ của Gióp, và không liên quan gì đến nhân tính và sự kính sợ Đức Chúa Trời của ông, bởi Gióp không nói lời nào để bày tỏ tâm trạng và những quan điểm của ông vào lúc này. Ấy thế mà những hành động và cách cư xử của Gióp vẫn là một biểu hiện chân thực về nhân tính của ông. Trong ghi chép của chương trước, chúng ta đã đọc rằng Gióp lớn hơn hết trong cả dân Đông phương. Trong khi đó, đoạn này từ chương hai cho chúng ta thấy rằng con người lớn hơn hết trong cả dân Đông phương này thật sự đã lấy một miếng sành mà gài mình khi ngồi trong đồng tro. Chẳng phải có sự tương phản rõ ràng giữa hai miêu tả này sao? Đó là một sự tương phản cho chúng ta thấy con người thật của Gióp: Bất kể thân phận và địa vị uy thế của ông, ông cũng đã không bao giờ yêu thích hay chú ý gì đến những điều này; ông không quan tâm những người khác xem vị trí của ông như thế nào, ông cũng không quan tâm liệu những hành động hay cách cư xử của mình có bất kỳ ảnh hưởng tiêu cực nào đến thân phận của mình không; ông đã không đắm chìm trong những lợi ích của địa vị, ông cũng không vui hưởng vinh quang đi kèm với địa vị và thân phận. Ông chỉ quan tâm về giá trị và ý nghĩa sự sống của mình trong mắt Giê-hô-va Đức Chúa Trời. Con người thật của Gióp là chính thực chất của ông: Ông đã không yêu danh tiếng và tài sản, và đã không sống vì danh tiếng và tài sản; ông chân thật, tinh sạch, và không giả dối.

## **Sự rạch rời giữa yêu và ghét của Gióp**

Một mặt khác trong nhân tính của Gióp được minh họa trong cuộc đối thoại này giữa ông và vợ: “Vợ Gióp nói với người rằng: Ua? Ông hãy còn bền đỗ trong sự hoàn toàn mình sao? Hãy phỉ báng Đức Chúa Trời, và chết đi! Người đáp lại rằng: Người nói như một người đồn bà ngu muội. Ua sao! Sự phước mà tay Đức Chúa Trời ban cho chúng ta, chúng ta lãnh lấy, còn sự tai họa mà tay Ngài giáng trên chúng ta, lại chẳng lãnh lấy sao?” (Gióp 2:9-10). Nhìn thấy nỗi thống khổ mà ông đang chịu đựng, vợ Gióp cố cho Gióp lời khuyên để giúp ông thoát khỏi nỗi thống khổ của mình, nhưng “ý tốt” của bà đã không được Gióp chấp nhận; thay vào đó, chúng làm dấy lên cơ giận của ông, bởi bà đã phủ nhận đức tin của ông, và sự vâng phục của ông với Giê-hô-va Đức Chúa Trời, và cũng phủ nhận sự hiện hữu của Giê-hô-va Đức Chúa Trời. Điều này là không thể chịu nổi đối với Gióp, bởi ông đã không bao giờ cho phép mình làm bất cứ điều gì chống lại hay làm tổn thương Đức Chúa Trời, thì nói gì đến những người khác. Làm sao ông có thể tiếp tục đứng vững khi thấy những người khác nói lời phạm thượng và xúc phạm



Đức Chúa Trời? Do đó ông gọi vợ mình là “người đờn bà ngu muội”. Thái độ của Gióp đối với vợ ông là thái độ giận và ghét, cũng như trách mắng và quở trách. Đây là biểu hiện tự nhiên của nhân tính Gióp – phân biệt giữa yêu và ghét – và đó là biểu hiện chân thật cho nhân tính ngay thẳng của ông. Gióp đã sở hữu một ý thức công lý – ý thức khiến ông ghét những sóng gió của sự độc ác, kinh tởm, lên án, và loại bỏ dị giáo ngớ ngẩn, những lý lẽ lố bịch, và những sự quả quyết nực cười, cho phép ông giữ vững những nguyên tắc và lập trường đúng đắn của riêng mình khi ông bị đám đông loại bỏ và bị ruồng rẫy bởi những người thân cận với mình.

### **Lòng tốt và sự chân thành của Gióp**

Như vậy, từ cách cư xử của Gióp, chúng ta có thể thấy biểu hiện của nhiều phương diện khác nhau trong nhân tính của ông, chúng ta thấy điều gì trong nhân tính của Gióp khi ông mở miệng rửa sả ngày ông sinh ra? Đây là đề tài chúng ta sẽ chia sẻ bên dưới.

Trên đây, Ta đã nói về nguồn gốc sự rửa sả của Gióp đối với ngày ông sinh ra. Các người thấy gì ở đây? Nếu Gióp chai lòng và không có tình yêu, nếu ông lạnh lùng, vô cảm và mất nhân tính, thì liệu ông có thể quan tâm đến mong muốn của lòng Đức Chúa Trời không? Liệu ông có thể khinh miệt ngày ông sinh ra bởi vì ông quan tâm đến lòng Đức Chúa Trời không? Nói cách khác, nếu Gióp chai lòng và mất nhân tính, thì liệu ông có thể đau buồn bởi nỗi đau của Đức Chúa Trời không? Liệu ông có thể rửa sả ngày mình sinh ra vì Đức Chúa Trời đã đau khổ vì ông không? Câu trả lời là, Tuyệt đối không! Bởi vì ông tốt bụng, nên Gióp quan tâm đến lòng Đức Chúa Trời; bởi vì ông quan tâm đến lòng Đức Chúa Trời, nên Gióp đã cảm nhận nỗi đau của Đức Chúa Trời; bởi vì ông tốt bụng, nên ông đã chịu sự hành hạ dữ dội hơn do cảm nhận được nỗi đau của Đức Chúa Trời; bởi ông đã cảm nhận nỗi đau của Đức Chúa Trời, nên ông bắt đầu ghê tởm ngày ông sinh ra, và do đó rửa sả ngày ông sinh ra. Đối với người ngoài cuộc, toàn bộ cách cư xử của Gióp trong những thử luyện của ông là mầu mực. Chỉ có sự rửa sả ngày ông sinh ra mới đặt dấu chấm hỏi cho sự trọn vẹn và ngay thẳng của ông, hay cung cấp một đánh giá khác. Trên thực tế, đây là sự bày tỏ thật nhất về thực chất nhân tính của Gióp. Thực chất nhân tính của ông không bị che đậy, hay ngụy tạo, hay được ai khác điều chỉnh. Khi ông rửa sả ngày mình sinh ra, ông đã minh chứng sự tốt bụng và chân thành tận sâu trong lòng mình; ông giống như một con suối với nước sạch và trong nhìn thấu đến tận đáy.

Sau khi đã tìm hiểu tất cả những điều này về Gióp, hầu hết mọi người chắc chắn sẽ có được sự đánh giá tương đối chính xác và khách quan về thực chất nhân tính của Gióp. Họ cũng nên có một sự hiểu biết và cảm kích sâu sắc, thực tế, và nâng cao hơn về sự trọn vẹn và ngay thẳng của Gióp như Đức Chúa Trời đã phán. Hy vọng sự hiểu biết và cảm kích này sẽ giúp mọi người tiến vào con đường kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác.

## **Mối quan hệ giữa việc Đức Chúa Trời giao phó Gióp cho Sa-tan và những mục tiêu trong công tác của Đức Chúa Trời**

Mặc dù hầu hết mọi người giờ đây đã nhận ra rằng Gióp trọn vẹn và ngay thẳng, và rằng ông kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác, sự công nhận này không cho họ sự hiểu biết nhiều hơn về ý định của Đức Chúa Trời. Cùng với việc ghen tị với nhân tính và sự theo đuổi của Gióp, họ đặt câu hỏi sau về Đức Chúa Trời: Gióp đã quá trọn vẹn và ngay thẳng, mọi người quý mến ông ấy rất nhiều, vậy sao Đức Chúa Trời lại trao ông ấy cho Sa-tan và bắt ông ấy chịu nhiều sự hành hạ như vậy? Những câu hỏi như thế nhất định tồn tại trong lòng nhiều người – hoặc đúng hơn, sự hoài nghi này là câu hỏi trong lòng nhiều người. Bởi vì nó đã làm rất nhiều người bối rối, chúng ta phải mở ra câu hỏi này và giải thích nó một cách đúng đắn.

Mọi điều Đức Chúa Trời làm đều là cần thiết và mang ý nghĩa phi thường, bởi tất cả những gì Ngài làm nơi con người đều liên quan đến sự quản lý và cứu rỗi nhân loại của Ngài. Đương nhiên, công tác mà Đức Chúa Trời đã làm nơi Gióp không có gì khác cả, mặc dù Gióp trọn vẹn và ngay thẳng trong mắt Đức Chúa Trời. Nói cách khác, bất kể Đức Chúa Trời làm gì hay Ngài làm bằng phương tiện nào, bất kể giá nào, bất kể mục tiêu của Ngài, thì mục đích trong những hành động của Ngài cũng không thay đổi. Mục đích của Ngài là đưa lời Đức Chúa Trời vào con người, cũng như những yêu cầu và ý muốn của Đức Chúa Trời đối với con người; nói cách khác, đó là đưa vào con người tất cả những gì Đức Chúa Trời tin là tích cực theo các bước của Ngài, cho phép con người hiểu lòng Đức Chúa Trời và thấu hiểu thực chất của Đức Chúa Trời, cũng như cho phép con người vâng phục quyền tối thượng và những sự sắp đặt của Đức Chúa Trời, do đó cho phép con người đạt được sự kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác – tất cả những điều này là một phương diện của mục đích của Đức Chúa Trời trong tất cả những gì Ngài làm. Phương diện kia là, bởi vì Sa-tan là vật làm nản và đối tượng phục vụ trong công tác của Đức Chúa Trời, con người thường bị giao cho Sa-tan; đây là phương tiện mà Đức Chúa Trời dùng để cho phép con người từ những sự cám dỗ và tấn công của Sa-tan mà nhìn thấy sự độc ác, sự xấu xa, và tính đê hèn của Sa-tan, từ đó khiến con người ghét Sa-tan và có thể biết cũng như nhận ra điều gì là tiêu cực. Quá trình này cho phép họ dần giải phóng bản thân khỏi sự kiểm soát và cáo buộc, can thiệp, và tấn công của Sa-tan – cho đến khi, nhờ lời Đức Chúa Trời, kiến thức và sự vâng phục Đức Chúa Trời của họ, cũng như đức tin của họ nơi Đức Chúa Trời và sự kính sợ Ngài, mà họ chiến thắng những cuộc tấn công và cáo buộc của Sa-tan; chỉ khi đó họ mới hoàn toàn được giải cứu khỏi quyền lực của Sa-tan. Sự giải cứu con người có nghĩa là Sa-tan đã bị đánh bại, nghĩa là họ không còn là miếng mồi trong miệng Sa-tan nữa – thay vì nuốt chửng họ, Sa-tan đã thả họ ra. Điều này là vì những người như thế ngay thẳng, bởi vì họ có đức tin, sự vâng phục, và kính sợ đối với Đức Chúa Trời, và bởi vì họ hoàn toàn cắt đứt với Sa-tan. Họ khiến Sa-tan hổ thẹn, họ khiến Sa-tan thành kẻ hèn nhất, và họ đánh bại Sa-tan hoàn toàn. Niềm tin chắc của họ vào việc theo Đức Chúa Trời, và sự

vâng phục, kính sợ Đức Chúa Trời của họ đánh bại Sa-tan, và làm cho Sa-tan hoàn toàn bỏ cuộc với họ. Chỉ những người như thế này mới thật sự được thu phục bởi Đức Chúa Trời, và đây chính là mục tiêu sau cùng của Đức Chúa Trời trong việc cứu rỗi con người. Nếu họ muốn được cứu rỗi, và muốn được Đức Chúa Trời thu phục hoàn toàn, thì tất cả những ai theo Đức Chúa Trời đều phải đối mặt với những cám dỗ và tấn công cả lớn lẫn nhỏ từ Sa-tan. Những ai vượt lên những cám dỗ và tấn công này và có thể đánh bại Sa-tan hoàn toàn là những người đã được Đức Chúa Trời cứu rỗi. Nói vậy nghĩa là, những ai đã được Đức Chúa Trời cứu rỗi là những người đã trải qua những thử thách của Đức Chúa Trời, là những người đã bị cám dỗ và tấn công bởi Sa-tan vô số lần. Những ai đã được Đức Chúa Trời cứu rỗi thì hiểu ý muốn và những yêu cầu của Đức Chúa Trời, và có thể chấp nhận quyền tối thượng và những sự sắp đặt của Đức Chúa Trời, và họ không từ bỏ con đường kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác giữa những cám dỗ của Sa-tan. Những ai được Đức Chúa Trời cứu rỗi thì là người trung thực, tốt bụng, yêu ghét phân minh, có ý thức công lý và có lý trí, họ có thể quan tâm đến Đức Chúa Trời và trân quý tất cả những gì thuộc về Đức Chúa Trời. Những người như thế không bị Sa-tan trói buộc, rình mò, cáo buộc, hay ngược đãi; họ hoàn toàn tự do, họ đã hoàn toàn được giải phóng và giải thoát. Gióp chỉ là một con người tự do, và đây chính là ý nghĩa của việc tại sao Đức Chúa Trời đã giao ông cho Sa-tan.

Gióp đã bị Sa-tan ngược đãi, nhưng ông cũng đã đạt được sự tự do và giải thoát đời đời, và ông đã được quyền không bao giờ phải chịu sự bại hoại, ngược đãi, và cáo buộc của Sa-tan nữa, thay vào đó được sống tự do và không bị trở ngại trong sự sáng của sắc diện Đức Chúa Trời, và sống giữa những phúc lành Đức Chúa Trời ban cho ông. Không ai có thể lấy đi, hay hủy bỏ, hay tước đi quyền này. Nó được ban cho Gióp để đáp lại đức tin, sự quyết tâm, vâng phục và kính sợ Đức Chúa Trời của ông; Gióp đã trả cái giá của cuộc đời mình để nhận được sự hân hoan và hạnh phúc trên đất, giành được quyền và lợi, được Trời phong cho và được đất công nhận, để thờ phượng Đấng Tạo Hóa mà không bị gây trở ngại như một tạo vật đích thực của Đức Chúa Trời trên đất. Đó cũng là kết quả tuyệt vời nhất của những cám dỗ mà Gióp đã chịu đựng.

Khi con người chưa được cứu rỗi, cuộc sống của họ thường bị Sa-tan quấy rầy, và thậm chí kiểm soát. Nói cách khác, những người chưa được cứu rỗi là tù nhân của Sa-tan, họ không có tự do, họ chưa được Sa-tan buông tha, họ không đủ tư cách hay có quyền thờ phượng Đức Chúa Trời, và họ bị Sa-tan truy đuổi sát sao và tấn công một cách tàn độc. Những người như thế không có niềm vui để nói đến, họ không có quyền tồn tại bình thường để nói đến, và hơn nữa họ không có phẩm giá để nói đến. Chỉ khi người đứng lên và chiến đấu với Sa-tan, dùng đức tin nơi Đức Chúa Trời và sự vâng phục, kính sợ Đức Chúa Trời của người làm vũ khí để chiến đấu cuộc chiến sinh tử với Sa-tan, như thế người mới hoàn toàn đánh bại Sa-tan, khiến nó cụp đuôi bỏ chạy và trở nên nhát sợ bất cứ khi nào nó thấy người, để nó hoàn toàn từ bỏ những cuộc tấn công và cáo buộc chống lại người – chỉ khi đó người mới được cứu rỗi và trở nên tự do. Nếu

người quyết tâm hoàn toàn cắt đứt với Sa-tan, nhưng không được trang bị những vũ khí giúp người đánh bại Sa-tan, thì người vẫn sẽ gặp nguy hiểm. Theo thời gian, khi người đã bị Sa-tan hành hạ quá nhiều đến nỗi không còn chút sức lực nào trong mình, nhưng người vẫn không thể làm chứng, vẫn chưa hoàn toàn thoát khỏi những cáo buộc và tấn công của Sa-tan chống lại người, vậy thì người sẽ có ít hy vọng được cứu rỗi. Cuối cùng, khi công tác của Đức Chúa Trời được tuyên bố khép lại, người vẫn sẽ ở trong sự kìm kẹp của Sa-tan, không thể thoát ra, và do đó người sẽ không bao giờ có cơ hội hay hy vọng. Như vậy, ẩn ý chính là những người như thế sẽ hoàn toàn ở trong sự giam cầm của Sa-tan.

### **Chấp nhận những thử luyện của Đức Chúa Trời, vượt qua những cám dỗ của Sa-tan, và cho phép Đức Chúa Trời thu phục cả con người mình**

Trong công tác mãi mãi chu cấp và hỗ trợ con người của Đức Chúa Trời, Ngài nói về toàn bộ ý muốn và những yêu cầu của Ngài cho con người, và cho thấy những việc làm, tâm tính của Ngài, cũng như Ngài có gì và là gì. Mục tiêu là trang bị vóc giặc cho con người, và cho phép con người đạt được những lễ thật khác nhau từ Đức Chúa Trời trong khi theo Ngài – những lễ thật là vũ khí mà Đức Chúa Trời ban cho con người để chiến đấu với Sa-tan. Bởi đã được trang bị, con người phải đối diện với những bài kiểm tra của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời có nhiều phương tiện và con đường để thử luyện con người, nhưng mỗi cái trong số chúng đều đòi hỏi “sự hợp tác” từ kẻ thù của Đức Chúa Trời: Sa-tan. Nói vậy nghĩa là, khi đã ban cho con người những vũ khí để chiến đấu với Sa-tan, Đức Chúa Trời trao con người cho Sa-tan và cho phép Sa-tan “kiểm tra” vóc giặc của con người. Nếu con người có thể thoát khỏi sự bày binh bố trận của Sa-tan, nếu họ có thể thoát khỏi vòng vây của Sa-tan và vẫn sống sót, thì con người sẽ vượt qua được bài kiểm tra. Nhưng nếu con người không thể thoát khỏi sự bày binh bố trận của Sa-tan, và quy phục Sa-tan, thì họ sẽ không vượt qua bài kiểm tra. Cho dù Đức Chúa Trời thử luyện phương diện nào của con người, thì tiêu chí thử luyện của Ngài là liệu con người có đứng vững trong lời chứng của mình khi bị tấn công bởi Sa-tan hay không, và liệu họ có từ bỏ Đức Chúa Trời, đầu hàng và quy phục Sa-tan, trong khi bị Sa-tan gài bẫy hay không. Có thể nói rằng con người có thể được cứu hay không là tùy thuộc vào việc họ có thể vượt qua và đánh bại Sa-tan hay không, và họ có thể đạt được sự tự do hay không là tùy thuộc vào việc họ có thể tự mình giương cao những vũ khí mà Đức Chúa Trời đã ban cho họ để vượt qua cảnh nô lệ của Sa-tan, khiến Sa-tan hoàn toàn từ bỏ hy vọng và bỏ mặc hẳn một mình hay không. Nếu Sa-tan từ bỏ hy vọng và buông tha ai đó, điều này có nghĩa là Sa-tan sẽ không bao giờ cố lấy người này từ Đức Chúa Trời lần nữa, sẽ không bao giờ cáo buộc và gây cản trở cho người này nữa, sẽ không bao giờ hành hạ hay tấn công họ nữa; chỉ người như thế này mới thật sự được Đức Chúa Trời thu phục. Đây là toàn bộ quá trình Đức Chúa Trời thu phục con người.

## **Lời cảnh báo và sự khai sáng cho các thế hệ sau bởi chứng ngôn của Gióp**

Cùng với việc hiểu được quá trình Đức Chúa Trời thu phục ai đó hoàn toàn, con người cũng sẽ hiểu những mục tiêu và ý nghĩa của việc Đức Chúa Trời giao Gióp cho Sa-tan. Con người không còn băn khoăn bởi nỗi thống khổ của Gióp nữa, và có một nhận thức mới về ý nghĩa của nó. Họ không còn lo về việc liệu bản thân họ có phải chịu sự cám dỗ giống y như Gióp không, và không còn chống đối hay từ chối khi những thử luyện của Đức Chúa Trời đến nữa. Đức tin, sự vâng phục, và chứng ngôn của Gióp để vượt qua Sa-tan đã là một nguồn trợ giúp và khích lệ rất lớn đối với con người. Nơi Gióp, họ thấy hy vọng cho sự cứu rỗi bản thân, và thấy rằng thông qua đức tin, sự vâng phục và kính sợ Đức Chúa Trời, hoàn toàn có thể đánh bại Sa-tan, chiến thắng Sa-tan. Họ thấy rằng miễn sao họ chấp nhận quyền tối thượng và những sự sắp đặt của Đức Chúa Trời, và miễn sao họ sở hữu sự quyết tâm và đức tin để không từ bỏ Đức Chúa Trời sau khi đã mất mọi thứ, thì họ có thể đánh bại và khiến Sa-tan hổ thẹn, và họ thấy rằng họ chỉ cần sở hữu sự quyết tâm và kiên trì để đứng vững trong lời chứng của mình – ngay cả khi điều đó đồng nghĩa với việc mất đi mạng sống của họ – để Sa-tan phải hoảng sợ và vội vã rút lui. Chứng ngôn của Gióp là lời cảnh báo cho các thế hệ sau, và lời cảnh báo này nói với họ rằng nếu họ không đánh bại Sa-tan, vậy thì họ sẽ không bao giờ có thể giải thoát bản thân khỏi những cáo buộc và sự quấy rầy của Sa-tan, họ cũng không bao giờ có thể thoát khỏi sự ngược đãi và tấn công của Sa-tan. Chứng ngôn của Gióp đã khai sáng các thế hệ sau. Sự khai sáng này dạy con người rằng chỉ khi họ trọn vẹn và ngay thẳng, họ mới có thể kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác; nó dạy họ rằng chỉ khi họ kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác, họ mới làm chứng mạnh mẽ và vang dội cho Đức Chúa Trời; chỉ khi họ làm chứng mạnh mẽ và vang dội cho Đức Chúa Trời, họ mới không bao giờ bị Sa-tan kiểm soát và sống dưới sự hướng dẫn, che chở của Đức Chúa Trời – chỉ khi đó họ mới thật sự được cứu rỗi. Nhân cách của Gióp và sự theo đuổi của cuộc đời ông nên được noi theo bởi bất kỳ ai theo đuổi sự cứu rỗi. Đó là điều ông đã sống bày tỏ ra trong cả cuộc đời mình và cách cư xử của ông trong những thử luyện là một kho báu quý giá cho tất cả những ai theo đuổi con đường kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác.

### **Chứng ngôn của Gióp mang sự yên ủi đến cho Đức Chúa Trời**

Nếu bây giờ Ta nói với các người rằng Gióp là một con người đáng mến, có lẽ các người không thể nhận thức rõ ý nghĩa trong những lời này, và có lẽ các người không thể nắm bắt được tâm tư đằng sau lý do tại sao Ta nói tất cả những điều này; nhưng hãy đợi cho đến ngày khi các người đã trải nghiệm những thử luyện giống y như hoặc tương tự như của Gióp, khi các người đã trải qua tai ương, khi các người đã trải nghiệm những thử luyện được sắp đặt riêng cho các người bởi Đức Chúa Trời, khi người dâng trọn mình, chịu sự nhục nhã và gian nan để chiến thắng Sa-tan và làm chứng cho Đức Chúa Trời giữa những cám dỗ – khi ấy người sẽ có thể nhận thức rõ ý nghĩa của những

lời Ta phán. Vào lúc đó, người sẽ cảm thấy rằng mình kém hơn nhiều so với Gióp, người sẽ cảm thấy Gióp thật đáng mến làm sao, và rằng ông đáng được noi theo. Đến lúc ấy, người sẽ nhận ra những lời kinh điển mà Gióp nói ra quan trọng như thế nào đối với kẻ bại hoại và kẻ sống trong những thời điểm này, và người sẽ nhận ra con người ngày nay khó đạt được điều Gióp đã đạt được như thế nào. Khi người cảm thấy khó khăn, người sẽ nhận thức rõ lòng Đức Chúa Trời bồn chồn và lo lắng ra sao, người sẽ nhận thức rõ cái giá mà Đức Chúa Trời đã trả để thu phục những người như thế mới đặt đường nào, cũng như những gì Đức Chúa Trời làm và ban cho nhân loại quý giá ra sao. Giờ đây khi các người đã nghe những lời này, các người có sự hiểu biết và đánh giá chính xác về Gióp không? Trong mắt các người, Gióp có là một người trọn vẹn và ngay thẳng, kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác không? Ta tin rằng hầu hết mọi người chắc chắn sẽ trả lời là có. Bởi sự thật về những gì Gióp đã hành động và tỏ lộ là không thể phủ nhận bởi bất kỳ con người nào hay Sa-tan. Chúng là bằng chứng quyền lực nhất về sự chiến thắng của Gióp đối với Sa-tan. Bằng chứng này được tạo ra nơi Gióp, và là chứng ngôn đầu tiên mà Đức Chúa Trời nhận được. Do đó, khi Gióp chiến thắng những cám dỗ của Sa-tan và làm chứng cho Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời đã nhìn thấy hy vọng nơi Gióp, và lòng Ngài được yên ủi bởi Gióp. Kể từ lúc sáng thế cho đến thời của Gióp, đây là lần đầu tiên Đức Chúa Trời thật sự trải nghiệm sự yên ủi là gì, và được yên ủi bởi con người có nghĩa là gì. Đó là lần đầu tiên Ngài thấy và thu phục được chứng ngôn thật sự dành cho Ngài.

Ta tin rằng, khi đã nghe về chứng ngôn của Gióp và những lời thuật lại về các phương diện khác nhau của Gióp, đại đa số mọi người sẽ có những kế hoạch cho con đường phía trước họ. Do vậy, Ta cũng tin rằng đa số những người đầy bồn chồn và lo sợ sẽ dần bắt đầu thư giãn cả thể xác lẫn tâm hồn, và sẽ bắt đầu cảm thấy nhẹ nhõm, từng chút một...

Các đoạn bên dưới cũng là những lời thuật lại về Gióp. Chúng ta hãy đọc tiếp.

#### **4. Gióp nghe Đức Chúa Trời bằng tai**

Gióp 9:11 Kìa, Ngài đã đi qua gần tôi, mà tôi không thấy Ngài, Ngài sang ngang trước mặt tôi, nhưng tôi chẳng nhìn thấy Ngài.

Gióp 23:8-9 Đây, tôi đi tới trước, nhưng không có Ngài tại đó; Tôi đi lại sau, song tôi cũng chẳng nhìn thấy Ngài; Qua phía tả, khi Ngài đương làm công việc đó, song tôi không phân biệt Ngài được; Ngài ẩn tại phía hữu, nên tôi chẳng thấy Ngài.

Gióp 42:2-6 Tôi biết rằng Chúa có thể làm được mọi sự, chẳng có ý chỉ nào Chúa lấy làm khó lắm. Kẻ này là ai, không hiểu biết gì, lại dám che ám ý chỉ của Chúa? Phải, tôi đã nói những điều tôi không hiểu đến, Tức các sự lạ lùng quá cho tôi, mà tôi chẳng thông biết. Hỡi Chúa, xin hãy nghe, tôi sẽ nói; Tôi sẽ hỏi Chúa, Chúa sẽ chỉ dạy cho tôi. Trước lỗ tai tôi có nghe đồn về Chúa, Nhưng bây giờ, mắt tôi đã thấy Ngài: Vì vậy, tôi lấy làm gớm ghê tôi, Và ăn năn trong tro bụi.

## **Mặc dù Đức Chúa Trời đã không tỏ lộ chính Ngài với Gióp nhưng Gióp tin vào quyền tối thượng của Đức Chúa Trời**

Trọng điểm của những lời này là gì? Có bất kỳ ai trong các người nhận ra rằng có một sự thật ở đây không? Trước hết, làm sao Gióp biết có một Đức Chúa Trời? Rồi thì, làm sao ông biết rằng trời đất và muôn vật được Đức Chúa Trời cai trị? Có một đoạn trả lời hai câu hỏi này: “Trước lỗ tai tôi có nghe đồn về Chúa, Nhưng bây giờ, mắt tôi đã thấy Ngài: Vì vậy, tôi lấy làm gớm ghê tôi, Và ăn năn trong tro bụi”. Từ những lời này, chúng ta biết được rằng, thay vì đã tận mắt nhìn thấy Đức Chúa Trời, Gióp đã được biết về Đức Chúa Trời từ truyền thuyết. Chính trong những hoàn cảnh này mà ông bắt đầu bước đi con đường theo Đức Chúa Trời, sau đó ông đã xác nhận sự hiện hữu của Đức Chúa Trời trong cuộc sống của mình, và giữa muôn vật. Có một sự thật không thể phủ nhận ở đây – sự thật đó là gì? Cho dù có thể theo con đường kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác, nhưng Gióp cũng chưa bao giờ nhìn thấy Đức Chúa Trời. Trong việc này, chẳng phải ông cũng y như con người ngày nay sao? Gióp đã chưa bao giờ thấy Đức Chúa Trời, ẩn ý của điều đó là mặc dù ông đã nghe về Đức Chúa Trời, ông không biết Đức Chúa Trời ở đâu, hay Đức Chúa Trời như thế nào, hay Đức Chúa Trời đang làm gì. Đây là tất cả những yếu tố chủ quan; nói một cách khách quan, mặc dù ông đã theo Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời chưa bao giờ hiện ra với ông hay phán với ông. Chẳng phải đây là một thực tế sao? Mặc dù Đức Chúa Trời đã không phán với Gióp hay ban cho ông bất kỳ lệnh truyền nào, nhưng Gióp đã thấy sự hiện hữu của Đức Chúa Trời và thấy quyền tối thượng của Ngài giữa muôn vật, và trong những truyền thuyết mà Gióp đã nghe về Đức Chúa Trời bằng tai ông, mà sau đó ông đã bắt đầu đời sống kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Đó là nguồn gốc và quá trình mà Gióp theo Đức Chúa Trời. Nhưng cho dù ông kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác như thế nào, cho dù ông kiên vững như thế nào với sự chính trực của mình, Đức Chúa Trời vẫn không bao giờ hiện ra với ông. Chúng ta hãy đọc đoạn này. Ông nói: “Kìa, Ngài đã đi qua gần tôi, mà tôi không thấy Ngài, Ngài sang ngang trước mặt tôi, nhưng tôi chẳng nhìn thấy Ngài” (Gióp 9:11). Điều mà những lời này đang nói đến chính là Gióp có thể có hoặc không cảm thấy Đức Chúa Trời ở quanh ông – nhưng ông chưa bao giờ có thể nhìn thấy Đức Chúa Trời. Có những khi ông tưởng tượng Đức Chúa Trời đi ngang trước mặt ông, hoặc hành động, hoặc hướng dẫn con người, nhưng ông chẳng bao giờ biết. Đức Chúa Trời đến với con người khi họ không ngờ tới; con người không biết Đức Chúa Trời đến với họ khi nào, hoặc Đức Chúa Trời đến với họ ở đâu, bởi vì con người không thể nhìn thấy Đức Chúa Trời, và do đó, đối với con người, Đức Chúa Trời ẩn giấu với họ.

## **Đức tin của Gióp nơi Đức Chúa Trời không bị lung lay bởi việc Đức Chúa Trời ẩn giấu với ông**

Trong đoạn sau của Kinh Thánh, Gióp khi ấy nói: “Này, tôi đi tới trước, nhưng không có Ngài tại đó; Tôi đi lại sau, song tôi cũng chẳng nhìn thấy Ngài; Qua phía tả, khi Ngài đương làm công việc đó, song tôi không phân biệt Ngài được; Ngài ẩn tại phía hữu, nên

tôi chẳng thấy Ngài” (Gióp 23:8-9). Trong lời thuật lại này, chúng ta biết rằng trong những trải nghiệm của Gióp, Đức Chúa Trời đã ẩn giấu với ông xuyên suốt; Đức Chúa Trời đã không công khai hiện ra với ông, Ngài cũng không công khai phán bất kỳ lời nào với ông, nhưng trong lòng mình, Gióp tin tưởng vào sự hiện hữu của Đức Chúa Trời. Ông đã luôn tin rằng Đức Chúa Trời có thể đang đi trước mặt ông, hoặc có thể đang hành động bên cạnh ông, và rằng mặc dù ông không thể nhìn thấy Đức Chúa Trời nhưng Đức Chúa Trời ở cạnh bên ông, chi phối mọi điều về ông. Gióp chưa bao giờ nhìn thấy Đức Chúa Trời, nhưng ông vẫn có thể chân thật với đức tin của mình, điều mà không người nào khác có thể làm được. Tại sao những người khác không thể làm điều đó? Đó là vì Đức Chúa Trời đã không phán với Gióp hay hiện ra với ông, và nếu ông không thật sự tin thì ông đã không thể tiếp tục, ông cũng không thể kiên vững với con đường kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Điều này không đúng sao? Người cảm thấy thế nào khi người đọc được Gióp nói những lời này? Người có cảm thấy rằng sự trọn vẹn và ngay thẳng của Gióp, và sự công chính của ông trước Đức Chúa Trời, là thật, và không phải là sự cường điệu về phía Đức Chúa Trời không? Mặc dù Đức Chúa Trời đã đối đãi với Gióp như với những người khác và đã không hiện ra hay phán với ông, nhưng Gióp vẫn kiên vững với sự chính trực của mình, vẫn tin vào quyền tối thượng của Đức Chúa Trời, và hơn nữa, ông thường dâng của lễ thiêu và cầu nguyện trước Đức Chúa Trời như một kết quả của việc ông sợ xúc phạm Đức Chúa Trời. Trong khả năng kính sợ Đức Chúa Trời mà không nhìn thấy Đức Chúa Trời của Gióp, chúng ta thấy được ông yêu những điều tích cực nhiều như thế nào, và đức tin của ông vững vàng, chân thật ra sao. Ông đã không phủ nhận sự hiện hữu của Đức Chúa Trời bởi vì Đức Chúa Trời ẩn giấu với ông, ông cũng không mất đi đức tin của mình và từ bỏ Đức Chúa Trời vì ông chưa bao giờ nhìn thấy Ngài. Thay vào đó, giữa công tác cai trị muôn vật ẩn giấu của Đức Chúa Trời, ông đã nhận ra sự hiện hữu của Đức Chúa Trời, cảm nhận quyền tối thượng và quyền năng của Đức Chúa Trời. Ông đã không từ bỏ việc sống ngay thẳng bởi vì Đức Chúa Trời ẩn đi, ông cũng không từ bỏ con đường kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác bởi vì Đức Chúa Trời đã chưa bao giờ hiện ra với ông. Gióp chưa bao giờ yêu cầu Đức Chúa Trời xuất hiện công khai với ông để chứng minh sự hiện hữu của Ngài, bởi ông đã thấy quyền tối thượng của Đức Chúa Trời giữa muôn vật, và ông tin rằng mình đã đạt được những phúc lành và ân điển mà những người khác không đạt được. Mặc dù Đức Chúa Trời vẫn ẩn giấu với ông, đức tin của Gióp nơi Đức Chúa Trời không bao giờ lung lay. Do đó, ông đã gạt hái điều mà không ai khác có được: sự chấp thuận của Đức Chúa Trời và phúc lành của Đức Chúa Trời.

### **Gióp ngợi khen danh Đức Chúa Trời và không nghĩ về những phúc lành hay tai họa**

Có một thực tế không bao giờ được đề cập trong những câu chuyện về Gióp của Kinh Thánh, và thực tế này sẽ là tâm điểm của chúng ta hôm nay. Mặc dù Gióp chưa bao giờ thấy Đức Chúa Trời hay tận tai nghe những lời của Đức Chúa Trời, nhưng Đức



Chúa Trời đã có một vị trí trong lòng Gióp. Thái độ của Gióp đối với Đức Chúa Trời là gì? Đó là, như đã đề cập trước đây, “ngợi khen danh Đức Giê-hô-va”. Sự ngợi khen danh Đức Chúa Trời của ông là vô điều kiện, không phân biệt hoàn cảnh, và không cần lý do. Chúng ta thấy rằng Gióp đã dâng lòng mình cho Đức Chúa Trời, cho phép nó được Đức Chúa Trời kiểm soát; tất cả những gì ông nghĩ, tất cả những gì ông quyết định, và tất cả những gì ông đã lên kế hoạch trong lòng mình đều được giải bày với Đức Chúa Trời và không khép mình với Ngài. Lòng ông không chống đối Đức Chúa Trời, ông không bao giờ yêu cầu Đức Chúa Trời làm bất cứ điều gì cho ông hay ban cho ông bất cứ thứ gì, và ông đã không nuôi những ham muốn ngông cuồng rằng ông sẽ đạt được bất cứ thứ gì từ sự thờ phượng Đức Chúa Trời của mình. Gióp đã không nói chuyện dối chác với Đức Chúa Trời, và đã không yêu cầu hay đòi hỏi gì ở Đức Chúa Trời. Sự ngợi khen danh Đức Chúa Trời của ông là vì quyền năng và thẩm quyền vĩ đại của Đức Chúa Trời trong việc cai trị muôn vật, và nó không lệ thuộc vào việc ông đạt được những phúc lành hay bị tai họa giáng xuống. Ông đã tin rằng bất kể Đức Chúa Trời ban phúc cho con người hay giáng thảm họa xuống họ, thì quyền năng và thẩm quyền của Đức Chúa Trời sẽ không thay đổi, và như thế, bất kể những hoàn cảnh của một người, thì danh Đức Chúa Trời nên được ngợi khen. Việc con người được Đức Chúa Trời ban phúc lành là bởi quyền tối thượng của Đức Chúa Trời, và khi tai họa xảy đến với con người, đó cũng là vì quyền tối thượng của Đức Chúa Trời. Quyền năng và thẩm quyền của Đức Chúa Trời thống trị và sắp đặt mọi thứ về con người; những sự thất thường trong vận may của con người là biểu hiện cho quyền năng và thẩm quyền của Đức Chúa Trời, và bất kể quan điểm của một người, danh Đức Chúa Trời phải được ngợi khen. Đây là điều Gióp đã trải nghiệm và bắt đầu biết đến trong những năm tháng của cuộc đời ông. Tất cả những ý nghĩ và hành động của Gióp đều đến tai Đức Chúa Trời và đến trước Đức Chúa Trời, cũng như được Đức Chúa Trời xem trọng. Đức Chúa Trời trân trọng kiến thức này của Gióp, và trân quý Gióp vì có tấm lòng như vậy. Tấm lòng này luôn chờ đợi lệnh truyền của Đức Chúa Trời, ở mọi nơi, và bất kể thời gian hay nơi chốn, nó cũng chào đón bất cứ điều gì xảy đến với ông. Gióp đã không yêu cầu gì ở Đức Chúa Trời. Điều ông yêu cầu chính mình là chờ đợi, chấp nhận, đối diện, và vâng phục tất cả những sự sắp đặt đến từ Đức Chúa Trời; Gióp tin đây là bổn phận của ông, và đó chính là điều Đức Chúa Trời muốn. Gióp chưa bao giờ nhìn thấy Đức Chúa Trời, cũng chưa bao giờ nghe Đức Chúa Trời phán bất kỳ lời nào, đưa ra bất kỳ lệnh truyền nào, ban bất kỳ lời giáo huấn nào, hay hướng dẫn ông bất cứ điều gì. Theo cách nói của ngày nay, việc ông có thể sở hữu một kiến thức và thái độ như vậy đối với Đức Chúa Trời trong khi Đức Chúa Trời đã không ban cho ông sự khai sáng, hướng dẫn, hay chu cấp gì liên quan đến lẽ thật – điều này thật quý giá, và việc ông minh chứng những điều như thế là đủ đối với Đức Chúa Trời, và chứng ngôn của ông được Đức Chúa Trời khen ngợi và trân trọng. Gióp chưa bao giờ thấy Đức Chúa Trời hay nghe Đức Chúa Trời đích thân phán ra bất kỳ lời giáo huấn nào với ông, nhưng đối với Đức Chúa Trời, lòng ông và bản thân ông quý hơn nhiều so với những kẻ mà, trước Đức

Chúa Trời chỉ có thể nói về lý thuyết sâu xa, những kẻ chỉ có thể huênh hoang, và nói về những sự dâng của lễ, nhưng lại là những kẻ không bao giờ có kiến thức thật về Đức Chúa Trời, và chưa bao giờ thật sự kính sợ Đức Chúa Trời. Bởi lòng Gióp tinh sạch, không ẩn giấu với Đức Chúa Trời, nhân tính của ông trung thực và tốt bụng, ông yêu công lý và những điều tích cực. Chỉ một người như thế này, sở hữu tấm lòng và nhân tính như thế, mới có thể theo con đường của Đức Chúa Trời, có khả năng kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Một người như thế có thể thấy quyền tối thượng của Đức Chúa Trời, có thể thấy thẩm quyền và quyền năng của Ngài, và có thể đạt được sự vâng phục quyền tối thượng và những sự sắp đặt của Ngài. Chỉ một người như thế mới có thể thật sự ngợi khen danh Đức Chúa Trời. Đó là vì ông đã không nhìn vào việc liệu Đức Chúa Trời ban phúc lành cho ông hay giáng thảm họa xuống ông, bởi vì ông biết rằng mọi thứ được kiểm soát bởi tay Đức Chúa Trời, và rằng việc con người lo lắng là một dấu hiệu của sự ngốc nghếch, ngu dốt, và vô lý, là dấu hiệu của sự hoài nghi đối với sự thực rằng Đức Chúa Trời tể trị vạn vật trên đời, và không kính sợ Đức Chúa Trời. Kiến thức của Gióp chính là điều Đức Chúa Trời muốn. Như vậy, có phải Gióp đã có kiến thức lý thuyết về Đức Chúa Trời nhiều hơn các người không? Bởi công tác và những lời phán của Đức Chúa Trời vào lúc đó rất ít, không dễ để đạt được kiến thức về Đức Chúa Trời. Thành tựu ấy bởi Gióp là một kỳ công không hề dễ dàng. Ông đã chưa trải nghiệm công tác của Đức Chúa Trời, cũng chưa bao giờ nghe Đức Chúa Trời phán, cũng chưa thấy mặt Đức Chúa Trời. Việc ông có thể có một thái độ như thế đối với Đức Chúa Trời hoàn toàn là kết quả của nhân tính của ông và sự theo đuổi cá nhân của ông, một nhân tính và sự theo đuổi mà con người ngày nay không có được. Do đó, vào thời đại ấy, Đức Chúa Trời nói: “Trên đất chẳng có ai giống như người, vốn trọn vẹn và ngay thẳng”. Vào thời đại đó, Đức Chúa Trời đã đưa ra đánh giá như thế về ông, và đã đi đến một kết luận như vậy. Điều đó còn đúng hơn bao nhiêu nữa vào ngày nay?

### **Mặc dù Đức Chúa Trời ẩn giấu với con người, những việc làm của Ngài giữa muôn vật là đủ để con người biết Ngài**

Gióp đã không nhìn thấy mặt Đức Chúa Trời hay nghe những lời Đức Chúa Trời phán, và ông càng không đích thân trải nghiệm công tác của Đức Chúa Trời, nhưng ông kính sợ Đức Chúa Trời và chứng ngôn của ông trong những sự thử luyện đều được chứng kiến bởi tất cả, và chúng được Đức Chúa Trời yêu thích, hài lòng, và khen ngợi, và mọi người ghen tỵ, ngưỡng mộ chúng, và thậm chí hơn thế, họ còn hát những lời khen ngợi. Không gì vĩ đại hay phi thường về cuộc đời của ông: Cũng như bất kỳ người bình thường nào, ông sống một cuộc sống không đáng kể, đi làm lúc bình minh và về nhà nghỉ lúc hoàng hôn. Sự khác biệt là trong vài thập kỷ không đáng kể của cuộc đời mình, ông đã đạt được sự hiểu biết sâu sắc về con đường của Đức Chúa Trời, nhận ra và hiểu được quyền năng và quyền tối thượng vĩ đại của Đức Chúa Trời mà chưa ai từng có. Ông không thông minh hơn bất kỳ người bình thường nào, cuộc sống của ông không đặc biệt ngoạn mục, hơn nữa ông cũng không có những kỹ năng vô hình đặc

biệt. Tuy nhiên, điều ông đã sở hữu là một nhân cách trung thực, tốt bụng, và ngay thẳng, một nhân cách yêu sự công bằng, công chính, và những điều tích cực – không điều gì trong số này được sở hữu bởi đại đa số những người bình thường. Ông phân biệt giữa yêu và ghét, có ý thức công lý, không chịu khuất phục và kiên trì, chú ý tỉ mỉ đến chi tiết trong suy nghĩ của mình. Do đó, trong khoảng thời gian không đáng kể của mình trên đất, ông đã nhìn thấy tất cả những điều phi thường mà Đức Chúa Trời đã làm, và ông đã thấy sự vĩ đại, thánh khiết, và công chính của Đức Chúa Trời, ông đã thấy sự quan tâm, độ lượng, và sự che chở của Đức Chúa Trời đối với con người, và ông đã thấy được sự đáng tôn kính và thẩm quyền của Đức Chúa Trời tối cao. Lý do đầu tiên giải thích tại sao Gióp có thể đạt được những điều này, những điều vượt xa bất kỳ người bình thường nào, là vì ông có một tấm lòng tinh sạch, tấm lòng ông thuộc về Đức Chúa Trời, và được dẫn dắt bởi Đấng Tạo Hóa. Lý do thứ hai là sự theo đuổi của ông: sự theo đuổi việc sống hoàn thiện và trọn vẹn của ông, việc làm một người tuân theo ý muốn của Trời, người được Đức Chúa Trời yêu thương, và người lánh khỏi điều ác. Gióp sở hữu và theo đuổi những điều này khi không thể nhìn thấy Đức Chúa Trời hay nghe lời Đức Chúa Trời; mặc dù ông chưa bao giờ thấy Đức Chúa Trời, ông đã dần biết được phương tiện mà Đức Chúa Trời dùng để cai trị muôn vật, và ông đã hiểu sự khôn ngoan mà Đức Chúa Trời dùng để làm như thế. Mặc dù ông chưa bao giờ nghe những lời Đức Chúa Trời phán, Gióp đã biết rằng những hành động ban thưởng cho con người và lấy đi từ con người đều đến từ Đức Chúa Trời. Mặc dù những năm tháng của cuộc đời ông không khác với của bất kỳ người bình thường nào, nhưng ông đã không cho phép sự không đáng kể của cuộc đời ông ảnh hưởng đến kiến thức của ông về quyền tối thượng của Đức Chúa Trời đối với muôn vật, hay ảnh hưởng đến việc ông theo con đường kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Trong mắt ông, những quy luật của muôn vật có đầy những việc làm của Đức Chúa Trời, và quyền tối thượng của Đức Chúa Trời có thể được nhìn thấy ở bất kỳ phần nào của đời sống con người. Ông đã không nhìn thấy Đức Chúa Trời, nhưng ông có thể nhận ra rằng những việc làm của Đức Chúa Trời ở khắp nơi, và trong khoảng thời gian không đáng kể của ông trên đất, ở mọi ngõ ngách cuộc đời mình, ông đều có thể thấy và nhận ra những việc làm phi thường, thần kỳ của Đức Chúa Trời, và ông có thể thấy được những sự sắp đặt thần kỳ của Đức Chúa Trời. Sự ẩn giấu và im lặng của Đức Chúa Trời đã không cản trở Gióp nhận ra những việc làm của Đức Chúa Trời, chúng cũng không ảnh hưởng đến kiến thức của ông về quyền tối thượng của Đức Chúa Trời trên muôn vật. Trong đời sống hàng ngày của ông, sự sống của ông là sự nhận biết về quyền tối thượng và những sự sắp đặt của Đức Chúa Trời, Đấng ẩn giấu với muôn vật. Trong đời sống hàng ngày của ông, ông cũng nghe và hiểu được tiếng lòng của Đức Chúa Trời và lời Đức Chúa Trời, Đấng im lặng giữa muôn vật nhưng lại bày tỏ tiếng lòng Ngài và những lời của Ngài bằng cách chi phối quy luật của muôn vật. Như vậy, các người thấy rằng nếu mọi người có cùng nhân tính và sự theo đuổi như Gióp, thì họ có thể đạt được sự nhận biết và kiến thức giống y như của Gióp về quyền tối thượng của Đức Chúa Trời trên muôn vật. Đức Chúa Trời đã không

hiện ra với Gióp hay phán với ông, nhưng Gióp có thể trọn vẹn và ngay thẳng, kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Nói cách khác, khi Đức Chúa Trời không hiện ra hay phán với con người, những việc làm của Đức Chúa Trời giữa muôn vật và quyền tối thượng của Ngài trên muôn vật là đủ để con người trở nên nhận biết về sự hiện hữu, quyền năng, và thẩm quyền của Đức Chúa Trời, và quyền năng, thẩm quyền của Đức Chúa Trời là đủ để làm cho con người theo con đường kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Bởi một người bình thường như Gióp có thể đạt được sự kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác, vậy thì mọi người bình thường theo Đức Chúa Trời cũng phải có thể. Mặc dù những lời này nghe có vẻ như suy luận lôgic, nhưng điều này không trái với các quy luật của sự vật. Tuy nhiên thực tế lại không khớp với kỳ vọng: Sự kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác có vẻ là điều dành riêng cho Gióp và chỉ Gióp mà thôi. Khi đề cập đến “kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác”, con người nghĩ rằng điều này chỉ nên được thực hiện bởi Gióp như thể con đường kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác đã được đặt tên là Gióp và không liên quan gì đến những người khác cả. Lý do cho điều này thật rõ ràng: Bởi vì chỉ Gióp mới sở hữu nhân cách trung thực, tốt bụng và ngay thẳng, yêu sự công lý, công chính và những điều tích cực, do đó chỉ Gióp mới có thể theo con đường kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Tất cả các người hèn đã hiểu ẩn ý ở đây – bởi không ai sở hữu một nhân tính trung thực, tốt bụng, và ngay thẳng, một nhân tính yêu sự công lý, công chính và những điều tích cực, nên không ai có thể kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác, và do đó mọi người không bao giờ có thể đạt được niềm vui của Đức Chúa Trời hay đứng vững giữa những thử luyện. Điều này cũng có nghĩa rằng, với Gióp là ngoại lệ, tất cả mọi người vẫn bị Sa-tan trói buộc và gài bẫy; tất cả họ đều bị hèn cáo buộc, tấn công và ngược đãi. Họ là những người Sa-tan cố nuốt chửng, và tất cả họ đều không có tự do, là những tù nhân đã bị Sa-tan giam cầm.

### **Nếu lòng người thù địch với Đức Chúa Trời, làm sao con người có thể kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác?**

Bởi vì con người ngày nay không sở hữu cùng một nhân tính như Gióp, bản tính và thực chất của họ, và thái độ của họ đối với Đức Chúa Trời là gì? Họ có kính sợ Đức Chúa Trời không? Họ có lánh khỏi điều ác không? Những ai không kính sợ Đức Chúa Trời hay lánh khỏi điều ác chỉ có thể được tóm tắt bằng những từ này: “kẻ thù của Đức Chúa Trời”. Các người thường nói những từ này, nhưng các người chưa bao giờ biết ý nghĩa thật của chúng. Những từ “kẻ thù của Đức Chúa Trời” có thực chất như sau: Chúng không nói rằng Đức Chúa Trời xem con người là kẻ thù, mà rằng con người xem Đức Chúa Trời như kẻ thù. Trước tiên, khi con người bắt đầu tin vào Đức Chúa Trời, ai trong số họ không có mục đích, động cơ, và tham vọng riêng? Mặc dù một phần trong họ tin vào sự hiện hữu của Đức Chúa Trời và đã nhìn thấy sự hiện hữu của Đức Chúa Trời, nhưng niềm tin của họ nơi Đức Chúa Trời vẫn chứa đựng những động cơ đó, và mục tiêu sau cùng của họ trong việc tin vào Đức Chúa Trời là nhận những phúc lành của Ngài và những điều họ muốn. Trong những trải nghiệm sống của con người, họ

thường tự nhủ rằng: “Tôi đã từ bỏ gia đình và sự nghiệp vì Đức Chúa Trời, và Ngài đã cho tôi được gì? Tôi phải tổng lại, và xác nhận rằng – tôi đã nhận được bất kỳ phúc lành nào gần đây chưa? Tôi đã cho đi rất nhiều trong thời gian này, tôi đã làm tốt bấy lâu nay, và chịu đựng rất nhiều – đổi lại Đức Chúa Trời đã cho tôi bất kỳ lời hứa nào chưa? Ngài có nhớ những việc lành của tôi chưa? Kết cục của tôi sẽ là gì? Tôi có thể nhận những phúc lành của Đức Chúa Trời không? ...”. Mỗi người đều liên tục thực hiện những sự tính toán như thế trong lòng họ, và họ đưa ra những yêu cầu đối với Đức Chúa Trời, những yêu cầu mang động cơ, tham vọng, và tâm lý đổi chác của họ. Nói vậy nghĩa là, trong lòng mình, con người liên tục kiểm tra Đức Chúa Trời, liên tục đặt ra những kế hoạch về Đức Chúa Trời, liên tục tranh luận về trường hợp kết cuộc cá nhân của riêng mình với Đức Chúa Trời, và cố gắng moi ra một câu tuyên bố từ Đức Chúa Trời, xem liệu Đức Chúa Trời có thể ban cho họ điều họ muốn hay không. Cùng với việc theo đuổi Đức Chúa Trời, con người không đối đãi với Đức Chúa Trời như một Đức Chúa Trời. Con người luôn cố gắng thỏa thuận với Đức Chúa Trời, không ngừng đòi hỏi ở Ngài, và thậm chí thúc ép Ngài trong mọi bước, được đăng chân lên đăng đầu. Cùng với việc cố gắng thỏa thuận với Đức Chúa Trời, con người cũng tranh luận với Ngài, và thậm chí có những người mà khi những thử luyện xảy đến với họ hay họ thấy mình trong những tình huống nhất định, thường trở nên yếu đuối, thụ động, bê trễ trong công việc, và đầy than oán về Đức Chúa Trời. Từ khi con người mới bắt đầu tin Đức Chúa Trời, họ đã xem Đức Chúa Trời là một nguồn cung dồi dào, là một con dao gấp đa năng, và họ coi chính mình là chủ nợ lớn nhất của Đức Chúa Trời, như thể việc cố gắng lấy được những phúc lành và lời hứa từ Đức Chúa Trời là quyền và nghĩa vụ vốn có của họ, trong khi trách nhiệm của Đức Chúa Trời là bảo vệ, chăm sóc cho con người, và chu cấp cho họ. Đó là sự hiểu biết cơ bản về “niềm tin nơi Đức Chúa Trời” của tất cả những ai tin Đức Chúa Trời, và đó là sự hiểu biết sâu sắc nhất của họ về khái niệm niềm tin nơi Đức Chúa Trời. Từ bản tính và thực chất của con người cho đến sự theo đuổi chủ quan của họ, không điều gì liên quan đến sự kính sợ Đức Chúa Trời. Mục tiêu của con người trong việc tin vào Đức Chúa Trời không thể liên quan gì đến sự thờ phượng Đức Chúa Trời. Nói vậy nghĩa là, con người chưa bao giờ xem xét hay hiểu rằng niềm tin nơi Đức Chúa Trời đòi hỏi kính sợ và thờ phượng Đức Chúa Trời. Với tình trạng như vậy, thực chất của con người thật rõ ràng. Đó là thực chất gì? Đó là lòng người hiểm độc, nuôi sự phản bội và lừa dối, không yêu sự công lý, công chính và những điều tích cực, nó đề tiện và tham lam. Lòng người không thể khép kín hơn với Đức Chúa Trời; họ chưa hề dâng nó cho Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời chưa bao giờ thấy tấm lòng thật của con người, Ngài cũng chưa bao giờ được con người thờ phượng. Cho dù cái giá mà Đức Chúa Trời trả có đắt như thế nào, hoặc Ngài làm bao nhiêu công tác, hoặc Ngài chu cấp cho con người nhiều bao nhiêu, con người vẫn mù quáng và hoàn toàn thờ ơ với tất cả. Con người chưa bao giờ dâng lòng mình cho Đức Chúa Trời, họ chỉ muốn lo việc của mình, đưa ra những quyết định của riêng mình – ẩn ý của điều này là con người không muốn theo con đường kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác, hoặc vâng phục

quyền tối thượng và những sự sắp đặt của Đức Chúa Trời, họ cũng không muốn thờ phượng Đức Chúa Trời như với một Đức Chúa Trời. Đó là tình trạng của con người ngày nay. Bây giờ chúng ta hãy nhìn lại Gióp lần nữa. Trước hết, ông có lập thỏa thuận với Đức Chúa Trời không? Ông có bất kỳ động cơ ngầm nào trong việc giữ vững con đường kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác không? Vào lúc đó, Đức Chúa Trời có nói với bất kỳ ai về kết cuộc sắp tới không? Vào lúc đó, Đức Chúa Trời đã không hứa với bất kỳ ai về kết cuộc, và chính dựa trên nền tảng này mà Gióp có thể kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Con người ngày nay có dám sánh với Gióp được không? Có quá nhiều sự chênh lệch; họ cách nhau một trời một vực. Mặc dù Gióp đã không có nhiều kiến thức về Đức Chúa Trời, nhưng ông đã dâng lòng mình cho Đức Chúa Trời và nó thuộc về Đức Chúa Trời. Ông chưa bao giờ có thỏa thuận với Đức Chúa Trời, và không có ham muốn hay đòi hỏi ngông cuồng đối với Đức Chúa Trời; thay vào đó, ông tin rằng “Đức Giê-hô-va đã ban cho, Đức Giê-hô-va lại cất đi”. Đây là điều ông đã thấy và đạt được từ việc giữ đúng con đường kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác trong nhiều năm cuộc đời. Tương tự, ông cũng đã đạt kết quả được thể hiện trong những lời: “Sự phước mà tay Đức Chúa Trời ban cho chúng ta, chúng ta lãnh lấy, còn sự tai họa mà tay Ngài giáng trên chúng ta, lại chẳng lãnh lấy sao?”. Hai câu này là những gì ông đã thấy và biết được nhờ thái độ vâng phục của ông đối với Đức Chúa Trời trong những trải nghiệm sống của ông, và chúng cũng là những vũ khí quyền lực nhất mà ông dùng để chiến thắng trong những cám dỗ của Sa-tan, và chúng là nền tảng cho việc ông đứng vững trong lời chứng về Đức Chúa Trời. Ở điểm này, các người có hình dung Gióp là một người đáng mến không? Các người có hy vọng được là một người như thế không? Các người có sợ phải trải qua những cám dỗ của Sa-tan không? Các người có quyết tâm cầu xin Đức Chúa Trời cho các người chịu những thử luyện y như của Gióp không? Chắc chắn là hầu hết mọi người sẽ không dám cầu xin những điều như thế. Như vậy, rõ ràng là đức tin của các người nhỏ nhoi một cách đáng thương; so với Gióp, đức tin của các người chỉ đơn giản là không đáng đề cập. Các người là kẻ thù của Đức Chúa Trời, các người không kính sợ Đức Chúa Trời, các người không có khả năng đứng vững trong lời chứng của mình về Đức Chúa Trời, và các người không thể chiến thắng những cuộc tấn công, cáo buộc, và cám dỗ của Sa-tan. Điều gì khiến cho các người từ chối cách nhận được những lời hứa của Đức Chúa Trời? Khi đã nghe câu chuyện về Gióp và đã hiểu ý định của Đức Chúa Trời trong việc cứu rỗi con người và ý nghĩa của sự cứu rỗi con người, các người giờ đây có đức tin để chấp nhận những thử luyện y như của Gióp không? Các người không có chút quyết tâm nào để cho phép bản thân mình theo con đường kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác sao?

### **Không e sợ những thử luyện của Đức Chúa Trời**

Sau khi nhận chứng ngôn từ Gióp theo sau sự kết thúc những thử luyện của ông, Đức Chúa Trời đã quyết rằng Ngài sẽ thu phục một nhóm – hay nhiều hơn một nhóm – những người như Gióp, nhưng Ngài đã quyết không bao giờ cho phép Sa-tan tấn công

hay ngược đãi bất kỳ người nào khác bằng những phương tiện mà hắn đã dùng để cám dỗ, tấn công và ngược đãi Gióp, bằng cách đánh cược với Đức Chúa Trời; Đức Chúa Trời đã không cho phép Sa-tan làm những việc như thế với con người yếu đuối, khờ dại, và ngu ngốc lần nào nữa – Sa-tan cám dỗ Gióp là đã đủ! Việc không cho phép Sa-tan ngược đãi con người dù hắn có muốn đến mức nào là lòng thương xót của Đức Chúa Trời. Đối với Đức Chúa Trời, Gióp chịu đựng sự cám dỗ và ngược đãi của Sa-tan là đủ. Đức Chúa Trời đã không cho phép Sa-tan được làm những việc như thế lần nào nữa, bởi sự sống và mọi thứ của những người theo Đức Chúa Trời được thống trị và dàn xếp bởi Đức Chúa Trời, và Sa-tan không được quyền tùy ý thao túng những người được Đức Chúa Trời chọn – các người nên rõ về điểm này! Đức Chúa Trời quan tâm đến điểm yếu của con người, hiểu sự khờ dại và ngu ngốc của họ. Mặc dù, hầu cho con người có thể được cứu rỗi hoàn toàn, Đức Chúa Trời đã giao họ cho Sa-tan, nhưng Đức Chúa Trời không sẵn lòng nhìn thấy con người từng bị Sa-tan biến thành kẻ ngốc và ngược đãi, và Ngài không muốn thấy con người luôn khổ sở. Con người được tạo ra bởi Đức Chúa Trời, và việc Đức Chúa Trời cai trị và sắp đặt mọi thứ về con người là do Trời định và đất công nhận; đây là trách nhiệm của Đức Chúa Trời, và đó là thẩm quyền mà Đức Chúa Trời dùng để thống trị muôn vật! Đức Chúa Trời không cho phép Sa-tan tùy ý ngược đãi và đối xử tệ với con người, Ngài không cho phép Sa-tan sử dụng những phương tiện khác nhau để dẫn con người đi lạc lối, và hơn nữa, Ngài không cho phép Sa-tan can thiệp vào quyền tối thượng của Đức Chúa Trời với con người, Ngài cũng không cho phép Sa-tan chà đạp và phá hoại các quy luật mà Đức Chúa Trời dùng để cai trị muôn vật, nói chi đến công tác vĩ đại của Đức Chúa Trời là quản lý và cứu rỗi nhân loại! Những người mà Đức Chúa Trời mong muốn cứu rỗi, và những người có thể làm chứng cho Đức Chúa Trời, là cốt lõi và sự kết tinh của công tác kế hoạch quản lý sáu nghìn năm của Đức Chúa Trời, cũng như cái giá cho những nỗ lực trong sáu nghìn năm công tác của Ngài. Để gì Đức Chúa Trời có thể giao những người này cho Sa-tan chứ?

Người ta thường lo và sợ những thử luyện của Đức Chúa Trời, ấy thế mà họ luôn sống trong cạm bẫy của Sa-tan, sống trong lãnh thổ nguy hiểm mà ở đó họ bị Sa-tan tấn công và ngược đãi – nhưng họ không biết sợ, và không nao núng. Chuyện gì đang xảy ra vậy? Đức tin của con người nơi Đức Chúa Trời chỉ giới hạn trong những gì họ có thể thấy. Họ không có chút cảm kích nào về tình yêu và sự quan tâm của Đức Chúa Trời dành cho con người, hay về sự ân cần và quan tâm của Ngài đối với con người. Ngoại trừ một chút lo lắng và sợ hãi về những thử luyện, sự phán xét và hình phạt, sự oai nghi và thịnh nộ của Đức Chúa Trời, con người không có chút hiểu biết nào về những ý định tốt của Đức Chúa Trời. Khi đề cập đến những thử luyện, con người cảm thấy như thể Đức Chúa Trời có những động cơ ngấm, và một số thậm chí còn tin rằng Đức Chúa Trời nuôi những mưu đồ xấu, không biết Đức Chúa Trời sẽ thật sự làm gì với họ; như thế, cùng với việc hô hào về sự vâng phục quyền tối thượng và những sự sắp đặt của Đức Chúa Trời, họ làm tất cả những gì có thể để chống lại và phản đối quyền tối thượng của Đức Chúa Trời đối với con người và những sự sắp đặt dành cho con người, bởi họ tin rằng nếu không cẩn thận, họ

sẽ bị Đức Chúa Trời làm cho lầm lạc, rằng nếu họ không tự chủ vận mệnh của chính họ thì tất cả những gì họ có có thể sẽ bị Đức Chúa Trời lấy mất, và cuộc đời họ thậm chí có thể kết thúc. Con người về phe của Sa-tan, nhưng họ không bao giờ lo về việc bị Sa-tan ngược đãi, và họ bị Sa-tan ngược đãi nhưng không bao giờ sợ bị Sa-tan giam cầm. Họ cứ nói rằng họ chấp nhận sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời, nhưng lại không bao giờ tin cậy Đức Chúa Trời hay tin rằng Đức Chúa Trời sẽ thật sự cứu rỗi con người khỏi móng vuốt của Sa-tan. Nếu, giống như Gióp, con người có thể quy phục những sự dằn xép và sắp đặt của Đức Chúa Trời, và có thể dâng trọn mình vào tay Đức Chúa Trời, thì chẳng phải kết cuộc của con người sẽ giống y như của Gióp – nhận được những phúc lành của Đức Chúa Trời sao? Nếu con người có thể chấp nhận và quy phục quy tắc của Đức Chúa Trời, vậy thì có gì để mất? Do đó, Ta khuyên rằng các người cẩn thận trong những hành động của mình, và cẩn trọng với mọi thứ sắp xảy đến với các người. Đừng hấp tấp hay bốc đồng, đừng đối đãi với Đức Chúa Trời và những con người, sự việc, và sự vật mà Ngài đã sắp đặt cho các người dựa trên tính khí nóng nảy hay sự hồn nhiên của các người, hay theo những sự tưởng tượng và quan niệm của các người; các người phải cẩn trọng trong những hành động của mình, phải cầu nguyện và tìm kiếm nhiều hơn nữa, tránh kích động cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời. Hãy nhớ điều này!

Tiếp theo, chúng ta hãy xem Gióp như thế nào sau những thử luyện của ông.

## **5. Gióp sau những thử luyện của ông**

Gióp 42:7-9 Xảy sau khi Đức Giê-hô-va đã phán các lời ấy với Gióp, thì Ngài phán cùng Ê-li-pha, người Thê-man, mà rằng: Cơn thịnh nộ ta nổi lên cùng người và hai bạn hữu người; bởi vì các người không có nói về ta cách xứng đáng, y như Gióp, kẻ tôi tớ ta, đã nói. Vậy bây giờ, hãy bắt bảy con bò đực và bảy con chiên đực đi đến Gióp, kẻ tôi tớ ta, mà vì các người dâng lên một của lễ thiêu; rồi Gióp, kẻ tôi tớ ta sẽ cầu nguyện cho các người; vì ta sẽ nhậm lời người, kéo e ta đãi các người tùy theo sự ngu muội của các người; vì các người không có nói về ta cách xứng đáng, như Gióp, kẻ tôi tớ ta, đã nói. Vậy, Ê-li-pha, người Thê-man, Binh-đất, người Su-a, Sô-pha, người Na-a-ma, bèn đi và làm theo điều Đức Giê-hô-va đã phán dặn mình; rồi Đức Giê-hô-va nhậm lời của Gióp.

Gióp 42:10 Vậy, khi Gióp đã cầu nguyện cho bạn hữu mình rồi, Đức Giê-hô-va bèn đem người ra khỏi cảnh khốn người, và ban lại cho Gióp bằng gấp hai các tài sản mà người đã có trước.

Gióp 42:12 Như vậy, Đức Giê-hô-va ban phước cho buổi già của Gióp nhiều hơn lúc đang thì: người được mười bốn ngàn chiên, sáu ngàn lạc đà, một ngàn đôi bò, và một ngàn lừa cái.

Gióp 42:17 Rồi Gióp qua đời tuổi cao tác lớn.

**Những ai kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác thì được Đức Chúa Trời nhìn bằng sự nâng niu, trong khi những kẻ ngu ngốc thì bị Đức Chúa Trời coi là hèn mọn**

Trong Gióp 42:7-9, Đức Chúa Trời nói rằng Gióp là tôi tớ của Ngài. Việc Ngài dùng từ “tôi tớ” để nói về Gióp chứng minh tầm quan trọng của Gióp trong lòng Ngài; mặc dù



Đức Chúa Trời đã không gọi Gióp bằng từ gì đó cao trọng hơn, cách gọi này không ảnh hưởng đến tầm quan trọng của Gióp trong lòng Đức Chúa Trời. “Kẻ tôi tớ” ở đây là biệt hiệu của Đức Chúa Trời dành cho Gióp. Việc Đức Chúa Trời nhiều lần đề cập Gióp là “Gióp, kẻ tôi tớ Ta” cho thấy Ngài hài lòng với Gióp như thế nào. Mặc dù Đức Chúa Trời đã không nói về ý nghĩa đằng sau từ “tôi tớ”, định nghĩa của Đức Chúa Trời về từ “tôi tớ” có thể thấy được từ những lời của Ngài trong đoạn Kinh Thánh này. Đức Chúa Trời lúc đầu phán cùng Ê-li-pha, người Thê-man rằng: “Cơn thịnh nộ ta nổi lên cùng ngươi và hai bạn hữu ngươi; bởi vì các ngươi không có nói về ta cách xứng đáng, y như Gióp, kẻ tôi tớ ta, đã nói”. Những lời này là lần đầu Đức Chúa Trời công khai nói với con người rằng Ngài chấp nhận tất cả những gì Gióp nói và làm sau những thử luyện của Đức Chúa Trời với ông, và là lần đầu Ngài công khai xác nhận sự chuẩn xác và đúng đắn của tất cả những gì Gióp đã làm và nói. Đức Chúa Trời giận Ê-li-pha và những người khác vì cuộc nói chuyện ngớ ngẩn, không đúng của họ, bởi vì giống như Gióp, họ không thể thấy sự xuất hiện của Đức Chúa Trời hay nghe những lời Ngài phán trong cuộc sống của họ, nhưng Gióp đã có được kiến thức chính xác như thế về Đức Chúa Trời, trong khi họ chỉ có thể đoán mò về Đức Chúa Trời, trái với ý muốn của Đức Chúa Trời và thử luyện sự kiên nhẫn của Ngài trong tất cả những gì họ làm. Kết quả là, đồng thời với việc chấp nhận tất cả những gì Gióp đã làm và nói, Đức Chúa Trời cũng nổi cơn thịnh nộ với những người khác, bởi ở họ, Ngài không những không thể thấy bất kỳ hiện thực nào về sự kính sợ Đức Chúa Trời, mà còn không nghe gì về sự kính sợ Đức Chúa Trời trong những điều họ nói. Và do vậy, tiếp theo Đức Chúa Trời đưa ra những yêu cầu sau với họ: “Vậy bây giờ, hãy bắt bảy con bò đực và bảy con chiên đực đi đến Gióp, kẻ tôi tớ ta, mà vì các ngươi dâng lên một của lễ thiêu; rồi Gióp, kẻ tôi tớ ta sẽ cầu nguyện cho các ngươi; vì ta sẽ nhậm lời ngươi, kéo e ta đãi các ngươi tùy theo sự ngu muội của các ngươi”. Trong đoạn này, Đức Chúa Trời bảo Ê-li-pha và những người khác làm điều gì đó để chuộc tội của họ, bởi sự ngu muội của họ là một tội lỗi chống lại Giê-hô-va Đức Chúa Trời, và do đó họ phải làm của lễ thiêu để sửa chữa những lỗi lầm của mình. Các của lễ thiêu thường được dâng lên Đức Chúa Trời, nhưng điều bất thường về những của lễ thiêu này chính là chúng được dâng lên cho Gióp. Gióp được Đức Chúa Trời chấp nhận bởi ông đã làm chứng cho Đức Chúa Trời trong những thử luyện của ông. Trong khi đó, những người bạn này của Gióp đã bị vạch trần trong thời gian thử luyện của ông; bởi sự ngu muội của họ, họ bị Đức Chúa Trời lên án, và họ đã làm dấy lên cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời, và phải bị Đức Chúa Trời trừng phạt – trừng phạt bằng cách dâng của lễ thiêu trước Gióp – sau đó Gióp đã cầu nguyện cho họ để xóa đi sự trừng phạt và cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời với họ. Ý định của Đức Chúa Trời là khiến họ hổ thẹn, bởi họ không phải là những người kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác, và họ đã lên án sự chính trực của Gióp. Một mặt, Đức Chúa Trời đang nói với họ rằng Ngài không chấp nhận hành động của họ, nhưng hết sức chấp nhận và rất vui về Gióp; mặt khác, Đức Chúa Trời đang nói với họ rằng việc được Đức Chúa Trời chấp nhận giúp nâng con người lên trước Đức Chúa Trời, rằng con người bị Đức Chúa Trời

ghét bởi sự ngu muội của họ, xúc phạm Đức Chúa Trời bởi điều này, và thấp kém, đê hèn trong mắt Đức Chúa Trời. Đây là những định nghĩa mà Đức Chúa Trời đưa ra về hai loại người, và chúng là thái độ của Đức Chúa Trời đối với hai loại người này, chúng là cách nói rõ của Đức Chúa Trời về giá trị và chỗ đứng của hai loại người này. Mặc dù Đức Chúa Trời gọi Gióp là tôi tớ của Ngài, trong mắt Đức Chúa Trời, kẻ tôi tớ này được yêu mến, và được ban thẩm quyền cầu nguyện cho những người khác và tha lỗi cho họ. Kẻ tôi tớ này có thể nói chuyện trực tiếp với Đức Chúa Trời và đến trực tiếp trước Đức Chúa Trời, và địa vị của ông ta cao hơn, đáng tôn kính hơn của những người khác. Đây là ý nghĩa thật của từ “tôi tớ” mà Đức Chúa Trời đã phán. Gióp được ban vinh dự đặc biệt này bởi sự kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác của ông, và lý do tại sao những người khác không được Đức Chúa Trời gọi là tôi tớ là vì họ đã không kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Hai thái độ khác biệt rõ ràng này của Đức Chúa Trời là những thái độ của Ngài với hai loại người: Những người kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác thì được Đức Chúa Trời chấp nhận và được xem là đáng quý trong mắt Ngài, trong khi những kẻ ngu ngốc không kính sợ Đức Chúa Trời thì không có khả năng lánh khỏi điều ác, và không thể nhận được sự ưu ái của Đức Chúa Trời; họ thường bị Đức Chúa Trời ghét bỏ và lên án, và họ thấp hèn trong mắt Đức Chúa Trời.

### **Đức Chúa Trời ban thẩm quyền cho Gióp**

Gióp đã cầu nguyện cho những người bạn của ông, và sau đó, bởi những lời cầu nguyện của Gióp, Đức Chúa Trời đã không xử lý họ theo sự ngu muội của họ – Ngài đã không trừng phạt họ hay đưa ra bất kỳ sự báo ứng nào với họ. Tại sao lại như thế? Đó là vì những lời cầu nguyện đã được cầu cho họ bởi tôi tớ của Đức Chúa Trời, là Gióp, đã đến tai Ngài; Đức Chúa Trời đã tha thứ cho họ bởi Ngài chấp nhận những lời cầu nguyện của Gióp. Như vậy, chúng ta thấy điều gì ở đây? Khi Đức Chúa Trời ban phúc cho ai đó, Ngài cho họ nhiều sự ban thưởng, và không chỉ là những phần thưởng vật chất: Đức Chúa Trời cũng ban cho họ thẩm quyền, cho họ quyền cầu nguyện cho người khác, và Đức Chúa Trời quên đi và bỏ qua những tội trọng của những người đó, bởi vì Ngài nghe những lời cầu nguyện này. Đây là thẩm quyền đặc biệt mà Đức Chúa Trời đã ban cho Gióp. Thông qua những lời cầu nguyện của Gióp để xin tha tội cho họ, Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã khiến những kẻ ngu ngốc ấy hổ thẹn – điều mà dĩ nhiên là sự trừng phạt đặc biệt của Ngài đối với Ê-li-pha và những người khác.

### **Gióp một lần nữa được Đức Chúa Trời ban phúc, và không bao giờ bị Sa-tan cáo buộc lần nữa**

Trong số những lời phán của Giê-hô-va Đức Chúa Trời có câu “các ngươi không có nói về ta cách xứng đáng, như Gióp, kẻ tôi tớ ta, đã nói”. Gióp đã nói những gì? Đó là điều chúng ta đã nói đến trước đây, cũng như nhiều trang chữ trong Sách về Gióp ghi lại những lời Gióp đã nói. Trong tất cả nhiều trang chữ này, Gióp chưa từng một lần than oán hay nghi ngờ Đức Chúa Trời. Ông đơn thuần chờ đợi kết quả. Chính sự chờ

đợi này là thái độ vâng phục của ông, nhờ sự chờ đợi này và nhờ những lời ông đã nói với Đức Chúa Trời, mà Gióp đã được Đức Chúa Trời chấp nhận. Khi ông chịu những thử luyện và chịu gian khổ, Đức Chúa Trời đã ở bên cạnh ông, và mặc dù nỗi gian khổ của ông không được giảm đi bởi sự hiện diện của Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời đã thấy điều Ngài mong muốn thấy, và nghe điều Ngài mong muốn nghe. Mỗi một hành động và lời nói của Gióp đã đến mắt và tai Đức Chúa Trời; Đức Chúa Trời đã nghe, và Ngài đã thấy – đây là thực tế. Kiến thức của Gióp về Đức Chúa Trời và những suy nghĩ của ông về Đức Chúa Trời trong lòng ông lúc đó không thật sự cụ thể như của con người ngày nay, nhưng trong bối cảnh thời đó, Đức Chúa Trời vẫn nhận ra tất cả những gì ông đã nói, bởi hành vi và những ý nghĩ trong lòng ông, cũng như những gì ông đã thể hiện và tỏ lộ, là đủ cho những yêu cầu của Ngài. Trong thời gian Gióp chịu thử luyện, những gì ông nghĩ trong đầu và quyết tâm làm đã cho Đức Chúa Trời thấy một kết quả, kết quả làm Đức Chúa Trời thỏa lòng, và sau điều này, Đức Chúa Trời lấy đi những thử luyện của Gióp, Gióp thoát khỏi những rắc rối của ông, và những thử luyện của ông biến mất, không bao giờ xảy đến với ông lần nữa. Bởi Gióp đã chịu những thử luyện, đã đứng vững trong những thử luyện này, và đã hoàn toàn chiến thắng Sa-tan, Đức Chúa Trời đã ban cho ông những phúc lành mà ông rất xứng đáng được hưởng. Như được ghi trong Gióp 42:10, 12, Gióp được ban phúc lành một lần nữa, và được ban phúc nhiều hơn những gì ông có lúc đầu. Lúc này Sa-tan đã rút lui, không còn nói hay làm bất cứ điều gì nữa, và từ đó trở đi Gióp không còn bị Sa-tan gây trở ngại hay tấn công nữa, và Sa-tan không còn đưa ra những lời cáo buộc chống lại phúc lành của Đức Chúa Trời với Gióp nữa.

### **Gióp trải qua nửa sau cuộc đời mình giữa những phúc lành của Đức Chúa Trời**

Mặc dù những phúc lành của Ngài vào thời đó chỉ giới hạn ở chiên, gia súc, lạc đà, của cải vật chất, v.v., nhưng những phúc lành mà Đức Chúa Trời mong muốn ban trên Gióp trong lòng Ngài còn nhiều hơn như thế này rất nhiều. Vào lúc đó, có ghi chép nào về dạng lời hứa muôn đời mà Đức Chúa Trời mong muốn ban cho Gióp không? Trong những phúc lành của Ngài dành cho Gióp, Đức Chúa Trời đã không đề cập hay đề động đến kết cuộc của ông, và bất kể tầm quan trọng hay vị trí mà Gióp có trong lòng Đức Chúa Trời, thì tựu chung Đức Chúa Trời rất thận trọng trong những phúc lành của Ngài. Đức Chúa Trời đã không thông báo kết cuộc của Gióp. Điều đó có nghĩa là gì? Vào lúc ấy, khi kế hoạch của Đức Chúa Trời chưa đạt đến mốc tuyên bố về kết cuộc của con người, kế hoạch chưa bước vào giai đoạn công tác sau cùng của Ngài, Đức Chúa Trời không đề cập đến kết cuộc, chỉ đơn thuần ban những phúc lành vật chất cho con người. Ý nghĩa của điều này là nửa sau của cuộc đời Gióp đã trôi qua giữa những phúc lành của Đức Chúa Trời, điều làm cho ông khác với những người khác – nhưng cũng như họ, ông già đi, và như bất kỳ người bình thường nào, cũng đến ngày ông già từ trần gian. Do đó, Kinh Thánh ghi chép rằng “Rồi Gióp qua đời tuổi cao tác lớn” (Gióp 42:17).

Ý nghĩa của “qua đời tuổi cao tác lớn” ở đây là gì? Trong kỷ nguyên trước khi Đức Chúa Trời tuyên bố kết cuộc của con người, Đức Chúa Trời đã đặt ra một tuổi thọ cho Gióp, và khi đến tuổi đó, Ngài cho phép Gióp ra đi khỏi thế gian này một cách tự nhiên. Từ phúc lành thứ hai của Gióp cho đến khi ông mất, Đức Chúa Trời đã không thêm bất kỳ gian khổ nào nữa. Đối với Đức Chúa Trời, sự chết của Gióp là tự nhiên, và cũng cần thiết; nó là điều rất bình thường, và không phải là sự phán xét cũng không phải sự kết án. Khi ông còn sống, Gióp đã thờ phượng và kính sợ Đức Chúa Trời; liên quan đến dạng kết cuộc mà ông có sau khi chết, Đức Chúa Trời không nói gì cả, cũng không bình luận gì về điều đó. Đức Chúa Trời có ý thức mạnh mẽ về sự đúng mực trong những gì Ngài nói và làm, và nội dung cùng nguyên tắc của những lời nói và hành động của Ngài phù hợp với giai đoạn công tác của Ngài và thời kỳ Ngài đang hoạt động. Một người như Gióp có dạng kết cuộc gì trong lòng Đức Chúa Trời? Đức Chúa Trời đã đi đến bất kỳ dạng quyết định nào trong lòng Ngài chưa? Dĩ nhiên Ngài đã có! Chỉ là điều này con người không biết; Đức Chúa Trời đã không muốn nói với con người, Ngài cũng không hề có ý định nói với con người. Do đó, nói sơ qua là, Gióp đã qua đời tuổi cao tác lớn, và đó là cuộc đời của Gióp.

### **Cái giá mà Gióp đã sống trọn trong đời ông**

Gióp có sống một cuộc đời giá trị không? Giá trị ở đâu? Tại sao lại nói ông sống một cuộc đời giá trị? Đối với con người, giá trị của ông là gì? Từ quan điểm của con người, ông đại diện cho nhân loại mà Đức Chúa Trời mong muốn cứu rỗi, trong việc làm chứng vang dội cho Đức Chúa Trời trước Sa-tan và con người trên thế gian. Ông đã làm tròn bổn phận mà một tạo vật của Đức Chúa Trời phải làm tròn, đã làm gương, và hành động như một kiểu mẫu cho hết thảy những người mà Đức Chúa Trời mong muốn cứu rỗi, cho phép mọi người thấy rằng hoàn toàn có thể chiến thắng Sa-tan bằng cách dựa vào Đức Chúa Trời. Giá trị của ông đối với Đức Chúa Trời là gì? Đối với Đức Chúa Trời, giá trị của cuộc đời Gióp nằm ở khả năng kính sợ Đức Chúa Trời, thờ phượng Đức Chúa Trời, chứng thực cho những việc làm của Đức Chúa Trời, và ngợi khen những hành động của Đức Chúa Trời, mang đến cho Đức Chúa Trời sự yên ủi và điều gì đó để vui hưởng; đối với Đức Chúa Trời, giá trị của cuộc đời Gióp cũng nằm ở cách mà, trước khi chết, Gióp đã trải nghiệm những thử luyện và đã chiến thắng Sa-tan, làm chứng vang dội cho Đức Chúa Trời trước Sa-tan và mọi người trên thế gian, hòng để Đức Chúa Trời đạt được vinh hiển giữa nhân loại, yên ủi lòng Ngài và cho phép tấm lòng thiết tha của Ngài thấy được kết quả và thấy được hy vọng. Chứng ngôn của ông đã đặt ra một tiền lệ cho khả năng đứng vững trong lời chứng với Đức Chúa Trời của một người, và cho việc có thể làm Sa-tan hổ thẹn thay cho Đức Chúa Trời, trong công tác quản lý nhân loại của Đức Chúa Trời. Chẳng phải đây là giá trị của cuộc đời Gióp sao? Gióp đã mang đến sự yên ủi cho lòng Đức Chúa Trời, ông đã cho Đức Chúa Trời được ném trước niềm hân hoan của việc đạt được vinh hiển, và mang lại một khởi đầu tuyệt vời cho kế hoạch quản lý của Đức Chúa Trời. Từ điểm này trở đi, tên của Gióp đã trở thành biểu

tượng cho việc Đức Chúa Trời giành được vinh hiển, và là dấu hiệu cho sự chiến thắng Sa-tan của nhân loại. Những gì Gióp đã sống bày tỏ ra trong đời mình, cũng như chiến thắng vang dội của ông trước Sa-tan sẽ mãi được Đức Chúa Trời nâng niu, và sự trọn vẹn, ngay thẳng, kính sợ Đức Chúa Trời của ông sẽ được tôn kính và noi gương bởi các thế hệ sau. Ông sẽ mãi được Đức Chúa Trời nâng niu như một viên ngọc sáng không tì vết, và như thế ông cũng đáng được con người trân quý!

Tiếp theo, chúng ta hãy xem qua công tác của Đức Chúa Trời trong Thời đại Luật pháp.

#### **D. Những quy định của Thời đại Luật pháp**

Mười điều răn

Những nguyên tắc lập bàn thờ

Những quy định về đối đãi với tội tở

Những quy định về trộm cắp và đền trả

Giữ năm Sa-bát và ba ngày lễ

Những quy định về ngày Sa-bát

Những quy định về của lễ

Của lễ thiêu

Của lễ chay

Của lễ thù ân

Của lễ chuộc tội

Của lễ chuộc sự mắc lỗi

Những quy định về của lễ bởi các thầy tế (A-rôn và các con trai của ông được lệnh phải tuân theo)

Của lễ thiêu bởi các thầy tế

Của lễ chay bởi các thầy tế

Của lễ chuộc tội bởi các thầy tế

Của lễ chuộc sự mắc lỗi bởi các thầy tế

Của lễ thù ân bởi các thầy tế

Những quy định về ăn của lễ bởi các thầy tế

Động vật sạch và không sạch (những con có thể và không thể ăn)

Những quy định về sự tinh sạch của phụ nữ sau khi sinh con

Các tiêu chuẩn khám bệnh cùi

Các quy định đối với những người đã được chữa lành bệnh cùi

Các quy định đối với việc làm tinh sạch những ngôi nhà bị ô uế

Các quy định về những người bị ra những chất dịch bất thường

Ngày lễ chuộc tội phải làm một lần một năm

Các quy định đối với việc giết thịt gia súc và chiên

Sự cấm theo những tập tục nhơ bẩn của dân ngoại (không phạm tội loạn luân, v.v.)

Các quy định mà con người phải tuân theo (“Hãy nên thánh, vì ta Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người, vốn là thánh” (Lê-vi 19:2))

Sự thi hành của những người hy sinh con mình cho Mo-lóc

Những quy định về hình phạt cho tội ngoại tình

Những quy định nên được tuân theo bởi các thầy tế lễ (quy định đối với hành vi hàng ngày của họ, quy định về việc tiêu thụ những thánh vật, quy định dâng của lễ, v.v.)

Những lễ cần tuân giữ (ngày Sa-bát, Vượt qua, Ngũ tuần, Lễ chuộc tội, v.v.)

Những quy định khác (Thieu chiên, Năm thánh, Chuộc đất, Tuyên thệ, Cửa lễ một phần mười, v.v.)

### **Các quy định của Thời đại Luật pháp là bằng chứng thật cho sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời với toàn thể nhân loại**

Như vậy, các người đã đọc những quy định và nguyên tắc này của Thời đại Luật pháp rồi phải không? Các quy định có bao hàm một phạm vi rộng không? Trước tiên, chúng bao gồm Mười Điều Răn, sau đó là những quy định về cách lập bàn thờ, v.v. Những điều này được theo sau bởi những quy định giữ ngày Sa-bát và giữ ba ngày lễ, sau đó là những quy định về của lễ. Các người có thấy bao nhiêu loại của lễ không? Có của lễ thieu, của lễ chay, của lễ thù ân, của lễ chuộc tội, v.v. Theo sau chúng là những quy định đối với của lễ của các thầy tế, bao gồm của lễ thieu và của lễ chay bởi các thầy tế, và những dạng của lễ khác. Tập hợp quy định thứ tám là dành cho việc các thầy tế ăn của lễ. Sau đó có những quy định về những gì phải tuân theo trong đời sống con người. Có những quy định đối với nhiều phương diện của đời sống con người, chẳng hạn như những quy định về những gì họ được và không được ăn, về sự làm tinh sạch cho phụ nữ sau khi sinh con, và cho những người đã được chữa lành bệnh cùi. Trong những quy định này, Đức Chúa Trời đi xa đến mức nói về bệnh tật, và thậm chí có những quy tắc đối với việc giết thịt chiên và gia súc, v.v. Chiên và gia súc là do Đức Chúa Trời tạo ra, và người phải giết thịt chúng theo bất kỳ cách nào Đức Chúa Trời bảo người; chắc chắn lời Đức Chúa Trời là có lý do; chắc chắn là đúng khi hành động theo sắc lệnh của Đức Chúa Trời, và chắc chắn sẽ có lợi cho con người! Cũng có những ngày lễ và quy định cần tuân theo, chẳng hạn như ngày Sa-bát, Vượt qua, v.v. – Đức Chúa Trời đã nói về tất cả những điều này. Chúng ta hãy xem những điều cuối cùng: các quy định khác – thieu chiên, năm thánh, chuộc đất, tuyên thệ, của lễ một phần mười, v.v. Những điều này có bao hàm một phạm vi rộng không? Điều đầu tiên được nói đến chính là vấn đề của lễ của con người. Sau đó có những quy định về trộm cắp, đền trả, và tuân giữ ngày Sa-bát...; mỗi một trong những chi tiết của cuộc sống đều có liên quan. Nói vậy nghĩa là, khi Đức Chúa Trời bắt đầu công tác chính thức trong kế hoạch quản lý của Ngài, Ngài đã đặt ra nhiều quy định để con người tuân theo. Những quy định này nhằm cho phép con người sống một cuộc sống bình thường của con người trên đất, một cuộc sống bình thường của con người mà không thể tách khỏi Đức Chúa Trời và sự hướng dẫn của Ngài. Đức Chúa Trời lúc đầu dạy con người cách lập bàn thờ, cách bày bàn thờ. Sau đó, Ngài dạy họ cách làm của lễ, và thiết lập cách con người sống – những gì họ phải chú ý đến trong cuộc sống, những gì họ phải tuân theo, những gì họ

nên và không nên làm. Những điều Đức Chúa Trời đặt ra cho con người đều toàn diện, và với những tục lệ, quy định và nguyên tắc này, Ngài đã tiêu chuẩn hóa hành vi của con người, hướng dẫn cuộc sống của họ, hướng dẫn họ bắt đầu đi theo luật pháp của Đức Chúa Trời, hướng dẫn họ đến trước bàn thờ Đức Chúa Trời, hướng dẫn họ có một cuộc sống giữa tất cả những điều mà Đức Chúa Trời đã tạo ra cho con người, những điều có trật tự, quy củ, và điều độ. Đức Chúa Trời trước hết đã dùng các quy định và nguyên tắc đơn giản để đặt ra những giới hạn cho con người, hầu cho trên đất, con người sẽ có một đời sống thờ phượng Đức Chúa Trời bình thường, sẽ có đời sống bình thường của con người; đó là nội dung cụ thể của buổi đầu trong kế hoạch quản lý sáu ngàn năm của Ngài. Những quy định và quy luật bao gồm nội dung rất rộng, chúng là những điều cụ thể về hướng dẫn của Đức Chúa Trời đối với nhân loại trong Thời đại Luật pháp, chúng phải được chấp nhận và vâng phục bởi những người đến trước Thời đại Luật pháp, chúng là tài liệu ghi chép về công tác được thực hiện bởi Đức Chúa Trời trong Thời đại Luật pháp, và chúng là bằng chứng thật về sự dẫn dắt và hướng dẫn của Đức Chúa Trời đối với hết thảy nhân loại.

### **Nhân loại mãi không thể tách khỏi những giáo huấn và sự chu cấp của Đức Chúa Trời**

Trong những quy định này, chúng ta thấy rằng thái độ của Đức Chúa Trời đối với công tác của Ngài, đối với sự quản lý của Ngài, và đối với nhân loại, là nghiêm túc, tận tâm, chặt chẽ, và có trách nhiệm. Ngài làm công tác Ngài phải làm giữa nhân loại theo những bước của Ngài, không chút bất nhất, phán những lời Ngài phải phán với nhân loại mà không có chút lỗi hay quên sót nào, cho phép con người thấy rằng mình không thể tách khỏi sự dẫn dắt của Đức Chúa Trời, và cho họ thấy tất cả những gì Đức Chúa Trời làm và phán quan trọng như thế nào đối với nhân loại. Bất kể con người như thế nào trong thời đại tiếp theo, thì ngay từ đầu – trong Thời đại Luật pháp – Đức Chúa Trời đã làm những điều đơn giản này. Đối với Đức Chúa Trời, những khái niệm của con người về Đức Chúa Trời, thế gian, và nhân loại trong thời đó thì trừu tượng và mơ hồ, và cho dù họ đã có một số tư tưởng và ý định có ý thức, tất cả đều không rõ và không đúng, và do đó nhân loại không thể tách khỏi những giáo huấn và sự chu cấp của Đức Chúa Trời dành cho họ. Nhân loại ở buổi ban sơ không biết gì, và do đó Đức Chúa Trời đã phải bắt đầu dạy con người từ những nguyên tắc sơ sài, cơ bản nhất để sinh tồn và những quy định cần thiết để sống, làm thấm nhuần những điều này vào lòng con người từng chút một. Qua những quy tắc này, tức là bằng lời, và qua những quy định này, Ngài ban cho con người sự hiểu biết dần dần về Ngài, một sự cảm kích và hiểu biết dần dà về sự dẫn dắt của Ngài, và một khái niệm cơ bản về mối quan hệ giữa Ngài và con người. Sau khi đạt được hiệu quả này, chỉ khi ấy Đức Chúa Trời mới có thể từng chút một mà làm công tác Ngài sẽ làm sau đó. Do vậy, những quy định này và công tác được thực hiện bởi Đức Chúa Trời trong Thời đại Luật pháp là nền tảng của công tác cứu rỗi nhân loại của Ngài, và giai đoạn đầu của công tác trong kế hoạch quản lý của Đức Chúa

Trời. Mặc dù trước công tác của Thời đại Luật pháp, Đức Chúa Trời đã phán với A-đam, Ê-va và các con cháu của họ, nhưng những lệnh truyền và giáo huấn đó không quá mang tính hệ thống hay cụ thể như được ban hành từng điều một cho con người, và chúng không được viết ra, chúng cũng không trở thành những quy định. Đó là vì, vào lúc ấy, kế hoạch của Đức Chúa Trời chưa đi xa như vậy; chỉ khi Đức Chúa Trời đã dẫn con người đến bước này, Ngài mới có thể bắt đầu phán những quy định này của Thời đại Luật pháp, và bắt đầu buộc con người thực hiện chúng. Đó là một quá trình cần thiết, và kết quả là không thể tránh khỏi. Những tục lệ và quy định đơn giản này cho con người thấy những bước trong công tác quản lý của Đức Chúa Trời và sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời được tỏ lộ trong kế hoạch quản lý của Ngài. Đức Chúa Trời biết nội dung và phương tiện gì dùng để bắt đầu, phương tiện gì dùng để tiếp tục, và phương tiện gì dùng để kết thúc hầu cho Ngài có thể thu phục một nhóm người làm chứng cho Ngài, và để Ngài có thể thu phục một nhóm người đồng tâm với Ngài. Ngài biết điều gì bên trong con người, và biết điều gì còn thiếu ở con người. Ngài biết Ngài phải chu cấp điều gì, và Ngài nên dẫn dắt con người như thế nào, do đó Ngài cũng biết con người nên và không nên làm gì. Con người giống như một con rối: Cho dù họ không có sự hiểu biết về ý muốn của Đức Chúa Trời, họ cũng không thể không bị dẫn dắt bởi công tác quản lý của Đức Chúa Trời, từng bước một, cho đến ngày nay. Không có sự mơ hồ trong lòng Đức Chúa Trời về những gì Ngài muốn làm; trong lòng Ngài có một kế hoạch rất rõ ràng và sống động, và Ngài thực hiện công tác mà chính Ngài muốn làm theo những bước và kế hoạch của Ngài, tiến triển từ nông đến sâu. Mặc dù Ngài đã không chỉ ra công tác mà Ngài sẽ làm sau đó, công tác tiếp theo của Ngài vẫn sẽ tiếp tục được thực hiện và tiến triển theo sát với kế hoạch của Ngài, điều là biểu hiện của việc Đức Chúa Trời có gì và là gì, và cũng là thẩm quyền của Đức Chúa Trời. Bất kể giai đoạn nào trong kế hoạch quản lý của Ngài mà Ngài đang hoạt động, thì tâm tính và thực chất của Ngài vẫn đại diện cho chính Ngài. Điều này tuyệt đối là thật. Bất kể thời đại, hay giai đoạn công tác, có những điều sẽ không bao giờ thay đổi: loại người mà Đức Chúa Trời yêu thương, loại người mà Ngài ghê tởm, tâm tính Ngài, Ngài có tất cả những gì và là gì. Mặc dù những quy định và nguyên tắc mà Đức Chúa Trời đã thiết lập trong công tác của Thời đại Luật pháp có vẻ rất đơn giản và sơ sài đối với con người ngày nay, và mặc dù chúng dễ hiểu và dễ đạt được, nơi chúng vẫn có sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời, và vẫn có tâm tính của Đức Chúa Trời, Ngài có gì và là gì. Bởi trong những quy định trông có vẻ đơn giản này, trách nhiệm và sự quan tâm của Đức Chúa Trời đối với nhân loại được bày tỏ, cũng như thực chất tinh tế của những ý nghĩ trong Ngài, do đó cho phép con người thật sự nhận ra thực tế rằng Đức Chúa Trời thống trị muôn vật và muôn vật được kiểm soát bởi tay Ngài. Cho dù nhân loại thông thạo bao nhiêu kiến thức, hoặc hiểu bao nhiêu lý thuyết hay màu nhiệm, thì đối với Đức Chúa Trời, không điều nào trong số này có khả năng thay cho sự chu cấp và dẫn dắt nhân loại của Ngài; nhân loại sẽ mãi không thể tách khỏi sự hướng dẫn và công tác của đích thân Đức Chúa Trời. Đó là một mối quan hệ không thể tách rời giữa con người và Đức Chúa Trời. Bất kể Đức



Chúa Trời có ban cho người một điều răn, hay một quy định, hay cung cấp lẽ thật để người hiểu ý muốn của Ngài hay không, cho dù Ngài làm gì, thì mục tiêu của Đức Chúa Trời là hướng dẫn con người đến một ngày mai tươi đẹp. Những lời phán ra bởi Đức Chúa Trời và công tác Ngài làm đều là sự tỏ lộ một khía cạnh của bản chất Ngài, sự tỏ lộ một khía cạnh của tâm tính Ngài và sự khôn ngoan của Ngài; chúng là một bước không thể thiếu trong kế hoạch quản lý của Ngài. Điều này không được bỏ qua! Ý muốn của Đức Chúa Trời nằm ở bất cứ điều gì Ngài làm; Đức Chúa Trời không sợ những nhận xét sai lạc, Ngài cũng không sợ bất kỳ quan niệm hay ý nghĩ nào của con người về Ngài. Ngài đơn thuần làm công tác của Ngài và tiếp tục sự quản lý của Ngài theo kế hoạch quản lý của Ngài, không bị gò bó bởi bất kỳ con người, sự việc, hay sự vật nào.

Tốt lắm. Đó là tất cả những gì của hôm nay. Hẹn gặp lại lần sau!

Ngày 9 tháng 11 năm 2013

## **CÔNG TÁC CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI, TÂM TÍNH CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI, VÀ CHÍNH ĐỨC CHÚA TRỜI III**

Vài sự thông công vừa qua của chúng ta đã có tác động lớn đến mỗi một người các người. Đến giờ, cuối cùng thì mọi người cũng có thể thực sự cảm nhận được sự tồn tại thật của Đức Chúa Trời, và rằng Đức Chúa Trời thực ra rất gần gũi với con người. Mặc dù mọi người có thể đã tin vào Đức Chúa Trời trong nhiều năm, nhưng họ chưa bao giờ thực sự hiểu được những suy nghĩ và ý tưởng của Ngài như bây giờ, họ cũng chưa thực sự trải nghiệm những việc làm thực tế của Ngài như lúc này. Cho dù là kiến thức hay thực hành thực tế thì hầu hết mọi người đều đã học được điều gì đó mới mẻ và đạt được sự hiểu biết cao hơn, và họ đã nhận ra lỗi lầm trong những mưu cầu ở quá khứ của chính mình, nhận ra sự hời hợt trong kinh nghiệm của họ và rằng có quá nhiều điều trong trải nghiệm của họ không phù hợp với ý muốn của Đức Chúa Trời, và nhận ra rằng điều con người thiếu nhất chính là kiến thức về tâm tính của Đức Chúa Trời. Kiến thức này về phía con người chỉ đơn thuần là một kiểu kiến thức dựa trên tri giác; để vươn đến mức độ kiến thức hợp lý đòi hỏi phải đào sâu và củng cố dần dần thông qua kinh nghiệm của một người. Trước khi con người thực sự hiểu Đức Chúa Trời, có thể nói một cách chủ quan rằng họ tin vào sự tồn tại của Đức Chúa Trời trong lòng họ, nhưng họ không có hiểu biết thực sự về những câu hỏi cụ thể như Ngài thực ra là kiểu Đức Chúa Trời nào, ý muốn của Ngài là gì, tâm tính của Ngài là gì, và thái độ thực sự của Ngài đối với loài người là gì. Điều này làm tổn hại rất nhiều đến đức tin của mọi người vào Đức Chúa Trời, ngăn cản đức tin của họ không bao giờ đạt đến sự tinh sạch hay hoàn thiện. Ngay cả khi người đang mặt đối mặt với lời Đức Chúa Trời, hoặc cảm thấy rằng người đã gặp Đức Chúa Trời qua những trải nghiệm của mình, thì vẫn không thể nói rằng người hoàn toàn hiểu được Ngài. Bởi vì người không biết những suy nghĩ của Đức Chúa Trời hay những gì Ngài yêu và những gì Ngài ghét, những gì khiến Ngài tức giận và những gì mang lại cho Ngài niềm vui, người vì thế không có sự hiểu biết thực sự về Ngài. Đức tin của người được xây dựng dựa trên nền tảng của sự mơ hồ và trí tưởng tượng, trên những mong muốn chủ quan của người. Nó vẫn còn cách xa một niềm tin đích thực, và người vẫn còn lâu mới là một tín hữu thực sự. Những lời giải nghĩa cho các ví dụ từ những câu chuyện Kinh Thánh này đã cho phép con người biết tấm lòng của Đức Chúa Trời, những gì Ngài nghĩ ở từng bước trong công việc của Ngài và tại sao Ngài làm công việc này, ý định ban đầu và kế hoạch của Ngài là gì khi Ngài làm điều đó, cách Ngài có được những ý tưởng, và cách Ngài chuẩn bị và phát triển kế hoạch của Ngài. Thông qua những câu chuyện này, chúng ta có thể có được sự hiểu biết chi tiết, cụ thể về từng ý định cụ thể và mọi suy nghĩ thực tế trong công tác quản lý sáu nghìn năm của Đức Chúa Trời và thái độ của Ngài đối với con người ở những thời điểm khác nhau và trong các thời đại khác nhau. Nếu mọi người có thể hiểu được những điều Đức Chúa Trời đang nghĩ, thái độ của Ngài là gì, và tâm tính mà Ngài tỏ lộ khi Ngài

đối mặt với mọi tình huống, thì điều này có thể giúp tất cả mọi người nhận thức sâu sắc hơn về sự tồn tại thực sự của Đức Chúa Trời và cảm nhận sâu sắc hơn tính thực tế và xác thực của Ngài. Mục tiêu của Ta khi kể những câu chuyện này không phải là để mọi người hiểu lịch sử Kinh Thánh, cũng không phải để giúp họ làm quen với những câu trong Kinh Thánh hay những con người trong đó, và đặc biệt không phải để giúp mọi người hiểu bối cảnh của những điều Đức Chúa Trời đã làm trong Thời đại Luật pháp. Thay vào đó, nó là để giúp mọi người hiểu ý muốn của Đức Chúa Trời, tâm tính của Ngài và từng phần nhỏ về Ngài, và có được sự hiểu biết đích thực và chính xác hơn về Đức Chúa Trời. Bằng cách này, lòng người có thể mở ra với Đức Chúa Trời từng chút một, trở nên gần gũi với Đức Chúa Trời và họ có thể hiểu rõ hơn về Ngài, tâm tính của Ngài, thực chất của Ngài và biết rõ hơn về chính Đức Chúa Trời thực sự.

Kiến thức về tâm tính của Đức Chúa Trời, về việc Ngài là gì và có gì có thể tác động tích cực đến mọi người. Nó có thể giúp họ có thêm niềm tin vào Đức Chúa Trời và giúp họ đạt được sự vâng lời và kính sợ thực sự đối với Ngài. Khi đó, họ sẽ không còn đi theo hay thờ phượng Ngài một cách mù quáng. Đức Chúa Trời không muốn những kẻ ngốc hay những kẻ mù quáng đi theo đám đông, mà là một nhóm người có một sự hiểu biết và kiến thức rõ ràng về tâm tính của Đức Chúa Trời trong lòng và có thể đóng vai trò là những người làm chứng của Đức Chúa Trời, những người, vì sự đáng mến của Ngài, vì những gì Ngài có và là, và vì tâm tính công chính của Ngài, sẽ không bao giờ bỏ rơi Đức Chúa Trời. Là môn đồ của Đức Chúa Trời, nếu trong lòng người vẫn còn thiếu sự rõ ràng, hoặc có sự mơ hồ hay bối rối về sự tồn tại thực sự của Đức Chúa Trời, về tâm tính của Ngài, việc Ngài có gì và là gì, và kế hoạch của Ngài để cứu rỗi loài người, thì đức tin của người không thể được Đức Chúa Trời khen ngợi. Đức Chúa Trời không muốn loại người này theo Ngài, và Ngài không thích loại người này đến trước Ngài. Bởi vì loại người này không hiểu Đức Chúa Trời, nên họ không thể trao lòng mình cho Đức Chúa Trời – lòng họ đóng lại với Ngài, vì vậy đức tin của họ vào Đức Chúa Trời đầy sự ô uế. Việc theo Đức Chúa Trời của họ chỉ có thể được gọi là mù quáng. Người ta chỉ có thể có được niềm tin thực sự và là những môn đồ chân chính nếu họ có kiến thức và sự hiểu biết đích thực về Đức Chúa Trời, điều này sinh ra trong họ sự vâng lời và kính sợ Đức Chúa Trời thực sự. Chỉ bằng cách này họ mới có thể trao lòng mình cho Đức Chúa Trời và mở lòng ra với Ngài. Đây là điều Đức Chúa Trời muốn, bởi vì mọi thứ họ làm và nghĩ đều có thể chịu được thử thách của Đức Chúa Trời, và có thể làm chứng cho Đức Chúa Trời. Mọi điều Ta truyền đạt cho các người liên quan đến tâm tính của Đức Chúa Trời, hoặc việc Ngài có gì và là gì, hoặc ý muốn và suy nghĩ của Ngài trong mọi việc Ngài làm, và từ bất kỳ góc nhìn nào, từ bất kỳ góc độ nào Ta phán về nó, tất cả đều để giúp các người chắc chắn hơn về sự tồn tại thực sự của Đức Chúa Trời, thực sự hiểu và trân trọng tình yêu của Ngài dành cho nhân loại hơn, và thực sự hiểu và trân trọng hơn sự quan tâm của Đức Chúa Trời đối với mọi người, và mong muốn chân thành của Ngài trong việc quản lý và cứu rỗi nhân loại.

## **Điểm lại những suy nghĩ, ý tưởng và hành động của Đức Chúa Trời kể từ khi Ngài sáng thế**

Hôm nay trước hết chúng ta sẽ tóm tắt những suy nghĩ, tư tưởng và từng hành động một của Đức Chúa Trời kể từ khi Ngài tạo dựng nhân loại. Chúng ta sẽ xem xét công việc nào Ngài đã thực hiện, từ khi tạo ra thế giới đến khi chính thức bắt đầu Thời đại Ân điển. Sau đó chúng ta có thể khám phá những suy nghĩ và tư tưởng nào của Đức Chúa Trời mà con người chưa biết, và từ đó, chúng ta có thể làm rõ trật tự kế hoạch quản lý của Đức Chúa Trời và hiểu cặn kẽ bối cảnh mà Đức Chúa Trời tạo ra công tác quản lý của Ngài, nguồn gốc và quá trình phát triển của nó, và cũng hiểu thấu đáo những kết quả mà Ngài muốn từ công tác quản lý của Ngài – đó là cốt lõi và mục đích công tác quản lý của Ngài. Để hiểu những điều này, chúng ta cần quay lại khoảng thời gian xa xôi, tĩnh mịch và yên lặng khi chưa có con người...

### **Đức Chúa Trời đích thân tạo ra người sống đầu tiên**

Khi Đức Chúa Trời thức dậy khỏi giường của Ngài, ý nghĩ đầu tiên mà Ngài có là: tạo ra một con người sống – một con người sống thực sự – một người để chung sống và luôn là bạn đồng hành của Ngài; người này có thể lắng nghe Ngài, và Ngài có thể tâm sự và trò chuyện cùng người này. Thế rồi, lần đầu tiên Đức Chúa Trời đã múc một nắm đất và dùng nó để tạo ra con người sống đầu tiên theo hình ảnh mà Ngài đã tưởng tượng ra trong tâm trí Ngài, và sau đó Ngài đặt cho sinh vật sống này một cái tên – A-đam. Khi mà Đức Chúa Trời đã có được người sống và biết thờ này, Ngài đã cảm thấy thế nào? Lần đầu tiên, Ngài cảm thấy niềm vui của việc có một người thân yêu, một người bạn đồng hành. Ngài cũng lần đầu tiên cảm thấy trách nhiệm của việc làm cha và mối quan tâm đi kèm với việc đó. Con người sống và biết thờ này đã mang lại cho Đức Chúa Trời niềm hạnh phúc và niềm vui; lần đầu tiên Ngài cảm thấy được an ủi. Đây là điều đầu tiên Đức Chúa Trời từng làm mà không được thực hiện bằng suy nghĩ hay thậm chí là lời của Ngài, mà được thực hiện bằng chính đôi tay của Ngài. Khi dạng hữu thể này – một người sống và biết thờ – đứng trước mặt Đức Chúa Trời, được tạo ra bởi thịt và huyết, với thể xác và hình hài, và có thể trò chuyện với Đức Chúa Trời, Ngài đã trải nghiệm một loại niềm vui mà Ngài chưa bao giờ cảm thấy trước đây. Đức Chúa Trời thực sự cảm thấy trách nhiệm của Ngài, và hữu thể sống này không chỉ khiến Ngài cảm động mà còn sưởi ấm và lay động lòng Ngài với mỗi chuyển động nhỏ mà người đó thực hiện. Khi hữu thể sống này đứng trước mặt Đức Chúa Trời, đó là lần đầu tiên Ngài có ý nghĩ sẽ thu phục thêm nhiều người như thế. Đây là chuỗi sự kiện đã bắt đầu với ý nghĩ đầu tiên mà Đức Chúa Trời có. Đối với Đức Chúa Trời, tất cả những sự kiện này đều xảy ra lần đầu tiên, nhưng trong những sự kiện đầu tiên này, bất kể lúc đó Ngài cảm thấy thế nào – dù là niềm vui, trách nhiệm, mối quan tâm – thì cũng không có ai để Ngài chia sẻ. Bắt đầu từ lúc đó, Đức Chúa Trời thực sự cảm thấy một sự cô đơn và nỗi buồn mà trước đây Ngài chưa từng trải qua. Ngài cảm thấy rằng con người không thể chấp nhận hay thấu hiểu tình yêu và sự quan tâm của Ngài, hoặc những ý định của Ngài

dành cho con người, nên Ngài vẫn cảm thấy buồn phiền và đau đớn trong lòng. Mặc dù Ngài đã làm những điều này cho con người, nhưng con người không nhận thức được điều đó và không hiểu. Bên cạnh niềm hạnh phúc, niềm vui và sự an ủi mà con người mang đến cho Ngài nhanh chóng mang theo cùng nó những cảm giác đau khổ và cô đơn đầu tiên của Ngài. Đây là những suy nghĩ và cảm xúc của Đức Chúa Trời vào lúc đó. Trong khi Đức Chúa Trời đang làm tất cả những điều này, trong lòng Ngài đã chuyển từ niềm vui sang nỗi buồn và từ nỗi buồn sang nỗi đau, và những cảm xúc này đã trộn lẫn với sự lo lắng. Tất cả những gì Ngài muốn làm là khẩn trương để cho con người này, loài người này biết những gì trong lòng Ngài và hiểu những ý định của Ngài sớm hơn. Khi đó, họ có thể trở thành môn đồ của Ngài và chia sẻ những suy nghĩ của Ngài và thuận theo ý muốn của Ngài. Họ sẽ không còn đơn thuần chỉ nghe Đức Chúa Trời phán và vẫn nín lặng nữa; họ sẽ không còn không biết về cách tham gia cùng Đức Chúa Trời trong công việc của Ngài; trên hết, họ sẽ không còn là những người thờ ơ với các yêu cầu của Đức Chúa Trời. Những điều đầu tiên mà Đức Chúa Trời đã làm này rất có ý nghĩa và mang giá trị to lớn đối với kế hoạch quản lý của Ngài cũng như đối với con người ngày nay.

Sau khi tạo ra vạn vật và loài người, Đức Chúa Trời đã chẳng nghỉ ngơi. Ngài nóng lòng và háo hức thực hiện sự quản lý của Ngài, và thu phục những người mà Ngài rất yêu quý giữa nhân loại.

### **Đức Chúa Trời thực hiện loạt công tác chưa từng có trong khoảng thời gian của Thời đại Luật pháp**

Tiếp theo, không lâu sau khi Đức Chúa Trời tạo ra con người, chúng ta thấy được từ Kinh Thánh rằng đã có một trận đại hồng thủy trên toàn thế giới. Nô-ê được nhắc đến trong ghi chép về trận hồng thủy, và có thể nói rằng Nô-ê là người đầu tiên nhận được lời kêu gọi cùng làm việc với Ngài của Đức Chúa Trời để hoàn thành một nhiệm vụ của Đức Chúa Trời. Tất nhiên, đây cũng là lần đầu tiên Đức Chúa Trời kêu gọi một người trên đất làm điều gì đó theo lệnh của Ngài. Ngay khi Nô-ê đã đóng xong tàu, lần đầu tiên Đức Chúa Trời làm ngập lụt trái đất. Khi Đức Chúa Trời hủy diệt trái đất bằng trận lụt, đó là lần đầu tiên kể từ khi tạo ra con người, Ngài cảm thấy tràn đầy sự ghê tởm họ; đây là điều đã buộc Đức Chúa Trời phải đưa ra quyết định đau đớn là hủy diệt loài người này bằng trận hồng thủy. Sau khi trận hồng thủy hủy hoại trái đất, Đức Chúa Trời đã lập giao ước đầu tiên của Ngài với con người, một giao ước cho thấy rằng Ngài sẽ không bao giờ hủy diệt thế giới bằng những trận lụt một lần nữa. Dấu hiệu của giao ước này là cầu vồng. Đây là giao ước đầu tiên của Đức Chúa Trời với loài người, vì vậy cầu vồng là dấu hiệu đầu tiên của một giao ước do Đức Chúa Trời ban; cầu vồng là một vật hữu hình thực tế có tồn tại. Chính sự tồn tại của cầu vồng khiến Đức Chúa Trời thường cảm thấy buồn cho loài người trước đó mà Ngài đã mất đi, và trở thành một lời nhắc nhở liên tục cho Ngài về những gì đã xảy ra với họ... Đức Chúa Trời sẽ không làm chậm nhịp độ của Ngài – Ngài nóng lòng và háo hức thực hiện bước tiếp theo trong sự quản lý của

Ngài. Thế rồi, Đức Chúa Trời đã chọn Áp-ra-ham là lựa chọn đầu tiên của Ngài cho công tác của Ngài trên khắp Y-sơ-ra-ên. Đây cũng là lần đầu tiên Đức Chúa Trời chọn một ứng viên như vậy. Đức Chúa Trời quyết định bắt đầu thực hiện công việc cứu rỗi nhân loại của Ngài qua người này và tiếp tục công việc của Ngài giữa những hậu duệ của người này. Chúng ta có thể thấy trong Kinh Thánh rằng đây là điều Đức Chúa Trời đã làm với Áp-ra-ham. Sau đó, Đức Chúa Trời đã biến Y-sơ-ra-ên thành vùng đất được chọn đầu tiên, và bắt đầu công tác trong Thời đại Luật pháp của Ngài thông qua những dân sự được Ngài chọn, dân Y-sơ-ra-ên. Cũng lại là lần đầu tiên, Đức Chúa Trời đã cung cấp cho dân Y-sơ-ra-ên những quy tắc và luật lệ rõ ràng mà loài người nên tuân theo, và Ngài đã giải thích chúng một cách chi tiết. Đây là lần đầu tiên Đức Chúa Trời cung cấp cho con người những quy tắc được chuẩn hóa, cụ thể như vậy về cách họ nên dâng vật hi sinh, cách họ nên sống, điều họ nên làm và không nên làm, các kỳ lễ và ngày nào họ nên cử hành và các nguyên tắc để tuân theo trong mọi việc họ làm. Đây là lần đầu tiên Đức Chúa Trời ban cho loài người những quy định và nguyên tắc được chuẩn hóa, chi tiết đến thế về cách sống cuộc đời họ.

Mỗi khi Ta nói cụm từ “lần đầu tiên”, thì nó nói đến loại công tác mà Đức Chúa Trời chưa bao giờ thực hiện trước đây. Nó nói đến công tác đã không tồn tại trước đó, và mặc dù Đức Chúa Trời đã tạo ra loài người và đủ loại sinh vật và vật sống, nhưng đây là loại công tác Ngài chưa bao giờ làm trước đó. Tất cả các công tác này liên quan đến sự quản lý loài người của Đức Chúa Trời; tất cả đều liên quan đến con người cùng sự cứu rỗi và quản lý họ của Ngài. Sau Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời lại đưa ra một lựa chọn đầu tiên khác – Ngài đã chọn Gióp làm người sống dưới luật pháp và là người có thể chịu được những cám dỗ của Sa-tan trong khi tiếp tục kính sợ Đức Chúa Trời, lánh khỏi điều ác, và đứng ra làm chứng cho Đức Chúa Trời. Đây cũng là lần đầu tiên Đức Chúa Trời cho phép Sa-tan cám dỗ một người, và lần đầu tiên Ngài đặt cược với Sa-tan. Cuối cùng, lần đầu tiên Ngài đã thu phục được một người có khả năng đứng ra làm chứng và mang chứng ngôn cho Ngài trong khi đối mặt với Sa-tan, và một người có thể hoàn toàn khiến Sa-tan phải hổ thẹn. Từ khi Đức Chúa Trời đã tạo ra loài người, đây là người đầu tiên mà Ngài thu phục được có thể làm chứng cho Ngài. Một khi Ngài đã thu phục được người này, Đức Chúa Trời thậm chí còn háo hức hơn trong việc tiếp tục sự quản lý của Ngài và thực hiện giai đoạn tiếp theo trong công tác của Ngài, chuẩn bị địa điểm và những con người Ngài sẽ chọn cho bước tiếp theo trong công tác của Ngài.

Sau khi thông công về tất cả những điều này, các người có hiểu biết thực sự về ý muốn của Đức Chúa Trời không? Đức Chúa Trời xem sự quản lý và cứu rỗi loài người này của Ngài là quan trọng hơn bất cứ điều gì khác. Ngài làm những việc này không chỉ bằng tâm trí của Ngài, cũng không chỉ bằng lời của Ngài, và chắc chắn không phải với một thái độ bình thường – Ngài làm tất cả những điều này với một kế hoạch, với một mục tiêu, với các tiêu chuẩn và với ý muốn của Ngài. Rõ ràng là công tác cứu rỗi nhân loại này có ý nghĩa to lớn đối với cả Đức Chúa Trời và con người. Dù công việc có khó khăn đến đâu, dù các chướng ngại vật có to lớn đến mấy, dù con người có yếu đuối đến

mức nào, hay sự dấy loạn của loài người có sâu sắc như thế nào, thì chẳng điều nào trong số đó là khó khăn đối với Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời giữ cho bản thân Ngài bận rộn, Ngài nỗ lực hết mình và quản lý công việc chính Ngài muốn thực hiện. Ngài cũng đang sắp đặt mọi thứ và thực hiện quyền tối thượng của Ngài trên tất cả những con người mà Ngài sẽ làm việc với họ và tất cả những công tác mà Ngài muốn hoàn thành – chưa có việc nào trong số này đã từng được thực hiện trước đây. Đây là lần đầu tiên Đức Chúa Trời sử dụng những phương pháp này và đã trả giá đắt đến thế cho dự án lớn quản lý và cứu rỗi nhân loại này. Trong khi Đức Chúa Trời đang thực hiện công việc này, từng chút một, Ngài đang bày tỏ và bộc lộ không chút e dè với nhân loại, về nỗ lực khó nhọc của Ngài, Ngài có gì và là gì, sự khôn ngoan và sự toàn năng của Ngài, và mọi khía cạnh của tâm tính Ngài. Ngài bộc lộ và bày tỏ những điều này như Ngài chưa bao giờ làm trước đây. Vì vậy, trong toàn bộ vũ trụ, ngoài những người mà Đức Chúa Trời nhắm đến để quản lý và cứu rỗi, chưa bao giờ có bất kỳ sinh vật nào gần gũi như vậy với Đức Chúa Trời, từng có mối quan hệ mật thiết như vậy với Ngài. Trong lòng Ngài, nhân loại mà Ngài muốn quản lý và cứu rỗi là quan trọng nhất; Ngài xem trọng loài người này hơn tất cả mọi điều khác. Mặc dù Ngài đã trả giá đắt cho họ, và mặc dù Ngài liên tục bị họ làm tổn thương và không vâng lời, nhưng Ngài không bao giờ từ bỏ họ và vẫn tiếp tục không mệt mỏi trong công tác của Ngài mà không hề phàn nàn hay hối tiếc. Đó là bởi Ngài biết sớm muộn mọi người sẽ thức tỉnh trước lời kêu gọi của Ngài và được cảm thúc bởi lời của Ngài, nhận ra rằng Ngài là Chúa của muôn loài thọ tạo và trở về bên Ngài...

Sau khi nghe tất cả những điều này hôm nay, các người có thể cảm thấy rằng mọi thứ mà Đức Chúa Trời làm là rất bình thường. Dường như con người luôn cảm nhận được phần nào những ý định của Đức Chúa Trời dành cho họ từ những lời Ngài và từ công tác của Ngài, nhưng luôn có một khoảng cách nhất định giữa cảm xúc hoặc kiến thức của họ với những gì Đức Chúa Trời đang nghĩ. Đó là lý do tại sao Ta nghĩ rằng cần phải truyền đạt với tất cả mọi người về lý do tại sao Đức Chúa Trời tạo dựng loài người, và bối cảnh đằng sau mong muốn của Ngài để có được nhân loại mà Ngài đã hy vọng. Điều cần thiết là chia sẻ điều này với mọi người, để trong lòng mọi người đều rõ ràng và hiểu được. Vì mọi suy nghĩ và tư tưởng của Đức Chúa Trời cùng mọi thời kỳ và giai đoạn công việc của Ngài đều gắn liền và liên kết chặt chẽ với toàn bộ công tác quản lý của Ngài, do đó khi người hiểu được những suy nghĩ, tư tưởng và ý muốn của Ngài trong từng bước công tác của Ngài, thì cũng giống như hiểu được công tác trong kế hoạch quản lý của Ngài diễn ra thế nào. Chính trên nền tảng này mà sự hiểu biết của người về Đức Chúa Trời sẽ sâu sắc hơn. Mặc dù mọi thứ Đức Chúa Trời làm khi lần đầu Ngài tạo dựng nên thế giới mà Ta đã đề cập trước đây dường như hiện giờ chỉ là “thông tin”, không liên quan đến việc theo đuổi lẽ thật; thế nhưng trong suốt quá trình trải nghiệm của người sẽ có ngày người không nghĩ rằng đây là thứ gì đó đơn giản như vài mẫu thông tin, cũng không phải đơn giản chỉ là vài dạng mẫu nhiệm nào đó. Khi sự sống của người tiến triển, một khi Đức Chúa Trời có vị trí nào đó trong lòng người, hoặc

một khi người hiểu thấu đáo và sâu sắc ý muốn của Ngài hơn, thì người sẽ thực sự hiểu được tầm quan trọng và sự cần thiết của những gì Ta đang phán hôm nay. Cho dù bây giờ các người chấp nhận điều này đến mức độ nào thì người vẫn cần hiểu và biết những điều này. Khi Đức Chúa Trời làm việc gì đó, khi Ngài thực hiện công tác của Ngài, bất kể là bằng ý tưởng của Ngài hay bằng chính đôi tay Ngài, bất kể là lần đầu tiên hay lần cuối cùng Ngài thực hiện nó, rồi cuộc Đức Chúa Trời đều có một kế hoạch, và những mục đích và suy nghĩ của Ngài đều có trong tất cả mọi thứ Ngài làm. Những mục đích và suy nghĩ này đại diện cho tâm tính của Đức Chúa Trời và bày tỏ Ngài có gì và là gì. Hai điều này – tâm tính của Đức Chúa Trời và Ngài có gì và là gì – phải được mỗi người hiểu. Một khi một người hiểu được tâm tính của Ngài và Ngài có gì và là gì, họ sẽ có thể dần dần hiểu tại sao Đức Chúa Trời làm những gì Ngài làm và tại sao Ngài phán những gì Ngài phán. Từ đó họ có thể có thêm đức tin để theo Đức Chúa Trời, để mưu cầu lẽ thật và một sự thay đổi trong tâm tính của họ. Điều đó có nghĩa là, hiểu biết của con người về Đức Chúa Trời và đức tin của con người vào Đức Chúa Trời là không thể tách rời.

Nếu điều mọi người có kiến thức và dần hiểu được là tâm tính của Đức Chúa Trời và Ngài có gì và là gì thì cái họ đạt được sẽ là sự sống đến từ Đức Chúa Trời. Một khi sự sống này đã được rèn giũa trong người thì sự kính sợ của người đối với Đức Chúa Trời sẽ ngày càng lớn hơn. Đây là một lợi ích đến rất tự nhiên. Nếu người không muốn hiểu hoặc biết về tâm tính của Đức Chúa Trời hay thực chất của Ngài, nếu người thậm chí không muốn suy ngẫm hoặc tập trung vào những điều này, thì Ta có thể nói với người một cách chắc chắn rằng cách người hiện đang theo đuổi đức tin nơi Đức Chúa Trời không bao giờ có thể cho phép người đáp ứng ý muốn của Ngài hoặc nhận được lời khen ngợi của Ngài. Hơn thế nữa, người không bao giờ có thể thực sự đạt được sự cứu rỗi – đây là những hậu quả cuối cùng. Khi mọi người không hiểu Đức Chúa Trời và không biết tâm tính của Ngài, lòng họ không bao giờ có thể thực sự mở ra với Ngài. Một khi đã hiểu Đức Chúa Trời, họ sẽ bắt đầu xem trọng và vui hưởng những gì trong lòng Ngài bằng sự quan tâm và đức tin. Khi người xem trọng và vui hưởng những gì trong lòng Đức Chúa Trời, lòng người sẽ dần dần, từng chút một mở ra với Ngài. Khi lòng của người mở ra với Ngài, người sẽ cảm thấy những trao đổi của người với Đức Chúa Trời, những đòi hỏi của người với Đức Chúa Trời và những ham muốn nồng cuồng của bản thân người mới thật xấu hổ và đáng khinh biết bao. Khi lòng người thực sự mở ra với Đức Chúa Trời, người sẽ thấy lòng Ngài là một thế giới vô tận, và người sẽ bước vào một cõi người chưa từng trải nghiệm trước đây. Ở cõi này không có lừa gạt, không có gian dối, không có bóng tối và không có sự xấu xa. Chỉ có sự chân thật và trung thành; chỉ có ánh sáng và chính trực; chỉ có sự công chính và lòng tốt. Nơi đây đầy tình yêu thương và sự chăm sóc, đầy lòng thương xót và bao dung, và qua đó người cảm nhận được niềm hạnh phúc và niềm vui khi được sống. Những điều này là những gì mà Đức Chúa Trời sẽ tiết lộ cho người khi người mở lòng ra với Ngài. Thế giới vô tận này chứa đầy sự khôn ngoan và toàn năng của Đức Chúa Trời; nó cũng đầy tình yêu và thẩm quyền của Ngài. Ở đây, người có thể thấy mọi khía cạnh Đức Chúa Trời có gì và là gì,



điều gì mang lại cho Ngài niềm vui, tại sao Ngài lo lắng và tại sao Ngài trở nên buồn bã, tại sao Ngài trở nên giận dữ... Đây là những gì mỗi một người đều có thể thấy nếu họ mở lòng và cho phép Đức Chúa Trời bước vào. Đức Chúa Trời chỉ có thể đi vào lòng người khi người mở lòng ra với Ngài. Người chỉ có thể thấy Ngài có gì và là gì, và người chỉ có thể thấy những ý định của Ngài dành cho người nếu Ngài đã đi vào lòng người. Vào lúc đó, người sẽ khám phá ra rằng mọi thứ về Đức Chúa Trời đều rất quý giá, rằng Ngài có gì và là gì đều vô cùng xứng đáng để trân trọng. So với điều đó, những người xung quanh người, những sự vật và sự việc trong cuộc sống của người, và thậm chí cả những người thân yêu của người, bạn đời của người, và những điều người yêu thích, đều hầu như chẳng đáng nhắc đến. Họ rất nhỏ nhoi và hèn mọn; người sẽ cảm thấy không có đối tượng vật chất nào có thể lôi kéo người được nữa, hay bất kỳ đối tượng vật chất nào cũng sẽ không bao giờ có thể dụ dỗ người trả bất kỳ cái giá nào cho nó nữa. Trong sự khiêm nhường của Đức Chúa Trời, người sẽ thấy sự vĩ đại và uy quyền tối cao của Ngài. Hơn nữa, người sẽ nhìn thấy trong vài hành động của Đức Chúa Trời mà trước đây người tin rằng nó khá nhỏ bé là sự khôn ngoan vô hạn và lòng khoan dung của Ngài, người sẽ thấy sự kiên trì, chịu đựng của Ngài, và sự hiểu thấu của Ngài về người. Điều này sẽ làm dâng lên trong người lòng kính yêu Ngài. Vào ngày đó, người sẽ cảm thấy rằng nhân loại đang sống trong một thế giới sao mà buồn tẻ, rằng những người ở bên cạnh người và những điều xảy ra trong cuộc sống của người, ngay cả những người người yêu, tình yêu của họ dành cho người, và cái gọi là sự bảo vệ của họ hoặc sự quan tâm của họ đối với người thậm chí chẳng đáng nhắc đến – chỉ có Đức Chúa Trời mới là Đáng yêu quý của người, và chỉ có Đức Chúa Trời là Đáng người trân trọng nhất. Khi ngày đó đến, Ta tin sẽ có một số người nói: Tình yêu của Đức Chúa Trời quá đổi lớn lao, và thực chất của Ngài quá đổi thánh khiết – trong Đức Chúa Trời không có sự giả dối, không xấu xa, không đố kỵ và không xung đột, mà chỉ có sự công chính và chân thật, và tất cả mọi thứ Ngài có gì và là gì nên được con người mong cầu. Con người nên phấn đấu và khao khát điều đó. Khả năng nhân loại đạt được điều này dựa trên cơ sở nào? Nó dựa trên cơ sở sự hiểu biết của họ về tâm tính của Đức Chúa Trời và sự hiểu biết của họ về thực chất của Đức Chúa Trời. Vì vậy, hiểu được tâm tính của Đức Chúa Trời và Ngài có gì và là gì là bài học cả đời cho mỗi người; đây là mục tiêu cả đời được theo đuổi bởi mỗi người đang cố gắng thay đổi tâm tính của họ và cố gắng để biết Đức Chúa Trời.

### **Lần đầu Đức Chúa Trời trở nên xác thịt để làm công tác**

Chúng ta vừa nói về tất cả những công tác mà Đức Chúa Trời đã làm, một loạt các công tác chưa từng có tiền lệ mà Ngài đã thực hiện. Mỗi một công tác này đều liên quan tới kế hoạch quản lý của Đức Chúa Trời và tới ý muốn của Đức Chúa Trời. Chúng cũng liên quan đến tâm tính của chính Đức Chúa Trời và thực chất của Ngài. Nếu muốn hiểu thêm Ngài có gì và là gì, chúng ta không thể dừng lại ở Cựu Ước hay Thời đại Luật pháp – mà chúng ta cần tiếp tục tiến lên, đi theo các bước Đức Chúa Trời đã đi trong

công tác của Ngài. Vì vậy, khi Đức Chúa Trời kết thúc Thời đại Luật pháp và bắt đầu Thời đại Ân điển, hãy để những bước chân của chính chúng ta theo sau, tiến vào Thời đại Ân điển – một thời đại đầy ân điển và sự cứu chuộc. Trong thời đại này, Đức Chúa Trời lại làm một việc rất quan trọng mà trước đây chưa từng được thực hiện. Công tác trong thời đại mới này với cả Đức Chúa Trời và nhân loại đều là một điểm khởi đầu mới – điểm khởi đầu bao gồm một công tác mới khác nữa được thực hiện bởi Đức Chúa Trời mà chưa từng được làm trước đây. Công tác mới này là chưa từng có tiền lệ, một điều vượt quá sức tưởng tượng của con người và tất cả tạo vật. Đó là điều giờ đây mọi người đều đã biết đến – lần đầu tiên Đức Chúa Trời trở thành một con người và lần đầu tiên Ngài bắt đầu công tác mới dưới hình dạng một con người, với thân phận của một con người. Công tác mới này biểu thị rằng Đức Chúa Trời đã hoàn thành công tác của Ngài trong Thời đại Luật pháp, và Ngài sẽ không còn làm hoặc phán bất cứ điều gì theo luật pháp. Ngài cũng sẽ không phán hoặc làm bất cứ điều gì dưới hình thức của luật pháp hoặc theo các nguyên tắc hoặc quy định của luật pháp. Nghĩa là, tất cả công tác của Ngài dựa trên luật pháp đã dừng lại mãi mãi và sẽ không được tiếp tục nữa, bởi vì Đức Chúa Trời muốn bắt đầu công tác mới và làm những điều mới. Kế hoạch của Ngài một lần nữa có điểm khởi đầu mới, và vì thế Đức Chúa Trời phải dẫn dắt loài người bước sang thời đại tiếp theo.

Đây là tin vui hay đáng ngại cho con người phụ thuộc vào thực chất của cá nhân mỗi người. Có thể nói với một số người, đây không phải tin vui mà là đáng ngại, bởi vì khi Đức Chúa Trời bắt đầu công tác mới của Ngài, những người chỉ tuân theo luật pháp và quy tắc, những người chỉ tuân theo các học thuyết nhưng không kính sợ Đức Chúa Trời, có xu hướng sử dụng công tác cũ của Đức Chúa Trời để lên án công tác mới của Ngài. Đối với những người này thì đây là tin xấu. Nhưng đối với mọi người trong sạch và cởi mở, những người chân thành với Đức Chúa Trời và sẵn sàng nhận sự cứu chuộc của Ngài, sự nhập thể đầu tiên của Đức Chúa Trời là một tin rất đổi vui mừng. Vì kể từ khi con người lần đầu tiên được đưa vào sự tồn tại, đây là lần đầu Đức Chúa Trời xuất hiện và sống giữa loài người dưới hình dạng không phải là Thần; lần này, Ngài được sinh ra từ một con người và sống giữa mọi người với tư cách là Con người và làm việc giữa họ. “Lần đầu tiên” này đã phá vỡ những quan niệm của con người; nó vượt quá mọi sự tưởng tượng. Hơn nữa, tất cả những người theo Đức Chúa Trời đều có được một lợi ích hữu hình. Đức Chúa Trời không chỉ chấm dứt thời đại cũ mà Ngài còn chấm dứt phương pháp làm việc và phong cách làm việc cũ của Ngài. Ngài không còn yêu cầu các sứ giả của Ngài truyền đạt ý muốn của Ngài, Ngài không còn ẩn mình trong những đám mây, và không còn xuất hiện hay phán dạy với con người đầy uy lực qua sấm sét. Không giống như bất cứ điều gì trước đây, thông qua một phương pháp không thể tưởng tượng được đối với con người mà họ khó có thể hiểu hoặc chấp nhận được – trở thành xác thịt – Ngài đã trở thành Con người để bắt đầu công tác ở thời đại đó. Hành động này của Đức Chúa Trời khiến nhân loại hoàn toàn không kịp chuẩn bị; nó khiến họ lúng túng, bởi vì Đức Chúa Trời đã một lần nữa bắt đầu công tác mới mà trước đây

Ngài chưa bao giờ làm. Hôm nay, chúng ta sẽ xem công tác mới nào Đức Chúa Trời đã hoàn thành trong thời đại mới, và chúng ta sẽ cân nhắc có gì để chúng ta học hỏi từ công tác mới này xét về mặt tâm tính của Đức Chúa Trời và về mặt Ngài có gì và là gì.

Sau đây là những lời được ghi lại trong Tân Ước của Kinh Thánh:

## **1. Jêsus bứt bông lúa mì mà ăn trong ngày Sa-bát**

Ma-thi-ơ 12:1 Lúc đó, nhằm ngày Sa-bát, Đức Chúa Jêsus đi qua giữa đồng lúa mì; các môn đồ đói, bứt bông lúa mì mà ăn.

## **2. Con người là Chúa của ngày Sa-bát**

Ma-thi-ơ 12:6-8 Vả lại, ta phán cùng các người, tại chỗ này có một đấng tôn trọng hơn đền thờ. Phải chi các người hiểu nghĩa câu này: Ta muốn lòng nhân từ, không muốn của tế lễ, thì các người không trách những người vô tội; vì Con người là Chúa ngày Sa-bát.

Trước tiên chúng ta hãy xem đoạn văn này: “Lúc đó, nhằm ngày Sa-bát, Đức Chúa Jêsus đi qua giữa đồng lúa mì; các môn đồ đói, bứt bông lúa mì mà ăn”.

Tại sao ta lại chọn đoạn này? Nó có liên quan gì đến tâm tính của Đức Chúa Trời? Trong đoạn này, điều đầu tiên chúng ta biết là hôm ấy là ngày Sa-bát, nhưng Đức Chúa Jêsus đã ra ngoài và dẫn các môn đệ của Ngài đi qua những cánh đồng lúa. Một điều còn “gian dối” hơn đó là họ thậm chí “bứt bông lúa mì mà ăn”. Trong Thời đại Luật pháp, luật pháp của Giê-hô-va Đức Chúa Trời quy định rằng mọi người không thể tùy tiện ra ngoài hoặc tham gia các hoạt động trong ngày Sa-bát – có nhiều điều không được thực hiện trong ngày Sa-bát. Hành động này về phía Đức Chúa Jêsus đã gây hoang mang cho những người sống theo luật pháp trong một thời gian dài, và nó thậm chí còn dấy lên sự chỉ trích. Về sự bối rối của họ và cách họ nói về những gì Jêsus đã làm, chúng ta sẽ tạm gác chuyện đó sang một bên và trước tiên thảo luận về lý do tại sao Đức Chúa Jêsus chọn làm điều này vào ngày Sa-bát, chứ không phải ngày nào khác, và những gì Ngài muốn truyền đạt cho những người đang sống theo luật pháp thông qua hành động này. Đây là mối liên hệ giữa đoạn này và tâm tính của Đức Chúa Trời mà ta muốn nói đến.

Khi Đức Chúa Jêsus đến, Ngài đã dùng những hành động thực tế của mình để nói với mọi người rằng Đức Chúa Trời đã rời Thời đại Luật pháp và bắt đầu công tác mới, và công tác mới này không cần phải tuân theo ngày Sa-bát. Việc Đức Chúa Trời vượt ra khỏi những giới hạn của ngày Sa-bát chỉ là một điềm báo trước cho công tác mới của Ngài; công tác thực sự và vĩ đại vẫn còn đang đến. Khi Đức Chúa Jêsus bắt đầu công tác của mình, Ngài đã bỏ lại phía sau “những chiếc còng” của Thời đại Luật pháp, và đã phá vỡ các quy định và nguyên tắc của thời đại đó. Trong Ngài, không có dấu vết của bất cứ điều gì liên quan đến luật pháp; Ngài đã gạt bỏ nó hoàn toàn và không còn tuân theo nó nữa, và Ngài không còn yêu cầu nhân loại phải tuân theo nó nữa. Vì vậy, ở đây, người thấy Đức Chúa Jêsus đã đi qua những cánh đồng lúa trong ngày Sa-bát, và Chúa đã không nghỉ ngơi; Ngài ở bên ngoài làm việc, và không nghỉ ngơi. Hành động này của Ngài là một cú sốc đối với quan niệm của mọi người và nó đã truyền đạt tới họ rằng

Ngài không còn sống theo luật pháp nữa, và Ngài đã ra khỏi giới hạn của ngày Sa-bát và xuất hiện trước nhân loại và ở giữa họ trong một hình tượng mới, với một cách làm việc mới. Hành động này của Ngài nói với mọi người rằng Ngài đã mang theo cùng Ngài công tác mới, một công tác bắt đầu từ việc vượt ra khỏi luật pháp, và lìa bỏ ngày Sa-bát. Khi Đức Chúa Trời thực hiện công tác mới của Ngài, Ngài không còn bám víu vào quá khứ và Ngài không còn quan tâm đến các quy định của Thời đại Luật pháp. Ngài cũng không bị ảnh hưởng bởi công tác của mình ở thời đại trước, mà thay vào đó Ngài làm việc trong ngày Sa-bát giống như mọi ngày khác, và khi các môn đệ của Ngài đối trong ngày Sa-bát, họ có thể hái bông lúa để ăn. Điều này hết thảy đều rất đối bình thường trong mắt Đức Chúa Trời. Đối với Đức Chúa Trời, đây là chuyện được cho phép để có thể có một khởi đầu mới cho phần lớn công tác mới mà Ngài muốn làm và những lời mới mà Ngài muốn phán. Khi Ngài bắt đầu một việc gì đó mới, Ngài không đề cập đến công tác trước đây của mình và cũng không tiếp tục thực hiện nó. Bởi vì Đức Chúa Trời có những nguyên tắc trong công tác của Ngài, nên khi Ngài muốn bắt đầu công tác mới, thì đó là khi Ngài muốn đưa nhân loại vào một giai đoạn mới trong công tác của Ngài, và đó là khi công tác của Ngài sẽ bước vào một giai đoạn cao hơn. Nếu mọi người tiếp tục hành động theo những lời nói hoặc quy định cũ hoặc tiếp tục bám chặt lấy chúng thì Ngài sẽ không nhớ đến hay tán thành điều đó. Sở dĩ như vậy là vì Ngài đã đưa ra công tác mới rồi, và đã bước vào một giai đoạn mới trong công tác của Ngài. Khi Ngài khởi xướng công tác mới, Ngài xuất hiện trước nhân loại trong một hình tượng hoàn toàn mới, từ một góc độ hoàn toàn mới, và theo một cách hoàn toàn mới để mọi người có thể thấy những khía cạnh khác nhau trong tâm tính Ngài, Ngài có gì và là gì. Đây là một trong những mục tiêu trong công tác mới của Ngài. Đức Chúa Trời không bám víu vào những điều cũ hay đi trên con đường mòn; khi Ngài làm việc và phán dạy, Ngài không cấm đoán như mọi người hình dung. Trong Đức Chúa Trời, tất cả đều tự do và được giải phóng, và không có sự cấm đoán, không có ràng buộc nào – mà điều mà Ngài mang đến cho nhân loại là tự do và giải phóng. Ngài là Đức Chúa Trời sống, một Đức Chúa Trời đích thực, thực sự tồn tại. Ngài không phải là một con rối hay một bức tượng đất sét, và Ngài hoàn toàn khác với những thần tượng mà mọi người thờ phụng và tôn sùng. Ngài đang sống và tràn đầy sinh lực, và những gì mà lời nói và công tác của Ngài mang lại cho nhân loại đều tràn ngập sự sống và ánh sáng, toàn là tự do và giải thoát, bởi vì Ngài nắm giữ lẽ thật, sự sống và đường đi – Ngài không bị ràng buộc bởi bất cứ điều gì trong bất kỳ công tác nào của mình. Bất kể mọi người nói gì và bất kể họ nhìn nhận hay đánh giá công tác mới của Ngài như thế nào, Ngài vẫn sẽ thực hiện công việc của mình mà không hề e ngại. Ngài sẽ không lo lắng về bất kỳ quan niệm hay sự chỉ trích của bất cứ ai về công tác và lời phán dạy của Ngài, hoặc thậm chí cả sự chống đối và phản kháng mạnh mẽ của họ đối với công tác mới của Ngài. Không ai trong số tất cả các tạo vật có thể sử dụng lý trí của con người, hoặc trí tưởng tượng, kiến thức hoặc đạo đức của con người để đo lường hoặc định nghĩa những gì Đức Chúa Trời làm, để làm mất uy tín, phá vỡ hoặc phá hoại công tác của Ngài. Không có sự cấm đoán trong

công tác của Ngài và những gì Ngài làm; nó sẽ không bị ràng buộc bởi bất kỳ con người, sự vật hay sự việc nào, cũng sẽ không bị phá vỡ bởi bất kỳ thế lực thù địch nào. Trong phạm vi công tác mới của Ngài, Ngài là một vị Vua luôn chiến thắng, và bất kỳ thế lực thù địch nào cũng như tất cả các dị giáo và nguy hiểm của nhân loại đều sẽ bị giẫm nát dưới bệ chân Ngài. Bất kể giai đoạn mới nào trong công tác của Ngài mà Ngài đang thực hiện, nó chắc chắn sẽ được phát triển và mở rộng giữa nhân loại, và nó chắc chắn sẽ được thực hiện thông suốt trong toàn bộ vũ trụ cho đến khi công tác vĩ đại của Ngài được hoàn thành. Đây chính là sự toàn năng và khôn ngoan của Đức Chúa Trời, là thẩm quyền và quyền năng của Ngài. Do đó, Đức Chúa Jêsus có thể công khai ra ngoài và làm việc trong ngày Sa-bát vì trong lòng Ngài không có luật lệ, không có kiến thức hay giáo lý nào bắt nguồn từ loài người. Những gì Ngài có là công tác mới của Đức Chúa Trời và đường lối của Đức Chúa Trời. Công việc của Ngài là con đường giải phóng nhân loại, giải thoát con người, cho phép họ được tồn tại dưới ánh sáng và được sống. Trong khi đó, những người tôn thờ thần tượng hoặc các chúa giả sống mỗi ngày bị Sa-tan trói buộc, bị kìm hãm bởi đủ loại luật lệ và điều cấm kỵ – hôm nay cấm điều này, ngày mai cấm điều khác – không có tự do trong cuộc sống của họ. Họ giống như những tù nhân chịu xiềng xích, sống cuộc sống không có niềm vui gì để nói. Vậy “sự cấm đoán” đại diện cho điều gì? Nó đại diện cho những sự kìm tỏa, ràng buộc, và xấu xa. Ngay khi một người tôn sùng một thần tượng, là họ đang tôn thờ một chúa giả, một ác linh. Sự cấm đoán xuất hiện khi có sự tham gia các hoạt động đó. Người không được ăn món này hoặc món kia, hôm nay người không được ra ngoài, ngày mai người không được nấu ăn, ngày hôm sau người không được chuyển đến một ngôi nhà mới, phải lựa chọn một số ngày nhất định để làm đám cưới và đám tang và thậm chí để sinh con. Cái này gọi là gì? Cái này gọi là sự cấm đoán; đó là sự trói buộc nhân loại, và đó là xiềng xích của Sa-tan và những ác linh đang kiểm soát con người và kiểm tỏa trái tim và cơ thể họ. Những sự cấm đoán này có tồn tại với Đức Chúa Trời không? Khi nói về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời, người trước tiên nên nghĩ về điều này: Với Đức Chúa Trời không có sự cấm đoán. Đức Chúa Trời có những nguyên tắc trong những phán dạy và công tác của Ngài, nhưng không có sự cấm đoán nào, bởi vì chính Đức Chúa Trời là lẽ thật, đường đi và sự sống.

Hãy xem đoạn văn sau đây trong Kinh Thánh: “Vả lại, ta phán cùng các người, tại chỗ này có một đáng tôn trọng hơn đền thờ. Phải chi các người hiểu nghĩa câu này: Ta muốn lòng nhân từ, không muốn của tế lễ, thì các người không trách những người vô tội; vì Con người là Chúa ngày Sa-bát” (Ma-thi-ơ 12:6-8). Từ “đền thờ” chỉ điều gì? Nói một cách đơn giản, nó chỉ một tòa nhà cao lớn, tráng lệ, và trong Thời đại Luật pháp, đền thờ là nơi để các thầy tế lễ thờ phụng Đức Chúa Trời. Khi Đức Chúa Jêsus phán “tại chỗ này có một đáng tôn trọng hơn đền thờ”, “Đáng” này nói đến ai? Rõ ràng, “Đáng” này là Đức Chúa Jêsus trong xác thịt, bởi vì chỉ có Ngài là lớn hơn đền thờ. Những lời đó nói với mọi người điều gì? Những lời đó bảo mọi người ra khỏi đền thờ – Đức Chúa Trời đã rời khỏi đền thờ rồi và không còn làm việc trong đó nữa, vì vậy mọi người nên

tìm kiếm bước chân của Đức Chúa Trời bên ngoài đền thờ và theo bước Ngài trong công tác mới của Ngài. Khi Đức Chúa Jêsus nói điều này, có một tiền đề đằng sau những lời của Ngài, đó là theo luật pháp, mọi người đã trở nên nhìn nhận đền thờ như một điều gì đó lớn hơn chính Đức Chúa Trời. Nghĩa là, người ta tôn thờ ngôi đền hơn là tôn thờ Đức Chúa Trời, nên Đức Chúa Jêsus đã cảnh báo họ không được tôn thờ thần tượng, mà thay vào đó là tôn thờ Đức Chúa Trời, vì Ngài là tối cao. Do đó, Ngài phán: “Ta muốn lòng nhân từ, không muốn của tế lễ”. Rõ ràng là trong mắt của Đức Chúa Jêsus, hầu hết những người sống theo luật pháp không còn tôn thờ Đức Giê-hô-va nữa, mà chỉ đơn thuần thực hiện tế lễ một cách chiếu lệ, và Đức Chúa Jêsus đã xác định đây là sự thờ phụng thần tượng. Những người tôn thờ thần tượng đã xem ngôi đền là một cái gì đó lớn lao hơn và cao cả hơn Đức Chúa Trời. Trong lòng họ chỉ có đền thờ, không có Đức Chúa Trời, và nếu họ mất đền thờ, thì họ sẽ mất chỗ trú ngụ của mình. Không có đền thờ, họ không có nơi thờ phụng và không thể thực hiện các việc tế lễ của mình. Cái gọi là “chỗ trú ngụ” của họ là nơi họ sử dụng sự giả vờ dối trá thờ phụng Giê-hô-va Đức Chúa Trời để có thể ở trong đền thờ và thực hiện các công việc riêng của họ. Cái gọi là “tế lễ” của họ chỉ là họ đang thực hiện các giao dịch cá nhân đáng xấu hổ của bản thân dưới vỏ bọc là tiến hành công việc phụng sự trong đền thờ. Đây là lý do mọi người thời đó xem ngôi đền lớn hơn Đức Chúa Trời. Đức Chúa Jêsus đã nói những lời này như một lời cảnh báo cho mọi người, bởi vì họ đang sử dụng đền thờ như một bình phong, và dùng sự tế lễ như một vỏ bọc để lừa dối mọi người và lừa dối Đức Chúa Trời. Nếu người áp dụng những lời này vào hiện tại, chúng vẫn có giá trị tương đương và thích đáng tương đương. Mặc dù con người ngày nay đã trải nghiệm công tác khác của Đức Chúa Trời so với những người trong Thời đại Luật pháp đã trải qua, nhưng bản tính và thực chất của họ vẫn không thay đổi. Trong bối cảnh của công việc ngày nay, mọi người vẫn sẽ làm những việc tương tự như được thể hiện trong câu “đền thờ lớn hơn Đức Chúa Trời”. Chẳng hạn, mọi người coi việc thực hiện bốn phận là công việc của họ; họ xem việc làm chứng cho Đức Chúa Trời và chiến đấu với con rồng lớn sắc đỏ là những phong trào chính trị để bảo vệ nhân quyền, dân chủ và tự do; họ biến nhiệm vụ phát huy các kỹ năng của mình thành sự nghiệp, nhưng họ coi việc kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác chẳng là gì ngoài một phần của giáo lý tôn giáo phải tuân theo; v.v. Chẳng phải những hành vi này về cơ bản cũng giống như “đền thờ lớn hơn Đức Chúa Trời” sao? Sự khác biệt là, hai ngàn năm trước, mọi người đang thực hiện việc riêng của họ trong một đền thờ vật chất, còn ngày nay, mọi người thực hiện việc riêng của họ trong các đền thờ vô hình. Những người coi trọng các quy tắc coi các quy tắc lớn hơn Đức Chúa Trời, những người yêu thích địa vị xem địa vị lớn hơn Đức Chúa Trời, những người yêu thích sự nghiệp của họ coi sự nghiệp lớn hơn Đức Chúa Trời, v.v. – tất cả sự thể hiện của họ khiến Ta phải phán rằng: “Con người ca ngợi Đức Chúa Trời là vĩ đại nhất qua lời nói của họ, nhưng trong mắt họ mọi thứ đều vĩ đại hơn Đức Chúa Trời”. Điều này là bởi vì ngay khi mọi người tìm thấy được cơ hội trên con đường theo Đức Chúa Trời để thể hiện tài năng của bản thân, hoặc để thực hiện

việc làm ăn hoặc sự nghiệp của riêng họ, họ liến xá cách Đức Chúa Trời và lặn xả vào sự nghiệp thân yêu của họ. Về những gì mà Đức Chúa Trời đã giao phó cho họ cùng ý muốn của Ngài, những thứ đó từ lâu đã bị họ vứt bỏ rồi. Vậy có gì khác biệt giữa tình trạng của những người này và những người làm việc riêng trong đền thờ hai ngàn năm trước?

Tiếp theo, chúng ta hãy xem câu cuối trong đoạn này: “Vì Con người là Chúa ngày Sa-bát”. Có khía cạnh thực tế nào cho câu này không? Các người có nhìn ra được khía cạnh thực tế không? Mỗi một điều Đức Chúa Trời phán đều xuất phát từ lòng Ngài, vậy tại sao Ngài lại phán câu này? Các người hiểu nó thế nào? Ngày nay các người có thể hiểu được ý nghĩa của câu này, nhưng tại thời điểm nó được phán ra không có nhiều người hiểu được vì nhân loại chỉ mới vừa ra khỏi Thời đại Luật pháp. Đối với họ, lìa bỏ ngày Sa-bát là một điều rất khó thực hiện, chưa nói đến việc hiểu được một ngày Sa-bát thực sự là gì.

Câu “Con người là Chúa ngày Sa-bát” nói với mọi người rằng mọi thứ về Đức Chúa Trời không mang bản chất vật chất, và mặc dù Đức Chúa Trời có thể ban cho người tất cả các nhu cầu vật chất, nhưng một khi tất cả các nhu cầu vật chất của người đã được đáp ứng, liệu sự thỏa mãn từ những thứ này có thể thay thế được sự theo đuổi lẽ thật của người không? Điều đó rõ ràng là không thể! Tâm tính của Đức Chúa Trời và Ngài có gì và là gì, mà chúng ta đã thông công, cả hai điều này đều là lẽ thật. Giá trị của nó không thể đo lường dựa trên bất kỳ đối tượng vật chất nào, bất kể quý giá đến đâu, cũng như giá trị của nó không thể định lượng được bằng tiền, bởi vì nó không phải là đối tượng vật chất và nó đáp ứng những nhu cầu trong lòng mỗi một con người. Đối với mỗi người, giá trị của những lẽ thật vô hình này phải lớn lao hơn giá trị của bất kỳ thứ vật chất nào mà người có thể coi trọng, chẳng phải sao? Câu nói này là điều các người cần nán lại xem xét. Điểm mấu chốt của những gì Ta đã phán đó là: Đức Chúa Trời có gì và là gì và mọi thứ về Đức Chúa Trời đều là những điều quan trọng nhất đối với mỗi một người và không thể bị thay thế bởi bất kỳ đối tượng vật chất nào. Ta sẽ cho người một ví dụ: Khi người đói, người cần thức ăn. Thức ăn này có thể ít nhiều là ngon hoặc ít nhiều không như mong đợi, nhưng miễn là người được ăn no, cảm giác khó chịu khi đói sẽ không còn ở đó nữa – nó sẽ biến mất. Người có thể ngồi yên, và cơ thể của người sẽ được nghỉ ngơi. Cơ đói của con người có thể được giải quyết bằng thức ăn, nhưng khi người đang theo Đức Chúa Trời và cảm thấy rằng người không hiểu gì về Ngài, người làm cách nào có thể giải quyết được sự trống rỗng trong lòng người? Liệu nó có thể được giải quyết bằng thức ăn không? Hoặc khi người đang theo Đức Chúa Trời và không hiểu ý muốn của Ngài, người có thể dùng điều gì để bù đắp cho cơn đói đó trong lòng người? Trong quá trình trải nghiệm sự cứu rỗi của người thông qua Đức Chúa Trời, trong khi theo đuổi sự thay đổi trong tâm tính người, nếu người không hiểu được ý muốn của Ngài hoặc không biết lẽ thật là gì, nếu người không hiểu được tâm tính Đức Chúa Trời, thì chẳng lẽ người lại không cảm thấy rất khó chịu sao? Chẳng lẽ người không cảm thấy cơn đói khát cồn cào trong lòng mình? Chẳng lẽ những cảm xúc này không ngăn cản người cảm thấy bình an trong lòng? Vậy người làm thế nào có thể

bù đắp cơn đói đó trong lòng – có cách nào để làm tiêu tan nó không? Một số người đi mua sắm, một số tìm kiếm bạn bè để tâm sự, một số vui trong một giấc ngủ dài, những người khác đọc thêm những lời Đức Chúa Trời, hoặc họ làm việc chăm chỉ hơn và nỗ lực nhiều hơn để thực hiện bổn phận của mình. Liệu những điều này có thể giải quyết những khó khăn thực sự của người không? Tất cả các người đều hiểu rõ những loại thực hành này. Khi người cảm thấy bất lực, khi người cảm thấy một khao khát mạnh mẽ muốn đạt được sự khai sáng từ Đức Chúa Trời để cho phép người biết thực tế lẽ thật và ý muốn của Ngài, thì người cần gì nhất? Những gì người cần không phải là một bữa ăn no nê, và không phải là một vài lời tử tế, chứ đừng nói đến sự thoải mái và hài lòng thoáng qua của xác thịt – những gì người cần là để Đức Chúa Trời phán bảo trực tiếp và rõ ràng người nên làm những gì và nên làm thế nào, để phán bảo rõ cho người biết lẽ thật là gì. Sau khi người đã hiểu điều này, dù cho người chỉ đạt được một chút hiểu biết, thì chẳng lẽ người không cảm thấy lòng mình thỏa mãn hơn là ăn một bữa ngon sao? Khi lòng người được mãn nguyện, chẳng phải lòng người và toàn bộ hữu thể người được an yên thực sự sao? Thông qua phép suy diễn và phân tích này, bây giờ các người có hiểu tại sao Ta muốn chia sẻ với các người câu “Con người là Chúa ngày Sa-bát” không? Ý nghĩa của câu này đó là: những gì đến từ Đức Chúa Trời, Ngài có gì và là gì, và tất cả mọi thứ về Ngài, đều lớn lao hơn bất kỳ thứ gì khác, kể cả sự vật hoặc con người mà người từng tin rằng mình quý trọng nhất. Điều đó có nghĩa là, nếu một người không nhận được lời nói ra từ miệng Đức Chúa Trời hoặc họ không hiểu được ý muốn của Ngài, họ không thể có được sự nghỉ ngơi. Trong những trải nghiệm tương lai của các người, các người sẽ hiểu lý do tại sao Ta muốn các người xem đoạn này ngày hôm nay – điều này rất quan trọng. Tất cả những gì Đức Chúa Trời thực hiện là lẽ thật và sự sống. Lẽ thật là thứ mà mọi người không thể thiếu trong sự sống của họ, và đó là thứ họ không bao giờ có thể sống thiếu; người cũng có thể nói rằng đó là điều lớn lao nhất. Mặc dù người không nhìn thấy nó, không sờ chạm được nó, nhưng tầm quan trọng của nó đối với người không thể bị bỏ qua; nó là điều duy nhất có thể mang lại sự yên lòng cho người.

Liệu sự hiểu biết của các người về lẽ thật có ăn nhập gì với tình trạng riêng của các người không? Trong đời sống thực, trước tiên người phải nghĩ về những lẽ thật nào liên quan đến con người, sự vật và sự việc người đã gặp phải; chính là từ trong những lẽ thật này mà người có thể tìm thấy ý muốn của Đức Chúa Trời và kết nối những gì người đã gặp với ý muốn của Ngài. Nếu người không biết những khía cạnh nào trong lẽ thật liên quan đến những điều người gặp phải, mà thay vào đó trực tiếp đi tìm kiếm ý muốn của Đức Chúa Trời, thì đây là một cách tiếp cận mù quáng không thể đạt được kết quả. Nếu người muốn tìm kiếm lẽ thật và hiểu được ý muốn của Đức Chúa Trời, trước tiên người cần xem xét loại sự việc nào đã xảy đến với người, những khía cạnh nào của lẽ thật mà chúng liên quan đến, và tìm kiếm lẽ thật cụ thể trong lời Đức Chúa Trời liên quan đến những gì người đã trải qua. Sau đó, người tìm kiếm con đường thực hành phù hợp với mình trong lẽ thật đó; bằng cách này, người có thể có được sự hiểu biết



gián tiếp về ý muốn của Đức Chúa Trời. Tìm kiếm và thực hành lẽ thật không phải là áp dụng một cách máy móc một học thuyết hay làm theo một công thức. Lẽ thật không mang tính rập khuôn, nó cũng không phải một định luật. Nó không chết – nó chính là sự sống, nó là một sinh thể sống, và nó chính là quy tắc mà một tạo vật phải tuân theo khi sống và là quy tắc mà một con người phải có khi sống. Đây là một điều mà người bất buộc phải hiểu, càng nhiều càng tốt, thông qua trải nghiệm. Bất kể người đã đạt đến giai đoạn nào trong trải nghiệm của mình, người cũng không thể tách rời khỏi lời Đức Chúa Trời hay lẽ thật, và những gì người hiểu về tâm tính Đức Chúa Trời và những gì người biết về Đức Chúa Trời có gì và là gì, tất cả đều được bày tỏ trong lời Đức Chúa Trời; chúng liên hệ chặt chẽ với lẽ thật. Tâm tính Đức Chúa Trời và Ngài có gì và là gì, tự thân chúng chính là lẽ thật; lẽ thật là một sự thể hiện chân thực của tâm tính Đức Chúa Trời và Ngài có gì và là gì. Nó làm cho Ngài có gì và là gì trở nên cụ thể, và nó đưa ra một khẳng định rõ ràng về Ngài có gì và là gì; nó nói cho người một cách thẳng thắn hơn về những gì Đức Chúa Trời thích, những gì Ngài không thích, những gì Ngài muốn người làm và những gì Ngài không cho phép người làm, những người mà Ngài khinh ghét và những người mà Ngài thích thú. Đằng sau những lẽ thật mà Đức Chúa Trời bày tỏ, mọi người có thể thấy niềm vui, sự giận dữ, nỗi buồn và hạnh phúc của Ngài, cũng như thực chất của Ngài – đây là sự tiết lộ về tâm tính của Ngài. Bên cạnh việc biết được Đức Chúa Trời có gì và là gì, và hiểu được tâm tính Ngài từ lời Ngài, điều quan trọng nhất là cần phải đạt được sự hiểu biết này thông qua kinh nghiệm thực tế. Nếu một người thoát ly khỏi cuộc sống thực để biết Đức Chúa Trời, thì họ sẽ không thể đạt được điều đó. Dẫu cho có những người có thể đạt được một số hiểu biết từ lời Đức Chúa Trời, thì sự hiểu biết của họ cũng chỉ giới hạn trong các lý thuyết và ngôn từ, và sẽ có sự khác biệt với chính Đức Chúa Trời thực sự là thế nào.

Những gì chúng ta trao đổi lúc này hết thảy đều nằm trong phạm vi của những câu chuyện được ghi lại trong Kinh Thánh. Qua những câu chuyện này, và qua việc phân tích những điều đã xảy ra, mọi người có thể hiểu được tâm tính Ngài và Ngài có gì và là gì mà Ngài đã bày tỏ, cho phép họ biết mọi khía cạnh của Đức Chúa Trời rộng hơn, sâu sắc hơn, toàn diện hơn, và thấu đáo hơn. Vậy thông qua những câu chuyện này có phải là cách duy nhất để biết mọi khía cạnh của Đức Chúa Trời không? Không, đó không phải là cách duy nhất! Vì những gì Đức Chúa Trời phán và công tác Ngài làm trong Thời đại Vương quốc có thể giúp mọi người nhiều hơn trong việc biết về tâm tính của Ngài, và biết điều đó đầy đủ hơn. Tuy nhiên, Ta nghĩ rằng thông qua một số ví dụ hoặc câu chuyện được ghi lại trong Kinh Thánh mà mọi người quen thuộc thì sẽ dễ dàng hơn một chút để biết được tâm tính của Đức Chúa Trời và hiểu được Ngài có gì và là gì. Nếu Ta chọn lấy những lời phán xét và hình phạt cùng những lẽ thật mà Đức Chúa Trời bày tỏ ngày hôm nay, nguyên văn từng từ, để cho phép người biết Ngài theo cách này, người sẽ cảm thấy nó quá buồn chán và quá tẻ nhạt, và một số người thậm chí sẽ cảm thấy rằng những lời Đức Chúa Trời dường như là rập khuôn. Nhưng nếu Ta lấy những câu chuyện Kinh Thánh này làm ví dụ để giúp mọi người biết đến tâm tính của Đức Chúa

Trời, họ sẽ không thấy nhàm chán. Người có thể nói rằng trong quá trình giải thích những ví dụ này, những chi tiết về những gì diễn ra trong lòng Đức Chúa Trời lúc đó – tâm trạng hay cảm nghĩ của Ngài, hoặc những suy nghĩ và ý tưởng của Ngài – đã được nói với mọi người bằng ngôn ngữ của con người, và mục đích của tất cả những điều này là để cho phép họ nhận thức rõ, cảm nhận được rằng Đức Chúa Trời có gì và là gì không mang tính rập khuôn. Nó không phải là một huyền thoại, cũng không phải một điều gì đó mà mọi người không thể nhìn thấy hay chạm vào. Đó là một thứ thực sự tồn tại, mà mọi người có thể cảm nhận và thấy rõ. Đây chính là mục tiêu cuối cùng. Người có thể nói rằng những người sống trong thời đại này thật may mắn. Họ có thể từ những câu chuyện Kinh Thánh rút ra được sự hiểu biết rộng hơn về công tác trước đây của Đức Chúa Trời; họ có thể thấy tâm tính của Ngài qua công tác mà Ngài đã thực hiện; họ có thể hiểu được ý muốn của Đức Chúa Trời đối với nhân loại thông qua những tâm tính mà Ngài đã bày tỏ, và hiểu những biểu hiện cụ thể của sự thánh khiết của Ngài và sự chăm sóc của Ngài đối với con người, và bằng cách này, họ có thể đạt được kiến thức chi tiết và sâu sắc hơn về tâm tính Đức Chúa Trời. Ta tin rằng tất cả các người giờ đây đều có thể cảm thấy điều này!

Trong phạm vi công tác mà Đức Chúa Jêsu đã hoàn thành trong Thời đại Ân điển, người có thể thấy một khía cạnh khác của Đức Chúa Trời có gì và là gì. Khía cạnh này được thể hiện qua xác thịt của Ngài, và mọi người có thể nhìn thấy và nhận thức rõ về nó nhờ vào nhân tính của Ngài. Trong Con người, người ta đã thấy Đức Chúa Trời trong xác thịt bày tỏ ra nhân tính của Ngài như thế nào, và họ đã thấy thần tính của Đức Chúa Trời thể hiện qua xác thịt. Hai kiểu bày tỏ này cho phép mọi người nhìn thấy một Đức Chúa Trời rất thực và chúng cho phép mọi người hình thành một quan niệm khác về Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian giữa sự sáng thế và sự kết thúc của Thời đại Luật pháp, nghĩa là trước Thời đại Ân điển, các khía cạnh duy nhất của Đức Chúa Trời được mọi người nhìn thấy, nghe thấy và trải nghiệm là thần tính của Đức Chúa Trời, là những điều mà Đức Chúa Trời đã thực hiện và phán dạy trong một cõi phi vật chất, và những điều mà Ngài thể hiện từ con người thật của Ngài mà không ai có thể nhìn thấy hay chạm vào. Nhiều khi, những điều này khiến mọi người cảm thấy rằng Đức Chúa Trời cao vợi vô cùng trong sự vĩ đại của Ngài đến nỗi họ không thể đến gần Ngài. Ấn tượng mà Đức Chúa Trời thường mang đến cho mọi người là Ngài thấp thoáng lúc trong lúc ngoài khả năng nhận thức của họ về Ngài, và mọi người thậm chí còn cảm thấy rằng mỗi một suy nghĩ và ý tưởng của Ngài đều rất bí ẩn và khó nắm bắt đến mức không có cách nào tiếp cận được với chúng, chứ đừng nói đến việc cố hiểu và nhận thức rõ được chúng. Đối với mọi người, mọi thứ về Đức Chúa Trời là rất xa vời, xa vời đến mức mọi người không thể nhìn thấy, không thể chạm vào. Ngài dường như đang ngự trên trời cao, và dường như chẳng hề tồn tại. Vì vậy, đối với mọi người, việc hiểu được tâm trí của Đức Chúa Trời hoặc bất kỳ suy nghĩ nào của Ngài là điều không thể đạt được, và thậm chí vượt quá tầm của họ. Mặc dù Đức Chúa Trời đã thực hiện một số công tác cụ thể trong Thời đại Luật pháp, và Ngài cũng phán dạy vài lời cụ thể và

bày tỏ một số tâm tính cụ thể để cho phép mọi người thấy rõ và nhận thức được một số kiến thức thực sự về Ngài, nhưng suy cho cùng, những sự bày tỏ này về Đức Chúa Trời có gì và là gì đến từ một cõi phi vật chất, và những gì mọi người hiểu, những gì họ biết vẫn là về khía cạnh thần thánh của Ngài có gì và là gì. Loài người không có được một khái niệm cụ thể từ sự bày tỏ này của việc Ngài có gì và là gì, và ấn tượng của họ về Đức Chúa Trời vẫn bị mắc kẹt trong phạm vi của “một thân thể thuộc linh khó đến gần, thấp thoáng lúc trong lúc ngoài khả năng nhận thức”. Bởi vì Đức Chúa Trời không sử dụng một đối tượng cụ thể hoặc một hình tượng thuộc về cõi vật chất để xuất hiện trước mọi người, nên họ vẫn không thể định nghĩa Ngài bằng ngôn ngữ của con người. Trong tâm trí của mọi người, họ luôn muốn sử dụng ngôn ngữ của chính mình để lập nên một tiêu chuẩn cho Đức Chúa Trời, để biến Ngài thành hữu hình và mang nhân tính, chẳng hạn như Ngài cao bao nhiêu, Ngài to lớn như thế nào, Ngài trông ra sao, chính xác Ngài ưa thích điều gì và tính cách của Ngài thế nào. Thật ra, trong lòng Ngài, Đức Chúa Trời biết rằng mọi người đang nghĩ theo cách này. Ngài biết rất rõ nhu cầu của mọi người, và tất nhiên Ngài cũng biết Ngài nên làm những gì, vì vậy Ngài đã thực hiện công tác của mình theo một cách khác trong Thời đại Ân điển. Cách thức mới này vừa thần thánh vừa được nhân tính hóa. Trong khoảng thời gian mà Đức Chúa Jêsus thực hiện công tác, mọi người có thể thấy rằng Đức Chúa Trời có nhiều sự bày tỏ của con người. Chẳng hạn, Ngài có thể nhảy múa, Ngài có thể dự đám cưới, Ngài có thể tương giao với mọi người, nói chuyện với họ và thảo luận mọi chuyện với họ. Thêm vào đó, Đức Chúa Jêsus cũng đã hoàn thành rất nhiều công tác đại diện cho thần tính của Ngài, và tất nhiên tất cả công tác này là một sự bày tỏ và sự tỏ lộ về tâm tính của Đức Chúa Trời. Trong thời gian này, khi thần tính của Đức Chúa Trời được thể hiện ra trong xác thịt bình thường theo cách mà mọi người có thể nhìn thấy và chạm vào, thì họ không còn cảm thấy rằng Ngài thấp thoáng lúc trong lúc ngoài nhận thức, hay rằng họ không thể đến gần Ngài. Trái lại, họ có thể cố gắng nắm bắt ý muốn của Đức Chúa Trời hoặc hiểu được thần tính của Ngài qua mọi cử động, qua lời và qua công tác của Con người. Con người nhập thể đã thể hiện thần tính của Đức Chúa Trời qua nhân tính của Ngài và truyền đạt ý muốn của Đức Chúa Trời cho nhân loại. Và qua sự bày tỏ ý muốn và tâm tính của Đức Chúa Trời, Ngài cũng mặc khải cho mọi người biết Đức Chúa Trời mà họ không thể nhìn thấy hay chạm vào, là Đấng trú ngụ trong cõi thuộc linh. Những gì mọi người nhìn thấy là chính Đức Chúa Trời ở dạng hữu hình, làm từ thịt và huyết. Vì vậy, Con người nhập thể đã làm cho những thứ như thân phận của chính Đức Chúa Trời, địa vị, hình tượng, tâm tính Đức Chúa Trời, và Ngài có gì và là gì, mang tính cụ thể và được nhân tính hóa. Mặc dù hình dáng bên ngoài của Con người có một số hạn chế về mặt hình tượng của Đức Chúa Trời, nhưng thực chất của Ngài và Ngài có gì và là gì hoàn toàn có thể đại diện cho thân phận và địa vị của chính Đức Chúa Trời – chỉ có một số khác biệt về hình thức thể hiện. Chúng ta không thể phủ nhận rằng Con người đại diện cho thân phận và địa vị của chính Đức Chúa Trời, cả dưới hình dạng nhân tính của Ngài lẫn thần tính của Ngài. Tuy nhiên, trong thời gian này, Đức Chúa Trời đã làm việc

qua xác thịt, phán dạy từ quan điểm của xác thịt và đứng trước nhân loại với thân phận và địa vị của Con người, và việc này cho mọi người cơ hội gặp gỡ và trải nghiệm những lời và công tác thực sự của Đức Chúa Trời giữa nhân loại. Nó cũng cho phép mọi người hiểu sâu sắc về thần tính và sự vĩ đại của Ngài giữa sự khiêm nhường, cũng như cho phép họ có được sự hiểu biết và định nghĩa sơ bộ về tính xác thực và hiện thực của Đức Chúa Trời. Mặc dù công tác được hoàn thành bởi Đức Chúa Jêsus, cách làm việc của Ngài, và quan điểm mà theo đó Ngài phán dạy là khác với bản thể thật của Đức Chúa Trời trong cõi thuộc linh, nhưng mọi thứ về Ngài vẫn thực sự đại diện cho chính Đức Chúa Trời, Đáng mà nhân loại chưa từng thấy trước đây – điều này không thể phủ nhận! Điều đó có nghĩa là, bất kể Đức Chúa Trời xuất hiện dưới hình thức nào, bất kể Ngài phán dạy từ góc độ nào, hay đối diện với nhân loại trong hình tượng nào, thì Đức Chúa Trời cũng không đại diện cho điều gì khác ngoài chính Ngài. Ngài không thể đại diện cho bất kỳ một con người nào, cũng như bất kỳ nhân loại sa ngã nào. Đức Chúa Trời là chính Đức Chúa Trời, và điều này là không thể phủ nhận.

Tiếp theo, chúng ta sẽ xem xét một dụ ngôn được Đức Chúa Jêsus phán dạy trong Thời đại Ân điển.

### **3. Dụ ngôn Con chiên lạc**

Ma-thi-ơ 18:12-14 Các người tưởng thế nào? Nếu người nào có một trăm con chiên, một con bị lạc mất đi, thì há chẳng để chín mươi chín con lại trên núi, mà đi kiếm con đã lạc mất sao? Quả thật, ta nói cùng các người, nếu người kiếm lại được, thì lấy làm vui mừng về con đó hơn chín mươi chín con không lạc. Cũng một thể ấy, Cha các người ở trên trời không muốn cho một đứa nào trong những đứa trẻ này phải hư mất.

Đoạn này là một dụ ngôn – nó mang lại cho mọi người kiểu cảm giác thế nào? Cách diễn đạt – một câu chuyện ngụ ngôn – được sử dụng ở đây là một phép tu từ trong ngôn ngữ của con người, và như vậy nó thuộc phạm vi hiểu biết của con người. Giả sử Đức Chúa Trời đã phán điều gì đó tương tự trong Thời đại Luật pháp, thì mọi người hẳn sẽ cảm thấy những lời như vậy không thực sự phù hợp với thân vị Ngài, nhưng khi Con người phán ra những lời này trong Thời đại Ân điển, lời đó lại tạo cảm giác an ủi, ấm áp và thân mật với mọi người. Khi Đức Chúa Trời trở nên xác thịt, khi Ngài xuất hiện dưới hình dạng một con người, Ngài đã sử dụng một dụ ngôn rất thích hợp xuất phát từ chính nhân tính của Ngài, để bày tỏ tiếng nói của lòng Ngài. Tiếng nói này đại diện cho tiếng nói của chính Đức Chúa Trời và công tác mà Ngài muốn thực thi trong thời đại đó. Nó cũng đại diện cho thái độ của Đức Chúa Trời đối với con người trong Thời đại Ân điển. Nhìn từ góc độ thái độ của Đức Chúa Trời đối với con người, Ngài đã so sánh mỗi người với một con chiên. Nếu một con chiên bị lạc, Ngài sẽ làm mọi cách để tìm lại nó. Điều này đại diện cho một nguyên tắc trong công tác của Đức Chúa Trời tại thời điểm đó giữa nhân loại, khi Ngài còn sống trong xác thịt. Đức Chúa Trời đã sử dụng dụ ngôn này để mô tả quyết tâm và thái độ của Ngài trong công tác đó. Đây là lợi thế của Đức Chúa Trời

khi trở nên xác thật: Ngài có thể tận dụng kiến thức của nhân loại và sử dụng ngôn ngữ của con người để nói chuyện với mọi người, và bày tỏ ý muốn của Ngài. Bằng ngôn ngữ của con người, theo cách của con người, Ngài đã giải thích hay “dịch” lại cho con người ngôn ngữ thần thánh, sâu sắc của mình mà mọi người đang chật vật để hiểu. Điều này giúp con người hiểu ý muốn của Ngài và biết những gì Ngài muốn làm. Ngài cũng có thể nói chuyện với mọi người từ góc nhìn của con người, sử dụng ngôn ngữ của con người và trao đổi với mọi người theo cách họ hiểu được. Ngài thậm chí có thể phán dạy và công tác sử dụng ngôn ngữ và kiến thức của con người để mọi người có thể cảm nhận được lòng tốt và sự gần gũi của Đức Chúa Trời, để họ có thể thấy được lòng Ngài. Các người thấy gì ở đây? Có sự cảm đoán nào trong lời nói và hành động của Đức Chúa Trời không? Theo như con người nhìn nhận, Đức Chúa Trời không cách chi có thể sử dụng kiến thức, ngôn ngữ hay cách nói của con người để nói về những gì chính Đức Chúa Trời muốn nói, công tác mà Ngài muốn thực hiện, hoặc bày tỏ ý muốn của chính mình. Nhưng đây là tư duy sai lầm. Đức Chúa Trời đã sử dụng loại dụ ngôn này để mọi người có thể cảm nhận được tính thực tế và sự chân thành của Đức Chúa Trời, và thấy được thái độ của Ngài đối với con người trong suốt khoảng thời gian đó. Dụ ngôn này đã đánh thức những người sống theo luật pháp trong một thời gian dài tỉnh khỏi cơn mơ, và nó cũng truyền cảm hứng cho những người sống trong Thời đại Ân điển, từ thế hệ này sang thế hệ khác. Bằng cách đọc đoạn dụ ngôn này, mọi người biết đến sự chân thành của Đức Chúa Trời trong việc cứu rỗi nhân loại và hiểu được sức nặng và tầm quan trọng dành cho nhân loại trong lòng Đức Chúa Trời.

Chúng ta hãy xem câu cuối trong đoạn này: “Cũng một thể ấy, Cha các người ở trên trời không muốn cho một đứa nào trong những đứa trẻ này phải hư mất”. Đây là lời của chính Đức Chúa Jêsus hay lời của Cha trên trời? Nhìn bề ngoài, có vẻ như đó là Đức Chúa Jêsus đang nói, nhưng ý muốn của Ngài đại diện cho ý muốn của chính Đức Chúa Trời, đó là lý do tại sao Ngài nói: “Cũng một thể ấy, Cha các người ở trên trời không muốn cho một đứa nào trong những đứa trẻ này phải hư mất”. Mọi người thời đó chỉ thừa nhận Cha trên trời là Đức Chúa Trời, và tin rằng đáng mà họ nhìn thấy trước mắt chỉ đơn thuần là do Ngài sai đến, và không thể đại diện cho Cha trên trời. Đó là lý do tại sao Đức Chúa Jêsus phải thêm câu này vào cuối dụ ngôn này, để mọi người có thể thực sự cảm nhận được ý muốn của Đức Chúa Trời đối với nhân loại và cảm nhận tính xác thực cũng như tính chính xác trong những gì Ngài nói. Mặc dù nói câu này là một điều đơn giản, nhưng nó lại được nói bằng sự quan tâm và tình yêu, và tỏ lộ sự khiêm nhường lẫn sự ẩn giấu của Đức Chúa Jêsus. Bất kể Đức Chúa Trời trở nên xác thật hay Ngài công tác trong cõi tâm linh, thì Ngài vẫn hiểu rõ lòng người nhất và hiểu rõ nhất con người cần gì, biết rõ nhất con người lo lắng điều gì, và điều gì khiến họ bối rối, và đó là lý do tại sao Ngài thêm câu này. Câu này nêu bật một vấn đề ẩn giấu trong nhân loại: Mọi người hoài nghi về những gì Con người nói, nghĩa là khi Đức Chúa Jêsus đang phán dạy, Ngài phải nói thêm: “Cũng một thể ấy, Cha các người ở trên trời không muốn cho một đứa nào trong những đứa trẻ này phải hư mất”, và chỉ dựa trên tiền đề này thì

những lời của Ngài mới có thể mang lại kết quả, để khiến mọi người tin vào sự chính xác trong lời Ngài và cải thiện tính đáng tin của những lời đó. Điều này cho thấy rằng khi Đức Chúa Trời trở thành Con người bình thường, Đức Chúa Trời và loài người đã có một mối quan hệ khó xử, và rằng tình thế của Con người lúc đó rất lúng túng. Nó cũng cho thấy địa vị của Đức Chúa Jêsus giữa con người lúc đó nhỏ bé như thế nào. Khi Ngài nói điều này, đó thực sự là để nói với mọi người: Các người có thể yên tâm – những lời này không đại diện những gì trong chính lòng Ta, mà chúng là ý muốn của Đức Chúa Trời trong lòng các người. Đối với nhân loại, đây chẳng phải là một điều mỉa mai sao? Dù Đức Chúa Trời công tác trong xác thịt có nhiều lợi thế mà Ngài không có được trong thân vị của Ngài, nhưng Ngài đã phải chịu đựng sự nghi ngờ và chối bỏ của con người cũng như sự tê liệt và ngu dốt của họ. Có thể nói quá trình công tác của Con người là quá trình trải nghiệm sự chối bỏ của loài người và trải nghiệm sự ganh đua của họ với Ngài. Hơn thế nữa, đó còn là quá trình làm việc để liên tục chiếm được lòng tin của nhân loại và chinh phục nhân loại thông qua Ngài có gì và là gì, thông qua thực chất của chính Ngài. Nó không hẳn là chuyện Đức Chúa Trời nhập thể đang tiến hành một cuộc chiến trên mặt đất chống lại Sa-tan; mà đúng hơn là chuyện Đức Chúa Trời đã trở thành một người bình thường và bắt đầu một cuộc đấu tranh với những người đi theo Ngài, và trong cuộc đấu tranh này, Con người đã hoàn thành công tác của Ngài bằng sự khiêm nhường của Ngài, bằng Ngài có gì và là gì, và bằng tình yêu và sự khôn ngoan của Ngài. Ngài có được dân sự mà Ngài muốn, giành được thân phận và địa vị mà Ngài xứng đáng nhận được, và “trở lại” ngôi của mình.

Tiếp theo, chúng ta hãy xem hai đoạn văn sau trong Kinh Thánh:

#### **4. Tha thứ Bảy mươi lần bảy**

Ma-thi-ơ 18:21-22 Phi-e-rơ bèn đến gần Đức Chúa Jêsus mà hỏi rằng: Thưa Chúa, nếu anh em tôi phạm tội cùng tôi, thì sẽ tha cho họ mấy lần? Có phải đến bảy lần chăng? Ngài đáp rằng: Ta không nói cùng người rằng: đến bảy lần đâu, nhưng đến bảy mươi lần bảy.

#### **5. Tình yêu của Chúa**

Ma-thi-ơ 22:37-39 Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Người hãy hết lòng, hết linh hồn, hết ý mà yêu mến Chúa, là Đức Chúa Trời người. Ấy là điều răn thứ nhất và lớn hơn hết. Còn điều răn thứ hai đây, cũng như vậy: Người hãy yêu kẻ lân cận như mình.

Trong hai đoạn này, một đoạn nói về sự tha thứ và đoạn còn lại nói về tình yêu. Hai chủ đề này thực sự nêu bật công tác mà Đức Chúa Jêsus muốn thực hiện trong Thời đại Ân điển.

Khi Đức Chúa Trời trở nên xác thịt, Ngài đã mang theo mình một giai đoạn trong công tác của Ngài, đó là những nhiệm vụ công tác cụ thể và là tâm tính mà Ngài muốn bày tỏ trong thời đại này. Trong thời kỳ đó, mọi thứ mà Con người thực hiện đều xoay quanh công tác mà Đức Chúa Trời muốn thực hiện trong thời đại này. Ngài sẽ thực hiện không hơn và không kém. Mỗi một điều Ngài phán dạy và mỗi loại công tác mà Ngài

thực hiện đều liên quan đến thời đại này. Bất kể Ngài bày tỏ nó theo cách của con người bằng ngôn ngữ của con người hay qua ngôn ngữ thần thánh, và bất kể Ngài làm điều đó theo cách thức hay góc nhìn nào, thì mục tiêu của Ngài là giúp mọi người hiểu những gì Ngài muốn làm, ý muốn của Ngài là gì, và những yêu cầu của Ngài đối với con người là gì. Ngài có thể sử dụng nhiều phương tiện và góc nhìn khác nhau để giúp mọi người hiểu và biết ý muốn của Ngài, và để hiểu công tác cứu rỗi nhân loại của Ngài. Vì vậy, trong Thời đại Ân điển, chúng ta thấy hầu hết thời gian Đức Chúa Jêsus sử dụng ngôn ngữ con người để bày tỏ những gì Ngài muốn trao đổi với loài người. Hơn nữa, chúng ta nhìn thấy Ngài từ góc độ một người dẫn lối bình thường nói chuyện với mọi người, đáp ứng nhu cầu của họ, và giúp họ những gì họ yêu cầu. Cách làm việc này không thấy được trong Thời đại Luật pháp, trước Thời đại Ân điển. Ngài trở nên thân thiết hơn và nhân từ hơn với nhân loại, cũng như có khả năng hơn trong việc đạt được kết quả thực tế về cả mặt hình thức lẫn cách thức. Phép ẩn dụ về việc tha thứ cho con người bảy mươi lần bảy thực sự làm rõ điểm này. Mục đích đạt được qua con số trong phép ẩn dụ này là để cho phép mọi người hiểu được ý định của Đức Chúa Jêsus tại thời điểm mà Ngài nói điều này. Ý định của Ngài là mọi người nên tha thứ cho những người khác – không chỉ một hoặc hai lần, và thậm chí không phải bảy lần, mà là bảy mươi lần bảy. Loại ý định nào chứa trong khái niệm “bảy mươi lần bảy”? Đó là để mọi người coi sự tha thứ là trách nhiệm của chính họ, một điều họ phải học hỏi, một “đạo” họ phải giữ. Mặc dù đây chỉ là một phép ẩn dụ, nhưng nó lại được dùng để nêu bật lên một điểm quan trọng. Nó giúp mọi người nhận thức sâu sắc những gì Ngài muốn nói và tìm ra những cách thức thực hành, các nguyên tắc và tiêu chuẩn thực hành đúng đắn. Phép ẩn dụ này đã giúp mọi người hiểu rõ ràng và cho họ một khái niệm đúng đắn – rằng họ nên học lấy sự tha thứ và tha thứ vô điều kiện không kể số lần, nhưng bằng thái độ khoan dung và thấu hiểu cho người khác. Khi Đức Chúa Jêsus nói điều này, lòng Ngài đã nghĩ gì? Ngài có đang thực sự nghĩ về con số “bảy mươi lần bảy” không? Không, Ngài không nghĩ thế. Có số lần Đức Chúa Trời sẽ tha thứ cho con người không? Có nhiều người rất quan tâm đến “số lần” được đề cập ở đây, và thực sự muốn hiểu nguồn gốc và ý nghĩa của con số này. Họ muốn hiểu tại sao con số này lại được nói ra từ miệng Đức Chúa Jêsus; họ tin rằng con số này có một hàm ý sâu sắc hơn. Nhưng thật ra, đây chỉ là một phép tu từ của con người mà Đức Chúa Trời sử dụng. Bất kỳ hàm ý hay ý nghĩa nào cũng phải được hiểu gắn liền với các yêu cầu của Đức Chúa Jêsus đối với nhân loại. Khi Đức Chúa Trời chưa trở nên xác thịt, mọi người không hiểu nhiều những gì Ngài phán, bởi vì lời Ngài đến từ toàn bộ thần tính. Góc độ và bối cảnh của những gì Ngài nói là vô hình và ngoài tầm với của nhân loại; nó được bày tỏ từ một cõi tâm linh mà mọi người không thể thấy được. Đối với những người sống trong xác thịt, họ không thể sang được cõi tâm linh. Nhưng sau khi Đức Chúa Trời trở nên xác thịt, Ngài đã phán dạy nhân loại từ góc nhìn của loài người, và Ngài đã bước ra và vượt ra khỏi phạm vi của cõi tâm linh. Ngài có thể bày tỏ tâm tính thần thánh, ý muốn và thái độ của mình thông qua những điều con người có thể tưởng tượng được, những điều họ nhìn thấy và

gặp phải trong đời sống của mình, và sử dụng các phương pháp mà con người có thể chấp nhận, bằng ngôn ngữ họ có thể hiểu được và với kiến thức họ có thể nắm bắt, để cho phép nhân loại hiểu và biết Đức Chúa Trời, lĩnh hội ý định của Ngài và các tiêu chuẩn Ngài đòi hỏi trong phạm vi khả năng của họ và ở mức độ mà họ có thể. Đây là phương pháp và nguyên tắc làm việc của Đức Chúa Trời trong nhân tính. Dù các cách thức và nguyên tắc làm việc của Đức Chúa Trời trong xác thịt hầu hết đều đạt được bằng hoặc thông qua nhân tính, nhưng nó thực sự đã đạt được những kết quả mà vốn dĩ không thể đạt được bằng cách làm việc trực tiếp trong thần tính. Công tác của Đức Chúa Trời trong nhân tính cụ thể, xác thực và có mục tiêu hơn, các phương pháp linh hoạt hơn nhiều, và về hình thức, nó đã vượt trội hơn công tác được thực hiện trong Thời đại Luật pháp.

Tiếp theo, chúng ta hãy nói về việc yêu mến Chúa và yêu kẻ lân cận như chính mình. Liệu đây có phải là một điều được bày tỏ trực tiếp trong thần tính không? Không, rõ ràng là không! Đây là tất cả những điều mà Con người phán dạy khi Ngài mang nhân tính; chỉ có con người mới nói những điều như “Hãy yêu kẻ lân cận như chính mình”, và “Hãy yêu người khác như thể yêu cuộc sống của chính mình”. Chỉ có con người mới nói năng theo cách này. Đức Chúa Trời không bao giờ nói theo cách này. Chí ít là không có loại ngôn ngữ như vậy trong thần tính của Đức Chúa Trời vì Ngài không cần kiểu giáo lý này, “Hãy yêu kẻ lân cận như chính mình”, để điều chỉnh tình yêu của Ngài đối với nhân loại, vì tình yêu của Đức Chúa Trời với nhân loại là một sự tỏ lộ tự nhiên về việc Ngài có gì và là gì. Có khi nào các người nghe thấy Đức Chúa Trời nói bất kỳ điều gì như: “Ta yêu nhân loại như ta yêu Chính mình”? Các người chưa từng nghe thấy, bởi vì tình yêu vốn nằm trong thực chất của Đức Chúa Trời và trong Ngài có gì và là gì. Tình yêu của Đức Chúa Trời đối với nhân loại, và thái độ của Ngài cũng như cách Ngài đối đãi mọi người là một sự bày tỏ và tỏ lộ tự nhiên về tâm tính của Ngài. Ngài không cần phải cố tình làm điều này theo một cách nhất định nào đó, hoặc cố tình làm theo một cách thức nhất định hoặc một quy tắc đạo đức nào đó hòng để yêu kẻ lân cận như chính Ngài – vì Ngài vốn đã sở hữu loại thực chất này rồi. Người thấy được gì ở đây? Khi Đức Chúa Trời công tác trong nhân tính, nhiều cách, nhiều lời và lẽ thật của Ngài được bày tỏ theo cách của con người. Nhưng đồng thời, tâm tính của Đức Chúa Trời, việc Ngài có gì và là gì, và ý muốn của Đức Chúa Trời cũng được bày tỏ để mọi người biết được và hiểu được. Những gì họ biết đến và hiểu ra chính xác là thực chất của Ngài và Ngài có gì và là gì, là những thứ đại diện cho thân phận và địa vị vốn có của chính Đức Chúa Trời. Điều đó có nghĩa là, Con người trong xác thịt đã bày tỏ tâm tính và thực chất vốn có của chính Đức Chúa Trời đến mức độ rộng lớn nhất có thể và chính xác nhất có thể. Nhân tính của Con người không những không là trở ngại hay rào cản cho sự trao đổi và tương tác giữa con người với Đức Chúa Trời ở trên thiên đàng, mà thay vào đó còn thực sự là kênh duy nhất và là cầu nối duy nhất để loài người kết nối với Đấng tạo hóa. Bây giờ, tại thời điểm này, chẳng lẽ các người không cảm thấy rằng thực chất và cách thức công tác của Đức Chúa Jêsu trong Thời đại Ân điển có nhiều điểm tương đồng



với công tác trong giai đoạn hiện tại? Giai đoạn công tác hiện tại này cũng sử dụng nhiều ngôn ngữ của con người để bày tỏ tâm tính của Đức Chúa Trời, và nhiều ngôn ngữ và cách thức từ đời sống hằng ngày của nhân loại cũng như tri thức loài người để bày tỏ ý muốn của Chính Đức Chúa Trời. Một khi Đức Chúa Trời trở nên xác thịt, bất kể Ngài đang phán dạy từ quan điểm của loài người hay quan điểm thần thánh, thì rất nhiều điều trong ngôn ngữ và cách bày tỏ của Ngài là dựa trên ngôn ngữ và cách thức của con người. Nghĩa là, khi Đức Chúa Trời trở nên xác thịt, đây là cơ may tốt nhất để người thấy được sự toàn năng và khôn ngoan của Đức Chúa Trời, và biết được mọi khía cạnh thật của Đức Chúa Trời. Khi Đức Chúa Trời trở nên xác thịt, khi Ngài lớn lên, Ngài dần hiểu ra, học hỏi, và nắm bắt một số kiến thức, lẽ thường, ngôn ngữ và cách bày tỏ của loài người trong nhân tính. Đức Chúa Trời nhập thể sở hữu những điều này, những điều đến từ con người mà Ngài đã tạo ra. Chúng trở thành những công cụ để Đức Chúa Trời trong xác thịt bày tỏ tâm tính và thần tính của mình, và để khi Ngài công tác giữa nhân loại, từ quan điểm của con người và sử dụng ngôn ngữ của con người, Ngài có thể làm điều phù hợp, chân thực và chính xác hơn. Điều này khiến công tác của Ngài dễ tiếp cận hơn và dễ hiểu hơn đối với mọi người, do đó đạt được kết quả mà Đức Chúa Trời mong muốn. Chẳng phải sẽ thiết thực hơn khi Đức Chúa Trời công tác trong xác thịt theo cách này sao? Đây chẳng phải là sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời sao? Khi Đức Chúa Trời trở nên xác thịt, khi xác thịt của Đức Chúa Trời có thể đảm nhận công việc mà Ngài muốn thực hiện, đó là khi Ngài bày tỏ tâm tính và công tác của mình trong thực tế, và đó cũng là lúc Ngài có thể chính thức bắt đầu chức vụ của mình với tư cách Con người. Điều này có nghĩa là không còn “khoảng cách thế hệ” giữa Đức Chúa Trời và con người, rằng Đức Chúa Trời sẽ sớm chấm dứt công việc trao đổi thông qua các sứ giả, và chính Đức Chúa Trời có thể tự mình bày tỏ mọi lời và công tác mà Ngài muốn trong xác thịt. Điều đó cũng có nghĩa rằng con người mà Đức Chúa Trời cứu rỗi được gần hơn với Đức Chúa Trời, rằng công tác quản lý của Ngài đã bước vào một lĩnh vực mới, và rằng tất cả nhân loại sắp phải đối mặt với một kỷ nguyên mới.

Những người đã đọc Kinh Thánh đều biết rằng nhiều sự kiện đã xảy ra khi Đức Chúa Jêsu ra đời. Sự kiện lớn nhất trong số đó là việc Ngài bị quỷ vương săn đuổi, đó là một sự kiện cực kỳ nghiêm trọng tới mức mọi trẻ em từ hai tuổi trở xuống trong thành đều bị tàn sát. Rõ ràng là Đức Chúa Trời đã mạo hiểm lớn khi trở nên xác thịt giữa con người; và cũng hiển nhiên là Ngài phải trả một cái giá rất cao để hoàn thành công tác quản lý cứu rỗi nhân loại. Cũng dễ thấy những kỳ vọng mà Đức Chúa Trời đặt vào công tác của Ngài giữa nhân loại, trong xác thịt. Khi xác thịt của Đức Chúa Trời có thể đảm nhận công tác giữa nhân loại, Ngài đã cảm thấy thế nào? Con người phải có thể hiểu được đôi chút về điều đó, không đúng sao? Chí ít thì Đức Chúa Trời hạnh phúc vì Ngài đã có thể bắt đầu thực hiện công tác mới của mình giữa nhân loại. Khi Đức Chúa Jêsu chịu phép báp-têm và chính thức bắt đầu công tác để hoàn thành chức vụ của mình, lòng Đức Chúa Trời tràn ngập niềm vui vì sau bao nhiêu năm chờ đợi và chuẩn bị, cuối cùng Ngài đã có thể mặc lấy xác thịt của một người bình thường và bắt đầu công tác

mới của mình dưới hình dạng một con người bằng xương bằng thịt, người mà mọi người có thể nhìn thấy và chạm vào. Ngài cuối cùng đã có thể phán dạy trực tiếp và chân tình với mọi người thông qua thân phận của một con người. Đức Chúa Trời cuối cùng đã có thể đối mặt với loài người bằng cách thức của con người và ngôn ngữ của con người; khi sử dụng ngôn ngữ của con người Ngài đã có thể chu cấp cho loài người, khai sáng cho họ và giúp đỡ họ; Ngài có thể ăn cùng bàn và sống trong cùng một không gian với họ. Ngài cũng đã có thể nhìn nhận con người, nhìn nhận sự vật và mọi thứ theo cách con người nhìn nhận chúng và thậm chí qua đôi mắt của chính họ. Đối với Đức Chúa Trời, đây đã là chiến thắng đầu tiên trong công tác của Ngài trong xác thịt. Cũng có thể nói rằng đó là sự hoàn tất một công việc lớn lao, đây tất nhiên là điều hạnh phúc nhất đối với Đức Chúa Trời. Từ lúc đó, lần đầu tiên Đức Chúa Trời cảm thấy thoải mái khi công tác giữa loài người. Tất cả những sự kiện xảy ra đều thật thiết thực và thật tự nhiên, và sự thoải mái mà Đức Chúa Trời cảm thấy là rất thật. Đối với nhân loại, mỗi khi một giai đoạn mới trong công tác của Đức Chúa Trời được hoàn tất và mỗi lần Đức Chúa Trời cảm thấy hài lòng, đó là khi loài người có thể đến gần hơn với Đức Chúa Trời và với sự cứu rỗi. Đối với Đức Chúa Trời, đây cũng là lúc công tác mới của Ngài có thể được thực hiện, kế hoạch quản lý của Ngài có thể tiến lên, và hơn nữa, đây là những lúc ý định của Ngài sắp hoàn thành trọn vẹn. Đối với nhân loại, sự xuất hiện của một cơ hội như vậy thật may mắn và rất tốt; đối với tất cả những ai đang chờ đợi sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời, thì đây là một tin quan trọng và hân hoan. Khi Đức Chúa Trời thực hiện một giai đoạn công tác mới, thì Ngài có một khởi đầu mới, và khi công tác mới và khởi đầu mới này được triển khai và thực hiện giữa loài người, đó là khi kết quả của giai đoạn công tác này đã được xác định và hoàn thành và Đức Chúa Trời đã nhìn thấy tác động và thành quả cuối cùng rồi. Đây cũng là khi những hiệu ứng này khiến Đức Chúa Trời hài lòng, và tất nhiên, đó là khi lòng Ngài hạnh phúc. Đức Chúa Trời cảm thấy yên tâm vì trong mắt Ngài, Ngài đã nhìn thấy và xác định được những người Ngài đang tìm kiếm rồi, và đã thu phục được nhóm người này, nhóm người có thể làm cho công việc của Ngài thành công và mang lại cho Ngài sự hài lòng. Do đó, Ngài gác lại những lo lắng của mình và Ngài cảm thấy hạnh phúc. Nói cách khác, khi Đức Chúa Trời bắt đầu công tác mới giữa mọi người bằng chính xác thịt của mình, và bắt đầu thực hiện công tác mà Ngài phải làm mà không gặp trở ngại, và khi Ngài cảm thấy rằng tất cả những điều này đã được hoàn thành, thì đối với Ngài, Ngài đã nhìn thấy kết cục. Vì điều này, Ngài thỏa mãn, và lòng ngài hạnh phúc. Niềm vui của Đức Chúa Trời được bày tỏ như thế nào? Các người có thể tưởng tượng được câu trả lời có thể là gì không? Đức Chúa Trời có được khóc không? Đức Chúa Trời có thể khóc không? Đức Chúa Trời có thể vỗ tay không? Đức Chúa Trời có thể nhảy múa không? Đức Chúa Trời có thể hát không? Nếu có, Ngài sẽ hát gì? Dĩ nhiên, Đức Chúa Trời có thể hát một bài hát hay, cảm động, một bài hát có thể bày tỏ niềm vui và hạnh phúc trong lòng Ngài. Ngài có thể hát nó cho nhân loại, cho chính mình và cho vạn vật. Hạnh phúc của Đức Chúa Trời có thể được bày tỏ bằng bất cứ cách nào – tất cả những điều này là bình thường vì Đức Chúa Trời

cũng có niềm vui và nỗi buồn, và những cảm xúc khác nhau của Ngài có thể được bày tỏ theo nhiều cách khác nhau. Đây là quyền của Ngài, và không có gì có thể bình thường và đúng đắn hơn thế. Mọi người không nên nghĩ gì khác về điều đó. Các người không nên dùng “thần chú vòng kim cô”<sup>(a)</sup> với Đức Chúa Trời, nói với Ngài rằng Ngài không nên làm điều này điều nọ, Ngài không nên hành động theo cách này cách nọ, và vì vậy mà làm hạn chế hạnh phúc của Đức Chúa Trời hay bất kỳ cảm xúc nào Ngài có thể có. Trong lòng mọi người, Đức Chúa Trời không thể nào biết hạnh phúc, rơi nước mắt, khóc hay bày tỏ bất kỳ cảm xúc nào. Qua những gì chúng ta đã trao đổi trong suốt hai buổi thông công này, ta tin rằng các người sẽ không còn nhìn nhận Đức Chúa Trời theo cách này nữa, mà sẽ để Đức Chúa Trời có chút tự do và giải phóng. Đây là một điều rất tốt. Trong tương lai nếu các người có thể thực sự cảm nhận nỗi buồn của Đức Chúa Trời khi nghe rằng Ngài buồn, và các người có thể thực sự cảm nhận hạnh phúc của Đức Chúa Trời khi nghe rằng Ngài hạnh phúc, thì ít ra các người sẽ có thể biết rõ và hiểu rõ điều gì làm cho Đức Chúa Trời vui và điều gì làm cho Ngài buồn. Khi người biết buồn vì nỗi buồn của Đức Chúa Trời, biết vui vì hạnh phúc của Đức Chúa Trời, là khi Ngài đã chiếm trọn lòng người và sẽ không còn bất kỳ rào cản nào giữa người và Ngài. Người sẽ không còn cố gắng kìm hãm Đức Chúa Trời trong những tưởng tượng, quan niệm và kiến thức của con người. Lúc đó, Đức Chúa Trời sẽ hiển hiện sống động trong lòng người. Ngài sẽ là Đức Chúa Trời của đời người và là Đấng Chủ Tể của mọi thứ thuộc về người. Các người có loại nguyện vọng này không? Người có tự tin mình có thể đạt được điều này không?

Tiếp theo, chúng ta hãy đọc những đoạn sau từ kinh thánh:

## **6. Bài giảng trên núi**

Những phước lớn (Ma-thi-ơ 5:3-12)

Muối và sự sáng (Ma-thi-ơ 5:13-16)

Luật pháp (Ma-thi-ơ 5:17-20)

Giận dữ (Ma-thi-ơ 5:21-26)

Tà dâm (Ma-thi-ơ 5:27-30)

Ly hôn (Ma-thi-ơ 5:31-32)

Thề (Ma-thi-ơ 5:33-37)

Mắt đền mắt (Ma-thi-ơ 5:38-42)

Yêu kẻ thù nghịch (Ma-thi-ơ 5:43-48)

Hướng dẫn về sự cho đi (Ma-thi-ơ 6:1-4)

Cầu nguyện (Ma-thi-ơ 6:5-8)

---

a. “Thần chú vòng kim cô” là câu thần chú được sử dụng bởi Đường Tam Tạng trong tiểu thuyết Tây Du Ký của Trung Quốc. Đường Tăng đã dùng câu thần chú này để khống chế Tôn Ngộ Không bằng cách siết chặt chiếc vòng kim cô trên đầu của Tôn Ngộ Không, gây nhức đầu dữ dội, và do đó khống chế được Tôn Ngộ Không. Nó đã trở thành phép ẩn dụ để miêu tả điều gì đó ràng buộc một người.

## 7. Các truyện ngụ ngôn của Đức Chúa Jêsus

Truyện ngụ ngôn về người gieo giống (Ma-thi-ơ 13:1-9)

Truyện ngụ ngôn về cỏ lùng (Ma-thi-ơ 13:24-30)

Truyện ngụ ngôn về hạt cải (Ma-thi-ơ 13:31-32)

Truyện ngụ ngôn về men (Ma-thi-ơ 13:33)

Truyện ngụ ngôn về cỏ lùng được giải thích (Ma-thi-ơ 13:36-43)

Truyện ngụ ngôn về cửa báu (Ma-thi-ơ 13:44)

Truyện ngụ ngôn về ngọc châu (Ma-thi-ơ 13:45-46)

Truyện ngụ ngôn về tay lưới (Ma-thi-ơ 13:47-50)

## 8. Các điều răn

Ma-thi-ơ 22:37-39 Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Người hãy hết lòng, hết linh hồn, hết ý mà yêu mến Chúa, là Đức Chúa Trời người. Ấy là điều răn thứ nhất và lớn hơn hết. Còn điều răn thứ hai đây, cũng như vậy: Người hãy yêu kẻ lân cận như mình.

Trước hết chúng ta hãy xem qua từng phần khác nhau của “Bài giảng trên núi”. Những phần khác nhau này đề cập đến điều gì? Có thể nói chắc chắn rằng, nội dung của những phần khác nhau này đều được nâng tầm hơn, cụ thể hơn, và gần với cuộc sống con người hơn là những quy định của Thời đại Luật pháp. Nói theo ngôn ngữ hiện đại, những điều này liên quan nhiều hơn với những thực hành trong thực tế của con người.

Chúng ta hãy đọc về nội dung cụ thể sau: Người nên hiểu những phước lớn như thế nào? Người nên biết gì về luật pháp? Sự giận dữ nên được định nghĩa như thế nào? Sự tà dâm nên được xử lý thế nào? Việc ly hôn được nói đến như thế nào, và có loại phép tắc nào về việc này? Ai có thể ly hôn và ai không thể ly hôn? Những lời thề, mất đền mất, yêu kẻ thù nghịch, và bố thí thì sao? Và nhiều điều nữa. Tất cả những điều này liên quan tới mọi phương diện thực hành của niềm tin nơi Đức Chúa Trời của nhân loại, và về việc họ theo Đức Chúa Trời. Một số những sự thực hành này vẫn áp dụng được cho ngày nay, mặc dù chúng hơi hợt hơn những gì hiện được yêu cầu ở con người – nhưng chúng là những lẽ thật tương đối sơ yếu mà con người gặp phải trong niềm tin của họ nơi Đức Chúa Trời. Từ thời điểm Đức Chúa Jêsus bắt đầu làm công việc, Ngài đã bắt đầu thực hiện công tác về tâm tính sống của con người, nhưng những khía cạnh này của công tác Ngài được dựa trên nền tảng của luật pháp. Những quy định và cách nói về những đề tài này có liên quan gì đến lẽ thật không? Dĩ nhiên là có! Tất cả những quy định và nguyên tắc trước đây, cũng như những bài giảng này trong Thời đại Ân điển, đều có liên quan đến tâm tính của Đức Chúa Trời, đến việc Ngài có gì và là gì, và dĩ nhiên, liên quan đến lẽ thật. Cho dù Đức Chúa Trời bày tỏ điều gì, và cho dù Ngài dùng cách thức bày tỏ hay ngôn ngữ gì, những điều Ngài bày tỏ đều có nền tảng, nguồn gốc, và xuất phát điểm của chúng trong những nguyên tắc của tâm tính Ngài và việc Ngài có gì và là gì. Điều này tuyệt đối là thật. Do đó mặc dù những điều Ngài nói dường như hơi hợt lúc này, các người vẫn không thể nói rằng chúng không

phải là lẽ thật, bởi vì chúng là những điều không thể thiếu đối với con người trong Thời đại Ân điển để đáp ứng ý muốn của Đức Chúa Trời và để đạt được sự thay đổi trong tâm tính sống của họ. Người có thể chỉ ra bất kỳ bài giảng nào trong số này là không hợp với lẽ thật không? Không, người không thể! Mỗi một bài giảng trong số chúng đều là lẽ thật bởi vì chúng đều là những yêu cầu của Đức Chúa Trời đối với nhân loại; tất cả chúng đều là những nguyên tắc và một phạm vi mà Đức Chúa Trời ban ra, chỉ về người ta nên cư xử như thế nào, và chúng đại diện cho tâm tính của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, dựa trên mức độ trưởng thành của họ trong cuộc sống vào lúc ấy, đây là những điều vốn vẹn mà họ có thể chấp nhận và hiểu thấu. Bởi tội lỗi của nhân loại chưa được giải quyết, nên đây là những lời vốn vẹn mà Đức Chúa Jêsus có thể ban ra, và Ngài chỉ có thể sử dụng những giáo lý đơn giản chứa đựng trong dạng phạm vi này để nói với con người thời đó về việc họ nên hành động như thế nào, họ nên làm gì, họ nên làm việc trong những nguyên tắc và phạm vi nào, họ nên tin Đức Chúa Trời và đáp ứng những yêu cầu của Ngài ra sao. Toàn bộ điều này được quyết định dựa trên vóc giạc của loài người vào lúc đó. Không dễ để những người sống trong luật pháp chấp nhận những giáo lý này, do đó những gì Đức Chúa Jêsus đã dạy buộc phải nằm trong phạm vi này.

Tiếp theo, chúng ta hãy xem qua các nội dung khác nhau của “Những truyện ngụ ngôn của Đức Chúa Jêsus”.

Đầu tiên là truyện ngụ ngôn về người gieo giống. Đây là một truyện ngụ ngôn rất thú vị; gieo giống là một sự việc phổ biến trong đời sống con người. Thứ hai là truyện ngụ ngôn về cỏ lùng. Bất kỳ ai từng trồng trọt, và chắc chắn là mọi người trưởng thành, đều biết “cỏ lùng” là gì. Thứ ba là truyện ngụ ngôn về hạt cải. Tất cả các người đều biết hạt cải là gì, có phải không? Nếu các người không biết, các người có thể xem qua Kinh Thánh. Truyện ngụ ngôn thứ tư là truyện ngụ ngôn về men. Bây giờ, hầu hết mọi người đều biết men được dùng cho việc lên men, và nó là thứ con người dùng trong đời sống hàng ngày. Những truyện ngụ ngôn tiếp theo, bao gồm truyện thứ sáu là truyện ngụ ngôn về cửa bấu; thứ bảy là truyện ngụ ngôn về ngọc châu; và thứ tám, truyện ngụ ngôn về tay lưới, hết thảy đều được rút ra và có nguồn gốc từ đời thực của con người. Những truyện ngụ ngôn này vẽ lên dạng bức tranh nào? Đó là một bức tranh về việc Đức Chúa Trời trở thành một người bình thường và sống bên cạnh loài người, sử dụng ngôn ngữ của sự sống, ngôn ngữ của con người, để giao tiếp với con người và chu cấp cho họ những gì họ cần. Khi Đức Chúa Trời trở nên xác thịt và sống giữa nhân loại trong một thời gian dài, sau khi Ngài đã trải nghiệm và chứng kiến những lối sống khác nhau của con người, những trải nghiệm này trở thành tài liệu giảng dạy của Ngài mà qua đó Ngài biến đổi ngôn ngữ thánh thần của Ngài thành ngôn ngữ con người. Dĩ nhiên, những điều mà Ngài thấy và nghe trong cuộc sống cũng làm phong phú trải nghiệm con người của Con người. Khi Ngài muốn con người hiểu một số lẽ thật, hiểu ý muốn nào đó của Đức Chúa Trời, khi ấy Ngài có thể dùng những truyện ngụ ngôn tương tự như những câu chuyện bên trên để nói với con người về ý muốn của Đức Chúa Trời và những yêu cầu của Ngài với nhân loại. Những truyện ngụ ngôn này đều liên quan đến cuộc sống

của con người; không có một truyện nào mà không bắt nhịp với đời sống con người. Khi Đức Chúa Jêsus sống với nhân loại, Ngài đã thấy những người nông dân làm đồng, và Ngài đã biết cỏ lùng là gì và lên men là gì; Ngài đã hiểu rằng con người yêu của báu, do đó Ngài dùng những phép ẩn dụ về của báu lẫn ngọc châu. Trong cuộc sống, Ngài thường thấy ngư dân quăng lưới; Đức Chúa Jêsus đã thấy điều này và những hoạt động khác liên quan đến đời sống con người, và Ngài cũng đã trải nghiệm dạng cuộc sống đó. Cũng như mọi con người bình thường khác, Ngài đã trải nghiệm những thói quen thường ngày của con người và việc họ ăn ba bữa một ngày. Ngài đã đích thân trải nghiệm cuộc sống của một người bình thường, và đã quan sát cuộc sống của những người khác. Khi Ngài quan sát và đích thân trải nghiệm tất cả những điều này, điều Ngài nghĩ đến không phải là làm thế nào để có một cuộc sống tốt hay làm sao Ngài có thể sống tự do hay thoải mái hơn. Thay vào đó, từ những trải nghiệm của Ngài về đời thực của con người, Đức Chúa Jêsus đã nhìn thấy sự gian khổ trong cuộc sống con người. Ngài đã thấy sự gian nan, sự cùng khổ và buồn bã của con người sống dưới quyền của Sa-tan và sống một cuộc sống tội lỗi dưới sự bại hoại của Sa-tan. Trong khi Ngài đích thân trải nghiệm cuộc sống con người, Ngài cũng đã trải nghiệm việc con người sống giữa sự bại hoại thì bất lực như thế nào, Ngài đã thấy và trải nghiệm những hoàn cảnh khốn khổ của những người sống trong tội lỗi, những người mất mọi phương hướng giữa sự hành hạ mà họ phải chịu bởi Sa-tan và ma quỷ. Khi Đức Chúa Jêsus nhìn thấy những điều này, Ngài nhìn thấy chúng bằng thần tính hay nhân tính của Ngài? Nhân tính của Ngài thật sự tồn tại và rất sống động; Ngài có thể trải nghiệm và nhìn thấy toàn bộ điều này. Nhưng dĩ nhiên, Ngài cũng thấy những điều này trong thực chất của Ngài, tức là thần tính của Ngài. Nghĩa là, chính Đấng Christ, Đức Chúa Jêsus là một con người, đã thấy điều này, và mọi điều Ngài đã nhìn thấy khiến Ngài cảm nhận được tầm quan trọng và sự cần thiết của công tác mà Ngài đã đảm nhận trong lần Ngài sống trong xác thịt này. Mặc dù chính Ngài biết rằng trách nhiệm mà Ngài cần đảm nhận trong xác thịt là rất lớn, và Ngài biết nỗi đau mà Ngài sẽ đối mặt là tàn nhẫn như thế nào, nhưng khi Ngài thấy nhân loại bất lực trong tội lỗi, khi Ngài thấy sự cùng khổ của cuộc sống của họ và những sự đấu tranh yếu ớt của họ dưới luật pháp, Ngài cảm thấy càng đau lòng hơn, và càng trở nên khắc khoải cứu rỗi nhân loại khỏi tội lỗi. Cho dù Ngài sẽ đối mặt với dạng khó khăn nào hay sẽ phải chịu dạng nỗi đau nào, Ngài trở nên ngày càng quyết tâm cứu chuộc nhân loại, những người đang sống trong tội lỗi. Trong quá trình này, các người có thể nói rằng Đức Chúa Jêsus đã bắt đầu hiểu ngày càng rõ hơn về công tác Ngài cần làm và những gì Ngài đã được giao phó. Ngài cũng trở nên ngày càng thiết tha hoàn thành công tác mà Ngài đảm nhận – gánh lấy tội lỗi của toàn thể nhân loại, chuộc tội cho nhân loại để họ không còn sống trong tội lỗi nữa, và đồng thời, Đức Chúa Trời sẽ có thể tha tội cho con người bởi của lễ chuộc tội, cho phép Ngài tiếp tục tiến xa hơn trong công tác cứu rỗi nhân loại của Ngài. Có thể nói rằng trong lòng Đức Chúa Jêsus, Ngài sẵn lòng dâng chính Ngài cho nhân loại, sẵn lòng hy sinh chính Ngài. Ngài cũng sẵn lòng hành động như một của lễ chuộc tội, bị đóng đinh vào cây thập tự, và quả

thật Ngài thiết tha hoàn thành công tác này. Khi Ngài thấy những hoàn cảnh khốn khổ của cuộc sống con người, Ngài càng muốn làm tròn sứ mạng của mình nhanh nhất có thể, không trì hoãn một phút hay thậm chí một giây nào. Cảm nhận sự khẩn thiết như thế, Ngài đã chẳng màng suy nghĩ về việc sự đau đớn của Ngài sẽ nhiều như thế nào, Ngài cũng không nuôi dưỡng bất kỳ sự e sợ nào về việc Ngài sẽ phải chịu sự sỉ nhục nhiều như thế nào. Ngài chỉ giữ vững một sự tin chắc trong lòng Ngài: miễn sao Ngài dâng chính Ngài, miễn sao Ngài chịu đóng đinh vào thập tự như một của lễ chuộc tội, thì ý muốn của Đức Chúa Trời sẽ được thực hiện và Đức Chúa Trời sẽ có thể bắt đầu công tác mới. Sự sống của nhân loại và trạng thái tồn tại của họ trong tội lỗi sẽ được biến đổi hoàn toàn. Sự tin chắc của Ngài và điều Ngài quyết làm có liên quan đến việc cứu rỗi con người, và Ngài chỉ có một mục tiêu, đó là thực hiện ý muốn của Đức Chúa Trời hầu cho Đức Chúa Trời có thể bắt đầu giai đoạn tiếp theo của công tác của Ngài một cách thành công. Đây là điều nằm trong tâm trí của Đức Chúa Jêsu vào lúc đó.

Sống trong xác thịt, Đức Chúa Trời nhập thể sở hữu nhân tính bình thường; Ngài đã có những cảm xúc và sự hợp lẽ phải của một người bình thường. Ngài biết hạnh phúc là gì, đau đớn là gì, và khi Ngài thấy nhân loại sống trong dạng cuộc sống này, Ngài cảm nhận sâu sắc rằng việc đơn thuần ban cho con người một số lời giáo huấn, chu cấp cho họ điều gì đó hay dạy họ điều gì đó, là không đủ để đưa họ ra khỏi tội lỗi. Việc đơn thuần vâng theo các điều răn cũng không chuộc được tội lỗi của họ – chỉ khi Ngài gánh lấy tội lỗi của nhân loại và trở thành hình tượng giống như xác thịt tội lỗi, Ngài mới đổi lấy được sự tự do của nhân loại và sự tha thứ của Đức Chúa Trời đối với nhân loại. Như vậy sau khi Đức Chúa Jêsu đã trải nghiệm và chứng kiến cuộc sống của con người trong tội lỗi, một niềm khao khát mạnh mẽ hiển hiện trong lòng Ngài – để cho phép con người tự giải thoát khỏi cuộc sống vật vã trong tội lỗi của họ. Sự khao khát này khiến Ngài càng ngày càng cảm thấy rằng Ngài phải đi đến cây thập tự và gánh lấy tội lỗi của nhân loại sớm và nhanh nhất có thể. Đây là những ý nghĩ của Đức Chúa Jêsu vào lúc đó, sau khi Ngài đã sống với con người và nhìn thấy, nghe, và cảm nhận sự khốn khổ của cuộc sống trong tội lỗi của họ. Việc Đức Chúa Trời nhập thể có thể có dạng ý muốn này đối với nhân loại, việc Ngài có thể bày tỏ và tỏ lộ dạng tâm tính này – có phải đây là điều một người bình thường có thể có không? Một người bình thường sẽ thấy gì khi sống trong dạng môi trường này? Họ sẽ nghĩ gì? Nếu một người bình thường đối mặt với tất cả những điều này, liệu họ sẽ nhìn nhận vấn đề từ một quan điểm cao trọng hay không? Chắc chắn là không! Mặc dù diện mạo bên ngoài của Đức Chúa Trời nhập thể giống y như một con người, và mặc dù Ngài biết kiến thức của con người và nói ngôn ngữ của con người, và đôi khi thậm chí bày tỏ ý của Ngài thông qua những phương pháp hay cách nói của con người, nhưng tuy thế, cách Ngài nhìn nhận con người và nhìn thực chất của sự việc tuyệt đối không phải là cùng một cách mà những người bại hoại nhìn nhận nhân loại và thực chất của sự việc. Góc nhìn của Ngài và tầm cao nơi Ngài đứng là điều mà một người bại hoại không thể đạt được. Điều này là bởi Đức Chúa Trời là lẽ thật, bởi vì xác thịt mà Ngài mặc lấy cũng sở hữu thực chất của

Đức Chúa Trời, những ý nghĩ của Ngài và những gì được bày tỏ bởi nhân tính của Ngài cũng là lẽ thật. Đối với những người bại hoại, điều Ngài bày tỏ trong xác thịt là những sự chu cấp lẽ thật, và sự sống. Những sự chu cấp này không chỉ cho một người, mà cho toàn thể nhân loại. Trong lòng của bất kỳ người bại hoại nào, chỉ có một vài người liên kết với họ. Họ chỉ chăm lo và quan tâm đến một nhóm người này. Khi thảm họa sắp đến, trước hết họ nghĩ đến con cái, vợ chồng, hay cha mẹ họ. Cùng lắm, một người nhân từ hơn sẽ dành chút suy nghĩ cho một người bà con hay bạn thân nào đó, nhưng những ý nghĩ của ngay cả một người nhân từ như vậy có vươn xa hơn thế không? Không, không bao giờ! Bởi suy cho cùng, con người là con người, và họ chỉ có thể nhìn vào mọi thứ từ tầm cao và góc nhìn của một con người. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời nhập thể thì hoàn toàn khác với một con người bại hoại. Cho dù xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời có tầm thường, bình thường, hay thấp hèn như thế nào, hay thậm chí con người coi khinh Ngài như thế nào đi nữa, thì những ý nghĩ và thái độ của Ngài đối với nhân loại cũng là những điều không người nào có thể sở hữu, không người nào có thể bắt chước. Ngài sẽ luôn quan sát nhân loại từ góc độ của thần tính, từ tầm cao của vị trí của Ngài là Đấng Tạo Hóa. Ngài sẽ luôn nhìn nhân loại thông qua thực chất và tư duy của Đức Chúa Trời. Ngài tuyệt đối không thể nhìn nhân loại từ tầm thấp của một người bình thường, hay từ góc độ của một người bại hoại. Khi con người nhìn vào nhân loại, họ nhìn với tầm nhìn của con người, và họ dùng những điều như kiến thức của con người, những phép tắc và lý thuyết của con người để làm thước đo của họ. Điều này nằm trong phạm vi những gì con người có thể nhìn thấy với mắt họ và phạm vi mà những người bại hoại có thể đạt được. Khi Đức Chúa Trời nhìn vào nhân loại, Ngài nhìn với tầm nhìn của thần, và Ngài dùng thực chất của Ngài, dùng việc Ngài có gì và là gì như một thước đo. Phạm vi này bao gồm những điều mà con người không thể thấy, và đây là điểm mà Đức Chúa Trời nhập thể và con người bại hoại khác nhau hoàn toàn. Sự khác biệt này được quyết định bởi thực chất khác nhau của con người và Đức Chúa Trời – chính những thực chất khác biệt này quyết định thân phận và địa vị của họ cũng như góc độ và tầm cao nơi họ nhìn sự việc. Các người có thấy sự bày tỏ và tỏ lộ về chính Đức Chúa Trời trong Đức Chúa Jêsu không? Các người có thể nói rằng những gì Đức Chúa Jêsu đã làm và phán có liên quan đến chức vụ của Ngài và đến công tác quản lý của riêng Đức Chúa Trời, rằng đó là toàn bộ sự bày tỏ và tỏ lộ thực chất của Đức Chúa Trời. Mặc dù Ngài đã có một biểu hiện con người, nhưng thực chất thánh của Ngài và sự tỏ lộ thần tính của Ngài là không thể phủ nhận. Liệu sự biểu hiện con người này có thật là sự biểu hiện của nhân tính không? Sự biểu hiện con người của Ngài, theo thực chất của nó, hoàn toàn khác với biểu hiện con người của những người bại hoại. Đức Chúa Jêsu là Đức Chúa Trời nhập thể. Nếu Ngài thật sự là một trong những người bình thường, bại hoại, thì Ngài liệu có thể nhìn sự sống trong tội lỗi của nhân loại từ một góc độ của thần không? Tuyệt đối không! Đây là điểm khác biệt giữa Con người và người bình thường. Những người bại hoại đều sống trong tội lỗi, và khi bất kỳ ai nhìn thấy tội lỗi, họ không có bất kỳ cảm xúc đặc biệt nào về nó; tất cả họ đều



như nhau, giống như một con heo sống trong bùn, hoàn toàn không cảm thấy khó chịu hay dơ bẩn – trái lại, nó ăn khỏe và ngủ ngon. Nếu ai đó làm vệ sinh chuồng heo, con heo sẽ thật sự cảm thấy khó ở với sự dễ chịu, và nó sẽ không ở sạch. Không lâu sau, nó sẽ lại một lần nữa lăn mình trong bùn, hoàn toàn thoải mái, bởi nó là một tạo vật như bẩn. Con người xem con heo là như bẩn, nhưng nếu người làm vệ sinh chỗ ở của con heo, nó không hề cảm thấy khó hơn – đây là lý do tại sao không ai nuôi heo trong nhà. Cách con người nhìn con heo sẽ luôn khác với cách chính bản thân con heo cảm nhận, bởi vì con người và con heo không phải đồng loại. Và bởi vì Con người nhập thể không phải cùng loại với con người bại hoại, chỉ Đức Chúa Trời nhập thể có thể đứng ở một góc độ của thần, và tầm cao của Đức Chúa Trời, nơi mà từ đó Ngài nhìn nhân loại và muôn vật.

Đức Chúa Trời trải nghiệm sự đau khổ nào khi Ngài trở nên xác thịt và sống giữa nhân loại? Sự đau khổ này là gì? Có ai thật sự hiểu không? Một số người nói rằng Đức Chúa Trời chịu đau khổ nhiều, rằng mặc dù Ngài là chính Đức Chúa Trời, con người không hiểu thực chất của Ngài, nhưng luôn có xu hướng đối xử với Ngài như một con người, khiến Ngài cảm thấy phiền muộn và bất ổn – họ nói rằng, vì những lý do này, sự đau khổ của Đức Chúa Trời thật sự rất lớn. Những người khác nói rằng Đức Chúa Trời vô tội và không có tội lỗi, nhưng rằng Ngài chịu đau khổ theo cùng cách như nhân loại, rằng Ngài chịu áp bức, vu cáo, và những sự sỉ nhục cùng nhân loại; họ nói Ngài cũng chịu những sự hiểu lầm, và sự bất tuân của những người theo Ngài – do đó, họ nói rằng sự đau khổ của Đức Chúa Trời thật sự không thể đo lường được. Bây giờ, dường như các người không thật sự hiểu Đức Chúa Trời. Trên thực tế, sự đau khổ mà các người nói đến không được tính là sự đau khổ thật đối với Đức Chúa Trời, bởi vì có sự đau khổ còn to lớn hơn thế này. Vậy thì sự đau khổ thật đối với chính Đức Chúa Trời là gì? Sự đau khổ thật đối với xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời là gì? Đối với Đức Chúa Trời, việc nhân loại không hiểu Ngài không tính là sự đau khổ, và việc con người có sự hiểu lầm nào đó về Đức Chúa Trời và không xem Ngài là Đức Chúa Trời cũng không được tính là sự đau khổ. Tuy nhiên, con người thường cảm thấy rằng Đức Chúa Trời hẳn đã chịu sự bất công rất lớn, rằng trong thời gian Đức Chúa Trời ở trong xác thịt, Ngài không thể tỏ hiện thân vị của Ngài với nhân loại và cho phép con người nhìn thấy sự vĩ đại của Ngài, và rằng Đức Chúa Trời khiêm nhường ẩn đi trong xác thịt tầm thường, và rằng điều đó hẳn là sự hành hạ rất lớn đối với Ngài. Con người khắc cốt ghi tâm những gì họ có thể hiểu và những gì họ có thể nhìn thấy về sự đau khổ của Đức Chúa Trời, và đề ra mọi dạng thương cảm đối với Đức Chúa Trời và thường thậm chí còn đưa ra chút lời tán dương sự chịu khổ của Ngài. Trong sự thật, có một sự khác biệt; có một khoảng cách giữa những gì con người hiểu về sự đau khổ của Đức Chúa Trời và những gì Ngài thật sự cảm nhận. Ta đang nói sự thật với các người – đối với Đức Chúa Trời, dù là Thần của Đức Chúa Trời hay xác thịt nhập thể của Đức Chúa Trời, thì sự đau khổ được miêu tả bên trên cũng không phải là sự đau khổ thật. Vậy thì Đức Chúa Trời thật sự chịu những gì? Chúng ta hãy nói về sự chịu khổ của Đức Chúa Trời chỉ từ góc độ của Đức Chúa Trời nhập thể.

Khi Đức Chúa Trời trở nên xác thịt, trở thành một người bình thường, bình dị, sống bên cạnh con người giữa nhân loại, chẳng lẽ Ngài không thể thấy và cảm nhận những phương pháp, luật pháp và triết lý sống của con người sao? Những biện pháp và luật pháp sống này khiến Ngài cảm thấy thế nào? Ngài có cảm thấy ghê tởm trong lòng Ngài không? Tại sao Ngài lại cảm thấy ghê tởm? Những phương pháp và luật pháp sống của con người là gì? Chúng có gốc rễ ở những nguyên tắc nào? Chúng dựa trên những gì? Những phương pháp, luật pháp và nhiều thứ khác của nhân loại có liên quan đến cách sống – tất cả những điều này được tạo ra trên cơ sở lý luận, kiến thức và triết lý của Satan. Con người sống dưới những kiểu luật pháp này không có nhân tính, không có lẽ thật – tất cả họ đều bất chấp lẽ thật và thù nghịch Đức Chúa Trời. Nếu chúng ta nhìn vào thực chất của Đức Chúa Trời, chúng ta thấy rằng thực chất của Ngài đối lập hoàn toàn với lý luận, kiến thức, và triết lý của Sa-tan. Thực chất của Ngài đầy sự công chính, lẽ thật, sự thánh khiết, và những hiện thực khác của mọi điều tích cực. Đức Chúa Trời, Đấng sở hữu thực chất này và sống giữa một nhân loại như thế, cảm thấy thế nào? Ngài cảm thấy gì trong lòng Ngài? Chẳng phải là đầy đau đớn sao? Lòng Ngài đau đớn, một nỗi đau mà không người nào có thể hiểu hay trải nghiệm được. Điều này là bởi mọi thứ Ngài đối diện, đương đầu, nghe, thấy và trải nghiệm đều là sự bại hoại, tà ác của toàn thể nhân loại, và sự phản nghịch của họ chống lại và chống đối lẽ thật. Tất cả những gì đến từ con người đều là nguồn gốc sự đau khổ của Ngài. Nói vậy nghĩa là, bởi vì thực chất của Ngài không giống của con người bại hoại, nên sự bại hoại của con người trở thành nguồn gốc cho sự đau khổ to lớn nhất của Ngài. Khi Đức Chúa Trời trở nên xác thịt, Ngài có thể tìm được ai đó có cùng ngôn ngữ với Ngài không? Một người như thế không thể được tìm thấy giữa nhân loại. Không thể tìm được ai có thể giao tiếp hay có thể có sự trao đổi này với Đức Chúa Trời – người nói xem Đức Chúa Trời sẽ có dạng cảm xúc nào về điều này? Những điều con người thảo luận, yêu quý, theo đuổi và khao khát đều liên quan đến những xu hướng tội lỗi và tà ác. Khi Đức Chúa Trời đối mặt với tất cả những điều này, chẳng phải nó giống như dao cắt vào lòng Ngài sao? Đối mặt với những điều như thế này, Ngài có thể có được niềm vui trong lòng Ngài sao? Ngài có thể tìm được sự an ủi sao? Những người đang sống với Ngài là những kẻ đầy phản nghịch và tà ác – làm sao lòng Ngài có thể không đau khổ cho được? Sự đau khổ này thật sự to lớn như thế nào, và ai quan tâm tới nó? Ai màng đến chứ? Và ai có khả năng nhận thức rõ nó? Con người không cách nào hiểu được lòng Đức Chúa Trời. Sự đau khổ của Ngài là điều con người đặc biệt không thể nhận thức rõ, và sự lạnh lùng, tê dại của nhân loại càng làm sự đau khổ của Đức Chúa Trời hằn sâu hơn nữa.

Có một số người thường thông cảm với hoàn cảnh của Đấng Christ bởi vì có một câu trong Kinh Thánh nói rằng: “Con cáo có hang, chim trời có ổ; song Con người không có chỗ mà gối đầu”. Khi con người nghe điều này, họ dễ bùng và tin rằng đây là sự đau khổ to lớn nhất mà Đức Chúa Trời chịu đựng, và sự đau khổ to lớn nhất mà Đấng Christ chịu đựng. Bây giờ, nhìn vào việc này từ góc độ của sự thật, có phải đúng như thế không? Không; Đức Chúa Trời không tin những khó khăn này là sự chịu khổ. Ngài chưa

bao giờ kêu gào chống lại sự bất công bởi những khó khăn của Ngài trong xác thịt, và Ngài chưa bao giờ bắt con người đáp đền hay thưởng cho Ngài bất cứ thứ gì. Tuy nhiên, khi Ngài chứng kiến mọi thứ về nhân loại và cuộc sống bại hoại, sự tà ác của con người bại hoại, khi Ngài chứng kiến rằng nhân loại ở trong sự nắm giữ của Sa-tan, bị Sa-tan cầm tù và không thể thoát ra, rằng con người sống trong tội lỗi không biết lẽ thật là gì, thì Ngài không thể khoan thứ tất cả những tội lỗi này. Sự khinh ghét của Ngài đối với con người ngày càng tăng, nhưng Ngài đã phải chịu đựng tất cả những điều này. Đây là sự đau khổ to lớn của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời không thể bày tỏ đầy đủ dù là tiếng lòng Ngài hay những cảm xúc của Ngài giữa những người theo Ngài và không ai trong số những người theo Ngài có thể thật sự hiểu nỗi đau khổ của Ngài. Thậm chí không ai cố gắng hiểu hay an ủi lòng Ngài, điều này làm cho sự đau khổ này kéo dài ngày này qua năm nọ, và hết lần này đến lần khác. Các người thấy gì trong tất cả những điều này? Đức Chúa Trời không yêu cầu bất cứ điều gì từ con người để đổi lại những gì Ngài đã ban, nhưng bởi thực chất của Đức Chúa Trời, Ngài tuyệt đối không thể dung thứ sự tà ác, bại hoại và tội lỗi của nhân loại, và thay vào đó cảm thấy cực kỳ khinh ghét và căm ghét, khiến lòng Ngài và xác thịt Ngài chịu đựng sự đau khổ không dứt. Các người có thấy được điều này không? Khả năng cao là không ai trong các người có thể thấy được điều này, bởi vì không ai trong các người có thể thật sự hiểu Đức Chúa Trời. Theo thời gian, các người nên dần tự mình trải nghiệm.

Tiếp theo, chúng ta hãy xem những đoạn sau của Kinh Thánh:

## **9. Jêsus làm phép lạ**

### **a. Jêsus cho năm ngàn người ăn**

Giăng 6:8-13 Một môn đồ, là Anh-rê, em của Si-môn Phi-e-rơ, thưa rằng: Đây có một đứa con trai, có năm cái bánh mạch nha và hai con cá; nhưng đông người dượng này, thì ngần ấy có thắm vào đâu? Đức Chúa Jêsus bèn phán rằng: Hãy truyền cho chúng ngồi xuống. Vả, trong nơi đó có nhiều cỏ. Vậy, chúng ngồi xuống, số người ước được năm ngàn. Đức Chúa Jêsus lấy bánh, tạ ơn rồi, bèn phân phát cho những kẻ đã ngồi; Ngài cũng lấy cá phát cho chúng nữa, ai muốn bao nhiêu mặc ý. Khi chúng đã ăn được no nê, Ngài phán với môn đồ rằng: Hãy lượm những miếng còn thừa, hầu cho không mất chút nào. Vậy, môn đồ lượm những miếng thừa của năm cái bánh mạch nha, sau khi người ta đã ăn rồi, chứa đầy mười hai giỏ.

### **b. Sự sống lại của La-xa-rơ làm vinh hiển Đức Chúa Trời**

Giăng 11:43-44 Khi Ngài nói xong, bèn kêu lên một tiếng lớn rằng: Hỡi La-xa-rơ, hãy ra! Người chết đi ra, chơn tay buộc bằng vải liệm và mặt thì phủ khăn. Đức Chúa Jêsus phán cùng chúng rằng: Hãy mở cho người, và để người đi.

Trong số những phép lạ mà Đức Chúa Jêsus đã thực hiện, chúng ta chọn ra chỉ hai phép lạ này bởi vì chúng đủ để minh họa điều Ta muốn nói đến ở đây. Hai phép lạ này thật sự kinh ngạc và mang tính đại diện cao cho những phép lạ mà Đức Chúa Jêsus đã thực hiện trong Thời đại Ân điển.

Đầu tiên, chúng ta xem qua đoạn đầu: Jêsus cho năm ngàn người ăn.

Ý tưởng “năm cái bánh và hai con cá” là gì? Thông thường, năm cái bánh và hai con cá đủ cho bao nhiêu người ăn? Nếu các người tính toán dựa trên sức ăn của một người bình thường, bấy nhiêu đây chỉ đủ cho hai người. Đây là ý tưởng cơ bản nhất về “năm cái bánh và hai con cá”. Tuy nhiên, trong đoạn này, năm cái bánh và hai con cá đã dùng để cho bao nhiêu người ăn? Sau đây là điều đã được ghi trong Kinh Thánh: “Vả, trong nơi đó có nhiều cỏ. Vậy, chúng ngồi xuống, số người ước được năm ngàn”. So với năm cái bánh và hai con cá, năm ngàn có phải là một con số lớn không? Việc con số này quá lớn cho thấy điều gì? Từ góc độ con người, việc chia năm cái bánh và hai con cá cho năm ngàn người là điều bất khả thi, bởi vì sự chênh lệch giữa con người và thức ăn là quá lớn. Ngay cả khi mỗi người chỉ cần một miếng bé tẹo thì cũng vẫn không đủ cho năm ngàn người. Nhưng ở đây, Đức Chúa Jêsus đã làm một phép lạ – Ngài không chỉ đảm bảo rằng năm ngàn người có thể ăn no, mà thậm chí còn thức ăn thừa. Kinh Thánh ghi rằng: “Khi chúng đã ăn được no nê, Ngài phán với môn đồ rằng: Hãy lượm những miếng còn thừa, hầu cho không mất chút nào. Vậy, môn đồ lượm những miếng thừa của năm cái bánh mạch nha, sau khi người ta đã ăn rồi, chứa đầy mười hai giỏ”. Phép lạ này cho con người thấy được thân phận và địa vị của Đức Chúa Jêsus, và thấy rằng không gì là không thể đối với Đức Chúa Trời – theo cách này, họ đã thấy được sự thật về quyền tuyệt đối của Đức Chúa Trời. Năm cái bánh và hai con cá đủ cho năm ngàn người ăn, nhưng nếu không có thức ăn gì cả, liệu Đức Chúa Trời có thể cho năm ngàn người ăn không? Dĩ nhiên Ngài có thể! Đây là một phép lạ, do đó con người chắc chắn cảm thấy nó không thể hiểu thấu, phi thường và bí ẩn, nhưng đối với Đức Chúa Trời, việc làm như thế chẳng là gì cả. Nếu đây là điều bình thường đối với Đức Chúa Trời, tại sao nó lại được đưa ra lúc này để diễn dịch? Bởi vì những gì nằm đằng sau phép lạ này chính là ý muốn của Đức Chúa Jêsus, điều mà nhân loại trước đây chưa từng nhận thức được.

Trước tiên, chúng ta hãy cố hiểu năm ngàn người này là dạng người gì. Họ có phải là những người theo Đức Chúa Jêsus hay không? Từ Kinh Thánh, chúng ta biết rằng họ không phải là những người theo Ngài. Họ có biết Đức Chúa Jêsus là ai không? Chắc chắn là không! Chỉ ít, họ đã không biết rằng người đang đứng trước họ là Đấng Christ, hoặc có thể một số người chỉ biết danh Ngài và đã biết hay nghe gì đó về những việc Ngài đã làm. Sự tò mò của họ về Đức Chúa Jêsus chỉ vừa dấy lên khi họ nghe những câu chuyện về Ngài, nhưng chắc chắn không thể nói rằng họ theo Ngài, càng không hiểu Ngài. Khi Đức Chúa Jêsus nhìn thấy năm ngàn người này, họ đang đói và chỉ có thể nghĩ đến việc ăn cho no, như vậy chính trong bối cảnh này mà Đức Chúa Jêsus đã thỏa mãn sự thèm khát của họ. Khi Ngài thỏa mãn sự thèm khát của họ, trong lòng Ngài nghĩ gì? Thái độ của Ngài như thế nào đối với những người chỉ muốn ăn cho no? Vào lúc đó, những ý nghĩ của Đức Chúa Jêsus và thái độ của Ngài có liên quan với tâm tính và thực chất của Đức Chúa Trời. Đối mặt năm ngàn người với cái bụng rỗng, những người chỉ muốn ăn một bữa no, đối mặt với những người đầy sự tò mò và hy vọng về

Ngài, Đức Chúa Jêsus chỉ nghĩ đến việc sử dụng phép lạ này để ban ân điển trên họ. Tuy nhiên, Ngài đã không hy vọng rằng họ sẽ trở thành những người theo Ngài, bởi Ngài biết rằng họ chỉ muốn tham gia cuộc vui và ăn cho no, do đó Ngài tận dụng tốt nhất những gì Ngài có ở đó và đã dùng năm cái bánh và hai con cá để cho năm ngàn người ăn. Ngài đã mở mắt cho những người thích những điều thú vị, những người muốn chứng kiến phép lạ, và họ đã tận mắt thấy những điều Đức Chúa Trời nhập thể có thể làm được. Mặc dù Đức Chúa Jêsus đã dùng sự thật để thỏa mãn sự tò mò của họ, trong lòng Ngài đã biết rằng năm ngàn người này chỉ muốn có một bữa ăn ngon, do đó Ngài đã không thuyết giảng cho họ hay nói bất cứ điều gì cả – Ngài chỉ để họ thấy phép lạ này như nó đã xảy ra. Ngài tuyệt đối không thể đối đãi với những người này theo cùng cách Ngài đối đãi với các môn đồ của mình, những người thật sự theo Ngài, nhưng trong lòng Đức Chúa Trời, tất cả mọi tạo vật đều dưới sự thống trị của Ngài, và Ngài sẽ cho phép mọi tạo vật trong tầm mắt của Ngài vui hưởng ân điển của Đức Chúa Trời khi cần thiết. Mặc dù những người này đã không biết Ngài là ai và đã không hiểu Ngài hay có bất kỳ ấn tượng đặc biệt nào về Ngài hay có lòng biết ơn đối với Ngài kể cả sau khi họ đã ăn bánh và cá, đây không phải là điều Đức Chúa Trời bận tâm – Ngài đã ban cho những người này một cơ hội tuyệt vời để được hưởng ân điển của Đức Chúa Trời. Một số người nói rằng Đức Chúa Trời có nguyên tắc trong những việc Ngài làm, rằng Ngài không coi sóc hay bảo vệ những người không tin, và rằng, đặc biệt, Ngài không cho phép họ hưởng ân điển của Ngài. Có thật như thế không? Trong mắt Đức Chúa Trời, miễn sao họ là những tạo vật sống mà chính Ngài đã tạo ra, Ngài sẽ quản lý và chăm sóc họ, và theo nhiều cách, Ngài sẽ đối đãi với họ, lên kế hoạch cho họ, và cai trị họ. Đây là những ý nghĩ và thái độ của Đức Chúa Trời đối với muôn vật.

Mặc dù năm ngàn người ăn bánh và cá đã không có kế hoạch theo Đức Chúa Jêsus, Ngài đã không đưa ra yêu cầu gay go gì với họ; khi họ đã ăn no, các người có biết Đức Chúa Jêsus đã làm gì không? Ngài có thuyết giảng cho họ không? Ngài đã đi đâu sau khi làm việc này? Kinh Thánh không ghi rằng Đức Chúa Jêsus đã nói bất cứ điều gì với họ, chỉ là Ngài âm thầm rời đi khi đã làm phép lạ của Ngài. Như vậy Ngài có đưa ra bất kỳ yêu cầu nào với những người này không? Có sự căm ghét nào không? Không, ở đây không có điều nào trong số này. Ngài đơn thuần không còn muốn chú ý gì đến những người không thể theo Ngài, và vào lúc này lòng Ngài đau đớn. Bởi Ngài đã thấy sự suy đồi của nhân loại và Ngài đã cảm thấy sự chối bỏ của nhân loại với Ngài, khi Ngài thấy những người này và Ngài ở cùng họ, Ngài buồn rầu bởi sự trì độn và ngu dốt của con người, và lòng Ngài đau đớn, tất cả những gì Ngài muốn là rời khỏi những người này nhanh nhất có thể. Chúa đã không đưa ra bất kỳ yêu cầu nào về họ trong lòng Ngài, Ngài đã không muốn bận tâm gì đến họ, và hơn thế nữa, Ngài đã không muốn dành năng lượng của Ngài cho họ. Ngài biết rằng họ không thể theo Ngài, nhưng bất chấp điều này, thái độ của Ngài với họ vẫn rất rõ ràng. Ngài chỉ muốn đối đãi tử tế với họ, ban ân điển trên họ, và quả thật đây là thái độ của Đức Chúa Trời đối với mọi tạo vật dưới sự thống trị của Ngài – đối đãi tử tế với mọi tạo vật, chu cấp cho chúng và nuôi dưỡng

chúng. Chính vì lý do rằng Đức Chúa Jêsus là Đức Chúa Trời nhập thể, Ngài đã tỏ lộ một cách rất tự nhiên thực chất của riêng Đức Chúa Trời và đối đãi tử tế với những người này. Ngài đã đối đãi với họ bằng lòng nhân từ và khoan dung, và với một tấm lòng như thế, Ngài cho họ thấy sự tử tế. Cho dù những người này nhìn nhận Đức Chúa Jêsus như thế nào, và cho dù sẽ có loại kết cục gì, Ngài cũng đối đãi với mọi tạo vật dựa trên thân phận của Ngài là Chúa của mọi sự tạo dựng. Mọi điều Ngài tỏ lộ đều là tâm tính Đức Chúa Trời, Ngài có gì và là gì, không có ngoại lệ. Đức Chúa Jêsus đã âm thầm làm điều này, và sau đó âm thầm rời đi – đây là khía cạnh nào trong tâm tính Đức Chúa Trời? Các người có thể nói rằng đây là lòng yêu thương nhân từ của Đức Chúa Trời không? Các người có thể nói rằng đây là lòng vị tha của Đức Chúa Trời không? Có phải đây là điều một người bình thường có khả năng làm không? Chắc chắn là không! Về thực chất, năm ngàn người mà Đức Chúa Jêsus đã cho ăn bằng năm cái bánh và hai con cá là ai? Các người có thể nói rằng họ là những người tương hợp với Ngài không? Các người có thể nói rằng tất cả họ đều thù nghịch với Đức Chúa Trời không? Có thể nói một cách chắc chắn rằng họ tuyệt đối không tương hợp với Chúa, và thực chất của họ hoàn toàn thù nghịch với Đức Chúa Trời. Nhưng Đức Chúa Trời đã đối đãi với họ như thế nào? Ngài đã dùng một phương pháp để xoa dịu sự thù nghịch của con người đối với Đức Chúa Trời – phương pháp này được gọi là “sự tử tế”. Nghĩa là, mặc dù Đức Chúa Jêsus xem những người này là những kẻ tội lỗi, nhưng trong mắt Đức Chúa Trời, họ vẫn là tạo vật của Ngài, do đó Ngài vẫn đối đãi tử tế với những kẻ tội lỗi này. Đây là lòng khoan dung của Đức Chúa Trời, và lòng khoan dung này được quyết định bởi thân phận và thực chất của Đức Chúa Trời. Vì vậy, đây là điều mà không con người nào do Đức Chúa Trời tạo ra có khả năng cả – chỉ Đức Chúa Trời mới có thể làm điều này.

Khi người có thể thật sự cảm kích những ý nghĩ và thái độ của Đức Chúa Trời đối với nhân loại, khi người có thể thật sự hiểu những cảm xúc và mối quan tâm của Đức Chúa Trời đối với mỗi tạo vật, người sẽ có thể hiểu sự tận tâm và tình yêu dành cho mỗi một con người mà Đấng Tạo Hóa đã tạo ra. Khi điều này xảy ra, người sẽ dùng hai từ để miêu tả tình yêu của Đức Chúa Trời. Hai từ đó là gì? Một số người nói “vị tha”, còn một số người nói “nhân đức”. Trong hai từ này, “nhân đức” là kém thích hợp nhất để miêu tả tình yêu của Đức Chúa Trời. Đây là một từ mà con người dùng để miêu tả ai đó cao thượng hay rộng lượng. Ta ghét từ này, bởi vì nó ám chỉ việc phân phát lòng nhân đức ngẫu nhiên, bừa bãi, không suy xét nguyên tắc. Nó là một sự thiên về tình cảm quá mức, điều phổ biến với những người ngu ngốc và bối rối. Khi từ này được dùng để miêu tả tình yêu của Đức Chúa Trời, không thể tránh có một hàm ý phạm thượng. Ở đây Ta có hai từ miêu tả tình yêu của Đức Chúa Trời thích đáng hơn. Hai từ đó là gì? Từ đầu tiên là “mệnh mông”. Chẳng phải từ này gọi lên rất nhiều sao? Từ thứ hai là “bao la”. Có một ý nghĩa thật đáng sau những từ mà Ta dùng để miêu tả về Đức Chúa Trời. Xét theo nghĩa đen, “mệnh mông” miêu tả khối lượng hay sức chứa của một vật, nhưng bất kể vật đó to như thế nào, nó cũng là thứ con người có thể chạm vào và nhìn thấy. Điều

này là vì nó có tồn tại – nó không phải là một vật trừu tượng, mà là thứ có thể cho con người những ý tưởng theo cách tương đối chính xác và thực tế. Cho dù người nhìn nó từ một góc độ hai hay ba chiều, người cũng không cần tưởng tượng về sự tồn tại của nó, bởi vì nó là một vật thật sự tồn tại theo cách có thật. Mặc dù việc dùng từ “mênh mông” để miêu tả tình yêu của Đức Chúa Trời có thể tạo cảm giác như một nỗ lực định lượng tình yêu của Ngài, nó cũng tạo cảm giác rằng tình yêu của Ngài là không thể định lượng. Ta nói rằng tình yêu của Đức Chúa Trời có thể được định lượng bởi vì tình yêu của Ngài không trống rỗng, và cũng không phải là điều gì trong truyền thuyết. Đúng hơn, nó là điều mà muôn vật dưới sự thống trị của Đức Chúa Trời đều có, điều mà mọi tạo vật đều vui hưởng ở những mức độ khác nhau và từ những góc độ khác nhau. Mặc dù con người không thể thấy hay chạm nó, nhưng tình yêu này mang đến sự nuôi dưỡng và sự sống cho muôn vật khi nó được tỏ lộ, từng chút một, trong sự sống của chúng, và chúng đo đếm, làm chứng cho tình yêu của Đức Chúa Trời mà chúng vui hưởng trong từng khoảnh khắc trôi qua. Ta nói rằng tình yêu của Đức Chúa Trời là không thể định lượng được bởi vì lẽ mầu nhiệm về việc Đức Chúa Trời chu cấp và nuôi dưỡng muôn vật là điều khó dò lường đối với con người, những ý nghĩ của Đức Chúa Trời đối với muôn vật cũng vậy, và đặc biệt là đối với loài người. Nói thế nghĩa là, không ai biết máu và nước mắt mà Đấng Tạo Hóa đã đổ ra vì nhân loại. Không ai có thể hiểu thấu, không ai có thể hiểu được chiều sâu hay trọng lượng của tình yêu mà Đấng Tạo Hóa có đối với nhân loại mà Ngài đã tạo ra bằng chính tay Ngài. Việc miêu tả tình yêu của Đức Chúa Trời mênh mông là để giúp con người cảm kích, hiểu sự rộng lớn và thực tế về sự tồn tại của nó. Nó cũng là để con người có thể hiểu sâu hơn về ý nghĩa thực của từ “Đấng Tạo Hóa”, và hầu cho con người có thể đạt được sự hiểu biết sâu hơn về ý nghĩa thực của tên gọi “tạo hóa”. Từ “bao la” thường miêu tả điều gì? Nó thường được dùng để miêu tả đại dương hay vũ trụ, ví dụ: “vũ trụ bao la”, hay “đại dương bao la”. Độ rộng lớn và độ sâu thẳm của vũ trụ vượt khỏi tầm hiểu biết của con người; nó là điều thu hút trí tưởng tượng của con người, điều mà họ cảm thấy ngưỡng mộ vô cùng. Bí ẩn và bề sâu của nó nằm trong tầm nhìn, nhưng ngoài tầm với. Khi nghĩ về đại dương, người nghĩ về sự rộng lớn của nó – nó trông vô tận, và người có thể cảm nhận sự bí ẩn và sức chứa vĩ đại của nó với mọi vật. Đây là lý do tại sao Ta dùng từ “bao la” để miêu tả tình yêu của Đức Chúa Trời, để giúp con người cảm thấy nó quý giá như thế nào, cảm nhận vẻ đẹp sâu sắc của tình yêu của Ngài, và rằng quyền năng tình yêu của Đức Chúa Trời là vô tận và có phạm vi rộng. Ta dùng từ này để giúp con người cảm nhận sự thánh khiết của tình yêu của Ngài, và chân giá trị và tính không thể xúc phạm của Đức Chúa Trời được tỏ lộ thông qua tình yêu của Ngài. Bây giờ các người có nghĩ rằng “bao la” là một từ thích hợp để miêu tả tình yêu của Đức Chúa Trời không? Tình yêu của Đức Chúa Trời có thể sánh với hai từ này: “mênh mông” và “bao la” không? Tuyệt đối là có! Theo ngôn ngữ của con người, hai từ này tự thân chúng đã phần nào thích hợp, và tương đối gần đúng để miêu tả tình yêu của Đức Chúa Trời. Các người không nghĩ vậy sao? Nếu Ta bảo các người miêu tả tình yêu của Đức Chúa Trời, liệu các người sẽ dùng hai từ

này không? Khả năng cao là các người sẽ không dùng, bởi vì sự hiểu biết và cảm kích của các người đối với tình yêu của Đức Chúa Trời bị giới hạn trong phạm vi của góc nhìn hai chiều, và chưa lên đến tầm cao của không gian ba chiều. Do đó nếu Ta bảo các người miêu tả tình yêu của Đức Chúa Trời, các người sẽ cảm thấy rằng mình thiếu từ ngữ và có lẽ các người thậm chí sẽ chẳng có lời nào. Hai từ mà Ta đã nói đến hôm nay có thể khó hiểu đối với các người, hay có thể các người đơn thuần không đồng ý. Điều này chỉ cho thấy rằng sự cảm kích và hiểu biết của các người về tình yêu của Đức Chúa Trời chỉ hời hợt và giới hạn trong một phạm vi hạn hẹp. Ta đã nói trước đây rằng Đức Chúa Trời vị tha; các người nhớ từ này: “vị tha”. Có thể nào tình yêu của Đức Chúa Trời chỉ có thể được miêu tả là vị tha không? Chẳng phải đây là một phạm vi quá hạn hẹp sao? Các người nên suy ngẫm về vấn đề này thêm nữa, để các người có thể đạt được điều gì đó từ nó.

Trên đây là những gì chúng ta đã nhìn thấy về tâm tính của Đức Chúa Trời và thực chất của Ngài từ phép lạ đầu tiên. Mặc dù đây là một câu chuyện mà người ta đã và đang đọc vài nghìn năm nay, nó có một cốt truyện đơn giản, và cho phép con người thấy một hiện tượng đơn giản, nhưng trong cốt truyện đơn giản này chúng ta có thể thấy điều gì đó giá trị hơn, đó là tâm tính Đức Chúa Trời, Ngài có gì và là gì. Những điều về việc Ngài có gì và là gì đại diện cho chính Đức Chúa Trời và là một sự bày tỏ của những ý nghĩ của riêng Đức Chúa Trời. Khi Đức Chúa Trời bày tỏ những ý nghĩ của Ngài, đó là một sự bày tỏ tiếng lòng của Ngài. Ngài hy vọng rằng sẽ có những người có thể hiểu Ngài, biết Ngài và thấu hiểu ý muốn của Ngài, và những người có thể nghe tiếng lòng Ngài và sẽ có thể tích cực phối hợp để thỏa mãn ý muốn của Ngài. Những điều mà Đức Chúa Jêsu đã làm là một sự bày tỏ không lời về Đức Chúa Trời.

Tiếp theo, chúng ta hãy xem đoạn sau: Sự sống lại của La-xa-rơ làm vinh hiển Đức Chúa Trời.

Các người có những ấn tượng gì sau khi đọc đoạn này? Ý nghĩa của phép lạ này mà Đức Chúa Jêsu đã làm to lớn hơn nhiều so với phép lạ trước, bởi vì không phép lạ nào gây kinh ngạc cho bằng đưa người chết trở về từ nấm mồ. Trong kỷ nguyên đó, việc Đức Chúa Jêsu làm điều như thế này là cực kỳ trọng đại. Bởi vì Đức Chúa Trời đã trở nên xác thịt, con người chỉ có thể thấy diện mạo vật lý của Ngài, phương diện thực tế của Ngài, và phương diện tâm thường của Ngài. Ngay cả khi con người thấy và hiểu điều gì đó về tính cách của Ngài hay một số khả năng đặc biệt mà Ngài dường như sở hữu, không ai biết Đức Chúa Jêsu đến từ đâu, Ngài thật sự là ai về thực chất của Ngài, và Ngài thật sự có khả năng làm những việc gì khác. Nhân loại không biết đến toàn bộ điều này. Rất nhiều người muốn tìm bằng chứng để trả lời những câu hỏi này về Đức Chúa Jêsu, và để biết sự thật. Liệu Đức Chúa Trời có thể làm điều gì đó để chứng minh thân phận của riêng Ngài không? Đối với Đức Chúa Trời, điều này quá nhẹ nhàng – nó chỉ là chuyện con con. Ngài có thể làm điều gì đó ở mọi nơi, mọi lúc để chứng minh thân phận và thực chất của Ngài, nhưng Đức Chúa Trời có cách làm việc của riêng Ngài – với một kế hoạch, và theo các bước. Ngài đã không làm việc một cách



bữa bãi, mà thay vào đó là tìm thời điểm và cơ hội thích hợp để làm điều gì đó mà Ngài sẽ cho phép con người nhìn thấy, điều thật sự mang đậm ý nghĩa. Theo cách này, Ngài đã chứng tỏ thẩm quyền và thân phận của Ngài. Như vậy thì, việc La-xa-rơ sống lại có thể chứng minh thân phận của Đức Chúa Jêsus không? Chúng ta hãy xem đoạn sau của Kinh Thánh: “Khi Ngài nói xong, bèn kêu lên một tiếng lớn rằng: Hỡi La-xa-rơ, hãy ra! Người chết đi ra...”. Khi Đức Chúa Jêsus làm việc này, Ngài đã nói chỉ một điều: “Hỡi La-xa-rơ, hãy ra!”. Sau đó La-xa-rơ ra khỏi mộ – điều này được hoàn thành bởi chỉ vài lời Chúa phán ra. Trong thời này, Đức Chúa Jêsus đã không lập bàn thờ, và Ngài đã không thực hiện bất kỳ hành động nào khác. Ngài chỉ phán một điều này. Điều này nên được gọi là phép lạ hay mạng lệnh? Hay nó có phải là một dạng ma thuật? Ở bề mặt, có vẻ như nó có thể được gọi là phép lạ, và nếu người nhìn nhận nó từ một quan điểm hiện đại, dĩ nhiên người vẫn có thể gọi nó là phép lạ. Tuy nhiên, nó chắc chắn không thể được xem là phép thuật kiểu như gọi một linh hồn trở về từ cõi chết, và nó tuyệt đối không phải là ma thuật thuộc bất kỳ dạng nào. Sẽ đúng đắn khi nói rằng phép lạ này là sự minh họa bình thường nhất, nhỏ bé nhất về thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa. Đây là thẩm quyền và quyền năng của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời có thẩm quyền khiến cho một người chết, khiến hồn họ lìa khỏi xác và trở về âm phủ, hay bất cứ nơi nào khác mà nó nên đi. Thời gian chết của một người, và nơi họ sẽ đi sau khi chết – những điều này đều được quyết định bởi Đức Chúa Trời. Ngài có thể đưa ra những quyết định này mọi lúc mọi nơi, không bị chế ngự bởi con người, sự kiện, đối tượng, không gian hay địa lý. Nếu Ngài muốn làm, Ngài có thể làm, bởi muôn vật và sinh vật sống đều dưới sự thống trị của Ngài, và muôn vật và hữu thể sống đều dưới sự thống trị của Ngài, và muôn vật được sinh ra, sống và diệt mất bởi lời Ngài và thẩm quyền của Ngài. Ngài có thể làm người chết sống dậy, và đây cũng là điều Ngài có thể làm mọi lúc mọi nơi. Đây là thẩm quyền mà chỉ Đấng Tạo Hóa mới sở hữu.

Khi Đức Chúa Jêsus làm những việc như đưa La-xa-rơ trở về từ cõi chết, mục tiêu của Ngài là đưa ra bằng chứng cho con người và để Sa-tan nhìn thấy, và để con người và Sa-tan biết rằng mọi thứ về nhân loại, sự sống và chết của nhân loại đều được quyết định bởi Đức Chúa Trời, và rằng cho dù Ngài đã trở nên xác thịt, Ngài vẫn chỉ huy thế giới vật chất có thể được nhìn thấy cũng như thế giới thuộc linh mà con người không thể nhìn thấy. Điều này là để nhân loại và Sa-tan biết rằng mọi thứ về nhân loại không nằm dưới sự chỉ huy của Sa-tan. Đây là một sự mặc khải và minh họa về thẩm quyền của Đức Chúa Trời, và nó cũng là một cách để Đức Chúa Trời gửi sứ điệp đến muôn vật, rằng sự sống và chết của nhân loại nằm trong tay Đức Chúa Trời. Việc Đức Chúa Jêsus làm La-xa-rơ sống lại là một trong những cách mà Đấng Tạo Hóa dạy dỗ và hướng dẫn nhân loại. Đó là một hành động cụ thể mà Ngài dùng quyền năng và thẩm quyền của Ngài để hướng dẫn và chu cấp cho nhân loại. Nó là một cách, không dùng lời nói, để Đấng Tạo Hóa cho phép nhân loại thấy được sự thật rằng Ngài chỉ huy muôn vật. Nó là một cách để Ngài nói với nhân loại thông qua những hành động thực tế rằng không có sự cứu rỗi nào khác hơn là thông qua Ngài. Phương tiện âm thầm này mà

Ngài dùng để hướng dẫn nhân loại là trường tồn, còn mãi, mang đến cho lòng người một sự chấn động và khai sáng không bao giờ có thể phai mờ. Sự sống lại của La-xa-rơ đã làm vinh hiển Đức Chúa Trời – điều này có một tác động sâu sắc đến mỗi một người theo Đức Chúa Trời. Nó ấn định một cách vững vàng trong mỗi người, những người hiểu sâu sắc về sự kiện này, một sự hiểu biết, khái tượng rằng chỉ Đức Chúa Trời mới có thể chỉ huy sự sống và chết của nhân loại. Mặc dù Đức Chúa Trời có dạng thẩm quyền này, và mặc dù Ngài gửi một sứ điệp về quyền tối thượng của Ngài đối với sự sống và chết của nhân loại thông qua việc La-xa-rơ sống lại, nhưng đây không phải là công tác chính của Ngài. Đức Chúa Trời không bao giờ làm điều gì đó mà không có ý nghĩa. Mỗi một điều Ngài làm đều có giá trị to lớn và là một viên ngọc nổi trội trong một nhà kho báu. Ngài tuyệt đối sẽ không coi việc “khiến một người ra khỏi mộ” là mục tiêu hay hạng mục chính yếu hay duy nhất của công tác của Ngài. Đức Chúa Trời không làm bất cứ điều gì mà không có ý nghĩa. Việc La-xa-rơ sống dậy dù chỉ là một sự kiện đơn lẻ cũng đủ để minh họa thẩm quyền của Đức Chúa Trời và chứng minh thân phận của Đức Chúa Jê-sus. Đây là lý do tại sao Đức Chúa Jê-sus đã không lặp lại phép lạ này. Đức Chúa Trời làm việc theo những nguyên tắc của riêng Ngài. Theo ngôn ngữ của con người, có thể nói rằng Đức Chúa Trời chỉ bận tâm đến những chuyện quan trọng. Nghĩa là, khi Đức Chúa Trời làm việc, Ngài không đi chệch khỏi mục đích công tác của Ngài. Ngài biết công tác mà Ngài muốn thực hiện trong giai đoạn này là gì, những gì Ngài muốn hoàn thành, và Ngài sẽ hoạt động theo kế hoạch của Ngài một cách nghiêm khắc. Nếu một người bại hoại có dạng khả năng đó, họ sẽ chỉ nghĩ về những cách để tỏ lộ khả năng của mình để những người khác biết họ ghê gớm như thế nào, để người ta sẽ khâm phục họ, để họ có thể kiểm soát và ăn sống nuốt tươi những người đó. Đây là sự tà ác đến từ Sa-tan – điều này được gọi là sự bại hoại. Đức Chúa Trời không có tâm tính như thế, và Ngài không có một thực chất như thế. Mục đích của Ngài trong việc làm những điều này không phải là để khoe khoang chính Ngài, mà là để chu cấp cho nhân loại thêm sự mặc khải và hướng dẫn, và đây là lý do tại sao con người thấy rất ít ví dụ trong Kinh Thánh về kiểu sự kiện này. Nói như vậy không phải là quyền năng của Đức Chúa Jê-sus hữu hạn, hay Ngài không có khả năng với những điều như thế. Đơn giản là Đức Chúa Trời đã không muốn làm điều đó, bởi vì việc Đức Chúa Jê-sus làm cho La-xa-rơ sống dậy có ý nghĩa rất thiết thực, và cũng vì công việc chính yếu của việc Đức Chúa Trời trở nên xác thịt không phải là làm phép lạ, không phải là làm cho con người sống dậy từ cõi chết, mà là công tác cứu chuộc nhân loại. Như vậy, phần lớn công tác mà Đức Chúa Jê-sus đã hoàn thành là giảng dạy con người, chu cấp cho họ, và giúp đỡ họ, và những sự kiện như khiến La-xa-rơ sống dậy đơn thuần là một phần nhỏ trong chức vụ mà Đức Chúa Jê-sus đã thực hiện. Hơn thế nữa, các người có thể nói rằng “khoe khoang” không phải là một phần trong thực chất của Đức Chúa Trời, do đó Đức Chúa Jê-sus không cố ý kiểm chế bằng cách không phô ra nhiều phép lạ nữa, điều này cũng không phải do những giới hạn của môi trường, và nó chắc chắn không phải do thiếu quyền năng.

Khi Đức Chúa Jêsus đưa La-xa-rơ trở về từ cõi chết, Ngài đã dùng chỉ vài lời này: “Hỡi La-xa-rơ, hãy ra!”. Ngài không nói gì ngoài điều này. Như vậy, những lời này chứng tỏ điều gì? Chúng chứng tỏ rằng Đức Chúa Trời có thể hoàn thành bất cứ điều gì bằng cách phán bảo, kể cả việc làm người chết sống lại. Khi Đức Chúa Trời tạo ra muôn vật, khi Ngài sáng thế, Ngài đã thực hiện việc đó bằng lời nói – những mệnh lệnh được phán ra, những lời chứa thẩm quyền, và theo cách này mà muôn vật đã được tạo nên, và như thế, công việc được hoàn tất. Vài lời phán này bởi Đức Chúa Jêsus cũng giống như những lời phán bởi Đức Chúa Trời khi Ngài tạo nên trời đất và muôn vật; theo cùng một cách, chúng mang thẩm quyền của Đức Chúa Trời và quyền năng của Đấng Tạo Hóa. Muôn vật được hình thành và đứng vững bởi những lời từ miệng Đức Chúa Trời, và theo cùng một cách, La-xa-rơ đã đi ra từ ngôi mộ bởi những lời từ miệng Đức Chúa Jêsus. Đây là thẩm quyền của Đức Chúa Trời, được chứng minh và thực hiện trong xác thịt nhập thể của Ngài. Dạng thẩm quyền và khả năng này thuộc về Đấng Tạo Hóa, và Con người mà Đấng Tạo Hóa đã được nhận ra trong đó. Đây là sự hiểu biết được dạy cho nhân loại thông qua việc Đức Chúa Trời khiến La-xa-rơ sống dậy từ cõi chết. Bây giờ, chúng ta sẽ kết thúc việc thảo luận về đề tài này ở đây. Tiếp theo, chúng ta hãy đọc thêm một chút từ Kinh Thánh.

## **10. Cách nhìn của những người Pha-ri-si về Jêsus**

Mác 3:21-22 Những bạn hữu Ngài nghe vậy, bèn đến để cầm giữ Ngài; vì người ta nói Ngài đã mất trí khôn. Có các thầy thông giáo ở thành Giê-ru-sa-lem xuống, nói rằng: Người bị quỷ Bê-ên-xê-bun ám, và nhờ phép chúa quỷ mà trừ quỷ.

## **11. Lời quả trách của Jêsus với những người Pha-ri-si**

Ma-thi-ơ 12:31-32 Ấy vậy, ta phán cùng các ngươi, các tội lỗi và lời phạm thượng của người ta đều sẽ được tha; song lời phạm thượng đến Đức Thánh Linh thì sẽ chẳng được tha đâu. Nếu ai nói phạm đến Con người, thì sẽ được tha; song nếu ai nói phạm đến Đức Thánh Linh, thì dầu đời này hay đời sau cũng sẽ chẳng được tha.

Ma-thi-ơ 23:13-15 Khốn cho các ngươi, thầy thông giáo và người Pha-ri-si, là kẻ giả hình! Vì các ngươi đóng nước thiên đàng trước mặt người ta; các ngươi không vào đó bao giờ, mà có ai muốn vào, thì lại ngăn trở. Khốn cho các ngươi, thầy thông giáo và người Pha-ri-si, là kẻ giả hình! Vì các ngươi làm bộ đọc lời cầu nguyện cho dài mà nuốt nhà đòn bà góa; vì có đó, các ngươi sẽ bị đoán phạt nặng hơn. Khốn cho các ngươi, thầy thông giáo và người Pha-ri-si, là kẻ giả hình! Vì các ngươi đi khắp dưới nước trên bộ để khuyên một người vào đạo mình; và khi đã khuyên được rồi, thì các ngươi làm cho họ trở nên người địa ngục gấp hai các ngươi.

Nội dung của hai đoạn trên là khác nhau. Trước hết chúng ta hãy xem đoạn đầu: Cách nhìn của những người Pha-ri-si về Jêsus.

Trong Kinh Thánh, sự đánh giá của những người Pha-ri-si về chính Jêsus và những điều Ngài đã làm là: “...người ta nói Ngài đã mất trí khôn. ... Người bị quỷ Bê-ên-xê-bun ám, và nhờ phép chúa quỷ mà trừ quỷ” (Mác 3:21-22). Cách nhìn của các thầy thông giáo

và những người Pha-ri-si về Đức Chúa Jê-sus không phải là họ đơn thuần theo lời của những người khác, và cũng không phải là sự phỏng đoán vô căn cứ – nó là kết luận mà họ đã rút ra về Đức Chúa Jê-sus từ những gì họ đã thấy và nghe về những hành động của Ngài. Mặc dù kết luận của họ có vẻ được đưa ra nhân danh công lý và có vẻ là có cơ sở đối với mọi người, nhưng sự ngạo mạn mà họ dùng để đánh giá Đức Chúa Jê-sus là khó kiềm chế kể cả đối với họ. Năng lượng điên cuồng của sự căm ghét của họ với Đức Chúa Jê-sus đã phơi bày những tham vọng ngông cuồng của họ và diện mạo xấu xa tà ác của họ, cũng như bản tính hiểm ác mà họ dùng để chống đối Đức Chúa Trời. Những điều mà họ nói trong sự đánh giá của mình về Đức Chúa Jê-sus được thúc đẩy bởi những tham vọng ngông cuồng của họ, sự đố kỵ, và bản tính xấu xa, hiểm ác của sự thù nghịch của họ đối với Đức Chúa Trời và lẽ thật. Họ đã không điều tra nguồn gốc những hành động của Đức Chúa Jê-sus, họ cũng không điều tra thực chất của những điều Ngài đã nói hay làm. Thay vào đó, một cách mù quáng, trong một trạng thái kích động điên cuồng, và với ác tâm có tính toán, họ tấn công và nghi ngờ những gì Ngài đã làm. Họ đã đi xa đến mức sẵn lòng nghi ngờ Thần của Ngài, nghĩa là, Đức Thánh Linh là Thần của Đức Chúa Trời. Đây là ý của họ khi nói “Ngài đã mất trí khôn”, “Bê-ên-xê-bun”, và “nhờ phép chúa quỷ”. Nói vậy nghĩa là, họ nói rằng Thần của Đức Chúa Trời là Bê-ên-xê-bun và là chúa quỷ. Họ mô tả công việc của Thần của Đức Chúa Trời nhập thể, Đấng đã mặc lấy xác thịt cho chính Ngài, là điên rồ. Họ không chỉ báng bổ Thần của Đức Chúa Trời như là Bê-ên-xê-bun và chúa quỷ, mà còn lên án công tác của Đức Chúa Trời, lên án và báng bổ Đức Chúa Jê-sus Christ. Thực chất của sự chống đối và báng bổ của họ với Đức Chúa Trời hoàn toàn giống với thực chất sự chống đối và báng bổ Đức Chúa Trời của Sa-tan và ma quỷ. Họ không chỉ đại diện cho những con người bại hoại, mà hơn thế nữa, họ còn là hiện thân của Sa-tan. Họ là một kênh cho Sa-tan giữa nhân loại, và họ là những kẻ đồng lõa và tay sai của Sa-tan. Thực chất sự báng bổ và sự gièm pha của họ về Đức Chúa Jê-sus Christ chính là sự tranh giành địa vị với Đức Chúa Trời, trận đấu giữa họ với Đức Chúa Trời, và sự thử thách không ngừng của họ với Đức Chúa Trời. Thực chất sự chống đối của họ với Đức Chúa Trời và thái độ thù nghịch của họ đối với Ngài, cũng như những lời nói và ý nghĩ của họ, đã trực tiếp phạm thượng và chọc giận Thần của Đức Chúa Trời. Do đó, Đức Chúa Trời đã quyết định một sự phán xét hợp lý dựa trên những gì họ nói và làm, và Đức Chúa Trời đã xác định những việc làm của họ là tội báng bổ chống lại Đức Thánh Linh. Tội này là không thể tha thứ cả trong đời này lẫn đời sau, như được xác minh trong đoạn Kinh Thánh sau: “Lời phạm thượng đến Đức Thánh Linh thì sẽ chẳng được tha đâu”, và “nếu ai nói phạm đến Đức Thánh Linh, thì dầu đời này hay đời sau cũng sẽ chẳng được tha”. Hôm nay, chúng ta hãy nói về ý nghĩa thật của những lời này từ Đức Chúa Trời: “thì dầu đời này hay đời sau cũng sẽ chẳng được tha”. Nghĩa là, chúng ta hãy làm sáng tỏ cách Đức Chúa Trời làm thành toàn những lời: “thì dầu đời này hay đời sau cũng sẽ chẳng được tha”.

Mọi điều chúng ta đã nói đến đều có liên quan tới tâm tính của Đức Chúa Trời và thái độ của Ngài đối với con người, sự kiện và sự việc. Hiển nhiên, hai đoạn trên không

phải là ngoại lệ. Các người có để ý thấy bất cứ điều gì trong hai đoạn Kinh Thánh này không? Một số người nói rằng họ nhìn thấy sự giận dữ của Đức Chúa Trời trong chúng. Một số người nói rằng họ nhìn thấy trong tâm tính Đức Chúa Trời một phương diện không khoan thứ cho sự xúc phạm của con người, và rằng nếu con người làm điều gì đó phạm thượng Đức Chúa Trời, thì họ sẽ không được nhận sự tha thứ của Ngài. Bất kể thực tế rằng con người thấy và cảm nhận được sự giận dữ và tính không dung thứ của Đức Chúa Trời đối với sự xúc phạm của nhân loại trong hai đoạn này, họ vẫn không thật sự hiểu thái độ của Ngài. Ẩn trong hai đoạn này là những sự ám chỉ ngầm về thái độ thật của Đức Chúa Trời và phương pháp của Ngài đối với những người phạm thượng và chọc giận Ngài. Thái độ và phương pháp của Ngài tỏ rõ ý nghĩa thật của đoạn sau: “Nếu ai nói phạm đến Đức Thánh Linh, thì dầu đời này hay đời sau cũng sẽ chẳng được tha”. Khi con người phạm thượng đến Đức Chúa Trời và khi họ chọc giận Ngài, Ngài ban ra một lời phán quyết, và lời phán quyết này là kết quả được ban ra bởi Ngài. Nó được miêu tả theo cách này trong Kinh Thánh: “Ấy vậy, ta phán cùng các người, các tội lỗi và lời phạm thượng của người ta đều sẽ được tha; song lời phạm thượng đến Đức Thánh Linh thì sẽ chẳng được tha đâu” (Ma-thi-ơ 12:31), và “Khốn cho các người, thầy thông giáo và người Pha-ri-si, là kẻ giả hình!” (Ma-thi-ơ 23:13). Tuy nhiên, trong Kinh Thánh có ghi hậu quả cho các thầy thông giáo và người Pha-ri-si, cũng như cho những người nói Đức Chúa Jêsus điên rồ sau khi Ngài nói những điều này là gì không? Có ghi chép rằng họ chịu bất kỳ sự trừng phạt nào không? Không – có thể nói chắc chắn như vậy. Nói “không” ở đây không phải là nói rằng không có sự ghi chép như thế, mà trên sự thật, chỉ là không có hậu quả mà mắt người có thể nhìn thấy. Việc nói rằng “nó không được ghi chép” làm sáng tỏ vấn đề về thái độ và những nguyên tắc của Đức Chúa Trời khi xử lý những việc nhất định. Đức Chúa Trời không giả mù hay giả điếc với những người phạm thượng hay chống đối Ngài, hay thậm chí những người phỉ báng Ngài – những người cố ý tấn công, phỉ báng, và nguyên rủa Ngài – mà đúng hơn, Ngài có một thái độ rõ ràng với họ. Ngài khinh ghét những người này, và Ngài kết án họ trong lòng Ngài. Ngài thậm chí công khai tuyên bố hậu quả của họ sẽ là gì, để con người biết rằng Ngài có một thái độ rõ ràng đối với những kẻ phạm thượng đến Ngài, và để họ biết Ngài sẽ định đoạt kết cục của họ như thế nào. Tuy nhiên, sau khi Đức Chúa Trời phán những điều này, con người hiếm khi có thể thấy sự thật về cách Đức Chúa Trời xử lý những người này, và họ không thể hiểu những nguyên tắc đằng sau kết quả và lời phán quyết mà Đức Chúa Trời đã ban ra cho họ. Nói thế nghĩa là, con người không thể thấy phương pháp và những biện pháp cụ thể mà Đức Chúa Trời có để xử lý họ. Điều này có liên quan đến những nguyên tắc làm việc của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời dùng sự xảy đến của sự thật để xử lý hành vi tà ác của một số người. Đó là, Ngài không thông báo về tội lỗi của họ và không quyết định kết quả của họ, mà thay vào đó trực tiếp dùng các sự kiện xảy đến để ban ra sự trừng phạt và sự báo ứng công bằng của họ. Khi những sự thật này xảy ra, chính xác thật của con người chịu sự trừng phạt, nghĩa là hình phạt là điều có thể được nhìn thấy bằng mắt người. Khi xử lý hành vi tà ác của một số người,

Đức Chúa Trời chỉ rửa sạch họ bằng lời và cơn giận của Ngài cũng đến trên họ, nhưng sự trừng phạt mà họ nhận được có thể là điều con người không thể thấy. Tuy nhiên, dạng kết quả này thậm chí có thể nghiêm trọng hơn kết quả mà con người có thể thấy, như là bị trừng phạt hay bị giết chết. Đây là vì dưới những hoàn cảnh mà Đức Chúa Trời đã quyết định không cứu rỗi loại người này, không còn tỏ lòng thương xót hay khoan thứ với họ và không cho họ cơ hội nữa, thì thái độ mà Ngài có đối với họ là thái độ gạt họ sang một bên. Ý nghĩa của “gạt sang một bên” ở đây là gì? Ý nghĩa cơ bản của từ này là gạt thứ gì đó sang một bên, làm lơ nó và không còn chú ý đến nó nữa. Nhưng ở đây, khi Đức Chúa Trời gạt ai đó sang một bên, có hai sự giải thích khác nhau về ý nghĩa của nó: Sự giải thích đầu tiên là Ngài đã giao sự sống và mọi điều về người đó cho Satan xử lý, và Đức Chúa Trời sẽ không còn phụ trách và sẽ không còn quản lý người đó nữa. Dù người đó điên rồ hay ngu ngốc, hay dù họ đã chết hoặc còn sống, hay họ có xuống địa ngục vì sự trừng phạt của họ hay không, không điều nào trong số này có liên quan gì đến Đức Chúa Trời. Điều đó sẽ có nghĩa là một tạo vật như thế sẽ không có mối liên hệ với Đấng Tạo Hóa. Sự giải thích thứ hai là Đức Chúa Trời đã quyết định rằng chính Ngài muốn làm điều gì đó với người này, bằng chính tay Ngài. Có thể rằng Ngài sẽ sử dụng sự phục vụ của người này, hoặc Ngài sẽ dùng họ như một vật làm nền. Có thể rằng Ngài sẽ có một cách xử lý đặc biệt với loại người này, một cách đối xử đặc biệt với họ, như với Phao-lô chẳng hạn. Đây là nguyên tắc và thái độ trong lòng Đức Chúa Trời mà bởi đó Ngài đã quyết định xử lý loại người này. Như vậy khi con người chống đối Đức Chúa Trời và phỉ báng, báng bổ Ngài, nếu họ chọc tức tâm tính Ngài, hoặc nếu họ đẩy Đức Chúa Trời đi quá giới hạn khoan dung của Ngài, thì hậu quả là điều không dám nghĩ đến. Hậu quả nghiêm trọng nhất là Đức Chúa Trời giao mạng sống và mọi điều về họ cho Satan một lần cho mãi mãi. Họ sẽ vĩnh viễn không được tha thứ. Điều này nghĩa là người này đã trở thành thức ăn trong miệng Sa-tan, một món đồ chơi trong tay hắn, và từ đó trở đi, Đức Chúa Trời không còn liên quan gì đến họ nữa. Các người có thể tượng tưởng sự khổ sở đã như thế nào khi Sa-tan cám dỗ Gióp không? Ngay cả trong điều kiện rằng Sa-tan không được phép làm hại tới mạng sống của Gióp, Gióp vẫn chịu khổ sở vô cùng. Và chẳng phải càng khó tưởng tượng ra sự tàn phá mà Sa-tan sẽ gây ra cho người đã hoàn toàn bị giao cho Sa-tan, người đã hoàn toàn trong tầm tay Sa-tan, người đã hoàn toàn mất đi sự chăm sóc và lòng thương xót của Đức Chúa Trời, người không còn ở dưới sự thống trị của Đấng Tạo Hóa, người đã bị tước quyền thờ phượng Ngài và quyền được là một tạo vật dưới sự thống trị của Đức Chúa Trời, và người mà có mối quan hệ với Chúa của sự tạo dựng đã hoàn toàn bị cắt đứt? Sự ngược đãi của Sa-tan với Gióp là điều có thể thấy bằng mắt người, nhưng nếu Đức Chúa Trời giao mạng sống của một người cho Sa-tan, những hậu quả sẽ vượt khỏi tầm tưởng tượng của con người. Ví dụ, một số người có thể bị đầu thai làm bò, hay làm lừa, trong khi một số có thể bị ám và sở hữu bởi những quỷ dữ ô uế, và v.v. Đó là những kết quả của một số người bị Đức Chúa Trời giao cho Sa-tan. Từ bề ngoài, có vẻ như những người giễu cợt, phỉ báng, lên án, và phạm thượng tới Đức Chúa Jêsus đã không phải

chịu bất kỳ hậu quả nào. Tuy nhiên, sự thật là Đức Chúa Trời có một phương pháp xử lý mọi thứ. Ngài có thể không dùng ngôn ngữ rõ ràng để nói với mọi người về kết quả của cách Ngài xử lý mọi loại người. Đôi khi Ngài không nói trực tiếp, mà thay vào đó hành động trực tiếp. Việc Ngài không nói về điều đó không có nghĩa là không có kết quả – thực ra, trong trường hợp như thế thì có thể hậu quả còn nghiêm trọng hơn nữa. Từ bề ngoài, có thể dường như có một số người mà với họ Đức Chúa Trời không nói thẳng về thái độ của Ngài, nhưng trên thực tế, Đức Chúa Trời đã không muốn chú ý gì đến họ trong thời gian dài. Ngài không muốn thấy họ nữa. Bởi những điều họ đã làm và hành vi của họ, bởi bản tính và thực chất của họ, Đức Chúa Trời chỉ muốn họ biến khỏi mắt Ngài, muốn giao ngay họ cho Sa-tan, giao linh hồn, tâm hồn và thể xác họ cho Sa-tan và cho phép Sa-tan làm bất cứ điều gì hắn muốn với họ. Mức độ mà Đức Chúa Trời ghét họ, mức độ mà Ngài ghê tởm họ là rõ ràng. Nếu một người chọc giận Đức Chúa Trời đến mức Đức Chúa Trời thậm chí không muốn thấy họ nữa và sẵn lòng từ bỏ họ hoàn toàn, đến mức Ngài thậm chí không muốn đích thân xử lý họ nữa – nếu đến mức Ngài sẽ giao họ cho Sa-tan để hắn làm gì tùy ý, để cho phép Sa-tan kiểm soát, tiêu hủy, và đối xử với họ theo bất cứ cách nào hắn thích – vậy thì người này đã chấm hết hoàn toàn. Quyền làm con người của họ đã bị thu hồi mãi mãi, và quyền làm một tạo vật trong sự tạo dựng của Đức Chúa Trời đã chấm dứt. Chẳng phải đây là dạng trừng phạt nghiêm trọng nhất sao?

Toàn bộ những gì nói trên là sự giải thích trọn vẹn về những từ: “thì dầu đời này hay đời sau cũng sẽ chẳng được tha”, và nó cũng đóng vai trò chú thích đơn giản về những đoạn này từ Kinh Thánh. Ta tin bây giờ các người đều đã có sự hiểu biết về việc này.

Bây giờ chúng ta đọc những đoạn tiếp theo từ Kinh Thánh.

## **12. Những lời của Jêsus với các môn đồ của Ngài sau khi Ngài phục sinh**

Giăng 20:26-29 Cách tám ngày, các môn đồ lại nhóm nhau trong nhà, có Tô-ma ở với. Khi cửa đương đóng, Đức Chúa Jêsus đến, đứng chính giữa môn đồ mà phán rằng: Bình an cho các người! Đoạn, Ngài phán cùng Tô-ma rằng: Hãy đặt ngón tay người vào đây, và xem bàn tay ta; cũng hãy giơ bàn tay người ra và đặt vào sườn ta, chớ cứng lòng, song hãy tin! Tô-ma thưa rằng: Lạy Chúa tôi và Đức Chúa Trời tôi! Đức Chúa Jêsus phán: Vì người đã thấy ta, nên người tin. Phước cho những kẻ chẳng từng thấy mà đã tin vậy!

Giăng 21:16-17 Ngài lại phán lần thứ hai cùng người rằng: Hỡi Si-môn, con Giô-na, người yêu ta chẳng? Phi-e-rơ thưa rằng: Lạy Chúa, phải, Chúa biết rằng tôi yêu Chúa. Đức Chúa Jêsus phán rằng: Hãy chăn chiên ta. Ngài phán cùng người đến lần thứ ba rằng: Hỡi Si-môn, con Giô-na, người yêu ta chẳng? Phi-e-rơ buồn rầu vì Ngài phán cùng mình đến ba lần: Người yêu ta chẳng? Người bèn thưa rằng: Lạy Chúa, Chúa biết hết mọi việc; Chúa biết rằng tôi yêu Chúa! Đức Chúa Trời phán rằng: Hãy chăn chiên ta.

Điều mà những đoạn này thuật lại chính là những việc cụ thể mà Đức Chúa Jêsus đã làm và phán với các môn đồ của Ngài sau khi Ngài phục sinh. Trước tiên, chúng ta

hãy xem bất kỳ điểm khác biệt nào có thể có nơi Đức Chúa Jêsus trước và sau khi phục sinh. Có phải Ngài vẫn đúng là Đức Chúa Jêsus của những ngày đã qua? Kinh Thánh có dòng sau miêu tả Đức Chúa Jêsus sau khi phục sinh: “Khi cửa đương đóng, Đức Chúa Jêsus đến, đứng chính giữa môn đồ mà phán rằng: Bình an cho các người!”. Rõ ràng là Đức Chúa Jêsus vào lúc ấy không còn ở trong một thân thể xác thịt nữa, mà Ngài giờ đây đã ở trong một thân thể thuộc linh. Điều này là vì Ngài đã vượt khỏi những giới hạn của xác thịt; cho dù cửa đang đóng, Ngài vẫn có thể đến giữa mọi người và cho phép họ nhìn thấy Ngài. Đây là điểm khác biệt lớn nhất giữa Đức Chúa Jêsus sau khi phục sinh và Đức Chúa Jêsus sống trong xác thịt trước khi phục sinh. Cho dù không có sự khác biệt giữa ngoại hình của thân thể thuộc linh vào khoảnh khắc đó và ngoại hình của Đức Chúa Jêsus trước kia, Đức Chúa Jêsus trong khoảnh khắc đó đã trở thành Đấng mà mọi người cảm thấy như người lạ, bởi Ngài đã trở thành một thân thể thuộc linh sau khi phục sinh từ cõi chết, và so với xác thịt trước đó của Ngài, thân thể thuộc linh này gây bối rối và lúng túng cho mọi người hơn. Nó cũng đã tạo ra nhiều khoảng cách hơn giữa Đức Chúa Jêsus và con người, và con người cảm nhận trong lòng họ rằng Đức Chúa Jêsus trong khoảnh khắc đó đã trở nên bí ẩn hơn. Những nhận thức và cảm xúc này về phần con người đột nhiên đưa họ trở về thời tin vào một vị Đức Chúa Trời không thể nhìn thấy hay sờ chạm được. Như vậy, điều đầu tiên mà Đức Chúa Jêsus đã làm sau sự phục sinh của Ngài là cho phép mọi người nhìn thấy Ngài, xác nhận rằng Ngài hiện hữu, và xác nhận sự thật về sự phục sinh của Ngài. Hơn nữa, hành động này đã khôi phục mối quan hệ của Ngài với con người theo cách nó đã từng khi Ngài hoạt động trong xác thịt, khi Ngài còn là Đấng Christ mà họ có thể thấy và chạm. Một kết quả của điều này là con người không có một chút nghi ngờ gì về việc Đức Chúa Jêsus đã phục sinh từ cõi chết sau khi bị đóng đinh vào thập tự, và họ cũng không ngờ vực về công tác cứu chuộc nhân loại của Đức Chúa Jêsus. Một kết quả khác chính là thực tế rằng Đức Chúa Jêsus hiện ra với mọi người sau sự phục sinh của Ngài và cho phép con người nhìn thấy và chạm vào Ngài đã trấn an nhân loại một cách vững vàng trong Thời đại Ân điển, đảm bảo rằng, từ rày trở đi, con người sẽ không trở lại Thời đại Luật pháp trước đó trên cơ sở giả định rằng Đức Chúa Jêsus “đã biến mất” hay rằng Ngài đã “ra đi không nói một lời”. Ngài do đó đã đảm bảo rằng họ sẽ tiếp tục tiến tới, theo những lời dạy của Đức Chúa Jêsus và công tác mà Ngài đã làm. Do đó, một giai đoạn mới trong công tác trong Thời đại Ân điển được chính thức mở ra, và từ khoảnh khắc đó trở đi, những người đã sống dưới luật pháp chính thức bước ra khỏi luật pháp và bước vào một kỷ nguyên mới, một sự bắt đầu mới. Đây là những ý nghĩa đa diện về sự hiện ra của Đức Chúa Jêsus với nhân loại sau khi phục sinh.

Bởi vì Đức Chúa Jêsus giờ đây đã ngự trong một thân thể thuộc linh, làm sao con người có thể chạm vào Ngài và thấy Ngài? Câu hỏi này chạm đến ý nghĩa của việc Đức Chúa Jêsus hiện ra với nhân loại. Các người có để ý thấy bất cứ điều gì từ đoạn Kinh Thánh mà chúng ta vừa đọc không? Theo như lệ thường, các thân thể thuộc linh không thể được nhìn thấy hay sờ chạm, và sau khi phục sinh, công tác mà Đức Chúa Jêsus



đảm nhận đã hoàn tất. Như vậy theo lý thuyết, Ngài tuyệt nhiên không cản trở lại giữa mọi người trong hình tượng ban đầu của Ngài để gặp họ, nhưng sự hiện ra của thân thể thuộc linh của Đức Chúa Jêsus đối với những người như Tô-ma đã làm cho ý nghĩa sự hiện ra của Ngài cụ thể hơn, hầu cho nó có thể thâm nhập sâu hơn vào lòng người. Khi Ngài đến bên Tô-ma, Ngài đã để kẻ hoài nghi là Tô-ma chạm vào bàn tay Ngài, và nói với ông: “Hãy giơ bàn tay ngươi ra và đặt vào sườn ta, chớ cứng lòng, song hãy tin!”. Những lời nói và hành động này không phải là những điều Đức Chúa Jêsus muốn nói và làm chỉ sau khi Ngài đã phục sinh; trên thực tế, chúng là những điều Ngài đã muốn phán và làm trước khi Ngài bị đóng đinh lên cây thập tự, bởi vì sự nghi ngờ của Tô-ma không chỉ bắt đầu lúc đó, mà đã có trong ông trong suốt thời gian ông theo Đức Chúa Jêsus. Rõ ràng, trước khi Đức Chúa Jêsus bị đóng đinh vào cây thập tự, Ngài đã có sự hiểu biết về những người như Tô-ma. Như vậy chúng ta có thể thấy gì từ điều này? Ngài vẫn đúng là Đức Chúa Jêsus sau sự phục sinh của Ngài. Thực chất của Ngài không thay đổi. Tuy nhiên, đây là Đức Chúa Jêsus đã phục sinh từ cõi chết và đã trở lại từ thế giới thuộc linh với hình tượng ban đầu của Ngài, với tâm tính ban đầu của Ngài, và với sự hiểu biết của Ngài về nhân loại từ thời gian Ngài ở trong xác thịt, Ngài do đó đã đến bên Tô-ma trước tiên và để Tô-ma chạm vào sườn Ngài, để cho Tô-ma không chỉ thấy thân thể thuộc linh của Ngài sau khi phục sinh, mà còn để cho Tô-ma chạm và cảm nhận sự hiện hữu của thân thể thuộc linh của Ngài, và hoàn toàn từ bỏ những sự hoài nghi của ông. Trước khi Đức Chúa Jêsus bị đóng đinh vào cây thập tự, Tô-ma luôn hoài nghi rằng Ngài có phải là Đấng Christ, và không thể tin. Đức tin của ông nơi Đức Chúa Trời được thiết lập chỉ trên cơ sở những gì ông có thể thấy bằng chính mắt ông, những gì ông có thể chạm vào bằng chính tay ông. Đức Chúa Jêsus đã có sự hiểu biết rõ về đức tin của dạng người này. Họ chỉ tin vào Đức Chúa Trời trên trời, và không hề tin Đấng được Đức Chúa Trời sai đến, hay Đấng Christ trong xác thịt, và họ cũng không chấp nhận Ngài. Để Tô-ma thừa nhận và tin vào sự hiện hữu của Đức Chúa Jêsus và rằng Ngài thật sự là Đức Chúa Trời nhập thể, Ngài đã cho phép Tô-ma đưa tay ra mà chạm vào sườn Ngài. Sự hoài nghi của Tô-ma có gì khác biệt trước và sau sự phục sinh của Đức Chúa Jêsus không? Ông luôn hoài nghi, và ngoại trừ bằng cách thân thể thuộc linh của Đức Chúa Jêsus đích thân hiện ra với ông và cho phép ông chạm vào dấu đinh trên thân thể Ngài, thì không có cách nào để bất kỳ ai có thể giải quyết những hoài nghi của ông và làm cho ông buông bỏ chúng. Như vậy, từ lúc Đức Chúa Jêsus cho phép Tô-ma chạm vào sườn Ngài và để ông thật sự cảm nhận sự hiện hữu của dấu đinh, sự hoài nghi của Tô-ma đã tan biến, và ông thật sự biết rằng Đức Chúa Jêsus đã phục sinh, ông thừa nhận và tin rằng Đức Chúa Jêsus là Đấng Christ thật và Đức Chúa Trời nhập thể. Mặc dù ở lần này, Tô-ma không còn hoài nghi, nhưng ông đã mãi mãi mất cơ hội gặp Đấng Christ. Ông đã mãi mãi mất cơ hội được ở cùng Ngài, theo Ngài, và biết Ngài. Ông đã mất cơ hội được Đấng Christ hoàn thiện ông. Sự hiện ra của Đức Chúa Jêsus và những lời của Ngài đã cung cấp sự kết luận và lời phán quyết về đức tin của những kẻ đầy hoài nghi. Ngài đã dùng những lời nói và

hành động thật của Ngài để nói với những kẻ hoài nghi, nói với những kẻ chỉ tin vào Đức Chúa Trời trên trời nhưng không tin vào Đấng Christ: Đức Chúa Trời đã không khen ngợi niềm tin của họ, Ngài cũng không khen ngợi họ vì theo Ngài mà đồng thời hoài nghi Ngài. Ngày mà họ hoàn toàn tin vào Đức Chúa Trời và Đấng Christ mới có thể là ngày Đức Chúa Trời hoàn thành công tác vĩ đại của Ngài. Dĩ nhiên, ngày đó cũng là ngày mà lời phán quyết được đưa ra về sự hoài nghi của họ. Thái độ của họ đối với Đấng Christ quyết định số phận của họ, và sự hoài nghi ngoan cố của họ có nghĩa là đức tin của họ không cho họ kết quả gì, và sự cứng lòng của họ có nghĩa rằng hy vọng của họ là hão huyền. Bởi niềm tin của họ nơi Đức Chúa Trời trên trời được nuôi dưỡng bằng những ảo tưởng, và sự hoài nghi của họ đối với Đấng Christ thật ra là thái độ thật của họ đối với Đức Chúa Trời, mặc dù họ đã chạm vào dấu đinh trên thân thể Đức Chúa Jê-sus, đức tin của họ vẫn vô dụng và kết quả của họ chỉ có thể được miêu tả như tát nước bằng rổ tre – tất cả đều luống công vô ích. Điều Đức Chúa Jê-sus đã nói với Tô-ma cũng rõ ràng là cách Ngài nói với mọi người: Đức Chúa Jê-sus đã phục sinh là Đức Chúa Jê-sus, Đấng đã trải qua ba mươi ba năm rưỡi hoạt động giữa nhân loại. Mặc dù Ngài đã bị đóng đinh vào cây thập tự và đã trải nghiệm trũng bóng chết, và dù Ngài đã trải qua sự phục sinh, nhưng Ngài đã không trải qua sự thay đổi ở bất kỳ phương diện nào. Mặc dù Ngài giờ đây đã có những dấu đinh trên thân thể Ngài, và mặc dù Ngài đã phục sinh và bước ra từ ngôi mộ, tâm tính của Ngài, sự hiểu biết của Ngài về nhân loại, và những ý định của Ngài đối với nhân loại đã không thay đổi chút nào. Ngài cũng đã nói với mọi người rằng Ngài đã xuống từ cây thập tự, đã chiến thắng tội lỗi, đã vượt qua những sự gian khổ, và đã chiến thắng sự chết. Những dấu đinh chỉ là bằng chứng cho sự chiến thắng của Ngài trước Sa-tan, bằng chứng của việc là một của lễ chuộc tội để cứu chuộc toàn thể nhân loại một cách thành công. Ngài nói với mọi người rằng Ngài đã nhận lấy tội lỗi của nhân loại và Ngài đã hoàn thành công tác cứu chuộc của Ngài. Khi Ngài trở về gặp các môn đồ của Ngài, Ngài nói với họ sứ điệp này thông qua sự xuất hiện của Ngài: “Ta vẫn còn sống, Ta vẫn hiện hữu; hôm nay Ta thật sự đang đứng trước các ngươi để các ngươi có thể nhìn thấy và chạm vào Ta. Ta sẽ luôn ở cùng các ngươi”. Đức Chúa Jê-sus cũng muốn dùng trường hợp của Tô-ma như lời cảnh báo cho con người trong tương lai: Mặc dù ngươi không thể thấy hay chạm vào Đức Chúa Jê-sus trong đức tin của ngươi nơi Ngài, nhưng ngươi được ban phúc bởi đức tin đích thực của ngươi, và ngươi có thể thấy Đức Chúa Jê-sus bởi đức tin đích thực của ngươi, và dạng người này thì được ban phúc.

Những lời được ghi trong Kinh Thánh rằng Đức Chúa Jê-sus phán khi Ngài hiện ra với Tô-ma rất hữu ích đối với tất cả mọi người trong Thời đại Ân điển. Sự hiện ra của Ngài với Tô-ma và những lời Ngài phán với ông đã có một tác động sâu sắc lên các thế hệ đến sau; chúng mang tầm trọng đại đời đời. Tô-ma đại diện cho một kiểu người tin vào Đức Chúa Trời nhưng lại hoài nghi Đức Chúa Trời. Họ có bản chất ngờ vực, có lòng dạ nham hiểm, xảo trá, và không tin vào những điều Đức Chúa Trời có thể hoàn thành. Họ không tin vào quyền vô hạn của Đức Chúa Trời và quyền tối thượng của Ngài,

và họ cũng không tin vào Đức Chúa Trời nhập thể. Tuy nhiên, sự phục sinh của Đức Chúa Jê-sus công khai phản lại những đặc chất mà họ có, và nó cũng cho họ một cơ hội khám phá sự hoài nghi của chính họ, nhận ra sự hoài nghi của chính họ, và công nhận sự xảo trá của chính họ, qua đó thật sự tin vào sự hiện hữu và phục sinh của Đức Chúa Jê-sus. Những gì đã xảy ra với Tô-ma là một lời cảnh báo và răn đe cho các thế hệ sau, để nhiều người có thể tự cảnh báo mình không làm những kẻ hoài nghi như Tô-ma, và rằng nếu họ thật sự đầy hoài nghi, thì họ sẽ chìm vào sự tối tăm. Nếu người theo Đức Chúa Trời, nhưng cũng như Tô-ma, lại luôn muốn chạm vào sườn của Chúa và cảm nhận dấu đinh của Ngài để xác nhận, xác minh, suy đoán về việc Đức Chúa Trời có hiện hữu hay không, thì Đức Chúa Trời sẽ từ bỏ người. Như vậy, Đức Chúa Jê-sus yêu cầu con người không như Tô-ma, chỉ tin vào những gì họ có thể tận mắt thấy, mà hãy là những người đơn thuần, trung thực, không nuôi lòng hoài nghi đối với Đức Chúa Trời, mà chỉ tin và theo Ngài. Những người như thế này thì được ban phúc lành. Đây là một yêu cầu rất nhỏ mà Đức Chúa Jê-sus đưa ra với con người, và nó là một lời cảnh báo cho những người theo Ngài.

Trên đây là thái độ của Đức Chúa Jê-sus đối với những kẻ đầy hoài nghi. Vậy thì Đức Chúa Jê-sus đã nói và làm gì với những người có thể tin và theo Ngài một cách trung thực? Đây là điều chúng ta sẽ xem xét tiếp theo, thông qua một cuộc đối thoại giữa Đức Chúa Jê-sus và Phi-e-rơ.

Trong cuộc đối thoại này, Đức Chúa Jê-sus hỏi đi hỏi lại Phi-e-rơ một điều: “Hỡi Si-môn, con Giô-na, người yêu ta chăng?”. Đây là một tiêu chuẩn cao hơn mà Đức Chúa Jê-sus yêu cầu từ những người như Phi-e-rơ sau sự phục sinh của Ngài, những người thật sự tin vào Đấng Christ và gắng sức yêu Chúa. Câu hỏi này là một dạng điều tra và thẩm vấn, nhưng còn hơn thế nữa, nó là một yêu cầu và một kỳ vọng về những người như Phi-e-rơ. Đức Chúa Jê-sus đã dùng phương pháp dò hỏi này để con người sẽ suy ngẫm về chính họ và nhìn vào họ mà hỏi: Những yêu cầu của Đức Chúa Jê-sus đối với con người là gì? Tôi có yêu kính Chúa không? Tôi có phải là một người yêu Đức Chúa Trời không? Tôi nên yêu Đức Chúa Trời như thế nào? Mặc dù Đức Chúa Jê-sus chỉ hỏi câu này với Phi-e-rơ, sự thật là trong lòng Ngài, bằng cách hỏi Phi-e-rơ những câu hỏi này, Ngài muốn dùng cơ hội này để hỏi chính câu hỏi này với nhiều người cố gắng yêu kính Đức Chúa Trời. Chỉ là Phi-e-rơ may mắn được trong vai một người đại diện của dạng người này, để nhận câu hỏi này từ chính miệng Đức Chúa Jê-sus.

So với những lời sau đây, là những gì Đức Chúa Jê-sus đã nói với Tô-ma sau sự phục sinh của Ngài: “Hãy giơ bàn tay người ra và đặt vào sườn ta, chớ cứng lòng, song hãy tin”, thì câu hỏi lặp lại ba lần của Ngài với Phi-e-rơ: “Hỡi Si-môn, con Giô-na, người yêu ta chăng?” cho phép mọi người cảm nhận rõ hơn về sự nghiêm nghị trong thái độ của Đức Chúa Jê-sus, và sự khẩn thiết mà Ngài đã có trong câu hỏi của Ngài. Đối với kẻ hoài nghi là Tô-ma, với bản tính lừa dối của ông, Đức Chúa Jê-sus đã cho phép ông giơ tay ra và chạm vào vết đinh trên thân thể Ngài, điều đã khiến ông tin rằng Đức Chúa Jê-sus là Con người đã phục sinh, và thừa nhận thân phận của Đức Chúa Jê-sus là Đấng

Christ. Và mặc dù Đức Chúa Jêsus đã không quở trách Tô-ma một cách nghiêm khắc và Ngài cũng đã không thể hiện bằng lời bất kỳ sự phán xét rõ ràng nào về ông, Ngài vẫn dùng những hành động thực tế để khiến Tô-ma biết rằng Ngài đã hiểu ông, đồng thời cũng thể hiện thái độ và sự quyết tâm của Ngài đối với loại người đó. Những yêu cầu và kỳ vọng của Đức Chúa Jêsus về loại người đó không thể được nhìn thấy từ những gì Ngài đã phán, bởi những người như Tô-ma đơn thuần không có chút đức tin thật nào. Những yêu cầu của Đức Chúa Jêsus đối với họ chỉ đi xa chừng đó, nhưng thái độ mà Ngài tỏ lộ với những người như Phi-e-rơ thì hoàn toàn khác. Ngài đã không yêu cầu Phi-e-rơ giơ tay ra và chạm vào dấu đinh của Ngài, Ngài cũng không nói với Phi-e-rơ: “Chớ cứng lòng, song hãy tin”. Thay vào đó, Ngài hỏi đi hỏi lại Phi-e-rơ cùng một câu hỏi. Câu hỏi này gợi lên suy nghĩ và đầy ý nghĩa, một câu hỏi không thể không khiến mọi người theo Đấng Christ cảm thấy ăn năn và sợ hãi, mà còn cảm nhận được tâm trạng băn khoăn, buồn phiền của Đức Chúa Jêsus. Và khi họ đau đớn và đau khổ dữ dội, họ có thể hiểu nhiều hơn về sự quan tâm của Đức Chúa Jêsus Christ và sự chăm sóc của Ngài; họ nhận ra sự giáo huấn nghiêm túc và những yêu cầu nghiêm ngặt của Ngài đối với những người tinh sạch, trung thực. Câu hỏi của Đức Chúa Jêsus cho phép con người cảm nhận những kỳ vọng của Đức Chúa Trời về con người được tỏ lộ trong những từ đơn giản này không đơn thuần là tin và theo Ngài, mà là đạt được việc có tình yêu, yêu kính Chúa của người và Đức Chúa Trời của người. Dạng tình yêu này là quan tâm và vâng phục. Đó là con người sống vì Đức Chúa Trời, chết vì Đức Chúa Trời, dâng mọi sự cho Đức Chúa Trời, dâng và cống hiến mọi thứ cho Đức Chúa Trời. Dạng tình yêu này cũng mang đến cho Đức Chúa Trời sự yên ủi, cho phép Ngài vui hưởng chứng ngôn và được an nghỉ. Đó là sự đền đáp của nhân loại cho Đức Chúa Trời, trách nhiệm, nghĩa vụ và bổn phận của con người, và đó là một cách mà con người phải theo trong suốt cuộc đời họ. Ba câu hỏi này là một yêu cầu và là một sự thúc đẩy mà Đức Chúa Jêsus đã đưa ra cho Phi-e-rơ và tất cả những người sẽ được làm cho hoàn thiện. Chính ba câu hỏi này đã dẫn dắt và tạo động lực cho Phi-e-rơ đi theo con đường của ông trong cuộc sống cho đến cùng, và chính những câu hỏi này vào lúc từ biệt của Đức Chúa Jêsus đã dẫn dắt Phi-e-rơ bắt đầu trên con đường được làm cho hoàn thiện của ông, điều đã dẫn dắt ông, bởi tình yêu của ông dành cho Chúa, quan tâm đến lòng Chúa, vâng phục Chúa, dâng sự yên ủi cho Chúa, và dâng cả cuộc đời mình, cả con người mình bởi tình yêu này.

Trong Thời đại Ân điển, công tác của Đức Chúa Trời chủ yếu là dành cho hai loại người. Loại thứ nhất là loại người tin và theo Ngài, những người có thể tuân giữ các điều răn của Ngài và mang thập tự, và những người có thể giữ vững con đường của Thời đại Ân điển. Loại người này sẽ đạt được phúc lành của Đức Chúa Trời và vui hưởng ân điển của Đức Chúa Trời. Loại người thứ hai thì giống như Phi-e-rơ, người có thể được làm cho hoàn thiện. Vì vậy, sau khi Đức Chúa Jêsus phục sinh, Ngài trước hết đã làm hai điều ý nghĩa nhất này. Một điều được thực hiện với Tô-ma, điều kia thì với Phi-e-rơ. Hai điều này đại diện cho việc gì? Chúng có đại diện cho những ý định cứu rỗi

nhân loại thật của Đức Chúa Trời không? Chúng có đại diện cho sự chân thành của Đức Chúa Trời đối với nhân loại không? Việc mà Ngài đã làm với Tô-ma là nhằm cảnh báo mọi người đừng là những kẻ hoài nghi, mà hãy đơn thuần tin. Việc mà Ngài đã làm với Phi-e-rơ là nhằm củng cố đức tin của những người như Phi-e-rơ, và làm rõ những yêu cầu của Ngài đối với dạng người này, để cho thấy họ nên theo đuổi những mục tiêu gì.

Sau khi Đức Chúa Jê-sus đã phục sinh, Ngài hiện ra với những người mà Ngài nghĩ là cần thiết, nói chuyện với họ, và đưa ra những yêu cầu với họ, để lại phía sau những ý định và kỳ vọng của Ngài với con người. Nói thế có nghĩa rằng, là Đức Chúa Trời nhập thể, sự quan tâm đến nhân loại và những yêu cầu của Ngài với con người không bao giờ thay đổi; những điều này vẫn không đổi khi Ngài ở trong xác thịt và khi Ngài ở trong thân thể thuộc linh sau khi bị đóng đinh vào cây thập tự và phục sinh. Ngài đã quan tâm đến các môn đồ này trước khi Ngài bị treo trên cây thập tự, và trong lòng Ngài, Ngài biết rõ về tình trạng của mỗi một người và Ngài hiểu những sự thiếu kém của mỗi người, và dĩ nhiên, sự hiểu biết của Ngài về mỗi người sau khi Ngài đã chết, phục sinh, và trở nên thân thể thuộc linh vẫn y nguyên như khi Ngài còn ở trong xác thịt. Ngài biết rằng con người không hoàn toàn chắc chắn về việc thân phận của Ngài là Đấng Christ, nhưng trong thời gian Ngài ở trong xác thịt, Ngài đã không đưa ra những yêu cầu nghiêm khắc đối với con người. Tuy nhiên, sau khi Ngài đã phục sinh, Ngài hiện ra với họ, và Ngài làm cho họ chắc chắn tuyệt đối rằng Đức Chúa Jê-sus đã đến từ Đức Chúa Trời và Ngài là Đức Chúa Trời nhập thể, và Ngài đã dùng sự kiện hiện ra của Ngài và sự phục sinh của Ngài như khái tượng và động lực vĩ đại nhất cho sự theo đuổi cả đời của nhân loại. Sự phục sinh của Ngài từ cõi chết không chỉ tăng sức mạnh cho tất cả những ai theo Ngài, mà còn thực hiện triệt để công tác Thời đại Ân điển của Ngài giữa nhân loại, và do đó Phúc Âm về sự cứu rỗi của Đức Chúa Jê-sus trong Thời đại Ân điển dần lan khắp mọi ngõ lối của nhân loại. Người có cho rằng sự hiện ra của Đức Chúa Jê-sus sau sự phục sinh của Ngài có bất kỳ ý nghĩa nào không? Nếu người là Tô-ma hay Phi-e-rơ vào lúc đó, và người đối mặt với một điều đầy ý nghĩa này trong đời mình, thì nó sẽ có dạng tác động nào trên người? Liệu người có xem đây là khái tượng tốt nhất và vĩ đại nhất của cuộc đời tin vào Đức Chúa Trời của người không? Người có xem điều này như một động lực thúc đẩy người khi người theo Đức Chúa Trời, cố gắng đáp ứng Ngài, và tìm kiếm để yêu kính Đức Chúa Trời trong cả cuộc đời người không? Liệu người có dành một đời nỗ lực để loan truyền khái tượng vĩ đại nhất này không? Người có chấp nhận việc loan truyền sự cứu rỗi của Đức Chúa Jê-sus như một sự ủy nhiệm từ Đức Chúa Trời không? Mặc dù các người chưa trải nghiệm điều này, hai ví dụ về Tô-ma và Phi-e-rơ đã đủ cho những con người hiện đại có được sự hiểu biết rõ ràng về Đức Chúa Trời và ý muốn của Ngài. Có thể nói rằng sau khi Đức Chúa Trời đã trở nên xác thịt, sau khi Ngài đích thân trải nghiệm cuộc sống giữa nhân loại và đích thân trải nghiệm cuộc sống con người, và sau khi Ngài đã thấy sự suy đồi của nhân loại và tình cảnh của đời sống con người vào lúc ấy, Đức Chúa Trời trong xác thịt cảm nhận sâu sắc hơn rằng nhân loại bất lực, thảm hại và đáng thương như thế nào. Đức Chúa Trời đã có

được nhiều sự thấu cảm đối với điều kiện của con người bởi nhân tính của Ngài, điều mà Ngài sở hữu khi sống trong xác thịt, bởi những bản năng xác thịt của Ngài. Điều này khiến Ngài cảm thấy quan tâm nhiều hơn đối với những người theo Ngài. Đây có thể là những điều các người không thể hiểu, nhưng Ta có thể miêu tả sự lo lắng và quan tâm mà Đức Chúa Trời cảm nhận trong xác thịt cho mỗi một người theo Ngài chỉ dùng hai từ: “quan tâm mãnh liệt”. Mặc dù từ này đến từ ngôn ngữ của con người, và mặc dù nó rất con người, nhưng dấu vậy nó vẫn bày tỏ và miêu tả một cách chân thật về những tình cảm của Đức Chúa Trời đối với những người theo Ngài. Về sự quan tâm mãnh liệt của Đức Chúa Trời đối với con người, thì qua quá trình trải nghiệm của mình, các người sẽ dần cảm nhận điều này và nếm trải nó. Tuy nhiên, điều này chỉ có thể đạt được bằng cách dần dần hiểu tâm tính Đức Chúa Trời trên cơ sở theo đuổi một sự thay đổi trong tâm tính của chính các người. Khi Đức Chúa Jêsus thực hiện sự xuất hiện này, nó khiến sự quan tâm mãnh liệt của Ngài đối với những người theo Ngài trong nhân loại được cụ thể hóa và được truyền sang thân thể thuộc linh của Ngài, hoặc người có thể nói, thần tính của Ngài. Sự hiện ra của Ngài cho phép mọi người một lần nữa trải nghiệm và cảm nhận sự quan tâm và chăm sóc của Đức Chúa Trời, đồng thời cũng chứng tỏ mạnh mẽ rằng Đức Chúa Trời là Đấng đã khởi đầu một thời đại, Đấng mở ra một thời đại, và cũng là Đấng kết thúc một thời đại. Thông qua sự hiện ra của Ngài, Ngài đã củng cố đức tin của tất cả mọi người và chứng minh với thế gian một sự thật rằng Ngài là chính Đức Chúa Trời. Điều này cho những người theo Ngài sự xác nhận vĩnh hằng, và thông qua sự xuất hiện của Ngài, Ngài cũng khởi đầu một giai đoạn công tác của Ngài trong thời đại mới.

### **13. Jêsus ăn bánh và giải thích Kinh Thánh sau sự phục sinh của Ngài**

Lu-ca 24:30-32 Đương khi Ngài ngồi ăn cùng hai người, thì lấy bánh, chúc tạ, đoạn, bẻ ra cho họ. Mắt họ bèn mở ra, mà nhìn biết Ngài; song Ngài thoát biến đi không thấy. Hai người nói cùng nhau rằng: Khi nầy đi đường, Ngài nói cùng chúng ta và cắt nghĩa Kinh Thánh, lòng chúng ta há chẳng nóng nảy sao?

### **14. Các môn đồ dâng cá nướng để Jêsus ăn**

Lu-ca 24:36-43 Môn đồ đương nói chuyện như vậy, chính Đức Chúa Jêsus hiện ra giữa đó mà phán rằng: Bình an cho các người! Nhưng môn đồ đều sững sốt rụng rời, tưởng thấy thần. Ngài phán rằng: Sao các người bối rối, và sao trong lòng các người nghi làm vậy? Hãy xem tay chớ ta: thật chính ta. Hãy rờ đến ta, và hãy xem; thần thì không có thịt xương, mà các người thấy ta có. Đương phán vậy, Ngài giơ tay và chân ra cho xem. Nhưng vì có môn đồ vui mừng nên chưa tin chắc, và lấy làm lạ, thì Ngài phán rằng: Ở đây các người có gì ăn không? Môn đồ dâng cho Ngài một miếng cá nướng. Ngài nhận lấy mà ăn trước mặt môn đồ.

Tiếp theo, chúng ta xem qua những đoạn Kinh Thánh bên trên. Đoạn đầu tiên thuật lại việc Đức Chúa Jêsus ăn bánh và giải thích Kinh Thánh sau sự phục sinh của Ngài, và đoạn thứ hai thuật lại việc Đức Chúa Jêsus ăn cá nướng. Hai đoạn này giúp các

người biết tâm tính Đức Chúa Trời như thế nào? Các người có thể tưởng tượng dạng hình ảnh mà các người có được từ những sự miêu tả này về việc Đức Chúa Jêsus ăn bánh và sau đó là cá nướng không? Các người có thể tưởng tượng, nếu Đức Chúa Jêsus đứng trước mặt các người ăn bánh, các người có thể cảm thấy thế nào? Hoặc nếu Ngài đang ăn cùng bàn với các người, ăn cá và bánh với mọi người, các người sẽ có dạng cảm xúc gì trong khoảnh khắc đó? Nếu người cảm thấy rất gần gũi với Chúa, rằng Ngài rất thân mật với người, thì cảm giác này là đúng. Đây chính là kết quả mà Đức Chúa Jêsus muốn mang đến thông qua việc ăn bánh và cá trước những người đang tụ họp sau sự phục sinh của Ngài. Nếu Đức Chúa Jêsus chỉ nói chuyện với mọi người sau sự phục sinh của Ngài, nếu họ không thể cảm nhận được xương thịt Ngài, mà thay vào đó cảm thấy Ngài là một Thần không thể với tới thì họ sẽ cảm nhận như thế nào? Chẳng phải họ hẳn đã thất vọng sao? Cảm thấy thất vọng, chẳng phải mọi người có thể đã cảm thấy như bị loại bỏ sao? Chẳng phải họ có thể đã cảm nhận khoảng cách giữa họ và Đức Chúa Jêsus Christ sao? Khoảng cách này có thể đã tạo nên dạng tác động tiêu cực gì đối với mối quan hệ của con người với Đức Chúa Trời? Con người chắc chắn đã cảm thấy sợ hãi, rằng họ không dám đến gần Ngài, và do đó họ sẽ có thái độ giữ khoảng cách tôn trọng đối với Ngài. Từ đó trở đi, họ có thể đã tách khỏi mối quan hệ mật thiết của họ với Đức Chúa Jêsus Christ và quay lại mối quan hệ giữa nhân loại và Đức Chúa Trời trên trời như trước kia trong Thời đại Ân điển. Thân thể thuộc linh mà con người không thể chạm hay cảm nhận có thể đã làm tiêu tan sự mật thiết của họ với Đức Chúa Trời, và nó có thể cũng đã khiến mối quan hệ mật thiết đó, được thiết lập trong thời gian Đức Chúa Jêsus Christ trong xác thịt, không có khoảng cách giữa Ngài và con người, thôi không tồn tại nữa. Những điều duy nhất được khuấy động lên trong con người bởi thân thể thuộc linh này chính là những cảm giác sợ hãi, lảng tránh, và cái nhìn thinh lặng. Họ hẳn đã không dám đến gần hay tham gia đối thoại với Ngài, hướng đi theo, tin cậy, hay ngược nhìn Ngài. Đức Chúa Trời đã không mong muốn nhìn thấy dạng cảm giác này mà con người có đối với Ngài. Ngài đã không muốn thấy con người lảng tránh Ngài hay tách họ khỏi Ngài; Ngài chỉ muốn con người hiểu Ngài, đến gần Ngài, và là gia đình của Ngài. Nếu gia đình của chính người, con cái người, nhìn thấy người nhưng không nhận ra người, và không dám đến gần người mà luôn tránh né người, nếu người không thể có được sự hiểu biết của họ đối với mọi điều người đã làm cho họ, thì điều đó sẽ khiến người cảm thấy thế nào? Chẳng phải điều đó là đau đớn sao? Chẳng phải người sẽ tan nát cõi lòng sao? Đó chính là điều Đức Chúa Trời cảm nhận khi con người lảng tránh Ngài. Vì vậy, sau sự phục sinh của Ngài, Đức Chúa Jêsus vẫn hiện ra với con người trong hình hài máu thịt của Ngài, và vẫn ăn uống cùng họ. Đức Chúa Trời xem con người như gia đình, và Đức Chúa Trời cũng muốn nhân loại xem Ngài là Đấng thân thương nhất đối với họ; chỉ theo cách này Đức Chúa Trời mới có thể thật sự thu phục được con người, và chỉ theo cách này mọi người mới thật sự yêu kính và thờ phượng Đức Chúa Trời. Bây giờ các người có thể hiểu ý định của Ta khi trích hai đoạn Kinh Thánh này về việc Đức Chúa Jêsus ăn bánh và giải thích

Kinh Thánh sau sự phục sinh của Ngài, và về việc các môn đồ dâng cá nướng cho Ngài ăn không?

Có thể nói rằng sự suy nghĩ nghiêm túc đã được đưa vào trong một loạt những điều mà Đức Chúa Jêsus đã phán và làm sau khi Ngài phục sinh. Những điều này chứa đầy sự nhân từ và tình cảm mà Đức Chúa Trời dành cho nhân loại, và chứa đầy cả sự trân trọng và sự chăm sóc tỉ mỉ mà Ngài dành cho mối quan hệ mật thiết mà Ngài đã thiết lập với loài người trong thời gian Ngài sống trong xác thịt. Thậm chí, chúng còn tràn đầy hoài niệm và mong mỏi mà Ngài đã cảm thấy về cuộc sống của Ngài cùng ăn cùng sống với những người theo Ngài trong thời gian Ngài sống trong xác thịt. Vì vậy, Đức Chúa Trời không muốn con người cảm thấy có khoảng cách giữa họ và Đức Chúa Trời, và Ngài cũng không muốn loài người xa cách Đức Chúa Trời. Thậm chí, Ngài không muốn loài người cảm thấy rằng Đức Chúa Jêsus sau khi phục sinh không còn là vị Chúa từng rất thân với mọi người, rằng Ngài không còn ở cùng với loài người vì Ngài đã trở lại cõi thuộc linh, trở về với Cha, Đấng mà người ta không bao giờ có thể nhìn thấy hoặc tiếp cận. Ngài đã không muốn mọi người cảm thấy bất kỳ sự khác biệt nào về địa vị đã nảy sinh giữa Ngài và loài người. Khi Đức Chúa Trời nhìn thấy những người muốn theo Ngài nhưng giữ một khoảng cách tôn trọng đối với Ngài, trái tim của Ngài đau đớn vì điều đó có nghĩa là lòng của họ ở rất xa Ngài và rằng sẽ rất khó để Ngài có được tấm lòng của họ. Vì vậy, nếu Ngài xuất hiện với mọi người trong một thân thể thiêng liêng mà họ không thể nhìn thấy hoặc chạm vào, thì điều này sẽ một lần nữa khiến con người xa cách với Đức Chúa Trời, và nó sẽ khiến loài người nhìn nhầm Đấng Christ sau khi Ngài phục sinh là đã trở nên cao cả, khác biệt với con người, và là Đấng không còn có thể ăn chung bàn với con người vì con người là tội lỗi, nhơ nhuốc và không bao giờ có thể đến gần với Đức Chúa Trời. Để xóa tan những hiểu lầm này của loài người, Đức Chúa Jêsus đã làm một số việc mà Ngài đã từng làm khi còn ở trong xác thịt, như đã được ghi lại trong Kinh Thánh: “Ngài lấy bánh, tạ ơn, rồi bẻ ra đưa cho họ”. Ngài cũng giải thích Kinh Thánh cho họ, như Ngài đã từng làm trong quá khứ. Tất cả những điều này mà Đức Chúa Jêsus đã làm khiến cho mỗi một người nhìn thấy Ngài đều cảm thấy rằng Chúa không thay đổi, rằng Ngài vẫn chính là Đức Chúa Jêsus. Mặc dù Ngài đã bị đóng đinh vào thập tự giá và đã trải qua cái chết, nhưng Ngài đã được phục sinh, và không rời bỏ loài người. Ngài đã trở lại giữa loài người, và không có thứ gì về Ngài thay đổi. Con người đứng trước mặt mọi người vẫn là Đức Chúa Jêsus. Phong thái và cách trò chuyện của Ngài với mọi người cảm thấy rất quen thuộc. Ngài vẫn tràn đầy lòng nhân từ, ân điển và khoan dung – Ngài vẫn là cùng một Đức Chúa Jêsus yêu người khác như yêu chính bản thân Ngài, Đấng có thể tha thứ cho nhân loại bảy mươi lần bảy. Như Ngài vẫn luôn làm trước đây, Ngài ăn cùng mọi người, thảo luận về Kinh Thánh với họ, và thậm chí quan trọng hơn, cũng giống như trước đây, Ngài được làm bằng xương bằng thịt và có thể được chạm vào và nhìn thấy. Con người như Ngài vốn có cho phép mọi người cảm nhận sự thân tình, cảm thấy thoải mái và cảm thấy niềm vui khi lấy lại thứ gì đó đã mất. Vô cùng thoải mái, họ dũng cảm và tự tin bắt đầu dựa vào và ngưỡng vọng



Con người này, Đáng có thể tha thứ cho loài người về tội lỗi của họ. Họ cũng bắt đầu cầu nguyện nhân danh của Đức Chúa Jêsus mà không ngần ngại, cầu nguyện để có được ân điển, phước lành của Ngài, để có được sự bình an và niềm vui từ Ngài, để có được sự chăm sóc và bảo vệ từ Ngài, và họ bắt đầu chữa lành người bệnh và đuổi quỷ nhân danh Đức Chúa Jêsus.

Trong thời gian Đức Chúa Jêsus làm việc trong xác thịt, hầu hết những người theo Ngài không thể xác minh đầy đủ thân phận của Ngài và những điều mà Ngài phán. Khi Ngài đang đến gần thập tự giá, thái độ của những người theo Ngài là theo dõi. Rồi từ lúc Ngài bị đóng đinh trên thập tự giá cho đến khi Ngài được đưa vào mộ, thái độ của mọi người đối với Ngài là sự thất vọng. Trong thời gian này, mọi người đã bắt đầu thay lòng từ nghi ngờ những điều mà Đức Chúa Jêsus đã phán trong thời gian Ngài ngự trong xác thịt chuyển sang chối bỏ chúng hoàn toàn. Rồi khi Ngài bước ra khỏi mộ và xuất hiện trước lần lượt từng người, phần lớn những người đã tận mắt nhìn thấy Ngài hoặc nghe tin tức về sự phục sinh của Ngài đã dần chuyển thái độ của họ từ chối bỏ sang hoài nghi. Chỉ khi Đức Chúa Jêsus đã để Tô-ma đặt tay vào sườn Ngài, và khi Ngài bẻ bánh và ăn trước đám đông sau khi Ngài phục sinh và sau đó tiếp tục ăn cá nướng trước mặt họ, thì họ mới thực sự chấp nhận sự thật rằng Đức Chúa Jêsus là Đáng Christ ở trong xác thịt. Các người có thể nói rằng điều đó giống như thân thể thiêng liêng của thịt và huyết này đứng trước những người kia đang đánh thức từng người một trong số họ khỏi một giấc mơ: Con người đứng trước mặt họ là Đáng đã tồn tại từ thời xa xưa. Ngài có một hình dạng, và xương thịt, và Ngài đã sống và ăn bên cạnh loài người trong một thời gian dài... Lúc này, mọi người cảm thấy rằng sự tồn tại của Ngài rất thật, và rất diệu kỳ. Đồng thời, họ cũng rất vui vẻ và hạnh phúc, tràn đầy cảm xúc. Sự tái xuất của Ngài cho phép mọi người thực sự nhìn thấy sự khiêm nhường của Ngài, cảm nhận sự gần gũi và gắn bó của Ngài với nhân loại, và cảm nhận được Ngài nghĩ về họ nhiều như thế nào. Cuộc hội ngộ ngắn ngủi này đã khiến những người nhìn thấy Đức Chúa Jêsus cảm thấy như thể cả cuộc đời đã trôi qua. Những trái tim lạc lối, hoang mang, sợ hãi, lo lắng, khao khát và tê liệt của họ tìm thấy sự an ủi. Họ không còn nghi ngờ hay thất vọng, vì họ cảm thấy rằng bây giờ đã có hy vọng và một điều gì đó để cậy vào. Con người đang đứng trước mặt họ khi đó sẽ là Đáng bảo vệ phía sau họ mãi mãi, Ngài sẽ là tòa tháp mạnh mẽ của họ, là nơi nương tựa của họ đời đời.

Mặc dù Đức Chúa Jêsus đã phục sinh, nhưng tấm lòng và công việc của Ngài đã không rời bỏ loài người. Bằng cách xuất hiện trước mọi người, Ngài bảo với họ rằng dù Ngài tồn tại dưới hình thức nào, Ngài vẫn sẽ đồng hành với mọi người, đi cùng họ và ở bên họ mọi lúc mọi nơi. Ngài bảo họ rằng mọi lúc mọi nơi, Ngài sẽ chu cấp cho nhân loại và chăn dắt họ, cho phép họ nhìn và chạm vào Ngài, và đảm bảo họ sẽ không bao giờ cảm thấy bất lực nữa. Đức Chúa Jêsus cũng muốn mọi người biết rằng họ không sống một mình trong thế giới này. Nhân loại có sự chăm sóc của Đức Chúa Trời; Đức Chúa Trời ở bên họ. Họ luôn có thể nương tựa vào Đức Chúa Trời, và Ngài là gia đình đối với mỗi một môn đệ của Ngài. Có Đức Chúa Trời để nương tựa, nhân loại sẽ không

còn cô đơn hay bất lực, và những người chấp nhận Ngài như của lễ chuộc tội của họ sẽ không còn bị trói buộc trong tội lỗi. Trong mắt con người, những phần công việc của Ngài mà Đức Chúa Jêsus đã thực hiện sau khi Ngài phục sinh là những điều rất nhỏ bé, nhưng theo cách Ta nhìn thấy, mỗi một điều Ngài đã làm đều rất có ý nghĩa, rất có giá trị, rất quan trọng và mang nặng tầm trọng đại.

Mặc dù thời gian công tác trong xác thịt của Đức Chúa Jêsus đầy gian nan và khổ sở, Ngài đã hoàn thành một cách trọn vẹn và hoàn hảo công tác của Ngài vào thời đó trong xác thịt để cứu chuộc nhân loại thông qua sự hiện ra của Ngài trong thân thể thuộc linh bằng máu thịt của Ngài. Ngài đã bắt đầu chức vụ của Ngài bằng cách trở nên xác thịt, và Ngài đã khép lại chức vụ của Ngài bằng cách hiện ra với nhân loại trong hình hài xác thịt. Ngài đã báo trước Thời đại Ân điển, bắt đầu một thời đại mới thông qua thân phận của Ngài là Đấng Christ. Thông qua thân phận của Ngài là Đấng Christ, Ngài đã thực hiện công tác trong Thời đại Ân điển, làm vững mạnh và dẫn dắt tất cả những người theo Ngài trong Thời đại Ân điển. Có thể nói về công tác của Đức Chúa Trời rằng Ngài thật sự hoàn thành điều Ngài bắt đầu. Có các bước và một kế hoạch, và công tác đầy đầy sự khôn ngoan của Ngài, quyền tuyệt đối của Ngài, những việc làm kỳ diệu của Ngài, tình yêu và lòng thương xót của Ngài. Dĩ nhiên, sợi chỉ xuyên suốt mọi công tác của Đức Chúa Trời là sự chăm sóc của Ngài với nhân loại; nó thấm đẫm những tình cảm quan tâm mà Ngài không thể gạt sang một bên. Trong những câu này của Kinh Thánh, trong mỗi một điều Đức Chúa Jêsus đã làm sau sự phục sinh của Ngài, những hy vọng và sự quan tâm không đổi của Đức Chúa Trời đối với nhân loại được tỏ lộ, cũng như sự chăm sóc tỉ mỉ và yêu thương của Ngài với nhân loại. Không điều nào trong số này từng thay đổi, đến tận ngày nay – các người có thể thấy không? Khi các người thấy điều này, chẳng phải lòng các người, một cách vô thức, đến gần Đức Chúa Trời hơn sao? Nếu các người sống trong thời đại đó và Đức Chúa Jêsus hiện ra với các người sau sự phục sinh của Ngài dưới dạng hữu hình để các người nhìn thấy, và nếu Ngài ngồi trước các người, ăn bánh và cá, giải thích Kinh Thánh cho các người và nói chuyện với các người, thì các người sẽ cảm thấy thế nào? Liệu các người có cảm thấy hạnh phúc không? Hay là các người sẽ cảm thấy tội lỗi? Những sự hiểu lầm và sự lảng tránh Đức Chúa Trời trước đó, những mâu thuẫn và sự hoài nghi về Đức Chúa Trời – chẳng phải tất cả sẽ cứ thế biến mất sao? Chẳng phải mối quan hệ giữa Đức Chúa Trời và con người sẽ trở nên bình thường và đúng đắn hơn sao?

Qua việc diễn dịch những chương giới hạn này của Kinh Thánh, các người có thấy bất kỳ thiếu sót nào trong tâm tính của Đức Chúa Trời không? Các người có thấy bất kỳ sự giả mạo nào trong tình yêu của Đức Chúa Trời không? Các người có thấy bất kỳ sự lừa dối hay tà ác nào trong quyền tuyệt đối hay sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời không? Chắc chắn là không! Bây giờ các người có thể nói chắc rằng Đức Chúa Trời là thánh khiết không? Các người có thể nói chắc rằng mỗi một cảm xúc của Đức Chúa Trời là sự tỏ lộ của thực chất và tâm tính Ngài không? Ta hy vọng rằng sau khi các người đã đọc những lời này, sự hiểu biết mà các người có được từ chúng sẽ trợ giúp

các người và mang đến những lợi ích trong việc các người theo đuổi một sự thay đổi trong tâm tính và sự kính sợ Đức Chúa Trời, và rằng chúng sẽ đơm hoa kết trái trong các người, hoa trái phát triển theo ngày, để trong quá trình theo đuổi này, các người sẽ được đưa đến ngày càng gần hơn với Đức Chúa Trời, ngày càng gần hơn với tiêu chuẩn mà Đức Chúa Trời yêu cầu. Các người sẽ không còn nhàm chán với sự theo đuổi lẽ thật và sẽ không còn cảm thấy sự theo đuổi lẽ thật và sự thay đổi trong tâm tính là một điều phiền hà và thừa thãi. Thay vào đó, được truyền động lực bởi sự bày tỏ của tâm tính thật của Đức Chúa Trời và thực chất thánh khiết của Đức Chúa Trời, các người sẽ khao khát sự sáng, khao khát công lý, mong mỏi theo đuổi lẽ thật, theo đuổi sự đáp ứng ý muốn của Đức Chúa Trời, và các người sẽ trở thành một người được Đức Chúa Trời thu phục, trở thành một con người thật sự.

Hôm nay chúng ta đã nói về những điều nhất định mà Đức Chúa Trời đã làm trong Thời đại Ân điển khi Ngài nhập thể lần đầu. Từ những điều này, chúng ta đã thấy tâm tính mà Ngài bày tỏ và tỏ lộ trong xác thịt, cũng như mỗi khía cạnh của việc Ngài có gì và là gì. Tất cả những khía cạnh này của việc Ngài có gì và là gì có vẻ rất nhân tính, nhưng sự thật là thực chất của tất cả những gì Ngài mặc khải và bày tỏ là không thể tách khỏi tâm tính của riêng Ngài. Mỗi phương pháp và mỗi phương diện của Đức Chúa Trời nhập thể bày tỏ tâm tính của Ngài trong nhân tính đều có liên kết mật thiết với thực chất của riêng Ngài. Vì thế, việc Đức Chúa Trời đến với nhân loại bằng cách nhập thể là điều rất quan trọng. Điều cũng quan trọng là công tác mà Ngài đã làm trong xác thịt, nhưng càng quan trọng hơn nữa đối với mỗi người sống trong xác thịt, đối với mỗi người sống trong sự bại hoại, là tâm tính mà Ngài tỏ lộ và ý muốn mà Ngài bày tỏ. Có phải đây là điều các người có thể hiểu không? Sau khi hiểu tâm tính của Đức Chúa Trời, hiểu Ngài có gì và là gì, các người đã rút ra bất kỳ kết luận gì về việc các người nên đối đãi với Đức Chúa Trời như thế nào chưa? Sau cùng, đáp lại câu hỏi này, Ta muốn ban cho các người ba lời khuyên: Thứ nhất, đừng thử thách Đức Chúa Trời. Cho dù người hiểu Đức Chúa Trời nhiều như thế nào, cho dù người biết về tâm tính Ngài nhiều như thế nào, tuyệt đối đừng thử thách Ngài. Thứ hai, đừng tranh giành địa vị với Đức Chúa Trời. Cho dù Đức Chúa Trời ban cho người loại địa vị nào hay Ngài giao phó cho người dạng công tác nào, cho dù Ngài cất nhắc người thực hiện bổn phận nào, và cho dù người đã dành trọn mình và hy sinh bao nhiêu cho Đức Chúa Trời, tuyệt đối đừng cạnh tranh địa vị với Ngài. Thứ ba, đừng cạnh tranh với Đức Chúa Trời. Cho dù người hiểu hay người có thể quy phục những gì Đức Chúa Trời làm với người, những gì Ngài sắp xếp cho người, và những điều Ngài mang đến cho người, tuyệt đối đừng cạnh tranh với Đức Chúa Trời. Nếu người có thể vâng theo ba lời khuyên này, vậy thì người sẽ tuyệt đối an toàn, và người sẽ không dễ dàng chọc giận Đức Chúa Trời. Chúng ta sẽ kết thúc buổi thông công hôm nay ở đây.

Ngày 23 tháng 11 năm 2013

# **CHÍNH ĐỨC CHÚA TRỜI, ĐẲNG ĐỘC NHẤT I**

## **THẨM QUYỀN CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI (I)**

Một vài buổi thông công trước đây của Ta là về công tác của Đức Chúa Trời, tâm tính của Đức Chúa Trời, và chính Đức Chúa Trời. Sau khi nghe qua những buổi thông công này, các người có cảm thấy rằng mình đã có được một sự nhận thức và hiểu biết về tâm tính của Đức Chúa Trời chưa? Các người đã có được nhận thức và hiểu biết đến mức nào? Các người có thể cho một con số được không? Những buổi thông công này có cho các người một sự nhận thức sâu sắc về Đức Chúa Trời không? Có thể nói rằng nhận thức này là một hiểu biết thực sự về Đức Chúa Trời không? Có thể nói rằng sự hiểu biết và nhận thức này về Đức Chúa Trời là một sự hiểu biết về toàn bộ thực chất của Đức Chúa Trời, và hết thảy Ngài có gì và là gì không? Không, rõ ràng là không! Đó là vì những buổi thông công này chỉ cung cấp nhận thức về một phần tâm tính của Đức Chúa Trời cũng như Ngài có gì và là gì – chứ không phải là toàn bộ. Những buổi thông công này giúp các người có thể nhận thức được một phần công tác Đức Chúa Trời đã thực hiện trong quá khứ; qua những buổi thông công này, các người thấy được tâm tính của Đức Chúa Trời và Ngài có gì và là gì, cũng như cách tiếp cận và tư duy đằng sau mọi việc mà Ngài đã làm. Nhưng đây chỉ là sự nhận thức bằng môi miệng, theo nghĩa đen về Đức Chúa Trời, còn trong lòng mình, các người vẫn không chắc chắn bao nhiêu trong đó là thật. Điều gì chủ yếu quyết định có hay không bất kỳ hiện thực nào trong nhận thức của con người về những điều như thế? Nó được quyết định bởi việc họ đã thực sự trải nghiệm trong những trải nghiệm thực tế của mình được bao nhiêu lời và tâm tính của Đức Chúa Trời, và họ đã có thể thấy và biết được bao nhiêu trong những trải nghiệm thực tế này. Có ai đã từng nói những lời như thế này không: “Một vài buổi thông công vừa qua đã cho chúng con hiểu được những điều Đức Chúa Trời đã làm, những ý định của Đức Chúa Trời, và hơn nữa, thái độ của Đức Chúa Trời đối với nhân loại và cơ sở hành động của Ngài, cũng như những nguyên tắc hành động của Ngài; và vì thế chúng con đã bắt đầu hiểu được tâm tính của Đức Chúa Trời, và biết được toàn bộ về Đức Chúa Trời”? Nói thế có đúng không? Rõ ràng là không. Tại sao Ta lại phán rằng nói điều này là không đúng? Tâm tính của Đức Chúa Trời cũng như Ngài có gì và là gì được thể hiện trong những điều Ngài đã làm và những lời Ngài đã phán. Thông qua công tác Đức Chúa Trời đã làm và những lời Ngài đã phán, con người có thể thấy Đức Chúa Trời có gì và là gì, nhưng điều này chỉ nói lên rằng công tác và lời giúp con người chỉ hiểu được một phần tâm tính của Đức Chúa Trời, và một phần những gì Ngài có và là. Nếu con người mong muốn có được một sự hiểu biết lớn lao và sâu sắc hơn về Đức Chúa Trời, thì con người phải trải nghiệm nhiều hơn về lời và công tác của Đức Chúa Trời. Mặc dù con người chỉ có được một phần hiểu biết về Đức Chúa Trời khi trải nghiệm một phần lời Đức Chúa Trời hoặc công tác của Đức Chúa Trời, nhưng một phần hiểu biết này có đại diện cho tâm tính thực sự của Đức Chúa Trời không? Nó có đại diện cho thực chất của Đức Chúa Trời không? Tất nhiên nó đại diện

cho tâm tính thực sự của Đức Chúa Trời và thực chất của Đức Chúa Trời; không có nghi ngờ gì về điều đó. Bất kể thời gian hoặc địa điểm, hoặc cách thức Đức Chúa Trời thực hiện công tác của Ngài, hoặc Ngài xuất hiện với con người dưới hình thức nào, hoặc Ngài bày tỏ ý muốn của Ngài theo cách nào, thì tất cả những gì Ngài mặc khải và bày tỏ đều đại diện cho chính Đức Chúa Trời, thực chất của Đức Chúa Trời, và Ngài có gì và là gì. Đức Chúa Trời thực hiện công tác của Ngài với những gì Ngài có và Ngài là, và trong thân phận thực sự của Ngài; điều này tuyệt đối đúng. Tuy nhiên, ngày nay con người chỉ có một phần hiểu biết về Đức Chúa Trời qua lời Ngài và qua những gì họ nghe được khi họ nghe giảng, và vì vậy ở một mức độ nào đó, sự hiểu biết này chỉ có thể nói là một sự hiểu biết mang tính lý thuyết. Từ thực trạng của người, người có thể kiểm chứng sự nhận thức hoặc hiểu biết về Đức Chúa Trời mà người đã nghe, đã thấy hoặc đã biết và hiểu trong lòng người ngày nay chỉ khi từng người các người trải qua điều này trong những trải nghiệm thực tế của mình, và biết đến nó từng chút một. Nếu Ta không thông công những lời này với các người, thì liệu các người có thể đạt được sự hiểu biết thực sự về Đức Chúa Trời chỉ qua những trải nghiệm của mình không? Làm như thế, Ta e rằng, sẽ rất khó. Đó là vì con người trước tiên phải có lời Đức Chúa Trời để biết cách trải nghiệm. Dù con người có ăn bao nhiêu lời Đức Chúa Trời đi nữa, thì đây cũng là con số tương tự mà họ có thể thực sự trải nghiệm. Lời Đức Chúa Trời dẫn dắt con đường phía trước, và hướng dẫn con người trong trải nghiệm của họ. Tóm lại, đối với những ai có một số trải nghiệm thực sự, thì vài buổi thông công vừa qua này sẽ giúp họ đạt được một sự nhận thức sâu sắc hơn về lẽ thật, và một sự hiểu biết thực tế hơn về Đức Chúa Trời. Nhưng đối với những ai không có bất kỳ sự trải nghiệm thực sự nào, hoặc những ai chỉ vừa mới bắt đầu trải nghiệm, hoặc chỉ vừa bắt đầu chạm vào hiện thực, thì đây là một thử thách lớn.

Nội dung chính của một số buổi thông công vừa qua liên quan đến “tâm tính của Đức Chúa Trời, công tác của Đức Chúa Trời, và chính Đức Chúa Trời”. Các người đã thấy được gì trong những phần chính và trọng tâm của mọi điều mà Ta đã phán? Qua những buổi thông công này, các người có thể nhận ra rằng người thực hiện công tác, người tỏ lộ những tâm tính này, chính là Đức Chúa Trời độc nhất nắm giữ quyền tối thượng trên muôn vật không? Nếu câu trả lời của các người là có, thì điều gì dẫn các người đi đến một kết luận như thế? Khi đi đến kết luận này, các người đã xem xét bao nhiêu khía cạnh? Ai có thể cho Ta biết không? Ta biết rằng vài buổi thông công vừa qua đã ảnh hưởng sâu sắc đến các người, và cung cấp một khởi đầu mới trong lòng các người cho sự hiểu biết của các người về Đức Chúa Trời, một điều tuyệt vời. Nhưng mặc dù, so với trước đây, các người đã có một bước nhảy vọt to lớn trong nhận thức của mình về Đức Chúa Trời, nhưng định nghĩa của các người về thân phận của Đức Chúa Trời vẫn chưa tiến xa hơn các danh hiệu Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Thời đại Luật pháp, Đức Chúa Jê-sus của Thời đại Ân điển, và Đức Chúa Trời Toàn Năng của Thời đại Vương quốc. Điều này có nghĩa là, mặc dù những buổi thông công này về “tâm tính của Đức Chúa Trời, công tác của Đức Chúa Trời, và chính Đức Chúa Trời” đã cho các

người một số nhận thức về những lời từng được Đức Chúa Trời phán, công tác Đức Chúa Trời từng làm, cũng như hữu thể và những sự sở hữu Đức Chúa Trời đã từng tỏ lộ, nhưng các người không có khả năng đưa ra một định nghĩa đúng và sự định hướng chính xác về từ “Đức Chúa Trời”. Các người cũng không có một sự định hướng và hiểu biết đúng đắn và chính xác về địa vị và thân phận của chính Đức Chúa Trời, nghĩa là, về địa vị của Đức Chúa Trời giữa muôn vật và trong toàn vũ trụ. Đó là vì, trong những buổi thông công trước về chính Đức Chúa Trời và tâm tính của Đức Chúa Trời, tất cả nội dung đều dựa trên những sự bày tỏ và mặc khải trước đây của Đức Chúa Trời như đã được ghi chép trong Kinh Thánh. Tuy nhiên, con người khó mà khám phá được hữu thể và những sự sở hữu được Đức Chúa Trời mặc khải và bày tỏ trong, hoặc ngoài, sự quản lý và cứu rỗi nhân loại của Ngài. Vì vậy, ngay cả khi các người hiểu được hữu thể và những sự sở hữu của Đức Chúa Trời đã được tỏ lộ trong công tác Ngài đã thực hiện trong quá khứ, thì định nghĩa của các người về thân phận và địa vị của Đức Chúa Trời vẫn còn khác xa so với “Đức Chúa Trời độc nhất, Đấng nắm quyền tối thượng trên muôn vật”, và nó khác với thân phận và địa vị của “Đấng Tạo Hóa”. Vài buổi thông công vừa qua làm cho mọi người có cùng cảm tưởng: Làm sao con người có thể biết được những ý nghĩ của Đức Chúa Trời? Nếu một người nào đó thật sự biết, thì người đó chắc chắn là Đức Chúa Trời, bởi chỉ có chính Đức Chúa Trời mới biết những ý nghĩ của riêng Ngài, và chỉ có chính Đức Chúa Trời mới biết được cơ sở và cách tiếp cận làm nền tảng cho mọi việc Ngài làm. Có vẻ hợp lý và lô-gic để các người nhận ra thân phận của Đức Chúa Trời theo cách đó, nhưng ai có thể từ tâm tính và công tác của Đức Chúa Trời mà nói rằng đây thực sự là công việc của chính Đức Chúa Trời, và không phải là công việc của con người, công việc mà con người không thể thực hiện thay cho Đức Chúa Trời? Ai có thể thấy rằng công tác này thuộc quyền tối thượng của Đấng có thực chất và quyền năng của Đức Chúa Trời? Điều đó có nghĩa là, qua những đặc điểm hoặc thực chất nào mà các người nhận ra rằng Ngài là chính Đức Chúa Trời, có thân phận của Đức Chúa Trời, và là Đấng nắm quyền tối thượng trên muôn vật? Các người đã từng nghĩ về điều đó chưa? Nếu các người chưa từng, thì điều này chứng minh một sự thật: Một vài buổi thông công vừa qua chỉ cho các người một số nhận thức về một giai đoạn lịch sử mà Đức Chúa Trời thực hiện công tác của Ngài, và về cách tiếp cận, biểu lộ, và những mặc khải của Đức Chúa Trời trong công tác đó. Mặc dù nhận thức như thế khiến mỗi người các người nhận ra một cách chắc chắn rằng Đấng đã thực hiện hai giai đoạn công tác này chính là Đức Chúa Trời mà các người tin và đi theo, Đấng mà các người phải luôn luôn đi theo, nhưng các người vẫn không có khả năng nhận ra rằng Ngài là Đức Chúa Trời đã tồn tại từ buổi sáng thế và sẽ tồn tại cho đến đời đời, cũng như các người không thể nhận ra rằng Ngài là Đấng dẫn dắt và nắm quyền tối thượng trên toàn nhân loại. Chắc chắn các người chưa bao giờ nghĩ về vấn đề này. Dù là Đức Giê-hô-va hay Đức Chúa Jê-sus, thì qua những khía cạnh thực chất và sự biểu lộ nào mà các người có thể nhận ra rằng không những Ngài là Đức Chúa Trời mà các người phải đi theo, mà còn là Đấng chỉ huy nhân loại và nắm

quyền tối thượng trên số phận của nhân loại, hơn nữa, là chính Đức Chúa Trời độc nhất nắm quyền tối thượng đối với trời, đất và muôn vật? Qua những nguồn nào mà các người nhận ra rằng Đấng mà các người tin và đi theo chính là Đức Chúa Trời nắm quyền tối thượng trên muôn vật? Qua những nguồn nào mà các người liên hệ Đức Chúa Trời mà các người tin với Đức Chúa Trời nắm quyền tối thượng trên số phận của nhân loại? Điều gì cho phép các người nhận ra rằng Đức Chúa Trời mà các người tin chính là Đức Chúa Trời độc nhất, ở trên trời, dưới đất, và ở giữa muôn vật? Đây là vấn đề mà Ta sẽ giải quyết trong phần tiếp theo.

Những vấn đề mà các người chưa bao giờ nghĩ đến hoặc không thể nghĩ đến cũng có thể là những điều quan trọng nhất đối với việc biết Đức Chúa Trời, và trong đó có thể là những lẽ thật mà con người tìm kiếm nhưng không thể dò lường được. Khi những vấn đề này xảy đến với các người, đến mức các người phải đối mặt với chúng và đưa ra sự lựa chọn, nếu các người không thể hoàn toàn giải quyết chúng bởi vì sự ngu dại và thiếu hiểu biết của các người, hoặc bởi vì những trải nghiệm của các người quá nông cạn và các người thiếu hiểu biết thực sự về Đức Chúa Trời, thì chúng sẽ trở thành trở ngại và cản trở lớn nhất trên con đường các người tin Đức Chúa Trời. Và vì vậy Ta cảm thấy vô cùng cần thiết phải thông công với các người về chủ đề này. Các người có biết vấn đề của mình hiện nay là gì không? Các người có rõ ràng về những vấn đề Ta phán không? Đây có phải là những vấn đề các người sẽ đối mặt? Chúng có phải là những vấn đề các người không hiểu? Chúng có phải là những vấn đề chưa bao giờ xảy ra với các người? Những vấn đề này có quan trọng đối với các người không? Chúng có thực sự là vấn đề không? Vấn đề này là nguyên nhân làm cho các người rất bối rối, cho thấy rằng các người không có một sự nhận thức đúng đắn về Đức Chúa Trời mà các người tin, và rằng các người không coi trọng Ngài. Một vài người nói: “Tôi biết Ngài là Đức Chúa Trời, và vì vậy tôi đi theo Ngài, bởi vì lời Ngài là sự bày tỏ của Đức Chúa Trời. Thế là đủ. Cần thêm chứng cứ gì nữa? Chắc chắn chúng ta không cần dấy lên những nghi ngờ về Đức Chúa Trời còn gì? Chắc chắn chúng ta không được thử Đức Chúa Trời còn gì? Chắc chắn chúng ta không cần đặt câu hỏi về thực chất và thân phận của chính Đức Chúa Trời còn gì?”. Bất kể các người có suy nghĩ theo cách này hay không, thì Ta cũng không đưa ra những câu hỏi như thế để khiến các người thấy rối về Đức Chúa Trời, hay để khiến các người thử Ngài, càng không phải để cho các người có những nghi ngờ về thân phận và thực chất của Đức Chúa Trời. Đúng hơn, Ta làm thế để khuyến khích nơi các người một sự nhận thức tường tận hơn về thực chất của Đức Chúa Trời, và một sự chắc chắn cùng đức tin lớn hơn về địa vị của Đức Chúa Trời, để Đức Chúa Trời có thể trở thành Đấng duy nhất trong lòng của tất cả những ai theo Đức Chúa Trời, và để địa vị ban đầu của Đức Chúa Trời – với tư cách là Đấng Tạo Hóa, Đấng Cai Trị của muôn vật, chính Đức Chúa Trời độc nhất – có thể được khôi phục trong lòng của mỗi tạo vật. Đây cũng là chủ đề mà Ta sắp sửa thông công.

Bây giờ, chúng ta hãy bắt đầu đọc những đoạn Kinh Thánh dưới đây:

## **1. Đức Chúa Trời dùng lời để tạo nên muôn vật**

Sách sáng thế 1:3-5 Đức Chúa Trời phán rằng: Phải có sự sáng; thì có sự sáng. Đức Chúa Trời thấy sự sáng là tốt lành, bèn phân sáng ra cùng tối. Đức Chúa Trời đặt tên sự sáng là ngày; sự tối là đêm. Vậy, có buổi chiều và buổi mai; ấy là ngày thứ nhất.

Sách sáng thế 1:6-7 Đức Chúa Trời lại phán rằng: Phải có một khoảng không ở giữa nước để phân rẽ nước cách với nước. Ngài làm nên khoảng không, phân rẽ nước ở dưới khoảng không cách với nước ở trên khoảng không; thì có như vậy.

Sách sáng thế 1:9-11 Đức Chúa Trời lại phán rằng: Những nước ở dưới trời phải tụ lại một nơi, và phải có chỗ khô cạn bày ra; thì có như vậy. Đức Chúa Trời đặt tên chỗ khô cạn là đất, còn nơi nước tụ lại là biển. Đức Chúa Trời thấy điều đó là tốt lành. Đức Chúa Trời lại phán rằng: Đất phải sanh cây cỏ; cỏ kết hạt giống, cây trái kết quả, tùy theo loại mà có hạt giống trong mình trên đất; thì có như vậy.

Sách sáng thế 1:14-15 Đức Chúa Trời lại phán rằng: Phải có các vì sáng trong khoảng không trên trời, để phân ra ngày với đêm, và dùng làm dấu để định thì tiết, ngày và năm; lại dùng làm vì sáng trong khoảng không trên trời để soi xuống đất; thì có như vậy.

Sách sáng thế 1:20-21 Đức Chúa Trời lại phán rằng: Nước phải sanh các vật sống cho nhiều, và các loài chim phải bay trên mặt đất trong khoảng không trên trời. Đức Chúa Trời dựng nên các loài cá lớn, các vật sống hay động nhờ nước mà sanh nhiều ra, tùy theo loại, và các loài chim hay bay, tùy theo loại. Đức Chúa Trời thấy điều đó là tốt lành.

Sách sáng thế 1:24-25 Đức Chúa Trời lại phán rằng: Đất phải sanh các vật sống tùy theo loại, tức súc vật, côn trùng, và thú rừng, đều tùy theo loại; thì có như vậy. Đức Chúa Trời làm nên các loài thú rừng tùy theo loại, súc vật tùy theo loại, và các côn trùng trên đất tùy theo loại, Đức Chúa Trời thấy điều đó là tốt lành.

### **Vào ngày thứ nhất, ngày và đêm của loài người được sinh ra và trụ vững nhờ vào thẩm quyền của Đức Chúa Trời**

Chúng ta hãy xem đoạn đầu tiên: “Đức Chúa Trời phán rằng: Phải có sự sáng; thì có sự sáng. Đức Chúa Trời thấy sự sáng là tốt lành, bèn phân sáng ra cùng tối. Đức Chúa Trời đặt tên sự sáng là ngày; sự tối là đêm. Vậy, có buổi chiều và buổi mai; ấy là ngày thứ nhất” (Sách sáng thế 1:3-5). Đoạn này mô tả hành động đầu tiên của Đức Chúa Trời vào lúc bắt đầu cuộc tạo dựng, và ngày thứ nhất Đức Chúa Trời trải qua có buổi chiều và buổi mai. Nhưng đó là một ngày rất đặc biệt: Đức Chúa Trời bắt đầu chuẩn bị sự sáng cho muôn vật, và hơn nữa, còn phân sự sáng khỏi sự tối. Vào ngày này, Đức Chúa Trời bắt đầu phán, và lời cùng thẩm quyền của Ngài tồn tại song hành. Thẩm quyền của Ngài bắt đầu được thể hiện giữa muôn vật và quyền năng của Ngài lan rộng giữa muôn vật như là kết quả của lời Ngài. Từ ngày này trở đi, muôn vật được hình thành và đứng vững bởi lời Đức Chúa Trời, thẩm quyền của Đức Chúa Trời và quyền năng của Đức Chúa Trời, và chúng bắt đầu hoạt động nhờ vào lời Đức Chúa Trời, thẩm quyền của Đức Chúa Trời và quyền năng của Đức Chúa Trời. Khi Đức Chúa Trời phán những lời “Phải có sự sáng”, thì có sự sáng. Đức Chúa Trời không bắt tay vào bất cứ



chương trình làm việc nào; sự sáng đã xuất hiện bởi lời Ngài. Đây là sự sáng mà Đức Chúa Trời gọi là ngày, và ngày nay con người vẫn còn phụ thuộc vào nó vì sự tồn tại của mình. Bởi mệnh lệnh của Đức Chúa Trời, thực chất và giá trị của nó chưa bao giờ thay đổi, và nó chưa bao giờ biến mất. Sự tồn tại của nó cho thấy thẩm quyền và quyền năng của Đức Chúa Trời, và chỉ rõ sự tồn tại của Đấng Tạo Hóa. Nó chứng thực, lặp đi lặp lại, thân phận và địa vị của Đấng Tạo Hóa. Nó không mơ hồ, hoặc hư ảo, mà là một sự sáng thật có thể thấy được bởi con người. Từ đó trở đi, trong thế giới trống rỗng mà “đất là vô hình và trống không, sự mờ tối ở trên mặt vực”, có một thứ vật chất đầu tiên được tạo ra. Vật này đến từ những lời của miệng Đức Chúa Trời, và xuất hiện trong hành động đầu tiên của sự tạo dựng muôn vật bởi thẩm quyền và lời phán của Đức Chúa Trời. Ngay sau đó, Đức Chúa Trời lệnh cho sự sáng và bóng tối tách ra... Mọi thứ đã thay đổi và đạt được bởi lời Đức Chúa Trời... Đức Chúa Trời đặt tên sự sáng này là “Ngày” và sự tối Ngài đặt tên là “Đêm”. Khi đó, buổi chiều đầu tiên và buổi mai đầu tiên đã được tạo ra trong thế giới Đức Chúa Trời dự định tạo dựng nên, và Đức Chúa Trời phán rằng đây là ngày thứ nhất. Đây là ngày đầu tiên trong cuộc tạo dựng muôn vật của Đấng Tạo Hóa, là khởi đầu của cuộc tạo dựng muôn vật, và là lần đầu tiên mà thẩm quyền và quyền năng của Đấng Tạo Hóa đã được thể hiện trong thế giới mà Ngài đã tạo dựng nên.

Thông qua những lời này, con người có thể thấy thẩm quyền của Đức Chúa Trời và của lời Đức Chúa Trời, cũng như quyền năng của Đức Chúa Trời. Bởi vì chỉ có Đức Chúa Trời mới sở hữu quyền năng như thế, nên chỉ có Đức Chúa Trời mới có thẩm quyền như thế; bởi vì Đức Chúa Trời sở hữu thẩm quyền như thế, nên chỉ có Đức Chúa Trời mới có quyền năng như thế. Có bất kỳ người nào hoặc vật nào có thể sở hữu thẩm quyền và quyền năng như thế không? Trong lòng các người có câu trả lời không? Ngoài Đức Chúa Trời, có bất kỳ loài thọ tạo hoặc không thọ tạo nào sở hữu thẩm quyền như thế không? Các người có bao giờ thấy một ví dụ như thế trong bất kỳ cuốn sách hoặc ấn phẩm nào không? Có bất kỳ ghi chép nào về một ai đó đã tạo nên trời đất và muôn vật không? Nó không xuất hiện trong bất kỳ cuốn sách nào hoặc ghi chép nào khác; đây tất nhiên là những lời duy nhất có thẩm quyền và đầy quyền năng về sự sáng thế kỳ diệu của Đức Chúa Trời, điều được ghi chép lại trong Kinh Thánh; những lời này nói lên thẩm quyền và thân phận độc nhất của Đức Chúa Trời. Có thể nói thẩm quyền và quyền năng như thế tượng trưng cho thân phận độc nhất của Đức Chúa Trời được không? Có thể nói chúng được sở hữu bởi Đức Chúa Trời, và chỉ một mình Đức Chúa Trời không? Không còn nghi ngờ gì nữa, chỉ có chính Đức Chúa Trời mới sở hữu thẩm quyền và quyền năng như thế! Thẩm quyền và quyền năng không thể được sở hữu hoặc thay thế bởi bất kỳ loài thọ tạo hoặc không thọ tạo nào! Đây có phải là một trong những đặc điểm của chính Đức Chúa Trời độc nhất không? Các người đã chứng kiến điều đó chưa? Những lời này nhanh chóng và rõ ràng cho phép con người hiểu sự thật rằng Đức Chúa Trời sở hữu thẩm quyền độc nhất và quyền năng độc nhất, thân phận và địa vị tối cao. Từ sự thông công ở trên, các người có thể nói rằng Đức Chúa Trời mà các người tin là chính Đức Chúa Trời độc nhất không?

**Vào ngày thứ hai, thẩm quyền của Đức Chúa Trời sắp đặt nước, tạo ra khoảng không, và một không gian cho sự sinh tồn cơ bản nhất của con người xuất hiện**

Chúng ta hãy đọc đoạn thứ hai của Kinh Thánh: “Đức Chúa Trời lại phán rằng: Phải có một khoảng không ở giữa nước để phân rẽ nước cách với nước. Ngài làm nên khoảng không, phân rẽ nước ở dưới khoảng không cách với nước ở trên khoảng không; thì có như vậy” (Sách sáng thế 1:6-7). Những thay đổi nào đã xảy ra sau khi Đức Chúa Trời phán? “Phải có một khoảng không ở giữa nước để phân rẽ nước cách với nước”? Kinh Thánh có chép: “Ngài làm nên khoảng không, phân rẽ nước ở dưới khoảng không cách với nước ở trên khoảng không”. Kết quả sau khi Đức Chúa Trời đã phán và làm điều này là gì? Câu trả lời nằm ở phần cuối của đoạn đó: “thì có như vậy”.

Hai câu ngắn này ghi chép lại một sự kiện kỳ diệu, và mô tả một cảnh tượng tuyệt vời – công việc phi thường trong đó Đức Chúa Trời đã điều khiển nước, và tạo ra một không gian mà con người có thể tồn tại...

Trong bức tranh này, nước và khoảng không xuất hiện trước mắt Đức Chúa Trời ngay tức khắc, và chúng được phân chia bởi thẩm quyền của lời Đức Chúa Trời, và được phân rẽ ra thành một phần “ở trên” và một phần “ở dưới” theo cách Đức Chúa Trời chỉ định. Điều này có nghĩa là, khoảng không được Đức Chúa Trời tạo ra không chỉ bao phủ phần nước ở dưới, mà còn giữ phần nước ở trên... Trong chuyện này, con người không thể không trở mắt nhìn, chết lặng đi, và há hốc miệng ngưỡng mộ trước sức mạnh trong thẩm quyền của Ngài và trước sự ngoạn mục của cảnh tượng Đấng Tạo Hóa đã di chuyển, phán truyền cho nước, và tạo ra khoảng không. Thông qua lời Đức Chúa Trời, quyền năng của Đức Chúa Trời và thẩm quyền của Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời đã đạt được một kỳ tích tuyệt vời khác. Chẳng phải đây là sức mạnh trong thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa sao? Chúng ta hãy dùng thánh thư để giải thích các việc làm của Đức Chúa Trời: Đức Chúa Trời phán lời Ngài, và bởi những lời này của Đức Chúa Trời đã có một khoảng không ở giữa nước. Đồng thời, có một sự thay đổi cực kỳ lớn đã xảy ra trong không gian bởi những lời này của Đức Chúa Trời, và nó không phải sự thay đổi theo nghĩa thông thường, mà là một dạng thay thế trong đó từ không có gì trở thành một thứ gì đó. Nó đã được sinh ra từ những ý định của Đấng Tạo Hóa và trở thành một thứ gì đó từ không có gì bởi những lời được Đấng Tạo Hóa phán ra, và hơn nữa, từ thời điểm này trở đi nó sẽ tồn tại và trụ vững vì Đấng Tạo Hóa, và sẽ di chuyển, thay đổi và làm mới theo các ý định của Đấng Tạo Hóa. Đoạn này mô tả hành động thứ hai của Đấng Tạo Hóa trong sự sáng thế của Ngài. Đó là một sự thể hiện khác về thẩm quyền và quyền năng của Đấng Tạo Hóa, một công việc tiên phong khác được thực hiện bởi Đấng Tạo Hóa. Ngày này là ngày thứ hai Đấng Tạo Hóa trải qua kể từ khi sáng lập thế giới, và nó là một ngày tuyệt vời khác đối với Ngài: Ngài bước đi giữa sự sáng, Ngài mang lại khoảng không, Ngài sắp đặt và điều khiển nước, và những việc làm, thẩm quyền, và quyền năng của Ngài được đưa vào hoạt động trong ngày mới...

Có khoảng không nào ở giữa nước trước khi Đức Chúa Trời phán lời Ngài không? Tất nhiên là không! Còn sau khi Đức Chúa Trời phán “Phải có một khoảng không ở giữa nước” thì sao? Những điều Đức Chúa Trời dự định đã xuất hiện; có khoảng không ở giữa nước, và nước được phân rẽ ra bởi vì Đức Chúa Trời đã phán “đặt phân rẽ nước cách với nước”. Bằng cách này, theo lời phán của Đức Chúa Trời, hai đối tượng mới, hai vật mới được sinh ra đã xuất hiện giữa muôn vật bởi thẩm quyền và quyền năng của Đức Chúa Trời. Các người cảm thấy thế nào về sự xuất hiện của hai vật mới này? Các người có cảm nhận được sự vĩ đại trong quyền năng của Đấng Tạo Hóa không? Các người có cảm nhận được sức mạnh độc nhất và phi thường của Đấng Tạo Hóa không? Sự vĩ đại trong sức mạnh và quyền năng đó là do thẩm quyền của Đức Chúa Trời, và thẩm quyền này là một biểu trưng của chính Đức Chúa Trời, và là một đặc điểm độc nhất của chính Đức Chúa Trời.

Có phải phân đoạn này một lần nữa đã đem lại cho các người một ý thức sâu sắc về sự độc nhất của Đức Chúa Trời không? Thực ra, điều này là quá đủ; thẩm quyền và quyền năng của Đấng Tạo Hóa vượt xa điều này. Sự độc nhất của Ngài không chỉ là vì Ngài sở hữu một thực chất không giống như của bất kỳ vật thọ tạo nào, mà còn vì thẩm quyền và quyền năng của Ngài là phi thường, vô hạn, tốt bậc so với tất cả, và cao hơn tất cả, và hơn nữa, bởi vì thẩm quyền của Ngài cùng những gì Ngài có và là có thể tạo ra sự sống, sản sinh các phép lạ, và tạo ra từng giây phút kỳ diệu và phi thường. Đồng thời, Ngài có thể thống trị sự sống mà Ngài tạo dựng và nắm quyền tối thượng trên các phép lạ và từng giây phút mà Ngài tạo ra.

### **Vào ngày thứ ba, lời Đức Chúa Trời sinh ra đất và biển, và thẩm quyền của Đức Chúa Trời khiến thế giới tràn ngập sự sống**

Tiếp theo, chúng ta hãy đọc câu đầu tiên của Sách sáng thế 1:9-11: “Đức Chúa Trời lại phán rằng: Những nước ở dưới trời phải tụ lại một nơi, và phải có chỗ khô cạn bày ra”. Điều gì đã xảy ra sau khi Đức Chúa Trời chỉ đơn giản phán, “Những nước ở dưới trời phải tụ lại một nơi, và phải có chỗ khô cạn bày ra”? Và còn có gì trong không gian này ngoài sự sáng và khoảng không? Trong Kinh Thánh có chép: “Đức Chúa Trời đặt tên chỗ khô cạn là đất, còn nơi nước tụ lại là biển. Đức Chúa Trời thấy điều đó là tốt lành”. Điều này có nghĩa là, bây giờ đã có đất và biển trong không gian này, và đất và biển được tách riêng ra. Những thứ mới mẻ này xuất hiện theo mệnh lệnh từ miệng của Đức Chúa Trời, “thì có như vậy”. Kinh Thánh có mô tả việc Đức Chúa Trời đã vội vã khi Ngài làm việc này không? Nó có mô tả Ngài sử dụng sức lao động không? Vậy thì, Đức Chúa Trời đã làm điều này như thế nào? Đức Chúa Trời đã khiến những thứ mới mẻ này được sinh ra như thế nào? Tất nhiên, Đức Chúa Trời dùng lời để đạt được tất cả những điều này, để tạo nên toàn bộ điều này.

Trong ba đoạn trên, chúng ta đã biết được sự xảy ra của ba sự kiện lớn. Ba sự kiện lớn này đã diễn ra và được tạo nên thông qua lời Đức Chúa Trời, và chính bởi lời Đức Chúa Trời mà, lần lượt, những sự kiện này xuất hiện trước mắt Đức Chúa Trời. Do đó,

có thể thấy rằng những lời: “Vì Ngài phán, thì việc liền có; Ngài biểu, thì vật bèn đứng vững bền” không phải là sáo rỗng. Thực chất này của Đức Chúa Trời được khẳng định ngay khi ý nghĩ của Ngài được hình thành, và khi Ngài mở miệng cất tiếng phán, thì thực chất của Ngài được phản ánh đầy đủ.

Chúng ta hãy tiếp tục đến câu cuối của phân đoạn này: “Đức Chúa Trời lại phán rằng: Đất phải sanh cây cỏ; cỏ kết hột giống, cây trái kết quả, tùy theo loại mà có hột giống trong mình trên đất; thì có như vậy”. Trong khi Đức Chúa Trời đang phán, thì tất cả những điều này được hình thành theo ý định của Đức Chúa Trời, và ngay lập tức, đủ loại dạng sống nhỏ bé mỏng manh run rẩy ngoi đầu lên khỏi mặt đất, và trước cả khi chúng giữ bụi khỏi cơ thể mình, thì chúng đã háo hức vẫy tay chào nhau, gật đầu và mỉm cười với thế giới. Chúng cảm ơn Đấng Tạo Hóa về sự sống mà Ngài đã ban cho chúng, và loan báo với thế giới rằng chúng là một phần trong số muôn vật, và rằng từng thành viên sẽ tận hiến cuộc đời mình để bày tỏ thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa. Khi lời Đức Chúa Trời được phán ra, đất trở nên màu mỡ và xanh tươi, tất cả các loại thảo mộc mà con người có thể thưởng thức đều nhú mầm và ngoi đầu lên khỏi mặt đất, và núi non cùng đồng bằng trở nên rậm rạp bởi cây cối và các khu rừng... Thế giới cần cỗi này, nơi không có dấu vết nào của sự sống, đã nhanh chóng được bao phủ bởi vô số cỏ, thảo mộc, cây cối, và phủ đầy cây xanh... Mùi thơm của cỏ và mùi hương của đất lan tỏa trong không khí, và một loạt thực vật bắt đầu hô hấp cùng với sự lưu thông của không khí, và bắt đầu quá trình phát triển. Đồng thời, nhờ lời Đức Chúa Trời và theo ý định của Đức Chúa Trời, mọi cây trồng đều bắt đầu vòng đời vĩnh cửu trong đó chúng lớn lên, đơm hoa, kết trái và sinh sôi. Chúng bắt đầu tuân thủ nghiêm ngặt tiến trình sống của riêng mình và bắt đầu thực hiện những vai trò riêng của mình giữa muôn vật... Tất cả chúng đều đã được sinh ra và được sống bởi lời của Đấng Tạo Hóa. Chúng sẽ nhận được sự chu cấp và nuôi dưỡng không ngừng của Đấng Tạo Hóa, và sẽ luôn luôn bền bỉ tồn tại khắp nơi cùng chốn trên đất để thể hiện thẩm quyền và quyền năng của Đấng Tạo Hóa, và chúng sẽ luôn luôn thể hiện sức sống đã được Đấng Tạo Hóa ban cho mình...

Sự sống của Đấng Tạo Hóa thật phi thường, suy nghĩ của Ngài thật phi thường, và thẩm quyền của Ngài thật phi thường, và vì thế, khi lời Ngài được phán ra, thì kết quả cuối cùng là “thì có như vậy”. Rõ ràng, Đức Chúa Trời không cần phải động tay khi Ngài làm việc; Ngài chỉ đơn thuần sử dụng ý nghĩ của Ngài để điều khiển và lời Ngài để ra lệnh, và bằng cách này đạt được mọi việc. Vào ngày này, Đức Chúa Trời đã tập hợp nước vào một chỗ, và để cho đất khô xuất hiện, sau đó Đức Chúa Trời khiến cây cỏ nảy mầm từ đất, ở đó mọc lên các thảo mộc cho giống và những cây ăn trái, và Đức Chúa Trời phân chia chúng ra theo từng loại và làm cho mỗi loại đều chứa hạt giống của mình. Toàn bộ việc này xảy ra theo những ý định của Đức Chúa Trời và những mệnh lệnh từ lời Đức Chúa Trời, và từng thứ đều xuất hiện lần lượt trong thế giới mới này.

Khi Ngài chưa khởi đầu công việc của Ngài, Đức Chúa Trời đã có một bức tranh về những gì Ngài định đạt được trong tâm trí Ngài, và khi Đức Chúa Trời bắt đầu đạt được những điều này, cũng là lúc Đức Chúa Trời cất tiếng phán về nội dung của bức tranh

này, thì những thay đổi trong muôn vật đã bắt đầu xảy ra nhờ thẩm quyền và quyền năng của Đức Chúa Trời. Bất kể Đức Chúa Trời đã làm điều đó như thế nào, hoặc Ngài thực thi thẩm quyền của Ngài ra sao, thì tất cả đều đạt được từng bước một theo kế hoạch của Đức Chúa Trời và bởi lời Đức Chúa Trời, và từng bước một, những sự thay đổi đã xảy ra giữa trời và đất nhờ lời và thẩm quyền của Đức Chúa Trời. Tất cả những sự thay đổi và sự kiện này thể hiện thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa, sự phi thường và vĩ đại trong quyền năng sự sống của Đấng Tạo Hóa. Ý định của Ngài không phải là những ý tưởng đơn giản, hoặc một bức tranh trống rỗng, mà là một thẩm quyền sở hữu sức sống và năng lượng phi thường, và chúng là quyền năng khiến muôn vật thay đổi, hồi sinh, đổi mới, và diệt vong. Vì điều này, tất cả mọi thứ hoạt động bởi ý định của Ngài, và đồng thời, thành tựu bởi lời từ miệng Ngài...

Trước khi muôn vật xuất hiện, trong ý định của Đức Chúa Trời một kế hoạch hoàn chỉnh đã được hình thành từ lâu, và một thế giới mới đã thành tựu từ lâu. Mặc dù vào ngày thứ ba đã xuất hiện tất cả các loại thực vật trên đất, Đức Chúa Trời không có lý do gì để dừng bước trong cuộc sáng thế của Ngài; Ngài dự định tiếp tục phán lời Ngài, tiếp tục thành tựu việc dựng nên mọi thứ mới mẻ. Ngài sẽ phán, sẽ ra lệnh, sẽ thực thi thẩm quyền của Ngài và thể hiện quyền năng của Ngài, và Ngài đã chuẩn bị mọi thứ Ngài hoạch định để chuẩn bị cho muôn vật và nhân loại mà Ngài dự định tạo dựng...

### **Vào ngày thứ tư, các mùa, ngày, và năm của nhân loại ra đời khi Đức Chúa Trời thực thi thẩm quyền của Ngài một lần nữa**

Đấng Tạo Hóa dùng lời Ngài để hoàn thành kế hoạch của Ngài, và bằng cách này Ngài đã trải qua ba ngày đầu tiên trong kế hoạch của Ngài. Trong ba ngày này, không thấy Đức Chúa Trời bận rộn, hoặc kiệt sức; ngược lại, Ngài đã trải qua ba ngày đầu tiên tuyệt vời trong kế hoạch của Ngài, và hoàn thành công trình vĩ đại biến đổi hoàn toàn thế giới. Một thế giới hoàn toàn mới hiện ra trước mắt Ngài, và từng mảnh ghép một, bức tranh tuyệt đẹp được giữ kín trong ý định của Ngài cuối cùng đã được tỏ lộ trong lời Đức Chúa Trời. Sự xuất hiện của từng thứ mới mẻ giống như sự ra đời của một đứa trẻ sơ sinh, và Đấng Tạo Hóa đã vui mừng về bức tranh từng có trong ý định của Ngài, nhưng giờ đây đã được ban cho sự sống. Vào thời điểm đó, lòng Ngài đã có chút mãn nguyện, nhưng kế hoạch của Ngài chỉ mới bắt đầu. Trong chớp mắt, một ngày mới đã đến – và trang tiếp theo trong kế hoạch của Đấng Tạo Hóa là gì? Ngài đã phán những gì? Ngài đã thực thi thẩm quyền của Ngài như thế nào? Trong khi đó, những điều gì mới đã đến với thế giới mới này? Theo sự hướng dẫn của Đấng Tạo Hóa, ánh mắt của chúng ta hướng vào ngày thứ tư trong cuộc tạo dựng muôn vật của Đấng Tạo Hóa, một ngày mà lại là một khởi đầu mới. Tất nhiên, đối với Đấng Tạo Hóa, chắc chắn đó là một ngày tuyệt vời nữa, và đó là một ngày cực kỳ quan trọng nữa đối với nhân loại ngày nay. Tất nhiên, đó là một ngày vô giá. Nó đã tuyệt vời như thế nào, làm sao nó lại quan trọng đến vậy, và nó vô giá ra sao? Trước tiên chúng ta hãy lắng nghe những lời được phán bởi Đấng Tạo Hóa...

“Đức Chúa Trời lại phán rằng: Phải có các vì sáng trong khoảng không trên trời, để phân ra ngày với đêm, và dùng làm dấu để định thì tiết, ngày và năm; lại dùng làm vì sáng trong khoảng không trên trời để soi xuống đất” (Sách sáng thế 1:14-15). Đây là một sự thực thi thẩm quyền nữa của Đức Chúa Trời đã được thể hiện bởi các vật tạo ra sau khi Ngài tạo ra chỗ khô cạn và thực vật trên đó. Đối với Đức Chúa Trời, một hành động như thế cũng dễ dàng như những gì Ngài đã làm, bởi vì Đức Chúa Trời có quyền năng như thế; Đức Chúa Trời tốt lành như lời Ngài, và lời Ngài sẽ được thành toàn. Đức Chúa Trời đã ra lệnh cho ánh sáng xuất hiện trên trời, và ánh sáng này không chỉ soi sáng bầu trời và trên mặt đất, mà còn đóng vai trò là những dấu hiệu cho ngày và đêm, cho các mùa, ngày, và năm. Bằng cách này, khi Đức Chúa Trời cất tiếng phán, thì mọi hành động mà Đức Chúa Trời muốn đạt được đều đã được thực hiện theo ý Đức Chúa Trời và theo cách Đức Chúa Trời chỉ định.

Các vì sáng trên trời là vật chất trong bầu trời có thể phát ra ánh sáng; chúng có thể soi sáng bầu trời, đất và biển. Chúng quay vòng theo nhịp và tần số do Đức Chúa Trời phán truyền, và soi sáng đất trong những khoảng thời gian khác nhau, và bằng cách này chu kỳ quay của các vì sáng khiến ngày và đêm được sinh ra ở phía đông và phía tây của đất liền, và chúng không chỉ là các dấu hiệu cho đêm và ngày, mà qua những chu kỳ khác nhau này chúng cũng đánh dấu các ngày lễ và nhiều ngày đặc biệt khác nhau của nhân loại. Chúng là sự bổ sung và phụ trợ hoàn hảo cho bốn mùa – xuân, hạ, thu và đông – do Đức Chúa Trời lập nên, cùng với điều đó các vì sáng cũng đóng vai trò một cách hài hòa như các cột mốc đều đặn và chính xác cho các kỳ, ngày và năm âm lịch của nhân loại. Mặc dù chỉ sau khi nông nghiệp ra đời, loài người mới bắt đầu hiểu và dụng tới sự phân chia các kỳ hạn, ngày và năm theo âm lịch sinh ra bởi ánh sáng do Đức Chúa Trời tạo ra, nhưng thực ra các kỳ hạn, ngày và năm âm lịch mà con người biết đến ngày nay đã bắt đầu được sinh ra từ lâu vào ngày thứ tư trong cuộc tạo dựng muôn vật của Đức Chúa Trời, và tương tự như thế, chu kỳ thay đổi luân phiên giữa các mùa xuân, hạ, thu và đông mà con người trải qua cũng đã bắt đầu từ lâu vào ngày thứ tư trong cuộc tạo dựng muôn vật của Đức Chúa Trời. Các vì sáng do Đức Chúa Trời tạo ra giúp con người phân biệt giữa ngày và đêm một cách rõ ràng, chính xác và thường xuyên, đếm các ngày, và theo dõi các kỳ và năm theo âm lịch một cách rõ ràng. (Ngày trăng tròn là kết thúc một tháng, và từ điều này con người đã biết rằng sự chiếu sáng của các vì sáng bắt đầu một chu kỳ mới; ngày trăng bán nguyệt là kết thúc nửa tháng, điều này báo cho con người biết rằng một kỳ âm lịch đang bắt đầu, từ đó có thể suy ra có bao nhiêu ngày và đêm trong một kỳ âm lịch, bao nhiêu kỳ âm lịch trong một mùa, và bao nhiêu mùa trong một năm, và tất cả điều này được tỏ ra một cách rất đều đặn.) Vì vậy, con người đã có thể dễ dàng theo dõi các kỳ, ngày, và năm âm lịch được đánh dấu bởi sự quay vòng của các vì sáng. Từ đó trở đi, nhân loại và muôn vật tự lúc nào không hay đã sống giữa sự hoán đổi có trật tự của ngày và đêm và sự luân phiên của các mùa sinh ra bởi sự quay vòng của các vì sáng. Đây là ý nghĩa trong việc tạo ra ánh sáng của Đấng Tạo Hóa vào ngày thứ tư. Tương tự, mục tiêu và ý nghĩa

trong hành động này của Đấng Tạo Hóa vẫn không thể tách rời khỏi thẩm quyền và quyền năng của Ngài. Và vì thế, ánh sáng do Đức Chúa Trời tạo ra và giá trị mà chúng sớm mang lại cho con người là một kỳ công nữa trong sự thực thi thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa.

Trong thế giới mới này, nơi mà loài người chưa xuất hiện, Đấng Tạo Hóa đã chuẩn bị sẵn buổi chiều và buổi mai, khoảng không, đất và biển, cỏ, thảo mộc và nhiều loại cây khác nhau, các vì sáng, mùa, ngày và năm cho một sự sống mới mà Ngài sẽ sớm tạo dựng. Thẩm quyền và quyền năng của Đấng Tạo Hóa được thể hiện trong mỗi sự vật mới mẻ mà Ngài đã tạo dựng, và lời phán cùng thành tựu của Ngài xảy ra đồng thời, không có sự khác biệt nhỏ nhất, và không cách quãng chút nào. Sự xuất hiện và ra đời của tất cả những sự vật mới mẻ này là bằng chứng về thẩm quyền và quyền năng của Đấng Tạo Hóa: Ngài tốt lành như lời Ngài, và lời Ngài sẽ được thành toàn, và những gì Ngài hoàn thành sẽ tồn tại mãi mãi. Sự thật này chưa bao giờ thay đổi: nó đã như vậy trong quá khứ, nó như vậy ngày hôm nay, và nó sẽ như vậy cho đến đời đời. Khi các người xem lại những lời này trong thánh thư một lần nữa, chúng cảm giác có mới mẻ đối với các người không? Các người có thấy nội dung gì mới, và có những khám phá mới nào không? Đó là vì những việc làm của Đấng Tạo Hóa đã lay động lòng các người, hướng dẫn các người biết đến thẩm quyền và quyền năng của Ngài, và mở cánh cửa cho sự hiểu biết của các người về Đấng Tạo Hóa, và những việc làm cùng thẩm quyền của Ngài đã ban sự sống dựa trên những lời này. Vì vậy, trong những lời này, con người đã nhìn thấy sự thể hiện chân thật và sống động về thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa, thực sự chứng kiến uy quyền tối cao của Đấng Tạo Hóa và thấy được sự phi thường trong thẩm quyền và quyền năng của Đấng Tạo Hóa.

Thẩm quyền và quyền năng của Đấng Tạo Hóa tạo ra hết phép lạ này đến phép lạ khác; Ngài thu hút sự chú ý của con người, và con người không thể không trở mắt sửng sờ trước những việc làm đầy kinh ngạc được tạo ra từ sự thực thi thẩm quyền của Ngài. Quyền năng phi thường của Ngài mang đến hết sự vui thích này đến sự vui thích khác, và con người bị lóa mắt và vui mừng khôn xiết, há hốc miệng trong sự ngưỡng mộ, kinh sợ và phấn khích; hơn nữa, con người rõ ràng bị cảm thúc và trong họ nảy sinh sự tôn trọng, tôn kính, và gắn bó. Thẩm quyền và việc làm của Đấng Tạo Hóa có một tác động rất lớn và có tác dụng làm tinh sạch tâm hồn của con người, và hơn thế nữa, làm thỏa mãn tâm hồn của con người. Mọi ý định của Ngài, mọi lời phán của Ngài, và mọi sự tỏ lộ về thẩm quyền của Ngài là một kiệt tác giữa muôn vật, và là một công trình vĩ đại đáng được nhận thức và hiểu biết sâu sắc bởi loài người thọ tạo. Khi chúng ta đếm từng vật thọ tạo được sinh ra bởi lời của Đấng Tạo Hóa, thì tâm hồn chúng ta bị lôi cuốn vào sự kỳ diệu trong quyền năng của Đức Chúa Trời, và chúng ta thấy mình đang đi theo dấu chân của Đấng Tạo Hóa đến ngày tiếp theo: ngày thứ năm trong cuộc tạo dựng muôn vật của Đức Chúa Trời.

Chúng ta hãy tiếp tục đọc lần lượt các đoạn Kinh Thánh khi chúng ta xem xét nhiều hơn về những việc làm của Đấng Tạo Hóa.

## **Ngày thứ năm, lần lượt từng sinh mệnh với những hình hài khác nhau bằng các phương thức khác nhau thể hiện quyền năng của Đấng Tạo Hóa**

Kinh thánh nói như sau: “Đức Chúa Trời lại phán rằng: Nước phải sanh các vật sống cho nhiều, và các loài chim phải bay trên mặt đất trong khoảng không trên trời. Đức Chúa Trời dựng nên các loài cá lớn, các vật sống hay động nhờ nước mà sanh nhiều ra, tùy theo loại, và các loài chim hay bay, tùy theo loại. Đức Chúa Trời thấy điều đó là tốt lành” (Sách sáng thế 1:20-21). Trong Kinh thánh nói rất rõ, trong ngày này, Đức Chúa Trời đã tạo ra các loài sinh vật sống trong nước, tạo ra các loài chim bay bên trên mặt đất, nghĩa là tạo ra các loài cá và các loài chim, và Đức Chúa Trời phân loại chúng theo từng loài. Như vậy, nhờ có sự sáng tạo của Ngài mà trên mặt đất, trong không trung và ở dưới nước trở nên phong phú...

Theo lời của Đức Chúa Trời nói, trong khoảnh khắc, từng sinh mệnh với hình thái khác nhau lần lượt hiện ra sống động trong lời nói của Đấng Tạo Hóa. Tất cả cùng đua chen nhau, nhảy nhót, vui mừng hò hét được đến với thế giới này... Dưới nước, các loài cá bơi lội, các loài có mai sinh ra trong cát, các loài sinh vật có vảy, có vỏ và sinh vật thân mềm với thể tích có lớn, có nhỏ, có dài, có ngắn, đua nhau sinh ra trong nước dưới các hình thái khác nhau. Đồng thời, các loài tảo biển cũng phát triển nhanh chóng, uốn mình theo chuyển động của các loài sinh vật trong nước, như thổi thúc vùng nước tĩnh lặng, như muốn nói với nó rằng: “Hãy sôi động lên đi! Mang theo những người bạn của người, bởi vì người đã không còn cô độc nữa!” Ngay từ khoảnh khắc các loài sinh vật trong nước được Đức Chúa Trời tạo ra xuất hiện, từng sinh mệnh sống động này ngay lập tức đã mang lại sức sống cho vùng nước vốn bấy lâu tĩnh lặng này, và cũng mở ra một kỷ nguyên mới... Từ đó, chúng dựa vào nhau, bầu bạn cùng nhau, không hề phân biệt. Nước tồn tại vì những loài sinh vật sống bên trong nó, nuôi dưỡng từng sự sống trong vòng tay của nó. Mọi sự sống cũng nhờ có sự nuôi dưỡng của nước mà tồn tại vì nước. Đôi bên cùng dâng hiến sinh mệnh cho nhau, đồng thời chứng kiến sự vĩ đại và kỳ diệu trong khả năng sáng tạo của Đấng Tạo Hóa, chứng kiến sức mạnh quyền năng siêu việt vô song của Đấng Tạo Hóa theo một cách thức giống nhau...

Khi nước biển không còn trầm lặng nữa, đồng thời không trung cũng trở nên náo nhiệt. Từng con chim lớn, nhỏ từ mặt đất bay vút lên không trung. Sự khác biệt giữa chúng và các loài sinh vật sống dưới nước là chúng có lông vũ và đôi cánh, thân hình đẹp đẽ và uyển chuyển. Chúng vỗ đôi cánh, kiêu hãnh và tự hào khoe vẻ ngoài rực rỡ, bản lĩnh và khả năng đặc biệt mà Đấng Tạo Hóa đã ban tặng cho chúng. Chúng tự do bay lượn, mặc sức chao liệng, xuyên qua trời đất, xuyên qua thảo nguyên, và rừng rậm... Chúng là con cưng của bầu trời, chúng là con cưng của vạn vật, chúng sẽ trở thành sợi dây liên kết của trời và đất, chúng sẽ truyền những thông điệp tới vạn vật... Chúng ca hát, bay lượn, mang đến âm thanh, tiếng cười vui vẻ và mang đến sức sống tươi mới cho thế giới vốn trống rỗng này... Chúng dùng giọng hót lanh lảnh và trong vắt, dùng tiếng lòng của chúng để tán dương Đấng Tạo Hóa đã ban tặng sinh mệnh cho



chúng. Chúng nhảy múa vui vẻ để thể hiện sự hoàn mỹ và kỳ diệu mà Đấng Tạo Hóa đã tạo ra. Chúng sẽ dâng hiến cả đời để làm chứng cho uy quyền của Đấng Tạo Hóa thông qua sinh mệnh đặc biệt mà Ngài đã ban cho chúng...

Cho dù là các loài sinh vật dưới nước, hay các loài sinh vật bay trên trời, chúng đều tuân theo lời dạy của Đấng Tạo Hóa, sống trong hình hài cấu tạo khác nhau, và sống thành bầy đàn theo giống loài như lời dạy của Đấng Tạo Hóa. Không một sinh vật nào có thể thay đổi quy luật này, quy tắc này. Chúng chưa từng dám vượt qua ranh giới mà Đấng Tạo Hóa đã đặt, và chúng cũng không thể nào vượt qua được ranh giới ấy. Theo số mệnh của Đấng Tạo Hóa, chúng sinh sôi nảy nở, tuân thủ nghiêm khắc vòng đời và quy luật cuộc sống mà Đấng Tạo Hóa đã đặt ra, chúng tự giác tuân thủ mệnh lệnh bất thành văn của Đấng Tạo Hóa cũng như những sắc lệnh và giới luật trên thiên đàng Ngài đã ban cho chúng, cho đến tận ngày hôm nay. Chúng trò chuyện với Đấng Tạo Hóa theo cách đặc biệt, lĩnh hội ý muốn của Đấng Tạo Hóa, tuân theo mệnh lệnh của Đấng Tạo Hóa. Không có một sinh vật nào từng vượt qua quyền năng của Đấng Tạo Hóa, vậy mà Đấng Tạo Hóa kiểm soát và chi phối chúng chỉ trong tâm trí, cho dù không có lời nói nào được phát ra, nhưng quyền năng duy nhất của Đấng Tạo Hóa vẫn lặng lẽ kiểm soát vạn vật vốn khác với loài người, không có chức năng ngôn ngữ. Sự thực hiện quyền năng bằng phương thức đặc biệt này khiến con người có nhận thức mới và cách giải thích mới về quyền năng độc nhất của Đấng Tạo Hóa. Ở đây, ta phải nói rằng, trong một ngày mới, sự thực thi quyền năng của Đấng Tạo Hóa lại một lần nữa thể hiện sự độc nhất của Ngài.

Tiếp theo, hãy cùng xem câu nói sau cùng trong đoạn kinh thánh này: “Đức Chúa Trời thấy điều đó là tốt lành”. Các người hiểu câu nói này như thế nào? Trong câu nói này có tâm trạng của Đức Chúa Trời. Ngài nhìn vạn vật do Ngài sáng tạo ra đã được hình thành nhờ có lời nói của Ngài, tất cả đều đang dần thay đổi. Vào lúc này, liệu Đức Chúa Trời có thấy hài lòng với mọi thứ mà Ngài dùng lời nói tạo ra, hay mọi sự mà Ngài đã làm nên không? Câu trả lời là “Đức Chúa Trời thấy điều đó là tốt lành”. Ở đây, các người nhận ra điều gì? “Đức Chúa Trời thấy điều đó là tốt lành” đại diện cho điều gì, tượng trưng cho điều gì? Điều này có nghĩa là, Đức Chúa Trời có năng lực này và trí tuệ này để thực hiện những việc mà Ngài đã lên kế hoạch, việc mà Ngài đã xác định để hoàn thành những mục tiêu mà Ngài đã đặt ra. Khi Đức Chúa Trời đã hoàn thành từng việc, liệu Ngài có hối hận không? Câu trả lời vẫn là “Đức Chúa Trời thấy điều đó là tốt lành”. Nói cách khác, Đức Chúa Trời không những không cảm thấy hối hận mà còn rất hài lòng. Việc Ngài không hối hận nói lên điều gì? Điều đó có nghĩa rằng kế hoạch của Đức Chúa Trời là hoàn hảo, năng lực và trí tuệ của Đức Chúa Trời là hoàn hảo, và quyền năng của Đức Chúa Trời chính là nguồn gốc duy nhất để Ngài hoàn thành một cách hoàn hảo. Khi con người thực hiện một việc gì đó liệu cũng có thể thấy điều đó là tốt lành giống như Đức Chúa Trời không? Mỗi một việc làm của con người liệu có thể đều đạt đến sự hoàn hảo không? Con người có thể hoàn thành một việc gì đó một lần và mãi mãi không? Cũng giống như câu nói “Không có tốt nhất, chỉ có tốt hơn” của con

người vậy, những việc mà con người làm vĩnh viễn không thể đạt đến sự hoàn mỹ. Khi Đức Chúa Trời nhận thấy mọi sự Đức Chúa Trời đã làm và Đức Chúa Trời đạt được đều là tốt lành, mỗi thứ mà Đức Chúa Trời tạo ra đều được định hình bằng lời nói của Đức Chúa Trời, cũng có thể nói là, khi “Đức Chúa Trời thấy điều đó là tốt lành”, thứ mà Ngài sáng tạo ra được định hình, được phân loại, được cố định vị trí, công dụng và chức năng chỉ bằng một lần và vĩnh viễn. Đồng thời, vai trò của nó trong vạn vật và quá trình mà nó sẽ phải trải qua trong suốt quá trình Đức Chúa Trời quản lý vạn vật đều đã được Đức Chúa Trời định sẵn, vĩnh viễn không thay đổi. Đây chính là luật trời mà Đấng Tạo Hóa đặt ra cho vạn vật.

Câu nói “Đức Chúa Trời thấy điều đó là tốt lành” giản dị, rất khó thu hút sự chú ý của con người. Một câu nói vốn khó có thể khiến con người chú ý, lại chính là câu nói truyền đạt luật trời và giới luật mà Đức Chúa Trời ban cho tạo hóa. Trong câu nói này, quyền năng của Đấng Tạo Hóa lại một lần nữa được thể hiện một cách thực tế và sâu sắc hơn. Đấng Tạo Hóa không chỉ có thể đạt được mọi thứ mà Ngài muốn có, mọi việc mà Ngài muốn làm nhờ lời nói của Ngài, mà Ngài còn có thể dùng lời nói để chi phối trong tay mọi thứ mà Ngài đã tạo ra, cai quản vạn vật mà Ngài tạo ra dưới quyền năng của Ngài, và hơn nữa, mọi thứ đều có hệ thống và quy củ. Vạn vật cũng vì lời nói của Ngài mà đã sinh sôi, tồn tại và diệt mất; hơn nữa, nhờ thẩm quyền của Ngài mà chúng tồn tại trong quy luật do Ngài đặt ra, không có thứ gì được miễn trừ! Quy luật này đã bắt đầu từ chính thời khắc “Đức Chúa Trời thấy điều đó là tốt lành”, và nó sẽ tồn tại, tiếp tục và vận hành vì kế hoạch quản lý của Đức Chúa Trời cho đến ngày Đấng Tạo Hóa bãi bỏ nó! Quyền năng duy nhất của Đấng Tạo Hóa không chỉ thể hiện ở chỗ Ngài có thể sáng tạo ra vạn vật, ra lệnh cho vạn vật, đồng thời còn thể hiện ở chỗ Ngài có thể cai quản vạn vật, ban cho vạn vật sự sống, hơn thế nữa, còn thể hiện ở chỗ Đấng Tạo Hóa có thể tạo ra hình hài hoàn hảo, cấu trúc sinh mệnh hoàn hảo và vai trò hoàn hảo cho vạn vật mà Ngài sẽ sáng tạo trong kế hoạch của Ngài chỉ bằng một lần và mãi mãi, để chúng xuất hiện và tồn tại trong thế giới mà Ngài đã tạo ra, và thể hiện ở chỗ mọi suy nghĩ của Đấng Tạo Hóa không chịu ràng buộc bởi bất kỳ hạn chế nào, không chịu giới hạn bởi thời gian, không gian và địa lý. Thân phận duy nhất của Đấng Tạo Hóa sẽ vĩnh viễn không bao giờ thay đổi giống như quyền năng của Ngài. Quyền năng của Ngài luôn là tượng trưng và đại diện cho thân phận duy nhất của Ngài. Quyền năng của Ngài tồn tại mãi mãi cùng với thân phận của Ngài!

### **Vào ngày thứ sáu, Đấng Tạo Hóa phán, và từng loại sinh vật trong tâm trí của Ngài lần lượt xuất hiện**

Thế mà công tác tạo ra muôn vật của Đấng Tạo Hóa đã kéo dài được năm ngày, ngay sau đó Đấng Tạo Hóa đã chào đón ngày thứ sáu trong cuộc tạo dựng muôn vật của Ngài. Ngày này là một sự khởi đầu mới nữa, và một ngày đặc biệt nữa. Vậy thì, kế hoạch của Đấng Tạo Hóa vào đêm trước của ngày mới này là gì? Sinh vật mới nào Ngài sẽ tạo ra, Ngài sẽ dựng nên? Hãy lắng nghe, đó là tiếng phán của Đấng Tạo Hóa...

“Đức Chúa Trời lại phán rằng: Đất phải sanh các vật sống tùy theo loại, tức súc vật, côn trùng, và thú rừng, đều tùy theo loại; thì có như vậy. Đức Chúa Trời làm nên các loài thú rừng tùy theo loại, súc vật tùy theo loại, và các côn trùng trên đất tùy theo loại, Đức Chúa Trời thấy điều đó là tốt lành” (Sách sáng thế 1:24-25). Các sinh vật nào được bao gồm? Kinh Thánh chép: súc vật, côn trùng, và thú rừng tùy theo loại. Điều đó có nghĩa là, vào ngày này không chỉ có đủ loại sinh vật sống trên đất, mà chúng còn được phân chia tùy theo loài, và tương tự như vậy, “Đức Chúa Trời thấy điều đó là tốt lành”.

Như trong năm ngày trước đây, Đấng Tạo Hóa cũng phán với cùng một giọng điệu và ra lệnh cho sự ra đời của các sinh vật mà Ngài mong muốn, và chúng xuất hiện trên đất, từng con tùy theo loài của chúng. Khi Đấng Tạo Hóa thực thi thẩm quyền của Ngài, không lời nào của Ngài được phán ra vô ích, và vì thế, vào ngày thứ sáu, từng sinh vật Ngài dự định tạo ra đã xuất hiện vào thời điểm được chỉ định. Khi Đấng Tạo Hóa phán “Đất phải sanh các vật sống tùy theo loại”, thì trái đất ngay lập tức đầy sự sống, và trên mặt đất đột nhiên nổi lên hơi thở của đủ loại sinh vật... Trong đồng vắng xanh tươi, những con bò mập mạp, phe phẩy đuôi, lần lượt xuất hiện, những con cừu kêu be be tự tập trung thành đàn, và những con ngựa hí lên bắt đầu phi nước đại... Bỗng chốc, những cánh đồng cỏ rộng lớn tĩnh mịch đã bùng nổ sự sống... Sự xuất hiện của các loại gia súc khác nhau này là một cảnh tượng tuyệt đẹp trên đồng cỏ yên tĩnh, và mang lại sức sống vô biên... Chúng sẽ là bạn đồng hành của các đồng cỏ, và là chủ nhân của các đồng cỏ, chúng sẽ phụ thuộc lẫn nhau; chúng cũng sẽ trở thành kẻ bảo vệ và canh giữ những vùng đất này, nơi sẽ là môi trường sống lâu dài của chúng, và nơi sẽ cung cấp cho chúng tất cả những gì chúng cần, một nguồn nuôi dưỡng vô tận cho sự tồn tại của chúng...

Vào cùng ngày mà các loại gia súc khác nhau này ra đời, bởi lời của Đấng Tạo Hóa, vô số côn trùng cũng đã xuất hiện, hết con này đến con khác. Mặc dù chúng là những sinh vật nhỏ nhất trong số tất cả những tạo vật, nhưng sinh lực của chúng vẫn là sự sáng tạo kỳ diệu của Đấng Tạo Hóa, và chúng đã không đến quá muộn... Một số vẫy những đôi cánh bé nhỏ của chúng, trong khi số khác chậm rãi bò; một số nhảy tâng tâng, số khác thì loạng choạng; một số xông lên phía trước, trong khi số khác nhanh chóng thụt lại; một số thì bò ngang, số khác nhảy khắp nơi... Tất cả đều tất bật cố gắng tìm nhà cho mình: Một số lao vào trong cỏ, một số bắt đầu đào hang dưới đất, một số bay lên cây, ẩn trong những cánh rừng... Mặc dù có kích thước nhỏ, nhưng chúng không muốn chịu đựng sự giày vò của cái bụng trống rỗng, và sau khi tìm được nhà cho mình, chúng lao đi tìm thức ăn để nuôi bản thân. Một số trèo lên ngọn cỏ để ăn những chiếc lá non, một số ngoạm đầy miệng đất và nuốt chửng xuống bụng, ăn một cách rất khoái trá và thích thú (đối với chúng, ngay cả đất cũng là một bữa ăn ngon); một số trốn trong rừng, nhưng chúng không chịu nghỉ ngơi, bởi thứ nhựa cây trong những chiếc lá màu xanh đậm bóng loáng mang đến một bữa ăn ngon lành... Sau khi chúng đã no nê, các con côn trùng vẫn không chịu ngừng hoạt động; mặc dù đáng vọc nhỏ nhắn, nhưng

chúng sở hữu một năng lượng khổng lồ và sự phấn khích vô hạn, và vì vậy trong tất cả các vật thọ tạo, chúng là loài năng động và cần cù nhất. Chúng không bao giờ lười biếng, và không bao giờ thích nghỉ ngơi. Khi cơn thèm ăn của chúng đã được thỏa mãn, chúng vẫn tiếp tục lao động vất vả vì tương lai của mình, bận rộn và vội vã vì ngày mai của mình, vì sự sống còn của mình... Chúng nhẹ nhàng ngân nga những bản balat mang nhiều giai điệu và nhịp điệu khác nhau để động viên và thúc giục chính mình. Chúng cũng thêm niềm vui cho cỏ cây và từng tấc đất, làm cho mỗi ngày và mỗi năm trở nên độc nhất... Bằng những ngôn ngữ của riêng mình và theo cách riêng của mình, chúng truyền thông tin đến mọi sinh vật sống trên đất. Dùng cuộc đời đặc biệt của bản thân mình, chúng đã đánh dấu muôn vật, mà trên đó chúng đã để lại dấu vết của mình... Chúng có mối quan hệ mật thiết với đất đai, cây cỏ và những cánh rừng, và chúng đã mang lại sinh khí và sức sống cho đất đai, cây cỏ và những cánh rừng. Chúng đem chỉ thị và lời chào của Đấng Tạo Hóa đến cho mọi sinh vật...

Ánh mắt của Đấng Tạo Hóa lướt qua muôn vật mà Ngài đã tạo ra, và vào lúc này mắt Ngài dừng lại trên những cánh rừng và những ngọn núi, Ngài suy nghĩ. Khi lời Ngài được thốt ra, trong những khu rừng rậm, và trên những ngọn núi, xuất hiện một loại sinh vật không giống với bất kỳ loại nào đã đến trước đó: Chúng là những động vật hoang dã được phán ra từ miệng của Đức Chúa Trời. Bị quá hạn lâu ngày, chúng lắc đầu và vẫy đuôi, mỗi con có một khuôn mặt độc nhất của riêng mình. Một số con có lớp áo lông, một số con có áo giáp, một số con nhe nanh, một số con cười nhăn nhở, một số con có cổ dài, một số con có đuôi ngắn, một số con có đôi mắt hung dữ, một số con có cái nhìn rụt rè, một số con cúi xuống để ăn cỏ, một số con có miệng đầy máu, một số con nhảy tưng tưng trên hai chân; một số con bước trên bốn móng guốc, một số con nhìn ra xa từ ngọn cây, một số con nằm rình rập trong rừng, một số con tìm những cái hang để nghỉ, một số con chạy nhảy và nô đùa trên đồng bằng, một số con đi lảng vảng xuyên những cánh rừng...; một số con đang gầm lên, một số con đang hú, một số con đang sủa, một số con đang kêu la...; một số con có giọng cao vút, một số con có giọng trung, một số con có giọng rất to, một số con có giọng trong trẻo và du dương...; một số con trông dữ tợn, một số con dễ thương, một số con góm ghiếc, một số con đáng yêu, một số con đáng sợ, một số con ngây thơ quyến rũ... Lần lượt, từng con một bước ra. Hãy xem chúng cao và mạnh mẽ chừng nào, tự tung tự tác, biếng nhác thờ ơ với nhau, không thèm liếc mắt nhìn nhau... Mỗi con có một đời sống đặc biệt do Đấng Tạo Hóa ban cho, và sự hoang dã, cùng thú tính của chính nó, chúng xuất hiện trong các khu rừng và trên các ngọn núi. Chúng khinh thường tất cả, vì thế hoàn toàn hống hách – suy cho cùng, chúng là chủ nhân đích thực của những ngọn núi và những khu rừng. Từ thời điểm mà sự xuất hiện của chúng được định đoạt bởi Đấng Tạo Hóa, chúng đã “tuyên bố chủ quyền” đối với rừng núi, bởi Đấng Tạo Hóa đã chỉ định ranh giới của chúng và xác định phạm vi tồn tại của chúng. Chỉ có chúng là chúa tể đích thực của rừng núi, và đó là lý do tại sao chúng rất hoang dã, rất kiêu ngạo. Chúng được gọi là “động vật hoang dã” chỉ vì, trong tất cả các loài thọ tạo, chúng là những loài thực sự hoang dã, dữ tợn, và

không thể thuần hóa được. Chúng không thể được thuần hóa, vì thế chúng không thể được nuôi dạy, và không thể sống hòa thuận với loài người hoặc lao động thay cho loài người. Chính vì chúng không thể được nuôi dạy, không thể làm việc cho loài người, nên chúng phải sống cách xa loài người, và con người không thể tiếp cận chúng. Đổi lại, chính vì chúng sống cách xa loài người, và con người không thể đến gần chúng, nên chúng có thể hoàn thành trách nhiệm do Đấng Tạo Hóa ban cho: bảo vệ các ngọn núi và các khu rừng. Sự hoang dã của chúng bảo vệ các ngọn núi và canh giữ các khu rừng, và là sự bảo vệ và bảo đảm tốt nhất cho sự tồn tại và nhân giống của chúng. Đồng thời, sự hoang dã của chúng duy trì và bảo đảm sự cân bằng giữa muôn vật. Sự xuất hiện của chúng mang lại sự hỗ trợ và nương cậy cho rừng núi; sự xuất hiện của chúng đã đưa vô vàn sinh khí và sức sống vào núi rừng hoang vắng và hiu quạnh. Từ thời điểm này trở đi, núi rừng đã trở thành môi trường sống cố định của chúng, và chúng sẽ không bao giờ rời khỏi nhà của mình, vì chính bởi chúng mà núi rừng xuất hiện và tồn tại; những động vật hoang dã sẽ hoàn thành bổn phận của mình và làm mọi thứ có thể để bảo vệ núi rừng. Vì vậy, các động vật hoang dã cũng sẽ tuân thủ nghiêm ngặt những chỉ thị của Đấng Tạo Hóa để bám giữ lấy lãnh thổ, tiếp tục sử dụng bản chất thú tính của mình để duy trì sự cân bằng của muôn vật do Đấng Tạo Hóa tạo nên, cũng như thể hiện thẩm quyền và quyền năng của Đấng Tạo Hóa!

### **Dưới thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa, muôn vật đều hoàn thiện**

Muôn vật được Đấng Tạo Hóa tạo dựng, bao gồm cả những vật có thể di chuyển và những vật không thể di chuyển, như là chim và cá, như là cây và hoa, và bao gồm cả gia súc, côn trùng, và động vật hoang dã được tạo ra vào ngày thứ sáu – tất cả chúng đều tốt lành trong mắt của Đức Chúa Trời, và hơn nữa, trong mắt Đức Chúa Trời, những vật này, phù hợp với kế hoạch của Ngài, đều đã đạt được đỉnh cao nhất của sự hoàn thiện và đạt tiêu chuẩn mà Đức Chúa Trời mong muốn đạt được. Từng bước một, Đấng Tạo Hóa làm công tác Ngài dự định làm theo kế hoạch của Ngài. Lần lượt, những vật Ngài dự định tạo ra đã xuất hiện, và sự xuất hiện của mỗi vật là một sự phản ánh về thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa, một sự kết tinh thẩm quyền của Ngài; bởi vì sự kết tinh này, mọi loài thọ tạo đều không thể không biết ơn đối với ân sủng và sự chu cấp của Đấng Tạo Hóa. Khi những việc làm kỳ diệu của Đức Chúa Trời biểu hiện ra, thế giới này đã đầy lên, từng chút một, với đủ các sự vật được Đức Chúa Trời tạo ra, và nó thay đổi từ sự hỗn độn và tối tăm thành sự rõ ràng và tươi sáng, từ sự tĩnh lặng chết chóc đến sự sống động và sức sống vô tận. Trong số muôn vật của sự tạo dựng, từ lớn đến nhỏ, từ nhỏ đến cực nhỏ, không có sự vật nào là không được tạo ra bởi thẩm quyền và quyền năng của Đấng Tạo Hóa, và có một sự cần thiết cùng giá trị độc nhất và cố hữu đối với sự tồn tại của mỗi vật thọ tạo. Bất kể những khác biệt về hình dạng và cấu trúc, thì chúng cũng nhất thiết phải được tạo ra bởi Đấng Tạo Hóa để tồn tại dưới thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa. Đôi khi con người sẽ thấy một con côn trùng, thứ rất xấu xí, và họ sẽ nói rằng: “Con côn trùng đó thật gớm ghiếc, không đời nào mà một vật xấu xí như

thể lại có thể được Đức Chúa Trời tạo ra – không đời nào Ngài lại tạo ra vật gì xấu như thế”. Thật là một cái nhìn ngu ngốc! Điều họ nên nói là: “Mặc dù con côn trùng này thật xấu xí, nhưng nó đã được Đức Chúa Trời tạo nên, và vì vậy nó phải có mục đích độc nhất của riêng nó”. Trong ý nghĩ của Đức Chúa Trời, Ngài đã dự định ban từng hình dáng, đủ loại chức năng và sự hữu dụng, cho các sinh vật khác nhau mà Ngài tạo ra, và vì thế không có vật nào trong số những vật Đức Chúa Trời tạo ra lại giống hệt nhau. Từ bề ngoài cho đến cấu tạo bên trong, từ thói quen sinh hoạt cho đến nơi chúng cư ngụ – mỗi con mỗi khác. Con bò có hình dáng của con bò, con lừa có hình dáng của con lừa, con hươu có hình dáng của con hươu, và con voi có hình dáng của con voi. Người có thể nói con nào trông đẹp nhất, và con nào xấu nhất không? Người có thể nói con nào hữu dụng nhất, và sự tồn tại của con nào là ít cần thiết nhất không? Một số người thích dáng vẻ bề ngoài của con voi, nhưng không ai sử dụng voi để canh tác; một số người thích dáng vẻ bề ngoài của sư tử và hổ, bởi hình dáng của chúng ấn tượng nhất trong số muôn vật, nhưng các người có thể nuôi chúng như là những con thú cưng không? Tóm lại, khi nói đến vô số vật của sự tạo dựng, thì con người nên làm theo thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa, điều đó có nghĩa là, tuân theo trật tự do Đấng Tạo Hóa đã chỉ định cho muôn vật; đây là thái độ khôn ngoan nhất. Chỉ có thái độ tìm kiếm và vâng phục đối với những ý định ban đầu của Đấng Tạo Hóa mới là sự chấp nhận và tin chắc thực sự vào thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa. Nó tốt đẹp trong mắt của Đức Chúa Trời, vậy thì lý do gì mà con người phải bắt lỗi?

Do đó, muôn vật dưới thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa đều sẽ chơi một bản giao hưởng mới về quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa, đều sẽ bắt đầu một khúc dạo đầu tuyệt vời về công tác của Ngài trong một ngày mới, và tại thời điểm này Đấng Tạo Hóa cũng sẽ mở ra một trang mới trong công tác quản lý của Ngài! Theo quy luật đã được chỉ định bởi Đấng Tạo Hóa về những chồi non vào mùa xuân, quả chín vào mùa hè, thu hoạch vào mùa thu, và lưu trữ vào mùa đông, muôn vật sẽ lặp lại kế hoạch quản lý của Đấng Tạo Hóa, và chúng sẽ đón chào ngày mới, sự khởi đầu mới và lối sống mới của chính mình. Chúng sẽ tiếp tục sống và sinh sản không ngừng để chào đón từng ngày dưới quyền tối thượng trong thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa...

### **Không một loài thọ tạo hoặc không thọ tạo nào có thể thay thế thân phận của Đấng Tạo Hóa**

Từ khi Ngài khởi đầu cuộc tạo dựng muôn vật, thì quyền năng của Đức Chúa Trời bắt đầu được bày tỏ và tỏ lộ, bởi Đức Chúa Trời đã dùng lời để tạo ra muôn vật. Bất kể cách thức Ngài đã tạo ra chúng, bất kể lý do Ngài đã tạo ra chúng, muôn vật đều ra đời, trụ vững và tồn tại bởi lời Đức Chúa Trời; đây là thẩm quyền độc nhất của Đấng Tạo Hóa. Vào thời điểm trước khi loài người xuất hiện trên thế giới, Đấng Tạo Hóa đã dùng quyền năng và thẩm quyền của Ngài để tạo ra muôn vật cho loài người, và sử dụng những phương pháp độc nhất của Ngài để chuẩn bị một môi trường sống phù hợp cho loài người. Tất cả những gì Ngài đã làm là để chuẩn bị cho loài người, những người sẽ

sớm nhận được hơi thở của Ngài. Điều này có nghĩa là, vào thời điểm trước khi loài người được tạo ra, thì thẩm quyền của Đức Chúa Trời đã được thể hiện trong mọi vật tạo khác với loài người, trong những thứ to lớn như trời, các vì sáng, biển, và đất, và trong những vật nhỏ như động vật và chim chóc, cũng như trong tất cả các loại côn trùng và vi sinh vật, bao gồm cả các loại vi khuẩn khác nhau mà mắt thường không thể nhìn thấy. Mọi vật đều được ban cho sự sống bởi lời của Đấng Tạo Hóa, mọi vật đều sinh sôi nảy nở bởi lời của Đấng Tạo Hóa, và mọi vật đều sống dưới quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa bởi lời Ngài. Mặc dù chúng không nhận được hơi thở của Đấng Tạo Hóa, nhưng chúng vẫn thể hiện sức sống do Đấng Tạo Hóa ban cho qua các hình dạng và cấu trúc khác nhau của chúng; mặc dù chúng không nhận được khả năng nói chuyện mà Đấng Tạo Hóa ban cho loài người, nhưng mỗi vật đều nhận được một cách bày tỏ cuộc sống của mình, thứ do Đấng Tạo Hóa ban cho, và thứ khác với ngôn ngữ của con người. Thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa không chỉ ban sức sống cho những vật thể có vẻ như bất động, để chúng sẽ không bao giờ biến mất, mà Ngài còn ban bản năng sinh sản và sinh sôi nảy nở cho mọi sinh vật, để chúng sẽ không bao giờ biến mất, và để hết thế hệ này đến thế hệ khác, chúng sẽ truyền lại những quy luật và quy tắc sinh tồn do Đấng Tạo Hóa ban cho mình. Cách thức Đấng Tạo Hóa thực thi thẩm quyền của Ngài không theo quan điểm vĩ mô hay vi mô một cách cứng nhắc, và không bị giới hạn dưới bất kỳ hình thức nào; Ngài có thể điều khiển các hoạt động của vũ trụ và nắm quyền tối thượng trên sự sống và sự chết của muôn vật, và hơn nữa, Ngài có thể huy động muôn vật để chúng phục vụ Ngài; Ngài có thể quản lý tất cả hoạt động của núi non, sông hồ, và cai trị muôn vật trong chúng, và hơn thế nữa, Ngài có thể chu cấp những thứ cần thiết cho muôn vật. Đây là biểu hiện về thẩm quyền độc nhất của Đấng Tạo Hóa giữa muôn vật ngoài loài người. Một biểu hiện như thế không chỉ cho một đời; nó sẽ không bao giờ ngừng, cũng không bao giờ nghỉ, và nó không thể bị thay đổi hoặc bị phung phí bởi bất kỳ người nào hoặc vật nào, nó cũng không thể được thêm vào hoặc bớt đi bởi bất kỳ người nào hoặc vật nào – bởi không gì có thể thay thế thân phận của Đấng Tạo Hóa, và do đó, thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa không thể bị thay thế bởi bất kỳ vật tạo nào; bất kỳ vật không tạo nào cũng không thể đạt được nó. Hãy lấy các sứ giả và thiên sứ của Đức Chúa Trời làm ví dụ. Họ không sở hữu quyền năng của Đức Chúa Trời, càng không sở hữu thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa, và lý do tại sao họ không có quyền năng và thẩm quyền của Đức Chúa Trời là vì họ không sở hữu thực chất của Đấng Tạo Hóa. Những vật không tạo, như các sứ giả và thiên sứ của Đức Chúa Trời, mặc dù họ có thể làm một số việc thay mặt Đức Chúa Trời, nhưng không thể đại diện Đức Chúa Trời. Mặc dù họ sở hữu một số quyền năng mà con người không sở hữu, nhưng họ không sở hữu thẩm quyền của Đức Chúa Trời, họ không sở hữu thẩm quyền của Đức Chúa Trời để tạo ra muôn vật, điều khiển muôn vật, và nắm quyền tối thượng trên muôn vật. Vì vậy, sự độc nhất của Đức Chúa Trời không thể bị thay thế bởi bất kỳ vật không tạo nào, và tương tự, thẩm quyền và quyền năng của Đức Chúa Trời không thể bị thay thế bởi bất kỳ vật không tạo nào. Trong Kinh Thánh, các người

có đọc thấy bất kỳ sứ giả nào của Đức Chúa Trời đã tạo ra muôn vật chưa? Tại sao Đức Chúa Trời không phái bất kỳ sứ giả hoặc thiên sứ nào của Ngài đi tạo ra muôn vật? Đó là vì họ không sở hữu thẩm quyền của Đức Chúa Trời, và vì vậy họ không sở hữu khả năng thực thi thẩm quyền của Đức Chúa Trời. Giống như mọi loài thọ tạo, tất cả họ đều dưới quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa, và dưới thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa, vì vậy tương tự như thế, Đấng Tạo Hóa cũng là Đức Chúa Trời và Đấng Chủ Tể của họ. Từng người một trong số họ – dù họ có cao quý hay thấp hèn, có quyền năng lớn hay nhỏ – thì không một ai có thể vượt qua thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa, và vì thế trong số họ, không một ai có thể thay thế thân phận của Đấng Tạo Hóa. Họ sẽ không bao giờ được gọi là Đức Chúa Trời, và sẽ không bao giờ có thể trở thành Đấng Tạo Hóa. Đây là những lẽ thật và sự thật bất di bất dịch!

Qua sự thông công ở trên, chúng ta có thể khẳng định điều sau đây không: chỉ có Đấng Tạo Hóa và Đấng Cai Trị muôn vật, Đấng sở hữu thẩm quyền độc nhất và quyền năng độc nhất, mới có thể được gọi là chính Đức Chúa Trời độc nhất? Ở đây, các người có thể cảm thấy một câu hỏi như thế quá sâu sắc. Hiện tại, các người không có khả năng hiểu được nó, và không thể nhận thức được bản chất bên trong, và vì thế thời điểm này, các người cảm thấy khó trả lời. Trong trường hợp đó, Ta sẽ tiếp tục sự thông công của Ta. Tiếp theo, Ta sẽ cho các người thấy được những việc làm thực tế trong nhiều khía cạnh thuộc thẩm quyền và quyền năng được sở hữu bởi một mình Đức Chúa Trời, và do đó Ta sẽ cho các người thực sự nhận thức, hiểu rõ, và biết về sự độc nhất của Đức Chúa Trời, cũng như thẩm quyền độc nhất của Đức Chúa Trời có nghĩa là gì.

## **2. Đức Chúa Trời dùng lời Ngài để thiết lập một giao ước với con người**

Sách sáng thế 9:11-13 Vậy, ta lập giao ước cùng các người, và các loài xác thịt chẳng bao giờ lại bị nước lụt hủy diệt, và cũng chẳng có nước lụt để hủy hoại đất nữa. Đức Chúa Trời lại phán rằng: Đây là dấu chỉ về sự giao ước mà ta lập cùng các người, cùng hết thảy vật sống ở với các người, trải qua các đời mãi mãi. Ta đặt móng của ta trên từng mây, dùng làm dấu chỉ sự giao ước của ta với đất.

## **Sau khi Ngài tạo ra muôn vật, thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa được khẳng định và thể hiện một lần nữa trong Giao ước Cầu vòng**

Thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa luôn luôn được thể hiện và thực thi giữa muôn loài thọ tạo, và Ngài không những cai trị số phận của muôn vật, mà Ngài còn cai trị loài người, loài thọ tạo đặc biệt mà Ngài đã tạo ra bằng chính đôi tay của Ngài, loài sở hữu cấu trúc sự sống khác và tồn tại trong một dạng sống khác. Sau khi tạo nên muôn vật, Đấng Tạo Hóa đã không ngừng thể hiện thẩm quyền và quyền năng của Ngài; đối với Ngài, thẩm quyền mà Ngài dùng để nắm quyền tối thượng trên muôn vật và số phận của toàn thể loài người chỉ chính thức bắt đầu khi loài người thực sự được sinh ra từ bàn tay Ngài. Ngài dự định quản lý nhân loại, và cai trị nhân loại; Ngài dự định cứu nhân



loại và thực sự thu phục nhân loại, thu phục một nhân loại có thể quản trị muôn vật; Ngài dự định làm cho một nhân loại như thế sống dưới thẩm quyền của Ngài, biết và vâng phục thẩm quyền của Ngài. Do đó, Đức Chúa Trời đã bắt đầu chính thức thể hiện thẩm quyền của Ngài giữa con người bằng lời Ngài, và bắt đầu sử dụng thẩm quyền của Ngài để thực hiện lời Ngài. Tất nhiên, thẩm quyền của Đức Chúa Trời được thể hiện ở khắp mọi nơi trong quá trình này; Ta chỉ chọn ra một vài ví dụ cụ thể, được nhiều người biết đến để từ đó các người có thể hiểu và biết về sự độc nhất của Đức Chúa Trời và thẩm quyền độc nhất của Ngài.

Có một sự giống nhau giữa phân đoạn trong Sáng Thế 9:11-13 và phân đoạn ở trên liên quan đến sự ghi chép về cuộc sáng thế của Đức Chúa Trời, tuy nhiên cũng có một sự khác biệt. Sự giống nhau là gì? Sự giống nhau nằm ở việc Đức Chúa Trời sử dụng lời để làm những điều Ngài định làm, và sự khác biệt là phân đoạn được trích dẫn ở đây trình bày cuộc đối thoại của Đức Chúa Trời với con người, trong đó Ngài đã thiết lập một giao ước với con người và cho con người biết điều gì chứa đựng trong giao ước. Sự thực thi thẩm quyền của Đức Chúa Trời đã đạt được trong cuộc trò chuyện của Ngài với con người, điều đó có nghĩa là, trước khi tạo ra loài người, lời Đức Chúa Trời là những sự chỉ dẫn và mệnh lệnh, được ban ra cho các sinh vật Ngài dự định tạo ra. Nhưng giờ đây đã có người nghe được lời Đức Chúa Trời, và vì thế lời Ngài vừa là một cuộc trò chuyện với con người, vừa là lời chỉ thị và lời răn đối với con người. Hơn nữa, lời Đức Chúa Trời còn là các điều răn chứa thẩm quyền và được ban ra cho muôn vật.

Hành động nào của Đức Chúa Trời được ghi lại trong phân đoạn này? Phân đoạn ghi lại giao ước mà Đức Chúa Trời đã thiết lập với con người sau khi Ngài hủy diệt thế giới bởi trận lụt; nó cho con người biết rằng Đức Chúa Trời sẽ không giáng sự hủy diệt như thế xuống thế giới một lần nữa, và rằng, để đạt được mục đích này, Đức Chúa Trời đã tạo ra một dấu chỉ. Dấu chỉ này là gì? Trong Kinh Thánh có nói rằng: “Ta đặt móng của ta trên từng mây, dùng làm dấu chỉ sự giao ước của ta với đất”. Đây là nguyên văn những lời Đấng Tạo Hóa phán với loài người. Khi Ngài phán những lời này, một cầu vồng xuất hiện trước mắt con người, và nó vẫn tồn tại ở đó cho đến tận ngày nay. Mọi người đều đã thấy một cầu vồng như thế, và khi người nhìn thấy nó, người có biết nó xuất hiện như thế nào không? Khoa học không có khả năng chứng minh về nó, hoặc định vị nguồn gốc của nó, hoặc xác định chỗ của nó. Đó là vì cầu vồng là một dấu chỉ của giao ước được thiết lập giữa Đấng Tạo Hóa và con người; nó không cần có cơ sở khoa học, nó không được chế tạo bởi con người, con người cũng không có khả năng thay đổi nó. Nó là một sự tiếp tục thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa sau khi Ngài phán những lời của Ngài. Đấng Tạo Hóa đã sử dụng phương pháp đặc biệt của chính Ngài để giữ giao ước của Ngài với con người và lời hứa của Ngài, và vì thế việc Ngài sử dụng cầu vồng như một dấu chỉ của giao ước mà Ngài đã thiết lập là một sắc lệnh và luật lệ thiên thượng sẽ không bao giờ thay đổi, dù liên quan đến Đấng Tạo Hóa hay loài người thọ tạo. Luật lệ bất biến này, phải nói là, một biểu hiện thực sự nữa về thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa sau khi Ngài tạo ra muôn vật, và phải nói rằng thẩm quyền và quyền

năng của Đấng Tạo Hóa là vô hạn; Việc Ngài sử dụng cầu vồng như một dấu chỉ là một sự tiếp tục và mở rộng thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa. Đây là một hành động khác được Đức Chúa Trời thực hiện bằng lời Ngài, và là một dấu chỉ của giao ước mà Đức Chúa Trời đã thiết lập với con người bằng lời. Ngài đã phán với con người về những điều Ngài quyết định thực hiện, và theo cách nào nó sẽ được thực hiện và đạt được. Bằng cách này, sự việc được thực hiện theo những lời từ miệng Đức Chúa Trời. Chỉ có Đức Chúa Trời sở hữu quyền năng như thế, và ngày nay, vài ngàn năm sau khi Ngài phán những lời này, con người vẫn có thể nhìn thấy cầu vồng được phán ra từ miệng của Đức Chúa Trời. Bởi vì những lời đó đã được Đức Chúa Trời phán ra, điều này vẫn giữ nguyên và không thay đổi cho đến ngày nay. Không ai có thể loại bỏ cầu vồng này, không ai có thể thay đổi luật lệ của nó, và nó tồn tại chỉ bởi lời Đức Chúa Trời. Đây chính là thẩm quyền của Đức Chúa Trời. “Đức Chúa Trời tốt lành cũng như lời Ngài, và lời Ngài sẽ được thành toàn, và điều mà Ngài hoàn thành sẽ kéo dài mãi mãi”. Những lời như thế được thể hiện rõ ràng ở đây, và đó là một dấu hiệu và đặc điểm rõ ràng về thẩm quyền và quyền năng của Đức Chúa Trời. Một dấu hiệu và đặc điểm như thế không được sở hữu hoặc nhìn thấy trong bất kỳ loài thọ tạo nào, mà cũng không được nhìn thấy trong bất kỳ loài không thọ tạo nào. Nó chỉ thuộc về Đức Chúa Trời độc nhất, và cho thấy sự khác biệt giữa thân phận và thực chất chỉ được sở hữu bởi Đấng Tạo Hóa với thân phận và thực chất của các vật thọ tạo. Đồng thời, nó cũng là một dấu hiệu và đặc điểm mà, trừ chính Đức Chúa Trời ra, bất kỳ loài thọ tạo nào hoặc không thọ tạo nào cũng không bao giờ có thể vượt qua.

Việc Đức Chúa Trời thiết lập giao ước của Ngài với con người là một hành động vô cùng quan trọng, một hành động mà Ngài định dùng để truyền đạt một sự thật cho con người và cho con người biết ý muốn của Ngài. Để đạt điều này, Ngài đã sử dụng một phương pháp độc nhất, dùng một dấu chỉ đặc biệt để thiết lập một giao ước với con người, một dấu chỉ là một lời hứa về giao ước mà Ngài thiết lập với con người. Vậy thì, sự thiết lập giao ước này có phải là một sự kiện vĩ đại không? Chính xác nó vĩ đại như thế nào? Đây chính là điều rất đặc biệt về giao ước: Nó không phải là một giao ước được thiết lập giữa người này với người khác, hoặc giữa nhóm này với nhóm khác, hoặc giữa nước này với nước khác, mà là một giao ước được thiết lập giữa Đấng Tạo Hóa và toàn thể nhân loại, và nó sẽ vẫn còn hiệu lực cho đến ngày mà Đấng Tạo Hóa loại bỏ muôn vật. Người thực hiện giao ước này là Đấng Tạo Hóa, và người duy trì nó cũng là Đấng Tạo Hóa. Tóm lại, toàn bộ giao ước cầu vồng được thiết lập với loài người đã được thực hiện và đạt được theo cuộc trò chuyện giữa Đấng Tạo Hóa và loài người, và đã tồn tại như vậy cho đến tận ngày nay. Loài thọ tạo có thể làm gì khác ngoài việc đầu phục, vâng lời, tin tưởng, thấu hiểu, làm chứng, và ngợi khen thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa? Bởi không ai ngoài Đức Chúa Trời độc nhất sở hữu quyền năng để thiết lập một giao ước như thế. Sự xuất hiện của cầu vồng, hết lần này đến lần khác, là một thông báo cho nhân loại và gọi sự chú ý của họ đến giao ước giữa Đấng Tạo Hóa và loài người. Trong sự xuất hiện liên tục của giao ước giữa Đấng Tạo Hóa và loài người,

những gì được bày tỏ cho loài người không phải là cầu vồng hoặc bản thân giao ước, mà là thẩm quyền bất biến của Đấng Tạo Hóa. Sự xuất hiện lặp đi lặp lại của cầu vồng thể hiện những việc làm lớn lao và kỳ diệu của Đấng Tạo Hóa trong những nơi ẩn cư, và đồng thời, là một sự phản ánh quan trọng về thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa, điều sẽ không bao giờ tàn lụi, và sẽ không bao giờ thay đổi. Đây chẳng phải là biểu hiện của một khía cạnh khác trong thẩm quyền độc nhất của Đấng Tạo Hóa sao?

### **3. Các phước lành của Đức Chúa Trời**

Sách sáng thế 17:4-6 Đây, phần ta đây, ta đã lập giao ước cùng ngươi; vậy ngươi sẽ trở nên tổ phụ của nhiều dân tộc. Thiên hạ chẳng còn gọi ngươi là Áp-ram nữa, nhưng tên ngươi là Áp-ra-ham, vì ta đặt ngươi làm tổ phụ của nhiều dân tộc. Ta sẽ làm cho ngươi sanh sản rất nhiều, làm cho ngươi thành nhiều nước; và các vua sẽ do nơi ngươi mà ra.

Sách sáng thế 18:18-19 Áp-ra-ham chắc sẽ được trở nên một dân lớn và cường thịnh; các dân tộc trên thế gian đều sẽ nhờ ngươi mà được phước. Ta đã chọn ngươi để ngươi khiến dạy các con cùng nội nhà ngươi giữ theo đạo Đức Giê-hô-va, làm các điều công bình và ngay thẳng; thế thì, Đức Giê-hô-va sẽ làm cho ứng nghiệm lời Ngài đã hứa cùng Áp-ra-ham.

Sách sáng thế 22:16-18 Đức Giê-hô-va phán rằng: Vì ngươi đã làm điều đó, không tiếc con ngươi, tức con một ngươi, thì ta lấy chính mình ta mà thề rằng: sẽ ban phước cho ngươi, thêm dòng dõi ngươi nhiều như sao trên trời, đông như cát bờ biển, và dòng dõi đó sẽ chiếm được cửa thành quân nghịch. Bởi vì ngươi đã vâng theo lời dặn ta, nên các dân thế gian đều sẽ nhờ dòng dõi ngươi mà được phước.

Gióp 42:12 Như vậy, Đức Giê-hô-va ban phước cho buổi già của Gióp nhiều hơn lúc đang thì: người được mười bốn ngàn chiên, sáu ngàn lạc đà, một ngàn đôi bò, và một ngàn lừa cái.

### **Cách thức và đặc điểm phán truyền độc nhất của Đấng Tạo Hóa là một sự tượng trưng cho thân phận và thẩm quyền độc nhất của Đấng Tạo Hóa**

Nhiều người mong muốn tìm kiếm và đạt được các phước lành của Đức Chúa Trời, nhưng không phải tất cả mọi người đều có thể đạt được những phước lành này, bởi Đức Chúa Trời có các nguyên tắc riêng của Ngài, và ban phước cho con người theo cách riêng của Ngài. Những lời Đức Chúa Trời hứa với con người và lượng ân sủng mà Ngài ban cho con người được ban phát dựa trên suy nghĩ và hành động của con người. Vậy thì, các phước lành của Đức Chúa Trời thể hiện điều gì? Con người có thể thấy điều gì trong chúng? Ở đây, chúng ta hãy tạm gác lại cuộc thảo luận về việc Đức Chúa Trời ban phước cho những loại người nào và các nguyên tắc ban phước cho con người của Đức Chúa Trời là gì. Thay vào đó, chúng ta hãy xem xét việc Đức Chúa Trời ban phước cho con người với mục tiêu biết được thẩm quyền của Đức Chúa Trời, từ góc độ nhận biết thẩm quyền của Đức Chúa Trời.

Bốn đoạn Kinh Thánh ở trên là toàn bộ những ghi chép về việc Đức Chúa Trời ban phước cho con người. Chúng cung cấp sự mô tả chi tiết về những người đón nhận các phước lành của Đức Chúa Trời, như là Áp-ra-ham và Gióp, cũng như những lý do tại

sao Đức Chúa Trời ban các phước lành của Ngài và những gì chứa đựng trong các phước lành này. Giọng điệu và cách phán của Đức Chúa Trời, cùng góc độ, và vị trí Ngài phán, cho phép con người nhận ra rằng Đấng ban cho các phước lành và người đón nhận các phước lành đó có thân phận, địa vị và thực chất khác nhau rõ ràng. Giọng điệu, cách phán những lời này, và vị trí chúng được phán ra, đều độc nhất đối với Đức Chúa Trời, Đấng sở hữu thân phận của Đấng Tạo Hóa. Ngài có thẩm quyền và sức mạnh, cũng như sự vinh hiển của Đấng Tạo Hóa và sự oai nghi mà không ai được phép nghi ngờ.

Trước tiên chúng ta hãy xem Sách sáng thế 17:4-6: “Này, phần ta đây, ta đã lập giao ước cùng ngươi; vậy ngươi sẽ trở nên tổ phụ của nhiều dân tộc. Thiên hạ chẳng còn gọi ngươi là Áp-ram nữa, nhưng tên ngươi là Áp-ra-ham, vì ta đặt ngươi làm tổ phụ của nhiều dân tộc. Ta sẽ làm cho ngươi sanh sản rất nhiều, làm cho ngươi thành nhiều nước; và các vua sẽ do nơi ngươi mà ra”. Những lời này là giao ước mà Đức Chúa Trời đã thiết lập với Áp-ra-ham, cũng như là sự ban phước của Đức Chúa Trời cho Áp-ra-ham: Đức Chúa Trời sẽ khiến Áp-ra-ham trở nên tổ phụ của nhiều dân tộc, sẽ sinh sản rất nhiều, làm cho ông thành nhiều nước, và các vua sẽ do nơi ông mà ra. Ngươi có thấy thẩm quyền của Đức Chúa Trời trong những lời này không? Và ngươi thấy thẩm quyền đó như thế nào? Ngươi thấy được khía cạnh nào trong thực chất thẩm quyền của Đức Chúa Trời? Đọc kỹ những lời này, không khó để khám phá ra rằng thẩm quyền và thân phận của Đức Chúa Trời được tỏ lộ rõ ràng trong những lời phán của Đức Chúa Trời. Ví dụ, khi Đức Chúa Trời phán “ta đã lập giao ước cùng ngươi; vậy ngươi sẽ... vì ta đặt ngươi làm... Ta sẽ làm cho ngươi...”, thì những cụm từ như là “ngươi sẽ” và “ta sẽ”, mang sự khẳng định về thân phận và thẩm quyền của Đức Chúa Trời, một mặt, là biểu thị cho sự thành tín của Đấng Tạo Hóa; mặt khác, chúng là những lời đặc biệt được sử dụng bởi Đức Chúa Trời, Đấng sở hữu thân phận của Đấng Tạo Hóa – cũng như là một phần của từ vựng thông thường. Nếu một người nào đó nói họ hy vọng người khác sẽ sinh sản rất nhiều, rằng sẽ làm cho họ thành nhiều nước, và các vua sẽ do nơi họ mà ra, thì chắc chắn đó là một kiểu ước muốn, không phải là một lời hứa hay một lời chúc phước. Vì thế, con người không dám nói rằng “Tôi sẽ làm cho anh trở nên như thế này, như thế kia... anh sẽ như thế này, thế kia”, bởi họ biết rằng họ không sở hữu một quyền năng như thế; điều đó không phụ thuộc vào họ, và ngay cả khi họ nói những điều như thế, thì lời họ sẽ là những lời vô nghĩa sáo rỗng bị thôi thúc bởi những ham muốn và tham vọng của họ. Có ai dám lớn tiếng như vậy nếu họ cảm thấy rằng họ không thể đạt được những mong muốn của mình hay không? Mọi người đều chúc cho con cháu mình gặp điều tốt lành, và hy vọng rằng chúng sẽ nổi trội và gặt hái nhiều thành công. “Sẽ thật may mắn nếu một người trong số chúng trở thành hoàng đế! Nếu một đứa trở thành thống đốc thì cũng tốt – miễn chúng là những người quan trọng!”. Đây là tất cả những điều ước của con người, nhưng con người chỉ có thể chúc những điều tốt lành cho con cháu họ, mà không thể thực hiện hoặc biến bất kỳ lời hứa nào của họ thành hiện thực. Trong lòng, mọi người biết rõ rằng họ không sở hữu quyền năng để đạt được

những điều như thế, bởi vì mọi thứ về chúng đều ngoài tầm kiểm soát của họ, và vì vậy làm sao họ có thể điều khiển số phận của những người khác? Lý do tại sao Đức Chúa Trời có thể phán những lời như thế này là vì Đức Chúa Trời sở hữu thẩm quyền như thế, và có khả năng hoàn thành và thực hiện mọi lời Ngài đã hứa với con người, và khiến mọi lời chúc phước mà Ngài đã ban cho con người trở thành sự thật. Con người đã được Đức Chúa Trời tạo nên, và đối với Đức Chúa Trời thì việc khiến con người đông con nhiều cháu chỉ như trò chơi của trẻ con; để làm cho con cháu của một người nào đó thịnh vượng thì chỉ cần một lời phán từ Ngài. Ngài sẽ không bao giờ phải đổ mồ hôi vì một điều như thế, hoặc làm cho tâm trí Ngài căng thẳng, hoặc rối như tơ vò về điều đó; đây chính là quyền năng của Đức Chúa Trời, chính là thẩm quyền của Đức Chúa Trời.

Sau khi đọc “Áp-ra-ham chắc sẽ được trở nên một dân lớn và cường thịnh; các dân tộc trên thế gian đều sẽ nhờ người mà được phước” trong Sáng thế 18:18, các người có thể cảm nhận được thẩm quyền của Đức Chúa Trời không? Các người có thể cảm nhận được sự phi thường của Đấng Tạo Hóa không? Các người có thể cảm nhận được uy quyền tối cao của Đấng Tạo Hóa không? Những lời của Đức Chúa Trời là chắc chắn. Đức Chúa Trời phán những lời này không phải vì, hoặc để thể hiện sự tin chắc của Ngài vào thành công; thay vào đó, chúng là bằng chứng về thẩm quyền của lời Đức Chúa Trời phán, và là một mệnh lệnh làm ứng nghiệm lời Đức Chúa Trời. Có hai sự bày tỏ mà các người nên chú ý ở đây. Khi Đức Chúa Trời phán “Áp-ra-ham chắc sẽ được trở nên một dân lớn và cường thịnh; các dân tộc trên thế gian đều sẽ nhờ người mà được phước”, thì có bất kỳ yếu tố mơ hồ nào trong những lời này không? Có bất kỳ yếu tố lo lắng nào không? Có bất kỳ yếu tố sợ hãi nào không? Bởi vì những cụm từ “chắc sẽ” và “đều sẽ” trong lời phán của Đức Chúa Trời, những yếu tố này, là của riêng con người và thường được thể hiện trong họ, chưa bao giờ liên quan đến Đấng Tạo Hóa. Không một ai dám dùng những lời như thế khi chúc người khác những điều tốt lành, không một ai dám chúc phước cho người khác với một sự chắc chắn như là ban cho họ một dân lớn và cường thịnh, hoặc hứa rằng các dân tộc trên thế gian đều sẽ nhờ họ mà được phước. Lời Đức Chúa Trời càng chắc chắn, chúng càng chứng minh một điều gì đó – và điều đó là gì? Chúng chứng minh rằng Đức Chúa Trời có thẩm quyền như thế, rằng thẩm quyền của Ngài có thể đạt được những điều này, và rằng thành quả của chúng là không thể tránh khỏi. Đức Chúa Trời chắc chắn trong lòng Ngài, không chút do dự, về tất cả những gì Ngài đã chúc phước cho Áp-ra-ham. Hơn nữa, toàn bộ điều này sẽ đạt được theo lời Ngài, không thế lực nào có thể thay đổi, ngăn cản, phá hoại hoặc làm nhiễu loạn việc thực hiện của nó. Bất kể chuyện gì khác xảy ra, không gì có thể hủy bỏ hoặc ảnh hưởng đến việc thực hiện và hoàn thành lời Đức Chúa Trời. Đây chính là sức mạnh của những lời được phán ra từ miệng của Đấng Tạo Hóa, và thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa không cho phép con người chối bỏ! Sau khi đọc xong những lời này, người có còn cảm thấy nghi ngờ không? Những lời này được phán ra từ miệng Đức Chúa Trời, và có quyền năng, sự oai nghi, và thẩm quyền trong lời Đức Chúa Trời. Sức

mạnh và thẩm quyền như thế, cũng như sự chắc chắn hoàn thành trong thực tế, không thể đạt được bởi bất kỳ loài thọ tạo hoặc không thọ tạo nào. Chỉ có Đấng Tạo Hóa mới có thể trò chuyện với con người với một giọng điệu và ngữ điệu như thế, và sự thật đã chứng minh rằng những lời hứa của Ngài không phải là những lời sáo rỗng, hoặc những lời khoe khoang vô bổ, mà là sự thể hiện thẩm quyền độc nhất không thể vượt qua bởi bất kỳ con người, sự việc hoặc sự vật nào.

Sự khác biệt giữa những lời phán của Đức Chúa Trời và những lời nói của con người là gì? Khi người đọc những lời này do Đức Chúa Trời phán, thì người cảm nhận được sức mạnh của lời Đức Chúa Trời và thẩm quyền của Đức Chúa Trời. Người cảm thấy thế nào khi nghe người khác nói những lời như thế? Người có nghĩ rằng họ cực kỳ ngạo mạn và khoác lác, là những người đang thể hiện bản thân không? Bởi họ không có quyền năng này, họ không sở hữu thẩm quyền như thế, và vì vậy họ hoàn toàn không có khả năng đạt được những điều như thế. Những người rất chắc chắn về lời hứa của mình chỉ cho thấy sự bất cẩn trong những phát ngôn của họ. Nếu ai đó nói những lời như thế, thì chắc chắn họ kiêu ngạo và quá tự tin, và đang tỏ lộ chính mình là một ví dụ điển hình về tâm tính của thiên sứ trượng. Những lời này đến từ miệng của Đức Chúa Trời; người có cảm nhận được bất kỳ yếu tố kiêu ngạo nào ở đây không? Người có cảm thấy rằng lời Đức Chúa Trời chỉ là một trò đùa không? Lời Đức Chúa Trời là thẩm quyền, lời Đức Chúa Trời là sự thật, và trước khi lời được phán ra từ miệng của Ngài, điều đó có nghĩa là, trong khi Ngài đang quyết định làm điều gì đó, thì điều đó đã được hoàn thành. Có thể nói rằng tất cả những gì Đức Chúa Trời đã phán với Áp-ra-ham là một giao ước mà Đức Chúa Trời đã thiết lập với Áp-ra-ham, và là một lời hứa của Đức Chúa Trời đối với Áp-ra-ham. Lời hứa này là một sự thật đã xác lập cũng như là một sự thật đã đạt được, và những sự thật này dần dần được thực hiện trong ý định của Đức Chúa Trời theo kế hoạch của Đức Chúa Trời. Vì vậy, đối với Đức Chúa Trời, việc phán những lời như thế không có nghĩa là Ngài có một tâm tính kiêu ngạo, bởi vì Đức Chúa Trời có thể đạt được những điều như thế. Ngài có quyền năng và thẩm quyền này, và đủ khả năng đạt được những việc đó, và việc hoàn thành chúng hoàn toàn nằm trong khả năng của Ngài. Khi những lời như thế này được phán ra từ miệng Đức Chúa Trời, thì chúng là một sự mặc khải và thể hiện tâm tính thực sự của Đức Chúa Trời, một sự mặc khải và biểu hiện hoàn hảo về thực chất và thẩm quyền của Đức Chúa Trời, và không gì thích đáng và phù hợp hơn là một bằng chứng về thân phận của Đấng Tạo Hóa. Cách thức, giọng điệu và lời lẽ trong những lời phán như thế chính xác là dấu hiệu thân phận của Đấng Tạo Hóa, và hoàn toàn tương ứng với sự bày tỏ của chính thân phận Đức Chúa Trời; trong chúng không có sự giả vờ, không có sự bất tịnh; chúng hoàn toàn và tuyệt đối là sự thể hiện hoàn hảo về thực chất và thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa. Về phần các vật thọ tạo, chúng không sở hữu thẩm quyền này, cũng không sở hữu thực chất này, chứ đừng nói đến việc chúng sở hữu sức mạnh do Đức Chúa Trời ban cho. Nếu con người thể hiện hành vi như thế, thì điều đó chắc chắn sẽ là sự bùng phát về tâm tính bại hoại của họ, và gốc rễ của điều này sẽ là tác động xen vào của tính kiêu

ngạo và tham vọng điên cuồng của con người, cũng như sự phơi bày những ý định thâm độc của không ai khác ngoài quỷ dữ, Sa-tan, kẻ mong muốn lừa gạt con người và dụ dỗ họ phản bội Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đánh giá như thế nào về những điều được tỏ lộ bằng ngôn ngữ như thế? Đức Chúa Trời sẽ phán rằng người mong muốn chiếm đoạt vị trí của Ngài và rằng người mong muốn mạo nhận và thay thế Ngài. Khi người bắt chước giọng điệu lời phán của Đức Chúa Trời, thì ý định của người là thay thế vị trí của Đức Chúa Trời trong lòng mọi người, chiếm đoạt loài người đúng ra thuộc về Đức Chúa Trời. Đây là Sa-tan, rõ ràng và đơn giản; đây là những hành động của con cháu thiên sứ trưởng, Trời không thể tha! Trong số các người, có ai đã từng bắt chước Đức Chúa Trời theo cách nào đó bằng việc nói một vài lời, với ý định lường gạt và lừa dối mọi người, và khiến họ cảm thấy như thể lời nói và hành động của người này mang thẩm quyền và quyền năng của Đức Chúa Trời, như thể thực chất và thân phận của người này là độc nhất, và thậm chí như thể giọng điệu ngôn từ của người này tương tự của Đức Chúa Trời chưa? Các người đã bao giờ làm điều gì như thế này chưa? Các người có bao giờ bắt chước giọng điệu của Đức Chúa Trời trong khi nói, với điều bộ được cho là đại diện cho tâm tính của Đức Chúa Trời, với những gì các người cho là sức mạnh và thẩm quyền chưa? Có phải hầu hết các người thường hành động, hoặc định hành động, theo cách đó không? Giờ đây, khi các người thực sự thấy, nhận thức và biết về thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa, và nhìn lại những gì các người đã từng làm, và những gì các người đã từng tỏ lộ về bản thân mình, người có cảm thấy kinh tởm không? Các người có nhận ra sự hèn hạ và vô liêm sỉ của mình không? Sau khi mổ xẻ tâm tính và thực chất của những kẻ như thế, có thể nói rằng họ là dòng giống chết tiệt đáng bị rửa sạch không? Có thể nói rằng bất kỳ ai làm những điều như thế đều tự đem lại sự sỉ nhục cho chính mình không? Các người có nhận ra sự nghiêm trọng trong bản chất của nó không? Chính xác thì nó nghiêm trọng đến mức nào? Ý định của những người hành động theo cách này là bắt chước Đức Chúa Trời. Họ muốn trở thành Đức Chúa Trời, khiến mọi người thờ phụng họ như là Đức Chúa Trời. Họ muốn xóa bỏ vị trí của Đức Chúa Trời trong lòng con người, và loại bỏ Đức Chúa Trời, Đấng làm việc giữa con người, và họ làm điều này để đạt được mục đích kiểm soát con người, nuốt chửng con người, và chiếm hữu họ. Mọi người đều có những ham muốn và tham vọng trong tiềm thức như thế này, và mọi người đều sống trong kiểu thực chất Sa-tan bại hoại này, trong một bản chất Sa-tan mà trong đó họ thù địch với Đức Chúa Trời, phản bội Đức Chúa Trời, và mong muốn trở thành Đức Chúa Trời. Sau sự thông công của Ta về đề tài thẩm quyền của Đức Chúa Trời, các người có còn mong muốn hoặc ham hố mạo nhận hoặc bắt chước Đức Chúa Trời không? Người có còn mong muốn trở thành Đức Chúa Trời không? Thẩm quyền của Đức Chúa Trời con người không thể bắt chước và thân phận cùng địa vị của Đức Chúa Trời con người không thể mạo nhận. Dù người có khả năng bắt chước giọng điệu Đức Chúa Trời phán, nhưng người không thể bắt chước thực chất của Đức Chúa Trời. Dù người có thể đứng vào vị trí của Đức Chúa Trời và mạo nhận là Đức Chúa Trời, nhưng người sẽ không bao giờ có thể làm được những

điều Đức Chúa Trời dự định làm, và sẽ không bao giờ có thể cai trị và điều khiển muôn vật. Trong mắt Đức Chúa Trời, người sẽ mãi mãi là một vật tạo nhỏ bé, và bất kể các kỹ năng và khả năng của người có giỏi đến mức nào, bất kể người có bao nhiêu ân tứ, thì mọi thứ của người đều dưới sự thống trị của Đấng Tạo Hóa. Dù người có thể nói một số lời bạo miệng, thì điều này không thể cho thấy rằng người có thực chất của Đấng Tạo Hóa, cũng không thể hiện rằng người sở hữu thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa. Thẩm quyền và quyền năng của Đức Chúa Trời là thực chất của chính Đức Chúa Trời. Chúng không được học hoặc thêm vào từ bên ngoài, mà là thực chất vốn có của chính Đức Chúa Trời. Và vì thế, mối quan hệ giữa Đấng Tạo Hóa và các vật tạo không bao giờ có thể thay đổi. Là một trong những vật tạo, con người phải giữ vị trí của riêng mình, và cư xử một cách thối nát. Hãy nghiêm túc bảo vệ những gì Đấng Tạo Hóa giao phó cho người. Đừng vi phạm phép tắc, hoặc làm những điều ngoài khả năng của người hoặc điều gì ghê tởm đối với Đức Chúa Trời. Đừng cố gắng trở nên vĩ nhân, siêu nhân, hoặc trỗi vượt hơn người, mà cũng đừng cố gắng trở thành Đức Chúa Trời. Con người không nên mong muốn như thế này. Việc cố gắng trở nên vĩ nhân hoặc siêu nhân là hết sức hoang đường. Việc cố gắng trở thành Đức Chúa Trời thậm chí còn nhục nhã hơn; điều đó thật kinh tởm và đáng khinh. Điều đáng khen ngợi, và điều các vật tạo nên nắm giữ hơn bất kỳ điều gì khác, là trở nên một vật tạo thực sự; đây là mục tiêu duy nhất mà tất cả mọi người nên theo đuổi.

### **Thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa không bị giới hạn bởi thời gian, không gian, hoặc địa lý, và thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa không thể đo lường được**

Chúng ta hãy xem Sáng Thế 22:17-18. Đây là một phân đoạn nữa được phán bởi Giê-hô-va Đức Chúa Trời, trong đó Ngài phán với Áp-ra-ham: “Sẽ ban phước cho người, thêm dòng dõi người nhiều như sao trên trời, đông như cát bờ biển, và dòng dõi đó sẽ chiếm được cửa thành quân nghịch. Bởi vì người đã vâng theo lời dặn ta, nên các dân thế gian đều sẽ nhờ dòng dõi người mà được phước”. Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã ban phước nhiều lần cho Áp-ra-ham rằng dòng dõi của ông sẽ sinh sôi thêm nhiều – nhưng chúng sẽ sinh sôi đến mức nào? Đến mức đã được phán trong Kinh Thánh: “như sao trên trời, đông như cát bờ biển”. Điều này có nghĩa là Đức Chúa Trời muốn ban cho Áp-ra-ham một dòng dõi nhiều như sao trên trời, và đông như cát bờ biển. Đức Chúa Trời phán sử dụng hình tượng, và từ hình tượng này không khó để thấy rằng Đức Chúa Trời sẽ không chỉ ban cho Áp-ra-ham một, hai, hoặc thậm chí hàng ngàn con cháu, mà một con số không thể đếm được, đủ để chúng sẽ trở thành nhiều dân tộc, bởi Đức Chúa Trời đã hứa với Áp-ra-ham rằng ông sẽ trở nên tổ phụ của nhiều dân tộc. Thế con số đó được quyết định bởi con người, hay nó được quyết định bởi Đức Chúa Trời? Con người có thể kiểm soát được họ có bao nhiêu con cháu không? Điều đó có tùy thuộc vào họ không? Thậm chí con người còn không quyết định được họ có vài con cháu hay không, chứ đừng nói đến nhiều như “sao trên trời, đông như cát bờ biển”. Có ai không mong muốn con cháu mình nhiều như sao trên trời không? Thật không may, sự việc



không phải lúc nào cũng theo cách người muốn. Bất kể con người có tài giỏi hoặc có năng lực đến mức nào, thì điều đó không tùy thuộc vào họ; không ai có thể đứng ngoài những gì Đức Chúa Trời đã định. Ngài cho phép người bao nhiêu, thì đó là số lượng người sẽ có: Nếu Đức Chúa Trời ban cho người ít, thì người sẽ không bao giờ có nhiều, và nếu Đức Chúa Trời ban cho người nhiều, thì không việc gì phải bức tức người có được bao nhiêu. Điều này không đúng sao? Tất cả những điều này tùy thuộc vào Đức Chúa Trời, không phải vào con người! Con người do Đức Chúa Trời cai trị, và không ai được miễn trừ!

Khi Đức Chúa Trời phán “thêm dòng dõi người”, thì đây là một giao ước Đức Chúa Trời đã thiết lập với Áp-ra-ham, và giống như giao ước cầu vòng, nó sẽ được thực hiện cho đến đời đời, và nó cũng là lời Đức Chúa Trời hứa với Áp-ra-ham. Chỉ có Đức Chúa Trời mới có thẩm quyền và khả năng để biến lời hứa này thành sự thật. Bất kể con người có tin nó hay không, bất kể con người có chấp nhận nó hay không và bất kể con người nhìn nhận và xem nó thế nào, thì toàn bộ điều này sẽ được thực hiện đến từng chữ, theo những lời Đức Chúa Trời đã phán. Lời Đức Chúa Trời sẽ không bị thay đổi do những thay đổi trong ý muốn hoặc quan niệm của con người, và nó sẽ không bị thay đổi do những thay đổi trong bất kỳ con người, sự việc hoặc sự vật nào. Muôn vật có thể biến mất, nhưng lời Đức Chúa Trời sẽ còn mãi mãi. Thực ra, ngày mà muôn vật biến mất chính xác là ngày lời Đức Chúa Trời hoàn toàn được ứng nghiệm, bởi Ngài là Đấng Tạo Hóa, Ngài sở hữu thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa, quyền năng của Đấng Tạo Hóa, và Ngài kiểm soát muôn vật cùng mọi sinh lực; Ngài có thể khiến từ không thành có hoặc từ có thành không, và Ngài kiểm soát sự chuyển biến của muôn vật từ sống đến chết; đối với Đức Chúa Trời, không gì có thể đơn giản hơn là làm sinh sôi dòng giống của ai đó. Điều này nghe có vẻ ảo tưởng đối với con người, giống như một câu chuyện cổ tích, nhưng đối với Đức Chúa Trời, những gì Ngài quyết định và hứa thực hiện thì không hề ảo tưởng, nó cũng không phải là chuyện cổ tích. Đúng hơn, nó là một sự thật mà Đức Chúa Trời đã thấy, và là điều chắc chắn sẽ được hoàn tất. Các người có hiểu rõ được điều này không? Có phải sự thật chứng minh rằng con cháu của Áp-ra-ham rất nhiều không? Chúng nhiều cỡ nào? Chúng có nhiều như “sao trên trời, đông như cát bờ biển” mà Đức Chúa Trời đã phán không? Chúng có tản ra khắp các dân tộc và vùng miền, đến mọi nơi trên thế giới không? Bởi điều gì mà sự thật này đã đạt được? Có phải nó đạt được bởi thẩm quyền của lời Đức Chúa Trời không? Trong hàng trăm hoặc hàng ngàn năm sau khi lời Đức Chúa Trời được phán ra, lời Đức Chúa Trời đã tiếp tục được ứng nghiệm, và luôn luôn trở thành sự thật; đây là sức mạnh của lời Đức Chúa Trời, và bằng chứng về thẩm quyền của Đức Chúa Trời. Khi Đức Chúa Trời tạo dựng nên muôn vật vào buổi ban đầu, Đức Chúa Trời đã phán “phải có sự sáng”, thì có sự sáng. Điều này xảy ra rất nhanh, được ứng nghiệm trong một thời gian rất ngắn, và không có chút chậm trễ nào trong việc thực hiện và hoàn thành; hiệu quả của lời Đức Chúa Trời là tức thời. Cả hai đều là sự thể hiện thẩm quyền của Đức Chúa Trời, nhưng khi Đức Chúa Trời ban phước cho Áp-ra-ham, Ngài đã cho phép con người thấy một khía cạnh khác

trong thực chất thẩm quyền của Đức Chúa Trời, cũng như sự thật là thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa không thể đo lường, và hơn nữa, Ngài còn cho phép con người thấy một khía cạnh tinh tế và thực tế hơn trong thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa.

Một khi lời của Đức Chúa Trời được phán ra, thì thẩm quyền của Đức Chúa Trời nắm quyền chỉ huy công việc này, và sự thật đã được hứa từ miệng Đức Chúa Trời dần dần trở thành hiện thực. Kết quả là, những sự thay đổi bắt đầu xuất hiện giữa muôn vật, hết như khi mùa xuân đến, cỏ trở nên xanh tươi, hoa nở rộ, cây đâm chồi, chim bắt đầu hót, vịt trời quay trở lại, và những cánh đồng đầy người... Khi mùa xuân đến, muôn vật được hồi sinh, và đây là một việc làm kỳ diệu của Đấng Tạo Hóa. Khi Đức Chúa Trời thực hiện lời hứa của Ngài, muôn vật trên trời và dưới đất đều đổi mới và thay đổi theo ý định của Đức Chúa Trời – không gì là ngoại lệ. Khi một sự kết ước hoặc một lời hứa được phán ra từ miệng Đức Chúa Trời, thì muôn vật đều phục vụ cho sự ỨNG NGHIỆM của nó, và được huy động vì sự ỨNG NGHIỆM của nó; mọi loài thọ tạo được bố trí và sắp đặt dưới quyền thống trị của Đấng Tạo Hóa, đóng vai riêng và thực hiện chức năng riêng của mình. Đây là sự biểu hiện thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa. Người thấy gì trong điều này? Làm sao người biết thẩm quyền của Đức Chúa Trời? Có một phạm vi nào cho thẩm quyền của Đức Chúa Trời không? Có giới hạn thời gian không? Có thể nói nó có một chiều cao nhất định, hoặc chiều dài nhất định không? Có thể nói nó có một kích thước hoặc sức mạnh nhất định không? Nó có thể được đo bởi thước đo của con người không? Thẩm quyền của Đức Chúa Trời không chập chờn, không đến rồi đi, và không ai có thể đo được thẩm quyền của Ngài vĩ đại đến mức nào. Bất kể thời gian trôi qua bao lâu, khi Đức Chúa Trời ban phước cho một người, thì phước lành này sẽ cứ tiếp tục, và sự tiếp diễn của nó sẽ là bằng chứng cho thẩm quyền không thể đo lường của Đức Chúa Trời, và sẽ cho phép loài người thấy được sự tái hiện của sức sống bất diệt nơi Đấng Tạo Hóa, hết lần này đến lần khác. Mỗi biểu hiện thẩm quyền của Ngài đều là sự thể hiện hoàn hảo của những lời từ miệng Ngài, được thể hiện cho muôn vật, và cho nhân loại. Hơn nữa, mọi thứ đạt được bởi thẩm quyền của Ngài đều tuyệt vời không gì sánh bằng, và tuyệt đối hoàn hảo. Có thể nói rằng tất cả ý định của Ngài, lời Ngài và thẩm quyền của Ngài, cũng như tất cả công tác mà Ngài hoàn thành đều là một bức tranh tuyệt đẹp vô song, và đối với các vật thọ tạo, thì ngôn ngữ của loài người không thể lột tả được ý nghĩa và giá trị của nó. Khi Đức Chúa Trời hứa với một người, thì mọi thứ về họ đều quen thuộc đối với Đức Chúa Trời như lòng bàn tay của chính Ngài, cho dù đó là việc họ sống ở đâu, hoặc họ làm gì, nền tảng của họ trước và sau khi nhận được lời hứa, hoặc môi trường sống của họ đã biến động nhiều đến mức nào. Bất kể thời gian trôi qua sau khi lời Đức Chúa Trời phán là bao lâu, đối với Ngài, dường như chúng vừa mới được thốt ra. Điều này có nghĩa là Đức Chúa Trời có quyền năng, và có một thẩm quyền đến mức mà Ngài có thể theo dõi, kiểm soát, và thực hiện mọi lời hứa của Ngài với nhân loại, và bất kể lời hứa đó là gì, bất kể phải mất bao lâu để hoàn thành, và hơn nữa, bất kể phạm vi mà thành quả của nó chạm đến rộng như thế nào – ví dụ như, thời gian, địa lý, chủng tộc, v.v. – thì lời hứa này vẫn sẽ được thực hiện và hoàn

thành, và hơn thế nữa, việc thực hiện và hoàn thành nó sẽ không cần đến chút nỗ lực nhỏ nhất nào ở Ngài. Điều này chứng tỏ điều gì? Nó chứng tỏ rằng phạm vi thẩm quyền và quyền năng của Đức Chúa Trời đủ để kiểm soát toàn vũ trụ, và toàn nhân loại. Đức Chúa Trời tạo ra sự sáng, nhưng điều đó không có nghĩa là Đức Chúa Trời chỉ quản lý sự sáng, hoặc là Ngài chỉ quản lý nước bởi vì Ngài đã tạo ra nước, còn mọi thứ khác đều không liên quan đến Đức Chúa Trời. Chẳng phải đây là một hiểu biết sai lệch sao? Mặc dù sự ban phước của Đức Chúa Trời cho Áp-ra-ham đã dần phai nhạt trong trí nhớ của con người sau vài trăm năm, nhưng đối với Đức Chúa Trời, thì lời hứa này vẫn được giữ nguyên. Nó vẫn đang trong quá trình hoàn thành, và chưa bao giờ dừng lại. Con người chưa bao giờ biết đến hoặc nghe về việc Đức Chúa Trời đã thực thi thẩm quyền của Ngài như thế nào, muôn vật được bố trí và sắp đặt ra sao, và có bao nhiêu câu chuyện tuyệt vời đã xảy ra giữa muôn vật trong sự tạo dựng của Đức Chúa Trời trong thời gian này, nhưng mọi tuyệt tác thể hiện thẩm quyền của Đức Chúa Trời và sự mặc khải về những việc làm của Ngài đều được lưu truyền và tôn cao giữa muôn vật, muôn vật bày tỏ và nói về những việc làm kỳ diệu của Đấng Tạo Hóa, và từng câu chuyện được kể nhiều lần về quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa trên muôn vật sẽ được rao truyền bởi muôn vật cho đến đời đời. Thẩm quyền Đức Chúa Trời sử dụng để cai trị muôn vật, và quyền năng của Đức Chúa Trời, cho muôn vật thấy rằng Đức Chúa Trời có mặt mọi nơi, mọi lúc. Khi người đã chứng kiến sự có mặt khắp nơi của thẩm quyền và quyền năng của Đức Chúa Trời, thì người sẽ thấy rằng Đức Chúa Trời có mặt mọi nơi, mọi lúc. Thẩm quyền và quyền năng của Đức Chúa Trời không bị giới hạn bởi thời gian, địa lý, không gian, hoặc bất kỳ con người, sự việc hoặc sự vật nào. Phạm vi thẩm quyền và quyền năng của Đức Chúa Trời vượt quá trí tưởng tượng của con người; nó không thể dò lường đối với con người, không thể tưởng tượng đối với con người, và con người sẽ không bao giờ biết nó một cách trọn vẹn.

Một số người thích suy luận và tưởng tượng, nhưng trí tưởng tượng của con người có thể đạt đến mức nào? Nó có thể vượt ra ngoài thế giới này không? Con người có khả năng suy luận và tưởng tượng được về tính xác thực và chính xác về thẩm quyền của Đức Chúa Trời không? Sự suy luận và tưởng tượng của con người có khả năng cho phép họ đạt được một sự hiểu biết về thẩm quyền của Đức Chúa Trời không? Chúng có thể khiến con người thực sự thấu tỏ và quy phục thẩm quyền của Đức Chúa Trời không? Sự thật chứng minh rằng sự suy luận và tưởng tượng của con người chỉ là một sản phẩm của trí tuệ con người, và không mang lại chút lợi ích hoặc sự trợ giúp nào cho sự hiểu biết của con người về thẩm quyền của Đức Chúa Trời. Sau khi đọc tiểu thuyết khoa học, một số người có thể tưởng tượng ra mặt trăng, hoặc các vì sao trông như thế nào. Tuy nhiên điều này không có nghĩa là con người có bất kỳ sự hiểu biết nào về thẩm quyền của Đức Chúa Trời. Trí tưởng tượng của con người chỉ là: sự tưởng tượng. Sự thật về những điều này, tức là, về mối liên hệ của chúng với thẩm quyền của Đức Chúa Trời, thì họ hoàn toàn không nắm bắt được. Ngay cả khi người đã lên đến mặt trăng thì có gì quan trọng không? Điều này có cho thấy rằng người có một sự hiểu

biết đa chiều về thẩm quyền của Đức Chúa Trời không? Nó có cho thấy rằng người có thể tưởng tượng ra phạm vi thẩm quyền và quyền năng của Đức Chúa Trời không? Vì sự suy luận và tưởng tượng của con người không có khả năng cho phép con người biết thẩm quyền của Đức Chúa Trời, vậy thì con người nên làm gì? Sự lựa chọn khôn ngoan nhất là không suy luận hoặc tưởng tượng, điều đó có nghĩa rằng con người đừng bao giờ dựa vào sự tưởng tượng và phụ thuộc vào suy luận khi nói đến việc biết về thẩm quyền của Đức Chúa Trời. Điều Ta muốn nói với các người ở đây là gì? Sự hiểu biết về thẩm quyền của Đức Chúa Trời, quyền năng của Đức Chúa Trời, thân phận của riêng Đức Chúa Trời, và thực chất của Đức Chúa Trời không thể đạt được bằng cách dựa vào trí tưởng tượng của người. Vì người không thể dựa vào trí tưởng tượng để biết về thẩm quyền của Đức Chúa Trời, vậy thì bằng cách nào mà người có thể đạt được một sự hiểu biết thực sự về thẩm quyền của Đức Chúa Trời? Cách để làm điều này là thông qua việc ăn uống lời Đức Chúa Trời, qua sự thông công và qua việc trải nghiệm lời Đức Chúa Trời. Như thế, người dần dần sẽ có sự trải nghiệm và xác minh về thẩm quyền của Đức Chúa Trời và người sẽ dần dần có được sự nhận biết và sự hiểu biết ngày càng tăng về nó. Đây là cách duy nhất để đạt được sự hiểu biết về thẩm quyền của Đức Chúa Trời; không có lối tắt. Yêu cầu các người đừng tưởng tượng không giống như khiến các người ngồi một cách thụ động để chờ đợi sự hủy diệt, hoặc ngăn các người làm bất kỳ điều gì. Không sử dụng trí não của người để suy nghĩ và tưởng tượng có nghĩa là không sử dụng logic để suy luận, không sử dụng kiến thức để phân tích, không sử dụng khoa học làm cơ sở, mà thay vào đó hãy nhận biết, xác minh và xác nhận rằng Đức Chúa Trời mà người tin có thẩm quyền, xác nhận rằng Ngài nắm quyền tối thượng trên số phận của người, và rằng quyền năng của Ngài lúc nào cũng chứng minh Ngài chính là Đức Chúa Trời thật, qua lời Đức Chúa Trời, qua lẽ thật, qua mọi điều người gặp trong cuộc sống. Đây là cách duy nhất mà qua đó bất kỳ ai cũng có thể đạt được một sự hiểu biết về Đức Chúa Trời. Một số người nói rằng họ mong muốn tìm thấy một cách đơn giản để đạt được mục tiêu này, nhưng các người có thể nghĩ ra một cách như thế không? Ta nói cho người biết, không cần phải suy nghĩ: Không có cách nào khác! Cách duy nhất là biết và xác minh Đức Chúa Trời có gì và là gì một cách thấu đáo và kiên định thông qua từng lời Ngài bày tỏ và mọi điều Ngài làm. Đây là cách duy nhất để biết Đức Chúa Trời. Vì Đức Chúa Trời có gì, là gì, và mọi thứ về Đức Chúa Trời, không nông cạn và sáo rỗng, mà thực tế.

### **Sự thật về quyền kiểm soát và thống trị muôn vật và muôn loài của Đấng Tạo Hóa nói lên sự tồn tại thực sự về thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa**

Tương tự, việc Đức Giê-hô-va ban phước cho Gióp đã được ghi chép lại trong Sách Gióp. Đức Chúa Trời đã ban cho Gióp điều gì? “Như vậy, Đức Giê-hô-va ban phước cho buổi già của Gióp nhiều hơn lúc đang thì: người được mười bốn ngàn chiên, sáu ngàn lạc đà, một ngàn đôi bò, và một ngàn lừa cái” (Gióp 42:12). Từ góc nhìn của con người, những thứ này được ban cho Gióp là gì? Chúng có phải là tài sản của loài người

không? Với những tài sản này, chẳng phải Gióp đã rất giàu có trong thời đại đó sao? Vậy thì, ông đã có được tài sản đó như thế nào? Điều gì đã tạo nên sự giàu có của ông? Không cần phải nói – chính là nhờ vào sự ban phước của Đức Chúa Trời mà Gióp đã sở hữu được chúng. Gióp đã xem những tài sản này như thế nào và ông coi những phước lành của Đức Chúa Trời ra sao thì không phải là điều chúng ta sẽ thảo luận ở đây. Khi nói đến các phước lành của Đức Chúa Trời, tất cả mọi người đều khao khát, ngày và đêm, để được Đức Chúa Trời ban phước, tuy nhiên con người không kiểm soát việc họ có thể có được bao nhiêu tài sản trong suốt cuộc đời mình, hoặc liệu họ có thể nhận được các phước lành từ Đức Chúa Trời hay không – đây là một sự thật không thể chối cãi! Đức Chúa Trời có thẩm quyền và quyền năng ban bất kỳ tài sản nào cho con người, cho phép con người có được bất kỳ phước lành nào, tuy nhiên có một nguyên tắc đối với các phước lành của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời ban phước cho loại người nào? Tất nhiên, Ngài ban phước cho những người Ngài hài lòng! Cả Áp-ra-ham lẫn Gióp đều đã được Đức Chúa Trời ban phước, tuy nhiên những phước lành họ nhận được không giống nhau. Đức Chúa Trời đã ban phước cho Áp-ra-ham con cháu đông như cát và các vì sao. Khi Đức Chúa Trời ban phước cho Áp-ra-ham, Ngài đã khiến con cháu của một người, và một dân tộc, trở nên hùng mạnh và thịnh vượng. Trong việc này, thẩm quyền của Đức Chúa Trời đã cai trị loài người, những người đã hít thở hơi thở của Đức Chúa Trời giữa muôn vật và muôn loài. Dưới quyền tối thượng trong thẩm quyền của Đức Chúa Trời, loài người này đã sinh sôi và tồn tại với một tốc độ do Đức Chúa Trời quyết định, và trong một phạm vi do Đức Chúa Trời quyết định. Cụ thể, khả năng tồn tại, tốc độ phát triển và tuổi thọ trung bình của đất nước này, tất cả là một phần trong sự sắp đặt của Đức Chúa Trời, và nguyên tắc của tất cả những điều này hoàn toàn được dựa trên lời Đức Chúa Trời đã hứa với Áp-ra-ham. Điều này có nghĩa là, bất kể trong hoàn cảnh nào, lời hứa của Đức Chúa Trời cũng sẽ được tiến hành mà không gặp trở ngại gì và được thực hiện dưới sự bảo hộ trong thẩm quyền của Đức Chúa Trời. Trong lời Đức Chúa Trời hứa với Áp-ra-ham, bất kể những biến động của thế giới, bất kể thời đại, bất kể các thảm họa mà loài người phải chịu đựng, thì con cháu của Áp-ra-ham sẽ không phải đối mặt với nguy cơ bị hủy diệt và quốc gia của họ sẽ không bị diệt vong. Tuy nhiên, việc Đức Chúa Trời ban phước cho Gióp đã khiến ông trở nên cực kỳ giàu có. Những gì Đức Chúa Trời đã ban cho ông là một loạt những sinh vật sống, có hơi thở, những chi tiết về chúng – số lượng, tốc độ sinh sản, tỷ lệ sống sót, lượng mỡ trong cơ thể chúng, v.v. – cũng đều do Đức Chúa Trời kiểm soát. Dù những sinh vật này không có khả năng nói, nhưng chúng cũng là một phần trong sự sắp đặt của Đấng Tạo Hóa và nguyên tắc đằng sau sự sắp đặt của Đức Chúa Trời cho chúng được thực hiện trên cơ sở những phước lành mà Đức Chúa Trời đã hứa với Gióp. Trong các phước lành mà Đức Chúa Trời đã ban cho Áp-ra-ham và Gióp, mặc dù những điều được hứa có khác nhau, nhưng thẩm quyền Đấng Tạo Hóa sử dụng để cai trị muôn vật và muôn loài đều như nhau. Mọi chi tiết về thẩm quyền và quyền năng của Đức Chúa Trời được thể hiện trong những lời hứa và phước lành khác nhau của Ngài đối với Áp-ra-ham và

Gióp, và một lần nữa cho loài người thấy rằng thẩm quyền của Đức Chúa Trời vượt xa trí tưởng tượng của con người. Những chi tiết này một lần nữa cho loài người biết rằng nếu họ mong muốn biết về thẩm quyền của Đức Chúa Trời, thì điều này chỉ có thể đạt được thông qua lời Đức Chúa Trời và qua việc trải nghiệm công tác của Đức Chúa Trời.

Thẩm quyền trong quyền tối thượng của Đức Chúa Trời trên muôn vật cho phép con người nhìn thấy một sự thật: thẩm quyền của Đức Chúa Trời không chỉ được thể hiện trong những lời “Và Đức Chúa Trời phán, ‘Phải có sự sáng’, thì có sự sáng, và ‘Phải có khoảng không’, thì có khoảng không, và ‘Phải có đất’, thì có đất”, mà hơn nữa, thẩm quyền của Ngài còn được thể hiện trong cách Ngài làm cho sự sáng tiếp tục, ngăn cho khoảng không khỏi biến mất và giữ cho đất tách khỏi nước mãi mãi, cũng như trong những chi tiết Ngài cai trị và quản lý những thứ Ngài đã tạo ra như thế nào: sự sáng, khoảng không và đất. Các người còn nhìn thấy gì nữa trong việc Đức Chúa Trời ban phước cho loài người? Rõ ràng, sau khi Đức Chúa Trời ban phước cho Áp-ra-ham và Gióp, bước chân của Đức Chúa Trời đã không dừng lại, bởi Ngài chỉ vừa mới bắt đầu thực thi thẩm quyền của Ngài, Ngài đã dự định biến mỗi một lời của Ngài trở thành hiện thực và biến từng chi tiết một trong những điều Ngài phán trở thành sự thật, và vì thế trong những năm tiếp theo, Ngài tiếp tục làm mọi thứ mà Ngài đã định. Bởi vì Đức Chúa Trời có thẩm quyền, nên có lẽ dường như đối với con người, Đức Chúa Trời chỉ cần phán dạy, và không cần phải nhích một ngón tay, là mọi vấn đề và mọi sự vật đều xong xuôi. Những sự tưởng tượng như thế quá tức cười! Nếu người chỉ nhìn nhận một chiều về việc Đức Chúa Trời thiết lập giao ước với con người bằng lời, việc Đức Chúa Trời đạt được mọi thứ bằng lời, và người không có khả năng thấy những dấu hiệu và những sự thật khác nhau về việc thẩm quyền của Đức Chúa Trời nắm giữ quyền thống trị trên sự tồn tại của muôn vật, thì sự hiểu biết của người về thẩm quyền của Đức Chúa Trời còn quá trống tuếch và tức cười! Nếu con người tưởng tượng ra Đức Chúa Trời là như thế, thì phải nói rằng, hiểu biết của con người về Đức Chúa Trời đã bị đẩy đến đường cùng, đã chạm đến ngõ cụt, bởi Đức Chúa Trời mà con người tưởng tượng ra chỉ là một cỗ máy phát ra mệnh lệnh, không phải là Đức Chúa Trời sở hữu thẩm quyền. Người đã thấy gì qua những ví dụ về Áp-ra-ham và Gióp? Người đã nhìn thấy khía cạnh thực sự trong thẩm quyền và quyền năng của Đức Chúa Trời chưa? Sau khi Đức Chúa Trời ban phước cho Áp-ra-ham và Gióp, Đức Chúa Trời không ngụ lại nơi Ngài đã ở, Ngài cũng không sai các sứ giả của Ngài làm việc trong khi chờ xem kết quả sẽ ra sao. Ngược lại, ngay sau khi Đức Chúa Trời cất tiếng phán lời Ngài, dưới sự hướng dẫn trong thẩm quyền của Đức Chúa Trời, muôn vật bắt đầu tuân theo công việc mà Đức Chúa Trời đã dự định, và có những con người, sự việc và sự vật được chuẩn bị sẵn theo yêu cầu của Đức Chúa Trời. Điều này có nghĩa rằng, ngay sau khi lời được phán ra từ miệng của Đức Chúa Trời, thẩm quyền của Đức Chúa Trời đã bắt đầu được thực thi trên toàn bộ vùng đất, và Ngài đã lập ra một tiến trình để thực hiện và hoàn thành những lời Ngài đã hứa với Áp-ra-ham và Gióp, đồng thời cũng có những kế hoạch và sự chuẩn bị thích hợp cho tất cả những gì được yêu cầu đối với mọi bước và từng giai đoạn then chốt mà

Ngài đã lên kế hoạch thực hiện. Trong thời gian này, Đức Chúa Trời đã huy động không chỉ các sứ giả của Ngài, mà cả muôn vật đã được Ngài tạo ra. Điều này có nghĩa rằng phạm vi trong đó thẩm quyền của Đức Chúa Trời được thực thi không chỉ bao gồm các sứ giả, mà cả muôn vật trong sự tạo dựng, những thứ được huy động để làm theo công tác mà Ngài đã dự định đạt được; đây là những cách thức cụ thể trong đó thẩm quyền của Đức Chúa Trời được thực thi. Trong trí tưởng tượng của các người, một vài người có thể có những hiểu biết về thẩm quyền của Đức Chúa Trời như sau: Đức Chúa Trời có thẩm quyền và Đức Chúa Trời có quyền năng, và vì thế Đức Chúa Trời chỉ cần ở trên tầng trời thứ ba, hay trong một nơi cố định, và không cần làm bất kỳ công việc cụ thể nào, và toàn bộ công tác của Đức Chúa Trời được hoàn tất trong ý định của Ngài. Một số người có thể cũng tin rằng, mặc dù Đức Chúa Trời đã ban phước cho Áp-ra-ham, nhưng Đức Chúa Trời không cần làm bất cứ điều gì, và đối với Ngài chỉ cần cất tiếng phán là đủ rồi. Đây có phải là những gì đã thực sự xảy ra không? Rõ ràng là không! Mặc dù Đức Chúa Trời sở hữu thẩm quyền và quyền năng, nhưng thẩm quyền của Ngài là thực sự và có thật, không phải trống rỗng. Tính xác thực và hiện thực trong thẩm quyền và quyền năng của Đức Chúa Trời dần dần được tỏ lộ và thể hiện trong sự sáng tạo ra muôn vật của Ngài, trong sự kiểm soát trên muôn vật của Ngài, và trong quá trình Ngài dẫn dắt và quản lý loài người. Mọi phương pháp, mọi quan điểm và mọi chi tiết trong quyền tối thượng của Đức Chúa Trời trên loài người và muôn vật, và tất cả những công tác Ngài đã hoàn thành, cũng như là sự hiểu biết của Ngài về muôn vật – hết thảy chúng đều thực sự chứng minh rằng thẩm quyền và quyền năng của Đức Chúa Trời không phải là những lời sáo rỗng. Thẩm quyền và quyền năng của Ngài được thể hiện và tỏ lộ liên tục và trong muôn vật. Những sự thể hiện và tỏ lộ này nói lên sự tồn tại thực của thẩm quyền của Đức Chúa Trời, bởi Ngài đang dùng thẩm quyền và quyền năng của Ngài để tiếp tục công tác của Ngài, để điều khiển muôn vật và để cai trị muôn vật trong mọi lúc; quyền năng và thẩm quyền của Ngài không thể được thay thế bởi các thiên sứ hay bởi các sứ giả của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời quyết định Ngài sẽ ban những ơn phước gì cho Áp-ra-ham và Gióp – chính Đức Chúa Trời quyết định. Mặc dù các sứ giả của Đức Chúa Trời đã đích thân đến gặp Áp-ra-ham và Gióp, nhưng những hành động của họ dựa trên các điều răn của Đức Chúa Trời, và hành động của họ được thực hiện dưới thẩm quyền của Đức Chúa Trời, tương tự, các sứ giả cũng đều dưới quyền tối thượng của Đức Chúa Trời. Mặc dù con người thấy các sứ giả của Đức Chúa Trời gặp gỡ Áp-ra-ham, và không chứng kiến Giê-hô-va Đức Chúa Trời đích thân làm bất cứ điều gì trong những ghi chép của Kinh Thánh, nhưng sự thật, Đáng duy nhất thực sự thực thi quyền năng và thẩm quyền là chính Đức Chúa Trời, và điều này không cho phép bất kỳ ai được nghi ngờ! Mặc dù người đã thấy rằng các thiên sứ và sứ giả sở hữu quyền lực to lớn và làm các phép lạ, hay họ đã làm vài việc được Đức Chúa Trời ủy thác, nhưng những hành động của họ chỉ đơn thuần là nhằm hoàn thành sự ủy thác của Đức Chúa Trời, và tuyệt nhiên không thể hiện thẩm quyền của Đức Chúa Trời – bởi không người nào hay vật gì có, hoặc sở hữu, thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa

để tạo ra muôn vật và cai trị muôn vật. Vì vậy, không người nào hay vật gì có thể thực thi hay thể hiện thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa.

### **Thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa là bất biến và không thể xúc phạm**

Các người đã thấy gì trong ba phần thánh thư này? Các người có thấy rằng có một nguyên tắc mà theo đó Đức Chúa Trời thực thi thẩm quyền của Ngài không? Ví dụ như, Đức Chúa Trời đã sử dụng một cầu vòng để thiết lập một giao ước với con người – Ngài đặt cầu vòng trong những đám mây để cho con người biết rằng Ngài sẽ không bao giờ sử dụng một trận lụt để hủy diệt thế giới nữa. Có phải cầu vòng mà con người thấy ngày nay vẫn là cái đã được phán ra từ miệng Đức Chúa Trời không? Bản chất và ý nghĩa của nó đã thay đổi chưa? Không nghi ngờ gì, nó chưa hề thay đổi. Đức Chúa Trời đã sử dụng thẩm quyền của Ngài để thực hiện hành động này, và giao ước mà Ngài đã thiết lập với con người vẫn tiếp tục cho đến ngày nay, và tất nhiên, thời điểm mà giao ước này được thay đổi sẽ do Đức Chúa Trời quyết định. Sau khi Đức Chúa Trời phán “đặt móng của ta trên từng mây”, Đức Chúa Trời đã luôn giữ giao ước này, đến tận ngày nay. Người thấy được gì trong điều này? Mặc dù Đức Chúa Trời sở hữu thẩm quyền và quyền năng, nhưng Ngài rất nghiêm khắc và có nguyên tắc trong những hành động của Ngài, và thành tín với lời Ngài. Sự nghiêm khắc và các nguyên tắc trong những hành động của Ngài cho thấy tính không thể xúc phạm của Đấng Tạo Hóa và tính không thể vượt qua trong thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa. Dù Ngài sở hữu thẩm quyền tối cao, và muôn vật đều dưới sự thống trị của Ngài, và mặc dù Ngài có quyền năng cai trị muôn vật, nhưng Đức Chúa Trời chưa bao giờ làm hỏng hay phá vỡ kế hoạch của chính Ngài, và mỗi lần Ngài thực thi thẩm quyền của Ngài, đều theo đúng các nguyên tắc của chính Ngài, theo chính xác những điều được phán ra từ miệng Ngài, và theo các bước và mục tiêu trong kế hoạch của Ngài. Không cần phải nói, muôn vật do Đức Chúa Trời cai trị cũng vâng phục những nguyên tắc mà theo đó thẩm quyền của Đức Chúa Trời được thực thi, và không người nào hay vật gì được miễn trừ khỏi những sắp đặt trong thẩm quyền của Ngài, chúng cũng không thể thay đổi các nguyên tắc mà theo đó thẩm quyền của Ngài được thực thi. Trong mắt Đức Chúa Trời, những ai được ban phước nhận được sự may mắn do thẩm quyền của Ngài mang lại, và những ai bị rửa sạch nhận lấy sự trừng phạt bởi thẩm quyền của Đức Chúa Trời. Dưới quyền tối thượng trong thẩm quyền của Đức Chúa Trời, không người nào hoặc vật gì được miễn trừ khỏi sự thực thi thẩm quyền của Ngài, chúng cũng không thể thay đổi những nguyên tắc mà theo đó thẩm quyền của Ngài được thực thi. Thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa không bị thay đổi bởi những sự thay đổi trong bất kỳ nhân tố nào, và tương tự, các nguyên tắc mà theo đó thẩm quyền của Ngài được thực thi không thay đổi bởi bất kỳ lý do gì. Trời và đất có thể trải qua những biến động lớn, nhưng thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa sẽ không thay đổi; muôn vật có thể biến mất, nhưng thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa sẽ không bao giờ mất đi. Đây là thực chất trong thẩm quyền bất biến và không thể xúc phạm của Đấng Tạo Hóa, và đây chính là tính độc nhất của Đấng Tạo Hóa!



Những lời dưới đây không thể thiếu đối với việc biết đến thẩm quyền của Đức Chúa Trời, và ý nghĩa của chúng được trình bày trong sự thông công bên dưới. Chúng ta hãy tiếp tục đọc Kinh Thánh.

#### **4. Mệnh lệnh của Đức Chúa Trời đối với Sa-tan**

Gióp 2:6 Đức Giê-hô-va phán với Sa-tan rằng: Kìa, người ở trong tay người; nhưng chỉ hãy giữ mạng sống người.

#### **Sa-tan chưa bao giờ dám vi phạm thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa, và bởi điều này mà muôn vật sống trong trật tự**

Đây là một trích đoạn trong Sách Gióp, và “ông ấy” trong những lời này đề cập đến Gióp. Dù ngắn nhưng câu này làm sáng tỏ nhiều vấn đề. Nó mô tả một cuộc trao đổi riêng giữa Đức Chúa Trời và Sa-tan trong cõi tâm linh, và cho chúng ta biết rằng đối tượng của lời Đức Chúa Trời là Sa-tan. Nó cũng ghi lại những điều Đức Chúa Trời đã phán một cách cụ thể. Lời Đức Chúa Trời là một điều răn và một mệnh lệnh đối với Sa-tan. Những chi tiết cụ thể trong mệnh lệnh này liên quan đến việc tha mạng cho Gióp và đâu là giới hạn Đức Chúa Trời đã vạch ra cho Sa-tan trong việc đối xử với Gióp – Sa-tan phải tha mạng cho Gióp. Điều đầu tiên chúng ta học được từ câu này chính là những lời này được Đức Chúa Trời phán với Sa-tan. Theo nguyên bản của Sách Gióp, nó cho chúng ta biết bối cảnh của những lời như vậy: Sa-tan mong muốn buộc tội Gióp, và nó phải được Đức Chúa Trời đồng ý trước khi nó có thể thử ông. Khi đồng thuận với yêu cầu thử Gióp của Sa-tan, Đức Chúa Trời đưa ra điều kiện sau với Sa-tan: “Gióp ở trong tay người; nhưng chỉ hãy giữ mạng sống người”. Bản chất của những lời này là gì? Chúng rõ ràng là một điều răn, một mệnh lệnh. Tất nhiên, sau khi hiểu được bản chất của những lời này, người cũng nên hiểu rõ rằng Đấng đã ban mệnh lệnh này là Đức Chúa Trời, và rằng kẻ tiếp nhận mệnh lệnh này và tuân theo nó chính là Sa-tan. Không cần phải nói, trong mệnh lệnh này, mối quan hệ giữa Đức Chúa Trời và Sa-tan là hiển nhiên đối với bất kỳ ai đọc những lời này. Tất nhiên, đây cũng là mối quan hệ giữa Đức Chúa Trời và Sa-tan trong cõi tâm linh, là sự khác biệt giữa thân phận và địa vị của Đức Chúa Trời và Sa-tan, đã được cung cấp trong những ghi chép về cuộc trao đổi giữa Đức Chúa Trời và Sa-tan trong Kinh Thánh, và là sự khác biệt rõ rệt giữa thân phận và địa vị của Đức Chúa Trời và Sa-tan mà đến nay con người có thể học được trong ví dụ và bản ghi chép cụ thể. Ở đây, Ta phải nói rằng sự ghi chép lại những lời này là một tài liệu quan trọng trong sự hiểu biết của nhân loại về thân phận và địa vị của Đức Chúa Trời, và nó cung cấp thông tin quan trọng cho sự hiểu biết của nhân loại về Đức Chúa Trời. Qua cuộc trao đổi giữa Đấng Tạo Hóa và Sa-tan trong cõi tâm linh, con người có thể hiểu thêm một khía cạnh cụ thể nữa trong thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa. Những lời này là một bằng chứng nữa cho thẩm quyền độc nhất của Đấng Tạo Hóa.

Nhìn bề ngoài, Giê-hô-va Đức Chúa Trời đang trò chuyện với Sa-tan. Về thực chất, thái độ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời phán, và vị trí Ngài đứng thì cao hơn Sa-tan. Điều

này có nghĩa rằng Giê-hô-va Đức Chúa Trời đang ra lệnh cho Sa-tan với giọng điệu của một mệnh lệnh, và đang phán với Sa-tan những điều nó nên làm và không nên làm, rằng Gióp đã ở trong tay nó, và rằng nó tự do đối xử với Gióp theo bất kỳ cách nào nó muốn – nhưng mà nó không thể lấy mạng của Gióp. Ấn ý là, mặc dù Gióp đã được đặt vào tay Sa-tan, nhưng mạng sống của ông không được giao cho Sa-tan; không ai có thể lấy đi mạng sống của Gióp từ tay Đức Chúa Trời trừ khi được Đức Chúa Trời cho phép. Thái độ của Đức Chúa Trời được bộc lộ rõ ràng trong mệnh lệnh này đối với Sa-tan, và mệnh lệnh này cũng thể hiện và tỏ lộ vị thế mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời trò chuyện với Sa-tan. Trong việc này, Giê-hô-va Đức Chúa Trời không những giữ địa vị của Đức Chúa Trời là Đấng đã tạo ra sự sáng, không khí và muôn vật cùng muôn loài, của Đức Chúa Trời là Đấng nắm giữ quyền tối thượng trên muôn vật và muôn loài, mà còn của Đức Chúa Trời là Đấng ra lệnh cho nhân loại, và ra lệnh cho âm phủ, Đức Chúa Trời là Đấng kiểm soát sự sống và sự chết của mọi sinh vật. Trong cõi tâm linh, ngoài Đức Chúa Trời thì liệu còn ai dám ban một lệnh như thế cho Sa-tan không? Và tại sao Đức Chúa Trời đã đích thân ban mệnh lệnh của Ngài cho Sa-tan? Vì sự sống của con người, bao gồm cả của Gióp, được kiểm soát bởi Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đã không cho phép Sa-tan làm hại hoặc lấy mạng của Gióp, và thậm chí khi Đức Chúa Trời cho phép Sa-tan thử Gióp, thì Đức Chúa Trời vẫn nhớ ban một lệnh như thế một cách đặc biệt, và một lần nữa ra lệnh cho Sa-tan không được lấy mạng của Gióp. Sa-tan chưa bao giờ dám vi phạm thẩm quyền của Đức Chúa Trời, và hơn nữa, luôn luôn cẩn thận lắng nghe và vâng phục những mệnh lệnh và điều răn cụ thể của Đức Chúa Trời, không bao giờ dám xem thường chúng, và tất nhiên, không dám tùy tiện thay đổi bất kỳ mệnh lệnh nào của Đức Chúa Trời. Đó là những giới hạn mà Đức Chúa Trời đã đặt ra cho Sa-tan, và vì thế Sa-tan chưa bao giờ dám vượt quá những giới hạn này. Đây chẳng phải là quyền năng trong thẩm quyền của Đức Chúa Trời sao? Đây chẳng phải là một lời chứng cho thẩm quyền của Đức Chúa Trời sao? Sa-tan nắm rõ hơn nhân loại nhiều trong cách hành xử với Đức Chúa Trời và cách nhìn nhận Đức Chúa Trời, và vì thế trong cõi tâm linh, Sa-tan nhìn thấy địa vị và thẩm quyền của Đức Chúa Trời rất rõ ràng, và có một sự cảm kích sâu sắc về quyền năng trong thẩm quyền của Đức Chúa Trời và các nguyên tắc phía sau sự thực thi thẩm quyền của Ngài. Nó hoàn toàn không dám xem thường chúng, cũng không dám vi phạm chúng chút nào, hoặc làm bất kỳ điều gì vi phạm thẩm quyền của Đức Chúa Trời, và nó không dám thách thức cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời chút nào. Về bản tính, dù nó xấu xa và kiêu ngạo, nhưng Sa-tan chưa bao giờ dám vượt quá những ranh giới và giới hạn mà Đức Chúa Trời đã đặt ra cho nó. Trong hàng triệu năm, nó đã nghiêm túc tuân thủ những ranh giới này, tuân theo mọi điều răn và mệnh lệnh do Đức Chúa Trời ban cho nó, và chưa bao giờ dám vượt quá giới hạn. Dù nó độc ác, nhưng Sa-tan khôn hơn con người bại hoại rất nhiều; nó biết thân phận của Đấng Tạo Hóa và biết những ranh giới của bản thân. Từ những hành động “đầu phục” của Sa-tan có thể thấy rằng thẩm quyền và quyền năng của Đức Chúa Trời là những sắc lệnh thiên thượng không thể bị vi phạm bởi Sa-tan, và rằng chính vì

tính độc nhất và thẩm quyền của Đức Chúa Trời mà muôn vật thay đổi và sinh sôi một cách có trật tự, rằng loài người có thể sống và sinh sôi trong tiến trình do Đức Chúa Trời thiết lập, không người nào hay vật gì có khả năng làm đảo lộn trật tự này, và không người nào hay vật gì có khả năng thay đổi luật lệ này – bởi tất cả chúng đều đến từ bàn tay của Đấng Tạo Hóa, từ mệnh lệnh và thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa.

### **Chỉ có Đức Chúa Trời, Đấng có thân phận của Đấng Tạo Hóa, mới sở hữu thẩm quyền độc nhất**

Thân phận đặc biệt của Sa-tan đã khiến nhiều người bộc lộ một sự quan tâm mạnh mẽ đến những biểu hiện của nó trong các khía cạnh khác nhau. Thậm chí có nhiều người ngu ngốc tin rằng, cũng như Đức Chúa Trời, Sa-tan cũng sở hữu thẩm quyền, bởi Sa-tan có khả năng tỏ ra các phép lạ và có khả năng làm những điều mà loài người không thể làm. Do đó, bên cạnh việc thờ phụng Đức Chúa Trời, loài người cũng dành một chỗ cho Sa-tan trong lòng mình, và thậm chí còn thờ phụng Sa-tan như Đức Chúa Trời. Những người này vừa đáng thương hại vừa đáng khinh ghét. Họ đáng thương hại bởi sự thiếu hiểu biết của họ, và đáng khinh ghét vì dị giáo và bản chất xấu xa vốn có của họ. Ở đây, Ta cảm thấy rằng cần phải cho các người biết thẩm quyền là gì, nó tượng trưng cho điều gì và nó đại diện cho điều gì. Nói chung, chính Đức Chúa Trời là thẩm quyền, thẩm quyền của Ngài tượng trưng cho quyền tối cao và thực chất của Đức Chúa Trời, và thẩm quyền của chính Đức Chúa Trời đại diện cho địa vị và thân phận của Đức Chúa Trời. Vậy thì, Sa-tan có dám nói rằng chính nó là Đức Chúa Trời không? Sa-tan có dám nói rằng nó đã tạo ra muôn vật và nắm quyền tối thượng trên muôn vật không? Tất nhiên nó không dám! Bởi nó không có khả năng tạo ra muôn vật; cho đến ngày nay, nó chưa bao giờ làm ra bất cứ thứ gì đã được tạo ra bởi Đức Chúa Trời, và chưa bao giờ tạo ra được bất cứ thứ gì có sự sống. Bởi vì nó không có thẩm quyền của Đức Chúa Trời, nên nó không bao giờ có thể sở hữu địa vị và thân phận của Đức Chúa Trời, và điều này được định đoạt bởi thực chất của nó. Nó có quyền năng giống như Đức Chúa Trời không? Tất nhiên nó không có! Chúng ta gọi những hành động của Sa-tan và những phép lạ được phô diễn bởi Sa-tan là gì? Nó có phải là quyền năng không? Nó có thể được gọi là thẩm quyền không? Tất nhiên là không! Sa-tan điều khiển làn sóng của sự xấu xa, và làm đảo lộn, hủy hoại và gián đoạn mọi khía cạnh trong công tác của Đức Chúa Trời. Bởi vài ngàn năm qua, ngoài việc làm cho bại hoại và hành hạ loài người, dụ dỗ và lừa gạt con người đi đến suy đồi và chối bỏ Đức Chúa Trời để cho con người tiến về thung lũng của bóng chết, thì Sa-tan đã làm điều gì xứng đáng với dù chỉ một chút nhỏ nhất tưởng niệm, ngợi khen hay yêu mến của con người chưa? Nếu Sa-tan sở hữu thẩm quyền và quyền năng, thì liệu nhân loại có bị nó làm cho bại hoại không? Nếu Sa-tan sở hữu thẩm quyền và quyền năng, thì liệu nhân loại có bị nó làm hại không? Nếu Sa-tan sở hữu quyền năng và thẩm quyền, thì liệu nhân loại có từ bỏ Đức Chúa Trời và hướng đến sự chết không? Vì Sa-tan không có thẩm quyền và quyền năng, chúng ta nên kết luận gì về thực chất của tất cả những điều nó làm? Có những người

định nghĩa tất cả những gì Sa-tan làm chỉ là trò lừa gạt, nhưng Ta tin rằng một định nghĩa như thế không thích đáng. Những sự hành ác trong việc làm cho con người bại hoại của nó chỉ là trò lừa gạt thôi sao? Thế lực hung ác mà Sa-tan dùng để hành hạ Gióp, và ham muốn mãnh liệt của nó để hành hạ và nuốt chửng ông, không thể nào đạt được chỉ đơn thuần bằng trò lừa gạt. Nhìn lại, trong phút chốc, các đàn gia súc của Gióp, chạy tán loạn khắp nơi băng qua các đồi núi, đều mất hết; trong chốc lát, tài sản đồ sộ của Gióp đã biến mất. Điều đó có thể đạt được đơn thuần bằng trò lừa gạt không? Bản chất của tất cả những gì Sa-tan làm phù hợp và tương đồng với những từ tiêu cực như làm hủy hoại, làm gián đoạn, hủy diệt, làm hại, xấu xa, độc ác và đen tối, và vì thế sự xảy ra của tất cả những gì bất chính và xấu xa có liên quan chặt chẽ với những hành động của Sa-tan, và không thể tách rời khỏi thực chất xấu xa của Sa-tan. Bất kể Sa-tan “hùng mạnh” đến đâu, bất kể nó trơ tráo và tham vọng như thế nào, bất kể khả năng gây hại của nó lớn cỡ nào, bất kể những chiêu trò nó dùng để làm hư hoại và dụ dỗ con người có đa dạng ra sao, bất kể những trò bịp bợm và mưu đồ nó dùng để dọa dẫm con người có tinh ranh cỡ nào, bất kể hình thức tồn tại của nó có thể thay đổi như thế nào, thì nó cũng chưa bao giờ có thể tạo ra một sinh vật sống nào, chưa bao giờ có thể đặt ra các luật lệ và quy tắc cho sự tồn tại của muôn vật, nó chưa bao giờ có thể cai trị và kiểm soát bất kỳ vật gì, có sự sống hay không có sự sống. Trong khắp vũ trụ bao la rộng lớn, không có một người nào hay vật gì được sinh ra từ nó, hoặc tồn tại vì nó; không có một người nào hay vật gì bị nó cai trị hoặc bị nó kiểm soát. Ngược lại, nó không những phải sống dưới sự thống trị của Đức Chúa Trời, mà hơn thế nữa, còn phải tuân theo tất cả những lệnh truyền và mệnh lệnh của Đức Chúa Trời. Không có sự cho phép của Đức Chúa Trời, thì Sa-tan khó mà đụng đến thậm chí một giọt nước hay một hạt cát trên đất; không có sự cho phép của Đức Chúa Trời, Sa-tan thậm chí không được tự ý di chuyển những con kiến trên đất, chứ đừng nói đến loài người, những người đã được Đức Chúa Trời tạo ra. Trong mắt Đức Chúa Trời, Sa-tan còn thấp kém hơn những bông hoa huệ trên núi, những con chim bay trên trời, những con cá dưới biển và những con giòi trên đất. Vai trò của nó giữa muôn vật là phục vụ muôn vật, làm việc cho loài người, phục vụ công tác của Đức Chúa Trời và kế hoạch quản lý của Ngài. Bất kể bản tính của nó độc ác thế nào, thực chất của nó xấu xa ra sao, thì điều duy nhất nó có thể làm là nghiêm túc tuân thủ chức năng của nó: phụng sự Đức Chúa Trời và tạo một đối trọng với Đức Chúa Trời. Đó là bản chất và vị trí của Sa-tan. Thực chất của nó không liên quan đến sự sống, không liên quan đến quyền năng, không liên quan đến thẩm quyền; nó đơn thuần là một món đồ chơi trong tay Đức Chúa Trời, chỉ là một cái máy phục vụ Đức Chúa Trời!

Sau khi hiểu được bộ mặt thật của Sa-tan, nhiều người vẫn không hiểu thẩm quyền là gì, vậy thì hãy để Ta cho người biết! Bản thân thẩm quyền có thể được giải thích như là quyền năng của Đức Chúa Trời. Trước tiên, có thể nói một cách chắc chắn rằng cả thẩm quyền lẫn quyền năng đều tích cực. Chúng không liên quan đến bất kỳ điều gì tiêu cực và không liên quan đến bất kỳ vật thọ tạo hay không thọ tạo nào. Quyền năng của

Đức Chúa Trời có thể tạo ra những vật trong bất kỳ hình dạng nào có sự sống và sức sống, và điều này được quyết định bởi sự sống của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời là sự sống, vì vậy Ngài là nguồn của mọi sinh vật. Hơn nữa, thẩm quyền của Đức Chúa Trời có thể khiến mọi sinh vật vâng phục từng lời Đức Chúa Trời, nghĩa là, sinh ra theo những lời từ miệng Đức Chúa Trời, sống và sinh sản bởi mệnh lệnh của Đức Chúa Trời, sau đó Đức Chúa Trời cai trị và điều khiển mọi sinh vật, và sẽ không bao giờ có sự sai trật nào, cho đến đời đời. Không người nào hay vật gì có những điều này; chỉ có Đấng Tạo Hóa mới sở hữu và mang quyền năng như thế, và vì thế nó được gọi là thẩm quyền. Đây là tính độc nhất của Đấng Tạo Hóa. Vì thế, bất kể đó là bản thân từ “thẩm quyền” hay thực chất của thẩm quyền này, thì mỗi cái chỉ có thể gắn liền với Đấng Tạo Hóa, bởi nó là tượng trưng về thân phận và thực chất độc nhất của Đấng Tạo Hóa, nó đại diện cho thân phận và địa vị của Đấng Tạo Hóa; ngoài Đấng Tạo Hóa, không người nào hay vật gì có thể gắn liền với từ “thẩm quyền”. Đây là một sự diễn giải về thẩm quyền độc nhất của Đấng Tạo Hóa.

Dù Sa-tan nhìn vào Gióp với đôi mắt thèm muốn, nhưng không có sự cho phép của Đức Chúa Trời nó đã không dám đụng đến một sợi tóc nào trên người Gióp. Dù Sa-tan vốn xấu xa và độc ác, nhưng sau khi Đức Chúa Trời ra lệnh cho nó, nó không có sự lựa chọn nào ngoài việc tuân theo mệnh lệnh của Đức Chúa Trời. Do đó, mặc dù Sa-tan đã điên cuồng như một con sói giữa những bầy cừu khi nó đến gặp Gióp, nhưng nó không dám quên những giới hạn mà Đức Chúa Trời đã đặt ra cho nó, không dám vi phạm mệnh lệnh của Đức Chúa Trời, và trong tất cả những gì nó làm, Sa-tan không dám đi chệch khỏi những nguyên tắc và giới hạn trong lời Đức Chúa Trời – chẳng phải sự thật sao? Từ điều này có thể thấy rằng Sa-tan không dám vi phạm bất kỳ lời nào của Giê-hô-va Đức Chúa Trời. Đối với Sa-tan, mỗi lời từ miệng Đức Chúa Trời là một mệnh lệnh và một luật thiên thượng, một sự thể hiện thẩm quyền của Đức Chúa Trời – bởi đằng sau từng lời Đức Chúa Trời được ngầm hiểu là hình phạt của Đức Chúa Trời cho những ai vi phạm mệnh lệnh của Đức Chúa Trời, cho những ai bất tuân và chống đối luật thiên thượng. Sa-tan biết rõ rằng nếu nó vi phạm mệnh lệnh của Đức Chúa Trời, thì nó phải nhận lấy hậu quả của việc vi phạm thẩm quyền của Đức Chúa Trời và chống đối luật thiên thượng. Những hậu quả này chính là gì? Không cần phải nói, chúng là sự trừng phạt Đức Chúa Trời dành cho nó. Những hành động của Sa-tan đối với Gióp chỉ là một mô hình thu nhỏ của việc nó làm cho con người trở nên bại hoại, và khi Sa-tan đang thực hiện những hành động này, thì những giới hạn mà Đức Chúa Trời đã đặt ra và những mệnh lệnh mà Ngài đã ban ra cho Sa-tan chỉ là một mô hình thu nhỏ của những nguyên tắc đằng sau mọi việc mà nó thực hiện. Thêm vào đó, vai trò và vị trí của Sa-tan trong chuyện này chỉ là một mô hình thu nhỏ về vai trò và vị trí của nó trong công tác quản lý của Đức Chúa Trời, và việc hoàn toàn vâng lời Đức Chúa Trời của Sa-tan trong việc nó cám dỗ Gióp chỉ là một mô hình thu nhỏ của việc Sa-tan đã không dám tỏ ra chút chống đối nào đối với Đức Chúa Trời trong công tác quản lý của Đức Chúa Trời như thế nào. Những mô hình thu nhỏ này cho các người lời cảnh báo nào? Giữa muôn

vật, bao gồm cả Sa-tan, không có người nào hay vật gì có thể vi phạm những luật lệ và sắc lệnh thiên thượng đã được đặt ra bởi Đấng Tạo Hóa, và không có người nào hay vật gì dám vi phạm những luật lệ và sắc lệnh thiên thượng, bởi không người nào hay vật gì có thể thay đổi hay thoát khỏi hình phạt mà Đấng Tạo Hóa giáng trên những ai không tuân theo chúng. Chỉ Đấng Tạo Hóa mới có thể thiết lập những luật lệ và sắc lệnh thiên thượng, chỉ có Đấng Tạo Hóa mới có quyền năng đưa chúng vào thực thi, và chỉ có quyền năng của Đấng Tạo Hóa mới không thể bị vi phạm bởi bất kỳ con người hay sự vật nào. Đây là thẩm quyền độc nhất của Đấng Tạo Hóa, và thẩm quyền này là tối cao giữa muôn vật, và vì thế, không thể nói rằng “Đức Chúa Trời là vĩ đại nhất còn Sa-tan là số hai”. Ngoại trừ Đấng Tạo Hóa là Đấng sở hữu thẩm quyền độc nhất thì không có Đức Chúa Trời nào khác!

Giờ đây các người có được một sự hiểu biết mới về thẩm quyền của Đức Chúa Trời chưa? Trước tiên, có sự khác biệt nào giữa thẩm quyền của Đức Chúa Trời vừa được đề cập đến và quyền lực của con người không? Sự khác biệt đó là gì? Một vài người nói rằng không có sự so sánh giữa hai quyền đó. Đúng vậy! Dù mọi người nói rằng không có sự so sánh giữa hai quyền đó, nhưng trong những suy nghĩ và quan niệm của con người, thì quyền lực của con người thường bị nhầm lẫn với thẩm quyền, và cả hai thường được so sánh cùng nhau. Chuyện gì đang diễn ra ở đây vậy? Chẳng phải con người đang phạm một sai lầm trong việc vô tình thay thế quyền này với quyền kia sao? Hai quyền không liên quan nhau, và không có sự so sánh nào giữa chúng, tuy nhiên con người vẫn không thể không tùy tiện. Điều này nên được giải quyết như thế nào? Nếu người thực sự mong muốn tìm ra một giải pháp, thì cách duy nhất là hiểu và biết thẩm quyền độc nhất của Đức Chúa Trời. Sau khi hiểu và biết thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa, người sẽ không đồng thời đề cập đến quyền lực của con người và thẩm quyền của Đức Chúa Trời.

Quyền lực của con người đề cập đến điều gì? Nói một cách đơn giản, nó là một khả năng hay kỹ năng giúp tâm tính bại hoại, ham muốn và tham vọng của con người được gia tăng hoặc đạt đến mức tối đa. Điều này có được tính là thẩm quyền không? Bất kể tham vọng và ham muốn của con người có đầy rẫy hoặc sinh lợi như thế nào, thì người đó cũng không thể được cho là sở hữu thẩm quyền; cùng lắm thì sự bành trướng và thành công này cũng chỉ đơn thuần là một sự diễn hề của Sa-tan giữa con người; cùng lắm nó cũng chỉ là một trò khôi hài trong đó Sa-tan đóng vai ông tổ của chính mình để thỏa mãn tham vọng trở thành Đức Chúa Trời của nó.

Giờ đây người xem thẩm quyền của Đức Chúa Trời chính xác là gì? Giờ thì những lời này đã được thông công, người nên có một sự hiểu biết mới về thẩm quyền của Đức Chúa Trời. Vậy Ta hỏi các người: Thẩm quyền của Đức Chúa Trời tượng trưng cho điều gì? Nó có tượng trưng cho thân phận của chính Đức Chúa Trời không? Nó có tượng trưng cho quyền năng của chính Đức Chúa Trời không? Nó có tượng trưng cho địa vị độc nhất của chính Đức Chúa Trời không? Giữa muôn vật, người đã nhìn thấy thẩm quyền của Đức Chúa Trời trong những điều gì? Người đã thấy nó như thế nào? Đối với

bốn mùa mà con người đã trải qua, ai có thể thay đổi luật giao hoán giữa mùa xuân, mùa hạ, mùa thu và mùa đông không? Vào mùa xuân, cây cối đâm chồi và nở hoa; vào mùa hè chúng được phủ đầy lá; vào mùa thu chúng ra quả, và vào mùa đông thì lá rụng. Có ai có thể thay đổi quy luật này không. Điều này có phản ánh một khía cạnh trong thẩm quyền của Đức Chúa Trời không? Đức Chúa Trời phán “Phải có sự sáng”, thì đã có sự sáng. Sự sáng này còn tồn tại không? Nó tồn tại bởi điều gì? Tất nhiên, nó tồn tại bởi lời Đức Chúa Trời, và bởi thẩm quyền của Đức Chúa Trời. Không khí do Đức Chúa Trời tạo ra có còn tồn tại không? Không khí con người hít thở đến từ Đức Chúa Trời phải không? Ai có thể lấy đi những thứ đến từ Đức Chúa Trời không? Ai có thể thay đổi thực chất và chức năng của chúng không? Ai có thể làm đảo lộn ngày và đêm đã được Đức Chúa Trời phân bổ, và quy luật ngày và đêm do Đức Chúa Trời ra lệnh không? Satan có thể làm một việc như thế không? Ngay cả khi ban đêm người không ngủ, và xem ban đêm như là ban ngày, thì nó vẫn là ban đêm; người có thể thay đổi lề thói hàng ngày của mình, nhưng người không có khả năng thay đổi luật giao hoán giữa ngày và đêm – sự thật này không thể thay đổi bởi bất kỳ ai, không đúng sao? Có ai có khả năng khiến một con sư tử cày ruộng như một con bò không? Có ai có khả năng biến một con voi thành một con lừa không? Có ai có khả năng khiến một con gà bay xuyên không trung như một con chim đại bàng không? Có ai có khả năng khiến một con sói ăn cỏ như một con cừu không? (Không.) Có ai có khả năng khiến một con cá dưới nước sống trên cạn không? Điều đó không thể thực hiện bởi con người. Tại sao không? Chính vì Đức Chúa Trời đã ra lệnh cho cá sống dưới nước, và vì thế chúng sống dưới nước. Trên đất liền chúng sẽ không thể sống sót được, và sẽ chết; chúng không thể vượt quá những giới hạn trong mệnh lệnh của Đức Chúa Trời. Muôn vật có một luật lệ và giới hạn cho sự tồn tại của chúng, và mỗi vật đều có bản năng riêng của mình. Những điều này được quy định bởi Đấng Tạo Hóa, không thể thay đổi và không thể vượt qua bởi bất kỳ con người nào. Ví dụ như, sư tử sẽ luôn luôn sống nơi hoang dã, cách xa những cộng đồng của con người, và không bao giờ có thể ngoan ngoãn và trung thành như con bò sống cùng và làm việc cho con người. Mặc dù cả voi lẫn lừa đều là động vật và cả hai đều có bốn chân, và là những vật tạo hít thở không khí, nhưng chúng là những loài khác nhau, bởi chúng đã được chia thành những loại khác nhau bởi Đức Chúa Trời, chúng có bản năng riêng của mình, và vì thế chúng sẽ không bao giờ có thể hoán đổi cho nhau. Mặc dù con gà có hai chân và hai cánh giống y như chim đại bàng, nhưng nó sẽ không bao giờ có thể bay trong không trung; cùng lắm nó cũng chỉ có thể bay lên một cái cây – điều này được định đoạt bởi bản năng của nó. Không cần phải nói, tất cả điều này đều bởi mệnh lệnh trong thẩm quyền của Đức Chúa Trời.

Trong sự phát triển của nhân loại ngày nay, khoa học của nhân loại có thể nói là đang phát triển và những thành tựu khám phá khoa học của con người có thể được mô tả là ấn tượng. Phải nói là, khả năng của con người đang ngày càng tuyệt vời hơn, nhưng có một bước đột phá khoa học mà nhân loại đã không thể thực hiện: Nhân loại đã chế tạo ra máy bay, tàu sân bay và bom nguyên tử, nhân loại đã bay vào không gian,

đi trên mặt trăng, phát minh ra Internet và bắt đầu sống lối sống công nghệ cao, tuy nhiên nhân loại không có khả năng tạo ra một sinh vật biết hít thở. Bản năng của mọi sinh vật, những luật lệ mà chúng sống theo, và chu kỳ sống chết của mỗi loại sinh vật – tất cả những thứ này đều vượt quá sức mạnh khoa học của con người, và không thể bị nó kiểm soát. Ở đây, phải nói rằng cho dù khoa học của con người có đạt được những đỉnh cao nào, thì nó cũng không thể so sánh với bất kỳ ý định nào của Đấng Tạo Hóa, và không có khả năng nhận ra điều kỳ diệu trong sự tạo dựng của Đấng Tạo Hóa và sức mạnh trong thẩm quyền của Ngài. Có rất nhiều biển trên trái đất, tuy nhiên chúng chưa bao giờ tùy tiện vượt quá giới hạn của mình và xâm nhập vào đất liền, và đó là vì Đức Chúa Trời đã vạch ranh giới cho chúng; chúng ở tại những nơi Đức Chúa Trời đã ra lệnh cho chúng, và không có sự cho phép của Đức Chúa Trời thì chúng không thể tự do xê dịch. Không có sự cho phép của Đức Chúa Trời, thì chúng không thể xâm phạm lẫn nhau, và chỉ có thể xê dịch khi Đức Chúa Trời phán, và nơi chúng đến và ở được định đoạt bởi thẩm quyền của Đức Chúa Trời.

Nói thẳng ra là, “thẩm quyền của Đức Chúa Trời” có nghĩa là tùy thuộc vào Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời có quyền quyết định làm một việc gì đó như thế nào, và nó được thực hiện theo bất cứ cách nào Ngài muốn. Luật của muôn vật tùy thuộc vào Đức Chúa Trời, chứ không tùy thuộc vào con người; nó cũng không thể bị thay đổi bởi con người. Nó không thể bị tác động bởi ý muốn của con người, mà thay vào đó lại được thay đổi bởi ý định của Đức Chúa Trời, sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời và những mệnh lệnh của Đức Chúa Trời; đây là một sự thật không thể phủ nhận đối với bất kỳ người nào. Trời đất và muôn vật, vũ trụ, bầu trời đầy sao, bốn mùa trong năm, điều hữu hình và vô hình đối với con người – tất cả chúng đều tồn tại, hoạt động và thay đổi mà không có chút sai sót nhỏ nào, dưới thẩm quyền của Đức Chúa Trời, theo các điều răn của Đức Chúa Trời và theo các luật lệ trong buổi đầu của sự tạo dựng. Không một người hay vật nào có thể thay đổi các luật lệ của chúng hoặc thay đổi tiến trình vốn có mà qua đó chúng hoạt động; chúng được hình thành bởi thẩm quyền của Đức Chúa Trời và diệt vong bởi thẩm quyền của Đức Chúa Trời. Đây chính là thẩm quyền của Đức Chúa Trời. Thế giờ đã nói nhiều về điều này rồi thì người có thể cảm nhận rằng thẩm quyền của Đức Chúa Trời là tượng trưng cho thân phận và địa vị của Đức Chúa Trời không? Thẩm quyền của Đức Chúa Trời có thể được sở hữu bởi bất kỳ vật thọ tạo hay không thọ tạo nào không? Nó có thể được bắt chước, mạo nhận hay thay thế bởi bất kỳ con người, sự việc hay sự vật nào không?

### **Thân phận của Đấng Tạo Hóa là độc nhất, và người không nên giữ ý niệm về thuyết đa thần**

Mặc dù kỹ năng và khả năng của Sa-tan tài giỏi hơn của con người rất nhiều, mặc dù nó có thể làm những điều mà con người không thể đạt được, bất kể người có ghen tị hay thèm muốn những gì Sa-tan làm, bất kể người có ghét hoặc kinh tởm những điều này hay không, bất kể người có khả năng thấy chúng hay không và bất kể Sa-tan có thể



đặt được bao nhiêu, hoặc nó có thể lừa gạt bao nhiêu người thờ phụng và tôn thờ nó, và bất kể người định nghĩa nó như thế nào, thì người không thể nào nói rằng nó có thẩm quyền và quyền năng của Đức Chúa Trời. Người nên biết rằng Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời, chỉ có duy nhất một Đức Chúa Trời, và hơn nữa, người nên biết rằng chỉ Đức Chúa Trời mới có thẩm quyền, rằng chỉ Đức Chúa Trời mới có quyền năng kiểm soát và cai trị muôn vật. Chỉ vì Sa-tan có khả năng lừa gạt con người và có thể giả mạo Đức Chúa Trời, bắt chước các dấu lạ và phép lạ Đức Chúa Trời đã thực hiện và đã làm những điều tương tự như Đức Chúa Trời, nên người tin một cách sai lầm rằng Đức Chúa Trời không phải là độc nhất, rằng có nhiều vị Đức Chúa Trời, rằng những vị Đức Chúa Trời khác nhau này chỉ đơn thuần có kỹ năng giỏi hơn hoặc kém hơn, và rằng có sự khác biệt trong phạm vi quyền lực mà họ sử dụng. Người xếp hạng sự vĩ đại của họ theo thứ tự mà họ đến và theo tuổi tác của họ, và người tin một cách sai lầm rằng có những vị thần khác ngoài Đức Chúa Trời và nghĩ rằng quyền năng và thẩm quyền của Đức Chúa Trời không phải là độc nhất. Nếu người có những tư tưởng như thế, nếu người không nhận ra tính độc nhất của Đức Chúa Trời, không tin rằng chỉ có Đức Chúa Trời mới sở hữu thẩm quyền, và nếu người chỉ tuân theo thuyết đa thần, thì Ta phán rằng người là cận bã của các vật thọ tạo, người là hiện thân thật sự của Sa-tan và người là một người hoàn toàn xấu xa! Các người có hiểu được những gì Ta đang cố dạy dỗ các người qua việc phán những lời này không? Bất kể thời gian, địa điểm hoặc nền tảng của người là gì, thì người không được nhằm lẫn Đức Chúa Trời với bất kỳ con người, sự việc hay sự vật nào khác. Bất kể người cảm thấy thẩm quyền của Đức Chúa Trời và thực chất của chính Đức Chúa Trời không thể nhận thức được và không thể tiếp cận được như thế nào, bất kể việc làm và lời nói của Sa-tan có phù hợp với những quan niệm và sự tưởng tượng của người bao nhiêu, bất kể chúng làm người thỏa mãn thế nào, thì đừng có ngu ngốc, đừng có nhằm lẫn những khái niệm này, đừng có chối bỏ sự tồn tại của Đức Chúa Trời, đừng có chối bỏ thân phận và địa vị của Đức Chúa Trời, đừng có tống khứ Đức Chúa Trời đi rồi đón Sa-tan vào để thay thế cho Đức Chúa Trời trong lòng người và làm Đức Chúa Trời của người. Ta tin chắc rằng các người có thể tưởng tượng ra hậu quả của việc làm đó là gì!

### **Dù nhân loại đã bị làm cho bại hoại, nhưng họ vẫn sống dưới quyền tối thượng trong thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa**

Sa-tan đã làm cho nhân loại bại hoại trong hàng ngàn năm. Nó đã làm không biết bao nhiêu điều xấu xa, lừa dối hết thế hệ này đến thế hệ khác và phạm những tội ác man rợ trên thế gian. Nó đã ngược đãi con người, lừa dối con người, dụ dỗ con người chống đối Đức Chúa Trời, và thực hiện những hành vi gian ác làm xáo trộn và phá hoại kế hoạch quản lý của Đức Chúa Trời hết lần này đến lần khác. Tuy nhiên, dưới thẩm quyền của Đức Chúa Trời, muôn vật và mọi sinh vật sống tiếp tục tuân theo những quy tắc và luật lệ do Đức Chúa Trời đặt ra. So với thẩm quyền của Đức Chúa Trời, thì bản chất tà ác và sự lan tràn của Sa-tan thật quá xấu xa, quá kinh tởm và ti tiện, quá nhỏ bé

và mong manh. Mặc dù Sa-tan đi lại giữa muôn vật do Đức Chúa Trời tạo ra, nhưng nó không thể thực hiện một chút thay đổi nhỏ nào trong những con người, sự việc và sự vật do Đức Chúa Trời điều khiển. Vài ngàn năm đã trôi qua, và nhân loại vẫn còn tận hưởng sự sáng và không khí do Đức Chúa Trời ban cho, vẫn thở hơi thở do chính Đức Chúa Trời hà hơi, vẫn thường thức hoa lá, chim chóc, cá và côn trùng do Đức Chúa Trời tạo ra, và tận hưởng mọi thứ do Đức Chúa Trời chu cấp; ngày và đêm vẫn liên tục thay thế nhau; bốn mùa luân phiên như thường lệ; những con ngỗng bay trên trời dời đi vào mùa đông và vẫn quay về vào mùa xuân tới; cá dưới nước không bao giờ rời sông hồ – nhà của chúng; những con ve sầu trên đất hát lên nỗi lòng của chúng trong suốt những ngày hè; những con dế trong các đám cỏ dịu dàng ngân nga theo gió trong suốt mùa thu; những con ngỗng tụ họp lại thành bầy, trong khi những con chim đại bàng vẫn sống đơn độc; những đàn sư tử tự nuôi mình bằng việc săn mồi; nai sừng tấm thì không rời khỏi cỏ hoa... Mọi loài sinh vật sống trong số muôn vật đi và về rồi lại đi, hàng triệu thay đổi xảy ra trong nháy mắt – nhưng điều không thay đổi chính là bản năng của chúng và những quy luật sinh tồn. Chúng sống dưới sự chu cấp và nuôi dưỡng của Đức Chúa Trời, và không ai có thể thay đổi bản năng của chúng, và cũng không ai có thể phá hủy các quy tắc sinh tồn của chúng. Mặc dù loài người, những người sống giữa muôn vật, đã bị Sa-tan làm cho bại hoại và lừa dối, nhưng con người vẫn không thể từ bỏ nước do Đức Chúa Trời tạo ra, không khí do Đức Chúa Trời tạo ra và muôn vật do Đức Chúa Trời tạo ra, và con người vẫn sống và sinh sôi trong không gian do Đức Chúa Trời tạo ra. Bản năng của loài người không thay đổi. Con người vẫn phụ thuộc vào đôi mắt của họ để nhìn, vào đôi tai để nghe, vào bộ não để suy nghĩ, vào trái tim để hiểu biết, vào đôi chân để đi, vào đôi tay để làm việc, và v.v.; tất cả những bản năng mà Đức Chúa Trời đã ban cho con người để họ có thể nhận được sự chu cấp của Đức Chúa Trời vẫn không thay đổi, những phương tiện mà qua đó con người có thể hợp tác với Đức Chúa Trời không thay đổi, khả năng của loài người để thi hành bổn phận của một vật thọ tạo không thay đổi, những nhu cầu tâm linh của loài người không thay đổi, mong mỏi của loài người để tìm được nguồn gốc của mình không thay đổi, khao khát của loài người để được cứu rỗi bởi Đấng Tạo Hóa không thay đổi. Đó là tình hình hiện nay của loài người, những người sống dưới thẩm quyền của Đức Chúa Trời, và những người đã chịu sự hủy diệt đẫm máu gây ra bởi Sa-tan. Dù loài người đã phải chịu sự áp bức của Sa-tan, và không còn là A-đam và Ê-va từ khi khởi đầu cuộc sáng thế, mà thay vào đó lại đầy dẫy những điều đối nghịch với Đức Chúa Trời, như kiến thức, sự tưởng tượng, các quan niệm, và v.v., và đầy những tâm tính bại hoại của Sa-tan, trong mắt Đức Chúa Trời, loài người vẫn như loài người mà Ngài đã tạo ra. Loài người vẫn chịu sự cai trị và bố trí của Đức Chúa Trời, và vẫn sống trong quỹ đạo do Đức Chúa Trời sắp đặt, và vì thế trong mắt Đức Chúa Trời thì loài người, những người đã bị Sa-tan làm cho bại hoại, chỉ là phủ đầy cáu ghét, với cái bụng sôi réo, với phản xạ chậm chạp một chút, trí nhớ không còn tốt như trước đây, và hơi già đi – nhưng tất cả các chức năng và bản năng của con người thì hoàn toàn không bị tổn hại. Đây là loài người mà Đức Chúa Trời định

cứu. Loài người này chỉ cần nghe tiếng gọi của Đấng Tạo Hóa, nghe giọng nói của Đấng Tạo Hóa, và họ sẽ đứng lên và đổ xô đi định vị nguồn gốc của giọng nói này. Loài người này chỉ cần nhìn thấy hình dáng của Đấng Tạo Hóa và họ sẽ trở nên thờ ơ với mọi thứ khác, và từ bỏ mọi thứ để tận hiến bản thân cho Đức Chúa Trời, và thậm chí sẽ hy sinh mạng sống của mình cho Ngài. Khi lòng của loài người hiểu được những lời chân thành của Đấng Tạo Hóa, thì loài người sẽ từ bỏ Sa-tan và đến bên Đấng Tạo Hóa; khi loài người đã hoàn toàn gột sạch dơ dáy khỏi cơ thể mình, và một lần nữa đón nhận sự chu cấp và nuôi dưỡng của Đấng Tạo Hóa, thì trí nhớ của loài người sẽ được phục hồi, và vào thời điểm này loài người sẽ thực sự quay về với sự thống trị của Đấng Tạo Hóa.

Ngày 14 tháng 12 năm 2013

## **CHÍNH ĐỨC CHÚA TRỜI, ĐÁNG ĐỘC NHẤT II**

### **TÂM TÍNH CÔNG CHÍNH CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI**

Giờ đây các người đã nghe sự thông công trước về thẩm quyền của Đức Chúa Trời, ta tin rằng các người đã được trang bị khá nhiều hiểu biết về vấn đề này. Việc các người có thể chấp nhận, tiếp thu và lĩnh hội bao nhiêu, tất cả đều phụ thuộc vào mức độ nỗ lực mà các người áp dụng. Ta hi vọng rằng các người sẽ tiếp cận vấn đề một cách nghiêm túc; và sẽ tuyệt nhiên không làm nửa vời! Vậy hiểu về thẩm quyền của Đức Chúa Trời có đồng nghĩa với hiểu biết trọn vẹn về Đức Chúa Trời hay không? Ai đó có thể nói rằng biết về thẩm quyền của Đức Chúa Trời là bước khởi đầu trong việc biết về chính Đức Chúa Trời, Đáng độc nhất, và người ta cũng có thể nói rằng việc hiểu rõ về thẩm quyền của Ngài có nghĩa là con người đã bước được vào cánh cổng nhận biết thực chất của chính Đức Chúa Trời, Đáng độc nhất. Sự hiểu biết này là một phần trong việc hiểu biết về Đức Chúa Trời. Nếu vậy thì phần còn lại là gì? Đây là chủ đề mà Ta muốn thông công ngày hôm nay – tâm tính công chính của Đức Chúa Trời.

Ta đã chọn hai phần trong Kinh Thánh để thông công cho các người về chủ đề hôm nay: Phần đầu tiên là việc Đức Chúa Trời phá hủy thành Sô-đôm, nội dung này có trong Sáng thế ký 19:1-11 và Sáng thế ký 19:24-25; phần thứ hai là việc Đức Chúa Trời cứu rỗi thành Ni-ni-ve, điều này được trình bày trong Giô-na 1:1-2, cùng với chương ba và chương bốn của sách Giô-na. Ta đoán rằng tất cả các người đang chờ đợi để nghe Ta nói về hai phần này. Đương nhiên, những gì Ta nói không thể nằm ngoài chủ đề nhận biết Đức Chúa Trời và hiểu thực chất của Ngài, nhưng điều gì sẽ là trọng tâm của buổi thông công ngày hôm nay? Có ai trong số các người biết không? Các người quan tâm đến phần nào trong nội dung thông công của Ta về thẩm quyền của Đức Chúa Trời? Tại sao Ta lại nói rằng chỉ duy nhất Đáng sở hữu thẩm quyền và quyền năng đó? Ta muốn giải thích điều gì khi nói như vậy? Ta muốn các người học được điều gì từ đó? Có phải thẩm quyền và quyền năng của Đức Chúa Trời là một khía cạnh thể hiện thực chất của Ngài hay không? Có phải những điều đó là một phần thực chất của Đức Chúa Trời, phần mà chứng minh thân phận và địa vị của Ngài không? Qua những câu hỏi này các người có thể biết được những điều Ta sắp nói không? Ta muốn các người lĩnh hội điều gì? Hãy suy nghĩ cẩn thận về điều này.

### **Vì ngang ngược chống lại Đức Chúa Trời, con người bị hủy diệt bởi cơn thịnh nộ của Ngài**

Đầu tiên, hãy cùng đọc những đoạn Kinh Thánh miêu tả về việc Đức Chúa Trời hủy diệt thành Sô-đôm.

Sách sáng thế 19:1-11 Lối chiều, hai thiên sứ đến Sô-đôm; lúc đó, Lót đương ngồi tại cửa thành. Khi Lót thấy hai thiên sứ đến, đứng dậy mà đón rước và sắp mình xuống đất. Người thưa rằng: Này, lạy hai chúa, xin hãy đến ở nhà của kẻ tôi tớ, và hãy nghỉ đêm tại đó. Hai chúa hãy rửa chơn, rồi sáng mai thức dậy lên đường. Hai thiên sứ phán rằng: Không, đêm này ta sẽ

ở ngoài đường. Nhưng Lót cố mời cho đến nỗi hai thiên sứ phải đi lại vào nhà mình. Người dâng một bữa tiệc, làm bánh không men, và hai thiên sứ bèn dùng tiệc. Hai thiên sứ chưa đi nằm, mà các người nam ở Sô-đôm, từ trẻ đến già, tức cả dân, đều chạy đến bao chung quanh nhà. Bọn đó gọi Lót mà hỏi rằng: Những khách đã vào nhà ngươi buổi chiều tối nay ở đâu? Hãy dẫn họ ra đây, hầu cho chúng ta được biết. Lót bèn ra đến cùng dân chúng ở ngoài cửa, rồi đóng cửa lại, và nói cùng họ rằng: Này, tôi xin anh em đừng làm điều ác đó! Đây, tôi sẵn có hai con gái chưa chồng, tôi sẽ đưa chúng nó cho anh em, rồi mặc tình anh em tính làm sao tùy ý; miễn đừng làm chi hại cho hai người kia; vì có đó, nên họ đến núp bóng mái nhà tôi. Bọn dân chúng nói rằng: Ngươi hãy tránh chỗ khác! Lại tiếp rằng: Người này đến đây như kẻ kiêu ngạo, lại muốn đoán xét nữa sao! Vậy, thôi! Chúng ta sẽ đãi ngươi bạc-tê hơn hai khách kia. Đoạn, họ lấn ép Lót mạnh quá, và tràn đến đóng phá cửa. Nhưng hai thiên sứ giơ tay ra, đem Lót vào nhà, và đóng cửa lại, đoạn, hành phạt bọn dân chúng ở ngoài cửa, từ trẻ đến già, đều quáng lòa mắt, cho đến nỗi tìm cửa một mà không được.

Sách sáng thế 19:24-25 Đoạn, Đức Giê-hô-va giáng mưa diêm sanh và lửa từ nơi Ngài trên trời sa xuống Sô-đôm và Gô-mô-rơ, hủy diệt hai thành này, cả đồng bằng, hết thầy dân sự cùng các cây cỏ ở nơi đất đó.

Từ những đoạn này, không khó để nhận ra rằng sự gian ác và bại hoại của thành Sô-đôm đã đến mức đáng bị cả loài người lẫn Đức Chúa Trời khinh ghét, và rằng trong mắt Đức Chúa Trời thành Sô-đôm vì vậy mà đáng bị hủy diệt. Nhưng chuyện gì đã xảy ra trong thành trước khi nó bị hủy diệt? Người ta có thể rút ra được sự soi dẫn nào từ những sự kiện này? Thái độ của Đức Chúa Trời trước những sự kiện này cho loài người thấy được gì về tâm tính của Ngài? Để hiểu được toàn bộ câu chuyện, chúng ta hãy đọc kỹ những gì được ghi lại trong Kinh Thánh...

### **Sự bại hoại của thành Sô-đôm: Loài người phản nộ, Đức Chúa Trời nổi giận**

Đêm đó, Lót tiếp đón hai sứ giả được Đức Chúa Trời phái đến và dọn tiệc đãi họ. Sau khi dùng bữa, khi họ chưa kịp đặt lưng xuống nằm nghỉ, người dân từ khắp nơi trong thành kéo đến nhà Lót và gọi ông ra. Kinh Thánh đã ghi lại lời họ như sau: “Những khách đã vào nhà ngươi buổi chiều tối nay ở đâu? Hãy dẫn họ ra đây, hầu cho chúng ta được biết”. Ai đã nói những lời này? Họ nhắm vào ai? Đây là những lời của người dân thành Sô-đôm la hét bên ngoài ngôi nhà của Lót và những lời kia là dành cho Lót. Cảm giác của ngươi thế nào khi nghe những lời này? Ngươi có tức giận không? Những lời này có làm ngươi thấy chán ngán không? Ngươi có giận sôi lên không? Chẳng phải những lời này sặc mùi Sa-tan sao? Thông qua những lời này, ngươi có thể cảm nhận được cái ác và bóng tối ở thành phố này không? Ngươi có thể cảm nhận được sự tàn nhẫn và man rợ trong hành vi của những người này thông qua lời nói của họ không? Ngươi có thể cảm nhận được chiều sâu sự bại hoại của họ thông qua hành vi của họ không? Thông qua nội dung lời nói của họ, không khó để thấy rằng bản tính độc ác và tâm tính man rợ của họ đã vượt quá tầm kiểm soát của chính bản thân họ. Ngoại trừ Lót, đến từng người cuối cùng trong thành phố này đều không khác gì Sa-tan; chỉ mới

nhìn vào một người khác đã khiến họ muốn hãm hại và ăn tươi nuốt sống họ... Những điều này không chỉ khiến người ta cảm thấy bản chất ghê rợn và đáng kinh sợ của thành phố, cũng như hơi thở của cái chết bao phủ khắp nơi; mà chúng còn gọi cho người ta cảm giác về sự độc ác và đẫm máu của nó.

Lót đã phản ứng thế nào khi nhận ra mình phải đối mặt với một nhóm côn đồ vô nhân tính, những kẻ đầy khát vọng cắn xé linh hồn con người? Kinh Thánh ghi lại rằng: “Tôi xin anh em đừng làm điều ác đó! Đây, tôi sẵn có hai con gái chưa chồng, tôi sẽ đưa chúng nó cho anh em, rồi mặc tình anh em tính làm sao tùy ý; miễn đừng làm chi hại cho hai người kia; vì có đó, nên họ đến núp bóng mái nhà tôi”. Những lời của Lót có ý nghĩa như sau: Ông sẵn sàng trao đi hai con gái của mình để bảo vệ cho hai sứ giả. Tính toán cách nào chẳng nữa thì những kẻ đó đáng lẽ nên đồng ý với điều kiện của Lót và để yên cho hai sứ giả; xét cho cùng, các sứ giả là những người hoàn toàn xa lạ với họ, và các vị ấy không liên quan gì đến họ, và cũng chưa từng làm gì tổn hại đến lợi ích của họ. Tuy nhiên, bản tính độc ác của những người này đã khiến họ không từ bỏ, mà thay vào đó còn tăng cường quấy phá. Đến đây, một cuộc trao đổi nữa của họ rõ ràng càng giúp chúng ta thông suốt hơn nữa về bản tính độc ác thực sự của những người này; đồng thời nó cũng cho người ta biết và hiểu lý do tại sao Đức Chúa Trời muốn hủy diệt thành này.

Vậy họ đã nói gì tiếp sau đó? Kinh Thánh đã viết: “Người hãy tránh chỗ khác! Lại tiếp rằng: Người này đến đây như kẻ kiêu ngạo, lại muốn đoán xét nữa sao! Vậy, thôi! Chúng ta sẽ đãi người bạc-tệ hơn hai khách kia. Đoạn, họ lấn ép Lót mạnh quá, và tràn đến đóng phá cửa”. Tại sao họ lại muốn phá cửa nhà Lót? Lý do là họ đang sốt sắng muốn làm hại hai sứ giả. Điều gì đã mang những sứ giả này đến Sô-đôm? Mục đích của họ khi đến đó là để cứu Lót và gia đình ông; tuy nhiên, người dân thành phố đã lầm tưởng rằng họ đến để làm quan chức. Không hề hỏi mục đích của các sứ giả, chỉ dựa trên phỏng đoán mà dân thành muốn hãm hại man rợ hai sứ giả; họ muốn làm hại hai người vốn chẳng liên quan gì đến mình. Rõ ràng là người dân của thành phố này đã hoàn toàn mất đi nhân tính và lý trí của mình. Sự điên rồ và cuồng loạn của họ không khác gì bản tính độc ác muốn làm hại và ăn tươi nuốt sống con người của Sa-tan.

Khi họ yêu cầu Lót giao nộp các sứ giả, ông đã làm gì? Từ đoạn miêu tả, chúng ta biết rằng Lót đã không giao các sứ giả cho họ. Có phải Lót đã biết về hai sứ giả của Đức Chúa Trời? Tất nhiên là không! Thế nhưng tại sao ông đã có thể cứu hai người này? Ông có biết họ đến đây làm gì không? Mặc dù không biết lý do họ đến đây, nhưng Lót biết rằng họ là những bầy tôi của Đức Chúa Trời, và vì vậy ông đã đưa họ vào nhà mình. Việc ông có thể gọi những bầy tôi của Đức Chúa Trời là “chúa” cho thấy Lót vốn là môn đồ thường xuyên của Đức Chúa Trời, không giống như những người khác ở thành Sô-đôm. Do đó, khi các sứ giả của Đức Chúa Trời đến gặp ông, ông đã mạo hiểm mạng sống của chính ông để đưa họ vào nhà mình; hơn nữa, ông cũng mang hai cô con gái của mình ra trao đổi để bảo vệ hai bầy tôi này. Đây là hành động công chính của Lót; đây cũng là sự thể hiện rõ ràng bản tính thực chất của Lót, và đó cũng là lý do

Đức Chúa Trời gửi những bầy tôi của mình đến để cứu Lót. Khi gặp hiểm nguy, Lót đã bảo vệ hai thiên sứ mà không quan tâm đến bất cứ điều gì khác; ông thậm chí còn cố gắng đánh đổi hai cô con gái của mình để lấy sự an toàn cho các bầy tôi. Ngoài Lót ra, có ai khác trong thành có thể làm những điều như thế không? Sự thật đã được chứng minh – không một ai cả! Do đó, rõ ràng mọi người trong thành Sô-đôm, chỉ trừ Lót, là mục tiêu của cuộc hủy diệt, và cũng hợp lẽ, họ xứng đáng bị như vậy.

### **Thành Sô-đôm bị hủy diệt hoàn toàn vì đã xúc phạm cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời**

Khi dân thành Sô-đôm nhìn thấy hai người bầy tôi này, họ đã không hề hỏi lý do vì sao hai người lại đến đây, và cũng chẳng ai hỏi xem có phải họ đến đây để loan truyền ý nguyện của Đức Chúa Trời hay không. Ngược lại, không chờ đợi một lời giải thích, họ tụ tập thành đám đông, kéo đến như bầy chó hoang hay bầy sói hung ác để vây bắt hai người bầy tôi. Liệu Đức Chúa Trời có dõi theo khi những việc này xảy ra không? Đức Chúa Trời nghĩ gì trong lòng Ngài về hành vi này của con người, về sự kiện như thế này? Đức Chúa Trời quyết định hủy diệt thành phố này; Ngài sẽ không chờ đợi hay chần chừ, và Ngài cũng sẽ không kiên nhẫn nữa. Ngày này đã đến, và Ngài bắt đầu thực hiện công việc Ngài muốn làm. Theo đó, Sáng thế ký 19:24-25 đã viết như sau: “Đoạn, Đức Giê-hô-va giáng mưa diêm sanh và lửa từ nơi Ngài trên trời sa xuống Sô-đôm và Gô-mô-rơ, hủy diệt hai thành này, cả đồng bằng, hết thảy dân sự cùng các cây cỏ ở nơi đất đó”. Hai câu trên đã miêu tả cách Đức Chúa Trời hủy diệt thành Sô-đôm; và cũng cho chúng ta biết Đức Chúa Trời đã hủy diệt những gì. Đầu tiên, Kinh Thánh thuật lại rằng Đức Chúa Trời đã thiêu đốt thành phố trong biển lửa, biển lửa ấy lan rộng đủ để hủy diệt tất cả dân chúng và mọi vật sinh sôi trên đất. Điều đó có nghĩa là, lửa từ trời không chỉ hủy diệt thành phố, mà còn hủy diệt tất cả con người và sự sống trong thành, đến khi không còn lại dấu tích gì. Sau khi thành phố bị hủy diệt, đất đai gần như không còn tồn tại sinh vật sống; không còn sự sống và cũng không còn bất cứ dấu hiệu nào của sự sống. Thành phố đã biến thành vùng đất hoang tàn; một nơi trống không chứa đầy im lặng chết chóc. Nơi này sẽ không còn những hành vi tội lỗi chống lại Đức Chúa Trời; sẽ không còn giết chóc hay đổ máu nữa.

Tại sao Đức Chúa Trời muốn thiêu rụi thành phố này như vậy? Các người thấy được điều gì từ đây? Liệu Đức Chúa Trời có thực sự đang tâm trừng phạt loài người và thiên nhiên, những tạo vật của chính Ngài, bị hủy diệt như thế này không? Nếu người có thể thấu suốt sự tức giận của Giê-hô-va Đức Chúa Trời thông qua ngọn lửa được ném xuống từ trời, thì không khó để hiểu được cơn thịnh nộ của Ngài dữ dội đến mức nào, dựa trên mục tiêu của cuộc hủy diệt, cũng như mức độ mà thành phố bị hủy hoại. Khi Đức Chúa Trời khinh ghét một thành phố, Ngài sẽ giáng sự trừng phạt của Ngài lên nó. Khi Đức Chúa Trời phẫn nộ với một thành phố, Ngài sẽ nhiều lần cảnh báo dân chúng về sự tức giận của mình. Tuy nhiên, khi Đức Chúa Trời quyết định chấm dứt và hủy diệt một thành phố, điều đó có nghĩa là cơn thịnh nộ và sự oai nghi của Ngài đã bị xúc phạm,

Ngài sẽ không đưa ra sự trừng phạt hay cảnh báo nào nữa. Thay vào đó, Ngài sẽ trực tiếp hủy diệt nó. Ngài sẽ làm cho nó hoàn toàn biến mất. Đó chính là tâm tính công chính của Đức Chúa Trời.

### **Sau khi thành Sô-đôm liên tiếp chống đối và tỏ thái độ thù nghịch với Đức Chúa Trời, Ngài đã triệt hạ nó hoàn toàn**

Giờ đây khi chúng ta đã có những hiểu biết chung về tâm tính công chính của Đức Chúa Trời, chúng ta có thể quay trở lại với vấn đề của thành Sô-đôm, nơi Đức Chúa Trời coi là thành phố của tội lỗi. Nhờ hiểu về thực chất của thành phố này, chúng ta có thể hiểu tại sao Đức Chúa Trời muốn hủy diệt nó và tại sao Ngài lại hủy diệt nó hoàn toàn. Từ đây, chúng ta có thể biết được tâm tính công chính của Đức Chúa Trời.

Từ góc nhìn của loài người, Sô-đôm là một thành phố có thể thỏa mãn hoàn toàn ham muốn và phần xấu ác của con người. Hấp dẫn và mê hoặc, với ca vũ đêm này qua đêm khác, sự thịnh vượng của thành phố này đã đẩy con người đến sự mê hoặc và cuồng loạn. Cái ác trong thành đã làm mục ruỗng lòng người và mê dụ họ vào sự sa đọa. Đây là một thành phố nơi những quỷ dữ và tà ma tung hoành; nó chất đầy tội lỗi, giết chóc và không khí đặc quánh mùi thối rữa và máu tanh. Đó là một thành phố khiến người ta ớn lạnh, một thành phố khiến người ta phải rùng mình kinh hãi. Không ai trong thành phố này – cả đàn ông lẫn đàn bà, cả già lẫn trẻ – tìm kiếm con đường thật; không ai khao khát sự sáng hay muốn tránh xa tội lỗi. Họ sống dưới sự điều khiển của Sa-tan, dưới sự bại hoại và dối trá của Sa-tan. Họ đã mất đi nhân tính; họ đã mất đi ý thức và họ đã mất đi mục tiêu tồn tại ban đầu của con người. Họ đã thực hiện vô số những hành động gian ác chống lại Đức Chúa Trời; họ chối bỏ sự dẫn dắt của Ngài và chống lại ý muốn của Ngài. Chính những hành động độc ác của họ đã từng bước đưa những con người này, thành phố và mọi sinh linh bên trong nó, đi xuống con đường hủy diệt.

Mặc dù hai đoạn trích dẫn này không mô tả mọi chi tiết về mức độ bại hoại của dân thành Sô-đôm, thay vào đó chỉ ghi lại cách cư xử của họ đối với hai bầy tôi của Đức Chúa Trời khi họ đến thành phố, có một sự thật đơn giản tiết lộ mức độ bại hoại độc ác và chống đối Đức Chúa Trời của dân thành Sô-đôm. Qua chi tiết này, bộ mặt và thực chất thực sự của dân chúng trong thành cũng được phơi bày. Những người này không chỉ không để tâm đến lời cảnh báo của Đức Chúa Trời, mà còn không sợ sự trừng phạt của Ngài. Trái lại, họ khinh thường cơn giận dữ của Đức Chúa Trời. Họ mù quáng chống lại Đức Chúa Trời. Bất kể Ngài làm gì hay Ngài làm việc đó như thế nào, thực chất xấu ác chỉ tăng thêm và họ liên tục chống lại Đức Chúa Trời. Dân thành Sô-đôm tỏ ra thù nghịch đối với sự tồn tại của Đức Chúa Trời, đối với sự đến của Ngài, sự trừng phạt của Ngài và thậm chí cả những lời cảnh báo của Ngài. Họ cực kỳ ngạo mạn. Họ tấn công và hãm hại tất cả những người có thể bị tấn công và làm hại, và họ đối xử đối với các bầy tôi của Đức Chúa Trời cũng không khác gì. Nói về toàn bộ những hành vi gian ác mà dân thành Sô-đôm đã gây ra, việc làm hại các bầy tôi của Đức Chúa Trời chỉ là phần nổi của tảng băng chìm, và bản tính độc ác của họ như đã bộc lộ ra mới chỉ là một giọt



nước trong đại dương mênh mông. Do đó, Đức Chúa Trời đã chọn cách hủy diệt họ bằng ngọn lửa. Ngài đã không sử dụng một cơn hồng thủy hay một cơn bão, một trận động đất, sóng thần hoặc bất kỳ phương pháp nào khác để hủy diệt thành phố. Việc Đức Chúa Trời dùng lửa để hủy diệt thành phố này có nghĩa là gì? Nó mang ý nghĩa một sự hủy diệt hoàn toàn của thành phố; nó mang ý nghĩa rằng thành phố biến mất hoàn toàn khỏi trần gian như chưa từng tồn tại. Ở đây, “sự hủy diệt” không những ám chỉ sự biến mất về hình hài, cấu trúc hay về hình thức bên ngoài của thành phố; mà nó còn có ý nghĩa rằng linh hồn của dân chúng trong thành cũng không còn tồn tại nữa và đã hoàn toàn bị trừ diệt. Nói một cách đơn giản, tất cả dân chúng, sự kiện và những điều liên quan đến thành phố đều đã bị hủy diệt. Dân thành này sẽ không có kiếp sau hay được tái sinh; Đức Chúa Trời đã xóa sổ họ khỏi nhân loại, khỏi những tạo vật của Ngài, đến đời đời. Việc dùng lửa đã biểu thị sự chấm dứt của tội lỗi ở nơi này, và rằng tội lỗi đã bị ngăn chặn tại đó; và tội lỗi này sẽ không còn tồn tại và không thể lan tràn. Điều đó có nghĩa là sự độc ác của Sa-tan đã mất đi nguồn đất nuôi dưỡng cũng như nghĩa địa để nó nường nấu và sinh sống. Trong cuộc chiến giữa Đức Chúa Trời và Sa-tan, việc Đức Chúa Trời sử dụng lửa là biểu trưng cho sự chiến thắng của Ngài mà cùng với đó Sa-tan được đánh dấu. Sự hủy diệt thành Sô-đôm là một sơ suất nghiêm trọng trong tham vọng của Sa-tan chống lại Đức Chúa Trời thông qua việc làm con người trở nên sa ngã và độc ác. Đó cũng là một mốc thời gian đáng hổ thẹn trong quá trình phát triển của loài người, khi con người từ chối sự dẫn dắt của Đức Chúa Trời và buông thả bản thân trong sự suy đồi. Hơn nữa, đó là di tích cho sự mặc khải thật sự về tâm tính công chính của Đức Chúa Trời.

Khi ngọn lửa Đức Chúa Trời ném xuống từ trời đã thiêu rụi thành Sô-đôm thành tro tàn, điều đó có nghĩa là thành phố có tên là “Sô-đôm” cũng như mọi thứ trong thành từ đó đã không còn tồn tại. Nó đã bị hủy diệt bởi cơn giận dữ của Đức Chúa Trời; biến mất giữa cơn thịnh nộ và sự oai nghi của Ngài. Bởi tâm tính công chính của Đức Chúa Trời, thành Sô-đôm đã nhận sự trừng phạt thích đáng và kết cục xứng đáng của nó. Việc thành Sô-đôm bị hủy diệt là do sự xấu xa của nó, và đó cũng là do Đức Chúa Trời không bao giờ muốn nhìn lại thành phố này, cũng như bất kỳ người nào đã từng sống trong đó, hay bất kỳ sự sống nào đã sinh sôi nơi thành này. Việc “không bao giờ muốn nhìn lại thành phố này” của Đức Chúa Trời chính là cơn thịnh nộ cũng như sự oai nghi của Ngài. Đức Chúa Trời thiêu rụi thành phố vì sự gian ác và tội lỗi của nó khiến Ngài cảm thấy tức giận, ghê tởm và khinh ghét, và không bao giờ muốn nhìn thấy thành phố này hay bất kỳ người nào và sinh vật nào sống trong đó nữa. Khi thành phố đã cháy rụi, chỉ còn lại đồng tro tàn, nó thực sự đã không còn tồn tại đối với Đức Chúa Trời; ngay cả những ký ức của Ngài về thành Sô-đôm cũng biến mất, xóa sạch. Điều này có nghĩa là lửa trời không chỉ hủy diệt toàn bộ thành Sô-đôm, cũng không chỉ hủy diệt những con người đầy tội lỗi trong thành, cũng không chỉ hủy tất cả mọi thứ bên trong thành phố, những thứ đã vấy bẩn tội lỗi; không chỉ những thứ này, ngọn lửa cũng đã hủy diệt ký ức về sự xấu ác và chống đối Đức Chúa Trời của loài người. Đây là mục đích của Đức Chúa Trời khi thiêu rụi thành Sô-đôm.

Con người ở đây đã bị hư hoại đến tột cùng. Những người này không biết Đức Chúa Trời là ai hay bản thân họ đến từ đâu. Nếu người nói đến Đức Chúa Trời với họ, họ sẽ công kích, phỉ báng và báng bổ. Ngay cả khi những bày tỏ của Đức Chúa Trời đến để rao truyền lời cảnh cáo của Ngài, những kẻ sa ngã này không những không tỏ dấu hiệu ăn năn hay từ bỏ hành vi xấu ác của mình; mà trái lại, họ còn ngang ngược làm hại các bày tỏ của Đức Chúa Trời. Những gì họ đã thể hiện và tỏ lộ chính là bản tính và thực chất thù địch tột độ đối với Đức Chúa Trời. Chúng ta có thể thấy rằng việc chống lại Đức Chúa Trời của những con người bại hoại này không chỉ là sự tỏ lộ tâm tính sa ngã của họ, cũng như không chỉ là trường hợp phỉ báng hay nhạo báng đơn thuần xuất phát từ sự thiếu hiểu biết về sự thật. Hành vi xấu xa của họ không phải là kết quả của sự dốt nát hay ngờ nghệch; họ hành động theo lối này không phải bởi họ bị lừa gạt, và chắc chắn chẳng phải họ bị lạc lối. Hành vi của họ đã lên đến mức đối nghịch trơ trẽn trắng trợn, đối lập và la ó chống lại Đức Chúa Trời. Không còn nghi ngờ gì nữa, loại hành vi này của con người sẽ làm cho Đức Chúa Trời nổi giận, nó sẽ chọc giận tâm tính của Ngài – một tâm tính không thể bị xúc phạm. Do đó, Đức Chúa Trời đã thẳng thắn và công khai trút cơn thịnh nộ và sự oai nghi của Ngài; đây là sự tỏ lộ đích thực tâm tính công chính của Ngài. Đối mặt với một thành phố tràn ngập tội lỗi, Đức Chúa Trời mong muốn hủy diệt nó theo cách nhanh nhất có thể; xóa sổ những con người trong đó và toàn bộ tội lỗi của họ một cách triệt để nhất, để chấm dứt sự tồn tại của dân chúng thành này và ngăn chặn tội lỗi trong nơi này nhân rộng. Cách nhanh nhất và triệt để nhất để thực hiện điều đó là thiêu rụi thành phố. Thái độ của Đức Chúa Trời đối với dân thành Sô-đôm không phải là sự ruồng bỏ hay khinh miệt. Đúng hơn, Ngài đã dùng cơn thịnh nộ, sự oai nghi và thẩm quyền của mình để trừng phạt, đánh gục và cuối cùng hủy diệt hoàn toàn những con người này. Thái độ của Ngài đối với họ không chỉ là sự hủy diệt về thể xác mà còn là sự hủy diệt vĩnh viễn về linh hồn, một sự xóa bỏ đời đời. Đây là hàm ý thực sự của Đức Chúa Trời trong cụm từ “không còn tồn tại”.

### **Mặc dù không bộc lộ và không được loài người biết tới, cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời không dung thứ cho bất kỳ sự xúc phạm nào**

Đức Chúa Trời đối xử với toàn bộ nhân loại khờ dại và thiếu hiểu biết chủ yếu bằng lòng nhân từ và sự khoan dung. Sự phẫn nộ của Đức Chúa Trời, mặt khác, được ẩn giấu trong phần lớn thời gian, trước phần lớn các sự kiện, và con người không thể nhận biết được. Kết quả là, con người khó có thể thấy Đức Chúa Trời thể hiện cơn thịnh nộ của mình, và cũng khó có thể hiểu cơn thịnh nộ của Ngài. Vì vậy, con người đã coi nhẹ cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời. Khi con người đối mặt với công tác cũng như hành động khoan dung và tha thứ cuối cùng của Đức Chúa Trời – đó là, khi con người được nhận lòng nhân từ và lời cảnh báo cuối cùng của Ngài – nếu họ vẫn tiếp tục những hành vi chống lại Đức Chúa Trời và không có động thái gì ăn năn hối cải, không thay đổi và nhận lấy lòng nhân từ của Ngài, thì Đức Chúa Trời sẽ không ban cho họ sự khoan dung và kiên nhẫn hơn nữa. Trái lại, chính lúc này, Đức Chúa Trời sẽ rút lại sự nhân từ của

mình. Sau đó, Ngài sẽ chỉ trút xuống cơn thịnh nộ của mình. Ngài có thể bộc lộ cơn thịnh nộ theo những cách khác nhau, và Ngài cũng có thể dùng các cách khác nhau để trừng phạt và hủy diệt con người.

Việc Đức Chúa Trời dùng lửa để phá hủy thành Sô-đôm là cách nhanh nhất để Ngài diệt trừ hoàn toàn một con người hay bất cứ vật gì khác. Việc thiêu dân chúng thành Sô-đôm không chỉ hủy diệt thể xác của họ; nó còn hủy diệt hoàn toàn tâm linh, linh hồn và thể xác của họ; đảm bảo rằng dân chúng trong thành sẽ không còn tồn tại cả trong thế giới vật chất lẫn thế giới mà con người không thể nhìn thấy. Đây là cách mà Đức Chúa Trời tỏ lộ và thể hiện cơn thịnh nộ của Ngài. Cách tỏ lộ và thể hiện này là một mặt trong thực chất cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời, và lẽ tự nhiên đó cũng là sự tỏ lộ thực chất về tâm tính công chính của Ngài. Khi Đức Chúa Trời giáng sự phẫn nộ của Ngài xuống, Ngài không còn thể hiện lòng nhân từ hay sự thương xót, và Ngài cũng không ban thêm bất kỳ sự khoan dung hay kiên nhẫn nào nữa; không có người nào, hay điều gì hay lý do nào có thể thuyết phục Ngài tiếp tục kiên nhẫn, và lại mở lòng nhân từ hay ban phát sự khoan dung của Ngài thêm một lần nữa. Thay vì những điều đó, Đức Chúa Trời không do dự giáng xuống cơn thịnh nộ và sự oai nghi của mình, làm những điều Ngài muốn, và Ngài sẽ làm những điều này một cách nhanh chóng và gọn ghẽ theo ý muốn của mình. Đây là cách mà Đức Chúa Trời thể hiện cơn thịnh nộ và sự oai nghi của Ngài, điều mà con người không được phép xúc phạm tới, và nó cũng thể hiện một mặt trong tâm tính công chính của Ngài. Khi chứng kiến Đức Chúa Trời tỏ ra lo lắng và yêu thương loài người, con người không thể nhận biết được cơn thịnh nộ của Ngài, không thấy sự oai nghi của Ngài và cũng không cảm thấy được rằng Ngài không dung thứ cho sự xúc phạm. Những điều này luôn khiến con người tin rằng tâm tính công chính của Đức Chúa Trời chỉ có lòng nhân từ, sự bao dung và tình yêu thương. Tuy nhiên, khi chứng kiến Đức Chúa Trời hủy diệt một thành phố hoặc khinh ghét loài người, cơn thịnh nộ khi hủy diệt con người, và sự oai nghi của Ngài đã cho phép loài người phần nào hiểu được mặt còn lại trong tâm tính công chính của Ngài. Đây chính là sự không dung thứ với xúc phạm của Đức Chúa Trời. Tâm tính của Đức Chúa Trời không khoan dung với sự xúc phạm vượt quá sức tưởng tượng của bất kỳ tạo vật nào, và trong các phi tạo vật, không gì có thể can thiệp hay tác động đến điều đó; nó càng không thể bị sao chép và làm theo. Do vậy, khía cạnh này trong tâm tính của Đức Chúa Trời là khía cạnh là nhân loại cần phải hiểu rõ nhất. Chỉ có chính Đức Chúa Trời mới có tâm tính này, và chỉ có chính Đức Chúa Trời mới sở hữu được loại tâm tính này. Đức Chúa Trời sở hữu loại tâm tính này bởi vì Ngài khinh ghét sự gian ác, tằm tối, sự dấy loạn và những hành vi xấu xa của Sa-tan, những hành vi khiến loài người trở nên sa ngã và độc ác, vì Ngài khinh ghét mọi hành vi tội lỗi đối nghịch với Ngài, và vì thực chất thánh khiết và không bị ô uế của Ngài. Chính vì điều này mà Đức Chúa Trời sẽ không chịu bất kỳ tạo vật hay phi tạo vật nào công khai đối nghịch hay chống lại Ngài. Ngay cả đối với một cá nhân mà Đức Chúa Trời đã từng tỏ lòng nhân từ hoặc người Ngài từng lựa chọn, chỉ cần người đó khiêu khích tâm tính của Ngài và vi phạm nguyên tắc về sự kiên nhẫn và khoan dung của

Ngài, Ngài sẽ hé mở và tỏ lộ tâm tính công chính không dung thứ cho bất kỳ sự xúc phạm nào mà không một chút thương xót hay do dự.

### **Cơ thịnh nộ của Đức Chúa Trời là sự che chở cho mọi thể lực chính nghĩa và mọi điều tốt đẹp**

Thông qua việc hiểu những ví dụ trên về lời nói, suy nghĩ và hành động của Đức Chúa Trời, người có thể hiểu được tâm tính công chính của Ngài, một tâm tính không dung thứ cho sự xúc phạm từ con người không? Tóm lại, cho dù loài người hiểu được đến đâu thì đây là một khía cạnh trong tâm tính của chính Đức Chúa Trời, và nó là độc nhất chỉ có nơi Ngài. Việc Đức Chúa Trời không khoan dung với sự xúc phạm là thực chất chỉ có duy nhất nơi Ngài; cơ thịnh nộ của Đức Chúa Trời là tâm tính chỉ có duy nhất nơi Ngài; sự oai nghi của Đức Chúa Trời cũng là thực chất chỉ có duy nhất nơi Ngài. Nguyên tắc ẩn sau sự giận dữ của Đức Chúa Trời thể hiện thân phận và địa vị chỉ Ngài có được. Không cần phải nói, nguyên tắc này cũng chính là biểu tượng về thực chất của chính Đức Chúa Trời độc nhất vô song. Tâm tính của Đức Chúa Trời là thực chất vốn có của Ngài, và tâm tính này hoàn toàn không thay đổi theo sự dịch chuyển của thời gian, và cũng không biến đổi theo sự thay đổi của không gian địa lý. Tâm tính vốn có của Ngài chính là thực chất cố hữu của Đức Chúa Trời. Bất kể Ngài thực hiện công việc của mình với ai thì thực chất của Ngài cũng không thay đổi, và tâm tính công chính của Ngài cũng vậy. Khi một người làm Đức Chúa Trời nổi giận, Ngài sẽ bộc lộ tâm tính cố hữu của Ngài; tại thời điểm đó, nguyên tắc ẩn sau cơn giận dữ của Ngài không thay đổi, thân phận và địa vị độc nhất của Ngài cũng không thay đổi. Ngài không trở nên tức giận vì một sự thay đổi trong thực chất của Ngài, hoặc bởi những yếu tố khác đã xuất hiện trong tâm tính của Ngài, mà chính sự chống đối của loài người đối với Ngài đã xúc phạm đến tâm tính của Ngài. Sự khiêu khích trắng trợn của loài người với Đức Chúa Trời là một thách thức nghiêm trọng đến thân phận và địa vị của Ngài. Theo quan điểm của Đức Chúa Trời, khi loài người thách thức Ngài, loài người đang tranh đấu với Ngài và thử luyện cơn giận của Ngài. Khi loài người đối nghịch với Đức Chúa Trời, khi loài người tranh đấu với Đức Chúa Trời, khi loài người liên tục thử luyện cơn giận dữ của Đức Chúa Trời – đó cũng là lúc tội lỗi lan tràn – cơ thịnh nộ của Đức Chúa Trời sẽ tự nhiên tỏ lộ và hiện diện. Do đó, sự bày tỏ cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời là một biểu tượng rằng tất cả các thể lực xấu ác sẽ không còn tồn tại; và nó là một biểu tượng rằng tất cả những thể lực thù nghịch sẽ bị huỷ diệt. Đây chính là tính độc nhất của tâm tính công chính của Đức Chúa Trời, và của cơn thịnh nộ của Ngài. Khi sự tôn nghiêm và thánh khiết của Đức Chúa Trời bị thử thách, khi những thể lực chính nghĩa bị cản trở hoặc không được con người nhận biết, Đức Chúa Trời sẽ giáng xuống cơn thịnh nộ của Ngài. Do thực chất của Đức Chúa Trời, tất cả những thể lực trên trần gian chống lại Ngài, đối nghịch với Ngài và tranh đấu với Ngài đều là xấu xa, bại hoại và bất công; chúng bắt nguồn từ Sa-tan và thuộc về Sa-tan. Bởi vì Đức Chúa Trời là công bằng, là thuộc về sự sáng và sự thánh khiết hoàn hảo, tất cả những điều

xấu xa, bại hoại và những gì thuộc về Sa-tan sẽ tan biến khi cơn thịnh nộ của Ngài được trút xuống.

Mặc dù cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời trút xuống là một phần trong tâm tính công chính của Ngài, cơn giận dữ của Ngài không phải là không phân biệt mục tiêu hay không có nguyên tắc. Trái lại, Đức Chúa Trời không hề dễ nổi giận hay dễ dàng bộc lộ cơn thịnh nộ và sự oai nghi của Ngài. Hơn nữa, Đức Chúa Trời kiểm soát và điều chỉnh cơn thịnh nộ của Ngài một cách hợp lý; không giống như cách con người bùng lên tức giận hay sục sôi với cơn giận dữ của mình. Kinh Thánh đã ghi lại rất nhiều cuộc trò chuyện giữa con người và Đức Chúa Trời. Một số người dùng những lời lẽ nông cạn, dốt nát và ấu trĩ, nhưng Đức Chúa Trời không vui đập hay chỉ trích họ. Cụ thể là, trong thử luyện đối với Gióp, Đức Giê-hô-va đã đối xử với ba người bạn của Gióp và những người khác như thế nào sau khi Ngài nghe được những lời họ nói với Gióp? Ngài có chê trách họ không? Ngài có nổi trận lôi đình với họ không? Ngài đã không làm những điều ấy! Thay vào đó, Ngài bảo Gióp cầu xin thay họ và cầu nguyện cho họ; về phần mình, Đức Chúa Trời không hề giữ trong lòng những lỗi lầm của họ. Những ví dụ trên đây đều minh chứng cho thái độ chủ yếu của Đức Chúa Trời trước loài người, dù họ sa ngã và dốt nát. Vì vậy, khi Đức Chúa Trời trút ra cơn thịnh nộ thì đó không phải là sự bày tỏ tâm trạng hay trút bỏ cảm xúc. Cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời không hoàn toàn là cơn giận dữ bùng phát như loài người lầm tưởng. Đức Chúa Trời trút ra cơn thịnh nộ của Ngài không phải vì Ngài không thể kiểm soát tâm trạng của chính mình hay do sự tức giận của Ngài đã đạt tới ngưỡng phải bùng phát ra ngoài. Trái lại, cơn thịnh nộ của Ngài là sự thể hiện và sự bày tỏ chân thực của tâm tính công chính của Ngài; đây chính là sự mặc khải có tính biểu trưng về thực chất thánh khiết của Ngài. Đức Chúa Trời phần nộ, không khoan nhượng cho bất kỳ sự xúc phạm nào – điều này không có nghĩa rằng Đức Chúa Trời giận dữ mà không phân biệt căn nguyên hay không theo các nguyên tắc; chỉ con người bại hoại mới độc quyền nổi giận một cách vô cớ và ngẫu nhiên, một kiểu nổi giận không phân biệt các nguyên cớ. Khi một con người có địa vị, họ thường khó kiểm soát tâm trạng của mình, và vì vậy họ sẽ muốn mượn cớ để trút bỏ sự bất mãn và giải tỏa cảm xúc; họ sẽ thường xuyên nổi giận vô cớ, để thể hiện khả năng của mình và cho người khác biết địa vị và thân phận của mình là khác với những người bình thường. Tất nhiên, những người bại hoại không có bất kỳ địa vị nào cũng sẽ thường xuyên mất kiểm soát. Họ thường tức giận vì lợi ích cá nhân mình bị tổn hại. Để bảo vệ địa vị và tôn nghiêm của chính mình, họ sẽ thường xuyên giải tỏa cảm xúc và thể hiện bản tính kiêu ngạo của họ. Con người sẽ nổi giận và trút bỏ cảm xúc để bao biện cho tội lỗi, và những hành động này là cách mà con người thể hiện sự bất mãn của mình. Những hành động này đầy những sự bất khiết; chúng đầy những toan tính và mưu mô; chúng đầy sự xấu xa và bại hoại của con người; và hơn hết, chúng đầy những tham vọng và ham muốn cuồng loạn của con người. Khi chính nghĩa đấu tranh với cái ác, con người sẽ không nổi giận để bảo vệ sự tồn tại của chính nghĩa hay để giữ gìn nó; trái lại, khi các thế lực chính nghĩa bị đe dọa, đàn áp và tấn công, con người chỉ tỏ thái độ phớt

lờ, lảng tránh hoặc lùi bước. Tuy nhiên, khi đối mặt với các thế lực xấu xa, con người thường tỏ thái độ phục tùng, và cúi đầu và quỳ gối. Do đó, sự tức giận của con người là lối thoát cho cái ác, một sự bày tỏ của hành vi xấu xa lan tràn và không thể ngăn chặn của con người phạm tục. Tuy nhiên, khi Đức Chúa Trời tỏ cơn thịnh nộ, tất cả các thế lực xấu ác sẽ bị ngăn chặn; mọi tội lỗi hãm hại con người sẽ bị ngăn chặn; tất cả các thế lực thù địch cản trở công tác của Đức Chúa Trời sẽ được hiện rõ, tách biệt ra và bị nguyên rửa; còn tất cả những kẻ đồng loã với Sa-tan chống lại Đức Chúa Trời sẽ bị trừng phạt và diệt trừ tận gốc. Thay vào đó công tác của Đức Chúa Trời sẽ không có bất kỳ trở ngại nào; kế hoạch quản lý của Ngài sẽ tiếp tục từng bước phát triển theo dự kiến; những người được Đức Chúa Trời chọn sẽ không bị Sa-tan gây phiền nhiễu và lừa gạt; còn những ai theo Đức Chúa Trời sẽ được hưởng sự dẫn dắt và sự chu cấp trong môi trường bình yên và thanh thản. Cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời là một biện pháp để ngăn chặn các thế lực tà ác khỏi nhân rộng và lộng hành, và đó cũng là một biện pháp bảo vệ sự tồn tại và truyền bá của những điều công bình và tích cực, và vĩnh viễn bảo vệ chúng khỏi bị đàn áp và huỷ diệt.

Các người có thấy được thực chất của cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời khi Ngài hủy diệt thành Sô-đôm không? Có điều gì khác lẫn lộn trong cơn thịnh nộ của Ngài không? Cơn thịnh nộ của Ngài có thuần túy không? Nói theo ngôn từ của con người thì cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời có thuần khiết không? Có bất kỳ mách khéo lừa bịp nào đằng sau cơn thịnh nộ của Ngài không? Có mưu mô nào không? Có bí mật nào không nói ra được không? Ta có thể nói với các người một cách nghiêm túc và trang trọng rằng: Không ai có thể hoài nghi bất cứ điều gì về cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời. Cơn giận của Ngài là một cơn giận thuần túy, thuần khiết, và không che giấu bất kỳ mục đích hay mục tiêu gì khác. Các nguyên cớ đằng sau cơn giận của Ngài là thuần khiết, không thể chê trách và không thể bị chỉ trích. Đó là sự tỏ lộ và biểu hiện tự nhiên của thực chất thánh khiết của Ngài; đó là điều mà không tạo vật nào có được. Đây là một phần thuộc về tâm tính công chính độc nhất vô song của Đức Chúa Trời, và đó cũng là sự khác biệt rõ rệt giữa thực chất của Đấng Tạo Hóa và thực chất của tạo vật của Ngài.

Cho dù một người có nổi giận trước mặt hoặc sau lưng người khác, thì ai cũng có ý định và mục đích khác nhau cho cơn giận của họ. Có thể họ đang xây dựng uy tín của mình, hoặc có thể họ đang bảo vệ lợi ích, duy trì hình ảnh hoặc giữ thể diện của chính mình. Một số người tập kiểm chế cơn giận của mình, trong khi số khác thì hấp tấp hơn và để cơn giận bùng lên bất cứ khi nào họ muốn mà không hề cố gắng kiểm chế. Nói tóm lại, sự giận dữ của con người khởi nguồn từ tâm tính bại hoại của họ. Bất kể mục đích của cơn giận là gì thì đó cũng là điều trần tục và thuận theo tự nhiên; nó không liên quan gì đến công lý hay bất công bởi vì không có gì trong bản tính và thực chất của con người tương ứng với lẽ thật. Do đó, không thể so sánh cơn giận dữ của nhân loại bại hoại với cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời. Không có trường hợp ngoại lệ, hành vi của một con người bị Sa-tan làm bại hoại bắt đầu với mong muốn bảo vệ sự bại hoại, và

quả thực nó được thực hiện dựa trên sự bại hoại; đây là lý do tại sao cơn giận của con người không thể được đề cập ngang hàng với cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời, cho dù cơn giận của con người có thể hợp lý thế nào chăng nữa trên lý thuyết. Khi Đức Chúa Trời trút xuống cơn thịnh nộ của Ngài, các thế lực tà ác bị phán xét, những điều xấu xa bị tiêu diệt, trong khi những điều chính đáng và tích cực bắt đầu được hưởng sự bảo vệ và che chở của Đức Chúa Trời, và được phép tồn tại. Đức Chúa Trời trút cơn thịnh nộ của Ngài vì những điều bất công, tiêu cực và độc ác cản trở, quấy nhiễu hoặc phá hủy hoạt động bình thường và sự phát triển của những điều công chính và tích cực. Cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời không nhằm bảo vệ địa vị và thân phận của chính Ngài, mà là để bảo vệ sự tồn tại của những điều công chính, tích cực, đẹp đẽ và tốt lành, để bảo vệ luật pháp và trật tự cho sự tồn tại bình thường của loài người. Đây là nguyên nhân gốc rễ dẫn tới cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời nổi giận là sự tỏ lộ rất đúng đắn, tự nhiên và chân thực về tâm tính của Ngài. Không có động cơ nào đằng sau cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời, cũng không có sự lừa dối hay âm mưu nào; hướng hồ là những ham muốn, toan tính, độc địa, bạo lực, xấu xa hay bất cứ các đặc điểm chung nào khác của con người bại hoại. Trước khi Đức Chúa Trời trút cơn thịnh nộ, Ngài đã thấu được thực chất của mọi vấn đề một cách rõ ràng và đầy đủ, và Ngài đã đúc rút ra các khái niệm và kết luận chính xác và rõ ràng. Do đó, Ngài có mục tiêu và thái độ hết sức rõ ràng trong mọi vấn đề Ngài thực hiện. Ngài không hồ đồ; Ngài không mù quáng; Ngài không bốc đồng; Ngài không bất cẩn; và Ngài chắc chắn không phải là không có nguyên tắc. Đây là khía cạnh thực tế về cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời, và chính nhờ khía cạnh này trong cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời mà loài người mới được tồn tại bình thường. Nếu không có cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời thì nhân loại sẽ rơi vào tình trạng sống bất thường; tất cả những điều công chính, đẹp đẽ và lương thiện sẽ bị hủy diệt và không còn tồn tại. Nếu không có cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời thì luật lệ và quy tắc tồn tại của các tạo vật sẽ bị phá vỡ hoặc thậm chí bị lật đổ hoàn toàn. Kể từ khi tạo ra con người, Đức Chúa Trời đã luôn dùng tâm tính công chính của mình để bảo vệ và duy trì sự tồn tại bình thường của loài người. Bởi vì tâm tính công chính của Ngài chứa đựng cả cơn thịnh nộ và sự oai nghi nên tất cả những con người, sự vật, đối tượng xấu ác và tất cả những gì gây xáo trộn và làm tổn hại tới sự tồn tại bình thường của nhân loại sẽ bị trừng phạt, chế ngự và hủy diệt bởi cơn thịnh nộ của Ngài. Hàng mấy thiên niên kỷ qua, Đức Chúa Trời đã luôn dùng tâm tính công chính của mình để đánh bại và hủy diệt tất cả những quỷ dữ và tà ma chống lại Ngài và đóng vai trò là đồng phạm và tay sai cho Sa-tan trong công tác quản lý loài người của Đức Chúa Trời. Do đó, công tác cứu rỗi loài người của Đức Chúa Trời luôn đi đúng theo kế hoạch của Ngài. Điều này có nghĩa rằng, nhờ có cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời mà những sự nghiệp công chính nhất của con người chưa từng bị hủy diệt.

Bây giờ các người đã hiểu được về thực chất cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời, các người chắc hẳn sẽ càng hiểu rõ hơn về cách phân biệt sự độc ác của Sa-tan!

## **Mặc dù Sa-tan tỏ ra nhân đạo, công bằng và đạo đức, nhưng thực chất của nó là độc ác và tàn bạo**

Sa-tan xây dựng danh tiếng thông qua việc lừa dối mọi người, và thường tạo dựng hình tượng bản thân là người tiên phong và hình mẫu của sự công chính. Dưới vỏ bọc bảo vệ sự công chính, nó làm hại con người, nuốt chửng linh hồn con người và dùng đủ loại phương tiện để làm tê liệt, lừa dối và kích động con người. Mục tiêu của Sa-tan là khiến con người chấp thuận và làm theo hành vi xấu xa của nó, để khiến con người cùng nó chống lại thẩm quyền và quyền tối thượng của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, khi ai đó nhìn thấu các thủ đoạn và mưu chước của nó, nhìn thấu bộ mặt đê hèn của nó, và khi ai đó không muốn tiếp tục bị nó giày xéo và lừa phỉnh hay tiếp tục làm nô lệ cho nó, hoặc không muốn bị trừng phạt và bị hủy diệt cùng với nó, thì Sa-tan sẽ thay đổi diện mạo thánh thiện trước đây và xé bỏ mặt nạ để lộ bộ mặt thật độc ác, nham hiểm, xấu xí và man rợ của mình. Nó không ưa thích việc gì hơn là tiêu diệt tất cả những ai không chịu đi theo nó và những ai chống lại các thế lực xấu xa của nó. Đến đây, Sa-tan không thể giả bộ một diện mạo đáng tin cậy, đàng hoàng được nữa; thay vào đó, bộ mặt thật xấu xí và độc ác của nó bị lộ diện dưới lớp vỏ bọc. Một khi những mưu chước của Sa-tan được đem ra ánh sáng và bộ mặt thật của nó bị phơi bày, nó sẽ nổi điên và bộc lộ sự dã man của mình. Sau việc này, mong muốn làm hại và nuốt chửng con người của nó sẽ chỉ càng mãnh liệt hơn. Điều này là bởi nó điên cuồng khi con người tỉnh ngộ ra; và nó ngày càng thù ghét sự sống của con người vì khát vọng của họ là mong cầu tự do, sự sáng và thoát khỏi nhà tù của nó. Cơn cuồng nộ của Sa-tan là nhằm bảo vệ và duy trì sự xấu xa của nó, và đó cũng là một sự tỏ lộ chân thực về bản tính độc ác của nó.

Hành vi của Sa-tan phơi bày bản tính xấu xa của nó trong mọi việc. Trong tất cả các hành vi xấu xa mà Sa-tan đã thực hiện đối với con người – từ những nỗ lực ban đầu để lừa con người đi theo nó cho tới việc lợi dụng con người, mà qua đó đã lôi kéo họ vào những việc xấu ác, cho tới sự thù ghét loài người của nó sau khi bộ mặt thực sự của nó đã bị vạch trần và sau khi con người đã nhận ra và ruồng bỏ nó – không một hành động gì trên đây mà không thể vạch trần thực chất độc ác của Sa-tan; cũng như không thể chứng minh rằng Sa-tan chẳng liên quan gì đến những điều tốt đẹp, và rằng Sa-tan là nguồn gốc của mọi điều ác. Mỗi một hành động của nó đều nhằm bảo vệ cái ác, duy trì những hành vi xấu xa của nó, chống lại những điều công bình và tích cực, phá vỡ luật lệ và quy tắc tồn tại thông thường của loài người. Những hành động này đều thù địch Đức Chúa Trời, và chúng sẽ bị cơn thịnh nộ của Ngài hủy diệt. Mặc dù Sa-tan cũng có cơn giận dữ của nó, nhưng cơn giận của nó chỉ là một cách bộc lộ bản tính xấu xa của nó. Lý do Sa-tan bực tức và nổi giận là: những thủ đoạn bí mật của nó đã bị phơi bày; mưu chước của nó không dễ dàng thực hiện; tham vọng và khao khát điên cuồng muốn thay thế Đức Chúa Trời và chiếm lấy vị trí Đức Chúa Trời của nó đã bị hạ gục và ngăn chặn; mục tiêu thống trị toàn bộ nhân loại của nó giờ đã trở thành hư vô và không bao giờ có thể đạt được. Chính việc Đức Chúa Trời nhiều lần bộc lộ cơn thịnh nộ của Ngài



đã ngăn mưu chước của Sa-tan trở thành hiện thực và ngăn chặn sự xấu xa của nó lây lan và lộng hành. Vì lý do này, Sa-tan vừa căm ghét vừa kinh sợ cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời. Mỗi khi cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời giáng xuống, nó không chỉ vạch trần bộ mặt thật đê hèn của Sa-tan mà còn phơi bày những khao khát xấu xa của nó dưới ánh sáng; và đồng thời, các nguyên nhân dẫn tới cơn cuồng loạn của Sa-tan trước loài người cũng hoàn toàn được phơi bày. Cơn cuồng loạn bùng phát của Sa-tan là một sự tỏ lộ đích thực về bản tính xấu xa của nó, và là sự vạch trần các âm mưu của nó. Tất nhiên, mỗi lần Sa-tan nổi giận, điều này truyền báo sự hủy diệt của những điều xấu xa, sự bảo vệ và duy trì của những điều tích cực, và nó cũng truyền báo một thực tế rằng cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời không thể bị xúc phạm!

### **Con người không được dựa trên kinh nghiệm và trí tưởng tượng của mình để hiểu về tâm tính công chính của Đức Chúa Trời**

Khi phải đối mặt với sự phán xét và hình phạt của Đức Chúa Trời, người có nói rằng những lời của Ngài đã bị pha tạp? Người có nói rằng có điều gì đó ẩn đằng sau cơn giận dữ của Đức Chúa Trời, và rằng cơn thịnh nộ của Ngài đã bị pha tạp? Người có phỉ báng Đức Chúa Trời, nói rằng tâm tính của Ngài không nhất thiết là hoàn toàn công chính? Khi đối phó với từng hành động của Đức Chúa Trời, người trước hết phải thấu suốt rằng tâm tính công chính của Ngài không bị ảnh hưởng bởi bất kỳ yếu tố nào khác, và tâm tính đó là thánh khiết và hoàn hảo. Những hành động này bao gồm sự đánh gục, sự trừng phạt và sự hủy diệt loài người của Đức Chúa Trời. Không có ngoại lệ, mỗi một hành động của Đức Chúa Trời đều được thực hiện đúng theo kế hoạch và tâm tính vốn có của Ngài, và không bao hàm chút nào của kiến thức, truyền thống và triết lý của loài người. Mỗi một hành động của Đức Chúa Trời là sự bày tỏ của tâm tính và thực chất của Ngài, không liên quan gì đến bất kỳ thứ gì thuộc về nhân loại sa ngã. Trong quan niệm của con người, chỉ có tình thương, lòng nhân từ và sự khoan dung của Đức Chúa Trời đối với nhân loại là hoàn hảo, không bị pha tạp, và thánh khiết. Tuy nhiên, không ai hiểu rằng cơn giận dữ và cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời cũng thuần khiết như thế; hơn nữa, không ai đặt những câu hỏi như là tại sao Đức Chúa Trời không dung thứ cho sự xúc phạm nào, hay tại sao cơn giận dữ của Ngài lại dữ dội đến vậy. Trái lại, một số người nhầm lẫn cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời là sự nóng nảy, giống như sự nóng nảy của nhân loại sa ngã; một số lầm tưởng sự giận dữ của Đức Chúa Trời là cơn nóng giận của nhân loại sa ngã. Họ thậm chí còn lầm tưởng rằng cơn giận dữ của Đức Chúa Trời giống như sự tỏ lộ tự nhiên tâm tính sa ngã của loài người, và rằng Đức Chúa Trời thể hiện cơn thịnh nộ của Ngài cũng giống như sự giận dữ của con người sa ngã khi họ gặp phải tình huống không vui vẻ, họ còn tin rằng cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời là sự bày tỏ tâm trạng của Ngài. Sau sự thông công này, Ta hy vọng rằng mỗi người trong các người sẽ không còn bất kỳ quan niệm sai lạc, tưởng tượng hay sự suy đoán nào về tâm tính công chính của Đức Chúa Trời. Ta hy vọng rằng sau khi nghe những lời của Ta, các người có thể có một sự thừa nhận chân thật trong lòng mình về cơn thịnh nộ

của tâm tính công chính của Đức Chúa Trời, rằng các người có thể gạt bỏ mọi hiểu lầm trước đây về cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời, và rằng các người có thể thay đổi niềm tin và quan điểm lệch lạc của chính mình về thực chất cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời. Hơn nữa, Ta hy vọng rằng các người sẽ có một định nghĩa chính xác về tâm tính của Đức Chúa Trời trong lòng, rằng các người sẽ không còn nghi ngờ gì về tâm tính công chính của Đức Chúa Trời, và rằng các người sẽ không áp đặt bất kỳ lý luận và hình dung nào của loài người lên tâm tính đích thực của Đức Chúa Trời. Tâm tính công chính của Đức Chúa Trời là thực chất thực sự của chính Ngài. Nó không phải thứ do con người viết nên hay uốn nắn thành. Tâm tính công chính của Ngài là tâm tính công chính của Ngài và nó không có mối liên quan hay liên hệ đến bất kỳ điều gì trong tạo hóa. Đức Chúa Trời là chính Đức Chúa Trời. Ngài sẽ không bao giờ trở thành một phần của tạo hóa, và ngay cả khi Ngài trở thành một thành viên trong các loài thọ tạo thì tâm tính và thực chất vốn có của Ngài cũng sẽ không thay đổi. Do đó, hiểu về Đức Chúa Trời không giống như hiểu về một sự vật; không giống như phân tích về một sự việc, và cũng không giống như hiểu một con người. Nếu con người áp dụng khái niệm và phương pháp để biết về một sự vật hay hiểu về một con người của mình để hiểu về Đức Chúa Trời, thì người sẽ không bao giờ lĩnh hội được sự hiểu biết về Đức Chúa Trời. Việc biết đến Đức Chúa Trời không thể dựa vào kinh nghiệm hay trí tưởng tượng, do đó, người không bao giờ được áp đặt những kinh nghiệm hoặc trí tưởng tượng của mình lên Đức Chúa Trời; cho dù kinh nghiệm và trí tưởng tượng của người có phong phú đến mức nào thì chúng vẫn còn hạn chế. Hơn thế nữa, trí tưởng tượng của người không tương ứng với sự thật, và lại càng không tương ứng với lẽ thật, và nó không tương thích với tâm tính và thực chất đích thực của Đức Chúa Trời. Người sẽ không bao giờ thành công nếu người dựa vào trí tưởng tượng của mình để hiểu về thực chất của Đức Chúa Trời. Cách duy nhất là: hãy chấp nhận tất cả những gì đến từ Đức Chúa Trời, sau đó dần dần trải nghiệm và thấu hiểu. Bởi sự hợp tác và khao khát tìm kiếm lẽ thật của người, sẽ có một ngày Đức Chúa Trời sẽ soi sáng để người thực sự hiểu và biết tới Ngài. Với điều này, chúng ta có thể kết thúc phần trao đổi này ở đây.

## **Nhân loại được Đức Chúa Trời ban cho lòng nhân từ và sự bao dung vì đã chân thành hối cải**

Dưới đây là câu chuyện trong Kinh Thánh về việc “Đức Chúa Trời cứu rỗi thành Ni-ni-ve”.

Giô-na 1:1-2 Có lời Đức Giê-hô-va phán cho Giô-na con trai A-mi-tai như vậy: Người khá trỗi dậy! Hãy đi đến thành lớn Ni-ni-ve, và kêu la nghịch cùng nó; vì tội ác chúng nó đã lên thâu trước mặt ta.

Giô-na 3 Lại có lời Đức Giê-hô-va phán cùng Giô-na lần thứ hai mà rằng: Người khá trỗi dậy! Hãy đi đến thành lớn Ni-ni-ve, và rao cho nó lời ta đã dạy cho người. Vậy Giô-na chờ dậy và đi đến Ni-ni-ve, theo lệnh của Đức Giê-hô-va. Vả, Ni-ni-ve là một thành rất lớn, đi mất ba ngày đường. Giô-na khởi đầu vào trong thành đi một ngày, thì rao giảng và nói rằng: Còn bốn mươi

ngày nữa, Ni-ni-ve sẽ bị đổ xuống! Dân thành Ni-ni-ve tin Đức Chúa Trời. Họ rao ra sự kiêu ăn và mặc bao gai, từ những người rất lớn trong đám họ cho đến những kẻ rất nhỏ. Tin ấy đồn đến vua Ni-ni-ve, vua đứng dậy khỏi ngai, lột áo bào mình ra, quần bao gai và ngồi trong tro. Đoạn vua truyền lệnh này ra trong thành Ni-ni-ve, như là lời dụ của vua cùng của các kẻ tôn trưởng: Không luận người ta hay là thú vật, không luận bầy bò hay bầy chiên, đều chớ nếm chi hết. Không được để cho nó ăn, cũng không uống nước; nhưng người ta và thú vật đều phải quần bao gai. Mọi người khá ra sức kêu cùng Đức Chúa Trời; phải, ai nấy khá bỏ đường lối xấu mình và việc hung dữ của tay mình. Ai biết rằng hoặc Đức Chúa Trời sẽ không xây lại và ăn năn, xây khối con nóng giận mình, hầu cho chúng ta khỏi chết, hay sao? Bấy giờ Đức Chúa Trời thấy việc họ làm đều đã xây bỏ đường lối xấu của mình; Đức Chúa Trời bèn ăn năn sự họa mà Ngài đã phán sẽ làm cho họ, và Ngài không làm sự đó.

Giô-na 4 Bấy giờ Giô-na rất không đẹp lòng, và giận dữ. Người cầu nguyện Đức Giê-hô-va rằng: hỡi Đức Giê-hô-va, tôi cầu xin Ngài, ấy há chẳng phải là điều tôi đã nói khi tôi còn ở trong xứ tôi sao? Vì đó nên tôi lật đật trốn qua Ta-rê-si vậy. Bởi tôi biết rằng Ngài là Đức Chúa Trời nhơn từ, thương xót, chậm giận, giàu ơn, và đổi ý không xuống tai vạ. Hỡi Đức Giê-hô-va, vậy bây giờ, tôi nài xin Ngài hãy cất lấy sự sống tôi; vì về phần tôi, chết còn hơn sống! Đức Giê-hô-va trả lời cùng người rằng: Người giận có nên không? Bấy giờ Giô-na ra khỏi thành Ni-ni-ve, ngồi phía đông thành ấy. Tại đó, người làm một cái chòi, ngồi dưới bóng chòi ấy mà đợi xem điều sẽ xảy đến cho thành ấy. Vả, Đức Giê-hô-va sắm sẵn một dây giũa cao lên bên trên Giô-na, đặt phủ bóng trên đầu người, và cứu người khỏi sự khổ cực. Giô-na rất vui vì có dây ấy. Nhưng bữa sau, vừa lúc hừng đông, Đức Chúa Trời sắm một con sâu, sâu chích dây ấy đến nỗi héo. Đoạn, đến khi mặt trời mọc, Đức Chúa Trời sắm gió cháy thổi từ phương đông, và mặt trời gội xuống trên đầu Giô-na, đến nỗi ngất đi, và cầu chết mà rằng: Về phần tôi, chết còn hơn sống! Đức Chúa Trời bèn phán cùng Giô-na rằng: Người nổi giận vì có dây này có nên không? Người thưa rằng: Tôi giận cho đến chết cũng phải lắm. Đức Giê-hô-va lại phán: Người đoái tiếc một dây mà người chưa hề khó nhọc vì nó, người không làm cho nó mọc, một đêm thấy nó sanh ra và một đêm thấy nó chết. Còn ta, há không đoái tiếc thành lớn Ni-ni-ve, trong đó có hơn mười hai vạn người không biết phân biệt tay hữu và tay tả, lại với một số thú vật rất nhiều hay sao?

### **Tóm tắt câu chuyện thành Ni-ni-ve**

Mặc dù câu chuyện “Đức Chúa Trời cứu rỗi thành Ni-ni-ve” không dài, nhưng nó cho phép con người nhìn thoáng qua khía cạnh còn lại trong tâm tính công chính của Đức Chúa Trời. Để hiểu chính xác khía cạnh đó bao gồm những gì, chúng ta phải quay trở lại Kinh Thánh và nhìn lại một trong những hành động của Đức Chúa Trời đã thực hiện trong quá trình công tác của mình.

Trước hết, hãy cùng xem lại đoạn đầu câu chuyện: “Có lời Đức Giê-hô-va phán cho Giô-na con trai A-mi-tai như vậy: Người khá trỗi dậy! Hãy đi đến thành lớn Ni-ni-ve, và kêu la nghịch cùng nó; vì tội ác chúng nó đã lên thâu trước mặt ta” (Giô-na 1:1-2). Từ đoạn trích này trong Kinh Thánh, chúng ta biết rằng Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã phái

Giô-na đi đến thành Ni-ni-ve. Tại sao Ngài ra lệnh cho Giô-na đi đến thành này? Kinh Thánh nói rất rõ về điều này: Sự gian ác của dân chúng trong thành đã đến tai Giê-hô-va Đức Chúa Trời, và do đó, Ngài đã phái Giô-na đến để tuyên bố với họ những gì Ngài dự định làm. Mặc dù không có ghi chép gì cho chúng ta biết Giô-na là ai, nhưng điều này tất nhiên không liên quan đến việc hiểu biết về Đức Chúa Trời; vì vậy, các người không cần phải hiểu về người tên Giô-na này. Các người chỉ cần biết những gì Đức Chúa Trời đã ra lệnh cho Giô-na làm và lý do tại sao Ngài lại làm như vậy.

### **Lời cảnh báo của Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã đến được với dân thành Ni-ni-ve**

Chúng ta hãy đọc đoạn trích thứ hai, thuộc chương ba trong sách Giô-na: “Giô-na khởi đầu vào trong thành đi một ngày, thì rao giảng và nói rằng: Còn bốn mươi ngày nữa, Ni-ni-ve sẽ bị đổ xuống!”. Đây là những lời mà Đức Chúa Trời trực tiếp truyền lại cho Giô-na để nói với dân thành Ni-ni-ve. Vì vậy, theo lẽ tất nhiên, đó cũng là những lời mà Đức Giê-hô-va muốn nói với dân thành Ni-ni-ve. Những lời này nói với dân chúng rằng Đức Chúa Trời đã bắt đầu ghê tởm và khinh ghét người dân trong thành vì Ngài đã chứng kiến sự gian ác của họ, và vì thế, Ngài muốn hủy diệt thành phố này. Tuy nhiên, trước khi Đức Chúa Trời hủy diệt thành này, Ngài đưa ra cảnh báo cho dân chúng Ni-ni-ve, và Ngài đồng thời cho họ cơ hội ăn năn hối cải về sự gian ác của mình và bắt đầu lại từ đầu. Cơ hội này sẽ kéo dài bốn mươi ngày không hơn không kém. Nói cách khác, nếu người dân trong thành không ăn năn, thừa nhận tội lỗi của họ và phủ phục trước Giê-hô-va Đức Chúa Trời trong vòng bốn mươi ngày, Đức Chúa Trời sẽ hủy diệt thành phố như Ngài đã làm với thành Sô-đôm. Đây là những gì Đức Giê-hô-va muốn nói với người dân thành Ni-ni-ve. Rõ ràng, đây không phải là lời tuyên bố đơn giản. Tuyên bố này không chỉ truyền đạt sự tức giận của Giê-hô-va Đức Chúa Trời, mà còn thể hiện thái độ của Ngài đối với dân chúng Ni-ni-ve; đồng thời cũng là một cảnh báo nghiêm túc cho những người sống trong thành. Lời cảnh báo này cho họ biết những hành động gian ác của họ đã khiến Giê-hô-va Đức Chúa Trời khinh ghét, và rằng chúng sẽ sớm đưa chính họ đến bờ vực của sự diệt vong. Chính vì vậy, cuộc sống của cư dân thành Ni-ni-ve sắp rơi vào tình trạng nguy hiểm.

### **Sự khác biệt rõ rệt về phản ứng của thành Ni-ni-ve và thành Sô-đôm trước lời cảnh báo của Giê-hô-va Đức Chúa Trời**

Bị đập đổ có nghĩa là gì? Theo từ ngữ thông thường, nó có nghĩa là không còn tồn tại nữa. Nhưng theo cách nào? Ai có thể đập đổ cả một thành phố? Tất nhiên, con người không thể thực hiện một hành động như vậy. Dân thành Ni-ni-ve không ngu ngốc; ngay khi nghe được lời tuyên bố này, họ đã hiểu ý. Họ biết rằng tuyên bố này đến từ Đức Chúa Trời; họ biết rằng Đức Chúa Trời sẽ thực hiện công tác của Ngài; họ biết rằng sự gian ác của họ đã chọc giận Giê-hô-va Đức Chúa Trời và Ngài sẽ trút giận lên họ, để họ sớm bị hủy diệt cùng với thành phố của mình. Người dân trong thành đã phản ứng thế

nào sau khi nghe lời cảnh báo của Giê-hô-va Đức Chúa Trời? Kinh Thánh mô tả chi tiết cụ thể cách những người này phản ứng, từ nhà vua đến dân thường. Những lời sau đây được ghi lại trong Kinh Thánh: “Dân thành Ni-ni-ve tin Đức Chúa Trời. Họ rao ra sự kiêng ăn và mặc bao gai, từ những người rất lớn trong đám họ cho đến những kẻ rất nhỏ. Tin ấy đồn đến vua Ni-ni-ve, vua đứng dậy khỏi ngai, lột áo bào mình ra, quần bao gai và ngồi trong tro. Đoạn vua truyền lệnh nầy ra trong thành Ni-ni-ve, như là lời dụ của vua cùng của các kẻ tôn trưởng: Không luận người ta hay là thú vật, không luận bầy bò hay bầy chiên, đều chớ nếm chi hết. Không được để cho nó ăn, cũng không uống nước; nhưng người ta và thú vật đều phải quần bao gai. Mọi người khá ra sức kêu cùng Đức Chúa Trời; phải, ai nấy khá bỏ đường lối xấu mình và việc hung dữ của tay mình...” (Giô-na 3:5-9).

Sau khi nghe lời tuyên bố của Giê-hô-va Đức Chúa Trời, dân chúng Ni-ni-ve đã bày tỏ một thái độ hoàn toàn trái ngược với những gì dân chúng thành Sô-đôm đã làm – dân thành Sô-đôm đã công khai chống lại Đức Chúa Trời, tiếp tục làm hết điều ác này tới điều ác khác, nhưng sau khi nghe những lời này, dân thành Ni-ni-ve không phớt lờ vấn đề hay kháng cự; thay vào đó họ tin vào Đức Chúa Trời và bắt đầu kiêng ăn. Từ “tin” ở đây có nghĩa là gì? Bản thân từ này cho thấy đức tin và sự quy phục. Nếu chúng ta giải thích từ này bằng những hành động thực tế của người dân thành Ni-ni-ve, thì nó có nghĩa rằng họ tin Đức Chúa Trời có thể và sẽ làm những gì Ngài nói, và rằng họ sẵn sàng ăn năn. Liệu có phải người dân Ni-ni-ve cảm thấy sợ hãi trước thảm họa sắp xảy ra? Chính niềm tin của họ đã gieo nỗi sợ hãi vào trong lòng họ. Vậy, chúng ta có thể chứng minh niềm tin và nỗi sợ hãi của dân thành Ni-ni-ve bằng điều gì? Đúng như Kinh Thánh đã nói: “...rao ra sự kiêng ăn và mặc bao gai, từ những người rất lớn trong đám họ cho đến những kẻ rất nhỏ”. Điều này nói lên rằng dân Ni-ni-ve thực sự tin, và từ niềm tin này mà họ có nỗi sợ hãi, sau đó dẫn đến việc họ kiêng ăn và mặc bao gai. Đây là cách họ thể hiện rằng họ đã bắt đầu ăn năn. Trái ngược hoàn toàn với dân Sô-đôm, dân chúng Ni-ni-ve không những không chống lại Đức Chúa Trời, họ còn thể hiện rõ sự ăn năn qua hành vi và hành động của mình. Tất nhiên, đây là điều mọi người dân thành Ni-ni-ve đều làm, không chỉ dân thường – mà nhà vua cũng không ngoại lệ.

### **Sự ăn năn của vua Ni-ni-ve đã được Giê-hô-va Đức Chúa Trời khen ngợi**

Khi nghe tin này, vua Ni-ni-ve đứng dậy khỏi ngai, lột áo bào của mình ra, quần bao gai và ngồi trong tro. Sau đó, vua truyền lệnh cho dân trong thành dù bất kỳ ai cũng không được ăn gì hết, và gia súc, bò hay cừu sẽ không được gặm cỏ hay uống nước. Con người và vật nuôi đều phải quần bao gai; mọi người đều chân thành cầu xin Đức Chúa Trời. Vua còn ra lệnh rằng mỗi người dân phải rũ bỏ cái ác và từ bỏ bạo lực khỏi tay mình. Xét từ loạt hành động này, vua Ni-ni-ve đã thể hiện sự sám hối chân thực trong lòng mình. Loạt những hành động của nhà vua – đứng dậy từ ngai vàng, trút bỏ áo bào, mặc bao gai và ngồi trong tro – cho người ta thấy rằng vua Ni-ni-ve đã gạt thân phận hoàng gia của mình sang một bên và mặc bao gai giống như những người dân

thường. Điều này nói lên rằng vua Ni-ni-ve không chiếm giữ ngai vàng của mình để tiếp tục con đường xấu ác hay gây ra bạo lực sau khi nghe được lời cảnh báo từ Đức Giê-hô-va; thay vào đó, nhà vua đã gạt quyền lực đang nắm giữ sang một bên và ăn năn trước Giê-hô-va Đức Chúa Trời. Tại thời điểm này, vua Ni-ni-ve không ăn năn như thân phận một vị vua; ông đã đến trước Đức Chúa Trời để xưng tội và ăn năn hối lỗi như một bầy tôi bình thường của Đức Chúa Trời. Hơn nữa, vua cũng ra lệnh cho cả thành phố xưng tội và ăn năn hối lỗi trước Giê-hô-va Đức Chúa Trời giống như mình; ngoài ra, nhà vua còn có một kế hoạch cụ thể về việc ăn năn hối cải, như Kinh Thánh đã ghi lại: “Không luận người ta hay là thú vật, không luận bầy bò hay bầy chiên, đều chớ nếm chi hết. Không được để cho nó ăn, cũng không uống nước... Mọi người khá ra sức kêu cùng Đức Chúa Trời; phải, ai nấy khá bỏ đường lối xấu mình và việc hung dữ của tay mình”. Là người cai trị thành phố, vua Ni-ni-ve sở hữu địa vị và quyền lực tối cao, và có thể làm bất cứ điều gì ông muốn. Trước lời cảnh báo của Giê-hô-va Đức Chúa Trời, nhà vua đã có thể phớt lờ vấn đề hoặc chỉ đơn giản là tự ăn năn và thú nhận tội lỗi của mình; còn việc người dân trong thành có lựa chọn hối cải hay không, nhà vua hoàn toàn đã có thể phớt lờ. Tuy nhiên, vua Ni-ni-ve đã không hề làm như thế. Không chỉ đứng dậy khỏi ngai vàng, mặc bao gai và ngồi trong tro, xưng tội và ăn năn về tội lỗi của mình trước Giê-hô-va Đức Chúa Trời, nhà vua còn ra lệnh cho tất cả dân thành và gia súc trong thành làm điều tương tự. Nhà vua thậm chí còn ra lệnh cho người dân “ra sức kêu cùng Đức Chúa Trời”. Qua những hành động này, vua Ni-ni-ve thực sự đã làm được những điều mà đáng cai trị nên làm. Loạt hành động của nhà vua là những điều bất kỳ vị vua nào trong lịch sử loài người cũng khó có thể làm được, và thật ra, đã không có vị vua nào khác đạt được điều này. Những hành động này có thể được gọi là những điều chưa từng có tiền lệ trong lịch sử loài người; xứng đáng được cả nhân loại tưởng nhớ và học theo. Kể từ buổi bình minh của loài người, mọi vị vua đều dẫn dắt thần dân của mình phản kháng và chống lại Đức Chúa Trời. Chưa ai từng dẫn các thần dân của mình đến cầu xin Đức Chúa Trời để được cứu rỗi khỏi sự gian ác của họ, để nhận được sự khoan dung của Giê-hô-va Đức Chúa Trời và tránh sự trừng phạt sắp xảy ra. Tuy nhiên, vua Ni-ni-ve đã có thể dẫn dắt các thần dân của mình đi theo Đức Chúa Trời, bỏ lại cái xấu của mọi người đằng sau và rũ bỏ bạo lực khỏi tay mình. Hơn nữa, nhà vua cũng đã gạt được ngai vàng sang một bên, và nhờ vậy, Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã đổi ý và cảm thấy hối tiếc, đã rút lại cơn thịnh nộ của Ngài và cho phép người dân trong thành phố sống sót và không hủy diệt họ. Những hành động của nhà vua chỉ có thể được gọi là một phép lạ hiếm có trong lịch sử loài người; thậm chí có thể được coi là hình mẫu cho sự ăn năn hối cải và xưng nhận tội lỗi trước Đức Chúa Trời của nhân loại sa ngã.

### **Đức Chúa Trời nhìn thấy sự hối cải chân thành trong sâu thẳm trái tim người dân thành Ni-ni-ve**

Sau khi nghe lời tuyên bố của Đức Chúa Trời, vua Ni-ni-ve và các thần dân đã thực hiện một loạt các hành động. Bản chất của các hành động này và những hành vi của họ

là gì? Nói cách khác, thực chất của toàn bộ cách hành xử của họ là gì? Tại sao họ làm những điều đó? Trong mắt của Đức Chúa Trời, họ đã thực sự ăn năn hối cải, không chỉ vì họ đã tha thiết cầu xin Đức Chúa Trời và thú nhận tội lỗi của mình trước Đức Chúa Trời, mà còn vì họ đã từ bỏ hành vi xấu xa của mình. Họ đã hành động như thế bởi vì sau khi nghe những lời của Đức Chúa Trời, họ vô cùng sợ hãi và tin rằng Ngài sẽ làm như Ngài nói. Bằng cách nhịn ăn, mặc bao gai và ngồi trong tro, họ muốn bày tỏ sự sẵn lòng thay đổi và tránh xa sự gian ác, họ đã cầu nguyện xin Giê-hô-va Đức Chúa Trời kiểm chế cơn giận, cầu xin Ngài rút lại quyết định của mình cũng như thảm họa sắp ập đến với họ. Phân tích tất cả các hành vi của họ, chúng ta có thể thấy họ đã hiểu rằng những hành động xấu xa trước đây của họ bị Đức Giê-hô-va khinh ghét và họ hiểu lý do tại sao Ngài sẽ sớm hủy diệt họ. Vì những lý do này mà họ đều muốn ăn năn hối cải hoàn toàn, tránh xa con đường xấu ác của họ và từ bỏ bạo lực khỏi tay mình. Nói cách khác, một khi họ biết về tuyên bố của Giê-hô-va Đức Chúa Trời thì mỗi người trong số họ đều cảm thấy sợ hãi trong lòng; họ không còn tiếp tục hành vi xấu xa của mình và cũng không tiếp tục thực hiện những hành vi bị Giê-hô-va Đức Chúa Trời khinh ghét. Ngoài ra, họ cầu xin Giê-hô-va Đức Chúa Trời tha thứ cho những tội lỗi trong quá khứ của mình và không đối xử với họ dựa trên những hành động trong quá khứ. Họ sẵn sàng không bao giờ quay lại con đường gian ác và làm theo lời chỉ dạy của Giê-hô-va Đức Chúa Trời, chỉ để có thể không bao giờ làm Giê-hô-va Đức Chúa Trời nổi giận nữa. Sự ăn năn của họ rất sâu sắc và chân thành. Nó đến từ sâu thẳm đáy lòng của họ và không hề giả tạo, cũng không phải là nhất thời.

Một khi hết thấy dân chúng thành Ni-ni-ve, từ vua đến dân thường, biết rằng Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã nổi giận với họ, thì Đức Chúa Trời có thể nhìn thấy rõ ràng và minh bạch mỗi một hành động tiếp theo của họ và toàn bộ hành vi của họ, cũng như mỗi một quyết định và lựa chọn mà họ đưa ra. Lòng Đức Chúa Trời đã lay động trước thái độ của họ. Tâm trạng Đức Chúa Trời lúc đó ra sao? Kinh Thánh có thể trả lời câu hỏi đó cho người. Những lời sau đây được ghi lại trong Kinh Thánh: “Bấy giờ Đức Chúa Trời thấy việc họ làm đều đã xây bỏ đường lối xấu của mình; Đức Chúa Trời bèn ăn năn sự họa mà Ngài đã phán sẽ làm cho họ, và Ngài không làm sự đó” (Giô-na 3:10). Mặc dù Đức Chúa Trời đã đổi ý, tâm trạng của Ngài không hề phức tạp. Đơn giản là Ngài chuyển từ việc thể hiện cơn giận dữ sang nguôi ngoai cơn giận, và sau đó quyết định không giáng thảm họa lên thành Ni-ni-ve. Lý do Đức Chúa Trời nhanh chóng quyết định – không giáng thảm họa lên thành Ni-ni-ve – là vì Ngài đã quan sát thấy tấm lòng của mỗi người dân ở thành Ni-ni-ve. Ngài đã nhìn thấy những điều sâu thẳm trong lòng họ: sự ăn năn chân thành và sự xưng nhận tội lỗi của họ, niềm tin chân thành của họ với Ngài, ý thức sâu sắc về việc những hành động xấu xa của họ đã gây phần nộ như thế nào tới tâm tính của Ngài và hậu quả là sự sợ hãi trước hình phạt của Giê-hô-va Đức Chúa Trời lơ lửng trên đầu. Đồng thời, Giê-hô-va Đức Chúa Trời cũng đã nghe thấy những lời cầu nguyện từ sâu thẳm trái tim họ cầu xin Ngài chấm dứt cơn giận để họ có thể tránh được thảm họa này. Khi Đức Chúa Trời quan sát thấy tất cả những sự thật này, cơn giận của

Ngài đã dần dần biến mất. Bất kể trước đây cơn thịnh nộ của Ngài đã dữ dội đến mức nào, khi Ngài nhìn thấy sự ăn năn hối cải chân thành trong sâu thẳm trái tim của những người này, lòng Ngài cảm động, và vì vậy, Ngài không đang tâm giáng thảm họa lên đầu họ, và Ngài đã không còn tức giận họ. Thay vào đó, Ngài tiếp tục mở rộng lòng nhân từ và khoan dung đến họ, và tiếp tục chỉ dẫn và chu cấp cho họ.

### **Nếu niềm tin của người vào Đức Chúa Trời là thật, người sẽ thường xuyên được Ngài che chở**

Việc Đức Chúa Trời thay đổi ý định của Ngài đối với người dân Ni-ni-ve không hề chứa sự do dự hay bất cứ điều gì mập mờ hay mơ hồ. Thay vào đó, nó là sự chuyển đổi từ giận dữ thuần túy sang khoan dung thuần túy. Đây là sự tỏ lộ thật sự về thực chất của Đức Chúa Trời. Ngài không bao giờ chần chừ hay do dự trong hành động của mình; các nguyên tắc và mục đích đằng sau những hành động của Ngài đều rõ ràng và minh bạch, thuần khiết và hoàn hảo, hoàn toàn không có âm mưu hay toan tính nào pha lẫn trong đó. Nói cách khác, thực chất của Đức Chúa Trời không chứa chấp bóng tối hay sự xấu ác. Đức Chúa Trời nổi giận với dân Ni-ni-ve là bởi vì Ngài đã nhận thấy những hành động gian ác của họ; tại thời điểm đó, sự tức giận của Ngài bắt nguồn từ thực chất của Ngài. Tuy nhiên, khi cơn giận dữ của Đức Chúa Trời tan biến và một lần nữa Ngài ban cho dân Ni-ni-ve sự khoan dung, thì tất cả những gì Ngài bộc lộ vẫn là thực chất của riêng Ngài. Toàn bộ sự thay đổi này là do sự thay đổi trong thái độ của con người đối với Đức Chúa Trời. Trong toàn bộ khoảng thời gian này, tâm tính không thể bị xúc phạm của Đức Chúa Trời không thay đổi; thực chất khoan dung của Đức Chúa Trời không thay đổi; và thực chất yêu thương và nhân từ của Đức Chúa Trời không thay đổi. Khi con người thực hiện hành vi gian ác và xúc phạm Đức Chúa Trời, Ngài sẽ trút giận lên họ. Khi con người thực sự ăn năn, Đức Chúa Trời sẽ mềm lòng và cơn giận của Ngài sẽ lắng xuống. Khi con người tiếp tục ngoan cố chống lại Đức Chúa Trời, cơn giận dữ của Ngài sẽ không nguôi; và cơn thịnh nộ của Ngài sẽ đè nén họ từng chút một cho đến khi họ bị hủy diệt. Đây là thực chất của tâm tính Đức Chúa Trời. Bất kể Đức Chúa Trời có đang biểu lộ cơn thịnh nộ hay lòng nhân từ và thương xót, thì hành vi, cử chỉ và thái độ của con người đối với Đức Chúa Trời trong sâu thẳm trái tim họ mới quyết định những gì được bày tỏ qua sự tỏ lộ tâm tính của Đức Chúa Trời. Nếu Đức Chúa Trời liên tục phẫn nộ với một người, thì tâm người này chắc chắn chống lại Đức Chúa Trời. Bởi vì người này chưa bao giờ thực sự ăn năn, cúi đầu trước Đức Chúa Trời hoặc có niềm tin thực sự vào Đức Chúa Trời, nên họ chưa bao giờ nhận được sự thương xót và khoan dung của Đức Chúa Trời. Nếu một người thường xuyên nhận được sự quan tâm, thương xót và khoan dung của Đức Chúa Trời, thì người này chắc chắn có niềm tin thực sự vào Đức Chúa Trời, và lòng họ không chống lại Đức Chúa Trời. Người này thường thực sự ăn năn trước Đức Chúa Trời; do đó, ngay cả khi Đức Chúa Trời thường sửa dạy, Ngài sẽ không nổi cơn thịnh nộ với người đó.



Câu chuyện kể ngắn gọn ở trên cho phép con người nhìn thấy tấm lòng của Đức Chúa Trời, để thấy tính thực tế trong thực chất của Ngài, để thấy rằng sự giận dữ của Đức Chúa Trời và sự thay đổi trong lòng Ngài không phải là vô cớ. Mặc cho sự đối lập hoàn toàn Đức Chúa Trời thể hiện giữa khi Ngài nổi giận và khi Ngài mềm lòng, điều khiến loài người tin rằng dường như có một khoảng cách rất lớn hoặc một sự đối lập mạnh mẽ giữa hai khía cạnh thuộc thực chất của Đức Chúa Trời – sự tức giận của Ngài và sự khoan dung của Ngài – một lần nữa, thái độ của Đức Chúa Trời đối với sự ăn năn của dân thành Ni-ni-ve cho phép loài người nhìn thấy một khía cạnh khác trong tâm tính thật của Đức Chúa Trời. Sự mềm lòng của Đức Chúa Trời cho phép nhân loại một lần nữa nhìn thấy tính chân thật về lòng thương xót và yêu thương nhân từ của Đức Chúa Trời, và thấy được sự tỏ lộ thực sự về thực chất của Đức Chúa Trời. Nhân loại phải thừa nhận rằng lòng thương xót và yêu thương nhân từ của Đức Chúa Trời không phải là những điều huyền bí, cũng chẳng phải là bịa đặt. Điều này là do cảm xúc của Đức Chúa Trời tại thời điểm đó là thật; việc Đức Chúa Trời mềm lòng là thật; Đức Chúa Trời đã thực sự ban cho nhân loại lòng nhân từ và sự khoan dung của Ngài một lần nữa.

### **Sự ăn năn thật sự trong lòng của dân thành Ni-ni-ve đã giúp họ được Đức Chúa Trời ban sự nhân từ và giúp họ thay đổi kết cục của chính mình**

Có mâu thuẫn nào giữa sự mềm lòng của Đức Chúa Trời và cơn thịnh nộ của Ngài không? Tất nhiên là không! Bởi vì sự khoan dung của Đức Chúa Trời tại thời điểm cụ thể đó là có lý do của nó. Lý do này có thể là gì? Điều đó đã được viết trong Kinh Thánh: “Mỗi người đều quay lưng lại với con đường xấu ác của mình” và “từ bỏ bạo lực khỏi tay mình”.

“Con đường xấu ác” này không phải nói đến một vài hành động độc ác, mà là nguồn gốc xấu ác đằng sau hành vi của con người. “Quay lưng lại với con đường xấu ác của mình” có nghĩa là những người đó sẽ không bao giờ thực hiện những hành động này nữa. Nói cách khác, họ sẽ không bao giờ cư xử theo cách xấu xa này nữa; phương pháp, nguồn gốc, mục đích, ý định và nguyên tắc hành động của họ đều đã thay đổi; họ sẽ không bao giờ sử dụng những phương pháp và nguyên tắc đó để mang lại niềm vui và hạnh phúc cho lòng mình nữa. Từ “từ bỏ” trong “từ bỏ bạo lực khỏi tay mình” có nghĩa là đặt xuống hoặc gạt sang một bên, hoàn toàn rũ bỏ quá khứ và không bao giờ quay trở lại. Khi dân Ni-ni-ve từ bỏ bạo lực khỏi tay họ, điều này đã chứng minh cũng như đại diện cho sự ăn năn thực sự của họ. Đức Chúa Trời quan sát mọi người từ bên ngoài cũng như trong lòng họ. Khi Đức Chúa Trời quan sát sự ăn năn thực sự trong lòng người dân Ni-ni-ve mà không nghi ngờ gì và cũng nhận thấy rằng họ đã rời bỏ con đường xấu xa của mình và từ bỏ bạo lực khỏi tay họ, Ngài đã mềm lòng. Điều này nói lên rằng cách ứng xử và những hành vi của những người này cùng nhiều cách làm khác nhau của họ, cũng như sự thú nhận và ăn năn tội lỗi thực sự trong lòng họ đã khiến Đức Chúa Trời mềm lòng, thay đổi ý định của mình, rút lại quyết định của mình và không trừng phạt hoặc hủy diệt dân thành Ni-ni-ve. Do đó, dân Ni-ni-ve có được một kết cục

khác cho chính mình. Họ đã giữ được mạng sống của mình và đồng thời được Đức Chúa Trời ban cho lòng nhân từ và sự khoan dung, đến lúc đó Đức Chúa Trời cũng rút lại cơn thịnh nộ của mình.

### **Sự nhân từ và khoan dung của Đức Chúa Trời không hiếm hoi – Sự sám hối đích thực của con người mới hạn hữu**

Bất kể Đức Chúa Trời đã tức giận như thế nào với người dân thành Ni-ni-ve, ngay khi họ tuyên bố nhịn ăn và mặc bao gai cùng ngồi trong tro, lòng Ngài bắt đầu dịu lại, và Ngài bắt đầu đổi ý. Khi Ngài tuyên bố với họ rằng Ngài sẽ phá hủy thành của họ – trong khoảnh khắc trước khi họ xưng tội và sám hối về tội lỗi của mình – Đức Chúa Trời vẫn giận dữ với họ. Một khi họ đã thực hiện một loạt các hành động ăn năn, cơn giận dữ của Đức Chúa Trời với người dân của Ni-ni-ve dần dần chuyển thành lòng nhân từ và sự khoan dung với họ. Không có gì mâu thuẫn trong việc Đức Chúa Trời đồng thời thể hiện hai khía cạnh này của tâm tính của Ngài trong cùng một sự việc. Vậy, con người nên hiểu biết về sự không mâu thuẫn này như thế nào? Đức Chúa Trời đã thể hiện và tỏ lộ lần lượt hai bản chất đối lập này khi người dân thành Ni-ni-ve hối cải, cho phép họ thấy được sự thực tế và tính không thể bị xúc phạm trong thực chất của Ngài. Đức Chúa Trời đã dùng thái độ của Ngài để nói cho người dân rằng: Không phải Đức Chúa Trời không khoan dung với con người, hay không phải Ngài không muốn rửa lòng nhân từ với họ; mà chính là họ hiếm khi thực sự hối cải trước Đức Chúa Trời, và người ta hiếm khi thực sự rời bỏ con đường xấu ác của họ và buông bỏ bạo lực khỏi tay mình. Nói cách khác, khi Đức Chúa Trời tức giận với con người, Ngài hy vọng rằng con người có thể thực sự ăn năn và thực tình Ngài hy vọng thấy được sự ăn năn đích thực của con người, khi đó Ngài sẽ hào phóng ban cho họ lòng nhân từ và sự khoan dung. Điều này nói lên rằng cách hành xử xấu ác của con người dẫn đến cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời, trong khi đó Ngài ban lòng nhân từ và khoan dung cho những người lắng nghe và thực sự ăn năn trước Ngài, cho những người có thể rời khỏi con đường xấu ác của họ và từ bỏ bạo lực khỏi tay mình. Thái độ của Đức Chúa Trời bộc lộ rất rõ ràng qua cách Ngài đối xử với người dân thành Ni-ni-ve: hoàn toàn không khó để nhận được lòng nhân từ và khoan dung của Đức Chúa Trời; và điều Ngài cần là sự ăn năn thực sự của một người. Miễn sao con người rời khỏi con đường xấu ác của họ và buông bỏ bạo lực trong tay, Đức Chúa Trời sẽ hồi tâm chuyển ý và thay đổi thái độ của Ngài đối với họ.

### **Tâm tính công chính của Đấng Tạo Hóa là chân thực và sinh động**

Khi tấm lòng Đức Chúa Trời lay động trước dân thành Ni-ni-ve, liệu có phải lòng nhân từ và sự khoan dung của Ngài là một tấm bình phong giả dối hay không? Tất nhiên là không! Thế thì sự chuyển biến giữa hai khía cạnh này trong tâm tính của Đức Chúa Trời trong cùng một vấn đề cho thấy điều gì? Tâm tính của Đức Chúa Trời là một thể hoàn chỉnh, không hề chia tách. Cho dù Ngài đang bày tỏ sự giận dữ hay lòng nhân từ và khoan dung đối với con người, đây đều là những sự thể hiện của tâm tính công chính

của Ngài. Tâm tính của Đức Chúa Trời là sống động và rõ ràng một cách sinh động, và Ngài thay đổi suy nghĩ và thái độ của Ngài theo diễn tiến của sự vật. Sự chuyển đổi trong thái độ của Ngài đối với người dân thành Ni-ni-ve cho loài người biết rằng Ngài có những suy nghĩ và ý niệm riêng của Ngài; Ngài không phải là một người máy hay một bức tượng bằng đất sét, mà Ngài chính là Đức Chúa Trời hằng sống. Ngài có thể giận dữ với dân thành Ni-ni-ve, cũng như Ngài có thể tha thứ cho quá khứ của họ tùy theo thái độ của họ. Ngài có thể quyết định giáng họa lên dân thành Ni-ni-ve, và Ngài cũng có thể thay đổi quyết định vì sự ăn năn sám hối của họ. Con người thích áp dụng một cách máy móc các phép tắc và họ thích dùng phép tắc để quy định và định nghĩa Đức Chúa Trời, cũng như việc họ thích dùng công thức để tìm hiểu tâm tính của Đức Chúa Trời. Do đó, trong giới hạn suy nghĩ của con người thì Đức Chúa Trời không nghĩ ngợi, và Ngài cũng không có bất cứ ý tưởng thiết yếu nào. Nhưng trên sự thật, suy nghĩ của Đức Chúa Trời liên tục chuyển đổi theo những thay đổi của sự vật và môi trường. Trong lúc những suy nghĩ này chuyển biến thì những khía cạnh khác nhau trong thực chất của Đức Chúa Trời sẽ được tỏ lộ. Trong quá trình chuyển đổi này, tại chính khoảnh khắc Đức Chúa Trời thay đổi ý định, những gì Ngài tỏ ra cho nhân loại thấy là sự tồn tại chân thật của Ngài, và rằng tâm tính công chính của Ngài thì đầy sức sống năng động. Đồng thời, Đức Chúa Trời dùng sự mặc khải đích thực của riêng Ngài để chứng minh cho nhân loại thấy sự thật về sự tồn tại của cơn thịnh nộ, lòng nhân từ, lòng thương xót và lòng khoan dung của Ngài. Thực chất của Ngài sẽ được tỏ ra bất cứ khi nào và ở bất cứ đâu tùy theo diễn biến phát triển của mọi sự. Ngài sở hữu cơn thịnh nộ của chúa sơn lâm và lòng khoan dung và nhân từ của một người mẹ. Bất cứ ai cũng không được phép chất vấn, xâm phạm, sửa đổi hay xuyên tạc tâm tính công chính của Ngài. Trong mọi sự việc và đối với mọi vật, tâm tính công chính của Đức Chúa Trời, tức là cơn thịnh nộ và lòng khoan dung của Ngài, có thể bộc lộ bất cứ lúc nào và bất cứ nơi đâu. Ngài mạnh mẽ bày tỏ những khía cạnh này ở mọi góc ngách trong toàn tạo hóa và quyết liệt thể hiện chúng trong mọi khoảnh khắc trôi qua. Tâm tính công chính của Đức Chúa Trời không bị giới hạn bởi thời gian hay không gian; hay nói cách khác, tâm tính công chính của Ngài không được thể hiện hay tỏ lộ một cách máy móc theo sự hạn chế về thời gian hoặc không gian, mà thay vào đó là một sự thoải mái hoàn toàn ở mọi nơi và mọi lúc. Khi người thấy Đức Chúa Trời mềm lòng và thôi trút cơn thịnh nộ của Ngài đồng thời kiểm lại việc hủy diệt thành Ni-ni-ve, người có thể nói rằng Đức Chúa Trời chỉ có lòng yêu thương và lòng nhân từ hay không? Người có thể nói rằng cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời chứa đựng những lời sáo rỗng hay không? Khi Đức Chúa Trời nổi cơn thịnh nộ sôi sục và rút lại sự thương xót của Ngài, người có thể nói rằng Ngài không dành tình yêu thương thực sự đối với con người không? Đức Chúa Trời bày tỏ cơn thịnh nộ dữ dội để đáp lại những hành động xấu ác của con người; cơn thịnh nộ của Ngài không hề sai lầm. Đức Chúa Trời cảm động trong lòng trước sự ăn năn của con người và chính sự ăn năn này dẫn tới sự mềm lòng của Ngài. Khi Ngài cảm động, khi Ngài mềm lòng, và khi Ngài tỏ lòng nhân từ và khoan dung của Ngài với con người, tất cả những điều

này hoàn toàn không có sai lầm; chúng trong sạch, thuần khiết, không hoen ố và không bị vấy bẩn. Sự khoan dung của Ngài đơn thuần là lòng khoan dung; cũng như sự nhân từ của Ngài không gì khác hơn là lòng nhân từ. Tâm tính của Ngài tỏ lộ cơn thịnh nộ hay lòng nhân từ và sự khoan dung tùy theo sự sám hối của con người và những cách hành xử khác nhau của họ. Dù Ngài có tỏ lộ và bày tỏ điều gì chẳng nữa thì điều đó cũng hoàn toàn thuần khiết và trực tiếp; thực chất của nó khác với thực chất của bất cứ thứ gì trong tạo hóa. Những nguyên tắc cơ bản trong các hành động mà Đức Chúa Trời đã bày tỏ, những suy nghĩ và tư tưởng của Ngài, hoặc bất cứ quyết định cụ thể nào cũng như từng hành động của Ngài đều không có bất cứ sai lầm nào và không hề bị vấy bẩn. Vì Đức Chúa Trời đã quyết định như thế và đã hành động như thế, thì Ngài cũng hoàn thành công việc của mình như vậy. Những kết quả công việc của Ngài là đúng đắn và chính xác hoàn mỹ bởi vì nguồn gốc của chúng không có thiếu sót và không bị vấy bẩn. Cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời là không có sai lầm. Tương tự như vậy, lòng nhân từ và khoan dung của Đức Chúa Trời – vốn không tạo vật nào sở hữu được – là thánh khiết và hoàn hảo, và chúng có thể đứng vững trước sự suy xét và trải nghiệm chín chắn.

Sau khi hiểu được câu chuyện của thành Ni-ni-ve, các người giờ đây có thấy được thực chất phần còn lại trong tâm tính công chính của Đức Chúa Trời không? Các người có thấy được phần còn lại trong tâm tính công chính độc nhất vô song của Đức Chúa Trời không? Có ai trong nhân loại sở hữu kiểu tâm tính này không? Có ai sở hữu cơn thịnh nộ giống như Đức Chúa Trời không? Có ai sở hữu lòng nhân từ và khoan dung như Ngài không? Ai trong số các tạo vật có thể bộc lộ cơn thịnh nộ dữ dội như vậy và quyết định hủy diệt hay giáng thảm họa cho nhân loại? Và ai có đủ tư cách để ban phát lòng nhân từ, để tha thứ và xá tội cho con người và theo đó thay đổi quyết định trước đây về việc hủy diệt con người? Đáng TẠO HÓA thể hiện tâm tính công chính của Ngài thông qua những cách thức và nguyên tắc độc nhất của riêng Ngài; Ngài không chịu kiểm soát hay ràng buộc của bất cứ con người, sự việc hay sự vật nào. Với tâm tính độc nhất vô song của Ngài, không một ai có thể thay đổi được suy nghĩ và ý tưởng của Ngài, cũng không người nào có thể thuyết phục Ngài và thay đổi bất cứ quyết định nào của Ngài. Toàn bộ hành vi và suy nghĩ của tất cả tạo vật tồn tại dưới sự phán xét của tâm tính công chính của Ngài. Không ai có thể kiểm soát việc Ngài thể hiện cơn thịnh nộ hay lòng nhân từ; chỉ thực chất của Đáng TẠO HÓA – hay nói cách khác, tâm tính công chính của Đáng TẠO HÓA – mới có thể định đoạt chuyện này. Đây là bản chất độc nhất vô song trong tâm tính công chính của Đáng TẠO HÓA!

Một khi đã phân tích và thấu hiểu được việc Đức Chúa Trời chuyển đổi thái độ đối với dân thành Ni-ni-ve, các người có thể dùng từ “độc nhất vô song” để miêu tả lòng nhân từ thuộc về tâm tính công chính của Đức Chúa Trời hay không? Ở trên chúng ta đã nói rằng cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời là một khía cạnh của thực chất trong tâm tính công chính độc nhất của Ngài. Giờ Ta sẽ định nghĩa hai khía cạnh, cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời và lòng nhân từ của Ngài, cả hai đều thuộc về tâm tính công chính

của Ngài. Tâm tính công chính của Đức Chúa Trời là thánh khiết; nó không dung thứ cho việc bị xúc phạm cũng như bị chắt vắn; nó là điều gì đó mà không ai trong những tạo vật và phi tạo vật sở hữu được. Nó là độc nhất và dành riêng cho Đức Chúa Trời. Điều đó có nghĩa là cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời là thánh khiết và không thể bị xúc phạm. Cũng theo cách đó, khía cạnh còn lại trong tâm tính công chính của Đức Chúa Trời – lòng nhân từ của Đức Chúa Trời – là thánh khiết và không được phép xúc phạm. Không một tạo vật hay phi tạo vật nào có thể thay thế hay đại diện cho Đức Chúa Trời trong hành động của Ngài, cũng không ai đã có thể thay thế hoặc đại diện cho Ngài trong việc hủy diệt thành Sô-đôm hay cứu rỗi Ni-ni-ve. Đây là sự bày tỏ chân thực về tâm tính công chính độc nhất vô song của Đức Chúa Trời.

### **Những tình cảm chân thành của Đấng Tạo Hóa Đối Với Con Người**

Người ta thường nói rằng để biết Đức Chúa Trời là một điều không dễ dàng. Tuy nhiên, Ta nói rằng để biết Đức Chúa Trời không hề là một chuyện khó, bởi vì Đức Chúa Trời thường xuyên cho phép con người chứng kiến hành động của Ngài. Đức Chúa Trời chưa bao giờ ngừng đối thoại với loài người; Ngài chưa bao giờ che giấu bản thân trước loài người và Ngài cũng chưa từng ẩn nấp. Những suy nghĩ, ý tưởng, lời nói và hành động của Ngài đều được tỏ lộ cho nhân loại thấy. Chính vì thế, chỉ cần có lòng ước muốn được biết Đức Chúa Trời, thì con người có thể hiểu và nhận biết Ngài qua đủ loại phương pháp và phương tiện. Lý do mà con người mù quáng nghĩ rằng Đức Chúa Trời cố tình tránh mặt họ, rằng Đức Chúa Trời cố tình che giấu chính mình khỏi nhân loại, rằng Đức Chúa Trời không có ý định cho phép con người được hiểu và biết Ngài, là bởi vì họ không biết Đức Chúa Trời là ai, và họ cũng không ước muốn được hiểu Đức Chúa Trời. Thậm chí hơn thế nữa, con người không hề để ý đến suy nghĩ, lời nói hay việc làm của Đấng Tạo Hóa... Nói thực, nếu một người chỉ sử dụng thời gian nhàn rỗi của mình để tập trung và để hiểu lời nói hoặc việc làm của Đấng Tạo Hóa, và nếu họ quan tâm một chút đến suy nghĩ của Đấng Tạo Hóa và tiếng lòng của Ngài, thì sẽ chẳng hề khó để họ nhận ra rằng suy nghĩ, lời nói và việc làm của Đấng Tạo Hóa là những điều có thể nhìn thấy được và rất minh bạch. Cũng như vậy, sẽ chẳng cần nỗ lực nhiều để nhận ra rằng Đấng Tạo Hóa luôn ở giữa con người, rằng Ngài luôn trò chuyện với con người và muôn loài thọ tạo khác, và rằng mỗi ngày Ngài vẫn đang thi hành các công việc mới. Tâm tính và thực chất của Ngài được thể hiện qua sự đối thoại của Ngài với con người; những suy nghĩ và ý tưởng của Ngài được tỏ lộ hoàn toàn qua hành động của Ngài; Ngài luôn luôn đồng hành và dõi theo con người mọi lúc. Ngài thầm nói với con người và muôn loài thọ tạo bằng những lời tĩnh lặng: “Ta ở trên các tầng trời, và Ta ngự giữa các tạo vật của mình. Ta luôn dõi theo; Ta đang chờ đợi, Ta đang ở bên người...”. Bàn tay của Ngài ấm áp và mạnh mẽ; bước chân Ngài nhẹ nhàng; giọng Ngài nhỏ nhẹ và dịu dàng; bóng hình Ngài lướt qua rồi lại quay về, ôm lấy cả nhân loại; nét mặt của Ngài thật đẹp đẽ và hiền từ. Ngài chưa bao giờ rời đi, cũng chưa bao giờ biến mất. Ngày đêm Ngài không ngừng bầu bạn với con người, chưa bao giờ rời khỏi họ. Sự quan tâm tận

tình và tình yêu đặc biệt của Ngài đối với nhân loại, cũng như mối quan tâm và tình yêu đích thực của Ngài đối với con người, đã được tỏ hiện từng chút một khi Ngài cứu thành Ni-ni-ve. Cụ thể là, cuộc trao đổi giữa Giê-hô-va Đức Chúa Trời và Giô-na đã thể hiện đầy đủ hơn sự ân cần của Đấng Tạo Hóa đối với loài người mà chính Ngài đã dựng nên. Thông qua những lời này, người có thể đạt được một sự hiểu biết sâu sắc về những tình cảm chân thành của Đức Chúa Trời đối với nhân loại...

Phân đoạn sau đây được chép trong sách Giô-na 4:10-11: “Đức Giê-hô-va lại phán: Người đoái tiếc một dây mà người chưa hề khó nhọc vì nó, người không làm cho nó mọc, một đêm thấy nó sanh ra và một đêm thấy nó chết. Còn ta, há không đoái tiếc thành lớn Ni-ni-ve, trong đó có hơn mười hai vạn người không biết phân biệt tay hữu và tay tả, lại với một số thú vật rất nhiều hay sao?”. Đây chính là những lời có thật của Giê-hô-va Đức Chúa Trời, được ghi lại từ cuộc đối thoại giữa Ngài và Giô-na. Mặc dù cuộc trao đổi này chỉ diễn ra một cách ngắn gọn, nhưng nó lại chứa đựng vô vàn sự quan tâm của Đấng Tạo Hóa dành cho nhân loại và sự miễn cưỡng của Ngài khi phải từ bỏ loài người. Những lời này bày tỏ thái độ và tình cảm chân thật trong lòng mà Đức Chúa Trời dành cho các tạo vật của Ngài. Thông qua những lời này, những lời rõ ràng và chính xác mà con người hiếm khi nghe thấy, Đức Chúa Trời đã công bố ý định thực sự của Ngài dành cho nhân loại. Cuộc trao đổi này đại diện cho thái độ mà Đức Chúa Trời dành cho người dân thành Ni-ni-ve – nhưng đó là thái độ như thế nào? Đó là thái độ của Ngài đối với dân Ni-ni-ve trước và sau khi họ ăn năn, và là thái độ mà Ngài đối xử với nhân loại. Ẩn trong những lời này là ý nghĩ và tâm tính của Ngài.

Những suy nghĩ nào của Đức Chúa Trời đã được tỏ lộ qua những lời này? Nếu để ý kỹ những chi tiết khi người đọc, sẽ không khó để nhận ra rằng Ngài dùng từ “đoái tiếc”; cách dùng từ này diễn tả thái độ thực sự của Đức Chúa Trời đối với nhân loại.

Từ góc độ ngữ nghĩa, người ta có thể diễn giải từ “đoái tiếc” theo nhiều cách khác nhau: Thứ nhất, nó có nghĩa là “yêu thương và bảo vệ, cảm thấy mềm yếu trước điều gì đó”; thứ hai, là “yêu thương một cách thiết tha”; và cuối cùng là “không sẵn lòng và không thể chịu được nếu làm tổn thương cái gì đó”. Nói tóm lại, từ này ngụ ý một tình cảm và tình yêu dịu dàng, cũng như một sự không đành lòng từ bỏ một ai đó hoặc một điều gì đó; nó ám chỉ lòng thương xót và khoan dung của Đức Chúa Trời dành cho con người. Đức Chúa Trời sử dụng từ này, một từ thường được con người nói, nhưng nó đã lột tả hoàn hảo tiếng lòng và thái độ của Ngài đối với nhân loại.

Mặc dù thành Ni-ni-ve tràn ngập những con người bại hoại, xấu ác, và bạo lực như ở Sô-đôm, nhưng sự ăn năn của họ đã khiến Đức Chúa Trời mềm lòng và quyết định không hủy diệt họ. Bởi vì sự đáp ứng của họ đối với lời nói và sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời đã thể hiện một thái độ hoàn toàn trái ngược với thái độ của dân chúng thành Sô-đôm, và bởi sự đầu phục chân thành trước Đức Chúa Trời và thành thật ăn năn về tội lỗi của mình, cũng như những biểu hiện chân thật và khẩn thiết trong mọi mặt của họ, Đức Chúa Trời một lần nữa đã bày tỏ sự đoái thương hết lòng của chính Ngài và ban tặng điều đó cho dân chúng. Không một ai có thể sao chép những gì Đức Chúa

Trời ban cho con người và sự đoái thương của Ngài dành cho nhân loại; và không một ai có thể sở hữu sự thương xót và lòng khoan dung của Đức Chúa Trời cũng như tình cảm chân thật của Ngài đối với nhân loại. Có ai mà người nghĩ là một người đàn ông hoặc phụ nữ vĩ đại, hoặc thậm chí là một siêu nhân, ở chức cao trọng vọng, nói với giọng điệu của một vĩ nhân, hoặc nói về những điều cao cả nhất, đưa ra tuyên bố này với loài người hoặc với các tạo vật chưa? Ai trong nhân loại có thể biết tình trạng cuộc sống của con người rõ như lòng bàn tay mình? Ai có thể gánh được trọng trách và trách nhiệm cho sự tồn tại của nhân loại? Ai có đủ tư cách để tuyên bố hủy diệt một thành phố? Và ai có đủ tư cách để ân xá cho một thành phố? Ai có thể nói họ đoái thương thứ do chính họ làm ra? Chỉ duy nhất Đấng Tạo Hóa! Chỉ một mình Đấng Tạo Hóa mới có sự ân cần đến nhân loại này. Chỉ có duy nhất Đấng Tạo Hóa có thể bày tỏ lòng cảm thương và tình cảm cho nhân loại này. Chỉ duy một mình Đấng Tạo Hóa mới có thể ban cho nhân loại này một tình cảm chân thật, không thể phá vỡ. Tương tự như vậy, chỉ một mình Đấng Tạo Hóa mới có thể ban sự thương xót cho nhân loại này và đoái thương tất cả các tạo vật của Ngài. Lòng Ngài đau đớn và hân hoan trước mỗi một hành động của con người: Ngài tức giận, đau khổ và buồn lòng vì sự gian ác và sa ngã của con người; Ngài hài lòng, sung sướng, tha thứ và hân hoan trước sự ăn năn và đức tin của con người; mỗi một suy nghĩ và ý tưởng của Ngài đều tồn tại vì nhân loại và xoay quanh nhân loại; việc Ngài có gì và là gì được bày tỏ hoàn toàn vì con người; toàn bộ cảm xúc của Ngài đều đan xen với sự tồn tại của con người. Vì con người, Ngài không ngừng di chuyển và hồi hải; Ngài âm thầm cho đi từng chút của cuộc đời mình; Ngài cống hiến từng giây phút của cuộc đời của mình... Ngài chưa bao giờ biết nâng niu chính cuộc sống của mình, nhưng Ngài lại luôn đoái thương loài người mà chính Ngài đã dựng nên... Ngài ban tất cả mọi điều Ngài có cho nhân loại này... Ngài ban sự thương xót và khoan dung một cách vô điều kiện và không hề mong đợi được đền đáp. Ngài làm điều này chỉ để cho loài người được tiếp tục tồn tại trước mặt Ngài, nhận lãnh sự sống mà Ngài chu cấp; Ngài làm điều này để rồi một ngày nào đó, con người sẽ đầu phục trước Ngài và nhận ra rằng Ngài chính là Đấng nuôi dưỡng sự tồn tại của con người và đem đến sự sống cho tất cả mọi tạo vật.

### **Đấng Tạo Hóa bày tỏ tình cảm chân thật của Ngài dành cho nhân loại**

Cuộc trò chuyện giữa Giê-hô-va Đức Chúa Trời và Giô-na chắc chắn là sự bày tỏ của những tình cảm chân thật của Đấng Tạo Hóa dành cho nhân loại. Một mặt, cuộc trò chuyện này cho chúng ta biết về sự hiểu biết của Đấng Tạo Hóa về mọi tạo vật mà Ngài tể trị; như Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã nói: “Còn ta, há không đoái tiếc thành lớn Ni-ni-ve, trong đó có hơn mười hai vạn người không biết phân biệt tay hữu và tay tả, lại với một số thú vật rất nhiều hay sao?”. Nói cách khác, sự hiểu biết của Đức Chúa Trời về thành Ni-ni-ve khác xa với một sự hiểu biết vội vàng. Ngài không chỉ biết số lượng sinh vật sống trong thành phố (bao gồm con người và vật nuôi), mà Ngài còn biết bao nhiêu người không biết phân biệt tay phải với tay trái – nghĩa là, bao nhiêu trẻ em và thanh

thiếu niên đang ở đó. Đây là một minh chứng vững chắc về sự toàn tri của Đức Chúa Trời về con người. Mặt khác, cuộc trò chuyện này cho chúng ta biết thái độ của Đấng Tạo Hóa đối với nhân loại, có nghĩa là, cho thấy mức độ quan trọng của nhân loại trong lòng của Đấng Tạo Hóa. Đúng như lời Giê-hô-va Đức Chúa Trời nói: “Người đoái tiếc một dây mà người chưa hề khó nhọc vì nó, người không làm cho nó mọc, một đêm thấy nó sanh ra và một đêm thấy nó chết. Còn ta, há không đoái tiếc thành lớn Ni-ni-ve...?”. Đây là những lời mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã quở trách Giô-na, nhưng tất cả đều đúng.

Mặc dù Giô-na được Giê-hô-va Đức Chúa Trời sai đi công bố lời của Ngài cho dân chúng thành Ni-ni-ve, nhưng ông không hiểu ý định của Giê-hô-va Đức Chúa Trời, và cũng không hiểu sự lo lắng và mong đợi của Ngài đối với dân chúng trong thành. Với lời quở trách này, Đức Chúa Trời muốn nói cho ông rằng con người là tạo vật do chính tay Ngài tạo ra; và rằng Ngài đã bỏ ra công sức khó nhọc cho mỗi một con người; rằng mỗi một người đều mang trên mình kỳ vọng của Đức Chúa Trời; và rằng mỗi một con người đều tận hưởng sự sống ban cho từ Đức Chúa Trời; và với mỗi một con người, Đức Chúa Trời đều đã phải trả một cái giá khó nhọc. Lời quở trách này cũng nói với Giô-na rằng Đức Chúa Trời đoái thương loài người, tạo vật do Ngài tạo ra, nhiều như thể Giô-na đoái tiếc cây thầu dầu. Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ bỏ rơi họ một cách dễ dàng, hoặc cho đến khi còn có thể; nhất là khi có rất nhiều trẻ em và gia súc vô tội ở trong thành. Đối với những tạo vật non nớt và thiếu hiểu biết mà Ngài đã tạo nên, những người thậm chí không thể phân biệt tay phải với tay trái của mình, Đức Chúa Trời càng không thể kết thúc cuộc sống của chúng và định đoạt số phận của chúng một cách vội vàng như vậy. Đức Chúa Trời mong muốn nhìn thấy chúng trưởng thành; Ngài hy vọng rằng chúng sẽ không bước đi trên cùng con đường của những người đi trước, rằng chúng sẽ không phải nghe sự cảnh báo của Giê-hô-va Đức Chúa Trời lần nữa, và rằng chúng sẽ làm chứng về quá khứ của Ni-ni-ve. Thậm chí, hơn thế nữa, Đức Chúa Trời muốn nhìn thấy Ni-ni-ve sau khi thành phố này đã ăn năn, muốn nhìn thấy tương lai của Ni-ni-ve sau sự ăn năn đó, và quan trọng hơn hết là nhìn thấy Ni-ni-ve sống dưới sự thương xót của Đức Chúa Trời một lần nữa. Chính vì thế, trong mắt Đức Chúa Trời, những tạo vật không thể phân biệt tay phải và tay trái đó chính là tương lai của Ni-ni-ve. Chúng sẽ gánh vác trên vai quá khứ đáng khinh chê của Ni-ni-ve, giống như việc chúng sẽ gánh vác nhiệm vụ quan trọng là làm chứng nhân về quá khứ và tương lai của Ni-ni-ve dưới sự dẫn dắt của Giê-hô-va Đức Chúa Trời. Trong lời tuyên bố về tình cảm chân thật của mình, Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã bày tỏ toàn bộ lòng thương xót của Đấng Tạo Hóa đối với nhân loại. Điều đó cho loài người biết rằng “lòng thương xót của Đấng Tạo Hóa” không phải là một cụm từ sáo rỗng, cũng không phải là một lời hứa suông; “lòng thương xót của Đấng Tạo Hóa” có các nguyên tắc, phương pháp và mục tiêu cụ thể. Đức Chúa Trời là có thật, trong Ngài không hề có sự giả dối hay ngụy trang, và cũng trong cùng cách như vậy, sự thương xót của Ngài được ban tặng không ngừng cho nhân loại trong mọi lúc và mọi thời đại. Tuy nhiên, cho đến tận ngày nay, cuộc trao đổi của Đấng Tạo Hóa với Giô-na là lời tuyên bố độc nhất, duy nhất của Đức Chúa Trời



giải thích vì sao Ngài bày tỏ lòng thương xót với con người, cách mà Ngài bày tỏ lòng thương xót với họ, sự khoan dung của Ngài và tình cảm thực sự của Ngài đối với nhân loại. Những lời súc tích của Giê-hô-va Đức Chúa Trời trong cuộc trò chuyện này bày tỏ toàn bộ suy nghĩ của Ngài về con người; đó là một sự bày tỏ chân thực về thái độ từ trong lòng Ngài đối với con người, và nó cũng là một bằng chứng cụ thể rằng Ngài ban sự thương xót chứa chan cho con người. Lòng thương xót của Ngài không chỉ được ban cho những thế hệ đi trước, mà nó cũng được ban tặng cho những người non trẻ, điều đó không bao giờ thay đổi, từ thế hệ này sang thế hệ kế tiếp. Mặc dù cơn giận của Đức Chúa Trời thường xuyên xảy ra ở một vài nơi nhất định và vào những thời đại nhất định của nhân loại, nhưng lòng thương xót của Đức Chúa Trời không bao giờ chấm dứt. Với lòng thương xót, Đức Chúa Trời sẽ chỉ dẫn và điều chỉnh hết thế hệ này đến thế hệ khác của tạo vật mà Ngài tạo nên, chu cấp và nuôi dưỡng hết thế hệ này đến thế hệ khác của tạo vật, bởi vì tình cảm của Ngài về nhân loại không bao giờ đổi thay. Đúng như lời Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã phán: “Còn ta, há không đoái tiếc...?”. Ngài đã luôn đoái thương tạo vật của Ngài. Đây chính là lòng thương xót xuất phát từ tâm tính công chính của Đấng Tạo Hóa, và đó cũng chính là sự độc nhất vô song trọn vẹn của Đấng Tạo Hóa!

## **Năm kiểu người**

Bây giờ, tạm thời Ta sẽ dừng thông công về tâm tính công chính của Đức Chúa Trời tại đây. Tiếp theo đây, Ta sẽ phân môn đệ của Đức Chúa Trời làm vài hạng mục khác nhau, dựa theo hiểu biết của họ về Đức Chúa Trời cũng như sự hiểu biết và trải nghiệm của họ về tâm tính công chính của Ngài, để các người có thể biết được bản thân mình đang ở giai đoạn nào cũng như vóc giặc hiện tại của các người. Ở phương diện kiến thức của con người về Đức Chúa Trời cũng như hiểu biết của họ về tâm tính công chính của Ngài, những giai đoạn và vóc giặc khác nhau của con người nhìn chung có thể được chia thành năm kiểu. Chủ đề này căn cứ trên cơ sở hiểu biết về Đức Chúa Trời độc nhất vô song cùng với tâm tính công chính của Ngài. Do đó, khi các người đọc nội dung dưới đây, các người nên cố gắng thận trọng xác định chính xác mức độ hiểu biết và kiến thức của các người về sự độc nhất vô song của Đức Chúa Trời và tâm tính công chính của Ngài, và rồi dựa vào đó để quyết định xem các người thực sự thuộc về giai đoạn nào, vóc giặc thực sự của các người hiện giờ là ở tầm mức nào và các người thực sự là kiểu người nào.

### **Kiểu người thứ nhất: Giai đoạn hài nhi quần tã**

“Hài nhi quần tã” là như thế nào? Hài nhi quần tã là một đứa bé chỉ vừa mới đến với thế giới này, một đứa trẻ sơ sinh. Chính là thời điểm con người ở trạng thái non nớt nhất.

Con người ở giai đoạn này căn bản không có nhận thức hay ý thức gì về niềm tin vào Đức Chúa Trời. Họ mê muội và vô tri trước mọi sự. Những người này có thể đã

tin vào Đức Chúa Trời trong một thời gian dài hoặc trong thời gian chưa phải là dài lắm, nhưng tình trạng mê mông lung và vô tri cùng với vóc giác thực sự của họ đặt họ vào trong giai đoạn hài nhi quần tã. Định nghĩa chính xác cho tình trạng hài nhi quần tã là thế này: Dù kiểu người này đã có niềm tin vào Đức Chúa Trời trong bao lâu đi nữa, thì họ vẫn sẽ luôn u mê, mơ hồ và ngớ ngẩn; họ không rõ tại sao mình tin vào Đức Chúa Trời, họ cũng không biết Đức Chúa Trời là ai hay ai là Đức Chúa Trời. Dù họ theo Đức Chúa Trời, nhưng trong lòng họ không có định nghĩa chính xác về Đức Chúa Trời và họ không thể xác định được liệu Đấng mình đang đi theo có phải là Đức Chúa Trời hay không, chứ đừng nói đến việc họ có thực sự tin vào Đức Chúa Trời và theo Ngài hay không. Đây là tình trạng thực của kiểu người này. Suy nghĩ của những người này thì mù mờ, nói đơn giản là đức tin của họ còn mơ hồ. Họ luôn ở trong trạng thái mê mông lung và trống rỗng; “u mê”, “mơ hồ” và “ngớ ngẩn” là những từ để khái quát về tình trạng của họ. Họ chưa từng chứng kiến và cũng chưa từng cảm nhận được sự hiện hữu của Đức Chúa Trời, và do đó trò chuyện với họ về việc hiểu Đức Chúa Trời cũng giống như việc bắt họ đọc một quyển sách viết bằng chữ tượng hình; họ sẽ chẳng hiểu được và cũng chẳng công nhận. Với họ, biết đến Đức Chúa Trời cũng giống như nghe chuyện thần thoại. Dù suy nghĩ của họ có thể mù mờ, nhưng họ lại thực sự tin tưởng chắc chắn rằng việc hiểu biết về Đức Chúa Trời là hoàn toàn lãng phí thời gian và công sức. Đây chính là kiểu người thứ nhất: một đứa trẻ sơ sinh còn quần tã.

### **Kiểu người thứ hai: Giai đoạn nhũ nhi**

So với hài nhi quần tã, thì kiểu người này đã tiến bộ hơn. Tiếc thay, họ vẫn không có chút hiểu biết nào về Đức Chúa Trời. Họ vẫn thiếu một sự hiểu biết rõ ràng và sự thông sáng về Đức Chúa Trời, và họ vẫn chưa rõ lắm tại sao họ nên tin Đức Chúa Trời, ấy thế nhưng trong lòng họ lại có mục đích và ý tưởng rõ ràng của riêng mình. Họ không quan tâm liệu việc tin vào Đức Chúa Trời là đúng hay sai. Mục tiêu và mục đích mà họ tìm kiếm thông qua niềm tin vào Đức Chúa Trời là để được hưởng ân điển của Ngài, để có được niềm vui và sự yên bình, để sống cuộc đời thoải mái, để được hưởng sự bao bọc và che chở của Đức Chúa Trời và để sống trong phước lành của Ngài. Họ không thực sự để tâm đến mức độ hiểu biết của họ về Đức Chúa Trời, và cũng không có sự thôi thúc tìm kiếm hiểu biết về Đức Chúa Trời, và họ cũng không bận tâm về việc Đức Chúa Trời đang làm gì hay Ngài muốn làm gì. Họ chỉ mù quáng tìm cách để được hưởng ân điển của Ngài và có được nhiều hơn phước lành của Ngài; họ tìm cách để được nhận gấp hàng trăm lần ở thời đại này và cuộc sống đời đời trong thời đại tới. Những suy nghĩ của họ, họ đã dâng mình được bao nhiêu, những gì họ đã cho đi, cũng như những đau khổ của họ, tất cả đều có chung một mục tiêu: để dành được ân điển và phước lành của Đức Chúa Trời. Họ không quan tâm đến bất cứ điều gì khác nữa. Kiểu người này chỉ chắc chắn rằng Đức Chúa Trời có thể che chở cho họ được bình an và ban ân điển của Ngài cho họ. Có thể nói rằng họ không hứng thú và cũng chẳng rõ tại sao Đức Chúa Trời lại muốn cứu rỗi con người hay kết quả mà Đức Chúa Trời mong

muốn đạt được với những lời nói và việc làm của Ngài là gì. Họ chưa từng cố gắng để biết được thực chất và tâm tính công chính của Đức Chúa Trời, và cũng không thể khơi dậy được hứng thú với việc đó. Họ không có xu hướng chú ý đến những điều này, cũng chẳng muốn biết chúng. Họ không muốn hỏi về công tác của Đức Chúa Trời, những gì Ngài yêu cầu ở con người, ý muốn của Ngài hay bất cứ điều gì khác liên quan đến Ngài; và họ cũng không buồn hỏi về những điều này. Điều này là vì họ tin rằng những vấn đề này không liên quan gì đến việc họ thụ hưởng ân điển của Đức Chúa Trời; và họ chỉ quan tâm đến một vị Đức Chúa Trời tồn tại liên quan trực tiếp đến những lợi ích của bản thân họ và có thể ban phát ân điển cho con người. Họ chẳng có hứng thú với bất cứ điều gì khác, và vì thế họ không thể bước vào thực tế của lẽ thật, bất kể họ đã tin vào Đức Chúa Trời trong bao nhiêu năm chẳng nữa. Nếu không có ai thường xuyên nuôi dưỡng chăm tưới cho họ, thì họ khó có thể tiếp tục đi theo con đường tin vào Đức Chúa Trời. Nếu họ không thể hưởng được niềm vui và sự yên bình trước đây hoặc ân điển của Đức Chúa Trời, thì rất có khả năng họ sẽ từ bỏ. Đây là kiểu người thứ hai: con người tồn tại ở giai đoạn nhũ nhi.

### **Kiểu người thứ ba: Giai đoạn trẻ cai sữa, hay giai đoạn trẻ nhỏ**

Nhóm người này có một số nhận thức rõ ràng nhất định. Họ ý thức được rằng thụ hưởng ân điển của Đức Chúa Trời không có nghĩa là bản thân họ sở hữu trải nghiệm thật; và họ ý thức được rằng nếu họ không bao giờ mệt mỏi với việc tìm kiếm niềm vui và sự yên bình, với việc tìm kiếm ân điển, hoặc nếu họ có khả năng làm chứng bằng cách chia sẻ trải nghiệm được hưởng ân điển của Đức Chúa Trời hay ngợi ca Đức Chúa Trời vì những phước lành mà Ngài đã ban cho họ, những điều này không có nghĩa là họ sở hữu sự sống, cũng không có nghĩa là họ có được hiện thực của lẽ thật. Bắt đầu từ nhận thức của mình, họ ngừng vọng tưởng ngông cuồng rằng họ sẽ chỉ nhận ân điển của Đức Chúa Trời; thay vào đó, khi họ hưởng ân điển của Đức Chúa Trời, họ đồng thời mong muốn được làm việc gì đó cho Ngài. Họ sẵn lòng làm tròn bổn phận của mình, họ chịu đựng chút ít vất vả và mệt mỏi, sẵn lòng hợp tác ở mức độ nào đó với Đức Chúa Trời. Thế nhưng bởi vì sự theo đuổi niềm tin vào Đức Chúa Trời của họ quá vấy bẩn, do ý định và ham muốn cá nhân của họ quá mạnh mẽ, vì bản tính của họ quá ngạo mạn, mà họ gặp trở ngại trong việc làm thỏa mãn mong muốn của Đức Chúa Trời hay trung thành với Đức Chúa Trời. Vì lẽ đó họ thường xuyên không đáp ứng được những ham muốn cá nhân của mình hoặc không thực hiện được lời hứa của mình với Đức Chúa Trời. Bản thân họ thường rơi vào trạng thái mâu thuẫn: Họ muốn làm hài lòng Đức Chúa Trời hết mức có thể, nhưng họ lại dùng hết sức của mình để chống đối Ngài; họ thường thề nguyện với Đức Chúa Trời nhưng lại nhanh chóng phản bội lời thề của mình. Thậm chí họ còn rơi vào tình trạng mâu thuẫn khác thường xuyên hơn: họ chân thành tin vào Đức Chúa Trời, thế nhưng lại phủ nhận Đức Chúa Trời và mọi điều xuất phát từ Ngài; họ lo âu hy vọng rằng Đức Chúa Trời sẽ khai sáng họ, dẫn dắt họ, chu cấp và giúp đỡ họ, thế nhưng họ vẫn tìm kiếm lối thoát cho riêng mình. Họ muốn hiểu và muốn biết Đức

Chúa Trời, nhưng không sẵn lòng tiến gần về phía Ngài. Thay vào đó, họ luôn né tránh Đức Chúa Trời và họ khép lòng trước Ngài. Trong khi họ có một sự hiểu biết và trải nghiệm hời hợt về nghĩa đen trong lời Đức Chúa Trời và về lẽ thật, và những ý niệm nông cạn về Ngài và về lẽ thật, trong tiềm thức họ vẫn không thể khẳng định hay xác nhận rằng liệu Đức Chúa Trời có là lẽ thật; cũng không thể khẳng định được liệu Đức Chúa Trời thật sự công chính hay không. Họ cũng chẳng thể khẳng định tính thực tế trong tâm tính cùng thực chất của Đức Chúa Trời, đừng nói gì đến sự hiện hữu đích thực của Ngài. Niềm tin vào Đức Chúa Trời của họ luôn chứa đựng hoài nghi và lầm tưởng và nó cũng bao hàm trí tưởng tượng và các quan niệm. Khi họ thụ hưởng ân điển của Đức Chúa Trời, họ cũng miễn cưỡng trải nghiệm hay thực hành một vài lẽ thật mà họ cho rằng có thể làm phong phú thêm đức tin của họ; để tăng trải nghiệm về niềm tin vào Đức Chúa Trời, để xác minh những hiểu biết của họ về đức tin vào Đức Chúa Trời, để thỏa mãn sự hư danh của họ khi cất bước trên hành trình sống mà họ tự dựng lên và hoàn tất một công việc ngay chính cho nhân loại. Đồng thời họ cũng làm những điều này để thỏa mãn khát khao có được phước lành, là một phần trong sự đánh cược của họ với mong muốn nhận lãnh nhiều phước lành hơn cho nhân loại, và để hoàn thành tham vọng và khao khát cả đời của họ là không ngơi nghỉ cho đến khi họ có được Đức Chúa Trời. Những người này hiếm khi có thể được Đức Chúa Trời khai sáng, vì khát khao và ý định đạt được phước lành là quá quan trọng với họ. Họ không muốn và quả thực không chịu đựng được việc từ bỏ điều này. Họ lo sợ rằng nếu không có mong muốn có được phước lành, nếu không có tham vọng áp ủ về việc không ngơi nghỉ cho đến khi có được Đức Chúa Trời, họ sẽ mất đi động lực để tin Đức Chúa Trời. Do đó, họ không muốn phải đối diện với hiện thực. Họ không muốn phải đối mặt với những lời của Đức Chúa Trời hay với công tác của Ngài. Họ không muốn đối mặt với tâm tính hay thực chất của Đức Chúa Trời, nói gì đến chuyện đề cập đến sự hiểu biết về Đức Chúa Trời. Nguyên nhân là vì một khi Đức Chúa Trời, thực chất và tâm tính công chính của Ngài thay thế trí tưởng tượng của họ, giấc mơ của họ sẽ tan thành mây khói; cái mà họ gọi là đức tin và “công trạng” thuần khiết tích lũy qua nhiều năm nếm mật nằm gai chịu mọi khổ đau sẽ tan biến và hóa thành hư vô. Tương tự như thế, “lãnh thổ” mà họ đã chinh phục bằng mồ hôi nước mắt qua nhiều năm sẽ trên bờ sụp đổ. Tất cả điều này có nghĩa là nhiều năm nỗ lực vất vả của họ đã hóa thành vô ích, rằng họ phải bắt đầu lại từ con số không. Đây là nỗi đau khó có thể vượt qua được nhất trong lòng họ và đó là kết quả mà họ không muốn nhìn thấy nhất; do đó họ luôn bị bủa vây trong bế tắc, từ chối quay đầu lại. Đây là kiểu người thứ ba: con người tồn tại trong giai đoạn trẻ cai sữa.

Ba kiểu người miêu tả ở trên – nghĩa là những người tồn tại trong ba giai đoạn này – không có bất cứ niềm tin chân chính nào vào thân phận và địa vị của Đức Chúa Trời hay vào tâm tính công chính của Ngài, họ cũng không có bất kỳ nhận thức hay sự khẳng định chắc chắn nào về những điều này. Do đó, rất khó để ba kiểu người này bước vào hiện thực của lẽ thật, và họ cũng khó mà nhận được lòng nhân từ, sự khai sáng hay soi

sáng từ Đức Chúa Trời bởi vì cách họ tin vào Đức Chúa Trời cùng với sự lầm tưởng của họ về Ngài khiến Ngài không thể nào thực hiện được công tác của Ngài trong lòng họ. Những ngờ vực, ngộ nhận và tưởng tượng của họ về Đức Chúa Trời đã vượt xa đức tin và hiểu biết của họ về Đức Chúa Trời. Đây là ba kiểu người thật sự đang ở trong nguy hiểm, và đây là ba giai đoạn rất nguy hiểm. Khi một người giữ thái độ hoài nghi về Đức Chúa Trời, về thực chất và thân phận của Ngài, hoài nghi về việc Đức Chúa Trời có phải là lẽ thật hay không và Ngài có thực sự hiện hữu hay không, và khi một người không thể chắc chắn về những điều này, làm sao mà họ có thể chấp nhận được mọi điều đến từ Đức Chúa Trời? Làm sao mà một người có thể thừa nhận sự thật rằng Đức Chúa Trời là lẽ thật, là con đường đi và là sự sống? Làm sao một người có thể đón nhận hình phạt và phán xét của Đức Chúa Trời? Làm sao một người có thể chấp nhận sự cứu rỗi của Ngài? Làm sao mà loại người này có thể nhận được sự chỉ dạy và chu cấp thực sự của Đức Chúa Trời? Những người thuộc ba giai đoạn này có thể chống đối, phán xét, báng bổ hay phản bội Đức Chúa Trời bất cứ lúc nào. Họ có thể từ bỏ con đường thật và từ bỏ Đức Chúa Trời bất cứ lúc nào. Có thể nói rằng những người ở ba giai đoạn này tồn tại trong một giai đoạn nguy hiểm, vì họ vẫn chưa bước vào đúng con đường của đức tin vào Đức Chúa Trời.

### **Kiểu người thứ tư: Giai đoạn trẻ lớn khôn hay chính là thời ấu thơ**

Sau khi cai sữa – nghĩa là sau khi được hưởng ân điển dạt dào của Đức Chúa Trời – con người bắt đầu khám phá ý nghĩa của đức tin vào Đức Chúa Trời, và mong muốn tìm câu trả lời cho những câu hỏi khác nhau, chẳng hạn như tại sao con người lại có sự sống, con người nên sống ra sao và vì lý do gì Đức Chúa Trời thực hiện công tác của Ngài với con người. Khi những suy nghĩ chưa phân minh cùng những luồng suy nghĩ mơ hồ này nảy sinh và tồn tại trong con người, họ sẽ liên tục được chăm tưới và họ cũng có thể thực hiện nghĩa vụ của mình. Trong giai đoạn này, con người không còn nghi ngờ gì về sự thật rằng Đức Chúa Trời thực sự tồn tại, và nắm bắt chính xác ý nghĩa của việc tin Đức Chúa Trời. Từ cơ sở đó, con người dần có hiểu biết về Đức Chúa Trời, và dần tìm được một số câu trả lời cho những suy nghĩ chưa phân minh và những luồng suy nghĩ còn mơ hồ của họ về tâm tính và thực chất của Đức Chúa Trời. Nói tới những thay đổi về tâm tính cũng như sự hiểu biết về Đức Chúa Trời, con người trong giai đoạn này bắt đầu đi đúng hướng và bước vào giai đoạn chuyển tiếp. Chính trong giai đoạn này, con người bắt đầu có sự sống. Những dấu hiệu rõ ràng về việc con người có sự sống dần trả lời được các câu hỏi khác nhau trong lòng họ về việc hiểu rõ Đức Chúa Trời – như là những hiểu lầm, tưởng tượng, quan niệm và định nghĩa mơ hồ về Đức Chúa Trời – và con người không chỉ bắt đầu tin và nhận ra rằng Ngài thực sự tồn tại, mà họ còn bắt đầu có định nghĩa chính xác về Đức Chúa Trời và có một vị trí đúng đắn cho Đức Chúa Trời trong lòng mình, và việc thực sự đi theo Đức Chúa Trời đã thay thế cho đức tin mơ hồ của họ. Trong giai đoạn này, con người dần biết những nhận thức sai lầm của mình về Đức Chúa Trời cũng như những mưu cầu và cách tin sai lầm của

mình. Họ bắt đầu khát khao lẽ thật, khát khao được trải qua sự phán xét, trừng phạt và sửa dạy của Đức Chúa Trời, và khát khao một sự thay đổi trong tâm tính của mình. Trong giai đoạn này, con người dần từ bỏ mọi thứ quan niệm và tưởng tượng về Đức Chúa Trời; đồng thời thay đổi và cải chính hiểu biết không đúng đắn của mình về Đức Chúa Trời và tiếp nhận một số kiến thức cơ bản đúng đắn về Đức Chúa Trời. Mặc dù một phần kiến thức mà con người có được trong giai đoạn này không quá cụ thể hoặc chính xác, nhưng ít nhất họ dần dần bắt đầu từ bỏ những quan niệm, lầm tưởng và ngộ nhận về Đức Chúa Trời; họ không còn giữ những quan niệm và tưởng tượng chủ quan của mình về Đức Chúa Trời. Họ bắt đầu học cách từ bỏ – từ bỏ những gì xuất phát từ những quan niệm của riêng mình, những thứ từ những sự hiểu biết và những thứ từ Sa-tan; họ bắt đầu sẵn sàng đầu phục trước những điều đúng đắn và tích cực, ngay cả những điều xuất phát từ lời của Đức Chúa Trời và phù hợp với lẽ thật. Họ cũng bắt đầu cố gắng trải nghiệm những lời của Đức Chúa Trời, để tự mình hiểu và thực hiện lời Ngài, lấy lời Ngài làm nguyên tắc hành động và làm nền tảng để thay đổi tâm tính của họ. Trong giai đoạn này, con người vô thức tiếp nhận sự phán xét và hình phạt của Đức Chúa Trời, vô thức tiếp nhận lời Đức Chúa Trời làm sự sống của mình. Trong khi tiếp nhận sự phán xét, hình phạt cũng như tiếp nhận lời Đức Chúa Trời, họ ngày càng nhận thức và có thể cảm nhận được trong lòng họ sự hiện hữu đích thực của Đức Chúa Trời. Từ những lời của Đức Chúa Trời, từ những trải nghiệm và từ cuộc sống của họ, con người ngày càng cảm nhận được rằng Đức Chúa Trời đã luôn điều khiển số phận, luôn dẫn dắt và chu cấp cho con người. Thông qua kết nối với Đức Chúa Trời, con người dần xác thực được sự tồn tại của Ngài. Do đó, trước khi nhận ra điều này, trong tiềm thức con người đã tán thành và tin tưởng chắc chắn vào công tác của Đức Chúa Trời, cũng như chấp thuận những lời của Ngài. Một khi đã thuận theo lời Đức Chúa Trời và công tác của Ngài, con người không ngừng phủ nhận bản thân, phủ nhận những quan niệm, kiến thức và tưởng tượng chủ quan của mình, đồng thời không ngừng tìm kiếm để biết lẽ thật là gì và ý muốn của Đức Chúa Trời là gì. Trong giai đoạn phát triển này, kiến thức của con người về Đức Chúa Trời khá hời hợt – con người thậm chí không thể diễn tả rõ ràng kiến thức này bằng ngôn từ, cũng không thể bày tỏ nó thật chi tiết cụ thể – và họ chỉ có một sự nhận thức – sự hiểu biết cơ bản; tuy nhiên, so với ba giai đoạn trước, cuộc sống non nớt của con người trong giai đoạn này đã được chăm tưới và cung cấp bởi lời của Đức Chúa Trời, và vì vậy mà đã bắt đầu phát triển. Sự sống của họ tựa như một hạt giống chôn trong lòng đất; sau khi có được độ ẩm và chất dinh dưỡng, hạt sẽ từ đất nhú lên; sự nảy mầm đó đại diện cho sự ra đời của một cuộc sống mới. Sự ra đời này cho phép con người nhìn thoáng thấy những dấu chỉ của sự sống. Khi con người có được sự sống, họ sẽ phát triển. Do đó, dựa trên những nền tảng này – dần bước đi đúng hướng trong niềm tin vào Đức Chúa Trời, từ bỏ những quan niệm của riêng mình, và tiếp nhận sự dẫn dắt của Ngài – cuộc sống của con người chắc chắn sẽ từng bước phát triển. Vậy phải đo đếm sự trưởng thành này trên cơ sở nào? Sự trưởng thành được tính theo trải nghiệm của một người với những lời

của Đức Chúa Trời và hiểu biết thực sự của họ về tâm tính công chính của Đức Chúa Trời. Mặc dù trong giai đoạn phát triển này con người khó diễn tả bằng lời những hiểu biết của họ về Đức Chúa Trời và thực chất của Ngài, nhóm người này không còn chủ quan theo đuổi niềm vui từ sự hưởng thụ ân điển của Đức Chúa Trời, hoặc tin Đức Chúa Trời chỉ để theo đuổi mục đích của riêng họ, là để có được ân điển của Ngài. Thay vào đó, họ sẵn sàng theo đuổi cuộc sống theo lời Đức Chúa Trời, và trở thành đối tượng được Ngài cứu rỗi. Thêm vào đó, họ tự tin và sẵn sàng tiếp nhận sự phán xét và hình phạt của Đức Chúa Trời. Đây là dấu ấn của một con người trong giai đoạn phát triển.

Mặc dù con người trong giai đoạn này đã có một số kiến thức về tâm tính công chính của Đức Chúa Trời, nhưng kiến thức này còn rất mơ hồ và không rõ ràng. Mặc dù họ không thể giải thích rõ ràng điều này, nhưng họ cảm thấy rằng nội tại bản thân đã nắm bắt được một vài điều, bởi họ đã đạt được một chừng mực kiến thức và hiểu biết về tâm tính công chính của Đức Chúa Trời thông qua hình phạt và phán xét của Ngài. Tuy nhiên, tất cả đều khá hời hợt và còn trong giai đoạn sơ khai. Nhóm người này có quan điểm cụ thể về cách tiếp nhận ân điển của Đức Chúa Trời, được bày tỏ trong những thay đổi về mục tiêu và phương thức theo đuổi những mục tiêu này của họ. Qua những lời và công tác của Đức Chúa Trời, qua tất cả những yêu cầu của Ngài đối với con người và qua những điều Ngài tỏ lộ về loài người, con người đã thấy được rằng nếu họ vẫn không theo đuổi lẽ thật, vẫn không cố gắng bước vào hiện thực, nếu họ vẫn không tìm cách làm hài lòng hoặc không tìm cách hiểu về Đức Chúa Trời khi trải nghiệm lời Ngài, thì họ sẽ đánh mất ý nghĩa của lòng tin vào Đức Chúa Trời. Họ thấy rằng dù có hưởng ân điển của Đức Chúa Trời tới bao nhiêu thì họ cũng không thể thay đổi được tâm tính của mình, không thể làm hài lòng Đức Chúa Trời hoặc không thể hiểu Ngài, và nếu con người cứ tiếp tục sống trong ân điển của Ngài, họ sẽ không bao giờ trưởng thành, không bao giờ đạt được sự sống hay có thể nhận được sự cứu rỗi. Tóm lại, nếu con người không thể thực sự trải nghiệm lời Đức Chúa Trời, và không thể hiểu Đức Chúa Trời qua lời Ngài, thì họ sẽ mãi mãi ở giai đoạn hài nhi và không bao giờ tiến được một bước nào trong sự trưởng thành trong đời sống. Nếu người mãi sống trong giai đoạn là một hài nhi, nếu người không bao giờ bước vào hiện thực lời Đức Chúa Trời, nếu người không bao giờ xem lời Đức Chúa Trời là sự sống, nếu người không bao giờ thực sự tin và hiểu về Đức Chúa Trời, thì liệu có khả năng nào Đức Chúa Trời làm cho người được hoàn thiện? Do đó, bất cứ ai bước vào hiện thực lời Đức Chúa Trời, bất cứ ai xem lời Đức Chúa Trời là sự sống, bất cứ ai bắt đầu tiếp nhận hình phạt và phán xét của Đức Chúa Trời, bất cứ ai mà tâm tính sa ngã đã bắt đầu thay đổi và bất cứ ai có trái tim khao khát lẽ thật, ai có ước muốn biết được Đức Chúa Trời và có mong muốn được Đức Chúa Trời cứu rỗi, thì đều là những người thực sự có được sự sống. Đây chính là kiểu người thứ tư, con người trong giai đoạn trẻ nhỏ đang trưởng thành, con người trong giai đoạn ấu thơ.

## **Kiểu người thứ năm: Giai đoạn trưởng thành trong cuộc sống, hoặc giai đoạn của con người trưởng thành**

Sau khi trải qua giai đoạn bước đi chập chững của thời thơ ấu, một giai đoạn trưởng thành với bao thăng trầm lặp đi lặp lại, cuộc sống của con người đi vào ổn định, sự tấn tới của họ không bị ngắt nhịp và cũng không ai có thể ngăn trở. Mặc dù con đường phía trước vẫn còn gồ ghề và nhiều chông gai nhưng họ không còn yếu đuối hay sợ hãi; và họ không còn dò dẫm tiến lên hoặc bị mất phương hướng. Nền tảng của họ đã bén rễ sâu bền vào những kinh nghiệm thực tế về lời Đức Chúa Trời, và lòng họ bị thu hút bởi phẩm chất và sự vĩ đại của Đức Chúa Trời. Họ khao khát được đi theo bước chân của Đức Chúa Trời, để hiểu thực chất của Ngài và thấu hiểu toàn bộ về Ngài.

Con người trong giai đoạn này đã biết rõ phải tin ai, và con người biết rõ lý do tại sao họ nên tin vào Đức Chúa Trời và hiểu ý nghĩa cuộc sống của chính mình; và họ biết rõ rằng tất cả những gì Đức Chúa Trời bày tỏ đều là lẽ thật. Trải qua nhiều năm kinh nghiệm, họ nhận ra rằng nếu không có sự phán xét và trừng phạt của Đức Chúa Trời, một người sẽ không bao giờ có thể làm hài lòng hoặc hiểu về Ngài, và sẽ không bao giờ có thể thực sự đến trước Đức Chúa Trời. Trong lòng của những người này là một khao khát mãnh liệt được Đức Chúa Trời thử luyện, để thấy được tâm tính công chính của Ngài khi đang nhận thử luyện, để có được tình yêu thuần khiết hơn, đồng thời có thể thực sự hiểu biết Đức Chúa Trời hơn. Những người thuộc giai đoạn này đã hoàn toàn dứt khỏi giai đoạn hài nhi, giai đoạn hưởng thụ ân điển của Đức Chúa Trời và ăn bánh mì thỏa thích. Họ không còn đặt hy vọng ngông cuồng vào việc khiến Đức Chúa Trời dung thứ và tỏ lòng nhân từ với mình; thay vào đó, họ tự tin đón nhận và hy vọng được Đức Chúa Trời không ngừng trừng phạt và phán xét, để tách bản thân khỏi tâm tính sa ngã và làm hài lòng Đức Chúa Trời. Kiến thức của họ về Đức Chúa Trời, sự theo đuổi của họ, hay các mục tiêu cuối cùng của sự theo đuổi: lòng họ đã tỏ tường về tất cả những điều này. Do đó, con người trong giai đoạn trưởng thành đã hoàn toàn thoát khỏi giai đoạn đức tin mơ hồ, thoát khỏi giai đoạn dựa vào ân điển để được cứu rỗi, thoát khỏi giai đoạn cuộc sống non nớt không thể chịu đựng được những thử luyện, thoát khỏi giai đoạn mộng lung, thoát khỏi giai đoạn dò dẫm, thoát khỏi giai đoạn thường xuyên không nhìn thấy con đường đúng đắn để bước đi, thoát khỏi giai đoạn bấp bênh nóng lạnh thất thường, và thoát khỏi giai đoạn bước theo Đức Chúa Trời với đôi mắt bị che kín. Con người ở giai đoạn này thường xuyên được Đức Chúa Trời khai sáng và soi sáng, và thường xuyên kết nối và giao tiếp thực sự với Ngài. Có thể nói rằng con người trong giai đoạn này đã nắm bắt được một phần ý muốn của Đức Chúa Trời; họ có thể tìm thấy các nguyên tắc của lẽ thật trong mọi việc họ làm; và họ biết làm thế nào để thỏa mãn mong muốn của Đức Chúa Trời. Hơn thế, họ cũng đã tìm thấy con đường để biết đến Đức Chúa Trời và bắt đầu làm chứng cho sự hiểu biết của mình về Ngài. Trong quá trình dần trưởng thành, họ dần có hiểu biết và kiến thức về ý muốn của Đức Chúa Trời, về ý muốn của Ngài khi tạo ra loài người và ý muốn của Ngài trong việc quản



lý loài người. Họ cũng dần có hiểu biết và kiến thức về thực chất trong tâm tính công chính của Đức Chúa Trời. Không có quan niệm hay trí tượng tượng chủ quan nào của con người có thể thay thế được kiến thức này. Mặc dù không thể nói rằng trong giai đoạn thứ năm cuộc đời của con người đã hoàn toàn trưởng thành hoặc con người ở giai đoạn này đã công chính hay trọn vẹn, nhưng kiểu người này đã tiến một bước đến giai đoạn trưởng thành trong cuộc sống và đã có thể đến trước Đức Chúa Trời để đối mặt trực tiếp với lời Ngài và với Ngài. Bởi lẽ kiểu người này đã trải nghiệm rất nhiều lời của Đức Chúa Trời, đã trải qua vô số thử luyện và chịu vô số sự sửa dạy, sự phán xét và hình phạt của Đức Chúa Trời nên sự quy phục của họ trước Đức Chúa Trời không phải là tương đối mà là tuyệt đối. Kiến thức của họ về Đức Chúa Trời đã chuyển từ tiềm thức sang kiến thức rõ ràng và chính xác, từ hời hợt đến sâu sắc, từ mờ ảo và mơ hồ đến tỉ mỉ và hữu hình. Họ đã chuyển từ việc dò dẫm vất vả và tìm kiếm thụ động sang kiến thức dễ dàng và chủ động làm chứng. Có thể nói rằng con người trong giai đoạn này có được thực tế của lẽ thật trong lời Đức Chúa Trời, rằng họ đã bước vào con đường dẫn đến sự hoàn thiện như con đường mà Phi-e-rơ đã đi. Đây là kiểu người thứ năm, con người trong trạng thái trưởng thành hay chính là giai đoạn trưởng thành.

Ngày 14 tháng 12 năm 2013

## **CHÍNH ĐỨC CHÚA TRỜI, ĐÁNG ĐỘC NHẤT III**

### **THẨM QUYỀN CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI (II)**

Hôm nay chúng ta sẽ tiếp tục buổi thông công về đề tài “Chính Đức Chúa Trời, Đáng độc nhất”. Chúng ta đã có hai buổi thông công về chủ đề này, buổi đầu tiên liên quan đến thẩm quyền của Đức Chúa Trời và buổi thứ nhì liên quan đến tâm tính công chính của Đức Chúa Trời. Sau khi đã nghe qua hai buổi thông công này, các người đã có được một sự hiểu biết về thân phận, địa vị, và thực chất của Đức Chúa Trời rồi phải không? Những sự thấu hiểu này đã giúp các người đạt được một kiến thức thực chất hơn và sự chắc chắn về lẽ thật trong sự hiện hữu của Đức Chúa Trời rồi phải không? Hôm nay Ta có kế hoạch mở rộng về đề tài “thẩm quyền của Đức Chúa Trời”.

#### **Hiểu về thẩm quyền của Đức Chúa Trời từ tầm nhìn vĩ mô và vi mô**

Thẩm quyền của Đức Chúa Trời là độc nhất. Đó là sự bày tỏ đặc trưng, và thực chất đặc biệt, thân phận của chính Đức Chúa Trời, những điều như thế không được sở hữu bởi bất kỳ vật tạo hoặc không tạo nào; chỉ có Đấng Tạo Hóa sở hữu loại thẩm quyền này. Điều đó có nghĩa là, chỉ có Đấng Tạo Hóa – Đức Chúa Trời Đáng Độc nhất – được bày tỏ theo cách này và có thực chất này. Vậy thì, tại sao chúng ta nên nói về thẩm quyền của Đức Chúa Trời? Thẩm quyền của chính Đức Chúa Trời khác với “thẩm quyền” mà con người hình dung trong tâm trí như thế nào? Điều gì đặc biệt về nó? Tại sao lại đặc biệt quan trọng để nói về nó ở đây? Mỗi người trong số các người phải xem xét cẩn thận vấn đề này. Đối với đa số mọi người, “thẩm quyền của Đức Chúa Trời” là một ý niệm mơ hồ, điều đòi hỏi rất nhiều nỗ lực để hiểu được, và bất kỳ sự thảo luận nào về nó đều có thể là trừu tượng. Do đó, sẽ luôn luôn có một khoảng cách giữa sự hiểu biết về thẩm quyền của Đức Chúa Trời mà con người có thể có được và thực chất thẩm quyền của Đức Chúa Trời. Để khắc phục khoảng cách này, mọi người phải dần dần biết được thẩm quyền của Đức Chúa Trời thông qua những con người, sự vật, sự việc, và các hiện tượng khác nhau trong tầm với của con người và trong khả năng hiểu biết của họ trong đời sống thực tế. Mặc dù cụm từ “thẩm quyền của Đức Chúa Trời” có vẻ như không thể hiểu thấu được, nhưng thẩm quyền của Đức Chúa Trời lại không trừu tượng chút nào. Ngài hiện diện với con người qua từng phút giây cuộc sống của con người, dẫn dắt họ qua từng ngày. Vì vậy, trong đời sống thực tế, mỗi người nhất thiết phải nhìn thấy và trải nghiệm khía cạnh hữu hình nhất trong thẩm quyền của Đức Chúa Trời. Khía cạnh hữu hình này đủ chứng minh rằng thẩm quyền của Đức Chúa Trời thực sự tồn tại, và nó hoàn toàn cho phép con người nhận ra và hiểu được thực tế rằng Đức Chúa Trời sở hữu thẩm quyền như thế.

Đức Chúa Trời đã tạo nên mọi vật, và sau khi tạo nên chúng, Ngài nắm quyền thống trị trên muôn vật. Ngoài việc nắm quyền thống trị trên muôn vật, Ngài cũng nắm quyền kiểm soát mọi vật. Ý tưởng “Đức Chúa Trời nắm quyền kiểm soát mọi vật” có nghĩa là gì? Nó có thể được giải thích như thế nào? Nó có thể áp dụng vào đời sống thực tế như

thế nào? Làm thế nào mà việc hiểu được sự thật rằng Đức Chúa Trời nắm quyền kiểm soát mọi vật có thể dẫn đến một sự hiểu biết về thẩm quyền của Ngài? Từ chính cụm từ “Đức Chúa Trời nắm quyền kiểm soát mọi vật”, chúng ta nên thấy rằng những gì Đức Chúa Trời kiểm soát không phải là một phần của các hành tinh hoặc một phần của sự sáng thế, càng không phải là một phần của nhân loại, mà là mọi thứ: từ không lồ đến siêu vi, từ hữu hình đến vô hình, từ những ngôi sao trong vũ trụ đến những sinh vật trên đất, cũng như các vi sinh vật không thể thấy bằng mắt thường và những hữu thể tồn tại ở các dạng khác nhau. Đây là định nghĩa chính xác của “mọi vật” mà Đức Chúa Trời đang “nắm quyền kiểm soát”; đó là phạm vi thẩm quyền của Ngài, phạm vi của quyền tối thượng và luật lệ của Ngài.

Trước khi loài người ra đời, thì vũ trụ – tất cả các hành tinh và tất cả các ngôi sao trên trời – đã tồn tại. Ở cấp độ vĩ mô, các thiên thể này di chuyển đều đặn theo quỹ đạo, dưới sự kiểm soát của Đức Chúa Trời, vì toàn bộ sự tồn tại của chúng, bất kể điều đó đã diễn ra bao nhiêu năm. Hành tinh nào đi đâu vào thời gian cụ thể nào; hành tinh nào thực hiện sứ mệnh gì, và khi nào; hành tinh nào xoay quanh quỹ đạo nào, và khi nào nó biến mất hoặc được thay thế – tất cả những điều này diễn ra không chút sai sót nhỏ nhất. Vị trí của các hành tinh và khoảng cách giữa chúng đều tuân theo đúng các mô thức, tất cả đều có thể được mô tả bằng dữ liệu chính xác; những con đường chúng di chuyển, tốc độ và các mô hình quỹ đạo của chúng, thời gian khi chúng ở các vị trí khác nhau – tất cả những điều này đều có thể được định lượng một cách chính xác và được mô tả bởi những quy luật đặc biệt. Trải qua nhiều niên đại, các hành tinh đã tuân theo những quy luật này không chút sai lệch nhỏ nhất nào. Không sức mạnh nào có thể thay đổi hoặc phá vỡ quỹ đạo của chúng hoặc các mô thức mà chúng đi theo. Bởi vì các quy luật đặc biệt chi phối chuyển động của chúng và các dữ liệu chính xác mô tả chúng được định trước bởi thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa, chúng tự tuân theo những quy luật này, dưới quyền tối thượng và sự kiểm soát của Đấng Tạo Hóa. Ở cấp độ vĩ mô, không khó để con người phát hiện ra một vài mô thức, một vài dữ liệu, và một vài quy luật hoặc hiện tượng lạ lùng và không thể lý giải. Mặc dù nhân loại không thừa nhận rằng Đức Chúa Trời tồn tại, không chấp nhận sự thật rằng Đấng Tạo Hóa đã tạo ra và thống trị trên muôn vật, và hơn nữa là không nhận ra sự hiện hữu của thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa, các nhà khoa học, nhà thiên văn học, và nhà vật lý học đầu vậy càng lúc càng phát hiện ra rằng sự tồn tại của muôn vật trong vũ trụ, các nguyên tắc và mô hình quyết định những hoạt động của chúng, đều được điều hành và kiểm soát bởi một năng lượng tối mênh mông và vô hình. Sự thật này buộc con người phải đối mặt và công nhận rằng có một Đấng Toàn Năng ở giữa những mô hình hoạt động này, chỉ huy mọi sự. Quyền năng của Ngài là phi thường, và mặc dù không ai có thể trông thấy diện mạo thật của Ngài, Ngài cai trị và kiểm soát muôn vật vào mọi lúc. Không người nào hay thế lực nào có thể vượt hơn quyền tối thượng của Ngài. Đối mặt với sự thật này, con người phải nhận ra rằng các quy luật đang thống trị sự hiện hữu của muôn vật không thể được kiểm soát bởi con người, không thể được thay đổi bởi bất kỳ ai; và đồng thời con người phải

thừa nhận rằng nhân loại không thể hiểu hết những quy luật này, và chúng không xuất hiện một cách tự nhiên, mà được ra lệnh bởi một Đấng tối thượng. Đây là tất cả những thể hiện về thẩm quyền của Đức Chúa Trời mà con người có thể nhận biết ở cấp độ vĩ mô.

Ở cấp độ vi mô, tất cả núi non, sông, hồ, biển và đất liền mà con người có thể thấy trên đất, tất cả các mùa mà họ trải qua, tất cả mọi thứ sống trên đất, bao gồm thực vật, động vật, vi sinh vật, và con người, đều nằm dưới quyền tối thượng và sự kiểm soát của Đức Chúa Trời. Dưới quyền tối thượng và sự kiểm soát của Đức Chúa Trời, muôn vật hình thành hoặc mất đi tuân theo ý định của Ngài; các quy luật phát sinh ra nhằm điều khiển sự tồn tại của chúng, còn chúng thì phát triển và sinh sôi theo những quy luật này. Không có con người hay vật gì vượt trên những quy luật này. Tại sao lại như thế? Câu trả lời duy nhất là: Chính vì thẩm quyền của Đức Chúa Trời. Hay nói cách khác, chính vì ý định của Đức Chúa Trời và lời Đức Chúa Trời; bởi vì những hành động cá nhân của chính Đức Chúa Trời. Điều này có nghĩa là chính thẩm quyền của Đức Chúa Trời và trí tuệ của Đức Chúa Trời tạo ra những quy luật này, thứ dịch chuyển và thay đổi theo ý định của Ngài, và những sự dịch chuyển và thay đổi này hết thảy đều xảy ra hoặc tan biến vì kế hoạch của Ngài. Ví dụ như dịch bệnh. Chúng bùng nổ mà không báo trước. Không ai biết nguồn gốc của chúng hoặc lý do chính xác tại sao chúng xảy ra, và bất cứ khi nào bệnh dịch lan đến một nơi nào đó, những ai phải chịu số phận bi đát đều không thể nào thoát khỏi tai họa. Khoa học của con người cho rằng dịch bệnh được gây ra bởi sự lây lan của các vi khuẩn độc hại hoặc gây hại, và tốc độ, phạm vi, cách thức lan truyền của chúng không thể được dự đoán hoặc kiểm soát bởi khoa học của con người. Mặc dù con người chống lại dịch bệnh bằng mọi biện pháp có thể, nhưng họ không thể kiểm soát những người nào hoặc động vật nào không tránh khỏi bị ảnh hưởng khi dịch bệnh bùng phát. Điều duy nhất con người có thể làm là cố gắng ngăn chặn chúng, chống lại chúng, và nghiên cứu chúng. Nhưng không ai biết những căn nguyên giải thích cho sự khởi đầu hoặc kết thúc của từng dịch bệnh, và không ai có thể kiểm soát được chúng. Đối mặt với sự gia tăng và lan rộng của một dịch bệnh, biện pháp đầu tiên mà con người thực hiện là tạo ra một loại vắc-xin, nhưng thường thì dịch bệnh tự biến mất trước khi vắc-xin sẵn sàng. Tại sao dịch bệnh lại biến mất? Một số người nói rằng vì đã kiểm soát được vi trùng, trong khi những người khác nói chúng biến mất vì sự thay đổi của các mùa... Dù những suy đoán vu vơ này có logic hay không, khoa học vẫn không thể đưa ra một lý giải nào và không thể cho một đáp án chính xác nào. Con người không nên chỉ tính đến những suy đoán này, mà cũng nên tính đến sự thiếu hiểu biết và nỗi sợ dịch bệnh của loài người. Trong phân tích sau cùng, không ai biết tại sao dịch bệnh xuất hiện và tại sao chúng kết thúc. Bởi vì con người chỉ đặt niềm tin vào khoa học, hoàn toàn tin cậy vào nó, và không nhận ra thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa hoặc chấp nhận quyền tối thượng của Ngài, nên họ sẽ không bao giờ có được câu trả lời.

Dưới quyền tối thượng của Đức Chúa Trời, muôn vật được sinh ra, sống và diệt vong bởi thẩm quyền của Ngài và sự quản lý của Ngài. Một vài thứ lặng lẽ đến rồi đi, và

con người không thể biết chúng đã đến từ đâu hoặc nắm bắt được các mô thức mà chúng tuân theo, càng không thể hiểu được lý do tại sao chúng đến và đi. Mặc dù con người có thể tận mắt thấy tất cả những gì xảy ra giữa muôn vật, có thể tận tai nghe, và có thể trải nghiệm nó bằng cơ thể của mình; mặc dù tất cả chúng đều có ảnh hưởng đến con người, và mặc dù con người trong tiềm thức nắm bắt được sự khác thường tương đối, tính đều đặn, hoặc thậm chí kỳ lạ của những hiện tượng khác nhau, họ vẫn không biết điều gì nằm sau chúng, điều là ý muốn và trí tuệ của Đấng Tạo Hóa. Có nhiều câu chuyện đằng sau những hiện tượng này, nhiều sự thật ẩn khuất. Bởi vì con người đã rời xa Đấng Tạo Hóa và bởi vì họ không chấp nhận sự thật là thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa chi phối muôn vật, họ sẽ không bao giờ biết và hiểu được mọi thứ xảy ra dưới quyền tối thượng trong thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa. Đa phần, sự kiểm soát và quyền tối thượng của Đức Chúa Trời vượt quá giới hạn sức tưởng tượng của con người, kiến thức của con người, sự hiểu biết của con người, và những gì khoa học của con người có thể đạt được; nó vượt quá tầm hiểu biết của loài người được thọ tạo. Một số người nói rằng: “Vì bạn đã không tự mình chứng kiến quyền tối thượng của Đức Chúa Trời, thì làm sao bạn có thể tin mọi vật phải tuân theo thẩm quyền của Ngài?”. Không phải lúc nào thấy cũng tin, cũng như không phải lúc nào thấy cũng nhận ra và hiểu được. Vậy thì niềm tin đến từ đâu? Ta có thể phán chắc chắn rằng niềm tin đến từ mức độ và chiều sâu trong sự hiểu biết và trải nghiệm của con người về hiện thực và căn nguyên của sự vật. Nếu người tin rằng Đức Chúa Trời tồn tại, nhưng người không thể nhận ra, càng không thể nhận thức được sự thật về sự kiểm soát của Đức Chúa Trời và quyền tối thượng của Đức Chúa Trời trên muôn vật, thì trong lòng mình người sẽ không bao giờ thừa nhận rằng Đức Chúa Trời có loại thẩm quyền này và thẩm quyền của Đức Chúa Trời là độc nhất. Người sẽ không bao giờ thực sự chấp nhận Đấng Tạo Hóa là Chúa của người và là Đức Chúa Trời của người.

### **Số phận của loài người và số phận của vũ trụ không thể tách rời khỏi quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa**

Các người đều là người lớn. Một vài người trong số các người ở tuổi trung niên; một số người đã bước vào tuổi cao niên. Các người đã đi từ việc không tin vào Đức Chúa Trời đến tin vào Ngài, từ việc bắt đầu tin Đức Chúa Trời đến chấp nhận lời Ngài và trải nghiệm công việc của Ngài. Các người có được bao nhiêu hiểu biết về quyền tối thượng của Đức Chúa Trời? Các người đã đạt được sự thông sáng gì về số phận con người? Con người có thể đạt được mọi thứ mình mong muốn trong cuộc đời không? Trong vài thập kỷ tồn tại của các người, có bao nhiêu thứ các người đã có thể đạt được theo cách mình mong muốn? Có bao nhiêu điều đã xảy ra mà người chưa từng ngờ tới? Có bao nhiêu điều xảy đến như những bất ngờ thú vị? Có bao nhiêu điều mà con người vẫn đang mong đợi rằng chúng sẽ trở quả – một cách vô thức chờ đợi thời điểm thích hợp, chờ đợi ý Trời? Có bao nhiêu điều khiến con người cảm thấy bất lực và bị ngăn trở? Mọi người đầy hy vọng về số phận của mình, trông đợi rằng mọi thứ trong cuộc đời họ

sẽ diễn ra như họ mong muốn, rằng họ sẽ không thiếu cái ăn cái mặc, rằng vận may của họ sẽ đến một cách ngoạn mục. Không ai muốn một cuộc sống nghèo nàn và bị áp bức, đầy những khó khăn và bị các tai họa bủa vây. Nhưng con người không thể thấy trước hoặc kiểm soát được những điều này. Có lẽ đối với một số người, quá khứ chỉ là một mớ lộn xộn những trải nghiệm; họ không bao giờ tìm hiểu ý Trời là gì, và họ cũng không quan tâm đó là gì. Họ sống trọn cuộc đời mình không hề suy nghĩ, giống như động vật, ngày qua ngày, không quan tâm đến số phận của loài người hoặc tại sao con người còn sống hoặc họ phải sống như thế nào. Những người như thế bước sang tuổi già mà không hiểu gì về số phận con người, và cho đến giây phút lìa đời họ không biết cuộc đời có ý nghĩa gì. Những con người như thế như đã chết; họ là những hữu thể không có linh hồn; họ là những con thú. Mặc dù con người sống trong sự sáng tạo và được hưởng thụ từ nhiều cách mà thế gian thỏa mãn những nhu cầu vật chất của họ, và dù họ thấy thế giới vật chất này không ngừng phát triển, nhưng kinh nghiệm của chính họ – những gì trái tim và linh hồn họ cảm nhận và trải nghiệm – lại không liên quan gì đến vật chất, và không vật chất nào thay thế được kinh nghiệm. Kinh nghiệm là một sự nhận biết sâu sắc trong lòng con người, là điều mắt thường không thể thấy. Sự nhận biết này nằm trong sự hiểu biết và nhận thức của con người về cuộc đời và số phận con người. Và nó thường đưa con người đến sự hiểu biết rằng một Đấng Chủ Tể vô hình đang sắp đặt muôn vật, dàn xếp mọi thứ cho con người. Giữa tất cả những điều này, con người không thể làm gì ngoài việc chấp nhận sự sắp đặt và dàn xếp cho số phận; con người không thể làm gì ngoài việc chấp nhận con đường phía trước mà Đấng Tạo Hóa đã vạch ra, quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa trên số phận của con người. Đây là một sự thật không chối cãi. Cho dù con người có hiểu biết và thái độ thế nào đối với số phận, không ai có thể thay đổi sự thật này.

Hàng ngày người sẽ đi đâu, người sẽ làm gì, người sẽ gặp ai hoặc gặp điều gì, người sẽ nói gì, chuyện gì sẽ xảy đến với người – liệu bất kỳ điều nào trong số những điều này có thể được dự liệu trước không? Con người không thể thấy trước tất cả những sự việc xảy ra, càng không thể kiểm soát những tình huống này phát triển như thế nào. Trong cuộc sống, những sự kiện không thể thấy cứ xảy ra suốt; chúng là chuyện xảy ra hàng ngày. Những thăng trầm hàng ngày này và các cách mà chúng hé lộ hoặc các mô thức của chúng là những lời nhắc nhở thường xuyên với con người rằng không có gì xảy ra ngẫu nhiên, rằng quá trình xảy ra của từng sự kiện, bản chất không thể tránh khỏi của từng sự kiện không thể bị thay đổi bởi ý muốn của con người. Mỗi sự việc xảy ra đều truyền tải một lời răn từ Đấng Tạo Hóa đến loài người, và nó cũng gửi đi một thông điệp rằng loài người không thể kiểm soát số phận của chính mình. Mỗi sự kiện là một sự bác bỏ tham vọng và khao khát ngông cuồng, vô ích của con người hòng kiểm soát số phận của mình. Chúng như những cái tát giáng mạnh vào mặt loài người, hết cái này đến cái khác, buộc con người phải suy xét lại cuối cùng thì ai điều khiển và kiểm soát số phận của họ. Và vì những tham vọng và khao khát của họ liên tục bị ngăn trở và làm cho tiêu tan, con người tự nhiên đi đến một sự chấp nhận vô thức về những gì số phận

đã an bài – một sự chấp nhận về hiện thực, về ý Trời và quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa. Từ những thăng trầm hàng ngày cho đến những số phận của toàn bộ đời sống con người, không có gì mà không tỏ lộ về kế hoạch của Đấng Tạo Hóa và quyền tối thượng của Ngài; không có gì mà không gửi đi thông điệp rằng “thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa là không thể vượt qua”, mà không truyền tải lẽ thật đời đời rằng “thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa là tối cao”.

Số phận của nhân loại và của vũ trụ gắn bó mật thiết với quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa, gắn chặt không thể tách rời với sự bố trí của Đấng Tạo Hóa; xét cho cùng, chúng không thể tách khỏi thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa. Trong các quy luật của muôn vật, con người hiểu được sự bố trí của Đấng Tạo Hóa và quyền tối thượng của Ngài; trong những quy luật sinh tồn của muôn vật, họ bắt đầu nhận thức được sự quản cai của Đấng Tạo Hóa; trong số phận của muôn vật, họ bắt đầu suy đoán ra các cách thức mà Đấng Tạo Hóa thực thi quyền tối thượng và sự kiểm soát của Ngài trên chúng; và trong vòng đời của con người và muôn vật, con người thực sự bắt đầu trải nghiệm sự bố trí và an bài của Đấng Tạo Hóa cho muôn vật và muôn loài, chứng kiến những sự bố trí và an bài này thay thế như thế nào tất cả các luật lệ, quy tắc, và thể chế trần gian, tất cả các quyền lực và thể lực khác. Như vậy, nhân loại buộc phải nhận ra rằng quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa không thể bị xâm phạm bởi bất kỳ vật thọ tạo nào, rằng không thể lực nào có thể tiếm quyền hoặc thay đổi những sự vật, sự việc đã được định trước bởi Đấng Tạo Hóa. Chính dưới những quy luật và quy tắc thiêng liêng này mà con người và muôn vật sống và sinh sôi từ thế hệ này qua thế hệ khác. Đây chẳng phải là sự hiện thân thực sự của thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa sao? Mặc dù con người nhìn thấy, trong các quy luật khách quan, quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa và sự định đoạt của Ngài đối với tất cả các sự vật, sự việc, nhưng bao nhiêu người có thể nắm được nguyên tắc quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa đối với vũ trụ? Bao nhiêu người có thể thực sự hiểu biết, nhận ra, chấp nhận, và đầu phục quyền tối thượng và sự an bài của Đấng Tạo Hóa cho số phận của chính họ? Ai, sau khi tin vào sự thật quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa trên muôn vật, sẽ thực sự tin và thừa nhận rằng Đấng Tạo Hóa cũng quyết định số phận cuộc đời con người? Ai có thể thực sự hiểu được sự thật rằng số phận con người nằm trong lòng bàn tay của Đấng Tạo Hóa? Nhân loại nên có thái độ nào đối với quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa, khi đối diện với sự thật là Ngài quản trị và kiểm soát số phận của nhân loại? Đó là quyết định mà mỗi con người hiện đang đối diện với thực tế này phải tự quyết.

### **Sáu bước ngoặt trong cuộc đời con người**

Trong cuộc đời mình, mỗi người đều đi đến một chuỗi những bước ngoặt quan trọng. Đây là những bước cơ bản nhất và quan trọng nhất quyết định số phận của một người trong đời. Dưới đây là một mô tả ngắn gọn về những cột mốc mà mỗi người đều phải trải qua trong cuộc đời của họ.

## **Bước ngoặt thứ nhất: Sự ra đời**

Khi một người được sinh ra, họ được sinh ra trong gia đình nào, giới tính, ngoại hình, và thời điểm sinh ra của họ – đây là những chi tiết của bước ngoặt đầu tiên trong cuộc đời một con người.

Không ai có thể chọn những chi tiết nhất định trong bước ngoặt này; tất cả chúng đều đã được định trước từ lâu bởi Đấng Tạo Hóa. Chúng không bị ảnh hưởng chút nào bởi môi trường bên ngoài, và không có yếu tố nhân tạo nào có thể thay đổi những sự thật này, điều đã được quyết định trước bởi Đấng Tạo Hóa. Để cho một người được sinh ra có nghĩa là Đấng Tạo Hóa đã hoàn thành bước đầu tiên của số phận mà Ngài đã an bài cho người đó. Bởi vì Ngài đã định trước tất cả những chi tiết này từ lâu, không ai có quyền thay đổi bất kỳ điều gì trong đó. Bất kể số phận sau đó của một người như thế nào, các bối cảnh ra đời của họ đã được định trước và giữ nguyên như vậy; chúng không bị ảnh hưởng chút nào bởi số phận con người trong đời, và chúng cũng không ảnh hưởng chút nào đến quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa trên số phận của con người trong cuộc đời.

### **1) Một sự sống mới được sinh ra từ kế hoạch của Đấng Tạo Hóa**

Những chi tiết nào trong bước ngoặt đầu tiên – nơi sinh, gia đình, giới tính, ngoại hình, thời điểm ra đời – mà một người có thể chọn? Rõ ràng, sự ra đời của một người là một sự kiện thụ động. Một người được sinh ra một cách không tự nguyện, ở một nơi nhất định, tại một thời điểm nhất định, vào trong một gia đình nhất định, với một ngoại hình nhất định; một người không tự nguyện trở thành thành viên của một gia đình nhất định, một phần của một gia tộc nhất định. Con người không có sự lựa chọn nào tại bước ngoặt đầu tiên trong cuộc đời này, mà đúng hơn là được sinh vào trong một môi trường đã được ấn định theo kế hoạch của Đấng Tạo Hóa, vào một gia đình cụ thể, với một giới tính và ngoại hình cụ thể, và vào một thời điểm cụ thể, những điều có liên quan mật thiết đến tiến trình cuộc đời của một người. Một người có thể làm gì tại bước ngoặt quan trọng này? Tự nhiên, con người không có sự lựa chọn về bất kỳ chi tiết nào trong những thứ liên quan đến sự ra đời của mình. Nếu không phải nhờ sự định trước của Đấng Tạo Hóa và sự hướng dẫn của Ngài, thì một sự sống mới được sinh ra trong thế giới này sẽ không biết đi đâu hoặc ở đâu, sẽ không có họ hàng, không thuộc về nơi nào, và không có một mái ấm thực sự. Nhưng bởi vì sự an bài kỹ càng của Đấng Tạo Hóa, mà sự sống mới này có một nơi để ở, cha mẹ, một nơi nó thuộc về, và họ hàng, và từ đó, sự sống ấy bắt đầu cuộc hành trình của nó. Trong suốt quá trình này, sự vật chất hóa của đời sống mới này được quyết định bởi các kế hoạch của Đấng Tạo Hóa, và mọi thứ nó sẽ bắt đầu sở hữu đều được Đấng Tạo Hóa ban cho. Từ một hình hài trôi tự do vô danh, dần dần nó trở thành một con người có máu thịt, có thể nhìn thấy, hữu hình, một trong những vật thọ tạo của Đức Chúa Trời, biết suy nghĩ, thờ, và cảm nhận sự ấm áp và lạnh lẽo; có thể tham gia vào tất cả các hoạt động thông thường của một vật thọ tạo trong thế giới vật chất; và sẽ trải qua tất cả mọi điều mà một con người được tạo ra



phải trải nghiệm trong đời. Việc quyết định trước về sự ra đời của một người bởi Đấng Tạo Hóa có nghĩa là Ngài sẽ ban cho người đó mọi thứ cần thiết cho sự sinh tồn; và tương tự như vậy, việc một người được sinh ra có nghĩa là họ sẽ nhận được mọi thứ cần thiết cho sự sinh tồn từ Đấng Tạo Hóa, và từ lúc thời điểm đó trở đi, họ sẽ sống theo một hình thức khác, được Đấng Tạo Hóa ban cho và tuân theo quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa.

## **2) Tại sao những con người khác nhau được sinh ra trong những hoàn cảnh khác nhau**

Con người thường thích tưởng tượng rằng nếu họ được tái sinh, đó sẽ là vào một gia đình danh tiếng; nếu họ là phụ nữ, họ sẽ trông giống như Bạch Tuyết và được mọi người yêu mến, và nếu họ là đàn ông, họ sẽ là Bạch mã Hoàng tử, không thiếu thứ gì, với cả thế giới đều sẵn sàng phục tùng họ. Thường có những người nuôi nhiều ảo tưởng về sự ra đời của mình và họ rất không hài lòng với điều đó, bực dọc về gia đình, ngoại hình, giới tính, thậm chí cả thời điểm sinh của mình. Tuy nhiên con người không bao giờ hiểu tại sao họ được sinh ra trong một gia đình cụ thể hoặc tại sao diện mạo của họ lại trông như thế. Họ không biết rằng bất kể họ được sinh ra ở đâu hoặc diện mạo thế nào, họ đóng những vai trò khác nhau và hoàn thành những sứ mệnh khác nhau trong sự quản lý của Đấng Tạo Hóa, và mục đích này sẽ không bao giờ thay đổi. Trong mắt của Đấng Tạo Hóa, nơi con người sinh ra, giới tính, và ngoại hình của con người tất cả đều là những thứ tạm thời. Chúng là một chuỗi những chấm nhỏ xíu, những biểu tượng tí hon trong từng giai đoạn quản lý toàn nhân loại của Ngài. Và đích đến và kết cục thật sự của một người không được quyết định bởi việc họ ra đời trong bất kỳ một giai đoạn đặc biệt nào, mà bởi sứ mệnh họ hoàn thành trong cuộc đời mình, và bởi sự phán xét của Đấng Tạo Hóa đối với họ khi kế hoạch quản lý của Ngài hoàn tất.

Người ta nói rằng có nguyên nhân cho mọi kết quả, và không kết quả nào mà không có nguyên nhân. Vì vậy, sự ra đời của con người nhất thiết được gắn liền với cả kiếp sống hiện tại và kiếp sống trước đây của họ. Nếu cái chết của một người kết thúc thời hạn sống hiện tại của họ, thì sự ra đời của một người là sự khởi đầu một chu kỳ mới; nếu một chu kỳ cũ đại diện cho kiếp trước của một người, thì chu kỳ mới đương nhiên là kiếp hiện tại của họ. Vì sự ra đời của con người được kết nối với kiếp trước cũng như kiếp hiện tại của họ, nên theo đó địa điểm, gia đình, giới tính, ngoại hình, và những yếu tố khác liên quan đến sự ra đời của con người tất cả đều nhất thiết liên quan đến kiếp trước và kiếp hiện tại của họ. Điều đó có nghĩa là các yếu tố của sự sinh thành một người không những bị ảnh hưởng bởi kiếp trước của họ, mà còn được quyết định bởi số phận của họ trong kiếp hiện tại, điều giải thích cho sự đa dạng của những bối cảnh mà con người được sinh vào: Một số người được sinh vào những gia đình nghèo, số khác vào những gia đình giàu. Một số thuộc dòng dõi bình thường, trong khi số khác thuộc những dòng dõi danh tiếng. Một số được sinh ra ở phía nam, số khác ở phía bắc. Một số được sinh ra trên sa mạc, số khác trên những vùng đất tốt tươi. Sự ra đời của

một số người đi kèm với những tiếng reo hò, tiếng cười, và những buổi tiệc mừng; số khác đem đến những giọt nước mắt, tai họa, và khổ đau. Một số sinh ra để được trân quý, số khác bị gạt sang một bên như cỏ dại. Một số được sinh ra với những nét khả ái, số khác với những nét cong vạy. Một số trông đáng yêu, số khác trông xấu xí. Một số được sinh ra lúc nửa đêm, số khác thì vào lúc chính Ngọ... Sự ra đời của mọi loại người được quyết định bởi số phận mà Đấng Tạo Hóa đã an bài cho họ; sự ra đời của họ quyết định số phận của họ trong kiếp hiện tại cũng như những vai trò họ sẽ đóng và những sứ mệnh họ sẽ hoàn thành. Tất cả những điều này đều tùy thuộc vào quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa, do Ngài định trước; không ai có thể thoát khỏi số phận tiền định của mình, không ai có thể thay đổi sự ra đời của mình và không ai có thể chọn số phận cho mình.

### **Bước ngoặt thứ nhì: Trưởng thành**

Tùy thuộc vào loại gia đình mà họ được sinh vào, con người lớn lên trong những môi trường gia đình khác nhau và học được những bài học khác nhau từ cha mẹ mình. Những yếu tố này quyết định những điều kiện mà theo đó một người đến tuổi trưởng thành và lớn lên, điều đại diện cho bước ngoặt quan trọng thứ hai trong cuộc đời một người. Không cần phải nói, con người cũng không có sự lựa chọn tại bước ngoặt này. Nó cũng được tiền định, an bài trước.

#### **1) Đấng Tạo Hóa đã sắp đặt bối cảnh cố định cho sự trưởng thành của mỗi người**

Một người không thể chọn việc họ sẽ được khai trí và chịu ảnh hưởng bởi những con người, sự vật, hay sự việc nào khi họ lớn lên. Con người không thể chọn việc họ có được kiến thức hoặc kỹ năng nào, họ hình thành những thói quen gì. Con người không có tiếng nói trong việc cha mẹ và họ hàng mình là ai, họ lớn lên trong môi trường nào; các mối quan hệ của họ với mọi người, các sự vật và sự việc trong môi trường xung quanh, và chúng ảnh hưởng đến sự phát triển của họ như thế nào, tất cả đều nằm ngoài sự kiểm soát của con người. Vậy thì ai quyết định những điều này? Ai an bài chúng? Vì con người không có sự lựa chọn trong vấn đề này, vì họ không thể tự quyết định những điều này, và vì rõ ràng chúng không tự nhiên hình thành, nên không cần phải nói, sự hình thành của hết thảy những con người, sự vật, và sự việc này đều nằm trong tay của Đấng Tạo Hóa. Tất nhiên, giống như Đấng Tạo Hóa an bài những bối cảnh cụ thể cho từng sự ra đời của con người, Ngài cũng an bài những bối cảnh cụ thể mà con người lớn lên. Nếu sự ra đời của một người mang đến sự thay đổi cho những con người, sự vật và sự việc xung quanh họ, thì sự trưởng thành và phát triển của người đó chắc chắn cũng sẽ ảnh hưởng đến chúng. Ví dụ như, một số người được sinh ra trong những gia đình nghèo, nhưng lớn lên được bao quanh bởi sự giàu có; một số khác được sinh ra trong những gia đình giàu nhưng lại khiến của cải gia đình họ giảm sút đến nỗi họ lớn lên trong môi trường nghèo khó. Không có sự ra đời nào của con người bị chi phối bởi một luật lệ cố định, và không ai lớn lên trong một chuỗi những hoàn cảnh cố định, không

thể tránh khỏi. Đây không phải là những điều một con người có thể tưởng tượng hoặc kiểm soát được; chúng là sản phẩm của số phận con người, và được quyết định bởi số phận con người. Tất nhiên, từ gốc rễ, những điều này được quyết định bởi số phận mà Đấng Tạo Hóa định sẵn cho từng người; chúng được quyết định bởi quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa trên số phận con người và những kế hoạch của Ngài dành cho nó.

## **2) Những hoàn cảnh khác nhau mà con người lớn lên dẫn đến những vai trò khác nhau**

Những hoàn cảnh ra đời của một người thiết lập ở mức cơ bản môi trường và hoàn cảnh họ lớn lên, và tương tự, những hoàn cảnh con người lớn lên là một sản phẩm của những hoàn cảnh họ ra đời. Trong thời gian này, con người bắt đầu học ngôn ngữ, và trí óc của họ bắt đầu tiếp xúc và hấp thụ nhiều điều mới mẻ, một quá trình trong đó con người liên tục phát triển. Những điều một người nghe tận tai, thấy tận mắt, và tiếp thu bằng trí óc mình dần dần lấp đầy và làm phong phú thế giới bên trong của họ. Những con người, sự vật và sự việc mà một người tiếp xúc; ý thức chung, những kiến thức và kỹ năng mà họ học được; và những cách nghĩ ảnh hưởng đến họ, điều mà họ được dạy dỗ hoặc khắc sâu, tất cả sẽ dẫn dắt và ảnh hưởng đến số phận của một người trong đời. Ngôn ngữ mà con người học khi lớn lên và cách suy nghĩ của họ không thể tách rời khỏi môi trường họ trải qua thời niên thiếu, và môi trường đó bao gồm cha mẹ và anh chị em ruột, những con người, sự vật và sự việc khác xung quanh họ. Vì vậy, quá trình phát triển của một người được quyết định bởi môi trường mà con người lớn lên, và cũng phụ thuộc vào những con người, sự vật và sự việc mà người đó tiếp xúc trong giai đoạn này. Vì những điều kiện con người lớn lên đã được định trước từ lâu, nên môi trường con người sống trong suốt quá trình này đương nhiên cũng được định trước. Điều đó không được quyết định bởi những lựa chọn và sở thích của một người, mà theo những kế hoạch của Đấng Tạo Hóa, được quyết định bởi sự sắp đặt cẩn thận của Đấng Tạo Hóa và quyền tối thượng của Ngài trên số phận của một người trong đời. Vì vậy, những con người mà bất kỳ người nào gặp trong quá trình lớn lên, và những điều họ tiếp xúc, tất cả đều tự nhiên được kết nối với sự bố trí và sắp đặt của Đấng Tạo Hóa. Con người không thể thấy trước những loại quan hệ qua lại phức tạp này, cũng không thể kiểm soát chúng hoặc hiểu được chúng. Nhiều sự vật và con người khác nhau có ảnh hưởng đến môi trường mà một người lớn lên, và không con người nào có thể sắp xếp hoặc bố trí một mạng lưới kết nối rộng lớn như vậy. Không ai hoặc điều gì ngoại trừ Đấng Tạo Hóa có thể kiểm soát sự xuất hiện của tất cả mọi người, sự vật và sự việc, cũng không ai có thể duy trì hoặc kiểm soát sự biến mất của chúng, và nó chính là một mạng lưới kết nối rộng lớn đến mức định hình sự phát triển của con người như đã được định trước bởi Đấng Tạo Hóa và xây dựng những môi trường khác nhau trong đó con người lớn lên. Đó là điều tạo nên những vai trò khác nhau cần thiết cho công tác quản lý của Đấng Tạo Hóa, đặt một nền móng vững chắc, chắc chắn cho con người để hoàn thành tốt sứ mệnh của mình.

## **Bước ngoặt thứ ba: Sự độc lập**

Sau khi một người đã trải qua thời thơ ấu và thanh thiếu niên và dần dần không thể tránh khỏi đến tuổi trưởng thành, bước tiếp theo là họ hoàn toàn chia tay tuổi trẻ, nói lời tạm biệt cha mẹ, và đối mặt với con đường phía trước như một người lớn độc lập. Tại thời điểm này, họ phải đối đầu với tất cả những con người, sự vật và sự việc mà một người trưởng thành phải đối mặt, đối đầu với mọi phần của số phận sắp tự hiện bày. Đây là bước ngoặt thứ ba mà con người phải trải qua.

### **1) Sau khi trở nên độc lập, một người bắt đầu trải nghiệm quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa**

Nếu sự ra đời và lớn lên của một người là “giai đoạn chuẩn bị” cho hành trình cuộc đời của họ, đặt nền tảng cho số phận của một người, thì sự độc lập của họ là màn độc thoại mở đầu cho số phận của con người trong cuộc đời. Nếu sự ra đời và lớn lên của một người là gia tài mà họ đã tích lũy được để chuẩn bị cho số phận của mình trong cuộc đời, thì sự độc lập của một người là khi họ bắt đầu tiêu xài hoặc bổ sung vào gia tài đó. Khi con người rời cha mẹ và trở nên độc lập, thì cả điều kiện xã hội mà họ phải đối mặt lẫn loại công việc và sự nghiệp sẵn có cho họ đều được quy định bởi số phận và không liên quan gì đến cha mẹ họ. Một vài người chọn một chuyên ngành tốt ở trường cao đẳng và cuối cùng tìm được một công việc vừa ý sau khi tốt nghiệp, bước một sải bước đầu tiên thành công trong hành trình cuộc đời mình. Một vài người học và thành thạo nhiều kỹ năng khác nhau mà chưa bao giờ tìm được một công việc phù hợp hoặc chưa bao giờ tìm được vị trí của mình, càng không có được một sự nghiệp; vào giai đoạn đầu của hành trình cuộc đời, họ thấy mình bị ngăn trở ở mọi ngã rẽ, bị bủa vây bởi những rắc rối, tiền đồ ảm đạm và cuộc sống bấp bênh. Một số người chuyên tâm học tập, nhưng bị hụt mọi cơ hội để học lên cao hơn; họ dường như được định trước là không bao giờ đạt được thành công, ngay khát vọng đầu tiên của họ trong hành trình cuộc đời đã tan thành mây khói. Không biết liệu con đường phía trước bằng phẳng hay gồ ghề, lần đầu tiên họ cảm thấy số phận của con người sao đầy những biến động, và vì vậy nhìn cuộc đời với kỳ vọng và sợ hãi. Một vài người, mặc dù không có học vấn cao lắm, lại viết sách và đạt được chút danh tiếng, một vài người, dù gần như hoàn toàn thất học, lại kiếm được tiền trong việc kinh doanh và nhờ đó có thể tự lo cho mình... Con người chọn nghề gì, con người kiếm sống như thế nào: họ có kiểm soát được việc liệu họ đã đưa ra lựa chọn đúng hay sai trong những điều này không? Những điều này có phù hợp với mong muốn và quyết định của con người không? Phần lớn mọi người có những ước muốn sau: làm ít hơn và thu nhập cao hơn, không làm việc cực nhọc dưới nắng mưa, ăn mặc đẹp, rục rờ và tỏa sáng mọi nơi, vượt xa người khác, và mang lại vinh dự cho tổ tiên của mình. Con người hy vọng sự hoàn hảo, nhưng khi họ bước những bước đầu tiên trong hành trình cuộc đời mình, họ dần dần nhận ra rằng số phận của con người không hoàn hảo làm sao, và lần đầu tiên họ thật sự nắm bắt được thực tế rằng, mặc dù con người có thể lên những kế hoạch liêu lĩnh cho tương lai của mình

và mặc dù con người có thể nuôi dưỡng những tưởng tượng táo bạo, nhưng không ai có khả năng hoặc sức mạnh để thực hiện ước mơ của chính mình, và không ai có thể kiểm soát tương lai của chính mình. Sẽ luôn luôn có khoảng cách giữa những giấc mơ và hiện thực mà con người phải đối mặt; sự việc sẽ không bao giờ như con người muốn, và khi đối diện những hiện thực như thế, con người không bao giờ có thể đạt được sự thỏa mãn hoặc hài lòng. Một vài người sẽ làm bất cứ điều gì có thể tưởng tượng, sẽ bỏ ra thật nhiều nỗ lực và hy sinh vì sinh kế và tương lai của họ, trong sự cố gắng thay đổi số phận của chính mình. Nhưng cuối cùng thì ngay cả khi họ có thể thực hiện được những giấc mơ và mong muốn bằng cách tự làm việc chăm chỉ, họ không bao giờ có thể thay đổi số phận, và cho dù họ có cố gắng bèn gan cỡ nào, thì họ cũng không bao giờ có thể vượt qua số phận đã định cho họ. Bất kể những khác biệt về khả năng, trí tuệ và sức mạnh ý chí, mọi người đều bình đẳng trước số phận, thứ không phân biệt giữa lớn và nhỏ, cao và thấp, cao quý và thấp hèn. Con người theo đuổi nghề nào, con người làm gì để kiếm sống, và con người tích lũy được bao nhiêu tài vật trong đời không được quyết định bởi cha mẹ họ, tài năng của họ, sự nỗ lực và tham vọng của họ, mà được định trước bởi Đấng Tạo Hóa.

## **2) Rời cha mẹ và bắt đầu nghiêm túc diễn vai của mình trên sân khấu cuộc đời**

Khi con người đến tuổi trưởng thành, họ có thể rời cha mẹ mình và tự dần bước vào đời, và chính tại thời điểm này con người thực sự bắt đầu đóng vai của chính mình, sương mù tan đi và sứ mệnh cuộc đời của con người dần dần trở nên rõ ràng. Trên danh nghĩa, con người vẫn gắn bó chặt chẽ với cha mẹ của mình, nhưng bởi vì sứ mệnh của con người và vai trò của họ trong cuộc sống không liên quan gì đến cha mẹ họ, trong thực chất sự gắn bó mật thiết này bị phá vỡ khi con người dần dần trở nên độc lập. Từ góc độ sinh học, con người không thể không còn phụ thuộc vào cha mẹ theo những cách trong tiềm thức, nhưng sự thật khách quan, một khi họ đã đủ lớn, họ có cuộc sống hoàn toàn tách khỏi cha mẹ mình và sẽ thực hiện các vai trò mà họ đảm nhận một cách độc lập. Ngoài việc sinh thành và nuôi dạy con cái, trách nhiệm của cha mẹ trong đời sống của con cái mình chỉ đơn giản là cung cấp cho chúng một môi trường chính thức để lớn lên, bởi không có gì ngoại trừ sự định trước của Đấng Tạo Hóa có ảnh hưởng đến số phận một con người. Không ai có thể kiểm soát một người sẽ có kiểu tương lai như thế nào; điều đó đã được định trước từ lâu, và ngay cả cha mẹ của một người cũng không thể thay đổi số phận của người đó. Xét về phương diện số phận, mọi người đều độc lập, và mọi người đều có số phận của riêng mình. Vì vậy, không cha mẹ nào có thể ngăn cản số phận của người con trong cuộc đời hoặc gây ảnh hưởng dù là nhỏ nhất đến vai trò mà người con đảm nhận trong cuộc đời. Có thể nói rằng gia đình mà con người được định sẵn để sinh ra và môi trường con người lớn lên không gì khác hơn là những tiền đề cho việc hoàn thành sứ mệnh của họ trong đời. Chúng không quyết định chút nào số phận của một người trong cuộc đời hoặc loại vận mệnh mà trong đó con người sẽ hoàn thành sứ mệnh của mình. Và vì thế, không cha mẹ nào có thể

giúp con mình hoàn thành sứ mệnh của chúng trong cuộc đời, và tương tự, không người thân nào có thể giúp một người đảm nhận vai trò của người đó trong cuộc đời. Một người hoàn thành sứ mệnh của mình như thế nào và trong loại môi trường nào, một người thực hiện vai trò của mình hoàn toàn được quyết định bởi số phận của người đó trong cuộc đời. Nói cách khác, không có điều kiện khách quan nào có thể ảnh hưởng đến sứ mệnh của một con người, điều được định trước bởi Đấng Tạo Hóa. Tất cả mọi người đều trở nên trưởng thành trong những môi trường cụ thể mà họ lớn lên; sau đó dần dần, từng bước một, họ bắt đầu khởi hành trên con đường riêng của mình trong cuộc đời và hoàn thành những vận mệnh mà Đấng Tạo Hóa đã vạch ra cho họ. Đương nhiên, một cách vô tình, họ bước vào biển người rộng lớn và đảm nhận những vị trí của riêng mình trong cuộc đời, nơi họ bắt đầu thực hiện trách nhiệm của mình như những vật thọ tạo vì sự định trước của Đấng Tạo Hóa, vì quyền tối thượng của Ngài.

### **Bước ngoặt thứ tư: Hôn nhân**

Khi một người càng lớn lên và trưởng thành, họ càng trở nên xa cách với cha mẹ mình và môi trường họ được sinh ra và nuôi dưỡng, và thay vào đó, bắt đầu tìm kiếm hướng đi trong cuộc đời và theo đuổi những mục tiêu sống của riêng mình theo phong cách khác với cha mẹ mình. Trong thời gian này, con người không còn cần cha mẹ nữa, mà thay vào đó là một người bạn đời mà họ có thể sống trọn đời, nghĩa là, một người hôn phối, một người mà số phận của họ gắn bó mật thiết với người ấy. Vì vậy, sự kiện trọng đại đầu tiên sau cuộc sống độc lập là hôn nhân, bước ngoặt thứ tư mà con người phải trải qua.

#### **1) Sự lựa chọn cá nhân không bước vào hôn nhân**

Hôn nhân là một sự kiện chính trong đời sống của bất kỳ người nào; đó chính là lúc một người thực sự gánh vác những trách nhiệm khác nhau, và dần dần hoàn thành những sứ mệnh khác nhau. Con người nuôi dưỡng nhiều ảo tưởng về hôn nhân trước khi chính họ trải nghiệm nó, và tất cả những ảo tưởng này đều khá tươi đẹp. Phụ nữ tưởng tượng nửa kia của họ là những Bạch mã Hoàng tử, còn đàn ông tưởng tượng họ sẽ kết hôn với nàng Bạch Tuyết. Những ảo tưởng này chứng tỏ rằng mỗi người đều có những yêu cầu nhất định đối với hôn nhân, một tập hợp những yêu cầu và tiêu chuẩn của riêng họ. Mặc dù trong thời đại xấu ác này, con người thường xuyên bị bom tấn bởi những thông điệp sai lệch về hôn nhân, thứ còn thậm chí tạo ra thêm nhiều yêu cầu hơn và mang lại cho con người mọi thể loại chất chứa và những thái độ lạ lùng, bất kỳ ai đã trải qua hôn nhân đều biết rằng dù con người có hiểu về nó như thế nào, dù thái độ của con người đối với nó ra sao, hôn nhân không phải là vấn đề của sự lựa chọn cá nhân.

Con người gặp gỡ rất nhiều người trong đời, nhưng không ai biết ai sẽ trở thành người bạn đời của mình trong hôn nhân. Mặc dù mọi người đều có những ý kiến và quan điểm cá nhân riêng về chủ đề hôn nhân, nhưng không ai có thể biết trước ai sẽ thực sự cuối cùng trở thành nửa kia của họ, và những ý kiến riêng của họ về vấn đề này không có mấy giá trị. Sau khi gặp một người mà người thích, người có thể theo đuổi

người đó; nhưng liệu họ có quan tâm đến người hay không, liệu họ có thể trở thành bạn đời của người hay không – đó không phải do người quyết định. Đối tượng tình cảm của người không nhất thiết là người mà người sẽ có thể chia sẻ cuộc đời mình; và trong khi đó, một người nào đó mà người không bao giờ ngờ tới có thể lặng lẽ bước vào cuộc đời người và trở thành bạn đời của người, yếu tố quan trọng nhất trong số phận của người, nửa kia của người, người mà với họ số phận người được ràng buộc chặt chẽ. Và vì thế, mặc dù có hàng triệu cuộc hôn nhân trên thế giới, mỗi và mọi cuộc hôn nhân đều khác nhau: Rất nhiều cuộc hôn nhân không vừa ý, cũng rất nhiều cuộc hôn nhân hạnh phúc; rất nhiều cuộc hôn nhân bắc cầu giữa Đông và Tây, rất nhiều giữa Nam và Bắc; rất nhiều cặp đôi hoàn hảo, rất nhiều cặp môn đăng hộ đối; rất nhiều cuộc hôn nhân hạnh phúc và hòa hợp, rất nhiều cuộc hôn nhân đau khổ và buồn phiền; rất nhiều cuộc hôn nhân khiến người khác ganh tỵ, rất nhiều cuộc hôn nhân bị hiểu lầm và không được tán thành; rất nhiều cuộc hôn nhân tràn đầy niềm vui, rất nhiều cuộc hôn nhân tràn ngập nước mắt và mang đến tuyệt vọng... Trong vô số kiểu hôn nhân, con người tỏ lộ sự chung thủy và cam kết trọn đời đối với hôn nhân; họ tỏ lộ tình yêu, sự gắn bó và không thể tách rời, hoặc sự cam chịu và không thông hiểu. Một số người phản bội cuộc hôn nhân của mình, hoặc thậm chí cảm thấy căm ghét nó. Dù bản thân hôn nhân có mang lại hạnh phúc hay khổ đau, thì sứ mệnh của con người trong hôn nhân đã được Đấng Tạo Hóa định trước và sẽ không thay đổi; sứ mệnh này là điều mà mọi người phải hoàn tất. Số phận của từng con người nằm sau mỗi cuộc hôn nhân là không thay đổi, đã được định trước từ lâu bởi Đấng Tạo Hóa.

## **2) Hôn nhân sinh ra từ số phận của cả hai bên**

Hôn nhân là một bước ngoặt quan trọng trong cuộc đời của một người. Nó là sản phẩm của số phận một người và một mắt xích quan trọng trong số phận con người; nó không được thiết lập dựa trên ý định hay sở thích cá nhân của bất kỳ ai, và cũng không bị ảnh hưởng bởi bất kỳ yếu tố bên ngoài nào, mà hoàn toàn được định đoạt bởi số phận của hai bên, bởi những sự an bài và định trước của Đấng Tạo Hóa cho số phận cả hai thành viên của cặp vợ chồng. Bên ngoài, mục đích của hôn nhân là duy trì nòi giống, nhưng sự thật, hôn nhân không là gì ngoài một nghi thức mà con người trải qua trong quá trình hoàn thành sứ mệnh của mình. Trong hôn nhân, con người không chỉ đơn thuần đóng vai trò gây dựng thế hệ tiếp theo; họ còn đóng đủ các vai trò khác nhau liên quan đến việc duy trì cuộc hôn nhân và những sứ mệnh mà các vai trò đó yêu cầu họ phải hoàn thành. Vì sự ra đời của một người ảnh hưởng đến những thay đổi trải qua bởi những con người, sự vật và sự việc xung quanh nó, nên hôn nhân của con người cũng sẽ không tránh khỏi tác động đến những con người, sự vật và sự việc này, và hơn nữa, sẽ biến đổi tất cả chúng theo những cách khác nhau.

Khi con người trở nên độc lập, họ bắt đầu hành trình riêng của mình trong đời, điều dẫn dắt họ, từng bước một, đến với những con người, sự vật và sự việc có liên quan đến cuộc hôn nhân của mình. Đồng thời, người kia, là người sẽ ở trong cuộc hôn nhân

đó, đang tiến gần, từng bước một, về phía những con người, sự vật và sự việc tương tự đó. Dưới quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa, hai người không liên quan với số phận có liên quan dần dần bước vào một cuộc hôn nhân đơn nhất và trở thành một gia đình một cách kỳ diệu: “hai con cháu trên một sợi dây thừng”. Vì vậy, khi một người bước vào một cuộc hôn nhân, hành trình cuộc đời của họ sẽ ảnh hưởng và liên quan đến nửa kia của mình, và tương tự như vậy, hành trình cuộc đời của người bạn đời của họ sẽ ảnh hưởng và liên quan đến số phận của họ trong đời. Nói cách khác, những số phận con người được kết nối với nhau và không ai có thể hoàn thành sứ mệnh của mình trong đời hoặc thực hiện vai trò của mình mà hoàn toàn độc lập với người khác. Sự ra đời của một người có ảnh hưởng đến một chuỗi quan hệ rộng lớn; sự trưởng thành cũng liên quan đến một chuỗi quan hệ phức tạp; và tương tự, một cuộc hôn nhân không tránh khỏi tồn tại và được duy trì trong một mạng lưới rộng lớn và phức tạp của những mối quan hệ con người, bao gồm mọi thành viên của mạng lưới đó và ảnh hưởng đến số phận của mỗi người là một phần trong đó. Một cuộc hôn nhân không phải là sản phẩm của các gia đình của cả hai thành viên, những bối cảnh trong đó họ lớn lên, ngoại hình, tuổi tác, phẩm chất, tài năng hoặc bất kỳ yếu tố nào khác của họ; mà nó sinh ra từ sứ mệnh chung và một số phận có liên quan. Đây là nguồn gốc của hôn nhân, một sản phẩm của số phận con người được bố trí và an bài bởi Đấng Tạo Hóa.

### **Bước ngoặt thứ năm: Con cái**

Sau khi kết hôn, con người bắt đầu nuôi dạy thế hệ tiếp theo. Con người không thể quyết định về việc họ có bao nhiêu đứa con và loại con của mình; điều này cũng được quyết định bởi số phận của một người, được tiên định bởi Đấng Tạo Hóa. Đây là bước ngoặt thứ năm mà một người phải trải qua.

Nếu con người được sinh ra để hoàn thành vai trò là con cái của người nào đó, thì con người nuôi dạy thế hệ tiếp theo để hoàn thành vai trò làm cha mẹ của ai đó. Sự chuyển đổi vai trò này làm cho con người trải nghiệm những giai đoạn khác nhau trong đời từ những góc độ khác nhau. Điều đó cũng cho con người những tập hợp kinh nghiệm sống khác nhau, mà qua đó con người bắt đầu biết đến quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa, vốn luôn luôn được thực hiện theo cùng một cách, và qua đó con người đối mặt với sự thật là không ai có thể vượt lên hoặc thay đổi sự định trước của Đấng Tạo Hóa.

#### **1) Con người không có quyền kiểm soát những gì xảy đến với con cháu mình**

Sinh ra, lớn lên, và kết hôn tất cả đều mang đến sự thất vọng dưới nhiều dạng khác nhau và ở những mức độ khác nhau. Một số người không hài lòng với gia đình của họ hoặc ngoại hình của chính họ; một số không thích cha mẹ mình; một số phẫn uất hoặc phàn nàn về môi trường mà họ đã lớn lên. Và đối với hầu hết mọi người, giữa tất cả những sự thất vọng này, thì hôn nhân là điều bất mãn nhất. Cho dù con người không hài lòng như thế nào với sự ra đời, trưởng thành, hoặc hôn nhân của mình, thì mọi người đã trải qua những điều này đều biết rằng con người không thể chọn nơi chốn và



thời điểm họ được sinh ra, diện mạo của họ, cha mẹ của họ là ai, và người phối ngẫu của họ là ai, mà phải đơn thuần chấp nhận ý Trời. Tuy nhiên, khi đến thời điểm con người nuôi dạy thế hệ tiếp theo, họ sẽ đặt tất cả những mong muốn họ đã không thực hiện được trong nửa đầu cuộc đời mình lên con cháu, hy vọng rằng con cháu họ sẽ bù đắp cho tất cả những sự thất vọng trong nửa đầu cuộc đời của chính họ. Vì thế, con người thỏa thích tưởng tượng ra đủ kiểu về con cái của họ: rằng con gái của họ sẽ lớn lên vô cùng xinh đẹp, con trai thì thành những quý ông lịch lãm; rằng con gái của họ sẽ có văn hóa và tài năng còn con trai là những học sinh xuất sắc và các vận động viên ngôi sao; rằng con gái họ sẽ dịu dàng, đức hạnh và sắc sảo, còn con trai họ thì thông minh, giỏi giang và nhạy bén. Họ hy vọng rằng con cháu của mình, dù chúng là gái hay trai, sẽ kính trọng người lớn tuổi, quan tâm đến cha mẹ, được mọi người yêu mến và khen ngợi... Tại thời điểm này, những hy vọng cho cuộc đời trỗi dậy trở lại, và những niềm đam mê mới được nhen nhóm trong lòng con người. Con người biết rằng họ bất lực và vô vọng trong cuộc đời này, rằng họ sẽ không có một cơ hội hay hy vọng nào khác để nổi bật giữa đám đông, và rằng họ không có sự lựa chọn nào ngoài việc chấp nhận số phận của mình. Và vì thế, họ đặt tất cả những hy vọng, mong muốn và ý tưởng chưa thực hiện được của mình lên thế hệ tiếp theo, hy vọng rằng con cháu có thể giúp họ đạt được những ước mơ và thực hiện mong muốn của họ; rằng những đứa con gái và con trai của họ sẽ mang vinh dự về cho thanh danh dòng họ, trở nên quan trọng, giàu có, hoặc nổi tiếng. Tóm lại, họ muốn thấy vận mệnh của con cái họ phát lên. Các kế hoạch và sự tưởng tượng của con người thật hoàn hảo; chẳng lẽ họ không biết rằng số lượng con cái mà họ có, ngoại hình, năng lực, v.v. của con cái họ không phải do họ quyết định, rằng họ không nắm trong tay một chút gì số phận của con cái họ sao? Con người không phải là chủ nhân số phận của chính mình, vậy mà họ hy vọng thay đổi số phận của thế hệ trẻ hơn; họ bất lực không thể thoát khỏi số phận của chính mình, vậy mà họ cố gắng kiểm soát số phận con trai, con gái của mình. Chẳng phải họ đang đánh giá bản thân mình quá cao sao? Chẳng phải đây là sự ngu ngốc và thiếu hiểu biết của con người sao? Con người sẽ làm bất cứ điều gì vì lợi ích của con cháu họ, nhưng cuối cùng thì, những kế hoạch và mong muốn của con người không thể quyết định họ có bao nhiêu đứa con hoặc những đứa con này như thế nào. Một số người không có một xu nhưng lại sinh nhiều con; một số người giàu có nhưng lại không có lấy một đứa con. Một số muốn có con gái nhưng bị khước từ mong ước; một số muốn có con trai nhưng không thể sinh được con trai. Đối với một số người, con cái là một phước lành; đối với số khác, chúng là một sự nguyên rủa. Một số cặp vợ chồng thông minh, nhưng lại sinh con đần độn; một số cha mẹ cần cù và trung thực, nhưng những đứa con họ nuôi dưỡng lại biếng nhác. Một số cha mẹ tốt bụng và ngay thẳng nhưng có con lại hóa ra ranh mãnh và xấu xa. Một số cha mẹ có thân tâm khỏe mạnh nhưng lại sinh con tàn tật. Một số cha mẹ thì bình thường và không thành công nhưng lại có con đạt được những điều lớn lao. Một số cha mẹ có địa vị thấp nhưng lại có con trở nên đức cao vọng trọng...

## **2) Sau khi nuôi dưỡng thế hệ tiếp theo, con người có được một sự hiểu biết mới về số phận**

Phần lớn mọi người bước vào hôn nhân ở độ tuổi khoảng ba mươi, một thời điểm trong cuộc đời mà người ta chưa có bất kỳ hiểu biết gì về số phận con người. Nhưng khi con người bắt đầu nuôi dạy con cái, và khi con cái của họ lớn lên, họ quan sát thế hệ mới lặp lại cuộc sống và tất cả những trải nghiệm của thế hệ trước, và thấy cái bóng quá khứ của chính mình trong chúng, thì họ nhận ra rằng con đường mà thế hệ trẻ hơn đi qua, cũng giống như của chính họ, không thể được lên kế hoạch và lựa chọn. Đối mặt với sự thật này, họ không có sự lựa chọn nào khác ngoài việc thừa nhận rằng số phận của mỗi người đã được định trước, và gần như trong vô thức, họ dần dần gạt những ham muốn của bản thân sang một bên, và niềm đam mê trong lòng họ le lói rồi lịm tắt... Con người trong giai đoạn này, sau khi về cơ bản đã trải qua những cột mốc quan trọng trong cuộc đời, thì đã đạt được một sự hiểu biết mới về cuộc đời, mang lấy một thái độ mới. Một người ở tuổi này có thể trông đợi bao nhiêu ở tương lai và họ phải mong đợi những viễn cảnh gì đây? Có người phụ nữ năm mươi tuổi nào vẫn mơ về Bạch mã Hoàng tử không? Có người đàn ông năm mươi tuổi nào vẫn đang tìm kiếm nàng Bạch Tuyết của mình không? Có người phụ nữ trung niên nào vẫn hy vọng biến từ vịt con xấu xí thành thiên nga không? Phần lớn những người lớn tuổi có đấu tranh sự nghiệp như những người trẻ tuổi không? Tóm lại, bất kể là nam hay nữ, bất kỳ ai sống đến tuổi này đều nhiều khả năng có thái độ khá hợp lý, thực tế về hôn nhân, gia đình, và con cái. Một người như thế về cơ bản không còn sự lựa chọn nào, không có sự thôi thúc nào để thách thức số phận. Trong chừng mực kinh nghiệm của con người, ngay sau khi đến tuổi này, con người tự nhiên phát triển một thái độ nhất định: “Con người phải chấp nhận số phận; con cái có vận mệnh riêng của chúng; số phận con người do Trời định”. Phần lớn những người không hiểu lẽ thật, sau khi trải qua những thăng trầm, thất vọng, và khó khăn của thế giới này, sẽ tóm gọn sự thông hiểu về cuộc đời con người trong hai từ: “Số phận!”. Mặc dù cụm từ này gói gọn nhận thức của con người phạm tục về số phận con người và kết luận mà họ đã rút ra, và mặc dù nó bày tỏ sự bất lực của loài người và có thể được cho là sâu sắc và chính xác, nhưng nó khác xa với sự hiểu biết về quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa, và đơn giản là không thể thay thế cho sự hiểu biết về thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa.

## **3) Việc tin vào số phận không thay thế cho hiểu biết về quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa**

Sau khi theo Đức Chúa Trời trong rất nhiều năm, thì có sự khác biệt về thực chất nào giữa hiểu biết của các người về số phận so với của những người phạm tục không? Người có thực sự hiểu được sự định trước của Đấng Tạo Hóa và thực sự bắt đầu biết đến quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa không? Một số người có sự hiểu biết thấu đáo, sâu sắc về cụm từ “số phận”, nhưng họ lại không có chút niềm tin nào vào quyền tối thượng của Đức Chúa Trời; họ không tin rằng số phận con người được an bài và bố trí

bởi Đức Chúa Trời, và không sẵn lòng đầu phục quyền tối thượng của Đức Chúa Trời. Những người như thế giống như đang trôi dạt trên đại dương, bị sóng đánh bập bênh, trôi theo dòng nước, không có sự lựa chọn nào khác ngoài việc chờ đợi một cách thụ động và cam chịu số phận. Thế nhưng, họ không nhận ra rằng số phận con người phụ thuộc vào quyền tối thượng của Đức Chúa Trời, họ không thể tự mình chủ động biết được quyền tối thượng của Đức Chúa Trời và qua đó đạt được hiểu biết về thẩm quyền của Đức Chúa Trời, đầu phục sự bố trí và an bài của Đức Chúa Trời, ngừng chống lại số phận, và sống dưới sự chăm sóc, bảo vệ, và hướng dẫn của Đức Chúa Trời. Nói cách khác, việc chấp nhận số phận không đồng nghĩa với việc đầu phục quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa; tin vào số phận không có nghĩa là con người chấp nhận, thừa nhận, và nhận thức về quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa; tin vào số phận chỉ đơn thuần là nhận thức được sự thật và những biểu hiện bề ngoài của nó. Điều này khác với việc biết Đấng Tạo Hóa cai trị số phận loài người như thế nào, khác với việc nhận ra Đấng Tạo Hóa là nguồn thống trị số phận của muôn vật, và chắc chắn khác xa với việc đầu phục sự bố trí và sắp đặt của Đấng Tạo Hóa cho số phận loài người. Nếu một người chỉ tin vào số phận – ngay cả khi họ cảm nhận sâu sắc về nó – nhưng không bằng cách ấy mà có thể biết và nhận ra quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa đối với số phận loài người, đầu phục và chấp nhận nó, thì cuộc đời họ dẫu vậy sẽ là một bi kịch, một cuộc đời vô ích, một sự trống rỗng; họ sẽ vẫn không thể chịu sự thống trị của Đấng Tạo Hóa, trở thành một con người thọ tạo đúng nghĩa nhất, và vui hưởng sự chấp thuận của Đấng Tạo Hóa. Một người thực sự biết và trải nghiệm quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa nên ở trong trạng thái chủ động, không phải là trạng thái thụ động hay bất lực. Mặc dù một người như thế sẽ chấp nhận rằng số phận muôn vật đã được định, họ nên có một định nghĩa chính xác về cuộc đời và số phận: Mọi cuộc đời đều chịu quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa. Khi một người nhìn lại con đường mình đã đi, khi một người hồi tưởng lại từng giai đoạn trong cuộc hành trình của mình, thì họ thấy rằng trong mỗi bước đi, dù hành trình của họ gian nan hay suôn sẻ, thì Đức Chúa Trời đều đang dẫn đường, lên kế hoạch cho con đường của họ. Chính sự sắp đặt kỹ lưỡng của Đức Chúa Trời, sự hoạch định cẩn thận của Ngài, đã dẫn con người, một cách không hề hay biết, đến ngày hôm nay. Có thể chấp nhận quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa, nhận được sự cứu rỗi của Ngài – đó quả là sự may mắn tuyệt vời! Nếu một người có thái độ tiêu cực đối với số phận, điều đó chứng tỏ rằng họ đang chống lại tất cả những gì Đức Chúa Trời đã sắp đặt cho họ, rằng họ không có một thái độ đầu phục. Nếu một người có thái độ tích cực đối với quyền tối thượng của Đức Chúa Trời trên số phận con người, thì khi họ nhìn lại hành trình của mình, khi họ thực sự bắt đầu hiểu được quyền tối thượng của Đức Chúa Trời, họ sẽ khao khát đầu phục mọi điều Đức Chúa Trời đã sắp đặt hơn, sẽ có quyết tâm hơn và tự tin hơn hầu để cho Đức Chúa Trời an bài số phận của mình và thôi phản nghịch chống lại Đức Chúa Trời. Vì con người thấy rằng khi con người không hiểu về số phận, khi con người không hiểu quyền tối thượng của Đức Chúa Trời, khi con người cố tình dò dẫm tiến về phía trước, loạng choạng và lao đảo băng qua sương

mù, thì cuộc hành trình quá khó khăn, quá đau lòng. Vì vậy, khi con người nhận ra quyền tối thượng của Đức Chúa Trời trên số phận con người, thì những người khôn chọn cách biết và chấp nhận nó, tạm biệt những ngày đau khổ khi họ cố gắng xây dựng một cuộc sống tốt đẹp bằng chính đôi tay của mình, ngừng đấu tranh chống lại số phận và theo đuổi cái gọi là “mục tiêu cuộc đời” theo cách riêng của họ. Khi một người không có Đức Chúa Trời, khi một người không thể thấy Ngài, khi một người không thể nhận rõ quyền tối thượng của Đức Chúa Trời, thì mỗi ngày đều vô nghĩa, vô giá trị, khổ sở. Dù ở bất cứ nơi nào, làm bất cứ công việc gì, thì những phương tiện sống và sự theo đuổi mục tiêu của con người không mang lại điều gì cho họ ngoài nỗi đau lòng không dứt và sự khổ sở khôn nguôi, đến nỗi con người không thể chịu nổi khi nhìn lại quá khứ của mình. Chỉ khi con người chấp nhận quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa, đầu phục những sự an bài và sắp đặt của Ngài, và tìm kiếm đời sống con người đích thực thì họ mới dần dần bắt đầu thoát khỏi tất cả những nỗi đau lòng và sự khổ sở, và loại bỏ mọi sự trống rỗng của cuộc sống.

#### **4) Chỉ những ai đầu phục quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa mới có thể đạt được tự do thực sự**

Bởi vì con người không nhận ra sự bố trí của Đức Chúa Trời và quyền tối thượng của Đức Chúa Trời, nên họ luôn bất chấp đương đầu với số phận với một thái độ phản nghịch, và họ luôn muốn gạt bỏ thẩm quyền và quyền tối thượng của Đức Chúa Trời và những thứ số phận đã an bài, hy vọng hão huyền về việc thay đổi tình cảnh hiện tại của mình và thay đổi số phận của mình. Nhưng họ không bao giờ có thể thành công và gặp cản trở ở mọi ngã rẽ. Sự tranh đấu này, diễn ra tận sâu thẳm trong linh hồn của con người, mang đến nỗi đau thâm sâu khắc cốt ghi xương, khi con người luôn luôn lãng phí cuộc đời mình. Nguyên nhân của nỗi đau này là gì? Có phải chính vì quyền tối thượng của Đức Chúa Trời, hoặc là vì một người sinh ra không may mắn không? Rõ ràng, cả hai đều không đúng. Căn bản là, nó được gây ra bởi những con đường mọi người đi, những cách họ chọn để sống cuộc đời của mình. Một số người có thể đã không nhận ra những điều này. Nhưng khi người thực sự biết, khi người thực sự bắt đầu nhận ra rằng Đức Chúa Trời có quyền tối thượng trên số phận con người, khi người thực sự hiểu rằng mọi thứ Đức Chúa Trời đã lên kế hoạch cho người và quyết định cho người đều là một lợi ích và sự bảo vệ tuyệt vời, khi ấy người cảm thấy nỗi đau của mình vơi dần, và toàn bản thể của người trở nên thoải mái, được tự do, được giải phóng. Xét từ tình trạng của đa số mọi người, một cách khách quan họ không thể chịu chấp nhận giá trị và ý nghĩa thực tiễn của quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa đối với số phận con người, mặc dù ở mức độ chủ quan, họ không muốn tiếp tục sống như họ đã từng trước đây và muốn giảm bớt nỗi đau của mình; một cách khách quan, họ không thể thực sự nhận ra và đầu phục quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa, và càng không thể biết cách tìm ra và chấp nhận sự bố trí và an bài của Đấng Tạo Hóa. Vì vậy, nếu con người không thể thực sự nhận ra sự thật rằng Đấng Tạo Hóa có quyền tối thượng trên số phận con

người và trên tất cả mọi vấn đề của con người, nếu họ không thể thực sự đầu phục sự thống trị của Đấng Tạo Hóa, thì họ khó mà không bị cuốn theo và ràng buộc bởi ý tưởng rằng “số phận một người nằm trong chính tay của người đó”. Họ sẽ khó rũ bỏ nỗi đau của cuộc đấu tranh kịch liệt chống lại số phận và thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa, và không cần phải nói, họ cũng sẽ khó mà trở nên thực sự giải phóng và tự do, để trở thành những người thờ phượng Đức Chúa Trời. Nhưng có một cách vô cùng đơn giản để giải thoát bản thân khỏi tình trạng này, đó là tạm biệt lối sống trước đây của mình; nói lời chia tay với các mục tiêu sống trước đây của mình; tổng kết và phân tích lối sống trước đây của mình, quan điểm sống, những sự theo đuổi, những mong muốn và lý tưởng; và sau đó so sánh chúng với ý muốn và các yêu cầu đối với con người của Đức Chúa Trời, và xem liệu có bất kỳ điều gì trong số đó phù hợp với ý muốn và yêu cầu của Đức Chúa Trời hay không, liệu có bất kỳ điều gì trong số đó mang lại giá trị sống đúng đắn, đưa con người đến sự hiểu biết tốt hơn về lẽ thật, và cho phép con người sống với nhân tính và hình tượng giống con người hay không. Khi người liên tục xem xét và cẩn thận mổ xẻ những mục tiêu khác nhau mà con người theo đuổi trong cuộc sống và vô số cách sống của họ, thì người sẽ không tìm thấy một điều nào trong số đó phù hợp với ý định ban đầu của Đấng Tạo Hóa khi Ngài tạo ra loài người. Tất cả đều đẩy con người ra xa khỏi quyền tối thượng và sự chăm sóc của Đấng Tạo Hóa; chúng hết thảy là những cạm bẫy khiến con người trở nên suy đồi, và dẫn họ xuống địa ngục. Sau khi người nhận ra điều này, thì nhiệm vụ của người là gạt những quan điểm sống cũ của người sang một bên, tránh xa các loại cạm bẫy, để Đức Chúa Trời chịu trách nhiệm về cuộc đời người và sắp đặt cho người; đó là cố gắng chỉ đầu phục sự bố trí và hướng dẫn của Đức Chúa Trời, sống mà không có sự lựa chọn cá nhân, và trở thành một người thờ phượng Đức Chúa Trời. Điều này nghe thì dễ, nhưng làm thì khó. Một số người có thể chịu được nỗi đau của nó, số khác thì không thể. Một số người sẵn sàng tuân theo, số khác thì không. Những ai không sẵn lòng thì thiếu khao khát và quyết tâm để làm theo; họ nhận thức rõ ràng về quyền tối thượng của Đức Chúa Trời, hoàn toàn biết rõ rằng chính Đức Chúa Trời lập kế hoạch và sắp đặt số phận con người, vậy mà họ vẫn đấu đá, vùng vẫy và vẫn không dành đặt số phận của mình vào tay Đức Chúa Trời và đầu phục quyền tối thượng của Đức Chúa Trời; hơn nữa, họ còn phẫn nộ về sự bố trí và sắp đặt của Đức Chúa Trời. Vì vậy, sẽ luôn luôn có một số người muốn tự thấy mình có khả năng gì; họ muốn thay đổi số phận của mình bằng chính đôi tay mình, hoặc đạt được hạnh phúc bằng chính sức mạnh của mình, để xem liệu họ có thể vượt qua ranh giới trong thẩm quyền của Đức Chúa Trời và vượt lên trên quyền tối thượng của Đức Chúa Trời hay không. Bi kịch của con người không phải là khi họ tìm kiếm một đời sống hạnh phúc, không phải là khi họ theo đuổi danh tiếng và của cải hoặc đấu tranh chống lại số phận của chính mình bằng qua sự lừa dối, mà là sau khi họ đã thấy được sự hiện hữu của Đấng Tạo Hóa, sau khi họ đã học được sự thật rằng Đấng Tạo Hóa có quyền tối thượng đối với số phận con người, nhưng họ vẫn không thể sửa chữa đường lối của mình, không thể kéo chân ra khỏi bùn lầy, mà lại chai lòng và cố chấp với những sai trật của

mình. Họ thả tiếp tục vùng vẫy trong vũng bùn, ngoan cố ganh đua chống lại quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa, chống lại nó cho đến khi kết thúc cay đắng, tất cả đều không chút ăn năn. Chỉ đến khi họ gục xuống và đổ máu thì cuối cùng họ mới quyết định từ bỏ và quay trở lại. Đây là nỗi buồn thực sự của con người. Vì vậy Ta phán rằng, những ai chọn cách đầu phục là khôn ngoan, còn những kẻ chọn cách đấu tranh và chạy trốn thực sự là ngu dốt.

### **Bước ngoặt thứ sáu: Cái chết**

Sau quá nhiều thất bại và hối hận, quá nhiều chán ngán và thất vọng, sau quá nhiều niềm vui và nỗi buồn cùng những thăng trầm, sau rất nhiều năm tháng không thể nào quên, sau khi nhìn các mùa lần lượt đến rồi đi, con người đã trải qua những dấu ấn quan trọng trong đời mà không hề hay biết, và thoát cái, họ thấy mình đang ở trong tuổi xế chiều. Những dấu ấn của thời gian in hằn trên khắp thân thể họ: Con người không còn có thể đứng thẳng, tóc chuyển màu từ đen sang bạc, đồng thời đôi mắt trong sáng và tinh tường một thời chuyển sang mờ đục, còn làn da mềm mịn thì trở nên nhăn nheo và có đốm. Thính giác của con người yếu đi, răng lung lay và rụng, phản ứng trở nên không nhanh nhẹn, di chuyển chậm chạp... Vào thời điểm này, con người đã nói lời vĩnh biệt với những năm tháng đam mê của tuổi trẻ và bước vào thời kỳ hoàng hôn của cuộc đời mình: tuổi già. Tiếp theo, con người sẽ đối mặt với cái chết, bước ngoặt cuối cùng trong đời người.

#### **1) Chỉ có Đấng Tạo Hóa mới nắm giữ quyền sinh tử đối với con người**

Nếu sự ra đời của một người được định bởi kiếp trước của người đó, thì cái chết của họ đánh dấu sự kết thúc của vận mệnh đó. Nếu sự ra đời của một người là khởi đầu sứ mệnh của họ trong đời này, thì cái chết của họ đánh dấu sự kết thúc của sứ mệnh đó. Vì Đấng Tạo Hóa đã định đoạt một chuỗi những hoàn cảnh cố định cho sự ra đời của một người, nên không cần phải nói, Ngài cũng đã an bài một chuỗi những hoàn cảnh cố định cho cái chết của một người. Nói cách khác, không ai được sinh ra một cách tình cờ, không cái chết nào đến một cách đột ngột, và cả sự sống và chết đều nhất thiết được kết nối với những kiếp trước và kiếp này của con người. Các bối cảnh cho cả sự ra đời lẫn chết đi của con người đều được định trước bởi Đấng Tạo Hóa; đây là vận mệnh của một người, số phận của một người. Vì có nhiều cách lý giải cho sự ra đời của một người, nên cũng đúng là cái chết của một người sẽ tự nhiên xảy ra trong một chuỗi những hoàn cảnh khác nhau riêng biệt của chính nó. Đây là lý do con người có tuổi thọ khác nhau, cách thức và thời điểm chết của họ khác nhau. Một số người khỏe mạnh nhưng lại chết trẻ; số khác thì ốm yếu nhưng lại sống thọ và qua đời một cách thanh thản. Một số chết vì những nguyên nhân khác thường, số khác chết một cách tự nhiên. Một số chết xa nhà, số khác thì nhắm mắt lần cuối bên cạnh những người thân yêu. Một số người chết trong không trung, số khác dưới mặt đất. Một số chìm dưới nước, số khác mất mạng trong thảm họa. Một số chết vào buổi sáng, số khác vào buổi tối... Mọi người đều muốn được sinh ra vẻ vang, một cuộc đời huy hoàng và một cái

chết vinh quang, nhưng không ai có thể vượt qua vận mệnh của chính mình, không ai có thể thoát khỏi quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa. Đây là số phận con người. Con người có thể vạch ra đủ loại kế hoạch cho tương lai của mình, nhưng không ai có thể vạch ra cách thức và thời điểm cho sự ra đời và lìa đời của mình. Mặc dù con người cố hết sức để tránh và kháng cự lại cái chết đang đến, nhưng họ không hề biết rằng, cái chết đang lặng lẽ đến gần. Không ai biết được khi nào mình sẽ chết hoặc chết như thế nào, càng không biết nó sẽ xảy ra ở đâu. Rõ ràng, không phải loài người nắm giữ quyền sinh tử, không phải hữu thể nào đó trong thế giới tự nhiên, mà là Đấng Tạo Hóa, Đấng có thẩm quyền độc nhất. Sự sống chết của nhân loại không phải là sản phẩm của quy luật nào đó của thế giới tự nhiên, mà là một hệ quả của quyền tối thượng trong thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa.

## **2) Một người không biết đến quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa sẽ bị ám ảnh bởi nỗi sợ chết**

Khi con người bước vào tuổi già, thì thử luyện mà con người đối diện không phải là việc chu cấp cho gia đình hoặc đặt ra những tham vọng lớn lao trong đời, mà là việc từ giã cuộc đời mình như thế nào, kết thúc cuộc đời mình như thế nào, đặt một dấu chấm hết cho bản án cuộc đời mình ra sao. Mặc dù bề ngoài, dường như con người ít để ý đến cái chết, nhưng không ai có thể né tránh việc tìm hiểu chủ đề này, bởi không ai biết liệu có một thế giới nằm phía xa bên kia cửa tử, một thế giới mà con người không thể nhận biết hay cảm nhận được, mà con người không biết gì về nó hay không. Điều này khiến con người sợ phải đối diện với cái chết, sợ phải đương đầu với nó như họ phải làm; thay vào đó, họ làm hết sức để né tránh chủ đề này. Và vì thế, nó làm mọi người tràn đầy nỗi sợ hãi về cái chết, và thêm một bức màn bí ẩn cho sự thật không thể tránh khỏi này của cuộc đời, phủ một bóng tối dai dẳng lên lòng của mỗi người.

Khi một người cảm thấy cơ thể đang suy yếu, khi một người cảm nhận rằng mình đang cận kề cái chết, thì họ cảm thấy một nỗi sợ hãi mơ hồ, một nỗi sợ không thể lột tả được. Nỗi sợ chết khiến con người cảm thấy cô đơn và bất lực hơn bao giờ hết, và vào thời điểm này, con người tự hỏi mình: Con người từ đâu đến? Con người sẽ đi đâu? Đây có phải là cách con người chết đi, với cuộc đời vội vã đi qua họ không? Đây có phải là giai đoạn đánh dấu sự kết thúc của một đời người không? Cuối cùng thì ý nghĩa cuộc đời là gì? Suy cho cùng, giá trị cuộc đời là gì? Có phải là về danh tiếng và của cải không? Có phải là về việc nuôi dưỡng một gia đình không? ... Bất kể con người đã nghĩ về những câu hỏi cụ thể này hay chưa, bất kể con người sợ chết đến mức nào, thì trong thâm tâm của mỗi người luôn luôn có một khao khát khám phá những điều bí ẩn, một cảm giác không hiểu được về cuộc đời, và xen lẫn những điều này, tính đa cảm về thế giới, một sự miễn cưỡng ra đi. Có lẽ không ai có thể lột tả rõ ràng con người sợ điều gì, con người tìm kiếm điều gì, họ đa cảm về điều gì và họ miễn cưỡng để lại phía sau điều gì...

Bởi vì con người sợ chết, nên họ có quá nhiều nỗi lo; bởi vì họ sợ chết, nên con người có quá nhiều điều không thể buông bỏ. Khi họ sắp qua đời, một số người băn

khoản về điều này điều kia; họ lo lắng về con cái, về những người thân yêu, của cải của họ, như thể bằng cách lo lắng họ có thể xóa đi nỗi đau khổ và sợ hãi mà cái chết mang lại, như thể bằng cách duy trì một kiểu thân mật với người sống, thì họ có thể thoát khỏi sự bất lực và cô đơn đồng hành cùng cái chết. Trong thâm tâm con người có một nỗi sợ mơ hồ, nỗi sợ bị chia cắt với những người thân yêu của mình, không bao giờ được ngắm lại bầu trời xanh, không bao giờ thấy lại thế giới vật chất. Một linh hồn cô đơn, đã quen với việc có sự đồng hành của những người thân yêu, không muốn buông tay và ra đi, hoàn toàn đơn độc, đến một thế giới không quen biết và xa lạ.

### **3) Một cuộc đời tìm kiếm danh vọng và của cải bỏ mặc con người lúng túng đối mặt với cái chết**

Bởi quyền tối thượng và sự định trước của Đấng Tạo Hóa, mà một linh hồn cô độc khởi đầu không có một thứ gì lại có được cha mẹ và một gia đình, một cơ hội để trở thành một thành viên của loài người, một cơ hội để trải nghiệm đời sống con người và nhìn thấy thế giới. Linh hồn này cũng có được cơ hội để trải nghiệm quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa, biết đến điều kỳ diệu trong sự sáng tạo của Đấng Tạo Hóa, và hơn thế nữa, biết đến và trở nên chịu tuân theo thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa. Thế nhưng, hầu hết mọi người không thực sự nắm bắt được cơ hội hiếm có và thoáng qua này. Con người dốc hết nghị lực cả đời chiến đấu chống lại số phận, dành toàn bộ thời gian hối hả, cố gắng nuôi gia đình mình và qua lại như con thoi giữa của cải và địa vị. Những điều mà con người quý trọng là gia đình, tiền bạc và danh vọng, và họ xem đây là những điều quý giá nhất trong đời. Tất cả mọi người đều phàn nàn về số phận của họ, nhưng họ vẫn cố lờ đi những vấn đề cấp bách nhất để xem xét và hiểu được: tại sao con người sống, con người nên sống như thế nào, giá trị và ý nghĩa của cuộc sống là gì. Họ dành cả cuộc đời mình, bất kể chúng có thể kéo dài được bao lâu, chỉ đơn thuần vội vã tìm kiếm danh vọng và của cải, cho đến khi tuổi trẻ của họ trôi qua và họ trở nên tóc bạc da nhăn. Họ sống theo cách này cho đến khi họ thấy rằng danh vọng và của cải không thể ngăn họ mau già, rằng tiền bạc không thể lấp đầy sự trống vắng của tâm hồn, rằng không ai được miễn trừ khỏi quy luật sinh, lão, bệnh và tử, rằng không ai có thể thoát khỏi số phận đã an bài. Chỉ khi họ buộc phải đương đầu với bước ngoặt cuối cùng của cuộc đời thì họ mới thực sự hiểu thấu được rằng ngay cả khi một người sở hữu một gia tài khổng lồ và khối tài sản to lớn, ngay cả khi một người có được đặc quyền và có địa vị cao, thì họ vẫn không thể thoát khỏi cái chết và phải trở về vị trí ban đầu của mình: một linh hồn cô độc, không có một thứ gì. Khi con người có cha mẹ, họ tin rằng cha mẹ của họ là tất cả; khi con người có tài sản, thì họ nghĩ rằng tiền là chỗ dựa chính của họ, đó chính là phương tiện sống của họ; khi con người có địa vị, họ bám chặt lấy nó và sẽ liều mạng vì nó. Chỉ khi con người sắp rời bỏ thế giới này thì họ mới nhận ra rằng những thứ mà họ đã dành cả đời để theo đuổi không là gì ngoài những bóng mây phù du, không điều gì trong số đó họ có thể nắm giữ, không điều gì trong số đó họ có thể mang theo, không điều gì trong số đó có thể miễn trừ họ khỏi sự chết, không điều gì trong số



đó có thể mang lại bạn đồng hành hoặc sự an ủi cho một linh hồn cô độc trong cuộc hành trình trở về; tệ nhất là, không điều gì trong số đó có thể cứu một người và giúp họ vượt qua cái chết. Danh vọng và của cải mà con người thu được trong thế giới vật chất mang lại sự thỏa mãn tạm thời, niềm vui thoáng qua, một cảm giác thoải mái giả tạo; trong khi đó, chúng khiến con người lạc lối. Và vì vậy, khi vùng vẫy trong biển người mênh mông, khao khát sự bình an, thoải mái và sự yên bình của tâm hồn, con người lại bị nhận chìm bởi hết đợt sóng này đến đợt sóng khác. Khi con người chưa tìm ra lời đáp cho những câu hỏi quan trọng nhất để hiểu được – họ đến từ đâu, tại sao họ còn sống, họ đang đi đâu, v.v. – thì họ bị danh vọng và của cải cám dỗ, bị chúng làm cho lạc lối, điều khiển và bị lạc mất đời đời. Thời gian trôi nhanh; nhiều năm trôi qua trong nháy mắt, và trước khi con người nhận ra điều đó, họ đã chia tay những năm tháng tốt đẹp nhất của cuộc đời mình. Khi con người sắp lìa xa thế giới, họ dần dần nhận ra rằng mọi vật trong thế giới đang trôi đi, rằng họ không thể nắm giữ những tài sản mà ban đầu là của họ nữa; sau đó họ thật sự cảm thấy rằng mình giống như một đứa trẻ sơ sinh đang khóc vừa mới chào đời, hoàn toàn không có một thứ gì. Vào thời điểm này, con người buộc phải suy ngẫm về những gì họ đã làm trong cuộc đời, giá trị của việc còn sống là gì, nó có ý nghĩa gì, tại sao con người đến thế giới này. Và chính vào thời điểm này mà con người càng muốn biết liệu thực sự có kiếp sau hay không, liệu Trời có thực sự tồn tại hay không, liệu thực sự có quả báo hay không... Con người càng đến gần cái chết, họ càng muốn hiểu cuộc đời thực sự có nghĩa là gì; con người càng đến gần cái chết, lòng họ dường như càng trống vắng; con người càng đến gần cái chết, họ càng cảm thấy bất lực; và vì thế, nỗi sợ hãi về cái chết của họ ngày càng tăng. Có hai lý do mà những cảm giác đó biểu lộ trong con người khi họ cận kề cái chết: Trước tiên, họ sắp mất đi danh vọng và của cải mà cuộc đời của họ đã phụ thuộc vào, sắp để lại phía sau tất cả những gì mất thấy trong thế giới; và thứ hai là, họ sắp phải đương đầu, hoàn toàn đơn độc, với một thế giới không quen biết, một cõi bí ẩn, xa lạ, nơi mà họ sợ đặt chân đến, nơi họ không có những người thân và không có phương tiện hỗ trợ gì. Vì hai lý do này, nên mọi người đối mặt với cái chết đều cảm thấy khó chịu, trải qua sự hoảng loạn và một cảm giác bất lực mà họ chưa từng cảm thấy như thế trước đây. Chỉ khi con người đã thực sự đến thời điểm này thì họ mới nhận ra rằng khi con người đặt chân lên trái đất này, thì điều đầu tiên họ phải hiểu là con người đến từ đâu, tại sao con người sống, ai quyết định số phận con người, ai chu cấp và có quyền tối thượng trên sự tồn tại của con người. Hiểu biết này là phương tiện sống thực sự của con người, là cơ sở thiết yếu cho sự sinh tồn của con người – chứ không phải là học cách để chu cấp cho gia đình hoặc làm thế nào để đạt được danh vọng và của cải, không phải là học cách nổi bật giữa đám đông, cũng không phải là học cách để sống một cuộc sống sung túc hơn, càng không phải là học cách để nổi trội và thắng được những người khác. Mặc dù những kỹ năng sinh tồn khác nhau mà con người dành cả đời để nắm vững có thể mang lại sự dư dật về tiện nghi vật chất, nhưng chúng không bao giờ mang lại sự bình an đích thực và sự an ủi cho tâm hồn của họ, mà thay vào đó, chúng khiến con người liên tục

mất phương hướng, khó kiểm soát bản thân, và bỏ lỡ mọi cơ hội để học về ý nghĩa của cuộc sống; những kỹ năng sinh tồn này tạo ra một cảm giác lo lắng ngấm ngấm về việc làm thế nào đối mặt với cái chết một cách thích hợp. Đời sống của con người bị hủy hoại theo cách này. Đấng Tạo Hóa đối xử công bằng với mọi người, ban cho mọi người những cơ hội có giá trị trọn đời để trải nghiệm và biết về quyền tối thượng của Ngài, thế nhưng, chỉ khi cái chết đến gần, khi bóng ma của nó lơ mờ xuất hiện, thì con người mới bắt đầu thấy được sự sáng – và khi đó thì đã quá muộn!

Con người dành cả cuộc đời theo đuổi tiền bạc và danh vọng; họ bám víu những thứ vô giá trị này, nghĩ rằng chúng là phương tiện hỗ trợ duy nhất của mình, như thể bằng cách có được chúng thì họ có thể tiếp tục sống, được miễn trừ khỏi cái chết. Nhưng chỉ khi họ sắp chết thì họ mới nhận ra những thứ này xa cách họ như thế nào, họ yếu đuối thế nào khi đối mặt với cái chết, họ dễ bị hủy hoại như thế nào, họ cô đơn và bất lực làm sao, không biết phải làm gì. Họ nhận ra rằng sự sống không thể được mua bằng tiền bạc hay danh vọng, rằng cho dù một người có thể giàu có đến đâu, cho dù địa vị của họ có cao quý đến đâu, thì tất cả đều nghèo khó và tầm thường như nhau khi đối diện với cái chết. Họ nhận ra rằng tiền bạc không thể mua sự sống, rằng danh vọng không thể xóa bỏ cái chết, rằng cả tiền bạc và danh vọng đều không thể kéo dài sự sống của một người dù chỉ một phút, một giây. Con người càng cảm nhận cách này, họ càng khao khát được tiếp tục sống; con người càng cảm nhận cách này, họ càng sợ cái chết đến gần. Chỉ vào thời điểm này con người mới thực sự nhận ra rằng cuộc sống của họ không thuộc về họ, không phải của họ để kiểm soát, và rằng con người không thể quyết định việc họ sống hay chết – tất cả những điều này nằm ngoài tầm kiểm soát của con người.

#### **4) Tuân phục sự thống trị của Đấng Tạo Hóa và bình tĩnh đối diện cái chết**

Vào thời điểm con người được sinh ra, một linh hồn đơn độc bắt đầu trải nghiệm về cuộc sống trên đất, trải nghiệm về thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa, điều mà Đấng Tạo Hóa đã an bài cho nó. Không cần phải nói, đối với con người – linh hồn – thì đây là một cơ hội tuyệt vời để có được sự hiểu biết về quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa, để bắt đầu biết đến thẩm quyền của Ngài và đích thân trải nghiệm nó. Con người sống theo những quy luật số phận do Đấng Tạo Hóa đã đặt ra cho họ, và đối với bất kỳ người nào có lý trí với lương tâm, trong những thập kỷ của cuộc đời họ, chịu chấp nhận quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa và bắt đầu biết đến thẩm quyền của Ngài thì không phải là một việc khó khăn. Do đó, rất dễ để cho mọi người nhận ra, qua kinh nghiệm sống của chính họ trong vài thập kỷ, rằng tất cả số phận của con người đều được định trước, và thật dễ dàng để hiểu được hoặc đúc kết lại việc còn sống có ý nghĩa gì. Khi nắm được những bài học cuộc đời này, con người sẽ dần dần bắt đầu hiểu được sự sống đến từ đâu, nắm bắt được điều tâm hồn thực sự cần là gì, điều gì sẽ dẫn dắt họ đến với đường đời đích thực, sứ mệnh và mục tiêu của một đời sống con người phải là gì. Con người sẽ dần nhận ra rằng nếu họ không thờ phượng Đấng Tạo Hóa, nếu họ không tuân phục

sự thống trị của Ngài, thì khi đến lúc phải đối diện với cái chết – khi linh hồn của họ sắp phải đối mặt với Đấng Tạo Hóa một lần nữa – lòng họ sẽ tràn ngập nỗi sợ hãi và sự xáo trộn vô biên. Nếu một người đã ở trong thế gian vài thập kỷ mà chưa hiểu được sự sống con người đến từ đâu hoặc không nhận ra số phận con người nằm trong tay ai, thì không có gì ngạc nhiên rằng họ sẽ không thể bình tĩnh đối diện với cái chết. Một người, trong những thập kỷ trải nghiệm về đời sống con người của họ, đã có được sự hiểu biết về quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa là người có đánh giá đúng về ý nghĩa và giá trị của cuộc sống. Một người như thế có một kiến thức sâu sắc về mục đích cuộc đời, có kinh nghiệm và sự hiểu biết thực sự về quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa, và ngoài điều đó ra, có thể đầu phục thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa. Một người như thế hiểu được ý nghĩa của việc tạo ra loài người của Đức Chúa Trời, hiểu rằng con người nên thờ phượng Đấng Tạo Hóa, rằng mọi thứ con người sở hữu đều đến từ Đấng Tạo Hóa và sẽ trở về với Ngài một ngày không xa trong tương lai. Loại người này hiểu rằng Đấng Tạo Hóa an bài sự ra đời của con người và có quyền tối thượng trên sự chết của con người, và rằng cả sinh lẫn tử đều được định trước bởi thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa. Vì vậy, khi con người thực sự nắm bắt được những điều này, họ sẽ tự nhiên có thể bình tĩnh đối diện cái chết, bình tĩnh đặt tất cả những của cải thế gian của mình sang một bên, vui vẻ chấp nhận và đầu phục tất cả những gì tiếp theo, và đón chào bước ngoặt cuộc đời cuối cùng, như nó đã được an bài bởi Đấng Tạo Hóa, thay vì mù quáng sợ hãi nó và đấu tranh chống lại nó. Nếu con người coi cuộc sống như là một cơ hội để trải nghiệm quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa và bắt đầu biết đến thẩm quyền của Ngài, nếu họ xem cuộc đời mình là một cơ hội hiếm có để thực hiện bổn phận của mình như một con người được thọ tạo và để hoàn thành sứ mệnh của mình, thì họ chắc chắn sẽ có một quan điểm đúng về cuộc đời, chắc chắn sẽ sống một cuộc sống được ban phước và dẫn dắt bởi Đấng Tạo Hóa, chắc chắn sẽ bước đi trong sự sáng của Đấng Tạo Hóa, chắc chắn sẽ biết quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa, chắc chắn sẽ tuân theo sự thống trị của Ngài và chắc chắn trở thành một chứng nhân cho những việc làm kỳ diệu của Ngài, một chứng nhân cho thẩm quyền của Ngài. Không cần phải nói, một người như thế chắc chắn sẽ được Đấng Tạo Hóa yêu thương và chấp nhận, và chỉ có người như thế mới có thể giữ thái độ bình tĩnh đối với cái chết và vui vẻ đón chào bước ngoặt cuối cùng của cuộc đời. Một người rõ ràng có loại thái độ này đối với cái chết là Gióp. Gióp đã ở trong tư thế chấp nhận bước ngoặt cuối cùng của cuộc đời một cách vui vẻ, và sau khi kết thúc hành trình cuộc đời của mình một cách suôn sẻ và hoàn thành sứ mệnh của mình trong đời, ông đã trở về bên cạnh Đấng Tạo Hóa.

### **5) Sự theo đuổi và gặt hái được trong đời sống của Gióp cho phép ông bình tĩnh đối diện với cái chết**

Kinh Thánh có chép về Gióp: “Rồi Gióp qua đời tuổi cao tác lớn” (Gióp 42:17). Điều này có nghĩa là khi Gióp qua đời, ông đã không hối tiếc và không cảm thấy đau đớn, mà rời khỏi thế giới này một cách tự nhiên. Như mọi người đều biết, Gióp là một người kính

sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác khi ông còn sống. Những việc làm của ông được Đức Chúa Trời khen ngợi và được những người khác nhớ đến, và có thể nói cuộc đời ông có giá trị và ý nghĩa hơn tất cả những người khác. Gióp đã vui hưởng những phước lành của Đức Chúa Trời và được Ngài gọi là người công chính trên đất, và ông cũng bị Đức Chúa Trời thử và bị thử luyện bởi Sa-tan. Ông đứng ra làm chứng cho Đức Chúa Trời và xứng đáng được Ngài gọi là một con người công chính. Trong những thập kỷ sau khi ông được Đức Chúa Trời thử, ông đã sống một cuộc đời thậm chí còn có giá trị, ý nghĩa, có nền tảng vững chắc, và bình an hơn trước. Bởi những việc làm công chính của ông, nên Đức Chúa Trời đã thử ông, và cũng bởi vì những việc làm công chính của ông, mà Đức Chúa Trời đã xuất hiện trước ông và phán trực tiếp với ông. Vì vậy, trong những năm sau khi ông bị thử luyện, Gióp đã hiểu và cảm kích giá trị đời sống một cách cụ thể hơn, đạt được sự hiểu biết sâu sắc hơn về quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa, và có được một kiến thức chính xác và chắc chắn hơn về việc Đấng Tạo Hóa ban cho và lấy lại các phước lành của Ngài như thế nào. Sách Gióp có ghi chép lại rằng Giê-hô-va Đức Chúa Trời thậm chí còn ban cho Gióp những phước lành lớn lao hơn Ngài đã làm trước đây, đặt Gióp vào một vị trí thậm chí còn tốt hơn để biết được quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa và bình tĩnh đối diện với cái chết. Vì thế, khi ông về già và đối diện cái chết, Gióp chắc chắn sẽ không lo lắng về tài sản của mình. Ông không lo lắng, không có gì để hối tiếc, và tất nhiên là không hề sợ chết, bởi ông đã dành trọn đời mình đi theo đường lối kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Ông không có lý do gì để lo lắng về kết cục của chính mình. Có bao nhiêu người ngày nay có thể hành động theo tất cả các cách mà Gióp đã làm khi đối mặt với cái chết của chính mình? Tại sao không ai có khả năng duy trì một thái độ bề ngoài đơn giản như thế? Chỉ có một lý do duy nhất: Gióp đã sống cuộc đời trong sự theo đuổi chủ quan về niềm tin, sự nhận biết, và sự đầu phục quyền tối thượng của Đức Chúa Trời, và chính với niềm tin, sự nhận biết, và sự đầu phục này mà ông đã vượt qua những bước ngoặt quan trọng trong đời, sống trọn những năm cuối đời và chào đón bước ngoặt cuối cùng của cuộc đời mình. Bất kể những gì Gióp đã trải qua, những sự theo đuổi và mục tiêu của ông trong đời không đau đớn mà là vui sướng. Ông vui không chỉ bởi những phước lành hay lời khen do Đấng Tạo Hóa ban cho, mà quan trọng hơn thế, bởi những sự theo đuổi và mục tiêu sống của ông, bởi kiến thức gia tăng và hiểu biết thật sự về quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa mà ông đã đạt được thông qua việc kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác, và hơn thế nữa, bởi kinh nghiệm cá nhân của ông, như là một đối tượng của quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa, về những việc làm diệu kỳ của Đức Chúa Trời, và những kinh nghiệm và kỷ ức dịu dàng nhưng khó quên về việc cùng tồn tại, kết giao và hiểu biết lẫn nhau giữa con người và Đức Chúa Trời. Gióp vui sướng bởi vì sự an ủi và niềm vui đến từ việc biết được ý muốn của Đấng Tạo Hóa, và bởi sự tôn kính nảy sinh sau khi thấy rằng Ngài vĩ đại, tuyệt diệu, đáng mến và thành tín. Gióp có thể đối mặt với cái chết mà không hề đau khổ vì ông biết rằng, khi chết, ông sẽ trở về bên cạnh Đấng Tạo Hóa. Chính những sự theo đuổi và gặt hái được của ông trong cuộc đời đã cho phép

ông bình tĩnh đối mặt cái chết, cho phép ông bình tĩnh đối mặt với viễn cảnh Đấng Tạo Hóa lấy lại mạng sống mình, và hơn thế nữa, cho phép ông không vết nhơ và không lo lắng trước Đấng Tạo Hóa. Con người ngày nay có thể đạt được loại vui sướng như Gióp từng có không? Các người có các điều kiện cần thiết để làm như vậy không? Vì con người ngày nay có những điều kiện này, tại sao họ không thể sống vui vẻ như Gióp? Tại sao họ lại không thể thoát khỏi đau khổ về nỗi sợ chết? Khi đối mặt cái chết, một vài người đi tiểu không kiểm soát được; số khác thì run rẩy, ngất xỉu, chửi rủa Trời cũng như con người; một số thậm chí còn than van và khóc lóc. Đây không phải là những phản ứng tự nhiên bất ngờ xảy ra khi cái chết đến gần. Con người hành xử theo những cách lúng túng này chính vì, sâu thẳm trong lòng họ, họ sợ chết, bởi vì họ không có một sự hiểu biết rõ ràng và cảm kích về quyền tối thượng của Đức Chúa Trời và những sự an bài của Ngài, càng không thực sự tuân phục chúng. Con người phản ứng theo cách này bởi vì họ không muốn gì ngoài việc tự mình sắp đặt và điều khiển mọi thứ, kiểm soát số phận, sự sống và sự chết của chính mình. Do đó, không có gì ngạc nhiên rằng con người không bao giờ có thể thoát khỏi nỗi sợ chết.

#### **6) Chỉ bằng cách chấp nhận quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa thì con người mới có thể trở về bên cạnh Ngài**

Khi con người không có sự hiểu biết rõ ràng và trải nghiệm về quyền tối thượng của Đức Chúa Trời và về sự an bài của Ngài, thì sự hiểu biết của họ về số phận và cái chết chắc chắn sẽ không tỏ tường. Con người không thể thấy rõ rằng mọi thứ đều nằm trong tay của Đức Chúa Trời, không nhận ra rằng mọi thứ đều chịu sự điều khiển và quyền tối thượng của Đức Chúa Trời, không thừa nhận rằng con người không thể gạt bỏ hoặc thoát khỏi quyền tối thượng như thế. Vì lý do này, khi đến thời điểm đối mặt cái chết, họ không ngừng nói những lời cuối cùng, lo lắng và hối tiếc. Họ bị đè nặng bởi rất nhiều chất chứa, rất nhiều do dự, rất nhiều bối rối. Điều này khiến họ sợ chết. Bởi bất kỳ người nào được sinh ra trong thế giới này, sự ra đời là cần thiết và cái chết là không thể tránh khỏi; không ai có thể vượt lên trên tiến trình này. Nếu con người mong muốn rời khỏi thế giới này một cách không đau đớn, nếu con người muốn có thể đối mặt với bước ngoặt cuối cùng của cuộc đời mà không có sự do dự hay lo lắng, thì cách duy nhất là đừng để phải hối tiếc. Và cách duy nhất để ra đi không hối tiếc là biết đến quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa, biết đến thẩm quyền của Ngài, và tuân phục chúng. Chỉ bằng cách này con người mới có thể tránh xa xung đột của con người, xa sự xấu xa, xa sự trói buộc của Sa-tan, và chỉ bằng cách này con người mới có thể sống một đời sống như của Gióp, được dẫn dắt và ban phước bởi Đấng Tạo Hóa, một đời sống tự do và được giải phóng, một đời sống có giá trị và ý nghĩa, một đời sống trung thực và cởi mở. Chỉ bằng cách này con người mới có thể, giống như Gióp, đầu phục những sự thử luyện và thu hồi của Đấng Tạo Hóa, những sự bố trí và an bài của Đấng Tạo Hóa. Chỉ bằng cách này con người mới có thể thờ phượng Đấng Tạo Hóa suốt đời mình, giành được sự khen ngợi của Ngài, như Gióp đã làm, và nghe thấy tiếng phán của Ngài, thấy Ngài

xuất hiện. Chỉ bằng cách này thì con người mới có thể sống và chết một cách vui vẻ, giống như Gióp, không có đau đớn, không lo lắng, không hối tiếc. Chỉ bằng cách này thì con người mới có thể sống trong sự sáng, giống như Gióp, và vượt qua mọi bước ngoặt cuộc đời trong sự sáng, hoàn thành hành trình của mình trong sự sáng một cách trôi chảy, hoàn thành sứ mệnh của mình một cách thành công – để, như một vật thợ tạo, trải nghiệm, học hỏi, và biết đến quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa – và qua đời trong sự sáng, và mãi về sau đứng bên Đấng Tạo Hóa như một con người được thợ tạo, được Ngài khen ngợi.

## **Đừng bỏ lỡ cơ hội để biết đến quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa**

Sáu bước ngoặt đã được mô tả ở trên là những giai đoạn quan trọng do Đấng Tạo Hóa tạo ra, mà mỗi người bình thường phải trải qua trong đời mình. Từ góc độ con người, mỗi bước ngoặt trong số đó đều có thực, không bước ngoặt nào có thể né tránh được và tất cả đều có liên quan đến sự định trước và quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa. Vì vậy, đối với con người, mỗi bước ngoặt này là một trạm kiểm soát quan trọng, và bây giờ tất cả các người đều phải đối mặt với câu hỏi nghiêm túc là làm thế nào để vượt qua từng trạm một cách thành công.

Vài thập kỷ hình thành một đời người thì không dài cũng không ngắn. Hơn hai mươi năm từ khi ra đời đến khi trưởng thành trôi qua trong nháy mắt, và mặc dù tại thời điểm này trong đời, một người được xem là người lớn, nhưng mọi người trong độ tuổi này hầu như không biết gì về đời người và số phận con người. Khi họ có nhiều kinh nghiệm hơn, họ bước dần vào tuổi trung niên. Con người ở độ tuổi ba mươi và bốn mươi có được trải nghiệm non trẻ về cuộc đời và số phận, nhưng ý niệm của họ về những điều này vẫn còn rất mơ hồ. Chỉ khi đến tuổi bốn mươi thì một số người mới bắt đầu hiểu về nhân loại và vũ trụ, những điều được Đức Chúa Trời tạo nên, và nắm bắt được ý nghĩa đời người tất cả là gì, số phận con người tất cả là gì. Một số người, mặc dù họ đã là tín đồ theo Đức Chúa Trời từ lâu và giờ đã ở tuổi trung niên, mà vẫn không thể có được một sự hiểu biết và định nghĩa chính xác về quyền tối thượng của Đức Chúa Trời, càng không có sự đầu phục thực sự. Một số người không quan tâm đến điều gì khác ngoài việc tìm cách nhận được những phước lành, và mặc dù họ đã sống nhiều năm, nhưng họ không biết hoặc không hiểu chút gì về thực tế quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa trên số phận con người, và thậm chí không hề bước vào bài học sự thật về việc đầu phục sự bố trí và an bài của Đức Chúa Trời. Những người như thế hoàn toàn ngu ngốc và họ sống một cuộc đời vô nghĩa.

Nếu các giai đoạn trong đời người được phân chia theo mức độ kinh nghiệm sống và sự hiểu biết của họ về số phận con người, thì có thể tạm chia chúng thành ba giai đoạn. Giai đoạn đầu tiên là tuổi trẻ, đó là những năm từ khi ra đời đến tuổi trung niên, hoặc từ khi ra đời đến ba mươi tuổi. Giai đoạn thứ hai là trưởng thành, từ tuổi trung niên đến tuổi lão niên, hoặc từ ba mươi đến sáu mươi tuổi. Và giai đoạn thứ ba là giai đoạn chín chắn của con người, kéo dài từ khi bắt đầu tuổi lão niên, bắt đầu ở tuổi sáu mươi,

đến khi con người lìa xa thế giới. Nói cách khác, từ khi ra đời đến tuổi trung niên, phần lớn sự hiểu biết của con người về số phận và cuộc đời bị giới hạn trong việc bắt chước ý niệm của người khác, và hầu như không có thực chất thực sự và không thực tế. Trong giai đoạn này, quan điểm sống của con người và cách con người bước đi trong thế giới hoàn toàn hời hợt và ngây thơ. Đây là giai đoạn vị thành niên của con người. Chỉ sau khi con người đã nếm trải tất cả vui buồn trong cuộc sống thì họ mới có được một sự hiểu biết thực sự về số phận, và – trong tiềm thức, tận sâu thẳm trong lòng – dần dần bắt đầu hiểu rõ sự không thể đảo ngược của số phận, và từ từ nhận ra rằng quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa trên số phận con người thực sự tồn tại. Đây là giai đoạn trưởng thành của con người. Một người bước vào giai đoạn trưởng thành khi họ ngừng đấu tranh chống lại số phận, và khi họ không còn muốn bị lôi kéo vào những tranh chấp mà thay vào đó, biết số phận của đời mình, đầu phục ý Trời, đúc kết những thành tựu và lỗi lầm của mình trong đời và chờ đợi sự phán xét của Đấng Tạo Hóa trên cuộc đời của mình. Xét về những kinh nghiệm và thành tựu khác nhau mà con người đạt được trong ba giai đoạn này, trong những hoàn cảnh bình thường, thì cánh cửa cơ hội của con người để biết đến quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa không rộng lắm. Nếu con người sống đến sáu mươi tuổi, thì họ chỉ có khoảng ba mươi năm để biết về quyền tối thượng của Đức Chúa Trời; nếu con người muốn có một khoảng thời gian dài hơn, thì điều đó chỉ có thể nếu cuộc đời con người đủ dài, nếu con người có thể sống đến một thế kỷ. Vì vậy Ta phán rằng, theo những quy luật thông thường về sự tồn tại của con người, mặc dù đó là một tiến trình rất dài từ khi con người lần đầu gặp phải chủ đề biết về quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa cho đến thời điểm họ có thể nhận ra sự thật về quyền tối thượng đó, và từ đó cho đến thời điểm họ có thể đầu phục nó, nếu họ thực sự đếm số năm, thì có không quá ba mươi hoặc bốn mươi năm trong đó con người có cơ hội có được những sự ban thưởng này. Và thông thường, con người bị cuốn theo bởi những khao khát và tham vọng của họ để nhận được các phước lành, vì thế họ không thể nhận biết thực chất đời sống con người nằm ở đâu và không nắm bắt được tầm quan trọng của việc biết đến quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa. Những người như thế không trân trọng cơ hội quý giá này để bước vào thế giới loài người nhằm trải nghiệm đời sống con người và quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa, và họ không nhận ra việc một vật thọ tạo nhận được sự dẫn dắt của đích thân Đấng Tạo Hóa thì quý giá như thế nào. Vì vậy Ta phán rằng, những ai muốn công tác của Đức Chúa Trời kết thúc nhanh chóng, những ai mong muốn Đức Chúa Trời sẽ sắp đặt kết cục của con người càng sớm càng tốt để họ có thể ngay lập tức thấy được con người thật của Ngài và có được các phước lành càng sớm càng tốt – thì họ phạm tội nặng nhất trong tội bất tuân và họ cực kỳ ngu ngốc. Trong khi đó, những người khôn trong nhân loại, những người có trí tuệ cao nhất, là những người, trong thời gian giới hạn của họ, khao khát nắm bắt cơ hội độc nhất này để biết được quyền tối thượng của Đấng Tạo Hóa. Hai mong muốn khác nhau này bộc lộ hai quan điểm và sự theo đuổi vô cùng khác nhau: Những ai tìm kiếm các phước lành thì ích kỷ, hèn hạ và không quan tâm gì đến ý muốn của Đức Chúa Trời,

không bao giờ mưu cầu để biết đến quyền tối thượng của Đức Chúa Trời, không bao giờ mong muốn đầu phục nó, mà chỉ muốn sống theo ý của mình. Họ là những kẻ suy thoái thờ ơ, và chính loại người này sẽ bị hủy diệt. Những ai mưu cầu biết đến Đức Chúa Trời thì có thể gạt những ước muốn của họ sang một bên, sẵn sàng đầu phục quyền tối thượng và sự an bài của Đức Chúa Trời, và họ cố gắng để trở thành loại người đầu phục thẩm quyền của Đức Chúa Trời và làm vui lòng Đức Chúa Trời. Những người như thế sống trong sự sáng và giữa các phước lành của Đức Chúa Trời, và họ chắc chắn sẽ được Đức Chúa Trời khen ngợi. Dù gì đi nữa, sự lựa chọn của con người là vô ích, và con người không thể quyết định việc công tác của Đức Chúa Trời sẽ mất bao lâu. Tốt hơn là con người nên đặt mình trong sự bố trí của Đức Chúa Trời và đầu phục quyền tối thượng của Ngài. Nếu người không đặt mình trong sự bố trí của Ngài, thì người có thể làm được gì? Kết quả là Đức Chúa Trời có chịu bất kỳ tổn thất nào không? Nếu người không đặt mình trong sự bố trí của Ngài, mà thay vào đó lại cố gắng tự mình gánh vác, thì người đang có một sự lựa chọn ngu ngốc, và cuối cùng thì người sẽ trở thành người duy nhất chịu tổn thất. Chỉ khi con người hợp tác với Đức Chúa Trời càng sớm càng tốt, chỉ khi họ nhanh chóng chấp nhận sự bố trí của Ngài, biết thẩm quyền của Ngài, và hiểu được tất cả những gì Ngài đã làm cho họ, thì họ mới có hy vọng. Chỉ bằng cách này thì cuộc sống của họ mới không vô ích và họ sẽ có được sự cứu rỗi.

### **Không ai có thể thay đổi sự thật rằng Đức Chúa Trời nắm giữ quyền tối thượng trên số phận con người**

Sau khi nghe tất cả những gì Ta vừa phán, quan điểm của các người về số phận đã thay đổi chưa? Các người hiểu thế nào về sự thật quyền tối thượng của Đức Chúa Trời trên số phận con người? Nói rõ ràng hơn, dưới thẩm quyền của Đức Chúa Trời, mọi người chủ động hoặc thụ động chấp nhận quyền tối thượng và sự an bài của Ngài, và cho dù con người tranh đấu như thế nào trong cuộc đời mình, cho dù con người có đi bao nhiêu con đường quanh co, thì cuối cùng họ sẽ quay về với quỹ đạo số phận mà Đấng Tạo Hóa đã vạch ra cho họ. Đây là tính không thể vượt qua được trong thẩm quyền của Đấng Tạo Hóa và cách thức mà thẩm quyền của Ngài kiểm soát và cai quản vũ trụ. Chính tính không thể vượt qua được này, hình thức kiểm soát và cai quản này, chịu trách nhiệm về các quy luật điều khiển cuộc sống của muôn vật, cho phép con người tái sinh nhiều lần mà không có trở ngại gì, khiến thế giới xoay chuyển một cách đều đặn và tiến lên, ngày này qua ngày khác, năm này qua năm khác. Các người đã chứng kiến tất cả những thực tế này và các người hiểu chúng, dù nông cạn hay sâu sắc, thì chiều sâu sự hiểu biết của các người phụ thuộc vào kinh nghiệm và kiến thức về lẽ thật của các người, và vào sự hiểu biết của các người về Đức Chúa Trời. Người biết về thực tế của lẽ thật rõ đến đâu, người đã trải nghiệm lời Đức Chúa Trời được bao nhiêu, người biết về thực chất và tâm tính của Đức Chúa Trời rõ đến đâu – tất cả những điều này thể hiện chiều sâu sự hiểu biết của người về quyền tối thượng và sự an bài của Đức Chúa Trời. Có phải sự tồn tại của quyền tối thượng và sự an bài của Đức Chúa



Trời phụ thuộc vào việc con người đầu phục chúng không? Có phải thực tế mà Đức Chúa Trời sở hữu thẩm quyền này được quyết định bởi việc loài người đầu phục nó không? Thẩm quyền của Đức Chúa Trời tồn tại bất chấp hoàn cảnh. Trong mọi tình huống, Đức Chúa Trời điều khiển và an bài mọi số phận con người và muôn vật phù hợp với ý định và ý muốn của Ngài. Điều này sẽ không thay đổi bởi sự thay đổi của con người; nó không phụ thuộc vào ý muốn của con người, không thể bị thay đổi bởi bất kỳ sự thay đổi về thời gian, không gian, và địa lý, vì thẩm quyền của Đức Chúa Trời chính là thực chất của Ngài. Cho dù con người có thể biết và chấp nhận quyền tối thượng của Đức Chúa Trời hay không và cho dù con người có thể đầu phục nó hay không – thì cả hai sự xem xét này đều không thay đổi được chút gì về thực tế quyền tối thượng của Đức Chúa Trời trên số phận con người. Điều đó có nghĩa là, cho dù con người có thái độ thế nào đối với quyền tối thượng của Đức Chúa Trời, thì hoàn toàn không thể thay đổi được sự thật là Đức Chúa Trời nắm giữ quyền tối thượng trên số phận con người và trên muôn vật. Ngay cả khi người không đầu phục quyền tối thượng của Đức Chúa Trời, thì Ngài vẫn điều khiển số phận của người; ngay cả khi người không thể biết về quyền tối thượng của Ngài, thì thẩm quyền của Ngài vẫn tồn tại. Thẩm quyền của Đức Chúa Trời và sự thật về quyền tối thượng của Đức Chúa Trời trên số phận con người không phụ thuộc vào ý muốn của con người, và không thay đổi theo sở thích và sự lựa chọn của con người. Thẩm quyền của Đức Chúa Trời ở khắp mọi nơi, mọi giờ, mọi lúc. Trời và đất sẽ sụp đổ, nhưng thẩm quyền của Ngài sẽ không bao giờ mất đi, bởi Ngài là chính Đức Chúa Trời, Ngài sở hữu thẩm quyền độc nhất, và thẩm quyền của Ngài không bị hạn chế hoặc giới hạn bởi con người, sự vật, hay sự việc, bởi không gian hay địa lý. Bất cứ lúc nào, Đức Chúa Trời cũng thực thi thẩm quyền của Ngài, thể hiện quyền năng của Ngài, tiếp tục công tác quản lý của Ngài như Ngài luôn luôn có; bất cứ lúc nào, Ngài cũng cai trị muôn vật, chu cấp cho muôn vật, bố trí cho muôn vật – như Ngài luôn luôn có. Không ai có thể thay đổi điều này. Đó là sự thật; đó đã là lẽ thật không thay đổi từ ngàn xưa!

### **Thái độ và sự thực hành đúng đắn cho người mong muốn đầu phục thẩm quyền của Đức Chúa Trời**

Giờ đây con người nên biết và nhìn nhận về thẩm quyền của Đức Chúa Trời và sự thật về quyền tối thượng của Đức Chúa Trời trên số phận con người với thái độ như thế nào? Đây là một vấn đề thực tế mà mỗi người đang đối diện. Khi đương đầu với những vấn đề trong đời thực, thì người nên biết và hiểu về thẩm quyền của Đức Chúa Trời và quyền tối thượng của Ngài như thế nào? Khi người phải đối mặt với những vấn đề này và không biết cách để hiểu, xử lý, và trải nghiệm chúng, thì người nên có thái độ nào để thể hiện ý định đầu phục, ước muốn đầu phục, và hiện thực về sự đầu phục của người đối với quyền tối thượng và sự an bài của Đức Chúa Trời? Trước hết, người phải học cách chờ đợi; sau đó người phải học cách mưu cầu; rồi người phải học cách đầu phục. “Chờ đợi” có nghĩa là chờ thời điểm của Đức Chúa Trời, chờ đợi những con người, sự

vật và sự việc mà Ngài đã sắp đặt cho người, chờ đợi ý muốn của Ngài dần dần tỏ lộ chính nó cho người. “Mưu cầu” có nghĩa là quan sát và hiểu được ý định sâu sắc của Đức Chúa Trời đối với người qua những con người, sự vật và sự việc mà Ngài đã sắp đặt, hiểu lẽ thật qua chúng, hiểu những gì con người phải hoàn thành và những cách họ phải làm theo, hiểu kết quả nào Đức Chúa Trời muốn đạt được trong loài người và thành tựu nào Ngài muốn có được trong họ. Tất nhiên “Đầu phục” nói đến việc chấp nhận những con người, sự vật và sự việc mà Đức Chúa Trời đã bố trí, chấp nhận quyền tối thượng của Ngài và, qua đó, bắt đầu biết đến Đấng Tạo Hóa điều khiển số phận con người như thế nào, Ngài ban cho con người đời sống của Ngài như thế nào, Ngài làm công tác của lẽ thật trong con người như thế nào. Muôn vật dưới sự an bài và quyền tối thượng của Đức Chúa Trời tuân theo các quy luật tự nhiên, và nếu người quyết tâm để Đức Chúa Trời an bài và điều khiển mọi thứ cho người, thì người nên học chờ đợi, người nên học mưu cầu và người nên học đầu phục. Đây là thái độ mà mỗi người muốn đầu phục Đức Chúa Trời phải có, là phẩm chất cơ bản mà mỗi người muốn chấp nhận quyền tối thượng của Đức Chúa Trời và sự an bài của Ngài cần phải có. Để giữ thái độ như vậy, để có phẩm chất như vậy thì người phải làm việc chăm chỉ hơn. Đây là cách duy nhất mà người có thể bước vào hiện thực thật sự.

### **Chấp nhận Đức Chúa Trời là Đấng Chủ Tể độc nhất của người là bước đầu tiên trong việc đạt được sự cứu rỗi**

Những lẽ thật liên quan đến thẩm quyền của Đức Chúa Trời là những lẽ thật mà mọi người phải xem trọng, phải trải nghiệm và hiểu bằng tấm lòng mình; bởi những lẽ thật này có liên quan đến đời sống của mỗi người; đến quá khứ, hiện tại và tương lai của mỗi người; đến những bước ngoặt quan trọng mà mỗi người đều phải trải qua trong đời, đến sự hiểu biết của con người về quyền tối thượng của Đức Chúa Trời và thái độ con người nên có khi đối mặt với thẩm quyền của Đức Chúa Trời; và đương nhiên, đến đích đến cuối cùng của mỗi người. Vì vậy, cần phải tốn nghị lực cả đời để biết và hiểu chúng. Khi người đối diện trực tiếp với thẩm quyền của Đức Chúa Trời, khi người chấp nhận quyền tối thượng của Ngài, thì người sẽ dần dần nhận ra và hiểu được sự thật về sự tồn tại thẩm quyền của Đức Chúa Trời. Nhưng nếu người không bao giờ nhận ra thẩm quyền của Đức Chúa Trời và không bao giờ chấp nhận quyền tối thượng của Ngài, thì cho dù người có sống bao nhiêu năm, người sẽ không đạt được chút hiểu biết nào về quyền tối thượng của Đức Chúa Trời. Nếu người không thực sự biết và hiểu thẩm quyền của Đức Chúa Trời, khi người đến cuối con đường, cho dù người đã tin Đức Chúa Trời trong nhiều thập kỷ, thì người cũng sẽ không có gì để thể hiện về cuộc đời mình, và đương nhiên người sẽ không có chút hiểu biết nào về quyền tối thượng của Đức Chúa Trời trên số phận con người. Chẳng phải đây là điều rất buồn sao? Vì vậy, cho dù người đã đi được bao xa trong đời, cho dù bây giờ người bao nhiêu tuổi, cho dù hành trình còn lại của người có thể dài bao nhiêu, thì trước tiên người phải nhận ra thẩm quyền của Đức Chúa Trời, xem trọng nó, và chấp nhận sự thật rằng Đức Chúa Trời là Đấng

Chủ Tể độc nhất của người. Việc đạt được sự hiểu biết rõ ràng, chính xác và hiểu về những lẽ thật liên quan đến quyền tối thượng của Đức Chúa Trời trên số phận con người là một bài học bắt buộc cho mọi người; nó là chìa khóa cho việc biết về số phận con người và có được lẽ thật. Đó là một đời sống biết đến Đức Chúa Trời, khóa học cơ bản của nó mà mọi người phải đối mặt mỗi ngày, điều mà không ai có thể trốn tránh. Nếu một ai đó mong muốn đi đường tắt để đạt mục tiêu này, thì bây giờ Ta phán với người, điều đó không thể được! Nếu người muốn thoát khỏi quyền tối thượng của Đức Chúa Trời, thì điều đó thậm chí còn ít khả năng hơn! Đức Chúa Trời là Chúa duy nhất của con người, Đức Chúa Trời là Đấng Chủ Tể duy nhất của số phận con người, và vì thế con người không thể điều khiển số phận của chính mình, không thể bước ra khỏi nó. Cho dù khả năng của con người có kiệt xuất đến mấy, thì con người cũng không thể ảnh hưởng – càng không thể bố trí, an bài, kiểm soát, hoặc thay đổi – số phận của những người khác. Chỉ có chính Đức Chúa Trời, Đấng độc nhất điều khiển muôn vật cho con người. Bởi chỉ có chính Đức Chúa Trời, Đấng độc nhất, mới có thẩm quyền độc nhất nắm giữ quyền tối thượng trên số phận con người, chỉ có Đấng Tạo Hóa là Đấng Chủ Tể độc nhất của con người. Thẩm quyền của Đức Chúa Trời nắm giữ quyền tối thượng không chỉ trên loài người được thọ tạo, mà còn trên những vật không được thọ tạo không ai có thể thấy được, trên các vì sao, trên vũ trụ. Đây là một sự thật không thể tranh cãi, một sự thật thực sự tồn tại, điều mà không con người hay sự vật nào có thể thay đổi được. Nếu một trong số các người vẫn không hài lòng với những thứ trong tình trạng hiện tại của chúng, tin rằng người có một vài kỹ năng hoặc khả năng đặc biệt, và vẫn nghĩ rằng bằng một chút may mắn người có thể thay đổi hoàn cảnh hiện tại của mình hoặc thoát khỏi chúng; nếu người cố gắng thay đổi số phận của chính mình bằng nỗ lực con người, và qua đó tự đề cao mình hơn các anh chị em mình, dành được danh tiếng và của cải; thì Ta phán với người rằng, người đang tự làm khó mình, người chỉ muốn rắc rối, người đang đào huyệt cho chính mình! Một ngày nào đó, không sớm thì muộn, người sẽ phát hiện ra mình đã có những lựa chọn sai lầm và đã lãng phí công sức của mình. Tham vọng, ham muốn của người để chống lại số phận, và cách hành xử trọng tội của chính người sẽ dẫn người xuống con đường một đi không trở lại, và vì điều này mà người sẽ trả một cái giá cay đắng. Mặc dù hiện tại người không thấy mức độ nghiêm trọng của hậu quả, nhưng khi người tiếp tục trải nghiệm và nhận thức một cách sâu sắc hơn lẽ thật rằng Đức Chúa Trời là Đấng Chủ Tể của số phận con người, thì từ từ người sẽ bắt đầu nhận ra những gì Ta phán ngày hôm nay và những hàm ý thực sự của nó. Việc người thực sự có tâm hồn và linh hồn hay không và việc người có là một người yêu lẽ thật hay không phụ thuộc vào thái độ của người đối với quyền tối thượng của Đức Chúa Trời và đối với lẽ thật. Đương nhiên, điều này quyết định liệu người có thể thực sự biết và hiểu thẩm quyền của Đức Chúa Trời hay không. Nếu trong cuộc đời mình, người chưa bao giờ cảm nhận được quyền tối thượng của Đức Chúa Trời và sự an bài của Ngài, càng chưa nhận ra và chấp nhận thẩm quyền của Đức Chúa Trời, thì người sẽ hoàn toàn vô dụng, và chắc chắn rằng người sẽ trở thành đối tượng

bị Đức Chúa Trời khinh ghét và loại bỏ, do con đường người đã đi và điều người đã chọn. Nhưng, trong công tác của Đức Chúa Trời, những ai có thể chấp nhận sự thử luyện của Ngài, chấp nhận quyền tối thượng của Ngài, đầu phục thẩm quyền của Ngài và dần dần có được những trải nghiệm thực sự về lời Ngài thì sẽ có được kiến thức thực sự về thẩm quyền của Đức Chúa Trời, sự hiểu biết thực sự về quyền tối thượng của Ngài; họ sẽ thực sự trở thành đối tượng của Đấng Tạo Hóa. Chỉ những người như thế mới thực sự được cứu rỗi. Bởi vì họ đã biết quyền tối thượng của Đức Chúa Trời, bởi vì họ đã chấp nhận nó, nên sự cảm kích của họ về sự thật trong quyền tối thượng của Đức Chúa Trời trên số phận con người, sự đầu phục của họ với nó, là có thật và chính xác. Khi họ đối mặt với cái chết, giống như Gióp, họ sẽ có một tâm trí không sợ chết và đầu phục sự bố trí và an bài của Đức Chúa Trời trong muôn vật, không có sự lựa chọn cá nhân, không có ham muốn cá nhân. Chỉ một người như thế mới có thể trở về bên cạnh Đấng Tạo Hóa với thân phận như là một con người được thọ tạo đích thực.

Ngày 17 tháng 12 năm 2013

## CHÍNH ĐỨC CHÚA TRỜI, ĐẲNG ĐỘC NHẤT IV

### SỰ THÁNH KHIẾT CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI (I)

Chúng ta đã có thêm một số sự thông công về thẩm quyền của Đức Chúa Trời trong buổi họp trước. Bây giờ, chúng ta sẽ không thảo luận về chủ đề sự công chính của Đức Chúa Trời nữa. Điều chúng ta sẽ nói ngày hôm nay là một chủ đề hoàn toàn mới – sự thánh khiết của Đức Chúa Trời. Sự thánh khiết của Đức Chúa Trời, tuy thế, là một khía cạnh khác trong thực chất độc nhất của Đức Chúa Trời, vì vậy việc chúng ta thông công về chủ đề này là rất quan trọng. Trước đây Ta đã thông công về hai khía cạnh khác trong thực chất của Đức Chúa Trời – tâm tính công chính của Đức Chúa Trời và thẩm quyền của Đức Chúa Trời; những khía cạnh này, và khía cạnh mà Ta sẽ thông công ngày hôm nay, tất cả đều độc nhất đúng không? (Đúng vậy.) Sự thánh khiết của Đức Chúa Trời cũng là duy nhất, vì vậy chủ đề cho sự thông công của chúng ta hôm nay sẽ là những gì tạo nên nền tảng và gốc rễ của sự độc nhất này. Hôm nay chúng ta sẽ thông công về thực chất độc nhất của Đức Chúa Trời – sự thánh khiết của Ngài. Có lẽ một vài người trong các người có một số nghi ngại, và đang thắc mắc: “Tại sao chúng ta nên thông công về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời?”. Đừng lo lắng, Ta sẽ diễn giải từ từ cho các người. Một khi các người đã nghe những gì Ta nói, các người sẽ biết lý do tại sao với Ta, việc thông công về chủ đề này là rất cần thiết.

Trước tiên, hãy định nghĩa từ “thánh khiết”. Dựa trên quan niệm của các người và tất cả kiến thức mà các người đã đạt được, các người hiểu định nghĩa của từ “thánh khiết” là gì? (“Thánh khiết” có nghĩa là không bị hoen ố, hoàn toàn không có sự bại hoại hoặc những khiếm khuyết của con người. Sự thánh khiết tỏa ra hết thảy những điều tích cực, dù là trong suy nghĩ, lời nói hay hành động.) Rất tốt. (“Thánh khiết” là thiêng liêng, không tì vết, không thể xúc phạm bởi con người. Nó là độc nhất, nó chỉ có ở Đức Chúa Trời và nó là biểu tượng của Ngài.) Đây là định nghĩa của các người. Trong lòng của mỗi người, từ “thánh khiết” này có một phạm vi, một định nghĩa và một cách diễn giải. Ít nhất, khi các người nhìn thấy từ “thánh khiết”, tâm trí các người không trống rỗng. Các người có một phạm vi định nghĩa nhất định cho từ này và lời nói của một số người phần nào đó gần với những lời nói định nghĩa thực chất tâm tính của Đức Chúa Trời. Điều này là rất tốt. Hầu hết mọi người tin rằng từ “thánh khiết” là một từ tích cực, và điều này chắc chắn là đúng. Nhưng hôm nay, khi chúng ta thông công về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời, Ta sẽ không chỉ nói về những định nghĩa hay giải thích. Thay vào đó, Ta sẽ đưa ra các sự thật làm bằng chứng để cho người thấy tại sao Ta nói Đức Chúa Trời là thánh khiết và tại sao Ta sử dụng từ “thánh khiết” để mô tả thực chất của Đức Chúa Trời. Đến khi sự thông công của chúng ta kết thúc, người sẽ cảm thấy việc sử dụng từ “thánh khiết” để định nghĩa thực chất của Đức Chúa Trời và nói về Đức Chúa Trời là hoàn toàn xác đáng và phù hợp nhất. Ít nhất, trong phạm vi ngôn ngữ hiện tại của con người, sử dụng từ này để nói về Đức Chúa Trời là đặc biệt thích hợp – trong tất cả các từ của ngôn ngữ nhân loại, chỉ duy nhất từ này là hoàn toàn phù hợp để nói về Đức

Chúa Trời. Từ này, khi được sử dụng để chỉ Đức Chúa Trời, không phải là một từ sáo rỗng, cũng không phải là một từ ngữ khen ngợi vô căn cứ hay nịnh hót sáo rỗng. Mục đích thông công của chúng ta là cho phép mỗi người nhận ra sự thật về khía cạnh này trong thực chất của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời không sợ sự hiểu biết của con người, mà Ngài sợ sự hiểu lầm của họ. Đức Chúa Trời mong muốn mọi người biết thực chất của Ngài và Ngài có gì và là gì. Vì vậy, mỗi khi chúng ta đề cập đến một khía cạnh trong thực chất của Đức Chúa Trời, chúng ta có thể viện dẫn nhiều nhận thức để cho mọi người thấy rằng khía cạnh này trong thực chất của Đức Chúa Trời thực sự tồn tại.

Giờ chúng ta đã có định nghĩa về từ “thánh khiết”, hãy thảo luận một vài ví dụ. Theo những quan niệm của con người, họ tưởng tượng ra nhiều thứ và nhiều người là “thánh khiết”. Ví dụ, các chàng trai và cô gái đồng trinh được định nghĩa là thánh khiết trong từ điển của nhân loại. Nhưng họ có thực sự thánh khiết không? Cái gọi là “thánh khiết” này và từ “thánh khiết” mà chúng ta sẽ thông công ngày hôm nay có phải là một và như nhau không? Những người trong số con người có đạo đức tốt, những người có lời nói tinh tế và có văn hóa, những người không bao giờ làm tổn thương bất cứ ai, và những người, bằng lời nói, làm cho người khác thoải mái và dễ chịu – họ có thánh khiết không? Những người thường làm việc tốt, bác ái và đưa ra trợ giúp tuyệt vời cho người khác, những người mang lại nhiều niềm vui cho cuộc sống của mọi người, họ có thánh khiết không? Những người không nuôi dưỡng tư tưởng vị kỷ, những người không đặt ra yêu cầu hà khắc đối với bất cứ ai, những người khoan dung với mọi người, họ có thánh khiết không? Những người chưa bao giờ cãi nhau hay lợi dụng ai, họ có thánh khiết không? Và những người làm việc vì lợi ích của người khác, những người mang lại lợi ích cho người khác và mang lại sự khai trí cho người khác bằng mọi cách thì sao, họ có thánh khiết không? Những người dành tất cả khoản dành dụm cả đời của mình cho người khác và sống một cuộc sống đơn giản, những người nghiêm khắc với bản thân nhưng đối xử với người khác một cách rộng lượng, họ có thánh khiết không? (Không.) Tất cả các người đều nhớ mẹ mình đã chăm sóc và trông nom các người bằng mọi cách có thể tưởng tượng được như thế nào, họ có thánh khiết không? Những thần tượng mà các người yêu mến, dù là người nổi tiếng, người có danh tiếng hay vĩ nhân – họ có thánh khiết không? (Không.) Bây giờ chúng ta hãy nhìn vào những nhà tiên tri trong Kinh Thánh, những người có thể nói những điều về tương lai mà nhiều người không biết – những người này có thánh khiết không? Những người có thể ghi lại những lời Đức Chúa Trời và sự thật về công tác của Ngài trong Kinh Thánh – họ có thánh khiết không? Môi-se có thánh khiết không? Áp-ra-ham có thánh khiết không? (Không.) Gióp thì sao? Ông ấy có thánh khiết không? (Không.) Gióp được Đức Chúa Trời gọi là một người công chính, vậy tại sao ngay cả ông cũng không được gọi là thánh khiết? Những người kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác thực sự không thánh khiết sao? Họ có hay không? (Không.) Các người có chút không chắc chắn, không chắc về câu trả lời, và không dám nói “Không”, nhưng cũng không dám nói “Có”, nên cuối cùng các người chỉ nói nửa vời là “Không”. Để Ta hỏi một câu hỏi khác. Các sứ giả của Đức Chúa Trời – các sứ giả mà

Đức Chúa Trời gửi xuống đất, họ có thánh khiết không? Các thiên sứ có thánh khiết không? (Không.) Nhân loại không bị Sa-tan làm sa ngã, họ có thánh khiết không? (Không.) Các người cứ trả lời “Không” cho mọi câu hỏi. Căn cứ vào đâu? Các người đang mù mờ, phải không? Vậy tại sao ngay cả các thiên sứ cũng được cho là không thánh khiết? Giờ các người cảm thấy không chắc chắn, đúng không? Các người có thể giải đáp được dựa trên cơ sở nào mà con người, sự vật hoặc những hữu thể tự hữu mà chúng ta đã đề cập trước đó không phải là thánh khiết không? Ta chắc chắn các người không thể. Vậy thì chẳng phải việc các người nói “Không” có chút vô trách nhiệm sao? Chẳng phải người đang trả lời cách mù quáng sao? Một số người đang băn khoăn: “Vì Ngài đã đặt câu hỏi theo cách này, câu trả lời chắc chắn phải là ‘Không’”. Đừng cho Ta những câu trả lời liến thoắng. Hãy suy nghĩ cẩn thận xem câu trả lời là “Có” hay “Không”. Các người sẽ biết lý do tại sao câu trả lời là “Không” khi chúng ta thông công xong về chủ đề tiếp theo. Ta sẽ sớm cho các người câu trả lời. Đầu tiên, hãy đọc từ trong Kinh Thánh.

## **1. Mệnh lệnh của Giê-hô-va Đức Chúa Trời cho con người**

Sách sáng thế 2:15-17 Giê-hô-va Đức Chúa Trời đem người ở vào cảnh vườn Ê-đen để trồng và giữ vườn. Rồi, Giê-hô-va Đức Chúa Trời phán dạy rằng: Người được tự do ăn hoa quả các thứ cây trong vườn; nhưng về cây biết điều thiện và điều ác thì chớ hề ăn đến; vì một mai người ăn chắc sẽ chết.

## **2. Sự cám dỗ của Rắn với người nữ**

Sách sáng thế 3:1-5 Vả, trong các loài thú đồng mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã làm nên, có con rắn là giống quỷ quệt hơn hết. Rắn nói cùng người nữ rằng: Mà chi! Đức Chúa Trời há có phán dặn các người không được phép ăn trái các cây trong vườn sao? Người nữ đáp rằng: Chúng ta được ăn trái các cây trong vườn, song về phần trái của cây mọc giữa vườn, Đức Chúa Trời có phán rằng: Hai người chẳng nên ăn đến và cũng chẳng nên đá-động đến, e khi hai người phải chết chẳng. Rắn bèn nói với người nữ rằng: Hai người chẳng chết đâu; nhưng Đức Chúa Trời biết rằng hễ ngày nào hai người ăn trái cây đó, mắt mình mở ra, sẽ như Đức Chúa Trời, biết điều thiện và điều ác.

Hai đoạn này là những đoạn trích từ sách Sáng-thế ký trong Kinh thánh. Tất cả các người có thấy quen thuộc hai đoạn này không? Chúng liên quan đến các sự kiện xảy ra lúc ban đầu, khi loài người lần đầu tiên được thọ tạo; những sự kiện này là thật. Trước tiên chúng ta hãy xem loại lệnh nào mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã truyền cho A-đam và Ê-va; nội dung của lệnh này rất quan trọng đối với chủ đề của chúng ta ngày hôm nay. “Rồi, Giê-hô-va Đức Chúa Trời phán dạy rằng; Người được tự do ăn hoa quả các thứ cây trong vườn; nhưng về cây biết điều thiện và điều ác thì chớ hề ăn đến; vì một mai người ăn chắc sẽ chết”. Ngụ ý mệnh lệnh của Đức Chúa Trời cho con người trong đoạn này là gì? Thứ nhất, Đức Chúa Trời nói với con người những gì họ có thể ăn, cụ thể là, trái của nhiều loại cây. Không có nguy hiểm và không có chất độc; tất cả có thể

ăn được và ăn thỏa thích như con người mong muốn, không phải lo lắng và nghi ngờ gì. Đây là một phần trong mệnh lệnh của Đức Chúa Trời. Phần khác là một cảnh báo. Trong lời cảnh báo này, Đức Chúa Trời phán với con người họ không được ăn trái từ cây biết điều thiện và điều ác. Điều gì sẽ xảy ra nếu họ ăn từ cây này? Đức Chúa Trời phán với con người: Nếu người ăn nó, người chắc chắn sẽ chết. Chẳng phải những lời này là thẳng thắn sao? Nếu Đức Chúa Trời phán với người điều này nhưng người không hiểu tại sao, liệu người có coi những lời Ngài là một quy tắc hay một mệnh lệnh phải được vâng phục không? Những lời như vậy phải được vâng phục. Nhưng cho dù con người có thể vâng lời hay không, những lời Đức Chúa Trời là không thể chối cãi. Đức Chúa Trời phán với con người rất rõ ràng những gì họ có thể ăn và những gì họ không thể ăn, và những gì sẽ xảy ra nếu họ ăn những gì họ không thể ăn. Trong những lời ngắn gọn này mà Đức Chúa Trời phán dạy, người có thể thấy điều gì về tâm tính của Đức Chúa Trời không? Những lời này của Đức Chúa Trời có đúng không? Có sự lừa dối nào không? Có bất kỳ giả dối nào không? Có sự đe dọa nào không? (Không có.) Đức Chúa Trời phán dạy con người một cách trung thực, thành thật và chân thành về những gì họ có thể ăn và những gì họ không thể ăn. Đức Chúa Trời phán rõ ràng và thẳng thắn. Có bất kỳ ẩn ý nào trong những lời này không? Những lời không thẳng thắn sao? Có cần phải phỏng đoán không? Không cần phỏng đoán. Ý nghĩa của chúng là rõ ràng trong nháy mắt. Khi đọc chúng, người ta cảm thấy hoàn toàn rõ ràng về ý nghĩa của chúng. Đó là, những gì Đức Chúa Trời muốn nói và những gì Ngài muốn bày tỏ xuất phát từ trái tim Ngài. Những điều Đức Chúa Trời bày tỏ là tinh sạch, thẳng thắn và rõ ràng. Không có động cơ bí mật, cũng không có bất kỳ ẩn ý nào. Ngài trực tiếp phán dạy con người, bảo họ những gì có thể ăn và những gì không thể ăn. Điều đó có nghĩa là, qua những lời này của Đức Chúa Trời, con người có thể thấy rằng tấm lòng của Đức Chúa Trời là minh bạch và chân thực. Không có dấu vết của sự giả dối ở đây; không phải kiểu nói với người rằng người không được ăn những gì có thể ăn được, hoặc nói với người “Hãy làm điều đó và xem điều gì sẽ xảy ra” với những thứ mà người không thể ăn được. Đây không phải là những gì Đức Chúa Trời muốn nói. Bất cứ điều gì Đức Chúa Trời nghĩ trong lòng, thì đó là những gì Ngài phán dạy. Nếu Ta nói Đức Chúa Trời là thánh khiết bởi vì Ngài thể hiện và mặc khải chính Ngài trong những lời này theo cách này, thì người có thể cảm thấy rằng Ta đã xé việc bé ra to hoặc Ta đã phóng đại một vấn đề quá xa. Nếu vậy, đừng lo lắng; chúng ta vẫn chưa xong đâu.

Bây giờ chúng ta hãy nói về “Sự cám dỗ của con rắn với người nữ”. Ai là con rắn? Là Sa-tan. Nó đóng vai trò là vật làm nền trong kế hoạch quản lý sáu ngàn năm của Đức Chúa Trời, và đó là một vai trò mà chúng ta phải đề cập khi thông công về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời. Tại sao Ta lại nói điều này? Nếu người không biết sự xấu xa và bại hoại của Sa-tan, nếu người không biết về bản tính của Sa-tan, thì người không có cách nào để thừa nhận sự thánh khiết, và người cũng không thể biết được sự thánh khiết thực sự là gì. Trong bối rối, mọi người tin rằng những gì Sa-tan làm là đúng, bởi vì họ sống trong kiểu tâm tính bại hoại này. Không có vật làm nền, không có điểm so sánh,



người không thể biết sự thánh khiết là gì. Đó là lý do tại sao Sa-tan phải được nhắc đến ở đây. Sự đề cập như vậy không phải lời sáo rỗng. Thông qua những lời và việc làm của Sa-tan, chúng ta sẽ thấy Sa-tan hành động như thế nào, Sa-tan làm sa ngã loài người ra sao, và bản tính và diện mạo của Sa-tan là gì. Vậy người nữ đã nói gì với con rắn? Người nữ kể lại cho con rắn những gì Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã nói với bà. Khi bà nói những lời này, bà có chắc chắn rằng những gì Đức Chúa Trời đã nói với mình là đúng không? Bà không thể chắc chắn. Là một người mới được thọ tạo, bà không có khả năng phân biệt thiện ác, và bà cũng không có bất kỳ nhận thức nào về bất cứ điều gì xung quanh mình. Đánh giá trên những lời bà ấy nói với con rắn, bà không chắc trong lòng mình rằng những lời Đức Chúa Trời là đúng; thái độ của bà ấy là như thế. Vì vậy, khi con rắn thấy rằng người nữ có thái độ không chắc chắn đối với những lời Đức Chúa Trời, nó đã nói: “Hai người chẳng chết đâu; nhưng Đức Chúa Trời biết rằng hễ ngày nào hai người ăn trái cây đó, mắt mình mở ra, sẽ như Đức Chúa Trời, biết điều thiện và điều ác”. Có bất cứ điều gì có vấn đề trong những lời này không? Khi các người đọc câu này, các người có nắm bắt được ý đồ của con rắn không? Những ý đồ đó là gì? Nó muốn cám dỗ người nữ này, để ngăn bà ấy nghe lời Đức Chúa Trời. Nhưng nó đã không nói những điều này cách trực tiếp. Vì vậy, chúng ta có thể nói rằng nó rất xảo quyệt. Nó bày tỏ ý của nó một cách ranh mãnh và lảng tránh để đạt được mục tiêu đã định, điều mà nó luôn giấu trong tâm trí nó, được che giấu khỏi con người – đó là sự xảo quyệt của con rắn. Đây luôn là cách nói và hành động của Sa-tan. Nó nói “không chắc”, mà không xác nhận cách này hay cách khác. Nhưng khi nghe điều này, lòng người nữ dốt nát đã bị lay động. Con rắn rất hài lòng, vì lời của nó đã có tác dụng mong muốn, đó là ý đồ xảo quyệt của con rắn. Hơn nữa, bằng cách hứa hẹn một kết quả có vẻ như hấp dẫn đối với con người, nó đã quyến rũ bà ấy, nói rằng: “Hễ ngày nào hai người ăn trái cây đó, mắt mình mở ra”. Vì vậy, bà ấy suy ngẫm: “Mắt mình được mở ra là một điều tốt!”. Và sau đó nó nói một thứ thậm chí còn hấp dẫn hơn, những lời chưa từng được con người biết đến, những lời mang sức mạnh cám dỗ lớn đối với những người nghe chúng: “Hai người sẽ như Đức Chúa Trời, biết điều thiện và điều ác”. Chẳng phải những lời này cám dỗ con người cách mãnh liệt sao? Nó giống như ai đó nói với người rằng: “Khuôn mặt của người có hình dạng tuyệt vời, ngoại trừ sống mũi của người hơi ngắn. Nếu người sửa nó, thì người sẽ là một người đẹp đẳng cấp thế giới!”. Liệu những lời này có làm lay động trái tim của một người trước đây chưa bao giờ ấp ủ ý muốn làm phẫu thuật thẩm mỹ không? Chẳng phải những lời này đầy cám dỗ sao? Chẳng phải sự cám dỗ rất hấp dẫn với người sao? Và đây chẳng phải là một sự cám dỗ sao? (Đúng vậy.) Đức Chúa Trời có nói những điều như thế này không? Có bất cứ gợi ý nào về điều này trong những lời Đức Chúa Trời mà chúng ta vừa mới nghiên cứu không? Đức Chúa Trời có nói những gì Ngài nghĩ trong lòng không? Con người có thể thấy được tấm lòng của Đức Chúa Trời qua lời Ngài không? (Có.) Nhưng khi con rắn nói những lời đó với người nữ, người có thể thấy tấm lòng của nó không? Không thấy. Và vì sự thiếu hiểu biết của con người, con người dễ dàng bị quyến rũ bởi những lời nói của con rắn và dễ

dàng bị lừa. Vậy người có thể thấy được những ý đồ của Sa-tan không? Người có thể thấy được mục đích đằng sau những gì Sa-tan nói không? Người có thể thấy âm mưu và mưu mẹo của Sa-tan không? (Không.) Kiểu tâm tính nào được thể hiện qua cách nói của Sa-tan? Loại thực chất nào người đã thấy trong Sa-tan qua những lời này? Chẳng phải nó tinh vi sao? Có thể trên bề mặt hắn mỉm cười với người, hoặc có thể hắn không tỏ ra bất kỳ biểu hiện nào. Nhưng trong thâm tâm, hắn đang tính toán làm thế nào để đạt được mục tiêu của mình, và chính mục tiêu này là điều người không thể nhìn thấy. Tất cả những hứa hẹn mà hắn đưa ra cho người, tất cả những thuận lợi mà hắn mô tả, đều là chiêu bài cám dỗ của hắn. Người thấy những điều này là tốt, vì vậy người cảm thấy rằng những gì hắn nói là hữu ích hơn, thực chất hơn những gì Đức Chúa Trời phán dạy. Khi chuyện này xảy ra, chẳng phải con người sẽ trở thành một tù nhân đầu phục sao? Chiến lược này mà Sa-tan sử dụng chẳng phải là quỷ quyệt sao? Người cho phép bản thân chìm vào sự suy đồi. Không cần Sa-tan phải nhắc một ngón tay, mà chỉ bằng cách nói hai câu này, người sẽ trở nên vui vẻ đi theo Sa-tan, tuân theo Sa-tan. Do đó, mục tiêu của Sa-tan đã đạt được. Chẳng phải ý đồ này nham hiểm sao? Chẳng phải đây là diện mạo nguyên sơ nhất của Sa-tan sao? Từ những lời của Sa-tan, con người có thể thấy động cơ hiểm ác của hắn, nhìn thấy diện mạo ghê tởm và thấy được thực chất của hắn. Chẳng phải vậy sao? Khi so sánh những câu này, nếu không phân tích, có lẽ người có thể cảm thấy như thể những lời của Giê-hô-va Đức Chúa Trời thật buồn tẻ, tầm thường và sáo rỗng, rằng chúng không biện minh bằng cách nói hào hứng ở đây để ngợi khen sự trung thực của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, khi chúng ta lấy lời của Sa-tan và diện mạo ghê tởm của Sa-tan làm vật làm nền, chẳng phải những lời này của Đức Chúa Trời có trọng lượng đáng kể cho con người thời nay sao? (Đúng vậy.) Qua sự so sánh này, con người có thể cảm nhận được sự toàn hảo thuần khiết của Đức Chúa Trời. Mọi lời Sa-tan nói, cũng như động cơ, ý đồ của Sa-tan và cách hắn nói, tất cả đều bị pha tạp. Đặc điểm chính trong cách nói của Sa-tan là gì? Sa-tan sử dụng lời nói nước đôi để cám dỗ người, mà không để người nhìn thấu tính hai mặt của hắn, và cũng không để cho người nhận ra mục tiêu của hắn; Sa-tan để người đáp mỗi, nhưng người vẫn phải ngợi khen và ca ngợi những công lao của hắn. Chẳng phải âm mưu này chính là phương pháp thường lệ của Sa-tan sao? (Đúng vậy.) Bây giờ chúng ta hãy xem những lời và cách diễn đạt khác của Sa-tan cho phép con người nhìn thấy gì nữa trong diện mạo ghê tởm của hắn. Chúng ta hãy đọc thêm trong Kinh Thánh.

### **3. Hội thoại giữa Sa-tan và Đức Chúa Trời Giê-hô-va**

Gióp 1:6-11 Và, một ngày kia các con trai của Đức Chúa Trời đến ra mắt Đức Giê-hô-va, và Sa-tan cũng đến trong vòng chúng. Đức Giê-hô-va phán hỏi Sa-tan rằng: Người ở đâu đến? Sa-tan thưa với Đức Giê-hô-va rằng: Tôi trải qua đây đó trên đất và dạo chơi tại nơi nó. Đức Giê-hô-va lại hỏi Sa-tan rằng: Người có nhìn thấy Gióp, tôi tớ của ta chẳng; nơi thế gian chẳng có người nào giống như nó, vốn trọn vẹn và ngay thẳng, kính sợ Đức Chúa Trời, và lánh khỏi điều ác? Sa-tan thưa với Đức Giê-hô-va rằng: Gióp há kính sợ Đức Chúa Trời luống công sao?

Chúa há chẳng dựng hàng rào binh vực ở bốn phía người, nhà người, và mọi vật thuộc về người sao? Chúa đã ban phước cho công việc của tay người và làm cho của cải người thêm nhiều trên đất. Nhưng bây giờ hãy giơ tay Chúa ra, đừng đến hại các vật người có, ắt là người sẽ phỉ báng Chúa trước mặt.

Gióp 2:1-5 Xảy ra một ngày kia, các con trai của Đức Chúa Trời đến ra mắt Đức Giê-hô-va, Sa-tan cũng có đến trong vòng chúng đặng ra mắt Đức Giê-hô-va. Đức Giê-hô-va bèn phán hỏi Sa-tan rằng: Người ở đâu đến? Sa-tan thưa cùng Đức Giê-hô-va rằng: Tôi trải qua đây đó trên đất và dạo chơi tại nơi nó. Đức Giê-hô-va lại phán hỏi Sa-tan rằng: Người có nhìn thấy Gióp, tôi tớ ta chăng? Trên đất chẳng có ai giống như người, vốn trọn vẹn và ngay thẳng, kính sợ Đức Chúa Trời, và lánh khỏi điều ác; lại người bền đỗ trong sự hoàn toàn mình, mặc dầu người có giục ta phá hủy người vô cớ. Sa-tan thưa lại với Đức Giê-hô-va rằng: Lấy da đền da, phàm vật chi một người có, tất sẽ trao thế cho mạng sống mình. Nhưng bây giờ xin Chúa hãy giơ tay ra, đừng đến hại xương thịt người, ắt là người sẽ phỉ báng Chúa trước mặt.

Hai đoạn này bao gồm toàn bộ một cuộc đối thoại giữa Đức Chúa Trời và Sa-tan; chúng ghi lại những gì Đức Chúa Trời nói và những gì Sa-tan nói. Đức Chúa Trời không nói nhiều, và Ngài phán rất đơn giản. Chúng ta có thể thấy được sự thánh khiết của Đức Chúa Trời trong những lời đơn giản của Ngài không? Vài người sẽ nói rằng điều này không dễ thực hiện. Thế chúng ta có thể thấy được sự ghê tởm của Sa-tan trong lời đáp của nó không? Trước tiên hãy nhìn vào kiểu câu hỏi Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã hỏi Sa-tan. “Người ở đâu đến?”. Chẳng phải đây là câu hỏi thẳng nó sao? Có ẩn ý nào không? Không có; nó chỉ là một câu hỏi thẳng thắn. Nếu Ta hỏi các người: “Người ở đâu đến?” thì các người sẽ trả lời như thế nào? Nó có phải là câu hỏi khó trả lời không? Liệu các người sẽ đáp: “Tôi trải qua đây đó và dạo chơi tại nơi nó”? (Không.) Các người sẽ không trả lời như thế. Thế thì các người cảm thấy thế nào khi các người thấy Sa-tan trả lời theo cách này? (Chúng con cảm thấy Sa-tan đang vô lý, mà cũng gian dối.) Các người có thể nói Ta đang cảm thấy gì không? Mỗi khi Ta thấy những lời này của Sa-tan, Ta cảm thấy ghê tởm, vì Sa-tan nói, nhưng lời nó chẳng có chút thực chất gì. Sa-tan đã trả lời câu hỏi của Đức Chúa Trời chưa? Không, những lời Sa-tan nói không phải là một câu trả lời, chúng chẳng đem lại điều gì. Chúng không phải là một câu trả lời cho câu hỏi của Đức Chúa Trời. “Tôi trải qua đây đó trên đất và dạo chơi tại nơi nó”. Hiểu biết của người về những lời này là gì? Thế Sa-tan đến từ đâu? Các người đã nhận được câu trả lời nào cho câu hỏi này chưa? (Chưa.) Đây là “thiên tài” của các âm mưu quỷ quyệt của Sa-tan – không để bất cứ ai phát hiện được nó thật sự đang nói gì. Nghe những lời này người vẫn không thể phân định được nó nói gì, ngay cả khi nó đã trả lời xong. Vậy mà Sa-tan tin rằng nó đã trả lời hoàn hảo. Thế người cảm thấy như thế nào? Ghê tởm? (Vâng.) Giờ người bắt đầu cảm thấy ghê tởm đối với những lời này. Những lời của Sa-tan có một đặc điểm nhất định: Những gì Sa-tan nói khiến người vô đầu bứt tóc, không thể hiểu được nguồn gốc những lời của nó. Đôi khi Sa-tan có những động cơ và nói theo cách cố ý, và đôi khi bị chi phối bởi bản tính của nó, những lời như vậy

phát ra một cách tự phát, và vọt ra thẳng từ miệng Sa-tan. Sa-tan không dành nhiều thời gian để cân nhắc những lời như vậy; thay vì thế, chúng được bày tỏ mà không suy nghĩ. Khi Đức Chúa Trời hỏi hấn đến từ đâu, Sa-tan trả lời bằng một vài từ nhập nhằng. Người cảm thấy rất rối, không bao giờ biết được chính xác Sa-tan ở đâu đến. Có ai trong số các người nói như thế này không? Kiểu nói này là gì? (Nó mập mờ và không đưa ra một câu trả lời chắc chắn.) Chúng ta nên dùng loại từ ngữ gì để miêu tả kiểu nói này? Là dương đông kích tây, làm cho lẫn lộn. Giả sử một ai đó không muốn cho người khác biết họ đã làm gì ngày hôm qua. Người hỏi họ: “Hôm qua tôi thấy anh. Anh đã đi đâu vậy?”. Họ không nói trực tiếp cho người họ đã đi đâu. Thay vào đó, họ nói: “Ngày hôm qua thật là một ngày dài. Thật là mệt mỏi!”. Họ đã trả lời câu hỏi của người chưa? Họ đã trả lời, nhưng họ đã không đưa ra câu trả lời mà người muốn. Đây chính là “thiên tài” trong kỹ xảo ăn nói của con người. Người không bao giờ có thể nhận ra được điều họ muốn nói, hay nắm bắt được nguồn gốc hoặc ý đồ của lời họ. Người không biết được họ đang cố né tránh điều gì vì trong lòng họ có câu chuyện của riêng mình – điều này thật nham hiểm. Có bất kỳ ai trong các người cũng thường nói theo cách này không? (Có.) Thế mục đích của các người là gì? Có phải đôi khi là để bảo vệ quyền lợi của bản thân, đôi khi để duy trì niềm tự hào, vị trí, và hình tượng của riêng người, để bảo vệ những bí mật đời sống riêng tư của người? Cho dù mục đích có là gì, nó đều không tách rời khỏi những quyền lợi của người, gắn kết với những quyền lợi của người. Điều này chẳng phải là bản tính của con người sao? Tất cả những ai có một bản tính như thế đều có quan hệ mật thiết với Sa-tan, nếu không phải là người nhà của nó. Chúng ta có thể nói như vậy, đúng không? Nói chung, biểu hiện này là gớm ghiếc và đáng ghê tởm. Giờ các người cũng cảm thấy ghê tởm, đúng không? (Đúng.)

Chúng ta hãy cùng xem những câu sau. Sa-tan đáp lại câu hỏi của Đức Giê-hô-va, nói rằng: “Gióp há kính sợ Đức Chúa Trời luống công sao?”. Sa-tan đang mở ra một cuộc tấn công vào sự đánh giá của Đức Giê-hô-va về Gióp, và cuộc tấn công này mang màu thù địch. “Chúa há chẳng dựng hàng rào binh vực ở bốn phía người, nhà người, và mọi vật thuộc về người sao?”. Đây là trí hiểu và sự đánh giá của Sa-tan về công tác của Đức Giê-hô-va trên Gióp. Sa-tan đánh giá như này, nói rằng: “Chúa đã ban phước cho công việc của tay người và làm cho của cải người thêm nhiều trên đất. Nhưng bây giờ hãy giơ tay Chúa ra, đụng đến hại các vật người có, ắt là người sẽ phỉ báng Chúa trước mặt”. Sa-tan luôn nói một cách mập mờ nhưng ở đây nó nói bằng những lời lẽ chắc chắn. Thế mà, những lời này, dù chúng được nói bằng những lời lẽ chắc chắn, lại là một cuộc tấn công, một điều báng bổ và một hành động thách thức Giê-hô-va Đức Chúa Trời, thách thức chính Đức Chúa Trời. Các người cảm thấy như thế nào khi nghe những lời này? Các người có thấy ác cảm không? Các người có thể nhìn thấu được các ý đồ của Sa-tan không? Trước hết, Sa-tan bác bỏ đánh giá của Đức Giê-hô-va về Gióp – một người kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Rồi Sa-tan bác bỏ mọi điều Gióp nói và làm, nghĩa là, nó bác bỏ sự kính sợ của ông ấy với Đức Giê-hô-va. Đây chẳng phải là buộc tội sao? Sa-tan đang buộc tội, bác bỏ và nghi ngờ hết thảy mọi việc

Đức Giê-hô-va làm và phán dạy. Nó không tin, nói rằng: “Nếu Ngài nói những điều như này, thì sao tôi đã không thấy nó? Ngài đã ban cho người quá nhiều ơn phước, thế thì sao người lại có thể không kính sợ Ngài?”. Đây chẳng phải là một sự bác bỏ mọi điều mà Đức Chúa Trời làm sao? Buộc tội, bác bỏ, báng bổ – chẳng phải những lời của Sa-tan là một sự công kích sao? Chẳng phải chúng là sự thể hiện thật sự những gì Sa-tan nghĩ trong lòng sao? Những lời này chắc chắn không giống với những lời chúng ta vừa đọc: “Tôi trải qua đây đó trên đất và dạo chơi tại nơi nó”. Chúng hoàn toàn khác nhau. Thông qua những lời này, Sa-tan phơi bày toàn bộ lòng dạ nó – thái độ của nó với Đức Chúa Trời và sự ghê tởm của nó đối với sự kính sợ Đức Chúa Trời của Gióp. Khi điều này xảy ra, bản tính hiểm độc và gian ác của nó hoàn toàn lộ ra. Nó ghê tởm những ai kính sợ Đức Chúa Trời, ghê tởm những ai lánh khỏi điều ác, và thậm chí còn ghê tởm Giê-hô-va hơn vì ban ơn phước cho con người. Nó muốn dùng cơ hội này để hủy diệt Gióp, người mà Đức Chúa Trời tận tay nâng đỡ, để huỷ hoại ông ấy, bảo rằng: “Ngài nói Gióp kính sợ Ngài và lánh khỏi điều ác. Tôi lại thấy khác”. Nó dùng nhiều cách khác nhau để kích động và xúi giục Giê-hô-va, và dùng những thủ đoạn khác nhau hầu cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời giao Gióp cho Sa-tan để bị mặc sức thao túng, làm hại và hành hạ. Nó muốn lợi dụng cơ hội này để hủy diệt người đàn ông công chính và hoàn hảo này trong mắt Đức Chúa Trời. Có phải chỉ là một sự bốc đồng nhất thời khiến Sa-tan có loại lòng dạ này không? Không, không phải vậy. Nó đã được hình thành từ lâu rồi. Khi Đức Chúa Trời làm công tác, quan tâm đến một người, và xem xét người này, và khi Ngài ưu ái cũng như chấp thuận người này, Sa-tan cũng theo sát sao phía sau, cố gắng lừa gạt người đó và gây hại cho họ. Nếu Đức Chúa Trời muốn thu phục người này, Sa-tan sẽ làm mọi thứ trong khả năng của nó để cản trở Đức Chúa Trời, dùng mọi thủ đoạn gian ác khác nhau để cám dỗ, gây nhiễu loạn và phá hoại công tác của Đức Chúa Trời, hầu để đạt được mục đích ngầm của nó. Mục đích này là gì? Nó không muốn Đức Chúa Trời thu phục được bất cứ ai; nó muốn giành lấy quyền sở hữu những người mà Đức Chúa Trời muốn thu phục, nó muốn kiểm soát họ, thống lĩnh họ để họ thờ phượng nó, hầu để họ nhập bọn với nó trong việc thực hiện các hành vi gian ác, và chống đối Đức Chúa Trời. Chẳng phải đây là động cơ nham hiểm của Sa-tan sao? Các người thường nói rằng Sa-tan rất ác độc, rất xấu xa, nhưng các người đã thấy nó chưa? Các người có thể thấy loài người xấu xa như thế nào; các người chưa thấy Sa-tan thực xấu xa ra sao. Tuy nhiên, trong vấn đề của Gióp, các người đã quan sát rõ Sa-tan tà ác như thế nào. Vấn đề này đã khiến cho diện mạo của Sa-tan và thực chất ghê tởm của nó trở nên rất rõ ràng. Trong khi chiến đấu với Đức Chúa Trời, và lê bước theo Ngài, mục đích của Sa-tan là phá hủy toàn bộ công tác Đức Chúa Trời muốn làm, chiếm hữu và kiểm soát những ai mà Đức Chúa Trời muốn thu phục, hủy diệt hoàn toàn những ai mà Đức Chúa Trời muốn thu phục. Nếu họ không bị hủy diệt, thì họ cũng rơi vào sự chiếm hữu của Sa-tan, bị nó sử dụng – đây là mục đích của nó. Và Đức Chúa Trời làm gì? Đức Chúa Trời chỉ phán một câu đơn giản trong đoạn này; không có ghi chép thêm về bất cứ điều gì mà Đức Chúa Trời làm, nhưng chúng ta thấy có thêm nhiều ghi chép

về những gì Sa-tan nói và làm. Trong đoạn tiếp theo của Kinh Thánh, Giê-hô-va hỏi Sa-tan: “Người ở đâu đến?”. Câu trả lời của Sa-tan là gì? (Vẫn là “Tôi trải qua đây đó trên đất và dạo chơi tại nơi nó”.) Vẫn là câu đó. Điều này đã trở thành khẩu hiệu của Sa-tan, danh thiếp của Sa-tan. Sao lại như vậy? Sa-tan không đáng ghét sao? Chắc chắn việc nói ra câu ghê tởm này chỉ một lần là đủ. Tại sao Sa-tan cứ nhắc lại nó chứ? Việc này chứng tỏ một điều: bản tính của Sa-tan không thay đổi. Sa-tan không thể giả vờ để che giấu bộ mặt xấu xa của nó. Đức Chúa Trời hỏi nó một câu và đây là cách nó trả lời. Việc này mà như thế thì hãy tưởng tượng xem nó hằn đối xử với con người như thế nào! Sa-tan không e ngại Đức Chúa Trời, không sợ Đức Chúa Trời, và không vâng phục Đức Chúa Trời. Thế nên nó dám ngông cuồng ngạo mạn trước Đức Chúa Trời, dám dùng những lời hết nhau để phủi đi câu hỏi của Đức Chúa Trời, dám lặp đi lặp lại cùng một câu trả lời cho câu hỏi của Đức Chúa Trời, dám toan dùng câu trả lời này để làm bẽ mặt Đức Chúa Trời – đây là bộ mặt xấu xí của Sa-tan. Nó không tin vào sự toàn năng của Đức Chúa Trời, không tin vào thẩm quyền của Đức Chúa Trời, và chắc chắn không sẵn lòng đầu phục sự thống trị của Đức Chúa Trời. Nó luôn luôn đối nghịch với Đức Chúa Trời, luôn luôn công kích hết thảy mọi điều mà Đức Chúa Trời thực hiện, cố gắng phá hỏng hết thảy mọi điều mà Đức Chúa Trời thực hiện – đây là mục đích gian ác của nó.

Như được ghi lại trong Sách Gióp, hai đoạn hội thoại mà Sa-tan nói này và những điều Sa-tan đã làm đại diện cho sự chống đối của nó với Đức Chúa Trời trong kế hoạch quản lý sáu nghìn năm của Ngài – ở đây, bản chất thật của Sa-tan bị phơi bày. Người đã từng thấy lời và việc làm của Sa-tan trong đời thực chưa? Khi người thấy chúng, người có thể không nghĩ chúng là những điều do Sa-tan nói, mà thay vào đó nghĩ chúng là những điều do con người nói. Cái gì được thể hiện, khi những điều như vậy được con người nói ra? Sa-tan được thể hiện. Ngay cả khi người nhận ra nó, người vẫn không thể nắm bắt được nó thực sự đang được nói ra bởi Sa-tan. Nhưng giờ đây, người chắc chắn đã thấy điều chính Sa-tan đã nói. Giờ đây người có sự hiểu biết hết sức rõ ràng và chắc chắn về diện mạo ghê tởm và sự hiểm ác của Sa-tan. Thế có phải hai đoạn do Sa-tan nói này có giá trị để giúp con người ngày nay có được kiến thức về bản tính của Sa-tan không? Có phải hai đoạn này đáng được ghi nhớ cẩn thận để cho nhân loại hôm nay có khả năng nhận ra được bộ mặt ghê tởm của Sa-tan, nhận ra bộ mặt thật ban đầu của Sa-tan không? Mặc dù điều này có vẻ không phải là một điều thích hợp để nói, nhưng những lời này được bày tỏ như vậy, dù sao cũng có thể được xem là chính xác. Thật vậy, đây là cách duy nhất mà Ta có thể bày tỏ ý này, và nếu các người có thể hiểu được nó, thì thế là đủ. Hết lần này đến lần khác, Sa-tan công kích những điều Đức Giê-hô-va thực hiện, phun ra những lời buộc tội về sự kính sợ của Gióp với Giê-hô-va Đức Chúa Trời. Sa-tan cố gắng khiêu khích Đức Giê-hô-va bằng những cách thức khác nhau, cố khiến Đức Giê-hô-va dung túng cho sự xúi giục của nó về Gióp. Lời nó do vậy có một bản chất rất khiêu khích. Thế hãy nói cho Ta, một khi Sa-tan đã nói những lời này, Đức Chúa Trời có thể thấy rõ điều Sa-tan muốn làm không? (Có.) Trong lòng Đức Chúa Trời, người đàn ông Gióp mà Đức Chúa Trời xem xét – người hầu cận này của Đức Chúa

Trời, người mà Đức Chúa Trời xem là một người công chính, một người hoàn hảo – liệu ông ta có thể chống lại được kiểu cám dỗ này không? (Được.) Tại sao Đức Chúa Trời lại chắc chắn về điều đó như vậy? Có phải Đức Chúa Trời luôn dò xét lòng người? (Đúng.) Thế Sa-tan có khả năng dò xét lòng người không? Sa-tan không thể. Ngay cả nếu Sa-tan có thể thấy lòng người, bản tính gian ác của nó sẽ không bao giờ cho nó tin rằng sự khảnh khiết là sự thánh khiết, hay sự nhơ bẩn là sự nhơ bẩn. Sa-tan gian ác không bao giờ có thể trân quý bất cứ điều gì thánh khiết, công chính hay tươi sáng. Sa-tan không thể ngừng hành động không mệt mỏi phù hợp với bản tính của nó, sự gian ác của nó, và qua những phương thức thường lệ của nó. Ngay cả khi cái giá là bản thân nó bị trừng phạt và hủy diệt bởi Đức Chúa Trời, nó cũng không ngần ngại ngoan cố chống lại Đức Chúa Trời – điều này là gian ác, đây là bản tính của Sa-tan. Thế nên trong đoạn này, Sa-tan nói: “Lấy da đền da, phàm vật chi một người có, tất sẽ trao thế cho mạng sống mình. Nhưng bây giờ xin Chúa hãy giơ tay ra, đừng đến hại xương thịt người, ắt là người sẽ phỉ báng Chúa trước mặt”. Sa-tan nghĩ rằng sự kính sợ của con người với Đức Chúa Trời là vì con người đã thu được quá nhiều lợi lộc từ Đức Chúa Trời. Con người thu được những mối lợi từ Đức Chúa Trời, thế nên họ nói Đức Chúa Trời là tốt lành. Nhưng không phải vì Đức Chúa Trời là tốt lành, mà chỉ vì con người thu được quá nhiều mối lợi nên người ta mới có thể kính sợ Đức Chúa Trời theo cách này. Một khi mà Đức Chúa Trời lấy đi những mối lợi này khỏi con người, thì họ sẽ từ bỏ Ngài. Trong bản tính gian ác của Sa-tan, nó không tin rằng lòng người có thể thực sự kính sợ Đức Chúa Trời. Vì bản tính gian ác của nó, nó không biết sự thánh khiết là gì, càng không biết sự kính sợ là gì. Nó không biết vâng phục Đức Chúa Trời là gì hay kính sợ Đức Chúa Trời là gì. Vì nó không biết những điều này, nó nghĩ rằng con người cũng không thể kính sợ Đức Chúa Trời. Nói cho Ta nghe, Sa-tan không gian ác sao? Ngoại trừ hội thánh của chúng ta, không có tôn giáo và giáo phái, hay các nhóm tôn giáo và xã hội nào tin vào sự tồn tại của Đức Chúa Trời, họ càng không tin rằng Đức Chúa Trời đã trở nên xác thịt và đang làm công tác phán xét, nên họ nghĩ rằng điều người tin không phải là Đức Chúa Trời. Một kẻ lằng nhằng nhìn xung quanh hắn và thấy mọi người khác lằng nhằng giống như mình nó vậy. Một kẻ xuyên tạc nhìn xung quanh và chỉ thấy sự không trung thực và những dối trá. Một kẻ gian ác thấy mọi người khác gian ác và muốn đấu đá với mọi người hắn thấy. Nhưng ai phần nào thật thà thấy mọi người khác thật thà, nên họ luôn bị lừa gạt, luôn bị lừa đảo, và họ chẳng thể làm gì về việc này. Ta lấy vài ví dụ này để củng cố cho các người trong niềm tin: bản tính gian ác của Sa-tan không phải là sự thôi thúc nhất thời hay bị quyết định bởi hoàn cảnh, cũng như nó không phải là sự biểu hiện tạm thời phát sinh từ bất cứ lý do hay yếu tố bối cảnh nào. Tuyệt đối không! Sa-tan chỉ là không thể không như vậy! Nó không thể làm điều gì tốt lành. Ngay cả khi nó nói điều gì dễ nghe, nó chỉ để dụ dỗ người. Lời nó càng dễ chịu, càng khéo léo, càng nhẹ nhàng, thì những ý định độc ác đằng sau những lời này càng hiểm độc hơn. Loại bỏ mặt nào, loại bản tính nào Sa-tan thể hiện trong hai đoạn này? (Quỷ quyệt, hiểm độc và gian ác.) Đặc điểm chính của Sa-tan là gian ác; trên hết, Sa-tan là gian ác và hiểm độc.

Giờ thì chúng ta đã kết thúc cuộc thảo luận về Sa-tan, hãy cùng quay lại nói về Đức Chúa Trời của chúng ta. Trong suốt kế hoạch quản lý sáu nghìn năm của Đức Chúa Trời, rất ít lời phán trực tiếp của Ngài được ghi lại trong Kinh Thánh, và những gì được ghi chép lại rất đơn giản. Chúng ta hãy bắt đầu từ đầu. Đức Chúa Trời tạo con người và kể từ đó đã luôn dẫn dắt đời sống của nhân loại. Dù ban ơn phước cho nhân loại, quy định luật pháp và các điều răn cho con người, hay quy định những quy tắc khác cho đời sống, các người có biết chủ đích của Đức Chúa Trời là gì trong việc thực hiện những điều này không? Trước hết, người có thể nói chắc chắn rằng hết thảy những điều mà Đức Chúa Trời thực hiện là vì lợi ích của nhân loại không? Những lời này đối với các người có vẻ là những lời to tát, sáo rỗng, nhưng khi xem xét những chi tiết bên trong, chẳng phải mọi thứ mà Đức Chúa Trời thực hiện là để dẫn dắt và hướng dẫn con người đến việc sống một đời sống bình thường sao? Dù điều đó khiến con người tuân theo phép tắc của Ngài hay tuân giữ luật pháp của Ngài, mục đích của Đức Chúa Trời là để con người không rơi vào việc thờ phượng Sa-tan và không bị Sa-tan hãm hại; đây là điều cơ bản nhất, và đây là những gì được thực hiện ngay từ ban đầu. Ngay từ ban đầu, khi con người không hiểu được ý muốn của Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời đã đưa ra một số luật pháp và quy tắc đơn giản và tạo ra những luật lệ bao quát mọi vấn đề có thể nhận thức được. Những luật lệ này đơn giản, tuy nhiên bên trong chúng chứa đựng ý muốn của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời quý trọng, trân quý và hết mực yêu thương nhân loại. Thế chúng ta có thể nói lòng Ngài thánh khiết không? Chúng ta có thể nói lòng Ngài thanh sạch không? (Có.) Đức Chúa Trời có thêm bất kỳ động cơ nào không? (Không có.) Thế mục đích này của Ngài là đúng đắn và tích cực đúng không? Trong quá trình công tác của Đức Chúa Trời, hết thảy những luật lệ Ngài tạo ra có một tác động tích cực lên con người, dẫn lối cho con người. Thế có những suy nghĩ tư lợi nào trong tâm trí Đức Chúa Trời không? Đức Chúa Trời có thêm bất kỳ mục đích nào liên quan tới con người không? Đức Chúa Trời có muốn lợi dụng con người theo cách nào đó không? Không một chút nào. Đức Chúa Trời thực hiện như Ngài phán, và những lời nói, hành động của Ngài khớp với những suy nghĩ trong lòng Ngài. Không có mục đích như bản, không có những suy nghĩ tư lợi. Không điều gì Ngài làm là vì chính bản thân Ngài; hết thảy mọi điều Ngài làm, Ngài làm vì con người, không có bất cứ mục đích cá nhân nào. Mặc dù Ngài có những kế hoạch và ý định, những điều mà Ngài đặt ra cho con người, không gì trong đó là vì bản thân Ngài. Mọi thứ Ngài làm được thực hiện chỉ vì nhân loại, để bảo vệ nhân loại, để giữ nhân loại không bị lạc lối. Thế chẳng phải tấm lòng này của Ngài quý giá sao? Người có thể thấy dù chỉ một dấu hiệu nhỏ nhất của tấm lòng quý giá như thế ở Sa-tan không? Người không thể thấy mảy may một dấu hiệu nào của điều này ở Sa-tan, người hoàn toàn không thể thấy được. Mọi thứ Đức Chúa Trời thực hiện được mặc khải tự nhiên. Bây giờ, chúng ta hãy nhìn vào cách Đức Chúa Trời làm việc; Ngài thực hiện công tác của Ngài như thế nào? Đức Chúa Trời có lấy những luật pháp và lời Ngài và buộc chặt chúng quanh đầu từng người, như



câu thần chú vòng kim cô<sup>(a)</sup>, áp đặt chúng lên từng người một không? Ngài có làm việc theo cách này không? (Không.) Thế Đức Chúa Trời thực hiện công tác của Ngài theo cách nào? Ngài có đe dọa không? Ngài có quanh co khi Ngài phán với các người không? (Không.) Khi người không hiểu được lẽ thật, làm sao Đức Chúa Trời hướng dẫn người được? Ngài soi sáng cho người, nói rõ cho người rằng làm điều này không phù hợp với lẽ thật, và rồi Ngài bảo người điều người nên làm. Từ những cách thức mà Đức Chúa Trời làm việc này, người cảm thấy mình có mối quan hệ dạng gì với Đức Chúa Trời? Người có cảm thấy Đức Chúa Trời vượt quá tầm với không? (Không.) Thế người cảm thấy thế nào khi người thấy những cách thức mà Đức Chúa Trời làm việc này? Lời Đức Chúa Trời đặc biệt chân thực, và mối quan hệ của Ngài với con người đặc biệt bình thường. Đức Chúa Trời đặc biệt gần gũi với người; không có khoảng cách giữa người và Đức Chúa Trời. Khi Đức Chúa Trời hướng dẫn người, khi Ngài cung cấp cho người, giúp đỡ người và hỗ trợ người, người cảm thấy Đức Chúa Trời mới tốt bụng làm sao, sự tôn kính mà Ngài cảm thúc; người cảm thấy Ngài mới đáng mến làm sao, người cảm thấy sự ấm áp của Ngài. Nhưng khi Đức Chúa Trời trách cứ người vì sự bại hoại của người, hoặc khi Ngài phán xét và sửa dạy người vì phản nghịch Ngài, Ngài dùng phương pháp gì? Ngài có trách cứ người bằng lời không? Ngài có sửa dạy người thông qua môi trường của người và thông qua những con người, sự vật và sự việc không? (Có.) Đức Chúa Trời sửa dạy người đến đâu? Đức Chúa Trời có sửa dạy con người đến cùng mức độ mà Sa-tan hãm hại con người không? (Không, Đức Chúa Trời sửa dạy con người chỉ đến mức độ mà con người có thể chịu đựng được.) Đức Chúa Trời làm việc theo một cách nhẹ nhàng, tinh tế, yêu thương và quan tâm, một cách cực kỳ có chừng mực và đích đáng. Cách của Ngài không kích động trong người những phản ứng cảm xúc mạnh như: “Đức Chúa Trời phải để mình làm việc này” hay “Đức Chúa Trời phải để mình làm việc kia”. Đức Chúa Trời không bao giờ cho người kiêu cường độ tinh thần hay cảm xúc khiến mọi thứ không thể chịu đựng được. Chẳng phải vậy sao? Ngay cả khi người chấp nhận lời phán xét và sự trừng phạt của Đức Chúa Trời, thì người cảm thấy như thế nào? Khi người cảm nhận được thẩm quyền và quyền năng của Đức Chúa Trời, thì người cảm thấy như thế nào? Người có cảm thấy Đức Chúa Trời thiêng liêng và bất khả xâm phạm không? Người có cảm thấy khoảng cách giữa bản thân mình và Đức Chúa Trời vào những lúc này? Người có cảm thấy kính sợ Đức Chúa Trời không? Không – thay vào đó, người cảm thấy sự kính sợ đối với Đức Chúa Trời. Chẳng phải là vì công tác của Đức Chúa Trời khiến mọi người cảm thấy hết thấy những điều này sao? Liệu họ có những cảm xúc này nếu đó là Sa-tan làm việc không? Tuyệt đối không. Đức Chúa Trời dùng lời Ngài, lẽ thật của Ngài, và đời sống của Ngài để liên tục cung cấp cho con người, hỗ trợ con người. Khi con người yếu đuối, khi con người

---

a. “Thần chú vòng kim cô” là câu thần chú được sử dụng bởi Đường Tam Tạng trong tiểu thuyết Tây Du Ký của Trung Quốc. Đường Tăng đã dùng câu thần chú này để khống chế Tôn Ngộ Không bằng cách siết chặt chiếc vòng kim cô trên đầu của Tôn Ngộ Không, gây nhức đầu dữ dội, và do đó khống chế được Tôn Ngộ Không. Nó đã trở thành phép ẩn dụ để miêu tả điều gì đó ràng buộc một người.

cảm thấy mất tinh thần, Đức Chúa Trời chắc chắn không phán gay gắt rằng: “Đừng mất tinh thần. Có gì mà mất tinh thần chứ? Tại sao ngươi yếu đuối? Lý do gì để phải yếu đuối? Ngươi luôn quá yếu đuối, và ngươi luôn quá tiêu cực! Ngươi sống vậy có ích gì? Hãy chết đi cho xong!”. Đức Chúa Trời có làm việc theo cách này không? (Không.) Đức Chúa Trời có thẩm quyền hành động theo cách này không? Có, Ngài có. Tuy vậy Đức Chúa Trời không hành động theo cách này. Lý do Đức Chúa Trời không hành động theo cách này là vì thực chất của Ngài, thực chất sự thánh khiết của Đức Chúa Trời. Tình yêu thương của Ngài dành cho con người, sự quý trọng và trân quý con người của Ngài không thể được bày tỏ rõ ràng chỉ trong một hai câu. Nó không phải là điều gì đó được tạo ra bởi sự khoe khoang của con người mà là điều mà Đức Chúa Trời mang lại trong sự thực hành thực tế; nó là sự mặc khải thực chất của Đức Chúa Trời. Hết thảy những cách mà Đức Chúa Trời làm việc này có thể khiến con người thấy được sự thánh khiết của Đức Chúa Trời không? Trong tất cả những cách mà Đức Chúa Trời làm việc này, bao gồm những ý định tốt lành của Ngài, bao gồm những tác động Ngài muốn làm việc trên con người, bao gồm những cách thức khác nhau Ngài áp dụng để làm việc trên con người, kiểu công tác Ngài thực hiện, điều Ngài muốn con người hiểu là gì – ngươi đã thấy bất kì sự gian ác và giả dối nào trong những ý định tốt lành của Đức Chúa Trời chưa? (Chưa.) Thế nên trong mọi điều Đức Chúa Trời thực hiện, mọi điều Đức Chúa Trời phán, mọi điều Ngài nghĩ trong lòng, cũng như toàn bộ thực chất của Đức Chúa Trời mà Ngài mặc khải – chúng ta có thể gọi Đức Chúa Trời là thánh khiết không? (Có.) Có bất cứ ai đã từng thấy sự thánh khiết này trên thế gian, hay trong bản thân người ấy chưa? Ngoài Đức Chúa Trời ra, ngươi đã từng thấy nó trong bất cứ con người nào, hay trong Sa-tan chưa? (Chưa.) Dựa trên cuộc thảo luận của chúng ta tới giờ, chúng ta có thể gọi Đức Chúa Trời là Đấng Độc nhất, chính Đức Chúa Trời thánh khiết không? (Có.) Hết thảy mọi thứ Đức Chúa Trời ban cho con người, bao gồm những lời Ngài, những cách thức khác nhau mà Đức Chúa Trời làm việc trên con người, điều Đức Chúa Trời nói với con người, và điều Đức Chúa Trời nhắc nhở con người, điều Ngài khuyên nhủ và động viên – hết thảy bắt nguồn từ một thực chất: sự thánh khiết của Đức Chúa Trời. Nếu không có Đức Chúa Trời thánh khiết như vậy, không người nào có thể thay vị trí của Ngài để thực hiện công tác Ngài làm. Nếu Đức Chúa Trời giao toàn bộ những người này cho Sa-tan, các ngươi có bao giờ nghĩ xem hết thảy các ngươi sẽ ở trong tình trạng nào ngày hôm nay không? Hết thảy các ngươi có đang ngồi đây, nguyên vẹn và bất khả xâm phạm không? Các ngươi cũng sẽ nói: “Tôi trải qua đây đó trên đất và dạo chơi tại nơi nó” không? Ngươi sẽ quá trơ tráo, rất tự phụ và đầy thái độ ngênh ngang đến nỗi nói ra những lời như thế và khoắc lác không biết xấu hổ trước Đức Chúa Trời không? Không nghi ngờ gì nữa, chắc chắn các ngươi sẽ như vậy. Thái độ của Sa-tan đối với con người cho phép con người thấy bản tính và thực chất của Sa-tan hoàn toàn khác biệt với Đức Chúa Trời. Thực chất của Sa-tan là gì mà trái ngược với sự thánh khiết của Đức Chúa Trời? (Sự gian ác của Sa-tan.) Bản tính gian ác của Sa-tan trái ngược với sự thánh khiết của Đức Chúa Trời. Lý do tại sao phần lớn mọi người không nhận ra được sự mặc khải này của Đức Chúa Trời và thực chất sự thánh khiết này của Đức Chúa

Trời là vì họ sống dưới lãnh thổ của Sa-tan, trong sự bại hoại của Sa-tan và trong vòng vây cuộc sống của Sa-tan. Họ không biết sự thánh khiết là gì, hay làm thế nào để định nghĩa sự thánh khiết. Ngay cả khi người nhận thức được sự thánh khiết của Đức Chúa Trời, người vẫn không thể định nghĩa được nó là sự thánh khiết của Đức Chúa Trời với bất kỳ sự chắc chắn nào. Đây là sự chênh lệch trong hiểu biết của con người về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời.

Điều gì là đặc điểm công việc của Sa-tan trên con người? Người phải có khả năng biết được điều này qua những trải nghiệm của chính mình – đây là điểm đặc trưng nguyên mẫu của Sa-tan, điều mà nó lặp đi lặp lại, điều mà nó cố làm với từng người một. Có lẽ các người không thể thấy được đặc điểm này, nên các người không cảm nhận được Sa-tan rất đáng sợ và đáng ghét. Có ai biết đặc điểm này là gì không? (Nó dụ dỗ, lôi kéo và cám dỗ con người.) Đúng rồi; đây là vài cách mà đặc điểm này biểu lộ. Sa-tan cũng đánh lừa, tấn công và buộc tội con người – hết thảy những điều này là các biểu hiện. Còn nữa không? (Nó nói dối.) Gian lận và dối trá đến với Sa-tan hết sức tự nhiên. Nó thường làm những điều này. Ngoài ra còn có hành vi điều khiển mọi người, xúi giục họ, ép buộc họ làm việc, ra lệnh cho họ và cưỡng ép chiếm hữu họ. Giờ Ta sẽ mô tả cho các người điều này khiến các người dựng tóc gáy, nhưng Ta không làm để dọa các người. Đức Chúa Trời làm việc trên con người và trân quý con người trong cả thái độ của Ngài và trong lòng Ngài. Mặt khác, Sa-tan không hề trân quý con người, và nó lúc nào cũng nghĩ cách làm hại con người. Chẳng phải vậy sao? Khi nó nghĩ về việc hãm hại con người, tâm trạng của nó có phải là một kiểu cấp bách không? (Có.) Vì thế, liên quan đến công việc của Sa-tan trên con người, Ta có hai cụm từ có thể mô tả đầy đủ sự tà ác và hiểm độc của Sa-tan, có thể thật sự cho các người hiểu được sự đáng khinh ghét của Sa-tan: Trong cách tiếp cận con người của Sa-tan, nó luôn muốn chiếm giữ và cưỡng ép chiếm hữu con người, từng người một, đến mức nó có thể đạt được sự kiểm soát con người hoàn toàn và hãm hại con người một cách nghiêm trọng, để nó có thể đạt được mục đích của mình và thực hiện được tham vọng ngông cuồng của nó. “Cưỡng ép chiếm hữu” nghĩa là gì? Nó có phải là điều xảy ra được sự ưng thuận của người, hay không được sự ưng thuận của người? Nó xảy ra khi người biết, hay khi người không biết? Câu trả lời là nó xảy ra mà người hoàn toàn không biết! Nó xảy ra trong những tình huống mà người không biết, có khi nó còn không nói gì hay làm gì với người, không có căn cứ, không bối cảnh – Sa-tan ở đó, vòng quanh người, vây quanh người. Nó tìm một cơ hội để lợi dụng và rồi nó mạnh bạo chiếm lấy người, sở hữu người, đạt được mục đích của nó là giành được sự kiểm soát hoàn toàn đối với người và gây tổn hại cho người. Đây là ý định và hành vi điển hình nhất của Sa-tan khi nó vật lộn giành giật nhân loại khỏi Đức Chúa Trời. Các người cảm thấy thế nào khi các người nghe điều này? (Kinh hoàng và sợ hãi trong lòng.) Người có cảm thấy ghê tởm không? (Có.) Khi các người cảm thấy sự ghê tởm này, các người có nghĩ rằng Sa-tan vô liêm sỉ không? Khi các người nghĩ rằng Sa-tan vô liêm sỉ, thì các người có cảm thấy ghê tởm những người xung quanh các người luôn muốn kiểm soát các người, những người với tham vọng ngông cuồng về địa vị và lợi ích không? (Có.)

Thế những phương pháp nào Sa-tan dùng để sở hữu và cưỡng ép chiếm hữu con người? Các người có rõ về điều này không? Khi người nghe thấy hai cụm từ “cưỡng ép chiếm hữu” và “sở hữu”, người cảm thấy ghê tởm và người có thể cảm nhận được sự gian ác trong những lời này. Không được người ưng thuận hay biết đến, Sa-tan sở hữu người, cưỡng ép chiếm hữu người, và làm người bại hoại. Người có thể nắm trải được gì trong lòng mình? Người có cảm thấy căm ghét và ghê tởm không? (Có.) Khi người cảm nhận được sự căm ghét và ghê tởm đối với những cách này của Sa-tan, người dành cho Đức Chúa Trời loại cảm xúc gì? (Lòng biết ơn.) Lòng biết ơn Đức Chúa Trời vì đã cứu rỗi người. Thế thì bây giờ, ngay lúc này, người có khao khát hay ý muốn để Đức Chúa Trời chiếm lấy và kiểm soát hết thảy người có gì và người là gì không? (Có.) Trong bối cảnh nào người trả lời như vậy? Có phải người nói “có” vì người sợ bị chiếm lấy và sở hữu một cách mạnh bạo bởi Sa-tan không? (Phải.) Người không được có kiểu tâm lý này; nó không đúng. Đừng sợ hãi, vì Đức Chúa Trời ở đây. Không có gì phải sợ cả. Một khi người đã hiểu được thực chất gian ác của Sa-tan, người nên có một sự hiểu biết chính xác hơn hoặc một sự trân quý sâu sắc hơn đối với sự yêu thương của Đức Chúa Trời, những ý định tốt đẹp của Đức Chúa Trời, lòng nhân từ và khoan dung của Đức Chúa Trời đối với con người, và tâm tính công chính của Ngài. Sa-tan thật đáng ghét, thế nhưng nếu điều này không soi dẫn tình yêu Đức Chúa Trời của người và sự nương cậy, tin tưởng Đức Chúa Trời của người, thì người là kiểu người gì vậy? Người có sẵn lòng để Sa-tan hãm hại người như vậy không? Sau khi nhìn thấy sự gian ác và sự ghê tởm của Sa-tan, chúng ta quay lại và rồi nhìn vào Đức Chúa Trời. Kiến thức của người về Đức Chúa Trời giờ đã trải qua bất kỳ sự thay đổi nào chưa? Chúng ta có thể nói rằng Đức Chúa Trời thánh khiết không? Chúng ta có thể nói rằng Đức Chúa Trời hoàn mỹ không? “Đức Chúa Trời là sự thánh khiết độc nhất” – Đức Chúa Trời có xứng đáng với danh hiệu này không? (Có.) Thế trên thế gian và giữa vạn vật, chẳng phải chỉ có chính Đức Chúa Trời mới có thể xứng đáng với hiểu biết này mà con người có về Đức Chúa Trời sao? (Phải.) Thế chính xác Đức Chúa Trời cho con người điều gì? Có phải Ngài chỉ cho người một chút chăm sóc, lo lắng và quan tâm mà người không hay biết không? Đức Chúa Trời đã cho con người điều gì? Đức Chúa Trời đã đem sự sống cho con người, cho con người mọi thứ, và ban hết thảy điều này cho con người vô điều kiện mà không đòi hỏi bất cứ điều gì, không có bất cứ động cơ ngầm nào. Ngài dùng lẽ thật, lời Ngài và đời sống của Ngài để dẫn dắt và hướng dẫn con người, đem con người ra khỏi sự hãm hại của Sa-tan, tránh khỏi những sự cám dỗ và sự xui khiến của Sa-tan, cho con người thấu rõ bản tính gian ác và bộ mặt gớm guốc của Sa-tan. Tình yêu và sự quan tâm của Đức Chúa Trời cho nhân loại có thật không? Đó có phải là điều mà mỗi người các người có thể cảm nghiệm không? (Có.)

Nhìn lại vào đời sống của các người cho đến nay, vào hết thảy công tác Đức Chúa Trời đã thực hiện trên người trong toàn bộ những năm đức tin của người. Dù những cảm xúc mà điều này gợi lên cho người là sâu sắc hay hời hợt, đây chẳng phải là điều cần thiết nhất trong hết thảy mọi điều đối với người sao? Nó không phải là điều người cần đạt được nhất sao? (Phải.) Đây không phải là lẽ thật sao? Đây không phải là sự

sống sao? (Phải.) Đức Chúa Trời đã bao giờ ban sự khai sáng cho người, và rồi yêu cầu người đưa cho Ngài bất cứ thứ gì để đáp lại hết thảy những gì Ngài đã cho người không? (Không.) Thế mục đích của Đức Chúa Trời là gì? Tại sao Đức Chúa Trời làm điều này? Có phải Đức Chúa Trời có mục đích chiếm hữu người không? (Không.) Có phải Đức Chúa Trời muốn lên ngôi Ngài trong lòng con người không? (Phải.) Thế sự khác biệt giữa việc Đức Chúa Trời lên ngôi Ngài và sự cưỡng ép chiếm hữu của Sa-tan là gì? Đức Chúa Trời muốn thu phục được lòng người, Ngài muốn chiếm lấy lòng người – điều này nghĩa là gì? Có phải nó nghĩa là Đức Chúa Trời muốn con người trở thành những con rối, những cỗ máy của Ngài không? (Không phải.) Thế mục đích của Đức Chúa Trời là gì? Có sự khác biệt nào giữa việc Đức Chúa Trời muốn chiếm lấy lòng người và sự chiếm hữu và sở hữu con người mạnh bạo của Sa-tan không? (Có.) Sự khác biệt là gì? Người có thể nói rõ với Ta không? (Sa-tan làm việc đó thông qua vũ lực, trong khi Đức Chúa Trời để con người tự nguyện.) Đây có phải là sự khác biệt không? Đức Chúa Trời dùng lòng người để làm gì? Đức Chúa Trời chiếm lấy người để làm gì? Trong lòng mình, người hiểu “Đức Chúa Trời chiếm giữ lòng người” như thế nào? Chúng ta phải công bằng trong cách chúng ta thảo luận về Đức Chúa Trời ở đây, nếu không mọi người sẽ luôn hiểu nhầm, và nghĩ: “Đức Chúa Trời luôn muốn chiếm giữ tôi. Ngài muốn chiếm giữ tôi để làm gì? Tôi không muốn bị chiếm giữ, tôi chỉ muốn làm chủ chính mình. Ngài nói Sa-tan chiếm lấy mọi người, nhưng Đức Chúa Trời cũng chiếm giữ mọi người. Chẳng phải nó tương tự nhau sao? Tôi không muốn để bất cứ ai chiếm lấy tôi. Tôi là chính tôi!”. Sự khác biệt ở đây là gì? Hãy suy nghĩ đi. Ta hỏi các người, cụm từ “Đức Chúa Trời chiếm lấy con người” là một cụm từ sáo rỗng sao? Sự chiếm giữ con người của Đức Chúa Trời có phải nghĩa là Ngài sống trong lòng người và kiểm soát mọi lời và mọi cử động của người không? Nếu Ngài nói người ngồi, người dám không đứng không? Nếu Ngài nói người đi hướng đông, người dám không đi hướng tây không? “Sự chiếm giữ” này có ám chỉ điều gì theo hướng này không? (Không, không phải.) Đức Chúa Trời muốn con người sống thể hiện ra Đức Chúa Trời có gì và là gì.) Qua những năm mà Đức Chúa Trời đã quản lý con người, trong công tác của Ngài trên con người cho tới bây giờ trong giai đoạn cuối này, điều gì là tác động dự định đối với con người của hết thảy những lời Ngài đã phán? Có phải đó là con người sống thể hiện ra Đức Chúa Trời có gì và là gì không? Nhìn vào nghĩa đen của việc “Đức Chúa Trời chiếm giữ lòng người”, nó có vẻ như Đức Chúa Trời chiếm lòng người là chiếm giữ nó, sống trong nó và không ra nữa; Ngài trở thành chủ nhân của con người và có khả năng thống trị và thao túng lòng người tùy ý, hầu để con người phải làm bất cứ điều gì Đức Chúa Trời nói họ làm. Theo nghĩa này, nó có vẻ như thể mỗi người có thể trở thành Đức Chúa Trời và sở hữu thực chất và tâm tính của Ngài. Vậy trong trường hợp này, lẽ nào con người cũng có thể thực hiện những việc làm của Đức Chúa Trời? “Sự chiếm giữ” có thể được giải thích theo cách này không? (Không.) Thế nó là gì? Ta hỏi các người điều này: Có phải hết thảy những lời và lẽ thật mà Đức Chúa Trời cung cấp cho con người là một sự mặc khải về thực chất của Đức Chúa Trời và Ngài có gì và là gì không?

(Đúng vậy.) Điều này chắc chắn là đúng. Nhưng có nhất thiết chính Đức Chúa Trời phải thực hành và sở hữu hết thảy những lời Ngài cung cấp cho con người không? Hãy suy nghĩ về điều này. Khi Đức Chúa Trời phán xét con người, tại sao Ngài phán xét? Do đâu mà có những lời này? Nội dung của những lời Đức Chúa Trời phán này khi Ngài phán xét con người là gì? Chúng dựa trên điều gì? Có phải chúng dựa trên tâm tính bại hoại của con người không? (Phải.) Thế hiệu quả đạt được bởi sự phán xét con người của Đức Chúa Trời lên con người có dựa trên thực chất của Đức Chúa Trời không? (Có.) Thế “việc chiếm giữ con người” của Đức Chúa Trời có phải là một cụm từ sáo rỗng không? Chắc chắn là không phải. Thế tại sao Đức Chúa Trời phán những lời này cho con người? Mục đích Ngài phán những lời này là gì? Có phải Ngài muốn dùng những lời này để có tác dụng như đời sống của con người? (Đúng.) Đức Chúa Trời muốn sử dụng toàn bộ lẽ thật này mà Ngài đã phán trong những lời này để có tác dụng như đời sống của con người. Khi con người mang toàn bộ lẽ thật và lời Đức Chúa Trời này và biến chúng thành đời sống của chính mình, thì con người có thể vâng phục Đức Chúa Trời không? Con người khi đó có thể kính sợ Đức Chúa Trời không? Rồi con người có thể lánh khỏi điều ác không? Khi con người đạt đến điểm này, thì người ta có thể vâng phục quyền tối thượng và sự sắp đặt của Đức Chúa Trời không? Con người khi đó có thể vâng phục thẩm quyền của Đức Chúa Trời không? Khi những người như Gióp, hay Phi-e-rơ, đi đến cuối con đường, khi đời sống họ có thể được xem là đã đạt được sự trưởng thành, khi họ có một sự hiểu biết đích thực về Đức Chúa Trời – thì Sa-tan còn có thể xỏ mũi họ không? Sa-tan còn có thể mạnh bạo sở hữu họ không? (Không.) Vậy đây là kiểu người gì? Đây có phải là một người đã được Đức Chúa Trời thu phục hoàn toàn không? (Phải.) Ở cấp độ ý nghĩa này, các người thấy kiểu người đã được Đức Chúa Trời thu phục hoàn toàn này như thế nào? Từ góc nhìn của Đức Chúa Trời, trong những tình huống này, Ngài đã chiếm được lòng người này. Nhưng người này cảm thấy gì? Có phải là lời Đức Chúa Trời, thẩm quyền của Đức Chúa Trời và đường đi của Đức Chúa Trời trở thành sự sống trong con người, rằng sự sống này khi đó xâm chiếm toàn bộ hữu thể con người, khiến mọi thứ người ta sống thể hiện ra cũng như thực chất của người ta đủ để thỏa lòng Đức Chúa Trời? Từ góc nhìn của Đức Chúa Trời, có phải lòng người ngay lúc này được Ngài chiếm hữu không? (Phải.) Làm thế nào bây giờ các người hiểu được cấp độ ý nghĩa này? Có phải Thần của Đức Chúa Trời đã chiếm hữu người không? (Không, là lời Đức Chúa Trời chiếm hữu chúng con.) Đó là đường đi của Đức Chúa Trời và lời Ngài đã trở thành sự sống của người, và đó là lẽ thật đã trở thành sự sống của người. Lúc này, thì con người sở hữu sự sống đến từ Đức Chúa Trời, nhưng chúng ta không thể nói rằng sự sống này là đời sống của Đức Chúa Trời. Nói cách khác, chúng ta không thể nói rằng sự sống con người thu được từ lời Đức Chúa Trời là đời sống của Đức Chúa Trời. Thế nên cho dù con người đi theo Đức Chúa Trời bao lâu, con người thu nhận được bao nhiêu lời từ Đức Chúa Trời, thì con người cũng không bao giờ có thể trở thành Đức Chúa Trời. Ngay cả khi một ngày Đức Chúa Trời phán: “Ta đã chiếm giữ lòng người, giờ đây người sở hữu đời sống của Ta”, thì người sẽ cảm

thấy người là Đức Chúa Trời sao? (Không.) Thế thì người sẽ trở thành gì? Chẳng phải người sẽ có một sự vâng phục tuyệt đối cho Đức Chúa Trời sao? Chẳng phải lòng người sẽ tràn đầy sự sống mà Đức Chúa Trời đã ban cho người sao? Đây là một biểu hiện rất bình thường của những gì xảy ra khi Đức Chúa Trời chiếm lấy lòng người. Đây là nhận thức. Thế nên nhìn vào nó từ khía cạnh này, con người có thể trở thành Đức Chúa Trời không? Khi con người có thể sống bày tỏ ra thực tế của lời Đức Chúa Trời, trở thành người kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác, thì liệu con người có thể sở hữu bản chất sự sống và sự thánh khiết của Đức Chúa Trời không? Tuyệt đối là không. Cho dù chuyện gì xảy ra, rốt cuộc thì con người vẫn là con người. Người là một tạo vật; khi người nhận lãnh lời Đức Chúa Trời từ Đức Chúa Trời và nhận lãnh đường đi của Đức Chúa Trời, người chỉ có thể sở hữu sự sống đến từ lời Đức Chúa Trời, người trở thành người được Đức Chúa Trời khen ngợi, nhưng người sẽ không bao giờ sở hữu được bản chất sự sống của Đức Chúa Trời, càng không sở hữu sự thánh khiết của Đức Chúa Trời.

Giờ chúng ta quay trở lại chủ đề mà chúng ta vừa thảo luận. Trong cuộc thảo luận này, Ta đã hỏi các người một câu – Áp-ra-ham có thánh khiết không? Gióp có thánh khiết không? (Không.) “Sự thánh khiết” này đại diện cho thực chất và tâm tính của Đức Chúa Trời, và con người quá thiếu kém. Con người không có thực chất của Đức Chúa Trời hay tâm tính của Đức Chúa Trời. Ngay cả khi con người đã trải nghiệm hết thấy những lời Đức Chúa Trời và đã được trang bị tính hiện thực của chúng, thì con người vẫn không thể sở hữu được thực chất thánh khiết của Đức Chúa Trời; con người là con người. Người hiểu mà, đúng không? Thế giờ đây trí hiểu của người về cụm từ “Đức Chúa Trời chiếm lấy lòng người” này là gì? (Chính là lời Đức Chúa Trời, đường đi của Đức Chúa Trời, và lẽ thật của Ngài trở thành sự sống của con người.) Người đã thuộc lòng những lời này. Ta mong các người sẽ có một trí hiểu sâu sắc hơn. Vài người có thể thắc mắc: “Thế tại sao nói rằng các sứ giả và thiên sứ của Đức Chúa Trời không thánh khiết?”. Các người nghĩ gì về câu hỏi này? Có lẽ các người đã chưa suy xét nó trước đây. Ta sẽ dùng một ví dụ đơn giản: Khi người bật một con rô-bốt, nó có thể vừa nhảy vừa nói chuyện, và người có thể hiểu điều nó nói. Người có thể gọi nó đáng yêu và lanh lợi, nhưng nó sẽ không bao giờ hiểu được vì nó không có sự sống. Khi người tắt nguồn cấp năng lượng của nó, nó còn có thể di chuyển không? Khi rô-bốt này được kích hoạt, người có thể thấy nó lanh lợi và đáng yêu. Người đánh giá nó, dù đó là thực chất hay thiện cận, nhưng bất kể thế nào, người có thể thấy nó chuyển động. Nhưng khi người tắt nguồn cấp năng lượng của nó, người có thể thấy bất kỳ kiểu tính cách nào trong nó không? Người có thể thấy nó sở hữu bất kỳ kiểu thực chất nào không? Người có hiểu ý nghĩa điều Ta đang phán không? Nghĩa là, mặc dù rô bốt này có thể chuyển động và dừng lại, người không bao giờ có thể mô tả nó là có bất kỳ kiểu thực chất nào. Chẳng phải đây là nhận thức sao? Giờ đây, chúng ta sẽ không nói thêm về điều này nữa. Đã đủ để các người có sự hiểu biết chung chung về ý nghĩa. Chúng ta hãy kết thúc sự thông công tại đây. Tạm biệt!

Ngày 17 tháng 12 năm 2013

# CHÍNH ĐỨC CHÚA TRỜI, ĐẲNG ĐỘC NHẤT V

## SỰ THÁNH KHIẾT CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI (II)

Hỡi các anh chị em, hôm nay chúng ta hãy hát một bài Thánh ca. Hãy tìm một bài các người yêu thích và thường xuyên hát. (Chúng con sẽ hát bài Thánh ca số 760 về lời Đức Chúa Trời: “Tình yêu thuần khiết không tì vết”.)

1 “Tình yêu” chỉ một tình cảm thuần khiết không một vết nhơ, ở đó người sử dụng con tim để thương yêu, cảm nhận và quan tâm. Trong tình yêu không có điều kiện nào, không có rào cản nào, và không có khoảng cách nào. Trong tình yêu không có sự hoài nghi, không có sự giả dối, và không có sự xảo quyệt. Trong tình yêu không có đổi chác và không có điều gì ô uế. Nếu người yêu thương, thì người sẽ không giả dối, không ca thán, không phản bội, không dấy loạn, không đòi hỏi hay mưu cầu để được cái gì hay được bao nhiêu.

2 “Tình yêu” chỉ một tình cảm thuần khiết không một vết nhơ, ở đó người sử dụng con tim để thương yêu, cảm nhận và quan tâm. Trong tình yêu không có điều kiện nào, không có rào cản nào, và không có khoảng cách nào. Trong tình yêu không có sự hoài nghi, không có sự giả dối, và không có sự xảo quyệt. Trong tình yêu không có đổi chác và không có điều gì ô uế. Nếu người yêu thương thì người sẽ vui vẻ dâng hiến, sẽ vui vẻ chịu đựng gian khổ, người sẽ trở nên tương hợp với Ta, người sẽ từ bỏ tất cả những gì người có vì Ta, từ bỏ gia đình người, tương lai người, tuổi trẻ của người, và cuộc hôn nhân của người. Nếu không, thì tình yêu của người không hề là tình yêu, mà là sự giả dối và phản bội!

– Theo Chiên Con và hát những bài ca mới

Bài Thánh ca này là một chọn lựa hay. Các người đều thích hát bài này chứ? Các người cảm thấy thế nào sau khi hát bài này? Các người có thể cảm nhận được loại tình yêu này trong chính các người không? (Chưa.) Những ca từ nào trong bài này cảm động người sâu sắc nhất? (Trong tình yêu không có điều kiện, không có rào cản, và không có khoảng cách. Trong tình yêu không có hoài nghi, không có giả dối, và không có xảo quyệt. Trong tình yêu không có đổi chác và không có gì ô uế. Nhưng trong chính mình, con vẫn thấy nhiều điều không thuần khiết, và nhiều phần trong con cố thương lượng với Đức Chúa Trời. Con thực sự chưa đạt được loại tình yêu thuần khiết và không tì vết.) Nếu người chưa đạt được tình yêu thuần khiết và không tì vết, thì mức độ tình yêu của người đến đâu? (Con chỉ đang ở trong giai đoạn mà con sẵn sàng tìm kiếm, mà con đang khao khát.) Dựa trên vóc giạc của chính mình và nói từ kinh nghiệm của chính mình, thì người đã đạt được cấp độ nào? Người có lừa dối, người có phản nản không? Người có những đòi hỏi trong lòng mình không? Có điều gì người muốn và ao ước có được từ Đức Chúa Trời không? (Có, con có những điều ô uế này bên trong.) Trong tình cảnh nào chúng xuất hiện? (Khi tình huống mà Đức Chúa Trời đã xếp đặt cho con không phù hợp với các quan niệm của con, hoặc khi những mong muốn của con không được



đáp ứng, trong những lúc như thế, con sẽ tỏ lộ loại tâm tính bại hoại này.) Các anh chị em là những người đến từ Đài Loan, các người cũng thường hát bài Thánh ca này phải không? Các người có thể nói một chút xem mình hiểu thế nào về “tình yêu thuần khiết không tì vết” không? Tại sao Đức Chúa Trời định nghĩa tình yêu theo cách này? (Con rất thích bài Thánh ca này bởi vì từ đó con có thể thấy rằng tình yêu này là một tình yêu trọn vẹn. Tuy nhiên, con vẫn còn một chặng đường dài để đi mới đạt được tiêu chuẩn đó, và con vẫn còn rất xa mới đạt được tình yêu thực sự. Có một vài điều mà ở đó con đã có thể đạt được sự tiến bộ và hợp tác qua sức mạnh lời Đức Chúa Trời ban cho con và qua lời cầu nguyện. Tuy nhiên, khi đối diện với những thử luyện hoặc sự phơi bày nhất định, con lại cảm thấy mình không có tương lai hay vận mệnh gì, và mình không có một đích đến. Trong những lúc như thế, con cảm thấy rất yếu đuối, và chuyện này thường khiến con lo lắng.) Khi nói “tương lai và vận mệnh” thì rốt cuộc người đang đề cập đến điều gì? Có điều gì cụ thể mà người đang đề cập đến không? Nó có phải là một hình ảnh hoặc điều gì đó người đã tưởng tượng ra, hay tương lai và vận mệnh của người là một thứ mà người có thể thực sự nhìn thấy? Nó có phải là một thực thể không? Ta muốn mỗi một người các người nghĩ về điều đó: Mỗi quan tâm các người có về tương lai và số phận của mình liên quan đến điều gì? (Đó là việc có thể được cứu rỗi để con có thể tồn tại.) Các anh chị em khác, các người cũng nói một chút về hiểu biết của mình về “tình yêu thuần khiết không tì vết” đi. (Khi một người có nó, thì không có sự bất khiết đến từ chính bản ngã cá nhân của họ, và họ không bị kiểm soát bởi tương lai và vận mệnh của mình. Bất kể Đức Chúa Trời đối xử với họ thế nào, thì họ vẫn có thể hoàn toàn tuân theo công tác của Đức Chúa Trời cùng những sự sắp đặt của Ngài, và đi theo Ngài cho đến tận cùng. Chỉ có loại tình yêu này dành cho Đức Chúa Trời mới là tình yêu thuần khiết và không tì vết. Khi con so sánh bản thân mình với nó thì con mới phát hiện ra rằng mặc dù con dường như đã dâng mình hoặc gạt bỏ một số thứ nhất định trong vài năm qua tin vào Đức Chúa Trời, nhưng con đã thực sự không thể dâng lòng mình cho Ngài. Khi Đức Chúa Trời phơi bày con, con cảm thấy mình không thể được cứu, và con sống trong một trạng thái tiêu cực. Con thấy bản thân đang thực hiện bổn phận của mình, nhưng đồng thời con cũng đang cố gắng thỏa thuận với Đức Chúa Trời, con không thể yêu mến Đức Chúa Trời với tất cả tấm lòng mình, và đích đến, tương lai cùng số phận của con luôn luôn ở trong tâm trí con.) Dường như các người đã cảm thụ được một chút về bài Thánh ca này, và đã có đôi chút liên hệ giữa bài này và trải nghiệm thực tế của các người. Tuy nhiên, các người có những mức độ chấp nhận khác nhau đối với từng cụm từ trong bài Thánh ca “Tình yêu thuần khiết không tì vết”. Một số người nghĩ nó là về sự sẵn lòng, một số người đang cố gắng gạt bỏ tương lai của họ, một số người đang cố gắng buông bỏ gia đình mình, và một số người không tìm cầu nhận bất cứ điều gì. Thậm chí có những người khác đang đòi hỏi bản thân không được lừa dối, không than phiền, và không dấy nghịch chống lại Đức Chúa Trời. Tại sao Đức Chúa Trời lại muốn đề nghị loại tình yêu này và yêu cầu mọi người nên yêu mến Ngài theo cách này? Đây có phải là một loại tình yêu mà mọi người có thể đạt được

không? Có nghĩa là, mọi người có thể yêu theo cách này không? Con người có thể thấy rằng họ không thể, bởi vì họ không sở hữu loại tình yêu này chút nào. Khi con người không sở hữu nó, và khi về căn bản họ không biết về tình yêu, thì Đức Chúa Trời phán những lời này, và những lời này xa lạ đối với họ. Vì con người sống trong thế giới này và trong một tâm tính bại hoại, nếu con người có loại tình yêu này hoặc nếu một người có thể có được loại tình yêu này, tình yêu mà không có yêu cầu hay đòi hỏi gì, một tình yêu mà có nó họ sẵn sàng dâng hiến chính mình, chịu đựng đau khổ và từ bỏ mọi thứ họ có, vậy thì người khác sẽ nghĩ gì về người sở hữu loại tình yêu này? Liệu một người như thế có phải là người hoàn thiện không? (Có.) Một người hoàn thiện như thế có tồn tại trong thế giới này không? Loại người này hoàn toàn không tồn tại trong thế giới này. Tuyệt đối là như thế. Do đó, một số người, qua những kinh nghiệm của bản thân, dốc hết sức để tự đánh giá mình dựa trên những lời này. Họ đối phó với chính mình, kiểm chế chính mình, và họ thậm chí còn liên tục từ bỏ chính mình: Họ chịu đựng đau khổ và khiến bản thân từ bỏ các quan niệm của mình. Họ từ bỏ sự dấy nghịch và những ham muốn cùng nhu cầu của bản thân. Nhưng cuối cùng họ vẫn không thể đạt tiêu chuẩn. Tại sao điều đó xảy ra? Đức Chúa Trời phán những điều này để ban ra một tiêu chuẩn cho mọi người làm theo, vì vậy mọi người sẽ biết được tiêu chuẩn mà Đức Chúa Trời yêu cầu ở họ. Nhưng Đức Chúa Trời có bao giờ phán rằng con người phải đạt được điều này ngay lập tức chưa? Đức Chúa Trời có bao giờ phán trong bao lâu con người phải đạt được điều này chưa? (Chưa.) Đức Chúa Trời có bao giờ phán rằng con người phải yêu mến Ngài theo cách này chưa? Đoạn này có nói điều đó không? Không, không có. Đức Chúa Trời chỉ phán với con người về tình yêu mà Ngài đang đề cập đến. Về việc con người có thể yêu Đức Chúa Trời theo cách này và đối xử với Đức Chúa Trời theo cách này, thì những yêu cầu của Đức Chúa Trời đối với con người là gì? Không cần thiết phải đạt được chúng ngay lập tức, bởi vì điều đó sẽ nằm ngoài khả năng của con người. Các người có bao giờ nghĩ về việc con người cần phải đáp ứng những loại điều kiện nào để yêu theo cách này chưa? Nếu con người thường xuyên đọc những lời này thì họ sẽ dần dần có được tình yêu này không? (Không.) Vậy thì, điều kiện là gì? Trước tiên, làm thế nào con người có thể không còn nghi ngờ Đức Chúa Trời? (Chỉ những người trung thực mới có thể đạt được điều này.) Còn về việc không còn lừa dối thì sao? (Họ cũng phải là những người trung thực.) Còn với một người không còn thương lượng với Đức Chúa Trời thì sao? Đó cũng là một phần trong việc phải là một người trung thực. Còn đối với việc không còn xảo quyệt thì sao? Nói rằng không có sự lựa chọn trong tình yêu có nghĩa là gì? Có phải tất cả những điều này đều trở lại với việc làm một người trung thực không? Có rất nhiều chi tiết ở đây. Việc Đức Chúa Trời có thể phán và định nghĩa loại tình yêu này theo cách này chứng tỏ điều gì? Chúng ta có thể nói rằng Đức Chúa Trời sở hữu loại tình yêu này không? (Có.) Các người thấy điều này ở đâu? (Trong tình yêu Đức Chúa Trời dành cho con người.) Tình yêu của Đức Chúa Trời dành cho con người có điều kiện không? Có những rào cản hoặc khoảng cách nào giữa Đức Chúa Trời và con người không? Đức Chúa Trời có nghi ngờ con

người không? (Không.) Đức Chúa Trời quan sát con người và hiểu con người; Ngài thực sự hiểu con người. Đức Chúa Trời có lừa dối con người không? (Không.) Vì Đức Chúa Trời nói quá hoàn hảo về tình yêu này, thì tấm lòng của Ngài hoặc thực chất của Ngài cũng có thể hoàn hảo như thế không? (Có.) Chắc chắn là có; khi sự trải nghiệm của người ta đạt đến một điểm nhất định, họ có thể cảm nhận điều này. Có bao giờ con người định nghĩa tình yêu theo cách này chưa? Trong những hoàn cảnh nào con người đã định nghĩa tình yêu? Con người nói về tình yêu như thế nào? Phải chăng con người không nói về mặt cho đi và dâng hiến trong tình yêu? (Đúng.) Định nghĩa này về tình yêu quá đơn giản; nó thiếu thực chất.

Định nghĩa của Đức Chúa Trời về tình yêu và cách Ngài phán về tình yêu có liên quan đến một khía cạnh trong thực chất của Ngài, nhưng đó là khía cạnh nào? Lần trước chúng ta đã thông công về một chủ đề rất quan trọng, một chủ đề mà trước đây con người thường thảo luận. Chủ đề này bao gồm một từ thường được nhắc đến trong quá trình tin nơi Đức Chúa Trời, tuy vậy nó là một từ mà mọi người cảm thấy vừa quen vừa lạ. Tại sao Ta phán điều này? Đó là một từ xuất phát từ ngôn ngữ của con người; tuy nhiên, giữa con người, định nghĩa của nó vừa rõ ràng vừa mơ hồ. Từ này là từ gì? (Sự thánh khiết.) Sự thánh khiết: đó là chủ đề lần trước chúng ta đã thông công. Chúng ta đã thông công về một phần của chủ đề này. Qua sự thông công lần trước của chúng ta, mọi người có đạt được sự hiểu biết mới mẻ nào về thực chất sự thánh khiết của Đức Chúa Trời không? Khía cạnh nào trong sự hiểu biết này các người xem là hoàn toàn mới mẻ? Nghĩa là, điều gì trong sự hiểu biết này hoặc trong những lời đó đã khiến các người cảm thấy rằng hiểu biết của các người về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời khác biệt hoặc bị đổi khác so với sự thánh khiết của Đức Chúa Trời khi Ta phán về nó trong lúc thông công? Các người có bất kỳ ấn tượng nào về điều này không? (Đức Chúa Trời phán những điều Ngài cảm nhận trong lòng Ngài; lời Ngài không bị nhiễm ô. Đây là biểu hiện của một khía cạnh trong sự thánh khiết.) (Cũng có sự thánh khiết khi Đức Chúa Trời nổi thịnh nộ với con người; cơn thịnh nộ của Ngài không chỗ trách.) (Về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời, con hiểu rằng có cả sự thịnh nộ của Đức Chúa Trời lẫn lòng thương xót của Ngài trong tâm tính công chính của Ngài. Điều này đã để lại một ấn tượng rất mạnh mẽ trong con. Trong buổi thông công lần trước của chúng ta, tâm tính công chính của Đức Chúa Trời là độc nhất vô nhị cũng đã được đề cập đến – con đã không hiểu được điều này trong quá khứ. Chỉ sau khi nghe Đức Chúa Trời thông công, con mới hiểu ra rằng sự thịnh nộ của Đức Chúa Trời khác với sự giận dữ của con người. Sự thịnh nộ của Đức Chúa Trời là một điều tích cực và có nguyên tắc; nó được giáng xuống vì thực chất vốn có của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời nhìn thấy điều gì đó tiêu cực, và vì vậy Ngài giáng cơn thịnh nộ của Ngài. Đây là điều mà không một loài thọ tạo nào sở hữu.) Chủ đề của chúng ta ngày hôm nay là sự thánh khiết của Đức Chúa Trời. Tất cả mọi người đều đã nghe và học được điều gì đó về tâm tính công chính của Đức Chúa Trời. Hơn nữa, nhiều người thường đồng thời nói về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời và tâm tính công chính của Đức Chúa Trời; họ nói rằng tâm tính công

chính của Đức Chúa Trời là thánh khiết. Từ “thánh khiết” chắc chắn không xa lạ với bất kỳ ai – nó là một từ thường được sử dụng. Tuy nhiên liên quan đến ý nghĩa bên trong của từ đó, thì con người có thể nhìn thấy những biểu hiện nào của sự thánh khiết trong Đức Chúa Trời? Đức Chúa Trời đã mặc khải điều gì để con người có thể nhận ra? Ta e rằng đây là điều mà không ai biết đến. Tâm tính của Đức Chúa Trời công chính, thế nhưng nếu người lấy tâm tính công chính của Đức Chúa Trời và nói rằng nó thánh khiết, thì điều đó có vẻ hơi mơ hồ, hơi lẫn lộn; tại sao lại thế? Người nói tâm tính của Đức Chúa Trời công chính, hoặc người nói tâm tính công chính của Ngài thánh khiết, vậy thì trong lòng mình, các người mô tả sự thánh khiết của Đức Chúa Trời như thế nào, các người hiểu nó như thế nào? Điều đó có nghĩa là, điều gì trong những gì Đức Chúa Trời đã mặc khải hoặc những gì Ngài có và là thì con người nhận biết là thánh khiết? Trước đây người đã suy nghĩ về điều này chưa? Điều Ta đã nhìn thấy là con người hay buột miệng những từ thường được sử dụng hoặc có những cụm từ đã được nói đi nói lại, vậy mà họ thậm chí không biết mình đang nói gì. Đó chỉ là cách nói của mọi người, và họ nói theo thói quen, vì vậy nó trở thành một thuật ngữ cố định đối với họ. Tuy nhiên, nếu họ muốn tìm hiểu và thật sự nghiên cứu chi tiết, thì họ sẽ phát hiện ra mình không biết ý nghĩa thực sự là gì hoặc nó đề cập đến điều gì. Giống như từ “thánh khiết”, không ai biết chính xác khía cạnh nào trong thực chất của Đức Chúa Trời đang được đề cập có liên quan đến sự thánh khiết của Ngài mà họ nói đến, và không ai biết làm thế nào để làm cho từ “thánh khiết” tương hợp với Đức Chúa Trời. Con người đang bối rối trong lòng, và sự nhận biết của họ về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời thì mơ hồ và không rõ ràng. Về việc Đức Chúa Trời thánh khiết như thế nào, thì không ai hoàn toàn biết rõ. Hôm nay chúng ta sẽ thông công về chủ đề này để làm cho từ “thánh khiết” tương hợp với Đức Chúa Trời hầu cho con người có thể thấy được nội dung thực sự của thực chất trong sự thánh khiết của Đức Chúa Trời. Điều này sẽ ngăn một số người sử dụng từ này một cách bất cẩn và theo thói quen cũng như phát ngôn bừa bãi khi họ không biết ý nghĩa của chúng hoặc chúng có đúng và chính xác hay không. Con người luôn luôn nói những điều như thế này: người nói, họ nói, và như thế nó đã trở thành quen miệng. Điều này vô tình làm giảm giá trị một từ như thế.

Nhìn bề ngoài, từ “thánh khiết” dường như rất dễ hiểu, phải vậy không? Ít nhất con người cũng tin từ “thánh khiết” có nghĩa là trong sạch, không bị nhơ bẩn, thiêng liêng và thuần khiết. Cũng có những người còn liên tưởng “thánh khiết” với “tình yêu” trong bài Thánh ca “Tình yêu thuần khiết không tì vết” mà chúng ta vừa hát xong. Điều này đúng; điều này là một phần trong đó. Tình yêu thương của Đức Chúa Trời là một phần trong thực chất của Ngài, nhưng nó không phải là toàn bộ. Tuy nhiên, trong quan niệm của con người, họ nhìn thấy từ đó và có xu hướng liên tưởng nó với những điều mà chính họ xem là thuần khiết và trong sạch, hoặc với những điều mà bản thân họ nghĩ là không bị nhơ bẩn hoặc không tì vết. Ví dụ, một vài người nói rằng hoa sen sạch sẽ, và rằng nó nở hoa nhưng không bị lấm bùn lầy. Thế là con người bắt đầu dùng từ “thánh khiết” cho hoa sen. Một vài người xem những câu chuyện tình hư cấu là thánh khiết, hoặc họ có

thể xem vài nhân vật giả tưởng, đáng kính sợ là thánh khiết. Hơn nữa, một vài người xem những con người trong Kinh Thánh, hoặc những người khác được ghi lại trong các sách tâm linh – như là các thánh đồ, sứ đồ, hoặc những người khác đã từng đi theo Đức Chúa Trời trong khi Ngài làm công tác – như họ đã có các kinh nghiệm tâm linh thánh khiết. Tất cả những điều này do con người đã tưởng tượng ra; chúng là những quan niệm mà con người nắm giữ. Tại sao con người lại nắm giữ những quan niệm như thế này? Lý do rất đơn giản: Chính vì con người sống giữa tâm tính bại hoại và sống trong một thế giới xấu xa và nhơ nhớp. Mọi thứ họ nhìn thấy, mọi thứ họ chạm vào, mọi thứ họ trải qua là sự xấu xa và bại hoại của Sa-tan cũng như là các âm mưu, đấu đá, và chiến tranh xảy ra giữa con người dưới sự ảnh hưởng của Sa-tan. Do đó, ngay cả khi Đức Chúa Trời thực hiện công tác của Ngài trong con người, và ngay cả khi Ngài phán với họ và mặc khải tâm tính và thực chất của Ngài, thì họ cũng không thể nhìn thấy hoặc biết được sự thánh khiết và thực chất của Đức Chúa Trời. Con người thường nói rằng Đức Chúa Trời thánh khiết, nhưng họ thiếu sự hiểu biết thực sự; họ chỉ nói ra những lời rỗng tuếch. Bởi vì con người sống giữa sự nhơ nhớp và bại hoại và ở dưới quyền của Sa-tan, cũng như họ không thấy sự sáng, không biết gì về những vấn đề tích cực, và hơn nữa, không biết về lẽ thật, nên không ai thực sự biết “thánh khiết” nghĩa là gì. Vậy thì có bất kỳ điều thánh khiết hoặc con người thánh khiết nào giữa nhân loại bại hoại này không? Chúng ta có thể khẳng định rằng: Không, không có, bởi vì chỉ có thực chất của Đức Chúa Trời là thánh khiết.

Lần trước, chúng ta đã thông công về một khía cạnh về thực chất của Đức Chúa Trời thánh khiết như thế nào. Điều này mang lại một chút cảm hứng cho con người để có được sự hiểu biết về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời, nhưng chưa đủ. Nó không đủ để giúp con người có thể biết đầy đủ về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời, mà cũng không đủ để có thể giúp con người hiểu được rằng sự thánh khiết của Đức Chúa Trời là có một không hai. Hơn nữa, nó không đủ để có thể cho con người hiểu được ý nghĩa thực sự của sự thánh khiết, điều được thể hiện đầy đủ trong Đức Chúa Trời. Do đó, điều cần thiết là chúng ta tiếp tục thông công về chủ đề này. Lần trước, chúng ta đã thông công về ba chủ đề, vậy thì bây giờ chúng ta nên thảo luận về chủ đề thứ tư. Chúng ta sẽ bắt đầu bằng việc đọc Kinh Thánh.

## **Sự cám dỗ của Sa-tan**

Ma-thi-ơ 4:1-4 Bấy giờ, Đức Thánh Linh đưa Đức Chúa Jêsus đến nơi đồng vắng, đặt Ngài chịu ma quỷ cám dỗ. Ngài đã kiêng ăn bốn mươi ngày bốn mươi đêm rồi, sau thì đói. Quỷ cám dỗ đến gần Ngài, mà nói rằng: Nếu ngươi phải là Con Đức Chúa Trời, thì hãy khiến đá này trở nên bánh đi. Đức Chúa Jêsus đáp: Có lời chép rằng: Người ta sống chẳng phải chỉ nhờ bánh mà thôi, song nhờ mọi lời nói ra từ miệng Đức Chúa Trời.

Đây là những lời ma quỷ lần đầu tiên đã dùng để cố gắng cám dỗ Đức Chúa Jêsus. Nội dung của những điều ma quỷ đã nói là gì? (“Nếu ngươi phải là Con Đức Chúa Trời,

thì hãy khiến đá này trở nên bánh đi”). Những lời mà ma quỷ nói khá đơn giản, nhưng có vấn đề gì với bản chất của những lời này không? Ma quỷ đã nói rằng: “Nếu người phải là Con Đức Chúa Trời”, nhưng trong lòng nó, nó biết hay là không biết rằng Jêsus là Con Đức Chúa Trời? Nó biết hay là không biết rằng Ngài là Đấng Christ? (Nó biết.) Vậy thì tại sao nó nói: “Nếu người phải là”? (Nó đang cố gắng cám dỗ Đức Chúa Trời.) Nhưng mục đích của nó khi làm vậy là gì? Nó nói: “Nếu người phải là Con Đức Chúa Trời”. Trong lòng, nó đã biết rằng Jêsus Christ là Con Đức Chúa Trời, nó rất rõ về điều này trong lòng, nhưng mặc dù biết điều này, nó có quy phục Ngài và thờ phượng Ngài không? (Không.) Nó muốn làm gì? Nó muốn sử dụng cách thức này và những lời này để chọc giận Đức Chúa Jêsus, và rồi đánh lừa Ngài hành động theo những ý đồ của nó. Chẳng phải đây là ý nghĩa đằng sau những lời của quỷ dữ sao? Trong lòng của Sa-tan, nó biết rõ rằng đây là Đức Chúa Jêsus Christ, tuy nhiên nó vẫn nói những lời này. Đây chẳng phải là bản tính của Sa-tan sao? Bản tính của Sa-tan là gì? (Là quỷ quyệt, xấu xa, và không có sự tôn kính đối với Đức Chúa Trời.) Hậu quả sinh ra từ việc không tôn kính Đức Chúa Trời là gì? Điều tiêu cực nó đang làm ở đây là gì? Chẳng phải là nó đang muốn tấn công Đức Chúa Trời sao? Nó muốn dùng cách thức này để tấn công Đức Chúa Trời, và vì thế nó nói: “Nếu người phải là Con Đức Chúa Trời, thì hãy khiến đá này trở nên bánh đi”; chẳng phải đây là ý định xấu xa của Sa-tan sao? Thực ra nó đang cố gắng làm gì? Mục đích của nó rất rõ ràng: Nó đang cố gắng dùng cách thức này để phủ nhận vị trí và danh tính của Đức Chúa Jêsus Christ. Điều Sa-tan muốn nói qua những lời đó là: “Nếu Người phải là Con Đức Chúa Trời, thì hãy biến đá này trở nên bánh. Nếu Người không thể làm điều này, thì Người không phải là Con Đức Chúa Trời, vậy thì Người không nên thực hiện công tác của Người nữa”. Không phải vậy sao? Nó muốn sử dụng cách thức này để tấn công Đức Chúa Trời, nó muốn triệt hạ và hủy hoại công tác của Đức Chúa Trời; đây là ác tâm của Sa-tan. Ác tâm của nó là sự thể hiện tự nhiên bản tính của nó. Mặc dù nó biết Đức Chúa Jêsus Christ là Con Đức Chúa Trời, chính là sự nhập thể của chính Đức Chúa Trời, nhưng nó không thể không làm cái kiểu này, bám sát sau lưng Đức Chúa Trời, kiên trì tấn công Ngài và bằng mọi giá làm gián đoạn và phá hoại công tác của Đức Chúa Trời.

Bây giờ, chúng ta hãy phân tích cụm từ mà Sa-tan đã nói: “Thì hãy khiến đá này trở nên bánh đi”. Biến đá thành bánh – điều này có ý nghĩa gì không? Nếu có thức ăn, thì tại sao lại không ăn? Tại sao cần phải biến đá thành thức ăn? Có thể nói rằng không có ý nghĩa gì ở đây không? Mặc dù khi đó Ngài đang kiêng ăn, nhưng chắc chắn Đức Chúa Jêsus có thức ăn để ăn không? (Ngài có.) Vì vậy, ở đây chúng ta có thể nhìn thấy sự phi lý trong lời nói của Sa-tan. Dẫu cho tất cả sự phản bội và hiểm độc của Sa-tan, thì chúng ta vẫn nhìn thấy sự phi lý và ngớ ngẩn của nó. Sa-tan làm một số điều mà qua đó người có thể nhìn thấy bản tính hiểm độc của nó; người có thể nhìn thấy nó làm những điều phá hoại công tác của Đức Chúa Trời, và khi nhìn thấy điều này, thì người cảm thấy thật đáng ghét và bức tức. Nhưng mặt khác, chẳng lẽ người không thấy một bản chất trẻ con, lố bịch đằng sau những lời nói và hành động của nó sao? Đây là một

sự tỏ lộ về bản tính của Sa-tan; vì nó có loại bản tính này, nên nó sẽ làm loại việc thế này. Đối với con người ngày hôm nay, những lời nói này của Sa-tan thật phi lý và nực cười. Nhưng Sa-tan thực sự có khả năng thốt ra những lời như thế. Chúng ta có thể nói rằng nó ngu dốt và ngờ ngẩn không? Sự xấu xa của Sa-tan ở khắp mọi nơi và nó liên tục được phơi bày. Và Đức Chúa Jêsus đã trả lời như thế nào? (“Người ta sống chẳng phải chỉ nhờ bánh mà thôi, song nhờ mọi lời nói ra từ miệng Đức Chúa Trời”.) Những lời này có quyền năng không? (Có.) Tại sao chúng ta nói chúng có quyền năng? Chính vì những lời này là lẽ thật. Nào, có phải con người sống chỉ nhờ bánh thôi không? Đức Chúa Jêsus đã kiêng ăn bốn mươi ngày đêm. Ngài có chết đói không? Ngài đã không chết đói, vì thế Sa-tan đã đến gần Ngài, xúi giục Ngài biến đá thành thức ăn bằng cách nói những điều này: “Nếu Người biến đá thành thức ăn, chẳng phải Người sẽ có cái để ăn sao? Chẳng phải khi đó Người sẽ không cần phải kiêng ăn, không phải bị đói sao?”. Nhưng Đức Chúa Jêsus đã phán: “Người ta sống chẳng phải chỉ nhờ bánh mà thôi”, điều này có nghĩa là, mặc dù con người sống trong một thân thể xác thịt, nhưng không phải thức ăn làm cho thân thể xác thịt của họ sống và thở, mà nhờ mỗi một lời nói ra từ miệng Đức Chúa Trời. Một mặt, những lời này là lẽ thật; chúng cho mọi người đức tin, khiến họ cảm thấy rằng họ có thể tin tưởng vào Đức Chúa Trời và rằng Ngài là lẽ thật. Mặt khác, có khía cạnh thực tế nào trong những lời này không? Chẳng phải Đức Chúa Jêsus vẫn còn đứng, vẫn còn sống sau khi kiêng ăn bốn mươi ngày đêm sao? Đây chẳng phải là một ví dụ thực tế sao? Ngài đã không ăn gì trong bốn mươi ngày đêm, vậy mà Ngài vẫn còn sống. Đây là chứng cứ mạnh mẽ xác nhận lẽ thật của lời Ngài. Những lời này thật đơn giản, nhưng đối với Đức Chúa Jêsus, có phải Ngài phán ra chúng chỉ khi Sa-tan cám dỗ Ngài, hay chúng vốn dĩ đã là một phần của Ngài? Nói cách khác, Đức Chúa Trời là lẽ thật, Đức Chúa Trời là sự sống, nhưng có phải lẽ thật và sự sống của Đức Chúa Trời là một sự bổ sung về sau không? Có phải chúng được sinh ra từ những kinh nghiệm sau này? Không – chúng vốn có trong Đức Chúa Trời. Điều đó có nghĩa là, lẽ thật và sự sống là thực chất của Đức Chúa Trời. Cho dù chuyện gì xảy ra với Ngài, thì tất cả những gì Ngài mặc khải đều là lẽ thật. Lẽ thật này, những lời này – dù nội dung lời phán dạy của Ngài dài hay ngắn – đều có thể khiến con người được sống và ban cho con người sự sống; chúng có thể giúp con người đạt được lẽ thật và sự sáng tỏ về con đường sự sống của con người, và giúp họ có đức tin nơi Đức Chúa Trời. Nói cách khác, nguồn gốc của việc Đức Chúa Trời sử dụng những lời này là tích cực. Vậy thì chúng ta có thể nói rằng điều tích cực này là thánh khiết không? (Có.) Những lời của Sa-tan đến từ bản tính của Sa-tan. Sa-tan liên tục tỏ lộ bản tính xấu xa và hiểm độc của nó ở khắp mọi nơi. Nào, Sa-tan có tỏ lộ một cách tự nhiên không? Có ai hướng dẫn nó làm điều này không? Có ai giúp đỡ nó không? Có ai ép buộc nó không? Không. Tất cả những biểu lộ này, nó làm theo ý riêng của nó. Đây là bản tính xấu xa của Sa-tan. Bất kỳ điều gì Đức Chúa Trời làm và bất kể Ngài làm như thế nào, Sa-tan đều đi theo gót chân Ngài. Thực chất và bản chất thực sự của những điều mà Sa-tan nói và làm là thực chất của

Sa-tan – một thực chất xấu xa và hiểm độc. Bây giờ, khi chúng ta đọc tiếp, Sa-tan còn nói điều gì nữa? Chúng ta hãy đọc.

Ma-thi-ơ 4:5-7 Ma quỷ bèn đem Ngài vào nơi thành thánh, đặt Ngài trên nóc đền thờ, và nói rằng: Nếu người phải là Con Đức Chúa Trời, thì hãy gieo mình xuống đi; vì có lời chép rằng: Chúa sẽ truyền các thiên sứ gìn giữ người, Thì các Đấng ấy sẽ nâng người trong tay, Kẻo chơn người vấp nhằm đá chằng. Đức Chúa Jêsus phán: Cũng có lời chép rằng: Người đừng thử Chúa là Đức Chúa Trời người.

Trước tiên chúng ta hãy xem những lời Sa-tan đã nói ở đây. Sa-tan nói: “Nếu người phải là Con Đức Chúa Trời, thì hãy gieo mình xuống đi”, và sau đó nó trích dẫn từ Kinh Thánh: “Chúa sẽ truyền các thiên sứ gìn giữ người, Thì các Đấng ấy sẽ nâng người trong tay, Kẻo chơn người vấp nhằm đá chằng”. Người cảm thấy thế nào khi nghe những lời của Sa-tan? Chẳng phải chúng rất trẻ con sao? Chúng trẻ con, phi lý và kinh tởm. Tại sao Ta phán điều này? Sa-tan thường làm những điều đại dột, và nó tin rằng mình rất thông minh. Nó thường trích dẫn từ Kinh Thánh – ngay cả chính những lời do Đức Chúa Trời phán ra – cố gắng dùng những lời này chống lại Đức Chúa Trời để tấn công Ngài và cám dỗ Ngài toan đạt được mục tiêu của nó trong việc phá hoại kế hoạch công tác của Đức Chúa Trời. Người có thể nhìn thấy điều gì trong những lời này do Sa-tan nói ra không? (Sa-tan nuôi dưỡng những ý định xấu xa.) Trong mọi điều Sa-tan làm, nó luôn luôn cố gắng cám dỗ loài người. Sa-tan không nói thẳng, nhưng theo cách vòng vo, sử dụng sự cám dỗ, lôi cuốn, và dụ dỗ. Sa-tan tiếp cận cám dỗ Đức Chúa Trời như thể Ngài là một con người bình thường, tin rằng Đức Chúa Trời cũng không biết gì, đại dột, và không thể phân biệt rõ nguyên hình của mọi vật, giống như con người không thể làm. Sa-tan nghĩ rằng Đức Chúa Trời và con người giống nhau đều không thể nhìn thấu thực chất của nó và ý định lừa lọc, nham hiểm của nó. Chẳng phải đây là sự đại dột của Sa-tan sao? Hơn nữa, Sa-tan công khai trích dẫn từ Kinh Thánh, tin rằng làm như thế là thêm sự đáng tin, và rằng người sẽ không thể tìm ra bất kỳ sai sót nào trong lời của nó hoặc để tránh bị lừa. Đây chẳng phải là sự lố bịch và trẻ con của Sa-tan sao? Điều này cũng giống như khi con người truyền bá Phúc Âm và làm chứng về Đức Chúa Trời: Chẳng phải đôi khi những kẻ không tin sẽ nói điều gì đó tương tự như Sa-tan đã nói sao? Các người đã nghe con người nói điều gì đó tương tự chưa? Người cảm thấy thế nào khi nghe những điều như thế? Người có cảm thấy gớm ghiếc không? (Có.) Khi người cảm thấy gớm ghiếc, người cũng cảm thấy ác cảm và căm ghét phải không? Khi người có những cảm giác này thì người có thể nhận ra rằng Sa-tan và tâm tính bại hoại mà Sa-tan đưa vào con người là xấu xa không? Người có bao giờ nhận ra được điều này trong lòng: “Khi Sa-tan nói, nó làm vậy như một sự tấn công và cám dỗ; lời của Sa-tan vô lý, nực cười, trẻ con, và gớm ghiếc; tuy nhiên, Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ nói hoặc làm theo cách ấy, và thực sự Ngài chưa bao giờ làm như vậy”? Tất nhiên, trong tình huống này, con người chỉ có thể cảm nhận được nó một cách mờ nhạt, và vẫn không thể nắm bắt được sự thánh khiết của Đức Chúa Trời. Với vóc giạc hiện tại



của mình, các người chỉ đơn thuần cảm thấy rằng: “Mọi điều Đức Chúa Trời nói là lẽ thật, có lợi cho chúng con, và chúng con phải chấp nhận nó”. Bất kể các người có thể chấp nhận điều này hay không, các người nói không có ngoại lệ rằng lời Đức Chúa Trời là lẽ thật và Đức Chúa Trời là lẽ thật, nhưng người không biết rằng chính lẽ thật là thánh khiết và Đức Chúa Trời là thánh khiết.

Vậy thì, sự đáp trả của Jêsus cho những lời này của Sa-tan là gì? Jêsus phán với nó: “Cũng có lời chép rằng: Người đừng thử Chúa là Đức Chúa Trời người”. Trong những lời mà Jêsus phán có lẽ thật không? Chắc chắn là có lẽ thật trong đó. Bề ngoài, những lời này là một điều răn để con người làm theo, một câu từ đơn giản, nhưng dù vậy, cả con người lẫn Sa-tan đều thường vi phạm những lời này. Vì thế, Đức Chúa Jêsus đã phán với Sa-tan: “Người đừng thử Chúa là Đức Chúa Trời người”, bởi vì đây là điều Sa-tan thường làm, cố gắng cất lực khi làm điều đó. Có thể nói rằng Sa-tan đã làm điều này một cách trơ trẽn và không biết xấu hổ. Trong bản tính và thực chất của Sa-tan, nó không sợ Đức Chúa Trời và không tôn kính Đức Chúa Trời ở trong lòng. Ngay cả khi Sa-tan đứng cạnh Đức Chúa Trời và có thể nhìn thấy Ngài, nó cũng không thể không thử Đức Chúa Trời. Do đó, Đức Chúa Jêsus đã phán với Sa-tan: “Người đừng thử Chúa là Đức Chúa Trời người”. Đây là những lời Đức Chúa Trời thường phán với Sa-tan. Vậy thì, có thích hợp để áp dụng câu từ này trong thời đại ngày nay không? (Có, vì chúng con cũng thường thử Đức Chúa Trời.) Tại sao con người thường thử Đức Chúa Trời? Có phải là vì con người đầy tâm tính Sa-tan bại hoại không? (Phải.) Vậy những lời trên của Sa-tan là những điều con người thường nói phải không? Và trong những tình huống nào con người nói những lời này? Người ta có thể nói rằng con người đã và đang nói những điều như thế bất kể thời gian và địa điểm. Điều này chứng tỏ rằng tâm tính của con người không khác gì tâm tính bại hoại của Sa-tan. Đức Chúa Jêsus đã phán một vài lời đơn giản, những lời đại diện cho lẽ thật, những lời mà con người cần. Tuy nhiên, trong tình cảnh này, có phải Đức Chúa Jêsus đang phán theo cách như vậy để tranh luận với Sa-tan không? Có điều gì mang tính chất đối đầu trong những điều Ngài phán với Sa-tan không? (Không.) Đức Chúa Jêsus cảm thấy thế nào về sự căm dỗ của Sa-tan trong lòng Ngài? Có phải Ngài cảm thấy gớm ghiếc và kinh tởm không? Đức Chúa Jêsus cảm thấy kinh tởm và gớm ghiếc, tuy vậy Ngài đã không tranh cãi với Sa-tan, và Ngài lại càng không nói về bất kỳ nguyên tắc lớn lao nào cả. Tại sao vậy? (Bởi vì Sa-tan luôn luôn là như vậy; nó không bao giờ có thể thay đổi.) Có thể nói rằng Sa-tan không bị tác động bởi lý trí không? (Có.) Sa-tan có thể nhận ra rằng Đức Chúa Trời là lẽ thật không? Sa-tan sẽ không bao giờ nhận ra rằng Đức Chúa Trời là lẽ thật và sẽ không bao giờ thừa nhận rằng Đức Chúa Trời là lẽ thật; đây là bản tính của nó. Tuy nhiên vẫn còn một khía cạnh khác trong bản tính của Sa-tan rất là kinh tởm. Đó là gì? Trong sự nỗ lực của mình để thử Đức Chúa Jêsus, Sa-tan đã nghĩ rằng dù không thành công, nhưng nó vẫn sẽ cố làm như thế. Mặc dù nó sẽ bị hành phạt, nó cũng chọn thử làm bằng mọi giá. Mặc dù nó sẽ không có lợi gì khi làm như thế, nhưng nó sẽ cố gắng, dai dẳng ráng sức và chống lại Đức Chúa Trời cho đến tận cùng. Đây là loại bản chất

gì vậy? Chẳng phải là xấu xa sao? Nếu một người trở nên tức điên lên và nổi cơn thịnh nộ khi Đức Chúa Trời được nhắc đến, họ đã thấy Đức Chúa Trời chưa? Họ có biết Đức Chúa Trời là ai không? Họ không biết Đức Chúa Trời là ai, không tin vào Ngài, và Đức Chúa Trời chưa phán với họ. Đức Chúa Trời chưa bao giờ làm phiền họ, vậy tại sao họ lại tức giận? Chúng ta có thể nói rằng người này xấu xa không? Các xu hướng đang thịnh hành, ăn, uống, tìm kiếm thú vui, và theo đuổi người nổi tiếng – không gì trong số này sẽ làm phiền một con người như thế. Tuy nhiên, ngay khi đề cập đến từ “Đức Chúa Trời”, hay đến lẽ thật của lời Đức Chúa Trời, là họ liền nổi cơn thịnh nộ. Chẳng phải điều này được xem là có một bản tính xấu xa sao? Điều này đủ để chứng minh rằng đây là bản tính xấu xa của con người. Bây giờ, các người tự nói xem, có những lúc khi lẽ thật được đề cập đến, hoặc khi những thử luyện của Đức Chúa Trời trong loài người hoặc lời phán xét của Đức Chúa Trời đối với con người được đề cập đến, người cảm thấy có ác cảm; người cảm thấy kinh tởm, và người không muốn nghe những điều như thế không? Lòng người có thể nghĩ: “Chẳng lẽ tất cả mọi người đều nói rằng Đức Chúa Trời là lẽ thật sao? Một vài lời trong những lời này không phải lẽ thật! Chúng rõ ràng chỉ là những lời khuyên răn của Đức Chúa Trời đối với con người!”. Một vài người thậm chí còn có thể cảm thấy một ác cảm mạnh mẽ trong lòng họ, và nghĩ: “Điều này được nói đến mỗi ngày; những thử luyện của Ngài, sự phán xét của Ngài; khi nào nó sẽ kết thúc đây? Khi nào chúng ta sẽ nhận được đích đến tốt đẹp đây?”. Không biết được sự tức giận vô lý này đến từ đâu. Đây là loại bản tính gì? (Bản tính xấu xa.) Nó bị chi phối và dẫn dắt bởi bản tính xấu xa của Sa-tan. Từ góc độ của Đức Chúa Trời, liên quan đến bản tính xấu xa của Sa-tan và tâm tính bại hoại của con người, Ngài không bao giờ tranh cãi hoặc giữ mối hận thù với con người, và Ngài không bao giờ làm âm lên khi con người hành động ngu ngốc. Người sẽ không bao giờ thấy Đức Chúa Trời giữ quan điểm về mọi việc tương tự quan điểm của con người, và hơn nữa người sẽ không thấy Ngài sử dụng quan điểm, kiến thức, khoa học, triết học hoặc sự tưởng tượng của loài người để xử lý các vấn đề. Thay vào đó, mọi thứ Đức Chúa Trời làm và mọi điều Ngài mặc khải đều liên quan đến lẽ thật. Tức là, mỗi lời Ngài phán và mỗi hành động Ngài thực hiện đều gắn với lẽ thật. Lẽ thật này không phải là một sản phẩm của sự tưởng tượng vô căn cứ nào đó; lẽ thật này và những lời này được Đức Chúa Trời bày tỏ bởi thực chất của Ngài và sự sống của Ngài. Bởi vì những lời này và thực chất của mọi việc Đức Chúa Trời làm đều là lẽ thật, nên chúng ta có thể nói rằng thực chất của Đức Chúa Trời là thánh khiết. Nói cách khác, mọi điều Đức Chúa Trời phán và làm đều mang lại sức sống và sự sáng cho con người, cho con người có thể nhìn thấy những điều tích cực và hiện thực của những điều tích cực đó, cũng như chỉ đường cho nhân loại để họ có thể đi đúng hướng. Những điều này đều được quyết định bởi thực chất của Đức Chúa Trời và bởi thực chất trong sự thánh khiết của Ngài. Giờ thì các người đã nhìn thấy điều này, đúng vậy không? Bây giờ, chúng ta sẽ tiếp tục đọc một phân đoạn Kinh Thánh khác.

Ma-thi-ơ 4:8-11 Ma quỷ lại đem Ngài lên trên núi rất cao, chỉ cho Ngài các nước thế gian, cùng sự vinh hiển các nước ấy; mà nói rằng: Ví bằng ngươi sắp mình trước mặt ta mà thờ lạy, thì ta sẽ cho ngươi hết thấy mọi sự này. Đức Chúa Jêsus bèn phán cùng nó rằng: Hỡi quỷ Sa-tan, ngươi hãy lui ra! Vì có lời chép rằng: Ngươi phải thờ phượng Chúa là Đức Chúa Trời ngươi, và chỉ hầu việc một mình Ngài mà thôi. Ma quỷ bèn bỏ đi; liền có thiên sứ đến gần mà hầu việc Ngài.

Quỷ Sa-tan, sau khi đã thất bại trong hai thử đoạn trước đây của nó, vẫn thử một trò khác: Nó chỉ cho Đức Chúa Jêsus tất cả các nước trên thế gian cùng sự vinh hiển của các nước ấy và yêu cầu Ngài thờ lạy nó. Ngươi có thể thấy được điều gì về những nét đặc trưng thực sự của ma quỷ từ tình cảnh này? Có phải quỷ Sa-tan hoàn toàn không biết xấu hổ không? (Phải.) Nó không biết xấu hổ thế nào? Vạn vật đều được Đức Chúa Trời tạo dựng nên, vậy mà Sa-tan lại quay ngược lại và chỉ cho Đức Chúa Trời thấy vạn vật, nói rằng: “Hãy nhìn của cải và sự vinh hiển của tất cả các nước này. Nếu Ngươi thờ lạy ta thì ta sẽ cho Ngươi hết thấy mọi sự này”. Đây chẳng phải là hoàn toàn đổi ngược vai trò sao? Chẳng phải Sa-tan không biết xấu hổ sao? Đức Chúa Trời đã tạo ra mọi vật, nhưng Ngài có tạo ra mọi vật vì sự hưởng thụ của riêng Ngài không? Đức Chúa Trời đã ban mọi thứ cho loài người, vậy mà Sa-tan lại muốn thôn tóm tất cả và sau khi đã thôn tóm tất cả, nó nói với Đức Chúa Trời: “Hãy thờ lạy ta! Hãy thờ lạy ta rồi ta sẽ cho Ngươi tất cả những thứ này”. Đây là bộ mặt xấu xa của Sa-tan; nó hoàn toàn không biết xấu hổ! Sa-tan thậm chí còn không biết ý nghĩa của từ “xấu hổ” là gì. Đây chỉ là một ví dụ khác về sự xấu xa của nó. Nó thậm chí cũng không biết xấu hổ là gì. Sa-tan biết rõ ràng rằng Đức Chúa Trời đã tạo dựng muôn vật và rằng Ngài quản lý và thống trị muôn vật. Muôn vật không thuộc về con người, càng không thuộc về Sa-tan, mà thuộc về Đức Chúa Trời, vậy mà quỷ Sa-tan đã trơ trẽn nói rằng nó sẽ cho Đức Chúa Trời mọi sự. Chẳng phải đây là một ví dụ khác về việc Sa-tan một lần nữa lại hành động một cách ngu ngốc và không biết xấu hổ sao? Điều này khiến Đức Chúa Trời càng ghét Sa-tan hơn, phải không? Tuy nhiên dù Sa-tan có cố gắng làm gì, thì Đức Chúa Jêsus có bị lừa không? Đức Chúa Jêsus đã phán điều gì? (“Ngươi phải thờ phượng Chúa là Đức Chúa Trời ngươi, và chỉ hầu việc một mình Ngài mà thôi”.) Những lời này có ý nghĩa thực tế không? (Có.) Loại ý nghĩa thực tế nào? Chúng ta thấy sự xấu xa và không biết xấu hổ của Sa-tan trong phát ngôn của nó. Vậy thì nếu con người thờ lạy Sa-tan, thì kết quả sẽ ra sao? Họ sẽ có được của cải và sự vinh hiển của tất cả các nước không? (Không.) Họ sẽ có được gì? Liệu loài người có trở nên không biết xấu hổ và nực cười như Sa-tan không? (Có.) Rồi thì họ sẽ không khác gì Sa-tan. Do đó, Đức Chúa Jêsus đã phán những lời này, điều quan trọng cho mỗi một con người: “Ngươi phải thờ phượng Chúa là Đức Chúa Trời ngươi, và chỉ hầu việc một mình Ngài mà thôi”. Điều này có nghĩa là ngoại trừ Chúa, ngoại trừ chính Đức Chúa Trời, nếu ngươi hầu việc một ai khác, nếu ngươi thờ lạy quỷ Sa-tan, thì ngươi sẽ đắm mình trong sự nhơ nhớp như Sa-tan. Sau đó ngươi sẽ dự phần với sự không biết xấu hổ của Sa-tan và sự xấu xa của

nó, và giống y như Sa-tan, người sẽ thử Đức Chúa Trời và tấn công Đức Chúa Trời. Vậy thì kết cục dành cho người sẽ là gì? Người sẽ bị Đức Chúa Trời ghê tởm, bị Đức Chúa Trời đánh gục, và bị Đức Chúa Trời hủy diệt. Sau khi Sa-tan đã thử Đức Chúa Jêsus vài lần mà không thành công, nó có thử lại không? Sa-tan không thử lại và sau đó nó đã bỏ đi. Điều này chứng tỏ điều gì? Nó chứng tỏ rằng bản tính xấu xa của Sa-tan, sự hiểm độc của nó, và sự ngu ngốc và phi lý của nó thậm chí còn không xứng đáng đề cập đến trước Đức Chúa Trời. Đức Chúa Jêsus đã đánh bại Sa-tan chỉ với ba câu, sau đó nó chạy cong đuôi, giấu mặt vì quá xấu hổ, và không bao giờ thử Đức Chúa Jêsus nữa. Vì Đức Chúa Jêsus đã đánh bại sự cám dỗ này của Sa-tan, nên bây giờ Ngài có thể dễ dàng tiếp tục công tác Ngài phải làm và các nhiệm vụ đặt ra trước Ngài. Mọi điều Đức Chúa Jêsus làm và phán trong tình cảnh này có mang vài ý nghĩa thực tế cho mỗi một con người nếu nó được áp dụng cho ngày nay không? (Có.) Loại ý nghĩa thực tế nào? Việc đánh bại Sa-tan có phải là điều dễ làm không? Con người phải có một sự hiểu biết rõ ràng về bản tính xấu xa của Sa-tan không? (Có.) Khi người trải qua sự cám dỗ của Sa-tan trong đời sống của chính mình, nếu người có thể nhìn thấu bản tính xấu xa của Sa-tan, chẳng lẽ người không thể đánh bại nó sao? Nếu người biết về sự ngu ngốc và phi lý của Sa-tan, liệu người còn đứng về phía Sa-tan và tấn công Đức Chúa Trời không? Nếu người hiểu được sự hiểm độc và không biết xấu hổ của Sa-tan được tỏ lộ qua người như thế nào – nếu người nhận ra và hiểu những điều này một cách rõ ràng – liệu người có còn tấn công và thử Đức Chúa Trời theo cách này không? (Không, chúng con sẽ không làm thế.) Người sẽ làm gì? (Chúng con sẽ dấy nghịch chống lại Sa-tan và gạt bỏ nó.) Đó có phải là một việc dễ làm không? Nó không dễ dàng. Để làm điều này con người phải thường xuyên cầu nguyện, họ phải thường đặt mình trước Đức Chúa Trời và tự xem xét mình. Và họ phải để sự sửa dạy của Đức Chúa Trời và sự phán xét cùng hình phạt của Ngài giáng trên họ. Chỉ bằng cách này thì con người mới dần dần giải thoát chính mình khỏi sự lừa dối và kiểm soát của Sa-tan.

Bây giờ, bằng cách xem xét tất cả những lời này của Sa-tan, chúng ta sẽ tóm tắt những điều tạo nên thực chất của Sa-tan. Trước tiên, nói chung thực chất của Sa-tan có thể nói là xấu xa, trái ngược với sự thánh khiết của Đức Chúa Trời. Tại sao Ta nói rằng thực chất của Sa-tan là xấu xa? Để trả lời câu hỏi này, con người phải xem xét hậu quả của những gì Sa-tan làm với con người. Sa-tan làm bại hoại và kiểm soát con người, và con người hành động theo bản tính bại hoại của Sa-tan, sống trong một thế giới của những con người đã bị Sa-tan làm cho bại hoại. Loài người vô tình bị Sa-tan chiếm hữu và đồng hóa; do đó con người có tâm tính bại hoại của Sa-tan, đó chính là bản tính của Sa-tan. Từ mọi điều Sa-tan đã nói và làm, người có nhìn thấy sự kiêu ngạo của nó không? Người có thấy sự lừa dối và hiểm độc của nó không? Sự kiêu ngạo của Sa-tan chủ yếu được bộc lộ như thế nào? Có phải Sa-tan luôn luôn nuôi khao khát chiếm vị trí của Đức Chúa Trời không? Sa-tan luôn luôn muốn triệt phá công tác của Đức Chúa Trời và vị trí của Đức Chúa Trời và chiếm cho riêng mình để con người sẽ đi theo, ủng hộ và thờ lạy Sa-tan; đây là bản chất kiêu ngạo của Sa-tan. Khi Sa-tan làm bại hoại con người,

nó có trực tiếp nói với họ điều họ nên làm không? Khi Sa-tan thử Đức Chúa Trời, nó có lộ ra và nói rằng: “Ta đang thử Người, Ta sẽ tấn công Người” không? Tuyệt đối không. Vậy thì Sa-tan sử dụng cách thức gì? Nó dụ dỗ, cám dỗ, tấn công, gài bẫy và thậm chí còn trích dẫn Kinh Thánh. Sa-tan nói và hành động theo nhiều cách khác nhau để đạt được những mục tiêu nham hiểm và hoàn thành những ý định của mình. Sau khi Sa-tan đã làm điều này, điều gì có thể thấy được qua những gì được biểu hiện ở con người? Chẳng phải con người cũng trở nên kiêu ngạo sao? Con người đã chịu đựng sự bại hoại của Sa-tan trong hàng ngàn năm, và vì thế con người đã trở nên kiêu ngạo, gian dối, hiểm độc và mất hết lý trí. Tất cả những điều này đều do bản tính của Sa-tan mang lại. Vì bản tính của Sa-tan xấu xa, nên nó đã mang lại cho con người bản tính xấu xa này và mang đến cho con người tâm tính bại hoại, xấu xa. Do đó, con người sống dưới tâm tính Sa-tan bại hoại và, giống như Sa-tan, con người chống đối Đức Chúa Trời, tấn công Đức Chúa Trời, và thử Ngài đến nỗi con người không thể thờ lạy Đức Chúa Trời và không có tấm lòng tôn kính Ngài.

### **Năm cách Sa-tan làm bại hoại con người**

Về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời, mặc dù đó có thể là một chủ đề quen thuộc, nhưng nó là một chủ đề mà, khi nói về nó, có thể trở nên hơi trừu tượng đối với một số người cũng như hơi sâu sắc và vượt tầm của họ. Nhưng không cần phải lo lắng. Ta sẽ giúp các người hiểu được sự thánh khiết của Đức Chúa Trời là gì. Để hiểu được một người nào đó thuộc loại người nào, thì hãy nhìn vào điều họ làm và kết quả việc làm của họ, rồi sau đó người sẽ có thể nhìn thấy thực chất của con người đó. Có thể nói theo cách này không? (Có.) Vậy thì, trước tiên chúng ta hãy thông công về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời theo góc độ này. Có thể nói rằng thực chất của Sa-tan là xấu xa, và vì thế những hành động của Sa-tan đối với con người đã là để không ngừng làm cho họ bại hoại. Sa-tan xấu xa, vậy những người bị nó làm cho bại hoại chắc chắn là xấu xa. Liệu có ai đó nói rằng: “Sa-tan xấu xa, nhưng có thể người nào đó bị nó làm cho bại hoại lại thánh khiết”? Đó sẽ là một trò đùa, phải không? Liệu điều như thế có thể xảy ra không? (Không.) Sa-tan thì xấu xa, và ẩn chứa bên trong sự xấu xa của nó là cả hai mặt cốt yếu lẫn thực tế. Đây không phải là lời nói suông. Chúng ta không cố để bôi nhọ Sa-tan; chúng ta chỉ đơn thuần đang thông công về sự thật và thực tế. Thông công về hiện thực của chủ đề này có thể làm tổn thương một số người hoặc một phân nhóm người nào đó, nhưng không có ác ý; có lẽ ngày hôm nay các người sẽ nghe điều này và cảm thấy hơi khó chịu, nhưng sớm có một ngày, khi các người có thể nhận ra nó, thì các người sẽ khinh thường chính mình, và các người sẽ cảm thấy rằng điều Ta nói ngày hôm nay rất hữu ích đối với các người và rất có giá trị. Thực chất của Sa-tan là xấu xa, vậy thì chúng ta có thể nói rằng kết quả của các hành động của Sa-tan chắc chắn là xấu xa, hoặc ít nhất, gắn liền với sự xấu xa của nó không? (Có.) Vậy làm thế nào Sa-tan luôn luôn đi làm cho con người trở nên bại hoại? Trong sự xấu xa mà Sa-tan làm trong thế giới và giữa nhân loại, đối với con người thì những khía cạnh cụ thể nào của nó có

thể nhìn thấy và nhận thức được? Trước đây các người có bao giờ nghĩ về điều này chưa? Các người có thể không suy nghĩ nhiều về nó, vậy thì để Ta nêu lên vài điểm chính. Mọi người đều biết về thuyết tiến hóa mà Sa-tan đề ra, đúng không? Đây là một lĩnh vực tri thức do con người nghiên cứu, phải không? (Phải.) Vì vậy, Sa-tan trước tiên sử dụng kiến thức để làm con người trở nên bại hoại và sử dụng các cách thức quỷ quái của chính mình để truyền đạt kiến thức cho họ. Sau đó nó sử dụng khoa học để làm cho con người bại hoại, khơi dậy sự quan tâm của họ về kiến thức, khoa học, những vấn đề bí ẩn hoặc trong những vấn đề con người mong muốn khám phá. Những điều tiếp theo Sa-tan sử dụng để làm con người trở nên bại hoại là văn hóa truyền thống cùng mê tín dị đoan, và theo sau đó là các xu hướng xã hội. Đây là tất cả những điều mà con người gặp phải trong đời sống hàng ngày của họ và tất cả đều tồn tại gần gũi với con người; tất cả đều được gắn kết với những thứ họ thấy, những điều họ nghe, những thứ họ chạm vào và những điều họ trải nghiệm. Người ta có thể nói rằng mỗi một người đều sống một đời sống được bao quanh bởi những điều này, không thể trốn thoát hoặc giải thoát bản thân khỏi chúng ngay cả khi họ muốn. Trước những điều này, nhân loại bất lực, và tất cả những gì con người có thể làm là bị chúng ảnh hưởng, bị tiêm nhiễm, kiểm soát và ràng buộc; con người bất lực, không thể giải thoát bản thân khỏi chúng.

#### **a. Cách thức Sa-tan sử dụng kiến thức để làm cho con người bại hoại**

Trước tiên, chúng ta sẽ nói về kiến thức. Kiến thức có phải là điều gì đó mà mọi người xem là một điều tích cực không? Ít nhất, con người nghĩ rằng nghĩa rộng của từ “kiến thức” thì tích cực hơn là tiêu cực. Vậy thì tại sao chúng ta đang đề cập ở đây rằng Sa-tan sử dụng kiến thức để làm cho con người bại hoại? Chẳng phải thuyết tiến hóa là một khía cạnh của kiến thức sao? Chẳng phải các định luật khoa học của Niu-tơn là một phần của kiến thức sao? Lực hấp dẫn của trái đất cũng là một phần của kiến thức, phải không? (Phải.) Vậy thì tại sao kiến thức lại được liệt kê trong số những thứ mà Sa-tan sử dụng để làm cho con người bại hoại? Quan điểm của các người về điều này là gì? Trong kiến thức có đến một chút lẽ thật nào không? (Không.) Vậy thì thực chất của kiến thức là gì? Tất cả kiến thức mà con người có được học trên cơ sở nào? Có phải dựa trên thuyết tiến hóa không? Chẳng phải kiến thức mà con người đã có được qua sự khám phá và tổng kết dựa trên chủ nghĩa vô thần sao? Có phần nào trong kiến thức này liên quan đến Đức Chúa Trời không? Nó có liên quan đến sự thờ phượng Đức Chúa Trời không? Nó có liên quan đến lẽ thật không? (Không.) Vậy thì Sa-tan sử dụng kiến thức để làm cho con người bại hoại theo cách nào? Ta vừa phán rằng không có gì trong kiến thức này liên quan đến việc thờ phượng Đức Chúa Trời hoặc đến lẽ thật. Một vài người suy nghĩ về điều đó như thế này: “Kiến thức có thể không liên quan gì đến lẽ thật, nhưng dù gì, nó cũng không làm cho con người bại hoại”. Quan điểm của các người về điều này là gì? Có phải kiến thức đã dạy người rằng hạnh phúc của một người phải được tạo ra bằng chính đôi tay của họ không? Có phải kiến thức đã dạy người rằng số phận con người nằm trong chính đôi tay của họ không? (Phải.) Đây là kiểu ăn nói gì

vậy? (Ăn nói gian tà.) Hoàn toàn đúng! Đây là ăn nói gian tà! Kiến thức là một đề tài phức tạp để thảo luận. Người có thể nói đơn giản rằng một lĩnh vực kiến thức cũng chỉ là kiến thức. Đó là một lĩnh vực kiến thức được học trên cơ sở không thờ phượng Đức Chúa Trời và không hiểu rằng Đức Chúa Trời đã tạo dựng nên muôn vật. Khi con người nghiên cứu loại kiến thức này, họ không nhìn thấy Đức Chúa Trời có quyền tối thượng trên muôn vật; họ không thấy Đức Chúa Trời đang chịu trách nhiệm hoặc quản lý muôn vật. Thay vào đó, tất cả những gì họ làm là không ngừng nghiên cứu và khám phá lĩnh vực kiến thức đó, và tìm kiếm câu trả lời dựa trên kiến thức. Tuy nhiên, chẳng phải sự thực là nếu con người không tin vào Đức Chúa Trời và thay vào đó chỉ theo đuổi sự nghiên cứu, thì họ sẽ không bao giờ tìm được câu trả lời đúng sao? Tất cả những gì kiến thức có thể cho người là một phương kế sinh nhai, một công việc, thu nhập để người không bị đói; nhưng nó sẽ không bao giờ khiến người thờ phượng Đức Chúa Trời, và sẽ không bao giờ giữ người lánh xa khỏi điều ác. Càng học về kiến thức, người ta sẽ càng mong muốn phản nghịch Đức Chúa Trời, đưa Đức Chúa Trời vào nghiên cứu, thử thách Đức Chúa Trời, và chống đối Đức Chúa Trời. Thế bây giờ chúng ta thấy điều gì mà kiến thức đang dạy cho con người? Đó là tất cả triết lý của Sa-tan. Các triết lý và quy tắc sinh tồn được Sa-tan truyền bá giữa những con người bại hoại có liên quan gì đến lẽ thật không? Chúng không liên quan gì đến lẽ thật và, trên thực tế, còn trái ngược với lẽ thật. Con người thường nói: “Cuộc sống là sự chuyển động” và “Con người là sắt, gạo là thép, con người cảm thấy đói nếu họ bỏ một bữa ăn”; những lời này là gì? Chúng là những lời ngụy biện và khi nghe chúng gây ra một cảm giác ghê tởm. Trong cái được gọi là kiến thức của con người, Sa-tan đã nhuộm đầy triết lý sống và tư duy của nó. Và khi Sa-tan làm điều này, nó để cho con người chấp nhận suy nghĩ, triết lý, và quan điểm của nó để con người có thể phủ nhận sự tồn tại của Đức Chúa Trời, phủ nhận sự thống trị của Đức Chúa Trời trên mọi vật và trên số phận con người. Vì thế khi con người học tập có tiến bộ và họ có được nhiều kiến thức hơn, thì họ cảm thấy sự tồn tại của Đức Chúa Trời trở nên mơ hồ, và thậm chí có thể không còn cảm thấy Đức Chúa Trời tồn tại. Bởi vì Sa-tan đã làm tiêm nhiễm vào con người những tư tưởng, quan điểm và quan niệm nhất định, một khi Sa-tan đã làm nọc độc này tiêm nhiễm vào bên trong con người, thì chẳng phải con người bị Sa-tan lừa gạt và làm bại hoại sao? Vậy, các người sẽ nói con người ngày nay sống theo điều gì? Chẳng phải họ sống theo kiến thức và các tư tưởng bị tiêm nhiễm bởi Sa-tan sao? Và những điều ẩn bên trong kiến thức và những tư tưởng này – chẳng phải chúng là những triết lý và nọc độc của Sa-tan sao? Con người sống theo những triết lý và nọc độc của Sa-tan. Và điều gì nằm trong cốt lõi của việc Sa-tan làm bại hoại con người? Sa-tan muốn khiến con người phủ nhận, chống đối và chống lại Đức Chúa Trời giống như hắn làm; đây là mục tiêu của Sa-tan trong việc làm bại hoại con người, và cũng là phương tiện mà qua đó Sa-tan làm bại hoại con người.

Chúng ta sẽ bắt đầu bằng việc nói đến khía cạnh nông cạn nhất của kiến thức. Văn phạm và từ ngữ trong các ngôn ngữ có thể làm cho con người bại hoại không? Lời nói có thể làm cho con người bại hoại không? Lời nói không làm cho con người bại hoại;

chúng là một công cụ mà con người dùng để nói và chúng cũng là công cụ con người dùng để trao đổi với Đức Chúa Trời, chưa kể đến trong hiện tại, ngôn ngữ và lời nói là cách mà Đức Chúa Trời trao đổi với con người. Chúng là những công cụ, và chúng là một sự cần thiết. Một cộng một là hai, và hai nhân hai là bốn; đây không phải là kiến thức sao? Nhưng điều này có thể làm cho người bại hoại không? Đây là kiến thức chung – nó là một mẫu cố định – và vì thế nó không thể làm cho con người bại hoại. Vậy thì loại kiến thức nào làm cho con người bại hoại? Kiến thức làm bại hoại là kiến thức được trộn lẫn với những quan điểm và tư tưởng của Sa-tan. Sa-tan tìm cách khắc sâu vào nhân loại những quan điểm và tư tưởng này thông qua phương tiện kiến thức. Ví dụ, trong một bài viết, không có gì sai trong chính các chữ được viết ra. Vấn đề nằm ở các quan điểm và ý định của tác giả khi họ viết bài viết cũng như là nội dung suy nghĩ của họ. Đây là những điều thuộc linh và chúng có thể làm cho con người bại hoại. Ví dụ, nếu người đang xem một chương trình truyền hình, thì thứ gì trong đó có thể thay đổi quan điểm của con người? Liệu đó có phải là những gì mà người biểu diễn nói, bản thân những lời nói, có thể làm cho con người bại hoại không? (Không.) Những thứ gì sẽ làm cho con người bại hoại? Nó sẽ là những tư tưởng và nội dung cốt lõi của chương trình, điều có thể thể hiện những quan điểm của đạo diễn. Thông tin được chuyển tải trong những quan điểm này có thể gây ảnh hưởng đến tâm trí con người. Không đúng vậy sao? Bây giờ các người đã biết được điều Ta đang đề cập đến trong cuộc thảo luận của Ta về việc Sa-tan sử dụng kiến thức để làm cho con người bại hoại. Người sẽ không hiểu sai, phải vậy không? Vậy thì lần sau khi người đọc một cuốn tiểu thuyết hoặc một bài viết, thì người có thể đánh giá xem có hay không những tư tưởng được thể hiện trong chữ viết làm cho con người bại hoại hoặc có đóng góp cho nhân loại được không? (Có, ở mức độ nhỏ.) Đây là điều phải được học hỏi và trải nghiệm từ từ, và là điều không dễ dàng hiểu được ngay lập tức. Ví dụ, khi nghiên cứu hoặc tìm hiểu một lĩnh vực kiến thức, thì một vài khía cạnh tích cực trong kiến thức đó có thể giúp người hiểu một vài kiến thức tổng quát về lĩnh vực đó, đồng thời cũng giúp người biết được điều mà con người nên tránh. Lấy một ví dụ về “điện” – đây là một lĩnh vực kiến thức, đúng không? Chẳng phải người sẽ là ngu dốt nếu người không biết rằng điện có thể giết và làm tổn thương con người sao? Nhưng một khi người hiểu được lĩnh vực kiến thức này, thì người sẽ không bắt cần khi chạm vào những vật có điện, và người sẽ biết cách sử dụng điện. Cả hai điều này đều tích cực. Bây giờ người đã hiểu rõ về những gì chúng ta đang thảo luận trong việc kiến thức làm cho con người bại hoại theo cách nào chưa? Có rất nhiều loại kiến thức được nghiên cứu trên thế gian, và người phải dành thời gian ra để phân biệt chúng cho chính mình.

## **b. Cách thức Sa-tan sử dụng khoa học để làm cho con người bại hoại**

Khoa học là gì? Chẳng phải khoa học được đề cao trong tâm trí của mỗi một con người và được coi là sâu sắc sao? Khi khoa học được đề cập đến, chẳng phải con người cảm thấy rằng: “Đây là điều ngoài tầm với của con người bình thường; đây là đề



tài mà chỉ có các nhà nghiên cứu khoa học hoặc chuyên gia mới có thể chạm đến; nó chẳng liên quan gì đến những người dân thường như chúng tôi” sao? Nó có liên quan gì đến những con người bình thường không? (Có.) Sa-tan sử dụng khoa học để làm cho con người bại hoại bằng cách nào? Trong cuộc thảo luận của chúng ta ở đây, chúng ta sẽ chỉ nói về những điều mà con người thường gặp phải trong cuộc sống của chính họ, và bỏ qua những vấn đề khác. Có một từ được gọi là “gien”. Các người đã nghe về nó chưa? Tất cả các người đều quen thuộc với thuật ngữ này. Chẳng phải gien đã được khám phá ra thông qua khoa học sao? Chính xác là gien có ý nghĩa gì với con người? Chẳng phải chúng khiến con người cảm thấy rằng thân thể con người là một điều bí ẩn sao? Khi con người được giới thiệu về đề tài này, chẳng phải sẽ có vài người – đặc biệt là những người tò mò – sẽ muốn biết nhiều hơn và muốn nhiều chi tiết hơn sao? Những người tò mò này sẽ tập trung năng lượng của họ vào chủ đề này và khi họ không có gì khác để làm, họ sẽ tìm kiếm thông tin trong sách vở và trên internet để biết thêm chi tiết về nó. Khoa học là gì? Nói một cách đơn giản, khoa học là những tư tưởng và lý thuyết về những điều mà con người muốn tìm hiểu, những điều chưa được biết đến, và chưa được Đức Chúa Trời phán cho họ biết; khoa học là những suy nghĩ và lý thuyết về những điều bí ẩn mà con người muốn khám phá. Phạm vi của khoa học là gì? Người có thể nói rằng nó khá rộng; con người nghiên cứu và tìm hiểu mọi thứ họ quan tâm. Khoa học liên quan đến việc nghiên cứu các chi tiết và quy luật trong những điều này và sau đó đưa ra những lý thuyết có vẻ hợp lý khiến mọi người suy nghĩ: “Những khoa học gia này thật là xuất sắc! Họ biết quá nhiều và đủ để hiểu được những điều này!”. Họ quá ngưỡng mộ các nhà khoa học, phải không? Những người nghiên cứu khoa học, họ có những kiểu quan điểm gì? Chẳng phải họ muốn nghiên cứu vũ trụ, nghiên cứu những điều bí ẩn trong lĩnh vực họ quan tâm sao? Kết quả sau cùng của việc này là gì? Trong một số ngành khoa học, con người rút ra những kết luận của chính họ bằng việc phỏng đoán, và trong những ngành khác, họ dựa trên kinh nghiệm của con người để rút ra kết luận. Trong những lĩnh vực khoa học khác nữa, con người đi đến kết luận của họ dựa trên những quan sát về lịch sử và bối cảnh. Chẳng phải vậy sao? Vậy thì khoa học làm gì cho con người? Những gì khoa học làm chỉ đơn thuần là để con người nhìn thấy các vật thể trong thế giới vật chất, và để thỏa mãn sự tò mò của con người, nhưng nó không thể giúp con người nhìn thấy các quy luật mà qua đó Đức Chúa Trời thống trị muôn vật. Con người dường như tìm thấy những câu trả lời trong khoa học, nhưng những câu trả lời đó khó hiểu và chỉ mang lại sự thỏa mãn tạm thời, một sự thỏa mãn chỉ để giam hãm lòng người trong thế giới vật chất. Con người cảm thấy rằng họ đã nhận được những câu trả lời từ khoa học, vì thế bất kể vấn đề nào nảy sinh, họ đều sử dụng các quan điểm khoa học của mình làm cơ sở để chứng minh và chấp nhận vấn đề đó. Lòng người thành ra bị khoa học dụ dỗ và bị nó chiếm hữu đến mức con người không còn tâm trí để biết đến Đức Chúa Trời, thờ phượng Đức Chúa Trời và tin rằng muôn vật đến từ Đức Chúa Trời cũng như con người nên trông cậy vào Ngài để có câu trả lời. Chẳng phải thế sao? Con người càng tin vào khoa học, họ càng trở nên ngu

ngốc, tin rằng mọi thứ đều có một giải pháp khoa học, rằng sự nghiên cứu có thể giải quyết bất cứ điều gì. Họ không tìm kiếm Đức Chúa Trời và họ không tin Ngài tồn tại. Có nhiều người tin Đức Chúa Trời lâu năm, những người mà khi gặp bất cứ vấn đề gì, họ sẽ dùng máy tính để tra cứu mọi thứ để tìm kiếm câu trả lời; họ chỉ tin vào kiến thức khoa học. Họ không tin rằng lời Đức Chúa Trời là lẽ thật, họ không tin rằng lời Đức Chúa Trời có thể giải quyết mọi vấn đề của nhân loại, họ không nhìn vô số vấn đề của nhân loại từ góc độ của lẽ thật. Bất kể họ gặp phải vấn đề gì, họ cũng không bao giờ cầu nguyện với Đức Chúa Trời hay tìm giải pháp bằng cách tìm kiếm lẽ thật trong lời Đức Chúa Trời. Trong nhiều việc, họ muốn tin rằng kiến thức có thể giải quyết được vấn đề; đối với họ, khoa học là câu trả lời sau chót. Đức Chúa Trời hoàn toàn vắng bóng trong lòng những người như vậy. Họ là những kẻ chẳng tin, và quan điểm của họ về đức tin nơi Đức Chúa Trời cũng không khác quan điểm của nhiều học giả và nhà khoa học nổi tiếng, những người luôn cố gắng dò xét Đức Chúa Trời bằng các phương pháp khoa học. Ví dụ, có nhiều chuyên gia tôn giáo đã đi đến ngọn núi nơi con tàu đã dừng lại và từ đó họ đã chứng minh sự tồn tại của trận đại hồng thủy. Nhưng trong vòm ngoài của con tàu, họ không nhìn thấy sự hiện hữu của Đức Chúa Trời. Họ chỉ tin vào những câu chuyện và lịch sử; đây là kết quả nghiên cứu khoa học của họ và sự tìm hiểu về thế giới vật chất. Nếu người nghiên cứu những thứ thuộc về vật chất, cho dù đó là vi sinh, thiên văn học, hoặc địa lý, thì người sẽ không bao giờ tìm thấy kết quả xác định rằng Đức Chúa Trời tồn tại hoặc rằng Ngài có quyền tối thượng trên mọi vật. Vậy thì khoa học làm gì cho con người? Chẳng phải nó làm con người xa cách Đức Chúa Trời sao? Chẳng phải nó khiến con người đưa Đức Chúa Trời vào nghiên cứu sao? Chẳng phải nó khiến con người nghi ngờ hơn nữa về sự tồn tại và quyền tể trị của Đức Chúa Trời, và do đó phủ nhận, phản bội Đức Chúa Trời sao? Đây là hậu quả. Vậy khi Sa-tan dùng khoa học để làm bại hoại con người thì Sa-tan đang cố đạt được mục đích gì? Hắn muốn sử dụng những kết luận khoa học để lừa gạt con người và khiến họ bị tê liệt, và sử dụng những giải đáp mơ hồ để nắm giữ lòng con người hầu cho họ sẽ không tìm kiếm hoặc tin vào sự tồn tại của Đức Chúa Trời sao. Vì vậy đây là lý do tại sao Ta phán rằng khoa học là một trong những cách mà Sa-tan làm cho con người bại hoại.

### **c. Cách thức Sa-tan sử dụng văn hóa truyền thống để làm cho con người bại hoại**

Có hay không có nhiều thứ được coi là một phần của văn hóa truyền thống? (Có.) “Văn hóa truyền thống” này nghĩa là gì? Một vài người nói nó được truyền lại từ tổ tiên – đây là một khía cạnh. Từ thuở sơ khai, cách sống, phong tục, các câu nói, và phép tắc đã được truyền lại trong phạm vi các gia đình, sắc tộc và thậm chí toàn thể loài người, và chúng đã trở nên thấm nhuần trong tư tưởng con người. Con người coi chúng là một phần không thể thiếu trong đời sống của họ và xem chúng như là những quy tắc, quan sát chúng như thể chúng là chính sự sống. Thật vậy, họ không bao giờ muốn thay đổi hoặc từ bỏ những điều này, bởi vì chúng được tổ tiên của họ truyền lại. Có những khía

cạnh khác của văn hóa truyền thống đã ăn sâu vào tận xương tủy của con người, giống như những điều đã được truyền lại từ Khổng Tử và Mạnh Tử, cũng như những điều đã được Đạo giáo và Nho giáo Trung Quốc dạy cho con người. Chẳng phải vậy sao? Những điều gì được bao gồm trong văn hóa truyền thống? Nó có bao gồm những ngày lễ con người tổ chức ăn mừng không? Ví dụ: Lễ hội Mùa xuân, Lễ hội đèn lồng, Tết Thanh minh, Lễ hội thuyền Rồng, cũng như là Lễ cúng cô hồn và Trung thu. Một vài gia đình thậm chí còn tổ chức các ngày mừng thọ cho những người cao tuổi, hoặc khi trẻ em đầy tháng hoặc được một trăm ngày tuổi, v.v. Đây là tất cả những ngày lễ truyền thống. Chẳng phải có văn hóa truyền thống làm cơ sở cho những ngày lễ này sao? Cốt lõi của văn hóa truyền thống là gì? Nó có liên quan gì đến việc thờ phượng Đức Chúa Trời không? Nó có liên quan gì đến việc bảo mọi người thực hành lễ thật không? Có ngày lễ nào để con người dâng của tế lễ cho Đức Chúa Trời, đi đến đền thờ của Đức Chúa Trời và nhận sự dạy dỗ của Ngài không? Có những ngày lễ nào như thế không? (Không.) Con người làm gì vào tất cả những ngày lễ này? Trong thời buổi hiện đại, chúng được xem là những cơ hội để họ ăn uống và vui chơi. Nguồn gốc đằng sau văn hóa truyền thống là gì? Văn hóa truyền thống đến từ ai? Nó đến từ Sa-tan. Đứng đằng sau những ngày lễ truyền thống này, Sa-tan làm thắm nhuần một số điều nào đó trong con người. Những điều này là gì? Bảo đảm rằng con người nhớ đến tổ tiên của họ – đó là một trong những điều đó phải không? Ví dụ, trong ngày Tết Thanh minh, con người dọn dẹp các ngôi mộ và cúng tế cho tổ tiên của họ, để không quên tổ tiên của mình. Đồng thời, Sa-tan cũng bảo đảm rằng con người nhớ lại lòng yêu nước, một ví dụ về điều này là Lễ hội thuyền Rồng. Còn Tết Trung thu thì sao? (Việc đoàn tụ gia đình.) Bối cảnh của việc đoàn tụ gia đình là gì? Lý do của nó là gì? Chính là để trao đổi và kết nối tình cảm. Tất nhiên, cho dù là tổ chức Đêm giao thừa hoặc Lễ hội đèn lồng, thì có nhiều cách để diễn tả các lý do đằng sau những hoạt động kỷ niệm này. Mặc dù con người diễn tả những lý do đó, nhưng mỗi lý do đều là cách Sa-tan làm thắm nhuần triết lý và tư duy của nó trong con người, để họ sẽ đi lạc khỏi Đức Chúa Trời, không biết có Đức Chúa Trời, và dâng của tế lễ hoặc là cho tổ tiên của họ hoặc là cho Sa-tan, hoặc ăn uống và vui chơi vì sự ham muốn của xác thịt. Khi mỗi ngày lễ này được tổ chức, thì những tư tưởng và quan điểm của Sa-tan được gieo sâu vào tâm trí của con người mà họ không hay biết. Khi con người được bốn mươi, năm mươi tuổi hoặc thậm chí già hơn, thì những tư tưởng và quan điểm này của Sa-tan đã ăn sâu vào lòng họ. Hơn nữa, con người làm hết sức mình để truyền tải những ý tưởng này, dù nó đúng hay sai, cho thế hệ kế tiếp mà không hề suy xét và không chút e dè. Không đúng vậy sao? (Đúng.) Văn hóa truyền thống và những ngày lễ này làm cho con người bại hoại theo cách nào? Người biết không? (Con người trở nên bị kiềm chế và ràng buộc bởi những quy tắc của những truyền thống này đến mức họ không có thời gian hoặc sức lực để tìm kiếm Đức Chúa Trời.) Đây là một khía cạnh. Ví dụ, mọi người đều tổ chức trong Tết Nguyên Đán – nếu người không tổ chức, thì chẳng phải người sẽ buồn sao? Người có giữ bất kỳ sự kiêng kỵ nào trong lòng không? Người có thể cảm thấy: “Con đã không tổ chức mừng

năm mới, và bởi ngày Tết nguyên Đán đã là một ngày tồi tệ, chẳng phải toàn bộ những ngày còn lại trong năm cũng tồi tệ sao”? Chẳng phải người sẽ cảm thấy lo lắng và hơi sợ hãi sao? Thậm chí có vài người đã không cúng tế cho tổ tiên họ trong nhiều năm và đột nhiên có một giấc mơ trong đó một người quá cố xin họ tiền. Họ sẽ cảm thấy gì? “Thật đáng buồn khi người quá cố này cần tiền để tiêu xài! Tôi sẽ đốt một ít giấy tiền vàng bạc cho họ. Nếu tôi không làm thì điều đó sẽ không ổn. Nó có thể gây rắc rối cho những người còn sống chúng ta – ai có thể biết được khi nào bất hạnh sẽ ập đến?”. Họ sẽ luôn luôn có chút lo lắng và sợ hãi này trong lòng mình. Ai mang lại cho họ sự lo lắng này? Sa-tan là nguồn gốc của sự lo lắng này. Đây chẳng phải là một trong những cách mà Sa-tan làm cho con người bại hoại sao? Nó sử dụng các phương tiện và lý do khác nhau để kiểm soát người, để đe dọa người, và để trói buộc người, đến mức mà người rơi vào tình trạng mê muội rồi chịu thua và quy phục nó; đây là cách Sa-tan làm cho con người bại hoại. Thông thường khi con người yếu đuối hoặc khi họ không nhận thức được đầy đủ tình cảnh, thì họ có thể vô tình làm điều gì đó một cách ngớ ngẩn, nghĩa là, họ vô tình bị Sa-tan nắm bắt và có thể hành động một cách không có ý thức, có thể làm mọi việc mà không biết mình đang làm gì. Đây là cách Sa-tan làm cho con người bại hoại. Bây giờ thậm chí có khá nhiều người không muốn bỏ nền văn hóa truyền thống đã ăn sâu bắt rễ, họ không thể từ bỏ nó. Đặc biệt khi họ yếu đuối và thụ động, là họ lại mong muốn tổ chức những ngày lễ kiểu này và mong muốn gặp Sa-tan và làm thỏa mãn Sa-tan lần nữa, để mang lại sự thoải mái cho lòng họ. Bối cảnh của văn hóa truyền thống là gì? Có phải bàn tay dơ bẩn của Sa-tan đang giật dây phía sau không? Có phải bản tính xấu xa của Sa-tan đang thao túng và kiểm soát không? Có phải Sa-tan thống trị tất cả những thứ này không? (Phải.) Khi con người sống trong một nền văn hóa truyền thống và tổ chức những ngày lễ truyền thống kiểu này, thì chúng ta có thể nói rằng đây là một môi trường trong đó họ đang bị Sa-tan đánh lừa và làm cho bại hoại, và hơn nữa rằng họ vui vẻ để bị lừa và làm cho bại hoại bởi Sa-tan không? (Có.) Đây là điều tất cả các người đều thừa nhận, điều mà các người đều biết.

#### **d. Cách thức Sa-tan sử dụng sự mê tín để làm cho con người bại hoại**

Người quen thuộc với từ “mê tín”, đúng không? Có vài mối liên hệ giữa sự mê tín với văn hóa truyền thống, tuy nhiên chúng ta sẽ không nói về những điều đó ngày hôm nay. Đúng hơn, Ta sẽ thảo luận về các hình thức mê tín thường gặp nhất: sự tiên đoán, bói toán, đốt nhang và thờ Phật. Một vài người làm nghề bói toán, những người khác thờ Phật và đốt nhang, trong khi những người khác đi xem bói hoặc nhờ ai đó xem tướng số của họ rồi đoán vận mệnh của họ theo cách này. Bao nhiêu người trong số các người đã đi xem bói hoặc xem tướng? Đây là điều mà hầu hết mọi người quan tâm, đúng không? (Đúng.) Tại sao? Con người có được thứ lợi ích gì từ việc bói toán và tiên đoán? Họ có được thứ thỏa mãn gì từ việc đó? (Sự tò mò.) Chỉ có sự tò mò thôi sao? Không hẳn là thế, như Ta nhìn thấy. Mục đích của sự tiên đoán và bói toán là gì? Tại sao nó được thực hiện? Chẳng phải là để nhìn thấy tương lai sao? Một vài người đi xem

tướng số để được dự đoán về tương lai, những người khác làm điều đó để xem mình sẽ gặp may mắn hay không. Một vài người làm điều đó để xem hôn nhân của họ sẽ ra sao, và những người khác còn làm điều đó để xem năm tới sẽ mang lại điều gì may mắn. Một vài người đi xem tướng số để biết triển vọng của họ và của con cái họ sẽ ra sao, còn một vài người kinh doanh làm điều đó để biết họ sẽ kiếm được bao nhiêu tiền, nhờ thầy tướng số chỉ dẫn về những việc họ nên làm. Vậy thì, điều này được làm chỉ để thỏa mãn tính tò mò thôi ư? Khi con người đi xem tướng số hoặc làm những thứ này, đó là vì lợi ích cá nhân trong tương lai của bản thân họ; họ tin rằng tất cả những điều này có liên quan mật thiết đến số phận của chính họ. Có bất kỳ điều gì trong đây hữu ích không? (Không.) Tại sao nó không hữu ích? Chẳng phải đó là một điều tốt khi có được một số kiến thức thông qua những điều này sao? Những tập tục này có thể giúp người biết khi nào rắc rối có thể ập đến, và nếu người biết về những rắc rối này trước khi chúng xảy ra, thì lẽ nào người không tránh được chúng? Nếu tương lai của người được báo trước, nó có thể chỉ cho người cách tìm được hướng đi đúng ra khỏi mê cung, để người có thể có được may mắn trong năm tới và đạt được sự giàu có qua công việc làm ăn của người. Vậy thì, nó có hữu ích hay không? Liệu nó có hữu ích hay không không liên quan đến chúng ta, và chúng ta và việc thông công của chúng ta không xoay quanh chủ đề này. Sa-tan sử dụng sự mê tín để làm cho con người bại hoại theo cách nào? Mọi người đều muốn biết vận mệnh của mình, vì vậy Sa-tan đã lợi dụng sự tò mò của mọi người để lôi kéo họ. Mọi người tham gia vào việc tiên đoán, bói toán và xem tướng nhằm biết được điều gì sẽ xảy ra với họ trong tương lai và loại con đường nào nằm ở phía trước. Nhưng cuối cùng, vận mệnh và những triển vọng mà mọi người vô cùng quan tâm nằm trong tay ai? (Trong tay của Đức Chúa Trời.) Tất cả những điều này đều nằm trong tay của Đức Chúa Trời. Khi sử dụng những cách thức này, Sa-tan muốn con người biết được điều gì? Sa-tan muốn sử dụng việc xem tướng số và xem bói để nói cho con người biết rằng nó biết vận mệnh tương lai của họ, và rằng nó không những biết những điều này mà còn kiểm soát họ. Sa-tan muốn lợi dụng cơ hội này và sử dụng những biện pháp này để kiểm soát con người, đến nỗi con người đặt niềm tin mù quáng vào nó và tuân theo từng lời nói của nó. Ví dụ, nếu người đi xem tướng số, nếu thầy bói nhắm mắt lại và nói cho người mọi thứ đã xảy ra với người trong vài thập kỷ qua một cách hoàn toàn rõ ràng, thì người sẽ cảm thấy thế nào bên trong? Ngay lập tức người sẽ cảm thấy: “Ông ta nói thật chính xác! Trước đây tôi chưa bao giờ kể cho ai nghe về quá khứ của mình, làm sao ông ta có thể biết về nó? Tôi thật sự ngưỡng mộ ông thầy bói này!”. Đối với Sa-tan, chẳng phải quá dễ để biết về quá khứ của người sao? Đức Chúa Trời đã dẫn dắt người đến nơi người đang ở ngày hôm nay, và trong suốt thời gian đó, Sa-tan đã và đang làm cho con người bại hoại và theo sau người. Câu chuyện trong những thập kỷ của cuộc đời người không là gì đối với Sa-tan và không khó để Sa-tan biết về những điều này. Khi người thấy rằng tất cả điều Sa-tan nói là chính xác, chẳng phải người đang trao lòng mình cho nó sao? Chẳng phải người đang lệ thuộc vào nó để nó kiểm soát tương lai và vận mệnh của người sao? Ngay lập tức, lòng người

sẽ cảm thấy có chút tôn trọng hoặc kính trọng đối với nó, và đối với một vài người, thì vào thời điểm này linh hồn của họ có thể đã bị nó cướp mất. Và ngay lập tức người sẽ hỏi thầy bói: “Con nên làm gì tiếp theo? Con nên tránh điều gì trong năm tới? Con không được làm những điều gì?”. Và sau đó, hắn sẽ nói: “Con không được đi đến chỗ kia, con không được làm điều này, không mặc quần áo có những màu sắc nào đó, con nên ít đến một số nơi nào đó, làm một số việc nào đó nhiều hơn...”. Chẳng phải người sẽ ghi nhớ mọi điều hắn ta nói ngay lập tức sao? Người sẽ thuộc lòng những lời của hắn còn nhanh hơn là lời Đức Chúa Trời. Tại sao người lại thuộc lòng chúng nhanh như vậy? Bởi vì người muốn dựa vào Sa-tan để được may mắn. Đây chẳng phải là lúc nó chiếm lấy lòng người sao? Khi những lời tiên đoán của nó trở thành sự thật, chẳng phải người sẽ muốn quay lại với nó ngay để tìm ra vận may năm tới sẽ mang đến là gì sao? (Phải.) Người sẽ làm bất cứ điều gì Sa-tan bảo người làm và người sẽ tránh những điều nó bảo người tránh. Theo cách này, chẳng phải người đang tuân theo tất cả những gì nó nói sao? Rất nhanh chóng, người sẽ rơi vào vòng tay của nó, bị nó lừa gạt, và chịu sự kiểm soát của nó. Điều này xảy ra bởi vì người tin những gì nó nói là sự thật và bởi vì người tin rằng nó biết về những kiếp trước của người, đời sống hiện tại của người, và điều tương lai sẽ mang lại. Đây là cách thức Sa-tan sử dụng để kiểm soát con người. Nhưng sự thật, ai là người thực sự kiểm soát? Chính Đức Chúa Trời đang kiểm soát, không phải Sa-tan. Sa-tan chỉ đang sử dụng các mảnh khoe của nó trong trường hợp này để lừa những người thiếu hiểu biết, lừa những người chỉ nhìn thấy thế giới vật chất, để họ tin và dựa vào nó. Sau đó, họ rơi vào tay Sa-tan và vâng phục từng lời của nó. Nhưng Sa-tan có bao giờ nói lòng sự kìm kẹp của nó khi con người muốn tin và đi theo Đức Chúa Trời không? Sa-tan không. Trong tình cảnh này, có phải con người thực sự rơi vào tay Sa-tan không? (Phải.) Chúng ta có thể nói rằng hành vi của Sa-tan trong việc này là không biết xấu hổ không? (Có.) Tại sao chúng ta nói điều đó? Bởi vì đây là những thủ đoạn gian lận và lừa dối. Sa-tan không biết xấu hổ và đánh lừa con người khiến họ nghĩ rằng nó kiểm soát mọi thứ về họ và rằng nó kiểm soát chính số phận của họ. Điều này khiến cho những người thiếu hiểu biết vâng phục nó hoàn toàn. Họ bị lừa gạt chỉ bằng một vài lời. Trong tình trạng mê muội của mình, con người cúi đầu trước nó. Vậy thì, Sa-tan sử dụng thứ cách thức nào, nó nói gì để khiến người tin vào nó? Ví dụ, người có thể chưa nói cho Sa-tan biết trong gia đình người có bao nhiêu người, vậy mà nó vẫn có thể nói cho người biết có bao nhiêu người, cùng tuổi của cha mẹ và con cái người. Mặc dù người có thể có những sự ngờ vực và nghi ngờ về Sa-tan trước đó, nhưng sau khi nghe nó nói những điều này, chẳng phải người sẽ cảm thấy nó đáng tin hơn một chút sao? Sau đó Sa-tan có thể nói công việc gần đây khó khăn như thế nào đối với người, rằng người không có được sự công nhận xứng đáng từ cấp trên của mình và họ luôn luôn làm việc chống lại người, v.v. Sau khi nghe điều đó, người sẽ suy nghĩ: “Điều đó hoàn toàn đúng! Mọi thứ trong công việc đang không được suôn sẻ lắm”. Vì thế người sẽ tin tưởng Sa-tan thêm một chút. Sau đó nó sẽ nói điều gì đó khác để lừa gạt người, khiến người càng tin tưởng nó hơn. Dần dần, người sẽ thấy mình không thể

chống lại hoặc tiếp tục nghi ngờ về nó nữa. Sa-tan chỉ đơn thuần sử dụng vài trò bịp bợm tầm thường, thậm chí là những mảnh khõe nhỏ vặt vãnh, và bằng cách này làm cho người bối rối. Khi người trở nên bối rối, thì người sẽ không thể định rõ phương hướng của mình, người sẽ lúng túng không biết làm gì và người sẽ bắt đầu làm theo những gì Sa-tan nói. Đây là cách thức “tuyệt vời” Sa-tan sử dụng để làm cho con người bại hoại, nó khiến người vô tình rơi vào bẫy của nó và bị nó dụ dỗ. Sa-tan nói cho người biết một vài điều mà con người tưởng là tốt, và sau đó nó cho người biết nên làm những gì và nên tránh những gì. Đây là cách người vô thức bị lừa. Một khi người đã mắc bẫy, mọi thứ sẽ trở nên khó khăn đối với người; người sẽ liên tục suy nghĩ về những gì Sa-tan đã nói và những gì nó bảo người làm, và người sẽ bị nó chiếm hữu lúc nào không hay. Tại sao lại thế này? Chính vì loài người thiếu lẽ thật và vì thế không thể đứng vững và chống lại sự dụ dỗ và cám dỗ của Sa-tan. Đối mặt với sự xấu xa của Sa-tan và sự lừa dối, sự phản bội, và hiểm độc của nó, nhân loại còn quá ngu dốt, non nớt và yếu đuối, phải không? Chẳng phải đây là một trong những cách Sa-tan làm cho con người bại hoại sao? (Phải.) Con người bị dối gạt và bị lừa một cách vô thức, từng chút từng chút một, bằng các cách thức khác nhau của Sa-tan, bởi vì họ thiếu khả năng phân biệt giữa điều tích cực và tiêu cực. Họ thiếu óc giác này, và khả năng chiến thắng Sa-tan.

#### **e. Cách thức Sa-tan sử dụng xu hướng xã hội để làm cho con người bại hoại**

Xu hướng xã hội đã ra đời khi nào? Có phải chúng chỉ ra đời trong thời đại ngày nay không? Người ta có thể nói rằng các xu hướng xã hội đã xuất hiện khi Sa-tan bắt đầu làm cho con người bại hoại. Xu hướng xã hội bao gồm những gì? (Các phong cách quần áo và trang điểm.) Đây là những thứ mà con người thường tiếp xúc. Phong cách quần áo, thời trang, và xu hướng – những thứ này hợp thành một khía cạnh nhỏ. Có gì khác nữa không? Những cụm từ phổ biến mà con người thường buột miệng có được tính không? Phong cách sống mà con người mong muốn có được tính không? Những ngôi sao ca nhạc, những người nổi tiếng, tạp chí, và tiểu thuyết mà con người thích có được tính không? (Có.) Trong tâm trí của các người, khía cạnh nào trong các xu hướng xã hội có thể làm cho con người bại hoại? Xu hướng nào trong số các xu hướng này là hấp dẫn nhất đối với các người? Một vài người nói: “Tất cả chúng con đều đã có tuổi, chúng con đang ở độ tuổi năm mươi, sáu mươi, bảy mươi hoặc tám mươi, và chúng con không thể phù hợp với những xu hướng này nữa và chúng con không thực sự chú ý đến chúng”. Điều này đúng không? Những người khác nói: “Chúng con không theo dõi những người nổi tiếng, đó là điều mà những người trẻ ở độ tuổi đôi mươi mới làm; chúng con cũng không mặc quần áo thời trang, đó là điều mà những người có ý thức về hình ảnh mới làm”. Vậy thì điều gì trong những điều này có thể làm cho các người bại hoại? (Những câu nói phổ biến.) Những câu nói này có thể làm cho con người bại hoại không? Ta sẽ đưa ra một ví dụ, và các người có thể thấy nó có làm cho con người bại hoại hay không: “Đồng tiền làm thế giới quay vòng”; đây là một xu hướng phải

không? So với xu hướng thời trang và ẩm thực mà các người đã đề cập đến, chẳng phải điều này tệ hơn nhiều sao? “Đồng tiền làm thế giới quay vòng” là một triết lý của Sa-tan. Nó thịnh hành trong toàn nhân loại, trong mọi xã hội loài người; người có thể nói đó là một xu hướng. Điều này là bởi vì nó đã bị tiêm nhiễm trong lòng của mỗi một con người, những người đã không chấp nhận câu nói này lúc đầu, nhưng rồi ngầm chấp nhận nó khi họ tiếp xúc với cuộc sống thực, và bắt đầu cảm thấy những lời này thực ra là sự thật. Đây chẳng phải là quá trình Sa-tan làm cho con người bại hoại sao? Có lẽ con người không hiểu câu nói này ở cùng một mức độ như nhau, nhưng mọi người đều có mức độ diễn giải và thừa nhận khác nhau về câu nói này dựa trên những gì đã xảy ra xung quanh họ và các kinh nghiệm cá nhân của họ. Chẳng đúng vậy sao? Bất kể ai đó có bao nhiêu kinh nghiệm với câu nói này, nó có thể có ảnh hưởng tiêu cực gì đến lòng họ? Một điều gì đó được tỏ lộ qua tâm tính con người của mọi người trên thế giới này, bao gồm mỗi một người trong các người. Đó là gì? Nó là sự tôn thờ tiền bạc. Có khó để loại điều này ra khỏi lòng của ai đó không? Điều đó rất là khó! Dường như việc làm cho con người bại hoại của Sa-tan đã thực sự sâu sắc! Sa-tan sử dụng đồng tiền để cám dỗ con người, và làm họ bại hoại tôn thờ đồng tiền cũng như tôn sùng những thứ vật chất. Và sự tôn sùng đồng tiền được biểu hiện nơi người ta như thế nào? Các người có cảm thấy rằng mình không thể tồn tại trong thế giới này mà không có đồng nào, rằng thậm chí một ngày không có tiền sẽ là một điều không thể? Địa vị con người dựa trên số tiền mà họ có, cũng như sự tôn trọng họ có được. Người nghèo thì cúi gập người trong sự hổ thẹn, trong khi người giàu tận hưởng địa vị cao sang của mình. Họ đứng thẳng và kiêu hãnh, nói lớn tiếng và sống kiêu ngạo. Câu nói và xu hướng này mang lại cho con người điều gì? Chẳng phải sự thật là nhiều người hy sinh mọi thứ để theo đuổi tiền bạc sao? Chẳng phải nhiều người đã đánh mất phẩm giá và sự liêm chính khi theo đuổi nhiều tiền bạc hơn sao? Chẳng phải nhiều người vì đồng tiền mà đánh mất cơ hội để thực hiện bổn phận của mình và đi theo Đức Chúa Trời sao? Chẳng phải sự đánh mất cơ hội đạt được lẽ thật và được cứu rỗi là sự mất mát lớn nhất trong tất cả đối với con người sao? Chẳng phải Sa-tan nham hiểm khi sử dụng cách thức này và câu nói này để làm cho con người bại hoại đến mức như thế sao? Đây chẳng phải là một trò lừa hiểm độc sao? Khi người đi từ việc phản đối câu nói phổ biến này đến việc cuối cùng chấp nhận nó là lẽ thật, thì lòng người hoàn toàn rơi vào tay Sa-tan, và do đó người vô tình sống theo câu nói đó. Câu nói này ảnh hưởng đến người ở mức độ nào? Người có thể biết con đường thật, và người có thể biết lẽ thật, nhưng người bất lực để theo đuổi nó. Người có thể biết rõ rằng lời Đức Chúa Trời là lẽ thật, nhưng người không sẵn sàng trả giá hay chịu khổ để đạt được lẽ thật. Thay vào đó, người tha hy sinh tương lai và số phận của chính mình để chống đối Đức Chúa Trời cho đến tận cùng. Bất kể Đức Chúa Trời có phán gì, bất kể Đức Chúa Trời có làm gì, bất kể người có hiểu được tình yêu của Đức Chúa Trời dành cho người sâu sắc và vĩ đại thế nào hay không, thì người cũng sẽ cứng đầu khăng khăng làm theo cách riêng của mình và trả giá cho câu nói này. Nói vậy nghĩa là, câu nói này đã đánh lừa và kiểm soát những suy nghĩ của người, nó đã không



chế hành vi của người và người tha để nó thống trị số phận của mình hơn là gạt bỏ việc theo đuổi sự giàu có. Việc mọi người có thể hành động như vậy, việc họ có thể bị điều khiển và thao túng bởi những lời của Sa-tan – chẳng phải điều này có nghĩa là họ đã bị Sa-tan lừa bịp và làm bại hoại sao? Chẳng phải triết lý và tư duy của Sa-tan, và tâm tính của Sa-tan, đã bám rễ trong lòng người sao? Khi người mù quáng theo đuổi sự giàu có và từ bỏ việc theo đuổi lẽ thật, chẳng phải Sa-tan đã đạt được mục đích của hắn là lừa người sao? Chính xác là như thế. Vậy người có thể cảm nhận được khi người bị Sa-tan lừa bịp và làm bại hoại không? Người không thể. Nếu người không thể thấy Sa-tan đứng ngay trước mặt mình, hoặc cảm thấy rằng Sa-tan đang hành động trong bóng tối, thì liệu người có thể nhìn thấy sự đồi bại của Sa-tan không? Người có thể biết Sa-tan làm bại hoại nhân loại như thế nào không? Sa-tan làm cho con người bại hoại mọi lúc và mọi nơi. Sa-tan khiến con người không thể chống lại sự bại hoại này và khiến con người bất lực trước nó. Sa-tan khiến người chấp nhận những tư tưởng, quan điểm của nó và những điều xấu xa đến từ nó trong những tình huống mà người không hề hay biết và khi người không nhận ra được điều gì đang xảy đến với người. Con người chấp nhận những điều này và không có ngoại lệ đối với chúng. Họ nâng niu và gìn giữ những điều này như là một báu vật, họ để những điều này thao túng và đùa giỡn với họ; đây là cách mà người ta sống dưới quyền lực của Sa-tan, và vâng phục Sa-tan một cách vô thức, và sự bại hoại mà Sa-tan gây cho con người ngày càng trở nên sâu sắc hơn bao giờ hết.

Sa-tan sử dụng một vài cách thức này để làm cho con người bại hoại. Con người có kiến thức và một sự hiểu biết về một vài nguyên tắc khoa học, con người sống dưới ảnh hưởng của nền văn hóa truyền thống, và mỗi người là một người thừa kế và người truyền tải nền văn hóa truyền thống. Con người buộc phải tiếp tục nền văn hóa truyền thống được Sa-tan trao cho, và con người cũng thích nghi với những xu hướng xã hội mà Sa-tan mang lại cho nhân loại. Con người không thể tách rời khỏi Sa-tan, thích nghi với tất cả những gì Sa-tan làm trong mọi thời điểm, chấp nhận sự xấu xa, lừa lọc, hiểm độc và kiêu ngạo của nó. Một khi con người bắt đầu sở hữu những tâm tính này của Sa-tan, thì họ đã sống hạnh phúc hay là đau khổ giữa nhân loại bại hoại này? (Đau khổ.) Tại sao người nói vậy? (Bởi vì con người bị trói buộc và bị kiểm soát bởi những thứ bại hoại này, họ sống trong tội lỗi và bị nhấn chìm trong một cuộc đấu tranh gian khổ.) Một vài người đeo kính, có vẻ rất trí thức; họ có thể ăn nói rất đàng hoàng, hùng hồn và có lý lẽ, và vì họ đã từng trải nhiều, nên họ có thể rất có kinh nghiệm và lối đời. Họ có thể nói chi tiết về những vấn đề lớn nhỏ; họ cũng có thể đánh giá tính xác thực và nguyên do của mọi việc. Một số người có thể nhìn vào hành vi và ngoại hình của những người này, cũng như tính cách, nhân tính, cách cư xử của họ, v.v., và thấy họ không có sai trật gì. Những người như thế đặc biệt có khả năng thích ứng với các xu hướng xã hội hiện hành. Mặc dù những người này có thể già hơn, nhưng họ không bao giờ tụt hậu so với các xu hướng của thời đại và không bao giờ quá già để học hỏi. Nhìn bề ngoài, không ai có thể tìm ra điều gì sai trật ở một người như thế, vậy mà sâu tận bản chất bên trong của mình, họ đã tuyệt đối và hoàn toàn bị Sa-tan làm cho bại hoại. Mặc dù không

thể tìm ra một lỗi bên ngoài đối với những người như thế, mặc dù bên ngoài họ lịch thiệp, tinh tế, có kiến thức cùng đạo đức nhất định, và họ có sự liêm chính, và mặc dù về mặt kiến thức thì họ không thua kém gì những người trẻ tuổi, nhưng đối với bản tính và thực chất của họ, những con người như thế là một kiểu mẫu đầy đủ và sống động của Sa-tan; họ là bản sao của Sa-tan. Đây là “quả” của việc Sa-tan làm cho con người bại hoại. Điều Ta vừa nói có thể làm tổn thương các người, nhưng tất cả là sự thật. Kiến thức mà con người nghiên cứu, khoa học mà họ hiểu được, và phương tiện họ chọn để phù hợp với những xu hướng xã hội, không có ngoại lệ, là những công cụ để Sa-tan làm cho con người bại hoại. Điều này hoàn toàn đúng. Do đó, con người sống trong một tâm tính hoàn toàn bị Sa-tan làm cho bại hoại, và con người không có cách nào biết sự thánh khiết của Đức Chúa Trời là gì hoặc thực chất của Đức Chúa Trời là gì. Đây là vì nhìn bề ngoài, người ta không thể tìm thấy điều sai trật với những cách thức Sa-tan làm cho con người bại hoại; người ta không thể nhận ra hành vi của một ai đó có gì sai không. Mọi người đi làm bình thường và sống cuộc sống bình thường; họ đọc sách báo bình thường, họ học tập và nói chuyện bình thường. Một số người học một vài điều đạo đức và giỏi nói chuyện, có hiểu biết và thân thiện, hay giúp đỡ và rộng lượng, cũng như không gây chuyện cãi vã vật vãnh hay lợi dụng mọi người. Tuy nhiên, tâm tính Sa-tan bại hoại của họ đã bám rễ sâu trong họ và thực chất này không thể thay đổi bằng cách dựa vào nỗ lực bên ngoài. Vì thực chất này, con người không thể biết được sự thánh khiết của Đức Chúa Trời, và mặc dù thực chất trong sự thánh khiết của Đức Chúa Trời được tỏ lộ với con người, nhưng con người không coi trọng điều đó. Đây là vì Sa-tan, qua các phương tiện khác nhau, đã hoàn toàn sở hữu cảm xúc, tư tưởng, quan điểm và suy nghĩ của con người. Sự sở hữu và bại hoại này không phải tạm thời hoặc thỉnh thoảng, mà hiện diện ở mọi nơi và mọi lúc. Do đó, rất nhiều người đã tin vào Đức Chúa Trời được ba hoặc bốn năm, hay thậm chí năm hoặc sáu năm, vẫn xem những tư tưởng, quan điểm, logic và triết lý xấu xa mà Sa-tan đã tiêm nhiễm vào họ như những báu vật, và không thể từ bỏ chúng. Bởi vì con người đã chấp nhận những thứ xấu xa, kiêu ngạo và hiểm ác xuất phát từ bản tính của Sa-tan, thì chắc chắn trong mối quan hệ giữa con người với con người thường có mâu thuẫn, tranh cãi và sự không tương hợp, điều xảy ra xuất phát từ bản chất kiêu ngạo của Sa-tan. Nếu Sa-tan đã cho loài người những điều tích cực – ví dụ, nếu Nho giáo và Đạo giáo trong văn hóa truyền thống mà con người đã chấp nhận là những điều tốt – thì những kiểu người giống nhau có thể hòa hợp với nhau sau khi chấp nhận những điều đó. Vậy thì tại sao lại có sự chia rẽ lớn như vậy giữa những con người đã cùng chấp nhận những điều giống nhau? Tại sao vậy? Chính là vì những điều này đến từ Sa-tan và Sa-tan tạo ra sự chia rẽ giữa con người. Những điều từ Sa-tan, bất kể chúng có đáng vẻ bề ngoài trang nghiêm, hay vĩ đại thế nào, thì cũng đều mang đến cho con người và đem lại cho đời sống con người chỉ là sự kiêu ngạo, và không gì khác hơn sự lừa dối trong bản tính xấu xa của Sa-tan. Chẳng phải vậy sao? Một người có khả năng tự ngụy tạo, người sở hữu kiến thức phong phú hoặc người được dạy dỗ tốt vẫn sẽ khó khăn lắm mới che giấu được tâm tính Sa-tan bại hoại của mình. Điều đó có nghĩa là, cho dù người này có

cải trang theo bao nhiêu cách, dù người có nghĩ họ là thánh nhân, hay người nghĩ họ là người hoàn hảo, hay người nghĩ họ là một thiên sứ, cho dù người có nghĩ họ thanh sạch đến mức nào, thì đời sống thực phía sau của họ như thế nào? Thực chất nào người sẽ nhìn thấy trong sự tỏ lộ tâm tính của họ. Không nghi ngờ gì, người sẽ nhìn thấy bản tính xấu xa của Sa-tan. Nói thế có thể chấp nhận được không? (Có.) Ví dụ, giả sử các người biết một người thân thiết với mình, người người nghĩ là người tốt, có thể là người mà người thần tượng. Với vóc giạc hiện tại của mình, người nghĩ gì về họ? Trước tiên, người đánh giá xem loại người này có nhân tính hay không, họ có trung thực hay không, họ có yêu mọi người thực sự không, lời nói và hành động của họ có làm lợi và giúp đỡ những người khác không? (Họ không có.) Cái gọi là sự tử tế, tình yêu thương hoặc lòng tốt mà những người này tỏ lộ ra là gì? Tất cả đều giả tạo, tất cả đều là vẻ bề ngoài. Đằng sau vẻ bề ngoài này có một mục đích xấu xa thầm kín: khiến cho người đó được quý mến và thần tượng. Các người có thấy điều này rõ ràng không? (Có.)

Những cách thức mà Sa-tan sử dụng để làm cho con người bại hoại mang đến cho loài người điều gì? Chúng có mang lại điều gì tích cực không? Trước tiên, con người có thể phân biệt được giữa điều thiện và điều ác không? Người có nói rằng trong thế giới này, dù đó là người nổi tiếng hay người vĩ đại nào đó, hoặc cuốn tạp chí hay ấn phẩm nào đó, những tiêu chuẩn mà họ dùng để đánh giá điều gì đó tốt hoặc xấu, và đúng hay sai, là chính xác không? Những đánh giá của họ về các sự kiện hoặc con người có công bằng không? Chúng có chứa đựng lẽ thật không? Thế giới này, nhân loại này, có đánh giá những điều tích cực và tiêu cực dựa trên tiêu chuẩn của lẽ thật không? (Không.) Tại sao con người không có khả năng đó? Con người đã nghiên cứu rất nhiều kiến thức và biết nhiều về khoa học, vì thế họ sở hữu những khả năng tuyệt vời, đúng không? Vậy thì tại sao họ không thể phân biệt giữa những điều tích cực và tiêu cực? Tại sao vậy? (Bởi vì con người không có lẽ thật; khoa học và kiến thức không phải lẽ thật.) Mọi thứ Sa-tan mang đến cho con người đều xấu xa, bại hoại và thiếu mất lẽ thật, sự sống và đường đi. Với sự xấu xa và bại hoại mà Sa-tan mang đến cho con người, thì người có thể nói rằng Sa-tan có tình yêu thương không? Người có thể nói rằng con người có tình yêu thương không? Một vài người có thể nói: “Ngài nhầm rồi; có nhiều người trên khắp thế giới giúp đỡ người nghèo hoặc người vô gia cư. Những người đó chẳng phải là người tốt sao? Cũng có những tổ chức từ thiện làm những việc tốt; chẳng phải những việc họ làm là việc tốt sao?”. Người sẽ nói gì về điều đó? Sa-tan sử dụng nhiều cách thức và lý thuyết khác nhau để làm cho con người bại hoại; có phải việc làm cho con người bại hoại này là một khái niệm mơ hồ không? Không, nó không mơ hồ. Sa-tan cũng làm một vài việc thực tế, và nó cũng thúc đẩy một quan điểm hoặc một lý thuyết trong thế giới và trong xã hội này. Trong mỗi triều đại và trong mỗi thời đại, nó thúc đẩy một lý thuyết và làm cho các tư tưởng thấm nhuần trong tâm trí của con người. Những tư tưởng và lý thuyết này dần dần bám rễ trong lòng của con người, và sau đó họ bắt đầu sống theo chúng. Một khi họ bắt đầu sống theo những điều này, chẳng phải họ vô tình trở thành Sa-tan sao? Chẳng phải sau đó họ trở nên hợp nhất với Sa-tan sao? Khi

con người đã trở nên hợp nhất với Sa-tan, thì cuối cùng thái độ của họ đối với Đức Chúa Trời là gì? Chẳng phải là giống thái độ của Sa-tan đối với Đức Chúa Trời sao? Không ai dám thừa nhận điều này, đúng không? Thật kinh khủng! Tại sao Ta phán rằng bản tính của Sa-tan là xấu xa? Ta không nói điều này một cách vô căn cứ; đúng hơn, bản tính của Sa-tan đã được xác định và phân tích dựa trên những gì nó đã làm và những điều nó đã tỏ lộ. Nếu Ta chỉ phán rằng Sa-tan xấu xa, thì các người sẽ nghĩ gì? Các người sẽ nghĩ: “Hiển nhiên Sa-tan xấu xa”. Vậy thì Ta hỏi người: “Khía cạnh nào của Sa-tan là xấu xa?”. Nếu người nói: “Sự chống đối của Sa-tan đối với Đức Chúa Trời là xấu xa”, thì người vẫn chưa nói rõ ràng. Bây giờ Ta đã phán về các chi tiết theo cách này, thì các người có hiểu nội dung chi tiết về thực chất trong sự xấu xa của Sa-tan không? (Có.) Nếu các người có thể thấy rõ được bản tính xấu xa của Sa-tan, thì các người sẽ thấy được tình trạng của chính mình. Có bất kỳ mối liên hệ nào giữa hai thứ này không? Điều này hữu ích cho các người hay không? (Có.) Khi Ta thông công về thực chất trong sự thánh khiết của Đức Chúa Trời, thì Ta có cần phải thông công về thực chất xấu xa của Sa-tan không? Các người có ý kiến gì về điều này? (Có, điều đó cần thiết.) Tại sao? (Sự xấu xa của Sa-tan làm nổi bật lên sự thánh khiết của Đức Chúa Trời.) Có đúng vậy không? Điều này đúng một phần, trong ý nghĩa là không có sự xấu xa của Sa-tan, thì con người sẽ không biết rằng Đức Chúa Trời là thánh khiết; thật đúng khi nói điều này. Tuy nhiên, nếu người nói rằng sự thánh khiết của Đức Chúa Trời chỉ tồn tại vì sự tương phản của nó với sự xấu xa của Sa-tan, thì điều này có đúng không? Cách nghĩ biện chứng này không đúng. Sự thánh khiết của Đức Chúa Trời là thực chất vốn có của Đức Chúa Trời; ngay cả khi Đức Chúa Trời mặc khải nó qua hành động của Ngài, thì điều này vẫn là một sự bày tỏ tự nhiên về thực chất của Đức Chúa Trời và nó vẫn là thực chất vốn có của Đức Chúa Trời; nó vẫn luôn luôn tồn tại và nằm trong thực chất và nội tại của chính Đức Chúa Trời, mặc dù con người không thể nhìn thấy. Đây là vì con người sống giữa tâm tính bại hoại của Sa-tan và dưới ảnh hưởng của Sa-tan, và họ không biết về sự thánh khiết, càng không biết nội dung chi tiết trong sự thánh khiết của Đức Chúa Trời. Vậy thì, có cần thiết để chúng ta thông công về thực chất xấu xa của Sa-tan trước tiên không? (Có, điều đó cần thiết.) Một số người có thể bày tỏ một vài nghi ngờ: “Ngài đang thông công về chính Đức Chúa Trời, vậy thì tại sao Ngài lại luôn luôn nói về việc Sa-tan làm cho con người bại hoại thế nào và bản tính của Sa-tan xấu xa làm sao?”. Bây giờ các người đã không còn nghi ngờ, đúng không? Khi con người đã nhận thức được sự xấu xa của Sa-tan và khi họ có một định nghĩa chính xác về nó, khi con người có thể thấy rõ nội dung chi tiết và biểu hiện của sự xấu xa, nguồn gốc và thực chất của sự xấu xa, chỉ khi đó, qua việc thảo luận về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời thì con người mới có thể thấy rõ hoặc nhận ra sự thánh khiết của Đức Chúa Trời là gì, sự thánh khiết là gì. Nếu Ta không thảo luận về sự xấu xa của Sa-tan, thì một vài người sẽ lầm tưởng rằng một vài điều mà con người thực hiện trong xã hội và giữa mọi người – hoặc những điều nào đó tồn tại trong thế giới này – có thể có chút liên quan đến sự thánh khiết. Đây chẳng phải là một quan điểm sai lầm sao? (Phải.)

Giờ đây Ta đã thông công về thực chất của Sa-tan theo cách này, các người đã có được sự hiểu biết nào về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời qua những sự trải nghiệm của các người trong vài năm qua, từ việc đọc lời Đức Chúa Trời của người và từ việc kinh nghiệm công tác của Ngài? Xin mời nói về điều đó. Người không cần phải sử dụng những lời lẽ cho êm tai, mà chỉ nói từ những kinh nghiệm của chính người. Có phải sự thánh khiết của Đức Chúa Trời chỉ bao gồm tình yêu thương của Ngài không? Có phải chỉ có tình yêu thương của Đức Chúa Trời mới được chúng ta mô tả là thánh khiết không? Điều đó sẽ quá phiến diện, phải không? Ngoài tình yêu thương của Đức Chúa Trời, còn có những khía cạnh nào khác trong thực chất của Đức Chúa Trời không? Các người có nhìn thấy chúng không? (Có. Đức Chúa Trời khinh ghét các lễ hội và ngày lễ, phong tục và mê tín; đây cũng là sự thánh khiết của Đức Chúa Trời.) Đức Chúa Trời là thánh khiết, do đó Ngài khinh ghét mọi thứ, ý người là vậy phải không? Về căn bản, sự thánh khiết của Đức Chúa Trời là gì? Có phải sự thánh khiết của Đức Chúa Trời không có nội dung thực chất gì, chỉ có sự ghét bỏ không? Trong tâm trí mình, các người đang suy nghĩ: “Bởi vì Đức Chúa Trời ghét những điều xấu xa này, vậy thì con người có thể nói rằng Đức Chúa Trời thánh khiết không”? Điều này chẳng phải là sự suy đoán ở đây sao? Điều này chẳng phải là một hình thức ngoại suy và phán xét sao? Sai lầm lớn nhất mà tuyệt đối phải tránh khi nói đến sự hiểu biết của chúng ta về thực chất của Đức Chúa Trời là gì? (Đó là khi chúng ta bỏ thực tế lại phía sau và thay vào đó nói về các giáo lý.) Đây là một sai lầm rất lớn. Còn gì khác nữa không? (Sự suy đoán và tưởng tượng.) Đây cũng là những sai lầm rất nghiêm trọng. Tại sao sự suy đoán và tưởng tượng lại không hữu ích? Những điều mà người suy đoán và tưởng tượng ra có phải là những điều người có thể thực sự nhìn thấy không? Chúng có phải là thực chất thật của Đức Chúa Trời không? (Không.) Điều khác phải tránh nữa? Đó có phải là sai lầm không khi chỉ liệt kê một loạt các lời đẹp đẽ để mô tả thực chất của Đức Chúa Trời? (Phải.) Đây chẳng phải là phô trương và vô nghĩa sao? Sự phán xét và sự suy đoán là vô nghĩa, cũng như hành động lựa chọn những từ ngữ đẹp đẽ. Sự ngợi khen trống rỗng cũng là vô nghĩa, phải không? Đức Chúa Trời có thích nghe con người nói về thứ vô nghĩa thế này không? (Không, Ngài không thích.) Ngài cảm thấy khó chịu khi nghe nó! Khi Đức Chúa Trời dẫn dắt và cứu một nhóm người, sau khi nhóm người này đã nghe những lời của Ngài, tuy thế mà họ không bao giờ hiểu được điều Ngài phán. Ai đó có thể hỏi: “Đức Chúa Trời có tốt không?”, và họ sẽ trả lời, “Có!” “Tốt như thế nào?” “Rất là tốt!” “Đức Chúa Trời có yêu con người không?” “Có!” “Yêu nhiều bao nhiêu? Bạn có thể mô tả không?” “Nhiều lắm! Tình yêu thương của Đức Chúa Trời sâu hơn đại dương, cao hơn bầu trời!” Chẳng phải những lời này là vô nghĩa sao? Và chẳng phải sự vô nghĩa này giống như điều các người vừa nói: “Đức Chúa Trời ghét tâm tính bại hoại của Sa-tan, và do đó Đức Chúa Trời là thánh khiết”? (Phải.) Điều các người vừa nói chẳng vô nghĩa sao? Và đa số những điều vô nghĩa được nói ra đến từ đâu? Những điều vô nghĩa được nói ra chủ yếu đến từ sự vô trách nhiệm và không tôn kính của con người đối với Đức Chúa Trời. Chúng ta có thể nói như vậy không? Người không có bất kỳ sự hiểu biết nào mà vẫn

nói chuyện vô nghĩa. Đó chẳng phải là vô trách nhiệm sao? Đó chẳng phải là không kính trọng Đức Chúa Trời sao? Người đã học được một số kiến thức, hiểu được một số lý lẽ và logic, người đã sử dụng những điều này, và hơn nữa, làm như thế như là một cách để hiểu được Đức Chúa Trời. Người có nghĩ rằng Đức Chúa Trời cảm thấy buồn khi Ngài nghe người nói theo cách đó không? Làm sao các người có thể cố gắng biết đến Đức Chúa Trời bằng việc sử dụng những cách thức này? Khi người nói như thế, chẳng phải nghe ngượng lắm sao? Do đó, khi nói đến việc hiểu biết về Đức Chúa Trời, con người phải thật cẩn trọng; chỉ nói trong phạm vi những gì người biết về Đức Chúa Trời. Hãy nói một cách trung thực và thực tế, và đừng tô vẽ cho lời nói của mình bằng những lời khen nhạt nhẽo, cũng đừng dùng lời tăng bốc; Đức Chúa Trời không cần nó; những thứ này đến từ Sa-tan. Tâm tính của Sa-tan là kiêu ngạo; Sa-tan thích được tăng bốc và nghe những lời đẹp đẽ. Sa-tan sẽ hài lòng và sung sướng nếu con người liệt kê tất cả những lời ngọt ngào họ đã học và sử dụng chúng cho Sa-tan. Nhưng Đức Chúa Trời không cần điều này; Đức Chúa Trời không cần sự nịnh nọt hoặc tăng bốc và Ngài không yêu cầu con người nói những lời vô nghĩa và ngợi khen Ngài một cách mù quáng. Đức Chúa Trời ghê tởm và thậm chí sẽ không nghe những lời ngợi khen và tăng bốc mà không phù hợp với thực tế. Vì vậy, khi một vài người ngợi khen Đức Chúa Trời một cách không thành tâm và mù quáng thề thốt, cầu nguyện với Ngài, thì Đức Chúa Trời không hề lắng nghe chút nào. Người phải chịu trách nhiệm về những gì người nói. Nếu người không biết điều gì, cứ nói là không biết; nếu người biết được điều gì, hãy bày tỏ nó theo cách thực tế. Thế về việc sự thánh khiết của Đức Chúa Trời chính xác và thực sự bao hàm những gì, các người có được hiểu biết đúng đắn về nó chưa? (Khi con thể hiện sự dấy nghịch, khi con phạm tội, con đã nhận được sự phán xét và trừng phạt của Đức Chúa Trời, và trong đó, con đã nhìn thấy sự thánh khiết của Đức Chúa Trời. Và khi con gặp phải những tình cảnh không như con mong đợi, con cầu nguyện về những điều này và tìm kiếm ý Đức Chúa Trời, và khi Đức Chúa Trời khai sáng và hướng dẫn con bởi lời Ngài, thì con đã nhìn thấy sự thánh khiết của Đức Chúa Trời.) Điều này là từ kinh nghiệm của chính người. (Từ những điều Đức Chúa Trời phán, con đã nhìn thấy việc con người đã trở nên thế nào khi bị làm cho bại hoại và bị hại bởi Sa-tan. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời đã ban mọi thứ để cứu chúng con và từ điều này con nhìn thấy sự thánh khiết của Đức Chúa Trời.) Đây là một cách nói thực tế; nó là sự hiểu biết thực sự. Có cách hiểu nào khác về điều này không? (Con nhìn thấy sự xấu xa của Sa-tan từ những lời nó nói để dụ dỗ Ê-va phạm tội và sự cám dỗ của nó với Đức Chúa Jêsus. Từ những lời Đức Chúa Trời đã phán với A-đam và Ê-va về thứ họ có thể và không thể ăn, con thấy rằng Đức Chúa Trời phán thẳng thắn, rõ ràng, và đáng tin cậy; từ điều này con nhìn thấy sự thánh khiết của Đức Chúa Trời.) Sau khi nghe những lời nhận xét trên, những lời của người nào thôi thúc các người nói “a-men” nhất. Sự thông công của người nào sát với chủ đề thông công của chúng ta ngày hôm nay nhất? Lời chia sẻ của ai thực tế nhất? Sự thông công của người chị em cuối cùng như thế nào? (Tốt.) Các người nói “a-men” với những gì chị ấy đã nói. Điều gì chị ấy nói đã đúng với mục tiêu? (Trong những lời chị ấy vừa nói, con nghe rằng lời Đức

Chúa Trời thẳng thắn và rõ ràng, và nó hoàn toàn không giống những lời nói lòng vòng của Sa-tan. Con đã nhìn thấy sự thánh khiết của Đức Chúa Trời trong điều này.) Đây là một phần của điều đó. Đúng vậy không? (Đúng.) Rất tốt. Ta thấy rằng các người đã đạt được điều gì đó trong hai buổi thông công vừa qua, nhưng các người phải tiếp tục làm việc chăm chỉ. Lý do các người phải làm việc chăm chỉ là vì việc hiểu được thực chất của Đức Chúa Trời là một bài học rất sâu sắc; nó không phải là điều mà một người hiểu được qua một đêm hoặc điều mà một người có thể bày tỏ rõ ràng chỉ với một vài từ.

Mỗi khía cạnh trong tâm tính Sa-tan bại hoại, sự hiểu biết, triết lý của con người, những tư tưởng và quan điểm của con người, và những khía cạnh cá nhân nào đó của từng người cản trở họ rất nhiều trong việc biết đến thực chất của Đức Chúa Trời; vì thế khi người nghe những chủ đề này, một số chủ đề trong số đó có thể nằm ngoài tầm với của các người; một số người không thể hiểu được, trong khi một số về cơ bản người không thể khớp với hiện thực. Dầu sao, Ta đã nghe về sự hiểu biết của các người về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời và Ta biết rằng trong lòng mình, các người đang bắt đầu thừa nhận những điều Ta đã phán và thông công về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời. Ta biết rằng trong lòng các người thì sự khao khát để hiểu được thực chất trong sự thánh khiết của Đức Chúa Trời đang bắt đầu nảy nở. Nhưng điều khiến Ta còn vui hơn chính là một vài người trong các người đã có thể sử dụng những từ đơn giản để diễn tả sự hiểu biết của người về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời. Mặc dù đây là một điều đơn giản để nói và Ta đã phán điều này trước đây, nhưng trong lòng của đa số các người, các người vẫn chưa chấp nhận những lời này, và thực sự chúng không để lại ấn tượng nào trong tâm trí của các người. Tuy nhiên, một vài người trong số các người đã ghi nhớ những lời này. Điều này rất tốt và là một sự khởi đầu đầy hứa hẹn. Ta hy vọng rằng các người sẽ tiếp tục suy ngẫm và thông công ngày càng nhiều hơn nữa về các chủ đề mà các người nghĩ là sâu sắc – hoặc các chủ đề ngoài tầm với của các người. Đối với những vấn đề ngoài tầm với của các người thì sẽ có người nào đó hướng dẫn thêm cho các người. Nếu các người tham gia thêm các buổi thông công về các lĩnh vực nằm trong tầm với của các người hiện nay, thì Đức Thánh Linh sẽ làm công tác của Ngài và các người sẽ hiểu được nhiều hơn. Việc hiểu được thực chất của Đức Chúa Trời và biết về thực chất của Đức Chúa Trời là điều quan trọng nhất đối với lối vào sự sống của con người. Ta hy vọng rằng các người không sao nhãng điều này hoặc xem nó như một trò chơi, bởi vì biết đến Đức Chúa Trời là nền tảng trong đức tin của con người và chìa khóa cho con người theo đuổi lẽ thật và có được sự cứu rỗi. Nếu con người tin vào Đức Chúa Trời nhưng không biết đến Ngài, nếu họ chỉ sống trong lời nói và giáo lý, thì họ sẽ không bao giờ có thể có được sự cứu rỗi, ngay cả khi họ hành động và sống theo ý nghĩa nông cạn của lẽ thật. Điều đó có nghĩa là, nếu người tin vào Đức Chúa Trời nhưng không biết đến Ngài, thì đức tin của người chỉ là con số không và không có hiện thực. Các người hiểu, đúng không? (Vâng, chúng con hiểu.) Sự thông công của chúng ta ngày hôm nay sẽ kết thúc ở đây.

Ngày 4 tháng 1 năm 2014

# **CHÍNH ĐỨC CHÚA TRỜI, ĐẲNG ĐỘC NHẤT VI**

## **SỰ THÁNH KHIẾT CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI (III)**

Đề tài mà chúng ta đã thông công lần trước là về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời. Khía cạnh nào trong chính Đức Chúa Trời liên quan đến sự thánh khiết của Đức Chúa Trời? Nó có liên quan đến thực chất của Đức Chúa Trời không? (Có.) Vậy thì khía cạnh chính trong thực chất của Đức Chúa Trời mà chúng ta đã nói đến trong buổi thông công của chúng ta là gì? Đó có phải là sự thánh khiết của Đức Chúa Trời không? Sự thánh khiết của Đức Chúa Trời là thực chất độc nhất vô song của Đức Chúa Trời. Nội dung chính của buổi thông công lần trước của chúng ta là gì? (Sự nhận biết về sự xấu xa của Sa-tan. Nghĩa là, Sa-tan sử dụng kiến thức, khoa học, văn hóa truyền thống, sự mê tín và các xu hướng xã hội làm con người trở nên bại hoại như thế nào.) Đây là đề tài chính mà chúng ta đã thảo luận lần trước. Sa-tan sử dụng kiến thức, khoa học, sự mê tín, văn hóa truyền thống, và các xu hướng xã hội để làm con người trở nên bại hoại; đây là những cách – có tổng cộng năm cách – mà Sa-tan làm con người bại hoại. Trong những cách này, các người nghĩ Sa-tan sử dụng cách nào nhiều nhất để làm con người bại hoại? Cách nào là cách được sử dụng để làm con người bại hoại sâu sắc nhất? (Văn hóa truyền thống. Đó là vì những triết lý độc hại, như là các giáo lý của Khổng Tử và Mạnh Tử, đã ăn sâu vào trong tâm trí của chúng con.) Như vậy, một vài anh chị em nghĩ rằng câu trả lời là “văn hóa truyền thống”. Có ai có câu trả lời khác không? (Kiến thức. Kiến thức sẽ không bao giờ để chúng con thờ phượng Đức Chúa Trời. Nó phủ nhận sự hiện hữu của Đức Chúa Trời, và phủ nhận quy tắc của Đức Chúa Trời. Điều đó có nghĩa là, Sa-tan bảo chúng con bắt đầu học tập từ khi còn nhỏ, và chỉ bằng cách học tập và có kiến thức thì chúng con sẽ có được những triển vọng tươi sáng cho tương lai của chúng con và có một số phận sung sướng.) Sa-tan sử dụng kiến thức để kiểm soát tương lai và số phận của người, và sau đó nó sẽ dắt mũi người; đây là cách người nghĩ rằng Sa-tan làm con người bại hoại một cách sâu sắc nhất. Như vậy, hầu hết các người nghĩ rằng chính kiến thức là thứ Sa-tan sử dụng để làm con người trở nên bại hoại một cách sâu sắc nhất. Có ai có ý kiến khác không? Ví dụ như, khoa học hoặc các xu hướng xã hội thì sao? Có ai chọn những điều này làm câu trả lời không? (Có.) Hôm nay, Ta sẽ thông công một lần nữa về năm cách Sa-tan dùng để làm con người bại hoại, và khi Ta kết thúc, Ta sẽ hỏi các người thêm vài câu hỏi, để chúng ta có thể thấy chính xác Sa-tan sử dụng điều nào trong số này để làm con người bại hoại một cách sâu sắc nhất.

### **Năm cách Sa-tan làm bại hoại con người**

#### **a. Sa-tan dùng kiến thức để làm bại hoại con người, và dùng danh lợi để kiểm soát họ**

Trong năm cách Sa-tan làm bại hoại con người, thì cách đầu tiên chúng ta đề cập đến là kiến thức, vậy thì chúng ta hãy chọn kiến thức làm đề tài đầu tiên để thông công. Sa-tan sử dụng kiến thức như là mồi nhử. Hãy nghe cho kỹ: Kiến thức chỉ là một loại



mỗi người. Con người bị dụ dỗ học tập chăm chỉ và cải thiện bản thân ngày này qua ngày khác, biến kiến thức thành vũ khí và tự trang bị cho mình với vũ khí đó, và sau đó dùng kiến thức để mở cánh cửa khoa học; nói cách khác, người càng có kiến thức, người sẽ càng hiểu biết. Sa-tan nói cho con người biết tất cả những điều này; nó bảo con người nuôi dưỡng những lý tưởng cao cả khi họ đang học hỏi kiến thức, hướng dẫn họ xây dựng những tham vọng và khát vọng. Sa-tan truyền tải nhiều thông điệp như thế mà con người không hay biết, khiến họ cảm nhận một cách vô thức rằng những điều này là đúng đắn hoặc là có lợi. Con người vô tình bước vào con đường này, vô tình bị chính những lý tưởng và tham vọng của mình dẫn dắt. Từng bước một, họ vô tình học được từ kiến thức Sa-tan đưa ra những cách mà những người nổi tiếng hoặc các vĩ nhân suy nghĩ. Họ cũng học được vài điều từ những hành động của những người được cho là anh hùng. Sa-tan chủ trương làm gì con người qua những hành động của những anh hùng này? Nó muốn tiêm nhiễm điều gì vào trong con người? Con người đó phải yêu nước, có lòng trung kiên dân tộc, và tinh thần quả cảm. Con người học được gì từ những câu chuyện lịch sử hoặc tiểu sử của những nhân vật anh hùng? Để có một ý thức về lòng trung thành cá nhân, để sẵn sàng làm bất cứ điều gì cho bạn bè và anh em mình. Trong kiến thức này của Sa-tan, con người vô tình học được nhiều điều hoàn toàn không tích cực. Giữa lúc con người không hay biết, những hạt giống do Sa-tan chuẩn bị được gieo vào tâm trí non nớt của con người. Những hạt giống này khiến họ cảm thấy rằng họ phải trở thành các vĩ nhân, phải trở nên nổi tiếng, phải trở thành anh hùng, thành nhà ái quốc, thành những người yêu thương gia đình mình và trở thành những người sẽ làm bất cứ điều gì cho bạn bè và có ý thức trung thành cá nhân. Bị Sa-tan quyến rũ, họ vô tình bước trên con đường nó đã chuẩn bị sẵn cho họ. Khi họ đi trên con đường này, thì họ buộc phải chấp nhận các quy tắc sống của Sa-tan. Hoàn toàn không ý thức được, họ phát triển những quy tắc sống của riêng mình, nhưng những điều này không gì khác hơn là các quy tắc của Sa-tan, những thứ mà nó đã tiêm nhiễm mạnh mẽ trong họ. Trong quá trình học tập, Sa-tan khiến họ nuôi dưỡng những mục tiêu của riêng mình và quyết định các mục tiêu cuộc sống, các quy tắc sống, và định hướng trong cuộc sống của riêng mình, trong khi tiêm nhiễm vào họ những điều của Sa-tan, sử dụng những câu chuyện, những tiểu sử, và mọi phương tiện khác có thể để dụ dỗ con người, từng chút một, cho đến khi họ cắn câu. Bằng cách này, trong suốt quá trình học tập của mình, một vài người bắt đầu thích văn chương, một vài người thích kinh tế, những người khác thích thiên văn hoặc địa lý. Rồi cũng có vài người bắt đầu thích chính trị, vật lý, hoá học, và thậm chí có những người thích thần học. Đây là tất cả các phần trong một tổng thể rộng lớn hơn đó là kiến thức. Trong lòng mình, mỗi người các người đều biết rằng những điều này thực ra là gì; mỗi người trong các người trước đây đều đã tiếp xúc với chúng. Từng người trong các người đều có khả năng nói liên tục không ngừng nghỉ về nhánh này hoặc nhánh khác của tri thức. Và vì thế việc kiến thức đã ăn sâu vào tâm trí con người như thế nào đã rõ ràng; dễ dàng nhìn thấy vị trí mà kiến thức chiếm hữu trong tâm trí con người và mức độ ảnh hưởng của nó đối với họ sâu sắc như thế nào. Một khi

ai đó nảy sinh sự yêu thích với một khía cạnh của kiến thức, khi một người đã yêu nó một cách sâu sắc, thì họ vô tình nảy sinh những tham vọng: Một số người muốn trở thành nhà văn, một số người muốn trở thành tác giả văn học, một số muốn làm về chính trị, và một số lại muốn tham gia vào lĩnh vực kinh tế và trở thành những doanh nhân. Rồi có một bộ phận những con người muốn trở thành những anh hùng, những vĩ nhân hay người nổi tiếng. Bất kể con người muốn trở thành những loại người nào, thì mục tiêu của họ là dùng phương pháp học hỏi kiến thức này và sử dụng nó cho mục đích của bản thân mình, là thực hiện ước muốn, tham vọng của bản thân mình. Cho dù điều đó nghe hay ho đến mức nào – họ muốn đạt được ước mơ của mình, không lãng phí cuộc đời mình, hoặc muốn có được một sự nghiệp nào đó – họ nuôi dưỡng những lý tưởng cao cả và tham vọng này, nhưng thực chất của tất cả những điều này là gì? Các người có từng xem xét đến câu hỏi này trước đây hay chưa? Tại sao Sa-tan hành động theo cách này? Mục đích của Sa-tan khi tiêm nhiễm những điều này vào trong con người là gì? Lòng các người phải hiểu rõ về vấn đề này.

Bây giờ chúng ta hãy nói về cách Sa-tan sử dụng kiến thức để làm bại hoại con người. Đầu tiên, chúng ta phải có một sự hiểu biết rõ ràng về những điều này: Với kiến thức, Sa-tan muốn cho con người điều gì? Nó muốn hướng con người đi theo con đường nào? (Con đường chống đối Đức Chúa Trời.) Đúng, chắc chắn là con đường đó – chống đối Đức Chúa Trời. Vậy thì người có thể nhìn thấy đây là hậu quả của việc con người có kiến thức – họ bắt đầu chống đối Đức Chúa Trời. Vậy thì động cơ nham hiểm của Sa-tan là gì? Người không rõ về điều này, phải vậy không? Trong suốt quá trình con người học hỏi kiến thức, Sa-tan sử dụng tất cả các phương thức, cho dù đó là kể những câu chuyện, hoặc chỉ đơn giản là cho họ một số ít kiến thức rời rạc, hoặc để cho họ thỏa mãn những mong muốn hay tham vọng của mình. Sa-tan muốn điều người xuống theo con đường nào? Con người nghĩ rằng việc học hỏi kiến thức không có gì sai, rằng điều đó hoàn toàn tự nhiên. Nói theo cách lời cuốn hơn, nuôi dưỡng những lý tưởng cao cả hoặc có tham vọng là có động cơ thúc đẩy, và điều này là hướng đi đúng trong đời sống. Chẳng phải đó là cách sống vinh quang hơn cho con người nếu họ có thể thực hiện lý tưởng của riêng mình, hoặc lập nghiệp thành công sao? Bằng cách làm những điều này, con người không chỉ có thể làm rạng danh tổ tiên mình mà còn có cơ hội để lại một dấu ấn trong lịch sử – chẳng phải đây là một điều tốt sao? Đây là một điều tốt trong mắt của những con người trần tục, và đối với họ thì nó đúng đắn và tích cực. Tuy nhiên, Sa-tan, với những động cơ nham hiểm của mình, có dẫn con người vào con đường kiểu này và tất cả chỉ có thể thôi không? Tất nhiên là không. Trên thực tế, cho dù lý tưởng của con người có cao cả đến đâu, cho dù mong muốn của con người có thực tế đến đâu hoặc chúng có thể đúng đắn đến mức nào, thì tất cả những gì con người muốn đạt được, tất cả những gì con người tìm kiếm đều gắn chặt với hai từ. Hai từ này cực kỳ quan trọng đối với đời sống của mỗi người, và chúng là những gì Sa-tan muốn tiêm nhiễm vào trong con người. Hai từ này là gì? Đó là “danh” và “lợi”. Sa-tan sử dụng một phương pháp rất tinh vi, một phương pháp rất phù hợp với những quan niệm

của con người, nó không hoàn toàn không cực đoan, qua đó nó khiến con người vô tình chấp nhận cách sống của nó, quy tắc sống của nó, và thiết lập mục đích sống và định hướng trong đời sống của họ, và khi làm như thế họ cũng vô tình bắt đầu có những tham vọng trong đời sống. Cho dù những tham vọng cuộc sống này có thể lớn đến mức nào, chúng vẫn gắn chặt với “danh” và “lợi”. Mọi thứ mà bất cứ vĩ nhân hay người nổi tiếng nào – thực ra là tất cả mọi người – theo đuổi trong đời sống chỉ liên quan đến hai từ này: “danh” và “lợi”. Con người nghĩ rằng một khi họ có được danh lợi, thì họ có thể lợi dụng những điều này để tận hưởng địa vị cao sang và sự giàu có, và để tận hưởng cuộc sống. Họ nghĩ rằng danh vọng và lợi lộc là một loại vốn mà họ có thể sử dụng để có được một đời sống theo đuổi thú vui và sự hưởng thụ phóng đãng của xác thịt. Vì danh lợi mà nhân loại rất thèm khát này, mà con người sẵn sàng, dù là vô tình, trao thân thể, tâm trí, tất cả những gì họ có, tương lai và đích đến của họ cho Sa-tan. Họ làm vậy mà không hề có chút do dự, càng không hề biết gì về việc cần phải lấy lại tất cả những gì họ đã trao. Liệu con người vẫn có thể kiểm soát chính mình một khi họ đã nương náu nơi Sa-tan theo cách này và đã trở nên trung thành với nó không? Chắc chắn là không. Họ bị Sa-tan kiểm soát hoàn toàn và tuyệt đối. Họ chìm đắm hoàn toàn và tuyệt đối trong vũng lầy, và không thể tự giải thoát mình. Khi một người bị sa lầy trong vòng danh lợi, thì họ không còn tìm kiếm những gì tươi sáng, những gì công chính, hoặc những gì đẹp đẽ và tốt lành. Đó là vì sức lôi cuốn mà danh vọng và lợi lộc có trên con người quá lớn; chúng trở thành những thứ để con người theo đuổi suốt đời và thậm chí cho đến đời đời mà không có hồi kết thúc. Chẳng lẽ điều này không đúng sao? Một vài người sẽ nói rằng học hỏi kiến thức không gì khác hơn là đọc sách hoặc học một vài thứ mà họ chưa biết để không bị tụt hậu so với thời đại hoặc bị thế giới bỏ lại phía sau. Học hỏi kiến thức chỉ để họ có thể kiếm ăn hàng ngày, cho tương lai của chính họ, hoặc chu cấp những nhu cầu cơ bản. Có ai chịu học tập chăm chỉ cả thập kỷ chỉ bởi những nhu cầu cơ bản, chỉ để giải quyết vấn đề lương thực không? Không, không ai như thế. Vậy thì tại sao con người phải chịu đựng những gian khổ đó trong suốt những năm qua? Chính vì danh và lợi. Danh vọng và lợi lộc đang chờ đợi họ ở đằng xa, vẫy tay ra hiệu cho họ, và họ tin rằng chỉ qua sự siêng năng, khó khăn và tranh đấu thì họ mới có thể đi theo con đường sẽ dẫn dắt họ đạt được danh lợi. Một người như thế phải chịu đựng những gian khổ này vì con đường tương lai của chính mình, vì sự vui hưởng trong tương lai và để có được cuộc sống tốt hơn. Kiến thức này là cái gì vậy – các người có thể cho Ta biết được không? Chẳng phải đó là những quy tắc và triết lý sống mà Sa-tan làm tiêm nhiễm vào con người, chẳng hạn như “yêu Đảng, yêu tổ quốc, yêu tôn giáo của mình” và “gió chiều nào theo chiều ấy” sao? Chẳng phải đó là “những lý tưởng cao cả” trong cuộc sống được Sa-tan tiêm nhiễm vào trong con người sao? Lấy ví dụ như các lý tưởng của những vĩ nhân, sự thanh liêm của những người nổi tiếng hoặc tinh thần dũng cảm của các nhân vật anh hùng, hoặc tinh thần thượng võ và lòng tốt của những nhân vật chính và kiếm sĩ trong những cuốn tiểu thuyết võ hiệp – chẳng phải đây là tất cả những cách mà Sa-tan tiêm nhiễm những lý tưởng này sao? Những ý tưởng này ảnh hưởng từ thế

hệ này đến thế hệ khác, và con người trong mỗi thế hệ được cổ vũ để chấp nhận những ý tưởng này. Họ không ngừng đấu tranh để theo đuổi “những lý tưởng cao cả” đến mức họ thậm chí sẽ hy sinh mạng sống của mình cho chúng. Đây là phương tiện và cách tiếp cận mà Sa-tan qua đó sử dụng kiến thức để làm bại hoại con người. Vậy sau khi Sa-tan dẫn dắt người ta đi trên con đường này, liệu họ có thể vâng phục và thờ phượng Đức Chúa Trời không? Và liệu họ có thể chấp nhận lời Đức Chúa Trời và theo đuổi lẽ thật không? Tuyệt đối không – bởi vì họ đã bị Sa-tan dẫn đi lạc lối. Chúng ta hãy nhìn lại những kiến thức, tư tưởng và quan điểm mà con người bị tiêm nhiễm bởi Sa-tan: những thứ này có chứa đựng lẽ thật về sự vâng phục Đức Chúa Trời và thờ phượng Đức Chúa Trời không? Có những lẽ thật về việc kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác không? Có bất kỳ lời nào của Đức Chúa Trời không? Có bất cứ điều gì trong chúng liên quan đến lẽ thật không? Không hề – hoàn toàn không có những điều này. Các người có thể chắc chắn rằng những điều mà Sa-tan tiêm nhiễm vào con người không chứa đựng lẽ thật không? Các người không dám, nhưng không sao. Miễn là người nhận ra rằng “danh” và “lợi” là hai từ khóa mà Sa-tan sử dụng để lôi kéo con người vào con đường xấu xa, thế là đủ.

Chúng ta hãy ôn lại những gì chúng ta đã thảo luận cho đến nay: Sa-tan sử dụng gì để kiểm soát con người một cách chặt chẽ? (Danh vọng và lợi lộc.) Như vậy, Sa-tan sử dụng danh vọng và lợi lộc để khống chế suy nghĩ của con người, cho đến khi tất cả những gì con người có thể nghĩ đến chỉ là danh và lợi. Họ đấu tranh vì danh lợi, chịu đựng khó khăn gian khổ vì danh lợi, chịu đựng sự sỉ nhục vì danh lợi, hy sinh mọi thứ họ có vì danh lợi, và họ sẽ đưa ra bất kỳ phán đoán hoặc quyết định nào cũng vì danh lợi. Bằng cách này, Sa-tan đã trói con người bằng những xiềng xích vô hình, và họ không có sức mạnh cũng như không có can đảm để vứt bỏ chúng. Họ vô tình mang những xiềng xích này và nặng nề lê bước về phía trước với rất nhiều khó khăn. Vì danh lợi, nhân loại tránh xa Đức Chúa Trời và phản bội Đức Chúa Trời và ngày càng trở nên gian ác. Do đó, bằng cách này, hết thế hệ này đến thế hệ khác bị hủy diệt giữa vòng danh lợi của Sa-tan. Bây giờ hãy nhìn vào những hành động của Sa-tan, chẳng phải các động cơ nham hiểm của nó hoàn toàn đáng ghét sao? Có thể ngày hôm nay các người vẫn chưa thể nhìn thấu các động cơ nham hiểm của Sa-tan bởi vì các người nghĩ rằng con người không thể sống mà không có danh vọng và lợi lộc. Người nghĩ rằng nếu con người để danh lợi lại phía sau, thì họ sẽ không còn có thể nhìn thấy con đường phía trước, không còn có thể nhìn thấy mục tiêu của mình, rằng tương lai của họ sẽ trở nên đen tối, mờ mịt và ảm đạm. Tuy nhiên, tất cả các người một ngày nào đó sẽ dần dần nhận ra rằng danh và lợi là những xiềng xích góm ghiếc mà Sa-tan sử dụng để trói buộc con người. Khi ngày đó đến, người sẽ triệt để chống lại sự kiểm soát của Sa-tan và triệt để chống lại những xiềng xích Sa-tan sử dụng để trói buộc người. Khi thời điểm đó đến người muốn vứt bỏ tất cả những thứ mà Sa-tan đã tiêm nhiễm trong người, rồi người sẽ cắt đứt hoàn toàn với Sa-tan và sẽ thực sự ghê tởm tất cả những gì Sa-tan đã mang đến cho người. Chỉ khi đó, nhân loại mới thật lòng kính mến và khao khát Đức Chúa Trời.

## **b. Sa-tan dùng khoa học để làm bại hoại con người**

Chúng ta vừa nói về cách Sa-tan sử dụng kiến thức để làm bại hoại con người, vậy thì tiếp theo chúng ta hãy thông công về cách Sa-tan sử dụng khoa học để làm con người bại hoại. Trước tiên, Sa-tan nhân danh khoa học để làm thỏa mãn sự tò mò của con người, mong muốn khám phá khoa học và tìm hiểu những điều huyền bí của con người. Nhân danh khoa học, Sa-tan làm thỏa mãn nhu cầu vật chất của con người và nhu cầu liên tục cải thiện chất lượng cuộc sống của con người. Như vậy, dựa vào cái cớ này mà Sa-tan sử dụng khoa học để làm bại hoại con người. Có phải Sa-tan sử dụng khoa học theo cách này chỉ làm cho tư duy của con người hoặc tâm trí của con người bị bại hoại mà thôi? Trong số con người, sự kiện và những thứ xung quanh chúng ta mà chúng ta có thể nhìn thấy và tiếp xúc, thì còn thứ gì khác mà Sa-tan sử dụng khoa học để làm cho bại hoại? (Môi trường tự nhiên.) Đúng. Có vẻ như các người đã bị tổn hại sâu sắc và bị ảnh hưởng sâu sắc bởi điều này. Bên cạnh việc sử dụng tất cả những kết quả và kết luận khác nhau của khoa học để đánh lừa con người, Sa-tan cũng sử dụng khoa học như là một phương tiện để thực hiện sự hủy diệt và khai thác bừa bãi trong môi trường sống đã được Đức Chúa Trời ban cho con người. Nó làm điều này dựa vào cái cớ rằng nếu con người thực hiện các nghiên cứu khoa học, thì môi trường sống và chất lượng cuộc sống của con người sẽ liên tục được cải thiện, và hơn nữa, rằng mục đích của sự phát triển khoa học là phục vụ nhu cầu vật chất ngày càng cao của con người và nhu cầu liên tục cải thiện chất lượng cuộc sống của họ. Đây là cơ sở lý thuyết về sự phát triển khoa học của Sa-tan. Tuy nhiên, khoa học đã mang lại cho loài người những gì? Chẳng phải môi trường sống của chúng ta – và môi trường sống của toàn thể nhân loại – đã bị ô uế sao? Chẳng phải không khí mà con người hít thở đã bị ô uế sao? Chẳng phải nước mà chúng ta uống đã bị ô uế sao? Thực phẩm chúng ta ăn có còn hữu cơ và tự nhiên không? Hầu hết các loại ngũ cốc và rau củ đều bị biến đổi gen, chúng được trồng bằng phân bón, và một số loại là các biến thể được tạo ra bằng cách sử dụng khoa học. Các loại rau và trái cây chúng ta ăn cũng không còn tự nhiên. Ngay cả trứng tự nhiên cũng không còn dễ tìm, và trứng không còn có vị như trước đây, đã bị cái gọi là khoa học của Sa-tan xử lý. Nhìn tổng thể, toàn bộ bầu không khí đã bị phá hủy và ô nhiễm; núi, hồ, rừng, sông, biển, và mọi thứ trên và dưới mặt đất đều đã bị hủy hoại bởi cái được gọi là thành tựu khoa học. Tóm lại, toàn bộ môi trường tự nhiên, môi trường sống được Đức Chúa Trời ban cho loài người, đã bị hủy diệt và hủy hoại bởi cái gọi là khoa học. Mặc dù có nhiều người đã đạt được những gì họ luôn luôn hy vọng về chất lượng cuộc sống mà họ tìm kiếm, thỏa mãn cả những mong muốn và xác thịt của họ, nhưng môi trường mà con người đang sống về thực chất đã bị hủy diệt và hủy hoại bởi “những thành tựu” khác nhau do khoa học mang lại. Bây giờ, chúng ta không còn quyền hít dù chỉ một hơi thở trong lành. Chẳng phải đây là nỗi đau buồn của loài người sao? Có còn sót lại niềm hạnh phúc nào để con người nhắc đến, khi họ phải sống trong dạng không gian như thế này không? Không gian và môi trường sống mà

con người đang sống trong đó, ngay từ đầu, đã được Đức Chúa Trời tạo nên cho con người. Nước con người uống, không khí con người hít thở, những loại thực phẩm khác nhau con người ăn, cũng như thực vật và các hữu thể sống, và thậm chí núi non, hồ nước, và đại dương – mọi phần trong môi trường sống này đều được Đức Chúa Trời ban cho con người; nó tự nhiên, vận hành theo một qui luật tự nhiên do Đức Chúa Trời đặt ra. Nếu không có khoa học, con người sẽ vẫn làm theo những phương pháp được Đức Chúa Trời ban cho, họ sẽ có thể tận hưởng tất cả những gì nguyên sơ và tự nhiên, và họ sẽ hạnh phúc. Tuy nhiên, giờ đây tất cả những thứ này đã bị Sa-tan hủy diệt và hủy hoại; không gian sống cơ bản của con người không còn nguyên sơ nữa. Nhưng không ai có thể nhận ra điều gì đã gây nên điều này hoặc nó xảy ra như thế nào, và nhiều người tiếp cận khoa học hơn nữa và hiểu nó thông qua những ý tưởng mà Sa-tan đã tiêm nhiễm trong họ. Chẳng phải điều này hoàn toàn đáng ghét và đáng thương sao? Với việc Sa-tan bây giờ đang chiếm giữ không gian mà con người đang hiện hữu, cũng như là môi trường sống của họ, và khiến họ ở trong tình trạng bại hoại này, và với việc loài người đang tiếp tục phát triển theo cách này, vậy Đức Chúa Trời có cần đích thân hủy diệt những con người này không? Nếu con người tiếp tục phát triển theo cách này, thì họ sẽ đi theo hướng nào? (Họ sẽ bị tiêu diệt.) Họ sẽ bị tiêu diệt như thế nào? Ngoài sự tìm kiếm danh lợi tham lam của con người, họ liên tục thực hiện những khám phá khoa học và đào sâu nghiên cứu, và rồi không ngừng hành động theo cách để thỏa mãn nhu cầu và ham muốn vật chất của họ; vậy thì những hậu quả dành cho con người là gì? Trước hết, sự cân bằng sinh thái bị phá vỡ, và khi điều này xảy ra, cơ thể con người, các cơ quan nội tạng của họ, bị hỏng và hư hại bởi sự mất cân bằng môi trường này, và nhiều bệnh truyền nhiễm, bệnh dịch khác nhau tràn lan khắp thế giới. Chẳng phải đây thật sự là tình cảnh hiện tại mà con người không kiểm soát nổi sao? Giờ đây khi các người hiểu được điều này, nếu nhân loại không theo Đức Chúa Trời, mà luôn theo Sa-tan theo cách này – dùng kiến thức để liên tục làm giàu cho bản thân, dùng khoa học để không ngừng khám phá tương lai của sự sống con người, dùng dạng phương pháp này để tiếp tục sống – các người có thể nhận ra điều này sẽ kết thúc như thế nào đối với nhân loại không? Nhân loại sẽ tự nhiên diệt vong: từng bước một, nhân loại tiến tới sự hủy diệt, hướng tới sự hủy diệt của chính mình! Chẳng phải điều này mang lại sự hủy diệt cho chính họ sao? Và chẳng phải đó là hệ quả của tiến bộ khoa học sao? Giờ đây có vẻ như khoa học là một loại thuốc ma thuật mà Sa-tan đã chuẩn bị cho con người, hầu cho khi các người cố gắng để nhận thức rõ các sự việc thì các người lại làm điều đó trong màn sương mờ; bất kể các người nhìn kỹ thế nào, các người cũng không thể thấy rõ sự vật, và bất kể các người cố gắng cật lực thế nào, các người vẫn không thể tìm ra chúng được. Tuy nhiên, Sa-tan lại dùng danh nghĩa khoa học để kích thích sự ham muốn của người và dắt mũi người, cứ thế mà tiến, hướng tới địa ngục và sự chết. Và trong trường hợp này, người ta sẽ thấy rõ rằng thực ra, sự hủy diệt của con người là bởi tay Sa-tan mà ra – Sa-tan là kẻ cầm đầu. Chẳng phải như vậy sao? (Đúng là như vậy.) Đây là cách thứ hai mà Sa-tan làm bại hoại nhân loại.

### **c. Sa-tan dùng văn hóa truyền thống để làm bại hoại con người**

Văn hóa truyền thống là cách thứ ba mà Sa-tan làm con người bại hoại. Có nhiều điểm giống nhau giữa văn hóa truyền thống và sự mê tín, nhưng sự khác biệt là văn hóa truyền thống có những câu chuyện, sự ám chỉ, và nguồn gốc nhất định. Sa-tan đã bịa đặt và hư cấu nhiều câu chuyện dân gian hoặc những câu chuyện xuất hiện trong những sách lịch sử, để lại cho con người những ấn tượng sâu sắc về văn hóa truyền thống hoặc các nhân vật mê tín. Ví dụ như, ở Trung Quốc có “Tám người bắt tử vượt biển”, “Tây du ký”, “Ngọc Hoàng Thượng Đế”, “Na Tra chinh phục Long Vương”, và “Phong Thần Diễn Nghĩa”. Chẳng phải những thứ này đã ăn sâu vào tâm trí của con người sao? Ngay cả khi một vài người trong số các người không biết tất cả các chi tiết, nhưng các người vẫn biết những câu chuyện khái quát, và chính nội dung khái quát này khắc sâu vào lòng người và tâm trí người, vì thế người không thể quên được chúng. Đây là những ý tưởng hoặc truyền thuyết đa dạng mà Sa-tan đã chuẩn bị cho con người từ rất lâu, và đã bị gieo rắc ở những thời điểm khác nhau. Những thứ này trực tiếp gây tổn hại và ăn mòn linh hồn của con người và làm con người bị mê hoặc hết lần này đến lần khác. Điều đó có nghĩa là một khi người đã chấp nhận văn hóa truyền thống, những câu chuyện, hoặc những thứ mê tín như vậy, một khi chúng đã thành nếp trong tâm trí người, và một khi chúng khắc sâu vào lòng người, thì điều đó giống như người bị mê hoặc – người bị mắc kẹt và bị chi phối bởi những cái bẫy văn hóa này, những ý tưởng và câu chuyện truyền thống này. Chúng chi phối đời sống của người, quan điểm sống của người, và sự phán xét của người về mọi thứ. Còn hơn thế, chúng chi phối sự theo đuổi con đường sống thực sự của người: Đây thực sự là một sự mê hoặc gian ác. Dù cố gắng hết sức có thể, thì người cũng không thể rũ bỏ chúng; người chắt vào chúng nhưng người không thể đốn ngã chúng; người đánh vào chúng nhưng người không thể đánh lui chúng. Hơn nữa, sau khi con người vô tình bị mê hoặc như thế, thì họ vô tình bắt đầu thờ phượng Sa-tan, nuôi dưỡng hình ảnh của Sa-tan trong lòng mình. Nói cách khác, họ lập Sa-tan làm thần tượng của mình, một đối tượng để họ thờ phượng và tôn kính, thậm chí còn đi xa đến mức xem nó là Đức Chúa Trời. Một cách vô tình, những thứ này ở trong lòng con người, kiểm soát lời nói và hành động của họ. Hơn nữa, đầu tiên người xem những câu chuyện và truyền thuyết này là sai, nhưng sau đó người vô tình thừa nhận sự tồn tại của chúng, tạo chúng thành những nhân vật có thật, và biến chúng thành những đối tượng thật và hiện hữu. Trong sự không hay biết của người, người tiếp nhận những ý tưởng này và sự hiện hữu của những thứ này theo tiềm thức. Theo tiềm thức người cũng tiếp rước những con quỷ, Sa-tan, và các thần tượng vào nhà riêng của mình và vào lòng mình – đây thực sự là một sự mê hoặc. Người có đồng cảm với những lời này không? (Có.) Có ai trong số các người đã từng đốt nhang và thờ lạy Phật không? (Có.) Vậy thì mục đích của việc đốt nhang và thờ lạy Phật là gì? (Cầu nguyện cho sự bình an.) Bây giờ hãy nghĩ về điều đó, chẳng phải đó là điều vô lý khi cầu nguyện với Sa-tan vì sự bình an sao? Sa-tan có mang lại sự bình an không?

(Không.) Vậy thì chẳng lẽ người không thấy mình ngu dốt thế nào sao? Loại hành vi đó là ngớ ngẩn, ngu dốt và ngây thơ, chẳng phải sao? Sa-tan chỉ quan tâm đến việc làm thế nào để làm người bại hoại. Sa-tan không thể mang lại cho người sự bình an, chỉ có một sự nghỉ ngơi trong chốc lát. Nhưng để có được sự nghỉ ngơi này thì người phải thề, và nếu người không giữ lời hứa hoặc lời thề mà người đã hứa với Sa-tan, thì người sẽ thấy nó làm khổ người như thế nào. Khi bắt người thề, nó thực sự muốn kiểm soát người. Khi các người cầu nguyện về sự bình an, các người có được bình an không? (Không.) Các người đã không có được sự bình an, nhưng ngược lại những nỗ lực của các người đã mang lại bất hạnh và những thảm họa không ngừng – thực sự là một biển khổ vô biên. Sự bình an không nằm dưới quyền của Sa-tan, và đây là sự thật. Đây là hậu quả mà sự mê tín phong kiến và văn hóa truyền thống đã mang lại cho loài người.

#### **d. Sa-tan dùng xu hướng xã hội để làm bại hoại con người**

Cách cuối cùng mà Sa-tan làm bại hoại và kiểm soát con người là thông qua các xu hướng xã hội. Các xu hướng xã hội gồm nhiều khía cạnh, bao gồm nhiều lĩnh vực khác nhau như tôn thờ các nhân vật nổi tiếng và vĩ đại, cũng như các thần tượng điện ảnh và âm nhạc, tôn thờ người nổi tiếng, các trò chơi trực tuyến, v.v. – tất cả những thứ này đều là một phần của xu hướng xã hội, và không cần phải đi vào chi tiết ở đây. Chúng ta sẽ chỉ nói về những ý tưởng mà các xu hướng xã hội mang lại cho con người, cách chúng khiến con người hành xử trong thế gian, mục tiêu và quan điểm sống chúng mang lại nơi con người. Những điều này rất quan trọng; chúng có thể kiểm soát và ảnh hưởng đến những suy nghĩ và quan điểm của con người. Những xu hướng này nảy sinh nối tiếp nhau, và tất cả chúng đều mang những tác động xấu xa liên tục hạ thấp phẩm giá loài người, khiến con người mất đi lương tâm, nhân tính và lý trí, làm suy yếu đạo đức và nhân phẩm của họ hơn bao giờ hết, đến mức mà chúng ta thậm chí có thể nói rằng đa số mọi người bây giờ không có sự liêm chính, không có nhân tính, và cũng không có chút lương tâm nào, chứ đừng nói gì đến lý trí. Vậy thì những xu hướng xã hội này là gì? Chúng là những xu hướng mà người không thể nhìn bằng mắt thường. Khi một xu hướng mới tràn ngập khắp thế giới, thì có lẽ chỉ một số ít người tiên phong, đóng vai trò là những người tạo ra xu hướng. Họ bắt đầu làm một số điều mới, sau đó chấp nhận một vài ý tưởng hoặc một vài quan điểm. Tuy nhiên, đa số mọi người sẽ liên tục bị ảnh hưởng, bị lôi cuốn và bị đồng hóa bởi xu hướng này trong trạng thái không nhận thức được, cho đến khi tất cả họ đều vô tình và không chủ tâm chấp nhận nó và bị nhấn chìm trong nó và bị nó kiểm soát. Lần lượt, những xu hướng như thế khiến mọi người, những người có thân thể và tâm trí không được mạnh mẽ, không biết lẽ thật là gì, và không thể phân biệt giữa những điều tích cực và tiêu cực, vui vẻ chấp nhận chúng cũng như những quan điểm sống và các giá trị đến từ Sa-tan. Họ chấp nhận điều Sa-tan nói với họ về cách tiếp cận cuộc sống và cách sống mà Sa-tan “ban” cho họ, và họ không có sức mạnh cũng như khả năng, càng không có nhận thức, để chống lại. Vậy thì làm thế nào để nhận ra những xu hướng như thế? Ta đã chọn ra một ví dụ đơn giản mà các người



có thể dần dần hiểu ra. Ví dụ như, con người trong quá khứ làm kinh doanh theo cách mà không ai bị lừa gạt; họ bán các mặt hàng đồng một mức giá bất kể người mua hàng là ai. Chẳng phải điều này truyền đạt một vài yếu tố về lương tâm và nhân tính tốt ở đây sao? Khi con người tiến hành công việc kinh doanh của họ như thế này, một cách trung thực, thì có thể thấy rằng họ vẫn có chút lương tâm và chút nhân tính vào thời điểm đó. Nhưng với nhu cầu về tiền bạc ngày càng tăng không ngừng của con người, thì con người vô tình ngày càng trở nên yêu tiền bạc, lợi lộc, và lạc thú. Chẳng phải con người ưu tiên tiền bạc hơn họ đã từng sao? Khi con người coi tiền bạc là rất quan trọng, thì họ vô tình bắt đầu ít coi trọng danh giá, tiếng tăm, danh tiếng tốt và sự thanh liêm của mình, không phải vậy sao? Khi người tham gia vào kinh doanh, người thấy những người khác làm giàu bằng cách lừa gạt mọi người. Mặc dù đồng tiền kiếm được là bất chính, nhưng họ ngày càng giàu hơn. Chứng kiến tất cả những gì mà gia đình họ được hưởng, người thấy khó chịu: “Cả hai đều làm kinh doanh nhưng họ thì giàu có. Tại sao mình không thể kiếm được nhiều tiền chứ? Mình không thể chấp nhận điều này – mình phải tìm cách kiếm nhiều tiền hơn”. Sau đó, tất cả những gì người nghĩ đến là làm thế nào để làm giàu. Một khi người đã từ bỏ niềm tin rằng “nên kiếm tiền bằng lương tâm, bằng cách không lừa ai”, thì khi đó, do lợi ích của chính mình thúc đẩy, cách suy nghĩ của người dần thay đổi, các nguyên tắc đằng sau những hành động của người cũng thay đổi. Khi người lừa dối ai đó lần đầu, người cảm thấy lương tâm cắn rứt, và lòng người tự nhủ: “Khi xong chuyện này thì đây là lần cuối cùng mình lừa dối ai đó. Nếu luôn lừa dối mọi người thì sẽ bị báo ứng!”. Đây là chức năng của lương tâm con người – khiến người cảm thấy lưỡng lự và khiển trách người, để người sẽ cảm thấy không tự nhiên khi lừa gạt ai đó. Nhưng sau khi người đã lừa gạt người nào đó thành công, người thấy rằng giờ đây người có nhiều tiền hơn trước, và người nghĩ rằng cách này có thể rất có lợi cho người. Bất chấp nỗi đau âm ỉ trong lòng, người vẫn có cảm giác muốn tự chúc mừng cho thành công của mình, và cảm thấy khá hài lòng với chính mình. Lần đầu tiên, người chấp thuận hành vi, những cách lừa gạt của chính mình. Một khi con người đã bị nhiễm phải sự lừa lọc này, nó giống như một người vướng vào cờ bạc và rồi trở thành một con bạc. Trong vô thức, người đồng tình với hành vi lừa gạt của chính mình và chấp nhận nó. Trong vô thức, người xem việc lừa gạt là một hành vi kinh doanh hợp pháp và là phương kế hữu dụng nhất cho sự sinh tồn và sinh kế của mình; người nghĩ rằng bằng cách này người có thể làm giàu một cách nhanh chóng. Đây là một quá trình: Ban đầu, con người không chấp nhận loại hành vi này và họ xem thường hành vi và sự thực hành này. Sau đó họ bắt đầu tự mình thử nghiệm hành vi này, thử làm theo cách riêng của mình, và lòng họ bắt đầu dần dần biến đổi. Đây là loại biến đổi gì? Chính là sự chấp thuận và thừa nhận xu hướng này, ý tưởng này tiềm ẩn trong người bởi xu hướng xã hội. Vô hình trung, nếu người không lừa gạt mọi người khi làm ăn với họ, thì người cảm thấy tệ hại hơn; nếu người không lừa gạt mọi người, thì người cảm thấy như thể người đã mất đi thứ gì đó. Vô tình, sự lừa gạt này trở thành chính linh hồn của người, xương sống của người, và một loại hành vi không thể thiếu, mà đã là một nguyên tắc

trong cuộc sống của người. Sau khi con người đã chấp nhận hành vi và tư duy này, chẳng phải điều này đã mang lại một sự thay đổi trong lòng họ sao? Lòng người đã thay đổi, vì thế sự liêm chính của người cũng thay đổi đúng không? Nhân tính của người có thay đổi không? Lương tâm của người có thay đổi không? Toàn bộ con người của người, từ lòng dạ đến tư tưởng của người, từ trong ra ngoài, đã thay đổi, và đây là một sự thay đổi về phẩm chất. Sự thay đổi này kéo người ngày càng xa Đức Chúa Trời, và người càng trở nên gần gũi với Sa-tan hơn; người ngày càng trở nên giống Sa-tan hơn, với kết quả là sự bại hoại của Sa-tan biến người thành ma quỷ.

Khi nhìn vào những xu hướng xã hội này, người có nói rằng chúng có ảnh hưởng lớn đến con người không? Chúng có tác hại sâu sắc đến con người không? Chúng có tác hại sâu sắc đến con người. Sa-tan sử dụng mỗi một khuynh hướng này để làm bại hoại những khía cạnh nào của con người? Sa-tan chủ yếu làm bại hoại lương tâm, ý thức, nhân tính, đạo đức, và quan điểm sống của con người. Và chẳng phải những xu hướng xã hội này dần dần làm con người suy đồi và bại hoại sao? Sa-tan sử dụng những xu hướng xã hội này để dụ dỗ con người từng bước một vào trong tổ quỷ, để những người bị sa vào những xu hướng xã hội này vô tình cổ vũ cho tiền bạc và những ham muốn vật chất, sự xấu xa và bạo lực. Một khi những thứ này đã bước vào lòng con người, thì con người sẽ trở thành gì? Con người trở thành quỷ dữ, thành Sa-tan! Tại sao? Bởi vì, chiều hướng tâm lý nào tồn tại trong lòng con người? Con người tôn kính những gì? Con người bắt đầu yêu thích sự gian ác và bạo lực, không tỏ ra yêu mến cái đẹp hoặc điều tốt lành, càng không yêu mến sự bình an. Con người không sẵn lòng sống một cuộc sống đơn giản của một nhân tính bình thường, mà thay vào đó lại muốn tận hưởng địa vị cao sang và sự giàu có, để say sưa với những thú vui của xác thịt, cố hết sức để làm thỏa mãn xác thịt mình, không có chút hạn chế, không kìm nén chúng; nói cách khác, họ làm bất cứ điều gì họ muốn. Vậy thì khi con người đã đắm chìm trong những loại xu hướng này, thì kiến thức mà người đã học được có thể giúp người tự giải thoát mình không? Sự hiểu biết về văn hóa truyền thống và sự mê tín có thể giúp người thoát khỏi tình thế đáng sợ này không? Đạo đức và các nghi lễ truyền thống mà con người biết đến có thể giúp họ giữ chừng mực không? Hãy lấy Luận ngữ của Khổng Tử và Đạo Đức Kinh làm ví dụ. Chúng có thể giúp con người nhắc chân ra khỏi tình trạng sa lầy trong những xu hướng tà ác này không? Tuyệt đối không. Do đó, con người ngày càng trở nên xấu xa, kiêu ngạo, trịch thượng, ích kỷ và hiểm độc. Không còn bất kỳ tình cảm nào giữa người với người, không còn bất kỳ tình yêu thương nào giữa các thành viên trong gia đình, không còn bất kỳ sự cảm thông nào giữa người thân và bạn bè; Những mối quan hệ giữa con người đã trở nên được đặc trưng bởi bạo lực. Mỗi một con người đều cố gắng sử dụng những phương pháp bạo lực để sống giữa đồng loại của mình; họ chộp lấy thức ăn hàng ngày bằng bạo lực; họ giành lấy vị trí và có được lợi nhuận bằng bạo lực, và sử dụng những cách bạo lực và xấu xa để làm bất cứ điều gì họ muốn. Chẳng phải loài người thế này thật kinh khủng sao? Phải, rất kinh khủng: họ không chỉ đóng đinh Đức Chúa Trời vào cây thập tự, mà còn tàn sát tất cả những ai

theo Ngài – bởi vì con người quá gian ác. Sau khi nghe tất cả những gì Ta vừa phán, các người không nghĩ rằng thật khủng khiếp khi sống trong môi trường này, trong thế giới này, và giữa những loại người này, môi trường mà trong đó Sa-tan làm bại hoại con người sao? (Có.) Vậy thì, có bao giờ các người cảm thấy mình thật đáng thương chưa? Người phải cảm thấy đôi chút về điều đó vào thời điểm này, đúng vậy không? (Con có cảm thấy.) Nghe giọng điệu của các người, có vẻ như các người đang nghĩ rằng: “Sa-tan có rất nhiều cách khác nhau để làm con người bại hoại. Nó nắm lấy mọi cơ hội và có mặt khắp mọi nơi chúng ta đi. Con người có thể vẫn được cứu không?”. Con người có thể vẫn được cứu không? Con người có thể tự cứu mình không? (Không.) Ngọc Hoàng Thượng Đế có thể cứu con người không? Khổng Tử có thể cứu con người không? Quan Thế Âm Bồ Tát có thể cứu con người không? (Không.) Vậy thì ai có thể cứu con người? (Đức Chúa Trời.) Tuy nhiên, một vài người sẽ đặt ra trong lòng họ những câu hỏi như: “Sa-tan làm tổn hại chúng con một cách tàn nhẫn, trong cơn điên loạn cuồng trí đến mức chúng con không có hy vọng sống, cũng không có chút tự tin nào để sống. Dù sao đi nữa tất cả chúng con đều sống trong sự bại hoại, và mỗi một người đều chống đối Đức Chúa Trời, và bây giờ lòng của chúng con đã chìm tận đáy sâu. Vậy Đức Chúa Trời ở đâu trong lúc Sa-tan đang làm cho chúng con trở nên bại hoại? Đức Chúa Trời đang làm gì? Bất kỳ điều gì Đức Chúa Trời làm cho chúng con, chúng con cũng không bao giờ cảm nhận được!”. Một số người không tránh được cảm giác thất vọng và có phần chán nản. Đối với các người, cảm giác này là rất sâu sắc, bởi vì tất cả những gì Ta đã và đang phán dạy là để cho con người từ từ hiểu được, để càng ngày càng cảm nhận rằng họ không có hy vọng, để càng ngày càng cảm nhận rằng họ đã bị Đức Chúa Trời từ bỏ. Nhưng đừng lo lắng. Đề tài thông công của chúng ta hôm nay là “sự xấu xa của Sa-tan”, không phải là chủ đề thực sự của chúng ta. Tuy nhiên, để nói về thực chất trong sự thánh khiết của Đức Chúa Trời, thì trước tiên chúng ta phải thảo luận về cách Sa-tan làm cho con người bại hoại và sự xấu xa của Sa-tan để cho con người hiểu rõ hơn về tình cảnh của con người hiện nay. Một mục đích của việc nói về điều này là để cho con người biết được sự xấu xa của Sa-tan, còn mục đích khác là để con người hiểu sâu hơn sự thánh khiết thực sự là gì.

So với lần trước, chẳng phải Ta đã nói chi tiết hơn về những điều chúng ta vừa thảo luận sao? Sự hiểu biết của các người bây giờ có sâu sắc hơn chút nào không? (Có.) Ta biết rằng bây giờ có rất nhiều người đang mong đợi Ta phán về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời chính xác là gì, nhưng khi Ta phán về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời thì trước tiên Ta sẽ nói về những việc Đức Chúa Trời làm. Tất cả các người nên chú ý lắng nghe. Sau đó, Ta sẽ hỏi các người sự thánh khiết của Đức Chúa Trời chính xác là gì. Ta sẽ không phán dạy trực tiếp với các người, nhưng thay vào đó để các người cố gắng tìm ra điều đó; người nghĩ thế nào về phương pháp này? (Nghe có vẻ hay.) Vậy thì hãy cẩn thận lắng nghe khi Ta trình bày.

## Hiểu về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời qua những gì Ngài làm cho con người

Bất cứ khi nào Sa-tan làm cho con người bại hoại hoặc gây ra những tổn hại vô độ cho con người, Đức Chúa Trời không đứng yên bên cạnh, và Ngài cũng không gạt sang một bên hoặc nhắm mắt làm ngơ đối với những người mà Ngài đã chọn. Đức Chúa Trời hiểu rất rõ về tất cả những gì Sa-tan làm. Bất kể Sa-tan làm gì, bất kể nó khơi dậy xu hướng nào, thì Đức Chúa Trời cũng biết tất cả những gì Sa-tan đang cố gắng làm, và Đức Chúa Trời không từ bỏ những người mà Ngài đã chọn. Thay vào đó, không thu hút bất kỳ sự chú ý nào – một cách bí mật, âm thầm – Đức Chúa Trời làm mọi thứ cần thiết. Khi Đức Chúa Trời bắt đầu làm việc trên ai đó, khi Ngài đã chọn ai đó, thì Ngài không công bố tin này cho bất kỳ ai, cũng không công bố nó cho Sa-tan, càng không ra bất kỳ dấu hiệu lớn lao nào. Ngài chỉ rất lặng lẽ, rất tự nhiên, làm những gì cần thiết. Trước tiên, Ngài chọn cho người một gia đình; hoàn cảnh gia đình của người, cha mẹ, ông bà của người – tất cả những điều này, Đức Chúa Trời đều quyết định trước. Nói cách khác, Đức Chúa Trời không đưa ra những quyết định này một cách nhất thời; mà đúng hơn, Ngài đã bắt đầu công tác này từ lâu. Khi Đức Chúa Trời đã chọn cho người một gia đình, thì sau đó Ngài chọn ngày người sẽ được sinh ra. Sau đó, Đức Chúa Trời dõi theo khi người được sinh ra và cất tiếng khóc chào đời. Ngài dõi theo sự ra đời của người, dõi theo khi người bập bẹ những từ đầu tiên, dõi theo khi người vấp ngã và chập chững những bước đầu tiên khi người tập đi. Đầu tiên người bước một bước và rồi một bước nữa – và bây giờ người có thể chạy, nhảy, nói, và bày tỏ cảm xúc của mình... Khi con người lớn lên, Sa-tan nhìn chằm chằm từng người một, giống như một con hổ đang nhìn con mồi của nó. Nhưng trong khi Đức Chúa Trời làm công tác của Ngài, Ngài chưa bao giờ giới hạn con người, sự kiện hay sự vật, về không gian hoặc thời gian; Ngài làm những gì Ngài nên làm và phải làm. Trong quá trình lớn lên, người có thể gặp phải nhiều điều mà người không thích, như là bệnh tật và sự thất vọng. Nhưng khi người đi trên con đường này, thì đời sống và tương lai của người hoàn toàn nằm dưới sự chăm sóc của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời ban cho người một sự đảm bảo thực sự cho suốt cuộc đời người, bởi Ngài ở ngay bên cạnh người, bảo vệ người và chăm sóc người. Người lớn lên mà không hề hay biết về điều này. Người bắt đầu tiếp xúc với những điều mới mẻ và bắt đầu biết về thế giới này và loài người này. Mọi thứ đều tươi mới đối với người. Người thích làm một vài thứ. Người sống trong nhân tính của chính mình, người sống trong không gian của chính mình và người không có chút nhận thức nào về sự hiện hữu của Đức Chúa Trời. Nhưng Đức Chúa Trời dõi theo từng bước trên con đường người lớn lên, và Ngài dõi theo người khi người sỏi từng bước về phía trước. Ngay cả khi người học hỏi kiến thức hoặc nghiên cứu khoa học, Đức Chúa Trời không bao giờ rời người một bước. Người cũng giống như những người khác ở chỗ, trong quá trình tìm hiểu thế giới và tương tác với nó, người đã thiết lập những lý tưởng của riêng mình, người có những sở thích riêng, những mối quan tâm riêng, và người cũng nuôi dưỡng

những tham vọng cao cả. Người thường suy ngẫm về tương lai của chính mình, thường phác thảo ra xem tương lai mình sẽ thế nào. Nhưng bất kể chuyện gì xảy ra trong suốt quá trình, thì Đức Chúa Trời đều nhìn thấy mọi việc diễn ra một cách rõ ràng. Có thể chính người đã quên đi quá khứ của mình, nhưng với Đức Chúa Trời, không ai có thể hiểu người rõ hơn Ngài. Người sống dưới sự quan sát của Đức Chúa Trời, lớn lên, trưởng thành. Trong suốt giai đoạn này, nhiệm vụ quan trọng nhất của Đức Chúa Trời là điều mà chưa ai có thể hiểu được, điều mà không ai biết được. Chắc chắn Đức Chúa Trời không nói điều đó với ai. Vậy thì điều quan trọng nhất này là gì? Có thể nói rằng đó là sự đảm bảo rằng Đức Chúa Trời sẽ cứu rỗi một người. Điều này có nghĩa là nếu Đức Chúa Trời muốn cứu rỗi người này, thì Ngài phải làm nhiệm vụ này. Nhiệm vụ này cực kỳ quan trọng đối với cả con người lẫn Đức Chúa Trời. Các người có biết đó là gì không? Có vẻ như các người không có chút cảm giác nào về điều này, hoặc bất kỳ khái niệm nào về nó, vậy thì Ta sẽ phán dạy các người. Từ lúc người được sinh ra cho đến bây giờ, Đức Chúa Trời đã thực hiện nhiều công việc trên người, nhưng Ngài không cho người biết tất cả những gì Ngài đã làm. Đức Chúa Trời không để người biết điều này, và Ngài cũng không kể với người. Tuy nhiên, đối với nhân loại, mọi thứ Ngài làm đều quan trọng. Nhưng đối với Đức Chúa Trời, thì đó là điều Ngài phải làm. Trong lòng Ngài có điều quan trọng Ngài cần làm vượt xa tất cả những điều này. Đó là, từ khi một người được sinh ra cho đến ngày nay, Đức Chúa Trời phải bảo đảm sự an toàn của họ. Khi người nghe những lời này, người có thể cảm thấy dường như các người chưa hiểu đầy đủ. Người có thể hỏi rằng: “Sự an toàn này quan trọng thế sao?”. “Sự an toàn” theo nghĩa đen có nghĩa là gì? Có thể các người hiểu nó có nghĩa là sự bình an hoặc có lẽ các người hiểu nó có nghĩa không bao giờ trải qua bất kỳ thảm họa hoặc tai ương nào, sống tốt, sống một cuộc sống bình thường. Nhưng trong lòng mình, người phải biết rằng nó không đơn giản như vậy. Vậy thì điều mà Ta đã và đang nói đến, điều mà Đức Chúa Trời phải làm chính xác là gì? Đối với Đức Chúa Trời, an toàn có nghĩa là gì? Liệu nó có thực sự là một sự đảm bảo trong ý nghĩa bình thường của “sự an toàn” không? Không. Vậy thì Đức Chúa Trời làm gì? “Sự an toàn” này có nghĩa là người sẽ không bị Sa-tan nuốt chửng. Điều này có quan trọng không? Không bị Sa-tan nuốt chửng – điều này có liên quan đến sự an toàn của người hay không? Có, điều này liên quan đến sự an toàn cá nhân của người, và không có điều gì quan trọng hơn thế. Một khi người đã bị Sa-tan nuốt chửng, thì linh hồn và xác thịt của người không còn thuộc về Đức Chúa Trời nữa. Đức Chúa Trời sẽ không cứu rỗi người nữa. Đức Chúa Trời từ bỏ những linh hồn và con người đã bị Sa-tan nuốt chửng. Vì vậy Ta phán rằng điều quan trọng nhất Đức Chúa Trời phải làm là bảo đảm an toàn cho người, bảo đảm rằng người sẽ không bị Sa-tan nuốt chửng. Điều này rất quan trọng, không phải vậy sao? Vậy tại sao các người không trả lời? Có vẻ như các người không thể cảm nhận được lòng nhân từ cao cả của Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời còn làm nhiều việc nữa ngoài việc bảo đảm an toàn cho con người, bảo đảm rằng họ sẽ không bị Sa-tan nuốt chửng. Ngài cũng làm nhiều công việc chuẩn

bị trước khi chọn và cứu rỗi người nào đó. Trước tiên, Đức Chúa Trời chuẩn bị tỉ mỉ về việc người sẽ có tính cách nào, người sẽ được sinh ra trong gia đình nào, cha mẹ của người sẽ là ai, người sẽ có bao nhiêu anh chị em, và hoàn cảnh, tình trạng kinh tế và tình cảnh của gia đình mà người được sinh ra thì như thế nào. Các người có biết kiểu gia đình nào mà đa số dân sự được Đức Chúa Trời chọn được sinh ra không? Liệu đó có phải là những gia đình nổi bật không? Chúng ta không thể nói chắc chắn rằng không có người nào được sinh ra trong những gia đình nổi bật. Có thể có một vài người, nhưng số đó là rất ít. Liệu họ có được sinh ra trong những gia đình đặc biệt giàu có, những gia đình tỷ phú hoặc triệu phú không? Không, họ hầu như không bao giờ được sinh ra trong những gia đình kiểu này. Vậy kiểu gia đình mà Đức Chúa Trời sắp xếp cho đa số những người này là loại gì? (Những gia đình bình thường.) Vậy thì những gia đình nào được coi như “gia đình bình thường”? Họ bao gồm những gia đình lao động, đó là những người tồn tại phụ thuộc vào đồng lương, có thể chi trả cho những nhu cầu cơ bản, và không quá dư giả; họ cũng bao gồm những gia đình nông dân. Người nông dân dựa vào việc trồng trọt để có thực phẩm, có ngũ cốc để ăn, quần áo để mặc, và không bị đói hay rét. Rồi có vài gia đình kinh doanh nhỏ, và vài gia đình có cha mẹ là trí thức, và những gia đình này có thể được tính là những gia đình bình thường. Cũng có những cha mẹ là nhân viên văn phòng, hoặc viên chức nhỏ của chính phủ, những người không thể được tính là thuộc các gia đình nổi bật. Phần lớn được sinh ra trong các gia đình bình thường, và tất cả điều này đều do Đức Chúa Trời sắp đặt. Điều đó có nghĩa là, trước hết, môi trường mà người sống không phải là một gia đình đầy đủ mọi phương tiện mà con người có thể tưởng tượng ra, và đây là gia đình do Đức Chúa Trời quyết định cho người, và phần lớn mọi người sẽ sống trong phạm vi của kiểu gia đình này. Vậy còn địa vị xã hội thì sao? Điều kiện kinh tế của phần lớn các bậc cha mẹ đều ở mức trung bình và họ không có địa vị xã hội cao – đối với họ chỉ cần có việc làm là tốt rồi. Họ có bao gồm các thống đốc không? Hoặc là các chủ tịch nước? Không có, phải không? Cùng lắm họ cũng chỉ là những người quản lý những doanh nghiệp nhỏ hoặc những người chủ của các doanh nghiệp nhỏ. Địa vị xã hội của họ thì trung bình, và điều kiện kinh tế của họ cũng trung bình. Một yếu tố khác là môi trường sống của gia đình. Trước hết, không có cha mẹ nào trong những gia đình này sẽ tác động rõ rệt đến con cái của họ trong việc đi theo con đường bói toán hay xem quẻ; có rất ít người tham gia vào những chuyện như vậy. Phần lớn các bậc cha mẹ đều bình thường. Khi Đức Chúa Trời lựa chọn con người thì đồng thời Ngài cũng thiết lập loại môi trường này cho họ, điều này rất có lợi cho công tác cứu rỗi loài người của Đức Chúa Trời. Nhìn bề ngoài, có vẻ Đức Chúa Trời không làm điều gì đặc biệt quan trọng cho con người; Ngài chỉ âm thầm và kín đáo tiến hành làm tất cả những việc Ngài cần làm, khiêm nhường và lặng lẽ. Nhưng trên sự thật, tất cả những gì Đức Chúa Trời làm, Ngài làm là để đặt nền móng cho sự cứu rỗi của người, để chuẩn bị con đường phía trước và tất cả những điều kiện cần thiết cho sự cứu rỗi của người. Kể đến, Đức Chúa Trời đem từng người trở lại trước Ngài, mỗi người vào thời điểm đã được ấn định: Đó chính là khi người nghe thấy tiếng

Đức Chúa Trời, đó chính là khi người đến trước Ngài. Vào thời điểm điều này xảy ra, thì một số người đã trở thành cha mẹ, trong khi những người khác vẫn còn là con cái của người nào đó. Nói cách khác, một số người đã lập gia đình và có con cái trong khi một số khác vẫn còn độc thân, chưa bắt đầu gia đình riêng của họ. Nhưng bất kể hoàn cảnh của con người thế nào, Đức Chúa Trời đã ấn định thời điểm mà người sẽ được chọn và Phúc âm và lời Ngài sẽ đến được với người. Đức Chúa Trời đã đặt ra những tình cảnh, quyết định một người nào đó hoặc một ngữ cảnh nào đó mà qua đó Phúc âm sẽ được truyền đến cho người, để người có thể nghe thấy lời Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đã chuẩn bị sẵn cho người tất cả những điều kiện cần thiết. Bằng cách này, mặc dù con người không biết điều đó đang xảy ra, con người đến trước Ngài và trở về với gia đình của Đức Chúa Trời. Con người cũng vô tình đi theo Đức Chúa Trời và bước vào từng giai đoạn trong công tác của Ngài, bước vào từng giai đoạn trong cách làm của Ngài mà Ngài đã chuẩn bị cho con người. Đức Chúa Trời sử dụng những cách nào khi Ngài làm mọi thứ cho con người vào thời điểm này? Trước tiên, tối thiểu nhất là sự chăm sóc và bảo vệ mà con người tận hưởng. Ngoài điều này ra, Đức Chúa Trời đã sắp đặt những con người, sự kiện và những thứ khác nhau để qua chúng con người có thể thấy sự hiện hữu của Ngài và những việc làm của Ngài. Ví dụ như, có những người tin Đức Chúa Trời bởi vì trong gia đình họ có người bị bệnh. Khi người khác giảng Phúc âm cho họ, thì họ bắt đầu tin Đức Chúa Trời, và niềm tin này xảy ra vì tình cảnh. Vậy thì ai đã sắp đặt tình cảnh này? (Đức Chúa Trời.) Qua bệnh tật, có một số gia đình trong đó mọi người đều là tín đồ, còn những gia đình khác thì chỉ có vài người tin. Nhìn bề ngoài, có vẻ như có người trong gia đình người bị bệnh, nhưng sự thật đó là một tình thế ban cho người để người có thể đến trước Đức Chúa Trời – đây là sự nhơn từ của Đức Chúa Trời. Bởi vì đối với một số người có đời sống gia đình khó khăn và họ không tìm thấy sự bình an, một cơ hội tình cờ có thể tự xuất hiện – người nào đó giảng về Phúc âm và nói: “Hãy tin nhận Đức Chúa Jêsus và bạn sẽ có sự bình an”. Như vậy, tình cờ họ bắt đầu tin vào Đức Chúa Trời trong một hoàn cảnh rất tự nhiên, vậy chẳng phải đây là một dạng tình thế sao? Và chẳng phải thực tế rằng gia đình của họ ở trong sự bình an là một ân điển được Đức Chúa Trời ban cho họ sao? Cũng có một vài người bắt đầu tin Đức Chúa Trời vì những lý do khác. Có những lý do khác nhau và cách tin khác nhau, nhưng bất kể người tin Ngài vì lý do gì, thì tất cả đều được Đức Chúa Trời sắp đặt và hướng dẫn. Trước tiên, Đức Chúa Trời sử dụng nhiều cách để lựa chọn người và đem người vào gia đình của Ngài. Đây là ân điển mà Đức Chúa Trời ban cho mỗi một con người.

Trong giai đoạn công tác hiện tại của Đức Chúa Trời trong những ngày sau rốt, Ngài không còn chỉ ban ân điển và các phước lành trên con người như Ngài đã làm trước đây, cũng không đổ dành để con người tiến về phía trước. Trong giai đoạn công tác này, con người đã thấy gì từ tất cả các khía cạnh trong công tác của Đức Chúa Trời mà họ đã trải qua? Con người đã thấy tình yêu thương của Đức Chúa Trời, sự phán xét và hình phạt của Đức Chúa Trời. Trong suốt giai đoạn này, Đức Chúa Trời chu cấp, hỗ trợ,

khai sáng và hướng dẫn con người, để con người dần dần biết đến những ý định của Ngài, biết đến những lời Ngài phán dạy và lẽ thật Ngài ban trên con người. Khi con người yếu đuối, khi họ nản lòng, khi họ không có nơi nào để đi, thì Đức Chúa Trời sẽ dùng những lời của Ngài để an ủi, khuyên nhủ, và khích lệ con người, để vóc giặc nhỏ bé của con người có thể dần dần lớn mạnh, chỗi dậy trong sự quả quyết và trở nên sẵn sàng hợp tác với Đức Chúa Trời. Nhưng khi con người không vâng lời Đức Chúa Trời hoặc chống đối Ngài, hoặc khi con người tỏ lộ sự bại hoại của họ, thì Đức Chúa Trời sẽ không thể hiện sự nhân từ trong việc trừng phạt và sửa dạy con người. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời sẽ thể hiện sự khoan dung và nhẫn nại đối với sự đại dột, ngu dốt, yếu đuối và non nớt của con người. Bằng cách này, qua tất cả những công tác Đức Chúa Trời làm cho con người, thì con người dần dần trưởng thành, tăng trưởng, và bắt đầu biết đến ý định của Đức Chúa Trời, biết đến những lẽ thật nhất định, biết điều gì là tích cực và điều gì là tiêu cực, biết được sự xấu xa và đen tối là gì. Đức Chúa Trời không dùng một cách tiếp cận duy nhất là luôn luôn trừng phạt và sửa dạy con người, mà Ngài cũng không luôn luôn thể hiện sự khoan dung và nhẫn nại. Thay vào đó, Ngài chu cấp cho mỗi người theo những cách khác nhau vào những giai đoạn khác nhau và tùy theo vóc giặc và tổ chất khác nhau của họ. Ngài làm nhiều thứ cho con người và với một giá rất cao; con người không nhận thấy gì về những điều này hoặc về cái giá ấy, nhưng trong thực tế thì tất cả những gì Ngài làm đều thực sự được thực hiện trên từng con người. Tình yêu của Đức Chúa Trời rất thực tế: Bởi ân điển của Đức Chúa Trời mà con người tránh được hết thảm họa này đến thảm họa khác, và đồng thời Đức Chúa Trời thể hiện sự khoan dung đối với sự yếu đuối của con người hết lần này đến lần khác. Sự phán xét và hình phạt của Đức Chúa Trời để cho con người dần dần biết được sự bại hoại và thực chất xấu xa của loài người. Những thứ mà Đức Chúa Trời chu cấp, sự khai sáng của Ngài cho con người và sự hướng dẫn của Ngài, tất cả là để cho loài người biết ngày càng nhiều về thực chất của lẽ thật, và ngày càng biết con người cần gì, họ nên đi con đường nào, họ sống vì điều gì, giá trị và ý nghĩa cuộc sống của họ là gì, và làm thế nào để bước tiếp trên con đường phía trước. Tất cả những điều này mà Đức Chúa Trời làm không thể tách rời khỏi một mục đích ban đầu của Ngài. Vậy thì, mục đích này là gì? Tại sao Đức Chúa Trời sử dụng các phương pháp này để thực hiện công tác của Ngài trên con người? Ngài muốn đạt được kết quả gì? Nói cách khác, Ngài muốn thấy gì ở con người? Ngài muốn có được gì từ con người? Điều Đức Chúa Trời muốn thấy là tấm lòng của con người có thể được hồi sinh. Những phương pháp này mà Ngài sử dụng để làm việc trên con người là một nỗ lực không ngừng để đánh thức tấm lòng của con người, để đánh thức linh hồn của con người, để giúp con người hiểu được nguồn gốc của họ, ai đang hướng dẫn, hỗ trợ và chu cấp cho họ, và ai đã cho phép con người được sống đến ngày nay; chúng là những phương tiện để giúp con người hiểu được Đấng Tạo Hóa là ai, họ nên thờ phượng ai, họ nên đi trên con đường nào, và họ nên đến trước Đức Chúa Trời bằng cách nào; chúng là một phương tiện để dần dần làm hồi sinh tấm lòng của con người, để con người biết và hiểu tấm lòng của



Đức Chúa Trời, và thấu hiểu sự quan tâm chăm sóc lớn lao và tâm tư đằng sau công tác cứu rỗi con người của Ngài. Khi tấm lòng của con người được hồi sinh, thì con người không còn muốn sống với một tâm tính suy đồi, bại hoại, nhưng thay vào đó lại ước muốn theo đuổi lẽ thật để làm thỏa lòng Đức Chúa Trời. Khi tấm lòng con người đã được đánh thức, thì con người có thể hoàn toàn tách mình ra khỏi Sa-tan. Họ không còn bị Sa-tan hãm hại, không còn bị nó kiểm soát hoặc lừa phỉnh. Thay vào đó, con người có thể chủ động phối hợp trong công tác của Đức Chúa Trời và những lời của Ngài để làm thỏa lòng Đức Chúa Trời, theo đó trở nên kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Đây là mục đích ban đầu trong công tác của Đức Chúa Trời.

Cuộc thảo luận mà chúng ta vừa thực hiện về sự xấu xa của Sa-tan khiến mọi người cảm thấy rằng dường như con người đang sống giữa sự bất hạnh lớn và rằng cuộc sống của con người bị bủa vây bởi những điều không may. Nhưng bây giờ khi Ta đang phán về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời và công tác Ngài thực hiện trên con người, thì điều đó khiến người cảm thấy như thế nào? (Rất vui.) Bây giờ chúng ta có thể thấy rằng mọi thứ Đức Chúa Trời làm, tất cả những gì Ngài cẩn thận sắp đặt cho con người, đều chuẩn xác. Mọi việc Đức Chúa Trời làm đều không có sai sót, có nghĩa rằng nó hoàn hảo, không cần ai chỉnh sửa, góp ý, hoặc thực hiện bất kỳ thay đổi nào đối với nó. Tất cả những điều Đức Chúa Trời làm cho mỗi cá nhân đều là chắc chắn; Ngài nắm tay dẫn dắt mọi người, chăm sóc người từng khoảnh khắc trôi qua và chưa từng một lần rời khỏi người. Khi con người lớn lên trong loại môi trường này và với bối cảnh này, thì chúng ta có thể nói rằng con người thật ra lớn lên trong lòng bàn tay của Đức Chúa Trời không? (Có.) Vậy thì bây giờ các người còn cảm giác mát mát không? Có ai còn cảm thấy nản lòng không? Có ai cảm thấy rằng Đức Chúa Trời đã từ bỏ loài người không? (Không.) Vậy thì chính xác thì Đức Chúa Trời đã làm gì? (Ngài đã canh giữ loài người.) Sự quan tâm và chăm sóc lớn lao mà Đức Chúa Trời đặt vào trong mọi thứ Ngài làm là không thể bàn cãi. Hơn thế nữa, trong khi thực hiện công tác của Ngài, Ngài đã luôn luôn làm vậy một cách vô điều kiện. Ngài không bao giờ yêu cầu rằng bất kỳ ai trong số các người phải biết cái giá mà Ngài đã trả cho người để khiến các người cảm thấy biết ơn Ngài sâu sắc. Đức Chúa Trời có bao giờ yêu cầu điều này ở người không? (Không.) Suốt trong cuộc đời dài của con người, hầu hết mọi người đều đã gặp phải những tình huống nguy hiểm và đối mặt nhiều sự cám dỗ. Đó là vì Sa-tan đang đứng bên cạnh người, mắt nó liên tục dán vào người. Khi thảm họa xảy đến với người, thì Sa-tan vui mừng trong việc này; khi tai ương giáng trên người, khi chẳng có gì là thuận lợi với người, khi người vướng vào lưới của Sa-tan, thì Sa-tan vô cùng thích thú về những điều này. Còn về những điều Đức Chúa Trời đang làm, Ngài đang bảo vệ người từng khoảnh khắc trôi qua, dẫn dắt người tránh hết bất hạnh này đến bất hạnh khác và hết thảm họa này đến thảm họa khác. Đây là lý do tại sao Ta phán rằng tất cả mọi thứ con người có được – sự bình an và vui sướng, các phước lành và sự an toàn cá nhân – sự thật là tất cả đều nằm dưới sự kiểm soát của Đức Chúa Trời; Ngài hướng dẫn và quyết định số phận của từng cá nhân. Nhưng Đức Chúa Trời có thói phòng ý niệm về tâm tính của

Ngài như một số người nói không? Đức Chúa Trời có tuyên bố với người rằng: “Ta là Đấng vĩ đại nhất. Chính Ta chịu trách nhiệm về các người. Các người phải cầu xin sự thương xót của Ta, và nếu các người không thật thà sẽ bị phạt tội chết” không? Có bao giờ Đức Chúa Trời đe dọa loài người theo cách này không? (Không.) Có bao giờ Ngài phán: “Loài người bại hoại, nên Ta đối xử với họ thế nào không quan trọng, và họ có thể bị đối xử theo bất kỳ cách nào; Ta không cần phải sắp xếp đàng hoàng cho họ” không? Đức Chúa Trời có nghĩ theo cách này không? Đức Chúa Trời có hành động theo cách này không? (Không.) Ngược lại, Đức Chúa Trời đối xử với từng người một cách nghiêm túc và có trách nhiệm. Ngài đối xử với người có trách nhiệm thậm chí còn hơn người đối xử với chính mình. Chẳng phải vậy sao? Đức Chúa Trời không phán một cách vu vơ, và Ngài cũng không phô trương địa vị cao trọng của mình hoặc lừa gạt con người một cách khiếm nhã. Thay vào đó Ngài trung thực và lắng lẽ làm những việc chính Ngài cần làm. Những điều này đem lại phước lành, sự bình an và niềm vui cho con người. Chúng đem con người đến trước mặt Đức Chúa Trời và vào gia đình Ngài một cách bình an và vui mừng; sau đó họ sống trước Đức Chúa Trời và chấp nhận sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời với lý trí và tư duy bình thường. Vậy thì Đức Chúa Trời có bao giờ ăn ở hai lòng với con người trong công tác của Ngài không? Ngài có bao giờ giả dối về sự nhân từ của Ngài, trước tiên lừa phỉnh con người bằng vài lời xuôi tai rồi sau đó quay lưng lại với họ không? (Không.) Đức Chúa Trời có bao giờ nói một đằng làm một nẻo không? Đức Chúa Trời có bao giờ hứa những lời hứa suông và khoe khoang, phán với mọi người rằng Ngài có thể làm điều này cho họ hoặc giúp làm điều kia cho họ, nhưng sau đó lại biến mất không? (Không.) Không có sự dối trá trong Đức Chúa Trời, không có sự giả dối. Đức Chúa Trời là thành tín, và Ngài trung thực trong mọi việc Ngài làm. Ngài là Đấng duy nhất mà con người có thể tin tưởng; Ngài là Đức Chúa Trời mà con người có thể giao phó cuộc sống của họ và tất cả những gì họ có. Vì không có sự dối trá trong Đức Chúa Trời, chúng ta có thể nói rằng Đức Chúa Trời là Đấng chân thành nhất không? (Có.) Tất nhiên chúng ta có thể nói! Mặc dù từ “chân thành” quá nhẹ, quá con người khi áp dụng cho Đức Chúa Trời, nhưng có từ nào khác để chúng ta sử dụng không? Đó là những hạn chế trong ngôn ngữ con người. Mặc dù có vẻ không phù hợp khi nói Đức Chúa Trời “chân thành”, nhưng dẫu sao chúng ta cũng sẽ sử dụng từ này trong thời điểm này. Đức Chúa Trời là thành tín và chân thành. Vậy thì khi chúng ta nói về những khía cạnh này, là chúng ta đang đề cập đến điều gì? Có phải chúng ta đang đề cập đến những sự khác biệt giữa Đức Chúa Trời và con người và những sự khác biệt giữa Đức Chúa Trời và Sa-tan không? Phải, chúng ta có thể nói như thế. Đó là vì con người không thể thấy được một dấu vết của tâm tính bại hoại của Sa-tan trong Đức Chúa Trời. Ta nói điều này có đúng không? A-men? (A-men!) Không có tâm tính tà ác nào của Sa-tan được tỏ lộ trong Đức Chúa Trời. Tất cả những việc Đức Chúa Trời làm và mặc khải đều hoàn toàn có lợi và giúp ích cho con người, hoàn toàn được thực hiện để chu cấp cho con người, đầy sự sống và ban cho con người một con đường để đi theo và một hướng để chọn. Đức Chúa Trời không bại hoại và, hơn

nữa, giờ đây khi nhìn vào mọi việc Đức Chúa Trời làm, chúng ta có thể nói rằng Đức Chúa Trời thánh khiết không? Vì Đức Chúa Trời không có tâm tính bại hoại nào của loài người, cũng không có gì giống với bản chất Sa-tan của nhân loại bại hoại, nên từ quan điểm này, chúng ta hoàn toàn có thể nói rằng Đức Chúa Trời là thánh khiết. Đức Chúa Trời không thể hiện bất kỳ sự bại hoại nào, và trong khi Đức Chúa Trời hoạt động, Ngài tỏ lộ thực chất của chính Ngài, là điều hoàn toàn khẳng định rằng chính Đức Chúa Trời là thánh khiết. Các người có thấy điều này không? Để biết được thực chất thánh khiết của Đức Chúa Trời, bây giờ chúng ta hãy nhìn vào hai khía cạnh này: Thứ nhất là không có một dấu vết về tâm tính bại hoại trong Đức Chúa Trời, và thứ hai là thực chất trong công tác của Đức Chúa Trời trên con người cho phép con người thấy được thực chất của chính Đức Chúa Trời, và bản thể này là hoàn toàn tích cực. Bởi những điều mà mọi phần trong công tác của Đức Chúa Trời mang đến cho con người là đều tích cực. Trước hết, Đức Chúa Trời yêu cầu con người phải trung thực – chẳng phải điều này là tích cực sao? Đức Chúa Trời ban cho con người sự khôn ngoan – chẳng phải điều này là tích cực sao? Đức Chúa Trời khiến con người có thể phân biệt giữa thiện và ác – chẳng phải điều này là tích cực sao? Ngài cho phép con người hiểu được ý nghĩa và giá trị của đời sống con người – chẳng phải điều này là tích cực sao? Ngài cho phép con người nhìn thấu bản chất của con người, sự kiện, và mọi thứ phù hợp với lẽ thật – chẳng phải điều này là tích cực sao? Đúng vậy. Và kết quả của tất cả những điều này chính là con người không còn bị Sa-tan lừa gạt, sẽ không tiếp tục bị hãm hại và kiểm soát bởi Sa-tan. Nói cách khác, những điều này cho phép con người tự giải phóng hoàn toàn khỏi sự bại hoại của Sa-tan, và theo đó dần dần đi trên con đường kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Hiện nay các người đã đi trên con đường này được bao xa rồi? Điều đó thật khó nói, không phải sao? Nhưng ít ra bây giờ các người cũng có được sự hiểu biết ban đầu về việc Sa-tan làm cho con người bại hoại như thế nào, về những điều xấu xa và những điều tiêu cực phải không? Các người ít ra bây giờ đang đi con đường đúng trong cuộc sống. Nói thế có ổn không? Có, hoàn toàn ổn.

Có một điều phải thông công về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời. Dựa trên tất cả những gì các người đã nghe và tiếp thu, thì ai trong số các người có thể nói sự thánh khiết của Đức Chúa Trời là gì? Sự thánh khiết của Đức Chúa Trời mà Ta phán đề cập đến những gì? Hãy suy nghĩ về điều đó trong giây lát. Có phải sự thánh khiết của Đức Chúa Trời là sự trung thực của Ngài không? Có phải sự thánh khiết của Đức Chúa Trời là sự thành tín của Ngài không? Có phải sự thánh khiết của Đức Chúa Trời là sự vị tha của Ngài không? Có phải là sự khiêm nhu của Ngài không? Có phải là tình yêu của Ngài dành cho con người không? Đức Chúa Trời hào phóng ban cho con người lẽ thật và sự sống – đây có phải là sự thánh khiết của Ngài không? Đúng vậy, tất cả. Tất cả những điều Đức Chúa Trời tỏ lộ hoàn toàn độc nhất và không tồn tại trong nhân tính bại hoại, và cũng không thể nhìn thấy trong con người. Không một dấu vết nhỏ nào của điều đó có thể được nhìn thấy trong quá trình Sa-tan làm bại hoại con người, cũng không có trong tâm tính bại hoại của Sa-tan hoặc trong thực chất hoặc bản tính của Sa-tan. Tất

cả những gì Đức Chúa Trời có và là gì, đều độc nhất; chỉ có chính Đức Chúa Trời có và sở hữu những loại thực chất này. Đến thời điểm này trong cuộc thảo luận của chúng ta, có ai trong các người thấy giữa loài người một người nào đó thánh khiết như Ta vừa mô tả không? (Không.) Vậy có ai thánh khiết như thế giữa các thần tượng, những người nổi tiếng, hoặc những vĩ nhân của loài người mà các người tôn sùng không? (Không.) Vậy khi chúng ta nói rằng sự thánh khiết của Đức Chúa Trời là độc nhất, thì đây có phải là một sự cường điệu không? Quả thực không phải. Hơn thế nữa, sự độc nhất thánh khiết của Đức Chúa Trời cũng có một mặt thực tế. Có bất kỳ sự khác biệt nào giữa sự thánh khiết Ta phán bây giờ và sự thánh khiết mà trước đây các người đã nghĩ đến và tưởng tượng ra không? (Có.) Có một sự khác biệt rất lớn. Con người thường muốn nói đến điều gì khi nói về sự thánh khiết? (Một vài hành vi bên ngoài.) Khi con người nói rằng một hành vi hoặc một vài thứ khác thánh khiết, thì họ nói điều đó chỉ vì họ thấy nó thanh sạch hoặc mang lại cảm giác dễ chịu. Tuy nhiên, những điều này luôn luôn thiếu bản chất thật của sự thánh khiết – đây là khía cạnh lý thuyết. Bên cạnh đó, điều được nói đến về khía cạnh thực tế của sự thánh khiết mà con người hình thành trong tâm trí của họ là gì? Đó có phải là phần lớn những điều họ tưởng tượng ra hoặc phán xét không? Ví dụ như, một số Phật tử qua đời trong khi đang làm lễ, lìa đời trong khi họ ngồi ngủ. Vài người nói rằng họ đã trở nên thánh và bay lên trời. Đây cũng là một sản phẩm của trí tưởng tượng. Rồi cũng có những người khác nghĩ rằng một nàng tiên bay lơ lửng xuống từ trời là thánh. Thực ra, khái niệm của con người về từ “thánh khiết” chỉ luôn là một kiểu tưởng tượng và lý thuyết rỗng, về cơ bản không có thực chất, và hơn nữa không liên quan gì đến thực chất của sự thánh khiết. Thực chất của sự thánh khiết là tình yêu thực sự, nhưng hơn thế nữa, đó là bản chất của lẽ thật, sự công chính và sự sáng. Từ “thánh khiết” chỉ phù hợp khi được áp dụng cho Đức Chúa Trời; không gì trong tạo hóa xứng đáng được gọi là “thánh khiết”. Con người phải hiểu được điều này. Từ giờ trở đi, chúng ta sẽ chỉ áp dụng từ “thánh khiết” cho Đức Chúa Trời. Điều này có thích đáng không? (Vâng, có.)

### **Những mảnh khoe mà Sa-tan dùng để làm bại hoại con người**

Bây giờ chúng ta hãy quay lại nói về việc Sa-tan sử dụng những phương tiện nào để làm cho con người bại hoại. Chúng ta vừa nói về những cách khác nhau mà Đức Chúa Trời làm việc trên con người, và điều mà mỗi người trong các người có thể tự mình trải nghiệm, vì vậy Ta sẽ không nói quá chi tiết. Nhưng trong lòng các người, có lẽ không rõ về những thủ đoạn và chiến lược mà Sa-tan sử dụng để làm bại hoại con người, hoặc ít nhất người cũng không hiểu cụ thể về chúng. Liệu có lợi gì để Ta phán về điều này lần nữa không? Các người có muốn biết về điều này không? Có thể một vài người trong các người sẽ hỏi: “Tại sao lại nói về Sa-tan một lần nữa? Khi nhắc đến Sa-tan, chúng con trở nên giận dữ, và khi chúng con nghe tên của nó chúng con cảm thấy thật phiền phức”. Cho dù điều đó có khiến người khó chịu đến đâu, thì người cũng phải đối mặt với sự thật. Những điều này phải được nói một cách thẳng thắn và làm rõ vì

có lợi cho sự hiểu biết của con người; nếu không con người không thể thoát khỏi ảnh hưởng của Sa-tan.

Trước đây chúng ta đã thảo luận về năm cách Sa-tan làm cho con người bại hoại, bao gồm các thủ đoạn của Sa-tan. Các cách mà Sa-tan làm bại hoại con người chỉ là lớp bề mặt; xảo quyệt hơn là các thủ đoạn dấu bên dưới bề mặt này, với những thủ đoạn này Sa-tan đạt được các mục tiêu của nó. Những thủ đoạn này là gì? Nào, hãy tóm tắt chúng. (Nó lừa gạt, dụ dỗ và ép buộc.) Người càng liệt kê nhiều thủ đoạn, thì người càng hiểu. Có vẻ như các người đã bị Sa-tan làm tổn hại sâu sắc và có những cảm xúc mạnh về chủ đề này. (Nó cũng sử dụng sự hùng biện nghe có vẻ hợp lý. Nó ảnh hưởng và cưỡng ép chiếm hữu con người.) Cưỡng ép chiếm hữu – điều này để lại một ấn tượng đặc biệt sâu sắc. Con người sợ sự cưỡng ép chiếm hữu của Sa-tan. Còn có thủ đoạn nào khác không? (Nó làm tổn hại con người một cách tàn bạo, đưa ra lời đe dọa và những lời mời chào nhằm dụ dỗ, và nó nói dối.) Nói dối là một trong những việc nó làm. Sa-tan nói dối để mà nó có thể lừa gạt người. Bản chất của việc nói dối là gì? Chẳng phải nói dối thì cũng giống như lừa gạt sao? Thực ra mục tiêu của việc nói dối là để lừa gạt người. Còn có thủ đoạn nào khác không? Hãy nói cho Ta nghe tất cả những thủ đoạn của Sa-tan mà các người biết. (Nó cám dỗ, hãm hại, bịt mắt, và lừa gạt.) Hầu hết các người đều cảm thấy như nhau về sự lừa gạt này. Còn gì khác nữa? (Nó kiểm soát con người, nắm giữ con người, khủng bố con người và không cho con người tin vào Đức Chúa Trời.) Ta biết ý nghĩa tổng thể của những điều các người đang nói với Ta, và điều này tốt. Tất cả các người đều biết đôi chút về điều này, vậy thì bây giờ chúng ta hãy tóm lược về những thủ đoạn này.

### **Có sáu thủ đoạn chính mà Sa-tan dùng để làm bại hoại con người**

Đầu tiên là kiểm soát và ép buộc. Nghĩa là, Sa-tan sẽ làm mọi thứ có thể làm để kiểm soát lòng người. “Ép buộc” có nghĩa là gì? Nó có nghĩa là sử dụng các chiến thuật mạnh mẽ và đe dọa để khiến người nghe theo, khiến người suy nghĩ về hậu quả nếu người không nghe theo. Người sợ và không dám chống lại nó, vì thế sau đó người quy phục nó.

Thứ nhì là lừa gạt và xảo quyệt. “Lừa gạt và xảo quyệt” bao hàm điều gì? Sa-tan dựng lên những câu chuyện và những lời bịa đặt, lừa người tin vào chúng. Nó không bao giờ bảo người rằng con người do Đức Chúa Trời tạo nên, mà cũng không nói thẳng ra rằng người không được Đức Chúa Trời tạo nên. Nó hoàn toàn không dùng từ “Đức Chúa Trời”, nhưng thay vào đó dùng một thứ gì đó khác như là một vật thay thế, sử dụng thứ này để lừa người để người về cơ bản không biết gì về sự hiện hữu của Đức Chúa Trời. Dĩ nhiên, “sự xảo quyệt” này bao gồm nhiều khía cạnh, không chỉ có khía cạnh này mà thôi.

Thứ ba là sự truyền bá tư tưởng mạnh mẽ. Con người được truyền bá tư tưởng một cách mạnh mẽ bằng những thứ gì? Có phải sự truyền bá mạnh mẽ được thực hiện bởi sự lựa chọn riêng của con người không? Nó có được thực hiện với sự đồng thuận của con người không? Chắc chắn là không. Ngay cả khi người không đồng thuận, thì người cũng không thể làm được gì. Trong sự không hay biết của người, Sa-tan truyền bá tư

tưởng vào người, tiêm nhiễm vào người tư duy của nó, các quy tắc sống và thực chất của nó.

Thứ tư là sự đe dọa và đánh lừa. Nghĩa là, Sa-tan sử dụng những thủ đoạn khác nhau để khiến người chấp nhận nó, đi theo nó và phục vụ nó. Nó sẽ làm bất cứ điều gì để đạt được mục tiêu của nó. Đôi khi nó ban cho người chút ân huệ, trong khi dụ dỗ người phạm tội. Nếu người không đi theo nó, nó sẽ làm người đau khổ và hành phạt người, và sử dụng những cách khác nhau để tấn công và âm mưu ám hại người.

Thứ năm là sự dối trá và làm tê liệt. “Sự dối trá và làm tê liệt” là khi Sa-tan làm tiêm nhiễm vào con người một số từ ngữ và ý tưởng nghe có vẻ ngọt ngào phù hợp với những quan niệm của họ và có vẻ hợp lý, để làm cho nó có vẻ như đang quan tâm đến tình trạng xác thịt của con người, đến đời sống và tương lai của họ, trong khi thực sự mục tiêu của nó là lừa phỉnh người. Sau đó nó làm người tê liệt để người không biết điều gì đúng và điều gì sai, để người vô tình bị lừa và do đó ở dưới sự kiểm soát của nó.

Thứ sáu là sự hủy diệt thân thể và tâm trí. Sa-tan hủy diệt bộ phận nào của con người? Sa-tan hủy diệt tâm trí người, khiến người bất lực không thể chống cự, có nghĩa rằng, từng chút một, lòng của người hướng về Sa-tan dù người không muốn thế. Nó tiêm nhiễm những điều này trong người hằng ngày, hằng ngày bằng cách sử dụng những tư tưởng và văn hóa để gây ảnh hưởng và chài chuốt cho người, làm suy yếu ý chí của người từng chút một, để cuối cùng người không còn mong muốn trở thành một người tốt, để người không còn muốn ủng hộ cho điều mà người gọi là “sự công chính” nữa. Một cách vô tình, người không còn nghị lực để bơi ngược dòng, mà thay vào đó lại trôi theo nó. “Sự hủy diệt” có nghĩa là Sa-tan hành hạ con người đến mức họ trở thành những cái bóng của chính mình, không còn là con người nữa. Đây là khi Sa-tan đánh đập, bắt giữ và nuốt chửng họ.

Từng thủ đoạn trong những thủ đoạn mà Sa-tan sử dụng để làm bại hoại con người đều làm cho con người trở nên bất lực không thể chống cự; bất kỳ thủ đoạn nào trong số đó cũng có thể làm chết người. Nói cách khác, bất kỳ điều gì Sa-tan làm và bất kỳ thủ đoạn nào nó sử dụng cũng có thể khiến người suy đồi, có thể đặt người dưới sự kiểm soát của nó và có thể khiến người sa lầy vào tình trạng xấu xa và tội lỗi. Đó là những thủ đoạn mà Sa-tan sử dụng để làm cho con người bại hoại.

Chúng ta có thể nói rằng Sa-tan xấu xa, nhưng để khẳng định điều này, chúng ta vẫn phải xem hậu quả của việc Sa-tan làm bại hoại con người là gì và nó đem lại cho con người tâm tính cùng thực chất nào. Tất cả các người đều biết đôi chút về điều này, vậy thì hãy phát biểu đi. Hậu quả của việc Sa-tan làm cho con người bại hoại là gì? Họ thể hiện và bộc lộ những tâm tính bại hoại nào? (Tính kiêu ngạo và kiêu căng, ích kỷ và đê tiện, lươn lẹo và dối trá, xảo quyệt và nham hiểm và hoàn toàn thiếu nhân tính.) Nhìn chung, chúng ta có thể nói họ không có nhân tính. Bây giờ, hãy để anh chị em khác phát biểu. (Một khi con người đã bị Sa-tan làm cho bại hoại, thì điển hình nhất là họ kiêu ngạo và tự nên công chính, tự cao tự đại và tự phụ, tham lam và ích kỷ. Con cảm thấy rằng đây là những vấn đề nghiêm trọng nhất.) (Sau khi con người đã bị Sa-tan làm cho bại hoại, thì họ không từ một thủ đoạn nào để có được của cải vật chất. Và họ thậm chí còn

trở nên thù địch với Đức Chúa Trời, chống đối Đức Chúa Trời, không vâng lời Đức Chúa Trời, và họ đánh mất lương tâm và lý trí mà con người nên có.) Về cơ bản thì những điều các người vừa nói đều giống nhau, dù có vài sự khác biệt nhỏ; một vài người trong số các người chỉ đơn giản là thêm những chi tiết nhỏ. Tóm lại, những đặc điểm nổi trội nhất về một nhân tính bại hoại là sự kiêu ngạo, dối trá, nham hiểm và ích kỷ. Tuy nhiên, tất cả các người đều cùng bỏ qua một điều. Con người không có lương tâm, họ đã mất đi lý trí của họ và không có nhân tính – nhưng có một điều rất quan trọng khác mà các người chưa đề cập đến, đó là “sự phản bội”. Hậu quả cuối cùng của những tâm tính này tồn tại trong bất kỳ người nào một khi họ đã bị Sa-tan làm cho bại hoại chính là sự phản bội của họ đối với Đức Chúa Trời. Bất kể Đức Chúa Trời phán dạy con người những gì hoặc Ngài làm công việc gì trên họ, thì họ không chú ý đến những điều họ biết là lẽ thật. Nghĩa là, họ không còn thừa nhận Đức Chúa Trời và họ phản bội Ngài; đây là hậu quả của việc Sa-tan làm bại hoại con người. Nó cũng tương tự đối với tất cả những tâm tính bại hoại của con người. Trong số những cách mà Sa-tan sử dụng để làm bại hoại con người – kiến thức mà con người học được, khoa học mà họ biết, sự hiểu biết của họ về mê tín và văn hóa truyền thống, cũng như là các xu hướng xã hội – có bất kỳ điều nào mà con người có thể dùng để nói rằng điều gì công chính và điều gì bất chính không? Có điều nào có thể giúp con người biết được điều gì thánh khiết và điều gì xấu xa không? Có tiêu chuẩn nào để đo lường những điều này không? (Không.) Không có tiêu chuẩn và cơ sở nào có thể giúp con người. Mặc dù con người có thể biết từ “thánh khiết”, nhưng không có ai thực sự biết thánh khiết là gì. Vậy thì những thứ mà Sa-tan đem đến cho con người có thể giúp họ biết về lẽ thật không? Chúng có thể giúp con người sống có nhân tính hơn không? Chúng có thể giúp con người sống theo cách mà họ có thể thờ phượng Đức Chúa Trời nhiều hơn không? (Không.) Rõ ràng là chúng không thể giúp con người thờ phượng Đức Chúa Trời hoặc hiểu về lẽ thật, cũng không thể giúp con người biết sự thánh khiết và xấu xa là gì. Ngược lại, con người ngày càng trở nên suy đồi, ngày càng rời xa Đức Chúa Trời hơn. Đây là lý do tại sao chúng ta nói Sa-tan xấu xa. Sau khi mổ xẻ rất nhiều thực chất xấu xa của Sa-tan, các người có thấy được bất kỳ yếu tố thánh khiết nào trong Sa-tan, cả trong thực chất của nó lẫn trong sự hiểu biết của người về bản chất của nó không? (Không.) Bấy nhiêu đó là điều chắc chắn. Vậy thì người có thấy bất kỳ khía cạnh nào trong thực chất của Sa-tan có nét nào tương đồng với Đức Chúa Trời không? (Không.) Có bất kỳ sự bày tỏ nào của Sa-tan có nét nào tương đồng với Đức Chúa Trời không? (Không.) Vậy bây giờ Ta hỏi các người: Hãy dùng từ ngữ của riêng mình, sự thánh khiết của Đức Chúa Trời chính xác là gì? Trước hết, những từ “sự thánh khiết của Đức Chúa Trời” được nói ra có liên quan đến điều gì? Có phải chúng được nói ra liên quan đến bản thể của Đức Chúa Trời không? Hoặc chúng được nói ra liên quan đến vài khía cạnh trong tâm tính của Ngài không? (Chúng được nói ra liên quan đến thực chất của Đức Chúa Trời.) Chúng ta phải xác định rõ ràng điểm mấu chốt để tiếp cận chủ đề yêu thích của chúng ta. Những từ này được nói ra có liên quan đến thực chất của Đức Chúa Trời. Trước hết, chúng ta đã sử dụng sự xấu xa

của Sa-tan như là một vật làm nền cho thực chất của Đức Chúa Trời, vậy thì người có thấy bất kỳ bản thể nào của Sa-tan trong Đức Chúa Trời không? Còn về thực chất của loài người thì sao? (Không, chúng con không thấy. Đức Chúa Trời không kiêu ngạo, không ích kỷ và không phản bội, và từ điều này chúng con thấy thực chất thánh khiết của Đức Chúa Trời được tỏ lộ.) Còn điều gì khác để bổ sung không? (Đức Chúa Trời không có dấu vết nào của tâm tính bại hoại của Sa-tan. Những gì Sa-tan có là hoàn toàn tiêu cực, trong khi Đức Chúa Trời không có gì khác ngoài điều tích cực. Chúng con có thể thấy rằng Đức Chúa Trời luôn luôn ở cạnh chúng con, dõi theo chúng con và bảo vệ chúng con, từ khi chúng con còn rất nhỏ, trong suốt cuộc đời chúng con và đến tận ngày nay, và đặc biệt là khi chúng con bối rối và lạc lối. Không có sự dối trá nào trong Đức Chúa Trời, không có sự lừa gạt. Ngài phán một cách rõ ràng và đơn giản, và đây cũng là thực chất thực sự của Đức Chúa Trời.) Tốt lắm! (Chúng con không thể thấy tâm tính bại hoại của Sa-tan trong Đức Chúa Trời, không ăn ở hai lòng, không khoe khoang, không có những lời hứa sáo rỗng và không dối trá. Đức Chúa Trời là Đáng duy nhất mà con người có thể tin. Đức Chúa Trời thành tín và chân thành. Từ công tác của Đức Chúa Trời, chúng con có thể thấy rằng Đức Chúa Trời phán dạy con người phải trung thực, ban cho họ sự khôn ngoan, khiến họ có thể phân biệt tốt xấu và phân biệt được những con người, sự kiện và sự vật khác nhau. Trong điều này chúng con có thể thấy được sự thánh khiết của Đức Chúa Trời.) Các người đã nói hết chưa? Các người có hài lòng về những gì các người vừa nói không? Trong lòng mình, các người thực sự hiểu Đức Chúa Trời được bao nhiêu? Đã lĩnh hội về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời được bao nhiêu? Ta biết rằng mỗi một người trong các người đều có một mức độ hiểu biết nào đó trong lòng, bởi vì mỗi cá nhân đều có thể cảm nhận công tác của Đức Chúa Trời làm trên họ, và ở những mức độ khác nhau, họ có được nhiều điều từ Đức Chúa Trời: Ân điển và các phước lành, sự khai sáng và soi sáng, sự phán xét và hình phạt của Đức Chúa Trời, và bởi những điều này mà con người có được một vài hiểu biết đơn giản về thực chất của Đức Chúa Trời.

Cho dù sự thánh khiết của Đức Chúa Trời mà chúng ta đang thảo luận hôm nay có vẻ lạ lẫm với hầu hết mọi người thì bất chấp điều này, chúng ta giờ đây đã bắt đầu chủ đề này, và khi các người đi trên con đường phía trước, các người sẽ có được sự hiểu biết sâu hơn. Điều đó đòi hỏi các người dần dần cảm nhận và hiểu trong trải nghiệm của riêng mình. Đối với hiện tại, sự hiểu biết dựa trên cảm thụ của các người về thực chất của Đức Chúa Trời vẫn cần một khoảng thời gian dài để học hỏi, để xác thực, để cảm nhận và trải nghiệm nó, cho đến ngày các người sẽ biết từ thâm tâm rằng “sự thánh khiết của Đức Chúa Trời” có nghĩa là thực chất của Đức Chúa Trời là hoàn mỹ, rằng tình yêu của Đức Chúa Trời là vị tha, tất cả những gì Đức Chúa Trời cung cấp cho con người là vị tha, và các người sẽ hiểu được rằng sự thánh khiết của Đức Chúa Trời là không tì vết và không thể chê trách. Những phương diện này trong thực chất của Đức Chúa Trời không chỉ là những lời Ngài dùng để phô trương địa vị của Ngài, mà đúng hơn là Đức Chúa Trời dùng thực chất của Ngài để đối đãi với từng cá nhân bằng sự chân thành thâm lắng. Nói cách khác, thực chất của Đức Chúa Trời không trống rỗng,



cũng không phải là lý thuyết hay học thuyết, và hiển nhiên không phải là một dạng kiến thức. Nó không phải là một dạng giáo dục cho con người; thay vào đó, nó là sự mặc khải thật sự của những hành động của Đức Chúa Trời và thực chất được tỏ hiện của việc Đức Chúa Trời có gì và là gì. Con người nên biết thực chất này và hiểu thấu đáo nó, bởi vì mọi việc Đức Chúa Trời làm và mọi lời Ngài nói đều có giá trị to lớn và ý nghĩa vĩ đại với mỗi một con người. Khi người bắt đầu hiểu thấu đáo sự thánh khiết của Đức Chúa Trời, khi ấy người có thể thật sự tin vào Đức Chúa Trời; khi người bắt đầu hiểu thấu đáo sự thánh khiết của Đức Chúa Trời, khi ấy người có thể thật sự nhận ra ý nghĩa thực của những lời như “chính Đức Chúa Trời, Đấng vô song”. Người sẽ không còn tưởng tượng, nghĩ rằng có những con đường khác ngoài con đường này mà người có thể chọn lựa để đi, và người sẽ không còn sẵn lòng phản bội mọi việc Đức Chúa Trời đã sắp đặt cho người. Bởi vì thực chất của Đức Chúa Trời là thánh khiết, điều đó nghĩa là chỉ thông qua Đức Chúa Trời, người mới có thể đi qua cuộc đời trên con đường công chính của sự sáng; chỉ thông qua Đức Chúa Trời, người mới có thể biết ý nghĩa của sự sống; chỉ thông qua Đức Chúa Trời, người mới có thể sống bày tỏ ra nhân tính thật sự và vừa sở hữu vừa biết được lẽ thật. Chỉ thông qua Đức Chúa Trời, người mới có thể đạt được sự sống từ lẽ thật. Chỉ chính Đức Chúa Trời mới có thể giúp người lánh khỏi điều ác và đưa người ra khỏi sự hiểm nguy và kiểm soát của Sa-tan. Ngoài Đức Chúa Trời, không ai và không điều gì có thể cứu rỗi người khỏi bể khổ để người không phải chịu khổ lâu hơn nữa. Điều này được định rõ bởi thực chất của Đức Chúa Trời. Chỉ chính Đức Chúa Trời mới cứu rỗi người một cách vị tha như vậy; chỉ Đức Chúa Trời mới chịu trách nhiệm sau hết cho tương lai của người, cho vận mệnh của người và cho sự sống của người, và Ngài sắp đặt mọi sự cho người. Đây là điều mà những tạo vật hay không phải tạo vật đều không thể đạt được. Bởi những tạo vật hay không phải tạo vật đều không sở hữu một thực chất như thực chất của Đức Chúa Trời, nên không người hay vật nào có khả năng cứu người hay dẫn dắt người. Đây là tầm quan trọng của thực chất của Đức Chúa Trời đối với con người. Có lẽ các người cảm thấy rằng những lời Ta đã nói có thể giúp ích đôi chút, về cơ bản. Nhưng nếu người theo đuổi lẽ thật, nếu người yêu lẽ thật, vậy thì người sẽ trải nghiệm được rằng những lời này sẽ không chỉ thay đổi vận mệnh của người, mà hơn thế nữa, chúng sẽ đưa người đến con đường đúng của sự sống con người. Các người hiểu điều này, phải không? Vậy giờ đây các người có chút quan tâm gì đến việc biết được thực chất của Đức Chúa Trời không? (Có.) Thật hay khi biết rằng các người có quan tâm. Đối với hôm nay, tại điểm này chúng ta sẽ kết thúc chủ đề thông công về việc biết được sự thánh khiết của Đức Chúa Trời.

\* \* \*

Ta muốn phán dạy các người về điều các người đã làm khi bắt đầu buổi họp mặt của chúng ta hôm nay mà khiến Ta ngạc nhiên. Có lẽ vài người trong số các người đang nuôi dưỡng một cảm giác biết ơn, có lẽ người đang cảm thấy biết ơn, và vì thế cảm xúc

của người đã dẫn đến một hành động tương ứng. Điều người đã làm không phải là điều cần phải chê trách; nó không đúng cũng không sai. Nhưng Ta muốn các người hiểu đôi điều. Điều Ta muốn các người hiểu là gì? Trước tiên, Ta muốn hỏi các người về điều các người vừa mới làm bây giờ. Đó là hành động cúi lạy hay là quỳ xuống để thờ phượng? Ai có thể nói cho Ta biết không? (Chúng con nghĩ đó là cúi lạy.) Các người nghĩ đó là cúi lạy, vậy cúi lạy có nghĩa là gì? (Thờ phượng.) Vậy thì, quỳ xuống để thờ phượng là gì? Trước đây Ta chưa thông công về điều này với các người, nhưng hôm nay Ta nghĩ là cần phải làm điều đó. Các người có cúi lạy trong các buổi nhóm họp thường xuyên không? (Không.) Các người có cúi lạy khi cầu nguyện không? (Có.) Các người có cúi lạy mỗi lần các người cầu nguyện, khi tình cảnh cho phép không? (Có.) Điều đó tốt. Nhưng điều Ta muốn các người hiểu ngày hôm nay là Đức Chúa Trời chỉ chấp nhận sự quỳ lạy của hai kiểu người. Chúng ta không cần tham khảo Kinh Thánh hoặc những hành động và hành vi của bất kỳ nhân vật thuộc linh nào. Thay vào đó, ở đây và bây giờ, Ta sẽ phán dạy các người một điều đúng đắn. Trước tiên, cúi lạy và quỳ xuống để thờ phượng không giống nhau. Tại sao Đức Chúa Trời chấp nhận sự quỳ lạy của những ai phủ phục xuống? Đó là vì Đức Chúa Trời gọi ai đó đến gặp Ngài và gọi người này để nhận sự ủy nhiệm của Đức Chúa Trời, vì vậy Đức Chúa Trời cho phép người này phủ phục trước Ngài. Đây là kiểu người thứ nhất. Kiểu thứ hai là sự quỳ xuống để thờ phượng của người nào kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Chỉ có hai kiểu người này. Vậy thì các người thuộc loại nào? Các người có thể nói không? Đây là sự thật, mặc dù nó có thể làm tổn thương cảm xúc của người một chút. Không có gì phải nói về sự quỳ lạy của con người trong khi cầu nguyện – điều này là đúng đắn và nên làm như thế, bởi vì khi con người cầu nguyện thì hầu như là cầu nguyện cho một điều gì đó, mở lòng họ ra với Đức Chúa Trời và mặt đối mặt với Ngài. Đó là sự truyền đạt và trao đổi, từ tấm lòng đến tấm lòng với Đức Chúa Trời. Việc quỳ gối thờ phượng không nên là một hình thức đơn thuần. Ta không có ý khiển trách các người về những gì các người đã làm hôm nay. Ta chỉ muốn nói rõ với các người để các người hiểu nguyên tắc này – các người biết điều này, đúng vậy không? (Đúng, chúng con biết.) Ta phán dạy các người điều này để nó không xảy ra lần nữa. Vậy thì, con người có bất kỳ cơ hội nào để cúi lạy và quỳ gối trước mặt Đức Chúa Trời không? Không phải là sẽ không bao giờ có cơ hội này. Sớm hay muộn thì ngày đó sẽ đến, nhưng không phải bây giờ. Người có hiểu không? Điều này có làm các người buồn lòng không? (Không.) Tốt. Có thể những lời này sẽ thúc đẩy hoặc khích lệ các người để các người có thể biết trong lòng mình về tình cảnh hiện nay giữa Đức Chúa Trời và con người, và mối quan hệ hiện đang tồn tại giữa Đức Chúa Trời và con người là loại gì. Mặc dù gần đây chúng ta đã có nói chuyện và trao đổi thêm, nhưng sự hiểu biết về Đức Chúa Trời của con người vẫn còn lâu mới đầy đủ. Con người vẫn còn một chặng đường dài để đi trên con đường này cố gắng hiểu về Đức Chúa Trời. Ta không có ý định khiến người làm việc này thật cấp bách, hoặc vội vã bày tỏ những kiểu nguyện vọng hoặc cảm xúc này. Những gì các người đã làm hôm nay có thể tỏ lộ và bày tỏ cảm xúc thật của các người, và Ta đã cảm

nhận được chúng. Vì lúc trong khi các người làm thế, Ta chỉ muốn đứng lên và ban cho các người những lời chúc tốt lành của Ta, bởi vì Ta mong muốn tất cả các người đều được tốt lành. Vì thế, trong từng lời và từng hành động của Ta, Ta làm hết sức mình để giúp đỡ các người, để hướng dẫn các người, hầu cho các người có thể có được sự hiểu biết đúng đắn và cái nhìn đúng đắn về muôn vật. Các người có thể lĩnh hội điều này, phải vậy không? (Có.) Tốt. Mặc dù con người có đôi chút hiểu biết về những tâm tính khác nhau của Đức Chúa Trời, những khía cạnh về việc Đức Chúa Trời có gì và là gì, và công tác mà Ngài làm, nhưng phần lớn sự hiểu biết này không vượt ra ngoài việc đọc những ngôn từ trên một trang giấy, hoặc hiểu chúng về nguyên tắc, hoặc chỉ suy nghĩ về chúng mà thôi. Điều con người thiếu nhất là sự hiểu biết và sự thông sáng đến từ kinh nghiệm thực tế. Mặc dù Đức Chúa Trời sử dụng những phương pháp khác nhau để thức tỉnh tâm lòng của con người, thì vẫn còn một chặng đường dài để đi trước khi việc này có thể hoàn thành. Ta không muốn thấy bất kỳ ai cảm thấy dường như Đức Chúa Trời đã bỏ họ lại trong giá lạnh, rằng Đức Chúa Trời đã từ bỏ họ hoặc quay lưng lại với họ. Tất cả những gì Ta muốn thấy là mọi người đang trên đường để theo đuổi lẽ thật và cố gắng hiểu về Đức Chúa Trời, mạnh dạn tiến lên với quyết tâm không hề lay chuyển, không có bất kỳ nỗi lo âu hoặc gánh nặng nào. Dù cho người đã phạm sai lầm gì, dù cho người đã đi lạc bao xa hay người đã vi phạm nghiêm trọng thế nào, đừng để những điều này trở thành gánh nặng hoặc hành lý quá tải trên con đường theo đuổi sự hiểu biết về Đức Chúa Trời. Cứ tiếp tục tiến lên. Vào mọi lúc, Đức Chúa Trời luôn giữ sự cứu rỗi con người trong lòng Ngài; điều này không bao giờ thay đổi. Đây là phần quý giá nhất trong thực chất của Đức Chúa Trời. Bây giờ các người có cảm thấy khá hơn chút nào không? (Có.) Ta hy vọng rằng các người có thể có cách tiếp cận đúng đắn đối với mọi điều và với những lời Ta vừa phán dạy. Vậy thôi, chúng ta hãy kết thúc buổi thông công này ở đây. Tạm biệt!

Ngày 11 tháng 1 năm 2014

# **CHÍNH ĐỨC CHÚA TRỜI, ĐÁNG ĐỘC NHẤT VII**

## **ĐỨC CHÚA TRỜI LÀ CỘI NGUỒN SỰ SỐNG CHO VẠN VẬT (I)**

### **Tổng quan về thẩm quyền của Đức Chúa Trời, tâm tính công chính của Đức Chúa Trời, và sự thánh khiết của Đức Chúa Trời**

Khi cầu nguyện xong, lòng của các người có cảm thấy bình an trước sự hiện diện của Đức Chúa Trời không? (Có.) Nếu lòng của một người có thể được tĩnh tại, họ sẽ có thể nghe và hiểu lời Đức Chúa Trời và họ sẽ có thể nghe và hiểu được lẽ thật. Nếu lòng người không thể được tĩnh tại, nếu lòng người luôn phiêu bạt, hoặc luôn nghĩ về những điều khác, việc này sẽ ảnh hưởng đến người khi người tham dự các buổi họp mặt để nghe lời Đức Chúa Trời. Trọng tâm của những vấn đề chúng ta đã và đang thảo luận là gì? Tất cả chúng ta hãy nghĩ lại một chút về các điểm chính. Về việc biết chính Đức Chúa Trời, Đáng độc nhất vô song, trong phần đầu tiên, chúng ta đã thảo luận về thẩm quyền của Đức Chúa Trời. Trong phần thứ hai, chúng ta đã thảo luận về tâm tính công chính của Đức Chúa Trời, và trong phần thứ ba, chúng ta đã thảo luận về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời. Liệu nội dung cụ thể mà chúng ta đã thảo luận mỗi lần có để lại ấn tượng gì với các người không? Trong phần đầu tiên, “thẩm quyền của Đức Chúa Trời”, điều gì đã để lại ấn tượng sâu sắc nhất với các người? Phần nào có tác động mạnh nhất đến các người? (Đức Chúa Trời truyền đạt trước hết thẩm quyền và sức mạnh của lời Đức Chúa Trời; Đức Chúa Trời cũng tốt đẹp như lời Ngài và lời Ngài sẽ trở thành thật. Đây là thực chất vốn có của Đức Chúa Trời.) (Mệnh lệnh của Đức Chúa Trời đối với Sa-tan là hấn chỉ có thể cám dỗ Gióp, nhưng không thể lấy đi mạng sống của ông. Từ điều này, chúng ta thấy được thẩm quyền của lời Đức Chúa Trời.) Có thêm điều gì nữa không? (Đức Chúa Trời dùng lời để tạo ra trời đất và vạn vật trong đó, và Ngài đã phán lời để lập giao ước với con người và ban ơn phước cho con người. Những điều này hết thảy đều là các ví dụ về thẩm quyền của lời Đức Chúa Trời. Sau đó, chúng con đã thấy Đức Chúa Jêsus ra lệnh cho La-xa-rơ bước ra khỏi ngôi mộ của mình như thế nào – điều này cho thấy rằng sự sống và sự chết đều nằm trong sự kiểm soát của Đức Chúa Trời, rằng Sa-tan không có quyền năng để kiểm soát sự sống và sự chết, và rằng dù công tác của Đức Chúa Trời được thực hiện trong xác thịt hay trong Thần, thì thẩm quyền của Ngài là độc nhất.) Đây là một sự hiểu biết mà các người có được sau khi nghe thông công. Nói về thẩm quyền của Đức Chúa Trời, sự hiểu biết của các người về từ “thẩm quyền” là gì? Trong phạm vi thẩm quyền của Đức Chúa Trời, mọi người thấy gì về những điều Đức Chúa Trời làm và tiết lộ? (Chúng con thấy sự toàn năng và khôn ngoan của Đức Chúa Trời.) (Chúng con thấy thẩm quyền của Đức Chúa Trời là hằng hữu và nó thực sự tồn tại. Chúng con thấy thẩm quyền của Đức Chúa Trời trên quy mô lớn trong sự thống trị của Ngài với vạn vật, và chúng con thấy điều đó ở quy mô nhỏ khi Ngài nắm quyền kiểm soát đời sống của mỗi cá nhân con người. Đức Chúa Trời thực sự lên kế hoạch và kiểm soát sáu mốc trong cuộc sống con người. Hơn nữa, chúng con

thấy thẩm quyền của Đức Chúa Trời đại diện cho chính Đức Chúa Trời, Đáng độc nhất, và không một tạo vật hay phi tạo vật nào có thể sở hữu nó. Thẩm quyền của Đức Chúa Trời là biểu tượng cho thân phận của Ngài.) Sự hiểu biết của các người về “các biểu tượng về thân phận của Đức Chúa Trời và địa vị của Đức Chúa Trời” dường như có phần mang tính giáo lý. Các người có sự hiểu biết thiết yếu nào về thẩm quyền của Đức Chúa Trời không? (Đức Chúa Trời đã dõi theo chúng con và bảo vệ chúng con từ khi còn nhỏ, và chúng con thấy thẩm quyền của Đức Chúa Trời trong đó. Chúng con không nhận thức được những nguy hiểm đã rình rập mình, nhưng Đức Chúa Trời đã luôn ẩn mặt bảo vệ chúng con. Đây cũng là thẩm quyền của Đức Chúa Trời.) Rất tốt. Nói hay lắm.

Khi chúng ta nói về thẩm quyền của Đức Chúa Trời, thì trọng tâm, trọng điểm của chúng ta là gì? Tại sao chúng ta cần thảo luận về điều này? Mục đích đầu tiên khi thảo luận về vấn đề này là nhằm thiết lập trong lòng mọi người thân phận của Đức Chúa Trời là Đấng Tạo Hóa và địa vị của Ngài giữa vạn vật. Đây là những gì từ đầu mọi người có thể được biết, được thấy và cảm nhận. Những gì người thấy và những gì người cảm nhận đến từ các hành động của Đức Chúa Trời, lời Đức Chúa Trời và sự kiểm soát của Đức Chúa Trời đối với vạn vật. Vậy, trí hiểu thực sự nào mà con người có được từ tất cả mọi điều họ nhìn thấy, học hỏi và biết thông qua thẩm quyền của Đức Chúa Trời? Chúng ta đã thảo luận về mục đích đầu tiên. Thứ hai là để mọi người thấy quyền năng và sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời thông qua hết thảy những điều Đức Chúa Trời đã làm, phán dạy và kiểm soát bằng thẩm quyền của Ngài. Nó cho phép người thấy Đức Chúa Trời quyền năng và khôn ngoan như thế nào trong sự kiểm soát của Ngài với vạn vật. Đây chẳng phải là trọng tâm và trọng điểm của cuộc thảo luận trước đây của chúng ta về thẩm quyền độc nhất vô song của Đức Chúa Trời sao? Chưa quá lâu kể từ cuộc thảo luận đó thế mà một vài người các người đã quên điều này, điều đó chứng tỏ rằng các người chưa có được trí hiểu sâu sắc về thẩm quyền của Đức Chúa Trời. Thậm chí có thể nói rằng con người chưa thấy được thẩm quyền của Đức Chúa Trời. Giờ các người có được chút hiểu biết nào không? Khi người thấy Đức Chúa Trời thi hành thẩm quyền của Ngài, người thực sự cảm nhận được gì? Người đã thực sự cảm nhận quyền năng của Đức Chúa Trời chưa? (Có.) Khi người đọc những lời Ngài về cách Ngài tạo dựng nên vạn vật, người cảm nhận được quyền năng của Ngài và người cảm nhận được sự toàn năng của Ngài. Khi người thấy sự thống trị của Đức Chúa Trời đối với số phận của con người, người cảm thấy thế nào? Người có cảm nhận được quyền năng và sự khôn ngoan của Ngài không? Nếu Đức Chúa Trời không sở hữu quyền năng này, nếu Ngài không sở hữu sự khôn ngoan này, liệu Ngài có đủ khả năng để có sự thống trị trên vạn vật và trên số phận của con người không? Đức Chúa Trời sở hữu quyền năng và sự khôn ngoan, và do vậy, Ngài có thẩm quyền. Điều này là độc nhất vô song. Trong số tất cả các tạo vật, người đã bao giờ nhìn thấy một người hoặc sinh vật nào có quyền năng như Đức Chúa Trời chưa? Có ai hay bất cứ thứ gì có quyền năng để tạo ra trời đất và vạn vật, để kiểm soát và thống trị chúng không? Có ai hay bất cứ thứ gì có thể cai trị và dẫn dắt toàn nhân loại, có thể có mặt ở mọi nơi mọi lúc không? (Không,

không có.) Bây giờ các người có hiểu được ý nghĩa thực sự của thẩm quyền độc nhất của Đức Chúa Trời không? Bây giờ người có hiểu biết nào đó về điều này không? (Có.) Việc xem lại chủ đề về thẩm quyền độc nhất của Đức Chúa Trời của chúng ta khép lại tại đây.

Trong phần thứ hai, chúng ta đã nói về tâm tính công chính của Đức Chúa Trời. Chúng ta đã không thảo luận nhiều trong chủ đề này, bởi vì ở giai đoạn này, công tác của Đức Chúa Trời chủ yếu bao gồm sự phán xét và hình phạt. Trong Thời đại Vương quốc, tâm tính công chính của Đức Chúa Trời được mặc khải rõ ràng và rất chi tiết. Ngài đã phán những lời mà Ngài chưa bao giờ phán từ thời sáng thế; và trong lời Ngài hết thảy mọi người, hết thảy những ai đọc và trải nghiệm lời Ngài, đã thấy tâm tính công chính của Ngài được tỏ lộ. Thế trọng điểm của cuộc thảo luận của chúng ta về tâm tính công chính của Đức Chúa Trời là gì? Các người có hiểu nó sâu sắc không? Các người có hiểu nó từ trải nghiệm không? (Đức Chúa Trời đã đốt cháy thành Sô-đôm vì những người thời đó vô cùng bại hoại và kích động cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời. Từ điều này, chúng con thấy được tâm tính công chính của Đức Chúa Trời.) Trước hết, hãy xem xét: Nếu Đức Chúa Trời đã không hủy diệt thành Sô-đôm, liệu người sẽ có thể biết được tâm tính công chính của Ngài không? Người sẽ vẫn có thể. Người có thể thấy điều đó trong những lời Đức Chúa Trời đã bày tỏ trong Thời đại Vương quốc, và trong sự phán xét, hình phạt và những lời rửa sạch mà Ngài đã nhắm vào con người. Người có thể thấy được tâm tính công chính của Đức Chúa Trời trong việc Ngài tha cho thành Ni-ni-ve không? (Có.) Trong thời đại hiện nay, mọi người có thể thấy một chút trong lòng thương xót, tình yêu và lòng khoan dung của Đức Chúa Trời, và mọi người cũng có thể thấy điều đó ở sự thay đổi trong lòng của Đức Chúa Trời theo sau sự ăn năn của con người. Vì đã nêu ra hai ví dụ này để dẫn nhập cuộc thảo luận của chúng ta về tâm tính công chính của Đức Chúa Trời, khá rõ ràng để thấy rằng tâm tính công chính của Ngài đã được mặc khải, nhưng trên sự thật, thực chất của tâm tính công chính của Đức Chúa Trời không bị giới hạn trong những gì được tiết lộ trong hai câu chuyện Kinh thánh này. Từ những gì các người đã học, thấy và trải nghiệm trong lời Đức Chúa Trời và công tác của Ngài, tâm tính công chính của Đức Chúa Trời như các người thấy là gì? Hãy nói từ trải nghiệm của chính các người. (Trong những hoàn cảnh mà Đức Chúa Trời tạo ra cho mọi người, khi mọi người có thể tìm kiếm lẽ thật và hành động phù hợp với ý muốn của Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời hướng dẫn họ, khai sáng cho họ và cho phép họ cảm thấy bừng sáng trong lòng. Khi con người chống lại Đức Chúa Trời, kháng cự Ngài và không hành động phù hợp với ý muốn của Ngài, thì bên trong họ có bóng tối mịt mù, như thể Đức Chúa Trời đã từ bỏ họ. Ngay cả khi họ cầu nguyện, họ cũng không biết phải nói gì với Ngài. Nhưng khi họ gạt sang một bên những quan niệm và trí tưởng tượng của riêng mình, và trở nên sẵn sàng hợp tác với Đức Chúa Trời và cố gắng cải thiện bản thân, thì họ dần dần có thể nhìn thấy sắc mặt mỉm cười của Đức Chúa Trời. Từ điều này, chúng con trải nghiệm được sự thánh khiết trong tâm tính công chính của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời xuất hiện trong vương quốc thánh, nhưng Ngài che giấu

chính mình ở những nơi như bản.) (Con thấy tâm tính công chính của Đức Chúa Trời trong cách Ngài đối xử với mọi người. Anh chị em chúng ta khác nhau về vóc giạc và tổ chất, và những gì Đức Chúa Trời đòi hỏi mỗi chúng ta cũng khác nhau. Tất cả chúng ta đều có thể nhận lãnh sự khai sáng của Đức Chúa Trời ở các mức độ khác nhau, và ở đây, con thấy được sự công chính của Đức Chúa Trời, vì con người chúng ta không có khả năng đối xử với con người theo cách này, nhưng Đức Chúa Trời thì có thể.) Bây giờ, tất cả các người đều có một vài kiến thức thực tế mà mình có thể diễn đạt được.

Các người có biết kiến thức nào là chìa khóa để hiểu được tâm tính công chính của Đức Chúa Trời không? Có nhiều điều có thể nói từ trải nghiệm về chủ đề này, nhưng trước hết, có một vài điểm chính mà Ta phải nói với các người. Để hiểu được tâm tính công chính của Đức Chúa Trời, trước tiên, người ta phải hiểu được cảm xúc của Đức Chúa Trời: Ngài ghét gì, Ngài ghê tởm gì, Ngài yêu thương gì, Ngài bao dung và thương xót ai, và kiểu người nào mà Ngài ban cho lòng thương xót đó. Đây là một điểm chính. Người ta cũng phải hiểu rằng cho dù Đức Chúa Trời yêu thương thế nào, dù Ngài có lòng thương xót và yêu thương dành cho mọi người ra sao, thì Đức Chúa Trời cũng không tha thứ cho bất kỳ ai xúc phạm đến thân phận và địa vị của Ngài, cũng như không tha thứ cho bất kỳ ai xúc phạm đến phẩm giá của Ngài. Mặc dù Đức Chúa Trời yêu thương mọi người, nhưng Ngài không nuông chiều họ. Ngài ban cho mọi người tình yêu thương của Ngài, lòng thương xót và lòng khoan dung của Ngài, nhưng Ngài chưa bao giờ chiều chuộng họ; Đức Chúa Trời có các nguyên tắc và giới hạn của Ngài. Cho dù người đã cảm nhận được tình yêu thương của Đức Chúa Trời nhiều bao nhiêu, cho dù tình yêu thương đó có thể sâu đậm đến đâu, người cũng không bao giờ được đối xử với Đức Chúa Trời như người sẽ đối xử với người khác. Mặc dù đúng là Đức Chúa Trời đối xử với mọi người hết sức gần gũi, nhưng nếu một người coi Đức Chúa Trời chỉ như một người khác, như thể Ngài chỉ là một tạo vật khác, như một người bạn hoặc một vật thờ phượng, thì Đức Chúa Trời sẽ ẩn giấu khuôn mặt của Ngài với họ và từ bỏ họ. Đây là tâm tính của Ngài và mọi người không được xem xét vấn đề này một cách khinh suất. Thế nên, chúng ta thường thấy những lời như thế này do Đức Chúa Trời phán về tâm tính của Ngài: Không quan trọng người đã đi bao nhiêu con đường, người đã làm bao nhiêu công việc hay người đã chịu đựng bao nhiêu đau khổ, một khi người xúc phạm đến tâm tính của Đức Chúa Trời, Ngài sẽ đáp trả mỗi người các người dựa trên những gì người đã làm. Điều này có nghĩa là Đức Chúa Trời đối xử với mọi người hết sức gần gũi, tuy nhiên mọi người không được đối xử với Đức Chúa Trời như một người bạn hay một người thân. Đừng gọi Đức Chúa Trời là “anh bạn” của người. Cho dù người có nhận lãnh được bao nhiêu tình yêu thương từ Ngài, cho dù Ngài đã khoan dung người bao nhiêu, người cũng không bao giờ được xem Đức Chúa Trời như là bạn người. Đây là tâm tính công chính của Đức Chúa Trời. Các người có hiểu không? Ta có cần nói thêm về điều này không? Các người có bất kỳ sự hiểu biết nào trước đây về vấn đề này không? Nói chung, đây là sai lầm mọi người dễ mắc phải nhất, bất kể liệu họ có hiểu các giáo lý hay liệu trước đây họ chưa bao giờ suy ngẫm về vấn đề này. Khi con người

xúc phạm Đức Chúa Trời, có thể không phải vì một sự việc hay một điều họ nói, mà thay vào đó là vì thái độ họ giữ và tình trạng của họ. Đây là một điều rất đáng sợ. Một vài người tin rằng họ có trí hiểu về Đức Chúa Trời, rằng họ có một số kiến thức về Ngài và thậm chí họ có thể làm một số điều làm hài lòng Đức Chúa Trời. Họ bắt đầu cảm thấy ngang hàng với Đức Chúa Trời và họ đã khéo léo mưu mẹo đưa bản thân vào mối quan hệ bạn bè với Đức Chúa Trời. Những kiểu tình cảm này là cực kỳ sai lầm. Nếu người không có hiểu biết sâu sắc về điều này – nếu người không hiểu rõ điều này – thì người sẽ rất dễ xúc phạm đến Đức Chúa Trời và xúc phạm đến tâm tính công chính của Ngài. Giờ người hiểu được điều này rồi phải không? Chẳng phải tâm tính công chính của Đức Chúa Trời là độc nhất sao? Liệu nó có thể tương đương với tính cách hay đức hạnh của một con người không? Không bao giờ có thể. Vì vậy, người không được quên, cho dù Đức Chúa Trời đối xử với mọi người như thế nào hay Ngài nghĩ đến con người ra sao, thì địa vị, thẩm quyền và thân phận của Đức Chúa Trời không bao giờ thay đổi. Đối với nhân loại, Chúa luôn luôn là Đức Chúa Trời của vạn vật và là Đấng Tạo Hóa.

Các người đã học được gì về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời? Trong phần nói về “sự thánh khiết của Đức Chúa Trời”, bên cạnh sự thật rằng sự hiểm ác của Sa-tan được sử dụng như một vật làm nền, nội dung chính của cuộc thảo luận của chúng ta về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời là gì? Đó chẳng phải là Đức Chúa Trời có gì và là gì sao? Có phải Đức Chúa Trời có gì và là gì là chỉ của duy nhất chính Đức Chúa Trời không? (Đúng vậy.) Đó là những gì các tạo vật không sở hữu. Đây là lý do tại sao chúng ta nói sự thánh khiết của Đức Chúa Trời là độc nhất. Đây là điều mà các người nên hiểu được. Chúng ta đã tổ chức ba buổi họp về chủ đề sự thánh khiết của Đức Chúa Trời. Các người có thể mô tả bằng lời của chính mình, với trí hiểu của chính mình, các người tin sự thánh khiết của Đức Chúa Trời là gì? (Lần cuối cùng Đức Chúa Trời trao đổi với chúng con, chúng con đã cúi lạy trước Ngài. Đức Chúa Trời đã thông công lễ thật cho chúng con về việc phủ phục và cúi lạy thờ phượng Ngài. Chúng con đã thấy việc cúi lạy thờ phượng Ngài trước khi đạt được các yêu cầu của Ngài không phù hợp với ý muốn của Ngài, và từ đó chúng con đã thấy được sự thánh khiết của Đức Chúa Trời.) Rất đúng. Còn điều gì khác nữa không? (Theo lời Đức Chúa Trời với nhân loại, chúng con thấy rằng Ngài phán đơn giản và rõ ràng. Ngài thẳng thắn và đi thẳng vào vấn đề. Sa-tan nói theo cách vòng vo và đầy những lời dối trá. Từ những gì xảy ra lần trước khi chúng con phủ phục trước Đức Chúa Trời, chúng con đã thấy rằng những lời và hành động của Ngài luôn luôn có nguyên tắc. Ngài luôn rõ ràng và súc tích khi Ngài phán dạy chúng con cách chúng con nên hành động, cách chúng con nên tuân theo và cách chúng con nên thực hành. Nhưng con người không theo cách này. Kể từ khi nhân loại bị Sa-tan làm cho sa ngã, họ đã hành động và nói bằng chính động cơ và mục đích cá nhân của bản thân họ và những mong muốn cá nhân của chính họ trong tâm trí. Từ cách Đức Chúa Trời trông nom, chăm sóc và bảo vệ nhân loại, chúng con thấy rằng hết thảy những điều Đức Chúa Trời làm là tích cực và rõ ràng. Chính theo cách này mà chúng con mới thấy được thực chất của sự thánh khiết của Đức Chúa Trời được mặc khải.)



Hay lắm. Có ai khác muốn thêm điều gì khác không? (Thông qua việc Đức Chúa Trời phơi bày thực chất Sa-tan, chúng con thấy được sự thánh khiết của Đức Chúa Trời, chúng con có thêm kiến thức về sự gian ác của Sa-tan và chúng con thấy được nguồn gốc sự đau khổ của nhân loại. Trong quá khứ, chúng con đã không biết về sự đau khổ của con người dưới lãnh thổ của Sa-tan. Chỉ sau khi Đức Chúa Trời tiết lộ điều này, thì chúng con mới thấy rằng hết thảy những đau khổ đến từ việc theo đuổi danh vọng và của cải là công việc của Sa-tan. Chỉ khi đó chúng con mới cảm nhận được rằng sự thánh khiết của Đức Chúa Trời là sự cứu rỗi thực sự của nhân loại.) Có điều gì khác để thêm vào đó nữa không? (Nhân loại bại hoại thiếu kiến thức thực sự và tình yêu dành cho Đức Chúa Trời. Bởi vì chúng con không hiểu được thực chất của sự thánh khiết của Đức Chúa Trời, và bởi vì, khi chúng con phủ phục và cúi lạy trước Ngài trong sự thờ phượng, chúng con làm như vậy với những suy nghĩ không tinh sạch và những động cơ và mục đích ngấm, Đức Chúa Trời không hài lòng. Chúng con có thể thấy rằng Đức Chúa Trời khác với Sa-tan; Sa-tan muốn mọi người tôn sùng và dâng bực hấn, phủ phục và cúi mình thờ phượng hấn. Sa-tan không có các nguyên tắc. Cũng từ điều này, con nhận thức được sự thánh khiết của Đức Chúa Trời.) Tốt lắm! Bây giờ chúng ta đã thông công về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời, các người có thấy sự hoàn hảo của Đức Chúa Trời không? Người có thấy Đức Chúa Trời là nguồn gốc của mọi điều tích cực như thế nào không? Người có thể thấy Đức Chúa Trời là hiện thân của lẽ thật và công lý như thế nào không? Người có thấy Đức Chúa Trời là cội nguồn yêu thương như thế nào không? Người có thấy hết thảy những điều Đức Chúa Trời làm, hết thảy những điều Ngài thể hiện và hết thảy những điều Ngài tiết lộ là hoàn mỹ không? (Chúng con thấy.) Đây là những trọng điểm của những gì Ta đã nói về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời. Hôm nay, những lời này có vẻ như chỉ là giáo lý đối với các người, nhưng một ngày nào đó, khi người trải nghiệm và chứng kiến chính Đức Chúa Trời thật từ lời Ngài và công tác của Ngài, người sẽ nói từ tận đáy lòng mình rằng Đức Chúa Trời là thánh khiết, rằng Đức Chúa Trời khác biệt với loài người, và tâm lòng, tâm tính và thực chất của Ngài hết thảy đều thánh khiết. Sự thánh khiết này cho phép con người nhìn thấy sự hoàn hảo của Đức Chúa Trời và để thấy rằng bản chất của sự thánh khiết của Đức Chúa Trời là vô nhiễm. Thực chất của sự thánh khiết của Ngài định rõ rằng Ngài là chính Đức Chúa Trời, Đấng độc nhất vô song, và nó cũng vừa cho phép con người nhìn thấy và vừa chứng minh rằng Ngài là chính Đức Chúa Trời độc nhất. Đây không phải là điểm chính sao? (Đúng vậy.)

Hôm nay chúng ta đã tiến hành xem xét tổng quan về một vài chủ đề từ các buổi thông công trước đây. Việc này khép lại phần tổng quan hôm nay. Ta hy vọng rằng tất cả các người sẽ ghi nhớ những điểm chính của từng mục và chủ đề. Đừng nghĩ về chúng như giáo lý đơn thuần; khi người có chút thời gian rảnh, hãy thực sự đọc qua chúng và suy ngẫm về chúng. Hãy ghi nhớ chúng trong lòng các người và đưa chúng vào hiện thực – thì người sẽ thực sự trải nghiệm tất cả những gì Ta đã nói về hiện thực của việc Đức Chúa Trời mặc khải tâm tính của Ngài và mặc khải Ngài có gì và là gì. Tuy

nhiên, nếu người chỉ ghi lại chúng trong sổ của mình và không đọc qua chúng hay nghĩ về chúng, thì người sẽ không bao giờ đạt được chúng cho bản thân mình. Giờ người hiểu rồi đúng không? Sau khi đã trao đổi về ba chủ đề này, một khi mọi người đã đạt được một sự hiểu biết khái quát hay thậm chí cụ thể về thân phận, thực chất và tâm tính của Đức Chúa Trời, trí hiểu của họ về Đức Chúa Trời sẽ trọn vẹn sao? (Không phải.) Bây giờ, trong trí hiểu của riêng người về Đức Chúa Trời, có bất kỳ lĩnh vực nào khác mà người cảm thấy cần một sự hiểu biết sâu sắc hơn không? Nghĩa là, bây giờ người đã có được sự hiểu biết về thẩm quyền của Đức Chúa Trời, tâm tính công chính của Ngài và sự thánh khiết của Ngài, có lẽ thân phận và địa vị độc nhất của Ngài được thiết lập trong tâm trí người; tuy nhiên, người vẫn còn phải nhìn, hiểu và đào sâu kiến thức của mình về các hành động của Ngài, quyền năng của Ngài và thực chất của Ngài thông qua trải nghiệm của chính người. Bây giờ các người đã nghe được những sự thông công này, trong lòng các người, một tín điều ít nhiều được thiết lập: Đức Chúa Trời thực sự tồn tại, và thực tế là Ngài cai quản vạn vật. Không ai có thể xúc phạm đến tâm tính công chính của Ngài; sự thánh khiết của Ngài là một điều chắc chắn mà không ai có thể hoài nghi. Đây là những sự thật. Những sự thông công này cho phép thân phận và địa vị của Đức Chúa Trời có một nền tảng trong lòng người. Một khi nền tảng này đã được thiết lập, mọi người phải cố gắng để hiểu thêm nữa.

### **Câu chuyện 1: Một hạt giống, đất, một cái cây, ánh sáng mặt trời, những chú chim, và con người**

Hôm nay Ta sẽ thông công về một chủ đề mới với các người. Chủ đề này là gì? Tựa đề của nó là: “Đức Chúa Trời là cội nguồn sự sống cho vạn vật”. Chủ đề này nghe có vẻ hơi quá to lớn đúng không? Nó có vẻ ngoài tầm của các người một chút không? “Đức Chúa Trời là cội nguồn sự sống cho vạn vật” – chủ đề này có thể khiến mọi người nghĩ nó như một điều gì đó xa vời, nhưng nó phải được hiểu bởi tất cả những ai theo Đức Chúa Trời, bởi vì nó gắn bó chặt chẽ với trí hiểu về Đức Chúa Trời của mỗi người và việc họ có thể làm thỏa lòng và tôn kính Ngài. Đó là lý do tại sao Ta sẽ thông công về chủ đề này. Rất có thể là mọi người có một trí hiểu đơn giản từ trước về chủ đề này, hoặc có lẽ họ nhận thức được nó ở một mức độ nào đó. Kiến thức hoặc nhận thức này có thể, trong tâm trí của một số người, đi cùng với một mức độ hiểu biết đơn giản hoặc nông cạn. Những người khác có thể đã có một số trải nghiệm đặc biệt trong lòng họ mà đã đưa họ đến một cuộc chạm trán riêng, sâu sắc với chủ đề này. Nhưng kiến thức từ trước như vậy, dù sâu sắc hay hời hợt, chỉ là phiền diện và không đủ cụ thể. Vì vậy, đây là lý do tại sao Ta đã chọn chủ đề này để thông công: để giúp các người đạt đến một sự hiểu biết sâu sắc và cụ thể hơn. Ta sẽ dùng một phương pháp đặc biệt để thông công với các người về chủ đề này, một phương pháp mà chúng ta chưa từng sử dụng trước đây, một phương pháp mà các người có thể thấy hơi bất thường hoặc hơi khó chịu. Rồi thì các người sẽ biết ý ta là gì. Các người có thích chuyện kể không? (Chúng con thích.) Chà, có vẻ như sự lựa chọn của Ta để kể chuyện là một lựa chọn hay, vì tất

cả các người đều rất thích chúng. Nào, chúng ta bắt đầu thôi. Các người không cần phải ghi chú. Ta yêu cầu các người bình tĩnh, và không bồn chồn. Các người có thể nhắm mắt lại nếu cảm thấy mình có thể bị phân tâm bởi môi trường xung quanh hoặc những người xung quanh. Ta có một câu chuyện tuyệt vời để kể cho các người. Đây là một câu chuyện về một hạt giống, đất, một cái cây, ánh sáng mặt trời, những chú chim và con người. Những ai là nhân vật chính? (Một hạt giống, đất, một cái cây, ánh sáng mặt trời, những chú chim và con người.) Đức Chúa Trời có là một trong số họ không? (Không.) Mặc dù vậy, Ta chắc chắn rằng các người sẽ cảm thấy sảng khoái và hài lòng khi nghe câu chuyện này. Bây giờ, hãy trật tự lắng nghe.

Một hạt giống nhỏ rơi xuống đất. Một cơn mưa lớn đổ xuống, và hạt giống nảy mầm non, trong khi rễ của nó đào sâu dần xuống lớp đất bên dưới. Theo thời gian mầm mọc cao lên, chịu đựng những cơn gió tàn khốc và những trận mưa xối xả, chứng kiến sự thay đổi của các mùa khi trăng tròn rồi lại khuyết. Vào mùa hè, đất mang theo những món quà nước để mầm cây có thể chịu đựng được cái nóng thiêu đốt của mùa. Và bởi vì đất, mầm cây không bị áp đảo bởi sức nóng, và như thế, cơn nóng mùa hè tồi tệ nhất đã trôi qua. Khi mùa đông đến, đất bao bọc mầm cây trong vòng tay ấm áp của nó, và đất và mầm cây ôm chặt lấy nhau. Đất sưởi ấm mầm cây, và do đó, mầm cây sống sót qua được cái lạnh khắc nghiệt của mùa, không hề hấn gì bởi những cơn gió và bão tuyết lạnh giá. Được che chở bởi đất, mầm cây trở nên mạnh dạn và vui sướng; được nuôi dưỡng bất kỳ kỳ bởi đất, nó phát triển khỏe mạnh và vững chắc. Nó lớn lên vui vẻ, hát ca trong mưa, nhảy múa và đung đưa trong gió. Mầm cây và đất nương tựa vào nhau...

Năm tháng trôi qua, và mầm lớn thành một cái cây cao chót vót. Nó đứng vững trên đất, với những nhánh cây mập mạp được điểm tô vô số lá. Rễ cây vẫn đào sâu vào đất như trước đây, và giờ chúng đã cắm sâu vào lòng đất phía dưới. Đất nơi đã từng bảo vệ mầm nhỏ, giờ là nền tảng cho một cái cây đồ sộ.

Một tia nắng chiếu lên cây. Cây đung đưa thân mình, vươn dài tay và hít sâu bầu không khí đầy năng lượng. Mặt đất bên dưới thở cùng nhịp với cây, và đất cảm thấy được tái tạo. Ngay lúc đó, một cơn gió mát thổi ra từ giữa các nhánh cây, và cây rung rinh trong hoan hỉ, rì rào đầy năng lượng. Cây và ánh nắng nương tựa vào nhau...

Con người ngồi trong bóng mát của cây và đắm mình trong bầu không khí lồng lộng, thơm ngát. Không khí làm tinh sạch tim và phổi họ, và nó làm tinh sạch máu bên trong họ, và cơ thể họ không còn uể oải hay gò bó nữa. Người và cây nương tựa vào nhau...

Một đàn chim nhỏ đậu trên các cành cây hót líu lo. Có thể chúng đã đậu ở đó để trốn thú săn mồi, hoặc để sinh sản và nuôi con non, hoặc có lẽ chúng chỉ nghỉ ngơi chốc lát. Chim và cây nương tựa vào nhau...

Rễ của cây, xoắn xuýt và bện vào nhau, đào sâu vào lòng đất. Với thân của mình, nó che chở đất khỏi gió mưa, và nó vươn những nhánh cây để bảo vệ đất phía dưới chân mình. Cây làm vậy vì đất là mẹ nó. Chúng giúp nhau vững vàng và nương tựa vào nhau, và chúng sẽ không bao giờ tách rời...

Và như thế, câu chuyện kết thúc. Câu chuyện Ta kể là về một hạt giống, đất, một cái cây, ánh nắng, những chú chim, và con người. Nó chỉ có một vài cảnh. Nó đã để lại những cảm xúc gì cho các người? Khi Ta nói theo cách này, các người có hiểu điều Ta đang nói không? (Chúng con hiểu.) Nào, hãy nói lên những cảm xúc của các người. Các người cảm nhận gì sau khi nghe câu chuyện này? Trước hết Ta sẽ nói cho các người rằng tất cả các nhân vật trong câu chuyện đều có thể thấy được và chạm được; chúng là những thứ có thật, không phải là ẩn dụ. Ta muốn các người xem xét những gì Ta đã nói. Không có gì huyền bí trong câu chuyện của Ta cả, và những điểm chính của nó có thể được thể hiện trong một vài câu trong câu chuyện. (Câu chuyện chúng con nghe vẽ ra một bức tranh tuyệt đẹp. Một hạt giống chào đời và khi nó lớn lên, nó trải nghiệm bốn mùa của năm: xuân, hạ, thu và đông. Đất nuôi dưỡng hạt giống nảy mầm như một người mẹ. Nó sưởi ấm mầm cây trong mùa đông hầu để mầm có thể sống sót qua sự lạnh giá. Sau khi mầm mọc thành cây, tia nắng chạm vào những nhánh cây, đem lại nhiều niềm vui cho cây. Con thấy rằng trong vô số các tạo vật của Đức Chúa Trời, đất cũng sống, và rằng nó và cây nương tựa vào nhau. Con cũng thấy sự ấm áp tuyệt vời mà ánh nắng dành cho cây, và con thấy những chú chim, dù chúng là những tạo vật thông thường, đến cùng với cây và với con người trong một bức tranh hài hòa hoàn hảo. Đây là những cảm xúc con có trong lòng khi con nghe câu chuyện này; con nhận ra rằng hết thảy những thứ này đều thật sự sống động.) Nói hay lắm! Có ai khác muốn thêm gì không? (Trong câu chuyện này về một hạt giống nảy mầm và mọc thành một cây cao chót vót, con thấy sự kỳ diệu trong tạo hóa của Đức Chúa Trời. Con thấy Đức Chúa Trời khiến mọi thứ củng cố lẫn nhau và nương tựa vào nhau, và vạn vật được kết nối và phục vụ lẫn nhau. Con thấy sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời, sự diệu kỳ của Ngài, và con thấy được rằng Ngài là cội nguồn sự sống của vạn vật.)

Mọi điều Ta vừa nói là điều các người đã thấy trước đây. Ví dụ như hạt giống – chúng mọc thành cây, và dù người có thể không thể thấy được mọi chi tiết của quá trình, nhưng người biết đây là sự thật, không phải sao? Người cũng biết về đất và ánh nắng. Hình ảnh các chú chim đậu trên cây là thứ mọi người đều đã thấy, đúng không? Và hình ảnh mọi người hóng mát dưới bóng cây – đây là thứ tất cả các người đều đã thấy, đúng không? (Đúng.) Thế thì, khi tất cả những thứ này hiện diện trong cùng một khung cảnh, hình ảnh đó đem lại cảm giác gì? (Một cảm giác hài hòa.) Liệu từng thứ trong khung cảnh này có đến từ Đức Chúa Trời không? (Có.) Vì chúng đến từ Đức Chúa Trời, nên Đức Chúa Trời biết giá trị và ý nghĩa của sự tồn tại trần thế của hết thảy những thứ khác nhau này. Khi Đức Chúa Trời tạo nên vạn vật, khi Ngài lập kế hoạch và tạo dựng từng thứ, Ngài làm vậy có ý đồ; và khi Ngài tạo dựng những thứ này, từng thứ đều thấm đẫm sự sống. Môi trường Ngài tạo ra cho sự tồn tại của nhân loại, như được mô tả trong câu chuyện của chúng ta, là nơi mà hạt giống và đất nương tựa vào nhau, nơi đất có thể nuôi dưỡng hạt giống và hạt giống gắn chặt với đất. Mọi quan hệ này được Đức Chúa Trời sắp đặt ngay từ đầu sự tạo dựng của Ngài. Một quang cảnh có một cái cây, ánh nắng, chim chóc, và con người là sự miêu tả của môi trường sống Đức Chúa Trời tạo

dựng cho nhân loại. Trước tiên, cái cây không thể rời bỏ đất, nó cũng không thể không có ánh sáng mặt trời. Thế, mục đích của Đức Chúa Trời trong việc tạo ra cái cây là gì? Liệu chúng ta có thể nói rằng nó chỉ có giá trị cho đất được không? Liệu chúng ta có thể nói rằng nó chỉ có giá trị cho chim chóc được không? Chúng ta có thể nói rằng nó chỉ có giá trị cho con người được không? (Không.) Mỗi quan hệ giữa chúng là gì? Mỗi quan hệ giữa chúng là một mối quan hệ củng cố lẫn nhau, phụ thuộc lẫn nhau và không thể tách rời. Thế nghĩa là, đất, cây, ánh sáng mặt trời, chim chóc và con người nương tựa lẫn nhau để tồn tại và nuôi dưỡng lẫn nhau. Cây bảo vệ đất, và đất nuôi dưỡng cây; ánh nắng mặt trời cung cấp cho cây, trong khi cây thu được không khí trong lành từ ánh nắng và làm giảm sức nóng thiêu đốt của mặt trời lên đất. Cuối cùng ai được lợi từ điều này? Chính là loài người, chẳng phải vậy sao? Đây là một trong những nguyên tắc làm cơ sở cho môi trường mà loài người sinh sống, được Đức Chúa Trời tạo nên; đó là cách Đức Chúa Trời dự định ngay từ đầu. Mặc dù hình ảnh này chỉ là một hình ảnh đơn giản, chúng ta có thể thấy được trong đó sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời và ý định của Ngài. Nhân loại không thể sống mà không có đất, hay không có cây cối, càng không thể sống mà không có chim chóc hay ánh sáng mặt trời. Chẳng phải vậy sao? Mặc dù đây chỉ là một câu chuyện, nhưng những gì nó mô tả là một mô hình thu nhỏ của sự sáng tạo trời đất và vạn vật của Đức Chúa Trời và món quà của Ngài về môi trường mà loài người có thể sinh sống.

Vì nhân loại mà Đức Chúa Trời đã tạo ra trời đất và muôn vật, cũng như một môi trường để sinh sống. Trước hết, trọng điểm câu chuyện chúng ta đề cập là sự củng cố lẫn nhau, phụ thuộc lẫn nhau, và sự tồn tại cùng nhau của vạn vật. Theo nguyên tắc này, môi trường tồn tại của nhân loại được bảo vệ; nó có thể tồn tại và được duy trì. Nhờ bởi điều này, nhân loại có thể phát triển và sinh trưởng. Hình ảnh chúng ta đã thấy là hình ảnh về một cái cây, đất, ánh sáng mặt trời, chim chóc và con người cùng nhau. Có Đức Chúa Trời trong hình ảnh này không? Người ta đã không thấy Ngài ở đó. Nhưng người ta đã thấy quy tắc củng cố lẫn nhau và phụ thuộc lẫn nhau giữa mọi vật trong quang cảnh này; trong quy tắc này, người ta có thể thấy sự hiện hữu và quyền tối thượng của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời dùng một nguyên tắc và một quy tắc như vậy để bảo tồn sự sống và tồn tại của vạn vật. Theo cách này, Ngài cung cấp cho vạn vật và cho nhân loại. Câu chuyện này có liên kết tới chủ đề chính của chúng ta không? Ngoài bề mặt, có vẻ không phải như vậy, nhưng trong thực tế, quy tắc mà Đức Chúa Trời tạo dựng vạn vật và quyền chủ tể của Ngài với vạn vật liên hệ mật thiết với việc Ngài là cội nguồn sự sống của vạn vật. Những sự thật này không thể tách rời. Giờ các người đã bắt đầu học được điều gì đó!

Đức Chúa Trời điều khiển các quy tắc chi phối sự hoạt động của muôn vật; Ngài điều khiển các quy tắc chi phối sự sống còn của muôn vật; Ngài kiểm soát muôn vật, và sắp đặt để chúng vừa củng cố và vừa phụ thuộc lẫn nhau, hầu để chúng không bị diệt vong hoặc biến mất. Chỉ có như thế thì loài người mới có thể sống tiếp; chỉ có như thế họ mới có thể sống dưới sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời trong một môi trường như

vậy. Đức Chúa Trời là chủ của các quy tắc hoạt động này, và không ai có thể can thiệp vào chúng, họ cũng chẳng thể thay đổi chúng. Chỉ chính Đức Chúa Trời mới biết những quy tắc này và chỉ chính Đức Chúa Trời mới quản lý chúng. Khi nào cây cối sẽ nảy mầm; khi nào trời sẽ mưa; đất sẽ cung cấp cho cây bao nhiêu nước và bao nhiêu chất dinh dưỡng; mùa nào lá sẽ rụng; mùa nào cây sẽ ra quả; ánh sáng mặt trời sẽ cung cấp cho cây cối bao nhiêu chất dinh dưỡng; cây cối sẽ thờ ra gì sau khi được cung cấp bởi ánh sáng mặt trời – tất cả những điều này đều được Đức Chúa Trời tiền định khi Ngài tạo dựng vạn vật, như là các quy tắc mà không ai có thể phá vỡ được. Những thứ mà Đức Chúa Trời đã tạo ra, dù sống hay không sống trong mắt con người, thì đều nằm trong tay Ngài, nơi Ngài kiểm soát và cai trị chúng. Không ai có thể thay đổi hay phá vỡ các quy tắc này. Điều này để nói rằng, khi Đức Chúa Trời tạo ra vạn vật, Ngài đã tiền định rằng nếu không có đất, cây không thể cắm rễ xuống, nảy mầm và mọc lên; rằng nếu đất không có cây cối, thì nó sẽ khô hạn; rằng cây phải trở thành nhà của chim chóc và là một nơi mà chúng có thể trú ẩn tránh gió. Một cái cây có thể sống mà không có đất không? Tuyệt đối không. Nó có thể sống mà không có mặt trời hay mưa không? Nó cũng không thể. Tất cả những điều này là vì nhân loại, vì sự sống còn của nhân loại. Từ cây, con người nhận được không khí trong lành, và con người sống trên đất, được bảo vệ bởi cây. Con người không thể sống mà không có ánh sáng mặt trời hoặc những sinh vật sống đa dạng khác. Mặc dù các mối quan hệ này phức tạp, người phải nhớ rằng Đức Chúa Trời tạo ra các quy tắc chi phối vạn vật hầu để chúng có thể cùng cố lẫn nhau, phụ thuộc vào nhau, và cùng nhau tồn tại. Nói cách khác, từng thứ Ngài tạo ra đều có giá trị và ý nghĩa. Nếu Đức Chúa Trời tạo ra thứ gì mà không có ý nghĩa, Đức Chúa Trời sẽ làm cho nó biến mất. Đây là một trong các phương thức Đức Chúa Trời dùng để cung cấp cho vạn vật. Những từ “cung cấp cho” đề cập đến điều gì trong câu chuyện này? Đức Chúa Trời có tưới cây mỗi ngày không? Cây có cần sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời để hít thở không? (Không.) “Cung cấp cho” ở đây đề cập đến sự quản lý của Đức Chúa Trời với vạn vật sau khi chúng được tạo ra; đã đủ để Đức Chúa Trời quản lý chúng sau khi thiết lập các quy tắc chi phối chúng. Một khi hạt giống được gieo xuống đất, cái cây tự nó mọc lên. Những điều kiện cho sự phát triển của nó tất cả đều đã được Đức Chúa Trời tạo ra. Đức Chúa Trời đã tạo ra ánh sáng mặt trời, nước, đất đai, không khí và môi trường xung quanh; Đức Chúa Trời đã tạo ra gió, băng giá, tuyết và mưa và bốn mùa. Đây là những điều kiện mà cây cần để phát triển, và đây là những thứ mà Đức Chúa Trời đã chuẩn bị. Thế, Đức Chúa Trời có phải là nguồn gốc của môi trường sống này không? (Phải.) Đức Chúa Trời có phải đếm từng chiếc lá trên cây cối mỗi ngày không? Không! Đức Chúa Trời cũng không cần giúp cây thờ hay đánh thức ánh sáng mặt trời mỗi ngày, nói rằng: “Đến lúc tỏa sáng lên cây rồi”. Ngài không cần phải làm điều đó. Ánh nắng tự nó tỏa sáng khi đến lúc tỏa sáng, theo đúng quy tắc; nó xuất hiện và tỏa sáng lên cây và cây hấp thụ ánh nắng khi cần, và khi cây không cần, nó vẫn sống trong các quy tắc. Các người có thể không giải thích được hiện tượng này một cách rõ ràng, nhưng tuy vậy nó là sự thật, điều mà ai cũng có thể thấy và thừa nhận.

Tất cả những gì người cần làm là nhận ra rằng các quy tắc chi phối sự tồn tại của vạn vật là đến từ Đức Chúa Trời, và biết rằng Đức Chúa Trời có quyền tối thượng trên sự phát triển và tồn tại của vạn vật.

Giờ thì, câu chuyện này có chứa những gì mà mọi người coi là “một phép ẩn dụ” không? Có phải là phép nhân cách hóa không? (Không phải.) Ta đã kể một câu chuyện có thật. Mọi loại sinh vật, mọi thứ có sự sống, đều được cai trị bởi Đức Chúa Trời; mỗi sinh vật đều được thẩm nhuần sự sống bởi Đức Chúa Trời khi nó được tạo ra; sự sống của mọi sinh vật đều đến từ Đức Chúa Trời và tuân theo tiến trình và các quy luật điều khiển nó. Điều này không đòi hỏi con người phải thay đổi nó, cũng không cần sự giúp đỡ của con người; đó là một trong những cách mà Đức Chúa Trời cung cấp cho vạn vật. Người hiểu chứ? Các người có nghĩ rằng mọi người cần phải nhận ra điều này không? (Có.) Vậy thì, câu chuyện này có liên quan gì đến sinh vật học không? Có liên quan theo một cách nào đó đến một lĩnh vực kiến thức hoặc một nhánh chuyên môn không? Chúng ta không thảo luận về sinh học, và chúng ta chắc chắn không tiến hành nghiên cứu sinh học. Ý chính của cuộc nói chuyện của chúng ta là gì? (Đức Chúa Trời là nguồn sống cho muôn vật.) Các người đã nhìn thấy gì trong tạo hóa? Các người đã thấy cây cối chưa? Các người đã nhìn thấy đất chưa? (Rồi.) Các người đã nhìn thấy ánh sáng mặt trời rồi, không phải sao? Các người đã thấy chim chóc đậu trên cây chưa? (Chúng con đã thấy.) Có phải nhân loại hạnh phúc khi sống trong một môi trường như vậy không? (Đúng vậy.) Điều đó có nghĩa là, Đức Chúa Trời sử dụng tất cả mọi thứ, những thứ mà Ngài đã tạo ra, để duy trì và bảo vệ ngôi nhà của nhân loại, môi trường sống của họ. Theo cách này, Đức Chúa Trời cung cấp cho nhân loại và cho vạn vật.

Các người thích phong cách nói này, cách mà Ta đang thông công, như thế nào? (Nó dễ hiểu, và có nhiều ví dụ đời thực.) Đây không phải là những lời sáo rỗng mà Ta nói, đúng không? Mọi người có cần câu chuyện này để hiểu được rằng Đức Chúa Trời là cội nguồn sự sống của vạn vật không? (Có.) Trong trường hợp đó, hãy chuyển sang câu chuyện tiếp theo. Câu chuyện tiếp theo có một chút khác biệt về nội dung, và trọng tâm cũng hơi khác một chút. Mọi thứ xuất hiện trong câu chuyện này là những thứ mà mọi người có thể thấy bằng mắt họ trong tạo hóa của Đức Chúa Trời. Giờ Ta sẽ bắt đầu câu chuyện tiếp theo của Ta. Hãy im lặng lắng nghe và xem xem người có thể hiểu được ý Ta không. Sau câu chuyện, Ta sẽ hỏi các người vài câu hỏi để xem các người đã lĩnh hội được bao nhiêu. Những nhân vật trong câu chuyện này là một ngọn núi lớn, một dòng suối nhỏ, một cơn gió dữ dội, và một cơn sóng khổng lồ.

## **Câu chuyện 2: Ngọn Núi Lớn, Dòng Suối Nhỏ, Cơn Gió Mạnh và Con Sóng Khổng Lồ**

Có một dòng suối nhỏ uốn lượn quanh co, cuối cùng đến chân của một ngọn núi lớn. Ngọn núi đã chặn mất lối đi của dòng suối bé nhỏ, vì vậy dòng suối nói với ngọn núi bằng giọng nhỏ nhẹ và yếu ớt: “Xin hãy để tôi qua. Anh đang đứng trên đường của tôi và chặn đường chảy của tôi”. Ngọn núi hỏi: “Anh đang đi đâu?”. Dòng suối đáp: “Tôi

đang tìm nhà của tôi”. “Được rồi, hãy đi tiếp đi và chảy ngay qua tôi này!”. Nhưng dòng suối bé nhỏ quá yếu ớt và non nớt, vì vậy nó không có cách nào để chảy qua ngọn núi lớn đến vậy. Nó chỉ có thể tiếp tục chảy quanh quẩn ở chân núi...

Một cơn gió mạnh thổi qua, cuốn theo cát và các mảnh vụn đến chỗ ngọn núi đứng. Cơn gió gào thét với ngọn núi: “Cho tôi qua nào!”. Ngọn núi hỏi: “Anh đang đi đâu đấy?”. Gió rít lên trả lời: “Tôi muốn đi sang sườn núi bên kia”. “Được thôi, nếu anh xuyên qua được lưng tôi thì anh có thể đi!”. Cơn gió mạnh gầm rít hết cách này đến cách khác nhưng dù thổi dữ dội đến đâu, nó cũng không thể chọc thủng lưng núi. Cơn gió mệt nhoài và dừng lại để nghỉ ngơi – và ở sườn núi bên kia, một cơn gió nhẹ bắt đầu thổi, giúp con người ở đó cảm thấy dễ chịu. Đây là lời chào của ngọn núi tới con người...

Ở bờ biển, bụi nước biển nhẹ nhàng xô vào bờ đá. Đột nhiên, một con sóng khổng lồ nổi lên và ầm ầm xô về phía ngọn núi. Con sóng khổng lồ hét lên: “Tránh ra nào!”. Ngọn núi hỏi: “Anh đang đi đâu đấy?”. Không thể dừng bước tiến, con sóng gầm lên: “Tôi đang mở rộng lãnh thổ! Tôi muốn đuổi tay ra!”. “Được thôi, nếu anh có thể vượt qua đỉnh của tôi, tôi sẽ để anh qua”. Con sóng khổng lồ lùi lại một quãng, rồi lại chồm về phía ngọn núi lần nữa. Nhưng dù có cố gắng đến đâu, nó cũng không thể vượt qua được đỉnh núi. Con sóng chỉ còn cách từ từ lùi về biển...

Trong hàng ngàn năm, dòng suối nhỏ chảy róc rách nhẹ nhàng quanh chân núi. Theo chỉ dẫn của ngọn núi, dòng suối nhỏ đã tìm đường về nhà, nơi nó hòa vào một dòng sông và đến lượt dòng sông lại hòa vào biển. Dưới sự chăm sóc của ngọn núi, dòng suối nhỏ không bao giờ lạc đường. Dòng suối và ngọn núi củng cố cho nhau và phụ thuộc vào nhau; chúng giúp nhau mạnh lên, trung hòa nhau và cùng nhau tồn tại.

Trong hàng ngàn năm, cơn gió mạnh gầm rít như một thói quen. Nó vẫn thường “ghé thăm” ngọn núi, mang theo những trận xoáy cát lớn. Nó đe dọa ngọn núi nhưng chưa bao giờ chọc thủng được lưng núi. Cơn gió và ngọn núi củng cố cho nhau và phụ thuộc vào nhau; chúng giúp nhau mạnh lên, trung hòa nhau và cùng nhau tồn tại.

Trong hàng ngàn năm, con sóng khổng lồ chưa bao giờ biết nghỉ ngơi và nó miệt mài tiến lên phía trước, không ngừng mở rộng lãnh thổ. Nó gầm rú và dâng lên núi nhiều lần, nhưng ngọn núi chưa bao giờ nhúc nhích một phân. Ngọn núi canh chừng biển, và theo cách này, những sinh vật ở biển cứ sinh sôi nảy nở và phát triển. Con sóng và ngọn núi củng cố cho nhau và phụ thuộc vào nhau; chúng giúp nhau mạnh lên, trung hòa nhau và cùng nhau tồn tại.

Thế là câu chuyện của chúng ta kết thúc. Trước hết, hãy nói cho Ta biết câu chuyện này nói về điều gì? Đầu tiên là có một ngọn núi lớn, một dòng suối nhỏ, một cơn gió mạnh và một con sóng khổng lồ. Chuyện gì đã xảy ra ở đoạn đầu, với dòng suối nhỏ và ngọn núi lớn? Tại sao Ta lại chọn nói về dòng suối và ngọn núi? (Dưới sự chăm sóc của ngọn núi, dòng suối không bao giờ bị lạc lối. Chúng đã dựa vào nhau.) Các người bảo ngọn núi đã bảo vệ hay cản trở dòng suối nhỏ? (Nó đã bảo vệ dòng suối.) Nhưng có phải nó không cản trở dòng suối không? Nó và dòng suối trông chừng nhau; ngọn núi bảo vệ dòng suối và cũng cản trở nó. Ngọn núi bảo vệ dòng suối khi nó hòa vào dòng



sông, nhưng ngăn chặn dòng chảy của nó khỏi gây ra lũ lụt và mang tai họa đến cho con người. Đây chẳng phải là điều đoạn này muốn nói sao? Bằng cách bảo vệ dòng suối và bằng cách ngăn cản nó, ngọn núi đã bảo vệ nhà cửa cho con người. Sau đó, dòng suối nhỏ hòa vào dòng sông ở chân núi, rồi chảy tiếp vào biển. Đây chẳng phải là quy luật chi phối sự tồn tại của dòng suối hay sao? Điều gì đã khiến dòng suối hòa vào dòng sông và biển cả? Chẳng phải là ngọn núi hay sao? Dòng suối dựa vào sự bảo vệ và cản trở của ngọn núi. Vậy thì đây không phải là điểm chính sao? Người có hiểu được trong đây tầm quan trọng của ngọn núi với nước không? Có phải Đức Chúa Trời có lý do của Ngài khi tạo ra mỗi ngọn núi, to và nhỏ? (Có.) Chỉ với một dòng suối nhỏ và một ngọn núi lớn, đoạn chuyện ngắn này cho chúng ta thấy giá trị và tầm quan trọng của việc Đức Chúa Trời tạo ra hai vật đó; nó cũng cho chúng ta thấy sự khôn ngoan và mục đích trong sự thống trị của Ngài đối với chúng. Không phải vậy sao?

Đoạn thứ hai của câu chuyện nói về điều gì? (Một cơn gió mạnh và một ngọn núi lớn.) Gió có phải là vật tốt không? (Có.) Không hẳn vậy – đôi khi gió quá mạnh và gây tai họa. Các người sẽ cảm thấy thế nào nếu các người buộc phải đứng trong cơn gió mạnh? Điều đó phụ thuộc vào sức mạnh của cơn gió. Nếu đó là một cơn gió cấp ba hoặc bốn, thì có thể chịu được. Cùng lắm, một người có thể thấy khó mở mắt thôi. Nhưng nếu cơn gió trở nên dữ dội và biến thành bão thì người có thể chịu được nó không? Người sẽ không chịu được. Vì vậy, thật sai lầm khi nói rằng gió lúc nào cũng tốt hoặc gió luôn luôn xấu bởi vì điều này phụ thuộc vào sức mạnh của gió. Vậy thì, chức năng của ngọn núi ở đây là gì? Không phải nó có chức năng lọc gió sao? Ngọn núi làm cơn gió mạnh giảm xuống mức nào? (Một cơn gió nhẹ.) Vậy thì, trong môi trường con người sinh sống, phần lớn con người gặp phải những cơn gió mạnh hay cơn gió nhẹ? (Cơn gió nhẹ.) Đây không phải là một trong những mục đích của Đức Chúa Trời, một trong những ý định của Ngài trong việc tạo ra những ngọn núi hay sao? Sẽ ra sao nếu con người sống trong một môi trường mà cát bay điên cuồng trong gió, không bị cản và không được lọc? Một mảnh đất bị đá và cát bay vây quanh sẽ không thể cư trú được có đúng không? Đá có thể văng vào con người và cát có thể làm mù mắt họ. Gió có thể cuốn con người hoặc thổi bay họ vào không trung. Những ngôi nhà có thể bị phá hủy, và đủ loại thảm họa sẽ xảy ra. Tuy nhiên, sự tồn tại của cơn gió mạnh có giá trị gì không? Ta đã nói nó xấu, vì vậy các người có thể cảm thấy nó không có giá trị, nhưng có phải vậy không? Nó không có giá trị khi nó biến thành một cơn gió nhẹ sao? Con người cần gì nhất khi thời tiết ẩm ướt hoặc ngột ngạt? Họ cần một cơn gió nhẹ, để nhẹ nhàng thổi mát họ, để làm họ tỉnh táo và thông tỏ đầu óc, sắc bén tư duy, hồi phục và cải thiện trạng thái tinh thần của họ. Giờ ví dụ: các người đều ngồi trong một căn phòng với nhiều người và không khí ngột ngạt – các người cần gì nhất? (Một cơn gió nhẹ.) Việc đi đến một nơi có không khí đượ và dơ có thể làm chậm tư duy, làm giảm sự lưu thông khí huyết và giảm bớt sự minh mẫn tâm trí của con người. Tuy nhiên, một chút luân chuyển và lưu thông giúp làm tươi mát không khí, và con người sẽ cảm thấy khác khi ở trong không khí sạch. Dù dòng suối nhỏ có thể gây tai họa, dù cơn gió mạnh có thể gây thảm

họa nhưng chừng nào ngọn núi còn ở đó, nó sẽ biến mối nguy hiểm thành một nguồn lực mang lại lợi ích cho con người. Không phải vậy sao?

Đoạn thứ ba của câu chuyện nói về điều gì? (Ngọn núi lớn và con sóng khổng lồ.) Ngọn núi lớn và con sóng khổng lồ. Đoạn này được đặt trong bối cảnh bên bờ biển ở chân núi. Chúng ta nhìn thấy ngọn núi, bụi nước biển và con sóng khổng lồ. Ngọn núi có vai trò gì đối với con sóng trong trường hợp này? (Một vật bảo vệ và một rào chắn.) Ngọn núi vừa là vật bảo vệ vừa là rào chắn. Là một vật bảo vệ, ngọn núi giúp cho biển không bị biến mất, để sinh vật sống trong đó có thể sinh sôi nảy nở. Là một rào chắn, ngọn núi ngăn không cho nước biển tràn vào và gây tai họa, gây hại và phá hủy nhà cửa của con người. Vì vậy, chúng ta có thể nói rằng ngọn núi vừa là vật bảo vệ vừa là rào chắn.

Đây là ý nghĩa của mối quan hệ liên kết giữa ngọn núi lớn và dòng suối nhỏ, ngọn núi lớn và cơn gió mạnh cũng như ngọn núi lớn và con sóng khổng lồ; đây là ý nghĩa của việc chúng củng cố cho nhau, trung hòa nhau và cùng nhau tồn tại. Những vật do Đức Chúa Trời tạo dựng này bị chi phối trong sự tồn tại của chúng bởi một quy tắc và một quy luật. Vậy các người thấy Đức Chúa Trời đã làm những việc gì trong câu chuyện này? Có phải Đức Chúa Trời đã bỏ mặc vạn vật kể từ khi Ngài tạo ra chúng? Có phải Ngài đã tạo ra các quy luật và thiết kế cách thức vạn vật hoạt động, chỉ để bỏ mặc chúng sau đó? Đó có phải là điều đã xảy ra? (Không.) Vậy thì chuyện gì đã xảy ra? Đức Chúa Trời vẫn đang kiểm soát. Ngài kiểm soát nước, gió và sóng. Ngài không để chúng hoành hành, Ngài cũng không để chúng gây hại hay phá hủy nhà cửa, nơi con người sinh sống. Nhờ đó, con người có thể tiếp tục sống, sinh sôi và phát triển trên đất liền. Điều này có nghĩa là khi Đức Chúa Trời tạo ra vạn vật, Ngài đã vạch ra các quy luật cho sự tồn tại của chúng. Khi Đức Chúa Trời tạo ra mỗi vật, Ngài đảm bảo nó sẽ mang lại lợi ích cho loài người, và Ngài kiểm soát nó để nó không thể gây rắc rối hoặc tai họa cho loài người. Chẳng phải vì sự quản lý của Đức Chúa Trời mà nước đã không chảy tự do hay sao? Gió đã không mặc sức thổi hay sao? Có phải nước và gió đều hoạt động theo quy luật không? Nếu Đức Chúa Trời không quản lý chúng thì không có quy luật nào chi phối chúng, và gió sẽ gào thét và nước sẽ không được hãm lại và gây lũ lụt. Nếu sóng cao hơn núi thì liệu biển có thể tồn tại hay không? Nó sẽ không tồn tại. Nếu núi không cao bằng sóng thì biển sẽ không tồn tại, và núi sẽ mất giá trị cũng như ý nghĩa của nó.

Các người có thấy sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời trong hai câu chuyện này không? Đức Chúa Trời đã tạo ra mọi vật đang tồn tại, và Ngài là Đấng Tối Cao của mọi vật hiện hữu; Ngài quản lý vạn vật và Ngài chu cấp cho vạn vật, và trong vạn vật, Ngài quan sát và soi xét từng lời nói và hành động của mỗi vật đang tồn tại. Cũng vậy, Đức Chúa Trời quan sát và soi xét từng góc ngách của cuộc sống con người. Do đó, Đức Chúa Trời biết tường tận từng chi tiết của mỗi vật đang tồn tại trong công tác tạo dựng của Ngài, từ chức năng, bản chất và quy luật sinh tồn của từng vật đến ý nghĩa của sự sống và giá trị của sự tồn tại, tất cả những điều này Đức Chúa Trời đều biết hết. Đức Chúa Trời đã tạo ra vạn vật – các người có nghĩ Ngài cần nghiên cứu các quy luật chi

phối chúng không? Đức Chúa Trời có cần nghiên cứu kiến thức hoặc khoa học của con người để tìm hiểu và hiểu về họ không? (Không.) Có ai trong loài người có học vấn và kiến thức yền bác hiểu được vạn vật như Đức Chúa Trời không? Không có, đúng không nào? Có bất kỳ nhà thiên văn học hay nhà sinh vật học nào thực sự hiểu quy luật vạn vật sống và phát triển không? Họ có thể thực sự hiểu giá trị tồn tại của từng vật không? (Không, họ không thể.) Điều này là bởi vì vạn vật đều do Đức Chúa Trời tạo dựng, và cho dù loài người có nghiên cứu kiến thức này nhiều hoặc sâu đến mức nào, hoặc cho dù họ có cố gắng học nó trong bao lâu đi nữa thì họ cũng sẽ không bao giờ có thể hiểu thấu được lẽ mầu nhiệm hoặc mục đích của sự tạo dựng vạn vật của Đức Chúa Trời. Không phải vậy sao? Nào, từ thảo luận của chúng ta từ đầu đến giờ, các người có cảm thấy mình đã đạt được sự hiểu biết phần nào về ý nghĩa thực sự của câu nói: “Đức Chúa Trời là nguồn sống cho muôn vật” chưa? (Có.) Ta biết rằng khi Ta thảo luận về chủ đề này – Đức Chúa Trời là nguồn sống cho muôn vật – nhiều người sẽ ngay lập tức nghĩ về một câu nói khác: “Đức Chúa Trời là lẽ thật, và Đức Chúa Trời sử dụng lời của Ngài để chu cấp cho chúng ta”, và không có gì khác ngoài tầng nghĩa đó của chủ đề này. Một số người thậm chí có thể cảm thấy rằng việc Đức Chúa Trời ban cho cuộc sống con người đồ ăn thức uống hàng ngày cũng như mọi thứ thiết yếu hàng ngày không được coi như sự chu cấp của Ngài cho loài người. Chẳng phải một số người nghĩ theo hướng này sao? Nhưng, chẳng phải ý định của Đức Chúa Trời trong việc tạo dựng của Ngài rõ ràng là để cho phép loài người tồn tại và sống một cách bình thường sao? Đức Chúa Trời duy trì môi trường con người sinh sống và Ngài chu cấp mọi thứ loài người cần cho sự sống còn của họ. Hơn nữa, Ngài quản lý và nắm quyền tối thượng đối với vạn vật. Tất cả điều này cho phép loài người sống, sinh sôi và phát triển một cách bình thường; theo cách này Đức Chúa Trời chu cấp cho tất cả tạo vật và cho loài người. Chẳng phải con người cần phải nhận ra và hiểu được những điều này sao? Có lẽ một số người có thể nói: “Chủ đề này quá xa vời so với hiểu biết của chúng ta về chính Đức Chúa Trời thật, và chúng ta không muốn biết điều này bởi vì chúng ta không sống chỉ bằng bánh mì không, mà thay vào đó sống bằng lời của Đức Chúa Trời”. Cách hiểu này có đúng không? (Không.) Tại sao lại không đúng? Các người có thể hiểu hết về Đức Chúa Trời không nếu các người chỉ biết về những điều Đức Chúa Trời đã nói? Nếu các người chỉ chấp nhận công tác của Đức Chúa Trời và chấp nhận sự phán xét cũng như hình phạt của Đức Chúa Trời, các người có thể hiểu hết về Đức Chúa Trời không? Nếu các người chỉ biết một phần nhỏ tâm tính của Đức Chúa Trời, một phần nhỏ thẩm quyền của Đức Chúa Trời, các người có thể coi điều đó là đủ để đạt được sự hiểu biết về Đức Chúa Trời không? (Không.) Những hành động của Đức Chúa Trời bắt đầu bằng công tác tạo ra vạn vật, và ngày nay chúng còn tiếp tục – hành động của Đức Chúa Trời lúc nào cũng có thể nhìn rõ được, trong từng khoảnh khắc. Nếu ai đó tin rằng Đức Chúa Trời tồn tại chỉ bởi vì Ngài đã chọn một nhóm người để thực hiện công tác của Ngài với họ và để cứu rỗi, và không còn gì khác liên quan đến Đức Chúa Trời, đến thẩm quyền, địa vị hoặc hành động của Ngài, thì người đó có thể được coi là thực sự

biết về Đức Chúa Trời không? Những người có cái gọi là “kiến thức về Đức Chúa Trời” này chỉ có hiểu biết một chiều, theo đó mà họ hạn chế những việc làm của Ngài trong phạm vi một nhóm người. Đây có phải là kiến thức thực sự về Đức Chúa Trời không? Những người có loại kiến thức này không phải đang phủ nhận công tác sáng tạo muôn vật của Đức Chúa Trời và quyền tối thượng của Ngài đối với chúng hay sao? Một số người không muốn gắn với quan điểm này, thay vào đó tự nhủ rằng: “Tôi chưa thấy quyền tối thượng của Đức Chúa Trời đối với vạn vật. Ý tưởng này quá xa vời, và tôi không quan tâm đến việc hiểu nó. Đức Chúa Trời làm những gì Ngài muốn, và chẳng liên quan gì đến tôi. Tôi chỉ quan tâm đến việc chấp nhận sự dẫn dắt của Đức Chúa Trời và lời của Ngài hầu cho tôi có thể được cứu rỗi cũng như được làm cho hoàn thiện bởi Đức Chúa Trời. Tôi không quan tâm đến bất cứ thứ gì khác. Những quy luật Đức Chúa Trời vạch ra khi Ngài tạo ra vạn vật và những gì Ngài làm để chu cấp cho vạn vật và cho nhân loại chẳng liên quan gì đến tôi”. Đây là kiểu nói gì vậy? Đây không phải là hành động nổi loạn hay sao? Có ai trong số các người có cách hiểu như thế này không? Ngay cả khi các người không nói thế, nhưng Ta biết rất nhiều người trong số các người ở đây hiểu như vậy. Những người theo sách vở như thế này nhìn mọi thứ từ quan điểm “tâm linh” của riêng họ. Họ chỉ muốn giới hạn Đức Chúa Trời trong phạm vi Kinh Thánh, giới hạn Đức Chúa Trời theo lời Ngài đã phán, theo ý nghĩa suy ra từ câu chữ nghĩa đen được ghi chép lại. Họ không muốn biết thêm về Đức Chúa Trời và họ không muốn Đức Chúa Trời phân tâm khi làm những việc khác. Kiểu suy nghĩ này như trẻ con, và cũng một đạo quá mức. Những người có quan điểm này có thể biết về Đức Chúa Trời không? Họ rất khó để biết về Đức Chúa Trời. Hôm nay, Ta đã kể hai câu chuyện, mỗi câu chuyện đề cập đến một khía cạnh khác nhau. Các người có thể cảm thấy rằng chúng sâu sắc hoặc hơi trừu tượng, khó thấu và khó hiểu. Thật khó có thể liên hệ chúng với các hành động của Đức Chúa Trời và chính Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, tất cả hành động của Đức Chúa Trời và mọi việc Ngài đã làm trong công tác tạo dựng và trong loài người nên được biết đến, một cách rõ ràng và chính xác, bởi từng người, bởi tất cả những người tìm cách biết về Đức Chúa Trời. Kiến thức này sẽ củng cố niềm tin của các người về sự tồn tại thực sự của Đức Chúa Trời. Nó cũng sẽ cung cấp cho người kiến thức chính xác về sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời, quyền năng của Ngài, và cách thức Ngài chu cấp cho muôn loài. Nó cũng cho phép người hiểu rõ sự tồn tại thực sự của Đức Chúa Trời và thấy rằng sự tồn tại của Ngài không phải là hư cấu, không phải chuyện hoang đường, không phải mơ hồ, không phải là học thuyết, và chắc chắn không phải là một kiểu an ủi tinh thần, mà là một sự tồn tại thật. Hơn nữa, nó sẽ cho con người biết rằng Đức Chúa Trời luôn luôn chu cấp cho vạn vật thọ tạo và loài người; Đức Chúa Trời làm điều này theo cách riêng của Ngài và theo nhịp độ riêng của Ngài. Vậy thì, đó là vì Đức Chúa Trời đã tạo ra vạn vật và cho chúng những quy luật mà theo sự định trước của Ngài, chúng đều có thể thực hiện các nhiệm vụ được giao, hoàn thành bổn phận của chúng, và thực thi vai trò riêng của chúng; theo sự định trước của Ngài, mỗi vật đều có tác dụng riêng phục vụ loài người và không gian cũng như môi trường loài người sinh

sống. Nếu Đức Chúa Trời không làm thế và loài người không có môi trường như vậy để cư ngụ, thì việc tin vào Đức Chúa Trời hoặc đi theo Ngài sẽ không thể có đối với loài người; tất cả sẽ không hơn gì lời nói sáo rỗng. Không phải vậy sao?

Hãy nhìn lại câu chuyện về ngọn núi lớn và dòng suối nhỏ. Chức năng của núi là gì? Các sinh vật sinh sôi nảy nở trên ngọn núi, vì vậy sự tồn tại của nó có giá trị vốn có, và nó cũng cản trở dòng suối nhỏ, ngăn chặn nó khỏi chảy tự do và gây ra tai họa cho con người. Không đúng vậy sao? Ngọn núi tồn tại theo cách riêng của nó, cho phép vô số sinh vật trên nó sinh sôi nảy nở – cây cỏ và tất cả các loài động thực vật khác trên ngọn núi. Nó cũng chỉ dẫn hướng chảy của dòng suối nhỏ – ngọn núi thu nước của dòng suối lại và hướng cho nước chảy tự nhiên quanh chân núi, từ đó nước có thể hòa vào sông và cuối cùng là chảy ra biển. Những quy luật này không xảy ra một cách tự nhiên, mà được Đức Chúa Trời sắp đặt đặc biệt tại thời điểm tạo dựng. Đối với ngọn núi lớn và cơn gió mạnh, ngọn núi cũng cần cơn gió. Ngọn núi cần cơn gió để vượt ve những sinh vật sống trên nó, trong khi đồng thời hạn chế sức của cơn gió mạnh để gió không mặc sức thổi. Theo một khía cạnh nhất định, quy luật này thể hiện nhiệm vụ của ngọn núi lớn; vậy thì, có phải quy luật về nhiệm vụ của ngọn núi này tự nó hình thành không? (Không.) Nó được Đức Chúa Trời tạo ra. Ngọn núi lớn có nhiệm vụ riêng và cơn gió mạnh cũng có nhiệm vụ riêng của nó. Giờ, hãy chuyển sang ngọn núi lớn và con sóng khổng lồ. Nếu không có sự tồn tại của ngọn núi, nước có tự tìm được hướng chảy không? (Không.) Nước sẽ gây lũ lụt. Ngọn núi có giá trị tồn tại riêng của nó với tư cách là ngọn núi, và biển có giá trị tồn tại riêng của nó với tư cách là biển; tuy nhiên, trong những trường hợp chúng có thể cùng tồn tại một cách bình thường và không gây trở ngại cho nhau, chúng cũng hạn chế nhau – ngọn núi lớn hạn chế biển để biển không gây lũ lụt, nhờ đó, bảo vệ nhà cửa của con người, và việc hạn chế biển cũng cho phép nó nuôi dưỡng các sinh vật sống trong biển. Có phải cảnh tượng này cũng tự hình thành không? (Không.) Nó cũng được Đức Chúa Trời tạo ra. Từ hình ảnh này chúng ta thấy rằng Đức Chúa Trời đã tạo ra vạn vật, Ngài đã định trước nơi ngọn núi sẽ đứng, nơi dòng suối sẽ chảy, hướng cơn gió mạnh sẽ bắt đầu thổi và nơi nó sẽ đến, và độ cao con sóng khổng lồ sẽ có thể dâng lên. Tất cả những điều này đều chứa đựng ý định và mục đích của Đức Chúa Trời – chúng là những việc làm của Đức Chúa Trời. Giờ, các người có thấy rằng những việc làm của Đức Chúa Trời hiện diện trong vạn vật không? (Có.)

Mục đích của chúng ta trong việc thảo luận những điều này là gì? Liệu có phải là để giúp mọi người nghiên cứu những quy luật tạo dựng vạn vật của Đức Chúa Trời không? Có phải là để khích lệ sự quan tâm đến thiên văn học và địa lý không? (Không.) Vậy đó là gì? Đó là để giúp mọi người hiểu những việc làm của Đức Chúa Trời. Trong những hành động của Đức Chúa Trời, con người có thể khẳng định và xác nhận rằng Đức Chúa Trời là nguồn sống cho vạn vật. Nếu người có thể hiểu điều này thì người sẽ thực sự có thể khẳng định được vị trí của Đức Chúa Trời trong lòng của người, và người cũng sẽ có thể khẳng định rằng Đức Chúa Trời là Chính Đức Chúa Trời, Đấng độc nhất, Đấng Tạo Hóa của trời đất và vạn vật. Vậy thì việc biết về các quy luật của vạn vật và

việc biết về những việc làm của Đức Chúa Trời có hữu ích cho sự hiểu biết của người về Đức Chúa Trời không? (Có.) Hữu ích như thế nào? Trước hết, khi người đã hiểu những việc làm của Đức Chúa Trời, người vẫn có thể quan tâm đến thiên văn học và địa lý sao? Người vẫn có thể có ý nghi ngờ và hoài nghi về việc Đức Chúa Trời là Đấng Tạo Hóa của vạn vật sao? Người vẫn có thể có ý định nghiên cứu và nghi ngờ việc Đức Chúa Trời là Đấng Tạo Hóa của vạn vật sao? (Không.) Khi người đã khẳng định rằng Đức Chúa Trời là Đấng Tạo Hóa của vạn vật và hiểu một số quy luật trong công tác tạo dựng của Đức Chúa Trời, trong lòng người có thực sự tin rằng Đức Chúa Trời chu cấp cho vạn vật không? (Có.) “Chu cấp” ở đây mang một ý nghĩa đặc biệt hay nói đến một trường hợp cụ thể? “Đức Chúa Trời chu cấp cho vạn vật” là một câu nói có ý nghĩa và phạm vi rất rộng. Đức Chúa Trời không chỉ chu cấp cho con người đồ ăn thức uống hàng ngày mà Ngài còn cung cấp cho loài người mọi thứ họ cần, bao gồm không chỉ mọi thứ con người có thể nhìn thấy mà cả những thứ không thể nhìn thấy được. Đức Chúa Trời bảo vệ, quản lý và thống trị môi trường sống thiết yếu này của con người. Điều đó có nghĩa là, bất kể môi trường nào loài người cần cho từng mùa, Đức Chúa Trời đều đã chuẩn bị sẵn. Đức Chúa Trời cũng quản lý loại không khí và nhiệt độ sao cho phù hợp với sự tồn tại của con người. Các quy luật chi phối những thứ này không phải tự nhiên hay ngẫu nhiên mà có; chúng xuất hiện là nhờ quyền tối thượng và những việc làm của Đức Chúa Trời. Chính Đức Chúa Trời là nguồn gốc của tất cả các quy luật này và là nguồn sống cho muôn vật. Cho dù người có tin hay không, cho dù người có thể thấy được điều đó hay không, hay cho dù người có thể hiểu được điều đó hay không, thì đây vẫn là một sự thật đã được thiết lập và không thể bác bỏ.

Ta biết rằng đại đa số mọi người chỉ tin vào những lời và công tác của Đức Chúa Trời được đưa vào trong Kinh Thánh. Đối với một số ít người, Đức Chúa Trời đã tỏ lộ những việc làm của Ngài và để con người thấy được giá trị trong sự hiện hữu của Ngài. Ngài cũng để họ hiểu được phần nào về thân phận của Ngài và khẳng định sự thật về sự hiện hữu của Ngài. Tuy nhiên, đối với nhiều người, họ dường như mơ hồ hoặc không rõ về sự thật rằng Đức Chúa Trời đã tạo dựng vạn vật và rằng Ngài quản lý cũng như chu cấp cho vạn vật; những người như vậy thậm chí có thể vẫn duy trì thái độ hoài nghi. Thái độ này khiến họ một mực tin rằng các quy luật của thế giới tự nhiên tự hình thành, rằng những thay đổi, biến đổi, các hiện tượng của tự nhiên và chính những quy luật chi phối tự nhiên đều bắt nguồn từ chính trong tự nhiên. Trong lòng con người họ không thể hiểu được Đức Chúa Trời đã tạo dựng vạn vật và thống trị chúng như thế nào; họ không thể hiểu được Đức Chúa Trời quản lý và chu cấp cho vạn vật như thế nào. Trong phạm vi của tiền đề này, con người không thể tin rằng Đức Chúa Trời đã tạo dựng, thống trị và chu cấp cho vạn vật; và ngay cả những người tin cũng chỉ giới hạn trong niềm tin của họ ở Thời đại Luật pháp, Thời đại Ân điển và Thời đại Vương quốc: Họ tin rằng những việc làm của Đức Chúa Trời và sự chu cấp của Ngài cho loài người là dành riêng cho những người được Ngài chọn. Đây là điều Ta ghét nhìn thấy nhất và đó cũng là điều gây thật nhiều đau đớn, bởi vì ngay cả khi loài người vui hưởng mọi thứ mà Đức

Chúa Trời mang lại, họ vẫn chối bỏ tất cả những việc Đức Chúa Trời làm và tất cả những gì Đức Chúa Trời ban cho họ. Con người chỉ tin rằng trời đất và vạn vật bị chi phối bởi những quy tắc và quy luật sinh tồn tự nhiên của chính chúng, và rằng chúng không có bất kỳ đáng thống trị nào quản lý chúng hoặc chu cấp cho chúng và bảo vệ chúng. Ngay cả nếu người tin vào Đức Chúa Trời, người cũng không thể tin rằng tất cả những điều này đều là những việc làm của Ngài; quả thực, đây là một trong những điều thường bị bỏ qua nhất bởi mọi tín đồ của Đức Chúa Trời, bởi tất cả những ai chấp nhận lời Đức Chúa Trời và tất cả những ai theo Đức Chúa Trời. Vì vậy, ngay khi Ta bắt đầu thảo luận một điều gì đó không liên quan đến Kinh Thánh, hoặc cái gọi là thuật ngữ thuộc linh, một số người cảm thấy tê nhạt hoặc buồn chán hay thậm chí không thoải mái. Họ cảm thấy rằng những lời của Ta dường như không liên quan đến những con người thuộc linh và những thứ thuộc linh. Đó là một điều tệ hại. Khi nói về việc hiểu những việc làm của Đức Chúa Trời, mặc dù chúng ta không đề cập đến thiên văn học, hay chúng ta cũng không nghiên cứu địa lý hoặc sinh học, nhưng chúng ta phải hiểu quyền tối thượng của Đức Chúa Trời đối với vạn vật, chúng ta phải biết về sự chu cấp của Ngài cho vạn vật, và rằng Ngài là nguồn sống của vạn vật. Đây là bài học cần thiết và phải được học. Ta tin rằng các người đã hiểu những lời của Ta, phải chứ?

Hai câu chuyện Ta vừa kể, mặc dù hơi khác thường về nội dung và cách kể chuyện, cũng như có phần đặc biệt về cách thể hiện, Ta chỉ muốn sử dụng ngôn ngữ dễ hiểu và cách tiếp cận đơn giản để giúp các người đạt được và chấp nhận điều gì đó sâu sắc hơn. Đây là mục đích duy nhất của Ta. Trong những câu chuyện nhỏ này và những hình ảnh chúng vẽ lên, Ta muốn các người thấy được và tin rằng Đức Chúa Trời cai trị tất cả tạo vật. Mục đích của việc kể những câu chuyện này là để các người thấy được và biết những việc làm vô hạn của Đức Chúa Trời trong phạm vi có hạn của một câu chuyện. Về việc khi nào các người hoàn toàn thấy rõ và đạt được kết quả này trong các người, điều đó phụ thuộc vào kinh nghiệm cá nhân và sự theo đuổi của chính các người. Nếu người là người theo đuổi lẽ thật và tìm cách biết về Đức Chúa Trời thì những điều này sẽ như là lời nhắc nhở mạnh mẽ hơn bao giờ hết; chúng sẽ mang đến cho người một sự nhận thức sâu sắc, sự hiểu biết rõ ràng, từ đó sẽ dần dần đến gần với những việc làm thực sự của Đức Chúa Trời, với một sự gần gũi mà sẽ không có khoảng cách và không có sai sót. Tuy nhiên, nếu người không phải là người tìm cách hiểu về Đức Chúa Trời thì những câu chuyện này cũng không thể gây hại gì cho các người. Hãy chỉ coi đó là những câu chuyện có thật.

Các người đã hiểu chút gì từ hai câu chuyện này chưa? Trước hết, có phải hai câu chuyện này tách biệt với thảo luận trước đó của chúng ta về mối quan tâm của Đức Chúa Trời với loài người không? Có sự liên kết cố hữu nào không? Có thật là trong hai câu chuyện này chúng ta thấy được những việc làm của Đức Chúa Trời và sự suy xét kỹ lưỡng Ngài dành cho mọi thứ mà Ngài sắp đặt cho loài người không? Có thật là mọi việc Đức Chúa Trời làm và mọi điều Ngài nghĩ đều là vì sự sinh tồn của loài người không? (Có.) Chẳng phải suy nghĩ và sự suy xét thấu đáo của Đức Chúa Trời cho loài

người là rất rõ ràng sao? Loài người không cần phải làm bất cứ điều gì. Đức Chúa Trời đã chuẩn bị không khí cho con người – tất cả những gì họ cần làm là hít thở không khí. Các loại rau củ quả mà họ ăn đều có sẵn. Từ Bắc đến Nam, từ Đông sang Tây, mỗi vùng đều có các nguồn tài nguyên thiên nhiên riêng. Các loại cây trồng và rau củ quả theo từng vùng miền khác nhau đều đã được Đức Chúa Trời chuẩn bị sẵn. Về môi trường chung, Đức Chúa Trời đã làm cho vạn vật củng cố cho nhau, phụ thuộc lẫn nhau, tăng cường sức mạnh cho nhau, trung hòa lẫn nhau và cùng nhau tồn tại. Đây là phương pháp của Ngài và quy luật của Ngài để duy trì sự tồn tại và sinh tồn của vạn vật; theo cách này, loài người đã có thể phát triển an toàn và bình yên trong môi trường sống này, để sinh sôi nảy nở từ thế hệ này sang thế hệ khác, thậm chí cho đến ngày nay. Điều đó có nghĩa là, Đức Chúa Trời mang lại sự cân bằng cho môi trường tự nhiên. Nếu không có Đức Chúa Trời thống trị và kiểm soát thì không ai có khả năng duy trì và giữ cân bằng cho môi trường, kể cả khi môi trường vẫn là do Đức Chúa Trời tạo dựng. Một số nơi không hề có không khí, và loài người không thể sống sót ở những nơi đó. Đức Chúa Trời sẽ không để người đi tới những nơi đó. Vì vậy, đừng vượt qua những ranh giới quy định. Điều này là để bảo vệ loài người – có những lẽ mầu nhiệm trong đó. Mỗi khía cạnh của môi trường, ngang dọc khắp đất trời, mọi tạo vật trên đất – cả sống và chết – đều đã được Đức Chúa Trời thai dựng và chuẩn bị trước. Tại sao thứ này là cần thiết mà thứ kia lại không? Mục đích của việc đặt vật này ở đây là gì và tại sao vật kia lại nên đi đến đó? Đức Chúa Trời đã suy xét thông suốt tất cả những câu hỏi này và con người không cần phải nghĩ về chúng. Có một số người ngu ngốc luôn muốn dời non lấp bể, nhưng thay vì làm điều đó, tại sao không đến vùng đồng bằng? Nếu người không thích núi, tại sao người lại sống gần chúng? Đó chẳng phải là ngu ngốc sao? Chuyện gì sẽ xảy ra nếu người di dời ngọn núi đó? Những cơn bão và những con sóng khổng lồ sẽ ập đến, nhà cửa của con người sẽ bị phá hủy. Điều này không phải là đại họa sao? Con người chỉ có khả năng phá hoại. Họ thậm chí không thể giữ gìn nơi duy nhất mà mình có để sinh sống, nhưng lại muốn chu cấp cho vạn vật. Điều này là không thể.

Đức Chúa Trời cho phép loài người quản lý vạn vật và có quyền cai trị chúng, nhưng con người có làm tốt công việc đó không? Con người phá hủy bất cứ thứ gì họ có thể. Họ đơn giản là không thể duy trì nguyên trạng mọi thứ Đức Chúa Trời đã tạo dựng cho họ – họ làm ngược lại và hủy hoại sự tạo dựng của Đức Chúa Trời. Con người đã dời non, lấp biển, và biến đồng bằng thành sa mạc, nơi không người nào có thể sinh sống được. Thế nhưng, chính trên sa mạc con người lại tiến hành sản xuất công nghiệp và xây dựng các cơ sở hạt nhân, gieo rắc sự hủy diệt ở khắp nơi. Giờ đây, sông không còn là sông, biển không còn là biển... Một khi loài người đã phá vỡ sự cân bằng của môi trường tự nhiên và những quy luật của nó thì ngày thảm họa và tàn lụi của họ không còn xa nữa. Điều này là không thể tránh khỏi. Khi thảm họa xảy ra, loài người sẽ hiểu sự quý giá của mọi thứ Đức Chúa Trời đã tạo dựng cho họ và tầm quan trọng của những thứ đó đối với loài người. Đối với con người, sống trong một môi trường có mưa thuận gió hòa là giống như sống trên thiên đường. Con người không nhận ra rằng đó là ân



phúc, nhưng khi họ mất tất cả, họ sẽ thấy những thứ đó hiếm hoi và quý giá thế nào. Và một khi điều này đã mất đi thì người ta làm sao có lại nó được? Con người có thể làm gì nếu Đức Chúa Trời không muốn tạo dựng lại chúng? Các người có thể làm được bất cứ điều gì không? Thật ra, có một điều các người có thể làm được. Nó rất đơn giản, khi Ta nói với các người đó là gì, các người sẽ biết ngay lập tức rằng điều đó là khả thi. Đây là lý do tại sao con người tồn tại trong tình trạng như hiện nay? Có phải vì lòng tham và sự phá hoại của con người? Nếu con người chấm dứt sự phá hoại này, liệu môi trường sống của họ có dần tự tốt lên không? Nếu Đức Chúa Trời không làm gì cả, nếu Đức Chúa Trời không còn muốn làm bất cứ điều gì cho loài người nữa – nghĩa là nếu Ngài không can thiệp vào vấn đề này – thì giải pháp tốt nhất của loài người là dừng lại mọi sự phá hoại và để môi trường sống của họ trở về trạng thái tự nhiên của nó. Chấm dứt toàn bộ sự phá hoại này nghĩa là chấm dứt sự cướp bóc và tàn phá những thứ Đức Chúa Trời đã tạo dựng. Làm như vậy sẽ giúp môi trường sống của con người dần hồi phục; nếu không làm được như vậy, môi trường sống sẽ ngày càng tồi tệ hơn và sự hủy hoại sẽ nhanh hơn theo thời gian. Giải pháp của Ta có đơn giản không? Nó đơn giản và khả thi, không đúng sao? Quả thực đơn giản và khả thi đối với một số người, nhưng liệu nó có khả thi với đại đa số con người trên trái đất không? (Không.) Nó có khả thi chỉ ít là đối với các người không? (Có.) Điều gì khiến các người nói là “có”? Liệu có thể nói rằng nó dựa trên sự hiểu biết về những việc làm của Đức Chúa Trời không? Liệu có thể nói rằng nó dựa trên sự vâng phục đối với quyền tối thượng và sự sắp đặt của Đức Chúa Trời không? (Có.) Có một cách để thay đổi mọi thứ nhưng đó không phải là chủ đề chúng ta đang thảo luận lúc này. Đức Chúa Trời chịu trách nhiệm cho sự sống của mỗi một con người và Ngài chịu trách nhiệm cho đến tận cùng. Đức Chúa Trời chu cấp cho người, và thậm chí nếu người đã bị làm cho mệt mỏi, sa đọa, hay bị hãm hại trong môi trường bị Sa-tan phá hủy này, không sao cả, Đức Chúa Trời sẽ chu cấp cho người, và Đức Chúa Trời sẽ để người tiếp tục sống. Người nên có đức tin vào điều này. Đức Chúa Trời sẽ không để một con người chết đi một cách dễ dàng.

Bây giờ các người đã cảm nhận được phần nào tầm quan trọng của việc nhận ra rằng “Đức Chúa Trời là nguồn sống của vạn vật” chưa? (Có, chúng con đã cảm nhận được.) Các người có những cảm nhận gì? Nói cho Ta biết. (Trước đây, chúng con chưa bao giờ nghĩ đến việc liên hệ núi non biển hồ với các hành động của Đức Chúa Trời. Mãi đến khi nghe về mối thông công của Đức Chúa Trời hôm nay, chúng con mới hiểu những vật này chứa đựng việc làm của Đức Chúa Trời và sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời trong chúng; chúng con thấy rằng ngay cả khi Đức Chúa Trời bắt đầu tạo dựng vạn vật, Ngài đã gắn mỗi vật với một vận mệnh và thiện ý của Ngài. Vạn vật củng cố cho nhau và phụ thuộc lẫn nhau, rồi cuối cùng mang lại lợi ích cho loài người. Những gì chúng con nghe được hôm nay có cảm giác rất mới lạ – chúng con đã cảm nhận được những hành động của Đức Chúa Trời thật như thế nào. Trong thế giới thực, trong đời sống hàng ngày của chúng con, và trong những va chạm của chúng con với mọi thứ, chúng con thấy rằng sự thật là như vậy.) Các người đã thực sự cảm nhận được điều

đó, đúng không? Đức Chúa Trời không chu cấp cho loài người mà không có cơ sở hợp lý; sự chu cấp của Ngài không chỉ là vài lời ngán ngẫm. Đức Chúa Trời đã làm rất nhiều việc, và ngay cả những việc người không nhìn thấy đều là vì lợi ích của người. Con người sống trong môi trường này, trong vạn vật mà Đức Chúa Trời đã tạo dựng cho con người, nơi mà con người và vạn vật phụ thuộc lẫn nhau. Ví dụ, cây cối thải ra khí mà làm sạch không khí, và con người hít thở không khí đã được làm sạch và hưởng lợi từ điều đó; nhưng một số loại cây gây độc hại cho con người trong khi những loại cây khác thì kháng lại những loại cây độc. Đây đúng là điều kỳ diệu trong công tác tạo dựng của Đức Chúa Trời! Nhưng bây giờ chúng ta hãy tạm dừng nói về chủ đề này; hôm nay, chúng ta chủ yếu nói về sự chung sống của con người và những tạo vật còn lại, mà không có chúng con người không thể sống được. Tầm quan trọng trong công tác tạo dựng vạn vật của Đức Chúa Trời là gì? Con người không thể sống mà không có những tạo vật còn lại, cũng giống như con người cần không khí để sống – nếu người được đặt trong chân không, chẳng mấy chốc người sẽ chết. Đây là một nguyên lý rất đơn giản cho thấy con người không thể tồn tại tách biệt với những tạo vật còn lại. Vậy thì con người nên có thái độ gì với vạn vật? Hãy trân trọng, bảo vệ, sử dụng chúng một cách hiệu quả, đừng hủy hoại, đừng sử dụng lãng phí chúng và đừng thay đổi chúng theo ý muốn bất chợt, bởi vì vạn vật đều do Đức Chúa Trời tạo dựng, vạn vật là sự chu cấp của Ngài cho loài người, và loài người phải đối xử với chúng một cách chu toàn. Hôm nay chúng ta đã thảo luận hai chủ đề này. Hãy ngẫm nghĩ và suy tưởng về chúng một cách cẩn thận. Lần tới, chúng ta sẽ thảo luận về một số điều chi tiết hơn. Buổi gặp mặt của chúng ta ngày hôm nay đến đây kết thúc. Xin tạm biệt!

Ngày 18 tháng 1 năm 2014

## **CHÍNH ĐỨC CHÚA TRỜI, ĐẲNG ĐỘC NHẤT VIII**

### **ĐỨC CHÚA TRỜI LÀ NGUỒN SỐNG CHO MUÔN VẬT (II)**

Chúng ta sẽ tiếp tục thông công về chủ đề lần trước. Các người có thể nhắc lại chủ đề lần trước chúng ta đã thông công là gì không? (Đức Chúa Trời là nguồn sống cho muôn vật.) Có phải đề tài “Đức Chúa Trời là nguồn sống cho muôn vật” này là một đề tài mà các người cảm thấy rất xa lạ không? Hay là các người đã có một khái niệm sơ bộ về nó trong lòng mình? Ai có thể nói một chút về trọng điểm của buổi thông công lần trước của chúng ta về chủ đề này không? (Qua sự tạo dựng của Đức Chúa Trời, tôi thấy được rằng Ngài nuôi dưỡng muôn vật và nuôi dưỡng loài người. Trong quá khứ, tôi đã luôn nghĩ rằng khi Đức Chúa Trời cung cấp cho con người, Ngài chỉ cung cấp lời Ngài cho dân sự được Ngài chọn; tôi đã không bao giờ thấy rằng, qua những luật lệ cai quản muôn vật, Đức Chúa Trời đang nuôi dưỡng toàn thể nhân loại. Chỉ thông qua sự truyền đạt của Đức Chúa Trời về lẽ thật này mà tôi đã ý thức được Ngài là nguồn của muôn vật, rằng sự sống của muôn vật được cung cấp bởi Ngài, rằng Ngài sắp đặt những luật lệ này và nuôi dưỡng muôn vật. Từ việc tạo dựng ra muôn vật của Đức Chúa Trời, tôi nhìn thấy tình yêu thương của Ngài.) Lần trước, chúng ta chủ yếu đã thông công về việc Đức Chúa Trời tạo ra muôn vật và Ngài đã thiết lập các luật lệ và nguyên tắc cho chúng như thế nào. Theo những luật lệ như thế và những nguyên tắc như thế, muôn vật sống, chết và cùng tồn tại với con người dưới sự thống trị của Đức Chúa Trời và trong tầm nhìn của Đức Chúa Trời. Trước tiên, chúng ta đã nói về việc Đức Chúa Trời tạo ra muôn vật và sử dụng những phương pháp của riêng Ngài để xác định những luật lệ mà theo đó chúng phát triển, cũng như những quỹ đạo và mô hình tăng trưởng của chúng. Ngài cũng đã xác định những cách mà muôn vật sinh tồn trong vùng đất này để chúng có thể tiếp tục tăng trưởng, sinh sản và sinh tồn trong sự phụ thuộc lẫn nhau. Với những phương pháp và luật lệ như thế, muôn vật có thể tồn tại và phát triển trên vùng đất này một cách dễ dàng và bình yên, và chỉ với một môi trường như thế thì nhân loại mới có thể có một ngôi nhà ổn định và một hoàn cảnh ổn định để sống, luôn luôn tiến về phía trước dưới sự dẫn dắt của Đức Chúa Trời – không ngừng tiến tới.

Lần trước, chúng ta đã thảo luận về một khái niệm cơ bản trong việc Đức Chúa Trời cung cấp cho muôn vật: Đức Chúa Trời cung cấp cho muôn vật theo cách này để muôn vật có thể tồn tại và sống vì lợi ích của con người. Nói cách khác, một môi trường như thế tồn tại là do những luật lệ được Đức Chúa Trời đặt ra. Chỉ nhờ vào việc Đức Chúa Trời duy trì và quản trị những luật lệ như thế mà nhân loại có được môi trường sống hiện tại. Đó là một bước nhảy vọt giữa những gì chúng ta đã nói lần trước và sự hiểu biết về Đức Chúa Trời mà chúng ta đã nói đến trong quá khứ. Lý do cho sự tồn tại của bước nhảy vọt đó là gì? Đó là khi chúng ta nói về việc biết đến Đức Chúa Trời trong quá khứ, là chúng ta đã nói trong phạm vi Đức Chúa Trời cứu rỗi và quản lý nhân loại – nghĩa là, sự cứu rỗi và quản lý đối với dân sự được Đức Chúa Trời chọn – và trong phạm vi đó, chúng ta nói về việc biết Đức Chúa Trời, việc làm của Đức Chúa Trời, tâm

tính của Ngài, Ngài có gì và là gì, ý muốn của Ngài, và Ngài cung cấp lẽ thật và sự sống cho con người như thế nào. Nhưng lần trước, chủ đề mà chúng ta bắt đầu thì không giới hạn trong những nội dung của Kinh Thánh và trong phạm vi Đức Chúa Trời cứu rỗi dân sự được Ngài chọn. Thay vào đó, chủ đề mở rộng ngoài phạm vi này, ngoài giới hạn về Kinh Thánh và ngoài ba giai đoạn công tác mà Đức Chúa Trời thực hiện trên dân sự được Ngài chọn, thảo luận thay vào đó là về chính Đức Chúa Trời. Vì vậy, khi người nghe phần này trong sự thông công của Ta, người chớ giới hạn sự hiểu biết về Đức Chúa Trời của người trong Kinh Thánh và ba giai đoạn công tác của Đức Chúa Trời. Thay vào đó, người phải để mở cách nhìn nhận của mình; người phải thấy việc làm của Đức Chúa Trời và Ngài có gì và là gì trong muôn vật, và Ngài ra lệnh và quản lý muôn vật như thế nào. Qua phương pháp này và dựa trên nền tảng này, người có thể thấy được Đức Chúa Trời cung cấp cho muôn vật như thế nào, điều khiển cho nhân loại hiểu rằng Đức Chúa Trời là nguồn sống thật sự cho muôn vật, rằng điều này thực ra là thân phận thật của chính Đức Chúa Trời. Nghĩa là, thân phận, địa vị và thẩm quyền của Đức Chúa Trời, mọi thứ của Ngài, không chỉ để cho những ai hiện nay theo Ngài – không chỉ để cho các người, nhóm người này – mà là để cho muôn vật. Vì vậy, phạm vi của muôn vật rất rộng. Ta sử dụng cụm từ “muôn vật” để miêu tả phạm vi cai trị của Đức Chúa Trời trên mọi vật bởi vì Ta muốn cho các người biết rằng những điều do Đức Chúa Trời tuyên bố không chỉ đơn thuần là những gì các người có thể nhìn thấy bằng mắt mình – chúng bao gồm không những thế giới vật chất mà tất cả đều nhìn thấy, mà còn một thế giới khác bên ngoài thế giới vật chất mà mắt con người không thể thấy được, và thậm chí còn xa hơn nữa, các hành tinh và không gian vũ trụ, nơi nhân loại không thể cư ngụ. Đó là phạm vi thống trị của Đức Chúa Trời trên muôn vật. Phạm vi thống trị của Ngài rất rộng; về phần các người, từng người các người cần phải hiểu, nhìn thấy và thông suốt về việc các người nên hiểu gì, các người nên thấy gì, và các người nên có sự hiểu biết về điều gì. Mặc dù phạm vi của cụm từ “muôn vật” thực sự rất rộng, nhưng Ta sẽ không nói cho các người về những thứ trong phạm vi đó mà các người không có cách nào nhìn thấy hay không thể đích thân tiếp xúc với chúng. Ta sẽ chỉ nói với các người về những thứ trong phạm vi đó mà con người có thể tiếp xúc, hiểu và lĩnh hội, hầu cho mọi người có thể nhận thức về ý nghĩa thực sự của cụm từ “Đức Chúa Trời là nguồn sống cho muôn vật”. Theo cách này, không có lời nào trong sự thông công của Ta với các người sẽ trở nên sáo rỗng.

Lần trước, chúng ta đã sử dụng phương pháp kể chuyện để đưa ra một cái nhìn tổng quan đơn giản về chủ đề “Đức Chúa Trời là nguồn sống cho muôn vật”, để cho con người có thể có được một sự hiểu biết cơ bản về cách Đức Chúa Trời cung cấp cho muôn vật. Mục đích của việc dạy dỗ khái niệm cơ bản này cho các người là gì? Chính là để làm cho con người hiểu rằng công tác của Đức Chúa Trời vượt ra ngoài Kinh Thánh và ba giai đoạn công tác của Ngài. Ngài đang làm nhiều công tác hơn mà con người không thể nhìn thấy và họ không thể tiếp xúc với chúng, công tác mà đích thân Ngài đảm trách. Nếu Đức Chúa Trời chỉ đang làm việc về sự quản lý của Ngài và dẫn

dắt dân sự được Ngài chọn tiến về phía trước, và không thực hiện bất kỳ công tác nào khác, thì nhân loại này, bao gồm tất cả các người, sẽ rất khó tiếp tục tiến về phía trước. Nhân loại này và thế giới này sẽ không thể tiếp tục phát triển. Điều này ẩn chứa tầm quan trọng của cụm từ “Đức Chúa Trời là nguồn sống cho muôn vật”, chủ đề Ta sẽ thông công với các người hôm nay.

## **Môi trường sống cơ bản mà Đức Chúa Trời tạo ra cho nhân loại**

Chúng ta đã thảo luận nhiều chủ đề và nhiều nội dung liên quan đến những từ “Đức Chúa Trời là nguồn sống cho muôn vật”, nhưng trong lòng mình các người có biết, ngoài việc cung cấp cho các người lời Ngài và thực hiện trên các người những công tác hành phạt và phán xét của Ngài, thì Đức Chúa Trời ban cho nhân loại những thứ gì không? Một số người có thể nói: “Đức Chúa Trời ban cho tôi ân điển và các phước lành; Ngài sửa dạy và an ủi tôi; và Ngài chăm sóc và bảo vệ tôi bằng mọi cách có thể”. Những người khác sẽ nói: “Đức Chúa Trời ban cho tôi đồ ăn thức uống hàng ngày”, trong khi một số thậm chí còn nói: “Đức Chúa Trời đã ban cho tôi mọi thứ”. Các người có thể phản ứng lại những vấn đề mà con người gặp phải trong cuộc sống hàng ngày của họ theo cách liên quan đến phạm vi trải nghiệm đời sống xác thịt của bản thân người. Đức Chúa Trời ban nhiều thứ trên từng người, dù những gì chúng ta đang thảo luận ở đây không giới hạn chỉ trong phạm vi những nhu cầu hàng ngày của con người, mà còn để mở rộng tầm nhìn của mỗi người và cho các người thấy những điều từ góc độ vĩ mô. Vì Đức Chúa Trời là nguồn sống cho muôn vật, Ngài duy trì sự sống của muôn vật như thế nào? Nói cách khác, Đức Chúa Trời ban những gì cho muôn vật trong sự tạo dựng của Ngài để duy trì sự tồn tại của chúng và những luật lệ làm nền tảng cho nó, hầu cho chúng có thể tiếp tục tồn tại? Đó là điểm chính trong cuộc thảo luận của chúng ta ngày hôm nay. Các người có hiểu điều Ta vừa nói không? Chủ đề này có thể rất xa lạ đối với các người, nhưng Ta sẽ không nói về bất kỳ giáo lý nào quá sâu sắc. Ta sẽ cố gắng đảm bảo các người có thể lắng nghe những lời của Ta và có được sự hiểu biết từ chúng. Các người không cần phải cảm thấy gánh nặng gì – tất cả những gì các người phải làm là lắng nghe một cách cẩn thận. Tuy nhiên, tại thời điểm này, Ta phải nhấn mạnh một lần nữa: Chủ đề Ta đang nói đến là gì? Hãy cho Ta biết. (Đức Chúa Trời là nguồn sống cho muôn vật.) Vậy thì Đức Chúa Trời cung cấp cho muôn vật như thế nào? Đức Chúa Trời cung cấp những gì cho muôn vật để có thể nói rằng “Đức Chúa Trời là nguồn sống cho muôn vật”? Các người có bất kỳ khái niệm hay suy nghĩ nào về điều này không? Có vẻ như Ta đang thảo luận một chủ đề gần như hoàn toàn xa lạ đối với các người, trong lòng các người và trong tâm trí các người. Nhưng Ta hy vọng rằng các người có thể liên hệ chủ đề này và những gì Ta sẽ phán với những việc làm của Đức Chúa Trời, hơn là với bất kỳ kiến thức, văn hóa loài người hay nghiên cứu nào. Ta chỉ đang nói về Đức Chúa Trời, về chính Đức Chúa Trời. Đây là điều Ta gợi ý cho các người. Ta chắc chắn các người hiểu được, phải chứ?

Đức Chúa Trời đã ban nhiều thứ cho nhân loại. Ta sẽ bắt đầu bằng việc nói về những gì con người có thể nhìn thấy, nghĩa là, những gì họ có thể cảm nhận. Đây là

những thứ con người có thể chấp nhận và hiểu trong lòng. Vậy trước tiên, chúng ta hãy bắt đầu bằng cách nói về những gì Đức Chúa Trời đã cung cấp cho nhân loại qua một cuộc thảo luận về thế giới vật chất.

### **a. Không khí**

Trước tiên, Đức Chúa Trời đã tạo ra không khí để con người có thể hít thở. Không khí là một vật chất mà con người có thể tiếp xúc hàng ngày và nó là một thứ mà con người luôn luôn phụ thuộc, ngay cả khi họ ngủ. Không khí mà Đức Chúa Trời đã tạo ra là cực kỳ quan trọng đối với con người: Nó cần thiết cho từng hơi thở của họ và cho chính sự sống. Vật chất này, thứ chỉ có thể cảm nhận chứ không nhìn thấy, là món quà đầu tiên Đức Chúa Trời tặng cho tất cả mọi vật trong sự tạo dựng của Ngài. Tuy nhiên sau khi đã tạo ra không khí, Đức Chúa Trời có dừng lại, xem như công tác của Ngài đã kết thúc không? Hay Ngài có xem xét mật độ không khí sẽ như thế nào không? Ngài có xem xét không khí sẽ bao gồm những gì không? Đức Chúa Trời đang nghĩ gì khi Ngài tạo ra không khí? Tại sao Đức Chúa Trời tạo ra không khí, và lý luận của Ngài là gì? Con người cần không khí – họ cần hít thở. Điều đầu tiên là, mật độ không khí phải phù hợp với phổi của con người. Có ai biết về mật độ không khí không? Thực ra, con người không đặc biệt cần thiết phải biết đáp án cho câu hỏi này về mặt số lượng hay dữ liệu, và quả thực, hoàn toàn không cần thiết phải biết đáp án – chỉ cần một khái niệm chung là hoàn toàn đủ rồi. Đức Chúa Trời đã tạo ra không khí với mật độ phù hợp nhất cho phổi của con người để hít thở. Nghĩa là, Ngài đã tạo ra không khí để nó có thể sẵn sàng đi vào cơ thể con người qua hơi thở của họ, và để nó không gây hại cho cơ thể khi hít thở. Đây là những điều Đức Chúa Trời đã cân nhắc khi Ngài tạo ra không khí. Tiếp theo, chúng ta sẽ nói về việc không khí bao gồm những gì. Những thứ nó chứa đựng không gây độc cho con người và sẽ không làm hư phổi hay bất kỳ bộ phận nào của cơ thể. Đức Chúa Trời đã phải xem xét tất cả những điều này. Đức Chúa Trời đã phải xem xét rằng không khí mà con người hít thở phải đi vào và đi ra khỏi cơ thể một cách trơn tru, và rằng, sau khi được hít vào, tính chất và số lượng của các chất trong không khí phải như thế nào để máu, cũng như khí thải trong phổi và toàn bộ cơ thể nói chung, sẽ được chuyển hóa một cách thích hợp. Hơn nữa, Ngài phải xem xét rằng không khí không được chứa bất kỳ độc tố nào. Mục đích của Ta trong việc nói cho các người biết về hai tiêu chuẩn này đối với không khí không phải là cung cấp cho các người bất kỳ kiến thức cụ thể nào, mà để cho các người thấy rằng Đức Chúa Trời đã tạo ra mỗi một vật trong sự tạo dựng của Ngài theo những sự xem xét của chính Ngài, và mọi thứ Ngài đã tạo ra là thứ tốt nhất có thể. Ngoài ra, về lượng bụi trong không khí; và lượng bụi, cát và đất trên trái đất; cũng như là lượng bụi từ trên trời rơi xuống đất – Đức Chúa Trời có cách của Ngài để quản lý những thứ này, và cũng có cách dọn sạch chúng hoặc khiến chúng phân rã ra. Mặc dù có một lượng bụi nhất định, Đức Chúa Trời đã tác động nó để cho bụi sẽ không gây hại cho cơ thể con người hay gây nguy hiểm cho việc hít thở của con người, và Ngài đã làm cho những hạt bụi có kích cỡ sao cho sẽ không gây hại cho cơ

thể. Chẳng phải sự sáng tạo ra không khí của Đức Chúa Trời là một lẽ mầu nhiệm sao? Có phải đó là một việc đơn giản, giống như thổi một luồng khí từ miệng Ngài không? (Không.) Ngay cả trong sự sáng tạo những thứ đơn giản nhất của Ngài, thì lẽ mầu nhiệm của Đức Chúa Trời, những hoạt động của tâm trí Ngài, cách suy nghĩ của Ngài, và sự khôn ngoan của Ngài hết thảy đều rõ ràng. Chẳng phải Đức Chúa Trời là thực tế sao? (Đúng vậy.) Điều này có nghĩa là ngay cả khi tạo ra những thứ đơn giản, Đức Chúa Trời cũng luôn nghĩ về nhân loại. Trước tiên, không khí con người hít thở thì trong lành, và thành phần của nó phù hợp cho con người hít thở, không độc và không gây hại cho con người; cũng theo cách đó, mật độ không khí phù hợp với việc hít thở của con người. Không khí này, thứ con người liên tục hít vào và thở ra, rất cần thiết cho cơ thể con người, xác thịt của con người. Đây là lý do tại sao con người có thể tự do hít thở, không bị hạn chế hay lo lắng gì. Vì thế họ có thể hít thở bình thường. Không khí là thứ Đức Chúa Trời đã tạo ra vào thuở ban đầu, và thứ không thể thiếu cho việc hít thở của con người.

## **b. Nhiệt độ**

Điều thứ hai chúng ta sẽ thảo luận là nhiệt độ. Mọi người đều biết nhiệt độ là gì. Nhiệt độ là thứ rất cần thiết đối với một môi trường phù hợp cho sự sống còn của con người. Nếu nhiệt độ quá cao – ví dụ như, giả sử nhiệt độ cao hơn  $40^{\circ}\text{C}$  – chẳng phải điều này sẽ làm con người mất nước sao? Chẳng phải con người sẽ bị kiệt sức khi sống trong một điều kiện như thế sao? Còn nếu nhiệt độ quá thấp thì sao? Giả sử nhiệt độ xuống  $-40^{\circ}\text{C}$  – thì con người cũng không thể chịu được những điều kiện này. Do đó, Đức Chúa Trời đã rất cụ thể trong việc thiết lập phạm vi nhiệt độ, đó là phạm vi nhiệt độ mà cơ thể con người có thể thích nghi, nó nằm ở khoảng chừng giữa  $-30^{\circ}\text{C}$  và  $40^{\circ}\text{C}$ . Nhiệt độ ở các vùng đất từ Bắc đến Nam về cơ bản nằm trong phạm vi này. Ở những vùng lạnh giá, nhiệt độ có thể xuống chừng  $-50^{\circ}\text{C}$  hay  $-60^{\circ}\text{C}$ . Đức Chúa Trời sẽ không để cho con người sống ở những vùng như thế. Vậy thì, tại sao những vùng băng giá này lại tồn tại? Đức Chúa Trời có sự khôn ngoan của riêng Ngài, và Ngài có những ý định của riêng mình cho điều này. Ngài sẽ không để người đến gần những nơi đó. Những nơi quá nóng và quá lạnh được bảo vệ bởi Đức Chúa Trời, có nghĩa là Ngài đã không dự định để cho con người sống ở đó. Những nơi này không dành cho loài người. Nhưng tại sao Đức Chúa Trời lại để những nơi như thế tồn tại trên trái đất? Nếu đây là những nơi mà Đức Chúa Trời sẽ không để con người ở hay thậm chí tồn tại, thì tại sao Đức Chúa Trời muốn tạo ra chúng? Sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời nằm ở chỗ đó. Nghĩa là, Đức Chúa Trời đã điều chỉnh một cách hợp lý phạm vi nhiệt độ của môi trường trong đó con người sinh tồn. Cũng có một quy luật tự nhiên đang vận hành ở đây. Đức Chúa Trời đã tạo ra những thứ nhất định để duy trì và kiểm soát nhiệt độ. Chúng là những thứ gì? Trước hết, mặt trời có thể mang lại hơi ấm cho con người, nhưng con người có thể chịu được hơi ấm này khi nó quá mức không? Có ai dám đến gần mặt trời không? Có thiết bị khoa học nào trên trái đất có thể tiếp cận mặt trời không? (Không.) Tại sao không? Mặt trời quá nóng. Bất cứ thứ gì đến quá gần sẽ tan chảy. Do đó, Đức

Chúa Trời đã làm việc một cách chi tiết để lập độ cao của mặt trời bên trên con người và khoảng cách giữa nó với họ theo sự tính toán tỉ mỉ của Ngài và theo những tiêu chuẩn của Ngài. Sau đó, có hai cực của trái đất, Nam và Bắc. Những vùng này hoàn toàn đóng băng và lạnh giá. Loài người có thể sống ở những vùng lạnh giá không? Những vùng như thế có thích hợp cho sự sinh tồn của con người không? Không, do đó con người không đi đến những nơi này. Vì con người không đi đến Nam và Bắc Cực, nên các sông băng của chúng được bảo tồn và có thể đáp ứng mục đích của chúng, đó là kiểm soát nhiệt độ. Các người hiểu mà, đúng không? Nếu không có Nam Cực và Bắc Cực, thì sức nóng liên tục của mặt trời sẽ khiến cho con người trên trái đất bị diệt vong. Nhưng có phải Đức Chúa Trời giữ nhiệt độ trong phạm vi thích hợp cho sự sinh tồn của con người chỉ qua hai cực này thôi sao? Không. Còn có tất cả các loại sinh vật, như là cỏ trên cánh đồng, các loại cây khác nhau, và tất cả các loài thực vật trong rừng hấp thụ nhiệt của mặt trời, và bằng cách đó, trung hòa nhiệt năng của mặt trời để điều hòa nhiệt độ môi trường sống của con người. Cũng có các nguồn nước, như là sông hồ. Không ai có thể quyết định khu vực mà sông hồ bao phủ. Không ai có thể kiểm soát có bao nhiêu nước trên trái đất, hay nước đó chảy đi đâu, hướng dòng chảy của nó, lưu lượng hoặc tốc độ của nó. Chỉ có Đức Chúa Trời biết. Những nguồn nước khác nhau này, từ nước ngầm cho đến các sông hồ có thể nhìn thấy được trên mặt đất, cũng có thể điều hòa nhiệt độ môi trường mà con người sống trong đó. Ngoài các nguồn nước, cũng còn có tất cả các loại hình địa lý khác, như là núi, đồng bằng, hẻm núi và khu vực đất ngập nước, tất cả đều điều hòa nhiệt độ đến mức tương hợp với phạm vi và khu vực địa lý của chúng. Chẳng hạn như, nếu một ngọn núi có một chu vi 100km, thì một trăm ki-lô-mét đó sẽ đóng góp một giá trị sử dụng của một trăm ki-lô-mét. Về việc Đức Chúa Trời đã tạo ra bao nhiêu dãy núi và hẻm núi như thế trên đất, thì đây là một con số Đức Chúa Trời đã cân nhắc. Nói cách khác, đằng sau sự tồn tại của mỗi một thứ được Đức Chúa Trời tạo ra, đều có một câu chuyện, và mỗi thứ đều chứa đựng sự khôn ngoan và kế hoạch của Đức Chúa Trời. Ví dụ như, hãy xem xét đến những khu rừng và tất cả các kiểu thảm thực vật khác nhau – chủng loài và phạm vi khu vực mà chúng tồn tại và phát triển thì nằm ngoài tầm kiểm soát của bất kỳ người nào, và không ai có ảnh hưởng gì đến những điều này. Tương tự, không người nào có thể kiểm soát họ hấp thụ bao nhiêu nước, và bao nhiêu nhiệt năng mà họ hấp thụ từ mặt trời. Tất cả những điều này đều nằm trong phạm vi của kế hoạch mà Đức Chúa Trời đã lập khi Ngài tạo ra muôn vật.

Chỉ nhờ vào việc lên kế hoạch, xem xét và sắp đặt cẩn thận của Đức Chúa Trời trong mọi mặt mà con người có thể sống trong một môi trường với một nhiệt độ phù hợp như thế. Do đó, mỗi một thứ mà con người nhìn thấy bằng mắt, như là mặt trời, Nam và Bắc Cực mà con người thường nghe nói, cũng như là những sinh vật trên và dưới mặt đất và dưới nước, khoảng không gian được bao phủ bởi rừng và những kiểu thảm thực vật khác, và các nguồn nước, các vùng nước khác nhau, lượng nước biển và nước ngọt, và các môi trường địa lý khác nhau – đây là tất cả những thứ Đức Chúa Trời dùng để duy trì nhiệt độ bình thường cho sự sinh tồn của con người. Điều này là chắc chắn.



Chỉ vì Đức Chúa Trời đã suy nghĩ kỹ càng về tất cả những điều này mà con người có thể sống trong một môi trường có nhiệt độ phù hợp như thế. Không được quá lạnh hay quá nóng: Những nơi quá nóng, nơi nhiệt độ vượt quá những gì cơ thể con người có thể thích nghi thì chắc chắn Đức Chúa Trời không dành cho người. Những nơi quá lạnh, nơi nhiệt độ quá thấp, nơi mà sau khi đến đó, con người sẽ bị đông cứng hoàn toàn chỉ trong vài phút, đến nỗi họ không thể nói, não của họ bị đông cứng, họ không thể suy nghĩ, và họ nhanh chóng bị ngạt thở – những nơi như thế Đức Chúa Trời cũng không dành cho loài người. Bất kể loại nghiên cứu nào mà con người muốn thực hiện, hay họ có muốn đổi mới hay vượt qua những giới hạn đó hay không – bất kể con người nghĩ gì, thì họ sẽ không bao giờ có thể vượt quá giới hạn mà cơ thể con người có thể thích nghi. Họ sẽ không bao giờ có thể loại bỏ những giới hạn này mà Đức Chúa Trời đã tạo ra cho con người. Đó là vì Đức Chúa Trời đã tạo ra con người, và Đức Chúa Trời biết rõ nhất nhiệt độ nào cơ thể con người có thể thích nghi. Nhưng bản thân con người thì không biết. Tại sao Ta nói con người không biết? Con người đã làm những điều ngu ngốc nào? Chẳng phải nhiều người đã liên tục thử chinh phục Bắc và Nam cực sao? Những người như thế đã luôn muốn đến những nơi đó để chiếm lấy đất đai, để họ có thể định cư tại đó. Đó sẽ là một hành động ngu ngốc. Ngay cả khi người đã nghiên cứu kỹ càng về các cực, thì sao? Ngay cả khi người có thể thích nghi với nhiệt độ và có thể sống ở đó, thì liệu điều đó sẽ có lợi cho nhân loại theo bất kỳ cách nào nếu người “cải thiện” môi trường sống hiện tại của Nam và Bắc Cực không? Loài người có một môi trường trong đó họ có thể sinh tồn, tuy nhiên con người không ở đó một cách yên bình và vâng phục, mà thay vào đó cứ nhất quyết mạo hiểm đến những nơi mà họ không thể sống sót. Điều này có nghĩa gì? Họ đã trở nên buồn chán và thiếu nhần nại với cuộc sống trong nhiệt độ phù hợp này, và đã tận hưởng quá nhiều các phước lành. Ngoài ra, môi trường sống ổn định này hầu như đã hoàn toàn bị hủy hoại bởi nhân loại, vì thế giờ đây họ nghĩ rằng họ cũng có thể đi đến Nam Cực và Bắc Cực để phá hoại thêm hoặc theo đuổi một loại “sự nghiệp” nào đó, rằng họ có thể tìm thấy con đường “đi tiên phong” nào đó. Chẳng phải điều này là ngu ngốc sao? Nghĩa là, dưới sự lãnh đạo của tổ tiên Sa-tan của mình, nhân loại này cứ tiếp tục làm hết điều phi lý này đến điều phi lý khác, liều lĩnh và cố tình hủy diệt ngôi nhà đẹp đẽ mà Đức Chúa Trời đã tạo ra cho họ. Đây là việc làm của Sa-tan. Hơn nữa, khi nhìn thấy sự sinh tồn của loài người trên đất có phần nguy hiểm, nhiều người tìm đường đi lên mặt trăng, muốn thiết lập một cách để tồn tại ở đó. Nhưng cuối cùng, mặt trăng không có đủ ô xy. Liệu con người có thể tồn tại mà không có ô xy không? Vì mặt trăng thiếu ô xy, nên nó không phải là nơi con người có thể ở lại, ắt thế mà con người cứ nhất quyết muốn đi đến đó. Hành vi này nên được gọi là gì? Nó cũng là sự tự hủy diệt. Mặt trăng là một nơi không có không khí, và nhiệt độ của nó không phù hợp cho sự sinh tồn của con người – vì thế nó không phải là một nơi Đức Chúa Trời dành cho con người.

Chủ đề của chúng ta vừa rồi, nhiệt độ, là thứ mà con người gặp phải trong cuộc sống hàng ngày của mình. Nhiệt độ là thứ mà cơ thể mọi con người đều có thể cảm nhận,

nhưng không ai nghĩ đến việc nhiệt độ xuất hiện như thế nào, hay ai chịu trách nhiệm về nó và kiểm soát nó để cho nó phù hợp với sự sinh tồn của con người. Đây là điều mà bây giờ chúng ta đang tìm hiểu. Sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời có trong điều này không? Hành động của Đức Chúa Trời có trong điều này không? (Có.) Với việc Đức Chúa Trời đã tạo ra một môi trường với một nhiệt độ phù hợp cho sự sinh tồn của con người, thì đây có phải là một trong những cách Ngài cung cấp cho muôn vật không? Đúng vậy.

### **c. Âm thanh**

Điều thứ ba là gì? Đó cũng là thứ thuộc phần thiết yếu trong môi trường sinh tồn bình thường của con người, thứ mà Đức Chúa Trời đã phải sắp xếp khi Ngài tạo ra muôn vật. Nó rất quan trọng đối với Đức Chúa Trời và đối với mỗi một con người. Nếu Đức Chúa Trời đã không quan tâm đến thứ này, thì nó hẳn đã gây trở ngại rất nhiều đối với sự sinh tồn của con người, nghĩa là nó hẳn đã có một ảnh hưởng đáng kể đến cuộc sống của con người và thân thể xác thịt của họ đến nỗi loài người đã không thể sinh tồn trong một môi trường như thế. Có thể nói rằng không sinh vật nào có thể sinh tồn trong một môi trường như thế. Vậy thì, thứ mà Ta đang nói đến là gì? Ta đang nói về âm thanh. Đức Chúa Trời đã tạo ra mọi thứ, và mọi thứ đều sống trong tay Đức Chúa Trời. Tất cả mọi thứ trong sự tạo dựng của Đức Chúa Trời đều đang sống và chuyển động không ngừng trong tầm mắt của Ngài. Điều Ta muốn nói qua việc này là mỗi thứ Đức Chúa Trời tạo ra đều có giá trị và ý nghĩa trong sự hiện hữu của nó; nghĩa là, có một sự thiết yếu trong sự hiện hữu của mỗi một sự vật. Trong mắt Đức Chúa Trời, mỗi vật đều sống, và vì muôn vật đều sống, nên mỗi vật trong số đó đều tạo ra âm thanh. Ví dụ như, trái đất không ngừng quay, mặt trời không ngừng quay, và mặt trăng cũng vậy, không ngừng quay. Khi muôn vật sinh sôi nảy nở, phát triển và chuyển động, chúng liên tục phát ra âm thanh. Tất cả mọi vật trong sự tạo dựng của Đức Chúa Trời tồn tại trên đất đều không ngừng sinh sôi nảy nở, phát triển và chuyển động. Ví dụ như, chân của các ngọn núi đang xê dịch và di chuyển, và tất cả các sinh vật dưới đáy biển đang bơi lội và di chuyển qua lại. Điều này có nghĩa là những sinh vật này, tất cả những vật trong tầm mắt của Đức Chúa Trời, đang liên tục, thường xuyên chuyển động theo những dạng thức đã được thiết lập. Vậy thì, tất cả những thứ sinh sôi nảy nở và phát triển trong bóng tối, di chuyển bí mật này tạo ra những gì? Âm thanh – những âm thanh lớn, mạnh mẽ. Ngoài hành tinh Trái đất, tất cả các loại hành tinh cũng di chuyển liên tục, và những vật sống và sinh vật trên những hành tinh này cũng sinh sôi nảy nở, phát triển và di chuyển liên tục. Nghĩa là, mọi vật có sự sống và không có sự sống đang không ngừng tiến về phía trước trong tầm mắt của Đức Chúa Trời, và khi chúng di chuyển, từng thứ trong số chúng cũng phát ra âm thanh. Đức Chúa Trời cũng đã sắp xếp cho những âm thanh này, và Ta tin rằng các người đã biết lý do của Ngài cho điều này, chẳng phải vậy sao? Khi người tiến lại gần một chiếc máy bay, tiếng gầm của động cơ của nó có ảnh hưởng gì đến người? Nếu người ở gần nó quá lâu, thì tai người sẽ bị điếc. Còn tim của người thì sao – nó có thể chịu đựng một thử luyện ghê sợ vậy không? Một số người yếu tim

sẽ không thể chịu được. Tất nhiên, thậm chí những người có trái tim khỏe mạnh cũng sẽ không thể chịu được nó quá lâu. Nghĩa là, tác động của âm thanh lên cơ thể con người, cho dù đó là lỗ tai hay trái tim, thì cực kỳ quan trọng đối với mỗi người, và âm thanh quá lớn sẽ gây hại cho con người. Do đó, khi Đức Chúa Trời tạo ra muôn vật và sau khi chúng đã bắt đầu hoạt động bình thường, Đức Chúa Trời thực hiện những sự sắp xếp thích hợp cho những âm thanh này, âm thanh của muôn vật đang chuyển động. Điều này cũng là một trong những vấn đề mà Đức Chúa Trời đã phải cân nhắc khi tạo ra một môi trường cho nhân loại.

Trước tiên, chiều cao của khí quyển trên bề mặt trái đất có ảnh hưởng đến âm thanh. Hơn nữa, độ lớn của các lỗ hổng trong đất cũng sẽ tác động và ảnh hưởng đến âm thanh. Sau đó có những môi trường địa lý khác nhau mà sự giao thoa của chúng cũng ảnh hưởng đến âm thanh. Nghĩa là, Đức Chúa Trời sử dụng những phương pháp nhất định để loại bỏ một số âm thanh, để con người có thể tồn tại trong một môi trường mà tai và tim của họ có thể chịu được. Nếu không, âm thanh sẽ gây một trở ngại lớn cho sự sinh tồn của loài người, trở thành mối phiền toái lớn trong cuộc sống của họ và gây ra một vấn đề nghiêm trọng cho họ. Điều này có nghĩa là Đức Chúa Trời đã rất cụ thể trong việc Ngài tạo ra đất, khí quyển, các loại môi trường địa lý khác nhau, và trong mỗi thứ này đều chứa đựng sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời. Nhân loại không cần phải hiểu chi tiết về điều này – con người biết rằng trong đó có chứa đựng những hành động của Đức Chúa Trời là đủ rồi. Bây giờ các người hãy cho Ta biết, công tác mà Đức Chúa Trời thực hiện này – điều chỉnh âm thanh một cách chính xác để duy trì môi trường sống của nhân loại và cuộc sống bình thường của họ – có cần thiết không? (Có.) Vì công tác này là cần thiết, vậy thì từ quan điểm này, có thể nói rằng Đức Chúa Trời đã sử dụng công việc này như là một cách để cung cấp cho muôn vật không? Đức Chúa Trời đã tạo ra một môi trường tĩnh lặng như thế để cung cấp cho nhân loại hầu cho cơ thể con người có thể sống hoàn toàn bình thường trong đó, không chịu bất kỳ sự quấy nhiễu nào, và hầu cho nhân loại sẽ có thể tồn tại và sống một cách bình thường. Vậy thì, chẳng phải điều này là một trong những cách mà qua đó Đức Chúa Trời cung cấp cho nhân loại sao? Chẳng phải đây là một việc rất quan trọng mà Đức Chúa Trời đã làm sao? (Phải.) Điều đó là hết sức cần thiết. Vậy thì các người cảm kích về điều này như thế nào? Mặc dù các người không thể cảm thấy rằng đây là hành động của Đức Chúa Trời, và các người cũng không biết Đức Chúa Trời thực hiện điều này như thế nào vào lúc đó, nhưng người vẫn có thể cảm nhận được rằng Đức Chúa Trời làm điều này là cần thiết chứ? Người có thể cảm nhận được sự khôn ngoan, sự chăm sóc và suy nghĩ của Đức Chúa Trời mà Ngài đã đặt trong đó không? (Có, chúng tôi cảm nhận được.) Nếu các người có thể cảm nhận điều này, thì thế là đủ. Có nhiều hành động Đức Chúa Trời đã thực hiện giữa những vật trong sự tạo dựng của Ngài mà con người không thể cảm nhận hoặc nhìn thấy. Ta nêu ra điều này chỉ để truyền đạt cho các người về những hành động của Đức Chúa Trời, để các người có thể bắt đầu biết đến Đức Chúa Trời. Đây là những gợi ý có thể giúp các người biết và hiểu về Đức Chúa Trời tốt hơn.

#### **d. Ánh sáng**

Điều thứ tư liên quan đến mắt của con người: đó là ánh sáng. Điều này cũng rất quan trọng. Khi người nhìn thấy một ánh sáng mạnh, và độ sáng của nó đạt đến một cường độ nhất định, nó có khả năng làm mù mắt con người. Xét cho cùng, mắt con người là mắt của xác thịt. Chúng không thể chịu được kích thích. Có ai dám nhìn thẳng vào mặt trời không? Một số người đã thử làm điều đó, và nếu họ có đeo kính râm, thì không hề hấn gì – nhưng điều đó đòi hỏi phải sử dụng một dụng cụ. Nếu không có dụng cụ, mắt trần của con người không có khả năng đối diện với mặt trời và nhìn thẳng vào nó. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời đã tạo ra mặt trời để đem ánh sáng đến cho nhân loại, và ánh sáng này cũng là thứ mà Ngài gìn giữ. Đức Chúa Trời không chỉ đơn giản là hoàn thành việc tạo ra mặt trời, đặt nó vào nơi nào đó, sau đó bỏ mặc nó; đó không phải là cách mà Đức Chúa Trời làm mọi việc. Ngài rất cẩn trọng trong các hành động của mình, và suy nghĩ thấu đáo về chúng. Đức Chúa Trời đã tạo ra đôi mắt cho loài người để họ có thể nhìn thấy, và Ngài cũng đã thiết lập trước các thông số ánh sáng mà qua đó con người có thể thấy mọi thứ. Nếu ánh sáng quá mờ thì sẽ không tốt. Khi tới đến mức mà con người không thể nhìn thấy các ngón tay của mình trước mặt, thì mắt của họ mất đi chức năng và không sử dụng được. Nhưng ánh sáng quá chói cũng tương tự làm cho mắt con người không thể nhìn thấy mọi thứ, bởi vì độ sáng không thể chịu được. Do đó, Đức Chúa Trời đã trang bị cho môi trường sinh tồn của con người một lượng ánh sáng tương thích cho mắt con người – một lượng sáng sẽ không gây hại hay tổn thương đến mắt con người, chứ đừng nói đến làm mất chức năng của chúng. Đây là lý do tại sao Đức Chúa Trời thêm các tầng mây xung quanh mặt trời và trái đất, và tại sao mật độ không khí có thể lọc bỏ một cách chính xác những loại ánh sáng nào có thể làm tổn thương cho mắt hay da của con người – những điều này là tương xứng. Hơn nữa, màu sắc của trái đất mà Đức Chúa Trời tạo ra phản chiếu ánh sáng mặt trời và tất cả các loại ánh sáng khác, và có thể loại bỏ các loại ánh sáng quá chói để mắt con người thích nghi. Như thế, con người có thể đi ra ngoài trời và sinh sống mà không cần đeo kính râm sẫm màu thường xuyên. Trong những điều kiện bình thường, mắt người có thể nhìn thấy mọi vật trong tầm mắt mà không bị ảnh hưởng bởi ánh sáng. Nghĩa là, sẽ không tốt nếu ánh sáng quá mạnh, hay nếu nó quá mờ. Nếu nó quá mờ, thì mắt con người sẽ bị tổn thương, và sau khi sử dụng một thời gian ngắn, nó bị hủy hoại; nếu nó quá mạnh, thì mắt con người sẽ không thể chịu được. Chính ánh sáng mà con người có này phải phù hợp để mắt con người nhìn thấy, và thông qua nhiều phương pháp, Đức Chúa Trời đã giảm thiểu sự tổn thương cho mắt con người do ánh sáng gây ra; và mặc dù ánh sáng này có thể có lợi hoặc gây hại đến mắt con người, nhưng nó đủ để cho con người vẫn tiếp tục sử dụng mắt của mình đến hết cuộc đời. Chẳng phải Đức Chúa Trời rất thấu đáo trong việc xem xét điều này sao? Tuy nhiên ma quỷ, là Sa-tan, thì hành động mà chưa từng có những sự cân nhắc như thế thoáng qua tâm trí của nó. Với Sa-tan, ánh sáng thì luôn luôn hoặc là quá sáng hoặc là quá mờ. Đây là cách mà Sa-tan hành động.

Đức Chúa Trời làm những điều này đối với tất cả các khía cạnh của cơ thể con người – đối với thị giác, thính giác, vị giác, sự hô hấp, cảm giác, v.v. – để tối đa hóa khả năng thích nghi về sinh tồn của loài người, hầu cho họ có thể sống bình thường và tiếp tục như thế. Nói cách khác, môi trường sống hiện tại, được tạo ra bởi Đức Chúa Trời, là môi trường phù hợp và có lợi nhất cho sự sinh tồn của loài người. Một số người có thể nghĩ rằng điều này không quan trọng lắm, rằng tất cả chỉ là thứ rất bình thường. Âm thanh, ánh sáng và không khí là những thứ mà con người cảm thấy là quyền lợi cố hữu của họ, thứ mà họ đã tận hưởng từ giây phút họ chào đời. Nhưng đằng sau những thứ mà người có thể tận hưởng này, Đức Chúa Trời đã và đang làm việc; đây là điều mà con người cần phải hiểu, điều họ cần phải biết. Cho dù nếu người có cảm thấy rằng không cần phải hiểu những điều này hay biết về chúng, tóm lại, khi Đức Chúa Trời tạo ra chúng, Ngài đã cân nhắc về chúng, Ngài đã có một kế hoạch, Ngài đã có những ý tưởng nhất định. Ngài không nông nổi hay đơn giản chỉ đặt nhân loại vào trong một môi trường sống như thế, mà không có bất kỳ suy nghĩ gì về chuyện đó. Các người có thể nghĩ rằng Ta đã quá thoải phòng về từng thứ nhỏ nhặt này, nhưng theo quan điểm của Ta, mỗi thứ mà Đức Chúa Trời đã cung cấp cho nhân loại đều cần thiết cho sự sinh tồn của nhân loại. Có hành động của Đức Chúa Trời trong điều này.

### **e. Luồng không khí**

Điều thứ năm là gì? Thứ này có liên quan mật thiết đến cuộc sống hàng ngày của mỗi người. Mỗi liên hệ của nó gần với cuộc sống con người đến nỗi cơ thể con người không thể sống thiếu nó trong thế giới vật chất này. Thứ này là luồng không khí. Có lẽ bất kỳ ai cũng có thể hiểu danh từ “luồng không khí” khi vừa nghe qua. Vậy, luồng không khí là gì? Người có thể nói rằng “luồng không khí” chỉ đơn giản là luồng chuyển động của không khí. Luồng không khí là một cơn gió mà mắt con người không thể nhìn thấy. Nó cũng là một cách mà khí di chuyển. Tuy nhiên, trong bài nói chuyện này, “luồng không khí” chủ yếu đề cập đến điều gì? Ngay sau khi Ta nói ra, các người sẽ hiểu. Trái đất mang theo các núi non, biển cả và tất cả mọi vật của tạo hóa khi nó quay, và khi nó quay, nó quay theo tốc độ. Mặc dù người không cảm nhận được bất kỳ sự quay nào, nhưng dù vậy sự quay của trái đất vẫn tồn tại. Sự quay của nó đem lại điều gì? Khi người chạy, chẳng phải sinh ra làn gió và lướt qua tai người sao? Nếu gió có thể được tạo ra khi người chạy, thì làm sao có thể không có gió khi trái đất quay? Khi trái đất quay, mọi thứ đều chuyển động. Bản thân trái đất chuyển động và quay với một tốc độ nhất định, trong khi mọi vật trên nó cũng đang liên tục sinh sôi và phát triển. Do đó, sự chuyển động ở một tốc độ nhất định sẽ tự nhiên sinh ra luồng không khí. Đây là ý Ta muốn nói về “luồng không khí”. Chẳng phải luồng không khí này ảnh hưởng cơ thể con người đến một mức độ nhất định sao? Hãy xem xét các cơn bão: Cơn bão thông thường không quá mạnh, nhưng khi chúng tấn công, con người thậm chí không thể đứng vững, và họ khó mà bước đi trong gió. Thậm chí chỉ một bước cũng khó khăn, và một số người thậm chí bị gió đẩy đập vào vật gì đó, không thể di chuyển. Đây là một trong những cách

mà luồng không khí có thể ảnh hưởng đến nhân loại. Nếu cả trái đất được bao phủ bởi đồng bằng, thì khi trái đất và muôn vật đều quay, cơ thể con người sẽ hoàn toàn không thể chịu được luồng không khí được sinh ra bằng cách đó. Sẽ cực kỳ khó khăn để đối phó với một tình huống như thế. Nếu điều này thực sự đúng như thế, thì luồng không khí đó sẽ không chỉ gây hại cho nhân loại, mà còn hủy diệt hoàn toàn. Con người sẽ không thể sống sót trong một môi trường như thế. Đây là lý do tại sao Đức Chúa Trời đã tạo ra những môi trường địa lý khác nhau để giải quyết các luồng không khí như thế – trong những môi trường khác nhau, luồng không khí trở nên yếu đi, thay đổi hướng của chúng, thay đổi tốc độ của chúng, và thay đổi lực của chúng. Đó là lý do tại sao con người có thể thấy những đặc điểm địa lý khác nhau, như là những ngọn núi, dãy núi lớn, đồng bằng, đồi, vịnh, thung lũng, cao nguyên và những con sông lớn. Với những đặc điểm địa lý khác nhau này, Đức Chúa Trời thay đổi tốc độ, hướng và lực của luồng không khí. Đây là phương pháp Ngài dùng để làm giảm hay điều khiển luồng không khí thành gió, thứ có tốc độ, hướng và lực vừa phải, để cho con người có thể có một môi trường bình thường để sống. Điều này có cần không? (Cần.) Làm một việc như thế này có vẻ khó đối với con người, nhưng dễ dàng đối với Đức Chúa Trời, bởi vì Ngài quan sát mọi thứ. Đối với Ngài, không gì đơn giản hơn hay dễ dàng hơn là việc tạo ra một môi trường với một luồng không khí phù hợp cho nhân loại. Do đó, trong một môi trường như thế do Đức Chúa Trời tạo ra, mỗi thứ trong toàn bộ tạo hóa của Ngài đều không thể thiếu được. Sự tồn tại của mỗi một sự vật đều có giá trị và cần thiết. Tuy nhiên, Satan hay nhân loại, những kẻ đã bị bại hoại, không hiểu được nguyên tắc này. Họ vẫn cứ hủy diệt và phát triển và khai thác, với những mơ ước hão huyền về việc biến núi thành đất bằng, lấp đầy những hẻm núi, và xây những tòa nhà chọc trời trên đất bằng để tạo ra những khu rừng bê-tông. Hy vọng của Đức Chúa Trời chính là nhân loại có thể sống vui vẻ, tăng trưởng tốt, và trải qua mỗi ngày một cách vui vẻ trong môi trường phù hợp nhất này, môi trường mà Ngài đã chuẩn bị cho họ. Đó là lý do tại sao Đức Chúa Trời không bao giờ bắt cản trong cách Ngài xem xét môi trường mà nhân loại sống trong đó. Từ nhiệt độ đến không khí, từ âm thanh đến ánh sáng, Đức Chúa Trời đã lập những kế hoạch và sự sắp đặt phức tạp, để cho cơ thể của con người và môi trường sống của họ sẽ không phải chịu bất kỳ sự quấy nhiễu nào từ những điều kiện tự nhiên, mà thay vào đó, nhân loại sẽ có thể sống và sinh sôi một cách bình thường, và sống bình thường với muôn vật trong sự chung sống hài hòa. Tất cả những thứ này đều được Đức Chúa Trời cung cấp cho muôn vật và cho nhân loại.

Theo cách Đức Chúa Trời sắp xếp năm điều kiện căn bản này cho sự sinh tồn của con người, người có thể thấy được Ngài cung cấp cho nhân loại như thế nào không? (Có.) Nghĩa là, Đức Chúa Trời là Đấng Tạo Hóa của tất cả những điều kiện cơ bản nhất cho sự sinh tồn của con người, và Đức Chúa Trời cũng đang quản lý và kiểm soát những thứ này; ngay cả bây giờ, sau hàng ngàn năm con người tồn tại, Đức Chúa Trời vẫn liên tục thay đổi môi trường sống của họ, cung cấp cho họ môi trường tốt nhất và phù hợp nhất để cuộc sống của họ có thể được duy trì một cách ổn định. Một tình trạng như

thể có thể được duy trì trong bao lâu? Nói cách khác, Đức Chúa Trời sẽ tiếp tục cung cấp một môi trường như thế trong bao lâu? Nó sẽ kéo dài cho đến khi Đức Chúa Trời hoàn thành trọn vẹn công tác quản lý của Ngài. Sau đó, Đức Chúa Trời sẽ thay đổi môi trường sống của nhân loại. Có thể là Ngài sẽ thực hiện những sự thay đổi này với những phương pháp tương tự, hoặc có thể với những phương pháp khác nhau. Nhưng những gì mà bây giờ con người phải biết là Đức Chúa Trời đang liên tục cung cấp cho nhu cầu của nhân loại; quản lý môi trường mà nhân loại đang sống; và bảo tồn, bảo vệ và duy trì môi trường đó. Với một môi trường như thế, dân sự được Đức Chúa Trời chọn có thể sống một cách ổn định và chấp nhận sự cứu rỗi, hình phạt và phán xét của Đức Chúa Trời. Muôn vật tiếp tục tồn tại nhờ bởi quyền tối thượng của Đức Chúa Trời, và toàn thể nhân loại tiếp tục tiến tới nhờ sự cung cấp như thế từ Đức Chúa Trời.

Phần cuối cùng này trong sự thông công của chúng ta có mang lại cho các người bất kỳ ý tưởng mới nào không? Bây giờ các người đã nhận thức được sự khác biệt lớn nhất giữa Đức Chúa Trời và loài người chưa? Cuối cùng, ai là chủ nhân của muôn vật? Có phải con người không? (Không.) Vậy thì sự khác biệt giữa cách Đức Chúa Trời và con người đối xử với muôn loài thọ tạo là gì? (Đức Chúa Trời cai trị và sắp đặt muôn vật, trong khi con người thì hưởng thụ chúng.) Các người có đồng ý với điều này không? Sự khác biệt lớn nhất giữa Đức Chúa Trời và loài người là Đức Chúa Trời cai trị và cung cấp cho muôn loài thọ tạo. Ngài là nguồn của mọi vật, và trong khi Đức Chúa Trời cung cấp cho muôn loài thọ tạo, thì nhân loại hưởng thụ nó. Nghĩa là, con người tận hưởng mọi thứ trong sự tạo dựng khi họ chấp nhận sự sống mà Đức Chúa Trời ban cho muôn vật. Đức Chúa Trời là Đấng Chủ Tể, và nhân loại tận hưởng những thành quả trong sự tạo dựng của Đức Chúa Trời. Vậy thì, từ góc độ của mọi thứ trong sự tạo dựng của Đức Chúa Trời, sự khác biệt giữa Đức Chúa Trời và nhân loại là gì? Đức Chúa Trời có thể thấy rõ những luật lệ về cách muôn vật phát triển, và Ngài kiểm soát và thống trị những luật lệ này. Nghĩa là, muôn vật ở trong tầm mắt của Đức Chúa Trời và trong phạm vi soi xét của Ngài. Loài người có thể nhìn thấy muôn vật không? Những gì nhân loại có thể nhìn thấy chỉ giới hạn trong những thứ ngay trước mặt họ. Nếu người leo lên một ngọn núi, thì những gì người thấy chỉ là ngọn núi đó. Người không thể nhìn thấy những gì ở phía bên kia của ngọn núi. Nếu người đi ra bờ biển, thì những gì người nhìn thấy chỉ là một bên của đại dương, và người không thể biết phía bên kia đại dương thì như thế nào. Nếu người đi vào một khu rừng, thì người có thể nhìn thấy thảm thực vật phía trước mặt và xung quanh người, nhưng người không thể nhìn thấy thứ gì nằm xa phía trước. Con người không thể nhìn thấy những nơi cao hơn, xa hơn và sâu hơn. Tất cả những gì họ có thể nhìn thấy là những thứ ở ngay trước mặt họ, trong tầm nhìn của họ. Ngay cả khi con người biết quy luật quy định bốn mùa trong năm, hoặc những quy luật về việc muôn vật tăng trưởng như thế nào, nhưng họ vẫn không thể quản lý hay ra lệnh cho muôn vật. Tuy nhiên cách Đức Chúa Trời nhìn thấy muôn loài thọ tạo thì chỉ giống như Ngài nhìn thấy một cỗ máy mà Ngài đã tự chế tạo ra. Ngài quá quen thuộc với mọi thành phần và mọi kết nối, nguyên tắc của chúng là gì, khuôn dạng của chúng là gì, và

mục đích của chúng là gì – Đức Chúa Trời biết tất cả những điều này một cách rõ ràng nhất. Vì thế Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời, và con người là con người! Mặc dù con người có thể đi sâu vào nghiên cứu khoa học và những quy luật chi phối muôn vật, thì sự nghiên cứu đó bị giới hạn về phạm vi, trong khi Đức Chúa Trời kiểm soát mọi thứ, điều mà, đối với con người, là một sự kiểm soát vô hạn. Một người có thể dành trọn cuộc đời nghiên cứu việc làm nhỏ nhất của Đức Chúa Trời mà không đạt được bất kỳ kết quả thực sự nào. Đây là lý do tại sao, nếu người chỉ sử dụng kiến thức và những gì người đã học được để nghiên cứu về Đức Chúa Trời, thì người sẽ không bao giờ có thể biết Đức Chúa Trời hay hiểu được Ngài. Nhưng nếu người chọn con đường mưu cầu lẽ thật và tìm kiếm Đức Chúa Trời, và nhìn vào Đức Chúa Trời từ góc độ bắt đầu biết đến Ngài, thì một ngày, người sẽ nhận ra rằng những hành động và sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời ở khắp mọi nơi, và người sẽ biết tại sao Đức Chúa Trời được gọi là Đấng Chủ Tể của muôn vật và nguồn sống cho muôn vật. Người càng có sự hiểu biết như thế, người sẽ càng hiểu tại sao Đức Chúa Trời được gọi là Đấng Chủ Tể của muôn vật. Vạn vật và mọi thứ, kể cả người, đang liên tục nhận được nguồn cung cấp ổn định từ Đức Chúa Trời. Người cũng sẽ có thể cảm nhận rõ ràng rằng trong thế giới này, và giữa nhân loại này, không có ai ngoài Đức Chúa Trời có thể có khả năng và thực chất để cai trị, quản lý và duy trì sự tồn tại của muôn vật. Khi người đạt đến sự hiểu biết này, người sẽ thực sự công nhận rằng Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời của người. Khi người đạt đến điểm này, người cũng đã thực sự chấp nhận Đức Chúa Trời và thừa nhận Ngài là Đức Chúa Trời của người và Đấng Chủ Tể của người. Khi người đã đạt được một sự hiểu biết như thế và đời sống của người đã đạt đến mức như thế, Đức Chúa Trời sẽ không còn thử luyện người và phán xét người nữa, và Ngài cũng sẽ không có bất kỳ yêu cầu nào đối với người, bởi vì người sẽ hiểu Đức Chúa Trời, sẽ biết lòng Ngài, và cũng đã thực sự chấp nhận Đức Chúa Trời trong lòng mình. Đây là một lý do quan trọng để thông công về những chủ đề về sự thống trị và quản lý muôn vật của Đức Chúa Trời. Làm như vậy có nghĩa là cung cấp cho con người nhiều kiến thức và sự hiểu biết hơn – không chỉ để người thừa nhận, mà còn để người biết và hiểu các hành động của Đức Chúa Trời theo một cách thực tế hơn.

### **Đồ ăn thức uống hàng ngày mà Đức Chúa Trời chuẩn bị cho nhân loại**

Vừa rồi chúng ta đã nói về một phần trong môi trường nói chung, cụ thể là, những điều kiện cần thiết cho sự sinh tồn của con người, điều mà Đức Chúa Trời đã chuẩn bị khi Ngài sáng thế. Chúng ta đã nói về năm thứ, năm yếu tố của môi trường. Chủ đề tiếp theo của chúng ta có quan hệ mật thiết với đời sống thể chất của mọi con người, và nó phù hợp với đời sống đó hơn và đáp ứng những điều kiện cần thiết tốt hơn là năm thứ trước. Cụ thể là, lương thực mà con người ăn. Đức Chúa Trời đã tạo ra con người và đặt họ vào trong một môi trường sống thích hợp; sau đó, con người cần thức ăn và nước uống. Con người có nhu cầu này, vì vậy Đức Chúa Trời đã có sự chuẩn bị tương ứng cho họ. Do đó, từng bước công tác của Đức Chúa Trời và từng việc Ngài làm không



phải là những lời nói sáo rỗng, mà là hành động thật, thiết thực được thực hiện. Chẳng phải lương thực không thể thiếu trong cuộc sống hàng ngày của con người sao? Lương thực có quan trọng hơn không khí không? Chúng đều quan trọng như nhau. Cả hai đều là những điều kiện và những chất cần thiết cho sự sinh tồn của nhân loại và duy trì đời sống con người. Thứ nào quan trọng hơn – không khí hay nước? Nhiệt độ hay lương thực? Tất cả chúng đều quan trọng như nhau. Con người không thể chọn thứ nào giữa chúng vì họ không thể thiếu bất kỳ thứ nào trong số đó. Đây là một vấn đề thật và thiết thực, không phải là một trong những thứ mà người chọn lựa. Người không biết, nhưng Đức Chúa Trời biết. Khi nhìn thấy thức ăn, người suy nghĩ: “Tôi không thể không có thức ăn!”. Nhưng ngay sau khi người được tạo ra, người có biết rằng mình cần thức ăn không? Người không biết, nhưng Đức Chúa Trời biết. Chỉ đến khi người đói và nhìn thấy trái trên cây và ngũ cốc trên mặt đất để cho người ăn thì người mới nhận ra rằng người cần thức ăn. Chỉ đến khi người khát và nhìn thấy dòng suối – chỉ đến khi người uống thì người mới nhận ra rằng mình cần nước uống. Nước đã được Đức Chúa Trời chuẩn bị trước cho loài người. Cho dù con người một ngày ăn ba bữa hay hai bữa, hay thậm chí nhiều hơn, nói tóm lại, lương thực là thứ không thể thiếu đối với con người trong cuộc sống hàng ngày của họ. Nó là một trong những thứ cần thiết để duy trì sự tồn tại bình thường, liên tục của cơ thể con người. Vậy thì, hầu hết lương thực đến từ đâu? Trước tiên, nó đến từ đất. Đất đã được Đức Chúa Trời chuẩn bị trước cho nhân loại, và nó phù hợp cho sự sinh tồn của nhiều loại thực vật, không chỉ cây và cỏ. Đức Chúa Trời đã chuẩn bị cho con người hạt giống của tất cả các loại ngũ cốc và hạt giống của những loại lương thực khác nhau khác, và Ngài ban cho loài người loại đất và vùng đất thích hợp để gieo, và với những thứ này, loài người có được lương thực. Những loại lương thực khác nhau là loại nào? Các người có lẽ đã biết. Trước tiên, có nhiều loại hạt khác nhau. Có những loại hạt khác nhau nào? Lúa mì, kê đuôi cáo, kê nếp, kê proso, và những loại hạt có vỏ khác. Ngũ cốc cũng vậy, có đủ loại, với sự đa dạng từ Nam đến Bắc: lúa mạch, lúa mì, yến mạch, kiều mạch, v.v. Các loại khác nhau phù hợp cho sự canh tác ở những vùng khác nhau. Cũng có những loại gạo khác nhau. Miền Nam có những loại riêng của nó, có hạt dài hơn và phù hợp với con người miền Nam vì khí hậu ở đó nóng hơn, có nghĩa là dân địa phương phải ăn những loại như là gạo indica, là loại không quá dẻo. Gạo của họ không được quá dẻo nếu không họ sẽ mất cảm giác ngon miệng và không thể ăn được. Người dân miền Bắc thì ăn gạo dẻo hơn, vì miền Bắc luôn luôn lạnh, nên con người ở đó phải ăn nhiều thứ có độ dính hơn. Tiếp theo, cũng có nhiều loại đậu, mọc trên mặt đất, và những rau củ mọc dưới đất, như là khoai tây, khoai lang, khoai môn và nhiều loại khác. Khoai tây mọc ở miền Bắc, nơi chúng có chất lượng rất cao. Khi con người không có ngũ cốc để ăn, thì khoai tây, như là một loại lương thực chủ lực, có thể hỗ trợ cho họ ba bữa một ngày. Khoai tây cũng có thể được sử dụng như là lương thực dự trữ. Chất lượng của khoai lang thì có phần kém hơn so với khoai tây, nhưng chúng cũng có thể được sử dụng như là một loại lương thực chủ lực để hoàn thành ba bữa ăn hàng ngày. Khi ngũ cốc khó kiếm được, con người có thể ngăn chặn

cơm đói bằng khoai lang. Khoai môn, thường được người dân ở miền Nam ăn, có thể được sử dụng theo cách tương tự, và nó cũng có thể đóng vai trò là một loại lương thực chủ lực. Đó là nhiều loại cây trồng khác nhau, là những phần cần thiết trong đồ ăn thức uống hàng ngày của con người. Con người sử dụng các loại ngũ cốc khác nhau để làm bánh mì, bánh bao, mì, cơm, bún gạo và những thứ khác. Đức Chúa Trời đã ban cho con người những loại ngũ cốc khác nhau này một cách dư dật. Lý do có nhiều loại khác nhau như vậy là chuyện về ý muốn của Đức Chúa Trời: Chúng thích hợp để trồng trong những loại đất và khí hậu khác nhau ở các miền Đông, Tây, Nam và Bắc; trong khi các thành phần và các chất khác nhau của chúng tương ứng với các thành phần và các chất khác nhau của cơ thể con người. Chỉ bằng cách ăn những ngũ cốc này thì con người mới có thể duy trì những chất dinh dưỡng và những chất khác nhau mà cơ thể họ đòi hỏi. Lương thực của miền Bắc và lương thực của miền Nam khác nhau, nhưng chúng có nhiều điểm tương đồng hơn là khác biệt. Cả hai đều có thể đáp ứng các nhu cầu thường xuyên của cơ thể con người và hỗ trợ sự sinh tồn bình thường của nó. Vì vậy, có rất nhiều các giống loài được tạo ra ở mỗi miền vì cơ thể vật chất của con người cần những gì mà các loại thực phẩm khác nhau này cung cấp – họ cần được cung cấp với những lương thực khác nhau trồng từ đất này để duy trì sự tồn tại bình thường của cơ thể, để họ có thể sống một cuộc sống con người bình thường. Tóm lại, Đức Chúa Trời đã rất chu đáo đối với nhân loại. Những lương thực khác nhau mà Đức Chúa Trời ban cho con người không phải là đơn điệu – ngược lại, chúng khá đa dạng. Nếu con người muốn ăn ngũ cốc, thì họ có thể ăn ngũ cốc. Một số người thích gạo hơn lúa mì, và không thích lúa mì, thì họ có thể ăn cơm. Có tất cả mọi loại gạo – hạt dài, hạt ngắn – và mỗi loại có thể thỏa mãn khẩu vị của con người. Do đó, nếu con người ăn những loại hạt này – miễn là họ không quá kén chọn với thức ăn của mình – thì họ sẽ không thiếu dưỡng chất và bảo đảm sẽ sống khỏe mạnh cho đến lúc chết. Đó là ý tưởng trong tâm trí Đức Chúa Trời khi Ngài ban thực phẩm cho nhân loại. Cơ thể con người không thể thiếu những thứ này – thực tế chẳng phải vậy sao? Đây là những vấn đề thiết thực mà con người không thể tự mình giải quyết, tuy nhiên Đức Chúa Trời đã chuẩn bị cho họ: Ngài đã nghĩ đến chúng trước và đã chuẩn bị cho nhân loại.

Nhưng đó không phải là tất cả những gì Đức Chúa Trời ban cho nhân loại – Ngài cũng ban cho nhân loại rau củ nữa! Nếu người chỉ ăn cơm, không có gì khác, thì người không thể có đủ chất dinh dưỡng. Ngược lại, nếu người xào một ít rau hoặc làm rau trộn để ăn kèm trong bữa ăn, thì các vi-ta-min trong rau và những nguyên tố vi lượng và dưỡng chất khác nhau của chúng sẽ có thể đáp ứng nhu cầu của cơ thể người một cách tự nhiên. Và con người cũng có thể ăn một ít trái cây giữa các bữa ăn. Đôi khi, con người cần nhiều chất lỏng hoặc những dưỡng chất khác, hoặc những hương vị khác nhau, thì có trái cây và rau củ có mặt để đáp ứng những nhu cầu này. Vì các miền Đông, Tây, Nam và Bắc có các loại đất và khí hậu khác nhau, nên họ sản xuất ra các loại rau quả đa dạng khác nhau. Vì khí hậu ở phía Nam quá nóng, nên hầu hết các loại rau củ quả ở đó đều có tính mát, khi ăn vào, chúng có thể cân bằng giữa tính hàn và nhiệt

trong cơ thể con người. Ngược lại, ở phía Bắc thì các loại rau quả ít đa dạng hơn, nhưng vẫn đủ cho dân địa phương dùng. Tuy nhiên, do sự phát triển xã hội trong những năm gần đây và cái được gọi là tiến bộ xã hội, cũng như những cải tiến trong truyền thông và giao thông kết nối Đông, Tây, Nam và Bắc, nên người dân ở phía Bắc cũng có thể ăn một số trái cây của phía Nam và rau củ, hay những đặc sản vùng miền từ phía Nam, và họ có thể có chúng trong cả bốn mùa trong năm. Mặc dù điều này có thể thỏa mãn khẩu vị và những ham muốn vật chất của con người, nhưng cơ thể họ vô tình phải chịu những mức độ tác hại khác nhau. Đó là vì, trong số những thực phẩm mà Đức Chúa Trời đã chuẩn bị cho loài người, có những thực phẩm và rau củ quả dành cho người dân ở phía Nam, cũng như những thực phẩm và rau củ quả dành cho người dân ở phía Bắc. Nghĩa là, nếu người được sinh ra ở miền Nam, thì người thích hợp ăn những thứ của miền Nam. Đức Chúa Trời đã chuẩn bị một cách cụ thể những thực phẩm và rau củ quả này bởi vì miền Nam có khí hậu riêng biệt. Miền Bắc có những lương thực cần thiết cho cơ thể của người dân ở miền Bắc. Tuy nhiên, vì con người có tính tham ăn, nên họ vô tình để bản thân bị cuốn theo làn sóng của các xu hướng xã hội mới, và vô thức vi phạm các luật lệ này. Mặc dù con người cảm thấy rằng cuộc sống của họ tốt hơn trong quá khứ, nhưng loại tiến bộ xã hội này gây ra tác hại ngấm ngầm đối với cơ thể của con người với số lượng người ngày càng tăng. Đây không phải là điều Đức Chúa Trời muốn nhìn thấy, và không phải là những gì mà Ngài đã dự định khi Ngài cung cấp cho nhân loại những thực phẩm và rau củ quả này. Chính con người đã gây ra tình trạng hiện tại bởi việc vi phạm các luật lệ của Đức Chúa Trời.

Thậm chí ngoài tất cả những điều đó, tặng phẩm mà Đức Chúa Trời ban cho con người thực sự rất phong phú, và mỗi nơi đều có đặc sản của địa phương mình. Ví dụ như, một vài nơi có rất nhiều quả chà là đỏ (còn được gọi là quả táo tàu), những nơi khác có rất nhiều quả óc chó, và những nơi khác có rất nhiều đậu phộng hoặc những loại hạt khác nhau. Tất cả những thứ vật chất này cung cấp những dưỡng chất cần thiết cho cơ thể con người. Nhưng Đức Chúa Trời cung cấp cho nhân loại mọi thứ đúng số lượng và đúng thời điểm, theo mùa và thời điểm trong năm. Nhân loại thêm muốn sự hưởng thụ về vật chất và háu ăn, khiến họ dễ dàng vi phạm và phá hỏng những quy luật tự nhiên về sự phát triển của con người mà Ngài đã thiết lập khi Ngài tạo ra nhân loại. Chúng ta hãy lấy trái anh đào làm ví dụ. Chúng chín vào khoảng tháng sáu. Trong hoàn cảnh bình thường, đến tháng tám thì không còn sót lại quả anh đào nào. Chúng chỉ có thể được giữ tươi trong hai tháng, tuy nhiên, khi sử dụng khoa học kỹ thuật, ngày nay con người có thể kéo dài thời gian đó đến mười hai tháng, thậm chí qua mùa anh đào năm sau. Điều này có nghĩa là những quả anh đào có quanh năm. Hiện tượng này có bình thường không? (Không.) Vậy thì mùa tốt nhất để ăn anh đào là khi nào? Vào khoảng từ tháng Sáu đến tháng Tám. Qua thời gian này, cho dù người có giữ chúng tươi như thế nào, thì vị của chúng cũng không còn như trước, và chúng cũng không cung cấp những gì mà cơ thể con người cần. Một khi đã quá hạn sử dụng, bất kể người

sử dụng những hóa chất gì, thì người cũng không thể cung cấp cho chúng mọi thứ chúng có khi được trồng tự nhiên. Ngoài ra, những tác hại mà các chất hóa học gây cho con người là điều mà không ai có thể giải quyết hay thay đổi được, dù cho họ có cố gắng. Vậy thì, kinh tế thị trường hiện nay mang lại điều gì cho con người? Cuộc sống của con người có vẻ tốt hơn, việc giao thông giữa các vùng đã trở nên rất thuận tiện, và con người có thể ăn tất cả các loại trái cây trong bất kỳ mùa nào trong bốn mùa. Người dân ở miền Bắc có thể ăn chuối thường xuyên, cũng như bất kỳ đặc sản vùng miền nào, trái cây hay thực phẩm khác từ miền Nam. Nhưng đây không phải là cuộc sống mà Đức Chúa Trời muốn ban cho nhân loại. Loại kinh tế thị trường này có thể mang lại một số lợi ích cho cuộc sống con người, nhưng nó cũng mang lại sự tổn hại. Bởi vì sự phong phú trên thị trường, nên nhiều người ăn mà không suy nghĩ mình đang bỏ gì vào miệng. Hành vi này vi phạm các quy luật tự nhiên, và nó có hại cho sức khỏe của con người. Vì vậy, kinh tế thị trường không thể mang lại cho con người hạnh phúc thực sự. Hãy tự kiểm chứng đi. Chẳng phải những trái nho được bán ở chợ trong cả bốn mùa sao? Thực ra, nho giữ được độ tươi của chúng chỉ một thời gian rất ngắn sau khi hái. Nếu các người giữ chúng đến tháng sáu năm sau, thì liệu chúng còn có thể được gọi là những trái nho nữa không? Hay liệu cái tên “rác rưởi” có tốt hơn cho chúng không? Chúng không chỉ thiếu chất của một trái nho tươi – mà chúng còn có nhiều hóa chất bên trong. Sau một năm, chúng không còn tươi nữa, và những dưỡng chất mà chúng có đã mất từ lâu. Khi con người ăn trái nho, họ có cảm nghĩ này: “Chúng ta thật may mắn làm sao! Liệu ba mươi năm trước đây chúng ta có thể ăn được nho trong mùa này không? Ngay cả khi bạn muốn ăn, bạn cũng không thể! Cuộc sống bây giờ thật là tốt!”. Đây có phải thực sự là hạnh phúc không? Nếu các người quan tâm, thì các người có thể tự mình nghiên cứu về những trái nho được bảo quản bằng chất hóa học và xem chính xác chúng được làm từ gì và liệu những chất này có thể có lợi gì cho con người hay không. Trong Thời đại Luật pháp, khi dân Y-sơ-ra-ên đã rời khỏi Ê-díp-tô và đang du hành, Đức Chúa Trời đã cho họ chim cút và ma-na. Nhưng Đức Chúa Trời có cho phép dân sự để dành những lương thực này không? Một số trong bọn họ là người thiện cận và e sợ rằng sẽ không có nữa trong ngày tiếp theo, vì vậy họ cất để dành dùng sau. Sau đó chuyện gì đã xảy ra? Ngày hôm sau, nó đã bị thối. Đức Chúa Trời không cho phép người để dành cái gì, bởi Ngài đã chuẩn bị để đảm bảo người sẽ không bị đói. Nhưng loài người không có niềm tin như thế, và họ cũng không có đức tin thật sự vào Đức Chúa Trời. Họ chỉ muốn tự mình lèo lái, và không bao giờ có thể nhìn thấy tất cả sự quan tâm và suy nghĩ đằng sau những sự chuẩn bị của Đức Chúa Trời dành cho nhân loại. Họ không thể cảm nhận được điều đó, vì thế họ không thể hoàn toàn đặt đức tin của mình vào Đức Chúa Trời, luôn luôn nghĩ rằng: “Những hành động của Đức Chúa Trời thật không đáng tin! Ai biết được liệu Ngài có ban cho chúng ta những gì chúng ta cần hay không hoặc khi nào Ngài sẽ ban nó cho chúng ta! Nếu tôi đói và Đức Chúa Trời không cung cấp, thì chẳng phải tôi sẽ chết đói sao? Chẳng phải tôi sẽ thiếu dinh dưỡng sao?”. Hãy xem niềm tin của con người mới nông cạn làm sao!

Ngũ cốc, trái cây và rau củ, và tất cả các loại hạt – những thứ này đều là thực phẩm chay. Chúng chứa đựng những dưỡng chất đủ để đáp ứng các nhu cầu của cơ thể con người, cho dù chúng là những thực phẩm chay. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời đã không phán rằng: “Ta sẽ chỉ ban những thực phẩm này cho loài người. Hãy để họ chỉ ăn những thứ này mà thôi!”. Đức Chúa Trời không dừng lại ở đó, mà đã tiếp tục chuẩn bị cho nhân loại nhiều thực phẩm hơn mà chúng thậm chí còn ngon hơn. Những thực phẩm này là gì? Đó là những loại thịt và cá khác nhau mà hầu hết các người có thể thấy và ăn. Ngài đã chuẩn bị cho con người rất nhiều loại cả thịt lẫn cá. Cá sống dưới nước, và thịt của con cá sống dưới nước thì khác với các chất của thịt động vật sống trên cạn, và nó có thể cung cấp cho con người những dưỡng chất khác nhau. Cá cũng có các đặc tính có thể dung hòa tính hàn và nhiệt trong cơ thể con người, điều rất có lợi cho con người. Nhưng những thức ăn ngon không được ăn quá nhiều. Như Ta đã phán dạy, Đức Chúa Trời ban cho nhân loại đúng số lượng vào đúng thời điểm, để con người có thể thực sự thưởng thức sự ban cho của Ngài một cách bình thường, theo mùa và theo thời điểm. Bây giờ, loại thực phẩm nào được kể trong danh mục gia cầm? Gà, chim cút, chim bồ câu, v.v. và v.v. Nhiều người cũng ăn vịt và ngỗng. Mặc dù Đức Chúa Trời đã cung cấp tất cả những loại thịt này, nhưng Ngài cũng có những yêu cầu nhất định đối với dân sự được Ngài chọn và đưa ra những hạn chế cụ thể về chế độ ăn uống của họ trong Thời đại Luật pháp. Ngày nay, những hạn chế này dựa trên sở thích cá nhân và sự diễn giải cá nhân. Những loại thịt khác nhau này cung cấp cho cơ thể con người những dưỡng chất khác nhau, cung cấp chất đạm và sắt, bổ máu, làm chắc cơ và xương, và tăng cường sức khỏe cơ thể. Bất kể con người nấu và ăn chúng như thế nào, những loại thịt này có thể giúp con người cải thiện hương vị của thức ăn và làm tăng sự ngon miệng của họ, đồng thời thỏa mãn dạ dày của họ. Quan trọng nhất là, những thực phẩm này có thể cung cấp cho cơ thể con người những nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày. Đây là sự cân nhắc của Đức Chúa Trời khi Ngài chuẩn bị lương thực cho con người. Có rau củ, có thịt – đây chẳng phải là một sự dư dật sao? Tuy nhiên con người nên hiểu ý định của Đức Chúa Trời là gì khi Ngài chuẩn bị tất cả lương thực cho nhân loại. Có phải là để cho nhân loại ăn uống quá độ trong những thực phẩm này không? Điều gì xảy ra khi con người bị giam hãm trong việc cố gắng thỏa mãn những ham muốn vật chất này? Chẳng phải họ sẽ trở nên thừa chất dinh dưỡng sao? Chẳng phải quá nhiều chất dinh dưỡng gây hại đến cơ thể con người theo nhiều cách sao? (Phải.) Đó là lý do tại sao Đức Chúa Trời phân bổ đúng số lượng vào đúng thời điểm và cho con người thưởng thức những thực phẩm khác nhau theo những giai đoạn và mùa khác nhau. Ví dụ như, sau một mùa hè nóng bức, con người đã tích tụ nhiều nhiệt trong cơ thể, cũng như sự khô và ẩm bệnh lý. Khi mùa thu đến, nhiều loại trái cây chín, và khi con người ăn những trái cây này, khí ẩm trong cơ thể họ xuất ra. Vào thời điểm này, gia súc và cừu cũng đã lớn mạnh, vì thế đây là lúc con người nên ăn nhiều thịt để có chất dinh dưỡng. Bằng cách ăn các loại thịt khác nhau, cơ thể con người có được năng lượng và hơi ấm để giúp họ chống chọi với cái lạnh của mùa đông, và nhờ đó họ có thể trải qua mùa đông

một cách an toàn và khỏe mạnh. Với sự quan tâm và sự chính xác tối đa, Đức Chúa Trời kiểm soát và điều phối thứ gì và khi nào để cung cấp cho nhân loại; và khi nào Ngài sẽ cho những thứ khác phát triển, trở quả, và chín mọng. Điều này liên quan đến việc “Đức Chúa Trời chuẩn bị thực phẩm mà con người cần trong cuộc sống hàng ngày của họ”. Ngoài nhiều loại thực phẩm, Đức Chúa Trời cũng cung cấp cho nhân loại các nguồn nước. Sau khi ăn, con người vẫn cần uống nước. Chỉ trái cây thôi thì liệu có đủ không? Con người không thể sống chỉ bằng trái cây, và bên cạnh đó, một vài mùa không có trái cây gì. Vậy thì, vấn đề nước uống của con người có thể được giải quyết như thế nào? Đức Chúa Trời đã giải quyết nó bằng cách chuẩn bị nhiều nguồn nước trên và dưới mặt đất, bao gồm sông, hồ và suối. Những nguồn nước này có thể uống được miễn là không có ô nhiễm, và miễn là con người không tác động hay phá hoại chúng. Nói cách khác, về các nguồn thực phẩm để duy trì sự sống của cơ thể con người, Đức Chúa Trời đã thực hiện những sự chuẩn bị rất chính xác, rất đúng đắn và rất phù hợp, để cuộc sống của con người được dồi dào, phong phú và không thiếu bất kỳ thứ gì. Đây là điều mà con người có thể cảm nhận và nhìn thấy.

Ngoài ra, Đức Chúa Trời cũng tạo ra giữa muôn vật một số thực vật, động vật và các thảo mộc khác nhau mà đặc biệt là để chữa lành vết thương hay điều trị bệnh tật trong cơ thể con người. Ví dụ như, con người sẽ làm gì nếu như họ bị phỏng lửa, hay vô tình tự làm mình phỏng nước? Liệu người có thể chỉ rửa vết phỏng lửa bằng nước thôi không? Liệu người có thể chỉ quấn nó với bất kỳ mảnh vải bình thường nào không? Nếu người làm như thế, vết thương có thể mưng mủ hoặc bị nhiễm trùng. Ví dụ như, nếu ai đó bị sốt, hoặc bị cảm lạnh; bị chấn thương trong khi đang làm việc; xuất hiện chứng đau dạ dày từ việc ăn uống không phù hợp; hoặc xuất hiện những bệnh nào đó gây ra bởi các nhân tố thuộc về lối sống hay những vấn đề về cảm xúc, bao gồm các bệnh về mạch máu, tình trạng tâm lý, hoặc những bệnh về các cơ quan nội tạng, thì có những cây thích hợp chữa khỏi bệnh của họ. Có những loại cây có thể cải thiện sự tuần hoàn máu và loại bỏ tình trạng ứ đọng, giảm đau, cầm máu, gây tê, giúp chữa lành cho da và đưa nó về trạng thái bình thường, và đánh tan máu đông và loại bỏ độc tố khỏi cơ thể – tóm lại, những cây này có hữu ích trong đời sống hàng ngày. Con người có thể dùng chúng, và chúng đã được Đức Chúa Trời chuẩn bị cho cơ thể con người trong trường hợp cần thiết. Đức Chúa Trời cho phép con người phát hiện một vài cây trong số đó một cách tình cờ, trong khi những cây khác được phát hiện bởi những người được Đức Chúa Trời chọn để làm như vậy, hoặc như một kết quả của các hiện tượng đặc biệt mà Ngài đã bố trí. Sau khi phát hiện ra những cây này, loài người sẽ truyền lại và nhiều người sẽ bắt đầu biết về chúng. Việc tạo ra những cây này của Đức Chúa Trời vì thế có giá trị và có ý nghĩa. Tóm lại, tất cả những điều này đều từ Đức Chúa Trời, được chuẩn bị và trồng bởi Ngài khi Ngài tạo ra môi trường sống của nhân loại. Chúng rất cần thiết. Có phải tư duy của Đức Chúa Trời hoạt động thấu đáo hơn của nhân loại không? Khi người nhìn thấy tất cả những gì Đức Chúa Trời đã làm, người có cảm nhận được khía cạnh thực tế của Đức Chúa Trời không? Đức Chúa Trời làm việc một cách

kín nhiệm. Đức Chúa Trời đã tạo ra tất cả những điều này khi con người chưa đến với thế giới này, khi Ngài chưa có liên hệ nào với loài người. Mọi thứ đã được thực hiện với loài người trong tâm trí, vì sự tồn tại của con người và với suy nghĩ cho sự sinh tồn của họ, hầu cho loài người có thể sống hạnh phúc trong thế giới vật chất dồi dào và phong phú này mà Đức Chúa Trời đã chuẩn bị cho họ, không phải lo lắng về cái ăn cái mặc, không thiếu thứ gì. Trong một môi trường như thế, nhân loại có thể tiếp tục sinh sản và tồn tại.

Trong tất cả những việc làm của Đức Chúa Trời, dù lớn dù nhỏ, có bất kỳ việc nào mà không có giá trị hay ý nghĩa không? Mọi việc Ngài làm đều có giá trị và ý nghĩa. Chúng ta hãy bắt đầu cuộc thảo luận của chúng ta với một chủ đề quen thuộc. Con người thường hỏi: Cái nào có trước, con gà hay quả trứng? (Con gà.) Con gà có trước, không nghi ngờ gì về điều đó! Tại sao con gà lại có trước? Tại sao quả trứng không thể có trước? Chẳng phải con gà nở ra từ quả trứng sao? Sau hai mươi mốt ngày, trứng nở ra gà, và con gà đó sau đó đẻ nhiều trứng nữa, và nhiều con gà nở ra từ những quả trứng này. Vậy thì con gà hay quả trứng có trước? Các người trả lời “con gà” với sự chắc chắn tuyệt đối. Nhưng tại sao đây là đáp án của các người? (Kinh Thánh có nói Đức Chúa Trời đã tạo ra chim và thú.) Vậy, đáp án của các người là dựa trên Kinh Thánh. Nhưng Ta muốn các người nói về sự hiểu biết của bản thân mình, để Ta có thể thấy liệu các người có kiến thức thực tế nào về những hành động của Đức Chúa Trời hay không. Giờ đây, các người có chắc chắn về đáp án của mình hay không? (Đức Chúa Trời đã tạo ra con gà, sau đó ban cho nó khả năng sinh sản, nghĩa là khả năng ấp trứng.) Sự diễn giải này có phần đúng. Con gà có trước, và sau đó đến quả trứng. Điều này là chắc chắn. Đó không phải là một điều bí ẩn đặc biệt sâu sắc, nhưng con người của thế gian vẫn cho là như thế và cố gắng giải thích bằng các lý thuyết triết học, mà vẫn chưa bao giờ kết luận được. Điều này giống như khi con người không biết rằng Đức Chúa Trời đã tạo ra họ. Họ không biết nguyên tắc cơ bản này, và họ cũng không có một ý tưởng rõ ràng về việc liệu quả trứng hay con gà lẽ ra nên có trước. Họ không biết cái nào lẽ ra nên có trước, vì vậy họ không bao giờ tìm ra đáp án. Con gà có trước là hoàn toàn bình thường. Nếu quả trứng có trước con gà, thì đó sẽ là bất thường! Đó là một điều rất đơn giản – con gà chắc chắn có trước. Đây không phải là một câu hỏi đòi hỏi kiến thức cao. Đức Chúa Trời đã tạo ra mọi vật, với ý định rằng con người sẽ hưởng thụ chúng. Một khi con gà hiện hữu, tiếp theo là những quả trứng là chuyện đương nhiên. Chẳng phải đây là một giải pháp có sẵn rồi sao? Nếu quả trứng được tạo ra trước, chẳng phải nó vẫn sẽ cần con gà để ấp nó sao? Tạo thẳng ra con gà là một giải pháp nhanh chóng hơn nhiều. Theo cách này, con gà có thể đẻ trứng và ấp những con gà con bên trong, và con người có thể có thịt gà để ăn. Tiện biết bao nhiêu! Cách Đức Chúa Trời làm mọi việc thì gọn gàng và ngăn nắp, không rối rắm chút nào. Quả trứng có từ đâu? Nó có từ con gà. Không có quả trứng nào mà không cần đến con gà. Thứ Đức Chúa Trời đã tạo ra là một vật sống! Nhân loại thì ngớ ngẩn và nực cười, luôn luôn bị rối rắm trong những chuyện đơn giản như thế, và kết thúc với rất nhiều những

nguy biến ngó ngẩn. Con người mới trẻ con làm sao! Mỗi quan hệ giữa quả trứng và con gà rất rõ ràng: Con gà có trước. Đây là lời giải thích chính xác nhất, cách hiểu đúng nhất và đáp án chính xác nhất. Chính xác là vậy.

Chúng ta vừa thảo luận về những chủ đề nào? Chúng ta đã bắt đầu bằng việc thảo luận về môi trường loài người sinh sống và những gì Đức Chúa Trời đã làm cho môi trường đó và Ngài đã chuẩn bị những gì. Chúng ta đã thảo luận về việc Ngài đã sắp đặt những gì; các mối quan hệ giữa những vật tạo tạo, những thứ mà Đức Chúa Trời đã chuẩn bị cho loài người; và Đức Chúa Trời đã sắp đặt những mối quan hệ này như thế nào để ngăn cho những thứ trong sự tạo dựng của Ngài không gây hại cho loài người. Đức Chúa Trời cũng giảm thiểu những tác hại mà nhiều nhân tố khác nhau trong sự tạo dựng của Ngài có thể gây ra cho môi trường của loài người, cho phép muôn vật phục vụ mục đích cao cả nhất của chúng, và mang lại cho loài người một môi trường có lợi với những yếu tố có lợi, vì thế làm cho loài người thích nghi với một môi trường như vậy và tiếp tục ổn định chu kỳ sống và sinh sản. Kế tiếp, chúng ta đã thảo luận về những thực phẩm mà cơ thể con người cần – thực phẩm và nước uống hàng ngày của nhân loại. Đây cũng là một điều kiện cần cho sự sinh tồn của nhân loại. Nghĩa là, cơ thể con người không thể sống chỉ bằng việc hít thở, chỉ nuôi dưỡng bằng ánh sáng mặt trời, hoặc gió, hoặc nhiệt độ phù hợp. Con người cũng cần phải lấp đầy dạ dày của họ, và Đức Chúa Trời đã chuẩn bị cho nhân loại, mà không bỏ sót bất cứ điều gì, nguồn cung của những thứ mà họ có thể bỏ qua, đó là các nguồn thực phẩm của nhân loại. Khi người nhìn thấy những sản phẩm dồi dào và phong phú như thế – các nguồn đồ ăn thức uống của nhân loại – thì người có thể nói rằng Đức Chúa Trời là nguồn cung cấp cho nhân loại và cho mọi thứ trong sự tạo dựng của Ngài không? Trong thời gian sáng thế, nếu Đức Chúa Trời chỉ tạo ra cây cỏ hoặc một số lượng bất kỳ của các sinh vật khác, và nếu những sinh vật và các cây trồng khác nhau này hết thảy đều để cho bò và cừu ăn hoặc cho những con ngựa vằn, hươu, và những loài động vật khác, chẳng hạn như, sư tử thì ăn những con như ngựa vằn và hươu, còn hổ thì ăn những con như cừu và heo – nhưng không có một thứ gì thích hợp cho con người ăn, thì liệu điều đó đã có thể hiệu quả không? Sẽ không hiệu quả. Nhân loại hẳn đã không thể tồn tại lâu dài. Điều gì xảy ra nếu con người chỉ ăn lá cây mà thôi? Liệu điều đó có hiệu quả không? Liệu con người có thể ăn cỏ vốn dành cho cừu ăn không? Có thể không gây hại gì nếu họ thử ăn một ít, nhưng nếu họ ăn những thứ như thế trong một thời gian dài, thì dạ dày của họ sẽ không thể chịu được, và con người sẽ không sống thọ. Thậm chí có những thứ mà động vật có thể ăn nhưng lại độc hại đối với con người – động vật ăn chúng thì không sao, nhưng đối với con người thì không như vậy. Điều này có nghĩa là Đức Chúa Trời đã tạo ra con người, vì vậy Đức Chúa Trời biết rõ nhất các nguyên tắc và cấu trúc của cơ thể con người và con người cần gì. Đức Chúa Trời biết rất rõ về thành phần và chất của cơ thể, nhu cầu và hoạt động của các cơ quan nội tạng, và chúng hấp thụ, loại bỏ và chuyển hoá các chất khác nhau như thế nào. Con người thì không biết; đôi khi, họ ăn uống thiếu cẩn thận, hoặc thiếu cẩn trọng trong việc tự chăm sóc bản thân, quá nhiều



những điều đó gây nên một sự mất cân bằng. Nếu người ăn và tận hưởng những thứ Đức Chúa Trời đã chuẩn bị cho người theo một cách bình thường, thì người sẽ không có vấn đề về sức khỏe. Ngay cả đôi khi người trải qua tâm trạng tồi tệ và người có tình trạng ứ máu, thì điều này không hề hấn gì. Người chỉ cần ăn một loại cây nhất định, và sự ứ đọng sẽ không còn. Đức Chúa Trời đã chuẩn bị cho tất cả những điều này. Vì thế, trong mắt Đức Chúa Trời, loài người cao trọng hơn nhiều so với bất kỳ vật sống nào khác. Đức Chúa Trời đã chuẩn bị một môi trường cho từng loại cây trồng, và Ngài chuẩn bị thức ăn và môi trường cho từng loài động vật, tuy nhiên loài người có những nhu cầu nghiêm ngặt nhất về môi trường của họ, và những nhu cầu đó không thể bị xem nhẹ một chút nào; nếu chúng bị xem nhẹ, thì loài người sẽ không thể tiếp tục phát triển, sống và sinh sản một cách bình thường. Chính Đức Chúa Trời biết rõ điều này nhất trong lòng Ngài. Khi Đức Chúa Trời làm điều này, Ngài đã chú trọng vào nó hơn là bất kỳ thứ nào khác. Có lẽ người không thể cảm nhận được tầm quan trọng của một vài thứ bình thường mà người có thể thấy và thường thức trong cuộc sống của mình, hoặc thứ nào đó mà người thấy và thường thức từ khi ra đời, nhưng Đức Chúa Trời đã chuẩn bị cho người từ lâu hoặc một cách kín nhiệm. Đức Chúa Trời đã loại bỏ và giảm thiểu đến mức tối đa tất cả những yếu tố tiêu cực không có lợi cho nhân loại và có thể gây hại cho cơ thể con người. Điều này cho thấy những gì? Có phải nó cho thấy thái độ của Đức Chúa Trời đối với nhân loại khi Ngài tạo ra họ lần này không? Thái độ đó là gì? Thái độ của Đức Chúa Trời là cẩn thận và nghiêm túc, và không khoan dung cho sự quấy nhiễu của bất kỳ thế lực thù địch hay những nhân tố hoặc những điều kiện bên ngoài nào không phải của Ngài. Trong việc này có thể thấy được thái độ của Đức Chúa Trời trong việc tạo ra và quản lý nhân loại lần này. Và Đức Chúa Trời có thái độ gì? Thông qua môi trường sinh tồn và cuộc sống mà nhân loại tận hưởng, cũng như trong đồ ăn thức uống hàng ngày và những nhu cầu hàng ngày của họ, chúng ta có thể thấy thái độ trách nhiệm của Đức Chúa Trời đối với nhân loại, thái độ mà Ngài đã giữ từ khi Ngài tạo ra con người, cũng như quyết tâm cứu rỗi nhân loại của Ngài lần này. Trong những điều này, tính xác thực của Đức Chúa Trời có thể nhìn thấy không? Sự kỳ diệu của Ngài? Sự không thể hiểu thấu của Ngài? Sự toàn năng của Ngài? Đức Chúa Trời sử dụng những cách khôn ngoan và toàn năng của Ngài để cung cấp cho toàn thể nhân loại, cũng như để cung cấp cho tất cả mọi vật trong sự tạo dựng của Ngài. Giờ đây khi Ta đã phán dạy các người quá nhiều, các người có thể nói rằng Đức Chúa Trời là nguồn sống cho muôn vật không? (Có.) Điều đó chắc chắn như thế. Các người có bất kỳ nghi ngờ gì không? (Không.) Sự cung cấp của Đức Chúa Trời cho muôn vật đủ để cho thấy rằng Ngài là nguồn sống cho muôn vật, bởi vì Ngài là nguồn cung cấp khiến cho muôn vật có thể tồn tại, sống, sinh sản và tiếp diễn, và không có nguồn nào khác ngoại trừ chính Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời cung cấp mọi nhu cầu của muôn vật và mọi nhu cầu của nhân loại, dù đó là những nhu cầu cơ bản nhất về môi trường của con người, những nhu cầu cuộc sống hàng ngày của họ, hay nhu cầu về lẽ thật mà Ngài cung cấp cho tâm linh của con người. Trong mọi cách, thân phận của Đức Chúa Trời và địa vị của Ngài là rất quan

trọng đối với loài người; chỉ có chính Đức Chúa Trời là nguồn sống cho muôn vật. Nghĩa là, Đức Chúa Trời là Đấng Cai Trị, Đấng Chủ Tể, và Đấng Cung Cấp của thế giới này, thế giới mà con người có thể nhìn thấy và cảm nhận này. Đối với nhân loại, đây chẳng phải là thân phận của Đức Chúa Trời sao? Không có gì sai trong điều này. Vì vậy khi người nhìn thấy những con chim bay trên trời, thì người nên biết rằng Đức Chúa Trời đã tạo ra mọi thứ có thể bay. Có những sinh vật bơi dưới nước, và chúng có những cách tồn tại riêng của chúng. Cây cối và thực vật sống trong đất đâm chồi và nảy mầm vào mùa xuân, trổ quả và rụng lá vào mùa thu, và vào mùa đông hết thảy lá cây đều rụng khi những cây đó chuẩn bị vượt qua mùa đông. Đó là cách sinh tồn của chúng. Đức Chúa Trời đã tạo nên muôn vật, và từng thứ sống trong những hình thức khác nhau, những cách khác nhau và sử dụng những phương pháp khác nhau để thể hiện sức sống của mình và hình thức mà nó sống. Bất kể mọi thứ sống như thế nào, hết thảy chúng đều nằm dưới sự cai trị của Đức Chúa Trời. Mục đích của việc Đức Chúa Trời cai trị tất cả các thể dạng sự sống và các sinh vật khác nhau là gì? Có phải là vì sự sinh tồn của nhân loại không? Ngài kiểm soát tất cả các quy luật của cuộc sống, tất cả là vì sự sinh tồn của nhân loại. Điều này cho thấy sự sinh tồn của nhân loại quan trọng đối với Đức Chúa Trời như thế nào.

Khả năng sinh tồn và sinh sản một cách bình thường của nhân loại là vô cùng quan trọng đối với Đức Chúa Trời. Do đó, Đức Chúa Trời đang không ngừng cung cấp cho nhân loại và mọi vật trong sự tạo dựng của Ngài. Ngài cung cấp cho muôn vật theo những cách khác nhau, và bằng cách duy trì sự sinh tồn của muôn vật, Ngài cho phép nhân loại tiếp tục tiến về phía trước, duy trì sự sinh tồn bình thường của nhân loại. Đây là hai khía cạnh trong buổi thông công của chúng ta ngày hôm nay. Hai khía cạnh này là gì? (Từ góc độ vĩ mô, Đức Chúa Trời đã tạo ra môi trường mà con người sống trong đó. Đó là khía cạnh đầu tiên. Đức Chúa Trời cũng đã chuẩn bị những thứ vật chất mà nhân loại cần, có thể nhìn thấy và chạm vào.) Chúng ta đã thông công về chủ đề chính của chúng ta thông qua hai khía cạnh này. Chủ đề chính của chúng ta là gì? (Đức Chúa Trời là nguồn sống cho muôn vật.) Giờ đây các người chắc đã hiểu một chút về lý do tại sao sự thông công của Ta về chủ đề này lại có những nội dung như thế. Đã có bất kỳ thảo luận nào không liên quan đến chủ đề chính chưa? Hoàn toàn không! Có lẽ, sau khi nghe những điều này, một số người trong các người đã có được chút hiểu biết và bây giờ cảm thấy rằng những lời này có trọng lượng, rằng chúng rất quan trọng, nhưng những người khác có thể chỉ hiểu một chút theo nghĩa đen và cảm thấy rằng những lời này không quan trọng đối với họ. Bất kể hiện tại các người hiểu điều này như thế nào, khi sự trải nghiệm của các người đã đến một ngày nhất định, khi sự hiểu biết của các người đạt đến một mức độ nhất định, nghĩa là, khi sự hiểu biết của các người về những hành động của Đức Chúa Trời và về chính Ngài đạt đến một mức độ nhất định, thì người sẽ dùng lời của chính mình, những lời thiết thực, để đưa ra một chứng ngôn sâu sắc và đích thực cho những hành động của Đức Chúa Trời.

Ta nghĩ rằng sự hiểu biết hiện tại của các người vẫn còn khá hời hợt và theo nghĩa đen, nhưng sau khi nghe về hai khía cạnh này trong sự thông công của Ta, các người ít nhất cũng có thể nhận ra những phương pháp nào Đức Chúa Trời dùng để cung cấp cho nhân loại hay Đức Chúa Trời cung cấp cho nhân loại những gì phải không? Các người có một khái niệm cơ bản, một sự hiểu biết cơ bản không? (Có.) Nhưng hai khía cạnh mà Ta đã thông công này có liên quan đến Kinh Thánh không? Chúng có liên quan đến sự phán xét và hình phạt của Đức Chúa Trời trong Thời đại Vương quốc không? (Không.) Vậy tại sao Ta lại thông công về chúng? Có phải vì con người phải hiểu chúng để biết về Đức Chúa Trời không? (Phải.) Biết những điều này là rất cần thiết và hiểu được chúng cũng rất cần thiết. Khi các người cố gắng hiểu toàn bộ về Đức Chúa Trời, đừng giới hạn bản thân trong Kinh Thánh, và đừng giới hạn bản thân trong sự phán xét và hình phạt con người của Đức Chúa Trời. Mục đích của Ta trong việc phán điều này là gì? Chính là để con người biết rằng Đức Chúa Trời không chỉ là Đức Chúa Trời của dân sự được Ngài chọn. Hiện tại người theo Đức Chúa Trời, và Ngài là Đức Chúa Trời của người, nhưng Ngài có là Đức Chúa Trời của những ai không theo Ngài không? Đức Chúa Trời có phải là Đức Chúa Trời của tất cả những người không theo Ngài hay không? Đức Chúa Trời có phải là Đức Chúa Trời của muôn vật không? (Phải.) Vậy thì liệu công tác và hành động của Đức Chúa Trời có bị giới hạn trong phạm vi chỉ dành cho những ai theo Ngài không? (Không.) Phạm vi công tác và hành động của Ngài là gì? Ở cấp độ nhỏ nhất, phạm vi công tác và hành động của Ngài bao gồm hết thảy nhân loại và mọi vật của tạo hóa. Ở cấp độ cao nhất, nó bao gồm toàn thể vũ trụ, những điều mà con người không thể thấy. Vậy, chúng ta có thể nói rằng Đức Chúa Trời thực hiện công tác của Ngài và thực hiện những hành động của Ngài trong toàn nhân loại, và điều này đủ để cho phép con người bắt đầu biết toàn bộ về chính Đức Chúa Trời. Nếu người muốn biết về Đức Chúa Trời, biết Ngài thực sự, hiểu Ngài thực sự, thì đừng giới hạn bản thân mình chỉ trong ba giai đoạn công tác của Đức Chúa Trời, hoặc trong những câu chuyện về công tác mà Ngài đã thực hiện trong quá khứ. Nếu người cố gắng biết Ngài theo cách đó, thì người đang đặt giới hạn cho Đức Chúa Trời, đang giam hãm Ngài. Người đang thấy Đức Chúa Trời là một điều gì đó rất nhỏ bé. Làm như thế sẽ ảnh hưởng đến mọi người như thế nào? Người sẽ không bao giờ có thể biết sự kỳ diệu và uy quyền tối cao của Ngài, cũng như quyền năng và tính toàn năng của Ngài, và phạm vi thẩm quyền của Ngài. Một sự hiểu biết như thế sẽ có tác động đến khả năng người chấp nhận sự thật rằng Đức Chúa Trời là Đấng Cai Trị muôn vật, cũng như sự hiểu biết của người về thân phận và địa vị thực sự của Đức Chúa Trời. Nói cách khác, nếu sự hiểu biết của người về Đức Chúa Trời bị giới hạn trong phạm vi, thì những gì người có thể nhận được cũng bị hạn chế. Đây là lý do tại sao người phải mở rộng phạm vi của mình và mở rộng tầm nhìn của mình. Người nên cố gắng hiểu toàn bộ chúng – phạm vi công tác của Đức Chúa Trời, sự quản lý của Ngài, sự cai trị của Ngài, và hết thảy những thứ Ngài quản lý và cai trị. Thông qua những điều này mà người sẽ bắt đầu hiểu những hành động của Đức Chúa Trời. Với một sự hiểu biết như thế, người sẽ bắt đầu cảm nhận, mà không

hề hay biết, rằng Đức Chúa Trời cai trị, quản lý, và cung cấp cho muôn vật giữa chúng, và người sẽ thực sự cảm nhận rằng người là một phần và một thành viên của muôn vật. Vì Đức Chúa Trời cung cấp cho muôn vật, nên người cũng chấp nhận sự cai trị và cung cấp của Đức Chúa Trời. Đây là sự thật mà không ai có thể phủ nhận. Muôn vật đều phải tuân theo những qui luật dành riêng cho chúng dưới sự cai trị của Đức Chúa Trời, và dưới sự cai trị của Đức Chúa Trời, muôn vật có những quy luật riêng để sinh tồn. Số phận và nhu cầu của nhân loại cũng bị ràng buộc cùng với sự cai trị và cung cấp của Đức Chúa Trời. Đó là lý do tại sao, dưới sự thống trị và cai trị của Đức Chúa Trời, nhân loại và muôn vật được kết nối với nhau, phụ thuộc lẫn nhau, và đan xen lẫn nhau. Đây là mục đích và giá trị trong việc tạo ra muôn vật của Đức Chúa Trời.

Ngày 2 tháng 2 năm 2014

## **CHÍNH ĐỨC CHÚA TRỜI, ĐẲNG ĐỘC NHẤT IX**

### **ĐỨC CHÚA TRỜI LÀ NGUỒN SỐNG CHO MUÔN VẬT (III)**

Trong khoảng thời gian này, chúng ta đã nói về nhiều điều liên quan đến việc biết đến Đức Chúa Trời và gần đây chúng ta đã bàn về một đề tài liên quan đến điều này và nó có tầm quan trọng rất lớn. Đề tài đó là gì? (Đức Chúa Trời là nguồn sống cho muôn vật.) Dường như những điểm và chủ đề mà Ta phán dạy đã gây ấn tượng mạnh cho mọi người. Lần trước chúng ta đã bàn về một vài khía cạnh về môi trường sinh tồn mà Đức Chúa Trời đã tạo nên cho loài người, cũng như là nhiều loại thực phẩm cần thiết cho con người để sống, những thứ Đức Chúa Trời đã sắp sẵn cho loài người. Thực ra, những gì Đức Chúa Trời làm không giới hạn trong việc sắp sẵn một môi trường sinh tồn cho con người, cũng không giới hạn trong việc sắp sẵn thực phẩm hàng ngày của họ. Đúng hơn, nó bao gồm rất nhiều công việc mẫu nhiệm và cần thiết liên quan đến nhiều mặt và khía cạnh khác nhau vì sự sinh tồn của con người và vì sự sống của loài người. Đây là tất cả các việc làm của Đức Chúa Trời. Những việc làm của Đức Chúa Trời không giới hạn chỉ trong việc Ngài sắp sẵn một môi trường sinh tồn cho con người và thực phẩm hàng ngày của họ – mà chúng có một phạm vi rộng hơn thế nhiều. Ngoài hai loại công việc này, Ngài cũng sắp sẵn nhiều môi trường và điều kiện sinh tồn cần thiết cho con người để sống. Đây là một đề tài mà chúng ta sẽ thảo luận hôm nay. Nó cũng liên quan đến những việc làm của Đức Chúa Trời; nếu không, việc bàn đến điều đó ở đây cũng không có nghĩa gì. Nếu con người muốn biết về Đức Chúa Trời nhưng họ chỉ hiểu nghĩa đen của từ “Đức Chúa Trời”, hoặc về nhiều khía cạnh khác về việc Đức Chúa Trời có gì và là gì, thì đó không phải là sự hiểu biết đúng. Vậy thì con đường dẫn đến sự hiểu biết về Đức Chúa Trời là gì? Đó là việc biết đến Ngài qua các việc làm của Ngài, và việc biết đến Ngài trong mọi khía cạnh về Ngài. Vì vậy, chúng ta phải thông công nhiều hơn về chủ đề các việc làm của Đức Chúa Trời vào thời điểm Ngài dựng nên muôn vật.

Kể từ khi Đức Chúa Trời dựng nên muôn vật, chúng luôn hoạt động và tiếp tục tiến triển một cách có trật tự và phù hợp với các quy luật mà Ngài đã quy định. Dưới sự quan sát của Ngài, dưới sự cai trị của Ngài, loài người đã tồn tại và suốt từ đó đến giờ muôn vật đã và đang phát triển một cách có trật tự. Không gì có thể thay đổi hoặc phá hủy các quy luật này. Chính bởi sự cai trị của Đức Chúa Trời mà mọi sinh vật có thể sinh sôi nảy nở, và chính bởi sự cai trị và quản lý của Ngài mà mọi sinh vật có thể tồn tại. Điều này nói lên rằng dưới sự cai trị của Đức Chúa Trời thì mọi sinh vật đều ra đời, phát triển, biến mất, và tái sinh một cách có trật tự. Khi mùa xuân đến, những cơn mưa phùn sẽ mang lại cảm giác của một mùa tươi mát và làm ẩm ướt mặt đất. Đất trở nên tơi xốp và cỏ đâm chồi lên khỏi mặt đất và bắt đầu nhú mầm, trong khi cây cối dần trở nên xanh. Tất cả những sinh vật này mang lại sức sống tươi mới cho trái đất. Điều này giống như khi mọi sinh vật ra đời và phát triển. Tất cả các loài động vật đều ra khỏi hang của chúng để cảm nhận sự ấm áp của mùa xuân và bắt đầu một năm mới. Mọi sinh vật đắm mình trong hơi ấm suốt mùa hè và thưởng thức sự ấm áp do mùa này mang lại. Chúng phát

triển nhanh chóng. Cây cỏ và tất cả các loại thực vật đều phát triển nhanh chóng, cho đến lúc chúng cuối cùng nở hoa và kết trái. Mọi sinh vật đều bận rộn trong suốt mùa hè, bao gồm cả con người. Vào mùa thu, những cơn mưa mang lại sự mát mẻ của mùa, và mọi loài sinh vật bắt đầu cảm nhận mùa thu hoạch đang đến. Các loài đều kết trái, và con người bắt đầu thu hoạch các loại hoa trái khác nhau để có thực phẩm chuẩn bị cho mùa đông. Vào mùa đông, mọi sinh vật dần bắt đầu yên vị trong sự tĩnh lặng và nghỉ ngơi khi thời tiết bắt đầu lạnh, và con người cũng nghỉ ngơi trong mùa này. Từ mùa này sang mùa khác, chuyển đổi từ mùa xuân sang hạ sang thu sang đông – tất cả những sự thay đổi này đều xảy ra theo những quy luật do Đức Chúa Trời thiết lập. Ngài dẫn dắt vạn vật và loài người theo những quy luật này và bày ra cho loài người một lối sống dư dật và muôn màu muôn vẻ, sắp sẵn một môi trường sinh tồn có nhiệt độ và các mùa khác nhau. Do đó, trong kiểu môi trường sinh tồn có trật tự này, con người có thể tồn tại và sinh sản thêm lên một cách có trật tự. Con người không thể thay đổi những quy luật này và không con người hoặc sinh vật nào có thể phá vỡ chúng. Mặc dù vô số những sự thay đổi đã xảy ra – nhiều vùng biển đã trở thành cánh đồng, trong khi những cánh đồng lại trở thành biển, những quy luật này tiếp tục tồn tại. Chúng tồn tại bởi vì Đức Chúa Trời tồn tại, và vì sự cai trị và quản lý của Ngài. Với kiểu môi trường quy mô lớn có trật tự này, đời sống của con người cứ tiếp diễn theo các quy luật và quy tắc này. Theo những quy luật này thì con người hết thế hệ này đến thế hệ khác đã được nuôi dưỡng, và hết thế hệ này đến thế hệ khác con người đã tồn tại. Con người đã tận hưởng môi trường sinh tồn có trật tự này cũng như là tất cả mọi thứ được Đức Chúa Trời tạo nên từ hết thế hệ này đến thế hệ khác. Mặc dù con người cảm thấy rằng những kiểu quy luật này vốn dĩ đã có và coi chúng là chuyện đương nhiên với vẻ khinh suất, và mặc dù họ không thể cảm nhận rằng Đức Chúa Trời đang dàn xếp các quy luật này, rằng Đức Chúa Trời đang cai trị trên những quy luật này, dù gì đi nữa, thì Đức Chúa Trời cũng luôn luôn tham gia vào công tác bất biến này. Mục đích của Ngài trong công tác bất biến này là sự sống còn của loài người, và để loài người có thể tiếp tục sống.

## **Đức Chúa Trời lập ranh giới cho muôn vật để nuôi dưỡng toàn thể loài người**

Hôm nay Ta sẽ bàn về đề tài những loại quy luật này mà Đức Chúa Trời đã mang đến cho muôn vật nuôi dưỡng toàn thể loài người như thế nào. Đây là một đề tài khá rộng, vì vậy chúng ta có thể chia ra làm nhiều phần và thảo luận từng phần một để chúng có thể được phác họa rõ ràng cho các người. Bằng cách này các người sẽ dễ dàng nắm bắt hơn và các người dần dần có thể hiểu được nó.

### **Phần một: Đức Chúa Trời đặt ranh giới cho từng loại địa hình**

Vậy, chúng ta hãy bắt đầu với phần đầu tiên. Khi Đức Chúa Trời dựng nên muôn vật, Ngài đã vẽ ranh giới cho núi non, đồng bằng, sa mạc, đồi, sông và hồ. Trên mặt đất có núi, đồng bằng, sa mạc và đồi, cũng như là các vùng nước khác nhau. Những thứ này tạo thành các loại địa hình khác nhau, không phải sao? Giữa chúng, Đức Chúa Trời

đã vạch ra những ranh giới. Khi chúng ta nói đến việc vạch ranh giới, điều đó có nghĩa là những ngọn núi có ranh giới của chúng, những đồng bằng có ranh giới của riêng chúng, các sa mạc có một phạm vi nhất định, và những ngọn đồi có một diện tích cố định. Các vùng nước như là sông và hồ cũng có một số lượng cố định. Nghĩa là, khi Đức Chúa Trời dựng nên muôn vật thì Ngài đã phân chia mọi vật rất rõ ràng. Đức Chúa Trời đã xác định bán kính của từng ngọn núi đã ấn định nên là bao nhiêu ki-lô-mét và phạm vi của nó như thế nào. Ngài cũng đã xác định bán kính của từng đồng bằng đã ấn định nên là bao nhiêu ki-lô-mét và phạm vi của nó như thế nào. Khi dựng nên muôn vật Ngài cũng đã xác định các giới hạn của những sa mạc cũng như phạm vi của những ngọn đồi và tỉ lệ của chúng, và chúng được tiếp giáp với những gì – tất cả những điều này đều do Ngài định đoạt. Ngài đã xác định phạm vi của những con sông và các hồ trong quá trình tạo ra chúng – tất cả chúng đều có ranh giới. Vậy khi chúng ta bàn về “các ranh giới” thì điều đó có nghĩa là gì? Chúng ta chỉ bàn về việc Đức Chúa Trời cai trị muôn vật như thế nào qua việc thiết lập các quy luật cho vạn vật. Nghĩa là, phạm vi và ranh giới của núi non sẽ không mở rộng ra hoặc thu hẹp lại bởi vòng quay của trái đất hoặc theo thời gian. Chúng được cố định, không thay đổi, và chính Đức Chúa Trời chi phối sự bất biến của chúng. Còn về các vùng đồng bằng, thì phạm vi của chúng là gì, chúng tiếp giáp với những gì – điều này đã được Đức Chúa Trời thiết lập. Chúng có ranh giới của mình, và như thế sẽ không có một ụ đất nào có thể mọc lên một cách ngẫu nhiên từ mặt đất của vùng đồng bằng. Đồng bằng không thể đột nhiên biến thành một ngọn núi – điều này sẽ không thể xảy ra. Đây là ý nghĩa của các quy luật và ranh giới mà chúng ta vừa nói đến. Còn về sa mạc, chúng ta sẽ không đề cập đến những chức năng cụ thể của sa mạc hoặc bất kỳ loại địa hình hoặc vị trí địa lý nào ở đây, mà chỉ nói về ranh giới của chúng. Dưới sự cai trị của Đức Chúa Trời, các giới hạn của sa mạc cũng sẽ không mở rộng. Đó là vì Đức Chúa Trời đã ban cho nó quy luật của nó, các giới hạn của nó. Diện tích của nó lớn bao nhiêu và chức năng của nó là gì, nó được tiếp giáp với những gì, và vị trí của nó ở đâu – điều này đã được Đức Chúa Trời thiết lập. Nó sẽ không vượt quá các giới hạn hoặc thay đổi vị trí của mình, và diện tích của nó sẽ không mở rộng một cách tùy tiện. Mặc dù tất cả những dòng nước như sông và hồ đều chảy có trật tự và liên tục, chúng không bao giờ di chuyển ra ngoài phạm vi của chúng hoặc vượt khỏi ranh giới của chúng. Tất cả chúng đều chảy theo một hướng, hướng mà chúng được ấn định để chảy, theo một cách có trật tự. Như vậy theo các quy luật trong sự cai trị của Đức Chúa Trời, thì không có dòng sông hoặc hồ nào sẽ cạn một cách tùy tiện hoặc tùy ý thay đổi hướng hoặc lưu lượng của nó bởi vòng quay của trái đất hoặc theo thời gian. Tất cả những điều này đều nằm trong sự kiểm soát của Đức Chúa Trời. Điều đó có nghĩa là, muôn vật do Đức Chúa Trời dựng nên giữa nhân loại này đều được ấn định về vị trí, diện tích, và các giới hạn. Nghĩa là, khi Đức Chúa Trời dựng nên muôn vật, các ranh giới của chúng đã được thiết lập, và chúng không được biến đổi, đổi mới, hoặc thay đổi một cách tùy tiện. “Một cách tùy tiện” nghĩa là gì? Điều đó có nghĩa là chúng sẽ không ngẫu nhiên dịch chuyển, mở rộng, hoặc thay đổi hình dạng ban đầu do

bởi thời tiết, nhiệt độ, hoặc tốc độ quay của trái đất. Ví dụ, một ngọn núi có một chiều cao nhất định, chân của nó nằm trong một khu vực nhất định, nó có một độ cao nhất định, và nó có một lượng cây cối nhất định. Tất cả điều này đều được Đức Chúa Trời lên kế hoạch và tính toán và nó sẽ không được thay đổi một cách tùy tiện. Còn về các vùng đồng bằng, đa số con người sống ở vùng đồng bằng, và sự thay đổi khí hậu sẽ không ảnh hưởng đến khu vực của chúng hoặc giá trị trong sự hiện hữu của chúng. Ngay cả những thứ có trong các địa hình và môi trường địa lý khác nhau đã được Đức Chúa Trời dựng nên này sẽ không được thay đổi một cách tùy tiện. Ví dụ, thành phần của sa mạc, các loại mỏ khoáng sản dưới lòng đất, lượng cát chứa đựng trong một sa mạc và màu sắc của nó, độ dày của sa mạc – những thứ này sẽ không tùy tiện thay đổi. Tại sao chúng sẽ không tùy tiện thay đổi? Đó là vì sự cai trị của Đức Chúa Trời và sự quản lý của Ngài. Trong tất cả những địa hình và môi trường địa lý khác nhau do Đức Chúa Trời dựng nên này, Ngài đang quản lý mọi thứ theo kế hoạch và có trật tự. Vì thế tất cả các môi trường địa lý này vẫn tồn tại và vẫn đang thực hiện chức năng của chúng trong hàng ngàn và thậm chí hàng vạn năm sau khi chúng được Đức Chúa Trời dựng nên. Mặc dù có những thời kỳ nhất định khi các núi lửa phun trào, và những thời kỳ các trận động đất xảy ra, và có những sự xê dịch đáng kể của các vùng đất, Đức Chúa Trời tuyệt đối sẽ không cho phép bất kỳ loại địa hình nào mất đi chức năng ban đầu của nó. Chỉ bởi sự quản lý này của Đức Chúa Trời, sự cai trị và kiểm soát những quy luật này của Ngài, mà tất cả những điều này – tất cả những điều mà được loài người nhìn thấy và tận hưởng – đều có thể tồn tại trên đất một cách có trật tự. Vậy thì tại sao Đức Chúa Trời quản lý mọi địa hình khác nhau tồn tại trên đất theo cách này? Mục đích của Ngài là để các sinh vật tồn tại trong những môi trường địa lý khác nhau đều sẽ có một môi trường ổn định, và để chúng có thể tiếp tục sống và sinh sôi nảy nở trong môi trường ổn định đó. Tất cả những thứ này – những thứ di động và những thứ bất động, những thứ thở bằng mũi và những thứ không – làm nên một môi trường độc đáo cho sự sinh tồn của loài người. Chỉ có loại môi trường này mới có thể nuôi dưỡng loài người từ thế hệ này đến thế hệ khác, và chỉ có loại môi trường này mới có thể cho phép con người tiếp tục tồn tại một cách thanh bình, từ thế hệ này đến thế hệ khác.

Những điều Ta vừa phán là một đề tài khá rộng, vì vậy có lẽ nó dường như có phần xa cách với đời sống của các người, nhưng Ta tin rằng các người đều có thể hiểu nó. Điều đó có nghĩa là, các quy luật của Đức Chúa Trời trong sự thống trị của Ngài đối với muôn vật rất là quan trọng – thực sự rất quan trọng! Điều kiện tiên quyết cho sự phát triển của mọi sinh vật theo các quy luật này là gì? Chính là bởi sự cai trị của Đức Chúa Trời. Chính bởi sự cai trị của Ngài mà mọi sinh vật đều thực hiện chức năng riêng của mình trong sự cai trị của Ngài. Ví dụ, các ngọn núi nuôi dưỡng các khu rừng và các khu rừng lại lần lượt nuôi dưỡng và bảo vệ chim và thú khác nhau sống trong đó. Các vùng đồng bằng là nền đất được sắp sẵn để con người trồng trọt cũng như là cho các loài chim thú khác nhau. Chúng cho phép phần lớn loài người sống trên vùng đất bằng và mang lại sự tiện lợi trong đời sống con người. Và đồng bằng cũng bao gồm các đồng



cỏ – những dải đồng cỏ rộng lớn. Những đồng cỏ cung cấp thảm thực vật bao phủ mặt đất. Chúng bảo vệ đất và nuôi dưỡng gia súc, cừu và ngựa sống trên các đồng cỏ. Sa mạc cũng thực hiện chức năng riêng của nó. Nó không phải là một nơi để con người sinh sống; vai trò của nó là làm cho khí hậu ẩm ướt trở nên khô ráo hơn. Những dòng chảy của sông và hồ mang lại cho con người nguồn nước uống một cách thuận tiện. Bất cứ nơi nào chúng chảy đến thì con người sẽ có nước uống và nhu cầu về nước của muôn vật cũng sẽ được đáp ứng một cách thuận tiện. Đây là những ranh giới do Đức Chúa Trời vạch ra cho những địa hình khác nhau.

## **Phần hai: Đức Chúa Trời đặt ranh giới cho từng loại sinh vật**

Do những ranh giới mà Đức Chúa Trời đã vạch ra này, mà những địa hình khác nhau đã tạo ra những môi trường sinh tồn khác nhau, và những môi trường sinh tồn này đã thuận lợi cho các loài chim thú khác nhau và cũng cho chúng khoảng không gian để sinh tồn. Từ đó mà ranh giới cho các môi trường sinh tồn của những sinh vật khác nhau đã được phát triển. Đây là phần thứ hai chúng ta sẽ nói đến tiếp theo. Trước tiên, những con chim, con thú và côn trùng sống ở đâu? Có phải chúng sống trong rừng và các lùm cây? Đây là nhà của chúng. Như thế, ngoài việc thiết lập ranh giới cho những môi trường địa lý khác nhau, Đức Chúa Trời cũng đã vẽ ranh giới và thiết lập quy luật cho các loài chim, thú, cá và côn trùng khác nhau, và tất cả cây cối. Bởi sự khác biệt giữa những môi trường địa lý khác nhau và bởi sự tồn tại của những môi trường địa lý khác nhau, mà các loài chim, thú, cá và côn trùng khác nhau và cây cối có những môi trường sinh tồn khác nhau. Chim, thú và côn trùng sống giữa những loài cây cối khác nhau, cá sống dưới nước, và cây mọc trên đất. Đất bao gồm nhiều khu vực khác nhau như là núi, đồng bằng và đồi. Một khi những con chim và con thú đã có được nơi an cư riêng của chúng, thì chúng sẽ không lang thang đó đây, không đi nơi nào nữa. Nhà của chúng là rừng núi. Nếu một ngày nào đó, nhà của chúng bị phá hủy, thì trật tự này sẽ trở nên hỗn loạn. Ngay khi trật tự trở nên hỗn loạn, thì hậu quả sẽ ra sao? Ai là người đầu tiên phải gánh chịu? Đó là loài người. Trong phạm vi các quy luật và giới hạn mà Đức Chúa Trời đã thiết lập, các người có thấy hiện tượng nào khác thường không? Ví dụ, những con voi đi trong sa mạc. Các người có thấy điều gì như thế chưa? Nếu điều này thực sự xảy ra thì đó sẽ là một hiện tượng rất lạ, bởi vì voi sống trong rừng, và đó là môi trường sinh tồn mà Đức Chúa Trời đã sắp sẵn cho chúng. Chúng có môi trường sinh tồn riêng của mình và nơi an cư riêng của mình, vậy thì tại sao chúng lại chạy lòng vòng? Có ai đã nhìn thấy những con sư tử và hổ đi bên bờ biển chưa? Chưa, các người chưa nhìn thấy. Nhà của sư tử và hổ là rừng và núi. Có ai đã nhìn thấy những con cá voi hoặc cá mập của đại dương bơi qua sa mạc chưa? Chưa, các người chưa nhìn thấy. Cá voi và cá mập lấy đại dương làm nhà. Trong môi trường sống của con người, có người nào sống cạnh gấu nâu không? Có người nào luôn luôn bị vây quanh bởi những con công và các loại chim khác, trong và ngoài nhà mình không? Có ai đã nhìn thấy đại bàng hoặc ngỗng hoang chơi với khỉ chưa? (Chưa.) Những điều này sẽ là những hiện tượng khác

thường. Lý do Ta phán những điều mà dường như rất lạ với tai này với các người là để các người hiểu được rằng mọi sinh vật do Đức Chúa Trời dựng nên – bất kể chúng được cố định một chỗ hoặc chúng có thể thở bằng mũi hay không – đều có những quy luật sinh tồn riêng cho chúng. Rất lâu trước khi Đức Chúa Trời dựng nên những sinh vật này, Ngài đã sắp sẵn cho chúng những ngôi nhà riêng và môi trường sinh tồn riêng. Những sinh vật này có môi trường sinh tồn cố định của riêng mình, thức ăn riêng và nhà riêng cố định, và chúng có những nơi cố định phù hợp với sự sinh tồn của chúng, những nơi có nhiệt độ phù hợp với sự sinh tồn của chúng. Do đó, chúng không đi lang thang khắp nơi hoặc ngằm hủy hoại sự sinh tồn của loài người hoặc tác động đến đời sống con người. Đây là cách Đức Chúa Trời quản lý muôn vật, ban cho loài người môi trường tốt nhất để sinh tồn. Mỗi sinh vật trong muôn vật đều có thức ăn riêng để duy trì sự sống của chúng trong những môi trường sinh tồn của riêng chúng. Với thức ăn đó, chúng gắn liền với môi trường bản địa của mình để sinh tồn. Trong loại môi trường đó, chúng tiếp tục tồn tại, sinh sôi nảy nở, và phát triển đúng theo các quy luật mà Đức Chúa Trời đã thiết lập cho chúng. Bởi vì những loại quy luật này, bởi vì sự tiền định của Đức Chúa Trời, muôn vật sống hài hòa với loài người, và loài người cùng tồn tại trong sự phụ thuộc lẫn nhau với muôn vật.

### **Phần ba: Đức Chúa Trời duy trì môi trường và hệ sinh thái để nuôi dưỡng nhân loại**

Đức Chúa Trời đã dựng nên muôn vật và thiết lập các ranh giới cho chúng; giữa chúng Ngài nuôi dưỡng mọi loài sinh vật. Đồng thời, Ngài cũng sắp sẵn những phương tiện sinh tồn khác nhau cho loài người, vì thế người có thể thấy rằng loài người không chỉ có một cách để tồn tại, họ cũng không chỉ có một loại môi trường để sinh tồn. Trước đây chúng ta đã nói về việc Đức Chúa Trời đã sắp sẵn nhiều loại thức ăn và nguồn nước cho con người, điều thiết yếu để cho đời sống của loài người trong xác thịt được tiếp tục. Tuy nhiên, trong nhân loại này, không phải tất cả mọi người đều sống nhờ vào ngũ cốc. Con người có những phương tiện sinh tồn khác nhau do sự khác biệt về môi trường địa lý và địa hình. Những phương tiện sinh tồn này đều đã được Đức Chúa Trời sắp sẵn. Vì thế không phải hết thảy con người đều tham gia chủ yếu vào nông nghiệp. Nghĩa là, không phải tất cả mọi người đều có được thực phẩm của mình bằng cách trồng trọt. Đây là phần thứ ba mà chúng ta sẽ nói đến: Các ranh giới đã phát sinh bởi những lối sống khác nhau của loài người. Vậy con người có những lối sống nào khác? Xét về các nguồn thực phẩm khác nhau, có những loại người nào khác nữa? Có một số kiểu chính sau đây:

Đầu tiên là lối sống săn bắn. Mọi người đều biết đó là gì. Những người sống bằng săn bắn thì ăn gì? (Trò chơi.) Họ ăn chim và thú trong rừng. “Trò chơi” là một từ hiện đại. Những người thợ săn không nghĩ về nó như là một trò chơi; họ nghĩ về nó là thực phẩm, như là lương thực hàng ngày của họ. Ví dụ, họ săn được một con nai. Khi họ có được con nai này cũng giống như một người nông dân có được thực phẩm từ đất. Một

người nông dân có thực phẩm từ đất, và khi nhìn thấy thực phẩm này, anh ta thấy rất vui và cảm thấy dễ chịu. Gia đình sẽ không bị đói vì có hoa màu để ăn. Lòng người nông dân không còn lo lắng và cảm thấy hài lòng. Một người thợ săn cũng cảm thấy thoải mái và hài lòng khi nhìn thấy thú mà anh ta vừa bắt được bởi vì anh ta không còn phải lo lắng về thực phẩm nữa. Có thứ để ăn cho bữa ăn tiếp theo và không phải bị đói. Đây là một người săn bắn để sống. Phần lớn những người tồn tại nhờ săn bắn thì sống trong rừng núi. Họ không làm nông. Không dễ để tìm thấy đất trồng ở đó, vì vậy họ tồn tại nhờ vào những sinh vật khác nhau, những loại con mồi khác nhau. Đây là lối sống đầu tiên khác với con người bình thường.

Kiểu thứ hai là một lối sống của những người chăn gia súc. Những người chăn gia súc để kiếm sống cũng làm nông phải không? (Không.) Vậy họ làm gì? Họ sống như thế nào? (Đa phần, họ chăn gia súc và cừu để kiếm sống, và vào mùa đông họ làm thịt và ăn gia súc của họ. Thực phẩm chủ yếu của họ là thịt bò và thịt cừu, và họ uống trà sữa. Mặc dù những người chăn gia súc bận rộn suốt bốn mùa, nhưng họ có đầy đủ thức ăn. Họ có nhiều sữa, các sản phẩm từ sữa, và thịt.) Những người chăn gia súc để kiếm sống chủ yếu ăn thịt bò và thịt cừu, uống sữa cừu và sữa bò, cưỡi gia súc và ngựa để chăn gia súc trên các cánh đồng, gió vờn trên tóc và nắng tạt lên da. Họ không phải đối mặt với những căng thẳng của cuộc sống hiện đại. Cả ngày họ ngắm nhìn bầu trời xanh và những đồng cỏ bao la. Đa số những người tồn tại nhờ việc chăn gia súc thì sống trên các đồng cỏ, và họ có thể tiếp tục lối sống du mục của mình qua nhiều thế hệ. Mặc dù đời sống trên các đồng cỏ có chút cô đơn, nhưng nó cũng là một đời sống rất hạnh phúc. Đó không phải là một lối sống tệ!

Kiểu thứ ba là lối sống bằng nghề đánh cá. Một phần nhỏ của nhân loại sống gần biển hoặc trên những hòn đảo nhỏ. Họ được bao quanh bởi nước, hướng ra biển. Những người này đánh cá để kiếm sống. Nguồn thực phẩm cho những người đánh cá để kiếm sống là gì? Nguồn thực phẩm của họ bao gồm tất cả các loại cá, hải sản, và những sản phẩm khác của biển. Những người đánh cá để kiếm sống không làm nông, mà thay vào đó đánh bắt cá mỗi ngày. Thức ăn chủ yếu của họ bao gồm nhiều loại cá và các sản phẩm của biển. Thỉnh thoảng họ trao đổi những thứ này lấy gạo, bột mì, và nhu yếu phẩm hàng ngày. Đây là một lối sống khác của những người sống gần nước. Sống gần nước, họ dựa vào nó để có thức ăn, và kiếm sống bằng nghề đánh cá. Nghề đánh cá mang lại cho họ không chỉ là nguồn thực phẩm, mà còn là một phương kế sinh nhai.

Ngoài việc canh tác trên đất, nhân loại sống phần lớn theo ba lối sống được nêu ở trên. Tuy nhiên, đa số con người làm nghề nông để kiếm sống, chỉ có một vài nhóm người sống bằng việc chăn gia súc, đánh cá và săn bắn. Và những người sống bằng nghề nông cần gì? Thứ họ cần là đất đai. Từ thế hệ này đến thế hệ khác, họ sống bằng cách trồng các mùa vụ trong đất, và dù họ có trồng rau, cây ăn trái, hoặc ngũ cốc, thì chính từ đất mà họ có được thực phẩm và các nhu yếu phẩm hàng ngày của họ.

Các điều kiện cơ bản làm nền tảng cho những lối sống khác nhau này của con người là gì? Chẳng phải môi trường mà trong đó họ có thể tồn tại được duy trì ở mức cơ bản

là điều hoàn toàn cần thiết sao? Nghĩa là, nếu những ai tồn tại nhờ vào săn bắn mà mất đi rừng núi hoặc những con chim và con thú, thì nguồn sinh kế của họ sẽ mất đi. Phương hướng mà dân tộc này và những kiểu người như vậy phải đi sẽ trở nên không chắc chắn, và họ thậm chí có thể biến mất. Còn những người chăn gia súc để kiếm sống thì sao? Họ phụ thuộc vào cái gì? Những gì họ thực sự phụ thuộc vào không phải là gia súc của họ, mà là môi trường mà gia súc của họ có thể tồn tại – những đồng cỏ. Nếu không có các đồng cỏ, thì những người chăn bầy sẽ chăn gia súc của họ ở đâu? Gia súc và cừu sẽ ăn gì? Nếu không có gia súc, những dân tộc du mục này sẽ không có sinh kế. Nếu không có nguồn sinh kế, thì những dân tộc này sẽ đi đâu? Họ sẽ trở nên rất khó khăn để tiếp tục tồn tại; họ sẽ không có tương lai. Nếu không có nguồn nước, và sông hồ hoàn toàn khô cạn, thì liệu tất cả các loài cá sống phụ thuộc vào nước này có còn tồn tại được không? Chúng sẽ không tồn tại được. Liệu những người phụ thuộc vào nước và cá để kiếm sống có tiếp tục tồn tại được không? Khi họ không còn thực phẩm, khi họ không còn nguồn sinh kế, thì những người này sẽ không thể tiếp tục tồn tại. Nghĩa là, nếu bất kỳ một dân tộc nào đó gặp phải vấn đề về sinh kế của mình hoặc sự sống còn của mình, thì dân tộc đó sẽ không còn tồn tại, và họ có thể biến mất khỏi mặt đất và trở nên tuyệt chủng. Và nếu những người làm nông để kiếm sống mất đi đất đai, nếu họ không thể trồng tất cả các loại cây và thu được thực phẩm từ những cây đó, thì kết quả sẽ ra sao? Không có thực phẩm, chẳng phải con người sẽ chết đói sao? Nếu con người chết đói, chẳng phải chủng tộc đó sẽ bị diệt vong sao? Vì vậy đây là mục đích của Đức Chúa Trời trong việc duy trì các loại môi trường khác nhau. Đức Chúa Trời chỉ có một mục đích trong việc duy trì các môi trường và hệ sinh thái khác nhau và tất cả các sinh vật khác nhau sống trong đó – và đó là để nuôi dưỡng tất cả các loại người, để nuôi dưỡng con người sống trong những môi trường địa lý khác nhau.

Nếu mọi vật trong tạo hóa mất đi các quy luật riêng của chúng, thì chúng sẽ không còn tồn tại; nếu những quy luật của muôn vật mất đi, thì những sinh vật trong số muôn vật sẽ không thể tiếp tục tồn tại. Nhân loại cũng sẽ mất đi môi trường mà họ phụ thuộc vào vì sự sống còn. Nếu nhân loại mất tất cả những điều đó, thì họ sẽ không tiếp tục phát triển và sinh sản thêm lên từ thế hệ này đến thế hệ khác như họ đã và đang làm. Lý do con người đã tồn tại cho đến bây giờ là vì Đức Chúa Trời đã chu cấp cho họ tất cả mọi thứ trong tạo hóa để nuôi dưỡng họ, để nuôi dưỡng loài người theo những cách khác nhau. Chỉ vì Đức Chúa Trời nuôi dưỡng loài người theo những cách khác nhau mà loài người đã tồn tại cho đến bây giờ, đến ngày nay. Với một môi trường được bố trí trước cho sự sinh tồn thật thuận lợi và trong đó các quy luật tự nhiên thật quy củ, thì tất cả các loại người khác nhau trên trái đất, tất cả các chủng tộc khác nhau, đều có thể tồn tại trong các khu vực được quy định cho riêng mình. Không ai có thể vượt ra ngoài những khu vực này hoặc các ranh giới giữa họ bởi vì chính Đức Chúa Trời đã phân định chúng. Tại sao Đức Chúa Trời lại phân định ranh giới theo cách này? Đây là vấn đề rất quan trọng đối với toàn nhân loại – thật sự rất quan trọng! Đức Chúa Trời đã phân định phạm vi cho từng loại sinh vật và ấn định phương tiện sinh tồn cho từng loại người. Ngài

cũng đã phân chia các loại người khác nhau và các chủng tộc khác nhau trên đất và thiết lập một phạm vi cho họ. Đây là điều chúng ta sẽ thảo luận tiếp theo.

### **Phần bốn: Đức Chúa Trời vạch ra ranh giới giữa các chủng tộc khác nhau**

Thứ tư, Đức Chúa Trời đã vẽ ranh giới giữa các chủng tộc khác nhau. Trên trái đất có người da trắng, da đen, da nâu, và da vàng. Đây là những loại người khác nhau. Đức Chúa Trời cũng đã bố trí một phạm vi sinh sống cho những loại người khác nhau này, và con người sống trong môi trường sinh tồn thích hợp của họ dưới sự quản lý của Đức Chúa Trời mà không hay biết về điều đó. Không ai có thể bước ra khỏi phạm vi này. Ví dụ, chúng ta hãy xem xét những người da trắng. Phạm vi địa lý mà hầu hết trong số họ đang sống là ở đâu? Hầu hết sống ở châu Âu và châu Mỹ. Phạm vi địa lý mà người da đen sống chủ yếu là ở châu Phi. Những người da nâu chủ yếu sống ở Đông Nam Á và Nam Á, tại các quốc gia như Thái Lan, Ấn Độ, Mi-an-ma, Việt Nam, và Lào. Những người da vàng chủ yếu sống ở châu Á, đó là, trong những quốc gia như Trung Quốc, Nhật Bản, và Hàn Quốc. Đức Chúa Trời đã phân bố tất cả các loại chủng tộc khác nhau này một cách thích hợp để những chủng tộc khác nhau này được phân bổ khắp các vùng khác nhau trên thế giới. Trong những vùng khác nhau trên thế giới này, từ lâu Đức Chúa Trời đã sắp sẵn một môi trường sinh tồn phù hợp cho từng chủng tộc khác nhau của loài người. Trong những môi trường sinh tồn này, Đức Chúa Trời đã sắp sẵn cho họ các loại đất có màu sắc và cấu tạo khác nhau. Nói cách khác, các thành phần tạo nên cơ thể người da trắng không giống với những thành phần tạo nên cơ thể của người da đen, và chúng cũng khác với những thành phần tạo nên cơ thể con người của những chủng tộc khác. Khi Đức Chúa Trời dựng nên muôn vật, Ngài đã sắp sẵn một môi trường sinh tồn cho chủng tộc đó. Mục đích Ngài làm vậy là để khi loại người đó bắt đầu sinh sản thêm lên, và gia tăng dân số, thì họ có thể được ổn định trong một phạm vi nhất định. Trước khi Đức Chúa Trời dựng nên con người, Ngài đã suy nghĩ về tất cả những điều đó – Ngài sẽ giành Châu Âu và Châu Mỹ cho người da trắng để họ phát triển và tồn tại. Vì thế khi Đức Chúa Trời dựng nên trái đất, thì Ngài đã có một kế hoạch, Ngài đã có một mục tiêu và một mục đích trong việc Ngài đặt những gì vào mảnh đất đó, và việc Ngài nuôi dưỡng những gì trong mảnh đất đó. Ví dụ, những ngọn núi nào, bao nhiêu đồng bằng, bao nhiêu nguồn nước, những loại chim và thú nào, loại cá gì, và loại cây nào sẽ được trồng trên đất đó, Đức Chúa Trời đã sắp sẵn tất cả những thứ đó từ lâu. Khi chuẩn bị một môi trường sinh tồn cho một loại người, cho một chủng tộc đã định sẵn, thì Đức Chúa Trời cần phải xem xét nhiều vấn đề từ mọi góc độ: môi trường địa lý, cấu tạo của đất, các loài chim và thú khác nhau, kích cỡ của các loại cá khác nhau, thành phần tạo nên cơ thể của con cá, sự khác nhau trong chất lượng nước, cũng như là tất cả các loại cây khác nhau... từ lâu Đức Chúa Trời đã sắp sẵn tất cả những thứ đó. Loại môi trường đó là một môi trường sinh tồn mà Đức Chúa Trời đã dựng nên và sắp sẵn cho người da trắng và nó vốn đã thuộc về họ. Các người có thấy rằng khi Đức Chúa Trời dựng nên muôn vật Ngài đã suy nghĩ nhiều về chúng và hành động theo kế

hoạch không? (Có, chúng tôi thấy Đức Chúa Trời đã có sự cân nhắc chu đáo đối với các loại người khác nhau. Đối với môi trường sinh tồn mà Ngài dựng nên cho các loại người khác nhau, các loại chim, thú và cá nào, Ngài sẽ sắp sẵn bao nhiêu ngọn núi và bao nhiêu đồng bằng, thì Ngài đã cân nhắc với sự chu đáo và chuẩn xác nhất.) Hãy lấy người da trắng làm ví dụ. Những thực phẩm mà người da trắng ăn chủ yếu là gì? Những thực phẩm mà người da trắng ăn rất khác so với những thực phẩm mà người châu Á ăn. Thực phẩm chính mà người da trắng ăn chủ yếu bao gồm thịt, trứng, sữa, và thịt gia cầm. Các loại ngũ cốc như là bánh mì và gạo thì thường là những thực phẩm bổ sung được thêm vào đĩa của họ. Ngay cả khi ăn rau trộn, thì họ cũng hay bỏ vào một vài miếng thịt bò hoặc thịt gà nướng, và ngay cả khi ăn các thực phẩm có nguồn gốc từ lúa mì, thì họ hay thêm phô-mai, trứng, hoặc thịt. Điều đó có nghĩa là, thực phẩm chính của họ không bao gồm chủ yếu những thực phẩm có nguồn gốc từ lúa mì hoặc gạo; họ ăn một lượng lớn thịt và phô-mai. Họ thường uống nước đá bởi vì thực phẩm mà họ ăn chứa rất nhiều calo. Vì vậy, những người da trắng đặc biệt mạnh mẽ. Đó là nguồn sinh kế và môi trường sống của họ mà Đức Chúa Trời đã sắp sẵn cho họ, cho phép họ có lối sống này, một lối sống khác với những lối sống của con người trong các chủng tộc khác. Không có đúng hoặc sai trong lối sống này – nó vốn dĩ như thế, do Đức Chúa Trời định sẵn, và chúng xuất hiện do mệnh lệnh của Đức Chúa Trời và sự sắp xếp của Ngài. Việc chủng tộc này có lối sống này và những nguồn sinh kế này của họ là do chủng tộc của họ, và do môi trường sinh tồn mà Đức Chúa Trời đã sắp sẵn cho họ. Người có thể nói rằng môi trường sinh tồn mà Đức Chúa Trời đã sắp sẵn cho người da trắng, và những thức ăn hàng ngày họ nhận từ môi trường đó là rất dồi dào và phong phú.

Đức Chúa Trời cũng đã sắp sẵn những môi trường sinh tồn cần thiết cho các chủng tộc khác nữa. Cũng có những người da đen – người da đen được bố trí ở đâu? Họ chủ yếu được bố trí ở miền trung và miền nam châu Phi. Đức Chúa Trời đã sắp sẵn cho họ những gì trong loại môi trường sống đó? Rừng mưa nhiệt đới, tất cả các loài chim và thú, và cũng có sa mạc, và mọi loại cây cối sống cùng con người. Họ có các nguồn nước, các sinh kế và thực phẩm của họ. Đức Chúa Trời đã không có định kiến đối với họ. Bất kể họ đã làm những gì, thì sự sống còn của họ chưa bao giờ là vấn đề. Họ cũng chiếm giữ một vị trí nhất định và một diện tích nhất định trong một phần của thế giới.

Bây giờ, hãy nói về những người da vàng. Người da vàng chủ yếu được bố trí ở phía Đông của trái đất. Sự khác biệt giữa môi trường và vị trí địa lý của phương Đông và phương Tây là gì? Ở phương Đông, phần lớn đất đai thì màu mỡ, và giàu về nguyên vật liệu và khoáng sản. Nghĩa là, tất cả các loại tài nguyên trên mặt đất và dưới lòng đất đều rất phong phú. Và đối với nhóm người này, đối với chủng tộc này, Đức Chúa Trời cũng đã sắp sẵn đất đai, khí hậu tương ứng, và những môi trường địa lý khác nhau phù hợp với họ. Mặc dù có những sự khác biệt lớn giữa môi trường địa lý đó và môi trường ở phương Tây, nhưng thực phẩm cần thiết, sinh kế, và nguồn sống của họ cũng được Đức Chúa Trời sắp sẵn. Đó chỉ là một môi trường sống khác với môi trường của người da trắng ở phương Tây. Nhưng một điều mà Ta cần cho các người biết là gì? Dân số

trong chủng tộc ở phương Đông thì tương đối đông đúc, vì vậy Đức Chúa Trời đã bổ sung thêm rất nhiều yếu tố khác với phương Tây vào phần đó của trái đất. Tại đó, Ngài đã bổ sung nhiều cảnh quan khác nhau và tất cả các loại nguyên vật liệu phong phú. Tài nguyên thiên nhiên ở đó rất dồi dào; địa hình cũng khác nhau và đa dạng, đủ để nuôi dưỡng số lượng dân số khổng lồ của chủng tộc phương Đông. Điều khác biệt giữa phương Đông và phương Tây chính là ở phương Đông – từ nam tới bắc, đông sang tây – khí hậu tốt hơn ở phương Tây. Bốn mùa khác biệt rõ rệt, nhiệt độ thích hợp, tài nguyên thiên nhiên phong phú, và phong cảnh thiên nhiên cùng với các loại địa hình tốt hơn nhiều so với phương Tây. Tại sao Đức Chúa Trời làm điều này? Đức Chúa Trời đã tạo ra một sự cân bằng rất hợp lý giữa người da trắng và người da vàng. Điều này có nghĩa là gì? Nó có nghĩa rằng mọi khía cạnh trong thực phẩm của người da trắng, những thứ mà họ sử dụng, và những thứ được ban cho để họ tận hưởng thì tốt hơn rất nhiều so với những gì người da vàng có thể tận hưởng. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời không có thành kiến đối với bất kỳ chủng tộc nào. Đức Chúa Trời đã ban cho người da vàng một môi trường sinh tồn đẹp hơn và tốt hơn. Đây là sự cân bằng.

Đức Chúa Trời đã định trước loại người nào nên sống ở phần nào của thế giới; con người có thể ra khỏi các giới hạn này không? (Không, họ không thể.) Thật là một điều kỳ diệu! Ngay cả khi có chiến tranh hoặc sự xâm lấn trong các thời đại khác nhau hoặc trong những thời kỳ đặc biệt, thì những cuộc chiến tranh và xâm lấn này hoàn toàn không thể hủy hoại những môi trường sinh tồn mà Đức Chúa Trời đã định trước cho từng chủng tộc. Nghĩa là, Đức Chúa Trời đã ấn định cho một loại người nhất định vào một phần nhất định của thế giới và họ không thể đi ra khỏi các giới hạn đó. Ngay cả khi con người có tham vọng thay đổi hoặc mở rộng lãnh thổ của mình, nếu không có sự cho phép của Đức Chúa Trời, thì điều này sẽ rất khó mà đạt được. Họ sẽ rất khó thành công. Ví dụ, người da trắng muốn mở rộng lãnh thổ của mình và họ chiếm một số nước khác làm thuộc địa. Người Đức xâm chiếm một vài nước, và nước Anh từng chiếm nước Ấn Độ. Kết quả thế nào? Cuối cùng, họ đã thất bại. Chúng ta thấy được gì từ thất bại của họ? Những gì Đức Chúa Trời đã định trước thì không được phép hủy hoại. Vì thế, cho dù người có thể nhìn thấy khí thế trong sự mở rộng của nước Anh có hào hùng cỡ nào, thì cuối cùng, họ vẫn phải rút lui, để lại vùng đất vẫn thuộc về Ấn Độ. Những ai sống trên đất đó vẫn là người Ấn Độ, không phải người Anh, bởi vì Đức Chúa Trời sẽ không cho phép điều đó. Một số người nghiên cứu lịch sử hoặc chính trị đã đưa ra các luận điểm về điều này. Họ đưa ra lý do tại sao nước Anh thất bại, nói rằng có thể là do họ đã không thể chinh phục được một dân tộc nào đó, hoặc có thể vì vài lý do khác thuộc về con người... Đây không phải là những lý do thực sự. Lý do thực sự chính là bởi vì Đức Chúa Trời – Ngài sẽ không cho phép điều đó! Đức Chúa Trời để một dân tộc sống trên một mảnh đất nào đó và bố trí họ ở đó, và nếu Đức Chúa Trời không cho phép họ rời khỏi vùng đất đó, họ sẽ không bao giờ có thể rời đi. Nếu Đức Chúa Trời phân bổ một khu vực xác định cho họ, thì họ sẽ sống trong khu vực đó. Loài người không thể thoát hoặc tự giải thoát khỏi những khu vực đã được xác định này. Điều này là chắc

chấn. Cho dù các lực lượng xâm lấn có hùng mạnh đến cỡ nào, hoặc những người bị xâm lấn có yếu thế nào, thì sự thành công của những kẻ xâm lược cuối cùng do Đức Chúa Trời quyết định. Điều đó đã được Ngài định trước, và không ai có thể thay đổi nó.

Trên đây là cách Đức Chúa Trời đã phân bổ các chủng tộc khác nhau. Đức Chúa Trời đã làm công tác gì để phân bổ các chủng tộc này? Trước tiên, Ngài chuẩn bị môi trường địa lý quy mô lớn, phân bổ các vị trí khác nhau cho con người, sau đó từ thể hệ này đến thể hệ khác tồn tại trên những nơi đó. Điều này được an bài – khu vực xác định dành cho sự sinh tồn của họ được an bài. Và cuộc sống của họ, họ ăn gì, họ uống gì, sinh kế của họ – Đức Chúa Trời đã an bài tất cả những điều đó từ lâu. Và khi Đức Chúa Trời đang dựng nên muôn vật, Ngài đã có những sự chuẩn bị khác nhau cho những loại người khác nhau: Có các thành phần đất khác nhau, khí hậu khác nhau, cây trồng khác nhau, và các môi trường địa lý khác nhau. Những nơi khác nhau thậm chí còn có những loài chim và thú khác nhau, những vùng nước khác nhau có các loài cá và thủy sản đặc biệt của riêng chúng. Ngay cả các loại côn trùng cũng do Đức Chúa Trời quyết định. Ví dụ, những thứ sinh trưởng trên lục địa châu Mỹ đều rất to, rất cao và rất khỏe. Rễ cây trong rừng núi đều rất nông, nhưng chúng mọc rất cao. Chúng thậm chí có thể đạt đến chiều cao một trăm mét hoặc cao hơn, nhưng những cây trong rừng ở châu Á thì phần lớn đều không cao lắm. Lấy ví dụ về cây lô hội. Ở Nhật Bản thì chúng rất hẹp và mỏng, nhưng các cây lô hội ở Hoa Kỳ thì rất to. Có một sự khác nhau ở đây. Cùng một loại cây với cùng tên gọi, nhưng ở lục địa châu Mỹ thì nó phát triển đặc biệt to lớn. Con người có thể không nhìn thấy hoặc nhận thấy sự khác biệt trong những khía cạnh khác nhau này, nhưng khi Đức Chúa Trời dựng nên muôn vật, thì Ngài đã phác họa nên chúng và chuẩn bị những môi trường địa lý khác nhau, những địa hình khác nhau, và những sinh vật khác nhau cho các chủng tộc khác nhau. Đó là vì Đức Chúa Trời đã dựng nên những loại người khác nhau và Ngài biết từng loại người trong đó cần gì và lối sống của họ là gì.

### **Đức Chúa Trời cai trị tất cả và chu cấp cho tất cả, Ngài là Đức Chúa Trời của vạn vật**

Sau khi nói về một vài điều trong những điều này, bây giờ các người có cảm thấy mình đã học được điều gì đó về đề tài chính chúng ta vừa thảo luận không? Các người có cảm thấy các người đang bắt đầu hiểu nó không? Ta tin bây giờ các người đã có một ý tưởng sơ bộ về lý do tại sao Ta chọn bàn về những khía cạnh này trong một đề tài rộng hơn. Có đúng vậy không? Có lẽ các người có thể nói đôi chút về việc các người đã hiểu được bao nhiêu? (Toàn nhân loại đã được nuôi dưỡng theo những quy luật do Đức Chúa Trời thiết lập cho muôn vật. Khi Đức Chúa Trời thiết lập những quy luật này, Ngài đã cung cấp cho các chủng tộc khác nhau các môi trường khác nhau, lối sống khác nhau, thực phẩm khác nhau, và khí hậu cùng nhiệt độ khác nhau. Điều này là để toàn nhân loại có thể an cư trên đất và tồn tại. Từ điều này tôi có thể nhìn thấy kế hoạch của Đức Chúa Trời cho sự sinh tồn của loài người rất là chuẩn xác và tôi có thể nhìn thấy sự khôn ngoan và toàn hảo của Ngài, và tình yêu của Ngài dành cho loài người chúng



ta.) (Các quy luật và phạm vi do Đức Chúa Trời thiết lập không thể thay đổi bởi bất kỳ con người, sự kiện hay sự vật nào. Tất cả đều nằm dưới sự cai trị của Ngài.) Nhìn từ quan điểm của các quy luật do Đức Chúa Trời thiết lập vì sự phát triển của muôn vật, chẳng phải là toàn thể nhân loại, trong tất cả sự đa dạng của nó, đều được Đức Chúa Trời ban cho và nuôi dưỡng sao? Nếu những luật lệ này bị phá hủy hoặc nếu Đức Chúa Trời không thiết lập những luật lệ này cho nhân loại, thì triển vọng của nhân loại sẽ như thế nào? Sau khi con người mất đi môi trường cơ bản để sinh tồn, thì liệu họ sẽ có nguồn thực phẩm nào không? Có khả năng nguồn thực phẩm sẽ trở thành một vấn đề. Nếu con người mất đi nguồn thực phẩm của họ, nghĩa là, nếu họ không thể kiếm được bất kỳ thứ gì để ăn thì họ sẽ có thể tiếp tục sống được bao nhiêu ngày? Có thể họ sẽ không thể kéo dài dù chỉ một tháng, và sự sống còn của chính họ sẽ trở thành một vấn đề. Vì vậy từng việc mà Đức Chúa Trời làm cho sự sinh tồn của con người, cho sự tiếp tục tồn tại, sinh sản, và sinh kế của họ rất là quan trọng. Từng việc mà Đức Chúa Trời làm trong số những việc trong sự tạo dựng của Ngài đều có liên quan chặt chẽ với nhau và không thể tách rời khỏi sự sinh tồn của nhân loại. Nếu sự sinh tồn của loài người trở thành một vấn đề, thì liệu sự quản lý của Đức Chúa Trời có thể tiếp tục được không? Liệu sự quản lý của Đức Chúa Trời vẫn tồn tại không? Sự quản lý của Đức Chúa Trời cùng tồn tại với sự sinh tồn của cả nhân loại mà Ngài nuôi dưỡng, vì vậy bất kể sự chuẩn bị nào Đức Chúa Trời làm cho muôn vật trong tạo hóa của Ngài và Ngài làm gì cho con người, thì tất cả những điều này cần thiết cho Ngài, và nó rất quan trọng đối với sự sinh tồn của loài người. Nếu tất cả các quy luật mà Đức Chúa Trời đã thiết lập cho muôn vật bị sao nhãng, nếu các quy luật này bị phá vỡ hoặc bị xáo trộn, thì muôn vật sẽ không thể tồn tại nữa, môi trường sinh tồn của loài người sẽ không tiếp tục tồn tại, hay lương thực hàng ngày của họ cũng vậy, và chính loài người cũng vậy. Vì lý do này, sự quản lý của Đức Chúa Trời đối với việc cứu rỗi nhân loại cũng sẽ thôi tồn tại.

Tất cả mọi điều chúng ta vừa thảo luận, từng điều một, mỗi mục đều liên kết mật thiết với sự sinh tồn của từng con người. Các người có thể nói rằng: “Những điều Ngài đang phán quá lớn lao, đó không phải là điều chúng tôi có thể nhìn thấy”, và có lẽ có người sẽ nói, “Những điều Ngài đang phán không liên quan gì đến tôi”. Tuy nhiên, đừng quên rằng người đang sống với tư cách chỉ là một phần của muôn vật; người là một thành viên của muôn vật trong tạo hóa dưới sự cai trị của Đức Chúa Trời. Những thứ trong sự tạo dựng của Đức Chúa Trời không thể bị tách rời khỏi sự cai trị của Ngài, và không một ai có thể tách chúng khỏi sự cai trị của Ngài. Mất đi sự cai trị của Ngài và mất đi sự chu cấp của Ngài sẽ có nghĩa là sự sống của con người, đời sống xác thịt của con người sẽ biến mất. Đây là tầm quan trọng trong việc Đức Chúa Trời thiết lập các môi trường sinh tồn cho loài người. Bất kể người thuộc chủng tộc nào hoặc người đang sống trên mảnh đất nào, dù là ở phương Tây hoặc phương Đông – thì người không thể tự tách mình ra khỏi môi trường sinh tồn mà Đức Chúa Trời đã thiết lập cho loài người, và người không thể tự tách mình ra khỏi sự nuôi dưỡng và chu cấp của môi trường sinh tồn Ngài đã thiết lập cho con người. Bất kể sinh kế của người là gì, người dựa vào điều

gì để sống, người dựa vào điều gì để duy trì đời sống trong xác thịt của người, thì người cũng không thể tự mình tách ra khỏi sự cai trị của Đức Chúa Trời và sự quản lý của Ngài. Một vài người nói: “Tôi không phải là một người nông dân; tôi không trồng vụ mùa để kiếm sống. Tôi không dựa vào trời để có thực phẩm, vì vậy sự sống còn của tôi không diễn ra trong môi trường sinh tồn do Đức Chúa Trời thiết lập nên. Tôi chưa được ban cho bất kỳ thứ gì từ loại môi trường đó”. Điều đó có đúng không? Người nói rằng người không trồng vụ mùa để sống, nhưng chẳng lẽ người không ăn ngũ cốc sao? Chẳng lẽ người không ăn thịt và trứng sao? Và chẳng lẽ người không ăn rau quả sao? Mọi thứ mà người ăn, tất cả những thứ mà người cần, thì đều không thể tách rời khỏi môi trường sinh tồn mà Đức Chúa Trời đã thiết lập cho loài người. Và nguồn cung cấp cho mọi thứ mà loài người yêu cầu không thể tách rời khỏi tất cả mọi thứ được Đức Chúa Trời tạo nên, những thứ mà tổng thể của chúng cấu thành môi trường sinh tồn của người. Nước người uống, quần áo người mặc và tất cả những thứ người sử dụng – cái gì trong những thứ này không lấy từ những thứ trong sự tạo dựng của Đức Chúa Trời? Một vài người nói: “Có một vài món không lấy từ những thứ trong sự tạo dựng của Đức Chúa Trời. Ngài thấy đó, nhựa là một trong những thứ đó. Nó là một chế phẩm hóa học, một thứ do con người làm ra”. Có đúng vậy không? Nhựa thực sự là do con người làm ra, và nó là một chế phẩm hóa học, nhưng các thành phần ban đầu của nhựa đến từ đâu? Các thành phần ban đầu được lấy từ các chất liệu do Đức Chúa Trời tạo nên. Những thứ mà người nhìn thấy và thường thức, mỗi một thứ mà người sử dụng, tất cả đều có được từ những thứ mà Đức Chúa Trời đã tạo nên. Điều đó có nghĩa là, bất kể con người có thể thuộc về chủng tộc nào, bất kể sinh kế là gì, hoặc họ có thể sống trong loại môi trường sinh tồn nào, thì họ cũng không thể tự tách mình ra khỏi những gì Đức Chúa Trời đã chu cấp. Vậy thì những điều chúng ta đã thảo luận hôm nay có liên quan đến đề tài của chúng ta “Đức Chúa Trời là nguồn sống cho muôn vật” không? Những điều chúng ta đã thảo luận hôm nay có thuộc đề tài lớn này không? (Có.) Có lẽ một vài điều Ta đã phán ngày hôm nay là hơi trừu tượng và khó thảo luận. Tuy nhiên, Ta nghĩ rằng bây giờ các người có thể đã hiểu rõ hơn về nó.

Trong vài lần thông công trở lại đây, loạt các đề tài mà chúng ta đã thông công là tương đối rộng, và phạm vi của chúng khá rộng lớn, vì thế các người phải nỗ lực một chút để lĩnh hội được tất cả. Điều này là bởi vì những đề tài này là những điều chưa từng được bàn đến trước đây trong niềm tin của con người nơi Đức Chúa Trời. Một số người nghe những điều này như là một lễ mầu nhiệm còn một số thì nghe chúng như là một câu chuyện – quan điểm nào đúng? Các người nghe tất cả những điều này theo quan điểm nào? (Chúng tôi đã thấy Đức Chúa Trời đã sắp xếp tất cả mọi thứ trong tạo hóa của Ngài một cách có phương pháp như thế nào và rằng muôn vật đều có quy luật, và qua những lời này chúng tôi có thể hiểu thêm về các việc làm của Đức Chúa Trời và sự sắp xếp quá kỹ càng của Ngài cho sự cứu rỗi nhân loại.) Qua những lần thông công này, các người đã nhìn thấy phạm vi quản lý của Đức Chúa Trời trong muôn vật mở rộng ra như thế nào chưa? (Trên toàn nhân loại, trên mọi thứ.) Đức Chúa Trời có phải

là Đức Chúa Trời của duy nhất một chủng tộc không? Ngài có phải là Đức Chúa Trời của một loại người không? Ngài có phải là Đức Chúa Trời của chỉ một phần nhỏ trong loài người không? (Không, không phải.) Vì điều đó không đúng, theo sự hiểu biết của các người về Đức Chúa Trời, nếu Ngài chỉ là Đức Chúa Trời của chỉ một phần nhỏ trong loài người, hoặc Ngài là Đức Chúa Trời của riêng các người, thì quan điểm này có đúng không? Vì Đức Chúa Trời quản lý và cai trị trên muôn vật, vậy nên con người nên nhìn thấy những việc làm của Ngài, sự khôn ngoan của Ngài, và sự toàn năng của Ngài đã được mặc khải trong sự cai trị của Ngài trên muôn vật. Đây là điều mà con người phải biết. Nếu người nói rằng Đức Chúa Trời quản lý muôn vật, cai trị trên muôn vật, và cai trị trên toàn nhân loại, nhưng người lại không có sự hiểu biết hoặc sự thông sáng về sự cai trị của Ngài trên loài người, thì người có thể thực sự thừa nhận rằng Ngài cai trị trên muôn vật không? Trong thâm tâm người có thể nghĩ rằng: “Tôi có thể, bởi vì tôi thấy rằng đời sống của tôi hoàn toàn được Đức Chúa Trời cai trị”. Nhưng Đức Chúa Trời thực sự nhỏ vậy sao? Không, không phải! Người chỉ nhìn thấy sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời đối với người và công tác của Ngài trong người, và người nhìn thấy sự cai trị của Ngài chính từ những điều này mà thôi. Đó là một phạm vi quá nhỏ, và nó có ảnh hưởng bất lợi đến triển vọng của người đối với sự hiểu biết thực sự về Đức Chúa Trời. Nó cũng giới hạn sự hiểu biết thực sự của người về sự cai trị của Đức Chúa Trời trên muôn vật. Nếu người giới hạn sự hiểu biết của mình về Đức Chúa Trời trong phạm vi của những gì Đức Chúa Trời ban cho người và sự cứu rỗi của Ngài dành cho người, thì người sẽ không bao giờ có thể nhận ra rằng Ngài cai trị trên muôn vật, và cai trị trên toàn nhân loại. Khi người không nhận ra được tất cả những điều này, thì người có thể thực sự nhận ra thực tế rằng Đức Chúa Trời cai trị trên số phận của người không? Không, người không thể. Trong lòng người sẽ không bao giờ có thể nhận ra khía cạnh đó – người sẽ không bao giờ có thể đạt đến mức độ hiểu biết cao như vậy. Người hiểu điều Ta đang phán, đúng không? Thực ra, Ta biết các người có thể hiểu đến mức nào những đề tài này, nội dung này mà Ta đang phán, vậy thì tại sao Ta cứ mãi phán dạy về nó? Đó là vì những đề tài này là những điều mà mỗi một tín đồ theo Đức Chúa Trời, mỗi một người muốn được Đức Chúa Trời cứu rỗi đều phải biết rõ – hiểu được những đề tài này điều cần thiết. Mặc dù tại thời điểm này người không hiểu chúng, thì một ngày nào đó, khi đời sống của người và kinh nghiệm về lẽ thật của người đạt đến một mức độ nhất định, khi sự thay đổi trong tâm tính sống của người đạt đến một mức độ nhất định và người đạt được một mức độ nhất định về vóc giặc, thì chỉ khi đó những đề tài mà Ta đang truyền đạt đến người trong sự thông công mới thực sự cung cấp và thỏa mãn việc theo đuổi sự hiểu biết về Đức Chúa Trời của người. Vì thế những lời này là để đặt một nền tảng, để chuẩn bị cho sự hiểu biết tương lai của các người rằng Đức Chúa Trời cai trị trên muôn vật và cho sự hiểu biết của các người về chính Đức Chúa Trời.

Sự hiểu biết về Đức Chúa Trời trong lòng con người nhiều đến đâu, thì đó cũng là phạm vi mà vị trí của Đức Chúa Trời có trong lòng họ. Mức độ của sự hiểu biết về Đức Chúa Trời trong lòng họ lớn đến đâu, thì đó cũng là mức độ vĩ đại của Đức Chúa Trời

trong lòng họ. Nếu Đức Chúa Trời mà người biết trống rỗng và mơ hồ, thì Đức Chúa Trời mà người tin cũng trống rỗng và mơ hồ. Vì Đức Chúa Trời mà người biết bị giới hạn trong phạm vi đời sống cá nhân của riêng người, và không có liên quan gì đến chính Đức Chúa Trời thật. Vì thế, việc biết đến các hành động thực tế của Đức Chúa Trời, biết hiện thực về Đức Chúa Trời và sự toàn năng của Ngài, biết danh tính thật của Ngài, biết Ngài có gì và là gì, biết những hành động mà Ngài đã thể hiện giữa mọi vật trong sự tạo dựng của Ngài – những điều này rất quan trọng đối với mỗi một con người cố gắng hiểu được Đức Chúa Trời. Chúng có liên quan trực tiếp đến việc liệu con người có thể bước vào thực tế của lẽ thật hay không. Nếu người giới hạn sự hiểu biết của người về Đức Chúa Trời chỉ bằng lời nói, nếu người giới hạn điều đó chỉ trong những sự trải nghiệm nhỏ nhoi của riêng người, trong những gì người cho là ân điển của Đức Chúa Trời, hoặc những lời chứng mọn của người về Đức Chúa Trời, thì Ta phán rằng Đức Chúa Trời mà người tin hoàn toàn không phải là chính Đức Chúa Trời thật. Không chỉ có thế, mà còn có thể nói rằng Đức Chúa Trời mà người tin là một Đức Chúa Trời trong sự tưởng tượng, không phải là Đức Chúa Trời thật. Đó là vì Đức Chúa Trời thật là Đấng cai trị trên mọi vật, đi giữa mọi vật, quản lý mọi vật. Ngài là Đấng nắm giữ sổ phận của toàn nhân loại và của mọi vật trong tay Ngài. Công tác và hành động của Đức Chúa Trời mà Ta đang phán không chỉ giới hạn trong một bộ phận nhỏ con người. Nghĩa là, chúng không giới hạn chỉ trong những người hiện đang đi theo Ngài. Việc làm của Ngài được thể hiện trong muôn vật, trong sự sinh tồn của muôn vật, và trong các quy luật thay đổi của muôn vật. Nếu người không thể nhìn thấy hoặc nhận ra bất kỳ việc làm nào của Đức Chúa Trời giữa tất cả mọi vật trong sự tạo dựng của Ngài, thì người không thể làm chứng về bất kỳ việc làm nào của Ngài. Nếu người không thể làm chứng về Đức Chúa Trời, nếu người tiếp tục nói về người được gọi là “Đức Chúa Trời” nhỏ bé mà người biết, vì Đức Chúa Trời mà bị giới hạn trong các ý tưởng của riêng người và chỉ tồn tại trong những giới hạn hạn hẹp của tâm trí người, nếu người tiếp tục nói về một Đức Chúa Trời như thế, thì Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ khen ngợi đức tin của người. Khi làm chứng về Đức Chúa Trời, nếu người chỉ làm chứng về mặt người tận hưởng ân điển của Đức Chúa Trời như thế nào, người chấp nhận sự sửa dạy và trừng phạt của Ngài thế nào, và người tận hưởng các phước lành của Ngài trong sự làm chứng của người về Ngài ra sao, thì điều đó còn lâu mới đủ và thậm chí chưa gần với việc làm Ngài thỏa lòng. Nếu người muốn làm chứng về Đức Chúa Trời theo cách phù hợp với ý muốn của Ngài, làm chứng về chính Đức Chúa Trời thật, thì người phải thấy được Đức Chúa Trời có gì và là gì từ những hành động của Ngài. Người phải thấy được thẩm quyền của Đức Chúa Trời từ việc Ngài kiểm soát mọi thứ, và thấy được sự thật trong cách Ngài chu cấp cho toàn nhân loại. Nếu người chỉ thừa nhận rằng lương thực hàng ngày của người và nhu cầu thiết yếu trong đời sống của người đến từ Đức Chúa Trời, nhưng người không thấy được sự thật rằng Đức Chúa Trời đã lấy tất cả những thứ trong sự tạo dựng của Ngài để chu cấp cho toàn nhân loại, và rằng, bằng cách cai trị trên muôn vật, Ngài đang dẫn dắt toàn nhân loại, thì người sẽ không bao giờ có thể làm

chứng về Đức Chúa Trời. Mục đích của Ta trong việc phán tất cả những điều này là gì? Đó là để các người không xem nhẹ điều này, để các người không lầm tưởng rằng những đề tài này Ta đã phán không liên quan đến lối vào sự sống của riêng cá nhân các người, và để các người không coi những đề tài này chỉ như là một loại kiến thức hoặc giáo lý. Nếu các người lắng nghe những điều Ta đang phán với thái độ đó, thì các người sẽ không đạt được một điều gì. Các người sẽ đánh mất một cơ hội tuyệt vời này để biết đến Đức Chúa Trời.

Mục tiêu của Ta trong việc phán về tất cả những điều này là gì? Mục tiêu của Ta là để con người biết đến Đức Chúa Trời, để con người hiểu được những hành động thực tế của Đức Chúa Trời. Một khi người hiểu được Đức Chúa Trời và biết những hành động của Ngài, thì chỉ khi đó người mới có cơ hội hoặc khả năng để biết về Ngài. Ví dụ như, nếu người muốn hiểu một người, thì người sẽ bắt đầu hiểu họ bằng cách nào? Liệu có phải là qua việc nhìn vào vẻ bề ngoài của họ không? Liệu có phải là qua việc nhìn xem họ mang gì và họ mặc ra sao không? Liệu có phải là qua việc nhìn vào cách họ đi đứng không? Liệu có phải là qua việc nhìn vào phạm vi kiến thức của họ không? (Không.) Vậy thì làm thế nào người hiểu được một người? Người phán xét dựa trên lời nói và hành vi của con người, suy nghĩ của họ và những điều họ bày tỏ và tiết lộ về chính họ. Đây là cách người biết về một người, cách người hiểu được một người. Tương tự như vậy, nếu các người muốn biết Đức Chúa Trời, nếu các người muốn hiểu khía cạnh thực tế của Ngài, khía cạnh thật của Ngài, thì các người phải biết Ngài qua những việc làm của Ngài và qua mỗi một việc thực tế Ngài làm. Đây là cách tốt nhất, và nó là cách duy nhất.

## **Đức Chúa Trời cân bằng các mối quan hệ giữa muôn vật để ban cho nhân loại một môi trường sinh tồn ổn định**

Đức Chúa Trời biểu thị những việc làm của Ngài giữa muôn vật và giữa muôn vật Ngài cai trị và kiểm soát những quy luật của muôn vật. Chúng ta vừa nói về cách Đức Chúa Trời cai trị các quy luật của muôn vật cũng như cách Ngài chu cấp và nuôi dưỡng toàn nhân loại theo những quy luật này. Đây là một khía cạnh. Tiếp theo, chúng ta sẽ nói về một khía cạnh khác, đó là một cách mà Đức Chúa Trời sử dụng để kiểm soát mọi thứ. Ta đang phán về việc, sau khi Đức Chúa Trời dựng nên muôn vật, Đức Chúa Trời đã cân bằng các mối quan hệ giữa chúng như thế nào. Đây cũng là một đề tài khá rộng đối với các người. Việc cân bằng các mối quan hệ giữa muôn vật – đây có phải là điều con người có thể thực hiện không? Không, con người không có khả năng làm được kỳ công đó. Con người chỉ có khả năng hủy diệt. Họ không thể cân bằng các mối quan hệ giữa muôn vật; họ không thể quản lý chúng, và thậm chí quyền và quyền năng vĩ đại như thế thì nằm ngoài tầm kiểm soát của con người. Chỉ có chính Đức Chúa Trời mới có quyền năng để làm điều này. Nhưng mục đích của Đức Chúa Trời khi làm điều đó là gì – để làm gì? Điều này cũng liên quan chặt chẽ đến sự sinh tồn của loài người. Mỗi một điều Đức Chúa Trời muốn làm đều cần thiết – không có điều gì mà Ngài có thể hay

không thể làm. Để Ngài có thể bảo vệ sự sinh tồn của nhân loại và ban cho con người một môi trường sinh tồn thuận lợi, thì có một vài điều quan trọng, rất cần thiết mà Ngài phải làm.

Từ nghĩa đen của cụm từ “Đức Chúa Trời cân bằng muôn vật”, thì nó dường như là một chủ đề rất bao quát. Trước hết, nó cho con người một khái niệm rằng “cân bằng muôn vật” cũng đề cập đến quyền làm chủ của Đức Chúa Trời trên muôn vật. Từ “cân bằng” có nghĩa là gì? Trước tiên, “cân bằng” đề cập đến việc không để cho điều gì đó mất cân bằng. Nó giống như sử dụng cái cân để cân đồ vật. Để cân bằng cái cân, trọng lượng của mỗi bên phải bằng nhau. Đức Chúa Trời đã dựng nên nhiều vật khác nhau: Những vật được đặt tại vị trí của chúng, những vật di chuyển, những vật đang sống, những vật đang thở, cũng như là những vật không thở. Có dễ dàng cho những vật này đạt được một mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau, liên kết với nhau, nơi chúng vừa cùng cố lẫn nhau vừa hạn chế lẫn nhau không? Chắc chắn có những nguyên tắc trong tất cả những điều này, nhưng chúng rất phức tạp, có phải vậy không? Điều đó không khó khăn gì đối với Đức Chúa Trời, nhưng đối với con người thì nó là một vấn đề rất phức tạp để nghiên cứu. Đó là một từ rất đơn giản: “cân bằng”. Tuy nhiên, nếu con người nghiên cứu nó, và nếu con người cần tự tạo ra sự cân bằng, thì ngay cả khi tất cả các loại học giả đang làm việc về nó – các nhà sinh vật học, các nhà thiên văn học, các nhà vật lý, các nhà hóa học và thậm chí các nhà sử học – kết quả cuối cùng của cuộc nghiên cứu đó sẽ là gì? Kết quả của nó sẽ không là gì. Đó là vì cuộc sáng tạo muôn vật của Đức Chúa Trời quá khó tin, và nhân loại sẽ không bao giờ mở khóa được những sự kín nhiệm của nó. Khi Đức Chúa Trời dựng nên muôn vật, thì Ngài thiết lập các nguyên tắc giữa chúng, thiết lập những cách sinh tồn khác nhau để hạn chế, bổ sung và nuôi dưỡng lẫn nhau. Những phương pháp khác nhau này rất phức tạp, và chắc chắn chúng không đơn giản hoặc theo một hướng duy nhất. Khi con người vận dụng trí óc của họ, kiến thức mà họ đã có được, và các hiện tượng họ đã quan sát để xác nhận hoặc nghiên cứu các nguyên tắc đằng sau sự kiểm soát của Đức Chúa Trời trên muôn vật, thì những điều này cực kỳ khó khám phá, và cũng khó mà đạt được bất kỳ kết quả nào. Con người rất khó đạt được bất kỳ kết quả nào; con người rất khó mà duy trì sự cân bằng của họ khi dựa vào suy nghĩ và kiến thức của con người để quản trị mọi thứ trong cuộc sáng tạo của Đức Chúa Trời. Đó là vì nếu con người không biết các nguyên tắc sinh tồn của muôn vật, thì họ sẽ không biết bảo vệ loại cân bằng này. Vì vậy, nếu con người quản lý và quản trị muôn vật, thì họ sẽ rất có thể hủy hoại sự cân bằng này. Ngay sau khi sự cân bằng bị hủy hoại, thì các môi trường sinh tồn của loài người cũng bị hủy hoại, và khi điều đó xảy ra, nó sẽ kéo theo một cuộc khủng hoảng về sự sinh tồn của loài người. Nó sẽ mang đến một thảm họa. Nếu nhân loại đang sống giữa thảm họa, thì tương lai của họ sẽ ra sao? Kết quả sẽ rất khó đánh giá, và không thể dự đoán một cách chắc chắn.

Vậy thì, Đức Chúa Trời cân bằng các mối quan hệ giữa muôn vật như thế nào? Đầu tiên, có một vài nơi trên thế giới được phủ đầy băng và tuyết quanh năm, trong khi ở một vài nơi khác, cả bốn mùa thì giống như mùa xuân và mùa đông không bao giờ đến,

và ở những nơi như thế này, người sẽ không bao giờ nhìn thấy một tảng băng hoặc một bông hoa tuyết. Ở đây, chúng ta đang nói về khí hậu tổng thể, và ví dụ này là một trong những kiểu Đức Chúa Trời cân bằng mối quan hệ giữa muôn vật. Kiểu thứ hai là: Một dãy núi được bao phủ bởi thảm thực vật tươi tốt, với mọi loại thực vật che phủ trên mặt đất, và những khu rừng rậm đến nỗi khi người đi xuyên qua chúng thì người thậm chí không thể nhìn thấy mặt trời ở phía trên. Nhưng khi nhìn vào một dãy núi khác, thì thậm chí không có một lá cỏ nào mọc lên, chỉ có các ngọn núi trần cỗi, hoang tàn chồng chất lên nhau. Nhìn bề ngoài, cả hai kiểu về cơ bản đều là các đồng đất chồng lên nhau để hình thành các ngọn núi, nhưng một kiểu thì được rừng rậm bao phủ, trong khi kiểu kia thì không có sự sinh trưởng, thậm chí không có nổi một lá cỏ. Đây là kiểu thứ hai mà Đức Chúa Trời cân bằng các mối quan hệ giữa muôn vật. Kiểu thứ ba là: Khi nhìn về một hướng, người có thể nhìn thấy những đồng cỏ vô tận, một cánh đồng xanh gợn sóng. Khi nhìn về hướng khác, người có thể thấy sa mạc xa ngút ngàn, khô cằn, không có một sinh vật nào giữa vùng cát đầy tiếng rít của gió thổi, càng không có bất kỳ nguồn nước nào. Kiểu thứ tư là: Khi nhìn về một hướng, mọi thứ chìm dưới biển, những khối nước mênh mông, trong khi nhìn về hướng khác, người khó mà tìm thấy dù một giọt nước suối trong lành. Kiểu thứ năm là: Trong vùng đất ở đây, thường xuyên có mưa phùn và khí hậu sương mù, ẩm ướt, trong khi ở vùng đất đằng kia, bầu trời thường có nắng chói chang, và thậm chí một giọt mưa rơi cũng là một sự kiện hiếm xảy ra. Kiểu thứ sáu là: Ở một nơi thì có cao nguyên với không khí loãng và con người rất khó thở, trong khi ở một nơi khác có các đầm lầy và vùng đất thấp, là nơi sinh sống của nhiều loại chim di cư. Đây là những loại khí hậu khác nhau, hoặc chúng là khí hậu hoặc môi trường tương ứng với các môi trường địa lý khác nhau. Điều đó có nghĩa là, Đức Chúa Trời cân bằng các môi trường sinh tồn cơ bản của loài người về mặt môi trường quy mô lớn, từ khí hậu đến môi trường địa lý, và từ các thành phần khác nhau của đất đến số lượng nguồn nước, tất cả nhằm đạt được một sự cân bằng về không khí, nhiệt độ và độ ẩm của môi trường mà con người sinh sống. Bởi vì những môi trường địa lý tương phản này, mà con người có không khí ổn định, và nhiệt độ cũng như độ ẩm của các mùa khác nhau vẫn luôn ổn định. Điều này cho phép con người tiếp tục sống trong loại môi trường sinh tồn đó giống như họ luôn luôn sống. Trước tiên, môi trường quy mô lớn phải được cân bằng. Điều này được thực hiện thông qua việc sử dụng các vị trí địa lý và sự hình thành khác nhau, cũng như những thay đổi giữa các khí hậu khác nhau, điều cho phép chúng giới hạn và hạn chế lẫn nhau để đạt được sự cân bằng mà Đức Chúa Trời muốn và nhân loại cần. Điều này được phát ngôn từ quan điểm về môi trường quy mô lớn.

Bây giờ chúng ta sẽ nói về những chi tiết đầy đủ hơn, như là thảm thực vật. Làm sao đạt được sự cân bằng của chúng? Điều đó có nghĩa là, làm sao để thực vật có thể tiếp tục tồn tại trong một môi trường sinh tồn cân bằng? Câu trả lời là, bằng cách quản lý tuổi thọ, tốc độ phát triển, và tốc độ sinh sản của các loại cây khác nhau để bảo vệ môi trường sinh tồn của chúng. Chúng ta hãy lấy những ngọn cỏ nhỏ làm ví dụ – có

những chồi non mùa xuân, hoa mùa hè, và trái mùa thu. Trái rơi xuống đất. Năm sau, hột từ trái nảy mầm và tiếp tục theo các quy luật tương tự. Tuổi thọ của cỏ rất ngắn; từng hạt rơi xuống đất, mọc rễ và nảy mầm, nở hoa và sinh trái, và toàn bộ quá trình hoàn tất chỉ sau ba mùa – mùa xuân, mùa hè, và mùa thu. Cây cối các loại cũng có tuổi thọ riêng của chúng và có các thời kỳ nảy mầm và ra trái khác nhau. Một vài cây chết chỉ sau 30 đến 50 năm – đây là tuổi thọ của chúng. Nhưng trái của chúng rơi xuống đất, sau đó mọc rễ và nảy mầm, ra hoa và kết trái, và lại sống từ 30 đến 50 năm. Đây là tần suất tái lập của nó. Một cây già chết đi và một cây non mọc lên; đây là lý do tại sao người luôn luôn có thể thấy cây cối mọc trong rừng. Nhưng chúng cũng có chu kỳ và quá trình sinh tử bình thường. Một vài cây có thể sống trên một ngàn năm, và một vài cây thậm chí còn có thể sống được ba ngàn năm. Bất kể đó là loại cây gì hoặc tuổi thọ của nó dài bao nhiêu, nói chung, Đức Chúa Trời quản lý sự cân bằng của nó dựa trên việc nó sống được bao lâu, khả năng sinh sản của nó, tốc độ và tần suất sinh sản và số lượng sản phẩm nó sản sinh ra. Điều này cho phép thực vật, từ cỏ đến cây, có thể tiếp tục phát triển và tăng trưởng trong một môi trường sinh thái cân bằng. Vì thế khi người nhìn vào một khu rừng trên đất, mọi thứ mọc trong đó, cả cỏ lẫn cây cối, đang liên tục sinh sản và tăng trưởng theo các quy luật của riêng chúng. Chúng không cần thêm nhân công hoặc sự giúp đỡ của loài người. Chỉ vì chúng có loại cân bằng này mà chúng có thể duy trì môi trường sinh tồn của riêng mình. Chỉ vì chúng có một môi trường sinh tồn phù hợp mà các khu rừng và đồng cỏ trên thế giới có thể tiếp tục tồn tại trên đất. Sự tồn tại của chúng nuôi dưỡng con người hết thế hệ này đến thế hệ khác cũng như mọi loài sinh vật sống trong rừng và đồng cỏ – chim và thú, côn trùng, và tất cả các loài vi sinh vật.

Đức Chúa Trời cũng kiểm soát sự cân bằng giữa tất cả các loài động vật. Ngài kiểm soát sự cân bằng này như thế nào? Nó cũng tương tự như thực vật – Ngài quản lý sự cân bằng và quyết định số lượng dựa trên khả năng sinh sản của chúng, số lượng, tần suất sinh sản và vai trò của chúng trong thế giới động vật. Ví dụ, sư tử ăn ngựa vằn, vậy thì nếu số lượng của sư tử vượt quá số lượng của ngựa vằn thì số phận của những con ngựa vằn sẽ ra sao? Chúng sẽ bị tuyệt chủng. Và nếu ngựa vằn sinh sản ít hơn nhiều so với sư tử, thì số phận của chúng sẽ ra sao? Chúng cũng sẽ bị tuyệt chủng. Vì vậy, số lượng ngựa vằn phải nhiều hơn số lượng sư tử. Đây là vì những con ngựa vằn không chỉ tồn tại cho chính chúng, nhưng chúng cũng tồn tại cho những con sư tử. Người cũng có thể nói thế này: Mỗi con ngựa vằn là một phần của toàn bộ ngựa vằn, mà nó cũng là thức ăn cho miệng sư tử. Tốc độ sinh sản của sư tử không bao giờ có thể vượt quá tốc độ sinh sản của ngựa vằn, vì thế số lượng của chúng không bao giờ có thể nhiều hơn số lượng của ngựa vằn. Chỉ bằng cách này thì nguồn thức ăn của sư tử mới có thể được đảm bảo. Và vì vậy, mặc dù sư tử là kẻ thù tự nhiên của ngựa vằn, nhưng con người thường thấy hai loài nghỉ ngơi trong cùng một vùng. Ngựa vằn sẽ không bao giờ bị giảm số lượng hoặc bị tuyệt chủng bởi vì sư tử săn đuổi và ăn thịt chúng, và sư tử sẽ không bao giờ tăng số lượng bởi vì vị thế của chúng như là “vua”. Sự cân bằng này là điều Đức Chúa Trời đã thiết lập từ lâu. Nghĩa là, Đức Chúa Trời đã



thiết lập quy luật cân bằng giữa tất cả các loài động vật để chúng có thể đạt được loại cân bằng này, và đây là điều mà con người thường thấy. Có phải sư tử là kẻ thù tự nhiên duy nhất của ngựa vằn không? Không, cá sấu cũng ăn ngựa vằn. Ngựa vằn dường như là một loài động vật rất bất lực. Chúng không có sự hung dữ của sư tử, và khi đối mặt với một con sư tử, kẻ thù đáng gờm này, thì tất cả những gì chúng có thể làm là chạy trốn. Chúng bất lực thậm chí không thể kháng cự. Khi chúng không thể nhanh hơn sư tử, thì chúng chỉ còn cách để nó ăn thịt. Điều này có thể được nhìn thấy thường xuyên trong thế giới động vật. Các người có cảm nghĩ và suy nghĩ gì khi nhìn thấy chuyện như thế này? Người cảm thấy tội cho con ngựa vằn không? Người có ghét con sư tử không? Con ngựa vằn trông thật đẹp! Nhưng con sư tử, chúng luôn nhìn những con ngựa vằn một cách thèm khát. Và thật ngốc, những con ngựa vằn không chạy xa. Chúng trông thấy con sư tử đang đợi chúng ở đằng kia dưới bóng râm của một cái cây. Nó có thể đến và ăn thịt chúng bất cứ lúc nào. Chúng biết rõ điều này, nhưng chúng vẫn sẽ không rời mảnh đất đó. Đây là một điều kỳ diệu, một điều kỳ diệu bày tỏ sự tiền định của Đức Chúa Trời và quy luật của Ngài. Người cảm thấy tội cho con ngựa vằn nhưng người không thể cứu chúng, và người ghét con sư tử nhưng người không thể hủy diệt nó. Con ngựa vằn là thức ăn mà Đức Chúa Trời đã sắp sẵn cho sư tử, nhưng cho dù sư tử có ăn bao nhiêu con, thì ngựa vằn sẽ không bị xóa sổ. Sư tử sinh sản rất ít, và chúng sinh sản rất chậm; vì vậy cho dù chúng có ăn bao nhiêu con ngựa vằn, thì số lượng của chúng sẽ không bao giờ vượt qua số lượng của ngựa vằn. Trong điều này, có sự cân bằng.

Mục tiêu của Đức Chúa Trời trong việc duy trì loại cân bằng này là gì? Điều này có liên quan đến môi trường sinh tồn của con người cũng như là sự sinh tồn của nhân loại. Nếu con ngựa vằn, hoặc bất kỳ con mồi tương tự nào của sư tử – con nai hoặc những động vật khác – sinh sản quá chậm và số lượng sư tử tăng mạnh, thì con người sẽ đối mặt với dạng nguy hiểm nào? Sư tử ăn mồi của chúng là một hiện tượng bình thường, nhưng một con sư tử ăn một người là một thảm kịch. Thảm kịch này không phải là điều do Đức Chúa Trời định trước, nó không phải là điều xảy ra dưới sự cai trị của Ngài, càng không phải là điều Ngài mang đến cho loài người. Đúng hơn, đó là điều mà con người tự mang lại cho mình. Theo quan điểm của Đức Chúa Trời, sự cân bằng giữa muôn vật rất quan trọng cho sự sinh tồn của loài người. Dù đó có là thực vật hay động vật, không gì có thể mất đi sự cân bằng thích hợp của nó. Thực vật, động vật, đồi núi và hồ nước – Đức Chúa Trời đã sắp sẵn cho loài người một môi trường sinh thái tổng thể. Chỉ khi con người có loại môi trường sinh thái này – một môi trường sinh thái cân bằng – thì sự sinh tồn của họ mới được đảm bảo. Nếu cây hoặc cỏ kém khả năng sinh sản hoặc tốc độ sinh sản của chúng rất chậm, thì chẳng phải đất sẽ mất đi độ ẩm của nó sao? Nếu đất mất đi độ ẩm của nó, thì nó có còn tốt không? Nếu đất mất đi thảm thực vật và độ ẩm của nó, nó sẽ xói mòn rất nhanh, và cát sẽ hình thành trong vị trí của nó. Khi đất trở nên xấu đi, thì môi trường sinh tồn của con người cũng sẽ bị hủy diệt. Nhiều thảm họa sẽ đi kèm với sự hủy diệt này. Không có loại cân bằng sinh thái này,

không có dạng môi trường sinh thái này, thì con người sẽ thường xuyên phải chịu những thảm họa do sự mất cân bằng giữa muôn vật. Ví dụ, khi có một sự mất cân bằng môi trường dẫn đến sự hủy diệt môi trường sinh thái của những con ếch, thì tất cả chúng sẽ tụ tập lại với nhau, số lượng của chúng tăng mạnh, và thậm chí con người nhìn thấy một số lượng lớn những con ếch băng qua đường trong các thành phố. Nếu một số lượng lớn những con ếch chiếm môi trường sinh tồn của con người, thì điều đó sẽ được gọi là gì? Một thảm họa. Tại sao nó lại được gọi là một thảm họa? Những động vật nhỏ có lợi cho loài người này chỉ trở nên hữu ích đối với con người khi chúng tồn tại trong một nơi phù hợp cho chúng; chúng có thể duy trì sự cân bằng trong môi trường sinh tồn của con người. Nhưng nếu chúng trở thành một thảm họa, thì chúng sẽ ảnh hưởng đến trật tự trong đời sống con người. Tất cả mọi thứ và tất cả những yếu tố mà ếch mang theo trên cơ thể chúng có thể ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của con người. Chúng thậm chí còn khiến cho những cơ quan vật lý của con người có thể bị tấn công – đây là một trong các loại thảm họa. Một loại thảm họa khác, là điều mà con người đã thường xuyên trải qua, là sự xuất hiện của một số lượng lớn những con châu chấu. Chẳng phải đó là một thảm họa sao? Đúng, nó thực sự là một thảm họa kinh hoàng. Con người có thể có khả năng như thế nào không là điều quan trọng – con người có thể chế tạo ra máy bay, đại bác, và bom nguyên tử – nhưng khi những con châu chấu tràn ngập, thì loài người có giải pháp gì? Họ có thể dùng đại bác đối phó với chúng không? Họ có thể bắn chúng bằng súng máy không? Không, họ không thể. Vậy thì họ có thể phun thuốc diệt côn trùng để đuổi chúng đi không? Đó cũng không phải là việc dễ dàng. Những con châu chấu nhỏ bé này làm gì? Chúng chủ yếu là ăn hoa màu và ngũ cốc. Bất cứ nơi nào châu chấu đến, thì hoa màu ở đó hoàn toàn bị hủy hoại. Trong thời gian châu chấu xâm lấn, thì toàn bộ lương thực mà nông dân dùng cho cả năm có thể bị châu chấu tiêu thụ toàn bộ trong chớp mắt. Đối với con người, sự xuất hiện của những con châu chấu không chỉ là một sự khó chịu – mà nó còn là một thảm họa. Vì thế, chúng ta biết rằng sự xuất hiện của một số lượng lớn châu chấu là một loại thảm họa, nhưng còn những con chuột thì sao? Nếu không có những con chim săn mồi ăn chuột, thì chúng sẽ sinh sôi rất nhanh chóng, nhanh hơn người có thể tưởng tượng ra. Và nếu chuột lan tràn không kiểm soát, thì con người có thể sống tốt không? Con người sẽ đương đầu với những loại tình huống nào? (Một bệnh dịch.) Nhưng người có nghĩ rằng một bệnh dịch sẽ là hậu quả duy nhất không? Chuột sẽ gặm nhấm bất kỳ thứ gì, và chúng thậm chí còn gặm cả gỗ. Nếu chỉ có hai con chuột trong nhà, thì chúng sẽ là mối phiền toái cho mọi người sống ở đó. Đôi khi chúng lấy cắp dầu rồi ăn nó, và đôi khi chúng ăn bánh mì hoặc ngũ cốc. Và những thứ chúng không ăn thì chúng chỉ gặm rồi biến những thứ đó thành một mớ hỗn độn. Chúng gặm quần áo, giày dép, đồ đạc trong nhà – chúng gặm mọi thứ. Đôi khi chúng trèo lên chạn – những bát đĩa đó còn có thể dùng sau khi chúng giẫm lên không? Ngay cả khi người tẩy uế bát đĩa đó thì người sẽ vẫn không cảm thấy yên tâm, vì vậy người chỉ còn cách là vứt bỏ chúng đi. Đây là những sự phiền phức mà chuột mang đến cho con người. Mặc dù chuột là những sinh vật nhỏ

bé, nhưng con người không có cách để đối phó với chúng, và thay vào đó chỉ còn cách chịu đựng sự phá phách của chúng. Chỉ cần hai con chuột là đủ gây ra một sự xáo trộn, chứ đừng nói đến cả bầy chuột. Nếu số lượng của chúng gia tăng và chúng trở thành một thảm họa, thì hậu quả sẽ không thể tưởng tượng được. Ngay cả những sinh vật nhỏ như những con kiến cũng có thể trở thành một thảm họa. Nếu điều đó xảy ra, thì những thiệt hại chúng sẽ ra gây cho loài người cũng không thể xem thường. Những con kiến có thể làm hư hại nhà cửa đến sập cả nhà. Không được bỏ qua sức mạnh của chúng. Không thể xem thường sức mạnh của những con kiến. Liệu có đáng sợ không nếu những loài chim khác nhau gây nên một thảm họa? (Có.) Nói cách khác, bất cứ khi nào động vật hoặc sinh vật, bất kể chúng là loại nào, đánh mất sự cân bằng của chúng, thì chúng sẽ phát triển, sinh sản, và sống trong một phạm vi không bình thường, một phạm vi bất thường. Điều đó sẽ mang lại những hậu quả không thể tưởng tượng cho loài người. Điều đó sẽ không chỉ ảnh hưởng đến sự sinh tồn và đời sống của con người, mà sẽ còn mang lại thảm họa cho loài người, thậm chí đến mức con người phải chịu số phận bị hủy diệt và tuyệt chủng hoàn toàn.

Khi Đức Chúa Trời dựng nên muôn vật, Ngài đã sử dụng tất cả các phương pháp và cách thức để cân bằng chúng, để cân bằng điều kiện sống của núi và hồ, của thực vật và tất cả các loài động vật, chim và côn trùng. Mục tiêu của Ngài là để tất cả các loài sinh vật được sống và sinh sôi nảy nở theo những quy luật mà Ngài đã thiết lập. Không vật gì trong cuộc sáng thế có thể vượt ra ngoài những quy luật này, và những quy luật này không thể bị phá vỡ. Chỉ trong loại môi trường cơ bản này thì con người mới có thể sinh tồn một cách an toàn và sinh sản thêm lên, từ thế hệ này đến thế hệ khác. Nếu bất kỳ sinh vật nào vượt quá số lượng hoặc ra khỏi phạm vi đã được Đức Chúa Trời thiết lập nên, hoặc nếu nó vượt quá tốc độ tăng trưởng, tần suất sinh sản, hoặc số lượng do Ngài chỉ định, thì môi trường sinh tồn của loài người sẽ phải chịu những mức độ hủy diệt khác nhau. Và đồng thời, sự sinh tồn của loài người sẽ bị đe dọa. Nếu một loài sinh vật có số lượng quá lớn, thì nó sẽ cướp thức ăn của con người, phá hủy nguồn nước của con người, và hủy hoại quê hương của họ. Theo cách đó, sự sinh sản hoặc tình trạng sinh tồn của loài người sẽ bị ảnh hưởng ngay lập tức. Ví dụ, nước rất quan trọng đối với muôn vật. Nếu có quá nhiều chuột, kiến, châu chấu, ếch nhái hoặc bất kỳ loài động vật nào khác, thì chúng sẽ uống nhiều nước hơn. Khi lượng nước chúng uống tăng lên, thì nước uống của con người và những nguồn nước trong phạm vi nguồn nước uống cố định và những vùng có nước sẽ bị giảm và họ sẽ bị thiếu nước. Nếu nước uống của con người bị hủy hoại, bị ô nhiễm hoặc thiếu hụt vì mọi loài động vật đã gia tăng về số lượng, thì dưới dạng môi trường sinh tồn khắc nghiệt đó, sự sinh tồn của loài người sẽ bị đe dọa một cách nghiêm trọng. Nếu chỉ một loài hoặc vài loài sinh vật vượt quá số lượng thích hợp của chúng, thì không khí, nhiệt độ, độ ẩm, và thậm chí thành phần của không khí trong không gian sinh tồn của loài người cũng sẽ bị nhiễm độc và hủy hoại ở các mức độ khác nhau. Trong những tình cảnh này, sự sinh tồn và số phận của con người cũng sẽ phải chịu những mối đe dọa từ các yếu tố sinh thái này. Vì vậy, nếu

những sự cân bằng này mất đi, thì không khí mà con người thở sẽ bị hủy hoại, nước mà con người uống sẽ bị ô nhiễm, và nhiệt độ mà họ cần cũng sẽ thay đổi và bị ảnh hưởng ở các mức độ khác nhau. Nếu điều đó xảy ra, môi trường sinh tồn vốn thuộc về loài người sẽ phải chịu những ảnh hưởng và thách thức to lớn. Trong loại kịch bản mà môi trường sinh tồn cơ bản của con người bị hủy hoại này, thì số phận và tiền đồ của loài người sẽ ra sao? Đây là một vấn đề rất nghiêm trọng! Bởi vì Đức Chúa Trời biết lý do tại sao từng thứ trong cuộc sáng thế tồn tại vì lợi ích của loài người, vai trò của từng thứ Ngài dựng nên, mỗi thứ có ảnh hưởng gì đến loài người, và nó mang lại lợi ích cho con người đến mức độ nào, bởi vì trong lòng Đức Chúa Trời có một kế hoạch cho tất cả những điều này và Ngài quản lý từng khía cạnh một trong tất cả mọi thứ Ngài dựng nên, đó là lý do tại sao từng việc Ngài làm đều rất quan trọng và cần thiết cho loài người. Vậy thì từ giờ trở đi, bất cứ khi nào người quan sát một vài hiện tượng sinh thái trong số những thứ trong cuộc sáng thế của Đức Chúa Trời, hoặc một vài quy luật tự nhiên đang diễn ra giữa những thứ trong cuộc sáng thế của Đức Chúa Trời, thì người sẽ không còn nghi ngờ về sự cần thiết của từng thứ do Đức Chúa Trời dựng nên. Người sẽ không còn sử dụng những lời lẽ thiếu hiểu biết để đưa ra những phán xét tùy tiện về sự sắp xếp của Đức Chúa Trời cho muôn vật và những cách chu cấp khác nhau của Ngài cho loài người. Người cũng sẽ không tùy tiện đưa ra những lời kết luận về các quy luật của Đức Chúa Trời đối với mọi thứ trong cuộc sáng thế của Ngài. Chẳng đúng như vậy sao?

Tất cả những điều mà chúng ta vừa nói đến là gì? Hãy suy nghĩ về nó trong chốc lát. Đức Chúa Trời có ý định riêng của Ngài trong từng điều Ngài làm. Dù ý định của Ngài có khó hiểu đối với con người, nhưng nó luôn luôn liên quan chặt chẽ và mạnh mẽ đến sự sinh tồn của loài người. Nó hoàn toàn không thể thiếu được. Đó là vì Đức Chúa Trời chưa bao giờ làm bất kỳ điều gì vô ích. Các nguyên tắc đằng sau từng điều Ngài làm được thấm nhuần trong kế hoạch và sự khôn ngoan của Ngài. Mục tiêu và ý định đằng sau kế hoạch đó là để bảo vệ loài người, để giúp loài người tránh thảm họa, sự quấy phá của những sinh vật khác, và bất kỳ tác hại nào mà bất kỳ thứ gì trong cuộc sáng thế của Đức Chúa Trời gây ra cho loài người. Vậy thì có thể nói rằng những việc làm của Đức Chúa Trời mà chúng ta đã thấy trong đề tài này là một cách thức khác để Đức Chúa Trời chu cấp cho loài người không? Chúng ta có thể nói rằng, qua những việc làm này, Đức Chúa Trời đang nuôi dưỡng và chăn dắt loài người không? (Có.) Có mối quan hệ chặt chẽ nào giữa đề tài này và chủ đề thông công của chúng ta: “Đức Chúa Trời là nguồn sống cho muôn vật” không? (Có.) Có một mối quan hệ rất chặt chẽ, và đề tài này là một khía cạnh trong đó. Trước khi nói về những đề tài này, thì con người chỉ có vài sự tưởng tượng mơ hồ về Đức Chúa Trời, về chính Đức Chúa Trời và những việc làm của Ngài – họ thiếu sự hiểu biết thực sự. Tuy nhiên, khi con người nghe nói về những việc làm của Ngài và những điều Ngài đã làm, thì họ có thể hiểu và lĩnh hội được những nguyên tắc trong những gì Ngài làm và họ có thể hiểu được chúng và có được chúng. Dù rằng trong lòng Đức Chúa Trời có tất cả các loại lý thuyết, nguyên tắc và luật

lệ rất phức tạp mỗi khi Ngài làm bất cứ điều gì, như là dựng nên và cai trị muôn vật, thì chẳng phải trong lòng mình các người có thể hiểu được rằng đây là những việc làm của Đức Chúa Trời và rằng chúng thật hết mức có thể, chỉ bằng cách để các người tìm hiểu một phần riêng lẻ về chúng trong sự thông công sao? (Phải.) Vậy thì sự hiểu biết hiện tại của các người về Đức Chúa Trời khác với trước đây như thế nào? Sự khác biệt ở trong bản chất của nó. Trước đây, sự hiểu biết của các người quá nông cạn, quá mơ hồ, nhưng giờ đây sự hiểu biết của các người chứa rất nhiều bằng chứng cụ thể để phù hợp với những việc làm của Đức Chúa Trời, để phù hợp với việc Đức Chúa Trời có gì và là gì. Do đó, tất cả những gì Ta đã phán là tài liệu dạy dỗ tuyệt vời cho sự hiểu biết của các người về Đức Chúa Trời.

Ngày 9 tháng 2 năm 2014

## **CHÍNH ĐỨC CHÚA TRỜI, ĐẲNG ĐỘC NHẤT X**

### **ĐỨC CHÚA TRỜI LÀ NGUỒN SỐNG CHO MUÔN VẬT (IV)**

Chúng ta đang tương giao về một chủ đề đặc biệt hôm nay. Đối với mỗi một tín đồ, chỉ có hai điều chính cần biết, cần trải nghiệm và hiểu. Hai điều này là gì? Điều đầu tiên là lối vào sự sống của cá nhân mỗi con người, và điều thứ hai liên quan đến việc biết Đức Chúa Trời. Về đề tài mà chúng ta vừa mới trao đổi, chủ đề biết đến Đức Chúa Trời, các người có nghĩ rằng điều đó là có thể đạt được không? Công bằng mà nói thì điều ấy quả thật vượt tầm với của hầu hết mọi người. Các người có thể không phục lời Ta, nhưng tại sao Ta lại phán điều này? Ta phán điều này là vì khi các người lắng nghe những gì Ta nói trước kia, bất kể Ta đã nói thế nào hay nói với những lời lẽ gì, thì về câu chữ lẫn lý thuyết, các người đều có thể biết những lời này nói về điều gì. Tuy nhiên, đối với hết thảy các người, một vấn đề rất nghiêm trọng là các người đã không hiểu tại sao Ta phán những điều như thế hay tại sao Ta nói về những đề tài ấy. Đây là mấu chốt của vấn đề. Do vậy, mặc dù việc các người đã nghe những điều này bổ sung một chút và làm phong phú sự hiểu biết của các người về Đức Chúa Trời và những việc làm của Ngài, các người vẫn cảm thấy rằng việc biết đến Đức Chúa Trời đòi hỏi nỗ lực mãnh liệt. Nghĩa là, sau khi nghe những gì Ta phán, hầu hết các người đều không hiểu tại sao Ta phán điều đó hay nó có mối liên hệ gì với việc biết Đức Chúa Trời. Lý do các người không thể hiểu mối liên hệ của nó với việc biết Đức Chúa Trời là vì trải nghiệm sống của các người quá hời hợt. Nếu kiến thức và trải nghiệm của con người về lời Đức Chúa Trời vẫn ở mức độ rất nông cạn, thì đa phần kiến thức của họ về Ngài sẽ mơ hồ và trừu tượng; tất cả sẽ chung chung, mang tính học thuyết và lý thuyết. Về lý thuyết, nó có thể có vẻ hoặc nghe chừng lô-gic và hợp lý, nhưng kiến thức về Đức Chúa Trời phát ra từ miệng hầu hết mọi người thật ra là rỗng tuếch. Và tại sao Ta nói rằng nó rỗng tuếch? Đó là vì người không thật sự có sự hiểu biết rõ ràng về tính xác thực và chính xác của những gì bản thân người nói liên quan đến việc biết Đức Chúa Trời. Như thế, mặc dù hầu hết mọi người đã nghe rất nhiều thông tin và đề tài về việc biết Đức Chúa Trời, nhưng kiến thức của họ về Đức Chúa Trời chưa vượt ra khỏi lý thuyết và học thuyết mơ hồ, trừu tượng. Vậy thì làm sao vấn đề này có thể được giải quyết? Các người có bao giờ nghĩ về điều đó chưa? Nếu ai đó không theo đuổi lẽ thật, liệu họ có thể sở hữu được hiện thực không? Nếu ai đó không theo đuổi lẽ thật, vậy thì họ chắc chắn không có được hiện thực, và vì lẽ ấy họ hiển nhiên không có kiến thức hay trải nghiệm về lời Đức Chúa Trời. Có thể nào những người không có sự hiểu biết về lời Đức Chúa Trời mà biết được Đức Chúa Trời không? Tuyệt đối không; hai điều này liên kết với nhau. Vì lẽ ấy, hầu hết mọi người nói: “Tại sao việc biết Đức Chúa Trời lại khó như vậy? Khi tôi nói về việc biết bản thân mình, tôi có thể nói hàng giờ, nhưng khi nói đến biết Đức Chúa Trời, tôi lại chẳng có lời nào. Ngay cả khi tôi có thể nói một chút về chủ đề này, những lời của tôi cũng gượng gạo và nghe chán ngắt, thậm chí có vẻ ngượng ngịu khi tôi nghe chính mình nói những lời đó”. Đây là nguồn cơn. Nếu người cảm thấy rằng việc biết Đức Chúa

Trời là quá khó, rằng việc biết Đức Chúa Trời cần rất nhiều nỗ lực, hay rằng người không có chủ đề gì để đưa ra và không thể nghĩ về bất cứ điều gì thực tế để tương giao, cung cấp cho người khác và cho bản thân mình, vậy thì điều này chứng tỏ rằng người không phải là người đã trải nghiệm lời Đức Chúa Trời. Lời Đức Chúa Trời là những gì? Chẳng phải lời Ngài là những sự bày tỏ về việc Đức Chúa Trời có gì và là gì sao? Nếu người chưa trải nghiệm lời Đức Chúa Trời, liệu người có thể có bất kỳ kiến thức nào về việc Ngài có gì và là gì không? Chắc chắn là không. Những điều này đều liên quan với nhau. Nếu người không có trải nghiệm về lời Đức Chúa Trời, vậy thì người không thể nắm bắt được ý muốn của Đức Chúa Trời, cũng không biết tâm tính của Ngài là gì, Ngài thích gì, Ngài ghê tởm điều gì, những yêu cầu của Ngài với con người là gì, Ngài có kiểu thái độ gì với người lành, và Ngài có kiểu thái độ gì với kẻ ác; toàn bộ những điều này chắc hẳn nhập nhằng và mờ mịt với người. Nếu người tin Đức Chúa Trời giữa sự mờ mịt như thế, vậy thì khi người tuyên bố là một trong những người theo đuổi lẽ thật và theo Đức Chúa Trời, những tuyên bố ấy liệu có tính hiện thực không? Chúng không có! Vì lẽ ấy chúng ta hãy tiếp tục tương giao về việc biết Đức Chúa Trời.

Tất cả các người đều háo hức nghe đề tài thông công hôm nay phải không? Đề tài này cũng liên quan đến chủ đề “Đức Chúa Trời là nguồn sống cho muôn vật” mà chúng ta vừa thảo luận. Chúng ta đã nói rất nhiều về việc “Đức Chúa Trời là nguồn sống cho muôn vật” như thế nào, sử dụng những phương tiện và viễn cảnh khác nhau để báo cho con người về cách Đức Chúa Trời cai trị mọi sự, Ngài làm như thế bằng những phương tiện nào, và Ngài quản lý muôn vật theo những nguyên tắc nào, hầu cho chúng có thể tồn tại trên hành tinh mà Đức Chúa Trời đã tạo dựng này. Chúng ta cũng đã nói rất nhiều về cách Đức Chúa Trời chu cấp cho nhân loại: Ngài dùng phương tiện gì để ban sự chu cấp đó, Ngài cung cấp cho con người dạng môi trường sống nào, và Ngài cung cấp một môi trường sống ổn định cho con người bằng phương tiện gì và từ xuất phát điểm nào. Mặc dù Ta đã không nói trực tiếp về mối quan hệ giữa sự thống trị và quản trị của Đức Chúa Trời với muôn vật, và sự quản lý của Ngài, Ta đã gián tiếp nói về những lý do Ngài quản trị muôn vật theo cách này, cũng như về những lý do Ngài chu cấp và nuôi dưỡng nhân loại theo thể thức này. Toàn bộ điều này liên quan đến sự quản lý của Ngài. Nội dung mà chúng ta đã nói đến có phạm vi rất rộng: từ môi trường vĩ mô, đến những thứ nhỏ hơn nhiều, chẳng hạn như những nhu cầu cơ bản và chế độ ăn uống của con người; từ cách Đức Chúa Trời cai trị muôn vật và khiến chúng hoạt động một cách trật tự, cho đến môi trường sống đúng đắn và phù hợp mà Ngài đã tạo cho con người thuộc mọi chủng tộc, v.v. Nội dung mở rộng này đều liên quan đến cách con người sống trong xác thịt – nghĩa là, nó đều liên quan đến những thứ của thế giới vật chất hữu hình đối với mắt thường, và những điều mà con người có thể cảm nhận, chẳng hạn như núi, sông, biển, đồng bằng, v.v. Đây đều là những thứ có thể thấy và chạm được. Khi Ta nói về không khí và nhiệt độ, các người có thể dùng hơi thở của mình để trực tiếp cảm nhận sự tồn tại của không khí, và cơ thể người để cảm nhận nhiệt độ cao hay thấp. Cỏ cây và chim thú trong rừng, những thứ bay trên không trung và đi

trên mặt đất, và những động vật nhỏ khác nhau chui ra từ trong hang, đều có thể được con người mắt thấy tai nghe. Mặc dù phạm vi đề cập của tất cả những thứ này rất rộng, nhưng trong số muôn vật Đức Chúa Trời đã tạo dựng, chúng chỉ đại diện cho thế giới vật chất. Những thứ vật chất là những gì con người có thể nhìn thấy và cảm nhận, tức là khi người chạm vào chúng, người cảm thấy chúng, và khi mắt người nhìn thấy chúng, bộ não của người hiển thị cho người một hình tượng, một hình ảnh. Chúng là những thứ thật và thực tế; đối với người, chúng không trừu tượng mà có một hình dáng. Chúng có thể vuông hay tròn, dài hay ngắn, và mỗi vật cho người một ấn tượng khác nhau. Tất cả những thứ này đại diện cho khía cạnh vật chất của tạo hóa. Và như vậy, đối với Đức Chúa Trời, “muôn vật” trong cụm từ “sự thống trị của Đức Chúa Trời trên muôn vật” bao gồm những gì? Chúng không đơn thuần bao gồm những thứ mà con người có thể nhìn thấy và chạm vào; hơn nữa, chúng bao gồm tất cả những thứ vô hình và khó cảm thấy. Đây là một trong những ý nghĩa thật về sự thống trị của Đức Chúa Trời trên muôn vật. Mặc dù những thứ ấy vô hình và khó cảm thấy đối với con người, nhưng đối với Đức Chúa Trời – miễn sao chúng có thể được mắt Ngài quan sát thấy và nằm trong phạm vi quyền tối thượng của Ngài – thì chúng quả thật tồn tại. Bất kể thực tế chúng có trừu tượng và không thể hình dung, và hơn nữa lại vô hình và khó cảm nhận đối với con người, thì đối với Đức Chúa Trời, chúng quả thật và thực sự tồn tại. Đây là một thế giới khác giữa muôn vật mà Đức Chúa Trời cai trị, và đó là một phần khác trong phạm vi muôn vật mà Ngài thống trị. Đây là đề tài thông công hôm nay: Đức Chúa Trời cai trị và quản trị thế giới thuộc linh như thế nào. Bởi vì đề tài này bao gồm cách Đức Chúa Trời cai trị và quản lý muôn vật, nó liên quan đến thế giới bên ngoài thế giới vật chất – thế giới thuộc linh – và, do vậy, chúng ta tuyệt đối cần phải hiểu. Chỉ sau khi đã trao đổi và hiểu nội dung này, con người mới có thể thật sự thấu hiểu ý nghĩa đích thực của cụm từ “Đức Chúa Trời là nguồn sống cho muôn vật”. Đây là lý do chúng ta đang thảo luận về đề tài này; mục đích của nó là để hoàn thiện chủ đề “Đức Chúa Trời cai trị trên muôn vật, và Đức Chúa Trời quản lý muôn vật”. Có lẽ khi nghe về chủ đề này, các người có thể cảm thấy lạ lẫm hay không thể thấu hiểu, nhưng cho dù các người cảm thấy thế nào, thì bởi vì thế giới thuộc linh là một phần của muôn vật được cai trị bởi Đức Chúa Trời, các người phải đạt được chút hiểu biết về đề tài này. Một khi hiểu được, các người sẽ có sự cảm kích, hiểu biết và kiến thức sâu sắc hơn về cụm từ “Đức Chúa Trời là nguồn sống cho muôn vật”.

## **Đức Chúa Trời cai trị và quản trị thế giới thuộc linh như thế nào**

Đối với thế giới vật chất, bất cứ khi nào con người không hiểu những việc hay hiện tượng nhất định, họ có thể tìm thông tin liên quan hay dùng nhiều kênh khác nhau để tìm ra xuất xứ và bối cảnh của những điều này. Nhưng khi nói đến thế giới khác mà chúng ta đang nói hôm nay – thế giới thuộc linh, cõi tồn tại bên ngoài thế giới vật chất – con người tuyệt đối không có phương tiện hay kênh nào để tìm hiểu bất cứ điều gì về nó. Tại sao Ta nói điều này? Ta nói thế là vì, trong thế giới loài người, mọi thứ thuộc thế



giới vật chất đều không thể tách rời khỏi sự tồn tại vật lý của con người, và bởi vì con người cảm thấy rằng mọi thứ của thế giới vật chất không thể tách rời sự sống vật lý và đời sống vật lý của họ, hầu hết mọi người chỉ nhận biết, hay thấy, những thứ vật chất trước mắt họ, hữu hình với họ mà thôi. Tuy nhiên, khi nói đến thế giới thuộc linh – tức là, mọi thứ của thế giới kia – sẽ là công bằng khi nói rằng hầu hết mọi người đều không tin. Bởi vì con người không thể thấy nó, và tin rằng không cần hiểu nó hay biết bất cứ điều gì về nó, chứ nói gì đến việc thế giới thuộc linh là một thế giới hoàn toàn khác với thế giới vật chất như thế nào, và từ quan điểm của Đức Chúa Trời, thì thế giới đó là rộng mở – mặc dù đối với con người thì nó bí mật và khép kín – vì lẽ ấy con người rất khó tìm được một con đường để hiểu những khía cạnh khác nhau của thế giới này. Những khía cạnh khác nhau của thế giới thuộc linh mà Ta sắp nói đến chỉ liên quan đến sự quản trị và quyền tối thượng của Đức Chúa Trời; Ta không đang mặc khải bất kỳ lẽ mầu nhiệm nào, Ta cũng không nói cho các người về bất kỳ bí mật nào mà các người ao ước tìm hiểu. Bởi vì điều này liên quan đến quyền tối thượng của Đức Chúa Trời, sự quản trị của Đức Chúa Trời, và sự chu cấp của Đức Chúa Trời, vì thế Ta sẽ chỉ nói về phần mà các người cần biết.

Trước hết, hãy để Ta hỏi các người một câu: Trong tâm trí các người, thế giới thuộc linh là gì? Nói chung, nó là một thế giới bên ngoài thế giới vật chất, vừa vô hình vừa không thể sờ thấy đối với con người. Tuy nhiên, trong sự tưởng tượng của các người, thế giới thuộc linh nên là dạng thế giới nào? Có lẽ, bởi vì không thể nhìn thấy nó, các người không có khả năng nghĩ về nó. Tuy nhiên, khi các người nghe một số truyền thuyết, các người vẫn nghĩ về nó, và không thể ngừng suy nghĩ về nó. Tại sao Ta nói điều này? Có điều gì đó xảy ra với rất nhiều người khi họ còn trẻ: Khi ai đó kể cho họ một câu chuyện đáng sợ – về ma, hay các linh hồn – họ cảm thấy vô cùng khiếp sợ. Chính xác thì tại sao họ sợ? Đó là vì họ đang tưởng tượng ra những điều đó; mặc dù họ không thể thấy chúng, họ cảm thấy rằng tất cả chúng đều ở quanh phòng mình, ở góc khuất hay góc tối nào đó, và họ quá khiếp sợ đến nỗi không dám đi ngủ. Đặc biệt là vào buổi tối, họ cảm thấy quá sợ đến nỗi không thể ở một mình trong phòng hay liêu lỉnh một mình ra sân. Đó là thế giới thuộc linh trong trí tưởng tượng của các người, và đó là một thế giới mà con người nghĩ là đáng kinh sợ. Thực tế là mọi người đều tưởng tượng ra nó ở một mức độ nào đó, và mọi người đều có thể cảm nhận chút ít về nó.

Chúng ta hãy bắt đầu với việc nói về thế giới thuộc linh. Đó là gì? Để Ta giải thích ngắn gọn và đơn giản cho các người: Thế giới thuộc linh là một nơi quan trọng, nơi khác với thế giới vật chất. Tại sao Ta nói rằng nó quan trọng? Chúng ta sẽ thảo luận chi tiết về điều này. Sự tồn tại của thế giới thuộc linh liên kết chặt chẽ với thế giới vật chất của loài người. Nó đóng vai trò chính trong chu kỳ sinh tử của con người trong sự thống trị của Đức Chúa Trời trên muôn vật; đây là vai trò của nó, và đây là một trong những lý do sự tồn tại của nó là quan trọng. Bởi vì nó là nơi mà năm giác quan không thể phân biệt được, không ai có thể xét đoán chính xác liệu thế giới thuộc linh có tồn tại hay không. Những động lực khác nhau của nó liên kết mật thiết với sự tồn tại của con người,

kết quả của điều này là trật tự sống của nhân loại cũng bị tác động rất lớn bởi thế giới thuộc linh. Điều này có liên quan đến quyền tối thượng của Đức Chúa Trời hay không? Có. Khi Ta nói điều này, các người hiểu tại sao Ta đang thảo luận về đề tài này: Đó là vì nó liên quan đến quyền tối thượng của Đức Chúa Trời, cũng như sự quản trị của Ngài. Trong một thế giới như thế giới này – thế giới vô hình với con người – mọi chỉ dụ, sắc lệnh và hệ thống quản trị trên trời của nó đều cao hơn nhiều so với những luật pháp và hệ thống của bất kỳ quốc gia nào trong thế giới vật chất, và không hữu thể nào đang sống trong thế giới này dám làm trái hay vi phạm chúng. Liệu điều này có liên quan đến quyền tối thượng và sự quản trị của Đức Chúa Trời không? Trong thế giới thuộc linh, có những sắc lệnh quản trị rõ ràng, những chỉ dụ trên trời rõ ràng, và những đạo luật rõ ràng. Ở những mức độ khác nhau và ở nhiều phạm vi khác nhau, những người tham gia tuân thủ nghiêm ngặt bổn phận của họ và tuân giữ các quy tắc và quy định, bởi họ biết hậu quả của việc vi phạm một chỉ dụ trên trời là gì; họ biết rõ Đức Chúa Trời trừng phạt kẻ ác và ban thưởng cho người tốt như thế nào, và Ngài quản trị và cai trị trên muôn vật như thế nào. Hơn nữa, họ thấy rõ Ngài thực hiện các chỉ dụ và đạo luật trên trời của Ngài như thế nào. Có phải những điều này khác với thế giới vật chất mà loài người cư ngụ không? Chúng quả thật khác biệt vô cùng. Thế giới thuộc linh là một thế giới hoàn toàn khác với thế giới vật chất. Bởi vì có những chỉ dụ và đạo luật trên trời, điều này chạm đến quyền tối thượng, sự quản trị của Đức Chúa Trời, và hơn nữa là tâm tính của Ngài, cũng như việc Ngài có gì và là gì. Khi đã nghe điều này, các người không cảm thấy rằng đề tài này là rất cần thiết để Ta nói đến sao? Các người không ao ước tìm hiểu những bí mật vốn có trong nó sao? (Có, chúng ta có.) Những điều như thế là khái niệm về thế giới thuộc linh. Mặc dù nó tồn tại song song với thế giới vật chất, và đồng thời chịu sự quản trị và quyền tối thượng của Đức Chúa Trời, sự quản trị và quyền tối thượng của Đức Chúa Trời với thế giới này nghiêm ngặt hơn nhiều so với của thế giới vật chất. Khi nói đến các chi tiết, chúng ta nên bắt đầu với việc thế giới thuộc linh phụ trách công tác về chu kỳ sinh tử của loài người như thế nào, bởi vì đây là phần chính của công tác của các hữu thể thuộc thế giới thuộc linh.

Trong số nhân loại, Ta phân nhóm tất cả mọi người thành ba loại. Đầu tiên là những người ngoại đạo, những người không có niềm tin tôn giáo. Họ được gọi là những người ngoại đạo. Đa phần những người ngoại đạo chỉ tin vào tiền; họ chỉ đề cao những sở thích riêng của mình, thiên về vật chất, và chỉ tin vào thế giới vật chất – họ không tin vào chu kỳ sinh tử, hoặc bất kỳ điều gì nói về thần thánh và ma quỷ. Ta phân loại những người này là những người ngoại đạo, và họ là loại đầu tiên. Loại thứ hai bao gồm những người có đức tin khác nhau ngoài những người ngoại đạo. Trong số nhân loại, Ta chia những người có đức tin này thành vài nhóm chính: Đầu tiên là Do Thái giáo, thứ hai là Công giáo, thứ ba là Cơ Đốc giáo, thứ tư là Hồi giáo, và thứ năm là Phật giáo; có năm loại. Đây là những loại người có đức tin khác nhau. Loại thứ ba gồm những người tin Đức Chúa Trời, và loại này bao gồm các người. Những tín đồ như thế là những người theo Đức Chúa Trời ngày nay. Những người này được chia thành hai loại: dân sự được

Đức Chúa Trời chọn, và những kẻ phục vụ. Những loại chính này đã được phân biệt rõ ràng. Như vậy, các người hiện có thể phân biệt rõ trong đầu giữa các loại và thứ bậc của con người, phải không? Loại đầu tiên bao gồm những người ngoại đạo, và Ta đã nói họ là gì. Những người có đức tin vào Ông Lão trên trời có được tính là những người ngoại đạo không? Nhiều người ngoại đạo chỉ tin vào Ông Lão trên trời; họ tin rằng gió mưa, sấm sét, v.v. đều được cai quản bởi vị thần này, đáng mà họ dựa vào để trông trọt và thu hoạch – nhưng khi đề cập đến việc tin Đức Chúa Trời, họ lại không sẵn lòng tin Ngài. Đây có thể được gọi là có đức tin không? Những người như thế được bao gồm trong những người ngoại đạo. Người hiểu điều này, đúng không? Đừng nhầm lẫn những phân nhóm này. Loại thứ hai bao gồm những người có đức tin, và loại thứ ba là những người hiện đang theo Đức Chúa Trời. Vậy thì, tại sao Ta lại chia toàn thể nhân loại thành những loại này? (Bởi vì những loại người khác nhau có những kết cuộc và đích đến khác nhau.) Đó là một khía cạnh của nó. Khi những chủng tộc và loại người khác nhau này trở về cõi tâm linh, mỗi người họ sẽ có một nơi khác nhau để đi và sẽ chịu những quy luật khác nhau của chu kỳ sinh tử, do vậy đó là lý do Ta phân loại con người thành những loại chính này.

#### **a. Chu kỳ sinh tử của những người ngoại đạo**

Chúng ta hãy bắt đầu với chu kỳ sinh tử của những người ngoại đạo. Sau khi chết, con người được một tùy tùng từ cõi tâm linh đưa đi. Chính xác là cái gì của con người được đưa đi? Không phải xác thịt, mà là linh hồn của con người. Khi linh hồn của con người được đưa đi, con người đến một nơi là một cơ quan của cõi tâm linh chuyên nhận những linh hồn người vừa mới chết. Đó là nơi đầu tiên mà bất kỳ người nào sẽ đi sau khi chết, là nơi lạ lẫm với linh hồn. Khi họ được đưa đến nơi này, một vị quan thực hiện những cuộc kiểm tra đầu tiên, xác nhận tên tuổi, địa chỉ, và tất cả những trải nghiệm của họ. Mọi điều họ đã làm khi còn sống được ghi lại trong một cuốn sổ và được xác minh tính xác thực. Sau khi đã được kiểm tra tất cả, hành vi và hành động của người đó xuyên suốt cuộc đời họ được dùng để quyết định liệu họ sẽ bị trừng phạt hay tiếp tục được đầu thai làm người, đây là giai đoạn đầu tiên. Giai đoạn đầu tiên này có đáng sợ không? Nó không quá đáng sợ, bởi vì điều duy nhất diễn ra chính là con người đã đến một nơi tối tăm và xa lạ.

Trong giai đoạn thứ hai, nếu con người đã làm rất nhiều điều xấu suốt cuộc đời họ và đã thực hiện nhiều hành vi đồi bại, vậy thì họ sẽ được đưa đến một nơi trừng phạt để bị xử lý. Đó sẽ là nơi chuyên dụng cho việc trừng phạt con người. Chi tiết cụ thể về cách họ bị trừng phạt tùy vào những tội mà họ đã phạm, cũng như vào việc họ đã làm bao nhiêu chuyện đồi bại trước khi chết – đây là tình huống đầu tiên xảy ra trong giai đoạn hai này. Bởi những điều ác họ đã làm và việc ác họ đã phạm trước khi chết, khi họ được đầu thai sau khi chịu hình phạt – khi họ một lần nữa được sinh vào thế giới vật chất – một số người sẽ tiếp tục là người, trong khi số khác sẽ trở thành động vật. Tức là, sau khi một người trở về cõi tâm linh, họ bị trừng phạt bởi những điều ác mà họ đã

phạm; hơn nữa, bởi những chuyện đồi bại mà họ đã làm, trong lần đầu thai tiếp theo, họ có thể sẽ không trở lại làm người, mà làm một con vật. Những loại động vật mà họ có thể trở thành bao gồm bò, ngựa, heo, và chó. Một số người có thể được tái sinh làm chim, vịt hay ngỗng... Sau khi họ đã được đầu thai làm động vật, khi họ chết đi lần nữa, họ sẽ trở lại cõi tâm linh. Ở đó, như trước kia, dựa trên hành vi của họ trước khi chết, cõi tâm linh sẽ quyết định họ có được đầu thai làm người hay không. Hầu hết mọi người đều phạm quá nhiều điều ác, và tội lỗi của họ quá nặng, do đó họ phải đầu thai làm động vật từ bảy đến mười hai lần. Bảy đến mười hai lần – điều đó không đáng kinh sợ sao? (Thật đáng kinh sợ.) Điều gì làm các người kinh sợ? Một con người trở thành con vật – điều đó thật đáng khiếp sợ. Và đối với một người, những điều đau đớn nhất khi trở thành con vật là gì? Không có ngôn ngữ, chỉ có những suy nghĩ đơn giản, chỉ có thể làm những điều mà động vật làm và ăn thức ăn động vật ăn, có đầu óc đơn giản và ngôn ngữ cơ thể của một con vật, không thể đi thẳng, không thể giao tiếp với con người, và thực tế là không hành vi hay hoạt động nào của con người có bất kỳ mối liên hệ nào với động vật. Tức là, trong tất cả mọi sự, việc là một con vật khiến người là loại thấp hèn nhất trong tất cả các hữu thể sống và kéo theo nhiều đau khổ hơn so với khi là một con người. Đây là một khía cạnh của hình phạt cõi tâm linh cho những ai đã làm nhiều việc ác và mắc những tội trọng. Khi nói đến mức độ nghiêm trọng của hình phạt dành cho họ, điều này được quyết định tùy thuộc vào bất kỳ loại động vật nào mà họ trở thành. Ví dụ, làm con heo có tốt hơn làm con chó không? Con heo sống khá hơn hay tệ hơn con chó? Tệ hơn, phải không? Nếu con người trở thành bò hay ngựa, họ sẽ sống khá hơn hay tệ hơn so với khi là heo? (Khá hơn.) Có phải một người sẽ dễ chịu hơn khi được tái sinh làm con mèo không? Tuy vậy, người ấy sẽ thành một con vật, và làm mèo thì dễ dàng hơn bò hoặc ngựa rất nhiều, bởi mèo có cơ hội được ngủ lười hầu hết thời gian. Trở thành bò hay ngựa thì vất vả hơn. Vì lẽ ấy, nếu một người đầu thai làm bò hay ngựa, họ phải làm việc nặng nhọc – giống như hình phạt nặng. Trở thành chó thì khá hơn một chút so với trở thành bò hay ngựa, bởi vì chó có mối quan hệ thân thiết hơn với chủ. Một số chú chó, sau khi làm thú cưng trong vài năm, có thể hiểu nhiều những gì chủ nói. Đôi khi, một chú chó có thể thích nghi với tâm trạng và những yêu cầu của chủ, và chủ đối đãi với chó tốt hơn, chó ăn uống tốt hơn, và khi bị đau, nó được chăm sóc nhiều hơn. Vậy thì chẳng phải chó được hưởng cuộc sống sung sướng sao? Như vậy, làm chó tốt hơn là làm bò hay ngựa. Về điều này, mức độ nghiêm trọng của hình phạt dành cho một người quyết định họ đầu thai làm động vật bao nhiêu lần, cũng như loại nào.

Bởi vì họ đã phạm quá nhiều tội khi còn sống, một số người bị trừng phạt bằng cách đầu thai thành con vật từ bảy đến mười hai đời. Khi đã bị trừng phạt đủ số lần, lúc trở lại cõi tâm linh, họ được đưa đến nơi khác – một nơi mà những linh hồn khác nhau đã bị trừng phạt và thuộc loại đang chuẩn bị được đầu thai làm người. Ở địa điểm này, mỗi linh hồn được phân theo loại dựa trên dạng gia đình mà họ sẽ được sinh ra, loại vai trò họ sẽ đóng khi đã được đầu thai, v.v. Ví dụ, một số người sẽ trở thành ca sĩ khi họ đến thế giới này, do đó được đặt giữa các ca sĩ; một số người sẽ trở thành doanh nhân khi

họ đến thế giới này, và do đó họ được đặt giữa các doanh nhân; và nếu ai đó trở thành nhà nghiên cứu khoa học sau khi làm người thì họ được đặt giữa các nhà nghiên cứu khoa học. Sau khi họ được phân loại, mỗi người được gửi đi theo một thời điểm và ngày tháng được chỉ định khác nhau, cũng giống như con người gửi email ngày nay. Như vậy là sẽ hoàn thành một chu kỳ sinh tử. Từ ngày một người đến cõi tâm linh cho đến khi kết thúc hình phạt của họ, hoặc đến khi họ đã được đầu thai làm động vật nhiều lần và đang chuẩn bị được đầu thai làm người, quá trình này được hoàn tất.

Đối với những người đã bị trừng phạt xong và không đầu thai làm động vật, họ sẽ sớm được gửi đến thế giới vật chất để nhập thể làm người chứ? Hoặc sẽ mất bao lâu trước khi họ có thể đến giữa con người? Tần suất mà điều này có thể diễn ra là gì? Có những giới hạn về mặt thời gian đối với điều này. Mọi thứ diễn ra trong cõi tâm linh đều chịu những giới hạn và quy tắc chính xác về mặt thời gian – điều mà, nếu Ta giải thích bằng những con số thì các người sẽ hiểu. Đối với những người đầu thai trong khoảng thời gian ngắn, khi họ chết, những sự chuẩn bị sẽ được sắp sẵn cho họ để đầu thai làm người. Thời gian ngắn nhất mà điều này có thể xảy ra là ba ngày. Đối với một số người, điều này mất ba tháng, một số thì mất ba năm, một số thì mất ba mươi năm, một số thì mất ba trăm năm, v.v. Như vậy, có thể nói gì về những quy tắc thời gian này, và chi tiết cụ thể của chúng là gì? Chúng dựa trên những gì mà thế giới vật chất – thế giới của con người – cần từ một linh hồn, và dựa trên vai trò mà linh hồn này dự định đóng trong thế giới này. Khi con người đầu thai làm người thường, đa số họ đều đầu thai rất nhanh, bởi vì thế giới con người có nhu cầu cấp thiết đối với những người bình thường như thế – và do vậy, ba ngày sau, họ được gửi đi lần nữa đến một gia đình hoàn toàn khác với gia đình mà họ đã ở trước khi chết. Tuy nhiên, có một số người đóng vai trò đặc biệt trên thế giới này. “Đặc biệt” nghĩa là không có nhu cầu lớn đối với những người này trong thế giới con người; không có nhiều người cần đóng vai trò như thế, do đó có thể mất ba trăm năm. Nói cách khác, linh hồn này chỉ đến một lần vào mỗi ba trăm năm, hay thậm chí chỉ một lần mỗi ba ngàn năm. Tại sao lại như vậy? Đó là do thực tế rằng dù ba trăm năm hay ba ngàn năm, một vai trò như thế không cần thiết trong thế giới con người, do đó họ được giữ ở một nơi trong cõi tâm linh. Lấy Khổng Tử làm ví dụ: Ông đã có tác động sâu sắc đến văn hóa truyền thống Trung Quốc, và sự xuất hiện của ông đã ảnh hưởng sâu sắc đến văn hóa, kiến thức, truyền thống, và ý thức hệ của con người thời đó. Tuy nhiên, một người như thế này không cần có trong mọi kỷ nguyên, do đó ông phải ở trong cõi tâm linh, đợi ở đó ba trăm hay ba ngàn năm trước khi được đầu thai. Bởi vì thế giới con người không cần một người như thế này, ông đã phải chờ đợi một cách nhàn nhã, bởi có quá ít vai trò như của ông, và rất ít việc để ông làm. Như thế, ông đã phải bị giữ ở một nơi trong cõi tâm linh trong hầu hết thời gian đó, nhàn rỗi, để được gửi đi một khi thế giới con người cần ông. Đó là những quy tắc thời gian của lĩnh vực thuộc linh về tần suất mà hầu hết mọi người được đầu thai. Dù con người là bình thường hay đặc biệt, cõi tâm linh cũng có những quy tắc phù hợp và những thông lệ đúng đắn để xử lý sự đầu thai của họ, và những quy tắc, thông lệ này được gửi xuống

từ Đức Chúa Trời, không phải được quyết định hay kiểm soát bởi bất kỳ tùy tùng hay hữu thể nào của cõi tâm linh. Người hiểu điều này, đúng không?

Đối với bất kỳ linh hồn nào, sự đầu thai của họ, vai trò của họ trong cuộc sống này, gia đình mà họ sinh ra, và đời sống của họ như thế nào đều liên hệ mật thiết với đời trước của linh hồn. Dù loại người đến với thế giới con người, và những vai trò mà họ đóng thì khác nhau, cũng như những nhiệm vụ mà họ thực hiện. Và đây là những nhiệm vụ gì? Một số người đến để trả nợ: Nếu họ nợ người khác quá nhiều tiền trong những đời trước, thì họ đến để trả những món nợ đó trong đời này. Trong khi đó, một số người đến để thu nợ: Họ bị lừa quá nhiều thứ và quá nhiều tiền ở những đời trước; kết quả là, sau khi họ đến cõi tâm linh, nơi đó cho họ công lý và cho phép họ thu hồi những món nợ trong đời này. Một số người đến để trả những món nợ của lòng biết ơn: Trong đời trước – nghĩa là, sự đầu thai trước của họ – ai đó đã quá tử tế với họ, và do đã được trao cơ hội tuyệt vời để được đầu thai trong đời này, họ được tái sinh để trả những món nợ của lòng biết ơn ấy. Trong khi đó, số khác được tái sinh vào đời này để đòi mạng. Và họ đòi mạng của những ai? Họ đòi mạng của những người đã giết họ ở những đời trước. Tóm lại, sự sống hiện tại của mỗi người đều có mối liên hệ mật thiết với những đời trước của họ; mối liên hệ này không thể cắt đứt. Tức là, sự sống hiện tại của mỗi người bị ảnh hưởng rất lớn bởi đời trước của họ. Ví dụ, giả sử rằng trước khi chết, Trương đã lừa Li một số tiền lớn. Vậy thì Trương có nợ Li một món nợ không? Có, vậy thì việc Li nên thu lại món nợ từ Trương là lẽ tự nhiên đúng không? Kết quả là, sau khi họ chết, có một món nợ giữa họ phải được dàn xếp. Khi họ đầu thai và Trương trở thành người, Li thu món nợ của mình từ anh ta như thế nào? Một phương pháp là tái sinh làm con trai của Trương; Trương kiếm được một số tiền lớn, sau đó bị Li phung phí. Cho dù Trương kiếm được bao nhiêu tiền, con trai của ông là Li cũng phung phí hết. Cho dù Trương kiếm được bao nhiêu tiền thì cũng không bao giờ đủ; và trong khi đó, con trai của ông, vì lý do nào đó, lại rút cuộc luôn tiêu tiền của cha bằng nhiều phương cách khác nhau. Trương hoang mang, tự hỏi “Tại sao con trai tôi lại luôn mang đến xui xẻo như thế? Tại sao con trai của những người khác lại rất ngoan? Tại sao con trai của bản thân tôi lại không có hoài bão, tại sao nó lại vô dụng và không có khả năng kiếm chút tiền nào, và tại sao tôi luôn phải chu cấp cho nó? Bởi vì tôi phải chu cấp cho nó, tôi sẽ làm – nhưng tại sao dù tôi cho nó bao nhiêu tiền thì nó cũng luôn cần thêm nữa? Tại sao nó không có khả năng làm một công việc chân chính thường ngày, mà thay vào đó lại làm đủ trò như lêu lổng, ăn uống, gái gú, và cờ bạc? Chuyện quái gì đang xảy ra vậy?”. Sau đó Trương suy nghĩ một lúc, “Có lẽ tôi nợ nó một món nợ từ kiếp trước. Vậy thì tôi sẽ trả cho xong! Điều này sẽ không chấm dứt cho tới khi tôi trả đủ!”. Có thể sẽ đến ngày Li thật sự đã thu hồi được món nợ của mình, và vào lúc anh ta bốn mươi mấy hay năm mươi mấy tuổi, anh ta có thể đột nhiên tỉnh ngộ, nhận ra rằng “Tôi đã chẳng làm được trò trống gì suốt nửa đầu cuộc đời mình! Tôi đã hoang phí toàn bộ số tiền mà cha tôi kiếm được, vì vậy tôi nên bắt đầu làm người tốt! Tôi sẽ tôi luyện bản thân; tôi sẽ là người thật thà và sống một cách đúng đắn, và tôi sẽ không bao giờ mang lại đau buồn

cho cha mình lần nữa!”. Tại sao anh ta nghĩ như vậy? Tại sao anh ta đột nhiên thay đổi tốt hơn? Có lý do nào cho điều này không? Lý do là gì? (Đó là vì Li đã thu hồi được món nợ; Trương đã trả món nợ.) Trong đây có nhân và quả. Câu chuyện bắt đầu từ rất lâu trước kia, trước kiếp sống hiện tại của họ; câu chuyện này về những đời trước của họ đã được mang đến hiện tại, và không ai có thể đổ lỗi cho ai. Bất kể Trương đã dạy con trai thế nào, con trai ông cũng không bao giờ nghe, cũng không làm một công việc chân chính thường ngày nào. Ấy thế mà vào ngày món nợ đã được trả thì không cần dạy con trai ông nữa – anh ta tự nhiên hiểu được. Đây là một ví dụ đơn giản. Có nhiều ví dụ như thế không? (Có.) Nó nói với con người điều gì? (Rằng họ nên thiện lành và không phạm điều ác.) Rằng họ không nên làm ác, và rằng sẽ có sự báo ứng cho những việc làm sai trái của họ! Hầu hết những người ngoại đạo đều phạm nhiều điều ác, và những việc làm sai trái của họ gặp phải sự báo ứng, đúng không? Tuy nhiên, sự báo ứng ấy có tùy ý không? Đối với mọi hành động, đều có một nền tảng và lý do đằng sau sự báo ứng của nó. Người có nghĩ rằng sẽ không có gì xảy ra với người sau khi người đã lừa tiền ai đó không? Người có nghĩ rằng sau khi đã cuồn số tiền đó đi, người sẽ không phải đối mặt với bất kỳ hậu quả nào không? Không thể nào có chuyện đó; thực sự sẽ có những hậu quả! Bất kể họ là ai và dù họ có tin rằng có Đức Chúa Trời hay không, mọi cá nhân phải chịu trách nhiệm với hành vi của riêng mình và gánh lấy hậu quả cho hành động của mình. Liên quan đến ví dụ đơn giản này – Trương bị trừng phạt, và Li được đền trả – chẳng phải đây là công bằng sao? Khi con người làm những điều như thế, đây là dạng kết quả xuất hiện. Nó không thể tách khỏi sự quản trị của cõi tâm linh. Cho dù họ là những người ngoại đạo, sự tồn tại của những ai không tin Đức Chúa Trời đều chịu những loại chỉ dụ và sắc lệnh trên trời này. Không ai có thể thoát khỏi chúng, và không ai có thể tránh được hiện thực này.

Những ai không có đức tin thường tin rằng mọi thứ con người nhìn thấy đều tồn tại, trong khi mọi thứ không thể được nhìn thấy, hay rất xa con người, thì không. Họ thích tin rằng không có “chu kỳ sinh tử”, và không có “hình phạt”; như thế, họ phạm tội và làm điều ác mà không hối hận. Sau đó, họ bị trừng phạt, hoặc họ đầu thai làm động vật. Hầu hết những dạng người khác nhau trong những người ngoại đạo đều rơi vào vòng lẩn quẩn này. Điều này là vì họ không biết rằng cõi tâm linh nghiêm ngặt trong việc quản trị mọi hữu thể sống. Dù người có tin hay không, sự thật này vẫn tồn tại, bởi không một người hay đối tượng nào có thể thoát khỏi phạm vi Đức Chúa Trời quan sát bằng mắt, và không một người nào hay đối tượng nào có thể thoát khỏi những quy tắc và giới hạn của các chỉ dụ và sắc lệnh trên trời của Ngài. Như thế, ví dụ đơn giản này nói với mọi người rằng bất kể người có tin Đức Chúa Trời hay không thì cũng không thể chấp nhận việc phạm tội và làm điều ác, và rằng mọi hành động đều mang hậu quả. Khi ai đó lừa tiền của người khác bị trừng phạt, hình phạt đó là công bằng. Hành vi thường thấy chẳng hạn như thế này sẽ bị cõi tâm linh trừng trị, và sự trừng phạt như thế được ban bởi các sắc lệnh và chỉ dụ trên trời của Đức Chúa Trời. Vì lẽ ấy, hành vi đồi bại và thuộc trọng tội – cưỡng hiếp và cướp bóc, gian lận và lừa gạt, trộm cắp và cướp của, giết chóc và

đốt phá, v.v. – thậm chí còn phải chịu một loạt những hình phạt với mức độ nghiêm trọng khác nhau. Những hình phạt với mức độ nghiêm trọng khác nhau này bao gồm những gì? Một số thì thiết lập mức độ nghiêm trọng sử dụng thời gian, trong khi một số khác thì làm như vậy thông qua những phương pháp luận khác nhau; số khác nữa thì làm bằng cách xác định con người sẽ đi đâu khi họ đầu thai. Ví dụ, một số người ăn nói lỗ mǎng. “Ăn nói lỗ mǎng” ám chỉ điều gì? Nó có nghĩa là thường xuyên chửi rủa người khác và dùng ngôn ngữ hiểm độc nguyên rủa người khác. Ngôn ngữ hiểm độc biểu thị điều gì? Nó chỉ ra rằng người ta có lòng dạ hiểm độc. Ngôn ngữ thô lỗ nguyên rủa người khác thường đến từ miệng của những người như thế, và ngôn ngữ hiểm độc ấy mang đến những hậu quả nặng nề. Sau khi những người này chết đi và nhận hình phạt thích đáng, họ có thể bị tái sinh làm người câm. Một số người rất tính toán khi còn sống; họ thường lợi dụng người khác, những mưu đồ nhỏ nhất của họ đặc biệt được lên kế hoạch kỹ càng, và gây hại nhiều cho mọi người. Khi họ được tái sinh, có thể sẽ là người khờ hay người bị thiếu năng trí tuệ. Một số người thường nhòm ngó việc riêng của người khác; mắt họ thấy nhiều điều mà họ không nên thấy, và họ biết được nhiều điều mà họ không nên biết. Kết quả là, khi họ tái sinh, họ có thể bị mù. Một số người rất khôn lanh khi sống; họ thường đấu đá và làm nhiều điều ác. Bởi điều này, họ có thể bị tái sinh làm người khuyết tật, què quặt, hay mất một tay; nếu không họ có thể đầu thai bị lưng gù hay vẹo cổ, đi một chân, chân này ngắn hơn chân kia, v.v. Ở những người này, họ đã chịu nhiều hình phạt khác nhau dựa trên mức độ của tội ác mà họ đã phạm khi còn sống. Các người nghĩ tại sao một số người lại bị nhược thị? Có nhiều người như thế không? Ngày nay có nhiều hơn là chỉ một vài người. Một số người bị nhược thị bởi vì trong những đời trước, họ đã lạm dụng mắt quá nhiều và đã làm quá nhiều điều xấu, do đó họ được sinh ra trong đời này với chứng nhược thị, và trong những trường hợp nghiêm trọng, họ thậm chí bị mù bẩm sinh. Đây là sự báo ứng! Một số người hòa thuận với người khác trước khi chết; họ làm nhiều việc tốt cho họ hàng, bạn bè, đồng nghiệp, hay những người có quan hệ với họ. Họ làm từ thiện và chăm sóc người khác, hay trợ giúp về mặt tài chính, và mọi người rất tôn trọng họ. Khi những người như thế trở về cõi tâm linh, họ không bị trừng phạt. Để một người ngoại đạo không bị trừng phạt theo bất kỳ cách nào có nghĩa là họ là một người rất tốt. Thay vì tin vào sự hiện hữu của Đức Chúa Trời, họ chỉ tin vào Ông Lão trên trời. Một người như thế chỉ tin rằng có một vị thần ở trên họ, dõi theo mọi việc họ làm – đó là tất cả những gì người này tin. Kết quả là người này cư xử tốt hơn nhiều. Những người như thế thì tốt bụng và nhân đức, và cuối cùng khi họ trở lại cõi tâm linh, nơi ấy sẽ đối đãi với họ rất tốt, và họ sẽ sớm được đầu thai. Khi họ được tái sinh, họ sẽ đến những kiểu gia đình nào? Mặc dù những gia đình ấy sẽ không giàu có nhưng họ sẽ không bị nguy hại gì, với sự hòa thuận giữa các thành viên; ở đó, những người được đầu thai này sẽ trải qua những ngày an toàn, hạnh phúc, mọi người sẽ vui vẻ và sống cuộc sống tốt. Khi những người này đến tuổi trưởng thành, họ sẽ có những gia đình lớn, gia đình mở rộng, con cái sẽ có tài và được tận hưởng thành công, gia đình họ sẽ được hưởng sự may mắn – và một kết cục như thế



có liên quan rất nhiều với những đời trước của những người này. Tức là, nơi người ta đi sau khi chết và được đầu thai, là nam hay nữ, sứ mệnh là gì, sẽ trải qua điều gì trong cuộc sống, những chướng ngại mà họ sẽ phải chịu, những phúc lành mà họ sẽ được hưởng, những người họ sẽ gặp, và những điều sẽ xảy ra với họ – không ai có thể dự đoán những điều này, tránh né chúng, hay lẩn trốn khỏi chúng. Nói thế nghĩa là, một khi sự sống của người đã được thiết lập, bất cứ điều gì xảy ra với người – cho dù người cố gắng tránh như thế nào, và bằng bất kỳ cách thức gì – người cũng không có cách nào can thiệp vào tiến trình sự sống mà Đức Chúa Trời đã đặt ra cho người trong cõi tâm linh. Bởi khi người đầu thai, số phận cuộc đời người đã được định sẵn. Dù xấu hay tốt, mọi người đều phải đối mặt với điều này và tiếp tục tiến tới. Đây là một vấn đề mà không ai sống trong thế giới này có thể tránh, và không vấn đề nào thật hơn. Tất cả các người đều hiểu mọi điều ta đang phán, phải không?

Khi đã hiểu những điều này, các người giờ đây đã thấy rằng Đức Chúa Trời có những sự kiểm tra, quản trị rất chính xác và nghiêm ngặt đối với chu kỳ sinh tử của những người ngoại đạo chưa? Trước tiên, Ngài đã thiết lập những chỉ dụ, sắc lệnh và hệ thống trên trời khác nhau trong cõi tâm linh, và một khi những điều này đã được tuyên bố, chúng được thực hiện rất nghiêm ngặt, như được đặt ra bởi Đức Chúa Trời, bởi các hữu thể ở những vị trí chức vị khác nhau trong cõi tâm linh, và không ai dám vi phạm chúng. Vì lẽ ấy, trong chu kỳ sinh tử của nhân loại trong thế giới con người, cho dù ai đó đầu thai làm con vật hay con người thì cũng có những quy luật cho cả hai. Bởi vì những quy luật này đến từ Đức Chúa Trời, không ai dám phá vỡ chúng, cũng không ai có thể phá vỡ chúng. Chỉ bởi quyền tối thượng này của Đức Chúa Trời, và bởi những quy luật ấy tồn tại, mà thế giới vật chất con người nhìn thấy mới được điều hòa và có trật tự; chỉ nhờ quyền tối thượng này của Đức Chúa Trời mà con người mới có thể đồng tồn tại một cách hòa bình với thế giới bên kia, nơi hoàn toàn vô hình với họ, và có thể sống trong sự hòa hợp với nó – tất cả đều không thể tách rời quyền tối thượng của Đức Chúa Trời. Sau khi sự sống xác thịt của một người chết đi, linh hồn vẫn có sự sống, và như vậy điều gì sẽ xảy ra nếu nó không chịu sự quản trị của Đức Chúa Trời? Linh hồn sẽ đi thơ thần khắp nơi, xâm nhập mọi nơi, và thậm chí sẽ làm hại những hữu thể sống trong thế giới con người. Sự nguy hại ấy sẽ không chỉ gây ra cho nhân loại mà còn có thể gây ra cho thực vật và động vật – tuy nhiên, con người sẽ bị làm hại trước tiên. Nếu điều này xảy ra – nếu một linh hồn như thế không có sự quản trị, thật sự làm hại mọi người, và thật sự làm những chuyện xấu xa – vậy thì linh hồn này cũng sẽ bị xử lý thích đáng trong cõi tâm linh: Nếu sự việc nghiêm trọng, linh hồn sẽ sớm ngừng tồn tại, và sẽ bị hủy diệt. Nếu có thể, nó sẽ được đặt ở đâu đó và rồi được đầu thai. Nghĩa là, sự quản trị những linh hồn khác nhau của cõi tâm linh thì có trật tự, và được thực hiện theo các bước và quy tắc. Chỉ bởi sự quản trị như thế mà thế giới vật chất của con người mới không rơi vào sự hỗn loạn, con người của thế giới vật chất mới sở hữu một tâm lý bình thường, lý trí bình thường, và một đời sống xác thịt có trật tự. Chỉ sau khi nhân loại có một đời sống bình thường như thế, những người sống trong xác thịt mới có thể tiếp tục phát triển mạnh và sinh sôi qua các thế hệ.

Các người nghĩ gì về những lời vừa nghe? Chúng có mới mẻ đối với các người không? Các đề tài thông công hôm nay để lại dạng ấn tượng gì với các người? Ngoài sự mới lạ của chúng, các người có cảm thấy bất kỳ điều gì khác không? (Con người nên cư xử tốt, và chúng ta có thể thấy rằng Đức Chúa Trời vĩ đại và nên được tôn kính.) (Khi vừa nghe sự tương giao của Đức Chúa Trời về cách Đức Chúa Trời sắp đặt kết cuộc của những dạng người khác nhau, ở một phương diện, tôi thấy rằng tâm tính của Ngài không cho phép bất kỳ sự xúc phạm nào, và rằng tôi nên tôn kính Ngài; ở một phương diện khác, tôi nhận biết kiểu người mà Đức Chúa Trời thích, và kiểu người Ngài không thích, do đó tôi muốn là một trong những người Ngài thích.) Các người có thấy rằng Đức Chúa Trời có nguyên tắc trong những hành động của Ngài ở lĩnh vực này không? Những nguyên tắc Ngài hành động là gì? (Ngài định ra kết cục của con người theo tất cả những gì họ làm.) Điều này liên quan đến các kết cục khác nhau đối với những người ngoại đạo mà chúng ta vừa nói tới. Khi nói đến những người ngoại đạo, nguyên tắc đằng sau những hành động của Đức Chúa Trời có phải là thưởng thiện, phạt ác không? Có bất kỳ ngoại lệ nào không? (Không.) Các người có thấy rằng có một nguyên tắc đằng sau những hành động của Đức Chúa Trời không? Những người ngoại đạo không thật sự tin Đức Chúa Trời, họ cũng không quy phục những sự dàn xếp của Ngài. Thêm vào đó, họ không nhận thức được quyền tối thượng của Ngài, càng không công nhận Ngài. Nghiêm trọng hơn, họ báng bổ chống lại Đức Chúa Trời, nguyên rủa Ngài, và thù địch với những người tin Đức Chúa Trời. Bất chấp thái độ này của họ đối với Đức Chúa Trời, sự quản trị của Ngài với họ vẫn không chệch khỏi những nguyên tắc của Ngài; Ngài quản trị họ theo một thể thức có trật tự, tuân theo những nguyên tắc và tâm tính của Ngài. Ngài coi sự thù địch của họ như thế nào? Như sự ngu dốt! Kết quả là, Ngài đã khiến những người này – tức là phần lớn những người ngoại đạo – đầu thai làm động vật trong quá khứ. Như vậy, trong mắt Đức Chúa Trời, chính xác thì những người ngoại đạo là gì? Tất cả họ đều là thú vật. Đức Chúa Trời quản trị thú vật cũng như nhân loại, và đối với những người đó, Ngài có những nguyên tắc như nhau. Ngay cả trong sự quản trị của Ngài đối với những người này, thì tâm tính của Ngài cũng vẫn có thể được nhìn thấy, các luật lệ của Ngài đằng sau sự thống trị của Ngài trên muôn vật cũng vậy. Và như thế, các người có thấy quyền tối thượng của Đức Chúa Trời trong những nguyên tắc mà Ngài dùng để quản trị những người ngoại đạo mà Ta vừa đề cập không? Các người có thấy tâm tính công chính của Đức Chúa Trời không? (Chúng con có.) Nói cách khác, cho dù Ngài xử lý điều gì trong muôn vật, Đức Chúa Trời cũng hành động theo những nguyên tắc và tâm tính của riêng Ngài. Đây là thực chất của Đức Chúa Trời; Ngài sẽ không bao giờ ngẫu nhiên phá vỡ những sắc lệnh hay các chỉ dụ trên trời mà Ngài đã lập chỉ vì Ngài coi những người như thế là thú vật. Đức Chúa Trời hành động theo nguyên tắc, không chút khinh suất, và những hành động của Ngài hoàn toàn không bị ảnh hưởng bởi bất kỳ yếu tố nào. Mọi điều Ngài làm đều tuân theo những nguyên tắc riêng của Ngài. Điều này là vì Đức Chúa Trời sở hữu thực chất của chính Đức Chúa Trời; đây là một phương diện của thực chất Ngài mà không được sở hữu bởi

bất kỳ tạo vật nào. Đức Chúa Trời chu đáo và có trách nhiệm trong việc Ngài xử lý, tiếp cận, quản lý, quản trị, và cai trị mọi đối tượng, con người, và sinh vật giữa muôn vật Ngài đã tạo dựng, và trong việc này, Ngài chưa bao giờ bất cẩn. Đối với những người tốt, Ngài độ lượng và nhân từ; đối với những kẻ đồi bại, Ngài bắt chịu sự trừng phạt tàn nhẫn; và đối với những hữu thể sống khác nhau, Ngài thực hiện những sắp đặt thích hợp theo cách thức quy củ và kịp thời theo những yêu cầu khác nhau của thế giới con người vào những thời điểm khác nhau, hầu cho các hữu thể sống khác nhau này được đầu thai theo những vai trò mà họ đóng theo thể thức có trật tự và di chuyển giữa thế giới vật chất và cõi tâm linh một cách có phương pháp.

Sự chết của một hữu thể sống – sự kết thúc một đời sống vật lý – báo hiệu rằng hữu thể sống đã đi từ thế giới vật chất sang cõi tâm linh, trong khi sự ra đời của một đời sống vật lý mới thì báo hiệu rằng hữu thể sống đã đến từ cõi tâm linh để vào thế giới vật chất, bắt đầu đảm nhận và đóng vai trò của mình. Dù là sự đi hay đến của một hữu thể, cả hai đều không thể tách rời công tác của cõi tâm linh. Vào lúc ai đó đến thế giới vật chất, những sự sắp đặt và xác định phù hợp đã được Đức Chúa Trời hình thành trong cõi tâm linh về việc gia đình mà người đó sẽ đến, kỷ nguyên mà họ sẽ đến, giờ mà họ sẽ đến, và vai trò mà họ sẽ đóng. Như thế, toàn bộ cuộc đời của người này – những việc họ làm, và những con đường họ chọn – sẽ tiến hành theo những sự sắp đặt được tạo trong cõi tâm linh, mà không có chút sai lệch nhỏ nhất nào. Hơn nữa, thời điểm khi một đời sống vật lý kết thúc và cách thức, nơi chốn kết thúc đều rõ ràng và có thể thấy rõ đối với cõi tâm linh. Đức Chúa Trời cai trị thế giới vật chất, Ngài cũng cai trị thế giới tâm linh, và Ngài sẽ không trì hoãn chu kỳ sinh tử bình thường của một linh hồn, Ngài cũng không bao giờ phạm bất kỳ lỗi nào trong những sự sắp đặt của chu kỳ đó. Mỗi người tùy từng ở các đồn quan của cõi tâm linh đều thực hiện những nhiệm vụ của cá nhân họ, và làm điều họ phải làm, theo những hướng dẫn và quy tắc của Đức Chúa Trời. Như vậy, trong thế giới của nhân loại, mọi hiện tượng vật chất mà con người thấy đều có trật tự, và không chứa sự hỗn loạn nào. Toàn bộ điều này là bởi sự cai trị muôn vật một cách trật tự của Đức Chúa Trời, cũng như thực tế rằng thẩm quyền của Ngài cai trị muôn vật. Sự thống trị của Ngài bao gồm thế giới vật chất mà con người sinh sống và hơn nữa, thế giới tâm linh vô hình đằng sau nhân loại. Vì lẽ ấy, nếu con người muốn có một cuộc sống tốt đẹp, và hy vọng sống trong những môi trường tốt đẹp, ngoài việc được cung cấp toàn bộ thế giới vật chất hữu hình, thì họ cũng phải được cung cấp cõi tâm linh, nơi không ai có thể thấy, nơi cai quản mọi hữu thể sống đại diện cho nhân loại, và nơi có trật tự. Như vậy, khi nói rằng Đức Chúa Trời là nguồn sống cho muôn vật, chẳng phải chúng ta đã nâng cao nhận thức và hiểu biết của mình về “muôn vật sao”? (Đúng vậy.)

## **b. Chu kỳ sinh tử của những người có đức tin khác nhau**

Chúng ta vừa thảo luận về chu kỳ sinh tử của những người trong phân nhóm đầu tiên, những người ngoại đạo. Bây giờ, chúng ta hãy thảo luận vấn đề đó của phân nhóm

thứ hai, những người có đức tin khác nhau. “Chu kỳ sinh tử của những người có đức tin khác nhau” là một đề tài rất quan trọng khác nữa, và các người cực kỳ cần có sự hiểu biết về nó. Trước tiên, chúng ta hãy nói về những đức tin nào mà từ “đức tin” trong “những người có đức tin” ám chỉ: năm tôn giáo chính là Do Thái giáo, Cơ Đốc giáo, Công giáo, Hồi giáo, và Phật giáo. Ngoài những người ngoại đạo, những người tin vào năm tôn giáo này chiếm phần lớn dân số thế giới. Trong năm tôn giáo này, những người đã làm nên sự nghiệp từ đức tin của họ là rất ít, ấy thế mà những tôn giáo này có nhiều người theo. Họ sẽ đến một nơi khác khi chết. “Khác” với ai? Khác với những người ngoại đạo – những người không có đức tin – những người mà chúng ta vừa nói đến. Sau khi họ chết, những tín đồ của năm tôn giáo này sẽ đi nơi khác, nơi khác với những người ngoại đạo. Tuy nhiên, quá trình thì vẫn như vậy; cõi tâm linh sẽ phán xét họ tương tự dựa trên tất cả những gì họ đã làm trước khi chết, sau đó họ sẽ được xử lý tương ứng. Tuy nhiên, tại sao những người này được gửi đến một địa điểm khác để xử lý? Có một lý do quan trọng cho điều này. Đó là gì? Ta sẽ giải thích cho các người bằng một ví dụ. Tuy nhiên, trước khi Ta giải thích, các người có thể trầm nghĩ: “Có thể đó là vì họ có chút niềm tin nơi Đức Chúa Trời! Họ không hoàn toàn là những người ngoại đạo”. Tuy nhiên, đây không phải là lý do. Có một lý do rất quan trọng khiến họ tách biệt với những người khác.

Hãy lấy Phật giáo làm ví dụ. Ta sẽ nói với các người một sự thật. Trước hết, một Phật tử là người theo Phật giáo, và đây là người biết niềm tin của họ là gì. Khi các Phật tử xuống tóc và trở thành tăng hay ni, điều đó có nghĩa là họ đã tách mình khỏi thế giới phàm tục, bỏ lại phía sau sự ồn ào của nhân thế. Mỗi ngày, họ tụng kinh và niệm Phật, chỉ ăn chay, sống đời khổ hạnh, và qua ngày với ánh sáng yếu ớt, lạnh lẽo của ngọn đèn dầu bơ. Họ trải qua cả cuộc đời như thế này. Khi sự sống vật lý của một Phật tử kết thúc, họ sẽ khép lại cuộc đời của mình, nhưng trong lòng, họ sẽ không biết mình sẽ đi đâu sau khi chết, sẽ gặp ai, hay kết cục của họ sẽ như thế nào: Trong thâm tâm, họ sẽ không có ý tưởng rõ ràng về những điều như thế. Họ sẽ không làm gì hơn là mù quáng mang một dạng đức tin suốt cả cuộc đời, sau đó họ rời khỏi thế giới con người cùng với những mong muốn và lý tưởng mù quáng của họ. Đó là sự kết thúc đời sống vật lý của một Phật tử, khi họ rời khỏi thế giới của sự sống; sau đó, họ trở về nơi ban đầu của mình trong cõi tâm linh. Việc người này có đầu thai trở lại trái đất hay tiếp tục tự tu luyện sẽ tùy vào hành vi và sự thực hành của họ trước khi chết. Nếu đã không làm gì sai trái trong cuộc đời mình, họ sẽ nhanh chóng được đầu thai và gửi về trái đất lần nữa, nơi người này sẽ một lần nữa trở thành tăng hay ni. Nghĩa là, họ thực hành tự tu luyện trong đời sống vật lý của mình theo cách họ đã thực hành tự tu luyện ban đầu, và rồi trở lại cõi tâm linh sau khi sự sống vật lý của họ khép lại, nơi họ được xem xét. Sau đó, nếu không phát hiện thấy vấn đề gì, họ có thể một lần nữa trở lại thế giới con người và một lần nữa theo Phật giáo, nhờ đó tiếp tục việc thực hành của mình. Sau khi được đầu thai ba đến bảy lần, họ sẽ một lần nữa trở về cõi tâm linh, nơi họ đến sau khi mỗi kiếp sống vật lý kết thúc. Nếu những phẩm chất và hành vi khác nhau của họ trong thế

giới con người đã tuân theo những chỉ dụ trên trời của cõi tâm linh, vậy thì từ thời điểm này trở đi, họ sẽ ở lại đó; họ sẽ không còn đầu thai làm người nữa, họ cũng không có bất kỳ nguy cơ bị trừng phạt nào do làm điều ác trên trái đất. Họ sẽ không bao giờ phải đi qua quá trình này nữa. Thay vào đó, tùy vào hoàn cảnh của mình, họ sẽ giữ một vị trí trong cõi tâm linh. Đây là điều các Phật tử gọi là “đạt đến Phật quả”. Sự đạt được Phật quả chủ yếu có nghĩa là đạt được thành quả là một quan chức của cõi tâm linh, và sau đó, không còn đầu thai hay có nguy cơ bị trừng phạt nữa. Hơn nữa, điều này có nghĩa là không còn phải chịu những nỗi khổ sở của việc làm người sau khi đầu thai. Như vậy, vẫn còn khả năng nào để họ đầu thai làm động vật không? (Không.) Điều này nghĩa là họ sẽ ở lại để giữ một vai trò trong cõi tâm linh và sẽ không còn đầu thai nữa. Đây là một ví dụ của việc đạt được Phật quả trong Phật giáo. Đối với những ai không đạt được quả, khi trở về cõi tâm linh, họ bắt đầu chịu sự xem xét và xác minh của vị quan có liên quan, là người sẽ tìm hiểu rằng khi còn sống, họ đã không tự tu tập một cách siêng năng hay đã tận tâm tụng kinh và niệm Phật theo như Phật giáo quy định, mà thay vào đó đã phạm nhiều hành động tà ác và tham gia vào nhiều hành vi đồi bại. Sau đó, trong cõi tâm linh, một sự phán xét được thực hiện về việc làm tà ác của họ, và theo sau đó, họ chắc chắn sẽ bị trừng phạt. Trong chuyện này không có ngoại lệ. Như thế, khi nào thì một người như vậy có thể đạt quả? Trong một cuộc đời mà họ không phạm điều ác – khi mà, sau khi trở về cõi tâm linh, họ được thấy rằng đã không làm gì sai trước khi chết, thì sau đó họ tiếp tục đầu thai, tiếp tục tụng kinh và niệm Phật, qua ngày trong ánh sáng yếu ớt, lạnh lẽo của ngọn đèn dầu bơ, không sát sinh bất kỳ sinh vật nào hay ăn bất kỳ loại thịt nào. Họ không tham gia vào thế giới con người, bỏ lại phía xa những rắc rối của nó và không tranh chấp với người khác. Trong quá trình, nếu họ không phạm điều ác, thì sau khi họ quay về cõi tâm linh và tất cả những hành động, hành vi của họ đã được xem xét, họ một lần nữa được gửi vào cõi người, trong một chu kỳ tiếp diễn từ ba đến bảy lần. Nếu họ không phạm hành vi sai trái nào trong thời gian này, vậy thì việc đạt được Phật quả của họ sẽ vẫn không bị ảnh hưởng, và sẽ không bị trì hoãn. Đây là một đặc trưng của chu kỳ sinh tử của tất cả những người có đức tin: Họ có thể “đạt quả”, và đảm nhận một vị trí trong cõi tâm linh; đây là điều làm cho họ khác với những người ngoại đạo. Trước tiên, trong khi họ vẫn còn sống trên trái đất, những người có thể đảm nhận một vị trí trong cõi tâm linh đó cư xử như thế nào? Họ phải đảm bảo không phạm bất kỳ điều ác nào: Họ không được sát sinh, đốt phá, tà dâm, hay cướp bóc; nếu họ tham gia gian lận, lừa gạt, trộm cắp hay cướp giật, thì họ không thể đạt quả. Nói cách khác, nếu họ có bất kỳ liên hệ hay liên kết nào với việc bất lương, họ sẽ không thể thoát khỏi sự trừng phạt mà cõi tâm linh ban cho họ. Cõi tâm linh thực hiện những sự sắp xếp thích hợp cho các Phật tử đạt Phật quả: Họ có thể được bổ nhiệm quản trị những người có vẻ tin vào Phật giáo, và Ông Lão trên trời – họ có thể được phân bổ một phạm vi quyền hạn. Họ cũng có thể chỉ phụ trách những người ngoại đạo hay có vị trí với những trách nhiệm rất nhỏ. Sự phân bổ như thế diễn ra theo những bản chất khác nhau của linh hồn họ. Đây là một ví dụ về Phật giáo.

Trong số năm tôn giáo mà chúng ta vừa nói đến, Cơ Đốc giáo tương đối đặc biệt. Điều gì làm cho các Cơ Đốc nhân đặc biệt như vậy? Đây là những người tin vào Đức Chúa Trời thật. Làm sao những người tin vào Đức Chúa Trời thật lại được liệt kê ở đây? Khi nói rằng Cơ Đốc giáo là một dạng đức tin, hiển nhiên nó phải liên quan đến đức tin; nó sẽ đơn thuần là một dạng nghi lễ, một dạng tôn giáo, và là một điều hoàn toàn khác với đức tin của những người thật sự theo Đức Chúa Trời. Lý do Ta liệt kê Cơ Đốc giáo trong số năm tôn giáo chính là vì nó được hạ xuống cùng cấp với Do Thái giáo, Phật giáo, và Hồi giáo. Hầu hết mọi người ở đây đều không tin rằng có một Đức Chúa Trời, hay rằng Ngài cai trị muôn vật; càng không tin vào sự hiện hữu của Ngài. Thay vào đó, họ đơn thuần sử dụng các Thánh Thư để thảo luận thần học và dùng thần học để dạy mọi người tử tế, chịu khổ, và làm điều tốt. Đó là dạng tôn giáo mà Cơ Đốc giáo đã trở thành: Nó chỉ tập trung vào các lý thuyết thần học, tuyệt đối không liên quan gì đến công tác quản lý và cứu rỗi con người của Đức Chúa Trời. Nó đã trở thành một tôn giáo của những người theo Đức Chúa Trời nhưng lại là những người không thật sự được Đức Chúa Trời công nhận. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời cũng có một nguyên tắc trong phương pháp của Ngài với những người như thế. Ngài không xử lý hay đối phó với họ một cách ngẫu nhiên tùy ý như những gì Ngài làm với người ngoại đạo. Ngài đối với họ giống như cách Ngài đối với các Phật tử: Nếu, trong khi sống, một Cơ Đốc nhân có thể rèn luyện kỷ luật tự giác, tuân thủ nghiêm ngặt Mười Điều Răn, buộc hành vi của chính mình tuân theo những luật lệ và điều răn, và bám sát chúng trong cả cuộc đời họ, vậy thì họ cũng phải mất cùng một khoảng thời gian trải qua những chu kỳ sinh tử trước khi họ có thể thật sự đạt được điều được gọi là “sự cất lên”. Sau khi đã đạt được sự cất lên này, họ ở lại trong cõi tâm linh, nơi họ đảm nhận một vị trí và trở thành một trong những quan chức ở đó. Tương tự, nếu họ phạm điều ác trên đất – nếu họ quá tội lỗi và phạm quá nhiều tội – vậy thì chắc chắn họ sẽ bị trừng phạt và sửa dạy với mức độ nghiêm trọng khác nhau. Trong Phật giáo, việc đạt quả có nghĩa là được vãng sinh vào cõi Tịnh Độ Cực Lạc, nhưng người ta gọi điều này là gì trong Cơ Đốc giáo? Nó được gọi là “bước vào thiên đàng” và được “cất lên”. Những người thật sự được cất lên cũng trải qua chu kỳ sinh tử ba đến bảy lần, sau đó, khi đã chết, họ đến cõi tâm linh, như thể họ đã rơi vào giấc ngủ. Nếu họ đủ tiêu chuẩn, họ có thể ở lại đó để đảm nhận một vị trí và, không như những người trên thế gian, họ sẽ không đầu thai theo cách đơn giản hay theo thông lệ.

Trong số tất cả những tôn giáo này, kết cục mà họ nói đến và điều mà họ phấn đấu cũng y như việc đạt quả trong Phật giáo; chỉ là “quả” này đạt được bởi những phương tiện khác nhau. Tất cả đều là những sự đồng thanh tương ứng. Đối với bộ phận gồm những người đi theo các tôn giáo này, những người có thể tuân thủ nghiêm ngặt những giới luật tôn giáo trong hành vi của họ, Đức Chúa Trời cung cấp một điểm đến phù hợp, một nơi phù hợp để đến, và xử lý họ một cách thích hợp. Toàn bộ điều này là hợp lý, nhưng không phải như con người tưởng tượng. Giờ đây, khi đã nghe về những gì xảy ra với những người theo Cơ Đốc giáo, các người cảm thấy thế nào? Các người có cảm thấy rằng cảnh ngộ của họ là bất công không? Các người có thông cảm với họ không?

(Một chút.) Chẳng thể làm gì được cả; họ chỉ có thể trách bản thân mình. Tại sao Ta nói điều này? Công tác của Đức Chúa Trời là thật; Ngài đang sống và có thật, và công tác của Ngài nhắm tới toàn thể nhân loại và mỗi cá nhân. Vậy thì tại sao họ không chấp nhận điều này? Tại sao họ lại quá điên cuồng chống lại và ngược đãi Đức Chúa Trời? Họ nên thấy rằng bản thân mình may mắn khi thậm chí có được kiểu kết cục này, vậy thì tại sao các người lại thấy tội nghiệp cho họ? Việc họ được xử lý theo cách này cho thấy lòng khoan dung vĩ đại. Với mức độ mà họ chống đối Đức Chúa Trời, họ nên bị hủy diệt, nhưng Đức Chúa Trời không làm điều này; thay vào đó Ngài chỉ đơn giản xử lý Cơ Đốc nhân theo cùng một cách với bất kỳ tôn giáo bình thường nào. Do vậy, có cần đi thêm chi tiết nào nữa về các tôn giáo khác không? Các đặc tính của tất cả những tôn giáo này là để con người chịu khổ hơn, không làm điều ác, làm những việc lành, không chửi rủa người khác, không phán xét người khác, tránh xa tranh chấp, và làm người tốt – hầu hết các giáo lý tôn giáo đều như vậy. Vì lẽ ấy, nếu những người có đức tin này – những người theo các tôn giáo và giáo phái khác nhau – có thể tuân thủ nghiêm ngặt những giới luật tôn giáo của họ, vậy thì họ sẽ không phạm những sai lầm hay tội lỗi lớn trong thời gian họ ở trên đất; và sau khi được đầu thai ba đến bảy lần, những người này – những người có thể tuân thủ nghiêm ngặt các giới luật tôn giáo – nhìn chung sẽ ở lại để đảm nhận một vị trí trong cõi tâm linh. Có nhiều người như thế không? (Không, không nhiều.) Người dựa vào đâu để có câu trả lời của mình? Không dễ để làm việc tốt và tuân theo các quy định và luật lệ tôn giáo. Phật giáo không cho phép người ta ăn thịt – người có thể làm được không? Nếu người phải mặc áo lam và tụng kinh niệm Phật trong một ngôi chùa Phật giáo suốt ngày, người có thể làm được không? Điều đó sẽ không dễ đâu. Cơ Đốc giáo có Mười Điều Răn, những điều răn và luật lệ; chúng có dễ tuân theo không? Chúng không dễ, phải không? Lấy ví dụ như không chửi rủa người khác: Người ta đơn giản là không có khả năng tuân theo quy định này. Không thể ngăn được chính mình, họ chửi rủa – và sau khi chửi rủa, họ không thể rút lại những lời đó, vậy thì họ làm gì? Vào buổi tối, họ xưng tội. Đôi khi sau khi chửi rủa người khác, họ vẫn nuôi sự căm ghét trong lòng, và họ thậm chí đi xa đến mức lên kế hoạch về thời điểm làm hại những người đó thêm nữa. Nói ngắn gọn, đối với những ai sống giữa giáo điều chết này, thật không dễ để kiềm chế việc phạm tội hay làm việc ác. Vì lẽ ấy, trong mọi tôn giáo, chỉ một số ít người mới thật sự có thể đạt được thành quả. Người có giả định rằng bởi vì quá nhiều người theo những tôn giáo này, một phần lớn sẽ có thể ở lại để đảm nhận một vai trò trong lĩnh vực thuộc linh không? Không có nhiều lắm; chỉ một vài người mới thật sự có thể đạt được điều này. Nói chung, đó là chu kỳ sinh tử cho những người có đức tin. Điều khiến họ khác biệt chính là họ có thể đạt được thành quả, và đây là điều khiến họ khác biệt với những người ngoại đạo.

### **c. Chu kỳ sinh tử của những người theo Đức Chúa Trời**

Tiếp theo, chúng ta hãy nói về chu kỳ sinh tử của những người theo Đức Chúa Trời. Điều này liên quan đến các người, do đó hãy chú ý: Trước tiên, hãy nghĩ xem những người theo Đức Chúa Trời có thể được phân loại như thế nào. (Những người được Đức

Chúa Trời chọn, và những kẻ phục vụ.) Quả thật có hai nhóm: những người được Đức Chúa Trời chọn, và những kẻ phục vụ. Trước tiên, chúng ta hãy nói về những người được Đức Chúa Trời chọn, nhóm chỉ có rất ít người. “Những người được Đức Chúa Trời chọn” ám chỉ những ai? Sau khi Đức Chúa Trời tạo dựng muôn vật và nhân loại đi vào tồn tại, Đức Chúa Trời đã chọn một nhóm người sẽ theo Ngài; những người này được gọi đơn giản là “những người được Đức Chúa Trời chọn”. Có một phạm vi và ý nghĩa đặc biệt đối với sự chọn lựa những người này của Đức Chúa Trời. Phạm vi đặc biệt ở chỗ nó giới hạn cho một số ít người chọn lọc, những người phải đến khi Đức Chúa Trời làm công tác quan trọng. Và ý nghĩa là gì? Vì họ là một nhóm được Đức Chúa Trời chọn, ý nghĩa này thật lớn lao. Nghĩa là, Đức Chúa Trời muốn làm cho trọn vẹn những người này, và hoàn thiện họ, và một khi công tác quản lý của Ngài hoàn tất, Ngài sẽ thu nhận những người này. Chẳng phải ý nghĩa này rất lớn sao? Như vậy, những người được chọn này có tầm quan trọng rất lớn đối với Đức Chúa Trời, bởi họ là những người mà Đức Chúa Trời dự định thu nhận. Đối với những kẻ phục vụ, chúng ta hãy tạm ngưng chủ đề về sự tiền định của Đức Chúa Trời trong chốc lát, và trước hết nói về xuất thân của họ. Một “kẻ phục vụ” đúng nghĩa là một người phục vụ. Những kẻ phục vụ ấy thì chỉ tạm thời; họ không làm như vậy dài hạn hay mãi mãi, mà được thuê hay tuyển mộ tạm thời. Xuất thân của đa số họ là được chọn giữa những người ngoại đạo. Họ đến trái đất khi có sắc lệnh rằng họ phải đảm nhận vai trò những kẻ phục vụ trong công tác của Đức Chúa Trời. Họ có thể là động vật trong đời trước, nhưng họ cũng có thể đã và đang là những người ngoại đạo. Đó là xuất thân của những kẻ phục vụ.

Chúng ta hãy nói thêm về dân sự được Đức Chúa Trời chọn. Khi chết, họ đi đến một địa điểm hoàn toàn khác với địa điểm của những người ngoại đạo và những người có đức tin khác nhau. Đó là một nơi họ được đồng hành bởi các thiên thần và thiên sứ của Đức Chúa Trời; đó là một nơi được đích thân Đức Chúa Trời quản trị. Mặc dù dân sự được chọn của Đức Chúa Trời không thể tận mắt thấy Đức Chúa Trời ở nơi này, nó không giống bất kỳ nơi nào khác trong cõi thuộc linh; đây là một địa điểm khác, nơi số người này sẽ đi sau khi chết. Khi họ chết, họ cũng chịu sự tra xét nghiêm ngặt bởi các thiên sứ của Đức Chúa Trời. Và bị tra xét những gì? Các thiên sứ của Đức Chúa Trời tra xét con đường mà những người này đã đi suốt cuộc đời họ trong niềm tin nơi Đức Chúa Trời, liệu họ có bao giờ chống đối Đức Chúa Trời hay nguyên rủa Ngài trong thời gian đó hay không, và liệu họ có phạm bất kỳ tội lỗi hay điều ác trầm trọng nào không. Cuộc tra xét này sẽ giải quyết câu hỏi liệu một người nào đó được phép ở lại hay phải rời đi. “Rời đi” nghĩa là gì? Và “ở lại” nghĩa là gì? “Rời đi” nghĩa là, dựa trên hành vi của họ, liệu họ có được ở lại giữa hàng ngũ những người được Đức Chúa Trời chọn hay không; được cho phép “ở lại” nghĩa là họ có thể ở lại giữa những người sẽ được Đức Chúa Trời làm cho trọn vẹn trong những ngày sau rốt. Đối với những người ở lại ấy, Đức Chúa Trời có những sự sắp xếp đặc biệt. Trong mỗi thời kỳ công tác của Ngài, Ngài sẽ gửi những người đó đi giữ nhiệm vụ như các sứ đồ hay làm công việc khôi phục, trông nom các hội thánh. Tuy nhiên, những người có khả năng làm công tác đó



không được đầu thai thường xuyên như những người ngoại đạo, những người mà được tái sinh từ đời này sang đời khác; đúng hơn, họ trở về trái đất theo những yêu cầu và các bước trong công tác của Đức Chúa Trời, và họ không đầu thai thường xuyên. Như vậy có bất kỳ quy định nào về việc khi nào thì họ đầu thai không? Họ có đến vài năm một lần không? Họ có đến với tần suất như thế không? Họ không. Toàn bộ điều này dựa trên công tác của Đức Chúa Trời, dựa trên những bước của nó và những nhu cầu của Ngài, và không có những quy định cố định. Quy định duy nhất là khi Đức Chúa Trời thực hiện giai đoạn công tác sau cùng của Ngài trong những ngày sau rốt, những người được chọn này đều sẽ đến, và việc đến này sẽ là lần đầu thai sau cùng của họ. Và tại sao lại như thế? Điều này dựa trên kết quả dự kiến đạt được trong giai đoạn công tác sau cùng của Đức Chúa Trời – bởi trong giai đoạn sau cùng này của công tác, Đức Chúa Trời sẽ làm cho những người được chọn này được trọn vẹn hoàn toàn. Điều này nghĩa là gì? Nếu, trong giai đoạn sau cùng này, những người này được làm cho trọn vẹn và hoàn thiện, vậy thì họ sẽ không đầu thai như trước kia; quá trình làm người của họ sẽ đi đến kết thúc hoàn toàn, và quá trình đầu thai của họ cũng vậy. Điều này liên quan tới những người sẽ ở lại. Như vậy thì những người không thể ở lại sẽ đi đâu? Những người không được phép ở lại sẽ có đích đến thích hợp riêng của họ. Trước hết, do việc hành ác của họ, những lỗi lầm mà họ đã có, và những tội mà họ đã phạm, họ cũng sẽ bị trừng phạt. Sau khi họ đã bị trừng phạt, Đức Chúa Trời sẽ hoặc thực hiện những sự sắp đặt để gửi họ đến giữa những người ngoại đạo tùy theo hoàn cảnh, hoặc sắp xếp cho họ đến giữa những người có đức tin khác nhau. Nói cách khác, có hai kết cục khả thi đối với họ: Một là bị trừng phạt và có thể sống giữa những người của một tôn giáo nhất định sau khi đầu thai, và hai là trở thành những người ngoại đạo. Nếu họ trở thành những người ngoại đạo, khi ấy họ sẽ mất hết cơ hội; tuy nhiên, nếu họ trở thành những người có đức tin – nếu, ví dụ, họ trở thành Cơ Đốc nhân – thì họ vẫn sẽ có cơ hội trở lại hàng ngũ của dân sự được Đức Chúa Trời chọn; có những mối quan hệ rất phức tạp cho điều này. Nói ngắn gọn, nếu một trong những người được Đức Chúa Trời chọn làm điều gì đó xúc phạm Đức Chúa Trời, họ sẽ bị trừng phạt như bất kỳ ai khác. Lấy ví dụ như Phao-lô, người mà chúng ta đã nói đến trước đây. Phao-lô là ví dụ về một người bị trừng phạt. Các người có hình dung được điều Ta đang nói đến không? Phạm vi của những người được Đức Chúa Trời chọn có cố định không? (Đa số là có.) Đa số là cố định, nhưng một phần nhỏ trong đó thì không cố định. Tại sao lại như thế? Ở đây Ta đã ám chỉ nguyên nhân rõ ràng nhất: phạm phải điều ác. Khi người ta phạm phải điều ác, Đức Chúa Trời không muốn họ, và khi Đức Chúa Trời không muốn họ, Ngài ném họ vào giữa những chủng tộc và loại người khác nhau. Điều này khiến họ không có hy vọng và làm cho họ khó trở lại. Toàn bộ điều này liên quan tới chu kỳ sinh tử của những người được Đức Chúa Trời chọn.

Đề tài tiếp theo liên quan đến chu kỳ sinh tử của những kẻ phục vụ. Chúng ta vừa nói về xuất thân của những kẻ phục vụ; đó là, họ được đầu thai sau khi đã là những người ngoại đạo và động vật trong những đời trước. Bởi giai đoạn cuối của công tác

đến, Đức Chúa Trời đã chọn ra một nhóm người như thế từ những người ngoại đạo, và nhóm này đặc biệt. Mục tiêu của Đức Chúa Trời trong việc chọn những người này là để họ phục vụ cho công tác của Ngài. “Phục vụ” không phải là một từ nghe tao nhã cho lắm, nó cũng không phù hợp với mong muốn của bất kỳ ai, nhưng chúng ta nên xem xét nó nhắm đến ai. Sự tồn tại của những kẻ phục vụ của Đức Chúa Trời có một ý nghĩa đặc biệt. Không ai khác có thể đóng vai trò của họ, bởi họ được Đức Chúa Trời chọn. Và vai trò của những kẻ phục vụ này là gì? Đó là phục vụ những người được chọn của Đức Chúa Trời. Đa phần, vai trò của họ là dâng sự phục vụ cho công tác của Đức Chúa Trời, phối hợp với nó, và trợ giúp cho việc Đức Chúa Trời làm cho những người được chọn của Ngài được trọn vẹn. Bất kể họ đang lao động, thực hiện một khía cạnh công tác nào đó, hay đảm nhận những nhiệm vụ nhất định, thì yêu cầu của Đức Chúa Trời với những kẻ phục vụ này là gì? Ngài có quá đòi hỏi trong những yêu cầu của Ngài với họ không? (Không, Ngài chỉ yêu cầu họ trung thành.) Những kẻ phục vụ cũng vậy, phải trung thành. Bất kể xuất thân của người hay tại sao Đức Chúa Trời chọn người, người cũng phải trung thành với Đức Chúa Trời, với bất kỳ sự ủy nhiệm nào Đức Chúa Trời giao phó cho người, và với công tác mà người phụ trách và những bổn phận mà người thi hành. Đối với những kẻ phục vụ có khả năng trung thành và làm thỏa lòng Đức Chúa Trời, kết cục của họ sẽ là gì? Họ sẽ có thể ở lại. Việc là một kẻ phục vụ được ở lại có phải là một phúc lành không? Ở lại nghĩa là gì? Ý nghĩa của phúc lành này là gì? Về địa vị, họ có vẻ không giống những người được Đức Chúa Trời chọn; họ có vẻ khác biệt. Nhưng sự thật, chẳng phải những gì họ vui hưởng trong cuộc sống này cũng y như của những người được Đức Chúa Trời chọn sao? Chí ít là giống y trong đời này. Các người không phủ nhận điều này phải không? Những lời phán, ân điển, sự chu cấp, những phúc lành của Đức Chúa Trời – ai không được vui hưởng những điều này chứ? Mọi người đều vui hưởng sự dư dật ấy. Thân phận của một kẻ phục vụ là người dâng sự phục vụ, nhưng đối với Đức Chúa Trời, họ chỉ là một trong muôn vật Ngài đã tạo dựng; đơn giản là họ đóng vai trò của kẻ phục vụ. Cả hai đều là tạo vật của Đức Chúa Trời thì có sự khác biệt nào giữa một kẻ phục vụ và một trong những người được Đức Chúa Trời chọn không? Sự thật là không có. Nói trên danh nghĩa thì có một sự khác biệt; về thực chất và về vai trò mà họ đóng, có một sự khác biệt – nhưng Đức Chúa Trời không đối đãi với nhóm người này một cách bất công. Vậy thì tại sao những người này lại được định nghĩa là những kẻ phục vụ? Các người phải có chút hiểu biết về điều này! Những kẻ phục vụ đến từ những người ngoại đạo. Ngay khi chúng ta đề cập rằng họ đến từ những người ngoại đạo, rõ ràng là họ có chung một lý lịch xấu: Hết thấy họ đều là những người vô thần, và cũng như vậy trong quá khứ; họ đã không tin Đức Chúa Trời, và thù địch với Ngài, với lẽ thật, và với tất cả mọi điều tích cực. Họ đã không tin Đức Chúa Trời hay sự hiện hữu của Ngài. Như thế, họ có khả năng hiểu lời Đức Chúa Trời không? Sẽ công bằng khi nói rằng đa phần, họ không có khả năng. Cũng như những con vật không có khả năng hiểu lời nói của con người, những kẻ phục vụ không thể hiểu Đức Chúa Trời đang phán gì, Ngài yêu cầu gì, hay tại sao Ngài lại đưa ra những

yêu cầu như thế. Họ không hiểu; những điều này là không thể hiểu nổi đối với họ, và họ vẫn không được khai sáng. Vì lý do này, những người này không sở hữu sự sống mà chúng ta đã nói đến. Không có sự sống, con người có thể hiểu lẽ thật không? Họ có được trang bị lẽ thật không? Họ có kinh nghiệm và kiến thức về lời Đức Chúa Trời không? (Không.) Đó là xuất thân của những kẻ phục vụ. Tuy nhiên, bởi vì Đức Chúa Trời làm cho những người này thành kẻ phục vụ, vẫn có những tiêu chuẩn cho các yêu cầu của Ngài với họ; Ngài không coi thường họ, Ngài cũng không chiếu lệ với họ. Ngay cả khi họ không hiểu thấu lời Ngài và không sở hữu sự sống, Đức Chúa Trời vẫn đối tốt với họ, và vẫn có những tiêu chuẩn khi nói đến những yêu cầu của Ngài đối với họ. Các người vừa nói về những tiêu chuẩn này: Trung thành với Đức Chúa Trời và làm những gì Ngài phán. Trong sự phục vụ của mình, người phải phục vụ khi cần, và người phải phục vụ cho đến tận cùng. Nếu người có thể là một kẻ phục vụ trung thành, có thể phục vụ cho đến tận cùng và có thể làm tròn sự ủy nhiệm mà Đức Chúa Trời giao phó cho người, thì người sẽ sống một cuộc đời có giá trị. Nếu có thể làm điều này, người sẽ có thể ở lại. Nếu người bỏ ra thêm chút nỗ lực, nếu người cố gắng cật lực hơn một chút, có thể tăng gấp đôi những nỗ lực của mình để biết Đức Chúa Trời, có thể nói một chút về việc biết Đức Chúa Trời, có thể làm chứng cho Ngài, và hơn nữa, nếu người có thể hiểu điều gì đó về ý muốn của Ngài, có thể hợp tác trong công tác của Đức Chúa Trời, và có thể phần nào lưu tâm đến những ý định của Đức Chúa Trời, vậy thì người, một kẻ phục vụ, sẽ trải nghiệm một sự thay đổi về vận may. Và sự thay đổi về vận may này sẽ là gì? Người sẽ không đơn thuần là có thể ở lại. Tùy vào hạnh kiểm, những khát vọng và sự theo đuổi cá nhân của người, Đức Chúa Trời sẽ làm cho người thành một trong những người được chọn. Đây sẽ là sự thay đổi về vận may của người. Đối với những kẻ phục vụ, điều tốt nhất về việc này là gì? Đó là họ có thể trở thành những người được Đức Chúa Trời chọn. Nếu họ được như vậy, có nghĩa là họ sẽ không còn bị đầu thai làm động vật theo cách của những người ngoại đạo nữa. Điều đó tốt chứ? Tốt, và đó cũng là một tin tốt: Nó có nghĩa là những kẻ phục vụ có thể được uốn nắn. Không phải là đối với một kẻ phục vụ, một khi Đức Chúa Trời đã định trước rằng họ phục vụ thì họ sẽ làm thế mãi mãi; không hẳn là như vậy. Đức Chúa Trời sẽ xử lý họ và đáp lại họ theo cách phù hợp với hạnh kiểm cá nhân của người này.

Tuy nhiên, có những kẻ phục vụ không thể phục vụ cho đến tận cùng; có những người mà trong khi phục vụ đã bỏ cuộc giữa chừng và từ bỏ Đức Chúa Trời, cũng như những người phạm nhiều việc sai trái. Thậm chí có những người gây hại rất lớn và mang đến những tổn thất nặng nề cho công tác của Đức Chúa Trời, và thậm chí có những kẻ phục vụ nguyên rủa Đức Chúa Trời, v.v. Những hậu quả không thể cứu chữa này cho thấy điều gì? Bất kỳ hành động tà ác nào cũng sẽ đồng nghĩa với việc chấm dứt sự phục vụ của họ. Bởi vì hạnh kiểm của người trong khi phục vụ đã quá tồi tệ và bởi người đã đi quá xa, một khi Đức Chúa Trời thấy rằng sự phục vụ của người không đủ tiêu chuẩn, Ngài sẽ tước đi tư cách phục vụ của người. Ngài sẽ không còn cho phép người phục vụ; Ngài sẽ đuổi người đi khuất mắt Ngài và khỏi nhà Đức Chúa Trời. Chẳng

phải là người không muốn phục vụ sao? Chẳng phải người luôn muốn làm điều ác sao? Chẳng phải người liên tục phản bội sao? Vậy thì, có một giải pháp dễ dàng: Người sẽ bị tước đi tư cách phục vụ. Đối với Đức Chúa Trời, tước đi tư cách phục vụ của một kẻ phục vụ nghĩa là sự kết thúc của kẻ phục vụ này đã được tuyên bố, và họ sẽ không còn tư cách phục vụ Đức Chúa Trời nữa. Đức Chúa Trời không còn cần sự phục vụ của người này thêm nữa, và dù họ có thể nói những điều hay ho như thế nào thì những lời ấy cũng sẽ vô ích. Khi sự việc đã đến mức này, tình hình sẽ trở nên không thể cứu chữa; những kẻ phục vụ như thế này sẽ không còn đường quay lại. Và Đức Chúa Trời xử lý những kẻ phục vụ như thế này ra sao? Ngài có đơn thuần dừng việc phục vụ của họ không? Không. Ngài có đơn thuần ngăn họ ở lại không? Hoặc, Ngài có để họ sang một bên và đợi họ hoán cải không? Ngài không. Đức Chúa Trời thật sự không quá âu yếm khi nói đến những kẻ phục vụ. Nếu một người có dạng thái độ này trong sự phục vụ của họ với Đức Chúa Trời, thì kết quả của thái độ này là Đức Chúa Trời sẽ tước đi tư cách phục vụ của họ, và sẽ một lần nữa ném họ trở lại giữa những người ngoại đạo. Và vận mệnh của một kẻ phục vụ bị ném lại vào giữa những người ngoại đạo là gì? Nó giống với vận mệnh của những người ngoại đạo: Họ sẽ bị đầu thai làm con vật và nhận cùng một sự hành phạt trong cõi tâm linh như một người ngoại đạo. Hơn nữa, Đức Chúa Trời sẽ không lưu tâm chút nào đến hình phạt của người này, bởi một người như thế không còn liên quan gì đến công tác của Đức Chúa Trời nữa. Đây không chỉ là sự kết thúc đời sống của đức tin nơi Đức Chúa Trời, mà cũng là sự kết thúc số phận của bản thân họ, cũng như sự tuyên bố về số phận của họ. Như vậy, nếu những kẻ phục vụ phụng sự một cách tệ hại, họ sẽ phải tự mình chịu những hậu quả. Nếu một kẻ phục vụ không có khả năng phục vụ cho đến tận cùng, hay bị tước đi tư cách phục vụ giữa chừng, vậy thì họ sẽ bị ném vào giữa những người ngoại đạo – và nếu điều này xảy ra, một người như thế sẽ bị xử lý giống như thú nuôi, giống như những người không có trí năng hay lý trí. Khi Ta nói như thế này, các người có thể hiểu được chứ?

Điều đã đề cập bên trên là cách Đức Chúa Trời xử lý chu kỳ sinh tử của những người được Ngài chọn và những kẻ phục vụ. Sau khi đã nghe điều này, các người cảm thấy thế nào? Ta đã bao giờ nói về đề tài này trước kia chưa? Ta đã bao giờ nói về chủ đề những người được Đức Chúa Trời chọn và những kẻ phục vụ chưa? Ta thật sự đã từng, nhưng các người không nhớ. Đức Chúa Trời công chính đối với những người được Ngài chọn và những kẻ phục vụ. Về mọi mặt, Ngài đều công chính. Người có tìm ra sai sót ở bất kỳ chỗ nào trong đây không? Chẳng phải có những người sẽ nói: “Tại sao Đức Chúa Trời lại quá khoan dung với những người được chọn? Và tại sao Ngài chỉ kiên nhẫn một chút với những kẻ phục vụ?”. Có bất kỳ ai mong muốn đứng lên vì những kẻ phục vụ không? “Đức Chúa Trời có thể cho những kẻ phục vụ thêm thời gian không, kiên nhẫn và khoan dung hơn với họ không?”. Có đúng không khi đưa ra câu hỏi như thế? (Không, không đúng.) Và tại sao lại không? (Bởi vì chúng ta thật sự đã được thấy sự chiếu cố chỉ thông qua hành động cho làm những kẻ phục vụ.) Những kẻ phục vụ thật sự đã được thấy sự chiếu cố đơn thuần bằng cách được cho phép phục vụ!

Không có chức danh “những kẻ phục vụ” và không có công tác mà họ làm, những người này sẽ ở đâu? Họ sẽ ở giữa những người ngoại đạo, sống và chết với vật nuôi. Thật là những ân điển vĩ đại mà họ vui hưởng hôm nay, được phép đến trước Đức Chúa Trời và đến nhà Đức Chúa Trời! Đây là một ân điển vô cùng lớn! Nếu Đức Chúa Trời đã không cho người cơ hội phục vụ, người sẽ không bao giờ có cơ hội đến trước Ngài. Chỉ ít mà nói, ngay cả khi người là một Phật tử và đã đạt quả, thì cùng lắm người cũng chỉ là một kẻ sai vật trong cõi tâm linh; người sẽ không bao giờ được gặp Đức Chúa Trời, nghe tiếng Ngài hay lời Ngài, hay cảm nhận tình yêu và những phúc lành của Ngài, cũng không bao giờ có thể đến đối diện với Ngài. Những điều duy nhất mà các Phật tử có trước họ là những nhiệm vụ đơn giản. Họ không thể có khả năng biết Đức Chúa Trời, họ chỉ tuân theo và vâng phục, trong khi những kẻ phục vụ thì đạt được rất nhiều trong giai đoạn công tác này! Trước hết, họ có thể đến đối diện với Đức Chúa Trời, nghe tiếng Ngài, nghe lời Ngài, trải nghiệm những ân điển và phúc lành mà Ngài ban trên con người. Hơn nữa, họ có thể vui hưởng những lời và lẽ thật được Đức Chúa Trời ban cho. Những kẻ phục vụ thật sự đạt được rất nhiều! Như thế, nếu, là một kẻ phục vụ, người thậm chí không thể bỏ ra nỗ lực thích đáng, vậy thì Đức Chúa Trời còn có thể giữ người không? Ngài không thể giữ người. Ngài không yêu cầu nhiều ở người, nhưng người lại không làm những gì Ngài yêu cầu một cách đúng đắn; người chưa triệt để với bổn phận của mình. Như thế, không nghi ngờ gì, Đức Chúa Trời không thể giữ người. Đó là tâm tính công chính của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời không nuông chiều thái quá người, nhưng Ngài cũng không phân biệt đối xử với người. Đây là những nguyên tắc mà Đức Chúa Trời hành động theo. Đức Chúa Trời đối xử với mọi người và tạo vật theo cách này.

Khi nói đến cõi tâm linh, nếu những hữu thể khác nhau làm điều gì đó sai trái hay không làm đúng công việc của họ, Đức Chúa Trời cũng có những chỉ dụ và sắc lệnh trên trời tương ứng để xử lý họ; điều này là chắc chắn. Vì lẽ ấy, trong công tác quản lý vài ngàn năm của Đức Chúa Trời, một số người thi hành bổn phận phạm phải những việc làm sai trái đã bị tiêu diệt, trong khi một số – cho đến tận ngày nay – thì vẫn bị giam giữ và trừng phạt. Đây là điều mọi hữu thể trong cõi tâm linh phải đối mặt. Nếu họ làm điều gì đó sai trái hay phạm phải điều ác, vậy thì họ bị trừng phạt – và điều này cũng y như phương pháp của Đức Chúa Trời với những người được Ngài chọn và những kẻ phục vụ. Do vậy, trong cả cõi tâm linh lẫn thế giới vật chất, những nguyên tắc mà Đức Chúa Trời hành động theo đều không thay đổi. Dù người có thể thấy những hành động của Đức Chúa Trời hay không, những nguyên tắc của chúng cũng không thay đổi. Đức Chúa Trời đã có cùng những nguyên tắc xuyên suốt trong phương pháp của Ngài với mọi thứ và trong việc xử lý muôn vật của Ngài. Điều này là không thể thay đổi. Đức Chúa Trời sẽ tử tế với những ai trong số những người ngoại đạo sống theo cách tương đối đúng đắn, và sẽ để dành các cơ hội cho những người trong mỗi tôn giáo hành xử tốt và không làm điều ác, cho phép họ đóng vai trò của mình trong mọi sự được quản lý bởi Đức Chúa Trời và làm điều họ phải làm. Tương tự, giữa những người theo Đức Chúa Trời, và giữa dân sự được Ngài chọn, Đức Chúa Trời không phân biệt đối xử bất

kỳ người nào theo những nguyên tắc này của Ngài. Ngài tử tế với tất cả những ai có thể chân thành theo Ngài, và Ngài yêu tất cả những ai chân thành theo Ngài. Chỉ là đối với vài loại người này – những người ngoại đạo, những người có đức tin khác nhau, và những người được Đức Chúa Trời chọn – thì những gì Ngài ban cho họ là khác nhau. Lấy những người ngoại đạo làm ví dụ: Mặc dù họ không tin Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời xem họ như thú vật, thì giữa muôn vật, mỗi người trong số họ đều có thức ăn để ăn, có nơi chốn của riêng mình, và có một chu kỳ sinh tử bình thường. Những kẻ làm điều ác thì bị trừng phạt, và những người làm điều lành thì được ban phúc và nhận lãnh sự tử tế của Đức Chúa Trời. Chẳng phải đây là cách thức của sự việc sao? Đối với những người có đức tin, nếu họ có thể tuân thủ nghiêm ngặt những giới luật tôn giáo của họ qua những lần tái sinh liên tục, thì sau tất cả những sự đầu thai đó, Đức Chúa Trời rốt cuộc sẽ đưa ra tuyên bố của Ngài với họ. Cũng như vậy, đối với các người ngày nay, dù các người là một trong những người được Đức Chúa Trời chọn hay là một kẻ phục vụ, thì tương tự, Đức Chúa Trời cũng sẽ đưa người vào khuôn khổ và quyết định kết cục của người theo những quy định và sắc lệnh quản trị mà Ngài đã lập. Giữa những loại người này, những loại người có đức tin khác nhau – tức là, những người thuộc về các tôn giáo khác nhau – Đức Chúa Trời đã cho họ không gian để sống chưa? Những người Do Thái ở đâu? Đức Chúa Trời đã can thiệp vào đức tin của họ chưa? Ngài chưa từng. Và các Cơ Đốc nhân thì sao? Ngài cũng chưa từng can thiệp vào họ. Ngài cho phép họ tuân theo những phương thức của riêng họ, Ngài không nói chuyện với họ hay ban cho họ bất kỳ sự khai sáng nào và, hơn nữa, Ngài không mặc khải bất kỳ điều gì với họ. Nếu người nghĩ điều này đúng, vậy thì hãy tin theo cách này. Người Công giáo tin vào Ma-ri, và rằng thông qua bà mà tin được truyền sang Jê-sus; đó là dạng niềm tin của họ. Đức Chúa Trời có bao giờ chỉnh đốn niềm tin của họ không? Ngài cho họ sự tự do; Ngài chẳng chú ý gì đến họ và cho họ một không gian nhất định để sống. Đối với Hồi giáo và Phật giáo, chẳng phải Ngài cũng vậy sao? Ngài cũng đặt ra những ranh giới cho họ, và cho phép họ có không gian sống riêng, không can thiệp vào những niềm tin tương ứng của họ. Tất cả đều có trật tự rõ ràng. Và các người thấy gì ở tất cả những điều này? Rằng Đức Chúa Trời sở hữu thẩm quyền, nhưng Ngài không lạm dụng nó. Đức Chúa Trời sắp xếp muôn vật theo trật tự hoàn hảo và làm điều đó theo cách có trật tự, sự khôn ngoan và toàn năng của Ngài nằm ở đây.

Hôm nay chúng ta đã chạm đến một đề tài mới và đặc biệt, liên quan đến những vấn đề của cõi tâm linh, đại diện cho một khía cạnh của sự quản trị và thống trị của Đức Chúa Trời trên cõi đó. Trước khi các người hiểu những điều này, các người có thể nói: “Mọi thứ liên quan đến điều này đều là mầu nhiệm, và không liên quan gì đến lối vào sự sống của chúng tôi; những điều này được tách khỏi cách con người sống trên thực tế, và chúng tôi không cần hiểu chúng, chúng tôi cũng không muốn nghe về chúng. Chúng tuyệt đối không có liên quan gì tới việc biết Đức Chúa Trời”. Bây giờ, các người có nghĩ rằng tư tưởng đó có vấn đề không? Nó có đúng không? (Không.) Tư tưởng như thế không đúng và có những vấn đề nghiêm trọng. Lý do cho điều này là nếu người muốn

hiểu thấu Đức Chúa Trời thống trị muôn vật như thế nào, người không thể đơn thuần chỉ hiểu những gì người có thể thấy và những gì cách suy nghĩ của người có thể nắm bắt; người cũng phải hiểu chút ít về thế giới kia, thế giới có thể vô hình đối với người nhưng lại liên kết chặt chẽ với thế giới mà người có thể thấy này. Điều này liên quan đến quyền tối thượng của Đức Chúa Trời, và nó liên quan đến đề tài “Đức Chúa Trời là nguồn sống cho muôn vật”. Nó là thông tin về điều đó. Không có thông tin này, sẽ có những sai lầm và thiếu sót trong kiến thức của con người về việc Đức Chúa Trời là nguồn sống cho muôn vật như thế nào. Như thế, điều chúng ta đã nói hôm nay có thể nói là đã tổng kết những đề tài trước, cũng như khép lại nội dung “Đức Chúa Trời là nguồn sống cho muôn vật”. Khi đã hiểu điều này, các người giờ đây có thể biết Đức Chúa Trời thông qua nội dung này không? Quan trọng hơn, hôm nay Ta đã truyền đạt cho các người một phần thông tin rất quan trọng liên quan đến những kẻ phục vụ. Ta biết rằng các người thật sự thích lắng nghe những đề tài như thế này, và các người thật sự quan tâm những điều này. Các người có vì thế mà cảm thấy thỏa mãn với điều Ta đã nói hôm nay không? (Có, chúng con có.) Một số những điều khác có thể không tạo một ấn tượng mạnh mẽ lắm với các người, nhưng điều Ta đã nói về những kẻ phục vụ đã tạo một ấn tượng đặc biệt mạnh, bởi chủ đề này chạm đến linh hồn của mỗi người trong các người.

## **Những yêu cầu của Đức Chúa Trời với nhân loại**

### **a. Thân phận và địa vị của chính Đức Chúa Trời**

Chúng ta đã đến phần kết của đề tài “Đức Chúa Trời là nguồn sống cho muôn vật”, cũng như đề tài “Đức Chúa Trời là chính Đức Chúa Trời độc nhất”. Làm xong rồi thì chúng ta cần tóm tắt lại mọi việc. Chúng ta phải tóm tắt theo kiểu nào? Đó là một sự kết luận về chính Đức Chúa Trời. Vậy thì nó phải có một mối liên hệ tất yếu với mọi phương diện của Đức Chúa Trời, cũng như cách con người tin Đức Chúa Trời. Và như vậy, trước tiên Ta phải hỏi các người: Khi đã nghe những bài giảng này, Đức Chúa Trời trong con mắt của tâm trí các người là ai? (Đấng Tạo Hóa.) Đức Chúa Trời trong con mắt tâm trí của các người là Đấng Tạo Hóa. Còn gì khác không? Đức Chúa Trời là Chúa của muôn vật. Những từ này có thích hợp không? (Có.) Đức Chúa Trời là Đấng thống trị muôn vật và quản trị muôn vật. Ngài đã tạo ra tất cả những gì hiện có, Ngài quản trị tất cả những gì hiện có, Ngài thống trị tất cả những gì hiện có, và Ngài chu cấp cho tất cả những gì hiện có. Đây là địa vị của Đức Chúa Trời, và là thân phận của Ngài. Đối với muôn vật và tất cả những gì hiện có, thân phận thật của Đức Chúa Trời là Đấng Tạo Hóa và Đấng Thống Trị mọi tạo vật. Đó là thân phận được sở hữu bởi Đức Chúa Trời, và Ngài là độc nhất giữa muôn vật. Không ai trong các tạo vật của Đức Chúa Trời – dù là giữa nhân loại hay trong cõi tâm linh – có thể dùng bất kỳ phương tiện hay lí do nào để mạo nhận hay thay thế thân phận và địa vị của Đức Chúa Trời, bởi chỉ có một Đấng, giữa muôn vật, sở hữu thân phận, quyền năng, thẩm quyền, và khả năng thống trị tạo vật này: chính Đức Chúa Trời độc nhất của chúng ta. Ngài sống và di chuyển giữa muôn

vật; Ngài có thể lên đến nơi cao nhất, trên hết mọi sự. Ngài có thể hạ mình bằng cách trở thành con người, trở thành một trong những người có máu thịt, đến đối diện với con người và chia sẻ vui buồn với họ, đồng thời, Ngài chỉ huy tất cả những gì hiện có, quyết định số phận của tất cả những gì hiện có và hướng di chuyển của tất cả. Hơn nữa, Ngài dẫn dắt số phận của toàn thể nhân loại, và lèo lái phương hướng của nhân loại. Một Đức Chúa Trời như thế này nên được thờ phượng, vâng phục, và được biết đến bởi mọi hữu thể sống. Như vậy, bất kể người thuộc nhóm nào hay loại nào trong nhân loại, thì việc tin vào Đức Chúa Trời, theo Đức Chúa Trời, tôn kính Đức Chúa Trời, chấp nhận quy định của Ngài, và chấp nhận những sự sắp đặt của Ngài đối với số phận của người là chọn lựa duy nhất – chọn lựa cần thiết – cho bất kỳ người nào và cho bất kỳ hữu thể sống nào. Trong sự độc nhất của Đức Chúa Trời, con người thấy rằng thẩm quyền của Ngài, tâm tính công chính của Ngài, thực chất của Ngài, và những phương tiện mà Ngài chu cấp cho muôn vật đều hoàn toàn độc nhất; sự độc nhất này quyết định thân phận thật của chính Đức Chúa Trời, và nó cũng quyết định địa vị của Ngài. Vì lẽ ấy, giữa mọi tạo vật, nếu bất kỳ hữu thể sống nào trong cõi tâm linh hay giữa nhân loại ao ước thay thế Đức Chúa Trời thì sẽ không thể thành công, cũng giống như khi dùng bất kỳ nỗ lực nào để mạo danh Đức Chúa Trời. Đây là sự thật. Những yêu cầu đối với nhân loại của một Đấng Tạo Hóa và Đấng Thống Trị như thế này, Đấng sở hữu thân phận, quyền năng, và địa vị của chính Đức Chúa Trời là gì? Điều này nên rõ ràng với mọi người, và nên được mọi người ghi nhớ; điều này rất quan trọng đối với cả Đức Chúa Trời lẫn con người!

## **b. Những thái độ khác nhau của nhân loại đối với Đức Chúa Trời**

Cách con người cư xử với Đức Chúa Trời quyết định số phận của họ, cũng như cách Đức Chúa Trời sẽ cư xử với họ và xử lý họ. Ở điểm này, Ta sẽ đưa ra một số ví dụ về cách con người cư xử với Đức Chúa Trời. Chúng ta hãy lắng nghe và xem liệu những cách thức và thái độ mà họ cư xử trước Đức Chúa Trời có đúng hay không. Chúng ta hãy suy xét hạnh kiểm của bảy loại người sau đây.

1) Có một loại người mà thái độ của họ với Đức Chúa Trời đặc biệt ngớ ngẩn. Những người này nghĩ Đức Chúa Trời giống như một Bồ Tát hay một vị thánh trong truyền thuyết con người, và cần con người cúi lạy ba lần bất cứ khi nào họ gặp nhau và thấp nhang sau mỗi bữa ăn. Kết quả là, bất cứ khi nào họ cảm thấy cực kỳ tạ ơn vì ân điển của Ngài và cảm thấy biết ơn đối với Ngài, họ thường có dạng thôi thúc này. Họ do vậy ao ước rằng Đức Chúa Trời mà họ tin ngày nay có thể, giống như vị thánh mà họ khao khát trong lòng, chấp nhận cách họ cúi lạy ba lần khi gặp và thấp nhang sau mỗi bữa ăn.

2) Một số người xem Đức Chúa Trời như một vị Phật sống có khả năng giải thoát mọi sự sống khỏi đau khổ và cứu rỗi họ; họ coi Ngài như một vị Phật sống có khả năng đưa họ ra khỏi bể khổ. Niềm tin của những người này nơi Đức Chúa Trời đưa đến việc thờ phượng Ngài như Phật. Mặc dù họ không thấp nhang, khấu đầu, hay cúng kiếng, nhưng tận sâu thẳm, họ cảm thấy Đức Chúa Trời cũng chỉ là một vị Phật, Đấng chỉ yêu cầu rằng họ tử tế và nhân đức, rằng họ không sát sinh, không chửi rủa người khác,



sống một cuộc sống trông có vẻ thật thà, và không phạm phải những việc sai trái. Họ tin rằng những điều này là tất cả những gì Ngài yêu cầu ở họ; đây là Đức Chúa Trời trong lòng họ.

3) Một số người thờ phượng Đức Chúa Trời như thể Ngài là người vĩ đại hay nổi tiếng. Ví dụ, bất kỳ cách thức nào vĩ nhân này thích dùng để nói, với bất kỳ ngữ điệu nào người đó nói, bất kỳ lời lẽ hay từ vựng nào người đó sử dụng, tông điệu, cử chỉ tay, những quan niệm và hành động, tác phong của người đó – họ bắt chước toàn bộ những điều này, và đây là những gì họ phải định hình hoàn toàn trong suốt thời gian họ tin Đức Chúa Trời.

4) Một số người xem Đức Chúa Trời như quốc vương, cảm thấy rằng Ngài hơn tất cả mọi người khác và rằng không ai dám xúc phạm Ngài – và rằng nếu có bất kỳ ai làm như thế, người đó sẽ bị trừng phạt. Họ thờ phượng một quốc vương như thế bởi vì các quốc vương giữ vị trí nhất định trong lòng họ. Những ý nghĩ, cách thức, thẩm quyền, và bản chất của họ – thậm chí những sở thích và đời sống cá nhân của họ – tất cả đều trở thành điều gì đó mà những người này cảm thấy phải hiểu; chúng trở thành những vấn đề và vụ việc mà họ quan tâm. Kết quả là, họ thờ phượng Đức Chúa Trời như quốc vương. Một dạng niềm tin như thế thật lỗi bịch.

5) Một số người có đức tin đặc biệt vào sự hiện hữu của Đức Chúa Trời, và đức tin này sâu sắc và không nao núng. Tuy nhiên, bởi kiến thức của họ về Đức Chúa Trời quá nông cạn, và họ không có nhiều kinh nghiệm về lời Ngài, họ thờ phượng Ngài như một thần tượng. Thần tượng này là Đức Chúa Trời trong lòng họ; đó là điều gì đó mà họ cảm thấy phải kính sợ và cúi đầu, và là điều họ phải theo và noi gương. Họ xem Đức Chúa Trời như một thần tượng mà họ phải theo cả cuộc đời. Họ sao chép tông điệu nói của Đức Chúa Trời và, ở bên ngoài, họ bắt chước những người mà Đức Chúa Trời thích. Họ thường làm những việc trông có vẻ chất phác, tinh sạch, và thật thà, và họ thậm chí theo thần tượng này như thể đó là một đối tác hay bạn đồng hành mà họ không bao giờ có thể kết hợp cùng. Đó là dạng niềm tin của họ.

6) Có một loại người mà, bất kể đã đọc nhiều lời Đức Chúa Trời và đã nghe nhiều lời rao giảng, vẫn cảm thấy tận sâu thẳm rằng nguyên tắc duy nhất đằng sau hành vi của họ đối với Đức Chúa Trời là họ nên luôn khúm núm và xun xoe, hoặc rằng họ nên ca tụng Đức Chúa Trời và khen ngợi Ngài theo cách không thực tế. Họ tin rằng Đức Chúa Trời là một Đức Chúa Trời yêu cầu họ cư xử theo cách như thế. Hơn nữa, họ tin rằng nếu họ không làm như vậy, thì vào bất cứ lúc nào, họ cũng có thể chọc giận Ngài hay lỡ phạm tội chống lại Ngài, và rằng kết quả của việc phạm tội này là Đức Chúa Trời sẽ hành phạt họ. Đó là Đức Chúa Trời mà họ giữ trong lòng.

7) Và rồi có phần lớn những người tìm được sự nuôi dưỡng tinh thần nơi Đức Chúa Trời. Điều này là vì họ sống trong thế giới này, họ không có sự bình an hay hạnh phúc, và họ không tìm thấy sự dễ chịu ở bất cứ nơi nào. Khi họ tìm thấy Đức Chúa Trời, sau khi họ đã nhìn thấy và đã nghe lời Ngài, họ bắt đầu thắm nuôi niềm hân hoan và phấn khởi trong lòng. Đây là vì họ tin rằng họ cuối cùng đã tìm được một nơi làm cho linh hồn

của họ được hạnh phúc, và rằng họ cuối cùng đã tìm thấy một Đức Chúa Trời là Đấng sẽ ban cho họ sự nuôi dưỡng tinh thần. Sau khi họ đã chấp nhận Đức Chúa Trời và bắt đầu theo Ngài, họ trở nên vui vẻ, và sự sống của họ được đủ đầy. Họ không còn hành động như những người ngoại đạo, những người mộng du trong cuộc đời như những con vật, và họ cảm thấy mình có điều gì đó để mong đợi trong cuộc sống. Do đó, họ nghĩ rằng Đức Chúa Trời này có thể đáp ứng rất nhiều những nhu cầu tinh thần của họ và mang đến cho họ niềm hạnh phúc tuyệt vời về tâm trí lẫn linh hồn. Tự lúc nào không hay, họ trở nên không thể rời khỏi Đức Chúa Trời này, Đấng ban cho họ sự nuôi dưỡng tinh thần như thế, và Đấng mang hạnh phúc đến linh hồn của họ và đến mọi thành viên của gia đình họ. Họ tin rằng một niềm tin nơi Đức Chúa Trời không cần mang lại gì hơn là sự nuôi dưỡng tinh thần.

Có bất kỳ ai trong các người sở hữu những thái độ khác nhau đã nêu trên với Đức Chúa Trời không? (Có.) Nếu, trong niềm tin của mình vào Đức Chúa Trời, lòng của một người nuôi giữ bất kỳ thái độ nào trong số ấy, họ có thể thật sự đến trước Đức Chúa Trời không? Nếu ai đó có bất kỳ dạng thái độ nào trong số này trong lòng, họ có tin Đức Chúa Trời không? Một người như thế có tin vào chính Đức Chúa Trời độc nhất không? (Không.) Bởi người không tin vào chính Đức Chúa Trời độc nhất, người tin ai đây? Nếu điều mà người tin không phải là chính Đức Chúa Trời độc nhất, thì có thể là người tin vào một thần tượng, hay một vĩ nhân, hay một Bồ Tát, hay người thờ phượng vị Phật trong lòng người. Hơn nữa, có thể là người tin vào một người bình thường. Nói ngắn gọn, bởi những dạng niềm tin và thái độ khác nhau của con người đối với Đức Chúa Trời, họ đặt Đức Chúa Trời mà bản thân nhận thức được trong lòng mình, áp đặt sự tưởng tượng của mình lên Đức Chúa Trời, đặt những thái độ và sự tưởng tượng của họ về Đức Chúa Trời bên cạnh chính Đức Chúa Trời độc nhất, và sau đó, giữ vững chúng để thánh hóa. Khi con người có những thái độ không đúng đắn như thế với Đức Chúa Trời thì có nghĩa là gì? Có nghĩa là họ đã loại bỏ chính Đức Chúa Trời thật và đang thờ phượng một chúa giả; điều này chỉ ra rằng mặc dù tin Đức Chúa Trời, họ lại đang loại bỏ và chống đối Ngài, và rằng họ phủ nhận sự hiện hữu của Đức Chúa Trời thật. Nếu con người vẫn giữ những dạng niềm tin như thế thì họ sẽ đối mặt với những hậu quả nào? Với những dạng niềm tin như thế, đời nào họ có thể tiến gần hơn nữa đến việc đáp ứng những yêu cầu của Đức Chúa Trời không? (Không, họ sẽ không thể.) Trái lại, bởi những quan niệm và sự tưởng tượng của họ, họ sẽ chệch xa hơn bao giờ hết khỏi con đường của Đức Chúa Trời, bởi phương hướng mà họ tìm kiếm thì đối nghịch với phương hướng mà Đức Chúa Trời yêu cầu họ theo. Các người đã bao giờ nghe câu chuyện “đi về phía nam bằng cách đánh xe ngựa về phía bắc chưa”? Đây có thể là trường hợp đi về phía nam bằng cách đánh xe ngựa về phía bắc như thế. Nếu con người tin Đức Chúa Trời theo kiểu lố bịch như thế, vậy thì người càng cố gắng cật lực bao nhiêu, người sẽ càng xa Đức Chúa Trời bấy nhiêu. Vì vậy, Ta răn bảo các người theo đó: Trước khi các người bắt đầu, người trước hết phải phân biệt liệu mình có thật sự đang đi đúng hướng hay không. Hãy tập trung vào những nỗ lực của mình, và chắc

chấn tự hỏi mình: “Đức Chúa Trời mà tôi tin có phải là Đấng Thống Trị muôn vật không? Đức Chúa Trời mà tôi tin có phải đơn thuần là Đấng ban cho tôi sự nuôi dưỡng tinh thần không? Có phải Ngài đơn thuần là thần tượng của tôi không? Đức Chúa Trời mà tôi tin này yêu cầu gì ở tôi? Đức Chúa Trời có chấp thuận mọi điều tôi làm không? Có phải tất cả những hành động và sự theo đuổi của tôi đều phù hợp với việc cố gắng biết Đức Chúa Trời không? Chúng có hợp với những yêu cầu của Ngài với tôi không? Con đường mà tôi bước đi có được công nhận và chấp thuận bởi Đức Chúa Trời không? Ngài có thỏa mãn với đức tin của tôi không?”. Người nên thường xuyên tự hỏi mình những câu hỏi này lặp đi lặp lại. Nếu người muốn tìm kiếm kiến thức về Đức Chúa Trời, vậy thì người phải có nhận thức rõ ràng và những mục tiêu rõ ràng trước khi có thể thành công trong việc đáp ứng Ngài.

Có thể nào, bởi sự khoan dung của Ngài, Đức Chúa Trời có thể miễn cưỡng chấp nhận những thái độ không đúng đắn mà Ta vừa nói tới không? Có thể nào Đức Chúa Trời khen ngợi những thái độ này của con người không? (Không.) Những yêu cầu của Đức Chúa Trời đối với con người và với những ai theo Ngài là gì? Dạng thái độ mà Ngài yêu cầu con người phải có là gì? Người có ý tưởng rõ ràng về những điều này không? Ở điểm này, Ta đã phán rất nhiều; Ta đã nói rất nhiều về đề tài chính Đức Chúa Trời, cũng như về những việc làm của Ngài và việc Ngài có gì và là gì. Các người giờ đây có biết Đức Chúa Trời mong muốn thu nhận được gì từ con người không? Người có biết Ngài muốn gì từ người không? Hãy nói ra. Nếu kiến thức từ những trải nghiệm và sự thực hành của các người vẫn còn thiếu hay vẫn quá nông cạn, vậy thì các người có thể nói điều gì đó về kiến thức của mình về những lời này. Các người có một kiến thức tóm lược không? Đức Chúa Trời yêu cầu gì ở con người? (Trong vài buổi tương giao này, Đức Chúa Trời đã chú trọng việc yêu cầu chúng ta biết Ngài, biết những việc làm của Ngài, biết rằng Ngài là nguồn sống cho muôn vật, và quen với địa vị và thân phận của Ngài.) Và, khi Đức Chúa Trời yêu cầu con người biết Ngài, kết quả sau cùng là gì? (Họ hiểu rằng Đức Chúa Trời là Đấng Tạo Hóa, và rằng con người là các hữu thể thọ tạo.) Khi con người đạt được kiến thức như thế, sẽ có những sự thay đổi nào trong thái độ của họ đối với Đức Chúa Trời, trong việc thực hiện bổn phận của họ, hay trong tâm tính sống của họ? Các người có bao giờ nghĩ về điều này chưa? Có thể nói rằng, khi biết Đức Chúa Trời và hiểu Ngài, họ trở thành người tốt không? (Niềm tin vào Đức Chúa Trời không liên quan đến việc cố gắng trở thành người tốt. Đúng hơn, đó là sự theo đuổi việc trở thành một tạo vật đủ tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời, và là một người trung thực.) Còn bất cứ điều gì khác không? (Sau khi biết Đức Chúa Trời một cách thật sự và đúng đắn, chúng ta có thể đối đãi với Ngài như Đức Chúa Trời; chúng ta biết rằng Đức Chúa Trời luôn là Đức Chúa Trời, rằng chúng ta là các tạo vật, rằng chúng ta nên thờ phượng Đức Chúa Trời và rằng chúng ta nên ở đúng nơi chốn của mình.) Rất tốt! Chúng ta hãy nghe từ một số người khác. (Chúng ta biết Đức Chúa Trời, và cuối cùng có thể là những người thật sự quy phục Đức Chúa Trời, tôn kính Đức Chúa Trời, và lánh khỏi điều ác.) Như thế là đúng!

### **c. Thái độ mà Đức Chúa Trời yêu cầu nhân loại có đối với Ngài**

Thật ra, Đức Chúa Trời không quá đòi hỏi ở nhân loại – hoặc, chí ít, Ngài không đòi hỏi như con người tưởng tượng. Nếu Đức Chúa Trời đã không phán lời nào, và nếu Ngài đã không bày tỏ tâm tính Ngài hay bất kỳ hành động nào, vậy thì việc biết Đức Chúa Trời sẽ cực kỳ khó đối với các người, bởi con người sẽ phải phỏng đoán ý định và ý muốn của Ngài; điều này sẽ rất khó thực hiện. Tuy nhiên, trong giai đoạn công tác sau cùng của Ngài, Đức Chúa Trời đã phán nhiều lời, thực hiện một lượng công việc rất lớn, và đưa ra nhiều yêu cầu với con người. Trong những lời Ngài, và lượng công việc rất lớn của Ngài, Ngài đã cho con người biết về những gì Ngài thích, những gì Ngài ghê tởm, và về dạng người mà con người nên trở thành. Sau khi hiểu những điều này, con người nên có một định nghĩa chính xác trong lòng mình về những yêu cầu của Đức Chúa Trời, bởi họ không tin vào Đức Chúa Trời trong sự mơ hồ và không còn tin vào một Đức Chúa Trời mơ hồ nữa, họ cũng không có đức tin vào Đức Chúa Trời giữa sự mơ hồ hay hư không nữa. Đúng hơn, họ có thể nghe những lời phán của Ngài, hiểu các tiêu chuẩn cho những yêu cầu của Ngài, đạt được chúng, và Đức Chúa Trời dùng ngôn ngữ của nhân loại để nói với họ tất cả những điều họ nên biết và hiểu. Ngày nay, nếu con người vẫn không hay biết về việc Đức Chúa Trời là gì và Ngài yêu cầu gì đối với họ; nếu họ không biết tại sao người ta nên tin vào Đức Chúa Trời, cũng không biết nên tin vào Đức Chúa Trời hay cư xử với Ngài như thế nào – vậy thì điều này có vấn đề. Ngay lúc này, mỗi người trong các người đã nói về một lĩnh vực nhất định; các người nhận biết về một số điều, cho dù những điều này là cụ thể hay chung chung. Tuy nhiên, Ta muốn nói với các người về những yêu cầu đúng, trọn vẹn và cụ thể mà Đức Chúa Trời đặt ra đối với nhân loại. Chúng chỉ là vài lời, và rất đơn giản; các người có thể đã biết chúng. Những yêu cầu đúng đắn của Đức Chúa Trời với nhân loại và những người theo Đức Chúa Trời như sau. Ngài yêu cầu năm điều ở những người theo Ngài: niềm tin thật, trung thành theo sau, quy phục tuyệt đối, kiến thức xác thực, và thành tâm tôn kính.

Trong năm điều này, Đức Chúa Trời yêu cầu rằng con người không còn nghi ngờ Ngài hay theo Ngài bằng những sự tưởng tượng hay những quan điểm mơ hồ và trừu tượng của họ nữa; họ không được theo Đức Chúa Trời dựa trên bất kỳ sự tưởng tượng hay quan niệm nào. Ngài yêu cầu rằng từng người một trong số những người theo Ngài phải làm như vậy một cách trung thành, không nửa vời hay không có sự cam kết. Khi Đức Chúa Trời đưa ra bất kỳ yêu cầu nào về người, thử luyện người, phán xét người, xử lý người và tía sửa người, hay sửa dạy và đánh đập người, người nên quy phục Ngài tuyệt đối. Người không nên hỏi nguyên nhân hay đưa ra điều kiện, càng không nên nói lý. Sự vâng phục của người phải tuyệt đối. Kiến thức về Đức Chúa Trời là lĩnh vực mà người ta thiếu nhất. Họ thường áp đặt lên Đức Chúa Trời những câu nói, lời phán, và từ ngữ không liên quan đến Ngài, tin rằng những lời đó là định nghĩa chính xác nhất cho kiến thức về Đức Chúa Trời. Họ không mấy biết được rằng những câu nói này, điều đến

từ trí tưởng tượng của con người, lý luận và kiến thức của riêng họ, lại không có chút liên quan nào với thực chất của Đức Chúa Trời. Như thế, Ta muốn nói với các người rằng, khi nói đến kiến thức mà Đức Chúa Trời mong muốn con người có được, Ngài không đơn thuần yêu cầu rằng người công nhận Ngài và những lời Ngài, mà kiến thức của Người về Ngài cũng phải đúng. Ngay cả khi người chỉ có thể nói một câu, hay chỉ nhận biết được một chút, thì một chút nhận biết này là đúng và thật, và tương hợp với thực chất của chính Đức Chúa Trời. Điều này là vì Đức Chúa Trời khinh ghét bất kỳ sự tán dương hay ca ngợi nào về Ngài mà không thực tế hay không được cân nhắc kỹ. Hơn thế, Ngài căm ghét khi con người đối xử với Ngài như hư không. Ngài căm ghét khi, trong lúc thảo luận những đề tài về Đức Chúa Trời, con người nói mà không quan tâm đến những sự thật, nói tùy tiện và không chút do dự, nói theo bất cứ cách nào tùy ý; hơn nữa, Ngài căm ghét những người tin rằng họ biết Đức Chúa Trời và khoác lác về kiến thức của họ về Ngài, thảo luận những đề tài liên quan đến Ngài mà không gượng gạo cũng không e dè. Điều sau cùng trong năm yêu cầu đã đề cập bên trên là thành tâm tôn kính: Đây là yêu cầu tối thượng của Đức Chúa Trời đối với tất cả những người theo Ngài. Khi ai đó sở hữu một kiến thức đúng và thật về Đức Chúa Trời, họ có thể thật sự tôn kính Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều ác. Sự tôn kính này đến từ sâu thẳm trong lòng họ; sự tôn kính này được dâng một cách sẵn lòng, và không phải là kết quả của sức ép từ Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời không yêu cầu người dâng Ngài món quà bằng bất kỳ thái độ, hạnh kiểm, hay cách hành xử tốt bên ngoài nào; đúng hơn, Ngài yêu cầu người tôn kính Ngài và kính sợ Ngài tận sâu thẳm trong lòng người. Sự tôn kính như thế đạt được là kết quả của những sự thay đổi tâm tính sống của người, của việc đạt được kiến thức về Đức Chúa Trời và một sự hiểu biết về những hành động của Đức Chúa Trời, của việc bắt đầu hiểu thực chất của Đức Chúa Trời, và của việc người công nhận sự thật rằng mình là một trong những tạo vật của Đức Chúa Trời. Vì lẽ ấy, mục tiêu của Ta trong việc dùng từ “thành tâm” để định nghĩa sự tôn kính ở đây là nhằm để con người hiểu rằng sự tôn kính của họ đối với Đức Chúa Trời nên đến tận đáy lòng họ.

Bây giờ hãy xem xét năm yêu cầu đó: Có bất kỳ ai trong các người có khả năng đạt được ba yêu cầu đầu tiên không? Nói như thế, Ta đang ám chỉ niềm tin thật, trung thành theo sau, và quy phục tuyệt đối. Có bất kỳ ai trong các người có khả năng với những điều này không? Ta biết rằng nếu Ta nói hết cả năm, chắc chắn sẽ không ai trong các người có thể cả, nhưng Ta đã giảm con số xuống còn ba. Hãy nghĩ về việc liệu các người đã đạt được những điều này hay chưa. “Niềm tin thật” có dễ đạt được không? (Không, không dễ.) Điều này không dễ, bởi nhiều người thường nghi ngờ Đức Chúa Trời. Và còn “trung thành theo sau” thì sao? “Trung thành” này ám chỉ điều gì? (Không phải là nửa vơi, mà thay vào đó là hết lòng.) Không phải là nửa vơi, mà là hết lòng. Các người nói trúng rồi đấy! Vậy thì, các người có khả năng đạt được yêu cầu này không? Các người phải cố gắng cật lực hơn, phải không? Hiện tại, các người chưa thành công với yêu cầu này. “Quy phục tuyệt đối” thì sao – các người có đạt được điều đó chưa?

(Chưa.) Các người cũng chưa đạt được điều đó. Các người thường xuyên bất tuân và phản nghịch; các người thường không lắng nghe, không muốn vâng phục, hoặc không muốn nghe. Đây là ba yêu cầu cơ bản nhất mà con người đáp ứng sau khi đạt được lối vào sự sống, nhưng các người chưa đạt được chúng. Như vậy, tại thời điểm này, các người có tiềm năng rất lớn không? Hôm nay, khi đã nghe Ta phán những lời này, các người có cảm thấy lo ngại không? (Có.) Đúng là các người nên cảm thấy lo ngại. Đừng cố gắng tránh né việc cảm thấy lo ngại. Ta cảm thấy lo ngại thay cho các người. Ta sẽ không đi vào hai yêu cầu kia; không nghi ngờ gì, không ai ở đây có khả năng đạt được chúng. Các người đang lo ngại. Vậy thì, các người đã xác định được những mục tiêu của mình chưa? Các người nên theo đuổi và tận hiến những nỗ lực của mình cho những mục tiêu nào và theo hướng nào? Các người có một mục tiêu không? Để Ta nói đơn giản: Một khi các người đã đạt được năm yêu cầu này, các người sẽ làm thỏa lòng Đức Chúa Trời. Mỗi yêu cầu trong số đó là một chỉ số, cũng như là mục tiêu sau cùng, cho sự chín muồi trong việc bước vào sự sống của một người. Ngay cả khi Ta chỉ chọn một trong những yêu cầu này để nói chi tiết, và yêu cầu các người đáp ứng nó, thì cũng sẽ không dễ để đạt được; các người phải chịu được một mức độ gian khổ nhất định và bỏ ra một lượng nỗ lực nhất định. Các người nên có dạng tâm lý gì? Đó nên giống như tâm lý của một bệnh nhân ung thư đang đợi lên bàn mổ. Tại sao Ta lại nói điều này? Nếu người ao ước tin vào Đức Chúa Trời, và nếu người muốn đạt được Đức Chúa Trời và đạt được sự hài lòng của Ngài, vậy thì trừ khi người chịu được một mức độ đau khổ nhất định và bỏ ra một lượng nỗ lực nhất định, nếu không thì người sẽ không thể đạt được những điều này. Các người đã nghe nhiều bài giảng, nhưng chỉ nghe thôi thì không có nghĩa là bài giảng này là của người; người phải tiếp thu nó và biến nó thành điều thuộc về người. Người phải đồng hóa nó vào đời sống của mình và đưa nó vào sự tồn tại của mình, cho phép những lời lẽ và sự giáo huấn này dẫn đường cho người sống, mang giá trị và ý nghĩa của sự tồn tại vào đời sống của người. Khi điều đó xảy ra, việc người nghe những lời này sẽ là xứng đáng. Nếu những lời Ta phán không mang lại bất kỳ sự tiến bộ nào trong đời sống của người hay thêm bất kỳ giá trị nào vào sự tồn tại của người, vậy thì việc các người lắng nghe chúng chẳng nghĩa lý gì. Các người hiểu điều này, đúng không? Khi đã hiểu được, điều gì xảy ra tiếp theo là tùy ở các người. Các người phải đứng lên hành động! Các người phải sốt sắng trong mọi sự! Đừng lộn xộn; thời gian đang vụt qua! Hầu hết các người đã tin Đức Chúa Trời hơn một thập kỷ. Hãy nhìn lại mười năm qua: Các người đã đạt được bao nhiêu? Và các người còn lại bao nhiêu thập kỷ để sống cuộc đời này? Các người không còn nhiều. Hãy quên việc liệu công tác của Đức Chúa Trời có chờ đợi người hay không, Ngài có để lại cho người cơ hội nào không, hay Ngài có làm công tác như vậy lần nữa không – đừng nói về những điều này. Người có thể quay ngược thời gian mười năm qua của cuộc đời mình không? Với mỗi ngày trôi qua, và với mỗi bước người đi, người lại có ít hơn một ngày. Thời gian không chờ một ai! Người sẽ chỉ gặt hái được từ đức tin của mình nơi Đức Chúa Trời nếu người đến với nó như điều vĩ đại nhất trong sự sống của mình, quan trọng hơn cả

cái ăn, cái mặc hay bất kỳ thứ gì khác. Nếu người chỉ tin khi mình có thời gian, và không có khả năng dành toàn bộ sự chú ý cho đức tin của mình, và nếu người luôn bị sa lầy trong mớ hỗn độn, vậy thì người sẽ không đạt được gì cả. Các người hiểu điều này, phải không? Chúng ta sẽ dừng ở đây hôm nay. Hẹn gặp lại lần sau!

Ngày 15 tháng 2 năm 2014



Trang web Phúc Âm  
Mã QR



Hội Thánh Đức Chúa Trời Toàn Năng  
Ứng dụng

Trang web Phúc Âm  
<https://vi.kingdomsalvation.org>

---

**YouTube:** <https://l.kingdomsalvation.org/vi/video>

**Facebook:** <https://l.kingdomsalvation.org/vi/facebook>

**E-mail:** [contact.vi@kingdomsalvation.org](mailto:contact.vi@kingdomsalvation.org)

---